BÌNH GIẢNG
LUẬN VỀ LỬA VŨ TRỤ

HỌC KỲ 3
(pgs 233-340)

Michael D. Robbins

S3S1: TCF 223-231

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

1. This is the beginning of the Second Section of a *Treatise on Cosmic Fire, Solar Fire*. We will be engaged with the study of the Fire of Mind for the next three and a half years! Our foundation is laid through our study of the fires of matter.

1. Đây là phần mở đầu của Phần Thứ Hai của *Luận về Lửa Vũ Trụ, Lửa Thái dương*. Chúng ta sẽ dấn mình vào việc nghiên cứu Lửa của Trí Tuệ trong ba năm rưỡi sắp tới! Nền tảng của chúng ta được đặt ra qua việc nghiên cứu các lửa của vật chất.

SECTION TWO. The Fire of Mind - Solar Fire

PHẦN HAI. Lửa của Trí Tuệ - Lửa Thái dương

SOLAR FIRE

LỬA THÁI DƯƠNG

(The Fire of Mind)

(Lửa của Trí Tuệ)

Division A. Manas or mind, and its nature.

Phân bộ A. Manas hay trí tuệ, và bản chất của nó.

Division B. Manas as a cosmic, systemic and human factor.

Phân bộ B. Manas như một yếu tố vũ trụ, hệ thống và nhân loại.

Division C. The egoic ray and solar fire.

Phân bộ C. Cung chân ngã và lửa thái dương.

Division D. Thought elementals and fire elementals.

Phân bộ D. Các hành khí tư tưởng và các hành khí của lửa.

Division E. Motion on the plane of mind.

Phân bộ E. Chuyển động trên cõi trí.

Division F. The Law of Attraction.

Phân bộ F. Định luật Hấp Dẫn.

2. The scope of our forthcoming subjects will be huge.

3. We must remember that the fire of mind, as presented in this section, will mean, primarily, *solar* fire emanating from the cosmic mental plane and finding its microcosmic expression on what humanity calls the higher mental plane, systemically considered.

4. The aspect of mind called solar fire is directly related to the Law of Attraction, even though mind, per se, is usually considered related to the third aspect of divinity and, hence, the Law of Economy.

[Page 223]

INTRODUCTORY QUESTIONS

1. What is the relation of the Son to the Sun?

5. This is a powerful question relating the subjective Son to the objective Sun.

2. What is evolution, and how does it proceed?

6. The question will relate primarily to that which occurs within our solar system and on the cosmic physical plane, yet we can understand from occultism that evolution is a dynamic which necessarily occurs throughout the cosmos.

3. Why is the solar system evolving along the lines of duality?

2. Phạm vi các chủ đề sắp tới của chúng ta sẽ hết sức rộng lớn.

3. Chúng ta phải nhớ rằng lửa của trí tuệ, như được trình bày trong phần này, trước hết sẽ có nghĩa là lửa *thái dương* phát ra từ cõi trí vũ trụ và tìm thấy biểu hiện vi mô của nó trên điều mà nhân loại gọi là Cõi thượng trí, xét theo hệ thống.

4. Phương diện của trí tuệ được gọi là lửa thái dương có liên hệ trực tiếp với Định luật Hấp Dẫn, mặc dù trí tuệ, chính nó, thường được xem là liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính và do đó với Định luật Tiết Kiệm.

[Page 223]

CÁC CÂU HỎI NHẬP ĐỀ

1. Mối liên hệ giữa Con và Mặt Trời là gì?

5. Đây là một câu hỏi đầy uy lực, liên hệ Con chủ quan với Mặt Trời khách quan.

2. Tiến hoá là gì, và nó diễn tiến như thế nào?

6. Câu hỏi này trước hết sẽ liên hệ đến điều xảy ra trong hệ mặt trời của chúng ta và trên cõi hồng trần vũ trụ, tuy nhiên chúng ta có thể hiểu từ huyền bí học rằng tiến hoá là một động lực tất yếu xảy ra khắp vũ trụ.

3. Tại sao hệ mặt trời lại tiến hoá theo những đường lối của nhị nguyên tính?

7. We live in a dual solar system characterized by the quality of Love-Wisdom. The degree of evolvement of our Solar Logos will be discussed, His relation to the sign Gemini, and His relation to the solar system preceding our own.

7. Chúng ta sống trong một hệ mặt trời nhị nguyên được đặc trưng bởi phẩm tính Bác Ái – Minh Triết. Mức độ tiến hoá của Thái dương Thượng đế của chúng ta sẽ được bàn đến, cùng mối liên hệ của Ngài với dấu hiệu Song Tử, và mối liên hệ của Ngài với hệ mặt trời có trước hệ của chúng ta.

4. What is consciousness and what is its place in the scheme?

4. Tâm thức là gì và vị trí của nó trong hệ là gì?

8. What type of scheme may be meant? For there are planetary schemes and the entire solar system on its own level may be considered a *solar* scheme.

8. Có thể đang muốn nói đến loại hệ nào? Vì có các hệ hành tinh, và toàn thể hệ mặt trời trên cấp độ riêng của nó có thể được xem là một hệ *thái dương*.

9. The nature of consciousness is a matter of great subtlety. We shall find it a foundational aspect throughout cosmos. It is the second aspect of the primal Cosmic Trinity.

9. Bản chất của tâm thức là một vấn đề hết sức vi tế. Chúng ta sẽ thấy nó là một phương diện nền tảng xuyên suốt vũ trụ. Nó là phương diện thứ hai của Tam Vị Vũ Trụ nguyên sơ.

5. Is there a direct analogy between a system, a planet, man and an atom?

5. Có sự tương đồng trực tiếp nào giữa một hệ, một hành tinh, con người và một nguyên tử không?

10. The question seems rhetorical, as the entire premise of TCF is that such an analogy most definitely exists. We have been dealing with some of the intricacies of this analogy and many more lie ahead.

10. Câu hỏi này dường như mang tính tu từ, vì toàn bộ tiền đề của TCF là sự tương đồng như thế chắc chắn hiện hữu. Chúng ta đã bàn đến một số điểm phức tạp của sự tương đồng này và còn nhiều điều nữa ở phía trước.

6. What is the mind aspect? Who are the Manasaputras?

6. Phương diện trí tuệ là gì? Manasaputras là ai?

11. We will learn of Manasaputras of various grades, some of them intra-planetary and others systemic. They are known in their various categories as Mind-born Sons and particularly, the Mind-born Sons of Brahma.

11. Chúng ta sẽ tìm hiểu về các Manasaputras thuộc nhiều cấp bậc khác nhau, một số thuộc nội hành tinh và số khác thuộc hệ thống. Trong các loại khác nhau, các vị này được biết đến như Các Con sinh ra từ Trí Tuệ và đặc biệt là Các Con sinh ra từ Trí Tuệ của Brahma.

7. Why is the progress of evolution cyclic?

12. This will have to do with the fact that we are living in a second ray solar system the characteristic motion of which is spiral-cyclic.

8. Why is knowledge both exoteric and esoteric?

13. We will study the true nature of subjectivity. Subjectivity is a relative term and does not mean the same thing to a man, a Planetary Logos and a Solar Logos.

9. What is the relation between—

a. The ten schemes,

b. The seven sacred planets,

c. The seven chains in a scheme,

d. The seven globes in a chain,

e. The seven rounds of a chain,

f. The seven rootraces and subraces?

14. The true and intricate relations between these fields, time periods and forms, lies far beyond the scope of any normal reader of TCF. We shall at least explore some of the intricacies as we have been given to understand them through our study of Master DK's works.

7. Tại sao sự tiến bộ của tiến hoá lại có tính chu kỳ?

12. Điều này sẽ liên quan đến sự kiện rằng chúng ta đang sống trong một hệ mặt trời cung hai mà chuyển động đặc trưng của nó là xoắn ốc-chu kỳ.

8. Tại sao tri thức vừa ngoại môn vừa nội môn?

13. Chúng ta sẽ nghiên cứu bản chất đích thực của tính chủ quan. Tính chủ quan là một thuật ngữ tương đối và không có cùng một nghĩa đối với con người, một Hành Tinh Thượng Đế và một Thái dương Thượng đế.

9. Mối liên hệ giữa—

a. Mười hệ,

b. Bảy hành tinh thiêng liêng,

c. Bảy dãy trong một hệ,

d. Bảy bầu hành tinh trong một dãy,

e. Bảy cuộc tuần hoàn của một dãy,

f. Bảy giống dân gốc và các giống dân phụ là gì?

14. Những mối liên hệ chân thực và phức tạp giữa các lĩnh vực, các thời kỳ và các hình tướng này vượt xa phạm vi của bất kỳ độc giả bình thường nào của TCF. Ít nhất chúng ta cũng sẽ khảo sát một số điểm tinh vi, như chúng ta đã được cho hiểu qua việc nghiên cứu các tác phẩm của Chân sư DK.

Before taking up the subject of the fire of mind under the schedule already outlined, it might be of profit if certain facts are here pointed out, and one or two points clarified. The subject we are undertaking to elucidate is one of profound mystery, and is the basis of all that is now seen and known, both objectively and subjectively.

Trước khi đi vào chủ đề lửa của trí tuệ theo dàn bài đã được phác ra, sẽ có ích nếu ở đây nêu ra một số sự kiện nhất định, và làm sáng tỏ một hay hai điểm. Chủ đề mà chúng ta đang đảm nhận để làm sáng tỏ là một trong những huyền nhiệm sâu xa, và là nền tảng của tất cả những gì hiện nay được thấy và biết đến, cả khách quan lẫn chủ quan.

15. This is another way of saying that mind is responsible for all appearance on the cosmic physical plane, which plane includes areas of the divine life which man, the microcosm, usually considers deeply subjective. Yet, the cosmic physical plane is, with the life of the Solar Logos (and Logoi of still greater development) an objectivity.

15. Đây là một cách khác để nói rằng trí tuệ chịu trách nhiệm cho mọi sắc tướng trên cõi hồng trần vũ trụ, cõi này bao gồm những khu vực của sự sống thiêng liêng mà con người, tiểu thiên địa, thường xem là hết sức chủ quan. Tuy nhiên, cõi hồng trần vũ trụ, đối với sự sống của Thái dương Thượng đế (và các Thượng đế còn phát triển cao hơn nữa), lại là một tính khách quan.

We have somewhat studied that pole of manifestation called matter.

Chúng ta đã phần nào nghiên cứu cực của biểu hiện được gọi là vật chất.

16. Poles would not be poles unless they were magnetically related. They are not separated and isolated centers of force.

16. Các cực sẽ không là các cực nếu chúng không có liên hệ từ tính với nhau. Chúng không phải là những trung tâm mãnh lực tách biệt và cô lập.

The subject we are now entering upon concerns several things which might be considered in general terms as Consciousness, and in specified terms as including the following subjects,—hence its fundamental importance.

Chủ đề mà giờ đây chúng ta đang bước vào liên quan đến một số điều mà có thể được xem, theo nghĩa tổng quát, là Tâm thức, và theo nghĩa chuyên biệt là bao gồm các chủ đề sau đây,—do đó tầm quan trọng nền tảng của nó.

17. We must prepare for considering the whole subject of consciousness from a far wider angle than heretofore. We shall discover that consciousness is responsible for the creation of all objectivity.

17. Chúng ta phải chuẩn bị để xem xét toàn bộ chủ đề tâm thức từ một góc độ rộng lớn hơn nhiều so với trước đây. Chúng ta sẽ khám phá rằng tâm thức chịu trách nhiệm cho việc tạo ra mọi tính khách quan.

18. Some words, phrases and concepts which relate to consciousness are: touch, being in touch, knowing, awareness,

18. Một số từ ngữ, cụm từ và khái niệm liên hệ đến tâm thức là: tiếp xúc, ở trong tiếp xúc,

sentiency, relating, the intermediary factor, blending, love.

biết, nhận biết, cảm tri, liên hệ, yếu tố trung gian, hòa trộn, bác ái.

[Page 224]

[Page 224]

a. The science of objectivity.

a. Khoa học về tính khách quan.

19. In simple terms this science entails the method by which the subjective becomes the objective.

19. Nói một cách đơn giản, khoa học này bao hàm phương pháp nhờ đó cái chủ quan trở thành cái khách quan.

20. It is, presumably, that science which deals with the appearance and functioning of all aspects of manifestation 'beneath' the higher three subplanes planes of the cosmic mental plane.

20. Có lẽ đó là khoa học bàn đến sự xuất hiện và hoạt động của mọi phương diện của biểu hiện ở "bên dưới" ba cõi phụ cao hơn của cõi trí vũ trụ.

21. From a lower perspective, the entire cosmic physical plane is considered objective. From a still lower perspective the lower eighteen subplanes of the cosmic physical plane are considered objective. These are the gaseous, liquid and dense subplanes of the cosmic physical plane—i.e. our usual lower mental, astral and etheric-physical planes. From the lowest possible perspective, the gaseous, liquid and dense subplanes of the systemic physical-etheric plane should also be considered objective.

21. Từ một quan điểm thấp hơn, toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ được xem là khách quan. Từ một quan điểm còn thấp hơn nữa, mười tám cõi phụ thấp của cõi hồng trần vũ trụ được xem là khách quan. Đó là các cõi phụ khí, lỏng và đậm đặc của cõi hồng trần vũ trụ—tức là các cõi hạ trí, cảm dục và dĩ thái-hồng trần thông thường của chúng ta. Từ quan điểm thấp nhất có thể có, các cõi phụ khí, lỏng và đậm đặc của cõi hồng trần-dĩ thái hệ thống cũng nên được xem là khách quan.

b. The manifestation of the Son through the Sun and its attendant spheres, or the solar system in its entirety.

b. Sự biểu hiện của Con qua Mặt Trời và các khối cầu tùy tùng của nó, hay toàn thể hệ mặt trời.

22. Although Master DK looks at this subject from varying perspectives, it is clear that, *fundamentally*, the Son is a *subjective* being and the Sun is the vehicle of that Being.

22. Mặc dù Chân sư DK nhìn chủ đề này từ nhiều quan điểm khác nhau, rõ ràng là, về *căn bản*, Con là một hữu thể *chủ quan* và Mặt Trời là vận cụ của Hữu thể ấy.

23. Planets are "attendant spheres". They are attendants of the Solar Logos and wait upon His will.

23. Các hành tinh là những "khối cầu tùy tùng". Chúng là những kẻ hầu cận của Thái

dương Thượng đế và phụng hành ý chí của Ngài.

24. We are given the impression of the King and his attendants, as these attendants work out the Will of the King. He is King over His seven primary brothers and His name, from the *Secret Doctrine,* is Martanda.

24. Chúng ta được gợi lên hình ảnh của Nhà Vua và các cận thần của Ngài, khi các cận thần này thực thi Ý Chí của Nhà Vua. Ngài là Vua trên bảy huynh đệ chính của Ngài và danh xưng của Ngài, theo *Giáo Lý Bí Nhiệm,* là Martanda.

c. The evolutionary development of consciousness in time and space, therefore, the evolution of spirit and matter.

c. Sự phát triển tiến hoá của tâm thức trong thời gian và không gian, do đó là sự tiến hoá của tinh thần và vật chất.

25. Consciousness exists, as well, 'outside' time and space, but when spirit and matter engage, the field of development for consciousness is within time and space (i.e., within the world of illusion).

25. Tâm thức cũng hiện hữu "bên ngoài" thời gian và không gian, nhưng khi tinh thần và vật chất dấn vào nhau, trường phát triển của tâm thức nằm trong thời gian và không gian (tức là trong thế giới của ảo tưởng).

26. We note that in discussing spirit and matter, DK uses the lower case for "spirit". Does this mean, then, that we are not here talking about ultimate Spirit and ultimate Matter (Mulaprakriti)?

26. Chúng ta lưu ý rằng khi bàn về tinh thần và vật chất, DK dùng chữ thường cho "tinh thần". Vậy điều này có nghĩa là ở đây chúng ta không nói về Tinh thần tối hậu và Vật chất tối hậu (Mulaprakriti) hay sao?

27. It can be questioned whether Spirit (let us use the higher case which is more appropriate) can ever evolve. If Spirit is pure being it cannot evolve. What can evolve, however, are the vehicles through which Spirit manifests, such as the monadic vehicle and other greater vehicles which will be employed when Spirit is extracted from the second subplane of the cosmic physical plane and, then, from the cosmic physical plane altogether.

27. Có thể đặt câu hỏi liệu Tinh thần (chúng ta hãy dùng chữ hoa, vốn thích hợp hơn) có bao giờ có thể tiến hoá hay không. Nếu Tinh thần là thuần hữu thể thì nó không thể tiến hoá. Tuy nhiên, điều có thể tiến hoá là các vận cụ qua đó Tinh thần biểu hiện, như vận cụ chân thần và các vận cụ lớn hơn khác sẽ được sử dụng khi Tinh thần được rút ra khỏi cõi phụ thứ hai của cõi hồng trần vũ trụ và rồi khỏi toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ.

28. Thus, Spirit in relation to its *vestures* of expression can be considered to evolve, but NOT the *core* of Spirit. The essence of Spirit is Pure Being which, because it is perfection

28. Vì vậy, Tinh thần trong mối liên hệ với các *y phục* biểu hiện của nó có thể được xem là tiến hoá, nhưng KHÔNG phải *cốt lõi* của Tinh thần. Bản chất của Tinh thần là Bản

itself, cannot evolve. Of course, these are philosophical points and can be debated.

Thể Thuần Túy, mà vì chính nó là sự toàn hảo, nên không thể tiến hoá. Dĩ nhiên, đây là những điểm triết học và có thể được tranh luận.

29. Matter as well (considered as Matter and not matter—lower case) cannot evolve. Only form can evolve—neither Spirit nor Matter. Yet for practical purposes we identify Spirit and Matter with the forms which Matter constitutes and through which Spirit expresses, and therefore, because the forms evolve, Spirit and Matter (spirit and matter) are said to evolve.

29. Vật chất cũng vậy (được xem là Vật chất chứ không phải vật chất—chữ thường) không thể tiến hoá. Chỉ hình tướng mới có thể tiến hoá—không phải Tinh thần cũng không phải Vật chất. Tuy nhiên, vì mục đích thực tiễn, chúng ta đồng hoá Tinh thần và Vật chất với các hình tướng mà Vật chất cấu thành và qua đó Tinh thần biểu hiện, và do đó, bởi vì các hình tướng tiến hoá, nên Tinh thần và Vật chất (tinh thần và vật chất) được nói là tiến hoá.

30. We might say that forms made of matter and which reflect spirit-ideation evolve, but not the essences—Spirit and Matter.

30. Chúng ta có thể nói rằng các hình tướng làm bằng vật chất và phản ánh ý niệm-tinh thần thì tiến hoá, nhưng không phải các bản chất—Tinh thần và Vật chất.

31. It can be questioned whether the terms Spirit and Matter should ever be used in the lower case, yet it is conventional to do so.

31. Có thể đặt câu hỏi liệu các thuật ngữ Tinh thần và Vật chất có bao giờ nên được dùng ở chữ thường hay không, tuy nhiên việc làm như vậy là theo quy ước.

32. There are lesser and greater worlds of illusion. From one perspective, the greater World of Illusion comprises the eighteen lower subplanes of the super-cosmic plane (which comprises what we usually call the seven cosmic planes). This super-cosmic plane, of course, might be simply the super-cosmic *physical* plane of some super-cosmic Entity.

32. Có những thế giới ảo tưởng nhỏ hơn và lớn hơn. Từ một quan điểm, Thế giới Ảo tưởng lớn hơn bao gồm mười tám cõi phụ thấp của cõi siêu-vũ trụ (cõi này bao gồm điều mà chúng ta thường gọi là bảy cõi vũ trụ). Dĩ nhiên, cõi siêu-vũ trụ này có thể chỉ đơn giản là cõi *hồng trần* siêu-vũ trụ của một Thực Thể siêu-vũ trụ nào đó.

33. Evolution is related to changing forms as well as the purposes and methods of the changes.

33. Tiến hoá liên hệ đến các hình tướng đang biến đổi cũng như các mục đích và phương pháp của những biến đổi ấy.

If the above three fundamentals are studied, it will be noted that they are very

Nếu ba nền tảng trên được nghiên cứu, cần lưu ý rằng chúng rất bao quát, và do đó, từ sự

comprehensive, and, therefore, from the immensity of the theme, **it will not be possible to do more than attempt to bring a general clarity of conception** as to the broad outline of the process, and as to the gradual development of consciousness.

bao la của chủ đề, **chúng ta sẽ không thể làm gì hơn ngoài việc cố gắng đem lại một sự sáng tỏ khái niệm tổng quát** về đại cương của tiến trình, và về sự phát triển dần dần của tâm thức.

34. As complicated and difficult as *A Treatise on Cosmic Fire* may appear, it is ever the Tibetan's method to look at vast subjects *in general.*

34. Dù *Luận về Lửa Vũ Trụ* có vẻ phức tạp và khó khăn đến đâu, phương pháp của Chân sư Tây Tạng vẫn luôn là nhìn các chủ đề bao la ấy *một cách tổng quát.*

For the sake of an intelligent following of this matter, it might be wise first to lay down a number of propositions which—(even if already known and appreciated)—will serve students as **the scaffolding on which to erect the intended structure of knowledge.**

Vì mục đích theo dõi vấn đề này một cách thông minh, trước hết có lẽ nên đặt ra một số mệnh đề—mà (dù đã được biết và trân trọng rồi)—sẽ phục vụ đạo sinh như **bộ giàn giáo để dựng nên cấu trúc tri thức dự định.**

35. We are erecting an edifice of thought. The rules which apply to building upon the physical plane have definite applicability to building on the mental plane.

35. Chúng ta đang dựng nên một công trình của tư tưởng. Các quy luật áp dụng cho việc xây dựng trên cõi hồng trần có tính ứng dụng rõ rệt đối với việc xây dựng trên cõi trí.

36. The term "scaffolding" translates to principles.

36. Thuật ngữ "giàn giáo" được chuyển thành các nguyên lý.

If a student of the Wisdom can grasp the nature of the general theme, he can then more easily and accurately fit the detailed information into its appropriate niche.

Nếu một đạo sinh của Minh triết có thể nắm được bản chất của chủ đề tổng quát, thì sau đó y có thể đặt thông tin chi tiết vào đúng vị trí thích hợp của nó một cách dễ dàng và chính xác hơn.

37. The building process involves both the first and second rays, and interestingly, the energy of Vulcan, a planet intimately involved in the building process (and also the process of destruction). Vulcan has aspects to its nature which are definitely of a first ray nature (is probable soul ray), but Vulcan is also associated with the "Heart of

37. Tiến trình xây dựng liên quan đến cả cung một lẫn cung hai, và thú vị thay, còn liên quan đến năng lượng của Vulcan, một hành tinh gắn bó mật thiết với tiến trình xây dựng (và cả tiến trình hủy diệt). Vulcan có những phương diện trong bản chất của nó rõ ràng thuộc bản chất cung một (có lẽ là cung linh hồn), nhưng Vulcan cũng liên hệ với

the Sun" and therefore with the second ray (cf. EH 393)

"Trái Tim của Mặt Trời" và do đó với cung hai (x. EH 393)

38. When we speak of "detailed information" we are not only speaking of the fifth ray but of the second—the "Ray of Detailed Unity" or the "Ray of Detailed Knowledge".

38. Khi chúng ta nói về "thông tin chi tiết", chúng ta không chỉ nói về cung năm mà còn về cung hai—"Cung của Hợp Nhất Chi Tiết" hay "Cung của Tri Thức Chi Tiết".

39. There is so much detail to be incorporated if that scaffolding is to be properly erected, otherwise great confusion will result.

39. Có quá nhiều chi tiết cần được kết hợp nếu bộ giàn giáo ấy muốn được dựng lên đúng đắn, bằng không sẽ dẫn đến sự rối loạn lớn.

Perhaps the best plan would be to formulate certain questions, and then proceed to answer them,—the answers to embody therefore the propositions that will be laid down.

Có lẽ kế hoạch tốt nhất là nêu ra một số câu hỏi nhất định, rồi sau đó tiến hành trả lời chúng,—các câu trả lời do đó sẽ bao hàm những mệnh đề sẽ được đặt ra.

40. The Tibetan is choosing the age-old method of "Enquiring the Way"—proposing important questions and then attempting to answer them.

40. Chân sư Tây Tạng đang chọn phương pháp cổ xưa của việc "Truy vấn Con Đường"—đề ra những câu hỏi quan trọng rồi cố gắng trả lời chúng.

These questions arise naturally to the student of the *Secret Doctrine*, **when he has reached the point where the big plan is becoming visible to him, but the pile of detailed material to be built in remains, as yet, inchoate.** The questions we might ask and study are the following:

Những câu hỏi này nảy sinh một cách tự nhiên đối với đạo sinh của *Giáo Lý Bí Nhiệm*, **khi y đã đạt đến điểm mà đại kế hoạch đang trở nên khả kiến đối với y, nhưng khối tài liệu chi tiết cần được xây vào vẫn còn, cho đến nay, chưa thành hình.** Những câu hỏi mà chúng ta có thể nêu ra và nghiên cứu là như sau:

41. DK is writing for students who have reached a certain point of development. Such students are student of the *Secret Doctrine*—both the book and the greater body of knowledge/wisdom.

41. DK đang viết cho những đạo sinh đã đạt đến một điểm phát triển nhất định. Những đạo sinh ấy là đạo sinh của *Giáo Lý Bí Nhiệm* —cả cuốn sách lẫn khối tri thức/minh triết lớn hơn.

42. For such students, the Plan is emerging in outline, but the detail is not yet *placed* according to pure reason.

42. Đối với những đạo sinh như thế, Thiên Cơ đang hiện ra theo đại cương, nhưng chi

tiết thì vẫn chưa được *đặt* theo lý trí thuần túy.

43. Perhaps DK thinks that the average reader of this book will be just such a student. The word "pile" alerts us to the danger of accumulating knowledge and information without knowing the greater principles to which it is to be related.

43. Có lẽ DK nghĩ rằng độc giả trung bình của cuốn sách này sẽ chính là một đạo sinh như vậy. Từ "khối" cảnh báo chúng ta về nguy cơ tích lũy tri thức và thông tin mà không biết những nguyên lý lớn hơn mà chúng phải được liên hệ đến.

44. I am recalling that Master Morya stated, in effect, that a 'pile of thought' was not a 'castle of thought'. Sometimes I wonder if He did not have HPB in mind. The accumulation she presented was amazing; later theosophical students took upon themselves the task of bringing more order to the accumulation.

44. Tôi nhớ rằng Chân sư Morya đã nói, đại ý, rằng một 'đống tư tưởng' không phải là một 'lâu đài tư tưởng'. Đôi khi tôi tự hỏi liệu Ngài có nghĩ đến HPB hay không. Sự tích lũy mà bà trình bày thật đáng kinh ngạc; các đạo sinh Thông Thiên Học về sau đã tự đảm nhận nhiệm vụ đem lại nhiều trật tự hơn cho sự tích lũy ấy.

45. VSK suggests that the "Inquiring of the Way" is to build a literal pathway in mental matter, creating the antaskarana. This is the method we employ singularly and within this group study.

45. VSK gợi ý rằng việc "Truy vấn Con Đường" là xây dựng một lối đi thực sự trong chất liệu trí tuệ, tạo ra antaskarana. Đây là phương pháp chúng ta sử dụng một cách cá nhân và trong việc học nhóm này.

1. What is the relationship of the Son to the Sun?

1. Mối liên hệ giữa Con và Mặt Trời là gì?

2. What is evolution and how does it proceed?

2. Tiến hoá là gì và nó diễn tiến như thế nào?

3. Why is this solar system evolving along the lines of duality?

3. Tại sao hệ mặt trời này lại tiến hoá theo những đường lối của nhị nguyên tính?

4. What is consciousness and what is its place in the present scheme of things?

4. Tâm thức là gì và vị trí của nó trong hệ sự vật hiện tại là gì?

[Page 225]

[Page 225]

5. Is there a direct analogy between the development of the following factors: a solar system, a planet, a man, and an atom?

5. Có sự tương đồng trực tiếp nào giữa sự phát triển của các yếu tố sau đây không: một

hệ mặt trời, một hành tinh, một con người, và một nguyên tử?

6. What is the mind aspect and why is the manasic or mental principle of such importance? Who are the Manasaputras, or the Sons of Mind?

6. Phương diện trí tuệ là gì và tại sao nguyên lý manas hay trí tuệ lại quan trọng đến thế? Manasaputras, hay Các Con của Trí Tuệ, là ai?

7. Why is the progress of evolution cyclic?

7. Tại sao sự tiến bộ của tiến hoá lại có tính chu kỳ?

8. Why, as yet, do we consider certain knowledge as esoteric, and other aspects of knowledge as exoteric?

8. Tại sao, cho đến nay, chúng ta xem một số tri thức là nội môn, còn những phương diện tri thức khác là ngoại môn?

9. What is the relationship between

9. Mối liên hệ giữa

a. The ten planetary schemes?

a. mười hệ hành tinh?

b. The seven sacred planets?

b. bảy hành tinh thiêng liêng?

c. The seven globes in a chain?

c. bảy bầu hành tinh trong một dãy?

d. The seven rounds in a globe?

d. bảy cuộc tuần hoàn trong một bầu hành tinh?

e. The seven root races and the subraces?

e. bảy giống dân gốc và các giống dân phụ?

When we have endeavored to answer in brief and concise fashion these nine questions, and have grasped, through their replies, something of **the purpose lying behind the evolution of the consciousness of the Son** (with all that is included in that expression) we shall be in a position to go more intelligently into a consideration of the plan, and to grasp more accurately **the immediate stage ahead to be attained**, working from our present standpoint as a basis.

Khi chúng ta đã cố gắng trả lời một cách ngắn gọn và súc tích chín câu hỏi này, và đã nắm bắt được, qua các câu trả lời ấy, phần nào **mục đích nằm sau sự tiến hoá của tâm thức của Con** (cùng với tất cả những gì được bao hàm trong cách diễn đạt ấy), chúng ta sẽ ở vào vị thế để đi vào việc xem xét kế hoạch một cách thông minh hơn, và nắm bắt chính xác hơn **giai đoạn trước mắt cần phải đạt đến**, lấy quan điểm hiện tại của chúng ta làm nền tảng.

46. We may marvel at the use of the terms "brief and concise", but from the Tibetan's perspective this is the method He chose. He extracts the essence and then synthesizes all relevant points.

47. VSK suggests that we are engaged in the act of bringing ourselves 'up to speed' with current knowledge. There is a necessity of knowing one's own position or status and present 'location' in time and space, in terms of consciousness.

48. We shall find that the term "Son" represents a very profound concept—one that through DK's presentation becomes somewhat elusive.

49. The work proposed is practical because it allows us to grasp our immediate stage of development and to work forward. Unless we know where we *stand* we shall not know where to *go*.

50. As the Masters seek to grasp the Plan, they read the "Eternal Scroll" on which the Plan and its stages are given in symbolic form. In terms of our cosmic physical plane, the Scroll is written upon the akashic plane —the second systemic plane, the monadic plane.

51. It may be that the immediate next step to be attained concerns the Libran Creative Hierarchy which, with the Libran Spirit of Peace, can be considered to 'sponsor' Right Human Relations—also the theme of Shamballa with respect to humanity at this time. Right Human Relations will lead to Right Intra-Planetary Relations—towards balance and sharing, global cooperation and global cleansing. Beneficent changes in the planet will have a reciprocal positive effect

46. Chúng ta có thể ngạc nhiên trước việc dùng các từ "ngắn gọn và súc tích", nhưng từ quan điểm của Chân sư Tây Tạng, đó là phương pháp Ngài đã chọn. Ngài rút ra tinh túy rồi tổng hợp mọi điểm liên hệ.

47. VSK gợi ý rằng chúng ta đang dấn vào hành động đưa chính mình 'bắt kịp tốc độ' với tri thức hiện tại. Có một nhu cầu phải biết vị trí hay trạng thái riêng của mình và 'vị trí' hiện tại trong thời gian và không gian, xét theo tâm thức.

48. Chúng ta sẽ thấy rằng thuật ngữ "Con" biểu thị một khái niệm rất sâu xa—một khái niệm mà qua cách trình bày của DK trở nên phần nào khó nắm bắt.

49. Công việc được đề nghị là thực tiễn vì nó cho phép chúng ta nắm bắt giai đoạn phát triển trước mắt của mình và tiến bước. Trừ phi chúng ta biết mình đang *đứng* ở đâu, chúng ta sẽ không biết phải *đi* đâu.

50. Khi các Chân sư tìm cách nắm bắt Thiên Cơ, Các Ngài đọc "Cuộn Sách Vĩnh Cửu" trên đó Thiên Cơ và các giai đoạn của nó được ghi bằng hình thức biểu tượng. Xét theo cõi hồng trần vũ trụ của chúng ta, Cuộn Sách ấy được viết trên cõi akasha—cõi thứ hai của hệ thống, cõi chân thần.

51. Có thể bước kế tiếp trước mắt cần đạt đến liên quan đến Huyền Giai Sáng Tạo Libra, vốn cùng với Đấng Tinh thần Hòa Bình Libra có thể được xem là 'bảo trợ' cho Những Quan Hệ Đúng Đắn giữa Người với Người—cũng là chủ đề của Shamballa đối với nhân loại vào lúc này. Những Quan Hệ Đúng Đắn giữa Người với Người sẽ dẫn đến Những Quan Hệ Đúng Đắn Nội Hành Tinh—hướng tới sự quân bình và chia sẻ, hợp tác toàn cầu và thanh lọc toàn cầu. Những thay đổi tốt lành

upon human relations rendering them more influenced by soul-light impressing and infusing the mind rather than by emotion.

trong hành tinh sẽ có tác động tích cực tương hỗ lên các quan hệ nhân loại, khiến chúng chịu ảnh hưởng nhiều hơn bởi ánh sáng linh hồn đang ghi ấn và thấm nhuần trí tuệ thay vì bởi cảm xúc.

52. It should be considered that this third or Libran Creative Hierarchy is ruled by the third ray and is associated with the atmic plane—the plane on which the Plan is formulated according to the Will of the Planetary Logos. It should also be recalled that the beginning of the Age of Aquarius will be ruled by Saturn in its initial phases. Thus there is a strong link between Saturn-ruled Libra and Saturn-ruled Aquarius, and the Divine Plan (conditioned by Saturn, atma and the third ray).

52. Cần xét rằng Huyền Giai Sáng Tạo thứ ba hay Libra này được cai quản bởi cung ba và liên hệ với cõi atma—cõi trên đó Thiên Cơ được hoạch định theo Ý Chí của Hành Tinh Thượng Đế. Cũng nên nhớ rằng buổi đầu của Kỷ Nguyên Bảo Bình sẽ được Sao Thổ cai quản trong các giai đoạn đầu của nó. Vì vậy có một mối liên kết mạnh mẽ giữa Libra do Sao Thổ cai quản và Bảo Bình do Sao Thổ cai quản, và Thiên Cơ thiêng liêng (được tác động bởi Sao Thổ, atma và cung ba).

53. The atmic plane is a plane of divine intellectuality in a very high sense, because, being the third subplane of the cosmic physical plane it is ruled by the third ray—the "acute energy of divine mental perception". In alignment with the atmic plane, major thoughtforms of solution for human and planetary difficulties can be built.

53. Cõi atma là một cõi của trí năng thiêng liêng theo một nghĩa rất cao, bởi vì, là cõi phụ thứ ba của cõi hồng trần vũ trụ, nó được cai quản bởi cung ba—"năng lượng sắc bén của tri giác trí tuệ thiêng liêng". Khi chỉnh hợp với cõi atma, các hình tư tưởng lớn về giải pháp cho những khó khăn của nhân loại và hành tinh có thể được xây dựng.

54. The Divine Plan in a nutshell is as follows:

54. Thiên Cơ thiêng liêng, nói một cách vắn tắt, như sau:

a. Illumination of the mind

a. Soi sáng trí tuệ

b. Revelation of Love

b. Mặc khải Bác Ái

c. Evocation of the Will

c. Gợi lên Ý Chí

55. The Great Invocation also encapsulates the Divine Plan by invoking three needed divine qualities:

55. Đại Khấn Nguyện cũng hàm chứa Thiên Cơ thiêng liêng bằng cách khẩn cầu ba phẩm tính thiêng liêng cần thiết:

a. Light

b. Love

c. Power

We must ever remember that a curious interest and a far-seeing grasp of the plan of the Logos is of no importance to a man **unless he correlates the present with that which he believes to lie in the future,**

56. Many an esotericist has this curious interest and, perhaps, far-seeing grasp. It all means very little (as fascinating as is it) unless he can do something practical with it.

57. What is needed is a 'bridge to the future'. This phrase, interestingly, describes a climactic Arcane School lesson set which Mary Bailey created in the late 1970's.

58. Have we questioned ourselves regarding our vision of the future? We note that the Tibetan speaks of that which we "believe" to lie in the future. If some definite image of the future does exist within our consciousness, do we have any ideas how we may get from 'here' to 'there'? Interestingly the third ray (in many respects, a futuristic ray) will have to be used as the following statement suggests:

"He who works upon the third ray must reach the path from here to there." (R&I 507)

The movement from "here to there" requires *planning,* which brings us to the *third*

a. Ánh sáng

b. Bác ái

c. Quyền năng

Chúng ta phải luôn nhớ rằng một sự quan tâm hiếu kỳ và một sự nắm bắt xa rộng về kế hoạch của Thượng đế không có tầm quan trọng gì đối với một người **trừ phi y liên hệ hiện tại với điều mà y tin là nằm trong tương lai,**

56. Nhiều nhà bí truyền học có sự quan tâm hiếu kỳ ấy và có lẽ cả sự nắm bắt xa rộng ấy. Tất cả điều đó có ý nghĩa rất ít (dù hấp dẫn đến đâu) trừ phi y có thể làm điều gì đó thực tiễn với nó.

57. Điều cần thiết là một 'cây cầu đến tương lai'. Thú vị thay, cụm từ này mô tả một bộ bài học cao điểm của Trường Arcane do Mary Bailey tạo ra vào cuối thập niên 1970.

58. Chúng ta đã tự hỏi mình về tầm nhìn của mình đối với tương lai chưa? Chúng ta lưu ý rằng Chân sư Tây Tạng nói về điều mà chúng ta "tin" là nằm trong tương lai. Nếu một hình ảnh xác định nào đó về tương lai thực sự hiện hữu trong tâm thức chúng ta, liệu chúng ta có ý tưởng nào về cách đi từ 'đây' đến 'đó' không? Thú vị thay, cung ba (trong nhiều phương diện, là một cung hướng tương lai) sẽ phải được sử dụng như câu phát biểu sau gợi ý:

"Người hoạt động trên cung ba phải đạt đến con đường từ đây đến đó." (R&I 507)

Sự chuyển động từ "đây đến đó" đòi hỏi *sự hoạch định,* điều này đưa chúng ta đến phương pháp *thứ ba* để tạo ra sự kiểm soát

method of inducing soul control: The Urge to Formulate a Plan.

của linh hồn: Xung Lực Hoạch Định một Kế Hoạch.

unless he ascertains the point achieved, and **realises wherein consists the work immediately to be undertaken in this gradual process of attaining full consciousness.**

trừ phi y xác định được điểm đã đạt tới, và **chứng nghiệm công việc nào phải được đảm nhận ngay trong tiến trình dần dần đạt đến tâm thức trọn vẹn này.**

59. We must know where we are, and then link this with the possible future—link the presented future with the realized present.

59. Chúng ta phải biết mình đang ở đâu, rồi liên kết điều này với tương lai khả hữu—liên kết tương lai được trình bày với hiện tại đã được chứng nghiệm.

60. VSK (on behalf of many 'Newagers') questions as follows: "Why a 'gradual process' and not some *handy 'immediate new easy fast 'full consciousness' now today, AND free!!!* program? Shall we ponder on this?

60. VSK (thay mặt cho nhiều 'Newagers') đặt câu hỏi như sau: "Tại sao lại là một 'tiến trình dần dần' chứ không phải một chương trình *'tâm thức trọn vẹn' mới ngay lập tức dễ dàng nhanh chóng tiện lợi ngay hôm nay, LẠI CÒN miễn phí!!!* nào đó? Chúng ta hãy suy ngẫm về điều này.

[Page 226]

[Page 226]

CHART IV — CHART OF THE PLEROMA ACCORDING TO VALENTINUS*

BIỂU ĐỒ IV — BIỂU ĐỒ PLEROMA THEO VALENTINUS*

61. Valentinus was one of the early Gnostics.

61. Valentinus là một trong những nhà Ngộ Đạo thời kỳ đầu.

62. Why is this chart placed at this point in the text? Might it refer to the first question—the relationship of the Son to the Sun?

62. Tại sao biểu đồ này lại được đặt ở điểm này trong văn bản? Liệu nó có thể liên hệ đến câu hỏi thứ nhất—mối liên hệ giữa Con và Mặt Trời chăng?

63. The terminology used in the Divine Pleroma is distinctive to early Gnostic writings. We may be able to translate some terms and not others.

63. Thuật ngữ được dùng trong Pleroma Thiêng Liêng mang tính đặc thù của các trước tác Ngộ Đạo thời kỳ đầu. Chúng ta có thể dịch được một số thuật ngữ và không dịch được những thuật ngữ khác.

64. The following ideas arise in relation to the Divine Pleroma. Such ideas do not offer a complete or definitive interpretation. Probably a number of such interpretations are possible.

64. Những ý tưởng sau đây nảy sinh liên quan đến Pleroma Thiêng Liêng. Những ý tưởng ấy không đưa ra một cách giải thích trọn vẹn hay dứt khoát. Có lẽ có thể có một số cách giải thích như vậy.

a. The Point is the Monad and lies, its seems, slightly outside the circle of manifestation, though tangent to it (if a point can be tangent to anything. It seems to touch the circle of manifestation but not lie upon the circumference of the circle.

a. Điểm là Chân thần và dường như nằm hơi ở ngoài vòng tròn biểu hiện, dù tiếp tuyến với nó (nếu một điểm có thể tiếp tuyến với bất cứ điều gì). Nó dường như chạm vào vòng tròn biểu hiện nhưng không nằm trên chu vi của vòng tròn.

b. The "Deep" is that which is unfathomable. Its depth can never be sounded. Its depth is, in a way, infinite.

b. "Vực Sâu" là cái không thể dò thấu. Độ sâu của nó không bao giờ có thể được thăm dò. Độ sâu của nó, theo một nghĩa nào đó, là vô hạn.

c. We are speaking of the One Monad, but even that which we call *our* Monad partakes of fathomlessness—at least when our Monad in essence, extracted from its temporary vehicle of manifestation.

c. Chúng ta đang nói về Một Chân thần, nhưng ngay cả điều mà chúng ta gọi là *chân thần* của chúng ta cũng dự phần vào tính không thể dò thấu—ít nhất là khi chân thần của chúng ta trong bản chất được rút ra khỏi vận cụ biểu hiện tạm thời của nó.

d. We note that the Father/Monad is not only "unknown" but "unknowable". Can we truly say this of our Monad or even of the Universal Monad? Or can we use the term "unknowable" *only* in relation to the ABSOLUTE? To what extent, then, is the Monad the ABSOLUTE? May we say that essentially it is, but that in-Universe the Monad is an 'infinitesimalization' of the ABSOLUTE—PURE BEING 'contained' in a special case—the Universe.

d. Chúng ta lưu ý rằng Cha/Chân thần không chỉ "không được biết đến" mà còn "không thể biết được". Liệu chúng ta có thể thực sự nói điều này về chân thần của chúng ta hay ngay cả về Chân thần Vũ Trụ không? Hay chúng ta chỉ có thể dùng thuật ngữ "không thể biết được" *duy nhất* trong liên hệ với TUYỆT ĐỐI? Vậy thì Chân thần là TUYỆT ĐỐI đến mức nào? Chúng ta có thể nói rằng về bản chất nó là như vậy, nhưng trong-vũ-trụ Chân thần là một sự 'vi phân vô cùng nhỏ' của TUYỆT ĐỐI—THUẦN HỮU THỂ được 'chứa đựng' trong một trường hợp đặc biệt—Vũ Trụ.

e. The first Triangle still holds Bythus, the Deep, the Monad as a point—*the* Point. From Bythus emanate (let us assume emanation

e. Tam giác thứ nhất vẫn giữ Bythus, Vực Sâu, Chân thần như một điểm—*Điểm*. Từ Bythus phát ra (chúng ta hãy giả định phát

to be the manner of generation) the Duad—Nous (Mind) and Aletheia (Truth). We could connect one or other of these with the first or second rays.

xạ là cách thức phát sinh) Nhị nguyên—Nous (Trí Tuệ) và Aletheia (Chân Lý). Chúng ta có thể nối một hay yếu tố kia với cung một hay cung hai.

f. Do the components of the Primary Trinity seem reasonable to us? We usually think of Will, Wisdom and Activity, or of Being, Consciousness, Bliss.

f. Các thành phần của Tam Vị nguyên sơ có có vẻ hợp lý đối với chúng ta không? Chúng ta thường nghĩ đến Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động, hay Hữu Thể, Tâm thức, Chí phúc.

g. In this Triangle, Bythus will necessarily align with Will, Truth with Wisdom and Mind with Activity.

g. Trong Tam giác này, Bythus tất yếu sẽ chỉnh hợp với Ý Chí, Chân Lý với Minh Triết và Trí Tuệ với Hoạt Động.

h. In our usual theosophical representations, the Point or Monad would emanate a Trinity and not a Duad. These are subtle differences in Cosmogony and much time could be spent arguing the justifications.

h. Trong các biểu tượng Thông Thiên Học thông thường của chúng ta, Điểm hay Chân thần sẽ phát ra một Tam Vị chứ không phải một Nhị nguyên. Đây là những khác biệt vi tế trong Vũ Trụ Thành Luận và có thể mất rất nhiều thời gian để tranh luận về các lý do biện minh.

i. The Square appears next, but we might ask "*Which* square?"

i. Hình vuông xuất hiện tiếp theo, nhưng chúng ta có thể hỏi "Hình vuông *nào*?"

j. The Square with bolded lines seems the best candidate, as this Square is said to have two vertical lines and two horizontal.

j. Hình vuông có các đường in đậm dường như là ứng viên thích hợp nhất, vì hình vuông này được nói là có hai đường thẳng đứng và hai đường ngang.

k. The vertical lines are Logos (Word) and Anthropos (man).

k. Các đường thẳng đứng là Logos (Linh từ) và Anthropos (con người).

l. The female opposites (syzygies) of these two verticals are two horizontals: Zoe (Life) and Ekklesia (Church or Assembly). Probably Zoe is the upper horizontal and Ekklesia the lower.

l. Các đối cực nữ tính (syzygies) của hai đường thẳng đứng này là hai đường ngang: Zoe (Sự Sống) và Ekklesia (Giáo Hội hay Hội Chúng). Có lẽ Zoe là đường ngang phía trên và Ekklesia là đường ngang phía dưới.

m. The Square is also called the "dual Duad" as within it, two Duads are contained.

m. Hình vuông cũng được gọi là "Nhị nguyên kép" vì trong nó chứa hai Nhị nguyên.

n. There are three other squares within the diagram, so why choose the bolded one? For the bolded Square seems to appear out of nowhere. At least it emanatory arising is not entirely clear.

n. Có ba hình vuông khác trong biểu đồ, vậy tại sao lại chọn hình in đậm? Vì hình vuông in đậm dường như xuất hiện từ hư không. Ít nhất sự phát sinh theo lối phát xạ của nó không hoàn toàn rõ ràng.

o. The other squares are more like diamonds, but from a slightly angular perspective they would be squares. Diamonds with equal sides and with right angles are squares, but their vertical axis passes through to vertices. In a square the vertical axis is perpendicular to the upper and lower horizontal.

o. Các hình vuông khác giống hình thoi hơn, nhưng từ một góc nhìn hơi nghiêng chúng sẽ là hình vuông. Hình thoi có các cạnh bằng nhau và có góc vuông là hình vuông, nhưng trục thẳng đứng của chúng đi qua các đỉnh. Trong một hình vuông, trục thẳng đứng vuông góc với đường ngang trên và dưới.

p. It would seem that the greatest of the diamonds would be a better candidate for the square for it is attached to the original triangle and the bolded square is not. The large diamond seems to emanate from the original Triangle as, in part, a continuation of the first two emanations.

p. Dường như hình thoi lớn nhất sẽ là ứng viên thích hợp hơn cho hình vuông vì nó gắn với tam giác nguyên thủy còn hình vuông in đậm thì không. Hình thoi lớn dường như phát ra từ Tam giác nguyên thủy như, một phần, sự tiếp nối của hai lần phát xạ đầu tiên.

q. Otherwise the bolded Square is simply suspended without attachment to the emanating source—the Triangle. Of course, it could rightly be said that the Triangle hovers above the Square and need not touch. In some of our theosophical diagrams the lowest side of the triangle is identical with the upper horizontal of the square.

q. Nếu không thì hình vuông in đậm chỉ đơn giản lơ lửng mà không gắn với nguồn phát xạ—Tam giác. Dĩ nhiên, có thể nói đúng rằng Tam giác lơ lửng phía trên Hình vuông và không cần chạm vào nó. Trong một số biểu đồ Thông Thiên Học của chúng ta, cạnh thấp nhất của tam giác đồng nhất với đường ngang phía trên của hình vuông.

r. We note as well the little circle below the large one and how it, too, contains a tiny replica of the Triangle and the Square. We judge the whole process or replicating the Pleroma to be holographic, with virtually endless replicability.

r. Chúng ta cũng lưu ý vòng tròn nhỏ bên dưới vòng tròn lớn và cách nó cũng chứa một bản sao thu nhỏ của Tam giác và Hình vuông. Chúng ta phán đoán toàn bộ tiến trình sao lặp Pleroma là có tính toàn ảnh, với khả năng sao lặp hầu như vô tận.

s. The addition of the Triangle to the Square yields a seven—the higher three and the lower four (in this case). Sometimes a septenate is composed of a higher four and a lower three (the structure of the systemic physical and cosmic physical planes).

t. In summing up the meaning of the original bolded Triangle and the original, bolded Square, the interpreter of the Pleroma speaks of the Triangle as the potentiality of Spirit and the Square as the potentiality of Matter.

u. We can equate Spirit in potential with the source of cosmic ideation.

v. We can equate the Square in potential as that which receives and is shaped by the impress of cosmic ideation.

w. We will have to discriminate between "potential" and "potency". Potency is activated potential.

x. The interpretation below the diagram speaks of only one "Vertical Straight Line", and yet there are two. The vertical line is called the Potency of Spirit. This potency has entered the world of matter because, as a vertical, it is one side of the bolded Square.

y. The interpretation speaks of only *one* Horizontal Line as the potency of matter, and yet there are *two* horizontal lines. We judge that the horizontal lines represent the potency with which matter is intrinsically endowed. The bolded Square, though, representing the potentiality of matter, is a

s. Việc thêm Tam giác vào Hình vuông tạo thành số bảy—ba phần cao hơn và bốn phần thấp hơn (trong trường hợp này). Đôi khi một bộ bảy được cấu thành bởi bốn phần cao hơn và ba phần thấp hơn (cấu trúc của cõi hồng trần hệ thống và cõi hồng trần vũ trụ).

t. Khi tóm lược ý nghĩa của Tam Giác in đậm nguyên thủy và Hình Vuông in đậm nguyên thủy, nhà diễn giải của Pleroma nói về Tam Giác như tiềm năng tính của Tinh thần và Hình Vuông như tiềm năng tính của Vật chất.

u. Chúng ta có thể đồng nhất Tinh thần trong tiềm năng với nguồn của ý niệm vũ trụ.

v. Chúng ta có thể đồng nhất Hình Vuông trong tiềm năng như cái tiếp nhận và được định hình bởi sự in dấu của ý niệm vũ trụ.

w. Chúng ta sẽ phải phân biện giữa "tiềm năng" và "năng lực". Năng lực là tiềm năng đã được hoạt hóa.

x. Phần diễn giải bên dưới biểu đồ chỉ nói đến một "Đường Thẳng Đứng", vậy mà lại có hai. Đường thẳng đứng được gọi là Năng Lực của Tinh thần. Năng lực này đã đi vào thế giới vật chất bởi vì, với tư cách là một đường thẳng đứng, nó là một cạnh của Hình Vuông in đậm.

y. Phần diễn giải chỉ nói đến *một* Đường Ngang như năng lực của vật chất, vậy mà lại có *hai* đường ngang. Chúng ta cho rằng các đường ngang biểu thị năng lực mà vật chất vốn được phú cho một cách nội tại. Tuy nhiên, Hình Vuông in đậm, biểu thị tiềm năng tính của vật chất, là một tổng hợp của Năng Lực của Tinh thần (hai đường thẳng

composite of the Potency of Spirit (the two up right verticals) and the potency of Matter

đứng bên phải hướng lên) và năng lực của Vật chất

z. Two vertical lines can represent a positive and negative polarity of energy.

z. Hai đường thẳng đứng có thể biểu thị một cực tính dương và âm của năng lượng.

aa. Two horizontal lines can represent the potency of subtle matter or substance, and the potency of more objective matter (matter proper).

aa. Hai đường ngang có thể biểu thị năng lực của vật chất vi tế hay chất liệu, và năng lực của vật chất khách quan hơn (vật chất đúng nghĩa).

bb. It is important to look at the generation of that large square which appears as a diamond. It appears to emanate directly from the original Triangle and to be a kind of emanation. The upper two legs of the diamond are as an extension of the duad which emanated from the Point, or Monad.

bb. Điều quan trọng là phải xem xét sự phát sinh của hình vuông lớn xuất hiện như một hình thoi. Nó dường như phát xạ trực tiếp từ Tam Giác nguyên thủy và là một loại xuất lộ. Hai cạnh trên của hình thoi như là phần kéo dài của nhị nguyên đã phát ra từ Điểm, hay Chân thần.

cc. This extension of the Duad emanates until it touches the circumference of the large circle of manifestation, which could be considered the circle within which all that comes from the Point becomes objective (considering objectivity, initially, as subtle substance).

cc. Sự kéo dài này của Nhị nguyên phát ra cho đến khi chạm vào chu vi của vòng tròn lớn của biểu hiện, có thể được xem là vòng tròn bên trong đó mọi điều xuất phát từ Điểm trở nên khách quan (xét tính khách quan, lúc đầu, như chất liệu vi tế).

dd. From the point where the extended Duad touches the large circle, two more emanations seem to arise, moving downwards (and diagonally inwards) and towards a point on the circumference of the large circle directly opposite Bythus or the Monad. Thus, is the large diamond contained within the large circle completed.

dd. Từ điểm mà Nhị nguyên kéo dài chạm vào vòng tròn lớn, dường như lại phát sinh thêm hai phát xạ nữa, chuyển động đi xuống (và chéo vào trong) hướng về một điểm trên chu vi của vòng tròn lớn đối diện trực tiếp với Bythus hay Chân thần. Như vậy, hình thoi lớn nằm trong vòng tròn lớn được hoàn tất.

ee. The lower point is a direct reflection of the emanating Point. This lower point becomes, as well, as source of emanation for the next circle. In one way the higher point is to be considered the Monad just as the lowest may be considered the Sun.

ee. Điểm thấp hơn là sự phản chiếu trực tiếp của Điểm phát xạ. Điểm thấp hơn này cũng trở thành nguồn phát xạ cho vòng tròn kế tiếp. Theo một cách, điểm cao hơn được xem là Chân thần cũng như điểm thấp nhất có thể được xem là Mặt Trời.

ff. We may remember the importance of the diamond in occultism. It is one of the foremost images signifying energy transmission. When explaining how a ray energy reaches the Earth, two such diamonds, one on top of the other, are presented. This double diamond is, in Tibetan Buddhism, the Dorje, or Thunderbolt.

ff. Chúng ta có thể nhớ đến tầm quan trọng của hình thoi trong huyền bí học. Đó là một trong những hình ảnh hàng đầu biểu thị sự truyền dẫn năng lượng. Khi giải thích cách một năng lượng cung đến được Trái Đất, người ta trình bày hai hình thoi như thế, một chồng lên một. Hình thoi kép này, trong Phật giáo Tây Tạng, là Dorje, hay Lôi Điện.

gg. We note an interesting fact: the large bolded Square with upright sides has its corners at the exact midpoint of the sides of the large diamond. The bolded Square might be called the Square within the diamond and, together, they suggest the number eight.

gg. Chúng ta lưu ý một sự kiện thú vị: Hình Vuông lớn in đậm với các cạnh thẳng đứng có các góc nằm đúng tại trung điểm của các cạnh của hình thoi lớn. Hình Vuông in đậm có thể được gọi là Hình Vuông bên trong hình thoi và, cùng nhau, chúng gợi ra con số tám.

hh. The vertices or corners of the bolded Square and large diamond create a kind of combination of the Cardinal Cross and the St. Andrew's Cross. Interestingly, it is the diamond which articulates the cardinal points and the bolded Square which articulates the points to be found in the middle of the fixed signs of the zodiac.

hh. Các đỉnh hay góc của Hình Vuông in đậm và hình thoi lớn tạo nên một loại kết hợp giữa Thập Giá Chủ Yếu và Thập Giá Thánh Andrew. Điều thú vị là chính hình thoi biểu đạt các điểm chủ yếu còn Hình Vuông in đậm biểu đạt các điểm được tìm thấy ở giữa các dấu hiệu cố định của hoàng đạo.

ii. Together they may represent the eight potencies of the Jewel in the Lotus, on whatever scale.

ii. Cùng nhau chúng có thể biểu thị tám năng lực của Viên Ngọc trong Hoa Sen, ở bất kỳ quy mô nào.

jj. The Pentagram or Pentad is next described. The theosophical interpreter of Valentinus states that the Pentagram is the symbol of the Manasaputras or Sons of Wisdom, presumably members of the Fifth Creative Hierarchy of Solar Angels. As the number five is related to soul and in the Pythagorean Tetraktys to the Son, this seems a reasonable interpretation.

jj. Ngũ Giác hay Bộ Năm được mô tả tiếp theo. Nhà diễn giải Thông Thiên Học về Valentinus nói rằng Ngũ Giác là biểu tượng của các Manasaputras hay Các Con của Minh Triết, có lẽ là các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm gồm các Thái dương Thiên Thần. Vì số năm liên hệ với linh hồn và trong Tetraktys của Pythagoras liên hệ với Con, nên đây có vẻ là một cách diễn giải hợp lý.

kk. We are told that lines in the Pentagram have syzygies, but they apparently are not represented on the diagram.

kk. Chúng ta được cho biết rằng các đường trong Ngũ Giác có các syzygy, nhưng rõ ràng chúng không được biểu thị trên biểu đồ.

ll. We note that the highest point of the Pentagram takes its origin from the midpoint of the original bolded Triangle, thus, from a point which may be taken to mean, “the eye within the triangle”. This is another reason for relating the Pentagram to consciousness.

ll. Chúng ta lưu ý rằng điểm cao nhất của Ngũ Giác bắt nguồn từ trung điểm của Tam Giác in đậm nguyên thủy, do đó từ một điểm có thể được hiểu là “con mắt bên trong tam giác”. Đây là một lý do khác để liên hệ Ngũ Giác với tâm thức.

mm. The relationship between the number five and the number two is an important consideration. Two is the number of consciousness and five is the number correlated with the cycles of the second ray.

mm. Mối liên hệ giữa số năm và số hai là một điều cần xem xét quan trọng. Hai là con số của tâm thức và năm là con số tương quan với các chu kỳ của cung hai.

nn. The lines of the Pentagram do not cut the bolded Square or the large diamond in any regular manner, but perhaps an analysis of the proportions created where the cuts or crossing points intersect the lines of the pentagram would be of interest.

nn. Các đường của Ngũ Giác không cắt Hình Vuông in đậm hay hình thoi lớn theo bất kỳ cách đều đặn nào, nhưng có lẽ một sự phân tích các tỉ lệ được tạo ra tại những nơi các điểm cắt hay giao điểm giao nhau với các đường của ngũ giác sẽ là điều đáng quan tâm.

oo. Astrologically, the angles of the Pentagram are related to seventy-two degrees, but interestingly they do not touch the large circle. Only the large diamond touches the large circle.

oo. Về mặt chiêm tinh học, các góc của Ngũ Giác liên hệ với bảy mươi hai độ, nhưng điều thú vị là chúng không chạm vào vòng tròn lớn. Chỉ có hình thoi lớn chạm vào vòng tròn lớn.

pp. The Hexalpha/Hexagram or interlaced Triangles is the next figure to which our attention is drawn. It, too, is said to have its syzygies, but none are represented.

pp. Hexalpha/Lục Giác hay các Tam Giác đan xen là hình tiếp theo thu hút sự chú ý của chúng ta. Nó cũng được nói là có các syzygy của nó, nhưng không có cái nào được biểu thị.

qq. If the diagram of the Pleroma had depth, we would see the Pentagram superimposed upon the bolded Square and the Hexalpha superimposed upon the Pentagram.

qq. Nếu biểu đồ của Pleroma có chiều sâu, chúng ta sẽ thấy Ngũ Giác chồng lên Hình Vuông in đậm và Hexalpha chồng lên Ngũ Giác.

rr. In occultism the five of the Pentagram is associated with consciousness and the six of the Hexalpha is associated with form (though it can also be associated with the Monad).

rr. Trong huyền bí học, số năm của Ngũ Giác gắn với tâm thức và số sáu của Hexalpha gắn với hình tướng (dù nó cũng có thể gắn với Chân thần).

ss. The Hexad, Hexalpha, or Hexagram may also be considered to relate to the Deva Kingdom, whereas the Pentad or Pentagram may be considered to relate to Manas or Man. Together they represent the eleven which is the number of the initiate—one who contains both the properties of Man and Deva.

ss. Bộ Sáu, Hexalpha, hay Lục Giác cũng có thể được xem là liên hệ với giới thiên thần, trong khi Bộ Năm hay Ngũ Giác có thể được xem là liên hệ với Manas hay Con Người. Cùng nhau chúng biểu thị số mười một, là con số của điểm đạo đồ—người chứa đựng cả hai đặc tính của Con Người và thiên thần.

tt. Will the eleven be completed in the twelve, and must Bythus be included to make the twelve—for the Spirit is neither Man nor Deva?

tt. Liệu số mười một có được hoàn tất trong số mười hai, và có phải Bythus phải được bao gồm để tạo thành số mười hai—vì Tinh thần không phải là Con Người cũng không phải là thiên thần?

uu. The general meaning of the Hexagram or Hexalpha is the higher triad and the lower—i.e., Spirit as a Trinity expressing within the higher worlds, and Soul as a trinity expressing within the lower.

uu. Ý nghĩa tổng quát của Lục Giác hay Hexalpha là tam nguyên cao hơn và tam nguyên thấp hơn—tức là, Tinh thần như một Tam Vị biểu hiện trong các thế giới cao hơn, và linh hồn như một bộ ba biểu hiện trong các cõi thấp hơn.

vv. How does the Hexagram/Hexalpha stand in relation to the other lines and symbolic figures within the bolded Square?

vv. Lục Giác/Hexalpha đứng trong mối liên hệ nào với các đường và các hình biểu tượng khác bên trong Hình Vuông in đậm?

ww. The tented legs of the higher triangle of the Hexagram and the inverted, tented legs of the lower triangle of the Hexagram, cut the sides of the large diamond in such a way as to produce identical little diamonds/squares where the sides of the large diamond touch the large circle at the east and west points.

ww. Hai cạnh hình lều của tam giác trên của Lục Giác và hai cạnh hình lều đảo ngược của tam giác dưới của Lục Giác cắt các cạnh của hình thoi lớn theo cách tạo ra những hình thoi/hình vuông nhỏ giống hệt nhau tại nơi các cạnh của hình thoi lớn chạm vào vòng tròn lớn ở các điểm đông và tây.

xx. As a result of this, two additional diamonds (of square shape, just as was the

xx. Kết quả là, hai hình thoi bổ sung (có dạng hình vuông, giống như hình thoi lớn hơn)

larger diamond) are formed. One of these secondary diamonds has its uppermost point in Bythus, the Deep; the other of these secondary triangle has its lowest point in the point opposite Bythus, at the bottom of the large circle.

được hình thành. Một trong các hình thoi thứ cấp này có điểm cao nhất của nó ở Bythus, Vực Sâu; hình còn lại trong các tam giác thứ cấp này có điểm thấp nhất của nó ở điểm đối diện với Bythus, ở đáy của vòng tròn lớn.

yy. Thus, we have five diamonds (which are squares standing on end); two are relatively small; two are somewhat smaller than the largest diamond; and one is the largest diamond.

yy. Như vậy, chúng ta có năm hình thoi (là những hình vuông dựng đứng trên đỉnh); hai hình tương đối nhỏ; hai hình hơi nhỏ hơn hình thoi lớn nhất; và một hình là hình thoi lớn nhất.

zz. All of these diamonds can be see as emanating from the Father, Bythus, the Monad, for they either include the Father Point or they include a point which could not exist unless the Father Point had sent its emanations forth.

zz. Tất cả những hình thoi này có thể được xem là phát ra từ Người Cha, Bythus, Chân thần, vì hoặc chúng bao gồm Điểm Cha hoặc chúng bao gồm một điểm không thể tồn tại nếu Điểm Cha không phát ra các phát xạ của nó.

aaa. The Pentagram, however, does not so much belong to the Father as to the Son (Consciousness) for it derives from an unmarked point in the middle of the Primary Triangle, which Point (in relation to Bythus) we may take to represent the Divine Son.

aaa. Tuy nhiên, Ngũ Giác không thuộc về Người Cha nhiều bằng thuộc về Người Con (Tâm thức), vì nó phát sinh từ một điểm không được đánh dấu ở giữa Tam Giác Sơ Khởi, điểm này (trong tương quan với Bythus) chúng ta có thể xem là biểu thị Người Con thiêng liêng.

bbb. The Divine Pleroma is said to represent “Completion” or the “Ideas in the Divine Mind”.

bbb. Pleroma thiêng liêng được nói là biểu thị “Sự Hoàn Tất” hay “Các Ý Tưởng trong Trí của Thượng đế”.

ccc. There are said to be twenty-eight such ideas. The number twenty-eight is important as it can be correlated with the number of stars which HPB gives as found within the constellation Capricorn. It is also the number to which the OM sums in English numerology. The twenty-eight is also connected to manifestation because personality cycles occur in fours and sevens, the product of which is twenty-eight.

ccc. Người ta nói có hai mươi tám ý tưởng như vậy. Con số hai mươi tám rất quan trọng vì nó có thể được tương quan với số lượng các ngôi sao mà HPB cho là nằm trong chòm sao Ma Kết. Nó cũng là con số mà OM cộng lại thành trong số học Anh ngữ. Số hai mươi tám cũng liên hệ với biểu hiện bởi vì các chu kỳ phàm ngã diễn ra theo bộ bốn và bộ bảy, tích của chúng là hai mươi tám.

ddd. The method of arriving at twenty-eight is to sum the Hexagram (with its undiagramed syzygies) as twelve; the Pentagram (with its undiagramed syzygies) as ten: the Double Duad or Square as four; and the two emanation of the Bythus, while not counting Bythus (the Origin) itself.

ddd. Phương pháp đi đến số hai mươi tám là cộng Lục Giác (với các syzygy không được biểu đồ hóa của nó) thành mười hai; Ngũ Giác (với các syzygy không được biểu đồ hóa của nó) thành mười; Nhị nguyên Kép hay Hình Vuông thành bốn; và hai phát xạ của Bythus, mà không tính Bythus (Nguồn Gốc) tự thân nó.

eee. Thus we have 12. + 10. + 4. + 2. = 28.

eee. Như vậy chúng ta có 12. + 10. + 4. + 2. = 28.

fff. The two smaller circles seen within the upper part of the large circle are called “after emanations”. They are called Christos-Pneuma or (Christ and the Holy Spirit). We are told by the theosophical interpreter that they symbolize “the descent of Spirit to inform and evolve matter”. From another angle they are said to represent “the descent or incarnation of the Kumaras or Higher Egos of Humanity”.

fff. Hai vòng tròn nhỏ hơn được thấy trong phần trên của vòng tròn lớn được gọi là “các phát xạ hậu kỳ”. Chúng được gọi là Christos-Pneuma hay (Christ và Chúa Thánh Thần). Nhà diễn giải Thông Thiên Học cho chúng ta biết rằng chúng tượng trưng cho “sự giáng hạ của Tinh thần để thấm nhuần và tiến hoá vật chất”. Từ một góc độ khác, chúng được nói là biểu thị “sự giáng hạ hay nhập thể của các Kumaras hay các Chân ngã Cao Siêu của Nhân loại”.

ggg. Whether or not they are absolutely integral to the Pleroma Diagram we are at liberty to decide. They seem to be almost afterthoughts and not very elegantly displayed, but perhaps they have some integral significance. In any case these two circles seem to emanate from the two points of the original Duad which, themselves, emanated from the Monad, Bythus, or Original Point, the Father.

ggg. Việc chúng có hoàn toàn là phần không thể tách rời của Biểu Đồ Pleroma hay không là điều chúng ta được tự do quyết định. Chúng dường như gần như là những ý nghĩ thêm vào sau và không được trình bày thật thanh nhã, nhưng có lẽ chúng có một ý nghĩa nội tại nào đó. Dù sao đi nữa, hai vòng tròn này dường như phát ra từ hai điểm của Nhị nguyên nguyên thủy, mà chính chúng đã phát ra từ Chân thần, Bythus, hay Điểm Nguyên Thủy, Người Cha.

65. That there should be twenty-eight ideas in the Divine Mind seems an extraordinary statement. Capricorn, the OM and the meaning of four septenates would have to be considered.

65. Việc có hai mươi tám ý tưởng trong Trí của Thượng đế dường như là một phát biểu phi thường. Ma Kết, OM và ý nghĩa của bốn bộ bảy sẽ phải được xem xét.

66. Within this diagram we will probably find:

a. The fundamental Trinity

b. The origin of the seven principles of man or Heavenly Man

c. The origin of consciousness or of those beings which implant and promote consciousness in man or Heavenly Man.

d. The origin of six vehicles of consciousness

e. As well, there may be many more mysteries hidden.

67. How we shall understand the syzygies which expand the Pentagram to a Decad and the Hexagram to a Dodecad must be left to further examination. The principle seems to exist: every unit has its complement. This was true, in a sense, of Bythus which became two while still remaining itself. The same principle of replication can be found in relation to the Square, the Pentad and the Hexad.

68. VSK suggests that the square is the dual Duad. We see the replication of the large circle in the smaller circle. The large circle (with its inscribed symbols) can represent the Solar Logos with the smaller circle seen as the echo or Con (the "Word made flesh", or Mantrikashakti).

69. There is no reason to think that the circles described have no antecedents or succeedents. Still larger circles than the large circle depicted have generated the large

66. Trong biểu đồ này có lẽ chúng ta sẽ tìm thấy:

a. Tam Vị căn bản

b. nguồn gốc của bảy nguyên khí của con người hay của Đấng Thiên Nhân

c. nguồn gốc của tâm thức hay của những hữu thể cấy vào và thúc đẩy tâm thức trong con người hay Đấng Thiên Nhân.

d. nguồn gốc của sáu vận cụ của tâm thức

e. Ngoài ra, có thể còn nhiều huyền nhiệm khác được ẩn giấu.

67. Việc chúng ta sẽ hiểu các syzygy mở rộng Ngũ Giác thành một Bộ Mười và Lục Giác thành một Bộ Mười Hai như thế nào phải để cho sự khảo sát thêm. Nguyên lý dường như là: mỗi đơn vị đều có phần bổ sung của nó. Điều này, theo một nghĩa nào đó, đúng với Bythus, vốn trở thành hai trong khi vẫn còn là chính nó. Cùng nguyên lý sao lặp này có thể được tìm thấy trong mối liên hệ với Hình Vuông, Bộ Năm và Bộ Sáu.

68. VSK gợi ý rằng hình vuông là nhị nguyên kép. Chúng ta thấy sự sao lặp của vòng tròn lớn trong vòng tròn nhỏ hơn. Vòng tròn lớn (với các biểu tượng nội tiếp của nó) có thể biểu thị Thái dương Thượng đế với vòng tròn nhỏ hơn được xem như tiếng vọng hay Con (Linh từ thành nhục thể, hay Mantrikashakti).

69. Không có lý do gì để nghĩ rằng các vòng tròn được mô tả không có tiền thân hay hậu thân. Những vòng tròn còn lớn hơn vòng tròn lớn được mô tả đã tạo ra vòng tròn lớn được mô tả, và vòng tròn nhỏ hơn được mô

circle depicted, and the smaller circle depicted will generate still smaller circles.

70. There are a number of lesser geometrical figures created by the featured figures. These lesser figures remain uninterpreted.

71. VSK suggests in relation to the Pentad which becomes the Decad, a duality of mind —"Venus Lucifer and Venus Hesperus"—a mind which both rises and falls.

72. VSK suggests that the 'double dual' is associated with the completion of the Kumaras and creates the man foursquare.

73. It is clear that we have only scratched the surface. Many points of interpretation remain to be explored and many mysteries are concealed.

74. The Divine Pleroma is intended to represent the energetic-ideational structure which substands all manifestation in our local cosmos and perhaps, in cosmos altogether.

tả sẽ tạo ra những vòng tròn còn nhỏ hơn nữa.

70. Có một số hình hình học nhỏ hơn được tạo ra bởi các hình nổi bật. Những hình nhỏ hơn này vẫn chưa được diễn giải.

71. VSK gợi ý, liên hệ với Bộ Năm trở thành Bộ Mười, một nhị nguyên tính của trí tuệ —"Venus Lucifer và Venus Hesperus"—một trí tuệ vừa đi lên vừa đi xuống.

72. VSK gợi ý rằng 'kép nhị nguyên' gắn với sự hoàn tất của các Kumaras và tạo ra con người vuông vức bốn phương.

73. Rõ ràng là chúng ta mới chỉ chạm vào bề mặt. Nhiều điểm diễn giải vẫn còn phải được khảo sát và nhiều huyền nhiệm vẫn còn được che giấu.

74. Pleroma thiêng liêng nhằm biểu thị cấu trúc năng lượng-ý niệm làm nền tảng cho mọi biểu hiện trong vũ trụ địa phương của chúng ta và có lẽ trong toàn thể vũ trụ.

I. WHAT IS THE RELATIONSHIP OF THE SON TO THE SUN?

This question brings us primarily to a consideration as to Who is the Son, and what is His function.

75. Let us call the Son the Cosmic Christ—as pertaining to any level of cosmic consideration.

76. The Son can be considered as:

I. MỐI LIÊN HỆ GIỮA NGƯỜI CON VÀ MẶT TRỜI LÀ GÌ?

Câu hỏi này trước hết đưa chúng ta đến việc xem xét Người Con là Ai, và chức năng của Ngài là gì.

75. Chúng ta hãy gọi Người Con là Đức Christ Vũ Trụ—xét theo bất kỳ cấp độ cân nhắc vũ trụ nào.

76. Người Con có thể được xem là:

a. The soul aspect

b. The union of Father and Mother

c. The Middle Principle

d. Consciousness through form in the process of evolution

77. The Son is created and evolves by means of the union of the Father aspect and Mother aspect;

78. From another perspective (much explored below by DK) the whole universe is the Son.

Two [Page 227] factors are universally recognised in all systems that merit the name of philosophy;

79. Not all systems are so rational in their thinking as to merit the name philosophy. HPB railed against the tenets of some modern religions as basically unphilosophical.

they are the two factors of spirit and matter, of purusha and prakriti.

80. All true systems of philosophy must embrace the reality of sprit and matter.

81. Purusha is equivalent to sprit (Spirit); prakriti is equivalent to matter (Matter).

82. After Spirit has gone forth in emanation it may be legitimate to think of it as spirit

a. phương diện linh hồn

b. sự hợp nhất của Cha và Mẹ

c. Nguyên Khí Trung Gian

d. tâm thức xuyên qua hình tướng trong tiến trình tiến hoá

77. Người Con được tạo ra và tiến hoá bằng phương tiện sự hợp nhất của phương diện Cha và phương diện Mẹ;

78. Từ một viễn tượng khác (được DK khảo sát nhiều ở dưới), toàn thể vũ trụ là Người Con.

Hai nhân tố [Page 227] được nhìn nhận một cách phổ quát trong mọi hệ thống xứng đáng với danh xưng triết học;

79. Không phải mọi hệ thống đều hợp lý trong tư duy đến mức xứng đáng với danh xưng triết học. HPB đã kịch liệt phản đối các giáo điều của một số tôn giáo hiện đại vì về cơ bản chúng phi triết học.

đó là hai nhân tố tinh thần và vật chất, purusha và prakriti.

80. Mọi hệ thống triết học chân chính đều phải bao hàm thực tại của tinh thần và vật chất.

81. Purusha tương đương với tinh thần (Tinh thần); prakriti tương đương với vật chất (Vật chất).

82. Sau khi Tinh thần đã phát ra trong sự xuất lộ, có thể là chính đáng khi nghĩ về nó

(lower case), but the essence, Spirit, must not be forgotten.

như tinh thần (chữ thường), nhưng bản thể, Tinh thần, không được bị quên lãng.

83. After Matter has undergone subdivision, it may be legitimate to think of it as matter (lower case), but the essence, Matter, must not be forgotten.

83. Sau khi Vật chất đã trải qua sự phân chia nhỏ, có thể là chính đáng khi nghĩ về nó như vật chất (chữ thường), nhưng bản thể, Vật chất, không được bị quên lãng.

There is at times a tendency to confound such terms as "life and form," "consciousness and the vehicle of consciousness" with the terms "Spirit and matter."

Đôi khi có xu hướng nhầm lẫn những thuật ngữ như "sự sống và hình tướng", "tâm thức và vận cụ của tâm thức" với các thuật ngữ "Tinh thần và vật chất."

84. Master DK is making some fine distinctions.

84. Chân sư DK đang đưa ra những phân biệt rất tinh tế.

They are related, but clarity of view would be facilitated if it were realised that prior to manifestation, or to the birth of a solar system, it is more correct to utilise the words, Spirit and matter.

Chúng có liên hệ với nhau, nhưng sự sáng tỏ trong cách nhìn sẽ được tạo điều kiện nếu nhận ra rằng trước biểu hiện, hay trước sự ra đời của một hệ mặt trời, dùng các từ Tinh thần và vật chất là đúng hơn.

85. My tendency is to capitalize Spirit (because we strive towards the essence), and to use the term “matter” in the lower case, as we are dealing, usually, with many different varieties of matter and not with Mulaprakriti itself (i.e., not with Matter).

85. Khuynh hướng của tôi là viết hoa Tinh thần (vì chúng ta hướng đến bản thể), và dùng thuật ngữ “vật chất” ở chữ thường, vì chúng ta thường đang đề cập đến nhiều loại vật chất khác nhau chứ không phải chính Mulaprakriti (tức không phải Vật chất).

86. While Spirit is related to Life and matter is related to form, it is only when Spirit is in manifestation that it should be called “Life”. Additionally, only when Matter is part of the process of manifestation (and is, thus, Matter), is it built into that which we call form.

86. Trong khi Tinh thần liên hệ với Sự sống và vật chất liên hệ với hình tướng, chỉ khi Tinh thần ở trong biểu hiện thì nó mới nên được gọi là “Sự sống”. Ngoài ra, chỉ khi Vật chất là một phần của tiến trình biểu hiện (và do đó là Vật chất), nó mới được xây dựng thành cái mà chúng ta gọi là hình tướng.

87. According to this way of thinking, “consciousness” can be related to “life” and the “vehicle of consciousness” can be related to form.

87. Theo lối suy nghĩ này, “tâm thức” có thể được liên hệ với “sự sống” và “vận cụ của tâm thức” có thể được liên hệ với hình tướng.

88. Spirit exists as Spirit and Matter as Matter only when there is no manifestation. And when, precisely, is that?

88. Tinh thần tồn tại như Tinh thần và Vật chất như Vật chất chỉ khi không có biểu hiện. Và chính xác là khi nào?

When these two are inter-related during manifestation, and

Khi hai cái này liên hệ với nhau trong thời kỳ biểu hiện, và

after the cessation of the pralayic interval or interlude between two systems, then the terms, life and form, consciousness and its vehicles, are more correct, **for during the period of abstraction consciousness is not, form is not, and life, demonstrating as an actual principle, is not.**

sau khi chấm dứt khoảng hay quãng nghỉ giai kỳ qui nguyên giữa hai hệ thống, thì các thuật ngữ sự sống và hình tướng, tâm thức và các vận cụ của nó là đúng hơn, **vì trong thời kỳ trừu xuất, tâm thức không hiện hữu, hình tướng không hiện hữu, và sự sống, biểu lộ như một nguyên khí thực sự, cũng không hiện hữu.**

89. We are given important metaphysical clarifications. "Life" and "form", "consciousness and its vehicles" are terms to be used only during the manifestation of any system—in this case, a solar system.

89. Chúng ta được trao cho những sự làm sáng tỏ siêu hình học quan trọng. "Sự sống" và "hình tướng", "tâm thức và các vận cụ của nó" là những thuật ngữ chỉ nên dùng trong thời kỳ biểu hiện của bất kỳ hệ thống nào—trong trường hợp này là một hệ mặt trời.

90. When DK tells us that during the period of abstraction there are no consciousness and no form, does He refer to the abstraction of such an insignificant being (relatively) as a Solar Logos, or does He refer to the Great ABSTRACTION—Universal Pralaya?

90. Khi DK nói với chúng ta rằng trong thời kỳ trừu xuất không có tâm thức và không có hình tướng, Ngài có đang nói đến sự trừu xuất của một hữu thể tương đối không đáng kể như một Thái dương Thượng đế, hay Ngài đang nói đến sự TRỪU XUẤT Vĩ Đại—Đại Giai kỳ qui nguyên Vũ Trụ?

91. If He refers the pralaya of a Solar Logos, we will have to think deeply, because elsewhere He has told us that pralaya only seems like abstraction when seen from 'below'. All pralayas short of the Ultimate Pralaya may have their own type of…shall we say consciousness and activity?

91. Nếu Ngài nói đến giai kỳ qui nguyên của một Thái dương Thượng đế, chúng ta sẽ phải suy nghĩ sâu xa, vì ở nơi khác Ngài đã nói với chúng ta rằng giai kỳ qui nguyên chỉ có vẻ như là sự trừu xuất khi được nhìn từ 'bên dưới'. Mọi giai kỳ qui nguyên chưa phải là Giai kỳ qui nguyên Tối Hậu đều có thể có loại… chúng ta hãy nói rằng tâm thức và hoạt động riêng của chúng?

92. DK distinguishes, apparently, between "life, demonstrating as an actual principle" and Life, per se.

92. DK rõ ràng phân biệt giữa "sự sống, biểu lộ như một nguyên khí thực sự" và chính Sự sống.

93. The suggestion seems to be that during pralaya, *principles are not*—i.e., that the qualitative divisions of being we call principles do not exist during pralaya.

93. Gợi ý dường như là trong giai kỳ qui nguyên, *các nguyên khí không hiện hữu*—tức là những phân chia phẩm tính của hữu thể mà chúng ta gọi là các nguyên khí không tồn tại trong giai kỳ qui nguyên.

94. At such a time "God is all-in-all". What that may mean for the divine factor which we call consciousness can only be imagined.

94. Vào lúc như thế "Thượng đế là tất cả trong mọi sự". Điều đó có thể hàm ý gì đối với yếu tố thiêng liêng mà chúng ta gọi là tâm thức thì chỉ có thể hình dung được mà thôi.

There is Spirit-substance

Có Tinh thần-chất liệu

95. May we call "Spirit-Substance" by the term "Spirit-Matter"?

95. Chúng ta có thể gọi "Tinh thần-Chất liệu" bằng thuật ngữ "Tinh thần-Vật chất" chăng?

96. During non-ultimate pralayas, the fusion of Spirit and Matter could persist as Spirit-Matter or Spirit-Substance. We might call this state the blend of Spirit and Matter, or Spirit and Substance.

96. Trong các giai kỳ qui nguyên chưa tối hậu, sự dung hợp của Tinh thần và Vật chất có thể vẫn tồn tại như Tinh thần-Vật chất hay Tinh thần-Chất liệu. Chúng ta có thể gọi trạng thái này là sự pha trộn của Tinh thần và Vật chất, hay của Tinh thần và Chất liệu.

97. DK seems to be saying that during a non-ultimate pralaya, Spirit and Matter still remain associated, but in a passive state..

97. DK dường như đang nói rằng trong một giai kỳ qui nguyên chưa tối hậu, Tinh thần và Vật chất vẫn còn liên kết với nhau, nhưng trong một trạng thái thụ động.

98. We could call such a formless state the "continuity of substance".

98. Chúng ta có thể gọi trạng thái vô tướng như thế là "tính liên tục của chất liệu".

99. From the perspective of Spinoza, the only true substance is GOD. We would call this "SUBSTANCE".

99. Từ viễn tượng của Spinoza, chất liệu chân thực duy nhất là THƯỢNG ĐẾ. Chúng ta sẽ gọi điều này là "CHẤT LIỆU".

but in a state of quiescence, of utter neutrality, of negativity, and of passivity.

nhưng trong một trạng thái tĩnh lặng, hoàn toàn trung tính, âm tính, và thụ động.

100. This would mean there was no outgoing impulse. Is it like sleep? If so, are there dreams? Or is this pralayic state like the deepest meditation, the deepest state of samadhi?

100. Điều này có nghĩa là không có xung lực hướng ngoại. Có phải nó giống như giấc ngủ không? Nếu vậy, có những giấc mơ không? Hay trạng thái giai kỳ qui nguyên này giống như sự tham thiền sâu nhất, trạng thái samadhi sâu nhất?

101. What appears as quiescence, negativity, passivity and utter neutrality *to us,* might be experienced as something completely *other* to the One Experiencer Who has retired into this imperturbable state.

101. Điều xuất hiện như sự tĩnh lặng, âm tính, thụ động và hoàn toàn trung tính *đối với chúng ta,* có thể được kinh nghiệm như một điều gì đó hoàn toàn *khác* đối với Đấng Kinh Nghiệm duy nhất đã rút lui vào trạng thái bất động này.

In manifestation the two are approximated; they interact upon each other; activity supersedes quiescence; positivity replaces negativity; movement is seen in place of passivity, and the two primordial factors are no longer neutral to each other, but attract and repulse, interact and utilise.

Trong biểu hiện, hai cái này được đưa lại gần nhau; chúng tác động lẫn nhau; hoạt động thay thế sự tĩnh lặng; dương tính thay thế âm tính; chuyển động được thấy thay cho sự thụ động, và hai nhân tố nguyên thủy không còn trung tính với nhau nữa, mà hút và đẩy, tương tác và sử dụng.

102. Let us look closely at these opposites:

102. Chúng ta hãy xem xét kỹ những cặp đối cực này:

a. Activity as the opposite of quiescence

a. Hoạt động là đối cực của sự tĩnh lặng

b. Positivity as the opposite of negativity

b. Dương tính là đối cực của âm tính

c. Movement as the opposite of passivity

c. Chuyển động là đối cực của sự thụ động

103. Because we are in manifestation in a solar system we are participating in a condition in which Spirit and Matter—

103. Bởi vì chúng ta đang ở trong biểu hiện trong một hệ mặt trời, chúng ta đang tham dự vào một trạng thái trong đó Tinh thần và Vật chất—

a. Attract and repulse each other

a. hút và đẩy lẫn nhau

b. Interact with each other

c. Utilize each other

104. In the state of Spirit-Matter, Spirit and Matter are neutral to each other and are not attracted, interactive, engaged.

105. Yet are they somehow blended or indistinguishable, for HPB has told us that Spirit is Matter and Matter is Spirit.

106. Note that it the term “Matter” is here being used in the upper case, even though it may refer to non-ultimate pralayas. This is so because the usual differentiations of Matter with which we are familiar are superseded even in non-ultimate pralayas, though differentiations of Matter with which we are *not* familiar may still be present.

Then and only then, can we have form animated by life, and consciousness demonstrated through appropriate vehicles.

107. May we say that the state in which Spirit/Substance is passive is a state of profoundest *subjectivity*? Magnetism, movement or interplay between them produces *objectivity.*

108. This activity or objectivity occurs within the realm of the Divine Son. The Divine Son is both the Cosmic Christ and the universe itself, considered as the objectification of the Cosmic Christ (or more properly, the Solar-Systemic Christ).

b. tương tác với nhau

c. sử dụng lẫn nhau

104. Trong trạng thái Tinh thần-Vật chất, Tinh thần và Vật chất trung tính đối với nhau và không bị hút, không tương tác, không tham dự.

105. Tuy nhiên, có phải bằng cách nào đó chúng được pha trộn hay không thể phân biệt, vì HPB đã nói với chúng ta rằng Tinh thần là Vật chất và Vật chất là Tinh thần.

106. Lưu ý rằng ở đây thuật ngữ “Vật chất” đang được dùng với chữ hoa, dù nó có thể nói đến các giai kỳ qui nguyên chưa tối hậu. Sở dĩ như vậy là vì những biến phân thông thường của Vật chất mà chúng ta quen thuộc đã bị vượt qua ngay cả trong các giai kỳ qui nguyên chưa tối hậu, dù những biến phân của Vật chất mà chúng ta *không* quen thuộc có thể vẫn còn hiện diện.

Chỉ khi đó, và chỉ khi đó, chúng ta mới có thể có hình tướng được sự sống linh hoạt hóa, và tâm thức được biểu lộ qua những vận cụ thích hợp.

107. Chúng ta có thể nói rằng trạng thái trong đó Tinh thần/Chất liệu là thụ động là một trạng thái *chủ quan tính* sâu xa nhất chăng? Từ điện, chuyển động hay sự tương tác giữa chúng tạo ra *khách quan tính.*

108. Hoạt động hay khách quan tính này xảy ra trong lĩnh vực của Người Con thiêng liêng. Người Con thiêng liêng vừa là Đức Christ Vũ Trụ vừa là chính vũ trụ, được xem như sự khách thể hóa của Đức Christ Vũ Trụ (hay đúng hơn là Đức Christ của hệ mặt trời).

109. We are dealing with life and form as the reflections of Spirit and Matter within our manifested solar system.

109. Chúng ta đang đề cập đến sự sống và hình tướng như những phản chiếu của Tinh thần và Vật chất trong hệ mặt trời biểu hiện của chúng ta.

110. From a certain perspective the Son is the expanding consciousness—expanding through the utilization of matter/form.

110. Từ một viễn tượng nào đó, Người Con là tâm thức đang mở rộng—mở rộng thông qua việc sử dụng vật chất/hình tướng.

111. His task is to adapt form to consciousness for the greater expansion and expression of that consciousness which He is.

111. Nhiệm vụ của Ngài là thích ứng hình tướng với tâm thức để tâm thức mà Ngài là đó có thể mở rộng và biểu lộ lớn lao hơn.

How can this be expressed? In terms of fire, when the two electric poles are brought into definite relationship we have demonstrated, **along the line of occult sight and of occult feeling,** both heat and light.

Điều này có thể được diễn tả như thế nào? Theo thuật ngữ của lửa, khi hai cực điện được đưa vào mối liên hệ xác định, chúng ta có sự biểu lộ, **theo đường của thông nhãn huyền bí và cảm nhận huyền bí,** cả nhiệt lẫn ánh sáng.

112. The heat and light here referenced are only demonstrable to occult sight and occult feeling. The light, it would seem, is *seen* and the heat *felt*.

112. Nhiệt và ánh sáng được nhắc đến ở đây chỉ có thể được biểu lộ đối với thông nhãn huyền bí và cảm nhận huyền bí. Ánh sáng, dường như, được *thấy* và nhiệt được *cảm nhận*.

113. Our fourth initiation will demonstrate this fully (fully, as understood within the realm of the microcosm). That initiation represents the approximation of the two poles followed by the conflagration of the Egoic Body.

113. Lần điểm đạo thứ tư của chúng ta sẽ biểu lộ điều này một cách trọn vẹn (trọn vẹn như được hiểu trong lĩnh vực của tiểu thiên địa). Lần điểm đạo đó biểu thị sự đưa hai cực lại gần nhau, tiếp theo là sự bùng cháy của Thể Chân Ngã.

114. The analogy can be extended, as beings far greater than man experience this conflagration at the appropriate point in their initiatory process.

114. Phép tương đồng này có thể được mở rộng, vì những hữu thể lớn lao hơn con người rất nhiều cũng kinh qua sự bùng cháy này tại điểm thích hợp trong tiến trình điểm đạo của họ.

115. With regard to our present evolutionary task, “heat” is equivalent to

115. Liên quan đến nhiệm vụ tiến hoá hiện tại của chúng ta, “nhiệt” tương đương với

"spiritual energy" (cf. R&I Rule I for Disciples and Initiates)

This relationship is brought about and perfected during the evolutionary process.

116. DK is speaking of the relationship between the two poles—the positive and negative, Spirit and Matter as they demonstrate in man.

This heat and light are produced by the union of the two poles, or by the occult marriage of male and female, of Spirit (father) and matter (mother).

117. Because we are speaking of occult *marriage* we know that the astrological sign Libra must be important in this process. The conflagration produced liberates man so that he may (eventually) tread the Way to Shamballa. The Way into Shamballa is ruled by Libra.

118. VSK suggests that we examine occult sight and occult feeling, relating them to the third and second sense, respectively—sight and touch, the mental and the astral, the orange and the rose.

119. Let us suppose that every marriage of any kind is intended to produce heat and light, i.e., animation and illumination. This will, perhaps, give us a different perspective upon marriage.

120. May it be in relation to the marriage of the Father and Mother, that the Pure Father, Purusha and the Pure Mother, Mulaprakriti, exist but *once* and at one initial period in any cosmos? Or, perhaps, they exist twice—at the end and at the beginning.

"năng lượng tinh thần" (x. R&I Quy luật I cho các Đệ tử và Điểm đạo đồ)

Mối liên hệ này được tạo ra và hoàn thiện trong tiến trình tiến hoá.

116. DK đang nói về mối liên hệ giữa hai cực —dương và âm, Tinh thần và Vật chất như chúng biểu lộ trong con người.

Nhiệt và ánh sáng này được tạo ra bởi sự hợp nhất của hai cực, hay bởi cuộc hôn phối huyền bí của nam và nữ, của Tinh thần (cha) và vật chất (mẹ).

117. Bởi vì chúng ta đang nói về cuộc *hôn phối* huyền bí, chúng ta biết rằng dấu hiệu chiêm tinh Thiên Bình hẳn phải quan trọng trong tiến trình này. Sự bùng cháy được tạo ra giải phóng con người để y có thể (cuối cùng) bước trên Con đường đến Shamballa. Con đường vào Shamballa do Thiên Bình cai quản.

118. VSK gợi ý rằng chúng ta khảo sát thông nhãn huyền bí và cảm nhận huyền bí, liên hệ chúng lần lượt với giác quan thứ ba và thứ hai—thị giác và xúc giác, trí tuệ và cảm dục, màu cam và màu hồng.

119. Chúng ta hãy giả định rằng mọi cuộc hôn phối thuộc bất kỳ loại nào cũng đều nhằm tạo ra nhiệt và ánh sáng, tức là sự linh hoạt hóa và sự soi sáng. Điều này có lẽ sẽ cho chúng ta một viễn tượng khác về hôn nhân.

120. Có phải trong mối liên hệ với cuộc hôn phối của Cha và Mẹ mà Người Cha Thuần Khiết, Purusha, và Người Mẹ Thuần Khiết, Mulaprakriti, chỉ hiện hữu *một* lần và tại một thời kỳ khởi đầu trong bất kỳ vũ trụ nào?

Hoặc có lẽ, chúng hiện hữu hai lần—ở cuối và ở đầu.

121. Or do Homogeneous Spirit and Homogeneous Matter remain throughout the duration of cosmos? This may seem an abstruse question, and it is, but it is an important one. If, for-instance, the One Monad remains after emanation has begun, should not the One Matter (Mulaprakriti) also remain, regardless of the differentiations of Matter? The problem is difficult, but must necessarily be solved if it is to be determined whether any Creator (other than the One Universal Creator) can work with Virgin Matter.

121. Hay Tinh thần Đồng Nhất và Vật chất Đồng Nhất vẫn tồn tại suốt thời lượng của vũ trụ? Đây có thể dường như là một câu hỏi khó hiểu, và đúng là như vậy, nhưng đó là một câu hỏi quan trọng. Chẳng hạn, nếu Một Chân thần vẫn còn sau khi sự phát xạ đã bắt đầu, thì chẳng phải Một Vật chất (Mulaprakriti) cũng phải vẫn còn, bất kể các biến phân của Vật chất sao? Vấn đề này khó khăn, nhưng nhất thiết phải được giải quyết nếu muốn xác định liệu có bất kỳ Đấng Sáng Tạo nào (ngoài Đấng Sáng Tạo Vũ Trụ Duy Nhất) có thể làm việc với Vật chất Đồng Trinh hay không.

In terms of the physical, this union produces the objective solar system, the Son of the Father and the Mother.

Theo phương diện hồng trần, sự hợp nhất này tạo ra hệ mặt trời khách quan, Người Con của Cha và Mẹ.

122. It is at this point in the chapter that DK physicalizes the idea of the Son and calls it the "objective solar system, the Son of the Father and the Mother".

122. Chính tại điểm này trong chương mà DK hồng trần hóa ý niệm về Người Con và gọi nó là "hệ mặt trời khách quan, Người Con của Cha và Mẹ".

123. We must remember here, that although the objective solar system is, indeed, a Son, it is but an expression of the *true* Son found upon the higher subplanes of the cosmic mental plane.

123. Ở đây chúng ta phải nhớ rằng, dù hệ mặt trời khách quan quả thực là một Người Con, nó chỉ là một biểu hiện của Người Con *đích thực* được tìm thấy trên các cõi phụ cao hơn của cõi trí vũ trụ.

124. We, too, may be considered as the Son in the manner here suggested. In what manner? As an evolving soul expressing through the causal body and through the eighteen lower subplanes we are then physicalized Son.

124. Chúng ta cũng có thể được xem là Người Con theo cách được gợi ý ở đây. Theo cách nào? Với tư cách là một linh hồn đang tiến hoá biểu lộ qua thể nguyên nhân và qua mười tám cõi phụ thấp hơn, khi ấy chúng ta là Người Con đã được hồng trần hóa.

In terms of the subjective, it produces the Sun, as the sum total of [Page 228] the qualities of light and heat.

Theo phương diện chủ quan, nó tạo ra Mặt Trời, như tổng số [Page 228] của các phẩm tính ánh sáng và nhiệt.

125. We are now engaged in a reversal of terms. The term "Sun" will for a number of sections take on the meaning of subjectivity whereas the word "Son" will become more objective.

125. Hiện nay chúng ta đang tham gia vào một sự đảo ngược thuật ngữ. Thuật ngữ "Sun" trong một số đoạn sẽ mang ý nghĩa của tính chủ quan, trong khi từ "Son" sẽ trở nên khách quan hơn.

126. DK seems to be using this reversal for pedagogical purposes and to offer us an illuminating, alternative point of view.

126. Dường như Chân sư DK đang dùng sự đảo ngược này vì mục đích sư phạm và để cống hiến cho chúng ta một quan điểm thay thế đầy soi sáng.

127. In this section DK is pointing to *subjective* light and heat—and we must think in these terms. He uses the term "Sun", in this section, *symbolically*, and not literally as the Sun and its planets through which the Divine Son expresses.

127. Trong phần này, Chân sư DK đang chỉ đến ánh sáng và nhiệt *chủ quan*—và chúng ta phải suy nghĩ theo những thuật ngữ này. Trong phần này, Ngài dùng thuật ngữ "Sun" một cách *biểu tượng*, chứ không theo nghĩa đen là Mặt Trời và các hành tinh của nó, qua đó Con thiêng liêng biểu lộ.

In terms of fire, by the union or at-one-ment of electric fire (Spirit) and fire by friction (energised matter) solar fire is produced.

Xét theo lửa, nhờ sự hợp nhất hay hiệp nhất của Lửa Điện (Tinh thần) và Lửa ma sát (vật chất được tiếp năng lượng), Lửa Thái dương được tạo ra.

128. From the perspective here given, fire by friction is not just matter but *energized* matter. In a way, it is surprising that DK attaches the idea of matter to fire by friction, as the fire is that which energizes the matter and is not matter per se.

128. Theo quan điểm được nêu ở đây, Lửa ma sát không chỉ là vật chất mà là vật chất đã được *tiếp năng lượng*. Theo một nghĩa nào đó, thật đáng ngạc nhiên khi Chân sư DK gắn ý niệm vật chất với Lửa ma sát, vì lửa là cái tiếp năng lượng cho vật chất chứ không phải chính vật chất.

129. May we consider that all fires are emanations of the Flame which we call the Monad?

129. Chúng ta có thể xem mọi loại lửa đều là những phát xạ từ Ngọn Lửa mà chúng ta gọi là Chân thần chăng?

This solar fire will be distinguished above all else by its evolutionary development, and by the gradual intensification of the heat to be felt, and of the light to be seen.

Lửa Thái dương này sẽ được phân biệt trên hết bởi sự phát triển tiến hoá của nó, và bởi sự tăng cường dần dần của nhiệt được cảm nhận, và của ánh sáng được nhìn thấy.

130. Solar fire evolves, and is characterized by different degrees of light and heat

130. Lửa Thái dương tiến hoá, và được đặc trưng bởi những mức độ khác nhau của ánh sáng và nhiệt.

131. The more evolved the solar fire, the greater the intensification of light and heat. As consciousness evolves solar fire evolves.

131. Lửa Thái dương càng tiến hoá thì sự tăng cường của ánh sáng và nhiệt càng lớn. Khi tâm thức tiến hoá, Lửa Thái dương cũng tiến hoá.

132. We note that heat is definitely related to touch and feeling while light, predictably, is related to sight.

132. Chúng ta lưu ý rằng nhiệt rõ ràng liên hệ với xúc giác và cảm nhận, trong khi ánh sáng, như có thể dự đoán, liên hệ với thị giác.

133. Electric fire and fire by friction can also be intensified, but pure Spirit and pure Matter cannot be intensified. In a way, they are absolutes.

133. Lửa Điện và Lửa ma sát cũng có thể được tăng cường, nhưng Tinh thần thuần túy và Vật chất thuần túy thì không thể được tăng cường. Theo một nghĩa nào đó, chúng là những tuyệt đối.

134. In our particular solar system, the intensification of solar fire is our objective. The climax of this intensification for man as man comes with the fourth initiation and reasonable argument can be offered that this climax extends to the fifth initiation.

134. Trong hệ mặt trời đặc thù của chúng ta, sự tăng cường của Lửa Thái dương là mục tiêu của chúng ta. Đỉnh điểm của sự tăng cường này đối với con người với tư cách con người đến cùng lần điểm đạo thứ tư, và có thể đưa ra lập luận hợp lý rằng đỉnh điểm này kéo dài đến lần điểm đạo thứ năm.

135. Let us summarize certain important points. We have—

135. Chúng ta hãy tóm lược một số điểm quan trọng. Chúng ta có—

a. An objective Son which is the Solar System

a. Một Son khách quan là hệ mặt trời.

b. A subjective Sun Who is the interior light and heat of solar fire

b. Một Sun chủ quan là ánh sáng và nhiệt nội tại của Lửa Thái dương.

c. Solar fire, itself, generated as the result of electric fire and fire by friction.

c. Chính Lửa Thái dương, được tạo ra như kết quả của Lửa Điện và Lửa ma sát.

136. What is evolving in a solar system? Is Spirit evolving? Not in *essence*. Is matter evolving? Not in *essence*. Or is it

136. Điều gì đang tiến hoá trong một hệ mặt trời? Tinh thần có đang tiến hoá không? Không, xét về *bản chất cốt yếu*. Vật chất có đang tiến hoá không? Không, xét về *bản chất*

consciousness that is evolving? Yes. The Son is the cyclically evolving factor.

cốt yếu. Hay là *tâm thức* đang tiến hoá? Đúng vậy. Son là yếu tố tiến hoá theo chu kỳ.

137. Interestingly, form is more related to consciousness than to matter. Form reflects consciousness. Matter is the means of substantiating (or embodying) the reflection.

137. Điều thú vị là hình tướng liên hệ với tâm thức nhiều hơn là với vật chất. Hình tướng phản ánh tâm thức. Vật chất là phương tiện để làm cho sự phản ánh ấy có chất liệu nền tảng (hay được nhập thể).

138. Immediately below DK gives us a description parallel to the description just given in which the Son was *objective* and the Sun was subjective…only He does it in relation to the human being

138. Ngay bên dưới, Chân sư DK cho chúng ta một mô tả song song với mô tả vừa nêu, trong đó Son là *khách quan* còn Sun là chủ quan… chỉ khác là Ngài thực hiện điều đó trong liên hệ với con người.

For a clearer comprehension of this abstract matter, we might consider the microcosm, or man evolving in the three worlds. Man is the product of the approximation (at present imperfect) of the two poles of Spirit (the Father in Heaven) and of matter (the Mother).

Để hiểu rõ hơn vấn đề trừu tượng này, chúng ta có thể xét đến tiểu thiên địa, hay con người đang tiến hoá trong ba cõi thấp. Con người là sản phẩm của sự tiếp cận gần nhau (hiện nay còn bất toàn) của hai cực là Tinh thần (Đức Cha trên Trời) và vật chất (Người Mẹ).

139. The word “approximation” is interestingly used. It seems to mean a gradual, magnetically induced approach and a growing interplay that precedes total engagement and fusion.

139. Từ “approximation” được dùng thật thú vị. Dường như nó có nghĩa là một sự tiến gần dần dần do từ tính cảm ứng và một sự tương tác ngày càng tăng, đi trước sự dấn nhập hoàn toàn và sự dung hợp.

140. We may pause at this point to recognize ourselves as “man”—man derived by the approximation described.

140. Tại điểm này, chúng ta có thể dừng lại để nhận ra chính mình là “con người”—con người được hình thành từ sự tiếp cận gần nhau vừa mô tả.

The result of this union is an individualised Son of God, or unit of the divine Self, an **exact replica in miniature on the lowest plane of the great Son of God, the All-Self, who is in Himself the totality of all the miniature sons, of all the individualised Selves, and of each and every unit.**

Kết quả của sự hợp nhất này là một Con của Thượng đế đã được biệt ngã hóa, hay một đơn vị của Bản Ngã thiêng liêng, một **bản sao chính xác ở dạng thu nhỏ trên cõi thấp nhất của Con Vĩ Đại của Thượng đế, Đại Ngã-Toàn Thể, Đấng trong chính Ngài là tổng thể của mọi người con thu nhỏ, của mọi Bản Ngã đã được biệt ngã hóa, và của từng đơn vị một.**

141. This is an extraordinary sentence. Objective man is being likened to the objective solar system. In this context they are both considered to be the "Son".

142. But we are immediately disabused of the tendency to consider the *real* Son as either the solar system or, microcosmically, as objective man. The *real* Son is the "great Son of God", perhaps on the cosmic mental plane but perhaps above, for what is the meaning of the All-Self? In a cosmic context this All-Self would be the One and Only Self in cosmos.

143. In any case, we have established that the real Son is deeply subjective and inclusive and that the miniature physical sons (whether the solar system or tiny man) are but externalizations of this great subjective Reality.

144. What we learn is that the "great Son of God" is reflected in countless, miniature, physicalized sons.

145. Putting it another way, every microcosmic son reflects the Universal Son and is a part of it.

146. Immediately below DK will consider man from a subjective point of view, treating man as a subjective sun just as He viewed the subjectivity of the Solar Logos as a Sun. (Elsewhere, of course, the Sun is considered the objective factor).

147. VSK suggests that when DK uses a term like "exact replica" a holographic model is presented.

141. Đây là một câu phi thường. Con người khách quan đang được ví với hệ mặt trời khách quan. Trong ngữ cảnh này, cả hai đều được xem là "Son".

142. Nhưng ngay lập tức chúng ta được giải trừ khỏi khuynh hướng xem Son *thực sự* là hoặc hệ mặt trời hoặc, ở cấp tiểu thiên địa, là con người khách quan. Son *thực sự* là "Con Vĩ Đại của Thượng đế", có lẽ ở trên cõi trí vũ trụ nhưng cũng có thể cao hơn, vì ý nghĩa của Đại Ngã-Toàn Thể là gì? Trong một bối cảnh vũ trụ, Đại Ngã-Toàn Thể này sẽ là Bản Ngã duy nhất và độc nhất trong vũ trụ.

143. Dù sao đi nữa, chúng ta đã xác lập rằng Son thực sự mang tính chủ quan sâu xa và bao gồm, còn những người con hồng trần thu nhỏ (dù là hệ mặt trời hay con người nhỏ bé) chỉ là những sự ngoại hiện của Thực Tại chủ quan vĩ đại này.

144. Điều chúng ta học được là "Con Vĩ Đại của Thượng đế" được phản chiếu trong vô số những người con thu nhỏ đã được vật chất hóa.

145. Nói cách khác, mỗi người con tiểu thiên địa phản ánh Con Phổ Quát và là một phần của Nó.

146. Ngay bên dưới, Chân sư DK sẽ xem xét con người từ một quan điểm chủ quan, xử lý con người như một mặt trời chủ quan cũng như Ngài đã xem tính chủ quan của Thái dương Thượng đế như một Sun. (Dĩ nhiên, ở nơi khác, Sun được xem là yếu tố khách quan).

147. VSK gợi ý rằng khi Chân sư DK dùng một thuật ngữ như "bản sao chính xác", một mô hình toàn ký được trình bày.

148. VSK would have us ponder again on heat and light, the second and third senses of touch and sight, or the astral rosy warm attractive and repulsive qualities, and the vital illuminating flames or fires of mind.

148. VSK muốn chúng ta lại suy ngẫm về nhiệt và ánh sáng, hai giác quan thứ hai và thứ ba là xúc giác và thị giác, hay những phẩm tính hồng ấm cảm dục của hấp dẫn và đẩy lùi, và những ngọn lửa hay hỏa diệm tiếp sinh lực, soi sáng của trí tuệ.

The microcosm, expressed **in other terms** or from the subjective point of view, is a miniature sun distinguished by the qualities of heat and light.

Tiểu thiên địa, được diễn đạt **theo những thuật ngữ khác** hay từ quan điểm chủ quan, là một mặt trời thu nhỏ được phân biệt bởi những phẩm tính của nhiệt và ánh sáng.

149. The phrase "in other terms" suggests the subjective point of views.

149. Cụm từ "theo những thuật ngữ khác" gợi ý những quan điểm chủ quan.

150. Subjectively, man is a unit of heat and light.

150. Xét về chủ quan, con người là một đơn vị của nhiệt và ánh sáng.

151. What is this miniature sun? The Egoic Lotus. The sun here referenced must not be physical only, because on the mental plane we are, increasingly, a radiant sun.

151. Mặt trời thu nhỏ này là gì? Hoa Sen Chân Ngã. Mặt trời được nhắc đến ở đây hẳn không chỉ là hồng trần, vì trên cõi trí, chúng ta ngày càng là một mặt trời rạng ngời.

152. It is reasonable, therefore, to speak of man as a subjective sun.

152. Vì vậy, thật hợp lý khi nói về con người như một mặt trời chủ quan.

153. On many planes but especially on the higher mental plane, man is distinguished by heat and light.

153. Trên nhiều cõi, nhưng đặc biệt trên Cõi thượng trí, con người được phân biệt bởi nhiệt và ánh sáng.

154. By means of a His pedagogical technique of 'reversing perspectives', DK is alerting us to the presence of a *sun* in the subjective worlds.

154. Bằng kỹ thuật sư phạm đảo ngược các phối cảnh của Ngài, Chân sư DK đang cảnh báo chúng ta về sự hiện diện của một *mặt trời* trong các thế giới chủ quan.

155. But let us be alert—when speaking of the "sun" does DK *always* indicate a subjectivity? No.

155. Nhưng chúng ta hãy cảnh giác—khi nói về "sun", Chân sư DK có *luôn luôn* chỉ một tính chủ quan không? Không.

156. Perhaps he is saying that subjectively we are *like* suns, but looked at objectively—does man look like a sun? One could

156. Có lẽ y đang nói rằng về mặt chủ quan chúng ta *giống như* những mặt trời, nhưng nếu nhìn một cách khách quan—con người

immediately say, “no”, but it would be better to say “not yet”, because one day, objectively, man will be just as much of a sun as the Sun which is the manifestation of the subjective nature of our Solar Logos. Man will one day demonstrate objectively through a “body of fire” which will remind one of a solar blaze.

có trông giống một mặt trời không? Người ta có thể lập tức nói “không”, nhưng tốt hơn nên nói “chưa”, vì một ngày kia, về mặt khách quan, con người sẽ là một mặt trời không kém gì Mặt Trời vốn là sự biểu lộ của bản chất chủ quan của Thái dương Thượng đế của chúng ta. Một ngày kia con người sẽ biểu lộ một cách khách quan qua một “thể lửa”, khiến người ta nhớ đến một ngọn bùng cháy mặt trời.

157. For the time being our task is to become a sun subjectively. Had we the correct vision, we would see ourselves on the higher mental plane as suns. We would see subjective radiant suns, could we but see causally. Imagination approximates this apprehension.

157. Hiện thời, nhiệm vụ của chúng ta là trở thành một mặt trời về mặt chủ quan. Nếu chúng ta có linh thị đúng đắn, chúng ta sẽ thấy chính mình trên Cõi thượng trí như những mặt trời. Chúng ta sẽ thấy những mặt trời rạng ngời chủ quan, nếu chúng ta có thể thấy ở cấp nguyên nhân. Sự tưởng tượng tiến gần đến sự nắm bắt này.

At present

Hiện nay

158. We are considering man as the microcosm functioning in the lower three worlds

158. Chúng ta đang xem xét con người như tiểu thiên địa đang hoạt động trong ba cõi thấp.

that light is "under the bushel," or deeply hidden by a veil of matter,

ánh sáng ấy đang “ở dưới cái đấu”, hay bị che giấu sâu kín bởi một bức màn vật chất,

159. The “bushel” is the lower eighteen subplanes. These subplanes act as many veils hiding the causal sun on the higher mental plane.

159. “Cái đấu” là mười tám cõi phụ thấp. Những cõi phụ này hoạt động như nhiều bức màn che giấu mặt trời nguyên nhân trên cõi thượng trí.

but in due process of evolution it will shine forth to such an extent that the veils will be lost from sight in a blaze of exceeding glory.

nhưng theo tiến trình thích đáng của tiến hoá, nó sẽ chiếu rạng đến mức những bức màn sẽ mất khỏi tầm nhìn trong một luồng chói sáng của vinh quang siêu vượt.

160. We are again speaking of that climactic moment which the fourth degree represents.

160. Chúng ta lại đang nói về khoảnh khắc đỉnh điểm mà cấp độ thứ tư tượng trưng.

161. A question remains: how many physically survive the taking of the fourth degree? Apparently this initiation need not end in physical death as there are those who take the fourth and fifth degrees in the same incarnation.

161. Một câu hỏi vẫn còn đó: có bao nhiêu người còn sống về mặt thể xác sau khi tiếp nhận cấp độ thứ tư? Rõ ràng điểm đạo này không nhất thiết phải kết thúc bằng cái chết thể xác, vì có những người tiếp nhận cấp độ thứ tư và thứ năm trong cùng một lần lâm phàm.

162. So, if one physically survives the fourth degree, the veils will be lost from sight—but not destroyed.

162. Vì vậy, nếu một người còn sống về mặt thể xác sau cấp độ thứ tư, các bức màn sẽ mất khỏi tầm nhìn—nhưng không bị hủy diệt.

163. If the fourth degree terminates in physical death (as it sometimes does), the veils, along with the lower atomic triangle, will be destroyed. In this case the candidate for Mastership would have to take that degree outside of physical incarnation or in a projected mayavirupa—a strange thought!

163. Nếu cấp độ thứ tư kết thúc bằng cái chết thể xác (như đôi khi xảy ra), các bức màn, cùng với tam giác nguyên tử thấp, sẽ bị hủy diệt. Trong trường hợp này, ứng viên cho Chân sư vị sẽ phải tiếp nhận cấp độ ấy ngoài lâm phàm hồng trần hoặc trong một mayavirupa được phóng chiếu—một ý nghĩ thật lạ lùng!

164. Should one physically survive the taking of the fourth degree, the veils, in a sense, would *seem* to remain, but they will have been rendered transparent and non-obstructive. How this may be accomplished is presently a mystery.

164. Nếu một người còn sống về mặt thể xác sau khi tiếp nhận cấp độ thứ tư, các bức màn, theo một nghĩa nào đó, sẽ *dường như* vẫn còn, nhưng chúng sẽ trở nên trong suốt và không còn cản trở. Hiện nay, điều này có thể được thực hiện như thế nào vẫn còn là một huyền nhiệm.

165. Or are they immediately replaced by a Mayavirupa? This seems unlikely, as such a will-created body is usually a reflection of the body in which the Arhat took the fifth initiation.

165. Hay là chúng lập tức được thay thế bằng một Mayavirupa? Điều này dường như không có khả năng, vì một thể do ý chí tạo ra như thế thường là sự phản chiếu của thể mà trong đó vị A La Hán đã tiếp nhận lần điểm đạo thứ năm.

166. As evolution proceeds and as the fires burn, the veils will be rendered ever-more transparent and the light "hidden under the bushel" will shine through with greater intensity. The climactic moment, however, reduces the veiling effect greatly.

166. Khi tiến hoá tiếp diễn và khi các ngọn lửa bừng cháy, các bức màn sẽ ngày càng trở nên trong suốt hơn và ánh sáng "ẩn dưới cái đấu" sẽ chiếu xuyên qua với cường độ lớn hơn. Tuy nhiên, khoảnh khắc đỉnh điểm làm giảm mạnh hiệu quả che phủ.

167. Perhaps the fifth degree (the Initiation of Revelation) must be taken before man can shine forth as the blazing sun—on *all* levels of his manifestation.

167. Có lẽ lần điểm đạo thứ năm (Cuộc Điểm Đạo Mặc Khải) phải được tiếp nhận trước khi con người có thể chiếu rạng như mặt trời bừng cháy—trên *mọi* cấp độ biểu lộ của y.

168. The relationship between the fourth and fifth initiations hold some enigmas which have been far from solved by students of occultism.

168. Mối liên hệ giữa lần điểm đạo thứ tư và thứ năm chứa đựng một số điều bí ẩn mà các đạo sinh huyền bí học còn lâu mới giải quyết được.

At present the microcosmic heat is of small degree, or the magnetic radiation between the microcosmic units is but little felt (in the occult significance of the term),

Hiện nay, nhiệt của tiểu thiên địa còn ở mức nhỏ, hay bức xạ từ tính giữa các đơn vị tiểu thiên địa chỉ được cảm nhận rất ít (theo ý nghĩa huyền bí của thuật ngữ này),

169. The microcosmic heat of which we are speaking is the heat of solar fire as it makes itself felt shining through the veils. In the disciple and initiate these veils are attenuating.

169. Nhiệt của tiểu thiên địa mà chúng ta đang nói đến là nhiệt của Lửa Thái dương khi nó tự biểu lộ bằng cách chiếu xuyên qua các bức màn. Ở đệ tử và điểm đạo đồ, những bức màn này đang mỏng dần.

170. As solar fire intensifies there will be a corresponding increase of "magnetic radiation between the microcosmic units". This will signify a growing group consciousness.

170. Khi Lửa Thái dương tăng cường, sẽ có sự gia tăng tương ứng của "bức xạ từ tính giữa các đơn vị tiểu thiên địa". Điều này sẽ biểu thị một tâm thức nhóm đang lớn mạnh.

but as time proceeds, the emanations of heat,

nhưng khi thời gian trôi qua, những phát xạ của nhiệt,

171. Heat, in this context, is another name for "spiritual energy"

171. Trong ngữ cảnh này, nhiệt là một tên gọi khác của "năng lượng tinh thần".

—due to intensification of the inner flame, coupled with the assimilated radiation of other units—will increase,

—do sự tăng cường của ngọn lửa bên trong, kết hợp với bức xạ đã được đồng hóa từ các đơn vị khác—sẽ gia tăng,

172. The jewel in the lotus can be considered an “inner flame”. The jewel is an increasingly radiant and fiery demonstration.

172. Viên ngọc trong hoa sen có thể được xem là một “ngọn lửa bên trong”. Viên ngọc là một biểu hiện ngày càng rạng ngời và rực lửa.

173. The Monad, too, is even more an inner flame, and that monadic flame is increasing in intensity as the time for the fourth initiation approaches.

173. Chân thần cũng còn là một ngọn lửa bên trong hơn nữa, và ngọn lửa chân thần ấy đang tăng cường cường độ khi thời điểm của lần điểm đạo thứ tư đến gần.

174. The radiant, subjective demonstration of fire increases due to group interplay. As others of the group increase their spiritual fire and light, the group-related unit absorbs their fire and light and, thus, increases his own.

174. Biểu hiện rạng ngời, chủ quan của lửa gia tăng nhờ sự tương tác nhóm. Khi những người khác trong nhóm gia tăng lửa và ánh sáng tinh thần của họ, đơn vị liên hệ với nhóm hấp thụ lửa và ánh sáng của họ và do đó gia tăng lửa và ánh sáng của chính y.

and become of such proportions that the interaction between the individualised Selves will result in the merging to perfection of the flame within each one,

và trở nên có quy mô đến mức sự tương tác giữa các Bản Ngã đã được biệt ngã hóa sẽ dẫn đến sự hòa nhập hoàn hảo của ngọn lửa bên trong mỗi người,

175. Here is discussed the glory of group consciousness and spiritual interplay.

175. Ở đây đang bàn đến vinh quang của tâm thức nhóm và sự tương tác tinh thần.

176. We understand, now, how a group of initiates may be produced through the augmentation of fire due to an intensified group process. Many sticks burning individually may suddenly become part of a general conflagration.

176. Giờ đây chúng ta hiểu cách một nhóm điểm đạo đồ có thể được tạo ra qua sự gia tăng lửa do một tiến trình nhóm được tăng cường. Nhiều que củi cháy riêng lẻ có thể đột nhiên trở thành một phần của một đám cháy lớn chung.

and a blending of the heat; this will proceed until there is **"one flame with countless sparks"** within it,

và một sự hòa trộn của nhiệt; điều này sẽ tiếp diễn cho đến khi có **“một Ngọn Lửa với vô số tia lửa”** bên trong nó,

177. The One Flame is the Greater Life from which the Monads hang (“by the finest

177. Một Ngọn Lửa là Sự sống Vĩ Đại mà từ đó các Chân thần được treo vào (“bằng sợi

thread of Fohat") as "countless undetached sparks".

178. What is being described is the glory of full group consciousness. We are discussing a highly initiated group passing through a phase of *very* high spiritual consummation.

179. Perhaps the process of group initiation (as it will be experienced in future days upon this planet) is being prefigured by the Tibetan's words.

until the heat is general and balanced.

180. The Libran effect is also present, along with that of Leo (the sign which is, we may infer, very powerful at the fifth initiation of Mastership, for Leo is the fifth sign).

181. We are discussing the future glory of humanity and also the present state (in terms of fire) of the great Ashram.

When this is the case and each Son of God [from the objective aspect] is a perfected Sun [inwardly and from the subjective aspect], characterised by perfectly expressed light and heat, [Page 229] then the entire solar system, the greater Son of God, will be the perfected Sun.

182. Master DK has presented us with a vision of great beauty and power.

183. The climax described portrays the effulgence of our entire solar system. From

chỉ Fohat mảnh nhất") như "vô số tia lửa không tách rời".

178. Điều đang được mô tả là vinh quang của tâm thức nhóm trọn vẹn. Chúng ta đang bàn đến một nhóm được điểm đạo rất cao đang đi qua một giai đoạn thành tựu tinh thần *rất* cao.

179. Có lẽ tiến trình điểm đạo nhóm (như nó sẽ được trải nghiệm trong những ngày tương lai trên hành tinh này) đang được lời của Chân sư Tây Tạng báo trước.

cho đến khi nhiệt trở nên phổ quát và quân bình.

180. Hiệu ứng của Thiên Bình cũng hiện diện, cùng với hiệu ứng của Sư Tử (dấu hiệu mà, chúng ta có thể suy ra, rất mạnh ở lần điểm đạo thứ năm của Chân sư vị, vì Sư Tử là dấu hiệu thứ năm).

181. Chúng ta đang bàn về vinh quang tương lai của nhân loại và cũng về trạng thái hiện tại (xét theo lửa) của đại Ashram.

Khi điều này xảy ra và mỗi Con của Thượng đế [từ phương diện khách quan] là một Sun hoàn hảo [ở nội tâm và từ phương diện chủ quan], được đặc trưng bởi ánh sáng và nhiệt được biểu lộ hoàn hảo, [Page 229] thì toàn bộ hệ mặt trời, Con Vĩ Đại hơn của Thượng đế, sẽ là Sun hoàn hảo.

182. Chân sư DK đã trình bày cho chúng ta một linh ảnh có vẻ đẹp và quyền năng lớn lao.

183. Đỉnh điểm được mô tả phác họa sự huy hoàng rực rỡ của toàn bộ hệ mặt trời của chúng ta. Từ nhóm vinh quang, Chân sư DK

the glorious group, DK has transitioned to the glory of solar fulfillment.

đã chuyển sang vinh quang của sự viên mãn mặt trời.

184. In this climactic paragraph it is actually difficult to determine His use of Son and Sun, for He seems to be discussing the Son (both objectively and subjectively) simultaneously with the Sun (both subjectively and objectively). A little pondering will reveal His fusion of terms.

184. Trong đoạn đỉnh điểm này, thật ra khó xác định cách Ngài dùng Son và Sun, vì dường như Ngài đang đồng thời bàn về Son (cả khách quan lẫn chủ quan) cùng với Sun (cả chủ quan lẫn khách quan). Suy ngẫm một chút sẽ cho thấy sự dung hợp các thuật ngữ của Ngài.

185. At this climax, microcosmically, we shall:

185. Ở đỉnh điểm này, xét theo tiểu thiên địa, chúng ta sẽ:

a. Be the perfected Son on the outer plane

a. Là Son hoàn hảo trên cõi bên ngoài.

b. Who is a representative of the Great Son of God on the higher mental plane

b. Là đại diện của Con Vĩ Đại của Thượng đế trên Cõi thượng trí.

c. Inwardly we shall be ablaze in glory and, thus, a subjective sun

c. Ở nội tâm, chúng ta sẽ bừng cháy trong vinh quang và do đó là một sun chủ quan.

d. And outwardly as well through our body of fire, and, thus, an objective sun.

d. Và ở bên ngoài cũng vậy qua thể lửa của chúng ta, và do đó là một sun khách quan.

186. VSK offer a most occult suggestion: Note the anagram with flame as f/male; this combustion on some level being suggestive of the re-mergence of the sexes or the marriage of the Capricorn and Scorpio Hierarchies.

186. VSK đưa ra một gợi ý hết sức huyền bí: hãy lưu ý phép đảo chữ với flame thành f/male; sự bốc cháy này ở một cấp độ nào đó gợi ý sự tái hợp nhất của hai giới tính hay cuộc hôn phối của các Huyền Giai Hổ Cáp và Ma Kết.

The system will then be characterised by a "blaze of refulgent glory,"

Hệ thống khi ấy sẽ được đặc trưng bởi một “luồng chói sáng của vinh quang rực rỡ,”

187. We are dealing with solar consummation, a climactic stage far beyond the stage of sacred planet destined for our own little Earth.

187. Chúng ta đang bàn đến sự viên mãn mặt trời, một giai đoạn đỉnh điểm vượt xa giai đoạn hành tinh thiêng liêng được định cho Trái Đất nhỏ bé của chúng ta.

188. How far ahead is this consummation? We can say, no farther than the

188. Sự viên mãn này còn xa đến mức nào? Chúng ta có thể nói, không xa hơn sự biến

disappearance of the physical aspect of the solar system. This will certainly be billions of years into the future, and, if the Hindu chronology is to be believed, perhaps trillions of years.

mất của phương diện hồng trần của hệ mặt trời. Điều này chắc chắn còn hàng tỉ năm trong tương lai, và nếu niên đại học Ấn Độ giáo là đáng tin, có lẽ là hàng nghìn tỉ năm.

189. Sri Yuktiswar suggests a chronology much shortened when compared with the chronology from by HPB is working. Which is correct?

189. Sri Yuktiswar gợi ý một niên đại được rút ngắn rất nhiều so với niên đại mà HPB đang vận dụng. Cái nào đúng?

and by a radiation that will link it up with its cosmic centre, and thus effect the liberation of the Son, and His return to the far distant source from whence the primal impulse originated.

và bởi một bức xạ sẽ nối kết nó với trung tâm vũ trụ của nó, và như thế thực hiện sự giải thoát của Son, và sự trở về của Ngài đến nguồn cội xa xăm, từ đó xung lực nguyên thủy đã phát sinh.

190. Is the "cosmic centre" the same as the "far distant source"?

190. "Trung tâm vũ trụ" có phải là cùng một điều với "nguồn cội xa xăm" không?

191. Sirius may be considered the "cosmic center" to which our solar system and its Solar Logos are related. Or that "cosmic centre" may be a source of still greater scope.

191. Sirius có thể được xem là "trung tâm vũ trụ" mà hệ mặt trời và Thái dương Thượng đế của chúng ta có liên hệ. Hoặc "trung tâm vũ trụ" ấy có thể là một nguồn có tầm mức còn lớn hơn nữa.

192. As for the "far distant source from which the primal impulse originated", perhaps we should think of it as the Pleiades with its central star, Alcyone. It would seem that for our Solar Logos, Who is 'treading' the sixth Cosmic Path, the Pleiades and the cosmic buddhic plane are the goal and perhaps the *origin* (as entities tend to return to their place of origin).

192. Còn về "nguồn cội xa xăm từ đó xung lực nguyên thủy phát sinh", có lẽ chúng ta nên nghĩ đến nó như là Pleiades với ngôi sao trung tâm của nó, Alcyone. Dường như đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta, Đấng đang "bước đi" trên Con đường Vũ Trụ thứ sáu, Pleiades và cõi Bồ đề vũ trụ là mục tiêu và có lẽ cũng là *nguồn gốc* (vì các thực thể có khuynh hướng trở về nơi xuất phát của mình).

193. What is the meaning of the "liberation of the Son"?

193. "Sự giải thoát của Son" có nghĩa là gì?

194. The liberation of the Son—involves, on the one hand, the material factors/forces which represented the subjective solar Jiva—

194. Sự giải thoát của Son—một mặt, bao hàm các yếu tố/lực vật chất vốn đại diện cho Jiva mặt trời chủ quan—nghĩa là các yếu tố/

meaning that the lunar factors/forces and lesser devic factors/forces are also liberated

lực thái âm và các yếu tố/lực thiên thần thấp hơn cũng được giải thoát.

195. However, it is certainly not *only* the liberation of the relatively physical aspects of the solar system (though that must be considered), but rather of the solar logoic *Soul* in incarnation. That Soul (itself an extension of the solar logoic Monad) can again return to its monadic source.

195. Tuy nhiên, chắc chắn đó không phải là *chỉ* sự giải thoát của các phương diện tương đối hồng trần của hệ mặt trời (dù điều đó phải được xét đến), mà đúng hơn là của *Linh hồn* thái dương logoic đang lâm phàm. Linh hồn ấy (bản thân nó là một sự mở rộng của Chân thần thái dương logoic) có thể lại trở về nguồn chân thần của nó.

196. If the Son were simply a term representing the material solar system, it could not be equivalent to that which is liberated and which, in being liberated, returns to a "far distant source".

196. Nếu Son chỉ đơn giản là một thuật ngữ đại diện cho hệ mặt trời vật chất, thì nó không thể tương đương với cái được giải thoát và, trong khi được giải thoát, trở về một "nguồn cội xa xăm".

197. Some interesting ideas were discussed:

197. Một số ý tưởng thú vị đã được bàn đến:

a. May it be that a Solar Logos has Solar Angels at its own level? That they create the causal body of the Solar Logos, and are liberated at the fourth initiation of the Solar Logos?

a. Có thể nào một Thái dương Thượng đế có các Thái dương Thiên Thần ở chính cấp độ của nó? Rằng các vị ấy tạo ra thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế, và được giải thoát ở lần điểm đạo thứ tư của Thái dương Thượng đế?

b. There may have been a cosmic failure with respect to the Great Bear through developments on the star Alioth (the third star from the outer point of the Bear's Tail). This failure may have been influential in inducing a solar logoic failure through the third ray solar system, that preceded our own. This earlier solar logoic failure may have transferred its influence to the third chain of our Earth scheme (the Moon-chain failure), and then perhaps to a third ray root race (Lemurian), which retarded itself and the subsequent development of the human race, through the "sin of the mindless". All these failures are connected with the third aspect of divinity.

b. Có thể đã có một thất bại vũ trụ liên quan đến Đại Hùng Tinh do những diễn biến trên ngôi sao Alioth (ngôi sao thứ ba tính từ điểm ngoài cùng của Đuôi Gấu). Thất bại này có thể đã có ảnh hưởng trong việc gây ra một thất bại thái dương logoic qua hệ mặt trời cung ba, vốn đi trước hệ mặt trời của chúng ta. Thất bại thái dương logoic trước đó có thể đã chuyển ảnh hưởng của nó sang dãy thứ ba của hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta (thất bại của Dãy Mặt Trăng), và rồi có lẽ sang một giống dân gốc cung ba (Lemuria), vốn đã tự làm chậm trễ chính mình và sự phát triển tiếp theo của giới nhân loại, qua "tội lỗi của những kẻ vô trí". Tất cả những

thất bại này đều liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính.

c. We also learn that there was a failure within the Pleiades, as one of their number made a great mistake in marrying a "mortal"—most reasonably our non-sacred Earth—and, therefore, had to hide her face in "shame". This is the legend of the "Lost Pleiad".

c. Chúng ta cũng biết rằng đã có một thất bại trong Pleiades, khi một trong số họ phạm một sai lầm lớn khi kết hôn với một "người phàm"—hợp lý nhất là Trái Đất không thiêng liêng của chúng ta—và do đó đã phải che mặt trong "xấu hổ". Đây là truyền thuyết về "Pleiad Thất Lạc".

d. We are told that cosmic evil (at least upon our planet) results from a lack of proper alignment or adjustment between one of the stars in the Great Bear (Alioth?), one of the stars in the Pleiades (Merope?) and our Earth. We can see, then, the likelihood that cosmic evil arises through lack of proper alignment or adjustment between factors representing the third ray. It should be remembered that our Earth (so involved with this important misalignment, has a third ray personality. When that third ray is superseded by Earth's second ray soul, can we expect that the misalignment will be broken?

d. Chúng ta được cho biết rằng điều ác vũ trụ (ít nhất là trên hành tinh của chúng ta) phát sinh từ sự thiếu chỉnh hợp hay điều chỉnh thích đáng giữa một trong các ngôi sao của Đại Hùng Tinh (Alioth?), một trong các ngôi sao của Pleiades (Merope?) và Trái Đất của chúng ta. Khi ấy, chúng ta có thể thấy khả năng rằng điều ác vũ trụ phát sinh qua sự thiếu chỉnh hợp hay điều chỉnh thích đáng giữa các yếu tố đại diện cho cung ba. Nên nhớ rằng Trái Đất của chúng ta (liên hệ sâu với sự lệch chỉnh hợp quan trọng này) có một cung phàm ngã cung ba. Khi cung ba ấy được thay thế bởi cung linh hồn cung hai của Trái Đất, chúng ta có thể mong đợi rằng sự lệch chỉnh hợp ấy sẽ bị phá vỡ chăng?

e. As a result of the foregoing perhaps we may conclude our Solar System (just like our planet) is not as advanced as it should be, especially because of the rebellion in the last solar system, itself perhaps induced by mal-alignments involving the stars in the Great Bear and Pleiades.

e. Từ những điều trên, có lẽ chúng ta có thể kết luận rằng hệ mặt trời của chúng ta (cũng như hành tinh của chúng ta) không tiến bộ như lẽ ra phải thế, đặc biệt vì cuộc phản loạn trong hệ mặt trời trước, bản thân nó có lẽ được gây ra bởi những lệch chỉnh hợp liên quan đến các ngôi sao trong Đại Hùng Tinh và Pleiades.

f. Since Earth is a powerful kundalinic factor within our solar system, this entire planet must be submitted to purification if solar systemic kundalini is to work.

f. Vì Trái Đất là một yếu tố kundalinic mạnh mẽ trong hệ mặt trời của chúng ta, toàn bộ hành tinh này phải được đưa vào sự thanh lọc nếu kundalini của toàn hệ mặt trời muốn hoạt động.

g. Earth, we are told, has a first ray Monad, and is the base of the spine center of the Solar Logos. The Solar Logos is probably to take the fifth initiation at the end of this solar system, therefore Earth will become very active in a first ray manner. By that time it will be a sacred planet and have access to its monadic energy.

g. Chúng ta được cho biết rằng Trái Đất có một Chân thần cung một, và là trung tâm đáy cột sống của Thái dương Thượng đế. Thái dương Thượng đế có lẽ sẽ tiếp nhận lần điểm đạo thứ năm vào cuối hệ mặt trời này, vì vậy Trái Đất sẽ trở nên rất hoạt động theo cách của Cung một. Đến lúc đó nó sẽ là một hành tinh thiêng liêng và có thể tiếp cận năng lượng chân thần của nó.

h. We also remember that at the fifth initiation (of man, at least) the base of the spine center is the most activated chakra. Thus, by analogy, the importance of Earth at that critical time for our Solar Logos.

h. Chúng ta cũng nhớ rằng ở lần điểm đạo thứ năm (ít nhất là của con người), trung tâm đáy cột sống là luân xa được hoạt hóa mạnh nhất. Vì vậy, theo định luật tương ứng, tầm quan trọng của Trái Đất vào thời điểm trọng yếu ấy đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta.

i. Our Earth has an analogical relationship to the cosmic Dragon, Draco, who represents cosmic kundalini in the One About Whom Naught May Be Said.

i. Trái Đất của chúng ta có một mối liên hệ tương đồng với con Rồng vũ trụ, Draco, vốn đại diện cho kundalini vũ trụ trong Đấng Bất Khả Tư Nghị.

j. Planetary Logoi are called “Dragons of Wisdom” and on our Earth, particularly, advanced human beings are known as “Dragons of Wisdom”, “Serpents” or “Beneficent Dragons”.

j. Các Hành Tinh Thượng Đế được gọi là “Những Con Rồng Minh Triết” và trên Trái Đất của chúng ta, đặc biệt, những con người tiến hóa cao được biết đến như “Những Con Rồng Minh Triết”, “Những Con Rắn” hay “Những Con Rồng Từ Lành”.

k. It is clear that the ‘Dragon Power’ on Earth is not yet released. It is far too impure and is still a non-sacred planet (in relation to which the monadic ray, the first in this case, cannot be effective).

k. Rõ ràng là “Quyền năng Rồng” trên Trái Đất vẫn chưa được giải phóng. Nó còn quá bất tịnh và Trái Đất vẫn là một hành tinh không thiêng liêng (liên hệ với nó, cung chân thần, trong trường hợp này là cung một, chưa thể hữu hiệu).

l. Our Earth through its Earth-chain, however, is passing through a great systemic crucifixion, and the necessary planetary crucifixion is underway.

l. Tuy nhiên, Trái Đất của chúng ta qua Dãy Địa Cầu của nó đang đi qua một cuộc đóng đinh hệ thống lớn lao, và cuộc đóng đinh hành tinh cần thiết đang diễn ra.

m. We can see that our human problems on Earth may have causes buried in the "night of time", and we should attempt, when we are capable of such encompassing thought, to see them in this perspective.

m. Chúng ta có thể thấy rằng những vấn đề nhân loại của chúng ta trên Trái Đất có thể có những nguyên nhân chôn sâu trong "đêm của thời gian", và chúng ta nên cố gắng, khi có khả năng tư duy bao quát như thế, nhìn chúng trong phối cảnh này.

n. From a certain view, we human beings are elementals of the our solar system. Just as in relation to our own energy system, elementals are to become devas, so we (as solar systemic elemental lives) are to become solar systemic *devic* lives—perhaps akin to the solar angels who supervise us. At such a time we would (symbolically and, maybe, literally) sprout wings (of an energetic nature). But we will not do so unless our heart becomes winged.

n. Theo một quan điểm nào đó, chúng ta, những con người, là các hành khí của hệ mặt trời của chúng ta. Cũng như trong liên hệ với hệ thống năng lượng riêng của chúng ta, các hành khí sẽ trở thành thiên thần, thì chúng ta (với tư cách các sự sống hành khí của hệ mặt trời) sẽ trở thành các sự sống *thiên thần* của hệ mặt trời—có lẽ tương tự các Thái dương Thiên Thần đang giám sát chúng ta. Vào lúc ấy, chúng ta sẽ mọc cánh (một cách biểu tượng và có thể cả theo nghĩa đen) với bản chất năng lượng. Nhưng chúng ta sẽ không làm được điều đó trừ phi trái tim chúng ta trở nên có cánh.

198. A definition of the term Jiva also was formulated: The Jiva is the extension of monadic presence and consciousness within the five lower worlds. The Jiva is the Monad in extension. Jiva does not take anything objective back to its source, the Monad.

198. Một định nghĩa về thuật ngữ Jiva cũng đã được hình thành: Jiva là sự mở rộng của sự hiện diện và tâm thức chân thần trong năm cõi thấp. Jiva là Chân thần-trong-sự-mở-rộng. Jiva không mang bất cứ điều gì khách quan trở lại nguồn của nó là Chân thần.

199. NOTE: Below are multiple definitions of the Son. DK summarizes all the perspectives for understanding the Son, so let us them study carefully. He seems to list them from the most **objective** to the more subjective.

199. LƯU Ý: Bên dưới là nhiều định nghĩa về Son. Chân sư DK tóm lược mọi phối cảnh để hiểu Son, vì vậy chúng ta hãy nghiên cứu chúng cẩn thận. Dường như Ngài liệt kê chúng từ mức **khách quan** nhất đến chủ quan hơn.

Therefore, bear in mind:

Vì vậy, hãy ghi nhớ:

First, that the Son is the radiant result of the union of Spirit and Matter, and may be considered as the totality of the solar

Thứ nhất, rằng Son là kết quả rạng ngời của sự hợp nhất giữa Tinh thần và Vật chất, và có thể được xem là tổng thể của hệ mặt trời, Mặt Trời và bảy hành tinh thiêng liêng.

system, the Sun and the seven sacred planets.

200. From this perspective the Son can be considered a grand totality of the Sun, solar system, and the seven sacred planets, and really, all planets. The Son considered as the objective solar system is emphasized.

200. Theo quan điểm này, Son có thể được xem là một tổng thể vĩ đại của Mặt Trời, hệ mặt trời và bảy hành tinh thiêng liêng, và thật ra là mọi hành tinh. Ở đây, Son được nhấn mạnh như hệ mặt trời khách quan.

Second, that the Son manifests through his qualities of light and heat, as does the solar Sun.

Thứ hai, rằng Son biểu lộ qua những phẩm tính ánh sáng và nhiệt của y, cũng như solar Sun.

201. In this case the Son is viewed more subjectively, likened, in its interior qualities of light and heat, to the solar Sun.

201. Trong trường hợp này, Son được nhìn theo cách chủ quan hơn, được ví, trong những phẩm tính nội tại của ánh sáng và nhiệt, với solar Sun.

Third, that the Son is the product of the electrical union of "fire by friction" and electric fire, and is Himself "solar fire" or the manifestation of the other two, hence that which is seen and that which is felt.

Thứ ba, rằng Son là sản phẩm của sự hợp nhất điện giữa “Lửa ma sát” và Lửa Điện, và chính Ngài là “Lửa Thái dương” hay sự biểu lộ của hai loại kia, do đó là cái được thấy và cái được cảm nhận.

202. The Son in this case is definitely subjective, solar fire born of electric fire and fire by friction. Even though the Son is subjective, he is, nevertheless, “that which is seen and that which is felt”. The seeing and feeling need not be confined to objective dimensions. The Son in this case is the expression of consciousness through form.

202. Trong trường hợp này, Son rõ ràng là chủ quan, là Lửa Thái dương sinh ra từ Lửa Điện và Lửa ma sát. Dù Son là chủ quan, tuy nhiên y vẫn là “cái được thấy và cái được cảm nhận”. Sự thấy và cảm nhận không nhất thiết bị giới hạn trong các chiều kích khách quan. Trong trường hợp này, Son là sự biểu lộ của tâm thức qua hình tướng.

Finally, that the Son, therefore, is the middle manifestation, and is produced by that which is above, and that which is below, in the occult sense.

Sau cùng, rằng Son, vì vậy, là biểu lộ trung gian, và được tạo ra bởi cái ở trên và cái ở dưới, theo ý nghĩa huyền bí.

203. The “middle manifestation” is really all that can be seen. It is said that “no one hath seen the Father”. It would be equally true to say that ‘no one hath seen the Mother—as

203. “Biểu lộ trung gian” thật ra là tất cả những gì có thể được thấy. Người ta nói rằng “không ai từng thấy Đức Cha”. Cũng đúng như vậy nếu nói rằng “không ai từng thấy

She *is--essentially*". But all the *forms* into which the Mother is built and which the Father vitalizes and sustains—these are seen.

Người Mẹ—như Bà *là—về bản chất cốt yếu*". Nhưng tất cả những *hình tướng* mà trong đó Người Mẹ được kiến tạo và được Đức Cha tiếp sinh lực và duy trì—thì đều được thấy.

Therefore, **the Son on His own plane (the cosmic mental plane), is the egoic body of the Logos** in the same sense as the egoic body of the microcosm is the product of the union of the Monad, or Spirit, and matter.

Vì vậy, **Son trên cõi riêng của Ngài (cõi trí vũ trụ), là thể chân ngã của Logos** theo cùng ý nghĩa như thể chân ngã của tiểu thiên địa là sản phẩm của sự hợp nhất giữa Chân thần, hay Tinh thần, và vật chất.

204. Here is the true definition of the Son on his own plane emerges. In this highest of all sense, the Son is the "Heart of the Sun", the "Subjective Sun", the Egoic Body of the Solar Logos.

204. Ở đây xuất hiện định nghĩa chân thực về Son trên cõi riêng của y. Theo ý nghĩa cao nhất này, Son là "Trái Tim của Mặt Trời", "Mặt Trời Chủ Quan", Thể Chân Ngã của Thái dương Thượng đế.

Just as the body egoic of man (that which is called the causal body) is only in process of formation, and is not yet perfected, so we may predicate the same of the solar system, as it expresses the Life of God.

Cũng như thể chân ngã của con người (cái được gọi là thể nguyên nhân) mới chỉ đang trong tiến trình hình thành và chưa hoàn hảo, thì chúng ta cũng có thể khẳng định điều tương tự đối với hệ mặt trời, khi nó biểu lộ Sự sống của Thượng đế.

205. The Egoic Body of the Logos is not yet perfect. Our Logos has not even taken the third degree—*cosmically* considered, though in terms of its fourth scheme, the Earth Scheme is may be in process of taking its fourth minor initiation in a series of nine.

205. Thể Chân Ngã của Logos vẫn chưa hoàn hảo. Logos của chúng ta thậm chí còn chưa tiếp nhận cấp độ thứ ba—nếu xét *theo vũ trụ*, dù xét theo hệ hành tinh thứ tư của Ngài, Hệ Địa Cầu có thể đang trong tiến trình tiếp nhận lần điểm đạo nhỏ thứ tư trong một chuỗi chín lần.

206. So much depends upon whether we look at the Earth-scheme from the scheme angle or from the chain angle.

206. Quá nhiều điều tùy thuộc vào việc chúng ta nhìn Hệ Địa Cầu từ góc độ hệ hành tinh hay từ góc độ dãy.

207. From the chain angle (considering our Earth-scheme as but a chain to our Solar Logos), the fourth minor initiation of our Solar Logos may correspond with the fourth minor initiation which our Planetary Logos is undergoing through its own Earth-chain.

207. Từ góc độ dãy (xem Hệ Địa Cầu của chúng ta chỉ như một dãy đối với Thái dương Thượng đế), lần điểm đạo nhỏ thứ tư của Thái dương Thượng đế có thể tương ứng với lần điểm đạo nhỏ thứ tư mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang trải qua qua chính Dãy Địa Cầu của Ngài.

208. From the scheme angle, will it be true that as our Solar Logos takes His fourth *major* initiation or cosmic initiation, our planet, the Earth, will be undergoing its fourth *major* initiation? For now, the second major or cosmic initiation is the goal for our Planetary Logos, but much may be possible in the future. These are very recondite points and require much pondering and comparative analysis.

208. Từ góc độ hệ hành tinh, có đúng chăng rằng khi Thái dương Thượng đế của chúng ta tiếp nhận lần điểm đạo *lớn* thứ tư hay điểm đạo vũ trụ, hành tinh của chúng ta, Trái Đất, sẽ đang trải qua lần điểm đạo *lớn* thứ tư của nó? Hiện nay, lần điểm đạo lớn hay vũ trụ thứ hai là mục tiêu của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, nhưng trong tương lai nhiều điều có thể xảy ra. Đây là những điểm rất thâm áo và đòi hỏi nhiều suy ngẫm cùng phân tích so sánh.

It is in process of perfecting. The Son, manifesting through the Sun and its sphere of influence, is yet in a state of gradual development, and not until each cell within His body is fully alive and vibrating to a uniform measure, will He be "full grown" and perfected.

Nó đang trong tiến trình hoàn thiện. Con, biểu lộ qua Mặt Trời và khối cầu ảnh hưởng của nó, vẫn còn ở trong một trạng thái phát triển dần dần, và chỉ khi mỗi tế bào trong thân thể của Ngài hoàn toàn sống động và rung động theo một mức độ đồng nhất, Ngài mới "trưởng thành đầy đủ" và hoàn hảo.

209. Again the question of subjectivity and objectivity is clarified. In this context, the Son is definitely a great subjective Being manifesting through our Sun and its sphere of influence.

209. Một lần nữa, vấn đề chủ quan và khách quan được làm sáng tỏ. Trong ngữ cảnh này, Son rõ ràng là một Hữu thể chủ quan vĩ đại đang biểu lộ qua Mặt Trời của chúng ta và khối cầu ảnh hưởng của nó.

210. Our Solar Logos, the Son on the cosmic mental plane, is developing only gradually and is not yet "full grown" and perfected.

210. Thái dương Thượng đế của chúng ta, Son trên cõi trí vũ trụ, chỉ đang phát triển dần dần và vẫn chưa "trưởng thành đầy đủ" và hoàn hảo.

211. The term "full grown" can be understood as relating to the third cosmic initiation and term "perfected" to the fifth cosmic initiation, which, we are told, will be taken by the Solar Logos in this solar system.

211. Thuật ngữ "trưởng thành đầy đủ" có thể được hiểu là liên hệ đến lần điểm đạo vũ trụ thứ ba và thuật ngữ "hoàn thiện" là liên hệ đến lần điểm đạo vũ trụ thứ năm, mà chúng ta được cho biết rằng Thái dương Thượng đế sẽ trải qua trong hệ mặt trời này.

Not until His radiation and His display of light is perfectly seen and felt, will His place among the heavenly constellations (the Son of God in a cosmic sense) be fully achieved.

Chỉ khi nào bức xạ của Ngài và sự biểu lộ ánh sáng của Ngài được thấy và cảm nhận một cách hoàn hảo, thì vị trí của Ngài giữa các chòm sao thiên giới (Con của Thượng đế

theo nghĩa vũ trụ) mới được thành tựu trọn vẹn.

212. Those who are to see and feel the radiation of our Solar Logos as Son are the Logoi of the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

212. Những Đấng sẽ thấy và cảm nhận bức xạ của Thái dương Thượng đế của chúng ta với tư cách là Con, là các Thượng đế của Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó.

213. Eventually that radiation will be a noteworthy factor within the radius of the One About Whom Naught May Be Said.

213. Cuối cùng, bức xạ ấy sẽ là một yếu tố đáng chú ý trong phạm vi của Đấng Bất Khả Tư Nghị.

214. The "heavenly constellations" are the vehicle for the Son of God in a more cosmic sense than our physical Sun is the vehicle of the Son of God.

214. Các "chòm sao thiên giới" là vận cụ của Con của Thượng đế theo một nghĩa vũ trụ hơn so với việc Mặt Trời vật chất của chúng ta là vận cụ của Con của Thượng đế.

[Page 230] Not until each cell in His body is a sphere of **radiant glory—a blaze of fire and light, and a source of magnetic radiation or heat**, occultly expressed, will the Son in the Heavens "shine forth."

[Page 230] Chỉ khi mỗi tế bào trong thân thể của Ngài là một khối cầu **vinh quang rạng ngời—một ngọn lửa của lửa và ánh sáng, và một nguồn bức xạ từ tính hay nhiệt**, được diễn đạt theo huyền bí học, thì Con trên Thiên Giới mới "chiếu sáng ra".

215. When we read the words immediately above we are to remember that the fifth major initiation of our Solar Logos, looms ahead as a probability in this solar system. Elsewhere, DK suggests that our Solar Logos may take only His fourth major initiation.

215. Khi đọc những lời ngay trên đây, chúng ta phải nhớ rằng lần điểm đạo lớn thứ năm của Thái dương Thượng đế của chúng ta hiện ra phía trước như một khả năng trong hệ mặt trời này. Ở nơi khác, Chân sư DK gợi ý rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta có thể chỉ trải qua lần điểm đạo lớn thứ tư của Ngài.

216. The blaze is both objective and subjective and so is the Son (His true home being on the cosmic mental plane where He expresses Himself as the "Heart of the Sun"), but He is also the demonstrable Son of the Father/Mother, objectively.

216. Ngọn lửa ấy vừa khách quan vừa chủ quan, và Con cũng vậy (quê hương đích thực của Ngài ở trên cõi trí vũ trụ, nơi Ngài biểu lộ chính mình như "Trái Tim của Mặt Trời"), nhưng Ngài cũng là Con có thể được chứng minh của Cha/Mẹ, một cách khách quan.

217. It becomes clear that the lesser are involved in the liberation of the greater. We

217. Rõ ràng là cái nhỏ hơn có liên quan đến sự giải thoát của cái lớn hơn. Chúng ta là

are tiny spheres in the body of the Planetary Logos and of the Solar Logos. It is our task to become spheres of radiant glory. In so doing, we contribute to the liberation of these greater Entities "in whom we live and move and have our being".

những khối cầu nhỏ bé trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế và của Thái dương Thượng đế. Nhiệm vụ của chúng ta là trở thành những khối cầu vinh quang rạng ngời. Khi làm như vậy, chúng ta góp phần vào sự giải thoát của các Thực Thể lớn lao hơn này, "trong các Ngài mà chúng ta sống, chuyển động và hiện hữu".

218. We should attempt to interpret the word "Heavens" as here used. It certainly does not only mean the objective sky. When the term "third heaven" is used with respect to a human being, it means the higher mental plane. When the term "Heavens" is here used, we should think of it in terms of the cosmic mental plane, and especially of the first subplane of the cosmic mental plane where our Solar Logos is subjectively focussed in His causal body.

218. Chúng ta nên cố gắng diễn giải từ "Thiên Giới" như được dùng ở đây. Chắc chắn nó không chỉ có nghĩa là bầu trời khách quan. Khi thuật ngữ "tầng trời thứ ba" được dùng liên hệ đến một con người, nó có nghĩa là Cõi thượng trí. Khi thuật ngữ "Thiên Giới" được dùng ở đây, chúng ta nên nghĩ đến nó theo nghĩa cõi trí vũ trụ, và đặc biệt là cõi phụ thứ nhất của cõi trí vũ trụ, nơi Thái dương Thượng đế của chúng ta được tập trung một cách chủ quan trong thể nguyên nhân của Ngài.

219. The consummation of which we are speaking, however, suggests that both subjectively and objectively the Son will shine forth.

219. Tuy nhiên, sự viên mãn mà chúng ta đang nói đến gợi ý rằng cả chủ quan lẫn khách quan, Con sẽ chiếu sáng ra.

From the cosmic point of view, as we know, our sun is but of the **fourth order**, and on the lowest cosmic plane.

Theo quan điểm vũ trụ, như chúng ta biết, mặt trời của chúng ta chỉ thuộc **bậc thứ tư**, và ở trên cõi vũ trụ thấp nhất.

220. This section suggests that other and higher Solar Logoi manifest through their lowest aspect on still higher planes. Our Solar Logos is very much in physical incarnation at this time. Presumably, there are many Solar Logoi who are not afflicted by such a limitation.

220. Phần này gợi ý rằng các Thái dương Thượng đế khác và cao hơn biểu lộ qua phương diện thấp nhất của Các Ngài trên những cõi còn cao hơn nữa. Thái dương Thượng đế của chúng ta hiện nay đang lâm phàm vật chất rất sâu đậm. Có lẽ có nhiều Thái dương Thượng đế không bị giới hạn như vậy.

221. The subplanes of the cosmic physical plane, whereon our Solar Logos manifests, can be considered the four cosmic ethers.

221. Các cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ, nơi Thái dương Thượng đế của chúng ta biểu lộ, có thể được xem là bốn dĩ thái vũ trụ.

222. The following thoughts arose in discussion:

a. Every Creative Hierarchy has seven levels of form and nine levels of consciousness.

b. Let us assume that there are seven formal levels of Solar Logoi, and nine levels of consciousness.

c. That our Solar Logos is a Logos of the fourth order may mean special expression on the fourth or buddhic plane of the cosmic physical plane.

d. Our Solar Logos is a heart center in a still greater Logos—a Cosmic Logos. Which chakra is the heart? The fourth.

e. Our Sun/Solar Logos is, it seems, quite physical—has not made it into the higher Triad of Suns/Solar Logoi who are the chakras within the Cosmic Logos Who expresses through the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

f. Our Sun is thus a member of a Lower Quaternary—a lower expression of some Entity, a Cosmic Logos which we have sometimes called the Sirian Logos.

g. Our Solar Logos manifesting through his Sun is definitely not yet *sacred.*

h. Among the Solar Logoi there may be nine initiations. This is definitely true for our Solar Logos. At least there are nine *minor* initiation—cf. TCF 384)

222. Những ý tưởng sau đây đã nảy sinh trong khi thảo luận:

a. Mỗi Huyền Giai Sáng Tạo đều có bảy cấp độ hình tướng và chín cấp độ tâm thức.

b. Chúng ta hãy giả định rằng có bảy cấp độ hình tướng của các Thái dương Thượng đế, và chín cấp độ tâm thức.

c. Việc Thái dương Thượng đế của chúng ta là một Thượng đế thuộc bậc thứ tư có thể có nghĩa là sự biểu lộ đặc biệt trên cõi thứ tư hay cõi Bồ đề của cõi hồng trần vũ trụ.

d. Thái dương Thượng đế của chúng ta là một trung tâm tim trong một Thượng đế còn lớn hơn nữa—một Thượng đế Vũ Trụ. Luân xa nào là tim? Luân xa thứ tư.

e. Mặt Trời/Thái dương Thượng đế của chúng ta, dường như, khá là vật chất—chưa tiến vào Tam nguyên tinh thần cao hơn của các Mặt Trời/Thái dương Thượng đế, là các luân xa bên trong Thượng đế Vũ Trụ, Đấng biểu lộ qua Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó.

f. Vì vậy, Mặt Trời của chúng ta là một thành viên của một Bộ Tứ Thấp—một biểu lộ thấp hơn của một Thực Thể nào đó, một Thượng đế Vũ Trụ mà đôi khi chúng ta gọi là Thượng đế Sirius.

g. Thái dương Thượng đế của chúng ta biểu lộ qua Mặt Trời của ngài rõ ràng vẫn chưa *thiêng liêng.*

h. Giữa các Thái dương Thượng đế có thể có chín lần điểm đạo. Điều này chắc chắn đúng đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta.

Ít nhất có chín lần điểm đạo *nhỏ* —xem TCF 384)

i. Our Solar Logos is talking the fourth of nine sub-initiations.

i. Thái dương Thượng đế của chúng ta đang trải qua lần tiểu điểm đạo thứ tư trong chín lần.

j. If a sacred planet must have taken the fifth initiation to be sacred, what of a Solar Logos? May this also be true of our Solar Logos? Will only His fifth cosmic initiation render him "sacred" in a cosmic sense.

j. Nếu một hành tinh thiêng liêng phải đã trải qua lần điểm đạo thứ năm để trở nên thiêng liêng, thì còn một Thái dương Thượng đế thì sao? Điều này cũng có thể đúng với Thái dương Thượng đế của chúng ta chăng? Chỉ lần điểm đạo vũ trụ thứ năm của Ngài mới khiến ngài trở nên "thiêng liêng" theo nghĩa vũ trụ chăng.

k. Maybe He will take His fifth *minor* initiation in a series of nine through His fifth scheme. Is this Venus?

k. Có lẽ Ngài sẽ trải qua lần điểm đạo *nhỏ* thứ năm của Ngài trong một chuỗi chín lần qua hệ hành tinh thứ năm của Ngài. Có phải là Sao Kim không?

When the Son has, through the Sun, attained full expression (that is, perfected His display of light and heat) then He will shine forth upon another plane, that of the cosmic mental.

Khi Con, qua Mặt Trời, đã đạt đến sự biểu lộ trọn vẹn (nghĩa là đã hoàn thiện sự biểu lộ ánh sáng và nhiệt của Ngài) thì Ngài sẽ chiếu sáng ra trên một cõi khác, đó là cõi trí vũ trụ.

223. This signifies the achievement of the perfected personality, which, completed, signals, as well, a causal shining forth prior to casual destruction.

223. Điều này biểu thị sự thành tựu của phàm ngã hoàn thiện, mà khi hoàn tất, cũng báo hiệu một sự chiếu sáng nhân quả trước khi có sự hủy diệt nhân quả.

224. Full expression below signals full radiance of the causal nature above.

224. Sự biểu lộ trọn vẹn bên dưới báo hiệu sự rạng ngời trọn vẹn của bản chất nguyên nhân bên trên.

225. Thus, when our Solar Logos has achieved full physical expression on all levels of the cosmic physical plane, He will shine forth causally on the higher levels of the cosmic mental plane.

225. Như vậy, khi Thái dương Thượng đế của chúng ta đã đạt được sự biểu lộ hồng trần trọn vẹn trên mọi cấp độ của cõi hồng trần vũ trụ, Ngài sẽ chiếu sáng ra về mặt nguyên nhân trên các cấp độ cao hơn của cõi trí vũ trụ.

226. Immediately below, in microcosmic terms, we have the unfolding of the definition of a Master.

We have the analogy in the microcosm or man. When a man's light fully shines forth, when his magnetic radiation has reached the stage of vivid interaction or group activity, then he has attained full self-expression, and has included within his sphere of influence and control the mental plane. He is then considered a Master.

227. Let us tabulate the requirements for those climaxing developments in the life of man which make of Him a Master.

a. His light is fully shining forth

b. His magnetic radiation has reached the stage of vivid interaction or group activity

c. He has attained full self-expression

d. He has included within his sphere of influence and control the mental plane

228. Leo, a sign of full self-expression, is also the sign of mastership.

229. We might also say that a fourth degree initiate will have reached the stage of vivid interaction or group activity.

He also is of the fourth order;

230. A Master is master of the mental plane, but not necessarily of the buddhic or atmic planes even though focussed there.

226. Ngay bên dưới, theo thuật ngữ vi mô, chúng ta có sự khai mở của định nghĩa về một Chân sư.

Chúng ta có sự tương đồng trong tiểu thiên địa hay con người. Khi ánh sáng của một người chiếu sáng trọn vẹn, khi bức xạ từ tính của y đã đạt đến giai đoạn tương tác sinh động hay hoạt động nhóm, thì y đã đạt được sự tự biểu lộ trọn vẹn, và đã bao gồm trong phạm vi ảnh hưởng và kiểm soát của y cõi trí. Khi ấy y được xem là một Chân sư.

227. Chúng ta hãy lập bảng các yêu cầu đối với những phát triển cao trào trong đời sống con người, những điều làm cho y trở thành một Chân sư.

a. Ánh sáng của y đang chiếu sáng trọn vẹn

b. Bức xạ từ tính của y đã đạt đến giai đoạn tương tác sinh động hay hoạt động nhóm

c. Y đã đạt được sự tự biểu lộ trọn vẹn

d. Y đã bao gồm trong phạm vi ảnh hưởng và kiểm soát của y cõi trí

228. Sư Tử, một dấu hiệu của sự tự biểu lộ trọn vẹn, cũng là dấu hiệu của chân sư tính.

229. Chúng ta cũng có thể nói rằng một điểm đạo đồ cấp bốn sẽ đã đạt đến giai đoạn tương tác sinh động hay hoạt động nhóm.

Ngài cũng thuộc bậc thứ tư;

230. Một Chân sư là chân sư của cõi trí, nhưng không nhất thiết là của cõi Bồ đề hay cõi atma, dù được tập trung ở đó.

231. What may we say of the fact that a Master is of the fourth order?

a. Perhaps because he has such buddhic power, and the buddhic plane is the fourth plane.

b. Perhaps it is because he has mastery over two of the Crosses, the Common and Fixed. While He is, indeed, upon the Cardinal Cross He is not master of it.

c. Perhaps it is because He has a strong buddhic polarization; He is reigning over the quaternary, and has a full mastery over the personality.

d. He is, as well, directing those aggregations of souls we call egoic groups, and those collections of liberated souls who form His Ashram. He is, after all, in control of an Ashram on the fourth or buddhic plane (unless He is one of the scientific Masters whose Ashrams are on the higher mental plane).

e. Are Masters of the fourth order supervising centers on the buddhic, while Chohans of the sixth degree are supervising centers on the monadic plane?

he is the quaternary.

232. What may we say of the fact that a Master "is the quaternary"?

231. Chúng ta có thể nói gì về sự kiện rằng một Chân sư thuộc bậc thứ tư?

a. Có lẽ vì y có quyền năng Bồ đề mạnh mẽ như vậy, và cõi Bồ đề là cõi thứ tư.

b. Có lẽ là vì y đã làm chủ hai Thập Giá, Thập Giá Thường và Thập Giá Cố Định. Dù quả thật Ngài ở trên Thập Giá Chủ Yếu, Ngài vẫn chưa làm chủ nó.

c. Có lẽ là vì Ngài có sự phân cực Bồ đề mạnh mẽ; Ngài đang cai quản bộ tứ, và làm chủ trọn vẹn phàm ngã.

d. Ngoài ra, Ngài còn đang chỉ đạo những tập hợp linh hồn mà chúng ta gọi là các nhóm chân ngã, và những tập hợp các linh hồn được giải thoát tạo thành ashram của Ngài. Rốt cuộc, Ngài đang kiểm soát một ashram trên cõi thứ tư hay cõi Bồ đề (trừ khi Ngài là một trong các Chân sư khoa học có các ashram ở trên Cõi thượng trí).

e. Có phải các Chân sư thuộc bậc thứ tư đang giám sát các trung tâm trên cõi Bồ đề, trong khi các Chohan cấp sáu đang giám sát các trung tâm trên cõi chân thần?

y là bộ tứ.

232. Chúng ta có thể nói gì về sự kiện rằng một Chân sư "là bộ tứ"?

a. A Master is focussed on the atmic plane, which sits 'atop' the buddhic and the lower three systemic planes and, thus, He supervises at least four planes while not yet being complete master of the fourth, or buddhic.

a. Một Chân sư được tập trung trên cõi atma, cõi nằm 'trên' cõi Bồ đề và ba cõi hệ thống thấp hơn, và như vậy, Ngài giám sát ít nhất bốn cõi trong khi vẫn chưa là chân sư hoàn toàn của cõi thứ tư, hay cõi Bồ đề.

b. Perhaps mastery is achieved two planes below one's focus—i.e., the Master has mastered the mental plane, two planes below His focus; the Arhat, by analogy, would have mastered the astral plane, two planes below his focus on the buddhic plane.

b. Có lẽ sự làm chủ đạt được ở hai cõi bên dưới điểm tập trung của một người—nghĩa là, Chân sư đã làm chủ cõi trí, hai cõi bên dưới điểm tập trung của Ngài; theo sự tương đồng, vị A La Hán hẳn đã làm chủ cõi cảm dục, hai cõi bên dưới điểm tập trung của y trên cõi Bồ đề.

c. Also a Master is a blazing sun. That sun (because of its buddhic quality) will be golden in color. Hence the association of the Master with the fourth order and its ray, the fourth ray, the color of which is yellow.

c. Ngoài ra, một Chân sư là một mặt trời rực cháy. Mặt trời ấy (do phẩm tính Bồ đề của nó) sẽ có màu vàng kim. Do đó có sự liên hệ của Chân sư với bậc thứ tư và cung của nó, cung bốn, màu của cung này là vàng.

d. May we say that a Master works most upon the buddhic plane, the fourth plane, where the color yellow is prominent? It is the buddhic focus of our Solar Logos which renders Him of the fourth order. May it be the buddhic focus of a human Master which renders Him, too, of the fourth order?

d. Chúng ta có thể nói rằng một Chân sư hoạt động nhiều nhất trên cõi Bồ đề, cõi thứ tư, nơi màu vàng nổi bật chăng? Chính sự tập trung Bồ đề của Thái dương Thượng đế của chúng ta khiến Ngài thuộc bậc thứ tư. Có thể nào chính sự tập trung Bồ đề của một Chân sư nhân loại cũng khiến Ngài thuộc bậc thứ tư?

e. If our Solar Logos is still a member of the quaternary of a Cosmic Logos, of what type of quaternary is the human Master the member?

e. Nếu Thái dương Thượng đế của chúng ta vẫn còn là một thành viên của bộ tứ của một Thượng đế Vũ Trụ, thì Chân sư nhân loại là thành viên của loại bộ tứ nào?

The etheric plane is the centre of his life in the physical sense,

Cõi dĩ thái là trung tâm đời sống của y theo nghĩa hồng trần,

233. Because, as a Master, He is sacred. Focussed as He is in the higher ethers, His physical focus becomes the lower ethers. When we have achieved sacredness (the

233. Bởi vì, với tư cách là một Chân sư, Ngài là thiêng liêng. Vì được tập trung trong các dĩ thái cao hơn, điểm tập trung hồng trần của Ngài trở thành các dĩ thái thấp hơn. Khi chúng ta đã đạt được tính thiêng liêng (lần

fourth or fifth initiations) it means that our physical focus becomes etheric.

điểm đạo thứ tư hay thứ năm) điều đó có nghĩa là điểm tập trung hồng trần của chúng ta trở thành dĩ thái.

234. The Arhat and Master are also the quaternary because they are focussed 'physically' within the quaternary of ethers rather than on the dense physical plane.

234. Vị A La Hán và Chân sư cũng là bộ tứ vì các Ngài được tập trung 'về mặt hồng trần' trong bộ tứ các dĩ thái thay vì trên cõi hồng trần đậm đặc.

just as we are told that the sun and the planets esoterically are considered as existing in etheric matter. As above, so below, is the occult law.

cũng như chúng ta được cho biết rằng mặt trời và các hành tinh, theo huyền bí học, được xem như hiện hữu trong vật chất dĩ thái. Trên sao, dưới vậy, là định luật huyền bí.

235. Below the fourth initiation the physical focus for a man is still the dense physical plane. When the fourth initiation has occurred, He is able to drop the physical body, forego further need for reincarnation, and become, in effect, an etheric being, able later to gather physical substance around His etheric body for the purpose of building a Mayavirupa.

235. Dưới lần điểm đạo thứ tư, điểm tập trung hồng trần của một người vẫn còn là cõi hồng trần đậm đặc. Khi lần điểm đạo thứ tư đã xảy ra, Ngài có thể từ bỏ thể xác, không cần tái sinh thêm nữa, và trên thực tế trở thành một hữu thể dĩ thái, về sau có thể tập hợp chất liệu hồng trần quanh thể dĩ thái của Ngài nhằm mục đích tạo dựng một Mayavirupa.

236. VSK queries: "What quaternary is the Sun part of, if He be the heart?

236. VSK nêu câu hỏi: "Mặt Trời là thành phần của bộ tứ nào, nếu Ngài là tim?

237. May it be suggested that the Solar Logoi of the stars Alpha Centauri and Procyon may also be involved in this quaternary?

237. Có thể gợi ý rằng các Thái dương Thượng đế của các sao Alpha Centauri và Procyon cũng có thể liên quan đến bộ tứ này chăng?

238. Usually a quaternary concerns those chakras beneath of the diaphragm. In the case of the quaternary of which our Sun/ Solar Logos is a part, this cannot be the case because our Solar Logos is a heart center. Yet the heart center is, strangely, still one of the lower four major centers, including the throat, ajna and head centers as a triad of higher centers.

238. Thông thường một bộ tứ liên quan đến những luân xa bên dưới cơ hoành. Trong trường hợp bộ tứ mà Mặt Trời/Thái dương Thượng đế của chúng ta là một phần trong đó, điều này không thể đúng vì Thái dương Thượng đế của chúng ta là một trung tâm tim. Tuy vậy, trung tâm tim, một cách kỳ lạ, vẫn là một trong bốn trung tâm lớn thấp hơn, bao gồm trung tâm cổ họng, ajna và đầu như một bộ ba các trung tâm cao hơn.

239. What is needed is a certain way to designate the chakric meaning of a lower quaternary. In what cases is the heart included and when is it not? For the heart can also be considered one of the three *major* centers (head, heart, throat). What we do with the ajna center is of importance.

239. Điều cần thiết là một cách nhất định để chỉ định ý nghĩa luân xa của một bộ tứ thấp hơn. Trong những trường hợp nào tim được bao gồm và khi nào thì không? Vì tim cũng có thể được xem là một trong ba trung tâm *chính* (đầu, tim, cổ họng). Điều chúng ta làm với trung tâm ajna là điều quan trọng.

240. VSK queries: "Is the spleen implicated here, with prana? The gold and violet exchange from the Sun to the Earth via man/monad—the four and the seven."

240. VSK nêu câu hỏi: "Lá lách có liên quan ở đây, cùng với prana không? Sự trao đổi vàng và tím từ Mặt Trời đến Trái Đất qua con người/chân thần—bốn và bảy."

241. When we speak of the Sun and planets existing esoterically in etheric matter, we are really designating *cosmic* etheric matter.

241. Khi chúng ta nói về Mặt Trời và các hành tinh hiện hữu theo huyền bí học trong vật chất dĩ thái, thực ra chúng ta đang chỉ định vật chất dĩ thái *vũ trụ*.

Therefore, the relationship of the Son of the Father, and of the Mother, is to the Sun the same as man's relationship to the vehicle through which he functions.

Vì vậy, mối liên hệ của Con của Cha, và của Mẹ, với Mặt Trời cũng giống như mối liên hệ của con người với vận cụ mà qua đó y hoạt động.

242. Here the Sun is definitely the outer vehicle analogous to the physical vehicle through which a man functions.

242. Ở đây Mặt Trời rõ ràng là vận cụ bên ngoài tương tự với vận cụ hồng trần mà qua đó một người hoạt động.

243. The equation would be as following: The Son/Sun = Man as Soul/his objective physical plane vehicle.

243. Phương trình sẽ như sau: Con/Mặt Trời = Con người như Linh hồn/vận cụ cõi hồng trần khách quan của y.

244. An interesting point for review arose in relation to the context discussed:

244. Một điểm thú vị để xem xét lại đã nảy sinh liên hệ đến ngữ cảnh đang được bàn đến:

a. "Our Solar Logos being a Logos of the fourth order will begin to coordinate His cosmic buddhic body" (TCF 115)

a. "Thái dương Thượng đế của chúng ta là một Thượng đế thuộc bậc thứ tư sẽ bắt đầu phối hợp thể Bồ đề vũ trụ của Ngài" (TCF 115)

b. We have learned that only after the third degree does man truly begin to coordinate

b. Chúng ta đã học rằng chỉ sau cấp độ thứ ba con người mới thực sự bắt đầu phối hợp vận

His buddhic vehicle. This means that such a coordination is far from complete for our Solar Logos Who has not yet taken his third cosmic initiation, though He is working upon His fourth in a minor series. He is an astral-buddhic Solar Logos and not, at all, entirely polarized in His buddhic vehicle.

cụ Bồ đề của mình. Điều này có nghĩa là sự phối hợp như thế còn lâu mới hoàn tất đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta, Đấng vẫn chưa trải qua lần điểm đạo vũ trụ thứ ba của ngài, dù Ngài đang làm việc trên lần thứ tư của Ngài trong một chuỗi nhỏ. Ngài là một Thái dương Thượng đế cảm dục-Bồ đề và hoàn toàn chưa phân cực trọn vẹn trong vận cụ Bồ đề của Ngài.

245. Again we return to a discussion of the physical vehicle of a man or Logos.

245. Một lần nữa chúng ta trở lại với cuộc thảo luận về vận cụ hồng trần của một con người hay một Thượng đế.

246. In the following tabulation we are speaking of the Solar Logos or of man as the "Son".

246. Trong bảng liệt kê sau đây, chúng ta đang nói về Thái dương Thượng đế hay về con người như là "Con".

It is His mode of enterprise, His vehicle of expression; it is the form which His life animates for the specific purpose of

Đó là phương thức hoạt động của Ngài, vận cụ biểu lộ của Ngài; đó là hình tướng mà sự sống của Ngài làm sinh động vì mục đích đặc thù là

247. The physical vehicle of a Solar Logos (or of a man) has the following purposes.

247. Vận cụ hồng trần của một Thái dương Thượng đế (hay của một con người) có những mục đích sau đây.

a. Gaining experience.

a. Thu nhận kinh nghiệm.

b. Making contact.

b. Tạo tiếp xúc.

c. Developing full self-knowledge.

c. Phát triển tri thức đầy đủ về chính mình.

d. Achieving full mastery or control.

d. Đạt được sự làm chủ hay kiểm soát trọn vẹn.

248. Our Solar Logos is not yet a Master cosmically.

248. Thái dương Thượng đế của chúng ta vẫn chưa là một Chân sư theo nghĩa vũ trụ.

e. Attaining "manhood" cosmically.

e. Đạt đến "nhân tính trưởng thành" theo nghĩa vũ trụ.

249. “Manhood” may mean the third initiation, just as it does for a human being who becomes, at that point, a “rich young man”.

249. “Nhân tính trưởng thành” có thể có nghĩa là lần điểm đạo thứ ba, cũng như đối với một con người, vào thời điểm đó trở thành một “người thanh niên giàu có”.

The cosmic Christ [another name for the “Son” must measure up to the stature "of a full grown man," as it is expressed in the Christian Bible.93. [Bible. Ep., 4:13.]

Đức Christ vũ trụ [một tên gọi khác của “Con” phải đạt đến tầm vóc “của một người trưởng thành đầy đủ,” như được diễn tả trong Kinh Thánh Cơ Đốc.93. [Bible. Ep., 4:13.]

250. A “full grown man” however, may indicate the *fifth* initiation, for the term “young” is not used.

250. Tuy nhiên, một “người trưởng thành đầy đủ” có thể chỉ lần điểm đạo thứ *năm*, vì thuật ngữ “trẻ” không được dùng.

f. Expanding His consciousness.

f. Mở rộng tâm thức của Ngài.

251. Just as we human beings have a body of fire at the point of mastership, so does the Son have body of fire which demonstrates as the solar system in its consummated fiery state.

251. Cũng như chúng ta, những con người, có một thể lửa ở điểm chân sư tính, thì Con cũng có một thể lửa, thể này biểu lộ như hệ mặt trời trong trạng thái lửa viên mãn của nó.

252. Why should not the Son have a similar “body incorruptible”? Once our Solar Logos is a Master, He will have a systemic ‘body incorruptible”.

252. Tại sao Con lại không thể có một “thể bất hoại” tương tự? Một khi Thái dương Thượng đế của chúng ta là một Chân sư, Ngài sẽ có một ‘thể bất hoại’ có tính hệ thống.

253. Will He then be able to make a solar logoic Mayavirupa? Could such Masters appear and disappear as do Masters with their Mayavirupa? What would this have to do with stars that are sometimes seen and sometimes not?

253. Khi ấy Ngài có thể tạo ra một Mayavirupa thái dương thượng đế chăng? Những Chân sư như thế có thể xuất hiện và biến mất như các Chân sư với Mayavirupa của Các Ngài chăng? Điều này sẽ liên quan gì đến những ngôi sao đôi khi được thấy và đôi khi không?

[Page 231] All these stages have to be achieved on cosmic levels, in exactly the same sense as the microcosm, on systemic levels, likewise strives for similar ideals.

[Page 231] Tất cả các giai đoạn này đều phải được thành tựu trên các cấp độ vũ trụ, theo đúng cùng một nghĩa như tiểu thiên địa, trên các cấp độ hệ thống, cũng phấn đấu vì những lý tưởng tương tự.

254. We work with the Law of Analogy. Our learning will be expanded accordingly. Much about the Logos will be revealed by understanding the nature of man and vise versa. Some of the implications may seem to us rather fantastical, but according to the Law of Analogy they may be true.

254. Chúng ta làm việc với định luật tương đồng. Việc học hỏi của chúng ta sẽ được mở rộng tương ứng. Nhiều điều về Thượng đế sẽ được mặc khải qua việc thấu hiểu bản chất của con người và ngược lại. Một số hàm ý có thể dường như khá kỳ ảo đối với chúng ta, nhưng theo định luật tương đồng, chúng có thể là thật.

255. When we begin to think of our Solar Logos in terms of greater Solar Angels Who may be associated with Him, and of the potentiality of fashioning a Mayavirupa after the fourth or fifth initiation, speculation abounds with interest.

255. Khi chúng ta bắt đầu nghĩ về Thái dương Thượng đế của chúng ta theo nghĩa những Thái dương Thiên Thần lớn hơn có thể liên kết với Ngài, và về tiềm năng tạo dựng một Mayavirupa sau lần điểm đạo thứ tư hay thứ năm, thì sự suy đoán trở nên đầy hứng thú.

S3S2: TCF 231-237

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

1. The major part of the book, *A Treatise on Cosmic Fire,* deals with the Fire of Mind, and with the study of this fire we ill be engaged for the next three and a half years.

1. Phần chính của cuốn sách, *Luận về Lửa Vũ Trụ,* bàn đến lửa của trí tuệ, và với việc nghiên cứu ngọn lửa này chúng ta sẽ bận rộn trong ba năm rưỡi tới.

2. In this section of the book the Tibetan is addressing Himself to certain fundamental questions.

2. Trong phần này của cuốn sách, Chân sư Tây Tạng đang tự mình đề cập đến một số câu hỏi nền tảng.

II. WHAT IS EVOLUTION AND HOW DOES IT PROCEED?

II. TIẾN HOÁ LÀ GÌ VÀ NÓ DIỄN TIẾN NHƯ THẾ NÀO?

1. Life Cycles.

1. Các chu kỳ sự sống.

I do not propose to deal here with the evolutionary process in any other way than briefly to indicate that the whole method of evolution is **simply that of adjusting the matter aspect to the Spirit aspect, so that the former proves entirely adequate as a body of expression for the latter.**

Tôi không định bàn ở đây về tiến trình tiến hoá theo cách nào khác ngoài việc ngắn gọn chỉ ra rằng toàn bộ phương pháp của tiến hoá **đơn giản là điều chỉnh phương diện vật chất cho phù hợp với phương diện Tinh thần, để phương diện trước chứng tỏ hoàn toàn thích hợp như một thể biểu lộ cho phương diện sau.**

3. One wonders whether there can ever be *entire* adequacy, such that the entirety of the Spirit aspect can be expressed through the matter aspect. One imagines that Spirit, on its own plane, is relatively untrammeled when compared to Spirit as it could express on lower planes.

3. Người ta tự hỏi liệu có bao giờ có thể có sự thích hợp *hoàn toàn* đến mức toàn bộ phương diện Tinh thần có thể được biểu lộ qua phương diện vật chất hay không. Người ta hình dung rằng Tinh thần, trên cõi riêng của nó, tương đối không bị trói buộc khi so với Tinh thần như nó có thể biểu lộ trên các cõi thấp hơn.

4. Yet, since Spirit and Matter are, essentially, one and the same, and an "entirely adequate" expression may, after all, be possible.

4. Tuy nhiên, vì Tinh thần và Vật chất, về bản chất, là một và như nhau, nên rốt cuộc một sự biểu lộ "hoàn toàn thích hợp" có thể là điều khả hữu.

5. In relation to the theme of evolution, we may define perfection as evolution ideally (i.e., archetypally) completed through the ideal utilisation of the not-Self by the Self, such that the Self is completely expressed through the not-Self.

5. Liên hệ đến chủ đề tiến hoá, chúng ta có thể định nghĩa sự hoàn hảo là tiến hoá được hoàn tất một cách lý tưởng (nghĩa là, theo nguyên mẫu) qua sự sử dụng lý tưởng cái không-phải-ngã bởi Bản Ngã, sao cho Bản Ngã được biểu lộ hoàn toàn qua cái không-phải-ngã.

6. There is a close relation between beauty and perfection. Evolution, perfectly realized, will achieve an archetypal beauty of form through all worlds and planes lower than the archetypal plane whereon perfectly beautiful 'forms' already exist—albeit, in their archetypal state.

6. Có một mối liên hệ chặt chẽ giữa vẻ đẹp và sự hoàn hảo. Tiến hoá, khi được chứng nghiệm một cách hoàn hảo, sẽ đạt đến một vẻ đẹp nguyên mẫu của hình tướng qua mọi thế giới và cõi thấp hơn cõi nguyên mẫu, nơi những 'hình tướng' đẹp hoàn hảo đã hiện hữu—dù là trong trạng thái nguyên mẫu của chúng.

7. Of one thing we may be certain: that the degree to which matter presently proves a

7. Có một điều chúng ta có thể chắc chắn: mức độ mà vật chất hiện nay chứng tỏ là

body of expression for Spirit can be *vastly* improved.

một thể biểu lộ cho Tinh thần có thể được cải thiện *rất nhiều*.

8. During future cycles we can expect a far close approximation of the forms of matter to the will and intention of Spirit.

8. Trong các chu kỳ tương lai, chúng ta có thể mong đợi một sự xấp xỉ gần hơn nhiều của các hình tướng vật chất đối với ý chí và ý định của Tinh thần.

9. It becomes clear that the processes of evolution (through most phases) are determined by the Law of Attraction. Only during the latter stages of the evolutionary process does the Law of Synthesis supervene.

9. Rõ ràng là các tiến trình tiến hoá (qua hầu hết các giai đoạn) được quyết định bởi Định luật Hấp Dẫn. Chỉ trong các giai đoạn sau cùng của tiến trình tiến hoá thì Định luật Tổng Hợp mới vượt lên chi phối.

The life cycle of the Son is one hundred years of Brahma in the same sense as man has a life cycle consisting of a certain number of years, dependent upon his karma.

Chu kỳ sự sống của Con là một trăm năm của Brahma theo cùng nghĩa như con người có một chu kỳ sự sống gồm một số năm nhất định, tùy thuộc vào nghiệp quả của y.

10. In this case the term "Son" cannot mean only the *objective* solar system. A solar system is a multi-planar energy-structure built by a process of emanation or 'occult condensation' from the higher planes to lower. Time must be allowed for the processes of initial emanation and eventual reabsorption, of occult condensation/precipitation, on the one hand, and of occult 'evaporation'/etherealization on the other.

10. Trong trường hợp này, thuật ngữ "Con" không thể chỉ có nghĩa là hệ mặt trời *khách quan*. Một hệ mặt trời là một cấu trúc năng lượng đa cõi được xây dựng bằng một tiến trình phát xạ hay 'sự ngưng tụ huyền bí' từ các cõi cao xuống các cõi thấp. Phải dành thời gian cho các tiến trình phát xạ ban đầu và tái hấp thu cuối cùng, của sự ngưng tụ/kết tủa huyền bí một mặt, và của sự 'bốc hơi'/dĩ thái hóa huyền bí mặt khác.

11. According to the figures given in occult texts, one hundred years of Brahma have a duration of 311,040,000,000,000, Earth years. It will immediately be realized that this figure dwarfs the figures suggested by the current speculations of science for the duration of the entire physical universe by a factor (let us estimate) of some 20,000. to 30,000. In other words, the occult figure is approximately 20,000. to 30,000. times longer than the figures offered by modern science for the duration of the entire universe (considered only physically, for

11. Theo các con số được nêu trong các văn bản huyền bí, một trăm năm của Brahma có thời lượng là 311,040,000,000,000 năm Trái Đất. Ngay lập tức sẽ nhận ra rằng con số này làm lu mờ các con số do những suy đoán hiện thời của khoa học đưa ra về thời lượng của toàn thể vũ trụ vật chất với một hệ số (hãy ước tính) khoảng 20,000. đến 30,000. Nói cách khác, con số huyền bí dài hơn xấp xỉ 20,000. đến 30,000. lần so với các con số mà khoa học hiện đại đưa ra cho thời lượng của toàn thể vũ trụ (chỉ được xét về mặt vật

only a physical conception fits with the usual scientific paradigm).

12. Since the speculations of modern science are always being revised, it would be wise to attend to these speculations while attempting to fathom the real meaning of the huge figure given by occultism (for it may have both a literal meaning and a symbolic meaning).

13. VSK queries: "Does this imply that a man's life cycle is set to a fixed number, for any one incarnation?"

14. May it be suggested that the average life span for man is fixed or archetypal, but that the actual duration is individual. This may also be the case for a Solar Logos.

15. We have no way of knowing whether the one hundred years of Brahma is a general number applicable to Solar Logoi such as our Solar Logos, or whether it is *exactly literal*. The Tibetan sometimes gives us large whole numbers for certain cycles but tells us that the real figures are secrets of initiation.

16. It is said that four score and ten are allotted to the life of man. We recognize this as a general figure having an approximate truth—on average. Perhaps the same may be said of the hundred years of Brahma.

17. Karma enters in relation to the life cycle of a particular man and, perhaps, in relation to the life cycle of a particular Solar Logos. According to this hypothesis, then,

chất, vì chỉ một quan niệm vật chất mới phù hợp với mô hình khoa học thông thường).

12. Vì những suy đoán của khoa học hiện đại luôn được điều chỉnh lại, nên sẽ là khôn ngoan nếu chú ý đến những suy đoán ấy trong khi cố gắng thấu hiểu ý nghĩa thực sự của con số khổng lồ do huyền bí học đưa ra (vì nó có thể vừa có nghĩa đen vừa có nghĩa biểu tượng).

13. VSK nêu câu hỏi: "Điều này có hàm ý rằng chu kỳ sự sống của một người được ấn định thành một con số cố định cho bất kỳ một lần nhập thể nào không?"

14. Có thể gợi ý rằng tuổi thọ trung bình của con người là cố định hay nguyên mẫu, nhưng thời lượng thực tế thì mang tính cá biệt. Điều này cũng có thể đúng với một Thái dương Thượng đế.

15. Chúng ta không có cách nào để biết liệu một trăm năm của Brahma là một con số chung áp dụng cho các Thái dương Thượng đế như Thái dương Thượng đế của chúng ta, hay liệu nó có *hoàn toàn theo nghĩa đen* hay không. Chân sư Tây Tạng đôi khi cho chúng ta những số nguyên lớn cho một số chu kỳ nhất định nhưng lại nói rằng các con số thực sự là những bí mật của điểm đạo.

16. Người ta nói rằng bốn lần hai mươi cộng mười được dành cho đời sống con người. Chúng ta nhận ra đây là một con số tổng quát có tính đúng đắn gần đúng—trung bình là vậy. Có lẽ điều tương tự cũng có thể được nói về một trăm năm của Brahma.

17. Nghiệp quả đi vào liên hệ với chu kỳ sự sống của một con người cụ thể và, có lẽ, liên hệ với chu kỳ sự sống của một Thái dương Thượng đế cụ thể. Theo giả thuyết này, thì

according to the karma so would be the *exact* duration of the life span of such a Logos.

tùy theo nghiệp quả mà thời lượng sống *chính xác* của một Thượng đế như thế sẽ như vậy.

18. The "Son" is the form builder. The form of a solar system is multi-planar. The integrity of the life of the Son refers, therefore, to *all* planes on which forms contributing to the great form of the Son may be found.

18. "Con" là đấng kiến tạo hình tướng. Hình tướng của một hệ mặt trời là đa cõi. Do đó, tính toàn vẹn của sự sống của Con liên hệ đến *mọi* cõi mà trên đó có thể tìm thấy những hình tướng góp phần vào đại hình tướng của Con.

19. It should be noted that one hundred years is often considered the *ideal* duration for the life of man in this present Yuga. Certainly, the thought of living to be a hundred is universally present in present-day human consciousness. Perhaps, as suggested by the occult historian Phillip Lindsay, the ideal duration for a human incarnation during the Krita Yuga would be four hundred years, with three hundred years for the Treta Yuga and two hundred years for the Dwapara Yuga.

19. Cần lưu ý rằng một trăm năm thường được xem là thời lượng *lý tưởng* cho đời sống con người trong Yuga hiện tại này. Chắc chắn, ý nghĩ sống đến một trăm tuổi hiện diện phổ quát trong tâm thức nhân loại ngày nay. Có lẽ, như nhà sử học huyền bí Phillip Lindsay gợi ý, thời lượng lý tưởng cho một lần nhập thể của con người trong Krita Yuga sẽ là bốn trăm năm, với ba trăm năm cho Treta Yuga và hai trăm năm cho Dwapara Yuga.

20. It is significant that the Yuga figures and all the far vaster figures derived from them are related to the number 2160. (the present duration of one precessional cycle). The huge numbers presented in the Brahmanic Chronology are, therefore, based upon the duration of a major planetary cycle (one twelfth of the duration of a complete gyration of the Earth's pole upon its axis)—i.e., the cycle of one precession of the equinox.

20. Điều đáng chú ý là các con số Yuga và tất cả những con số còn lớn hơn rất nhiều được suy ra từ chúng đều liên hệ với số 2160. (thời lượng hiện tại của một chu kỳ tuế sai). Vì vậy, những con số khổng lồ được trình bày trong Niên đại học Brahmanic được đặt nền trên thời lượng của một chu kỳ hành tinh lớn (một phần mười hai thời lượng của một vòng quay hoàn chỉnh của trục cực Trái Đất quanh trục của nó)—nghĩa là, chu kỳ của một lần tuế sai phân điểm.

21. The Spiritual Hierarchy of our planet was established around eighteen million years ago. If we look carefully at this number, while considering the great cycle of 250,000. years (said, in occultism, to represent one cycle revolution of our solar system around the Pleiades) we shall see

21. Thánh đoàn tinh thần của hành tinh chúng ta đã được thiết lập vào khoảng mười tám triệu năm trước. Nếu chúng ta xem xét kỹ con số này, đồng thời cân nhắc đại chu kỳ 250,000. năm (được nói trong huyền bí học là tượng trưng cho một chu kỳ quay của hệ mặt trời chúng ta quanh chòm Pleiades) chúng ta sẽ thấy rằng xấp xỉ bảy mươi hai

that approximately seventy-two such cycles have occurred in the eighteen million years.

chu kỳ như thế đã xảy ra trong mười tám triệu năm.

22. It is not without significance that it takes seventy-two years for the vernal point to move one degree during the precessional process and that seventy-two is exactly one thirtieth of the number 2160.

22. Không phải là không có ý nghĩa khi điểm xuân phân cần bảy mươi hai năm để dịch chuyển một độ trong tiến trình tuế sai và bảy mươi hai chính xác là một phần ba mươi của số 2160.

23. These points can be elaborated more fully in another context. Suffice it to say that we can certainly agree with HPB, that the figures in the Hindu Chronology are not fanciful.

23. Những điểm này có thể được khai triển đầy đủ hơn trong một ngữ cảnh khác. Chỉ cần nói rằng chúng ta chắc chắn có thể đồng ý với HPB rằng các con số trong Niên đại học Ấn Độ không phải là hoang đường.

During the life cycle of a man, he expresses what is in him at his particular stage, and gradually develops from the stage of the ante-natal period wherein the Self overshadows the matter aspect until the period wherein that Higher Self takes full possession of the prepared form. This stage varies with every individual.

Trong chu kỳ sự sống của một con người, y biểu lộ điều ở trong y tại giai đoạn riêng của mình, và dần dần phát triển từ giai đoạn tiền sản, trong đó Bản Ngã phủ bóng phương diện vật chất, cho đến giai đoạn mà Bản Ngã Cao Siêu ấy chiếm hữu trọn vẹn hình tướng đã được chuẩn bị. Giai đoạn này thay đổi theo từng cá nhân.

24. The term “ante-natal” means pre-natal.

24. Thuật ngữ “tiền sản” có nghĩa là trước khi sinh.

25. It is clear that the stage wherein the Higher Self (the soul) takes full possession of the prepared form is *not* physical birth.

25. Rõ ràng là giai đoạn mà Bản Ngã Cao Siêu (linh hồn) chiếm hữu trọn vẹn hình tướng đã được chuẩn bị *không* phải là lúc sinh ra về mặt thể xác.

26. The stage of full possession has sometimes been conventionalized as *seven* years, but obviously it can vary greatly.

26. Giai đoạn chiếm hữu trọn vẹn đôi khi đã được quy ước hóa là *bảy* năm, nhưng hiển nhiên nó có thể thay đổi rất nhiều.

27. If the cycles of growth of the human being are seven years in duration (the Tibetan also suggests that we research ten year cycles), the first seven year cycle would correspond planetarily to one Vulcan cycle (or to the Moon, which often substitutes for Vulcan), to be followed by a Mercury cycle, a

27. Nếu các chu kỳ tăng trưởng của con người có thời lượng bảy năm (Chân sư Tây Tạng cũng gợi ý rằng chúng ta nghiên cứu các chu kỳ mười năm), thì chu kỳ bảy năm đầu tiên sẽ tương ứng về mặt hành tinh với một chu kỳ Vulcan (hay với Mặt Trăng, vốn thường thay thế cho Vulcan), tiếp theo là

Venus cycle, a Sun cycle, a Mars cycle, etc., according to the order of the planets from the Sun (geocentrically considered). The Sun cycle would equivalent to an Earth cycle.

một chu kỳ Sao Thủy, một chu kỳ Sao Kim, một chu kỳ Mặt Trời, một chu kỳ Sao Hỏa, v.v., theo thứ tự các hành tinh tính từ Mặt Trời (xét theo địa tâm). Chu kỳ Mặt Trời sẽ tương đương với một chu kỳ Trái Đất.

28. It would be reasonable to relate *full* possession by the Higher Self to the year twenty-one, when a man reaches what is called his "majority". The planets Vulcan/ Moon, Mercury and Venus (planets within the Earth's orbit_ would then have bestowed upon him their endowments and a fully activated personality would be presented as an instrument to the soul.

28. Sẽ là hợp lý khi liên hệ sự chiếm hữu *trọn vẹn* của Bản Ngã Cao Siêu với năm hai mươi mốt tuổi, khi một người đạt đến điều được gọi là "tuổi trưởng thành". Khi ấy các hành tinh Vulcan/Mặt Trăng, Sao Thủy và Sao Kim (các hành tinh bên trong quỹ đạo Trái Đất_ sẽ đã ban cho y những thiên phú của chúng và một phàm ngã được hoạt hóa đầy đủ sẽ được trình ra như một công cụ cho linh hồn.

29. Still, it may be that the stage represented by the Sun (the years twenty-one through twenty-eight) must have been traversed before a really *integrated* personality is presented to the soul for utilization.

29. Tuy vậy, có thể giai đoạn được tượng trưng bởi Mặt Trời (những năm từ hai mươi mốt đến hai mươi tám tuổi) phải được đi qua trước khi một phàm ngã thật sự *tích hợp* được trình ra cho linh hồn sử dụng.

30. In fact, it may well be that the archetypal half-way mark of life, the year thirty-five, might not be the correct moment for full-possession. It is certainly at this age that (in many cases) the soul becomes assertive in a way hitherto not experienced. The year thirty-five represents five cycles of seven—five being one of the numbers easily associated with the soul and soul-culture.

30. Thực ra, rất có thể điểm giữa đời sống theo nguyên mẫu, năm ba mươi lăm tuổi, có thể không phải là thời điểm đúng cho sự chiếm hữu trọn vẹn. Chắc chắn ở độ tuổi này (trong nhiều trường hợp) linh hồn trở nên khẳng định theo một cách trước đó chưa từng được trải nghiệm. Năm ba mươi lăm tượng trưng cho năm chu kỳ bảy năm—năm là một trong những con số dễ liên kết với linh hồn và sự vun bồi linh hồn.

31. One wonders, whether, in some cases *full* possession of the prepared form is *ever* achieved. Much, it seems, would have to do with the maturity of the particular soul.

31. Người ta tự hỏi liệu, trong một số trường hợp, sự chiếm hữu *trọn vẹn* hình tướng đã được chuẩn bị có *bao giờ* đạt được hay không. Dường như nhiều điều sẽ tùy thuộc vào sự trưởng thành của linh hồn cụ thể.

32. At least, should development proceed normally and in a manner uninterrupted by karma, there comes a point in any incarnation when the possession achieved

32. Ít nhất, nếu sự phát triển diễn ra bình thường và không bị nghiệp quả gián đoạn, thì trong bất kỳ lần nhập thể nào cũng sẽ đến một thời điểm khi mức độ chiếm hữu

during the last incarnation is equaled in the present one.

đạt được trong lần nhập thể trước được cân bằng trong lần hiện tại.

33. We note with interest the term "possession". Occultly, this can be either a positive or a negative event. Here, we are speaking of a positive possession—possession by the soul/Solar Angel (one way of viewing the Higher Self) of its personal reflection.

33. Chúng ta lưu ý với sự quan tâm đến thuật ngữ "sự chiếm hữu". Một cách huyền bí, đây có thể là một biến cố tích cực hoặc tiêu cực. Ở đây, chúng ta đang nói đến một sự chiếm hữu tích cực—sự chiếm hữu của linh hồn/Thái dương Thiên Thần (một cách để nhìn Chân ngã) đối với sự phản chiếu cá nhân của nó.

From that time on fuller self-consciousness is sought, and the man (if proceeding normally) **expresses himself through the form ever more adequately.**

Từ thời điểm đó trở đi, ngã thức đầy đủ hơn được tìm kiếm, và con người (nếu tiến triển bình thường) **biểu lộ chính mình qua hình tướng ngày càng đầy đủ hơn.**

34. We read here of the psychological effect of "full possession". There is a movement towards the expansion of self-consciousness, and, perhaps, towards the expansion of consciousness in general.

34. Ở đây chúng ta đọc về hiệu quả tâm lý của "sự chiếm hữu trọn vẹn". Có một sự chuyển động hướng tới sự mở rộng ngã thức, và có lẽ hướng tới sự mở rộng của tâm thức nói chung.

35. We might say that the moment of full possession represents a moment from which consciousness can be expanded beyond the point reached in the previous incarnation.

35. Chúng ta có thể nói rằng khoảnh khắc của sự chiếm hữu trọn vẹn tượng trưng cho một khoảnh khắc mà từ đó tâm thức có thể được mở rộng vượt quá điểm đã đạt được trong lần nhập thể trước.

36. After full-possession, the man will find that the processes of his life become more 'soul-driven' and less automatic or instinctual than before.

36. Sau sự chiếm hữu trọn vẹn, con người sẽ nhận thấy rằng các tiến trình của đời sống mình trở nên được linh hồn thúc đẩy nhiều hơn và bớt tự động hay bản năng hơn trước.

Each life of lesser cycle

Mỗi đời sống của chu kỳ nhỏ hơn

37. This means, each incarnation.

37. Điều này có nghĩa là, mỗi lần nhập thể.

in the great cycle of the Ego or Self,

trong đại chu kỳ của chân ngã hay Bản Ngã,

38. Một chu kỳ có thể được quy ước hóa một cách hợp lý là hai mươi lăm triệu năm.

38. A cycle which may be reasonable conventionalized as twenty-five million years.

39. The figure twenty-five million becomes reasonable when it is realized that Earth humanity was individualized some twenty-one million years ago and is still, primarily, emotionally polarized—thus, very far from the first initiation en masse.

sees that expression more complete, brings the form more under control and develops a conscious realisation of the Self until there comes **a culminating cycle of lives in which the Self within rapidly dominates, and takes full authority.**

40. It is reasonable to associate this "culminating cycle of lives" with the twelve lives to which the Twelve Labours of Hercules refer. Whether the number of lives in this final cycle is *exactly* twelve, the reincarnational research of the future will reveal. It is conceivable that life in and/or under a particular sign would have to be repeated if the fullness of the lesson required were not learnt.

41. The rapidity of soul control is much increased during this final cycle.

42. We should focus on the word "dominates" realizing that the musical note of the soul (emerging into ever-greater prominence) is the "dominant fifth". The term "fifth" is equally important in relation to the soul, which represents the *fifth* kingdom of nature.

43. The idea of the soul dominating and taking full authority, suggests the

39. Con số hai mươi lăm triệu trở nên hợp lý khi nhận ra rằng nhân loại Trái Đất đã được biệt ngã hóa vào khoảng hai mươi mốt triệu năm trước và vẫn còn, chủ yếu, phân cực cảm xúc—do đó, còn rất xa lần điểm đạo thứ nhất trên quy mô đại chúng.

cho thấy rằng sự biểu lộ ấy ngày càng hoàn chỉnh hơn, đưa hình tướng ngày càng dưới sự kiểm soát nhiều hơn và phát triển một sự chứng nghiệm có ý thức về Bản Ngã cho đến khi xuất hiện **một chu kỳ đời sống cao điểm trong đó Bản Ngã bên trong nhanh chóng chi phối và nắm trọn quyền uy.**

40. Thật hợp lý khi liên kết "chu kỳ đời sống cao điểm" này với mười hai đời sống mà Mười Hai Công Lao của Hercules ám chỉ. Liệu số đời sống trong chu kỳ cuối cùng này có *chính xác* là mười hai hay không, nghiên cứu về luân hồi trong tương lai sẽ tiết lộ. Có thể hình dung rằng đời sống trong và/hoặc dưới một dấu hiệu hoàng đạo đặc biệt sẽ phải được lặp lại nếu bài học cần thiết chưa được học trọn vẹn.

41. Tốc độ kiểm soát của linh hồn được gia tăng rất nhiều trong chu kỳ cuối cùng này.

42. Chúng ta nên tập trung vào từ "chi phối", nhận ra rằng âm điệu nhạc của linh hồn (đang nổi lên ngày càng nổi bật hơn) là "quãng năm chủ âm". Thuật ngữ "năm" cũng quan trọng tương đương trong liên hệ với linh hồn, vốn tượng trưng cho *giới thứ năm* trong thiên nhiên.

43. Ý tưởng về linh hồn chi phối và nắm trọn quyền uy gợi ra dấu hiệu chiêm tinh Sư Tử,

astrological sign Leo, the *fifth* sign, and one easily associated with Herakles/Hercules—the "bright glory of Hera", the soul.

dấu hiệu thứ *năm*, và là dấu hiệu dễ dàng liên kết với Herakles/Hercules—"vinh quang rực sáng của Hera", tức linh hồn.

The form becomes wholly adequate; the fusion of the two poles of Spirit and matter is fully brought about; and the light (fire) and heat (radiation) is seen and felt **systemically**.

Hình tướng trở nên hoàn toàn thích đáng; sự dung hợp của hai cực Tinh thần và vật chất được thực hiện trọn vẹn; và ánh sáng (lửa) cùng nhiệt (bức xạ) được thấy và cảm nhận **trên bình diện hệ thống**.

44. We are to note the association of fire with light and of radiation with heat.

44. Chúng ta cần lưu ý sự liên kết của lửa với ánh sáng và của bức xạ với nhiệt.

45. Light/fire is *seen*; heat/radiation is *felt.* The first has, therefore, a manasic association and the second, an association that it is sentient.

45. Ánh sáng/lửa được *thấy*; nhiệt/bức xạ được *cảm nhận.* Vì vậy, cái thứ nhất có liên hệ manas, còn cái thứ hai có một liên hệ cho thấy nó là hữu cảm.

46. VSK queries: "What is the difference between fusion and approximation of the poles? Is approximation some ratio or fraction of 'full' fusion?"

46. VSK nêu câu hỏi: "Sự khác biệt giữa dung hợp và sự xích lại gần của các cực là gì? Sự xích lại gần có phải là một tỉ lệ hay phân số nào đó của sự dung hợp 'trọn vẹn' không?"

47. VSK's suggestion seems reasonable. Approximation seems a stage of relative rapport on the way to full fusion.

47. Gợi ý của VSK có vẻ hợp lý. Sự xích lại gần dường như là một giai đoạn của sự tương thông tương đối trên đường tiến tới sự dung hợp trọn vẹn.

48. VSK remarks: "We see the emphasis again on light and heat, the senses of light and of vision, thus of mind and matter, and of touch, and the one who radiates."

48. VSK nhận xét: "Chúng ta lại thấy sự nhấn mạnh vào ánh sáng và nhiệt, các giác quan của ánh sáng và của tầm nhìn, do đó của trí tuệ và vật chất, và của xúc chạm, cùng đấng phát xạ."

49. We have been speaking of a combination of the fourth and fifth initiations as the human being experiences them. We note the very interesting assertion that the human being's fourth initiation is a *systemic* event. This means that it is "seen and felt" in the solar system. Does this surprise us?

49. Chúng ta đã nói về sự kết hợp của lần điểm đạo thứ tư và thứ năm như con người trải nghiệm chúng. Chúng ta lưu ý lời khẳng định rất thú vị rằng lần điểm đạo thứ tư của con người là một biến cố *hệ thống*. Điều này có nghĩa là nó được "thấy và cảm nhận" trong hệ mặt trời. Điều này có làm chúng ta ngạc nhiên không?

50. If this interpretation is correct, its correctness may be based on the fact that the fourth initiation is a *buddhic* event and the fifth has an atmic resonance. We remember that the Solar Logos descends no lower than the buddhic plane, all systemic planes below that point being, from His perspective, unprincipled.

50. Nếu cách giải thích này là đúng, thì tính đúng đắn của nó có thể dựa trên sự kiện rằng lần điểm đạo thứ tư là một biến cố *Bồ đề* và lần thứ năm có một cộng hưởng atma. Chúng ta nhớ rằng Thái dương Thượng đế không giáng xuống thấp hơn cõi Bồ đề, mọi cõi hệ thống bên dưới điểm đó, từ quan điểm của Ngài, đều không có nguyên khí.

Then the form is either consciously utilised for specific ends or is vacated, and the man is liberated. Electric fire and fire by friction are fused, and the consequent solar fire blazes forth in radiant glory.

Khi đó hình tướng hoặc được sử dụng một cách có ý thức cho những mục đích đặc biệt hoặc bị bỏ lại, và con người được giải thoát. Lửa Điện và Lửa ma sát được dung hợp, và Lửa Thái dương hệ quả bùng cháy ra trong vinh quang rạng ngời.

51. A study of the foregoing words confirms that the human being need not necessarily die physically at the fourth degree, for the form, following the fourth degree, may be "consciously utilized for specific ends".

51. Việc nghiên cứu những lời vừa dẫn xác nhận rằng con người không nhất thiết phải chết về mặt thể xác ở cấp độ thứ tư, vì hình tướng, sau cấp độ thứ tư, có thể được "sử dụng một cách có ý thức cho những mục đích đặc biệt".

52. If death does occur, it is equivalent to a liberation.

52. Nếu cái chết thực sự xảy ra, nó tương đương với một sự giải thoát.

53. If death does occur at the fourth degree, a new incarnation may be necessary for the fifth degree or that degree will be taken on inner planes. The following references suggests that initiation can be taken between lives or, in any case, outside the normal process of incarnation:

53. Nếu cái chết thực sự xảy ra ở cấp độ thứ tư, một lần nhập thể mới có thể cần thiết cho cấp độ thứ năm hoặc cấp độ đó sẽ được tiếp nhận trên các cõi bên trong. Những trích dẫn sau gợi ý rằng điểm đạo có thể được tiếp nhận giữa các đời sống hoặc, trong mọi trường hợp, ở ngoài tiến trình nhập thể thông thường:

a) "Or initiation may be taken in the interim period between incarnations, or else immediately upon return to physical plane life. (DINA II 70)

a) "Hoặc điểm đạo có thể được tiếp nhận trong giai đoạn trung gian giữa các lần nhập thể, hoặc ngay lập tức khi trở lại đời sống cõi hồng trần. (DINA II 70)

b) Those who pass away from the earth after the fifth initiation, or those who do not become Masters in physical incarnation, take

b) Những ai rời khỏi địa cầu sau lần điểm đạo thứ năm, hoặc những ai không trở thành Chân sư trong khi lâm phàm, sẽ tiếp nhận

their subsequent initiations elsewhere in the system. (IHS 17)

54. A still fuller liberation may be expected at the fifth degree when the debris caused by the destruction of the causal body is 'cleared'.

55. The fourth degree is most succinctly described in terms of fire—the fusion of electric fire and fire by friction and the blazing forth in radiant glory of solar fire. We note that it is the *solar* fire that blazes forth.

56. The three members of the atomic triangle (mental unit, astral and physical permanent atoms) though they pertain to the lunar nature, are all involved in the display of light and heat.

Extend this idea from man, an individualised unit of [Page 232] consciousness, to the great Heavenly Men, in one of Whose bodies a man forms a cell.

57. Man is to be found throughout the solar system. Further, our 'monadic home of origin' (solar systemically speaking) is not necessarily the Earth, but more likely one of the sacred planets and, in fact, the Sun itself.

58. If to a Planetary Logos we are cell, then what would we be to a Solar Logos? A complex molecule perhaps? The question of scale would have to be studied closely to find that type of Entity to whom man would be as an atom, or an even smaller unit—a subatomic particle, for instance.

các lần điểm đạo tiếp theo của mình ở nơi khác trong hệ thống. (IHS 17)

54. Một sự giải thoát còn đầy đủ hơn nữa có thể được mong đợi ở cấp độ thứ năm khi những mảnh vụn do sự hủy diệt của thể nguyên nhân gây ra được 'dọn sạch'.

55. Cấp độ thứ tư được mô tả súc tích nhất theo thuật ngữ của lửa—sự dung hợp của Lửa Điện và Lửa ma sát và sự bùng cháy ra trong vinh quang rạng ngời của Lửa Thái dương. Chúng ta lưu ý rằng chính *Lửa Thái dương* bùng cháy ra.

56. Ba thành viên của tam giác nguyên tử (đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn cảm dục và hồng trần) tuy thuộc về bản chất thái âm, đều tham dự vào sự biểu lộ của ánh sáng và nhiệt.

Hãy mở rộng ý tưởng này từ con người, một đơn vị tâm thức đã được biệt ngã hóa [Page 232], đến các Đấng Thiên Nhân vĩ đại, trong một trong các thể của Các Ngài, con người tạo thành một tế bào.

57. Con người hiện diện khắp hệ mặt trời. Hơn nữa, 'quê hương chân thần nguyên thủy' của chúng ta (xét theo hệ mặt trời) không nhất thiết là Trái Đất, mà có nhiều khả năng là một trong các hành tinh thiêng liêng và, thực ra, chính Mặt Trời.

58. Nếu đối với một Hành Tinh Thượng Đế chúng ta là tế bào, thì đối với một Thái dương Thượng đế chúng ta sẽ là gì? Có lẽ là một phân tử phức hợp? Vấn đề về tỷ lệ sẽ phải được nghiên cứu kỹ để tìm ra loại Thực Thể mà đối với Ngài con người sẽ như một nguyên tử, hay thậm chí một đơn vị còn nhỏ hơn—chẳng hạn một hạt hạ nguyên tử.

The body of expression of each Heavenly Man is one of the sacred planets, and They aim at the same goal as man—the attainment, on Their own levels, of full expression, and the development of Their vehicles of consciousness to a point where the Spirit may blaze forth as light divine, and as heat.

Thể biểu lộ của mỗi Đấng Thiên Nhân là một trong các hành tinh thiêng liêng, và Các Ngài nhắm đến cùng mục tiêu như con người—đạt được, trên các cấp độ riêng của Các Ngài, sự biểu lộ trọn vẹn, và phát triển các vận cụ tâm thức của Các Ngài đến một điểm mà Tinh thần có thể bùng cháy ra như ánh sáng thiêng liêng, và như nhiệt.

59. This is an interesting statement as, from a study of *Esoteric Astrology* one gathers that there are *both* sacred and non-sacred planets and, therefore, Heavenly Men who have reached the stage of sacredness (having taken a fifth initiation in some series of initiations) and those who have not yet done so and are, consequently, still in the non-sacred stage.

59. Đây là một phát biểu thú vị vì, từ việc nghiên cứu *Chiêm Tinh Học Nội Môn* người ta rút ra rằng có *cả* hành tinh thiêng liêng lẫn không thiêng liêng và, do đó, có những Đấng Thiên Nhân đã đạt đến giai đoạn thiêng liêng (đã tiếp nhận lần điểm đạo thứ năm trong một chuỗi điểm đạo nào đó) và những vị chưa làm được điều đó, vì thế vẫn còn ở giai đoạn không thiêng liêng.

60. When we speak of the blazing forth as "light divine and as heat", one wonders about any possible blazing forth in *love.*

60. Khi chúng ta nói về sự bùng cháy ra như "ánh sáng thiêng liêng và như nhiệt", người ta tự hỏi về bất kỳ khả năng bùng cháy nào trong *bác ái.*

61. One wonders why it is said that the "**Spirit** may blaze forth". This is, perhaps a technical point. How can we justify the use of the term "Spirit" in that event known as the destruction of the causal body?

61. Người ta tự hỏi tại sao lại nói rằng "**Tinh thần** có thể bùng cháy ra". Đây có lẽ là một điểm kỹ thuật. Làm sao chúng ta có thể biện minh cho việc dùng thuật ngữ "Tinh thần" trong biến cố được biết đến như sự hủy diệt của thể nguyên nhân?

a) The term "Spirit" could be justified by considering the expression of the Heavenly Men on the monadic plane (as suggested in Chart V, TCF 344—The Evolution of a Solar Logos).

a) Thuật ngữ "Tinh thần" có thể được biện minh bằng cách xét đến sự biểu lộ của các Đấng Thiên Nhân trên cõi chân thần (như được gợi ý trong Biểu đồ V, TCF 344—Sự Tiến Hóa của một Thái dương Thượng đế).

b) Another approach to justification might be as follows. If the Jewel in the Lotus is *an extension of Spirit* (as various diagrams suggest—cf. The Egoic Lotus and the Centres, TCF 817), then the destruction of that Jewel may be involved in such a blaze,

b) Một cách tiếp cận khác để biện minh có thể như sau. Nếu Bảo Châu trong Hoa Sen là *một sự mở rộng của Tinh thần* (như nhiều sơ đồ gợi ý—xem Hoa Sen Chân Ngã và các Trung tâm, TCF 817), thì sự hủy diệt của Bảo Châu đó có thể liên quan đến sự bùng cháy

and through this destruction, we may consider that Spirit is blazing forth.

như thế, và thông qua sự hủy diệt này, chúng ta có thể xem như Tinh thần đang bùng cháy ra.

This heat radiates consciously and **with intense magnetic attraction between all the seven systemic groups, or planetary schemes.** Their magnetic field of action will include the planetary radius of one and all.

Nhiệt này phát xạ một cách có ý thức và **với sức hút từ tính mãnh liệt giữa tất cả bảy nhóm hệ thống, hay các hệ hành tinh.** Trường từ tác động của Các Ngài sẽ bao gồm bán kính hành tinh của tất cả và từng vị.

62. When such a climax is reached in any *one* systemic group, this induction of magnetism between the seven systemic groups occurs.

62. Khi một cao điểm như thế đạt được trong bất kỳ *một* nhóm hệ thống nào, sự cảm ứng từ tính này giữa bảy nhóm hệ thống sẽ xảy ra.

63. It is remarkable to realize how interdependent are the planetary schemes! Just as the occurrence of the fourth initiation in a human being becomes a planetary event, so the occurrence of the fourth initiation for a Planetary Logos becomes a solar systemic event.

63. Thật đáng kinh ngạc khi nhận ra các hệ hành tinh phụ thuộc lẫn nhau đến mức nào! Cũng như việc xảy ra lần điểm đạo thứ tư nơi một con người trở thành một biến cố hành tinh, thì việc xảy ra lần điểm đạo thứ tư nơi một Hành Tinh Thượng Đế trở thành một biến cố của hệ mặt trời.

64. No entity lives unto itself alone. This is both a microcosmic and macrocosmic truth.

64. Không thực thể nào sống chỉ cho riêng mình. Đây vừa là một chân lý tiểu thiên địa vừa là một chân lý đại thiên địa.

Carry this thought still further to include the Son, and the entire solar system which He animates;

Hãy mang tư tưởng này đi xa hơn nữa để bao gồm Con, và toàn thể hệ mặt trời mà Ngài làm sinh động;

65. In these commentaries, we have been considering the concept of the Son in two principle ways—as the objective solar system and as the causative life 'behind' and 'within' that solar system.

65. Trong các phần bình giải này, chúng ta đã xem xét khái niệm về Con theo hai cách chính yếu—như hệ mặt trời khách quan và như sự sống gây nguyên nhân 'đằng sau' và 'bên trong' hệ mặt trời ấy.

66. Here, it is clear that the second of the two meanings is meant. The Son is the animator, the anima or *soul* of the solar system.

66. Ở đây, rõ ràng là ý nghĩa thứ hai trong hai ý nghĩa ấy được nhắm đến. Con là đấng làm sinh động, là anima hay *linh hồn* của hệ mặt trời.

His attempt is to find full expression therein, so that eventually and consciously His light may be seen and His heat, or magnetic radiation, may be felt beyond His immediate sphere of influence, the logoic ring-pass-not.

Nỗ lực của Ngài là tìm được sự biểu lộ trọn vẹn trong đó, để cuối cùng và một cách có ý thức ánh sáng của Ngài có thể được thấy và nhiệt của Ngài, hay bức xạ từ tính của Ngài, có thể được cảm nhận vượt ra ngoài khối cầu ảnh hưởng trực tiếp của Ngài, vòng-giới-hạn logoi.

67. We are in the process of extending the analogy. We have seen how the fourth initiation of both a human being and a Planetary Logos are felt far beyond the circumference of their respective ring-pass-nots. Now we are dealing with the fourth initiation of the Life informing a solar system and the extended influence of such an event beyond the *logoic* ring-pass-not.

67. Chúng ta đang trong tiến trình mở rộng phép loại suy. Chúng ta đã thấy lần điểm đạo thứ tư của cả con người lẫn một Hành Tinh Thượng Đế đều được cảm nhận vượt xa chu vi vòng-giới-hạn tương ứng của họ. Giờ đây chúng ta đang bàn đến lần điểm đạo thứ tư của Sự sống phú linh cho một hệ mặt trời và ảnh hưởng mở rộng của một biến cố như thế vượt ra ngoài vòng-giới-hạn *logoi*.

68. We can think of the kind of group consciousness characteristic of a Planetary Logos or of a Solar Logos—at least we can think of the greater entities to whom these two types of beings would become more closely related following their respective fourth initiations.

68. Chúng ta có thể nghĩ đến loại tâm thức nhóm đặc trưng của một Hành Tinh Thượng Đế hay của một Thái dương Thượng đế—ít nhất chúng ta có thể nghĩ đến những thực thể lớn lao hơn mà hai loại hữu thể này sẽ trở nên liên hệ mật thiết hơn sau các lần điểm đạo thứ tư tương ứng của Các Ngài.

69. What lies beyond our Solar Logos' ring-pass-not? Specifically six other solar systems of the Seven Solar Systems of Which Ours is One, including such Logoi as the Logos of Sirius, of Procyon, of Alpha Centauri and others whose names should be the subject of careful analysis.

69. Điều gì nằm bên ngoài vòng-giới-hạn của Thái dương Thượng đế của chúng ta? Cụ thể là sáu hệ mặt trời khác trong Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của chúng ta là một trong đó, bao gồm các Thượng đế như Thượng đế của Sirius, của Procyon, của Alpha Centauri và những vị khác mà tên gọi của các Ngài nên là đối tượng của sự phân tích cẩn trọng.

Both the light of the Son and the heat of the Son **must be felt by the opposite cosmic pole, that constellation which is our system's magnetic opposite.**

Cả ánh sáng của Con lẫn nhiệt của Con **đều phải được cảm nhận bởi cực vũ trụ đối nghịch, chòm sao là đối cực từ tính của hệ chúng ta.**

70. From a planetary perspective, we may say that Venus is the magnetic opposite of our Earth. We are told that Earth is in a

70. Từ quan điểm hành tinh, chúng ta có thể nói rằng Sao Kim là đối cực từ tính của Trái Đất chúng ta. Chúng ta được cho biết rằng

masculine incarnation and Venus, in a feminine one. They are, however, probably closely related for deeper reasons than this.

Trái Đất đang trong một lần lâm phàm nam tính và Sao Kim trong một lần nữ tính. Tuy nhiên, có lẽ chúng liên hệ mật thiết với nhau vì những lý do sâu xa hơn thế.

71. DK tells us that events occurring on Venus are felt on Earth and vice versa.

71. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng các biến cố xảy ra trên Sao Kim được cảm nhận trên Trái Đất và ngược lại.

72. He is now suggesting the same concerning our Solar Logos and another "constellation" within the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

72. Giờ đây Ngài đang gợi ý điều tương tự liên quan đến Thái dương Thượng đế của chúng ta và một "chòm sao" khác trong Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của chúng ta là một trong đó.

73. Why is the term, "constellation" used instead of solar system? May we say that a constellation (beyond its usual definition) can be considered a grouping of heavenly bodies that are not necessarily stars.

73. Tại sao thuật ngữ "chòm sao" lại được dùng thay vì hệ mặt trời? Chúng ta có thể nói rằng một chòm sao (vượt ngoài định nghĩa thông thường của nó) có thể được xem là một nhóm các thiên thể không nhất thiết là các ngôi sao chăng?

74. One of the group of local stars is the physical vehicle of a Solar Logos Who represents the magnetic opposite of our Solar Logos.

74. Một trong nhóm các sao địa phương là vận cụ hồng trần của một Thái dương Thượng đế, Đấng tượng trưng cho đối cực từ tính của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

75. Could that other Logos be the Logos of Sirius? This is a possibility, for Sirius reasonably can be inferred to be the head center of the local system of seven major stars. (Some, however, say it is the ajna center.) In any case, the manasic quality of Sirius and its Logos represents a polarity with the astral-buddhic nature of our Solar Logos.

75. Liệu Thượng đế kia có thể là Thượng đế của Sirius không? Đây là một khả năng, vì Sirius có thể được suy ra một cách hợp lý là trung tâm đầu của hệ địa phương gồm bảy ngôi sao chính. (Tuy nhiên, một số người nói đó là trung tâm ajna.) Trong mọi trường hợp, phẩm tính manas của Sirius và Thượng đế của nó tượng trưng cho một cực tính với bản chất cảm dục-Bồ đề của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

76. However, there is, perhaps, a lack of proportion between Sirius and Sol, our Sun. Sirius is some thirty-three times brighter and quite a bit larger. There is, therefore, a

76. Tuy nhiên, có lẽ có một sự thiếu cân xứng giữa Sirius và Sol, Mặt Trời của chúng ta. Sirius sáng hơn khoảng ba mươi ba lần và

considerable difference in absolute magnitude between them

77. Should we be looking for a star which is closer in absolute magnitude to our Sun? If so, the star Alpha Centauri, the star closest to Sol, might be a good candidate. There may be reason to infer that Alpha Centauri can be considered a sacral center within the Seven Solar Systems of Which Ours is One. According to chakric distinction, there would be a difference in polarity between this star and Sol (for our Sun is as a heart center), but is the difference in emphasis really the difference in magnetism to which the Tibetan refers? We will have to ponder.

78. In any case Alpha Centauri and Sirius are the two stars closest to our Sun and, thus, may be considered good prospects for 'marriage'.

79. Normally, we would ask, "Of what is the heart center the polar opposite, or the "magnetic opposite"? Normally, we would say, "the head". What, then, represents the head center of the Seven Solar Systems of Which Ours is One? Sirius is probably the best candidate, but, as previously stated, there are certain reservations which should be considered were we to this of choosing Sirius as our Sun's polar opposite.

80. If the polar opposite of Sol is most affected by Sol's fourth initiation, may we infer that when our Planetary Logos takes His fourth initiation, Venus is the planet most affected? It stands to reason because the proportion Sirius is to the Sun as Venus is to the Earth seems analogically convincing. Of course, Mars is part of a

cũng lớn hơn khá nhiều. Vì vậy, có một khác biệt đáng kể về cấp sao tuyệt đối giữa chúng.

77. Có nên chăng chúng ta tìm một ngôi sao gần với Mặt Trời của chúng ta hơn về cấp sao tuyệt đối? Nếu vậy, ngôi sao Alpha Centauri, ngôi sao gần Sol nhất, có thể là một ứng viên tốt. Có thể có lý do để suy ra rằng Alpha Centauri có thể được xem là một trung tâm xương cùng trong Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của chúng ta là một trong đó. Theo sự phân biệt chakras, sẽ có một khác biệt về cực tính giữa ngôi sao này và Sol (vì Mặt Trời của chúng ta giống như một trung tâm tim), nhưng sự khác biệt về trọng tâm ấy có thực sự là sự khác biệt về từ tính mà Chân sư Tây Tạng ám chỉ không? Chúng ta sẽ phải suy ngẫm.

78. Trong mọi trường hợp, Alpha Centauri và Sirius là hai ngôi sao gần Mặt Trời của chúng ta nhất và, do đó, có thể được xem là những triển vọng tốt cho 'hôn phối'.

79. Thông thường, chúng ta sẽ hỏi, "Trung tâm tim là đối cực cực tính, hay 'đối cực từ tính', của cái gì?" Thông thường, chúng ta sẽ nói, "trung tâm đầu". Vậy thì, cái gì tượng trưng cho trung tâm đầu của Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của chúng ta là một trong đó? Sirius có lẽ là ứng viên tốt nhất, nhưng như đã nói trước đây, có những dè dặt nhất định cần được cân nhắc nếu chúng ta nghĩ đến việc chọn Sirius làm đối cực cực tính của Mặt Trời chúng ta.

80. Nếu đối cực cực tính của Sol bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi lần điểm đạo thứ tư của Sol, liệu chúng ta có thể suy ra rằng khi Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta tiếp nhận lần điểm đạo thứ tư của Ngài, Sao Kim là hành tinh bị ảnh hưởng nhiều nhất không? Điều đó có vẻ hợp lý vì tỷ lệ Sirius đối với Mặt Trời cũng như Sao Kim đối với Trái

triangle involving both Venus and the Earth, and so the impact on Mars would be substantial as well.

Đất dường như thuyết phục về mặt loại suy. Dĩ nhiên, Sao Hỏa là một phần của tam giác liên quan đến cả Sao Kim lẫn Trái Đất, và vì thế tác động lên Sao Hỏa cũng sẽ rất đáng kể.

2. The objective of the units of consciousness.

2. Mục tiêu của các đơn vị tâm thức.

Thus, the thought of union and of fusion underlies the entire scheme of evolution;

Như vậy, tư tưởng về sự hợp nhất và sự dung hợp làm nền tảng cho toàn bộ hệ thống tiến hoá;

81. Evolution is a process related to the third ray. The third ray aspect of the will is known as the "Will to Evolve" (EA 605)

81. Tiến hoá là một tiến trình liên hệ với cung ba. Phương diện cung ba của ý chí được biết đến như "Ý Chí Tiến Hóa" (EA 605)

82. Yet, the second ray process of union and fusion underlies the entire scheme of evolution.

82. Tuy nhiên, tiến trình cung hai của sự hợp nhất và dung hợp làm nền tảng cho toàn bộ hệ thống tiến hoá.

83. Really, it is impossible to separate any of the three major aspects from the evolutionary process. The entire process is driven by the purpose embodied in the first ray.

83. Thực ra, không thể tách rời bất kỳ phương diện lớn nào trong ba phương diện khỏi tiến trình tiến hoá. Toàn bộ tiến trình được thúc đẩy bởi mục đích được thể hiện trong cung một.

Man, the Heavenly Men, and the cosmic Man (the Son of the Father and the Mother) have to

Con người, các Đấng Thiên Nhân, và Con Người vũ trụ (Con của Cha và Mẹ) phải

84. In this case, it would seem that there is an equivalence between "cosmic Man" and a Solar Logos. The term "cosmic Man" however may be considered generic and may be applied to Entities of far vaster scope than a Solar Logos.

84. Trong trường hợp này, dường như có một sự tương đương giữa "Con Người vũ trụ" và một Thái dương Thượng đế. Tuy nhiên, thuật ngữ "Con Người vũ trụ" có thể được xem là có tính khái quát và có thể áp dụng cho những Thực Thể có tầm mức rộng lớn hơn nhiều so với một Thái dương Thượng đế.

a. Radiate occult heat beyond their own individualised ring-pass-not.

a. Phát xạ nhiệt huyền bí vượt ra ngoài vòng-giới-hạn đã được biệt ngã hóa của riêng mình.

85. This process surely begins before the third degree, but becomes, literally, spectacular at the fourth.

85. Tiến trình này chắc chắn bắt đầu trước cấp độ thứ ba, nhưng trở nên, theo nghĩa đen, ngoạn mục ở cấp độ thứ tư.

86. VSK suggest that the process is akin to "bursting one's own bubble".

86. VSK gợi ý rằng tiến trình này tương tự như "làm vỡ bong bóng của chính mình".

87. The evolutionary process is one of rejoining apparently severed parts. The fourth initiation represents a powerful moment of reunion.

87. Tiến trình tiến hoá là tiến trình tái hợp những phần dường như đã bị tách rời. Lần điểm đạo thứ tư tượng trưng cho một khoảnh khắc tái hợp mạnh mẽ.

b. Occultly blaze forth and demonstrate light or fiery objectivity.

b. Bùng cháy ra một cách huyền bí và biểu lộ ánh sáng hay tính khách quan rực lửa.

88. Does this objectivity include the mental plane? If would seem so.

88. Tính khách quan này có bao gồm cõi trí không? Có vẻ là như vậy.

89. Objectivity *definitely* refers to the physical plane, but occultly, objectivity—begins on the mental plane.

89. Tính khách quan *chắc chắn* quy chiếu đến cõi hồng trần, nhưng một cách huyền bí, tính khách quan bắt đầu trên cõi trí.

90. This is certainly the case as far as a Solar Logos is concerned. The lower twenty one subplanes are purely objective in His 'eyes'.

90. Điều này chắc chắn đúng trong chừng mực liên quan đến một Thái dương Thượng đế. Hai mươi mốt cõi phụ thấp hơn hoàn toàn là khách quan trong 'mắt' của Ngài.

91. Where does the truly subjective *realm* begin? It may be considered to begin with buddhi.

91. Lĩnh vực thực sự chủ quan bắt đầu từ đâu? Có thể xem nó bắt đầu với Bồ đề.

92. In the case of the human being, if one loves with buddhic love, one is functioning as a subjective being.

92. Trong trường hợp con người, nếu một người yêu thương bằng bác ái Bồ đề, người ấy đang hoạt động như một hữu thể chủ quan.

93. True love leads to true subjectivity.

93. Bác ái chân chính dẫn đến tính chủ quan chân chính.

94. Those who work with facility on the astral and mental planes (but cannot focus

94. Những ai hoạt động dễ dàng trên cõi cảm dục và cõi trí (nhưng không thể tập trung

buddhically) are not yet working subjectively.

theo Bồ đề) thì chưa hoạt động một cách chủ quan.

95. Of course, the word "subjective" has different definitions in different contexts. In some contexts, to work within the egoic lotus is considered a subjective act. For the Solar Logos this is definitely not the case.

95. Dĩ nhiên, từ "chủ quan" có những định nghĩa khác nhau trong những ngữ cảnh khác nhau. Trong một số ngữ cảnh, hoạt động bên trong Hoa Sen Chân Ngã được xem là một hành vi chủ quan. Đối với Thái dương Thượng đế, điều này chắc chắn không phải vậy.

96. Really, for all the type of "man" here considered, subjectivity is 'arupic' (i.e., related to the formless planes).

96. Thực ra, đối với mọi loại "con người" được xét ở đây, tính chủ quan là 'arupic' (tức là liên hệ với các cõi vô tướng).

c. Expand so as to include that which lies beyond their own immediate spheres.

c. Mở rộng để bao gồm điều nằm vượt ra ngoài các khối cầu trực tiếp của riêng mình.

97. This type of expansion suggests group engagement. For a human being, it represents ashramic engagement.

97. Loại mở rộng này gợi ra sự tham dự nhóm. Đối với con người, nó tượng trưng cho sự tham dự ashram.

98. To what extent can we say that a Planetary Logos engaging with other Planetary Logoi, or a Solar Logos engaging with other Solar Logoi, is an example of *ashramic engagement?* We need to realize that the concept of the Ashram can be applied on exalted levels as well as on our own.

98. Chúng ta có thể nói đến mức nào rằng một Hành Tinh Thượng Đế tham dự với các Hành Tinh Thượng Đế khác, hay một Thái dương Thượng đế tham dự với các Thái dương Thượng đế khác, là một ví dụ về sự tham dự *ashram không?* Chúng ta cần nhận ra rằng khái niệm ashram có thể được áp dụng trên những cấp độ cao siêu cũng như trên cấp độ của chính chúng ta.

d. Fuse and blend the two fires so as to produce perfectly the central fire, solar fire.

d. Dung hợp và hòa trộn hai ngọn lửa để tạo ra một cách hoàn hảo ngọn lửa trung tâm, Lửa Thái dương.

99. The two fires here referenced are the fire by friction and electric fire.

99. Hai ngọn lửa được nhắc đến ở đây là Lửa ma sát và Lửa Điện.

100. The suggestion is that unless the two fires are truly fused and blended, solar fire will not be "perfectly" produced.

100. Gợi ý ở đây là trừ phi hai ngọn lửa thực sự được dung hợp và hòa trộn, Lửa Thái

dương sẽ không được tạo ra một cách "hoàn hảo".

101. This has implications regarding the necessity for the influence of Spirit if Love is to reach its fruition.

101. Điều này hàm ý về sự cần thiết của ảnh hưởng của Tinh thần nếu Bác ái muốn đạt đến sự viên mãn của nó.

e. Blend Spirit and matter so that a body is produced that will adequately express Spirit.

e. Hòa trộn Tinh thần và vật chất để một thể được tạo ra có thể biểu lộ Tinh thần một cách thích đáng.

102. The body here referenced can be considered triadal (the body or personality of the Monad) and possibly 'mayavirupic' if the bodily demonstration is to take place on the lower planes.

102. Thể được nhắc đến ở đây có thể được xem là thuộc Tam nguyên tinh thần (thể hay phàm ngã của Chân thần) và có thể là 'mayavirupic' nếu sự biểu lộ bằng thể phải diễn ra trên các cõi thấp.

103. The true body of a fourth degree initiate is the spiritual triad.

103. Thể chân thực của một điểm đạo đồ cấp bốn là Tam Nguyên Tinh Thần.

104. Another type of body which may be indicated is the "body of fire".

104. Một loại thể khác có thể được chỉ ra là "thể lửa".

"The centres, therefore, when functioning properly, form the "body of fire" which eventually is all that is left, first to man in the three worlds, and later to the Monad. This body of fire is "the body incorruptible"[72.] or indestructible, spoken of by St. Paul, and is the product of evolution, of the perfect blending of the three fires, which ultimately destroy the form. **When the form is destroyed there is left this intangible spiritual body of fire, one pure flame, distinguished by seven brilliant centres of intenser burning.** This electric fire is the result of the bringing together of the two poles and demonstrates at the moment of complete at-one-ment, the occult truth of the words "Our God is a consuming Fire." (TCF 166-167)

"Do đó, các trung tâm, khi hoạt động đúng đắn, tạo thành 'thể lửa', rốt cuộc là tất cả những gì còn lại, trước hết đối với con người trong ba cõi thấp, và về sau đối với chân thần. Thể lửa này là "thể bất hoại"[72.] hay bất khả hủy, được Thánh Paul nói đến, và là sản phẩm của tiến hoá, của sự hòa trộn hoàn hảo của ba ngọn lửa, rốt cuộc hủy diệt hình tướng. **Khi hình tướng bị hủy diệt, còn lại thể lửa tinh thần vô hình này, một ngọn lửa thuần nhất, được phân biệt bởi bảy trung tâm rực sáng với sự cháy mãnh liệt hơn.** Lửa Điện này là kết quả của việc đưa hai cực lại với nhau và biểu lộ, vào khoảnh khắc nhất thể hóa hoàn toàn, chân lý huyền bí của những lời "Thượng đế của chúng ta là một Ngọn Lửa thiêu đốt." (TCF 166-167)

105. A high initiate has various vehicles for manifestation on various planes.

105. Một điểm đạo đồ cao cấp có nhiều vận cụ để biểu lộ trên nhiều cõi khác nhau.

f. Merge the essence within the form, which is occultly [Page 233] qualified during evolution, with the essence in all form—humanly, in a planetary sense, and cosmically.

f. Hòa nhập tinh túy bên trong hình tướng, vốn một cách huyền bí được [Page 233] phẩm định trong tiến hoá, với tinh túy trong mọi hình tướng—xét theo con người, theo nghĩa hành tinh, và theo nghĩa vũ trụ.

106. The essence here referenced is the Spirit itself; we might call it the 'seventh essence', or the seventh principle—the Atman (not Atma).

106. Tinh túy được nhắc đến ở đây chính là Tinh thần; chúng ta có thể gọi nó là 'tinh túy thứ bảy', hay nguyên khí thứ bảy—Atman (không phải Atma).

107. In the mantram, "Naught is but Me", is suggested the dynamic by which Spirit is attracted to Spirit under the Law of Synthesis.

107. Trong mantram, "Không gì ngoài Ta", động lực theo đó Tinh thần bị Tinh thần hút dưới Định luật Tổng Hợp được gợi ra.

108. We note that the form is occultly qualified during evolution. This meant that it is impressed and patterned by the second divine aspect and, eventually, by the first divine aspect.

108. Chúng ta lưu ý rằng hình tướng được phẩm định một cách huyền bí trong tiến hoá. Điều này có nghĩa là nó được ghi ấn và tạo khuôn bởi phương diện thiêng liêng thứ hai và, cuối cùng, bởi phương diện thiêng liêng thứ nhất.

g. Attain human, systemic and cosmic manhood.

g. Đạt đến nhân tính, hệ thống tính và vũ trụ tính.

109. What really is the definition of "manhood"? Usually, it is considered the third initiation, but this section seems to give a more exalted position to "manhood". It may be that one must be an initiate of the fourth or even fifth degree to become a full grown "man".

109. Thực sự thì định nghĩa của "nhân tính" là gì? Thông thường, nó được xem là lần điểm đạo thứ ba, nhưng phần này dường như trao cho "nhân tính" một vị trí cao siêu hơn. Có thể là người ta phải là một điểm đạo đồ cấp bốn hay thậm chí cấp năm mới trở thành một "con người" trưởng thành trọn vẹn.

110. Interestingly, a Planetary Logos is not considered sacred until its fifth in a certain series of initiations. This may be the same for a Solar Logos. When is human "man"

110. Điều thú vị là một Hành Tinh Thượng Đế không được xem là thiêng liêng cho đến lần thứ năm của Ngài trong một chuỗi điểm đạo nhất định. Điều này có thể cũng đúng

considered truly sacred? Will it be at Mastership?

với một Thái dương Thượng đế. Khi nào "con người" nhân loại được xem là thực sự thiêng liêng? Có phải vào lúc Chân sư vị không?

111. It certainly seems that there is no manhood without the destruction of the causal body.

111. Chắc chắn dường như không có nhân tính nào mà không có sự hủy diệt của thể nguyên nhân.

112. In the section which follows the different levels of mastery required by each achieving "man" (human, planetary or solar) are tabulated.

112. Trong phần tiếp theo, các cấp độ làm chủ khác nhau cần thiết cho mỗi "con người" thành tựu (nhân loại, hành tinh hay thái dương) được lập bảng.

h. Achieve mastery on three planes of the solar system, humanly speaking.

h. Đạt được sự làm chủ trên ba cõi của hệ mặt trời, xét theo con người.

113. We could ask, "will this mastery be of the mind, emotions and body, or will it be of the atmic, intuitional and manasic vehicles?

113. Chúng ta có thể hỏi, "sự làm chủ này sẽ là đối với trí tuệ, cảm xúc và thể xác, hay sẽ là đối với các vận cụ atma, trực giác và manas?

114. It is more reasonable to think of the Master as having achieved Mastery over the three lower planes.

114. Hợp lý hơn khi nghĩ đến Chân sư như đã đạt được sự Làm Chủ đối với ba cõi thấp.

115. There are some references which should be accessed in relation to these thoughts:

115. Có một số trích dẫn nên được tham khảo liên hệ với những tư tưởng này:

a) When man has attained the consciousness of the buddhic plane, he has raised his consciousness to that of the Heavenly Man in whose body he is a cell. This is achieved at the fourth Initiation, the liberating initiation. **At the fifth Initiation he ascends with the Heavenly Man on to the fifth plane (from the human standpoint), the atmic**, and at the sixth he has dominated the second cosmic ether and has monadic consciousness and continuity of function. At the seventh Initiation he dominates the entire sphere of matter contained in the lowest cosmic plane,

a) Khi con người đã đạt được tâm thức của cõi Bồ đề, y đã nâng tâm thức của mình lên ngang với tâm thức của Đấng Thiên Nhân mà trong thân thể của Ngài y là một tế bào. Điều này đạt được ở lần điểm đạo thứ tư, cuộc điểm đạo giải thoát. **Ở lần điểm đạo thứ năm, y thăng lên cùng với Đấng Thiên Nhân đến cõi thứ năm (theo quan điểm con người), cõi atma**, và ở lần thứ sáu y đã chế ngự dĩ thái vũ trụ thứ hai và có tâm thức chân thần cùng sự liên tục của chức năng. Ở lần điểm đạo thứ bảy y chế ngự toàn bộ khối cầu vật chất chứa trong cõi vũ trụ thấp nhất,

escapes from all etheric contact, and functions on the cosmic astral plane. (TCF 121)

thoát khỏi mọi tiếp xúc dĩ thái, và hoạt động trên cõi cảm dục vũ trụ. (TCF 121)

b) For instance, an adept can work with forms and force within [Page 451] the ring-pass-not of his own planetary Logos within the three worlds, within the ring-pass-not of the polar opposite of his Logos, or within the ring-pass-not of three planetary Logoi who form a systemic triangle. **He cannot exhibit this power in the higher planes nor within the spheres of the synthesising and neutral schemes.** After the sixth Initiation **his power extends** to the two planes beyond the three worlds, the buddhic and the atmic, and within the spheres of the entire Brahma aspect as we visualise it as the totality of the schemes of the five Kumaras who are Brahma. **At the seventh Initiation he has power on all the seven planes** and within the entire number of schemes; all the Sacred Words are then his and he can work in matter of all grades, sound all notes, and control all types of force. He stands ready then to guide the life to regions outside the solar sphere of influence. (TCF 450-451)

b) Chẳng hạn, một chân sư có thể hoạt động với các hình tướng và mãnh lực trong [Page 451] vòng-giới-hạn của Hành Tinh Thượng Đế của riêng mình trong ba cõi giới, trong vòng-giới-hạn của đối cực cực tính của Thượng đế của Ngài, hoặc trong vòng-giới-hạn của ba Hành Tinh Thượng Đế tạo thành một tam giác hệ thống. **Ngài không thể biểu lộ quyền năng này trên các cõi cao hơn cũng như trong các khối cầu của các hệ hành tinh tổng hợp và trung hòa.** Sau lần điểm đạo thứ sáu **quyền năng của Ngài mở rộng** đến hai cõi vượt trên ba cõi giới, tức cõi Bồ đề và cõi atma, và trong các khối cầu của toàn bộ phương diện Brahma như chúng ta hình dung nó là tổng thể các hệ hành tinh của năm Kumaras là Brahma. **Ở lần điểm đạo thứ bảy Ngài có quyền năng trên cả bảy cõi** và trong toàn bộ số lượng các hệ hành tinh; khi ấy mọi Linh từ Thiêng liêng đều là của Ngài và Ngài có thể hoạt động trong vật chất của mọi cấp độ, xướng mọi âm điệu, và kiểm soát mọi loại mãnh lực. Khi đó Ngài sẵn sàng hướng dẫn sự sống đến những vùng bên ngoài khối cầu ảnh hưởng của hệ mặt trời. (TCF 450-451)

c) The Chohans of the sixth Initiation work in the fourth and fifth ethers of the logoic etheric body (the buddhic and atmic planes), and deal with the passage of the life of Spirit from form to form in those worlds, having in view the transmutation of units in the spiritual kingdom into the monadic. Those on still higher levels—the Buddhas and their Confreres of the first and third Rays—deal with the passage of the life into the sub-atomic, and atomic planes of the cosmic physical. (TCF 485)

c) Các Chohan của lần điểm đạo thứ sáu hoạt động trong dĩ thái thứ tư và thứ năm của thể dĩ thái logoi (cõi Bồ đề và cõi atma), và đề cập đến sự chuyển tiếp của sự sống của Tinh thần từ hình tướng này sang hình tướng khác trong các thế giới ấy, với mục tiêu là sự chuyển hoá các đơn vị trong giới tinh thần thành chân thần. Những vị ở các cấp độ còn cao hơn—các Đức Phật và các Huynh đệ của Các Ngài thuộc Cung một và Cung ba—đề cập đến sự chuyển tiếp của sự sống vào các cõi phụ hạ nguyên tử và

nguyên tử của cõi hồng trần vũ trụ. (TCF 485)

d) A Chohan of the sixth Initiation discards all the sheaths beneath the monadic vehicle, from the atmic to the physical. (TCF 569)

d) Một Chohan của lần điểm đạo thứ sáu từ bỏ mọi lớp vỏ bên dưới vận cụ chân thần, từ atma đến hồng trần. (TCF 569)

e) At the final two initiations, which set a man free from the three worlds and enable him to function in the logoic body of vitality and to wield the force which animates that logoic [Page 697] vehicle, the initiate becomes the five-pointed star, and it descends upon him, merges in him, and he is seen at its very centre. This descent is brought about through the action of the Initiator, wielding the Rod of Power, and puts a man in touch with the centre in the Body of the planetary Logos of which he is a part; this is consciously effected. **The two initiations, called the sixth and seventh, take place on the atmic plane; the five-pointed star "blazes forth from within itself" as the esoteric phrase has it, and becomes the seven-pointed star; it descends upon the man and he enters into the Flame.** (TCF 696-697)

e) Ở hai lần điểm đạo cuối cùng, vốn giải thoát con người khỏi ba cõi giới và giúp y có thể hoạt động trong thể sinh lực logoi và vận dụng mãnh lực làm sinh động vận cụ logoi [Page 697] ấy, điểm đạo đồ trở thành ngôi sao năm cánh, và nó giáng xuống trên y, hòa nhập vào y, và y được thấy ở chính trung tâm của nó. Sự giáng xuống này được tạo ra nhờ tác động của Đấng Điểm đạo, vận dụng Thần Trượng Điểm đạo, và đặt con người vào tiếp xúc với trung tâm trong Thể của Hành Tinh Thượng Đế mà y là một phần của nó; điều này được thực hiện một cách có ý thức. **Hai lần điểm đạo, được gọi là lần thứ sáu và thứ bảy, diễn ra trên cõi atma; ngôi sao năm cánh "bùng cháy ra từ bên trong chính nó" như cụm từ thần bí đã nói, và trở thành ngôi sao bảy cánh; nó giáng xuống trên con người và y đi vào trong Ngọn Lửa.** (TCF 696-697)

116. In the foregoing references, different grades of work are indicated. Our task is to determine what "mastery" really means for a human being. Although mastery is associated with the atmic plane, it is clear that for a Master, only the three lower subplanes of the cosmic physical plane are truly *mastered*, even though at mastery he is set free to *work* or to *function* in the third and fourth ethers—the atmic and buddhic planes.

116. Trong các trích dẫn trên, những cấp độ công việc khác nhau được chỉ ra. Nhiệm vụ của chúng ta là xác định "sự làm chủ" thực sự có nghĩa là gì đối với một con người. Mặc dù sự làm chủ được liên kết với cõi atma, rõ ràng là đối với một Chân sư, chỉ ba cõi phụ thấp hơn của cõi hồng trần vũ trụ mới thực sự được *làm chủ*, dù ở mức làm chủ Ngài được giải thoát để *hoạt động* hay *chức năng* trong dĩ thái thứ ba và thứ tư—cõi atma và cõi Bồ đề.

117. The plane upon which an initiation occurs and the planes which are *mastered* are two quite different things.

117. Cõi mà trên đó một lần điểm đạo xảy ra và các cõi được *làm chủ* là hai điều hoàn toàn khác nhau.

118. We must discriminate between *mastery* of a plane, *control* upon a plane, and the ability to *work* or *function* within a plane. The foregoing paragraphs should be studied with these distinctions in mind.

118. Chúng ta phải phân biện giữa *sự làm chủ* một cõi, *sự kiểm soát* trên một cõi, và khả năng *hoạt động* hay *chức năng* trong một cõi. Những đoạn trên nên được nghiên cứu với các phân biệt này trong tâm trí.

i. Achieve mastery on five planes of the solar system, when speaking of a Heavenly Man.

i. Đạt được sự làm chủ trên năm cõi của hệ mặt trời, khi nói về một Đấng Thiên Nhân.

119. We are now speaking of a Planetary Logos. Compare what is here said with the capabilities discussed of human initiates of various degrees—the fifth, sixth and seventh. It would seem that none of them has true *mastery* on the buddhic and atmic planes, yet why would they not?

119. Hiện nay chúng ta đang nói về một Hành Tinh Thượng Đế. Hãy so sánh điều được nói ở đây với những năng lực đã được bàn đến nơi các điểm đạo đồ nhân loại ở những cấp độ khác nhau—thứ năm, thứ sáu và thứ bảy. Dường như không ai trong số họ có *sự làm chủ* đích thực trên các cõi Bồ đề và atma, thế nhưng tại sao họ lại không thể có?

120. This statement "i.", seems to suggest that only a Heavenly Man (probably a Planetary Logos) has real mastery on the buddhic and atmic planes.

120. Phát biểu "i." này dường như gợi ý rằng chỉ một Đấng Thiên Nhân (có lẽ là một Hành Tinh Thượng Đế) mới có sự làm chủ thực sự trên các cõi Bồ đề và atma.

121. In section (b) above, we learn that Chohans of the sixth degrees have *power* upon the buddhic and atmic planes and at the seventh degree, *power* upon *all* planes of the cosmic physical plane—but "power on" is not the same as *mastery*.

121. Trong phần (b) ở trên, chúng ta biết rằng các Chohan ở cấp độ thứ sáu có *quyền năng* trên các cõi Bồ đề và atma và ở cấp độ thứ bảy, có *quyền năng* trên *mọi* cõi của cõi hồng trần vũ trụ—nhưng "quyền năng trên" không đồng nghĩa với *sự làm chủ*.

122. Much pondering is required. Do we detect a problem in scale, a discrepancy in proportion? It would seem if a human being who is a Master has mastery in the three lower worlds, then a Planetary Logos Who becomes a Master (on His own level) should have mastery on at least two and a half *cosmic* planes. This discrepancy will not be easily solved.

122. Điều này đòi hỏi phải suy ngẫm rất nhiều. Chúng ta có nhận ra một vấn đề về thang bậc, một sự sai biệt về tỉ lệ chăng? Dường như nếu một con người là một Chân sư có sự làm chủ trong ba cõi thấp, thì một Hành Tinh Thượng Đế trở thành một Chân sư (trên cấp độ riêng của Ngài) phải có sự làm chủ trên ít nhất hai cõi rưỡi *vũ trụ*. Sự sai biệt này sẽ không dễ được giải quyết.

123. If there is no problem or discrepancy, we must simply conclude that mastery of the cosmic ethers is not available to a human

123. Nếu không có vấn đề hay sai biệt nào, chúng ta đơn giản phải kết luận rằng sự làm chủ các dĩ thái vũ trụ không dành cho một

being. Rather, it is available to a Planetary Logos.

124. Given what we know of our Heavenly Man (or Planetary Logos), there is not yet any possibility of mastery on even the cosmic astral plane, for it is on this plane that He is fighting his way from the fourth subplane to the fifth. This is a long way from anything that might justifiably be called mastery.

125. The comparisons given make the developmental gulf between a Planetary Logos and a Solar Logos seem unusually large as is suggested below.

j. Achieve mastery on three cosmic planes when speaking of the cosmic Christ, the Son, or the Logos manifesting objectively.

126. Here several terms are put together. The "Son" is equivalent to the "Cosmic Christ" or to the "Logos manifesting objectively".

127. We can consider the Son as that Being Who manifests primarily through the Heart of the Sun and only secondarily through the lower cosmic planes. The Heart of the Sun is 'located' on the higher subplanes of the cosmic mental plane—in fact, for our Solar Logos, the *highest* subplane.

128. Our particular Solar Logos has not yet achieved the kind of mastery here referenced. He is not yet a cosmic initiate of the third degree, though in a certain series of initiations He appears to be taking the *fourth* degree. (cf. TCF 384. for pertinent direct statements and inferences), just as our

con người. Đúng hơn, nó dành cho một Hành Tinh Thượng Đế.

124. Với những gì chúng ta biết về Đấng Thiên Nhân của chúng ta (hay Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta), thì hiện vẫn chưa có bất kỳ khả năng nào về sự làm chủ ngay cả trên cõi cảm dục vũ trụ, vì chính trên cõi này mà Ngài đang chiến đấu để tiến từ cõi phụ thứ tư lên cõi phụ thứ năm. Đây còn cách rất xa bất cứ điều gì có thể được gọi một cách chính đáng là sự làm chủ.

125. Những so sánh được đưa ra khiến khoảng cách phát triển giữa một Hành Tinh Thượng Đế và một Thái dương Thượng đế dường như lớn một cách khác thường như được gợi ý dưới đây.

j. Đạt được sự làm chủ trên ba cõi vũ trụ khi nói về Đức Christ vũ trụ, Con, hay Thượng đế đang biểu hiện một cách khách quan.

126. Ở đây một số thuật ngữ được đặt chung với nhau. "Con" tương đương với "Đức Christ Vũ trụ" hay với "Thượng đế đang biểu hiện một cách khách quan".

127. Chúng ta có thể xem Con là Đấng biểu hiện chủ yếu qua Trái Tim của Mặt Trời và chỉ thứ yếu qua các cõi vũ trụ thấp hơn. Trái Tim của Mặt Trời được 'định vị' trên các cõi phụ cao hơn của cõi trí vũ trụ—thật ra, đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta, đó là cõi phụ *cao nhất*.

128. Thái dương Thượng đế đặc thù của chúng ta vẫn chưa đạt được loại sự làm chủ được nhắc đến ở đây. Ngài vẫn chưa là một điểm đạo đồ vũ trụ ở cấp độ thứ ba, dù trong một chuỗi điểm đạo nào đó Ngài dường như đang nhận cấp độ *thứ tư*. (xem TCF 384. để có những phát biểu trực tiếp thích đáng và

Planetary Logos seems to be taking the fourth degree is a parallel series of cosmically minor initiations.

những suy luận), cũng như Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta dường như đang nhận cấp độ thứ tư trong một chuỗi điểm đạo nhỏ hơn về mặt vũ trụ song song.

3. The Manifesting Units of Consciousness.[94]

3. Những Đơn Vị Tâm Thức Biểu Hiện.94

Footnote [94].

Chú thích 94.

"Matter, it must be remembered, is that totality of Existence in the Kosmos which falls within any of the planes of possible perception."—S. D., I, 560.

“Vật chất, cần nhớ rằng, là toàn thể Sự Tồn Tại trong Vũ Trụ rơi vào trong bất kỳ cõi nào của tri giác khả hữu.”—Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 560.

129. Is this another way of saying that matter is ubiquitous?

129. Đây có phải là một cách khác để nói rằng vật chất hiện diện khắp nơi không?

130. Or are we saying that there are some planes within Kosmos which are imperceptible.

130. Hay là chúng ta đang nói rằng có một số cõi trong Vũ Trụ là không thể tri giác được.

131. We must contrast these ideas with the very reasonable dictum that “to be, is to be perceived”.

131. Chúng ta phải đối chiếu những ý tưởng này với mệnh đề rất hợp lý rằng “tồn tại tức là được tri giác”.

132. It is quite inconceivable to think of a plane that is imperceptible!

132. Thật hoàn toàn không thể hình dung nổi một cõi mà lại không thể tri giác được!

133. Of course, we must define the meaning of “perceptible”. The factor of identification may not be included in the concept of perception. In other words, *perception* may not be able to ‘contain’ *identification.*

133. Dĩ nhiên, chúng ta phải xác định ý nghĩa của từ “có thể tri giác được”. Yếu tố đồng hoá với có thể không được bao hàm trong khái niệm tri giác. Nói cách khác, *tri giác* có thể không đủ khả năng ‘bao chứa’ *sự đồng hoá với.*

These Existences might be enumerated as follows:

Những Sự Tồn Tại này có thể được liệt kê như sau:

1. The Seven Heavenly Men. In their totality they make up the Body of the **Grand Man of the Heavens, the Logos.**

1. Bảy Đấng Thiên Nhân. Trong tính toàn thể của Các Ngài, Các Ngài tạo thành Thể của **Đại Nhân của Thiên Giới, Thượng đế.**

134. Note the term "Grand Man of the Heavens" for the Solar Logos. Sometimes, however, the term "Grand Man of the Heavens" refers only to that aspect of the Solar Logos we call the "Son".

134. Hãy lưu ý thuật ngữ "Đại Nhân của Thiên Giới" dành cho Thái dương Thượng đế. Tuy nhiên, đôi khi thuật ngữ "Đại Nhân của Thiên Giới" chỉ nói đến phương diện của Thái dương Thượng đế mà chúng ta gọi là "Con".

Other names for these Beings:

Những tên gọi khác của các Đấng này:

a. The seven planetary Logoi or Spirits.

a. Bảy Hành Tinh Thượng Đế hay các Thánh Linh.

b. The Prajapatis.

b. Các Prajapati.

c. The seven Lords of the Rays.

c. Bảy Chúa Tể của các cung.

135. In this case, a Ray Lord is equivalent to a Planetary Logos. There are also *intra*-planetary Ray Lords.

135. Trong trường hợp này, một Chúa Tể Cung tương đương với một Hành Tinh Thượng Đế. Cũng có những Chúa Tể Cung *nội*-hành tinh.

d. The Dyhan Chohans.

d. Các Dhyan Chohan.

136. "Dhyan Chohan" is another generic term. Ever our Solar Angels (intra-planetary beings) are called "Dyhan Chohans".

136. "Dhyan Chohan" là một thuật ngữ tổng quát khác. Ngay cả các Thái dương Thiên Thần của chúng ta (những hữu thể nội-hành tinh) cũng được gọi là "Dhyan Chohan".

e. The seven Spirits before the Throne.

e. Bảy Thánh Linh trước Thánh Ngai.

137. Much depends upon the "Throne" to which we refer. The Planetary Logos is a Throne for *intra*-planetary beings. The Solar Logos is a Throne for Planetary Logoi.

137. Rất nhiều điều tùy thuộc vào "Thánh Ngai" mà chúng ta đang nói đến. Hành Tinh Thượng Đế là một Thánh Ngai đối với các hữu thể *nội*-hành tinh. Thái dương Thượng đế là một Thánh Ngai đối với các Hành Tinh Thượng Đế.

f. The seven Archangels.

f. Bảy Tổng Thiên Thần.

138. It is interesting and instructive to think of Archangels as Planetary Logoi.

138. Thật thú vị và bổ ích khi nghĩ về các Tổng Thiên Thần như các Hành Tinh Thượng Đế.

g. The seven Logoi.

g. Bảy Thượng đế.

139. We must be careful in the use of the term "Logoi", for the term, when unaccompanied by the term "planetary", usually means *Solar* Logoi.

139. Chúng ta phải cẩn trọng khi dùng thuật ngữ "Các Thượng đế", vì thuật ngữ này, khi không đi kèm thuật ngữ "hành tinh", thường có nghĩa là các *Thái dương* Thượng đế.

h. The seven Builders.

h. Bảy Đấng Kiến Tạo.

—S. D., I, 115, 130, 152, 535.

—Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 115, 130, 152, 535.

They are the informing Entities of the Divine Ray, the Ray of the Second Logos, in much the same sense as Fohat and his seven Brothers are the totality of the Primordial Ray. —S. D., I, 100, 108, 155.

Các Ngài là những Thực Thể thấm nhuần Cung Thiêng Liêng, Cung của Đệ Nhị Thượng đế, theo ý nghĩa gần giống như Fohat và bảy Huynh Đệ của Ngài là toàn thể của Cung Nguyên Sơ. —Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 100, 108, 155.

140. Each great Ray is "informed" by seven lesser entities.

140. Mỗi cung lớn được bảy thực thể nhỏ hơn "thấm nhuần".

141. In this case the "Ray of the Second Logos" is equivalent to the Ray of the Solar Logos (Whose major ray in this solar system, at least, is the second).

141. Trong trường hợp này, "Cung của Đệ Nhị Thượng đế" tương đương với cung của Thái dương Thượng đế (mà cung chính của Ngài trong hệ mặt trời này, ít nhất, là cung hai).

142. We must keep in mind that the Divine Ray is sevenfold and that Fohat (representing the Primordial Ray) is also sevenfold.

142. Chúng ta phải ghi nhớ rằng Cung Thiêng Liêng là thất phân và Fohat (đại diện cho Cung Nguyên Sơ) cũng là thất phân.

143. Sometimes the "seven Brothers" of Fohat are called His seven "Sons".

143. Đôi khi "bảy Huynh Đệ" của Fohat được gọi là bảy "Con" của Ngài.

144. The seven Brothers or Son of Fohat may be considered as Raja Deva Lords, informing the seven planes of the solar system.

a. Matter is fecundated by the Primordial Ray of Intelligence. **This is the anima mundi, the soul of the world.**

145. Matter would remain in an unfecundated state without the ministrations of Fohat who represents, in the act of fecundation, the Divine Father.

146. An important statement is offered: that the Primary Ray of Intelligence is the "anima mundi, the soul of the world".

147. Another way of thinking of the anima mundi is as consciousness submitted to the limitations of matter.

b. The Primordial Ray is the vehicle for the Divine Ray of Love and Wisdom. The merging of these two is the aim of evolution.

148. On a large scale, we see that the merging of the third and second aspects is the goal of evolution. On our planet, Earth, this merging is particularly focal at this time in planetary history.

c. The Divine Ray is sevenfold. It brings in seven Entities.

149. The Divine Ray, of course, brings in *more* than seven Entities, but seven of them are major or sacred.

d. These seven are:

144. Bảy Huynh Đệ hay Con của Fohat có thể được xem như các Chúa Tể Raja Deva, thấm nhuần bảy cõi của hệ mặt trời.

a. Vật chất được thụ tinh bởi Cung Nguyên Sơ của Trí Tuệ. **Đây là anima mundi, linh hồn của thế giới.**

145. Vật chất sẽ vẫn ở trong trạng thái chưa được thụ tinh nếu không có sự phụng sự của Fohat, Đấng đại diện, trong hành động thụ tinh, cho Người Cha thiêng liêng.

146. Một phát biểu quan trọng được đưa ra: rằng Cung Sơ Khởi của Trí Tuệ là "anima mundi, linh hồn của thế giới".

147. Một cách khác để nghĩ về anima mundi là như tâm thức chịu quy phục trước những giới hạn của vật chất.

b. Cung Nguyên Sơ là vận cụ cho Cung Thiêng Liêng của Bác Ái và Minh Triết. Sự hợp nhất của hai cung này là mục tiêu của tiến hoá.

148. Trên quy mô lớn, chúng ta thấy rằng sự hợp nhất của phương diện thứ ba và thứ hai là mục tiêu của tiến hoá. Trên hành tinh của chúng ta, Trái Đất, sự hợp nhất này hiện nay đặc biệt là tiêu điểm trong lịch sử hành tinh.

c. Cung Thiêng Liêng là thất phân. Nó đưa vào bảy Thực Thể.

149. Dĩ nhiên, Cung Thiêng Liêng đưa vào *nhiều* hơn bảy Thực Thể, nhưng bảy vị trong số đó là chính yếu hay thiêng liêng.

d. Bảy vị này là:

1. The Logos of Will or Power. 5. The Logos of Concrete Science.

2. The Logos of Love and Wisdom. 6. The Logos of Devotion or Abstract Idealism.

3. The Logos of Activity. 7. The Logos of Ceremonial Law or Order.

4. The Logos of Harmony.

1. Thượng đế của Ý Chí hay Quyền Năng. 5. Thượng đế của Khoa Học Cụ Thể.

2. Thượng đế của Bác Ái và Minh Triết. 6. Thượng đế của Sùng Tín hay Duy Tâm Trừu Tượng.

3. Thượng đế của Hoạt Động. 7. Thượng đế của Định luật Nghi Lễ hay Trật Tự.

4. Thượng đế của Hài Hòa.

150. Some of the names of the Ray Lords here given are incomplete, but sufficiently delineated to be recognizable.

150. Một số tên gọi của các Chúa Tể Cung được nêu ở đây là chưa đầy đủ, nhưng được phác họa đủ để có thể nhận ra.

151. From this delineation, it becomes clear that a Ray Lord (on the planetary level) and a Logos are identical.

151. Từ sự phác họa này, trở nên rõ ràng rằng một Chúa Tể Cung (trên cấp độ hành tinh) và một Thượng đế là đồng nhất.

2. Men, The Monad, The Units of Consciousness. They, in their totality, make up the Bodies of the seven Heavenly Men. **Each Monad is found upon one of the seven Rays. —**S. D., I, 197, 285, 624; S. D., II, 85, 176, 196.

2. Con Người, Chân thần, Những Đơn Vị Tâm Thức. Trong tính toàn thể của họ, họ tạo thành các Thể của bảy Đấng Thiên Nhân. **Mỗi chân thần được tìm thấy trên một trong bảy cung. —**Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 197, 285, 624; Giáo Lý Bí Nhiệm, II, 85, 176, 196.

152. We are told that human and deva units (as Monads) contribute to the cellular constitution of the chakras of a Planetary Logos.

152. Chúng ta được cho biết rằng các đơn vị nhân loại và thiên thần (với tư cách các chân thần) góp phần vào cấu tạo tế bào của các luân xa của một Hành Tinh Thượng Đế.

153. The implication here is that the bodies of the seven Heavenly Men are *nothing but* Monads. This must be thought through carefully. The question arises: "is there any form of life whatsoever that cannot be resolved into a Monad"? Surely all life forms are the extension of the One Monad.

153. Hàm ý ở đây là các thể của bảy Đấng Thiên Nhân *không gì khác ngoài* các chân thần. Điều này phải được suy xét cẩn thận. Câu hỏi nảy sinh: "có bất kỳ hình thức sự sống nào mà rốt cuộc không thể quy về một chân thần chăng?" Chắc chắn mọi hình thức sự sống đều là sự mở rộng của Chân Thần Duy Nhất.

154. In this context, we have to remember that Fohat and the Divine Son are also Monads Who are aspects of the One Monad.

154. Trong ngữ cảnh này, chúng ta phải nhớ rằng Fohat và Thiêng Liêng Chi Tử cũng là những chân thần, là các phương diện của Chân Thần Duy Nhất.

155. When it comes to a consideration of the ray structure of the Monad, DK is clear on the fact that the *major* ray of the Monad must be the first, second or third ray, but that there are minor rays which can be any one of the seven. This distinction is not usually elaborated, but is necessary if there is to be a fuller understanding of the matter.

155. Khi xét đến cấu trúc cung của chân thần, Chân sư DK nói rõ rằng cung *chính* của chân thần phải là cung một, cung hai hoặc cung ba, nhưng có những cung phụ có thể là bất kỳ cung nào trong bảy cung. Sự phân biệt này thường không được khai triển, nhưng là cần thiết nếu muốn có sự thấu hiểu đầy đủ hơn về vấn đề này.

3. Devas. —S. D. I, 308; S. D., II, 107. Such devas are, for instance:

3. Các thiên thần. —Giáo Lý Bí Nhiệm I, 308; Giáo Lý Bí Nhiệm, II, 107. Chẳng hạn, các thiên thần như sau:

a. The deva Lord of a plane. The sphere of his body is the entire plane.

a. Chúa Tể thiên thần của một cõi. Khối cầu của thể y là toàn bộ cõi đó.

156. We note that the body of such great devas is *spherical.* Planes are spherical demonstrations. So, for that matter, are Rays.

156. Chúng ta lưu ý rằng thể của những thiên thần vĩ đại như thế là *hình cầu.* Các cõi là những biểu hiện hình cầu. Các cung cũng vậy.

b. Groups of building devas.

b. Các nhóm thiên thần kiến tạo.

157. Their name must be legion.

157. Tên của họ hẳn phải là vô số.

4. Entities involved in the mineral, vegetable, and animal kingdoms. —S. D., I, 210, 298.

4. Những thực thể liên quan đến các giới kim thạch, thực vật và động vật. —Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 210, 298.

a. The life of the third Logos—the atom of matter.

a. Sự sống của Đệ Tam Thượng đế—nguyên tử của vật chất.

b. The life of the second Logos—groups of atoms built into forms, plant, animal.

b. Sự sống của Đệ Nhị Thượng đế—những nhóm nguyên tử được kiến tạo thành hình tướng, thực vật, động vật.

c. The life of the first Logos—the forms indwelt by highest Spirit.

158. Different types of forms are indwelt by different Logoi.

159. We note that the third Logos indwells the *singular* atom. When atomic *groupings* begin to occur (under the principle of relationship) the life of the second Logos is implicated. "Wherever two or more are gathered…there am I".

160. What are the forms indwelt by the highest Spirit? One thought about such forms is that they must be found upon planes which are relatively high in any sevenfold system, because the Spirit does not descend 'lower' than a certain level of vibration.

5. The spirit of a planet. —S. D., I, 178; S. D., II, 251, 500.

He is the sum-total of the many involutionary lives upon a planet.

161. The use of the word "spirit" can be confusing. Sometimes this being is known as the "Planetary Entity". The term "spirit" as here used must not be confused with the Monad of the Planetary Logos.

6. The atom. —S. D., I, 559, 620-622.

162. The various atoms can be considered as involutionary lives and part and parcel of the "spirit of the planet", as the term "spirit" is here used.

c. Sự sống của Đệ Nhất Thượng đế—những hình tướng được Tinh thần tối cao ngự vào.

158. Những loại hình tướng khác nhau được các Thượng đế khác nhau ngự vào.

159. Chúng ta lưu ý rằng Đệ Tam Thượng đế ngự vào nguyên tử *đơn lẻ*. Khi các *tập hợp* nguyên tử bắt đầu xuất hiện (dưới nguyên khí của tương quan), sự sống của Đệ Nhị Thượng đế được hàm ý. "Ở đâu có hai hay nhiều hơn được tụ họp… ở đó có Ta".

160. Những hình tướng được Tinh thần tối cao ngự vào là gì? Một suy nghĩ về những hình tướng như thế là chúng phải được tìm thấy trên những cõi tương đối cao trong bất kỳ hệ thống thất phân nào, bởi vì Tinh thần không giáng xuống 'thấp' hơn một mức rung động nhất định.

5. tinh linh linh địa cầu của một hành tinh. —Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 178; Giáo Lý Bí Nhiệm, II, 251, 500.

Y là tổng thể của nhiều sự sống giáng hạ tiến hoá trên một hành tinh.

161. Việc dùng từ "tinh thần" có thể gây nhầm lẫn. Đôi khi hữu thể này được biết đến như "Thực Thể Hành Tinh". Thuật ngữ "tinh thần" như được dùng ở đây không được nhầm với chân thần của Hành Tinh Thượng Đế.

6. Nguyên tử. —Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 559, 620-622.

162. Các nguyên tử khác nhau có thể được xem như những sự sống giáng hạ tiến hoá và là bộ phận cấu thành của "tinh linh linh địa

cầu của hành tinh", theo cách thuật ngữ "tinh thần" được dùng ở đây.

163. The term "Planetary Spirit" however, usually suggests the Planetary Logos considered as a Monad.

163. Tuy nhiên, thuật ngữ "Tinh thần Hành Tinh" thường gợi ý Hành Tinh Thượng Đế được xét như một chân thần.

Summing Up: For the purpose and the goal see S. D., I, 70, 132.

Tóm lược: Về mục đích và mục tiêu, xem Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 70, 132.

164. In the foregoing footnotes, we have seen tabulated in descending order those beings or entities who are called "manifesting units of consciousness" within our solar system. Even confining ourselves to a single solar system, we can see the tremendous scope and complexity of the subject.

164. Trong các chú thích trước đây, chúng ta đã thấy được liệt kê theo thứ tự đi xuống những hữu thể hay thực thể được gọi là "những đơn vị tâm thức biểu hiện" trong hệ mặt trời của chúng ta. Ngay cả khi chỉ giới hạn trong một hệ mặt trời duy nhất, chúng ta cũng có thể thấy phạm vi rộng lớn và tính phức tạp to lớn của chủ đề này.

If these stated aims are carefully considered, it will be seen how each has its place within the plan, and how [Page 234] **evolution is but a term used to express the gradual development in time and space of the inherent capacity of a human being, of a Heavenly Man, and of the Grand Man of the Heavens.**

Nếu những mục tiêu đã nêu này được suy xét cẩn thận, người ta sẽ thấy mỗi mục tiêu đều có vị trí của nó trong Thiên Cơ, và rằng [Page 234] **tiến hoá chỉ là một thuật ngữ được dùng để diễn tả sự phát triển dần dần trong thời gian và không gian của năng lực cố hữu của một con người, của một Đấng Thiên Nhân, và của Đại Nhân của Thiên Giới.**

165. The "inherent capacity" of any of these three types of entity is the nature of the Monad itself. All potency and archetypal pattern stem from the Monad.

165. "Năng lực cố hữu" của bất kỳ một trong ba loại thực thể này chính là bản chất của bản thân chân thần. Mọi tiềm năng và mọi mô hình nguyên mẫu đều phát sinh từ chân thần.

The place and position of one and all to each other must be borne in mind, for no one can develop without the other.

Vị trí và chỗ đứng của tất cả đối với nhau phải được ghi nhớ, vì không ai có thể phát triển mà không có kẻ khác.

166. The interlocking and interdependent nature of the three types of entities is asserted. This could well be pondered.

166. Bản chất móc nối lẫn nhau và phụ thuộc lẫn nhau của ba loại thực thể này được khẳng định. Điều này rất đáng để suy ngẫm.

167. The atom of matter (though not self conscious) could be included in this picture. To what extent is our human progress dependent upon the development of such atoms? Atomic development is somewhat dependent upon the energies of the Primordial Ray (Fohat) and the Divine Ray (the Divine Son), and somewhat dependent upon the unit of life into whose system the atom of matter is built.

167. Nguyên tử của vật chất (dù không có ngã thức) có thể được bao gồm trong bức tranh này. Tiến bộ nhân loại của chúng ta phụ thuộc đến mức nào vào sự phát triển của những nguyên tử như thế? Sự phát triển nguyên tử phần nào phụ thuộc vào các năng lượng của Cung Nguyên Sơ (Fohat) và Cung Thiêng Liêng (Thiêng Liêng Chi Tử), và phần nào phụ thuộc vào đơn vị sự sống mà trong hệ thống của nó nguyên tử vật chất được kiến tạo vào.

What, therefore, have we?

Vậy thì, chúng ta có gì?

a. The Son, the Grand Man of the Heavens.

a. Con, Đại Nhân của Thiên Giới.

168. This is another name for the Solar Logos, or alternatively, for that aspect of the Solar Logos Who is called the "Son".

168. Đây là một tên gọi khác của Thái dương Thượng đế, hoặc cách khác, của phương diện của Thái dương Thượng đế được gọi là "Con".

He manifests through the Sun and the seven sacred planets, each of whom embodies one of His seven principles, just as He in His totality embodies one of the principles of a greater cosmic Entity.

Ngài biểu hiện qua Mặt Trời và bảy hành tinh thiêng liêng, mỗi vị trong số đó thể hiện một trong bảy nguyên khí của Ngài, cũng như chính Ngài trong tính toàn thể của mình thể hiện một trong các nguyên khí của một Thực Thể vũ trụ lớn hơn.

169. Our Grand Man of the Heavens embodies the heart center in a Cosmic Logos, though *not* in the One About Whom Naught May Be Said. A Cosmic Logos is a Being working through seven solar systems. (cf. TCF 293).

169. Đại Nhân của Thiên Giới của chúng ta thể hiện trung tâm tim trong một Thượng đế Vũ trụ, dù *không* phải trong Đấng Bất Khả Tư Nghị. Một Thượng đế Vũ trụ là một Hữu Thể hoạt động qua bảy hệ mặt trời. (xem TCF 293).

170. This Cosmic Logos is, speculatively, called the "Sirian Logos"—a Logos manifesting through seven solar systems of which the solar system of the star Sirius is only one.

170. Thượng đế Vũ trụ này, theo suy đoán, được gọi là "Thượng đế Sirius"—một Thượng đế biểu hiện qua bảy hệ mặt trời mà hệ mặt trời của sao Sirius chỉ là một trong số đó.

171. The principle of buddhi is very connected to our Solar Logos—in a higher

171. Nguyên khí Bồ đề có liên hệ rất mật thiết với Thái dương Thượng đế của chúng

Entity, our Solar Logos may embody the buddhic principle. Why? Because He is functioning as a **heart** chakra, and in a human being, the heart chakra is definitely related to the buddhic plane.

ta—trong một Thực Thể cao hơn, Thái dương Thượng đế của chúng ta có thể thể hiện nguyên khí Bồ đề. Tại sao? Bởi vì Ngài đang hoạt động như một luân xa **tim**, và trong một con người, luân xa tim chắc chắn liên hệ với cõi Bồ đề.

172. Path six, the Path which our astral-buddhic Solar Logos is treading, leads to the cosmic buddhic plane—and, interestingly, is the only Path (of the Paths delineated by Master DK) that does so.

172. Con đường thứ sáu, Con đường mà Thái dương Thượng đế cảm dục-Bồ đề của chúng ta đang bước đi, dẫn đến cõi Bồ đề vũ trụ—và điều thú vị là, đó là Con đường duy nhất (trong các Con Đường được Chân sư DK phác họa) làm như vậy.

173. Following the analogy, each of our sheaths is, to us, as a planet is to our Sun. The planets revolve, but, interestingly, so do the sheaths—at least they rotate.

173. Theo phép loại suy, mỗi thể của chúng ta đối với chúng ta cũng như một hành tinh đối với Mặt Trời của chúng ta. Các hành tinh quay quanh, nhưng điều thú vị là các thể cũng vậy—ít nhất chúng cũng tự xoay.

b. A Heavenly Man. He manifests through a planet, and embodies one of the principles of the Son, the Logos.

b. Một Đấng Thiên Nhân. Ngài biểu hiện qua một hành tinh, và thể hiện một trong các nguyên khí của Con, Thượng đế.

174. Is this true of *every* Planetary Logos? If so, we have more Planetary Logoi than we have "principles of the Son".

174. Điều này có đúng với *mọi* Hành Tinh Thượng Đế không? Nếu đúng, thì chúng ta có nhiều Hành Tinh Thượng Đế hơn số "nguyên khí của Con" mà chúng ta có.

He Himself is likewise developing through seven principles, **which are the source of His essential unity with all other Heavenly Men.**

Chính Ngài cũng đang phát triển qua bảy nguyên khí, **là nguồn gốc của sự hợp nhất cốt yếu của Ngài với mọi Đấng Thiên Nhân khác.**

175. This can mean two distinct things. Do the words "He Himself" refer to the Solar Logos or to a Planetary Logos?

175. Điều này có thể mang hai nghĩa khác nhau. Những từ "Chính Ngài" nói đến Thái dương Thượng đế hay một Hành Tinh Thượng Đế?

176. If "He Himself" refers to the Solar Logos, the statement expresses the "essential unity" of the Solar Logos with all

176. Nếu "Chính Ngài" nói đến Thái dương Thượng đế, thì phát biểu này diễn tả "sự hợp nhất cốt yếu" của Thái dương Thượng đế với

the Heavenly Men Who embody His (the Logos') principles.

177. According to another line of interpretation, it would seem that all Planetary Logoi have seven major principles. It would seem that the principles of any Planetary Logos can influence the principles of another—especially identical principles.

178. Both lines of interpretation are probably valid.

Cosmically considered, the Son is developing the principle of a greater cosmic Being, that principle which we call love-wisdom.

179. We note how the word "Son" in this context means our Solar Logos. Perhaps we have remarked upon the various ways the term "Son" can be utilized.

180. A certain Cosmic Logos includes our Solar Logos as the main expression of one of His principles.

181. Our Solar Logos embodies the "love-wisdom" principle of this particular Cosmic Logos.

182. What this means, is that all our companion Solar Logoi within the Seven Solar Systems of Which Ours is One do not, to the same extent, embody the love-wisdom principle.

That is the fundamental characteristic He has to develop during His life cycle.

mọi Đấng Thiên Nhân thể hiện các nguyên khí của Ngài (của Thượng đế).

177. Theo một hướng diễn giải khác, dường như mọi Hành Tinh Thượng Đế đều có bảy nguyên khí chính. Dường như các nguyên khí của bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế nào cũng có thể ảnh hưởng đến các nguyên khí của một vị khác—đặc biệt là các nguyên khí đồng nhất.

178. Có lẽ cả hai hướng diễn giải đều đúng.

Xét về mặt vũ trụ, Con đang phát triển nguyên khí của một Hữu Thể vũ trụ lớn hơn, nguyên khí mà chúng ta gọi là bác ái-minh triết.

179. Chúng ta lưu ý cách từ "Con" trong ngữ cảnh này có nghĩa là Thái dương Thượng đế của chúng ta. Có lẽ chúng ta đã nhận thấy những cách khác nhau mà thuật ngữ "Con" có thể được sử dụng.

180. Một Thượng đế Vũ trụ nào đó bao gồm Thái dương Thượng đế của chúng ta như biểu hiện chính của một trong các nguyên khí của Ngài.

181. Thái dương Thượng đế của chúng ta thể hiện nguyên khí "bác ái-minh triết" của Thượng đế Vũ trụ đặc thù này.

182. Điều này có nghĩa là tất cả các Thái dương Thượng đế đồng hành của chúng ta trong Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một không, ở cùng một mức độ, thể hiện nguyên khí bác ái-minh triết.

Đó là đặc tính căn bản mà Ngài phải phát triển trong chu kỳ sự sống của Ngài.

183. This “life cycle” is the second or fifth solar system (depending upon the manner of counting). It is quite certain that the soul ray of our Solar Logos is the second. DK states it.

183. “Chu kỳ sự sống” này là hệ mặt trời thứ hai hay thứ năm (tùy theo cách đếm). Điều khá chắc chắn là cung linh hồn của Thái dương Thượng đế của chúng ta là cung hai. Chân sư DK đã nói điều đó.

“It must be remembered that the dominating ray, the outstanding influence in our solar system, is the great cosmic second Ray of Love-Wisdom, a dual ray,—that is, a ray combining two great cosmic principles and energies. **It is the ray which governs the "personality" of our solar Logos, if such an expression may be used, and (because it is dual) it indicates both His personality and soul rays, which in Him are now so balanced and blended that, from the angle of humanity, they constitute the major ray, the one ray.** This major ray determines both His quality and His purpose. (EP I 334)”

“Cần nhớ rằng cung chi phối, ảnh hưởng nổi bật trong hệ mặt trời của chúng ta, là cung hai vũ trụ vĩ đại của Bác Ái-Minh Triết, một cung kép,—nghĩa là, một cung kết hợp hai nguyên khí và năng lượng vũ trụ lớn. **Đó là cung cai quản “phàm ngã” của Thái dương Thượng đế của chúng ta, nếu có thể dùng một cách diễn đạt như thế, và (bởi vì nó là kép) nó chỉ ra cả cung phàm ngã lẫn cung linh hồn của Ngài, mà nơi Ngài hiện nay được quân bình và hòa trộn đến mức, từ góc độ nhân loại, chúng cấu thành cung chính, cung duy nhất.** Cung chính này quyết định cả phẩm tính lẫn mục đích của Ngài. (EP I 334)”

184. The big question is: is the *major* monadic ray of our Solar Logos *also* the second. There are reasons to believe it could be.

184. Câu hỏi lớn là: liệu cung chân thần *chính* của Thái dương Thượng đế của chúng ta có *cũng* là cung hai không. Có những lý do để tin rằng có thể là như vậy.

Each Heavenly Man, therefore, embodies predominantly a subsidiary principle of the fundamental one.

Vì vậy, mỗi Đấng Thiên Nhân thể hiện chủ yếu một nguyên khí phụ thuộc của nguyên khí căn bản.

185. Does DK mean each *sacred* Heavenly Man, or, simply, *each* Heavenly Man? If “each”, then we must solve the matter of how more than one Heavenly Man can participate in the manifestation of one of the seven principles of the Solar Logos.

185. Chân sư DK có ý nói mỗi Đấng Thiên Nhân *thiêng liêng*, hay đơn giản là *mỗi* Đấng Thiên Nhân? Nếu là “mỗi”, thì chúng ta phải giải quyết vấn đề làm thế nào hơn một Đấng Thiên Nhân có thể tham gia vào sự biểu hiện của một trong bảy nguyên khí của Thái dương Thượng đế.

186. The fundamental principle in our solar system is the love-wisdom principle. Each Heavenly Man embodies only a subsidiary principle to the fundamental one. All

186. Nguyên khí căn bản trong hệ mặt trời của chúng ta là nguyên khí bác ái-minh triết. Mỗi Đấng Thiên Nhân chỉ thể hiện một nguyên khí phụ thuộc đối với nguyên khí

Heavenly Men are, therefore, expressing aspects of the love-wisdom principle. This is so even for Heavenly Men which seem, in their nature, rather distant from the nature of the love-wisdom principle—for instance, the Logos of the planet Saturn.

căn bản. Vì vậy, mọi Đấng Thiên Nhân đều đang biểu hiện các phương diện của nguyên khí bác ái-minh triết. Điều này đúng ngay cả với những Đấng Thiên Nhân dường như, trong bản chất của mình, khá xa với bản chất của nguyên khí bác ái-minh triết—chẳng hạn, Thượng đế của hành tinh Sao Thổ.

In like manner He Himself has six subsidiary principles, as has the Son.

Cũng theo cách ấy, chính Ngài có sáu nguyên khí phụ thuộc, như Con cũng có.

187. Each Planetary Logos has six subsidiary principles. These are probably embodied by planetary chains, with one chain in particular embodying the same principle that the Planetary Logos is principally expressing.

187. Mỗi Hành Tinh Thượng Đế có sáu nguyên khí phụ thuộc. Có lẽ những nguyên khí này được thể hiện bởi các dãy hành tinh, với một dãy đặc biệt thể hiện cùng nguyên khí mà Hành Tinh Thượng Đế đang biểu hiện chủ yếu.

188. It may be that for a greater Entity such as a Solar Logos, *more than one* planet may represent a principle? Were this true, as well, for a Cosmic Logos, then *more than one* Solar Logos could represent a cosmic principle.

188. Có thể đối với một Thực Thể lớn hơn như một Thái dương Thượng đế, *hơn một* hành tinh có thể đại diện cho một nguyên khí chăng? Nếu điều này cũng đúng đối với một Thượng đế Vũ trụ, thì *hơn một* Thái dương Thượng đế có thể đại diện cho một nguyên khí vũ trụ.

189. From the planetary perceptive, we have to determine the degree to which non-sacred Planetary Logoi can be considered (in concert with *sacred* Planetary Logoi) representative of solar logoic principles.

189. Từ quan điểm hành tinh, chúng ta phải xác định mức độ mà các Hành Tinh Thượng Đế không thiêng liêng có thể được xem là đại diện cho các nguyên khí thái dương thượng đế (cùng với các Hành Tinh Thượng Đế *thiêng liêng*).

190. VSK points out the importance and relevance of knowing which Planetary Man is which centre in the Solar Logos. This, she infers, would lead to a knowledge of important triangles and alignments, systemically considered.

190. VSK chỉ ra tầm quan trọng và tính thích đáng của việc biết Đấng Thiên Nhân Hành Tinh nào là trung tâm nào trong Thái dương Thượng đế. Bà suy ra rằng điều này sẽ dẫn đến tri thức về những tam giác và những sự chỉnh hợp quan trọng, xét theo hệ thống.

191. Let us consider a definition of a principle: A principle is a foundational

191. Chúng ta hãy xét một định nghĩa về nguyên khí: một nguyên khí là một năng

faculty/quality of the Monad. It is a means of expressing monadic potency and quality, a means which is aligned particularly with (and most influential upon) one of the planes or subplanes below the Monad Principles are, therefore, a septenate inherent in the Monad. They are facets of monadic being.

lực/phẩm tính nền tảng của chân thần. Nó là một phương tiện để biểu hiện tiềm năng và phẩm tính chân thần, một phương tiện đặc biệt chỉnh hợp với (và có ảnh hưởng mạnh nhất lên) một trong những cõi hay cõi phụ bên dưới chân thần. Vì vậy, các nguyên khí là một bộ bảy vốn có trong chân thần. Chúng là những mặt của hữu thể chân thần.

192. Considering the nature of the Monad as *essence*, we could say that essence is ineradicable Presence. The Monad is called the Presence. It represents the "Raw Fact of Being". It can be called 'Isness' Being or essence is *present* everywhere and at all times, without any possibility of modification. IT IS that which IT IS.

192. Xét bản chất của chân thần như *tinh túy*, chúng ta có thể nói rằng tinh túy là Hiện Diện không thể bị xóa bỏ. Chân thần được gọi là Hiện Diện. Nó đại diện cho "Sự Kiện Trần Trụi của Hữu Thể". Nó có thể được gọi là 'Tính Là'. Hữu thể hay tinh túy *hiện diện* ở khắp mọi nơi và mọi lúc, không có bất kỳ khả năng biến đổi nào. NÓ LÀ điều mà NÓ LÀ.

193. If we wish to consider the Planetary Logoi which could reasonably be related to the principles of the Solar Logos, the following tabulation could be considered suggestive. Justification for all these assignments have been worked out rationally and could be debated at length.

193. Nếu chúng ta muốn xét những Hành Tinh Thượng Đế có thể được liên hệ một cách hợp lý với các nguyên khí của Thái dương Thượng đế, thì bảng sau đây có thể được xem là có tính gợi ý. Sự biện minh cho mọi sự quy gán này đã được triển khai một cách hợp lý và có thể được tranh luận rất dài.

194. Note that quite a number of principles are listed. Usually, not all of these will be found in one enumeration for most enumerations are limited to seven principles.

194. Lưu ý rằng có khá nhiều nguyên khí được liệt kê. Thông thường, không phải tất cả những nguyên khí này đều được tìm thấy trong một phép liệt kê, vì phần lớn các phép liệt kê chỉ giới hạn ở bảy nguyên khí.

a) Atma: Vulcan, Saturn, Uranus

a) Atma: Vulcan, Sao Thổ, Sao Thiên Vương

b) Buddhi: Neptune, Jupiter, Mercury

b) Bồ đề: Sao Hải Vương, Sao Mộc, Sao Thủy

c) Higher Manas: Venus, with a little Uranus, Saturn

c) Manas thượng: Sao Kim, với một ít Sao Thiên Vương, Sao Thổ

d) Egoic Body: Jupiter, Venus with aspects of Mercury

d) Thể Chân Ngã: Sao Mộc, Sao Kim với các phương diện của Sao Thủy

e) Personality: (Sun veiling an undiscovered non-sacred planet)

e) Phàm ngã: (Mặt Trời che giấu một hành tinh không thiêng liêng chưa được khám phá)

f) Lower/Concrete Mind: Mercury, Mars, Earth, Saturn, maybe Venus, Uranus in its lower aspect, and one should not forget Pluto.

f) Hạ trí/Trí cụ thể: Sao Thủy, Sao Hỏa, Trái Đất, Sao Thổ, có thể là Sao Kim, Sao Thiên Vương trong phương diện thấp của nó, và không nên quên Sao Diêm Vương.

g) Kama-Manas—Venus and from a stellar perspective, (Sirius)

g) Trí-cảm—Sao Kim và từ một góc nhìn tinh tú, (Sirius)

h) Kama: Mars, Neptune with some aspects of Venus

h) Kama: Sao Hỏa, Sao Hải Vương với một số phương diện của Sao Kim

i) Prana: (Sun), Mercury and Uranus

i) Prana: (Mặt Trời), Sao Thủy và Sao Thiên Vương

j) Etheric Body: Mercury, Uranus, Earth

j) Thể dĩ thái: Sao Thủy, Sao Thiên Vương, Trái Đất

k) Dense physical body: Moon, Mars, Saturn, Earth

k) Thể xác đậm đặc: Mặt Trăng, Sao Hỏa, Sao Thổ, Trái Đất

195. It is not easy to determine which planetary chains could be considered to embody the principles of a Planetary Logos. The information concerning the planetary chains is heavily veiled. In way, we know much less about them than we do about the planets. Planets are visible and we know they exist. Planetary chains are invisible occult structures which we have been *told* exist.

195. Không dễ xác định những dãy hành tinh nào có thể được xem là thể hiện các nguyên khí của một Hành Tinh Thượng Đế. Thông tin liên quan đến các dãy hành tinh bị che phủ rất nhiều. Theo một nghĩa nào đó, chúng ta biết về chúng ít hơn nhiều so với các hành tinh. Các hành tinh thì hữu hình và chúng ta biết chúng tồn tại. Các dãy hành tinh là những cấu trúc huyền bí vô hình mà chúng ta đã được *cho biết* là tồn tại.

196. We may say, in general, that chakras are representations of monadic power which empower those extensions of monadic quality we call principles.

196. Nói chung, chúng ta có thể nói rằng các luân xa là những biểu hiện của quyền năng chân thần, quyền năng này trao sức mạnh cho những sự mở rộng của phẩm tính chân thần mà chúng ta gọi là các nguyên khí.

197. The planetary chains are at once chakras within the body of manifestation of the Planetary Logos and also embodiments of planetary logoic principles.

197. Các dãy hành tinh đồng thời là những luân xa trong thể biểu hiện của Hành Tinh Thượng Đế và cũng là những thể hiện của các nguyên khí hành tinh thượng đế.

198. It is significant that the vehicle that embodies one principle may house many chakras. For instance, the astral body, which is an embodiment of the monadic principle we call kama, has within its sphere seven chakras (only one of which is specifically attuned to kama). We could ponder this.

198. Điều đáng chú ý là vận cụ thể hiện một nguyên khí có thể chứa nhiều luân xa. Chẳng hạn, thể cảm dục, vốn là một thể hiện của nguyên khí chân thần mà chúng ta gọi là kama, có trong phạm vi của nó bảy luân xa (chỉ một trong số đó đặc biệt được điều chỉnh theo kama). Chúng ta có thể suy ngẫm về điều này.

199. Although the chakras have been illustrated as existing only on the lower planes, the fact that a Master has thirty-five vortices active, suggests chakric expression on the higher planes of our cosmic physical plane as well.

199. Mặc dù các luân xa đã được minh họa như chỉ tồn tại trên các cõi thấp, sự kiện một Chân sư có ba mươi lăm xoáy lực hoạt động cho thấy sự biểu hiện luân xa cũng có trên các cõi cao hơn của cõi hồng trần vũ trụ của chúng ta.

c. A Human Being, Man. He manifests on the physical [Page 235] plane through form, and has also seven principles; in each life cycle he works at their development.

c. Một Con Người, con người. Y biểu hiện trên cõi hồng trần [Page 235] qua hình tướng, và cũng có bảy nguyên khí; trong mỗi chu kỳ sự sống y hoạt động để phát triển chúng.

200. We remember that principles are really monadic extensions, powered by monadic fire expressing through the chakric system.

200. Chúng ta nhớ rằng các nguyên khí thực ra là những sự mở rộng chân thần, được cung cấp năng lượng bởi lửa chân thần biểu hiện qua hệ thống luân xa.

201. When we work at the development of principles, we are working with the vehicles which are meant to be the expression of these principles.

201. Khi chúng ta hoạt động để phát triển các nguyên khí, chúng ta đang làm việc với các vận cụ vốn được dự định là biểu hiện của những nguyên khí này.

202. By working directly with the principle, to the degree possible, we contribute to the development of the vehicle which is embodiment of the principle. For example: by working with the principle of manas we

202. Bằng cách làm việc trực tiếp với nguyên khí, trong mức độ có thể, chúng ta góp phần vào sự phát triển của vận cụ là thể hiện của nguyên khí đó. Ví dụ: bằng cách làm việc với nguyên khí manas, chúng ta góp phần vào sự phát triển của vận cụ manas.

contribute to the development of the manasic vehicle.

He likewise has His primary coloring,

203. When we see the word "primary" we must be alert to its probable reference to the Monad.

204. The primary coloring of a human being is (as normally defined) the quality of his monadic ray.

dependent upon the fundamental principle embodied by the Heavenly Man, Who is his originating source. Thus we have:

205. DK seems to be saying that our monadic coloring is dependent upon the quality of the fundamental principle of our planet of origin. But is it not true that *any* monadic type can come from *any* planet regardless of the "fundamental principle" of that planet? Certainly, our planet (though it has only one "fundamental principle") has seven monadic types. Is this not true of all planets?

206. Even if this is the case, may it be true that a Monad coming from a certain planet will carry (in some subtle manner not altering the monadic ray of the individual) the monadic coloring of that planet or the coloring related to the "fundamental principle" of that planet?

207. In other words, in some subtle manner, all units of Jupiterian or Venusian origin could be identified by a shared quality *regardless of their monadic ray.*

Y cũng có sắc thái chính của mình,

203. Khi chúng ta thấy từ "primary", chúng ta phải cảnh giác với khả năng nó ám chỉ chân thần.

204. Sắc thái nguyên sơ của một con người là (theo cách định nghĩa thông thường) phẩm tính của cung chân thần của y.

phụ thuộc vào nguyên khí căn bản được hiện thân bởi Đấng Thiên Nhân, Đấng là nguồn gốc phát sinh của y. Do đó chúng ta có:

205. DK dường như đang nói rằng sắc thái chân thần của chúng ta phụ thuộc vào phẩm tính của nguyên khí căn bản của hành tinh xuất xứ của chúng ta. Nhưng chẳng phải là đúng rằng *bất kỳ* loại chân thần nào cũng có thể đến từ *bất kỳ* hành tinh nào, bất kể "nguyên khí căn bản" của hành tinh ấy sao? Chắc chắn, hành tinh của chúng ta (dù chỉ có một "nguyên khí căn bản") vẫn có bảy loại chân thần. Điều này chẳng phải cũng đúng với mọi hành tinh sao?

206. Ngay cả nếu đúng là như vậy, liệu có thể chăng một chân thần đến từ một hành tinh nào đó sẽ mang theo (theo một cách vi tế nào đó không làm thay đổi cung chân thần của cá nhân) sắc thái chân thần của hành tinh ấy hay sắc thái liên hệ với "nguyên khí căn bản" của hành tinh ấy?

207. Nói cách khác, theo một cách vi tế nào đó, mọi đơn vị có nguồn gốc từ Sao Mộc hay Sao Kim đều có thể được nhận diện bởi một phẩm tính chung *bất kể cung chân thần của họ.*

208. We can see that we are dealing with a situation which must be clarified. One whose Monad originates from Jupiter may (it would reasonably seem) carry the Jupiterian quality regardless of the primary ray or secondary ray of his Monad. The monadic ray would be, from this perspective, independent of the monadic ray or the "fundamental principle" of the planet of origin.

208. Chúng ta có thể thấy rằng mình đang đề cập đến một tình huống cần phải được làm sáng tỏ. Một người có chân thần phát sinh từ Sao Mộc có thể (có vẻ hợp lý là như vậy) mang phẩm tính của Sao Mộc bất kể cung một hay cung phụ của chân thần y là gì. Từ góc nhìn này, cung chân thần sẽ độc lập với cung chân thần hay "nguyên khí căn bản" của hành tinh xuất xứ.

209. Yet, if we are interpreting DK correctly, He seems to be saying that the primary coloring of a man (i.e., his primary monadic ray) will be "dependent" upon the "fundamental principle" being embodied by the Heavenly Man Who is his source of origin.

209. Tuy nhiên, nếu chúng ta diễn giải DK một cách đúng đắn, thì Ngài dường như đang nói rằng sắc thái nguyên sơ của một người (tức cung chân thần nguyên sơ của y) sẽ "phụ thuộc" vào "nguyên khí căn bản" đang được hiện thân bởi Đấng Thiên Nhân là nguồn gốc xuất phát của y.

210. Much will depend upon whether the term "primary coloring" actually means, as hypothesized, the quality of the primary monadic ray.

210. Nhiều điều sẽ phụ thuộc vào việc thuật ngữ "sắc thái nguyên sơ" có thực sự mang nghĩa, như đã giả định, là phẩm tính của cung chân thần nguyên sơ hay không.

211. In general, the monadic ray is called the "primary ray". Additionally, there seems to be a *major* (or primary) monadic ray, and a secondary or subsidiary monadic ray.

211. Nói chung, cung chân thần được gọi là "cung nguyên sơ". Ngoài ra, dường như còn có một cung chân thần *chính yếu* (hay nguyên sơ), và một cung chân thần thứ yếu hay phụ thuộc.

212. But perhaps another non-monadic definition of "primary coloring" is possible.

212. Nhưng có lẽ một định nghĩa khác, không thuộc chân thần, về "sắc thái nguyên sơ" là điều có thể.

213. The references (from other places in the teaching) *seem* contradictory, and much thought will have to be expended to reconcile the apparent conflicts.

213. Những dẫn chiếu (từ những chỗ khác trong giáo huấn) *dường như* mâu thuẫn nhau, và sẽ phải dành nhiều suy tư để hòa giải những xung đột bề ngoài ấy.

THE LOGOS

THƯỢNG ĐẾ

Father-Spirit … … … Mother-Matter.

Cha-Tinh thần … … … Mẹ-Vật chất.

producing

sản sinh ra

214. We can see that the Logos is triune.

214. Chúng ta có thể thấy rằng Thượng đế là tam vị nhất thể.

The Son or the Grand Man of the Heavens,

Người Con hay Đại Nhân của Thiên Giới,

the conscious logoic Ego

chân ngã logoic hữu thức

215. It is important to realize that the Grand Man of the Heavens is *not* the Solar Logos in its entirety. Sometimes it seems like this appellation represents the complete Solar Logos. In reference the Grand Man of the Heavens represents only the logoic Ego on the cosmic mental plane.

215. Điều quan trọng là phải chứng nghiệm rằng Đại Nhân của Thiên Giới *không* phải là toàn bộ Thái dương Thượng đế. Đôi khi dường như danh xưng này đại diện cho trọn vẹn Thái dương Thượng đế. Trong sự quy chiếu này, Đại Nhân của Thiên Giới chỉ đại diện cho chân ngã logoic trên cõi trí vũ trụ.

evolving through

tiến hóa qua

The Sun and the seven sacred planets

Mặt Trời và bảy hành tinh thiêng liêng

each embodying a

mỗi hành tinh hiện thân một

216. The Sun is the vehicle of the Son. The seven sacred planets are also vehicles of the Son.

216. Mặt Trời là vận cụ của Người Con. Bảy hành tinh thiêng liêng cũng là những vận cụ của Người Con.

Cosmic principle, in six differentiations

Nguyên khí vũ trụ, trong sáu sự biến phân

by method of

bằng phương pháp

217. That cosmic principle of love-wisdom.

217. Nguyên khí vũ trụ ấy là bác ái – minh triết.

218. We can see that each Planetary Logos embodies what is considered a *cosmic* principle, and that this cosmic principle has six differentiations.

218. Chúng ta có thể thấy rằng mỗi Hành Tinh Thượng Đế hiện thân điều được xem là một nguyên khí *vũ trụ*, và nguyên khí vũ trụ này có sáu sự biến phân.

219. The six differentiations express through six planetary chains of the seven

219. Sáu sự biến phân ấy biểu lộ qua sáu dãy hành tinh trong bảy dãy được tìm thấy trong

chains found in a planetary scheme, and to a lesser extent through six of the globes in every sevenfold chain.

một hệ hành tinh, và ở mức độ thấp hơn qua sáu bầu hành tinh trong mỗi dãy thất phân.

220. To say that a Planetary Logos embodies a cosmic principle squares with the fact that Planetary Logoi are sometimes referred to as *cosmic* entities—not only *systemic* entities. A Planetary Logos does have His major principles on *cosmic* planes.

220. Nói rằng một Hành Tinh Thượng Đế hiện thân một nguyên khí vũ trụ là phù hợp với sự kiện rằng các Hành Tinh Thượng Đế đôi khi được gọi là những thực thể *vũ trụ*—không chỉ là những thực thể *thuộc hệ*. Một Hành Tinh Thượng Đế quả thật có những nguyên khí chính yếu của Ngài trên các cõi *vũ trụ*.

221. We are being given, in this tabulation, the method of evolution of a Solar Logos.

221. Trong bảng liệt kê này, chúng ta đang được trao cho phương pháp tiến hoá của một Thái dương Thượng đế.

a. Expansion, vibratory stimulation, magnetic interaction,

or the law of attraction and repulsion.

a. Sự mở rộng, kích thích rung động, tương tác từ tính,

hay định luật hấp dẫn và đẩy lùi.

222. The dynamics of the Law of Attraction and Repulsion are here given. They consist of

222. Ở đây các động lực của Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi được nêu ra. Chúng gồm có

a) Expansion

b) Vibratory stimulation

c) Magnetic interaction

a) Sự mở rộng

b) Kích thích rung động

c) Tương tác từ tính

b. Cyclic progress, rotary repetition,

coupled to spiralling ascension,

b. Sự tiến triển theo chu kỳ, sự lặp lại quay tròn,

kết hợp với sự thăng tiến xoắn ốc,

223. Two types of motion are listed under point “b”—both rotary motion and spiral cyclic motion.

223. Dưới điểm “b” có liệt kê hai loại chuyển động—cả chuyển động quay tròn lẫn chuyển động chu kỳ xoắn ốc.

224. It is illuminating to consider spiral-cyclic motion in association with the words "spiralling ascension". The concept of this second type of the three types of motion is, thereby, enriched.

224. Thật soi sáng khi xem xét chuyển động chu kỳ xoắn ốc trong liên hệ với các từ "sự thăng tiến xoắn ốc". Nhờ đó, khái niệm về loại thứ hai trong ba loại chuyển động này được làm phong phú thêm.

and developing

và phát triển

a. The quality of love-wisdom, through the utilization of form by the means of active intelligence.

a. Phẩm tính bác ái – minh triết, thông qua việc sử dụng hình tướng bằng phương tiện của trí tuệ linh hoạt.

b. Full self-consciousness.

b. Trọn vẹn ngã thức.

c. A perfected solar system, or the form, adequate to the needs of the indwelling spirit.

c. Một hệ mặt trời hoàn hảo, hay hình tướng, thích hợp với nhu cầu của tinh thần nội tại.

225. Essentially, we are talking about the full development and expression of the "Son" through various vehicles found within the solar logoic ring-pass-not.

225. Về bản chất, chúng ta đang nói đến sự phát triển và biểu lộ trọn vẹn của "Người Con" qua nhiều vận cụ khác nhau được tìm thấy trong vòng-giới-hạn logoic thái dương.

226. In the tabulation we have been considering the *highest* (the Solar Logos) and the *lowest* (the perfected solar system, in all its multiple parts) have met. "The Highest and the Lowest Meet".

226. Trong bảng liệt kê mà chúng ta đang xem xét, *cao nhất* (Thái dương Thượng đế) và *thấp nhất* (hệ mặt trời hoàn hảo, trong mọi phần đa tạp của nó) đã gặp nhau. "Cao Nhất và Thấp Nhất Gặp Nhau".

Here a similar tabulation may be worked out to demonstrate the similarity of the process in the case of a Heavenly Man and a human being.

Ở đây có thể lập ra một bảng liệt kê tương tự để chứng minh sự tương đồng của tiến trình trong trường hợp của một Đấng Thiên Nhân và một con người.

227. DK is inviting us to create analogical structures. We have a sufficient pattern on which to base our thought. Who would like to undertake this project?

227. DK đang mời gọi chúng ta tạo ra những cấu trúc tương đồng. Chúng ta có một mô hình đủ để làm nền cho tư duy của mình. Ai muốn đảm nhận dự án này?

If we ask why ten schemes, and in effect ten planets (seven sacred and **three concealed**) [Page 236] it is because the seven sacred planets are eventually merged into the three, and finally the three are blended into the one.

Nếu chúng ta hỏi tại sao có mười hệ hành tinh, và trên thực tế là mười hành tinh (bảy hành tinh thiêng liêng và **ba hành tinh ẩn kín**) [Page 236], thì đó là vì bảy hành tinh thiêng liêng rốt cuộc được hợp nhất vào ba, và cuối cùng ba được dung hợp vào một.

228. TCF 406. gives some idea of how this merging may be accomplished.

228. TCF 406. cho ta một vài ý niệm về cách sự hợp nhất này có thể được thực hiện.

229. The "three" here referenced, though synthesizing planets, are usually referenced also as "sacred" planets. As a result, we have a picture of at least *ten* sacred planets. How can we explain this?

229. "Ba" được nhắc đến ở đây, dù là các hành tinh tổng hợp, thường cũng được gọi là các hành tinh "thiêng liêng". Kết quả là, chúng ta có một bức tranh về ít nhất *mười* hành tinh thiêng liêng. Làm sao chúng ta có thể giải thích điều này?

230. Perhaps in this way: by the time the merging comes, those which are now non-sacred planets, may be sacred, and the synthesizing planets will be the three greater planets 'accepting' or absorbing them.

230. Có lẽ theo cách này: vào lúc sự hợp nhất diễn ra, những hành tinh hiện nay không thiêng liêng có thể sẽ trở thành thiêng liêng, và các hành tinh tổng hợp sẽ là ba hành tinh lớn hơn "tiếp nhận" hay hấp thu chúng.

231. In this pattern of absorption, we are reminded of the Kabala and its "Tree of Life", in which diagram, a greater three hover above a lesser seven.

231. Trong mô hình hấp thu này, chúng ta được nhắc nhớ đến Kabala và "Cây Sự Sống" của nó, trong sơ đồ ấy, một bộ ba lớn hơn lơ lửng phía trên một bộ bảy nhỏ hơn.

232. In the structure of planetary chains, three perhaps superior chains can be considered hidden within the structure of a planetary scheme.

232. Trong cấu trúc của các dãy hành tinh, có lẽ có thể xem ba dãy ưu việt hơn là ẩn kín trong cấu trúc của một hệ hành tinh.

233. Does this division of seven and three have a systemic analogy, with three, perhaps super planetary schemes, being hidden within the structure of the solar logoic 'scheme'?

233. Liệu sự phân chia thành bảy và ba này có một tương đồng thuộc hệ hay không, với ba hệ hành tinh, có lẽ là siêu hành tinh, được ẩn kín trong cấu trúc của "hệ" logoic thái dương?

234. We note above that DK, in speaking of planets, says there are seven sacred and

234. Chúng ta lưu ý ở trên rằng DK, khi nói về các hành tinh, đã nói có bảy hành tinh

"**three concealed**". This is most mysterious, because the planets we call the synthesizing planets are *not* concealed.

thiêng liêng và "**ba hành tinh ẩn kín**". Điều này hết sức bí ẩn, bởi vì những hành tinh mà chúng ta gọi là các hành tinh tổng hợp *không* hề ẩn kín.

235. Really, there are *four* levels of planetary functioning in any solar system, and all must be accounted for when considering the process of absorption:

235. Thực ra, trong bất kỳ hệ mặt trời nào cũng có *bốn* cấp độ hoạt động hành tinh, và tất cả đều phải được tính đến khi xem xét tiến trình hấp thu:

a) The non-sacred planets

a) Các hành tinh không thiêng liêng

b) The sacred planets

b) Các hành tinh thiêng liêng

c) The synthesizing planets

c) Các hành tinh tổng hợp

d) AND, the three super-Entities expressing themselves through three Planetary Logoi each. (cf. chart XIII, TCF 1238)

d) VÀ, ba Siêu-Thực Thể tự biểu lộ qua ba Hành Tinh Thượng Đế mỗi vị. (xem biểu đồ XIII, TCF 1238)

236. We must always ask ourselves the question, and, in fact, DK states it as a presently unanswerable question: "Are the three present in the Seven or extraneous to the Seven?"

236. Chúng ta phải luôn tự hỏi mình câu hỏi này, và thật ra DK nêu nó như một câu hỏi hiện chưa thể trả lời: "Ba có hiện diện trong Bảy hay ở ngoài Bảy?"

237. Four numbers are to be considered in this process of understanding absorption or obscuration: not only the *three*, the *seven*, and the *ten* but also the *twelve*, for eventually there will be twelve planets, and eventually *all* of them will be sacred *to a degree*—to a degree, certainly in this solar system, and perhaps *fully* sacred in the next—though we still have plenty of time in this solar system for the non-sacred planetary rulers of some of the twelve signs to develop into sacred planets.

237. Có bốn con số cần được xem xét trong tiến trình thấu hiểu sự hấp thu hay sự che khuất này: không chỉ *ba*, *bảy*, và *mười* mà còn cả *mười hai*, vì rốt cuộc sẽ có mười hai hành tinh, và cuối cùng *tất cả* chúng sẽ thiêng liêng *ở một mức độ nào đó*—ở một mức độ nào đó, chắc chắn trong hệ mặt trời này, và có lẽ thiêng liêng *trọn vẹn* trong hệ kế tiếp—dù trong hệ mặt trời này chúng ta vẫn còn rất nhiều thời gian để các chủ tinh hành tinh không thiêng liêng của một số trong mười hai dấu hiệu phát triển thành các hành tinh thiêng liêng.

238. So much depends upon what we really mean by a "sacred planet", for there are

238. Rất nhiều điều phụ thuộc vào việc chúng ta thực sự muốn nói gì khi nói "hành tinh thiêng liêng", vì có những hành tinh

planets which are sacred in part and those which are entirely sacred.

239. Take our non-sacred planet, for instance. When it takes its fifth in a series of seven minor initiations is will be sacred in a way. But as it has not yet, as an entire planetary scheme, taken its second cosmic initiation, will it be *fully sacred* when taking its fifth minor initiation?

240. When we use the term "sacred planet", the term planet may mean the planetary scheme in its entirety, or it may refer to a chain or even to a globe. The term "sacred planet", therefore, can be considered rather blinded.

This can be traced along the line of analogy as we consider the seven Rays. These seven Rays, which in manifestation are diverse, are eventually synthesised.

241. We are being given a ray analogy which will help us understand the manner in which the planets are absorbed at the point of solar systemic obscuration.

242. The principle to be realized is that all diversity is eventually synthesized.

The minor four are blended, we are told, into the third major ray, and the three major rays are finally merged into the one synthetic ray, the Love-Wisdom Ray (the Dragon of Wisdom, the occult serpent swallowing its tail).[95.]

243. The manner in which the lower four are prepared to be merged into the major third ray is of interest. Two pairs of twos become

thiêng liêng một phần và những hành tinh hoàn toàn thiêng liêng.

239. Chẳng hạn, hãy lấy hành tinh không thiêng liêng của chúng ta. Khi nó nhận lần điểm đạo thứ năm trong một chuỗi bảy cuộc điểm đạo nhỏ, nó sẽ thiêng liêng theo một cách nào đó. Nhưng vì toàn bộ hệ hành tinh của nó vẫn chưa nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ hai, liệu nó có *hoàn toàn thiêng liêng* khi nhận lần điểm đạo nhỏ thứ năm không?

240. Khi chúng ta dùng thuật ngữ "hành tinh thiêng liêng", từ hành tinh có thể có nghĩa là toàn bộ hệ hành tinh, hoặc có thể chỉ một dãy hay thậm chí một bầu hành tinh. Vì vậy, thuật ngữ "hành tinh thiêng liêng" có thể được xem là khá bị che mờ.

Điều này có thể được truy theo con đường tương đồng khi chúng ta xem xét bảy cung. Bảy cung này, vốn đa dạng trong biểu hiện, cuối cùng được tổng hợp.

241. Chúng ta đang được trao cho một tương đồng về cung, điều sẽ giúp chúng ta hiểu cách thức các hành tinh được hấp thu tại điểm che khuất của hệ mặt trời.

242. Nguyên lý cần được chứng nghiệm là mọi sự đa dạng cuối cùng đều được tổng hợp.

Bốn cung nhỏ được dung hợp, như chúng ta được bảo, vào cung ba lớn, và ba cung lớn cuối cùng được hợp nhất vào một cung tổng hợp, Cung Bác Ái – Minh Triết (Con Rồng Minh Triết, con rắn huyền bí nuốt đuôi mình).[95.]

243. Cách thức bốn cung thấp được chuẩn bị để hợp nhất vào cung ba lớn là điều đáng quan tâm. Hai cặp hai trở thành một cặp.

one pair. This pair merges into one, and the remaining one merges into the major third ray.

Cặp này hợp nhất thành một, và một còn lại hợp nhất vào cung ba lớn.

244. When considering the merging of the rays, it cannot easily be determined whether rays six and seven merge paralleled by the merging of rays five and four, or whether rays six and four merge, paralleled by the merging of rays seven and five.

244. Khi xem xét sự hợp nhất của các cung, không dễ xác định liệu cung sáu và cung bảy hợp nhất song song với sự hợp nhất của cung năm và cung bốn, hay liệu cung sáu và cung bốn hợp nhất song song với sự hợp nhất của cung bảy và cung năm.

245. Planetarily, the patterns of absorption are also not easy to determine. We are told that all non-sacred planets merge eventually into Saturn. One would presume that both Vulcan and Jupiter merge, as well, into Saturn.

245. Về mặt hành tinh, các mô hình hấp thu cũng không dễ xác định. Chúng ta được cho biết rằng mọi hành tinh không thiêng liêng cuối cùng đều hợp nhất vào Sao Thổ. Người ta có thể giả định rằng cả Vulcan lẫn Sao Mộc cũng hợp nhất vào Sao Thổ.

246. Mercury, it is suggested, merges into Uranus and Venus into Neptune.

246. Có ý kiến cho rằng Sao Thủy hợp nhất vào Sao Thiên Vương và Sao Kim vào Sao Hải Vương.

247. It is natural to think that Pluto would merge into Mars.

247. Thật tự nhiên khi nghĩ rằng Sao Diêm Vương sẽ hợp nhất vào Sao Hỏa.

248. If, however, Earth merges with Venus, and Venus with Neptune, then Earth has a Neptunian destiny. Therefore, even though Venus is the alter-ego of Earth just as Mars is the alter-ego of Pluto, it may be that Earth (which is definitely part of a trinity involving Saturn) does *not* merge with Venus. Time will tell. It is likely that Saturn will be the planet of absorption for the Earth, or for a planet into which the Earth has merged.

248. Tuy nhiên, nếu Trái Đất hợp nhất với Sao Kim, và Sao Kim với Sao Hải Vương, thì Trái Đất có một định mệnh thuộc Sao Hải Vương. Vì vậy, dù Sao Kim là đối phần của Trái Đất cũng như Sao Hỏa là đối phần của Sao Diêm Vương, có thể Trái Đất (vốn chắc chắn là một phần của một bộ ba liên quan đến Sao Thổ) *không* hợp nhất với Sao Kim. Thời gian sẽ trả lời. Có khả năng Sao Thổ sẽ là hành tinh hấp thu đối với Trái Đất, hay đối với một hành tinh mà Trái Đất đã hợp nhất vào đó.

This has been pointed out by H. P. B. [95: Serpent swallowing its tail. —S. D., I, 704; II, 531.]

Điều này đã được H. P. B. chỉ ra. [95: Con rắn nuốt đuôi mình. — Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 704; II, 531.]

249. The serpent swallowing its tail can be related to *all three rays*. To cycles and the third ray; to progressive cycles and, thus, the second; and also to a type of movement which converges to a point (first ray), depending upon whether the snake can carry the process of 'swallowing' forward until the circle becomes the point.

249. Con rắn nuốt đuôi mình có thể được liên hệ với *cả ba cung*. Với các chu kỳ và cung ba; với các chu kỳ tiến triển và do đó với cung hai; và cả với một loại chuyển động hội tụ về một điểm (cung một), tùy theo việc con rắn có thể đưa tiến trình "nuốt" tiến xa đến mức vòng tròn trở thành điểm hay không.

We have, therefore, **the three crowning rays**, but seven seen during the evolutionary process.

Do đó, chúng ta có **ba cung đội vương miện**, nhưng bảy cung được thấy trong tiến trình tiến hoá.

250. There is a Kabalistic hint contained in these words. In Kabala, Kether is the "crown" and is part of a supernal triad accompanied by Chokma and Binah.

250. Có một gợi ý Kabalistic chứa trong những lời này. Trong Kabala, Kether là "vương miện" và là một phần của tam nguyên thiên thượng đi cùng với Chokma và Binah.

251. In the Tree of Life, seven Sephiroth exist 'below' the crowning triad.

251. Trong Cây Sự Sống, bảy Sephiroth tồn tại "bên dưới" tam nguyên đội vương miện.

252. Again we come to the question of the seven and the ten. In the Tree of Life, the supernal three seem to have an existence independent from the seven below.

252. Một lần nữa chúng ta lại đến với câu hỏi về bảy và mười. Trong Cây Sự Sống, ba thiên thượng dường như có một sự tồn tại độc lập với bảy ở bên dưới.

253. DK seems to be suggesting that only seven rays are seen during the evolutionary process, but when the time of absorption comes, a supernal three emerge. Are these supernal three the Brahma, Vishnu and Shiva of our solar system? Or are they the three synthesizing planets with which we are familiar?

253. DK dường như đang gợi ý rằng chỉ có bảy cung được thấy trong tiến trình tiến hoá, nhưng khi thời điểm hấp thu đến, một bộ ba thiên thượng xuất hiện. Liệu bộ ba thiên thượng này có phải là Brahma, Vishnu và Shiva của hệ mặt trời chúng ta không? Hay đó là ba hành tinh tổng hợp mà chúng ta quen thuộc?

254. The ten suggest ten rays, three of which are higher octaves of a lower three. In other words, we would have two sets of rays one, two and three—three of them being "crowning" or supernal and three of them associate with the lower seven.

254. Mười gợi ra mười cung, trong đó ba cung là những quãng tám cao hơn của một bộ ba thấp hơn. Nói cách khác, chúng ta sẽ có hai bộ cung một, hai và ba—ba cung trong số đó là "đội vương miện" hay thiên thượng và ba cung gắn với bảy cung thấp hơn.

In connection with the Heavenly Men, functioning through the planets, there are, therefore, three planets which might be considered as synthesising planets, and four which are blended eventually, until the three have absorbed the essence of the four; **finally the one absorbs the essence of the three, and the work is completed.** This process lies many millennia ahead, during the inevitable period of the gradual obscuration of our system.

Liên quan đến các Đấng Thiên Nhân, hoạt động qua các hành tinh, do đó có ba hành tinh có thể được xem là các hành tinh tổng hợp, và bốn hành tinh cuối cùng được dung hợp, cho đến khi ba hành tinh đã hấp thu tinh túy của bốn; **cuối cùng một hành tinh hấp thu tinh túy của ba, và công việc được hoàn tất.** Tiến trình này còn ở phía trước nhiều thiên niên kỷ, trong giai đoạn tất yếu của sự che khuất dần dần của hệ chúng ta.

255. Here the process of absorption is outlined. The one that absorbs the essence of the three may well be the Sun. However, there may be one of the synthesizing planets which absorbs the other two. Which would it be? Probably Saturn or Uranus. Neptune, we are told, does not even belong to our solar system—a deep mystery.

255. Ở đây tiến trình hấp thu được phác họa. Cái một hấp thu tinh túy của ba rất có thể là Mặt Trời. Tuy nhiên, cũng có thể có một trong các hành tinh tổng hợp hấp thu hai hành tinh kia. Đó sẽ là hành tinh nào? Có lẽ là Sao Thổ hoặc Sao Thiên Vương. Chúng ta được cho biết rằng Sao Hải Vương thậm chí không thuộc về hệ mặt trời của chúng ta—một huyền nhiệm sâu xa.

256. In the entire process of absorption/obscuration, the role of systemic Brahma, Vishnu and Shiva will have to be considered (cf. the three Entities surrounding the Solar Logos on chart XIII, TCF 1238) These functions of these three Entities (each expressing through three Planetary Logoi) are veiled in mystery, but they are clearly factors intermediate between the synthesizing planets and the Sun.

256. Trong toàn bộ tiến trình hấp thu/che khuất, vai trò của Brahma, Vishnu và Shiva thuộc hệ sẽ phải được xem xét (xem ba Thực Thể bao quanh Thái dương Thượng đế trên biểu đồ XIII, TCF 1238). Những chức năng này của ba Thực Thể ấy (mỗi vị biểu lộ qua ba Hành Tinh Thượng Đế) được che phủ trong huyền nhiệm, nhưng rõ ràng các Ngài là những yếu tố trung gian giữa các hành tinh tổng hợp và Mặt Trời.

257. A millennium is a thousand years. It would seem that the process lies billions of years ahead.

257. Một thiên niên kỷ là một nghìn năm. Dường như tiến trình này còn ở phía trước hàng tỉ năm.

Four of the Heavenly Men find Their magnetic opposites, and fuse and blend. First this takes place between Themselves, the negative and the positive rays merging and fusing, forming then the two from the four.

Bốn Đấng Thiên Nhân tìm thấy các đối cực từ tính của Các Ngài, và dung hợp và hòa trộn. Trước hết điều này diễn ra giữa chính Các Ngài, các cung âm và dương hợp nhất và dung hợp, rồi từ bốn hình thành hai.

258. Here the process of obscuration as it concerns Planetary Logoi is elucidated.

258. Ở đây tiến trình che khuất trong mối liên hệ với các Hành Tinh Thượng Đế được làm sáng tỏ.

259. The question posed above may be resolved. Negative and positive rays merge. By negative rays we may mean "soft-line" rays, with positive rays being those on the "hard-line". This, at least, would be one method of interpretation.

259. Câu hỏi nêu ở trên có thể được giải quyết. Các cung âm và dương hợp nhất. Bởi các cung âm, chúng ta có thể hiểu là các cung "mềm", còn các cung dương là những cung thuộc "đường cứng". Ít nhất, đó sẽ là một phương pháp diễn giải.

260. However, just as heart and solar plexus blend (both expressing soft-line rays) and just as sacral and throat blend (both expressing hard-line rays) the terms "positive" and "negative" *may* refer to 'positions' above or below the diaphragm of the entity concerned, for symbolically, even great Entities have a diaphragm.

260. Tuy nhiên, cũng như tim và tùng thái dương hòa trộn (cả hai đều biểu lộ các cung mềm) và cũng như xương cùng và trung tâm cổ họng hòa trộn (cả hai đều biểu lộ các cung đường cứng), các thuật ngữ "dương" và "âm" *có thể* ám chỉ các "vị trí" ở trên hay dưới cơ hoành của thực thể đang được xét, vì về mặt biểu tượng, ngay cả các Thực Thể vĩ đại cũng có một cơ hoành.

261. The merging pattern involving sacral/throat, solar plexus/heart, base of spine/head, should definitely be considered when considering planetary and solar systemic mergings, though, in doing so, we will not avoid another set of difficulties and apparent contradictions.

261. Mô hình hợp nhất liên quan đến xương cùng/cổ họng, tùng thái dương/tim, đáy cột sống/đầu, chắc chắn phải được xem xét khi nghiên cứu các sự hợp nhất hành tinh và hệ mặt trời, dù khi làm như vậy, chúng ta sẽ không tránh khỏi một tập hợp khó khăn khác và những mâu thuẫn bề ngoài khác.

262. Confronted with these varying possibilities, we see that it is not possible for us to penetrate this process with any degree of certainty.

262. Đối diện với những khả thể đa dạng này, chúng ta thấy rằng mình không thể thâm nhập tiến trình này với bất kỳ mức độ chắc chắn nào.

263. As an example, Venus and Mercury represent a ray pair—rays five and four, a positive and a negative ray (from one perspective of considering the meaning of positive and negative). But it is not likely that Mercury and Venus will merge into one, because Mercury is to resolve into Uranus and Venus into Neptune (cf. TCF 406).

263. Chẳng hạn, Sao Kim và Sao Thủy đại diện cho một cặp cung—cung năm và cung bốn, một cung dương và một cung âm (theo một góc nhìn về ý nghĩa của dương và âm). Nhưng không có khả năng Sao Thủy và Sao Kim sẽ hợp nhất thành một, bởi vì Sao Thủy sẽ được phân giải vào Sao Thiên Vương và Sao Kim vào Sao Hải Vương (xem TCF 406).

264. Since, however, Mercury and Venus (having gone further in their cycles than any other planets) are well on their way to obscuration (interestingly), they may not be involved in the pattern of merging/obscuration here presented. The merging/obscuration here discussed may occur later—after Venus and Mercury have already been absorbed.

264. Tuy nhiên, vì Sao Thủy và Sao Kim (đã đi xa hơn trong các chu kỳ của chúng so với bất kỳ hành tinh nào khác) đang ở rất gần con đường đi đến sự che khuất, nên có thể chúng không liên quan đến mô hình hợp nhất/che khuất được trình bày ở đây. Sự hợp nhất/che khuất được bàn đến ở đây có thể xảy ra muộn hơn—sau khi Sao Kim và Sao Thủy đã được hấp thu rồi.

265. This would leave us to deal with Pluto, Mars, Earth, Vulcan and Jupiter.

265. Điều này sẽ để lại cho chúng ta việc bàn đến Sao Diêm Vương, Sao Hỏa, Trái Đất, Vulcan và Sao Mộc.

266. If Pluto were to merge with Mars (its alter-ego), then Mars and Earth would be left to merge as would Vulcan and Jupiter. Earth would be preeminent over Mars and Jupiter over Vulcan. Merged Jupiter/Vulcan would then absorb merged Earth/Mars, and the resulting entity, with Jupiter preeminent, would be absorbed into Saturn.

266. Nếu Sao Diêm Vương hợp nhất với Sao Hỏa (đối phần của nó), thì Sao Hỏa và Trái Đất sẽ còn lại để hợp nhất, cũng như Vulcan và Sao Mộc. Trái Đất sẽ trội hơn Sao Hỏa và Sao Mộc trội hơn Vulcan. Sao Mộc/Vulcan đã hợp nhất khi đó sẽ hấp thu Trái Đất/Sao Hỏa đã hợp nhất, và thực thể kết quả, với Sao Mộc trội hơn, sẽ được hấp thu vào Sao Thổ.

267. One can see the complexity of the situation based on the fact that we do not really know anything certain about planetary durations.

267. Người ta có thể thấy tính phức tạp của tình huống dựa trên sự kiện rằng chúng ta thực sự không biết gì chắc chắn về các thời kỳ hành tinh.

268. If we try to understand planetary mergings by following the patterns of energy transference in the human chakra system, other combinations will result. However, it is only fair to say, that chakric energy transferences are *not necessarily the same as chakric mergings.*

268. Nếu chúng ta cố gắng thấu hiểu các sự hợp nhất hành tinh bằng cách theo các mô hình chuyển dịch năng lượng trong hệ thống luân xa của con người, những tổ hợp khác sẽ xuất hiện. Tuy nhiên, cũng công bằng mà nói rằng các sự chuyển dịch năng lượng luân xa *không nhất thiết giống với các sự hợp nhất luân xa.*

Again the two merge, producing a united whole, and the one thus produced blends with the major third ray, the intelligence aspect,—the ray represented in our planetary Hierarchy by the Mahachohan.

Một lần nữa hai cái hợp nhất, tạo ra một toàn thể thống nhất, và cái một được tạo ra như thế hòa trộn với cung ba lớn, phương diện trí tuệ,—cung được đại diện trong Thánh đoàn hành tinh của chúng ta bởi Đức Mahachohan.

269. It may well be that before this process can occur in the manner delineated, certain of the non-sacred planets must have merged with their sacred counterparts. This is so, because we have, as it were, too many planets to enact the pattern as here presented.

269. Rất có thể trước khi tiến trình này có thể xảy ra theo cách được phác họa, một số hành tinh không thiêng liêng phải hợp nhất với các đối phần thiêng liêng của chúng. Điều này là như vậy, bởi vì, có thể nói, chúng ta có quá nhiều hành tinh để thực hiện mô hình như được trình bày ở đây.

270. Of course, if there are twelve planets (one to rule each sign of the zodiac) we have a still more complicated problem.

270. Dĩ nhiên, nếu có mười hai hành tinh (mỗi hành tinh cai quản một dấu hiệu hoàng đạo) thì chúng ta có một vấn đề còn phức tạp hơn nữa.

271. The pattern which DK presented for merging is, no doubt, accurate, but we do not know the various prior mergings and absorptions which must set up the possibility of the particular pattern of merging which DK delineates.

271. Mô hình hợp nhất mà DK trình bày chắc chắn là chính xác, nhưng chúng ta không biết những sự hợp nhất và hấp thu trước đó khác nhau nào phải thiết lập khả năng cho mô hình hợp nhất đặc thù mà DK phác họa.

So the fusion will proceed until ultimately unity is reached in the system, and the Son has accomplished His purpose.

Vì vậy sự dung hợp sẽ tiếp diễn cho đến khi cuối cùng sự hợp nhất đạt được trong hệ, và Người Con đã hoàn thành mục đích của Ngài.

272. From the One to the Many; from the Many to the One. This is the law of all evolving systems.

272. Từ Đấng Duy Nhất đến Nhiều; từ Nhiều đến Đấng Duy Nhất. Đây là quy luật của mọi hệ thống đang tiến hoá.

He is perfected love-wisdom; his light shines forth cosmically;

Ngài là bác ái – minh triết hoàn hảo; ánh sáng của Ngài chiếu tỏa ra một cách vũ trụ;

273. This means that His light shines forth within the larger system of the Cosmic Logos of which He is a part.

273. Điều này có nghĩa là ánh sáng của Ngài chiếu tỏa trong hệ lớn hơn của Thượng đế Vũ Trụ mà Ngài là một phần của nó.

His magnetic radius touches the periphery of His cosmic opposite, and the **marriage of the Son is effected.** The two cosmic units merge.

bán kính từ tính của Ngài chạm đến chu vi của đối cực vũ trụ của Ngài, và **cuộc hôn phối của Người Con được thành tựu.** Hai đơn vị vũ trụ hợp nhất.

274. Each Solar Logos is a "cosmic unit".

274. Mỗi Thái dương Thượng đế là một "đơn vị vũ trụ".

275. Although the shining forth of the Son will be noticed throughout the sphere of the Cosmic Logos, the magnetic union will occur in relation to only one other Solar Logos. Which Logos this may be we have speculated upon earlier—however inconclusively.

275. Mặc dù sự chiếu tỏa của Người Con sẽ được nhận thấy khắp khối cầu của Thượng đế Vũ Trụ, sự kết hợp từ tính sẽ chỉ xảy ra trong liên hệ với duy nhất một Thái dương Thượng đế khác. Đó có thể là Thượng đế nào thì chúng ta đã suy đoán trước đây—dù không đi đến kết luận.

276. The same complexity we faced when considering the merging of Planetary Logoi would be faced (with far less certainty) when we consider the merging of Solar Logoi.

276. Cùng sự phức tạp mà chúng ta đã đối diện khi xem xét sự hợp nhất của các Hành Tinh Thượng Đế cũng sẽ phải được đối diện (với mức độ chắc chắn còn thấp hơn nhiều) khi chúng ta xem xét sự hợp nhất của các Thái dương Thượng đế.

277. We speculated that our Solar Logos might be merging with the Logos of Alpha Centauri, or perhaps, more dramatically, with the Logos of the star Sirius, since Sirius can be conceived of as the "head" and our Cosmic Logos (Sol) is certainly the "heart" of that same Cosmic Logos.

277. Chúng ta đã suy đoán rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta có thể đang hợp nhất với Thượng đế của Alpha Centauri, hoặc có lẽ, ấn tượng hơn, với Thượng đế của ngôi sao Sirius, vì Sirius có thể được quan niệm là "đầu" còn Thượng đế Vũ Trụ của chúng ta (Sol) chắc chắn là "tim" của cùng Thượng đế Vũ Trụ ấy.

278. It could be that *both* types of solar logoic mergings could occur. Our Solar Logos could merge with the Logos of Alpha Centauri *before* merging with the Logos of Sirius.

278. Có thể là *cả hai* loại hợp nhất logoic thái dương đều có thể xảy ra. Thái dương Thượng đế của chúng ta có thể hợp nhất với Thượng đế của Alpha Centauri *trước khi* hợp nhất với Thượng đế của Sirius.

279. Clearly, we are on shaky ground, but it is mind-expanding to speculate.

279. Rõ ràng, chúng ta đang đứng trên nền đất không vững, nhưng việc suy đoán như thế mở rộng trí tuệ.

280. Relevant to the whole question is the fact (we are told) that our Solar Logos is found within the Logoic Quaternary, and Sirius (more advanced) is not.

280. Liên quan đến toàn bộ vấn đề là sự kiện (như chúng ta được cho biết) rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta được tìm thấy trong Bộ Tứ Logoic, còn Sirius (tiến hóa hơn) thì không.

281. While, relatively, our Solar Logos is not "sacred", by the time of the destined merging, our Blue Logos may well be sacred. Were this the case, then, merging with Sirius would represent the merging of *two* sacred Logoi.

281. Dù xét tương đối, Thái dương Thượng đế của chúng ta không "thiêng liêng", nhưng vào thời điểm của sự hợp nhất đã được định sẵn, Thượng đế Xanh của chúng ta rất có thể sẽ thiêng liêng. Nếu đúng như vậy, thì sự hợp nhất với Sirius sẽ đại diện cho sự hợp nhất của *hai* Thượng đế thiêng liêng.

If we here naturally ask which is the cosmic unit that is our solar opposite, we shall be told that that question [Page 237] lies hid for the present, though it is hinted at in the Secret Doctrine, and in other sacred books.

Nếu ở đây chúng ta tự nhiên hỏi đơn vị vũ trụ nào là đối cực thái dương của chúng ta, thì chúng ta sẽ được bảo rằng câu hỏi ấy [Page 237] hiện thời còn ẩn kín, dù có được gợi ý trong Giáo Lý Bí Nhiệm, và trong những sách thiêng liêng khác.

282. This is a tantalizing hint, and invites us to go on a search.

282. Đây là một gợi ý đầy khêu gợi, và mời gọi chúng ta tiếp tục cuộc tìm kiếm.

283. If the Planetary Logos with whom our Planetary Logos will merge is information hidden from us, how much more justifiable is it to hide the name of the Solar Logos with Whom our Solar Logos will consummate His cosmic marriage!

283. Nếu Hành Tinh Thượng Đế mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta sẽ hợp nhất cùng là thông tin bị che giấu đối với chúng ta, thì việc che giấu danh tính của Thái dương Thượng đế mà Thái dương Thượng đế của chúng ta sẽ hoàn tất cuộc hôn phối vũ trụ với Ngài lại càng chính đáng hơn biết bao!

A hint lies concealed in the relationship of the Pleiades to our earth, but not until a further precession of the equinoxes will it be more fully seen what is the exact relationship involved.[96]

Một gợi ý được ẩn giấu trong mối liên hệ của Thất Nữ Tinh với Trái Đất của chúng ta, nhưng chỉ sau một sự tuế sai nữa của các điểm phân thì mới có thể thấy đầy đủ hơn mối liên hệ chính xác liên quan là gì.96

284. We have a profound astronomical hint. The statement is a mystery within a mystery. It is as if our vernal equinox must align once more with Taurus and thus, with

284. Chúng ta có một gợi ý thiên văn học sâu xa. Phát biểu này là một huyền nhiệm trong lòng một huyền nhiệm. Như thể điểm xuân phân của chúng ta phải chỉnh hợp một lần

the Pleiades, before the mystery will be revealed.

285. We have noted here a special relationship between entities of vastly different orders. The relationship here referenced is between a planet (Earth) and constellation (the Pleiades).

286. There is also a most significant and unsuspected relationship between a planet and a star—namely, the relationship between our planet Earth and the star, Sirius.

287. May it be that the Pleiades, the Star Sirius and the Earth are in some way involved in a special triangular relationship? They are connected in relation to the Mystery of the Makara, for the Solar Angels, though emanating from Sirius, are inspired by the Pleiades, and are focussed in service upon planet Earth.

288. Should there be something to this triangular relationship, the eventual merging of our Solar Logos with the Logos of Sirius would be a possibility.

289. However, if we follow the analogy that Venus is to the Earth as Sirius is to our Sun, then the merging of Sol with Sirius could be considered questionable. For Venus is to merge into Neptune, and probably Earth is not. Yet, the analogy should, perhaps, not be pushed too far, especially in relation to this recondite matter.

290. There may, one day, be a merging involving the Pleiades, but it will be of a *very*

nữa với Kim Ngưu và do đó với Thất Nữ Tinh trước khi huyền nhiệm được tiết lộ.

285. Ở đây chúng ta đã lưu ý một mối liên hệ đặc biệt giữa những thực thể thuộc những cấp bậc vô cùng khác nhau. Mối liên hệ được nhắc đến ở đây là giữa một hành tinh (Trái Đất) và một chòm sao (Thất Nữ Tinh).

286. Cũng có một mối liên hệ hết sức quan trọng và không ngờ tới giữa một hành tinh và một ngôi sao—cụ thể là mối liên hệ giữa hành tinh Trái Đất của chúng ta và ngôi sao Sirius.

287. Liệu có thể chăng Thất Nữ Tinh, ngôi sao Sirius và Trái Đất bằng cách nào đó có liên quan trong một mối quan hệ tam giác đặc biệt? Chúng được kết nối trong liên hệ với Huyền Nhiệm của Makara, vì các Thái dương Thiên Thần, dù phát xạ từ Sirius, lại được cảm hứng bởi Thất Nữ Tinh, và được tập trung trong sự phụng sự trên hành tinh Trái Đất.

288. Nếu quả thật có điều gì đó trong mối quan hệ tam giác này, thì sự hợp nhất cuối cùng của Thái dương Thượng đế của chúng ta với Thượng đế của Sirius sẽ là một khả năng.

289. Tuy nhiên, nếu chúng ta theo phép tương đồng rằng Sao Kim đối với Trái Đất cũng như Sirius đối với Mặt Trời của chúng ta, thì sự hợp nhất của Sol với Sirius có thể bị xem là đáng nghi vấn. Vì Sao Kim sẽ hợp nhất vào Sao Hải Vương, còn Trái Đất có lẽ thì không. Tuy vậy, có lẽ không nên đẩy phép tương đồng đi quá xa, đặc biệt trong liên hệ với vấn đề huyền vi này.

290. Một ngày nào đó có thể sẽ có một sự hợp nhất liên quan đến Thất Nữ Tinh,

higher order, for the Pleiadian system is so far distant from our solar system that no merging of the kind envisioned is likely.

nhưng đó sẽ thuộc một cấp độ *rất* cao hơn, vì hệ Thất Nữ Tinh ở quá xa hệ mặt trời của chúng ta đến mức khó có khả năng xảy ra một sự hợp nhất theo loại được hình dung ở đây.

291. Such a merging involving the Pleiades may be of a constellation with constellation. Speculatively, we could say that the Seven Solar Systems of Which Ours is One (a constellation) will one day merge with another constellation—perhaps with Orion. As well, one day, the constellation of Orion may merge with the Pleiades—which is, speculatively, the 'hub' of the super system of the One About Whom Naught May Be Said.

291. Một sự hợp nhất như thế liên quan đến Pleiades có thể là sự hợp nhất của một chòm sao với một chòm sao. Theo suy đoán, chúng ta có thể nói rằng Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của chúng ta là một trong đó (một chòm sao) một ngày kia sẽ hợp nhất với một chòm sao khác—có lẽ là với Orion. Cũng vậy, một ngày kia, chòm sao Orion có thể hợp nhất với Pleiades—mà, theo suy đoán, là "trung tâm" của siêu hệ của Đấng Bất Khả Tư Nghị.

292. Such mergings, should they occur (and something of this kind *must* eventually occur) would, indeed, be occurring within the body of manifestation of the One About Whom Naught May Be Said.

292. Những sự hợp nhất như thế, nếu chúng xảy ra (và một điều gì đó thuộc loại này *ắt phải* xảy ra sau cùng) quả thật sẽ diễn ra bên trong thể biểu hiện của Đấng Bất Khả Tư Nghị.

293. To consider the possibility of such mergings is but reasoned speculation—interesting but necessarily inconclusive. Still, if we pursue these expanded subjects using the law of analogy, much may be discovered.

293. Việc xét đến khả năng của những sự hợp nhất như thế chỉ là suy đoán có lý—thú vị nhưng tất yếu không thể đi đến kết luận. Tuy nhiên, nếu chúng ta theo đuổi những chủ đề mở rộng này bằng định luật tương đồng, nhiều điều có thể được khám phá.

Footnote [96]:

Chú thích 96:

Students might compare the following references and then form their own conclusions. —S. D., I, 711. note, 545, 439; II, 811, 830, 581, 582, 426, 454, 654, 371.

Các đạo sinh có thể so sánh những tham chiếu sau đây rồi tự hình thành kết luận của mình. —S. D., I, 711. ghi chú, 545, 439; II, 811, 830, 581, 582, 426, 454, 654, 371.

S3S3: TCF 237-245

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang

TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

III. WHY IS THIS SOLAR SYSTEM EVOLVING ALONG THE LINES OF DUALITY?

1. Some thoughts arise in this connection:

a. This solar system is the *second* major solar system through which our Solar Logos has been developing. Because it is the second, the method of duality is inescapable.

b. In our solar system the relationship between Spirit and Matter (the major cosmic duality) is critical and balanced—again because this is the second major solar system. The number *two* suggests equal division. Spirit and Matter are very equally divided, just as are Rajas and Tamas in relation to the fourth ray.

c. Our Sun is of the Fourth Order, and represents the heart chakra (in a Cosmic Logos) The heart chakra is the is the fourth chakra. Because the number *four* is so important in our solar system, the conflict between opposites suggested by this number is also prominent.

2. VSK would have us note energy of the Gemini Kumara, on the plane 6.6. (i.e., on the sixth level of the cosmic astral plane) It is called "Desire for Duality" (cf. EA 34).

1. The Problem of Existence.

III. VÌ SAO HỆ MẶT TRỜI NÀY ĐANG TIẾN HOÁ THEO NHỮNG ĐƯỜNG CỦA NHỊ NGUYÊN TÍNH?

1. Một vài ý nghĩ nảy sinh liên quan đến điều này:

a. Hệ mặt trời này là hệ mặt trời lớn thứ *hai* mà qua đó Thái dương Thượng đế của chúng ta đã và đang phát triển. Bởi vì nó là hệ thứ hai, phương pháp của nhị nguyên tính là điều không thể tránh khỏi.

b. Trong hệ mặt trời của chúng ta, mối liên hệ giữa Tinh thần và Vật chất (đại nhị nguyên vũ trụ) là then chốt và cân bằng—một lần nữa bởi vì đây là hệ mặt trời lớn thứ hai. Con số *hai* gợi ý sự phân chia ngang nhau. Tinh thần và Vật chất được phân chia rất đồng đều, cũng như rajas và tamas trong tương quan với cung bốn.

c. Mặt Trời của chúng ta thuộc Cấp Bốn, và tượng trưng cho luân xa tim (trong một Vũ Trụ Thượng đế). Luân xa tim là luân xa thứ tư. Bởi vì con số *bốn* rất quan trọng trong hệ mặt trời của chúng ta, nên xung đột giữa các đối cực do con số này gợi ra cũng nổi bật.

2. VSK muốn chúng ta lưu ý đến năng lượng của Gemini Kumara, trên cõi 6.6. (tức là, trên cấp độ thứ sáu của cõi cảm dục vũ trụ) Nó được gọi là "Khát vọng đối với Nhị nguyên tính" (x. EA 34).

1. Vấn Đề của Tồn Tại.

The third question involves one of the most difficult problems in metaphysics, and covers in its consideration the whole perplexing mystery of the reason **why there is objectivity at all.**

3. Metaphysics is the study of abstract causes and patterns originating in vibratory realms far interior to the three worlds. It is essentially an arupic study dealing with questions concerning the nature and manifestation of being

It is one that has been asked under different forms by men of every school of thought—**by religious people** who enquire:—"Why did God create at all?

4. The problem with this question involves the meaning of the word "create". If we understood the process of Creation as the process of Emanation, some problems related to objectivity and dualism would be solved, for through an understanding of Emanation, the evident Many are understood to be the invisible One.

Why is existence forced upon one and all?";

5. May we suggest that those upon whom existence is "forced" are, in essence, the Entity which is doing the forcing?

by scientists in their search for the ultimate truth and in their endeavor to find out the motivation of all that is seen, and to account for sensuous life;

Câu hỏi thứ ba liên quan đến một trong những vấn đề khó khăn nhất trong siêu hình học, và trong khi xem xét nó bao trùm toàn bộ huyền nhiệm gây bối rối về lý do **vì sao lại có tính khách quan nói chung.**

3. Siêu hình học là sự nghiên cứu các nguyên nhân và mô hình trừu tượng phát sinh trong những cõi rung động nằm sâu bên trong ba cõi thấp. Về bản chất, đó là một nghiên cứu arupic bàn đến những câu hỏi liên quan đến bản chất và sự biểu hiện của bản thể

Đó là một câu hỏi đã được nêu ra dưới nhiều hình thức khác nhau bởi những người thuộc mọi trường phái tư tưởng—**bởi những người có tôn giáo** đặt câu hỏi:—"Vì sao Thượng đế lại sáng tạo nói chung?

4. Vấn đề của câu hỏi này liên quan đến ý nghĩa của từ "sáng tạo". Nếu chúng ta hiểu tiến trình Sáng Tạo là tiến trình Xuất lộ, thì một số vấn đề liên quan đến tính khách quan và nhị nguyên luận sẽ được giải quyết, vì qua sự thấu hiểu Xuất lộ, cái Nhiều hiển nhiên được hiểu là Đấng Duy Nhất vô hình.

Vì sao sự tồn tại lại bị áp đặt lên tất cả mọi người?";

5. Chúng ta có thể gợi ý rằng những ai mà sự tồn tại "bị áp đặt" lên họ, về bản chất, chính là Thực Thể đang thực hiện sự áp đặt ấy chăng?

bởi các nhà khoa học trong cuộc tìm kiếm chân lý tối hậu của họ và trong nỗ lực tìm ra động cơ của tất cả những gì được thấy, và giải thích đời sống cảm quan;

6. This quest is evident in the thought of astrophysicists who are ever interested in the origin of the universe—the current theory gaining the greatest adherence being the "Big Bang" (though some current thinking questions is validity).

6. Cuộc truy tìm này hiển hiện trong tư tưởng của các nhà vật lý thiên văn, những người luôn quan tâm đến nguồn gốc của vũ trụ—lý thuyết hiện nay được chấp nhận nhiều nhất là "Vụ Nổ Lớn" (dù một số tư tưởng hiện thời đặt nghi vấn về tính xác đáng của nó).

by philosophers in their equally **diligent search for that animating subjectivity that is expressing itself through all the moral and ethical sciences** in every civilisation and among every people;

bởi các triết gia trong cuộc tìm kiếm **chuyên cần** không kém của họ đối với **tính chủ thể sinh động đang biểu hiện qua mọi khoa học luân lý và đạo đức** trong mọi nền văn minh và giữa mọi dân tộc;

7. DK seems to be saying that the philosophers are searching for Great Soul ("that animating subjectivity") which expresses itself through the Science of Relations.

7. DK dường như đang nói rằng các triết gia đang tìm kiếm Đại Hồn ("tính chủ thể sinh động ấy"), vốn biểu hiện qua Khoa Học về Các Mối Quan Hệ.

8. If philosophers love wisdom (for that is what the word philosophy suggests—i.e., the love of wisdom) then their discipline is especially a pursuit of the dynamics of that cohesive energy we call Love-Wisdom. It is Love-Wisdom which expresses itself through all the moral and ethical sciences (sciences ruled by the planet Jupiter—the major *second* ray planet).

8. Nếu các triết gia yêu mến minh triết (vì đó là điều mà từ philosophy gợi ý—tức là tình yêu đối với minh triết) thì bộ môn của họ đặc biệt là một sự theo đuổi động lực của năng lượng kết dính mà chúng ta gọi là Bác Ái – Minh Triết. Chính Bác Ái – Minh Triết biểu hiện qua mọi khoa học luân lý và đạo đức (những khoa học do hành tinh Sao Mộc cai quản—hành tinh cung *hai* chủ yếu).

by the biologist in his persistent application to search for the discovery of the source of life, and in his **strenuous endeavour** to account for the principle of life that is seen ever to evade his investigations;

bởi nhà sinh học trong sự chuyên chú bền bỉ của ông nhằm tìm ra nguồn gốc của sự sống, và trong **nỗ lực mãnh liệt** của ông để giải thích nguyên khí của sự sống, vốn luôn luôn dường như lẩn tránh các cuộc khảo cứu của ông;

9. The biological quest is not simply the study of living forms and their interrelationship. The true biologist is searching for that which *vitalizes* the myriad evident forms.

9. Cuộc truy tìm sinh học không chỉ đơn thuần là nghiên cứu các hình tướng sống và mối tương quan của chúng. Nhà sinh học chân chính đang tìm kiếm cái *tiếp sinh lực* cho vô số hình tướng hiển nhiên.

by the mathematician, who, dealing with the form side of manifestation in all the grades of mathematics, decides that God geometrises, that law and rule pervade universally, that the one exists by means of the many, and who yet is unable to solve the problem as to who that geometrising [Page 238] identity may be.

10. The true mathematician is in search of the Great Geometrician—His thoughts and methods.

11. DK is emphasizing the idea that the quest for an understanding of why objectivity exists is universal and *arduous*—shared by serious thinkers who represent all the legitimate disciplines of human thought.

12. The different disciplines voice the object of their quest in different terms, but what they seek is identical—no matter how variously expressed.

13. VSK suggests that this paragraph shows the underlying symmetry in the root of inquiry around this question.

So the problems persist, and all the many lines of approach (in the endeavour to find the solution) end in the **cul-de-sac of hypothesis**, and in **the recognition of an ultimate something of such an elusive nature, that men are forced seemingly to predicate a source of energy, of life, of intelligence, and to call it by diverse names according to the trend (religious, scientific or philosophical) of their minds.**

14. Men have not solved the problem, but, if sincere and persevering in their thought, are

bởi nhà toán học, người khi xử lý phương diện hình tướng của biểu hiện trong mọi cấp độ của toán học, đi đến kết luận rằng Thượng đế hình học hóa, rằng định luật và quy luật thấm khắp một cách phổ quát, rằng cái một tồn tại nhờ cái nhiều, nhưng vẫn không thể giải quyết vấn đề về việc bản sắc hình học hóa [Page 238] ấy có thể là ai.

10. Nhà toán học chân chính đang tìm kiếm Nhà Hình Học Vĩ Đại—những tư tưởng và phương pháp của Ngài.

11. DK đang nhấn mạnh ý tưởng rằng cuộc truy tìm sự hiểu biết về lý do vì sao tính khách quan tồn tại là phổ quát và *gian nan*—được chia sẻ bởi những nhà tư tưởng nghiêm túc đại diện cho mọi bộ môn chính đáng của tư tưởng nhân loại.

12. Những bộ môn khác nhau diễn đạt đối tượng truy tìm của mình bằng những thuật ngữ khác nhau, nhưng điều họ tìm kiếm là đồng nhất—dù được diễn đạt đa dạng đến đâu.

13. VSK gợi ý rằng đoạn này cho thấy tính đối xứng nền tảng trong cội rễ của sự truy vấn quanh câu hỏi này.

Vì vậy, các vấn đề vẫn tồn tại, và mọi đường lối tiếp cận khác nhau (trong nỗ lực tìm ra giải pháp) đều kết thúc trong **ngõ cụt của giả thuyết**, và trong **sự thừa nhận một cái gì đó tối hậu có bản chất quá đỗi khó nắm bắt, đến nỗi con người dường như buộc phải giả định một nguồn của năng lượng, của sự sống, của trí tuệ, và gọi nó bằng nhiều tên khác nhau tùy theo khuynh hướng (tôn giáo, khoa học hay triết học) của trí tuệ họ.**

14. Con người chưa giải quyết được vấn đề, nhưng nếu chân thành và kiên trì trong tư

in agreement concerning the existence of an extraordinarily "ultimate something" which is the source of energy, life, intelligence, etc.

tưởng, họ đều đồng ý về sự hiện hữu của một "cái gì đó tối hậu" phi thường, là nguồn của năng lượng, sự sống, trí tuệ, v.v.

15. It is here that division between the various types of thinkers enters because, according to the nature and quality of their thought, so if their formulation of this "ultimate something". As a result of their differing trends of thought, men fight over the correctness of the words by which they name this "ultimate something".

15. Chính tại đây sự phân chia giữa các loại nhà tư tưởng khác nhau xuất hiện bởi vì, tùy theo bản chất và phẩm tính của tư tưởng họ, mà sự hình thành khái niệm của họ về "cái gì đó tối hậu" này cũng khác nhau. Kết quả của những khuynh hướng tư tưởng khác biệt ấy là con người tranh cãi về tính đúng đắn của những từ ngữ mà họ dùng để gọi "cái gì đó tối hậu" này.

16. Those who have truly found the *Ultimate* do not fight over formulations intended to indicate its nature.

16. Những ai thực sự đã tìm thấy cái *Tối Hậu* thì không tranh cãi về những công thức nhằm chỉ ra bản chất của nó.

God, the Universal Mind, Energy, Force, the Absolute, the Unknown,—these terms and many others are forced from the lips of those who, by means of the form side, seek the Dweller within the form, and cannot find Him as yet.

Thượng đế, Trí Tuệ Vũ Trụ, Năng lượng, Mãnh lực, Tuyệt Đối, Đấng Bất Khả Tri,—những thuật ngữ này và nhiều thuật ngữ khác nữa bị buộc phải thốt ra từ môi miệng của những người, bằng phương diện hình tướng, tìm kiếm Kẻ Chận Ngõ bên trong hình tướng, và cho đến nay vẫn chưa thể tìm thấy Ngài.

17. The human mind is still much limited by the form. That which is behind the form is sensed but not directly experienced by most.

17. Trí tuệ con người vẫn còn bị giới hạn rất nhiều bởi hình tướng. Điều ở phía sau hình tướng được cảm nhận nhưng chưa được trực tiếp kinh nghiệm bởi đa số.

18. Master DK brings before our consciousness a number of formulations by which the "ultimate something" is known. We gather than it makes no difference by what name this "something" is called. It *is* what It *is*. "I am That and That am I".

18. Chân sư DK đưa ra trước tâm thức chúng ta một số công thức mà qua đó "cái gì đó tối hậu" được biết đến. Chúng ta hiểu rằng việc "cái gì đó" này được gọi bằng tên gì không tạo nên khác biệt. Nó *là* cái mà Nó *là*. "Tôi là Cái Đó và Cái Đó là tôi".

This failure to find Him is due to the limitations of the physical brain, and to the lack of development in the mechanism whereby the spiritual may be known, and

Sự thất bại trong việc tìm thấy Ngài là do những giới hạn của bộ não hồng trần, và do sự thiếu phát triển trong bộ máy nhờ đó cái

whereby He may, and eventually will, be contacted.

19. That which is sought exists and is experienced by those who have the equipment to do so. Our failure to find That which underlies all rests with the limited development of our instruments of perception—i.e., with the insufficiently developed apparatus of perception of the average human being.

20. There are, of course, those who can perceive, and they attest to the reality of That which is sought.

21. VSK calls our attention to the "Cul-de-sac of hypothesis which points to the dead end side of intellectualism". "Yet", she says, "the repartee continues. Why do we bother asking or proposing? Perhaps so that the benefits of inquiry and recognition of the limits may be highlighted?"

22. VSK would remind us that "the brain is both a limitation and a necessary organ of perception. We are evolving it."

23. We note that the Tibetan uses the personal pronoun "Him" in ("cannot find Him as yet"). That which is sought is both impersonal and personal. It can be appreciated as both an Identity and an impersonal Principle.

The problem of duality is the problem of existence itself, and cannot be solved by the man who refuses to recognise the possibility of two occult facts:

24. Some recognitions are offered by means of which the problem of duality (another

tinh thần có thể được biết đến, và nhờ đó Ngài có thể, và sau cùng sẽ, được tiếp xúc.

19. Điều được tìm kiếm ấy tồn tại và được kinh nghiệm bởi những ai có đủ trang bị để làm như vậy. Sự thất bại của chúng ta trong việc tìm thấy Cái làm nền cho mọi sự nằm ở sự phát triển còn hạn chế của các công cụ tri giác của chúng ta—tức là, ở bộ máy tri giác chưa được phát triển đầy đủ của con người trung bình.

20. Dĩ nhiên, có những người có thể tri giác, và họ chứng thực thực tại của Cái đang được tìm kiếm.

21. VSK lưu ý chúng ta đến "Ngõ cụt của giả thuyết, điều chỉ ra mặt bế tắc của chủ nghĩa trí năng". "Tuy nhiên," bà nói, "sự đối đáp vẫn tiếp tục. Vì sao chúng ta bận tâm hỏi hay đề xuất? Có lẽ để những lợi ích của sự truy vấn và sự nhận ra các giới hạn được làm nổi bật chăng?"

22. VSK muốn nhắc chúng ta rằng "bộ não vừa là một giới hạn vừa là một cơ quan tri giác cần thiết. Chúng ta đang tiến hoá nó."

23. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư Tây Tạng dùng đại từ nhân xưng "Ngài" trong ("vẫn chưa thể tìm thấy Ngài"). Điều được tìm kiếm vừa vô ngã vừa hữu ngã. Nó có thể được nhận thức như vừa là một Bản Sắc vừa là một Nguyên khí vô ngã.

Vấn đề của nhị nguyên tính chính là vấn đề của bản thân sự tồn tại, và không thể được giải quyết bởi người nào từ chối thừa nhận khả năng của hai sự kiện huyền bí:

24. Một số sự nhận biết được đưa ra, nhờ đó vấn đề của nhị nguyên tính (một tên gọi

name of the problem of existence) may be solved.

25. The reason that the "problem of duality" is considered a "problem" is that it bewilders and baffles the mind, leaving consciousness in a state of cognitive dissonance.

1. That the entire solar system embodies the consciousness of an Entity, who originates on planes entirely without the solar ring-pass-not.

26. The Entity is the Solar Logos.

27. The "solar ring-pass-not" may, in this instance, be considered the cosmic physical plane. The true focus of the Solar Logos is upon planes 'higher' than the cosmic physical plane, just as the true focus of man is on levels higher than his etheric-physical apparatus. Could the Solar Logos now be attending to His etheric nature with renewed attention just as man is newly attending to his etheric nature (because of the impending Aquarian Age).

28. The origin of the Solar Logos may be considered the cosmic monadic plane just as the origin of the human being may be considered the systemic monadic plane (the second subplane of the cosmic physical plane).

29. VSK states: "Again the Gemini Kumara is suggested, with the problem of desire and necessity of duality being reflected in the two brothers, the waxing and waning, 'day/night', Love-Wisdom cycle".

khác của vấn đề tồn tại) có thể được giải quyết.

25. Lý do khiến "vấn đề của nhị nguyên tính" được xem là một "vấn đề" là vì nó làm trí tuệ hoang mang và bối rối, để lại tâm thức trong một trạng thái bất hòa nhận thức.

1. Rằng toàn bộ hệ mặt trời thể hiện tâm thức của một Thực Thể, Đấng khởi nguyên trên những cõi hoàn toàn ở ngoài vòng-giới-hạn mặt trời.

26. Thực Thể ấy là Thái dương Thượng đế.

27. "Vòng-giới-hạn mặt trời" trong trường hợp này có thể được xem là cõi hồng trần vũ trụ. Trọng tâm đích thực của Thái dương Thượng đế ở trên những cõi "cao hơn" cõi hồng trần vũ trụ, cũng như trọng tâm đích thực của con người ở trên những cấp độ cao hơn bộ máy dĩ thái-hồng trần của y. Liệu hiện nay Thái dương Thượng đế có đang chú ý đến bản chất dĩ thái của Ngài với sự quan tâm mới mẻ, cũng như con người đang mới bắt đầu chú ý đến bản chất dĩ thái của mình (vì Kỷ Nguyên Bảo Bình sắp đến) chăng.

28. Nguồn gốc của Thái dương Thượng đế có thể được xem là cõi chân thần vũ trụ, cũng như nguồn gốc của con người có thể được xem là cõi chân thần hệ thống (cõi phụ thứ hai của cõi hồng trần vũ trụ).

29. VSK nói: "Một lần nữa Gemini Kumara được gợi ra, với vấn đề của khát vọng và sự cần thiết của nhị nguyên tính được phản chiếu trong hai anh em, sự tăng trưởng và suy giảm, 'ngày/đêm', chu kỳ Bác Ái – Minh Triết".

30. DK would seem to suggest that in the search for the "ultimate something", man is, in general, looking in a 'place' too 'low'.

30. DK dường như muốn gợi ý rằng trong cuộc tìm kiếm "cái gì đó tối hậu", nói chung con người đang tìm ở một 'nơi' quá 'thấp'.

31. The Author of our existence is focussed on planes or vibratory levels entirely inaccessible to perceptual apparatus of the average human being.

31. Tác Giả của sự tồn tại của chúng ta được tập trung trên những cõi hay cấp độ rung động hoàn toàn không thể tiếp cận đối với bộ máy tri giác của con người trung bình.

2. That manifestation is periodical and that the Law of Rebirth is the method that evolution takes in dealing with a man, a planetary Logos, and a solar Logos.

2. Rằng biểu hiện là có chu kỳ và rằng Định luật Tái Sinh là phương pháp mà tiến hoá sử dụng khi xử lý con người, một Hành Tinh Thượng Đế, và một Thái dương Thượng đế.

32. In the search for the "ultimate something" the Law of Rebirth is not generally recognized. The cyclic nature of all in manifestation must be cognized if the cause of that which exists is to be understood.

32. Trong cuộc tìm kiếm "cái gì đó tối hậu", Định luật Tái Sinh nói chung không được thừa nhận. Bản chất chu kỳ của mọi sự trong biểu hiện phải được nhận biết nếu nguyên nhân của cái đang tồn tại muốn được hiểu.

Hence, the emphasis laid in the Proem of the Secret Doctrine on the three fundamentals [97: S. D., I, 42-44.]

Do đó, sự nhấn mạnh được đặt trong Lời Mở Đầu của Giáo Lý Bí Nhiệm vào ba nguyên lý căn bản [97: S. D., I, 42-44.]

a. The Boundless Immutable Principle and

a. Nguyên Khí Vô Biên Bất Biến và

b. The periodicity of the Universe.

b. tính chu kỳ của Vũ trụ.

c. The identity of all souls with the Oversoul.

c. bản sắc đồng nhất của mọi linh hồn với đại hồn.

33. We must be careful in our definition of the term "universe". Usually, the term "universe" means the entirety—all that is (other than that ABSOLUTE ALL-SELF).

33. Chúng ta phải cẩn trọng trong định nghĩa của mình về thuật ngữ "vũ trụ". Thông thường, thuật ngữ "vũ trụ" có nghĩa là toàn thể—mọi cái đang hiện hữu (ngoại trừ ĐẠI NGÃ TUYỆT ĐỐI đó).

34. The term "universe", however, can be used in a special way in occultism, to mean a solar system.

34. Tuy nhiên, thuật ngữ "vũ trụ" có thể được dùng theo một cách đặc biệt trong huyền bí học, để chỉ một hệ mặt trời.

35. DK speaks of a man, a Planetary Logos and a Solar Logos. Then a huge jump is made to the consideration of the "Boundless Immutable Principle".

35. DK nói về một con người, một Hành Tinh Thượng Đế và một Thái dương Thượng đế. Rồi có một bước nhảy rất lớn sang việc xem xét "Nguyên Khí Vô Biên Bất Biến".

36. In relation to a Solar Logos we may speak of "the periodicity of the Universe" (defining the Universe as the entirety of the Solar Logos' manifestation), and we may also speak of the "identity of all souls with the Oversoul" (considering the Oversoul as the Soul of the Solar Logos), but *we cannot speak* of the Boundless Immutable Principle. In other words, the Solar Logos is *definitely not* the Boundless Immutable Principle.

36. Trong tương quan với một Thái dương Thượng đế, chúng ta có thể nói về "tính chu kỳ của Vũ trụ" (định nghĩa Vũ trụ là toàn bộ biểu hiện của Thái dương Thượng đế), và chúng ta cũng có thể nói về "bản sắc đồng nhất của mọi linh hồn với đại hồn" (xem đại hồn là Linh Hồn của Thái dương Thượng đế), nhưng *chúng ta không thể nói* về Nguyên Khí Vô Biên Bất Biến. Nói cách khác, Thái dương Thượng đế *chắc chắn không phải* là Nguyên Khí Vô Biên Bất Biến.

37. The Solar Logos and its manifestation are *bounded,* though it can be said of the essence of the Solar Logos (just as of the essence of any entity) that it is one with the Boundless Immutable Principle.

37. Thái dương Thượng đế và biểu hiện của Ngài là *hữu hạn,* dù có thể nói về tinh túy của Thái dương Thượng đế (cũng như về tinh túy của bất kỳ thực thể nào) rằng nó là một với Nguyên Khí Vô Biên Bất Biến.

38. In any case, DK is taking our search for the "ultimate something" to the deepest possible level. He seems to be saying that if the search is to be productive of discovery, it must be a far deeper search than anticipated.

38. Dù sao đi nữa, DK đang đưa cuộc tìm kiếm của chúng ta về "cái gì đó tối hậu" xuống cấp độ sâu nhất có thể. Ngài dường như đang nói rằng nếu cuộc tìm kiếm muốn sinh ra khám phá, thì nó phải là một cuộc tìm kiếm sâu xa hơn nhiều so với dự kiến.

When scientists recognise these two facts then their explanations will take a different line and the truth, as it is, will begin to illuminate their reason.

Khi các nhà khoa học thừa nhận hai sự kiện này thì những giải thích của họ sẽ đi theo một đường hướng khác và chân lý, đúng như nó là, sẽ bắt đầu soi sáng lý trí của họ.

39. This is another way of saying that scientists will become occultists. Their minds will be illumined by pure reason and they will grasp the true nature of origins.

39. Đây là một cách khác để nói rằng các nhà khoa học sẽ trở thành các nhà huyền bí học. Trí tuệ họ sẽ được soi sáng bởi lý trí thuần túy và họ sẽ nắm bắt bản chất đích thực của các nguồn gốc.

Few men are yet ready for illumination, which is simply the light of the [Page 239]

Ít người còn sẵn sàng cho sự soi sáng, vốn đơn giản chỉ là ánh sáng của [Page 239] **trực**

intuition breaking through the barriers that the rational faculty has erected.

40. Here we contrast intuition with the rational faculty. This is interesting because another name for intuition is pure reason, a term closely related to the rational faculty.

41. There is difference, however, between pure reason (intuition) and reasoning (the exercise of the rational faculty).

42. DK is telling us that our habitual thoughtforms prevent us from seeing reality as it is. In this case, "the mind is the slayer of the real".

43. VSK queries: "What might it look like if scientists accepted an 'extra-systemic' 'god? How could this be plausibly presented?"

44. The rational faculty is largely linear and mono-directional. It is as if we have to replace this linearity with what we might call 'sphericity of thought'—a type of thinking which is thinking in all directions simultaneously. We might call this 'the overcoming of time in the process of thought'.

45. Intuition dissolves the rigid corridors of the mind. Intuition supplies the unexpected and renders it visible everywhere. Intuition floods and overwhelms the rational mechanism—but only after that mechanism has been well used.

giác xuyên phá những rào cản mà năng lực lý luận đã dựng lên.

40. Ở đây chúng ta đối chiếu trực giác với năng lực lý luận. Điều này thật thú vị vì một tên gọi khác của trực giác là lý trí thuần túy, một thuật ngữ có liên hệ chặt chẽ với năng lực lý luận.

41. Tuy nhiên, có sự khác biệt giữa lý trí thuần túy (trực giác) và sự lý luận (việc vận dụng năng lực lý luận).

42. DK đang nói với chúng ta rằng những hình tư tưởng theo thói quen của chúng ta ngăn cản chúng ta thấy thực tại như nó là. Trong trường hợp này, "trí tuệ là kẻ sát hại cái thực".

43. VSK đặt câu hỏi: "Sẽ trông như thế nào nếu các nhà khoa học chấp nhận một 'thượng đế' 'ngoài hệ'? Điều này có thể được trình bày một cách khả tín như thế nào?"

44. Năng lực lý luận phần lớn là tuyến tính và đơn hướng. Dường như chúng ta phải thay tính tuyến tính này bằng điều mà ta có thể gọi là 'tính cầu thể của tư tưởng'—một kiểu tư duy suy nghĩ theo mọi hướng đồng thời. Chúng ta có thể gọi điều này là 'sự vượt thắng thời gian trong tiến trình tư tưởng'.

45. Trực giác làm tan rã những hành lang cứng nhắc của trí tuệ. Trực giác cung cấp điều bất ngờ và làm cho nó trở nên khả kiến ở khắp nơi. Trực giác tràn ngập và lấn át bộ máy lý luận—nhưng chỉ sau khi bộ máy ấy đã được sử dụng tốt.

The duality of the solar system will eventually be recognised as dependent upon the following factors:

a. Existence itself.

46. Existence is mentioned, as opposed to Being. Existence may be considered the objectivity emanating from Being.

b. Time and space.

47. Time and space represent a great duality with which all human beings must reckon when under the spell of the Great Illusion.

48. Imaginatively collapsing the factor of extension to a point is an exercise for the overcoming of the illusion of space. That is to say, one can imagine all 'extended things' as if they resided in a single point.

49. Experiences with the simultaneity inherent in every moment overwhelm the illusion of time.

c. The quality of desire or necessity.

50. Desire reaches for that which is, apparently, not itself. Implicit in the dynamic of desire is duality—i.e., the Self and the not-Self.

51. Necessity concerns 'that which *must* be'. It is an internal compulsion leading to manifestation. Necessity suggest the duality of that which compels and that which is compelled. Can THAT THAN WHICH THERE

Nhị nguyên tính của hệ mặt trời sau cùng sẽ được thừa nhận là tùy thuộc vào những yếu tố sau đây:

a. Bản thân sự tồn tại.

46. Sự tồn tại được nêu ra, đối lập với Bản Thể. Sự tồn tại có thể được xem là tính khách quan xuất lộ từ Bản Thể.

b. Thời gian và không gian.

47. Thời gian và không gian tượng trưng cho một đại nhị nguyên mà mọi con người phải đối diện khi còn ở dưới bùa mê của Đại Ảo Tưởng.

48. Một cách tưởng tượng, thu gọn yếu tố quảng tính thành một điểm là một bài tập để vượt thắng ảo tưởng về không gian. Nghĩa là, người ta có thể hình dung mọi 'sự vật có quảng tính' như thể chúng cư ngụ trong một điểm duy nhất.

49. Những kinh nghiệm về tính đồng thời vốn cố hữu trong mỗi khoảnh khắc sẽ lấn át ảo tưởng về thời gian.

c. Phẩm tính của khát vọng hay sự cần thiết.

50. Khát vọng vươn tới cái mà, bề ngoài, không phải là chính nó. Hàm ẩn trong động lực của khát vọng là nhị nguyên tính—tức là, Ngã và phi-Ngã.

51. Sự cần thiết liên quan đến 'điều *phải* là'. Đó là một sự thúc bách nội tại dẫn đến biểu hiện. Sự cần thiết gợi ra nhị nguyên tính của cái thúc bách và cái bị thúc bách. Liệu CÁI MÀ NGOÀI NÓ KHÔNG CÓ GÌ KHÁC có thể ở

IS NO OTHER, be under the compulsion of Necessity? It would seem not.

52. When DK said that the Problem of Existence was one of the most difficult in metaphysics, we can see why.

d. The **acquisitive faculty inherent in life itself**. This faculty, by the means of motion, gathers to itself the material whereby it achieves its desire, whereby it fabricates the form through which expression is sought, and whereby it confines itself within the prison of the sheath in order to gain experience.

53. The acquisitive faculty within any entity is that which reaches out to that which is not itself and gathers that which is not itself towards itself.

54. When Spirit is involved in manifestation it is called "Life". This we learned in an early Commentary.

55. We can recognize this "acquisitive faculty" as akin to desire.

56. It is as if Spirit relates to Matter, or (in manifestation) Life relates to Form by means of the dynamic of *acquisition*. The Self wishes to acquire the not-Self, even thought the not-Self is really the Self. This major acquisition is performed under the spell of the Great Illusion.

57. VSK ponders on the "acquisitive faculty inherent in life itself". She says, "It is this which revolves around the zero point, the laya point of transition from the life-cause of the Entity causing the phenomenal appearance beyond the ring-pass-not; the

dưới sự cưỡng bách của Sự Cần Thiết chăng? Dường như là không.

52. Khi DK nói rằng Vấn Đề của Tồn Tại là một trong những vấn đề khó khăn nhất trong siêu hình học, chúng ta có thể thấy vì sao.

d. **Năng lực thâu đạt vốn cố hữu trong chính sự sống**. Năng lực này, bằng phương tiện của chuyển động, thu gom về cho chính nó vật chất nhờ đó nó đạt được khát vọng của mình, nhờ đó nó tạo tác hình tướng mà qua đó sự biểu hiện được tìm kiếm, và nhờ đó nó tự giam hãm mình trong ngục tù của lớp vỏ để đạt được kinh nghiệm.

53. Năng lực thâu đạt bên trong bất kỳ thực thể nào là cái vươn ra tới cái không phải là chính nó và gom cái không phải là chính nó về phía chính nó.

54. Khi Tinh thần tham dự vào biểu hiện thì nó được gọi là "Sự sống". Điều này chúng ta đã học trong một Cổ Luận ban đầu.

55. Chúng ta có thể nhận ra "năng lực thâu đạt" này là tương cận với khát vọng.

56. Dường như Tinh thần liên hệ với Vật chất, hay (trong biểu hiện) Sự sống liên hệ với Hình tướng bằng động lực của sự *thâu đạt*. Ngã muốn thâu đạt phi-Ngã, dù phi-Ngã thật ra chính là Ngã. Sự thâu đạt lớn lao này được thực hiện dưới bùa mê của Đại Ảo Tưởng.

57. VSK suy ngẫm về "năng lực thâu đạt vốn cố hữu trong chính sự sống". Bà nói, "Chính điều này quay quanh điểm không, điểm laya của sự chuyển tiếp từ nguyên nhân-sự sống của Thực Thể gây ra sắc tướng hiện tượng bên ngoài vòng-giới-hạn; điểm tĩnh lặng yên

quiet still point (ray three key) between the centripetal and centrifugal force. Saturn".

bình (chủ âm cung ba) giữa lực hướng tâm và lực ly tâm. Saturn".

58. If we search very deeply for the origin of duality in our solar system (or, really, anywhere in Cosmos) we shall find its origin as a *function of perception. Duality arises with a change from Self-identification-as-Self to Self-perception-as-Other.* When the Self registers itself perceptually (thus leaving the state of Self-identification) then duality begins.

58. Nếu chúng ta tìm kiếm thật sâu nguồn gốc của nhị nguyên tính trong hệ mặt trời của chúng ta (hay thật ra, ở bất cứ đâu trong Vũ trụ) chúng ta sẽ thấy nguồn gốc của nó như một *chức năng của tri giác. Nhị nguyên tính phát sinh cùng với sự chuyển đổi từ đồng hoá với Ngã-như-Ngã sang tri giác về Ngã-như-Cái-Khác.* Khi Ngã tự ghi nhận chính mình bằng tri giác (do đó rời khỏi trạng thái đồng hoá với Ngã) thì nhị nguyên tính bắt đầu.

59. Duality arises when, through emanation (for that is how duality does arise—the One becoming the Many), the Self 'goes forth' from itself through an act of limited Self-cognition/perception.

59. Nhị nguyên tính phát sinh khi, qua xuất lộ (vì đó là cách nhị nguyên tính phát sinh—Đấng Duy Nhất trở thành cái Nhiều), Ngã "đi ra" khỏi chính mình qua một hành vi tự nhận biết/tri giác hữu hạn.

60. What is being said is that the sense of duality is intimately related to a necessary limitation of perception which occurs with every movement from subjectivity to objectivity.

60. Điều đang được nói là cảm thức về nhị nguyên tính có liên hệ mật thiết với một sự giới hạn cần thiết của tri giác, vốn xảy ra cùng với mọi chuyển động từ tính chủ thể sang tính khách thể.

61. On all these things we must ponder deeply.

61. Về tất cả những điều này chúng ta phải suy ngẫm sâu xa.

The supposition is correct that **this theory takes for granted a mighty Intelligence** who works thus through an ordered plan, and Who consciously takes shape and incarnates in order to carry out specific purposes of His own.

Giả thuyết cho rằng **lý thuyết này mặc nhiên thừa nhận một Trí Tuệ Hùng Mạnh** hoạt động như thế qua một kế hoạch có trật tự, và Đấng ấy hữu thức mang lấy hình tướng và nhập thể để thực hiện những mục đích riêng biệt của chính Ngài, là đúng.

62. The "mighty Intelligence" here referenced is our Solar Logos.

62. "Trí Tuệ Hùng Mạnh" được nhắc đến ở đây là Thái dương Thượng đế của chúng ta.

63. All the following factors must be related to the Solar Logos:

63. Tất cả những yếu tố sau đây phải được liên hệ với Thái dương Thượng đế:

a. Existence itself

b. Time and Space

c. The quality of desire or necessity

d. The acquisitive faculty inherent in life itself

But this hypothesis is but the rock bottom fact underlying the eastern teaching, and is one that is **largely accepted, though diversely expressed and viewed by thinkers of all schools of thought throughout the globe.**

64. According to DK, the eastern teaching has a preeminence even in the western world (and, presumably, even if unrecognized in the western world as of eastern origin).

Even this conception is but a partial presentation of the real Idea, but owing to the limitations of man at this stage of evolution, it is sufficient as a working basis on which he may **erect his temple of truth**.

65. VSK muses: "Theory and hypothesis, is this not a 'cul-de-sac'? How does one go about creating a 'temple of truth' with partial presentations of real Ideas?"

66. May it be suggested that all temples are but 'partialities' and that, as partialities, will have one day to be destroyed? No temple is a perfect presentation of Truth; all are but approximations.

a. Bản thân sự tồn tại

b. Thời gian và Không gian

c. Phẩm tính của khát vọng hay sự cần thiết

d. Năng lực thâu đạt vốn cố hữu trong chính sự sống

Nhưng giả thuyết này chỉ là sự kiện nền tảng nhất nằm bên dưới giáo huấn phương Đông, và là điều **được chấp nhận rộng rãi, dù được diễn đạt và nhìn nhận khác nhau bởi các nhà tư tưởng thuộc mọi trường phái tư tưởng trên khắp địa cầu.**

64. Theo DK, giáo huấn phương Đông có một vị thế ưu trội ngay cả trong thế giới phương Tây (và có lẽ, ngay cả khi không được phương Tây nhận ra là có nguồn gốc phương Đông).

Ngay cả quan niệm này cũng chỉ là một sự trình bày bộ phận của Ý Tưởng thực sự, nhưng do những giới hạn của con người ở giai đoạn tiến hoá này, nó đủ làm một cơ sở làm việc để y có thể **xây dựng ngôi đền chân lý của mình**.

65. VSK suy tư: "Lý thuyết và giả thuyết, chẳng phải đây là một 'ngõ cụt' sao? Người ta làm thế nào để tạo dựng một 'ngôi đền chân lý' bằng những sự trình bày bộ phận của các Ý Tưởng thực sự?"

66. Có thể gợi ý rằng mọi ngôi đền chỉ là những 'tính bộ phận' và với tư cách là những tính bộ phận, một ngày kia sẽ phải bị phá hủy chăng? Không ngôi đền nào là một sự trình bày hoàn hảo của Chân Lý; tất cả chỉ là những sự xấp xỉ.

67. We see again that the limited development of man's mind and understanding prevents an apprehension of even deeper truths concerning the Solar Logos.

67. Chúng ta lại thấy rằng sự phát triển còn hạn chế của trí tuệ và sự thấu hiểu của con người ngăn cản việc nắm bắt những chân lý còn sâu xa hơn liên quan đến Thái dương Thượng đế.

68. I suspect that the deeper truths would necessitate the idea of the "mighty Intelligence" *becoming* His creation rather than creating it.

68. Tôi ngờ rằng những chân lý sâu xa hơn sẽ đòi hỏi ý tưởng về việc "Trí Tuệ Hùng Mạnh" *trở thành* tạo vật của Ngài hơn là sáng tạo ra nó.

This Entity, Whom we call the solar Logos, is in no sense the same as the personal God of the Christian, who is no more nor less than man himself, expanded into a being of awful power, and subject to the virtues and vices of man himself.

Thực Thể này, Đấng mà chúng ta gọi là Thái dương Thượng đế, tuyệt nhiên không đồng nhất với vị Thượng đế hữu ngã của người Kitô giáo, vốn không hơn không kém chính là con người, được phóng đại thành một hữu thể có quyền năng đáng sợ, và chịu những đức tính cùng những tật xấu của chính con người.

69. We are reminded of the great truth that 'man makes God in his own image'. This is the ultimate psychological projection.

69. Chúng ta được nhắc nhớ về chân lý lớn lao rằng 'con người tạo ra Thượng đế theo hình ảnh của chính mình'. Đây là sự phóng chiếu tâm lý tối hậu.

The solar Logos is more than man, for He is the sumtotal of all the evolutions within the entire solar system, including the human, which is an evolution standing at a middle point in relation to the other evolutions.

Thái dương Thượng đế còn hơn con người, vì Ngài là tổng thể của mọi tiến hoá bên trong toàn bộ hệ mặt trời, kể cả tiến hoá nhân loại, vốn là một tiến hoá đứng ở điểm giữa trong tương quan với các tiến hoá khác.

70. This is another way of saying that the "Grand Heavenly Man" is a Being inclusive of many orders of life, from the lowest, materially bounded lives, up to and including those whose stature is almost that of a Solar Logos.

70. Đây là một cách khác để nói rằng "Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại" là một Hữu Thể bao gồm nhiều cấp bậc sự sống, từ những sự sống thấp nhất bị giới hạn bởi vật chất, cho đến và kể cả những sự sống có tầm vóc gần như một Thái dương Thượng đế.

71. DK is attempting to disabuse our minds of the usual notion of a "personal God". Yet,

71. DK đang cố gắng giải trừ khỏi trí tuệ chúng ta quan niệm thông thường về một "Thượng đế hữu ngã". Tuy nhiên, Thái

the great Solar Logos is indeed a 'Grand *Man*'.

dương Thượng đế vĩ đại quả thật là một 'Đấng *Nhân*' Vĩ Đại'.

On one side of him are ranged hosts of beings who are more than human, and who, in [Page 240] past kalpas, reached and passed the stage where man now is;

Về một phía của Ngài là vô số hữu thể cao hơn con người, những Đấng trong [Page 240] các kalpa trước đã đạt đến và vượt qua giai đoạn mà con người hiện nay đang ở;

72. Such beings, for instance, are Solar Angels, the informing Lives of kingdoms of nature, Globe Lords, Chain Lords, Scheme Lords, and members of the deva evolution of development higher than man, such as the Raja Deva Lords of planes and Lords of subplanes. No doubt there a many types of entities more highly developed than man. The many rungs of the 'Ladder of Creation' are far from fully specified.

72. Chẳng hạn, những hữu thể như vậy là các Thái dương Thiên Thần, các Sự Sống phú linh cho các giới trong thiên nhiên, các Chúa Tể Bầu Hành Tinh, các Chúa Tể Dãy, các Chúa Tể Hệ Hành Tinh, và các thành viên của tiến hoá thiên thần có sự phát triển cao hơn con người, như các Raja Deva Lords của các cõi và các Chúa Tể của các cõi phụ. Chắc chắn có nhiều loại thực thể phát triển cao hơn con người. Nhiều nấc thang của "Thang Sáng Tạo" còn lâu mới được xác định đầy đủ.

on the other side are hosts of the subhuman evolutions who in future kalpas will achieve the stage of humanity.

về phía bên kia là vô số các tiến hoá dưới nhân loại, những sự sống mà trong các kalpa tương lai sẽ đạt đến giai đoạn nhân loại.

73. The stone becomes the plant, the plant an animal, the animal a man, the man an angel and the angel a god—to paraphrase the ancient Kabalistic doctrine.

73. Đá trở thành cây, cây thành thú, thú thành người, người thành thiên thần và thiên thần thành thượng đế—để diễn giải giáo lý Kabalistic cổ xưa.

74. We see that our Solar Logos is positioned in the same manner as Arjuna. He has His own Kurukshetra.

74. Chúng ta thấy rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta được đặt ở cùng vị thế như Arjuna. Ngài có Kurukshetra của riêng Ngài.

75. VSK suggests: "We have the analogy of man to solar logos, and the distinction here stated; man does not sum to the same extent – i.e., middle point vs. septenate system".

75. VSK gợi ý: "Chúng ta có sự tương đồng giữa con người và thái dương thượng đế, và sự phân biệt được nêu ở đây; con người không tổng hợp đến cùng mức độ ấy – tức là, điểm giữa so với hệ thống thất phân".

76. The factor of dualism is very strong in our Solar Logos because of His second ray/ fourth ray nature. His nature is specifically (at this time) astral/buddhic.

76. Yếu tố nhị nguyên luận rất mạnh nơi Thái dương Thượng đế của chúng ta vì bản chất cung hai/cung bốn của Ngài. Bản chất

của Ngài đặc biệt là cảm dục/Bồ đề (vào thời điểm này).

Man stands midway between the two, and is at the point of balance; herein lies his problem.

Con người đứng ở giữa hai bên, và ở tại điểm quân bình; chính trong đó có vấn đề của y.

77. The unique position of man (at the place of friction in the Life of the Solar Logos) is suggested. Man could, apparently, shine forth as a harmony-inducing factor in solar logoic life.

77. Vị trí độc đáo của con người (ở nơi ma sát trong Sự sống của Thái dương Thượng đế) được gợi ra. Con người, dường như, có thể tỏa sáng như một yếu tố tạo hài hòa trong sự sống thái dương thượng đế.

78. The number four is prominent in the life of man; the fourth ray is the middlemost ray, and the ray involved in the greatest stress, friction and conflict.

78. Con số bốn nổi bật trong sự sống của con người; cung bốn là cung ở chính giữa nhất, và là cung liên quan đến sự căng thẳng, ma sát và xung đột lớn nhất.

He does not partake wholly of the material side of evolution, nor is he wholly the expression of the third Logos, **the Brahma aspect of the Deity, Who is an expression of pure energy or intelligence, motivating that tenuous something which we call substance.**

Y không hoàn toàn dự phần vào phương diện vật chất của tiến hoá, cũng không hoàn toàn là biểu hiện của Thượng đế thứ ba, **phương diện Brahma của Thượng đế, Đấng là một biểu hiện của năng lượng hay trí tuệ thuần túy, thúc đẩy cái gì đó tinh tế mà chúng ta gọi là chất liệu.**

79. Is it not interesting that the "material side of evolution" seems to be differentiated from "the expression of the third Logos"?

79. Chẳng phải thật thú vị sao khi "phương diện vật chất của tiến hoá" dường như được phân biệt với "biểu hiện của Thượng đế thứ ba"?

80. There is always a problem when attempting to conceive whether the 'First Family' (cosmically considered) is a *three* or a *four.* When the Mother (Matter) is differentiated from God the Holy Spirit or Third Logos, then the 'First Family' is seen as a four rather than a three.

80. Luôn luôn có một vấn đề khi cố gắng quan niệm xem "Gia Đình Thứ Nhất" (xét theo vũ trụ) là một *ba* hay một *bốn.* Khi Mẹ (Vật chất) được phân biệt khỏi Thượng đế Chúa Thánh Thần hay Thượng đế ba, thì "Gia Đình Thứ Nhất" được thấy là một bộ bốn hơn là một bộ ba.

81. This section seems to be suggesting that man is identified wholly with neither of these aspect of God—neither matter nor substance.

81. Phần này dường như đang gợi ý rằng con người không hoàn toàn đồng hoá với bất kỳ phương diện nào trong hai phương diện này

của Thượng đế—không phải vật chất cũng không phải chất liệu.

82. Let us note the excellent definition of the Brahma aspect of Deity as "an expression of pure energy or intelligence, motivating that tenuous something which we call substance."

82. Chúng ta hãy lưu ý định nghĩa tuyệt vời về phương diện Brahma của Thượng đế như là "một biểu hiện của năng lượng thuần túy hay trí tuệ, thúc đẩy cái gì đó tinh tế mà chúng ta gọi là chất liệu."

83. Is substance to be related to the realm of matter, or does substance only exist when God the Holy Spirit/Brahma has acted within matter.

83. Chất liệu có nên được liên hệ với cõi của vật chất hay chất liệu chỉ hiện hữu khi Thượng đế Chúa Thánh Thần/Brahma đã tác động bên trong vật chất.

84. A distinction is needed between Matter, matter and substance:

84. Cần có một sự phân biệt giữa Vật chất, vật chất và chất liệu:

a. Matter (with a capital M) is Mulaprakriti or Virgin Root Matter, undifferentiated and infinitely dense—a reflection of Pure Being/ Spirit

a. Vật chất (viết hoa) là Mulaprakriti hay Vật Chất Căn Bản Đồng Trinh, không phân hoá và đậm đặc vô hạn—một phản ánh của Bản Thể/Tinh thần Thuần Khiết

b. The second term is "matter" (with a small "m"). This is Matter upon which and within which Fohat/Holy Spirit/Brahma has done its 'work', creating differentiated particles (which are nothing but Fohat in multitudinous divisions working in Matter —present as animated, intelligent, "holes in Space/Matter")

b. Thuật ngữ thứ hai là "vật chất" (viết thường). Đây là Vật chất mà trên đó và bên trong đó Fohat/Chúa Thánh Thần/Brahma đã thực hiện "công việc" của nó, tạo ra các hạt đã phân hoá (vốn không là gì khác ngoài Fohat trong vô số phân chia đang hoạt động trong Vật chất—hiện diện như những "lỗ hổng trong Không Gian/Vật chất" được hoạt hóa, có trí tuệ)

c. The relation of matter to substance is *relative.* When a certain type of matter is 'vibratorily higher' than another type of matter, it is called "substance". When matter is lower than another type of matter which is substantial to it, it is called "matter".

c. Mối liên hệ giữa vật chất và chất liệu là *tương đối.* Khi một loại vật chất nào đó "cao hơn về rung động" so với một loại vật chất khác, nó được gọi là "chất liệu". Khi vật chất thấp hơn một loại vật chất khác vốn là chất liệu đối với nó, nó được gọi là "vật chất".

d. While there is nothing absolutely definitive in these definitions, they may be a source of useful differentiations when

d. Dù không có gì tuyệt đối dứt khoát trong các định nghĩa này, chúng có thể là nguồn gốc của những phân biệt hữu ích khi bàn

dealing with the confusing subjects of matter, substance and form.

đến các chủ đề gây lẫn lộn là vật chất, chất liệu và hình tướng.

He is not wholly **Spirit, the expression of the first Logos, the Mahadeva aspect, which is an expression of pure will or necessitous desire, impelling to manifestation.**

Ngài không hoàn toàn là **Tinh thần, biểu hiện của Thượng đế một, phương diện Mahadeva, vốn là một biểu hiện của ý chí thuần túy hay dục vọng tất yếu, thúc đẩy đến biểu hiện.**

85. Until man is a Chohan, a member of the *sixth* or Planetary Kingdom, he is more representative of the lower two aspects of divinity than of Spirit.

85. Chừng nào con người chưa là một Chohan, một thành viên của giới *thứ sáu* hay Giới Hành Tinh, y còn đại diện cho hai phương diện thấp của thiên tính nhiều hơn là cho Tinh thần.

86. We are given an extraordinary definition of Spirit as the Mahadeva aspect—"pure will or necessitous desire, impelling to manifestation".

86. Chúng ta được trao cho một định nghĩa phi thường về Tinh thần như là phương diện Mahadeva—"ý chí thuần túy hay dục vọng tất yếu, thúc đẩy đến biểu hiện".

87. We see the inescapable link between will and desire. Will is a desire (of some greater Entity) which is *necessary.* It is an unavoidable or inevitable desire, which if followed (as it must be) will lead towards appearance or manifestation. The old saying, "your wish is my command" reveals an important relationship between the desire of that which is higher and the will of that which is lower.

87. Chúng ta thấy mối liên kết không thể tránh khỏi giữa ý chí và dục vọng. Ý chí là một dục vọng (của một Thực Thể lớn hơn nào đó) vốn *cần thiết.* Đó là một dục vọng không thể tránh hay không thể không xảy ra, mà nếu được tuân theo (như nhất định phải vậy) sẽ dẫn đến sắc tướng hay biểu hiện. Câu nói xưa, "ý muốn của ngài là mệnh lệnh của tôi" cho thấy một mối liên hệ quan trọng giữa dục vọng của cái cao hơn và ý chí của cái thấp hơn.

88. Of course, there is also, eventually, a necessitous desire for abstraction or liberation—i.e., for the end of manifestation.

88. Dĩ nhiên, cuối cùng cũng có một dục vọng tất yếu hướng đến sự trừu xuất hay giải thoát—tức là hướng đến sự chấm dứt biểu hiện.

It is the fundamental motive itself or the great will to be.

Chính nó là động cơ căn bản tự thân hay đại ý chí muốn hiện hữu.

89. We are being told that the fundamental motive, presumably substanding all entities, is the "great will to be".

89. Chúng ta đang được bảo rằng động cơ căn bản, có lẽ là substanding mọi thực thể, là "đại ý chí muốn hiện hữu".

90. The motive of the First Logos is the "will to be"—presumably to exist in the presence of *something* rather than to continue to abide as itself in the presence of *nothing*. These are paradoxical thoughts, but if pondered may yield some illumination.

90. Động cơ của Thượng đế một là "ý chí muốn hiện hữu"—có lẽ là để tồn tại trong sự hiện diện của *một cái gì đó* hơn là tiếp tục an trụ như chính nó trong sự hiện diện của *hư vô*. Đây là những tư tưởng nghịch lý, nhưng nếu được suy ngẫm có thể mang lại một ít soi sáng.

91. The great *will to be* is related to *continuity*—incessant being without interruption. There is no dualism in it. It can be conceived as the *sustainment of Presence.*

91. Đại *ý chí muốn hiện hữu* có liên hệ với *sự liên tục*—sự hiện hữu không ngừng nghỉ, không gián đoạn. Trong đó không có nhị nguyên. Nó có thể được quan niệm như là *sự duy trì Hiện Diện.*

Man is a product of the union of the two; he is the meeting place of matter or active intelligent substance, and of Spirit or the basic will.

Con người là sản phẩm của sự hợp nhất của hai điều ấy; y là nơi gặp gỡ của vật chất hay chất liệu trí tuệ linh động, và của Tinh thần hay ý chí căn bản.

92. If man is the product of Spirit and matter (or active intelligent substance), then man is light or solar fire, or the second aspect of divinity which can only arise from the union of the first and third aspects.

92. Nếu con người là sản phẩm của Tinh thần và vật chất (hay chất liệu trí tuệ linh động), thì con người là ánh sáng hay Lửa Thái dương, hay phương diện thứ hai của thiên tính, vốn chỉ có thể phát sinh từ sự hợp nhất của phương diện thứ nhất và thứ ba.

93. This is a new way, perhaps, of thinking about man.

93. Có lẽ đây là một cách mới để suy nghĩ về con người.

94. We are given a definition of Spirit as the "basic will". And the basic will is the "will to be".

94. Chúng ta được trao cho một định nghĩa về Tinh thần như là "ý chí căn bản". Và ý chí căn bản là "ý chí muốn hiện hữu".

He is the child born of their marriage or at-one-ment. He assumes objectivity in order to express that which is in each of the two opposites, plus the result of their merging in himself.

Y là đứa con sinh ra từ cuộc hôn phối hay sự hợp nhất của các ngài. Y đảm nhận tính khách quan để biểu lộ điều hiện diện trong mỗi một trong hai đối cực, cộng thêm kết

quả của sự hòa nhập của chúng trong chính y.

95. We are given to understand the composite nature of man—representing both Spirit and Matter/matter and yet something other born of the merging of the two within himself.

95. Chúng ta được cho hiểu về bản chất tổng hợp của con người—đại diện cho cả Tinh thần lẫn Vật chất/vật chất, nhưng đồng thời còn là một cái gì khác sinh ra từ sự hòa nhập của cả hai trong chính y.

96. Man is, therefore, a vehicle of expression for both Spirit and Matter/matter.

96. Vì vậy, con người là một vận cụ biểu lộ cho cả Tinh thần lẫn Vật chất/vật chất.

97. From this perspective, man is the "son" (on his own level) just as the "Grand Heavenly Man" is the "Son".

97. Từ góc nhìn này, con người là "người con" (trên cấp độ riêng của y) cũng như "Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại" là "Con".

98. VSK sees "Man thus as Gemini incarnate (again, both, but neither this or that fully").

98. VSK nhìn thấy "Con Người như vậy là Song Tử nhập thể (một lần nữa, là cả hai, nhưng không hoàn toàn là cái này hay cái kia)".

2. Its Nature and Duality.

2. Bản Chất và Tính Nhị Nguyên của Nó.

99. Again, we are referring to a solar system.

99. Một lần nữa, chúng ta đang nói đến một hệ mặt trời.

In terms of quality what have we? Active intelligence at one with will or power produces that "Son of necessity" (as H. P. B. expresses it; 98: S. D., I, 74.)

Xét theo phẩm tính, chúng ta có gì? Trí tuệ linh động hợp nhất với ý chí hay quyền năng tạo ra "Con của tất yếu" ấy (như H. P. B. diễn tả; 98: S. D., I, 74.)

100. A solar system is a "Son of necessity" and man, also, is a 'son of necessity'. Both are born of "necessitous desire" which is the pure "will to be" or "basic will". Will is born of that which is understood as desire on a plane higher than that on which will originates.

100. Một hệ mặt trời là một "Con của tất yếu" và con người cũng là một "con của tất yếu". Cả hai đều sinh ra từ "dục vọng tất yếu", vốn là "ý chí muốn hiện hữu" thuần túy hay "ý chí căn bản". Ý chí được sinh ra từ điều được hiểu là dục vọng trên một cõi cao hơn cõi mà ý chí phát sinh.

Who embodies intelligence, will or desire, and their united latent demonstration, love-wisdom.

Đấng ấy hiện thân cho trí tuệ, ý chí hay dục vọng, và sự biểu lộ tiềm ẩn hợp nhất của chúng, Bác Ái – Minh Triết.

101. It is amazing that DK, in this context, is always linking will with desire.

101. Thật đáng kinh ngạc khi trong bối cảnh này, Chân sư DK luôn luôn liên kết ý chí với dục vọng.

102. By doing this, He creates a link to the desire which is superior to the will in question.

102. Khi làm như vậy, Ngài tạo ra một mối liên hệ với dục vọng vốn cao hơn ý chí đang được nói đến.

103. When will/desire merge with intelligence, love-wisdom is created. In other words, a "son" or "Son" is born.

103. Khi ý chí/dục vọng hòa nhập với trí tuệ, Bác Ái – Minh Triết được tạo ra. Nói cách khác, một "người con" hay "Con" được sinh ra.

In terms of Fire how might we express an analogous thought?

Xét theo Lửa, chúng ta có thể diễn đạt một tư tưởng tương tự như thế nào?

104. We have been viewing the subject of duality in terms of the divine aspects—such as Matter/matter (or intelligence) and will/desire.

104. Chúng ta đã xem xét chủ đề nhị nguyên tính theo các phương diện thiêng liêng—chẳng hạn như Vật chất/vật chất (hay trí tuệ) và ý chí/dục vọng.

105. Now we will consider the same subject in terms of Fire.

105. Giờ đây chúng ta sẽ xem xét cùng chủ đề ấy theo Lửa.

The fire latent in matter—itself a product of an earlier manifestation of **the same cosmic Identity**, or the relatively perfected quality worked out by Him in a previous cosmic incarnation—is **set in motion again by the desire of that same Identity to circle once more the wheel of rebirth.**

Ngọn lửa tiềm ẩn trong vật chất—bản thân nó là sản phẩm của một biểu hiện trước đó của **cùng một Bản Sắc vũ trụ ấy**, hay phẩm tính tương đối hoàn thiện mà Ngài đã triển khai trong một lần lâm phàm vũ trụ trước đây—được **đặt vào chuyển động một lần nữa bởi dục vọng của chính Bản Sắc ấy muốn quay thêm một lần nữa bánh xe tái sinh.**

106. The same cosmic identity is the Solar Logos. In a previous solar system He developed a certain quality which now manifests as the "fire latent in matter". That solar system was largely a fohatic solar system.

106. Cùng một bản sắc vũ trụ ấy là Thái dương Thượng đế. Trong một hệ mặt trời trước đây, Ngài đã phát triển một phẩm tính nhất định, nay biểu lộ như "ngọn lửa tiềm ẩn trong vật chất". Hệ mặt trời ấy phần lớn là một hệ mặt trời fohatic.

107. We note that the “fire latent in matter” is called a “relatively perfected **quality**”. The mode and manner of this fire are, therefore, distinctive of this great cosmic identity—the Solar Logos.

107. Chúng ta lưu ý rằng “ngọn lửa tiềm ẩn trong vật chất” được gọi là một “**phẩm tính** tương đối hoàn thiện”. Vì vậy, phương thức và cách thức của ngọn lửa này là nét đặc trưng của bản sắc vũ trụ vĩ đại này—Thái dương Thượng đế.

108. It is this lowest fire (considered in relation to our solar system) that is set in motion by the desire of the Solar Logos for another incarnation.

108. Chính ngọn lửa thấp nhất này (xét trong tương quan với hệ mặt trời của chúng ta) được đặt vào chuyển động bởi dục vọng của Thái dương Thượng đế muốn có một lần lâm phàm khác.

That "fire by friction" produces heat and radiation and **calls forth a reaction from its** [Page 241] **opposite "electric fire" or spirit.**

“Lửa ma sát” ấy tạo ra nhiệt và bức xạ và **gọi ra một phản ứng từ** [Page 241] **đối cực của nó là “Lửa Điện” hay tinh thần.**

109. It is important to realize the sequence: the reactivation of that relatively perfected quality, fire by friction, is that which evokes “electric fire”. First the demonstration of fire by friction and then the response of electric fire.

109. Điều quan trọng là phải nhận ra trình tự: sự tái hoạt hóa của phẩm tính tương đối hoàn thiện ấy, lửa ma sát, là điều gợi lên “Lửa Điện”. Trước hết là sự biểu lộ của lửa ma sát rồi sau đó là sự đáp ứng của Lửa Điện.

Here we have the thought of the Ray **striking through matter**, for the **action of electric fire is ever forward**, as earlier suggested. The one Ray "electric fire" **drops into matter**. This is the systemic marriage of the Father and the Mother.

Ở đây chúng ta có tư tưởng về cung **xuyên kích qua vật chất**, vì **hoạt động của Lửa Điện luôn luôn hướng về phía trước**, như đã được gợi ý trước đó. Cung duy nhất “Lửa Điện” **rơi vào vật chất**. Đây là cuộc hôn phối có tính hệ thống của Cha và Mẹ.

110. The “systemic marriage of the Father and the Mother” is described in arresting terms.

110. “Cuộc hôn phối có tính hệ thống của Cha và Mẹ” được mô tả bằng những từ ngữ rất ấn tượng.

111. We are given words (in relation to the Ray of Electric Fire) like “striking through matter”. We are reminded of the section in EP II under “The Blessed Ones” in which we are told of the ray one Monad:

111. Chúng ta được trao cho những từ ngữ (liên hệ với Cung của Lửa Điện) như “xuyên kích qua vật chất”. Chúng ta được nhắc đến phần trong EP II dưới tiêu đề “Các Đấng Chân Phúc”, trong đó chúng ta được nói về chân thần cung một:

"The Blessed One **flies like an arrow into matter**. He destroys (or ruptures) the way by which he might return. He grounds himself deeply in the depths of form". (EP II 36)

"Đấng Chân Phúc **lao như một mũi tên vào vật chất**. Ngài phá hủy (hay làm đứt đoạn) con đường mà qua đó ngài có thể quay trở lại. Ngài cắm sâu chính mình vào những chiều sâu của hình tướng". (EP II 36)

112. We are reminded of the nature of ray one motion—ever forward, "progress onward", "driving forward through space".

112. Chúng ta được nhắc đến bản chất của chuyển động cung một—luôn luôn tiến tới, "tiến lên phía trước", "thúc đẩy tiến lên xuyên qua không gian".

113. What may be the exact physics of "striking through matter" we can only imagine. It seems to be an act of penetration which perhaps vivifies the nucleus of any unit of matter.

113. Vật lý chính xác của việc "xuyên kích qua vật chất" có thể là gì thì chúng ta chỉ có thể hình dung. Dường như đó là một hành vi xuyên nhập, có lẽ làm tiếp sinh lực cho hạt nhân của bất kỳ đơn vị vật chất nào.

The result is the **blending** of these two fires, and their united production of that expression of fire which we call "solar fire." Thus is produced the Son. Active Intelligence and Will are united and love-wisdom, when perfected through evolution, will be the outcome.

Kết quả là **sự dung hợp** của hai ngọn lửa này, và sự sản sinh hợp nhất của chúng ra biểu hiện của lửa mà chúng ta gọi là "Lửa Thái dương". Như thế Con được tạo ra. Trí tuệ linh động và Ý chí được hợp nhất, và Bác Ái – Minh Triết, khi được hoàn thiện qua tiến hoá, sẽ là kết quả.

114. This is the long-familiar story.

114. Đây là câu chuyện đã quá quen thuộc từ lâu.

115. We use a word like "blending" but it covers a type of interplay which should be described (were it possible to us) as technically as any chemical reaction.

115. Chúng ta dùng một từ như "sự dung hợp", nhưng nó bao trùm một loại tương tác mà lẽ ra phải được mô tả (nếu điều đó có thể đối với chúng ta) một cách kỹ thuật chẳng kém gì bất kỳ phản ứng hóa học nào.

116. VSK suggests: "heat or radiation calls forth electric fire; the 'female matter' or the receptive pole invoke the positive action".

116. VSK gợi ý: "nhiệt hay bức xạ gọi ra Lửa Điện; 'vật chất nữ tính' hay cực tiếp nhận khẩn cầu hành động tích cực".

Electric fire or Spirit, united to fire by friction (heat) produces solar fire or light.

Lửa Điện hay Tinh thần, hợp nhất với lửa ma sát (nhiệt) tạo ra Lửa Thái dương hay ánh sáng.

117. Two simple definitions are given:

a. Fire by friction is heat

b. Solar fire is light

118. The fire of Spirit and fire within Matter manifesting as matter create the fire of Mind.

119. The light here produced is really the *light* of the soul.

120. Is it not interesting to understand solar fire as light? It also has a *love* component which is not here emphasized—for, in its own right, it is a dual fire.

121. It becomes clear that evolution, even humanly speaking, is an emergence from heat into light.

122. We have been speaking of two kinds of unions:

a. A union of fires

b. A union of distinct divine qualities

Hence, when the cosmic Entity takes form, there is added to the active intelligence which is the product of His earlier incarnation, a further quality, which is inherent and potential, that of love-wisdom.

123. It would seem that every such Entity is endowed within its monadic nature with intelligence, love and will. This trinity is inherent within every being.

117. Hai định nghĩa đơn giản được đưa ra:

a. Lửa ma sát là nhiệt

b. Lửa Thái dương là ánh sáng

118. Lửa của Tinh thần và lửa bên trong Vật chất biểu lộ thành vật chất tạo ra lửa của Trí Tuệ.

119. Ánh sáng được tạo ra ở đây thực sự là *ánh sáng* của linh hồn.

120. Có phải thật thú vị khi hiểu Lửa Thái dương là ánh sáng không? Nó cũng có một thành phần *bác ái* không được nhấn mạnh ở đây—vì tự thân nó là một ngọn lửa nhị phân.

121. Rõ ràng là tiến hoá, ngay cả khi nói theo phương diện con người, là một sự xuất hiện từ nhiệt đi vào ánh sáng.

122. Chúng ta đã nói đến hai loại hợp nhất:

a. Một sự hợp nhất của các ngọn lửa

b. Một sự hợp nhất của các phẩm tính thiêng liêng riêng biệt

Do đó, khi Thực Thể vũ trụ khoác lấy hình tướng, vào trí tuệ linh động vốn là sản phẩm của lần lâm phàm trước của Ngài, một phẩm tính khác được thêm vào, vốn cố hữu và tiềm tàng, đó là Bác Ái – Minh Triết.

123. Dường như mỗi Thực Thể như vậy đều được phú cho trong bản chất chân thần của mình trí tuệ, bác ái và ý chí. Bộ ba này là cố hữu trong mọi hữu thể.

124. These qualities, however, are developed during the course of manifestation or objectification, so when we speak of the "active intelligence' which is the product of the Solar Logos' earlier incarnation, we are speaking of the degree to which this inherent quality has been developed and exercised.

124. Tuy nhiên, các phẩm tính này được phát triển trong tiến trình biểu hiện hay khách thể hóa, vì thế khi chúng ta nói về "trí tuệ linh động" vốn là sản phẩm của lần lâm phàm trước của Thái dương Thượng đế, chúng ta đang nói đến mức độ mà phẩm tính cố hữu này đã được phát triển và vận dụng.

125. Within the Solar Logos, love-wisdom is both "inherent and potential", just as active intelligence was before it was worked out in the previous solar system.

125. Bên trong Thái dương Thượng đế, Bác Ái – Minh Triết vừa "cố hữu" vừa "tiềm tàng", cũng như trí tuệ linh động đã từng như vậy trước khi được triển khai trong hệ mặt trời trước.

126. In all this we realize that every entity, in its evolutionary unfoldment, builds upon past accomplishment.

126. Trong tất cả điều này, chúng ta nhận ra rằng mọi thực thể, trong sự khai mở tiến hoá của mình, đều xây dựng trên thành tựu quá khứ.

This is the ability to love that which is objective or the not-self, and ultimately to **use with wisdom the form.**

Đây là khả năng yêu thương điều khách quan hay cái không-phải-ngã, và cuối cùng **sử dụng hình tướng một cách minh triết.**

127. The form cannot be used with wisdom unless it is loved.

127. Hình tướng không thể được sử dụng một cách minh triết nếu nó không được yêu thương.

128. We might say that the love of Self is fundamental to the Self. In the presence of the Great Self, love flows naturally. What must be learned is the ability to "love that which is objective" or the apparent not-Self.

128. Chúng ta có thể nói rằng tình yêu đối với Ngã là điều căn bản đối với Ngã. Trong sự hiện diện của Đại Ngã, tình yêu tuôn chảy một cách tự nhiên. Điều phải học là khả năng "yêu thương điều khách quan" hay cái không-phải-Ngã biểu kiến.

129. Even though the not-Self *is* the Self, because of the process of emanation, it appears at first foreign and other, and so, natural love-of-Self does not immediately apply to that extension of Self we call the not-Self.

129. Dù cái không-phải-Ngã *là* Ngã, do tiến trình phát xạ, lúc đầu nó xuất hiện như xa lạ và khác biệt, và vì vậy tình yêu tự nhiên đối với Ngã không lập tức áp dụng cho sự mở rộng của Ngã mà chúng ta gọi là cái không-phải-Ngã ấy.

130. It is interesting to contrast the usual ray two and ray six attitudes towards form. Those on the second ray, under the influence of compassion and tolerance, often consider the form temporarily adequate, and embrace the form within the circle of buddhic life. Ray six individuals are often too idealistic, hating the limitations of the form. Thus, a name for this ray is "The Hater of Forms" (EP I 80).

130. Thật thú vị khi đối chiếu các thái độ thông thường của cung hai và cung sáu đối với hình tướng. Những người thuộc cung hai, dưới ảnh hưởng của lòng từ bi và sự khoan dung, thường xem hình tướng là tạm thời thích đáng, và ôm lấy hình tướng trong vòng tròn của sự sống Bồ đề. Những cá nhân cung sáu thường quá lý tưởng, ghét những giới hạn của hình tướng. Vì vậy, một tên gọi của cung này là "Kẻ Ghét Các Hình Tướng" (EP I 80).

131. We gather from the extract above that the form must be treated both lovingly and wisely.

131. Từ đoạn trích trên, chúng ta rút ra rằng hình tướng phải được đối xử vừa đầy yêu thương vừa đầy minh triết.

Pure will is as yet an abstraction, and will only be brought into full development in another incarnation of the Logos.

Ý chí thuần túy hiện vẫn còn là một sự trừu tượng, và sẽ chỉ được đưa đến sự phát triển đầy đủ trong một lần lâm phàm khác của Thượng đế.

132. By an abstraction we may mean that which exists in latency but is currently not present within the field of manifestation.

132. Bởi một sự trừu tượng, chúng ta có thể muốn nói điều tồn tại trong trạng thái tiềm ẩn nhưng hiện thời không hiện diện trong trường biểu hiện.

Mind or Intelligence is not an abstraction; it is something that IS.

Trí Tuệ hay trí tuệ không phải là một sự trừu tượng; nó là một cái gì đó HIỆN HỮU.

133. This is another way of saying that the Primordial Ray has been long-established and is the foundation of all present development.

133. Đây là một cách khác để nói rằng Cung Nguyên Sơ đã được thiết lập từ lâu và là nền tảng của mọi phát triển hiện tại.

Neither is love-wisdom an abstraction. It is in process of development or bringing into manifestation, and is **the aspect of the Son.**

Bác Ái – Minh Triết cũng không phải là một sự trừu tượng. Nó đang trong tiến trình phát triển hay được đưa vào biểu hiện, và là **phương diện của Con.**

134. The quality of love-wisdom is intermediate. It not an abstraction, but neither is it completely established. Rather,

134. Phẩm tính Bác Ái – Minh Triết là trung gian. Nó không phải là một sự trừu tượng, nhưng cũng chưa hoàn toàn được thiết lập.

it is emerging. Microcosmically, it is emerging as well.

Đúng hơn, nó đang xuất hiện. Ở cấp vi mô, nó cũng đang xuất hiện như vậy.

135. Love-wisdom is the "aspect of the Son" or the characteristic quality of the Son.

135. Bác Ái – Minh Triết là "phương diện của Con" hay phẩm tính đặc trưng của Con.

136. VSK states: "If we would quantify this 'dilution' of electric fire, it would be necessary to realize that we can only conjecture on the basis of what we know from a position of 'mid solar fire'. How far off must we must be!

136. VSK phát biểu: "Nếu chúng ta muốn định lượng sự 'pha loãng' này của Lửa Điện, cần phải nhận ra rằng chúng ta chỉ có thể phỏng đoán trên cơ sở điều mình biết từ một vị trí 'giữa Lửa Thái dương'. Chúng ta hẳn phải cách xa biết bao!

137. VSK offers some profound thoughts on color: "we have the 'black' of active intelligence, the pure Saturn of the first solar system. The Blue Logos, love, conjoined to the evolved black-midnight blue-indigo of 'enlightened' or solarized matter, results in the love-wisdom blue-indigo. Black (that which IS, or Mahat) has been synthesized into 'blackest night', the synthetic indigo revealed from Earth as part of a dual system. A dual system is one which revolves and creates day and night; duality, and love-wisdom are intrinsic.

137. VSK đưa ra một số tư tưởng sâu sắc về màu sắc: "chúng ta có 'màu đen' của trí tuệ linh động, Sao Thổ thuần túy của hệ mặt trời thứ nhất. Thượng đế Xanh, bác ái, kết hợp với màu đen-xanh nửa đêm-chàm đã tiến hóa của vật chất 'được soi sáng' hay được thái dương hóa, tạo ra màu xanh-chàm của Bác Ái – Minh Triết. Màu đen (cái HIỆN HỮU, hay Mahat) đã được tổng hợp thành 'đêm đen nhất', màu chàm tổng hợp được tiết lộ từ Trái Đất như một phần của một hệ nhị nguyên. Một hệ nhị nguyên là hệ quay vòng và tạo ra ngày và đêm; nhị nguyên tính và Bác Ái – Minh Triết là nội tại.

What is above stated is in no way new, but these thoughts on essential duality are gathered together, in order to convey to our minds **the necessity of viewing these things from the standpoint of their place in the cosmic scheme, and not from the point of view of our own planetary evolution and of man himself.**

Điều được trình bày ở trên hoàn toàn không mới, nhưng những tư tưởng này về tính nhị nguyên cốt yếu được tập hợp lại để truyền đạt cho trí tuệ chúng ta **sự cần thiết phải nhìn những điều này từ quan điểm về vị trí của chúng trong hệ thống vũ trụ, chứ không phải từ quan điểm của chính sự tiến hoá hành tinh của chúng ta và của bản thân con người.**

138. The term "cosmic scheme" is arresting. We are used to thinking of planetary schemes, but only rarely do we think of our solar system as a scheme in relation to a cosmic scheme. Yet to a Cosmic Logos, our

138. Thuật ngữ "hệ thống vũ trụ" thật ấn tượng. Chúng ta quen nghĩ đến các hệ hành tinh, nhưng chỉ hiếm khi nghĩ đến hệ mặt trời của chúng ta như một hệ trong tương quan với một hệ thống vũ trụ. Tuy nhiên, đối với một Thượng đế Vũ trụ, hệ mặt trời

solar system must be but a scheme—a *solar* scheme.

139. Just as the planetary schemes are really as *chains* when compared to the Solar Logos manifesting through a solar scheme, so our solar scheme is really a chain within the cosmic scheme. Each entity, in its own right, may be considered a scheme; when we consider the entity in relation to the greater scheme that contains it, we call it a chain.

140. We are studying the essential duality of our particular Solar Logos and His system. Wherever there is manifestation, there is duality, but in our solar system, particularly, the factor of duality is paramount for it is a Love-Wisdom system related to the constellation Gemini.

141. DK is in the process of decentralizing our thought, removing us not only from the human-centered position but from the geo-centric position.

Humanity is that evolution through which the Son aspect is to express itself most perfectly in this cosmic incarnation.

142. Given the present state of human turbulence, this is, perhaps, a surprising statement.

143. The soul ray of humanity will, however, one day be the second, and its personality ray, the fourth. Humanity is meant to be a 'love being' functioning through the quality of harmony.

của chúng ta hẳn chỉ là một hệ—một hệ *mặt trời*.

139. Cũng như các hệ hành tinh thực ra là những *dãy* khi so với Thái dương Thượng đế biểu lộ qua một hệ mặt trời, thì hệ mặt trời của chúng ta thực ra là một dãy bên trong hệ thống vũ trụ. Mỗi thực thể, theo quyền riêng của nó, có thể được xem là một hệ; khi chúng ta xét thực thể ấy trong tương quan với hệ lớn hơn bao hàm nó, chúng ta gọi nó là một dãy.

140. Chúng ta đang nghiên cứu tính nhị nguyên cốt yếu của Thái dương Thượng đế đặc thù của chúng ta và hệ thống của Ngài. Bất cứ nơi nào có biểu hiện, ở đó có nhị nguyên tính, nhưng trong hệ mặt trời của chúng ta, đặc biệt, yếu tố nhị nguyên là tối quan trọng vì đây là một hệ Bác Ái – Minh Triết liên hệ với chòm Song Tử.

141. Chân sư DK đang trong tiến trình phi tập trung vào bản thân tư tưởng của chúng ta, đưa chúng ta ra khỏi không chỉ lập trường lấy con người làm trung tâm mà còn cả lập trường địa tâm.

Nhân loại là sự tiến hoá mà qua đó phương diện Con sẽ biểu lộ chính nó một cách hoàn hảo nhất trong lần lâm phàm vũ trụ này.

142. Với tình trạng hỗn loạn hiện nay của nhân loại, đây có lẽ là một phát biểu đáng ngạc nhiên.

143. Tuy nhiên, một ngày kia cung linh hồn của nhân loại sẽ là cung hai, và cung phàm ngã của nó là cung bốn. Nhân loại được định là một "hữu thể bác ái" hoạt động qua phẩm tính hài hòa.

Man blends the pairs of opposites, and the three fires meet in him. He is the best expression of the manasic principle and might be considered, from one very interesting [Page 242] standpoint, the **chef-d'oeuvre of Brahma.**

Con người hòa trộn các cặp đối cực, và ba ngọn lửa gặp nhau trong y. Y là biểu hiện tốt nhất của nguyên khí manas và có thể được xem, từ một quan điểm rất thú vị [Page 242], là **kiệt tác của Brahma.**

144. The French term, *chef-d'oeuvre,* means, literally, "leading work": a masterpiece especially in art or literature

144. Thuật ngữ tiếng Pháp, *chef-d'oeuvre,* có nghĩa, theo nghĩa đen, là "tác phẩm hàng đầu": một kiệt tác, đặc biệt trong nghệ thuật hay văn chương

145. Man at his present stage of development is largely manasic. Man is meant, however, to carry the vibration of the Heart of the Sun, or the second aspect. The focus of the Monads of the Fourth Creative Hierarchy is the buddhic plane, promising for Man-the-Monad this fulfilment of the buddhic principle of love-wisdom.

145. Con người ở giai đoạn phát triển hiện nay phần lớn là manas. Tuy nhiên, con người được định để mang rung động của Trái Tim Mặt Trời, hay phương diện thứ hai. Tiêu điểm của các chân thần của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư là cõi Bồ đề, hứa hẹn cho Con Người-với-tư-cách-chân-thần sự hoàn thành nguyên khí Bồ đề của Bác Ái – Minh Triết này.

146. The present rays of humanity are the ray four soul and the ray five personality.

146. Các cung hiện nay của nhân loại là cung linh hồn bốn và cung phàm ngã năm.

147. We can see why man, with his fifth ray relating to Brahma's third ray, and his fourth ray relating to artistic perfection, could be considered Brahma's masterpiece.

147. Chúng ta có thể thấy vì sao con người, với cung năm của mình liên hệ với cung ba của Brahma, và cung bốn của mình liên hệ với sự hoàn hảo nghệ thuật, có thể được xem là kiệt tác của Brahma.

148. A Master of the Wisdom is one who has ascended to the peak of Brahmic creation. He is man, and thus the four, or member of the fourth kingdom, but He is also the five pointed star and thus the embodiment in a particular form of a fivefold Brahmic perfection. The number *five* is was the number of the previous or Brahmic solar system.

148. Một Chân sư Minh triết là Đấng đã vươn lên đến đỉnh cao của sáng tạo Brahmic. Ngài là con người, và do đó là số bốn, hay thành viên của giới thứ tư, nhưng Ngài cũng là ngôi sao năm cánh và do đó là hiện thân trong một hình tướng đặc thù của một sự hoàn hảo Brahmic ngũ phân. Con số *năm* là con số của hệ mặt trời trước hay hệ mặt trời Brahmic.

He is the sheath for the life of God; **he is the individualised consciousness of the Logos**,

Y là vỏ bọc cho sự sống của Thượng đế; **y là tâm thức biệt ngã hóa của Thượng đế**, biểu

manifesting through the seven divine Manasaputras, or Heavenly Men, in Whose bodies each unit of the human family finds place.

lộ qua bảy Manasaputra thiêng liêng, hay các Đấng Thiên Nhân, trong các thể của Các Ngài mỗi đơn vị của gia đình nhân loại đều tìm thấy chỗ đứng.

149. From a higher perspective, the individualized consciousness of man *is not his own* entirely. It is actually "the individualized consciousness of the Logos". Considered in this way, man's consciousness is an extension of solar logoic consciousness.

149. Từ một góc nhìn cao hơn, tâm thức biệt ngã hóa của con người *không hoàn toàn là của riêng y*. Thực ra nó là "tâm thức biệt ngã hóa của Thượng đế". Xét theo cách này, tâm thức của con người là một sự mở rộng của tâm thức thái dương logoic.

He is the Vishnu aspect in process of development through the intelligence of Brahma, impelled by the will of Mahadeva.

Y là phương diện Vishnu đang trong tiến trình phát triển qua trí tuệ của Brahma, được thúc đẩy bởi ý chí của Mahadeva.

150. This is a remarkable definition of "man". The name "man" accords closely with "manas", and so it is only natural for man to have a mental identification.

150. Đây là một định nghĩa đáng chú ý về "con người". Tên gọi "man" rất gần với "manas", và vì vậy việc con người có một sự đồng nhất hóa trí tuệ là điều hoàn toàn tự nhiên.

151. We learn, however, that man is even more essentially Vishnu than Brahma. Pondered upon, the loving destiny of humanity is clear. The human race is intended to reflect the second ray soul of planet Earth.

151. Tuy nhiên, chúng ta học được rằng con người còn cốt yếu là Vishnu hơn là Brahma. Nếu suy ngẫm, định mệnh đầy bác ái của nhân loại là rõ ràng. Nhân loại được định để phản ánh cung linh hồn hai của hành tinh Trái Đất.

152. Mahadeva (or Shiva) is always the aspect responsible for *impulsion*.

152. Mahadeva (hay Shiva) luôn luôn là phương diện chịu trách nhiệm về *sự thúc đẩy*.

Therefore, **in a peculiar sense man is very important, as he is the place of at-one-ment for all the three aspects; nevertheless, he is very unimportant for he is not the apex of the triangle, but simply the middle point,** if we view the triangle thus:

Vì vậy, **theo một ý nghĩa đặc biệt, con người rất quan trọng, vì y là nơi hợp nhất cho cả ba phương diện; tuy nhiên, y lại rất không quan trọng vì y không phải là đỉnh của tam giác, mà chỉ đơn giản là điểm ở giữa,** nếu chúng ta nhìn tam giác như sau:

Spirit-Father.

Tinh thần-Cha.

The Son or man.

Matter-Mother.

153. We are being given an idea of the true place of man in the scheme of things.

154. His importance stems from the fact that three divine aspects are united in him.

155. The term “at-one-ment” is associated with man, which is fitting, as man is intended to be a buddhic being, and the buddhic plane is also called the plane of at-one-ment.

156. DK offers the decentralizing comment, however, that “man is not the apex of the triangle, but simply the middle point”.

157. Man is, interestingly, the “Son”, and the Son is less important, in this delineation, than the Father (or even the Mother, it would seem).

158. When we are considering man in this light, we are considering him as a soul, just as the “Son” is considered as the soul of the Solar Logos.

159. Let us remember the five-pointed star from the diagram of the Divine Pleroma. The middle figure is associated with the five! The number *five*, so associated with man, gives him a middle position in the range of integers, or whole numbers.

160. Thus, man’s *fourness* gives him a middle position in the septenate, and his *fiveness*

Con hay con người.

Vật chất-Mẹ.

153. Chúng ta đang được trao cho một ý niệm về vị trí đích thực của con người trong hệ thống sự vật.

154. Tầm quan trọng của y phát sinh từ sự kiện rằng ba phương diện thiêng liêng được hợp nhất trong y.

155. Thuật ngữ “sự hợp nhất” được gắn với con người, điều này là thích đáng, vì con người được định là một hữu thể Bồ đề, và cõi Bồ đề cũng được gọi là cõi của sự hợp nhất.

156. Tuy nhiên, Chân sư DK đưa ra lời nhận xét mang tính phi tập trung vào bản thân rằng “con người không phải là đỉnh của tam giác, mà chỉ đơn giản là điểm ở giữa”.

157. Thật thú vị, con người là “Con”, và trong sự phác họa này, Con lại kém quan trọng hơn Cha (hay thậm chí cả Mẹ, dường như là vậy).

158. Khi chúng ta xét con người dưới ánh sáng này, chúng ta đang xét y như một linh hồn, cũng như “Con” được xem là linh hồn của Thái dương Thượng đế.

159. Chúng ta hãy nhớ đến ngôi sao năm cánh từ sơ đồ của Divine Pleroma. Hình ở giữa được liên kết với số năm! Con số *năm*, vốn gắn liền với con người như vậy, đem lại cho y một vị trí ở giữa trong dãy số nguyên, hay các số toàn phần.

160. Vì vậy, tính *bốn* của con người đem lại cho y một vị trí ở giữa trong bộ bảy, và tính

gives him a middle position in the usual series of integers.

năm của y đem lại cho y một vị trí ở giữa trong dãy số nguyên thông thường.

The evolution of the Son, or the cosmic incarnation of the Christ, is of immense importance in the plans of the Being greater than the solar Logos, HE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID.

Sự tiến hoá của Con, hay lần lâm phàm vũ trụ của Đức Christ, có tầm quan trọng vô cùng lớn trong các kế hoạch của Đấng lớn hơn Thái dương Thượng đế, Đấng Bất Khả Tư Nghị.

161. There are many Beings greater than our Logos. The Cosmic Logos is the Being *immediately greater* than our Logos and He, too, can be called "HE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID".

161. Có nhiều Đấng lớn hơn Thượng đế của chúng ta. Thượng đế Vũ trụ là Đấng *lớn hơn trực tiếp* so với Thượng đế của chúng ta và Ngài cũng có thể được gọi là "ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ".

162. The Being greater than "HE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID" is, however, the One we *usually* refer to as the One About Whom Naught May Be Said, and is a 'Super-Cosmic Logos'.

162. Tuy nhiên, Đấng lớn hơn "ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ" lại là Đấng mà chúng ta *thường* gọi là Đấng Bất Khả Tư Nghị, và là một 'Thượng đế Siêu Vũ Trụ'.

163. In whose plans is the cosmic incarnation of the Christ of such immense importance?

163. Trong các kế hoạch của Đấng nào mà lần lâm phàm vũ trụ của Đức Christ lại có tầm quan trọng vô cùng lớn như vậy?

164. Since our Solar Logos is the embodiment particularly of the second aspect of divinity, the aspect associated with the "Son", one would be tempted to say that the Being here discussed is the Cosmic Logos informing the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

164. Vì Thái dương Thượng đế của chúng ta là hiện thân đặc biệt của phương diện thứ hai của thiên tính, phương diện gắn với "Con", người ta sẽ có khuynh hướng nói rằng Đấng đang được bàn đến ở đây là Thượng đế Vũ trụ đang phú linh cho Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một trong đó.

165. What is said here points to the importance of our solar system of love in the plans of a certain great and inclusive Being.

165. Điều được nói ở đây chỉ ra tầm quan trọng của hệ mặt trời bác ái của chúng ta trong các kế hoạch của một Đấng vĩ đại và bao gồm nào đó.

166. This relative importance of our Solar Logos parallels the importance of our apparently unimportant little planet, Earth, and also the importance of man. All of them, in this solar system at least, are to be

166. Tầm quan trọng tương đối này của Thái dương Thượng đế của chúng ta song hành với tầm quan trọng của hành tinh nhỏ bé có vẻ không quan trọng của chúng ta là Trái Đất, và cả tầm quan trọng của con người. Tất

expressions of the second Ray of Love-Wisdom.

cả những điều ấy, ít nhất trong hệ mặt trời này, đều sẽ là những biểu hiện của cung hai Bác Ái – Minh Triết.

The **animating principles** of allied constellations and systems watch the progress of the evolution of the Son with keenest attention.

Các **nguyên khí hoạt hóa** của các chòm sao và các hệ có liên hệ theo dõi tiến trình tiến hoá của Con với sự chú tâm mãnh liệt nhất.

167. We are being given a vast picture. There are allied *constellations* within the sphere of the One About Whom Naught May Be Said and allied solar *systems* within the sphere of the One Who has just been called "Him of Whom Naught May Be Said"—the *local* Cosmic Logos.

167. Chúng ta đang được trao cho một bức tranh bao la. Có những *chòm sao* liên hệ bên trong phạm vi của Đấng Bất Khả Tư Nghị và những *hệ* mặt trời liên hệ bên trong phạm vi của Đấng vừa được gọi là "Đấng Bất Khả Tư Nghị"—Thượng đế Vũ trụ *cục bộ*.

168. The "animating principles" are sentient Beings of vast power and scope, each responsible for the manifestation of a system or constellation.

168. Các "nguyên khí hoạt hóa" là những Hữu thể hữu cảm có quyền năng và tầm mức bao la, mỗi vị chịu trách nhiệm cho sự biểu hiện của một hệ hay một chòm sao.

169. It may be that within constellations other than our own (our own constellation being the Seven Solar Systems of Which Ours is One) there are animating principles of systems who are especially watchful of the progress within our solar system.

169. Có thể là bên trong những chòm sao khác với chòm sao của chúng ta (chòm sao của chúng ta là Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một trong đó), có những nguyên khí hoạt hóa của các hệ đặc biệt chăm chú theo dõi tiến trình bên trong hệ mặt trời của chúng ta.

170. We are here dealing with what we might call 'macrocosmic group consciousness'.

170. Ở đây chúng ta đang bàn đến điều mà chúng ta có thể gọi là 'tâm thức nhóm đại thiên địa'.

171. Among the watchful animating principles of systems intimately allied to our own might be included the Logoi of Sirius, Alpha Centauri, Procyon and others whose names are more debatable.

171. Trong số các nguyên khí hoạt hóa đang theo dõi của những hệ liên kết mật thiết với hệ của chúng ta có thể kể đến các Thượng đế của Sirius, Alpha Centauri, Procyon và những vị khác mà tên gọi còn gây tranh luận nhiều hơn.

172. Among the watchful animating principles of allied constellations might be

172. Trong số các nguyên khí tiếp sinh lực tỉnh thức của những chòm sao liên kết có thể

included the Constellational Logoi of the Seven Solar Systems of Which Ours is One, of Draco, the Great Bear, the Little Bear, the Pleiades, the Centaur, the Southern Cross, etc. Their main attention, it would seem would be directed to the progress of that Entity who is the Principle of Animation for the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

kể đến các Thượng đế Chòm Sao của Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một, của Draco, Đại Hùng Tinh, Tiểu Hùng Tinh, Pleiades, Centaur, Nam Thập Tự, v.v. Dường như sự chú ý chính của Các Ngài hướng đến sự tiến bộ của Thực Thể là Nguyên Khí Tiếp Sinh Lực cho Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một.

173. Our Solar Logos, expressing presently as the "Son", is in the process of that type of evolution which is intended to bring the Cosmic Christ into fuller manifestation. In His local cosmic environment, He is closely observed.

173. Thái dương Thượng đế của chúng ta, hiện đang biểu lộ như "Con", đang ở trong tiến trình của loại tiến hoá nhằm đưa Đức Christ Vũ Trụ đến sự biểu hiện đầy đủ hơn. Trong môi trường vũ trụ cục bộ của Ngài, Ngài được quan sát rất chặt chẽ.

174. We do see that all, on their own level, and according to their own scale, struggle to become what they are intended to be.

174. Chúng ta quả thật thấy rằng tất cả, trên cấp độ riêng của mình và theo thang đo riêng của mình, đều nỗ lực để trở thành điều mà mình được dự định phải là.

Just as the planet called the earth is regarded as the turning point or the battle-ground between Spirit and matter, and is therefore, from that very consideration, of great importance, **so our solar system holds an analogous place in the cosmic scheme.**

Cũng như hành tinh gọi là Trái Đất được xem là điểm xoay chuyển hay chiến trường giữa tinh thần và vật chất, và vì thế, chính do sự xét đoán ấy, có tầm quan trọng lớn lao, **thì hệ mặt trời của chúng ta cũng giữ một vị trí tương tự trong hệ thống vũ trụ.**

175. We are given an understanding of the critical position in which our Solar Logos 'stands'—just as critical, on His own level, as the position of our Planetary Logos or the position of the human kingdom.

175. Chúng ta được ban cho một sự thấu hiểu về vị trí trọng yếu mà Thái dương Thượng đế của chúng ta "đứng" trong đó—trọng yếu trên cấp độ của riêng Ngài cũng như vị trí của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta hay vị trí của giới nhân loại.

176. The issue is not decided regarding the success of any of these three (Grand Heavenly Man, Heavenly Man, Man) and the struggle is on.

176. Vấn đề về sự thành công của bất kỳ một trong ba thực thể này (Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại, Đấng Thiên Nhân, Con Người) vẫn chưa được quyết định, và cuộc đấu tranh vẫn đang tiếp diễn.

177. We often speak of planetary schemes. In the teaching there is at least one reference to the "solar scheme" (TCF 259). In this section the term "cosmic scheme" is used more than once.

177. Chúng ta thường nói về các hệ hành tinh. Trong giáo huấn có ít nhất một chỗ nhắc đến "hệ mặt trời" (TCF 259). Trong phần này, thuật ngữ "hệ thống vũ trụ" được dùng hơn một lần.

178. It is as if our solar system is but a *solar chain* in a greater cosmic scheme. It is as if the greater cosmic scheme (that of the Seven Solar Systems of Which Ours is One) is but a *cosmic chain* in a still greater and super-cosmic scheme.

178. Dường như hệ mặt trời của chúng ta chỉ là một *dãy mặt trời* trong một hệ thống vũ trụ lớn hơn. Dường như hệ thống vũ trụ lớn hơn ấy (hệ của Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một) chỉ là một *dãy vũ trụ* trong một hệ thống còn lớn hơn nữa và siêu vũ trụ.

179. Cosmically considered, our solar system is to be considered a turning point in the battle between Spirit and matter.

179. Xét theo vũ trụ, hệ mặt trời của chúng ta phải được xem là một điểm xoay chuyển trong cuộc chiến giữa tinh thần và vật chất.

180. When, in relation to humanity, this turning point was reached in the Atlantean civilization, we had the great Atlantean War of which the Battle of Kurukshetra is a reminder—both literal and symbolic.

180. Khi, trong liên hệ với nhân loại, điểm xoay chuyển này đạt đến trong nền văn minh Atlantis, chúng ta đã có Đại Chiến Atlantis mà Trận Kurukshetra là một sự gợi nhớ—vừa theo nghĩa đen vừa theo nghĩa biểu tượng.

181. The planet Earth is going through its own Kurukshetra, and now we learn that this is true of our Solar Logos as well.

181. Hành tinh Trái Đất đang trải qua Kurukshetra của chính mình, và giờ đây chúng ta biết rằng điều này cũng đúng đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta.

182. All of these type of "men" (human, planetary, systemic) must necessarily be characterized by the number *four.* Humanity is the fourth kingdom. Planet Earth is the *fourth* from the Sun and its symbol is the fourfold cross within the circle; and our Solar Logos is a heart center within the Logos of the Seven Solar Systems of Which Ours is One. The heart center is the fourth chakra. The Atlantean War took place, naturally, during the *fourth* or Atlantean rootrace, and, it is reasonably conjectured by

182. Tất cả các loại "con người" này (nhân loại, hành tinh, hệ thống) nhất thiết phải được đặc trưng bởi con số *bốn.* Nhân loại là giới thứ tư. Hành tinh Trái Đất là hành tinh *thứ tư* tính từ Mặt Trời và biểu tượng của nó là thập giá tứ phân trong vòng tròn; và Thái dương Thượng đế của chúng ta là một trung tâm tim trong Thượng đế của Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một. Trung tâm tim là luân xa thứ tư. Đại Chiến Atlantis diễn ra, một cách tự nhiên, trong giống dân gốc *thứ tư* hay Atlantis, và theo suy đoán hợp lý của nhà sử học huyền bí Phillip Lindsay, là

the occult historian Phillip Lindsay, in the fourth subrace of that rootrace.

183. We see the close analogy between all these types of entities and why, using the fourth ray or 'Ray of Analogy' it is natural for Master DK to draw comparisons between them.

184. In the midst of all this struggle, we can see that the human kingdom has a responsibility—not only for the outcome of the struggle through which our Planetary Logos is passing—but, in some small measure, for the outcome of the Solar Logos' struggle.

The **cosmic man, the solar Arjuna**, is wrestling for His **individualised perfected self-consciousness**, and for freedom and liberation from the form, and from the not-self.

185. This is another way of defining the great solar struggle.

186. Our Solar Logos is called "the solar Arjuna". One wonders what the analogy to rootraces might be on the planetary and solar levels. If there are such structures, it would seem that our Solar Logos is in the *fourth* such division. Are there, as it were, 'rootraces' of Heavenly Men?

187. Several terms are equivalent: Grand Heavenly Man, Cosmic Man, the Solar Arjuna.

188. Really, the Solar Arjuna refers to our Solar Logos considered as a *disciple*. In His

trong giống dân phụ thứ tư của giống dân gốc ấy.

183. Chúng ta thấy sự tương đồng chặt chẽ giữa tất cả các loại thực thể này và lý do vì sao, khi dùng cung bốn hay "Cung của sự tương đồng", Chân sư DK tự nhiên rút ra những so sánh giữa chúng.

184. Giữa toàn bộ cuộc đấu tranh này, chúng ta có thể thấy rằng giới nhân loại có một trách nhiệm—không chỉ đối với kết quả của cuộc đấu tranh mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang trải qua—mà còn, trong một mức độ nhỏ nào đó, đối với kết quả của cuộc đấu tranh của Thái dương Thượng đế.

Con người vũ trụ, Arjuna thái dương, đang vật lộn để đạt tới **ngã thức hoàn thiện đã được biệt ngã hóa** của Ngài, và để đạt tự do cùng giải thoát khỏi hình tướng, và khỏi phi-ngã.

185. Đây là một cách khác để định nghĩa cuộc đấu tranh thái dương vĩ đại.

186. Thái dương Thượng đế của chúng ta được gọi là "Arjuna thái dương". Người ta tự hỏi sự tương đồng với các giống dân gốc có thể là gì trên các cấp độ hành tinh và thái dương. Nếu có những cấu trúc như thế, dường như Thái dương Thượng đế của chúng ta đang ở trong phân bộ *thứ tư* như vậy. Có phải, theo một nghĩa nào đó, có những 'giống dân gốc' của các Đấng Thiên Nhân chăng?

187. Một số thuật ngữ là tương đương: Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại, Con Người Vũ Trụ, Arjuna thái dương.

188. Thật ra, Arjuna thái dương chỉ Thái dương Thượng đế của chúng ta khi được xét

soul nature He probably does not wrestle, just as man, as a soul, is above the fray. But as a soul-in-incarnation (a disciple), He indeed wrestles.

như một *đệ tử*. Trong bản chất linh hồn của Ngài, có lẽ Ngài không vật lộn, cũng như con người, với tư cách linh hồn, ở trên cuộc xung đột. Nhưng với tư cách một linh hồn đang nhập thể (một đệ tử), quả thật Ngài có vật lộn.

189. Another name for this Solar Arjuna could be Agni—for Agni is, in a way, the personality of the Solar Logos and is focussed on the eighteen cosmic subplanes.

189. Một tên gọi khác cho Arjuna thái dương này có thể là Agni—vì Agni, theo một nghĩa nào đó, là phàm ngã của Thái dương Thượng đế và được tập trung trên mười tám cõi phụ vũ trụ.

190. It is as if our Solar Logos is but a kind of aspirant or probationary disciple in the cosmic scheme of things. We also know He is a member of a cosmic quaternary and it not yet found within the corresponding cosmic triad.

190. Dường như Thái dương Thượng đế của chúng ta chỉ là một loại người chí nguyện hay đệ tử dự bị trong hệ thống vũ trụ của vạn vật. Chúng ta cũng biết rằng Ngài là một thành viên của một bộ bốn vũ trụ và vẫn chưa được tìm thấy trong tam nguyên tinh thần vũ trụ tương ứng.

191. Following the process of analogy we might ask, "is our Solar Logos yet an accepted disciple, and if so, of Whom?"

191. Theo tiến trình của sự tương đồng, chúng ta có thể hỏi: "Thái dương Thượng đế của chúng ta đã là một đệ tử được chấp nhận chưa, và nếu rồi, thì của Đấng nào?"

192. Would "individualised perfected self-consciousness" signify the third initiation. We are told (TCF 384) that the third cosmic initiation is the goal of the Solar Logos.

192. Liệu "ngã thức hoàn thiện đã được biệt ngã hóa" có hàm ý lần điểm đạo thứ ba chăng. Chúng ta được cho biết (TCF 384) rằng lần điểm đạo vũ trụ thứ ba là mục tiêu của Thái dương Thượng đế.

So man on this planet battles for similar ideals on his tiny scale;

Vì vậy con người trên hành tinh này chiến đấu cho những lý tưởng tương tự trên quy mô nhỏ bé của y;

193. We have the inference, then, that the Solar Logos is battling for certain cosmic ideals.

193. Khi ấy, chúng ta có thể suy ra rằng Thái dương Thượng đế đang chiến đấu cho những lý tưởng vũ trụ nào đó.

so battle in heaven Michael and His Angels, or the divine Heavenly Men, Whose problem is the same on the higher scale.

thì Michael và các Thiên Thần của Ngài, hay các Đấng Thiên Nhân thiêng liêng, cũng chiến đấu trên thiên giới, mà vấn đề

của Các Ngài cũng là như thế trên thang cao hơn.

194. Here the Tibetan's terminology turns Biblical. It is clear however that "Michael and His Angels" are, from this perspective, the Planetary Logoi of our solar system.

194. Ở đây thuật ngữ của Chân sư Tây Tạng chuyển sang Kinh Thánh. Tuy nhiên rõ ràng rằng "Michael và các Thiên Thần của Ngài", từ góc nhìn này, là các Hành Tinh Thượng Đế của hệ mặt trời chúng ta.

195. If Michael and His Angels hold place within a solar system in which struggle is the rule, They, too, must be struggling, even though among them, few struggle as does the Logos of Planet Earth.

195. Nếu Michael và các Thiên Thần của Ngài giữ vị trí trong một hệ mặt trời mà đấu tranh là quy luật, thì Các Ngài cũng phải đang đấu tranh, dù trong số Các Ngài, ít vị đấu tranh như Thượng đế của Hành tinh Trái Đất.

196. We are assuming the term "divine Heavenly Men" means Planetary Logoi.

196. Chúng ta đang giả định rằng thuật ngữ "các Đấng Thiên Nhân thiêng liêng" có nghĩa là các Hành Tinh Thượng Đế.

197. The term "Michael" in this context could be open to expansion. "Michael and His Angels" could be the Solar Logos and His Planetary Logoi (His Angels). And the battle in the heavens would be for soul consciousness in our solar system.

197. Thuật ngữ "Michael" trong ngữ cảnh này có thể được mở rộng. "Michael và các Thiên Thần của Ngài" có thể là Thái dương Thượng đế và các Hành Tinh Thượng Đế của Ngài (các Thiên Thần của Ngài). Và trận chiến trên thiên giới sẽ là vì tâm thức linh hồn trong hệ mặt trời của chúng ta.

198. If we expand the concept to include a 'Cosmic St. Michael', we could conceive of the four cosmic Archangels as the four members of the cosmic quaternary of which our Solar Logos is one member. We are told that He holds place within such a quaternary.

198. Nếu chúng ta mở rộng khái niệm để bao gồm một 'Thánh Michael Vũ Trụ', chúng ta có thể hình dung bốn Tổng Thiên Thần vũ trụ là bốn thành viên của bộ bốn vũ trụ mà Thái dương Thượng đế của chúng ta là một thành viên. Chúng ta được cho biết rằng Ngài giữ vị trí trong một bộ bốn như thế.

199. Going with this idea, we would see our Solar Logos fighting with the Dragon—who is His personality. Michael fights His own unspiritualized nature, and St. George fights the Dragon. Michael and St. George are similar.

199. Theo ý tưởng này, chúng ta sẽ thấy Thái dương Thượng đế của chúng ta chiến đấu với Con Rồng—là phàm ngã của Ngài. Michael chiến đấu với bản chất chưa được tinh thần hóa của chính Ngài, và Thánh George chiến đấu với Con Rồng. Michael và Thánh George là tương tự nhau.

200. The conquest will be achieved in this Solar System. Why? Because the Solar Logos will achieve the fourth or fifth initiation in this Solar System. Thus far, our Logos has not yet achieved the third.

200. Sự chinh phục sẽ đạt được trong Hệ Mặt Trời này. Tại sao? Bởi vì Thái dương Thượng đế sẽ đạt lần điểm đạo thứ tư hoặc lần điểm đạo thứ năm trong Hệ Mặt Trời này. Cho đến nay, Thượng đế của chúng ta vẫn chưa đạt lần điểm đạo thứ ba.

Duality, and the interplay between the two produces:

Nhị nguyên tính, và sự tương tác giữa hai cực tạo ra:

201. "The two" are Spirit and Matter.

201. "Hai cực" là tinh thần và vật chất.

[Page 243]

[Page 243]

a. Objectivity, or the manifested Son or Sun.

a. Tính khách quan, hay Con hoặc Mặt Trời biểu hiện.

202. Here the "Son" and "Sun" are given equivalence.

202. Ở đây "Con" và "Mặt Trời" được xem là tương đương.

b. Evolution itself.

b. Chính tiến hoá.

203. Here evolution means the tendency toward merging, fusion and union.

203. Ở đây tiến hoá có nghĩa là khuynh hướng hướng tới sự hòa nhập, dung hợp và hợp nhất.

c. The development of quality.

c. Sự phát triển của phẩm tính.

204. Quality is associated with the second aspect of divinity.

204. Phẩm tính gắn liền với phương diện thứ hai của thiên tính.

d. Time and space.

d. Thời gian và không gian.

205. Without the appearance of the Son or "Form-Builder", time and space would not appear. Time and space are related to form. They are not related to the abstractions, Spirit and Matter.

205. Nếu không có sự xuất hiện của Con hay "Đấng Kiến Tạo Hình Tướng", thời gian và không gian sẽ không xuất hiện. Thời gian và không gian liên hệ với hình tướng. Chúng không liên hệ với những trừu tượng tính là tinh thần và vật chất.

206. If and when Spirit wins the struggle then time and space consciousness disappear.

206. Nếu và khi tinh thần thắng trong cuộc đấu tranh thì tâm thức về thời gian và không gian biến mất.

207. VSK Queries: "Have we had development of quality referred to explicitly before? What is quality, especially in a co-measured context of 'objectivity', 'evolution', and time and space?"

207. VSK hỏi: "Trước đây chúng ta đã từng được nói rõ về sự phát triển của phẩm tính chưa? Phẩm tính là gì, đặc biệt trong một ngữ cảnh được đo cùng với 'tính khách quan', 'tiến hoá', và thời gian cùng không gian?"

208. May we suggest that *quality* always relates to the nature of the energy which patterns form?

208. Chúng tôi xin gợi ý rằng *phẩm tính* luôn liên hệ với bản chất của năng lượng tạo mô hình cho hình tướng chăng?

The questions we are now engaged in answering embody certain fundamental aspects of manifestation, viewed principally from the subjective or psychic angle.

Những câu hỏi mà hiện nay chúng ta đang tham gia trả lời bao hàm một số phương diện căn bản của sự biểu hiện, được nhìn chủ yếu từ góc độ chủ quan hay thông linh.

209. VSK queries: "What must we change in our thinking or perspective to ensure now that we view the following questions from the subjective or psychic angle? How are these qualitatively, different than those questions which have gone before?"

209. VSK hỏi: "Chúng ta phải thay đổi điều gì trong tư duy hay quan điểm của mình để bảo đảm rằng giờ đây chúng ta nhìn các câu hỏi sau từ góc độ chủ quan hay thông linh? Về phẩm tính, chúng khác với những câu hỏi đã đi trước như thế nào?"

210. May we suggest that soul and psyche are equivalent? We are examining all these questions from the perspective of the middle principle, and in relation to the Fire of Mind (solar fire, the second fire).

210. Chúng tôi xin gợi ý rằng linh hồn và psyche là tương đương? Chúng ta đang khảo sát tất cả những câu hỏi này từ góc nhìn của nguyên khí trung gian, và trong liên hệ với lửa của trí tuệ (lửa thái dương, ngọn lửa thứ hai).

211. Our concern is no longer strictly concerned with the matter aspect as it was during the beginning of the book.

211. Mối quan tâm của chúng ta không còn hoàn toàn chỉ liên quan đến phương diện vật chất như ở phần đầu của quyển sách nữa.

IV. WHAT IS CONSCIOUSNESS? WHAT IS ITS PLACE IN THE SCHEME OF THINGS?

Consciousness might be defined as the **faculty of apprehension,** and concerns primarily the relation of the Self to the not-self, of the Knower to the Known, and of the Thinker to that which is thought about.

212. Consciousness is a term difficult to define.

213. Of what is consciousness a "faculty". I think we should say that it is a faculty of the essential Identity—really a faculty which is an extension of *being.*

214. When we use a term like "apprehension", it suggests a 'reaching forth' and a 'taking in', a 'grasping'.

215. Does consciousness exist when the realization arises that there is no not-Self? In such cases, thinkers speak of "consciousness without at object".

216. Is there an interface in which that which we normally call *consciousness* merges into that which we understand as *being*? I think so. I think that a maximally intensified *consciousness* becomes the experience of *being.*

217. The factor of consciousness is always dependent upon the factor of *relation.* The existence of relation, however, depends upon the existence of a 'this' and a 'that'. When this distinction is overcome, then consciousness (at least as we know it)

IV. TÂM THỨC LÀ GÌ? VỊ TRÍ CỦA NÓ TRONG HỆ THỐNG VẠN VẬT LÀ GÌ?

Tâm thức có thể được định nghĩa là **năng lực lĩnh hội,** và chủ yếu liên quan đến mối tương quan của Bản Ngã Cao Siêu với phi-ngã, của thức giả với điều được biết, và của tư tưởng gia với điều được suy tưởng đến.

212. Tâm thức là một thuật ngữ khó định nghĩa.

213. Tâm thức là một "năng lực" của cái gì? Tôi nghĩ chúng ta nên nói rằng đó là một năng lực của Bản Sắc cốt yếu—thật ra là một năng lực vốn là sự mở rộng của *bản thể.*

214. Khi chúng ta dùng một thuật ngữ như "lĩnh hội", nó gợi ý một sự 'vươn ra' và một sự 'tiếp nhận', một sự 'nắm bắt'.

215. Tâm thức có tồn tại khi sự chứng nghiệm phát sinh rằng không có phi-ngã chăng? Trong những trường hợp như thế, các nhà tư tưởng nói đến "tâm thức không có đối tượng".

216. Có một giao diện trong đó điều mà chúng ta thường gọi là *tâm thức* hòa nhập vào điều mà chúng ta hiểu là *bản thể* chăng? Tôi nghĩ là có. Tôi nghĩ rằng một *tâm thức* được tăng cường đến mức tối đa sẽ trở thành kinh nghiệm về *bản thể.*

217. Yếu tố tâm thức luôn phụ thuộc vào yếu tố *tương quan.* Tuy nhiên, sự hiện hữu của tương quan lại phụ thuộc vào sự hiện hữu của một 'cái này' và một 'cái kia'. Khi sự phân biệt này được vượt qua, thì tâm thức (ít nhất

evaporates and becomes something else—identification, perhaps.

như chúng ta biết) tan biến và trở thành một cái gì khác—có lẽ là sự đồng hoá.

All these definitions involve the acceptance of the idea of duality, of that which is objective and of that which lies back of objectivity.[99]

Tất cả những định nghĩa này đều bao hàm việc chấp nhận ý tưởng về nhị nguyên tính, về điều khách quan và về điều nằm phía sau tính khách quan.99

218. VSK suggests: "in other words, the faculty of apprehension is the acceptance of the 'idea' of duality, specifically regarding:

218. VSK gợi ý: "nói cách khác, năng lực lĩnh hội là sự chấp nhận 'ý tưởng' về nhị nguyên tính, cụ thể liên quan đến:

a. Self to not-self

a. Bản Ngã Cao Siêu với phi-ngã

b. Knower to the Known

b. thức giả với điều được biết

c. Thinker to that which is thought about."

c. tư tưởng gia với điều được suy tưởng đến."

219. The meaning of the term "objectivity" is certainly variable and flexible. To denote something as "objective" depends upon the *position* of the viewer.

219. Ý nghĩa của thuật ngữ "tính khách quan" chắc chắn là biến đổi và linh hoạt. Việc gọi một điều gì đó là "khách quan" phụ thuộc vào *vị trí* của người quan sát.

Footnote [99]:

Chú thích 99:

"Consciousness is the kosmic seed of superkosmic omniscience. It has the potentiality of budding into divine consciousness."—S. D., III, 555.

"Tâm thức là hạt giống vũ trụ của toàn tri siêu vũ trụ. Nó có tiềm năng nảy chồi thành tâm thức thiêng liêng."—S. D., III, 555.

220. For students of esotericism, this is almost an article of faith.

220. Đối với các đạo sinh của huyền bí học, điều này gần như là một tín điều.

221. What really is "omniscience"? Can a human being ever possess it? It is unlikely, as even a Solar Logos is as a crystal when compared to some far greater Beings, who, themselves, must be as tiny units to still greater beings.

221. Thật sự "toàn tri" là gì? Một con người có bao giờ sở hữu nó được không? Điều đó khó có thể xảy ra, vì ngay cả một Thái dương Thượng đế cũng như một tinh thể khi so với một số Đấng lớn lao hơn rất nhiều, mà chính các Đấng ấy lại hẳn cũng chỉ như những đơn vị bé nhỏ đối với những đấng còn vĩ đại hơn nữa.

222. The term “omniscience” is relative and depends upon what we consider to be the *whole.*

The universe is an aggregate of states of consciousness. —S. D., II, 633.

223. This seems a reasonable statement. States of consciousness are relative. Can we say that ‘states of *being*’ are relative, or is the raw fact of existence, ‘isness’ or “being” *shared in the same measure* by anything that exists?

Consciousness may be roughly divided into:

1. Absolute or God Consciousness Unmanifested Logos.

"I am That I am."

2. Universal/Group Consciousness Manifested Logos. Consciousness of planetary Logos.

"I am That."

3. Individual or Self-Consciousness Human consciousness.

"I am."

4. Atomic Consciousness Sub-human consciousness.

224. In this tabulation we are still dealing with relativity. It is likely that the kind of consciousness here referenced goes no further than our Solar Logos.

222. Thuật ngữ “toàn tri” là tương đối và phụ thuộc vào điều mà chúng ta xem là *toàn thể.*

Vũ trụ là một tập hợp các trạng thái tâm thức. —S. D., II, 633.

223. Đây dường như là một phát biểu hợp lý. Các trạng thái tâm thức là tương đối. Chúng ta có thể nói rằng các trạng thái của *bản thể* là tương đối chăng, hay sự kiện trần trụi của hiện hữu, ‘tính là’ hay “bản thể” được *chia sẻ trong cùng một mức độ* bởi bất cứ điều gì đang tồn tại?

Tâm thức có thể được phân chia đại khái thành:

1. Tâm thức tuyệt đối hay Tâm thức Thượng đế Thượng đế không biểu hiện.

“Ta là Cái Ta là.”

2. Tâm thức phổ quát/nhóm Thượng đế biểu hiện. Tâm thức của Hành Tinh Thượng Đế.

“Ta là Cái Đó.”

3. Tâm thức cá nhân hay ngã thức Tâm thức con người.

“Ta là.”

4. Tâm thức nguyên tử Tâm thức dưới nhân loại.

224. Trong bảng liệt kê này, chúng ta vẫn đang xử lý tính tương đối. Có lẽ loại tâm thức được nói đến ở đây không vượt xa hơn Thái dương Thượng đế của chúng ta.

225. Yet, this tabulation could have a universal extension; in other words, it *could* (with some adaptation) refer the to the entirety of the Universe

225. Tuy nhiên, bảng liệt kê này có thể có một sự mở rộng phổ quát; nói cách khác, nó *có thể* (với một vài điều chỉnh) quy chiếu đến toàn thể Vũ Trụ.

226. VSK queries: "Is point one above referring to the Solar Logos, in this sequence; if not, where is He?"

226. VSK hỏi: "Điểm một ở trên trong chuỗi này có chỉ Thái dương Thượng đế không; nếu không, Ngài ở đâu?"

227. Indeed, it seems that in this tabulation, point one does refer to the Solar Logos.

227. Quả thật, dường như trong bảng liệt kê này, điểm một quả có chỉ Thái dương Thượng đế.

The goal of consciousness for:

Mục tiêu của tâm thức đối với:

1. A planetary Logos Absolute consciousness.

1. Một Hành Tinh Thượng Đế Tâm thức tuyệt đối.

228. We see that "absolute consciousness" in this context means the consciousness of the Solar Logos. We see that the term "absolute", therefore, is very relative.

228. Chúng ta thấy rằng "tâm thức tuyệt đối" trong ngữ cảnh này có nghĩa là tâm thức của Thái dương Thượng đế. Vì vậy, chúng ta thấy thuật ngữ "tuyệt đối" là rất tương đối.

2. Man Group consciousness.

2. Con người Tâm thức nhóm.

229. Group consciousness is the consciousness of the Planetary Logos.

229. Tâm thức nhóm là tâm thức của Hành Tinh Thượng Đế.

3. Atom Self-consciousness.

3. Nguyên tử Ngã thức.

230. Does the tiny unit of matter become self-conscious, or do aggregations of units of matter become, *together*, self-conscious? The latter would seem, more reasonably, to be the case.

230. Đơn vị vật chất nhỏ bé có trở nên tự ý thức không, hay những tập hợp các đơn vị vật chất trở nên, *cùng nhau*, tự ý thức? Trường hợp sau dường như hợp lý hơn.

The Logos is the Macrocosm for Man. —S. D., I, 288, 295.

Thượng đế là Đại thiên địa đối với Con Người. —S. D., I, 288, 295.

231. It is generally understood that the Solar Logos is the "Macrocosm for Man". The Planetary Logos, while a great being, is not usually given this distinction.

231. Người ta thường hiểu rằng Thái dương Thượng đế là "Đại thiên địa đối với Con Người". Hành Tinh Thượng Đế, dù là một Đấng vĩ đại, thường không được trao cho sự phân biệt này.

Man is the Macrocosm for the Atom.

Con Người là Đại thiên địa đối với Nguyên tử.

232. Is the scale accurate? In other words, is an atom to a man, as a man is to a Solar Logos? I think man is a structure greater in relation to the SL than an atom is in relation man. This is because man is a "cell" to a Planetary Logos. The difference between a Planetary Logos and a Solar Logos is great but not that great. The difference between a cell and an atom is huge.

232. Tỉ lệ này có chính xác không? Nói cách khác, nguyên tử đối với con người có như con người đối với một Thái dương Thượng đế không? Tôi nghĩ con người là một cấu trúc lớn hơn trong tương quan với Thái dương Thượng đế so với nguyên tử trong tương quan với con người. Điều này là vì con người là một "tế bào" đối với một Hành Tinh Thượng Đế. Sự khác biệt giữa một Hành Tinh Thượng Đế và một Thái dương Thượng đế là lớn nhưng không lớn đến thế. Sự khác biệt giữa một tế bào và một nguyên tử thì vô cùng lớn.

Summation: The Life and the Lives. —S. D., I, 281, 282.

Tóm lược: Sự sống và các sự sống. —S. D., I, 281, 282.

Consciousness expresses that which might be regarded as the middle point in manifestation. It does not involve entirely the pole of Spirit.

Tâm thức biểu lộ điều có thể được xem là điểm trung gian trong sự biểu hiện. Nó không hoàn toàn bao hàm cực tinh thần.

233. Yet consciousness may be *aware* of the pole of Spirit, just as of the pole of Matter/matter.

233. Tuy nhiên tâm thức có thể *nhận biết* cực tinh thần, cũng như cực Vật chất/vật chất.

It is produced by the union of the two poles, and the process of interplay and of adaptation that necessarily ensues.

Nó được tạo ra bởi sự hợp nhất của hai cực, và tiến trình tương tác cùng thích ứng tất yếu tiếp theo sau đó.

234. We are reading word symbols which describe a most intricate process entirely beyond the possibility of human

234. Chúng ta đang đọc những biểu tượng bằng từ ngữ mô tả một tiến trình cực kỳ phức tạp hoàn toàn vượt ngoài khả năng

apprehension. For the time being, however, this is the best we can do.

lĩnh hội của con người. Tuy nhiên, vào lúc này, đây là điều tốt nhất chúng ta có thể làm.

It might be tabulated as follows, in an effort to clarify by visualisation:

Có thể lập bảng như sau, nhằm làm sáng tỏ bằng sự hình dung:

[Page 244]

[Page 244]

First Pole	The Point of Union	Second Pole
First Logos	Second Logos	Third Logos.
Mahadeva	Vishnu	Brahma.
Will	Wisdom-Love	Active Intelligence.
Spirit	Consciousness	Matter.
Father	Son	Mother.
Monad	Ego	Personality.
The Self	The relation between	The Not-Self.
The Knower	Knowledge	The Known.
Life	Realisation	Form.

Cực thứ nhất	Điểm hợp nhất	Cực thứ hai
Thượng đế thứ nhất	Thượng đế thứ hai	Thượng đế thứ ba.
Mahadeva	Vishnu	Brahma.
Ý chí	Minh triết-Bác ái	Trí Tuệ Hoạt Động.
Tinh thần	Tâm thức	Vật chất.
Cha	Con	Mẹ.
Chân thần	Chân ngã	Phàm ngã.
Bản Ngã	Mối tương quan giữa	Phi-ngã.
Thức giả	Tri thức	Điều được biết.
Sự sống	Chứng nghiệm	Hình tướng.

235. These are some of the foremost triplicities involving the basic 'Trinity of Life'. Students should be familiar with them.

235. Đây là một số bộ ba nổi bật nhất liên quan đến "Tam Vị của Sự sống" căn bản. Các đạo sinh nên quen thuộc với chúng.

236. Some unusual entries are found. Between Will and Active Intelligence a term called "Wisdom-Love" is to be found. This suggests that Wisdom is closer to Will and Love closer to Active Intelligence.

236. Có một số mục bất thường được tìm thấy. Giữa Ý chí và Trí Tuệ Hoạt Động có một thuật ngữ gọi là "Minh triết-Bác ái". Điều này gợi ý rằng Minh triết gần với Ý chí hơn và Bác ái gần với Trí Tuệ Hoạt Động hơn.

237. We also note that "Realisation" is placed between "Life" and "Form". The term "Realization" suggests accurate seeing and is akin to "Consciousness" though it is a more specialized term.

237. Chúng ta cũng lưu ý rằng "Chứng nghiệm" được đặt giữa "Sự sống" và "Hình tướng". Thuật ngữ "Chứng nghiệm" gợi ý sự thấy đúng đắn và gần với "Tâm thức", dù nó là một thuật ngữ chuyên biệt hơn.

238. Missing from the list is a trinity much developed in the beginning of EP I: "Life, Quality, Appearance".

238. Thiếu trong danh sách là một tam vị được phát triển nhiều ở phần đầu của EP I: "Sự sống, Phẩm tính, Vẻ ngoài".

One could go on piling up terms, but the above suffices to demonstrate **the relationship between the threefold Logos, during manifestation.**

Người ta có thể tiếp tục chồng chất thêm các thuật ngữ, nhưng những điều trên đủ để chứng minh **mối tương quan giữa Thượng đế tam phân trong thời kỳ biểu hiện.**

239. We note that all the trinities are expressive of relationships existing between the three aspects of the "threefold Logos". Although the trinities could be applied to far higher levels of cosmos, we are confining ourselves to that which occurs within the ring-pass-not of our Solar Logos.

239. Chúng ta lưu ý rằng tất cả các bộ ba đều biểu đạt những mối tương quan hiện hữu giữa ba phương diện của "Thượng đế tam phân". Dù các bộ ba này có thể được áp dụng cho những cấp độ vũ trụ cao hơn rất nhiều, chúng ta đang tự giới hạn vào điều xảy ra trong vòng-giới-hạn của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

240. VSK would have us note the twoness, the duality implicate in creating the threefold; i.e., the "second pole".

240. VSK muốn chúng ta lưu ý tính hai, nhị nguyên tính hàm ẩn trong việc tạo ra tính tam phân; tức là "cực thứ hai".

Emphasis must be laid upon the above fact: The solar system embodies the above logoic relationship during evolutionary objectivity, and **the whole aim of progressive development is to bring the Son of the Father and the Mother, to a point of full realisation, of complete self-**

Phải nhấn mạnh sự kiện trên: Hệ mặt trời thể hiện mối tương quan thượng đế học trên trong tính khách quan tiến hoá, và **toàn bộ mục tiêu của sự phát triển tiến bộ là đưa Con của Cha và Mẹ đến một điểm chứng nghiệm trọn vẹn, ngã thức hoàn toàn, và tri thức đầy đủ cùng linh hoạt.**

consciousness, and to full and active knowledge.

241. If one thinks of the spiritual mantram for Virgo—"I am the Mother and the Child, I God, I Matter, am"—one grasps something of the equality of the three aspects within the One Life which contains them all.

241. Nếu người ta nghĩ đến mantram tinh thần của Virgo—"Tôi là Mẹ và là Con. Tôi, Thượng đế, Tôi là vật chất."—thì người ta nắm bắt được phần nào sự bình đẳng của ba phương diện trong Một Sự Sống bao hàm tất cả chúng.

242. The entire evolutionary process is one of, metaphorically, 'raising the Son and bringing Him to a point of maturity'. Of course, in human families, the father and the mother also change during the process. Does the analogy hold good for beings far greater than the human being? After all, fathers and mothers are also sons and daughters—from the human standpoint at least.

242. Toàn bộ tiến trình tiến hoá là một tiến trình, theo nghĩa ẩn dụ, 'nuôi dưỡng Con và đưa Ngài đến điểm trưởng thành'. Dĩ nhiên, trong các gia đình nhân loại, người cha và người mẹ cũng thay đổi trong tiến trình ấy. Sự tương đồng này có còn đúng đối với những Đấng lớn lao hơn con người rất nhiều không? Rốt cuộc, các người cha và người mẹ cũng là con trai và con gái—ít nhất từ quan điểm nhân loại.

243. It would seem that the monadic awareness of the Solar Logos will constantly evolve, and that His potential for material demonstration will also evolve.

243. Dường như sự nhận biết chân thần của Thái dương Thượng đế sẽ không ngừng tiến hoá, và tiềm năng biểu hiện vật chất của Ngài cũng sẽ tiến hoá.

244. A great question in relation to the theme of evolution is: "Does perfection already and forever exist, or must it be achieved?"

244. Một câu hỏi lớn liên quan đến chủ đề tiến hoá là: "Sự hoàn hảo đã hiện hữu sẵn và mãi mãi, hay nó phải được đạt tới?"

245. I would answer this (according to my present understanding) by saying that relative perfection must always be achieved and that ABSOLUTE PERFECTION exists forever and always has.

245. Tôi sẽ trả lời điều này (theo sự thấu hiểu hiện nay của tôi) bằng cách nói rằng sự hoàn hảo tương đối luôn luôn phải được đạt tới và rằng SỰ HOÀN HẢO TUYỆT ĐỐI hiện hữu mãi mãi và luôn luôn đã như thế.

This Son is objectively the solar system, **inherently** will or power, and **subjectively** He is love-wisdom. **This latter quality is in process of development through the utilisation of active intelligence.**

Con này, về mặt khách quan, là hệ mặt trời, **vốn sẵn** là ý chí hay quyền năng, và **về mặt chủ quan** Ngài là bác ái-minh triết. **Phẩm tính sau này đang trong tiến trình phát triển thông qua việc sử dụng trí tuệ hoạt động.**

246. When the subjective Son expresses Himself in objectivity, He is the solar system.

246. Khi Con chủ quan biểu lộ chính Ngài trong tính khách quan, Ngài là hệ mặt trời.

247. We come to a contrast of two significant terms: "inherently" and "subjectively". We see (and this is significant) that that which is *inherent* applies to the Spirit/Monad, and that which is *subjective* applies to the soul.

247. Chúng ta đi đến một sự tương phản giữa hai thuật ngữ quan trọng: "vốn sẵn" và "về mặt chủ quan". Chúng ta thấy (và điều này rất quan trọng) rằng điều *vốn sẵn* áp dụng cho tinh thần/chân thần, còn điều *chủ quan* áp dụng cho linh hồn.

248. The Father *inheres* in the Son. The Son is subjective to objective manifestation.

248. Người Cha *nội tại* trong Người Con. Người Con là chủ quan đối với sự biểu hiện khách quan.

249. Though will is within the Son, love-wisdom is His own truest energy.

249. Dù ý chí ở bên trong Người Con, bác ái-minh triết là năng lượng chân thực nhất của Ngài.

250. We also realize that without the expedient of active intelligence, the Son could not develop. In order to develop, love-wisdom requires active intelligence. Active intelligence allows for the creation of those *arrangements in form* which are reflective of pure reason (the quality of love-wisdom).

250. Chúng ta cũng nhận ra rằng nếu không có phương tiện là trí tuệ hoạt động, Người Con không thể phát triển. Để phát triển, bác ái-minh triết cần đến trí tuệ hoạt động. Trí tuệ hoạt động cho phép tạo ra những *sắp xếp trong hình tướng* phản chiếu lý trí thuần túy (phẩm tính của bác ái-minh triết).

251. This is all very clear.

251. Tất cả điều này rất rõ ràng.

252. VSK States: "The Son, the objective solar system, is inherently will or power. Thus, we are now concentrating, when developing solar fire, upon his 'subjective' reality, that of the merging of the poles, love-wisdom. Taking into consideration the fact that the Son is 'inherently will or power', we see the threefoldness contained within the one Son —love, wisdom and inherent will/power".

252. VSK phát biểu: "Người Con, hệ mặt trời khách quan, vốn sẵn là ý chí hay quyền năng. Vì vậy, hiện nay khi phát triển lửa thái dương, chúng ta đang tập trung vào thực tại 'chủ quan' của Ngài, tức thực tại của sự hòa nhập các cực, bác ái-minh triết. Khi xét đến sự kiện rằng Người Con 'vốn sẵn là ý chí hay quyền năng', chúng ta thấy tính tam phân được chứa trong một Người Con—bác ái, minh triết và ý chí/quyền năng vốn sẵn".

253. VSK states: "We see the numerical rationale here for the *five* being necessary to

253. VSK phát biểu: "Ở đây chúng ta thấy cơ sở số học cho việc *năm* là cần thiết đối với

a TWO system, as the *three* is utilized by the *two*, necessarily resulting in the *fifth* plane".

một hệ thống HAI, vì *ba* được *hai* sử dụng, tất yếu dẫn đến cõi *thứ năm*".

The three manifested Persons of the logoic Triad **seek full development by means of each other.**

Ba Ngôi biểu hiện của Tam nguyên tinh thần thượng đế **tìm kiếm sự phát triển trọn vẹn bằng phương tiện của nhau.**

254. When considering the Science of Triangles, we must realize that all members of the triangle are completely interdependent.

254. Khi xem xét Khoa Học về Các Tam Giác, chúng ta phải nhận ra rằng mọi thành viên của tam giác đều hoàn toàn phụ thuộc lẫn nhau.

255. This fact touches on the relative significance of the three major rays; none is greater or more important than any other. They are all indispensable to each other and are, in fact, the *same thing.*

255. Sự kiện này chạm đến thâm nghĩa tương đối của ba cung chính; không cung nào lớn hơn hay quan trọng hơn cung nào khác. Tất cả đều không thể thiếu đối với nhau và thật ra là *cùng một điều.*

256. Some Biblical phrases which suggest this interdependence (at least between the first and second aspects) are as follows:

256. Một số cụm từ trong Kinh Thánh gợi ý sự phụ thuộc lẫn nhau này (ít nhất giữa phương diện thứ nhất và thứ hai) như sau:

a. "He who hath seen me hath seen the Father"

a. "Ai đã thấy ta là đã thấy Cha"

b. "No man commeth unto the Father except through me"

b. "Không ai đến cùng Cha mà không qua ta"

257. Certain thoughts and questions arise:

257. Một số ý nghĩ và câu hỏi nảy sinh:

a. Does Love-Wisdom represent a higher stage of development of the Son than does Wisdom-Love?

a. Bác Ái – Minh Triết có đại diện cho một giai đoạn phát triển cao hơn của Người Con so với Minh triết-Bác ái không?

b. Wisdom is older. The Buddha is older than the Christ. In Wisdom, there is more of the third ray and the past. And yet, Wisdom is also closely related to the first ray.

b. Minh triết cổ xưa hơn. Đức Phật cổ xưa hơn Đức Christ. Trong Minh triết có nhiều cung ba hơn và nhiều quá khứ hơn. Tuy nhiên, Minh triết cũng liên hệ chặt chẽ với cung một.

c. Bác ái và Minh triết biểu thị một loại nhị nguyên tính trong hệ mặt trời của chúng ta,

c. Love and Wisdom represent one kind of duality within our solar system so related to the dualistic, second ray sign, Gemini.

có liên hệ với dấu hiệu cung hai nhị nguyên là Gemini.

The will to be, of the Mahadeva aspect, seeks, with the aid of the intelligence of Brahma, to develop love-wisdom, or the Son aspect, the Vishnu aspect.

Ý chí hiện hữu, của phương diện Mahadeva, tìm cách, với sự trợ giúp của trí tuệ của Brahma, phát triển bác ái-minh triết, hay phương diện Con, phương diện Vishnu.

258. One would wonder why these fundamental facts must be so oft repeated—except for the fact that they are *fundamental* and indispensable for deeper understanding.

258. Người ta sẽ tự hỏi vì sao những sự kiện căn bản này phải được lặp đi lặp lại quá thường xuyên—ngoại trừ sự kiện rằng chúng là *căn bản* và không thể thiếu cho sự thấu hiểu sâu hơn.

In the microcosmic system, the reflection of the threefold Logos, the man is endeavoring through the three vehicles to attain the same development on his own plane.

Trong hệ thống vi mô, sự phản chiếu của Logos tam phân, con người đang nỗ lực, thông qua ba vận cụ, để đạt đến cùng một sự phát triển trên cõi riêng của y.

259. What is "his own plane"? May we say with reason that it is the buddhic plane—the true and intended area of expression for the members of the Fourth Creative Hierarchy?

259. "Cõi riêng của y" là gì? Chúng ta có thể nói một cách hợp lý rằng đó là cõi Bồ đề—lãnh vực biểu hiện chân thực và được dự định cho các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư chăng?

260. VSK suggests: "So would this be the case, similarly, within the three-level worlds? Would we have the personal will, via mind, working through the intelligent activity taken by the body in action, seeking to develop compassion in the astral body?"

260. VSK gợi ý: "Vậy thì điều này có tương tự như thế trong các thế giới ba tầng không? Liệu chúng ta có ý chí cá nhân, thông qua trí tuệ, hoạt động qua hoạt động thông minh do thể xác đảm nhận trong hành động, tìm cách phát triển lòng từ bi trong thể cảm dục chăng?"

On higher planes the Heavenly Men (through atma-buddhi-manas) aim at a similar progression.

Trên các cõi cao hơn, các Đấng Thiên Nhân (thông qua atma-buddhi-manas) nhắm đến một sự tiến triển tương tự.

261. We are reminded how closely the Heavenly Men are related to atma-buddhi-manas.

261. Chúng ta được nhắc nhở rằng các Đấng Thiên Nhân liên hệ mật thiết biết bao với atma-buddhi-manas.

262. We must remember that atma-buddhi-manas represents, in this instance, the middle position, and so for the Heavenly Men we have a fivefold division: Spirit-Atma-Buddhi-Manas-Matter

262. Chúng ta phải nhớ rằng atma-buddhi-manas, trong trường hợp này, biểu thị vị trí trung gian, và vì vậy đối với các Đấng Thiên Nhân, chúng ta có một phân chia ngũ phân: Tinh thần-Atma-Buddhi-Manas-Vật chất

263. We also remember that even a high master does not achieve mastery upon the *five* systemic planes of the cosmic physical plane, but only upon three. One must be a Heavenly Man to achieve mastery upon the buddhic and atmic planes, as strange (and limiting—to *us*) as that may seem.

263. Chúng ta cũng nhớ rằng ngay cả một chân sư cao cấp cũng không đạt quyền làm chủ trên *năm* cõi hệ thống của cõi hồng trần vũ trụ, mà chỉ trên ba cõi. Người ta phải là một Đấng Thiên Nhân mới đạt quyền làm chủ trên các cõi Bồ đề và atma, dù điều đó có vẻ kỳ lạ (và giới hạn—đối với *chúng ta*) đến đâu đi nữa.

These two, the Heavenly Men plus the units in Their bodies, which are composed of deva and human monads form, in their totality, the Grand Heavenly Man.

Hai loại này, các Đấng Thiên Nhân cộng với các đơn vị trong các thể của Các Ngài, vốn được cấu thành từ các chân thần thiên thần và nhân loại, hợp thành, trong toàn thể của chúng, Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại.

264. Are the bodies of Heavenly Men composed *only* of deva and human Monads? This seems to be the inference.

264. Các thể của các Đấng Thiên Nhân có được cấu thành *chỉ* từ các Chân thần thiên thần và nhân loại không? Dường như đó là điều được suy ra.

When man achieves, then the Heavenly Men likewise achieve; when They reach Their full growth and knowledge, [Page 245] and are self-conscious on all planes, then the Son achieves, and the solar system (His body of manifestation and experience) has served its purpose.

Khi con người thành tựu, thì các Đấng Thiên Nhân cũng thành tựu; khi Các Ngài đạt đến sự tăng trưởng và tri thức viên mãn của Các Ngài, [Page 245] và có ngã thức trên mọi cõi, thì Con đạt thành tựu, và hệ mặt trời (thể biểu hiện và kinh nghiệm của Ngài) đã hoàn thành mục đích của nó.

265. We always understand that the lesser is dependent upon the greater, but this excerpt reveals how very dependent is the greater upon the lesser.

265. Chúng ta luôn hiểu rằng cái nhỏ lệ thuộc vào cái lớn, nhưng đoạn trích này cho thấy cái lớn lệ thuộc vào cái nhỏ đến mức nào.

266. As human beings, our progress contributes to the liberation of the Heavenly

266. Với tư cách những con người, sự tiến bộ của chúng ta góp phần vào sự giải thoát của Đấng Thiên Nhân. Theo một cách nào đó,

Man. We are responsible, in a way, for the success of our superiors.

chúng ta chịu trách nhiệm đối với sự thành công của các Đấng cao hơn mình.

267. We must remember, however, that a Planetary Logos is a *composite being,* and that, one day, *many of us, together,* may be a particular Planetary Logos. The thought is unusual and subtle, and for the latter reason is probably not much developed, as it would escape comprehension by most.

267. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng một Hành Tinh Thượng Đế là một *hữu thể tổng hợp,* và rằng, một ngày nào đó, *nhiều người trong chúng ta, cùng nhau,* có thể là một Hành Tinh Thượng Đế cụ thể. Ý tưởng này khác thường và tinh tế, và vì lý do sau nên có lẽ không được phát triển nhiều, vì nó sẽ vượt khỏi sự lĩnh hội của đa số.

The Son is liberated. Extend the idea of this threefold development of consciousness to the Logos in a still larger cycle (to that of the three solar systems of which this is the middle one) and we have repeated on cosmic levels in connection with the Logos, the process of the development of man in the three worlds.

Con được giải thoát. Hãy mở rộng ý tưởng về sự phát triển tâm thức tam phân này đến Logos trong một chu kỳ còn lớn hơn nữa (chu kỳ của ba hệ mặt trời mà hệ này là hệ ở giữa) và chúng ta có tiến trình phát triển của con người trong ba cõi thấp được lặp lại trên các cấp độ vũ trụ trong liên hệ với Logos.

268. It seems to require at least two solar systems to develop Love-Wisdom. The solar systems are, it would seem, *sequential* and not simultaneous. Within each of the solar systems, the three aspects are demonstrating in varying proportions.

268. Dường như cần ít nhất hai hệ mặt trời để phát triển Bác Ái – Minh Triết. Các hệ mặt trời, có vẻ như, là *tuần tự* chứ không đồng thời. Trong mỗi hệ mặt trời, ba phương diện đang biểu lộ theo những tỉ lệ khác nhau.

269. VSK suggests that we think of how atma-buddhi-manas are the Heavenly Man's vehicles for this process by which the relationship between the one and the three yield the two. Does this atma-buddhi-manas relationship implicate the third, fourth, and fifth Creative Hierarchies--those in relation to which the human soul/buddhi is as the heart.

269. VSK gợi ý rằng chúng ta hãy nghĩ đến việc atma-buddhi-manas là các vận cụ của Đấng Thiên Nhân cho tiến trình này, nhờ đó mối liên hệ giữa cái một và cái ba tạo ra cái hai. Mối liên hệ atma-buddhi-manas này có hàm ý đến các Huyền Giai Sáng Tạo thứ ba, thứ tư và thứ năm—những Huyền Giai mà đối với chúng, linh hồn con người/Bồ đề giống như trái tim chăng.

270. VSK suggests that these thoughts are "likely a systemic correspondence to Mars, Earth, Mercury – in terms of the numbering of the solar septenate schemes. Earth thus

270. VSK gợi ý rằng những tư tưởng này "có lẽ là một tương ứng hệ thống với Sao Hỏa, Trái Đất, Sao Thủy – xét theo cách đánh số các hệ hành tinh thất phân của hệ mặt trời. Như vậy Trái Đất tương ứng với số *bốn* của

correlating with the *four* of buddhi, the true home of man, the solar angel".

Bồ đề, quê hương đích thực của con người, thái dương Thiên Thần".

THE MACROCOSM

ĐẠI THIÊN ĐỊA

- The first solar system...embodied.....the "I am" principle.

- Hệ mặt trời thứ nhất...đã thể hiện.....nguyên khí "Ta là".

- The second solar system...is embodying...the "I am that" principle.

- Hệ mặt trời thứ hai...đang thể hiện...nguyên khí "Ta là cái đó".

- The third solar system...will embody...the "I am that I am" principle.

- Hệ mặt trời thứ ba...sẽ thể hiện...nguyên khí "Ta là cái đó mà Ta là".

271. It is amazing to think that a vast process such as a solar system would have as its predominating theme a significance expressed in a simple mantram.

271. Thật đáng kinh ngạc khi nghĩ rằng một tiến trình bao la như một hệ mặt trời lại có thể lấy một thâm nghĩa được diễn đạt trong một mantram đơn giản làm chủ đề nổi trội của nó.

272. It is obvious that the principle of relationship was not much developed in the first solar system, yet if there is to be any interaction, relationship is inescapable.

272. Rõ ràng là nguyên khí của mối liên hệ không được phát triển nhiều trong hệ mặt trời thứ nhất, tuy nhiên nếu có bất kỳ sự tương tác nào, thì mối liên hệ là điều không thể tránh khỏi.

273. In the second solar system, the principle of relationship and unity is developed, and in the third solar system, the principle of identification.

273. Trong hệ mặt trời thứ hai, nguyên khí của mối liên hệ và hợp nhất được phát triển, và trong hệ mặt trời thứ ba, nguyên khí của sự đồng hoá.

THE MICROCOSM

TIỂU THIÊN ĐỊA

- The first manifestation, the Personality, embodies the "I am" principle.

- Biểu hiện thứ nhất, Phàm ngã, thể hiện nguyên khí "Ta là".

- The second manifestation, the Ego, is embodying the "I am that" principle.

- Biểu hiện thứ hai, Chân ngã, đang thể hiện nguyên khí "Ta là cái đó".

- The third manifestation, the Monad, will embody the "I am that I am" principle.

- Biểu hiện thứ ba, Chân thần, sẽ thể hiện nguyên khí "Ta là cái đó mà Ta là".

274. The 777. symbolic incarnations are not enough to develop fully these three phases of consciousness, for the 777. are correlated to the three tiers of petals of the egoic lotus (an energy structure which must be destroyed and transcended before the "I am That I am" realization can be established).

274. 777. những lần lâm phàm biểu tượng là không đủ để phát triển trọn vẹn ba giai đoạn tâm thức này, vì 777. tương ứng với ba tầng cánh hoa của hoa sen chân ngã (một cấu trúc năng lượng phải bị hủy diệt và vượt qua trước khi sự chứng nghiệm "Ta là Cái Đó mà Ta là" có thể được thiết lập).

275. VSK would have us remember the following: "Correlating this to the footnote on 243, we see that the

275. VSK muốn chúng ta nhớ điều sau đây: "Liên hệ điều này với chú thích ở trang 243, chúng ta thấy rằng

a. "I am" is correlated to the individual or self, human consciousness;

a. "Ta là" tương ứng với cá nhân hay bản ngã, tâm thức con người;

b. "I am That" is correlated to the Planetary Logos, 'consciousness of planetary logos".

b. "Ta là Cái Đó" tương ứng với Hành Tinh Thượng Đế, 'tâm thức của hành tinh thượng đế".

c. "I am That I am" is correlated to the Absolute or God, the unmanifested Logos.

c. "Ta là Cái Đó mà Ta là" tương ứng với Tuyệt Đối hay Thượng đế, Logos không biểu hiện.

This emphasizes that the second manifestation, "b.", the Ego is equated to the consciousness of the Planetary Logos; and, that "a.", the Personality, has a human connotation. Distinctions between Ego and personality are directly correlated to the planetary and human consciousnesses. Ego or Soul consciousness, thus, is correlated to group or Planetary Consciousness. How does this profundity work out, in the lives of great personages?"

Điều này nhấn mạnh rằng biểu hiện thứ hai, "b.", Chân ngã được đồng nhất với tâm thức của Hành Tinh Thượng Đế; và rằng "a.", Phàm ngã, mang hàm ý nhân loại. Những phân biệt giữa Chân ngã và phàm ngã tương ứng trực tiếp với các tâm thức hành tinh và nhân loại. Vì vậy, tâm thức Chân ngã hay linh hồn tương ứng với Tâm thức nhóm hay Tâm thức Hành tinh. Sự thâm sâu này được biểu hiện ra sao trong đời sống của những nhân vật vĩ đại?"

Thus the different factors play their part in the general scheme of things, and all are interrelated, and all are interested parts and members one of the other.

Vì vậy các yếu tố khác nhau đều đóng vai trò của mình trong sơ đồ tổng quát của vạn vật, và tất cả đều liên hệ với nhau, và tất cả đều là những phần tử và thành viên có quan hệ với nhau.

276. VSK suggests: "This would be a good quote to have handy in the back pocket for use in almost all occasions. Nods all around … from physicists to teachers and politicians and futurists".

276. VSK gợi ý: "Đây sẽ là một trích dẫn rất hay để luôn sẵn dùng trong hầu như mọi dịp. Ai cũng sẽ gật đầu... từ các nhà vật lý đến các giáo viên, các chính trị gia và các nhà tương lai học".

277. We close this section with a vision of interdependence. Such a vision, we realize, is sadly lacking in today's world, though it is being *forced* upon humanity by world conditions. "No man liveth unto himself alone". Our elevations raise many; our falls take others down. Do we realize this in practical fact when, for instance, our vibration is lower than it should be?

277. Chúng ta kết thúc phần này với một linh ảnh về sự phụ thuộc lẫn nhau. Chúng ta nhận ra rằng một linh ảnh như thế đang thiếu vắng một cách đáng buồn trong thế giới ngày nay, dù nó đang được các điều kiện thế giới *ép buộc* lên nhân loại. "Không ai sống chỉ cho riêng mình". Sự thăng cao của chúng ta nâng nhiều người lên; sự sa ngã của chúng ta kéo những người khác xuống. Chẳng hạn, chúng ta có nhận ra điều này như một sự kiện thực tiễn khi rung động của mình thấp hơn mức đáng lẽ phải có không?

278. The sense of interdependence is the antidote to selfishness.

278. Ý thức về sự phụ thuộc lẫn nhau là thuốc giải cho tính ích kỷ.

S3S4: TCF 245-259

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of *TCF* are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của *TCF* được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be read with the *TCF* book handy, for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Người ta gợi ý rằng nên đọc phần Bình Luận này với quyển *TCF* ở bên cạnh, vì mục đích liên tục mạch văn. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

V. IS THERE A DIRECT ANALOGY BETWEEN THE DEVELOPMENT OF A SYSTEM, A PLANET, A MAN AND AN ATOM?

1. This is the premise upon which the entire book *A Treatise on Cosmic Fire* seems to be written.

If by this question the desire exists to demonstrate exact similarity, the answer must be: No, the analogy is never exact in detail but only in certain broad basic correspondences.

2. This is a fact we can never forget. The use of analogy is illuminative if not forced. It can be misleading if one is too exacting in the search for specific formal correspondences.

In all the four factors, there will be found unchangeable points of resemblance, but in development the stages of growth may not **appear** the same in detailed evolution, viewed from the standpoint of a man in the [Page 246] three worlds, handicapped as he is by limited apprehension.

3. The value of analogy is encapsulated in the phrase "unchangeable points of resemblance". It is as if relationships between parallel systems in cosmos (though the systems may differ vastly in their scope) have certain points in common which are entirely unalterable and dependable, and other points which vary.

V. CÓ MỘT TƯƠNG ĐỒNG TRỰC TIẾP GIỮA SỰ PHÁT TRIỂN CỦA MỘT HỆ THỐNG, MỘT HÀNH TINH, MỘT CON NGƯỜI VÀ MỘT NGUYÊN TỬ KHÔNG?

1. Đây là tiền đề dường như làm nền tảng cho toàn bộ quyển *Luận về Lửa Vũ Trụ*.

Nếu bởi câu hỏi này mà có mong muốn chứng minh một sự tương tự chính xác, thì câu trả lời phải là: Không, sự tương đồng không bao giờ chính xác trong chi tiết mà chỉ trong một số tương ứng căn bản rộng lớn nào đó.

2. Đây là một sự kiện mà chúng ta không bao giờ được quên. Việc sử dụng tương đồng có tính soi sáng nếu không bị gò ép. Nó có thể gây hiểu lầm nếu người ta quá khắt khe trong việc tìm kiếm những tương ứng hình thức cụ thể.

Trong cả bốn yếu tố, sẽ tìm thấy những điểm tương tự bất biến, nhưng trong sự phát triển, các giai đoạn tăng trưởng có thể không **xuất hiện** giống nhau trong tiến hoá chi tiết, khi được nhìn từ quan điểm của một con người trong [Page 246] ba cõi thấp, bị hạn chế như y bởi năng lực lĩnh hội giới hạn.

3. Giá trị của sự tương đồng được hàm chứa trong cụm từ "những điểm tương tự bất biến". Dường như các mối liên hệ giữa những hệ thống song song trong vũ trụ (dù các hệ thống có thể khác nhau rất lớn về phạm vi) có những điểm chung hoàn toàn không thể thay đổi và đáng tin cậy, cùng những điểm khác thì biến thiên.

4. Perhaps, more detailed correspondences would appear if the observer of the analogical relationship were not *man* but some being with far greater understanding and perspective. This seems to be the implication of the section above.

4. Có lẽ những tương ứng chi tiết hơn sẽ xuất hiện nếu người quan sát mối liên hệ tương đồng không phải là *con người* mà là một hữu thể có sự thấu hiểu và tầm nhìn lớn hơn nhiều. Dường như đó là hàm ý của phần trên.

The points of resemblance between the four might be summed up as follows, taking the atom on the physical plane as our starting point, and developing the concept from stage to stage:

Những điểm tương tự giữa bốn loại này có thể được tóm lược như sau, lấy nguyên tử trên cõi hồng trần làm điểm khởi đầu của chúng ta, và phát triển khái niệm từ giai đoạn này sang giai đoạn khác:

5. The following [to page 259, the end of our Semester Three, Section Four] is a series of seven-part lists for each of the entities. These are the points of resemblance, as a *septenate*.

5. Phần sau đây [đến trang 259, phần kết của Học kỳ Ba, Phần Bốn của chúng ta] là một chuỗi các danh sách bảy phần cho mỗi thực thể. Đây là những điểm tương tự, như một *bộ bảy*.

6. VSK states: "What follows are the common seven points of resemblance in relation to each of these four types of atom, or four developmental stages of the indwelling Life of the Universe;

6. VSK nói: "Điều tiếp theo là bảy điểm tương tự chung liên hệ với mỗi một trong bốn loại nguyên tử này, hay bốn giai đoạn phát triển của Sự sống nội tại của Vũ Trụ;

a. The atom, as the lowest unit—on the physical plane

a. Nguyên tử, như đơn vị thấp nhất—trên cõi hồng trần

b. The man 'upon the astral'/buddhic levels

b. Con người 'trên các cấp độ cảm dục'/Bồ đề

c. The Planetary Logos upon the mental/ egoic or atmic plane

c. Hành Tinh Thượng Đế trên cõi trí/chân ngã hay cõi atma

d. The Solar Logos ('unmanifest' within the five worlds of evolution, as its lowest vehicle is the monad).

d. Thái dương Thượng đế ('không biểu hiện' trong năm cõi tiến hoá, vì vận cụ thấp nhất của Ngài là chân thần).

So we keep in mind these levels or stages (if considered in evolutionary time). Then we can be sure to place the points of resemblance in proper correlation.

Vì vậy chúng ta ghi nhớ các cấp độ hay giai đoạn này (nếu được xét trong thời gian tiến hoá). Khi đó chúng ta có thể chắc chắn đặt các điểm tương tự vào đúng tương quan.

Thus, one transits from the centre to the periphery, etc. – through these laya or zero points of nucleation and internal combustion, wherein consciousness is forged, a bridge through each ring-pass-not".

Như vậy, người ta chuyển từ trung tâm ra chu vi, v.v. – qua những điểm laya hay không điểm của sự tạo nhân và sự đốt cháy nội tại này, nơi tâm thức được rèn luyện, một cây cầu xuyên qua mỗi vòng-giới-hạn".

7. We have to determine whether the Solar Logos really does not enter the five worlds of evolution (i.e., is the Solar Logos' lowest vehicle really the human Monad?). Does the spiritual trial pertain only to the Planetary Logos or is solar logoic expression possible through it? There does seem to be a definite solar logoic presence on the buddhi plane. The references must be carefully checked.

7. Chúng ta phải xác định liệu Thái dương Thượng đế thực sự không đi vào năm cõi tiến hoá hay không (tức là, liệu vận cụ thấp nhất của Thái dương Thượng đế thực sự là chân thần con người chăng?). Sự thử thách tinh thần chỉ liên quan đến Hành Tinh Thượng Đế hay sự biểu hiện thái dương thượng đế cũng có thể thông qua đó? Quả thực dường như có một sự hiện diện thái dương thượng đế rõ rệt trên cõi Bồ đề. Các tham chiếu phải được kiểm tra cẩn thận.

An Atom.1.

Một Nguyên Tử.1.

a. An atom consists of a spheroidal form containing within itself a nucleus of life.

a. Một nguyên tử gồm một hình cầu chứa bên trong chính nó một hạt nhân của sự sống.

8. VSK suggests: "The physical atomic nucleus is composed of a number of protons and neutrons; the electrons comprise the various shells of the periphery".

8. VSK gợi ý: "Hạt nhân nguyên tử hồng trần được cấu thành từ một số proton và neutron; các electron tạo thành những lớp vỏ khác nhau ở chu vi".

9. VSK queries: "Is this physical atom comprised of the *fourteen* billion archetypal atoms? (If this is the archetypal number on the atomic sub/plane, then could it be the multiples of 7. that are the number on lower planes, thus, the 14. billion x7. x7. x7. x7. x7. x7. (for the six manifesting planes?) Without the calculator, maybe that number is closer to the 10. to the 28th power, which is the exoterically given number of atoms in man; see b., below.

9. VSK đặt câu hỏi: "Nguyên tử hồng trần này có được cấu thành từ *mười bốn* tỷ nguyên tử nguyên mẫu không? (Nếu đây là con số nguyên mẫu trên cõi phụ nguyên tử, thì liệu các bội số của 7. có phải là con số trên các cõi thấp hơn không, như vậy, 14. tỷ x7. x7. x7. x7. x7. x7. (cho sáu cõi biểu hiện?) Không cần máy tính, có lẽ con số đó gần với 10. lũy thừa thứ 28th, là con số ngoại môn được đưa ra về số nguyên tử trong con người; xem b., bên dưới.

10. There are many kinds of physical atom. It may be that the atom referenced is the

10. Có nhiều loại nguyên tử hồng trần. Có thể nguyên tử được nhắc đến là loại nguyên

simplest kind of atom found on the atomic subplane of the systemic physical plane. Such an atom would be an archetypal physical (really, *etheric*) atom.

tử đơn giản nhất được tìm thấy trên cõi phụ nguyên tử của cõi hồng trần hệ thống. Một nguyên tử như vậy sẽ là một nguyên tử hồng trần nguyên mẫu (thực ra là *dĩ thái*).

11. Could the constituents of the archetypal physical (i.e., really etheric) atom, be fourteen billion "bubbles in the koilon"? Such a "bubble" is the tiniest unit contributing to the constitution of any atom found within the forty-nine subplanes of the cosmic physical plane.

11. Liệu các thành phần của nguyên tử hồng trần nguyên mẫu (tức thực ra là dĩ thái) có thể là mười bốn tỷ "bọt trong koilon" không? Một "bọt" như vậy là đơn vị nhỏ nhất góp phần vào cấu tạo của bất kỳ nguyên tử nào được tìm thấy trong bốn mươi chín cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ.

12. If this were the case (and I do not have my copy of *Occult Chemistry* to hand), then atoms characteristic of every successively higher subplane would be progressively less complex, perhaps seven time less complex for every higher subplane. These numbers must be checked and confirmed.

12. Nếu đúng như vậy (và tôi không có sẵn bản *Occult Chemistry* của mình trong tay), thì các nguyên tử đặc trưng cho mỗi cõi phụ cao hơn kế tiếp sẽ ngày càng ít phức tạp hơn, có lẽ ít phức tạp hơn bảy lần với mỗi cõi phụ cao hơn. Những con số này phải được kiểm tra và xác nhận.

b. **An atom contains within itself differentiated molecules**, which in their totality form the atom itself.

b. **Một nguyên tử chứa trong chính nó những phân tử đã biến phân**, mà trong toàn thể của chúng tạo thành chính nguyên tử đó.

13. This statement rather reverses the position of modern science in which molecules are aggregates of atoms and atoms are of simpler structure. Here the atom is (when compared with the molecule) the larger structure.

13. Phát biểu này phần nào đảo ngược lập trường của khoa học hiện đại, trong đó các phân tử là tập hợp của các nguyên tử và các nguyên tử có cấu trúc đơn giản hơn. Ở đây nguyên tử là cấu trúc lớn hơn (khi so với phân tử).

14. The "differentiated molecules" here referenced can, however, be considered as aggregates of lesser atoms found upon of higher subplanes. For instance, many astral atoms found upon the lowest subplane of the astral plane contribute to the composition of an archetypal physical-etheric atom. Such astral atoms are, as it were, *molecular* in relation to the archetypal physical-etheric atom. The archetypal (i.e. atomic) astral atom, in turn (if this model is

14. Tuy nhiên, những "phân tử đã biến phân" được nhắc đến ở đây có thể được xem là những tập hợp của các nguyên tử nhỏ hơn được tìm thấy trên các cõi phụ cao hơn. Chẳng hạn, nhiều nguyên tử cảm dục được tìm thấy trên cõi phụ thấp nhất của cõi cảm dục góp phần vào cấu tạo của một nguyên tử hồng trần-dĩ thái nguyên mẫu. Những nguyên tử cảm dục như vậy, có thể nói, là *phân tử* trong tương quan với nguyên tử hồng trần-dĩ thái nguyên mẫu. Đến lượt

correct) will be composed of a number of atoms found upon the lowest level of the mental plane which atoms are *molecular* in relation to the archetypal astral atom.

mình, nguyên tử cảm dục nguyên mẫu (tức nguyên tử) ấy (nếu mô hình này là đúng) sẽ được cấu thành từ một số nguyên tử được tìm thấy trên cấp độ thấp nhất của cõi trí, những nguyên tử này là *phân tử* trong tương quan với nguyên tử cảm dục nguyên mẫu.

15. What is important to note is that an atomic-etheric atom has many molecules within it (each molecule consisting of groupings of atoms smaller than the atomic-etheric atom). Ultimately, all atoms and molecules are to be considered aggregations of "bubbles in the koilon".

15. Điều quan trọng cần lưu ý là một nguyên tử nguyên tử-dĩ thái có nhiều phân tử bên trong nó (mỗi phân tử gồm những nhóm nguyên tử nhỏ hơn nguyên tử nguyên tử-dĩ thái). Cuối cùng, mọi nguyên tử và phân tử đều phải được xem là những tập hợp của "bọt trong koilon".

16. These thoughts lead one to question whether in relation to the cosmic physical plane there is *any* undifferentiated or non-composite unit? Is a "bubble in the koilon" non-composite, or is it, too, divisible and composed of a number of still tinier units to be found upon the cosmic astral plane.

16. Những tư tưởng này khiến người ta đặt câu hỏi liệu trong tương quan với cõi hồng trần vũ trụ có *bất kỳ* đơn vị không biến phân hay không tổng hợp nào không? Một "bọt trong koilon" có phải là không tổng hợp không, hay nó cũng có thể phân chia và được cấu thành từ một số đơn vị còn nhỏ hơn nữa được tìm thấy trên cõi cảm dục vũ trụ?

17. What, then, is the 'ultimate anu' or speck with respect to all the cosmic planes? Are all cosmic planes and subplanes "prakritic"?

17. Vậy thì "anu tối hậu" hay điểm cực vi liên hệ với tất cả các cõi vũ trụ là gì? Có phải mọi cõi và cõi phụ vũ trụ đều là "prakritic" không?

For instance, we are told that the physical atom contains within its **periphery fourteen thousand millions of the archetypal atoms,** yet these myriads demonstrate as one.

Chẳng hạn, chúng ta được bảo rằng nguyên tử hồng trần chứa trong **chu vi của nó mười bốn ngàn triệu nguyên tử nguyên mẫu,** tuy nhiên vô số những nguyên tử này biểu lộ như một.

18. As there are so many types of physical atoms, it would only make sense to consider the physical atom here referenced as the archetypal etheric-physical atom to be found upon the atomic subplane of the etheric-physical plane.

18. Vì có quá nhiều loại nguyên tử hồng trần, nên chỉ hợp lý khi xem nguyên tử hồng trần được nhắc đến ở đây là nguyên tử dĩ thái-hồng trần nguyên mẫu được tìm thấy trên cõi phụ nguyên tử của cõi dĩ thái-hồng trần.

19. The term “archetypal atoms” can be correlated with the tiny structure known (in *Occult Chemistry*) as a “bubble in the koilon”.

19. Thuật ngữ “nguyên tử nguyên mẫu” có thể được liên hệ với cấu trúc cực nhỏ được biết đến (trong *Occult Chemistry*) như một “bọt trong koilon”.

20. Are these bubbles ultimately non-composite? Are they indivisible and impartite? At our stage of development this is probably an unanswerable question.

20. Rốt cuộc những bọt này có phải là không tổng hợp không? Chúng có bất khả phân và không phân phần không? Ở giai đoạn phát triển của chúng ta hiện nay, đây có lẽ là một câu hỏi không thể trả lời.

21. The number *fourteen* in connection with this archetypal structure is certainly significant. There are fourteen manus connected with a number of levels of planetary manifestation—certainly globes and probably chains. The bubbles in the koilon build planetary manifestation. We might question: “In what way is the number fourteen connected with sphericity?”

21. Con số *mười bốn* liên hệ với cấu trúc nguyên mẫu này chắc chắn có ý nghĩa. Có mười bốn đức Manu liên hệ với một số cấp độ biểu hiện hành tinh—chắc chắn là các bầu hành tinh và có lẽ là các dãy. Những bọt trong koilon kiến tạo biểu hiện hành tinh. Chúng ta có thể hỏi: “Con số mười bốn liên hệ với tính hình cầu theo cách nào?”

22. VSK reminds: “Of course, exoteric science does not ascribe molecules as constituent parts of atoms, but conversely so. The definition of the atom of matter as occultism describes it, and as exoteric science perceives it, are not here converging”.

22. VSK nhắc nhở: “Dĩ nhiên, khoa học ngoại môn không xem các phân tử là những thành phần cấu tạo của nguyên tử, mà ngược lại. Định nghĩa về nguyên tử của vật chất như huyền bí học mô tả và như khoa học ngoại môn nhận thức không hội tụ tại đây”.

Footnote 1:

Chú thích 1:

In connection with the Atom, the Secret Doctrine says:

Liên hệ với Nguyên tử, Giáo Lý Bí Nhiệm nói:

1. Absolute intelligence thrills through every atom; S. D., I, 298.

1. Trí tuệ tuyệt đối rung động xuyên qua mọi nguyên tử; S. D., I, 298.

23. The atom of substance is directly connected with the third aspect of divinity.

23. Nguyên tử của chất liệu liên hệ trực tiếp với phương diện thứ ba của thiên tính.

24. What is meant by “absolute intelligence”? Might it mean the ‘intelligence

24. “Trí tuệ tuyệt đối” có nghĩa là gì? Có thể nào nó có nghĩa là ‘trí tuệ của Tuyệt Đối, khi

of the Absolute, considering the Absolute as the Solar Logos"? According to this interpretation, then, the intelligence of the Solar Logos thrills through every atom of substance".

xem Tuyệt Đối là Thái dương Thượng đế không? Theo cách giải thích này, thì trí tuệ của Thái dương Thượng đế rung động xuyên qua mọi nguyên tử của chất liệu".

25. "Absolute intelligence" might also be considered as the *fundamental essence* of intelligence comprising qualities such as selectivity, differential aggregation and order.

25. "Trí tuệ tuyệt đối" cũng có thể được xem như *tinh chất căn bản* của trí tuệ, bao gồm những phẩm tính như tính chọn lọc, sự tập hợp sai biệt và trật tự.

2. Wherever there is an atom of matter, there is life; S. D., I, 245, 269, 279.

2. Bất cứ nơi nào có một nguyên tử của vật chất, ở đó có sự sống; S. D., I, 245, 269, 279.

26. This is another way of saying that there is no *inanimate* matter—that all matter has both *soul* and *life*, and certainly intelligence (selectivity based on attraction and repulsion)

26. Đây là một cách khác để nói rằng không có vật chất *vô sinh*—rằng mọi vật chất đều có cả *linh hồn* lẫn *sự sống*, và chắc chắn cả trí tuệ nữa (tính chọn lọc dựa trên hấp dẫn và đẩy lùi)

3. The atom is a concrete manifestation of the Universal Energy; S. D., I, 281.

3. Nguyên tử là một biểu hiện cụ thể của Năng Lượng Vũ Trụ; S. D., I, 281.

27. What do we mean by "Universal Energy"? Again, keeping within reasonable limitations, we could understand "Universal Energy" as a concrete manifestation of the energy of the Solar Logos. We remember that from one perspective, the solar system is (if not *the* Universe) then, *a* "universe".

27. Chúng ta muốn nói gì bởi "Năng Lượng Vũ Trụ"? Một lần nữa, trong những giới hạn hợp lý, chúng ta có thể hiểu "Năng Lượng Vũ Trụ" như một biểu hiện cụ thể của năng lượng của Thái dương Thượng đế. Chúng ta nhớ rằng từ một góc nhìn, hệ mặt trời là (nếu không phải là *Vũ trụ*) thì cũng là, *một* "vũ trụ".

4. The same invisible lives compose the atoms, etc.; S. D., I, 218.

4. Chính những sự sống vô hình ấy cấu thành các nguyên tử, v.v.; S. D., I, 218.

28. Here there seems to be reference to sub-atomic particles.

28. Ở đây dường như có sự quy chiếu đến các hạt hạ nguyên tử.

29. Is the ultimate sub-atomic particle on the cosmic physical plane the "bubble in the koilon"?

29. Hạt hạ nguyên tử tối hậu trên cõi hồng trần vũ trụ có phải là "bọt trong koilon" không?

5. Every atom in the universe has the potentiality of self-consciousness; S. D., I, 132; II, 742.

5. Mọi nguyên tử trong vũ trụ đều có tiềm năng của ngã thức; S. D., I, 132; II, 742.

30. VSK queries: "Is this potentiality distinct from probability or inevitability? What happens to atoms that do not become self-conscious? Can atoms 'die'?"

30. VSK đặt câu hỏi: "Tiềm năng này có khác với xác suất hay tính tất yếu không? Điều gì xảy ra với những nguyên tử không trở nên có ngã thức? Các nguyên tử có thể 'chết' không?"

31. May it be said that if the universal process is to be completed, that aspect of Universal Consciousness which has gone forth into non-Self-consciousness will have to be retracted (thus re-elevated) into full Self-consciousness and, eventually, to Universal Consciousness.

31. Có thể nói rằng nếu tiến trình vũ trụ phải được hoàn tất, thì phương diện của Tâm thức Vũ trụ đã đi ra vào trạng thái phi-ngã thức sẽ phải được rút lại (như vậy được nâng trở lại) vào ngã thức trọn vẹn và cuối cùng vào Tâm thức Vũ trụ.

32. From this perspective every atom in the universe *must* be elevated (through 'emanative retraction') into a state of self-consciousness.

32. Từ góc nhìn này, mọi nguyên tử trong vũ trụ *phải* được nâng lên (thông qua 'sự rút lại bằng xuất lộ') vào một trạng thái ngã thức.

6. Atoms and souls are synonymous in the language of Initiates; S. D.,, 620, 622.

6. Nguyên tử và linh hồn là đồng nghĩa trong ngôn ngữ của các Đấng Điểm đạo; S. D.,, 620, 622.

33. This is a provocative statement. It is as if DK is saying that atoms are units of sentiency.

33. Đây là một phát biểu gợi nhiều suy nghĩ. Dường như Chân sư DK đang nói rằng các nguyên tử là những đơn vị cảm tri.

34. VSK muses: "We enjoy the similarity of atom with Adam Kadmon (monad k?) and sol with soul, etc. synonymous and sonorous … are anagrams like harmonics?"

34. VSK suy ngẫm: "Chúng ta thích thú với sự tương tự giữa atom và Adam Kadmon (monad k?) và sol với soul, v.v. đồng nghĩa và đồng âm... phải chăng chúng là những đảo tự như các họa âm?"

7. The atom belongs wholly to the domain of metaphysics; S. D., I, 559.

7. Nguyên tử hoàn toàn thuộc về lĩnh vực siêu hình học; S. D., I, 559.

35. We are being told that an atom is not at all a physical structure, or that that which is

35. Chúng ta được bảo rằng một nguyên tử hoàn toàn không phải là một cấu trúc hồng

apparently physical is really metaphysical. This is another way of saying that Matter is Spirit and Spirit is Matter.

trần, hoặc rằng cái có vẻ là hồng trần thực ra là siêu hình. Đây là một cách khác để nói rằng Vật chất là Tinh thần và Tinh thần là Vật chất.

36. The realm of metaphysics is the realm of the *phenomenal,* not the realm of the *material.* (cf. *EA* 8)

36. Cõi giới của siêu hình học là cõi giới của cái *hiện tượng,* chứ không phải cõi giới của cái *vật chất.* (xem *EA* 8)

8. Deity is within every atom; S. D., I, 89, 183.

8. Thượng đế ở trong mọi nguyên tử; S. D., I, 89, 183.

37. Materiality is embraced by divinity. Matter is divine.

37. Tính vật chất được thiên tính bao hàm. Vật chất là thiêng liêng.

38. There is no place where God is *not.* "Having pervaded the entire universe with a fragment of Myself, I remain".

38. Không có nơi nào mà Thượng đế *không* hiện diện. "Sau khi thấm nhuần toàn thể vũ trụ bằng một mảnh của Chính Ta, Ta vẫn tồn tại".

9. Every atom is doomed to incessant differentiation; S. D., I, 167.

9. Mọi nguyên tử đều bị định mệnh phải biến phân không ngừng; S. D., I, 167.

39. Can this be *literally* so? Is there no 'smallest particle' 'in-universe'? Is an atom really capable of infinite differentiation?

39. Điều này có thể đúng theo nghĩa *đen* không? Có phải không có 'hạt nhỏ nhất' nào 'trong vũ trụ' không? Một nguyên tử có thực sự có khả năng biến phân vô hạn không?

40. If this were literally the case, then every archetypal atom (fourteen billion of which comprise an archetypal etheric-physical atom) would be further divisible.

40. Nếu điều này đúng theo nghĩa đen, thì mọi nguyên tử nguyên mẫu (mười bốn tỷ nguyên tử trong số đó cấu thành một nguyên tử dĩ thái-hồng trần nguyên mẫu) đều sẽ còn có thể phân chia thêm nữa.

41. Maybe the term "incessant differentiation" cannot be taken at face value. Maybe it means that within every atom there will always be change—mutation rather than relentless subdivision.

41. Có lẽ thuật ngữ "biến phân không ngừng" không thể được hiểu theo mặt chữ. Có lẽ nó có nghĩa là trong mọi nguyên tử sẽ luôn có sự thay đổi—sự biến dị hơn là sự phân chia nhỏ mãi không ngừng.

42. VSK queries: "Why 'doomed' and not 'splendiferously destined'?"

42. VSK queries: "Why is it 'destined' and not 'destiny-fulfilling'?"

42. VSK đặt câu hỏi: "Tại sao là 'bị định mệnh' chứ không phải 'được định mệnh huy hoàng'?"

l0. The object of the evolution of the atom is S. D., I, 206.

l0. Mục tiêu của sự tiến hoá của nguyên tử là S. D., I, 206.

43. The atom is to 'become' Man, but what does this really mean? That the individual atom of substance will, itself, become a human being (composed of many atoms)?!

43. Nguyên tử sẽ 'trở thành' Con Người, nhưng điều này thực sự có nghĩa là gì? Rằng nguyên tử riêng lẻ của chất liệu, tự nó, sẽ trở thành một con người (được cấu thành từ nhiều nguyên tử) sao?!

44. Perhaps it would be more accurate to say that the atom-in-aggregate has the destiny of becoming the composite being called "man", just as many Solar Angels form groups which become, at length, a single Planetary Logoi.

44. Có lẽ sẽ chính xác hơn nếu nói rằng nguyên tử-trong-tập hợp có định mệnh trở thành hữu thể tổng hợp được gọi là "con người", cũng như nhiều Thái dương Thiên Thần tạo thành những nhóm mà cuối cùng trở thành một Các Hành Tinh Thượng Đế đơn nhất.

11. A germ exists in the centre of every atom. S. D., I, 87; II, 622.

11. Một mầm tồn tại ở trung tâm của mọi nguyên tử. S. D., I, 87; II, 622.

45. This germ is the essence of Life, itself.

45. Mầm này là tinh chất của chính Sự sống.

12. There is heat **in** every atom; S. D., I, 112.

12. Có nhiệt **trong** mọi nguyên tử; S. D., I, 112.

46. VSK queries whether the terms Deity, heat, the germ are all synonymous in this context.

46. VSK đặt câu hỏi liệu các thuật ngữ Thượng đế, nhiệt, mầm có phải đều đồng nghĩa trong ngữ cảnh này không.

47. The answer appears to be yes. The atom is a fully divine expression and is fully indwelt by the essence of divinity.

47. Câu trả lời dường như là có. Nguyên tử là một biểu hiện hoàn toàn thiêng liêng và hoàn toàn được tinh chất của thiên tính ngự bên trong.

48. Of course the term "heat" suggests motion; increases in heat correspond to greater rapidity of motion and decrease to a reduction of rapidity of motion—of the

48. Dĩ nhiên thuật ngữ "nhiệt" gợi ý chuyển động; sự gia tăng nhiệt tương ứng với tốc độ chuyển động lớn hơn và sự giảm nhiệt tương ứng với sự giảm tốc độ chuyển động—của

constituent factors which comprise that which is experiencing and increase or decrease of heat.

những yếu tố cấu thành tạo nên cái đang trải qua sự gia tăng hay giảm sút nhiệt.

49. In other words, if there is heat *in* every atom, there is the suggestion that every atom is *composite.* Is there heat, also, *in* a "bubble in the koilon"—i.e., an archetypal atom (of the kind that should be found on the highest subplane of the cosmic physical plane—within the "Sea of Fire"?)

49. Nói cách khác, nếu có nhiệt *trong* mọi nguyên tử, thì điều đó gợi ý rằng mọi nguyên tử đều là *hợp thể.* Vậy có nhiệt, cũng *trong* một "bọt bóng trong koilon" hay không—tức là, một nguyên tử nguyên mẫu (thuộc loại được cho là hiện diện trên cõi phụ cao nhất của cõi hồng trần vũ trụ—bên trong "Biển Lửa")?

13. Every atom has seven planes of being; S. D., I, 174.

13. Mọi nguyên tử đều có bảy cõi hiện hữu; S. D., I, 174.

50. What these "seven planes of being" may be, depends upon the scope and complexity of the atom under consideration.

50. "Bảy cõi hiện hữu" này có thể là gì, điều đó tùy thuộc vào phạm vi và mức độ phức tạp của nguyên tử đang được xét.

51. The seven planes of being may be subdivisions of a subplane. They are correlated with the seven spirillae.

51. Bảy cõi hiện hữu có thể là những phân bộ của một cõi phụ. Chúng tương quan với bảy loa tuyến.

So every man has seven planes/vehicles centres, each

Vì vậy mỗi người đều có bảy cõi/vận cụ trung tâm, mỗi

52. The idea that a human being has seven chakras is familiar. Does the range of a human being extend *to all seven subplanes* of the cosmic physical plane? The answer could be "yes" if the *essence* of the Monad (i.e., the *life* within the monadic vehicle) extends to the Sea of Fire—the first plane logoic.

52. Ý tưởng cho rằng một con người có bảy luân xa là điều quen thuộc. Phạm vi của một con người có mở rộng *đến cả bảy cõi phụ* của cõi hồng trần vũ trụ hay không? Câu trả lời có thể là "có" nếu *tinh chất* của chân thần (tức là *sự sống* bên trong vận cụ chân thần) vươn tới Biển Lửa—cõi thứ nhất, cõi logoic.

14. Atoms are vibrations; S. D., I, 694.

14. Các nguyên tử là những rung động; S. D., I, 694.

53. The important question, always, is as follows: *what* is vibrating? We usually think of a material unit as vibrating, but if the apparently material unit is, itself, a *vibration*

53. Câu hỏi quan trọng, luôn luôn, là như sau: *điều gì* đang rung động? Chúng ta thường nghĩ một đơn vị vật chất đang rung động, nhưng nếu đơn vị có vẻ vật chất ấy tự

then our approach to understanding must be different.

54. We may wish to explore the movements, relative to each other, of the "holes in space" 'dug' by Fohat.

55. Related questions are: can a non-composite medium vibrate? Or is vibration the movement of the composites of any medium.

c. An atom is distinguished by activity, and shows forth the qualities of:

a. Rotary motion.

b. Discriminative power.

c. Ability to develop.

56. Perhaps this list of qualities may correlate with the three aspects of divinity.

57. We may see in "a." (rotary motion) the first aspect in relation to the atom, which is a demonstration of the third aspect of divinity.

58. We may see in "b." that the quality of 'sentiency' may be correlated to discriminative power. The atom may manifest its incipient consciousness (in this second quality of third aspect activity) as the ability to react with attraction or repulsion to various stimuli.

59. VSK suggest that this type of response is correlated with desire, the "son of necessity

nó lại là một *rung động* thì cách tiếp cận của chúng ta để thấu hiểu phải khác đi.

54. Chúng ta có thể muốn khảo sát các chuyển động, tương đối với nhau, của những "lỗ hổng trong không gian" được Fohat 'đào' ra.

55. Những câu hỏi liên quan là: một môi trường không-hợp-thể có thể rung động không? Hay rung động là sự chuyển động của các hợp thể trong bất kỳ môi trường nào.

c. Một nguyên tử được phân biệt bởi hoạt động, và biểu lộ các phẩm tính của:

a. Chuyển động quay.

b. Năng lực phân biện.

c. Khả năng phát triển.

56. Có lẽ danh sách các phẩm tính này có thể tương quan với ba phương diện của thiên tính.

57. Chúng ta có thể thấy trong "a." (chuyển động quay) phương diện thứ nhất trong liên hệ với nguyên tử, vốn là một biểu hiện của phương diện thứ ba của thiên tính.

58. Chúng ta có thể thấy trong "b." rằng phẩm tính 'cảm tri' có thể được tương quan với năng lực phân biện. Nguyên tử có thể biểu lộ tâm thức sơ khởi của nó (trong phẩm tính thứ hai này của hoạt động thuộc phương diện thứ ba) như khả năng phản ứng bằng hấp dẫn hay đẩy lùi trước nhiều kích thích khác nhau.

59. VSK gợi ý rằng loại đáp ứng này tương quan với dục vọng, "đứa con của tất yếu một

again", facilitating the capacity of matter to evolve and develop, through the driving intent, i.e., the rotary motion.

60. The third quality can be correlated to the 'will to evolve' or develop.

61. We can think of development as the unfoldment of the form of the atom, its outer expression

62. VSK sees this as a "repeating the process: the 1/a 'motive power' entering *into* the 3/c, a receptive material, evolves a light of 'discrimination'".

63. VSK would have us recall the subplane level upon which the sense of discrimination is to be found (from the section in *TCF* describing senses and centres —*TCF* 188), i.e., the *fourth* subplane of the *fifth* or manasic plane …a plane of 'sight' concerning quality of vision, correlated to the middle or 'soul' element of this trinity of qualities.

64. This middle term ("Discriminative Power") correlates to the mental unit (found on the middle subplane of the mental plane). The mental unit can be considered the fruit of the personality system. There is an interesting correlation to the number of atoms hypothesized in man--10^{28}; both the numbers 10. and 28. can be associated with the Makara, considered as the Creative Hierarchy which correlates (at least partially) with the human personality.

d. An atom, we are told, contains within itself three major spirals and seven lesser[2]. which ten are in process [Page 247] of vitalisation, but have not yet attained full activity.

lần nữa", tạo điều kiện cho khả năng của vật chất tiến hoá và phát triển, thông qua ý hướng thúc đẩy, tức là, chuyển động quay.

60. Phẩm tính thứ ba có thể được tương quan với 'ý chí tiến hoá' hay phát triển.

61. Chúng ta có thể nghĩ về sự phát triển như sự khai mở của hình tướng nguyên tử, sự biểu lộ bên ngoài của nó

62. VSK xem điều này như là "lặp lại tiến trình: 1/a 'động lực' đi vào *trong* 3/c, một vật chất tiếp nhận, làm tiến hoá một ánh sáng của 'sự phân biện'".

63. VSK muốn chúng ta nhớ lại cấp độ cõi phụ nơi cảm quan phân biện được tìm thấy (từ phần trong *TCF* mô tả các giác quan và các trung tâm—*TCF* 188), tức là cõi phụ *thứ tư* của cõi *thứ năm* hay cõi manas … một cõi của 'thị giác' liên quan đến phẩm tính của tầm nhìn, tương quan với yếu tố ở giữa hay yếu tố 'linh hồn' của bộ ba phẩm tính này.

64. Thuật ngữ trung gian này ("Năng Lực Phân Biện") tương quan với đơn vị hạ trí (được tìm thấy trên cõi phụ ở giữa của cõi trí). Đơn vị hạ trí có thể được xem là kết quả của hệ thống phàm ngã. Có một tương quan thú vị với số lượng nguyên tử được giả thuyết nơi con người--1028; cả hai con số 10. và 28. đều có thể được liên kết với Makara, được xem là Huyền Giai Sáng Tạo tương quan (ít nhất là một phần) với phàm ngã con người.

d. Một nguyên tử, như chúng ta được cho biết, chứa trong chính nó ba xoắn ốc chính và bảy xoắn ốc nhỏ hơn2. mà mười xoắn ốc ấy đang trong tiến trình [Page 247] được tiếp

sinh lực, nhưng chưa đạt đến hoạt động trọn vẹn.

65. The Kabalistic system of a lesser seven and a superior three is again suggested. The formulation is that of a "Tree of Life"

65. Hệ thống Kabalistic gồm bảy thấp hơn và ba cao hơn lại được gợi ra. Công thức ấy là công thức của một "Cây Sự Sống"

66. There is a superior trinity within the lesser seven and a higher correspondence to this trinity to be found within the three major spirals.

66. Có một bộ ba cao hơn bên trong bảy thấp hơn và một tương ứng cao hơn với bộ ba này được tìm thấy bên trong ba xoắn ốc chính.

67. Ten is the number of perfection; all ten spirals must achieve vitalization at the full unfoldment of the entity concerned (no matter what the scope of the atom—of substance, human, planetary or solar).

67. Mười là con số của sự toàn hảo; cả mười xoắn ốc phải đạt được sự tiếp sinh lực khi thực thể liên hệ khai mở trọn vẹn (bất kể phạm vi của nguyên tử là gì—của chất liệu, con người, hành tinh hay thái dương).

68. The first major spiral correlates Kabbalistically to Binah; the second to Chokma and the third to Kether—the supernal Kabalistic Trinity.

68. Xoắn ốc chính thứ nhất tương quan theo Kabbalah với Binah; xoắn ốc thứ hai với Chokma và xoắn ốc thứ ba với Kether—Bộ Ba Kabalistic thiên thượng.

Only four are functioning at this stage, and the fifth is in process of development.

Chỉ có bốn đang hoạt động ở giai đoạn này, và xoắn ốc thứ năm đang trong tiến trình phát triển.

69. This stage of unfoldment parallels the degree of unfoldment of the spirillae in man —only four are fully functioning.

69. Giai đoạn khai mở này song hành với mức độ khai mở của các loa tuyến nơi con người—chỉ có bốn là hoạt động trọn vẹn.

70. This unfoldment of only four probably correlates with the fact that we are presently in the fourth round on this fourth planetary chain.

70. Sự khai mở chỉ có bốn này có lẽ tương quan với sự kiện rằng hiện nay chúng ta đang ở cuộc tuần hoàn thứ tư trên dãy hành tinh thứ tư này.

71. The tiny form we call at atom of substance is in process of initiation, entering (with the vivification of its fifth spiral) what for it is a kind of "fifth kingdom" analogous to the fifth kingdom

71. Hình tướng nhỏ bé mà chúng ta gọi là nguyên tử của chất liệu đang trong tiến trình điểm đạo, bước vào (cùng với sự làm sống động xoắn ốc thứ năm của nó) điều đối với nó là một loại "giới thứ năm", tương tự với giới thứ năm mà đơn vị nhân loại đang

which the human unit is entering at its first initiation.

bước vào trong lần điểm đạo thứ nhất của mình.

Footnote [2]: Inner Life: Vol. II, 177-179. Occult Chemistry, p. 22. Occult Chemistry, Appendix II and III. Babbitt's "Light and Colour," pp. 97-101

Chú thích 2: Inner Life: Tập II, 177-179. Occult Chemistry, tr. 22. Occult Chemistry, Phụ lục II và III. Babbitt's "Light and Colour," tr. 97-101

72. VSK, pondering Babbitt's atom suggests the following: "There are *ten* spirillae; *three* and *seven*; how do we find these on Babbitt's Atom, p. 1181); we see the *seven* littler 'electrical colours' (from the north pole), *three* main larger 'extra spirals', the *seven* little 'thermal' and *three* main 'extra spirals', and *seven* little again at the bottom, 'intra spirals', before the south pole. This is 7. x 3. = 21, + 3. 'extra' x 2. = 27. This can be correlated with the twenty-seven laws of fire (*TCF* 427).

72. VSK, khi suy ngẫm về nguyên tử của Babbitt, gợi ý như sau: "Có *mười* loa tuyến; *ba* và *bảy*; làm sao chúng ta tìm thấy những điều này trong Nguyên tử của Babbitt, tr. 1181)? chúng ta thấy *bảy* 'màu điện' nhỏ hơn (từ cực bắc), *ba* 'xoắn ốc phụ thêm' chính lớn hơn, *bảy* 'nhiệt' nhỏ và *ba* 'xoắn ốc phụ thêm' chính, và *bảy* cái nhỏ nữa ở phía dưới, 'xoắn ốc nội', trước cực nam. Đây là 7. x 3. = 21, + 3. 'phụ thêm' x 2. = 27. Điều này có thể được tương quan với hai mươi bảy định luật của lửa (*TCF* 427).

e. An atom is governed by the Law of Economy, is coming slowly under the Law of Attraction, and will eventually come under the Law of Synthesis.

e. Một nguyên tử được chi phối bởi Định luật Tiết Kiệm, đang chậm rãi đi vào dưới Định luật Hấp Dẫn, và cuối cùng sẽ đi vào dưới Định luật Tổng Hợp.

73. The major law controlling the atom is the Law of Economy because the atom of substance so thoroughly represents the life of the Third Logos.

73. Định luật chính kiểm soát nguyên tử là Định luật Tiết Kiệm bởi vì nguyên tử của chất liệu biểu trưng quá triệt để cho sự sống của Logos thứ ba.

74. Nevertheless, in our solar system the atom is slowly being influenced by the second divine aspect.

74. Tuy nhiên, trong hệ mặt trời của chúng ta, nguyên tử đang chậm rãi chịu ảnh hưởng của phương diện thiêng liêng thứ hai.

75. What is the meaning of "eventually" in relation to the Law of Synthesis? Will that which is the atom now come under the Law of Synthesis in this *present* solar system or only in the next? It is only for the Planetary Logos that the Law of Synthesis is the "primary law". For the Solar Logos the Law of Synthesis is the "governing" law. This is

75. "Cuối cùng" có nghĩa gì trong liên hệ với Định luật Tổng Hợp? Cái hiện nay là nguyên tử ấy sẽ đi vào dưới Định luật Tổng Hợp trong hệ mặt trời *hiện tại* này hay chỉ trong hệ kế tiếp? Chỉ đối với Hành Tinh Thượng Đế thì Định luật Tổng Hợp mới là "định luật sơ yếu". Đối với Thái dương Thượng đế, Định luật Tổng Hợp là định luật "chi phối". Điều

not yet so for a man and far from the case for the tiny atom.

76. VSK suggests: "The implications of this is that there actually *is* evolution –and different Laws rule the same thing over time. Or does it just seem so from the perspective of the evolving man-consciousness, i.e., from our perspective as 'we' evolve?"

f. An atom finds its place within all forms; it is the aggregation of atoms that produces form.

77. We are dealing now with the process of aggregation.

78. Atoms do not aggregate randomly but are moved according to the patterns inherent within the second aspect of Fohat (as it, Fohat, responds to the second divine aspect, that of the Son).We remember that each aspect of divinity has the other two aspects within it.

79. An atom is a tiny form and is built into the greater forms which represent the geometrizing power of the Divine Builder (the second aspect).

80. All lesser atoms (considered, occultly, as *molecules*) find their place within the spatial configuration of greater atoms. This applies to man, the Planetary Logos and the Solar Logos equally.

81. This tendency to aggregation in the atom is the response to that which (in the

này chưa đúng đối với con người và càng không đúng đối với nguyên tử nhỏ bé.

76. VSK gợi ý: "Hàm ý của điều này là thực sự có *sự* tiến hoá—và những Định luật khác nhau cai quản cùng một sự vật theo thời gian. Hay điều đó chỉ có vẻ như vậy từ góc nhìn của tâm thức con người đang tiến hoá, tức là, từ góc nhìn của chúng ta khi 'chúng ta' tiến hoá?"

f. Một nguyên tử tìm thấy vị trí của nó trong mọi hình tướng; chính sự tập hợp các nguyên tử tạo ra hình tướng.

77. Hiện nay chúng ta đang bàn đến tiến trình tập hợp.

78. Các nguyên tử không tập hợp một cách ngẫu nhiên mà được vận động theo những mô hình vốn có bên trong phương diện thứ hai của Fohat (khi chính Fohat đáp ứng với phương diện thiêng liêng thứ hai, tức phương diện của Con). Chúng ta nhớ rằng mỗi phương diện của thiên tính đều có hai phương diện kia bên trong nó.

79. Một nguyên tử là một hình tướng nhỏ bé và được xây dựng vào trong những hình tướng lớn hơn, vốn biểu trưng cho quyền năng hình học hóa của Đấng kiến tạo Thiêng liêng (phương diện thứ hai).

80. Mọi nguyên tử nhỏ hơn (được xem, một cách huyền bí, như *các phân tử*) đều tìm thấy vị trí của chúng trong cấu hình không gian của những nguyên tử lớn hơn. Điều này áp dụng như nhau cho con người, Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế.

81. Khuynh hướng tập hợp này nơi nguyên tử là sự đáp ứng với điều mà (trong những sự

greater Self-conscious lives) goes by the name of 'group impulse'

sống lớn hơn có ngã thức) được gọi là 'xung lực nhóm'

82. The wording is curious: how can a single atom find its place within *all* forms? It would seem that each atom would find its place within a particular form or particular forms.

82. Cách diễn đạt này thật lạ: làm sao một nguyên tử đơn lẻ có thể tìm thấy vị trí của nó trong *mọi* hình tướng? Có vẻ như mỗi nguyên tử sẽ tìm thấy vị trí của nó trong một hình tướng riêng biệt hay những hình tướng riêng biệt.

83. A simpler way of interpreting the extract is to say that all forms are composed of atoms.

83. Một cách đơn giản hơn để diễn giải đoạn trích là nói rằng mọi hình tướng đều được cấu thành từ các nguyên tử.

84. There is a theory that there is but one electron in all the universe. Could this apply as well to the atom?

84. Có một giả thuyết cho rằng chỉ có một electron trong toàn thể vũ trụ. Điều này có thể cũng áp dụng cho nguyên tử chăng?

g. Its responsiveness to outer stimulation:

g. Tính đáp ứng của nó đối với kích thích bên ngoài:

- Electrical stimulation, affecting its objective form.

- Kích thích điện, tác động lên hình tướng khách quan của nó.

85. We note that the electrical stimulation has nothing to do with electric fire to which the atom of substance is unresponsive, just as it is as yet unresponsive to the Law of Synthesis, and just as non-sacred planets are not responsive to the monadic aspect.

85. Chúng ta lưu ý rằng kích thích điện không liên quan gì đến Lửa Điện mà nguyên tử của chất liệu không đáp ứng, cũng như nó hiện chưa đáp ứng với Định luật Tổng Hợp, và cũng như các hành tinh không thiêng liêng không đáp ứng với phương diện chân thần.

- Magnetic stimulation, acting upon its subjective life.

- Kích thích từ tính, tác động lên sự sống chủ quan của nó.

86. Magnetism and subjectivity are directly related. The subjective aspect of the atom is its *inherent quality* which determines the manner in which is it discriminatively attracted to or repelled by other atoms.

86. Từ điện và tính chủ quan có liên hệ trực tiếp. Phương diện chủ quan của nguyên tử là *phẩm tính cố hữu* của nó, điều quyết định cách thức nó bị hấp dẫn hay bị đẩy lùi một cách phân biện bởi các nguyên tử khác.

- The united effect of the two stimulations, producing consequent internal growth and development.

87. What can be the nature of the atom's internal growth and development? Probably a growing capacity to respond discriminatively to other atoms and to find its way into those geometrically patterned forms which offer it the possibility of absorbing quality from the second aspect of divinity.

88. There may also be geometric re-arrangement occurring *within* the constituents of any atom which contribute to its discriminative responsiveness.

An atom therefore is distinguished by:

1. Its spheroidal shape. Its ring-pass-not is definite and seen.

89. Seen by clairvoyants, presumably. Has the atom yet been 'seen' through modern scientific methods of observation?

90. We are speaking of a Saturnian quality within the nature of the atom—its ring-pass-not, which is definite and objective (both definiteness and objectivity belonging to Saturn).

91. VSK remarks that it is interesting that Saturn has the most defined, visible 'rings'!; although several other planets have them, He is typified by them."

92. VSK queries: "Why is Saturn not more 'advanced' then if the it is the 'archetypified'

- Tác động hợp nhất của hai loại kích thích, tạo ra sự tăng trưởng và phát triển nội tại tiếp theo.

87. Bản chất của sự tăng trưởng và phát triển nội tại của nguyên tử có thể là gì? Có lẽ đó là năng lực ngày càng tăng để đáp ứng một cách phân biện với các nguyên tử khác và tìm đường đi vào những hình tướng có mô hình hình học, những hình tướng đem lại cho nó khả năng hấp thụ phẩm tính từ phương diện thứ hai của thiên tính.

88. Cũng có thể có sự tái sắp xếp hình học diễn ra *bên trong* các thành phần của bất kỳ nguyên tử nào, góp phần vào tính đáp ứng phân biện của nó.

Vì vậy một nguyên tử được phân biệt bởi:

1. Hình dạng cầu của nó. Vòng-giới-hạn của nó là xác định và có thể thấy được.

89. Có lẽ là được các nhà thông nhãn nhìn thấy. Nguyên tử đã được 'thấy' qua các phương pháp quan sát khoa học hiện đại hay chưa?

90. Chúng ta đang nói đến một phẩm tính của Sao Thổ trong bản chất của nguyên tử—vòng-giới-hạn của nó, vốn xác định và khách quan (cả tính xác định lẫn tính khách quan đều thuộc về Sao Thổ).

91. VSK nhận xét rằng thật thú vị khi Sao Thổ có những 'vành' được xác định rõ nhất, nhìn thấy rõ nhất!; mặc dù vài hành tinh khác cũng có chúng, Ngài được tiêu biểu bởi chúng."

92. VSK nêu câu hỏi: "Vậy tại sao Sao Thổ lại không 'tiến bộ' hơn nếu nó là thành quả

fruit of the first solar system? Saturn is in its third chain and fourth globe, only.)

‘nguyên mẫu hóa’ của hệ mặt trời thứ nhất? Sao Thổ chỉ ở dãy thứ ba và bầu hành tinh thứ tư.)

93. May it be suggested that the relative *advancement* of a planet cannot be determined by its degree of *unfoldment*? For instance, Venus and Mercury are far more *unfolded* than Saturn, but far less *advanced* (in terms of spiritual maturity).

93. Có thể gợi ý rằng mức độ *tiến bộ* tương đối của một hành tinh không thể được xác định bởi mức độ *khai mở* của nó chăng? Chẳng hạn, Sao Kim và Sao Thủy *khai mở* hơn Sao Thổ rất nhiều, nhưng lại *tiến bộ* kém hơn rất nhiều (xét theo mức độ trưởng thành tinh thần).

2. Its internal arrangement, which comprises the **sphere of influence** of any particular atom.

2. Sự sắp xếp nội tại của nó, bao gồm **phạm vi ảnh hưởng** của bất kỳ nguyên tử đặc thù nào.

94. VSK states and queries: We recall this phrase “sphere of influence” in relating to initiates/disciples and their ‘sphere of influence’, and that of the Ashram’s sphere of influence. How does its *internal arrangement* “comprise” the sphere of influence? Is it the internal configuration that determines, like DNA at the heart of the cell, or is the Master at the heart of the ashramic body, that sphere?

94. VSK phát biểu và nêu câu hỏi: Chúng ta nhớ lại cụm từ “phạm vi ảnh hưởng” khi liên hệ với các điểm đạo đồ/đệ tử và ‘phạm vi ảnh hưởng’ của họ, cũng như phạm vi ảnh hưởng của ashram. Làm sao *sự sắp xếp nội tại* của nó lại “bao gồm” phạm vi ảnh hưởng? Có phải chính cấu hình nội tại quyết định phạm vi ấy, như DNA ở trung tâm tế bào, hay như Chân sư ở trung tâm thể ashram?

95. The phrase “sphere of influence” can have two meanings. Here it seems to mean the tiny aggregated lives *over which* the central life of the atom presides.

95. Cụm từ “phạm vi ảnh hưởng” có thể có hai nghĩa. Ở đây dường như nó có nghĩa là những sự sống tập hợp nhỏ bé *mà trên đó* sự sống trung tâm của nguyên tử chủ trì.

96. Another meaning concerns the sphere of its influential radiation. From this perspective, a sphere of influence may *depend* upon the nature and radiatory strength of the internal arrangement of any unit of life, but it hard to conceive that the sphere of influence does not touch areas lying *beyond* the internal arrangement.

96. Một nghĩa khác liên quan đến phạm vi bức xạ ảnh hưởng của nó. Từ góc nhìn này, một phạm vi ảnh hưởng có thể *phụ thuộc* vào bản chất và cường độ bức xạ của sự sắp xếp nội tại của bất kỳ đơn vị sự sống nào, nhưng thật khó hình dung rằng phạm vi ảnh hưởng lại không chạm đến những khu vực nằm *vượt ra ngoài* sự sắp xếp nội tại ấy.

97. No atom of life (considered as a generic life unit) influences only itself.

97. Không một nguyên tử sự sống nào (được xem như một đơn vị sự sống tổng quát) chỉ ảnh hưởng đến chính nó.

3. Its life-activity, or the extent to which the life at the centre animates the atom, a relative thing at this stage.

3. Hoạt động sự sống của nó, hay mức độ mà sự sống ở trung tâm làm sinh động nguyên tử, một điều tương đối ở giai đoạn này.

98. The life of any 'unit of life' is always found—expressing as a living nucleus—at the center of the unit.

98. Sự sống của bất kỳ 'đơn vị sự sống' nào cũng luôn được tìm thấy—biểu lộ như một hạt nhân sống—ở trung tâm của đơn vị ấy.

99. Every unit is composed of those structures which represent the three aspects of divinity.

99. Mọi đơn vị đều được cấu thành từ những cấu trúc biểu trưng cho ba phương diện của thiên tính.

100. In the greater atoms we are discussing in this comparison (the man, Planetary Logos and Solar Logos) there are preliminary stages of development in which the life at the center is *not* the principal animating factor. As evolution proceeds, however, it becomes so.

100. Trong những nguyên tử lớn hơn mà chúng ta đang bàn đến trong phép so sánh này (con người, Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế), có những giai đoạn phát triển sơ bộ trong đó sự sống ở trung tâm *không* phải là nhân tố làm sinh động chính yếu. Tuy nhiên, khi tiến hoá tiếp diễn, nó trở thành như vậy.

101. DK simply suggests that the degree to which the central life of the atom of substance animates that atom of substance is *relative*—depending, one would suppose, on the degree of evolutionary unfoldment of that type of atom—for atoms, too, (tiny forms that they are) evolve.

101. Chân sư DK chỉ đơn giản gợi ý rằng mức độ mà sự sống trung tâm của nguyên tử chất liệu làm sinh động nguyên tử chất liệu ấy là *tương đối*—hẳn là tùy thuộc vào mức độ khai mở tiến hoá của loại nguyên tử ấy—vì các nguyên tử cũng vậy, dù là những hình tướng nhỏ bé, vẫn tiến hoá.

102. In the greater three atoms discussed, the factor of *control* is an issue related to point "3.", but, naturally, it cannot be an issue in relation to the tiny unselfconscious life we call the atom of substance/matter.

102. Trong ba nguyên tử lớn hơn được bàn đến, yếu tố *kiểm soát* là một vấn đề liên hệ với điểm "3.", nhưng dĩ nhiên, nó không thể là một vấn đề trong liên hệ với sự sống nhỏ bé vô ngã thức mà chúng ta gọi là nguyên tử của chất liệu/vật chất.

4. Its sevenfold inner economy in process of evolution.

4. Nội kinh tế thất phân của nó đang trong tiến trình tiến hoá.

103. What comprises the sevenfold inner economy of the atom of substance? And why is the inner economy *sevenfold*?

104. Here we are dealing with the seven spirillae (or, depending upon the point of view, ten spirillae) and their evolution.

105. Successive spirillae are receiving stimulation as the atom evolves, and on that sub-microscopic level, there may be also be repatternings and rearrangements of the tiny particles which compose the spirillae.

106. For the atom, man, point "4." Deals with the development of his seven principles

107. For the two still greater atoms discussed, point "4." deals not only with the development of the seven principles, but with their eventual merging from seven to three to one.

5. Its eventual synthesis internally from the seven into the three.

108. This point deals with the process of merging and obscuration which is also at work eventually in the evolutionary process the atom of matter/substance.

109. One wonders whether, on this atomic level, there is also a merging from the three into the one.

6. Its group relation.

110. All the units of life discussed in this fourfold comparison have a *group* relation.

103. Điều gì cấu thành nội kinh tế thất phân của nguyên tử chất liệu? Và tại sao nội kinh tế ấy lại là *thất phân*?

104. Ở đây chúng ta đang bàn đến bảy loa tuyến (hoặc, tùy theo quan điểm, mười loa tuyến) và sự tiến hoá của chúng.

105. Các loa tuyến kế tiếp đang nhận kích thích khi nguyên tử tiến hoá, và ở cấp độ dưới hiển vi ấy, cũng có thể có những sự tái mô hình hóa và tái sắp xếp của các hạt cực nhỏ cấu thành các loa tuyến.

106. Đối với nguyên tử là con người, điểm "4." bàn đến sự phát triển của bảy nguyên khí của y

107. Đối với hai nguyên tử còn lớn hơn nữa được bàn đến, điểm "4." không chỉ bàn đến sự phát triển của bảy nguyên khí, mà còn bàn đến sự hợp nhất cuối cùng của chúng từ bảy thành ba rồi thành một.

5. Sự tổng hợp nội tại cuối cùng của nó từ bảy thành ba.

108. Điểm này bàn đến tiến trình hợp nhất và che khuất, vốn cuối cùng cũng hoạt động trong tiến trình tiến hoá của nguyên tử vật chất/chất liệu.

109. Người ta tự hỏi liệu, ở cấp độ nguyên tử này, cũng có một sự hợp nhất từ ba thành một hay không.

6. Quan hệ nhóm của nó.

110. Mọi đơn vị sự sống được bàn đến trong phép so sánh tứ phân này đều có một quan hệ *nhóm*.

111. This confirms the thought that the atom of substance must have a "sphere of influence" which lies beyond its internal arrangement.

111. Điều này xác nhận ý nghĩ rằng nguyên tử chất liệu hẳn phải có một "phạm vi ảnh hưởng" nằm vượt ra ngoài sự sắp xếp nội tại của nó.

7. Its development of consciousness, or responsiveness.

7. Sự phát triển tâm thức, hay tính đáp ứng, của nó.

112. VSK suggests that we remember to use the numerical keys given in the lists. There are hints imbedded in the presented structure.

112. VSK gợi ý rằng chúng ta nên nhớ sử dụng các chìa khóa số học được đưa ra trong các danh sách. Có những gợi ý được cài cắm trong cấu trúc được trình bày.

113. VSK suggest that we consider that "responsiveness" and the "development of consciousness" are presented under number "7", and thus tell us of the *end result* in the series of development in the magical process of manifestation.

113. VSK gợi ý rằng chúng ta hãy xét việc "tính đáp ứng" và "sự phát triển tâm thức" được trình bày dưới số "7", và do đó cho chúng ta biết về *kết quả cuối cùng* trong chuỗi phát triển của tiến trình huyền thuật của sự biểu hiện.

114. It is interesting that the term "its" is used at the beginning of this sentence. For the three greater atoms, the word is "his".

114. Thật thú vị khi từ "its" được dùng ở đầu câu này. Đối với ba nguyên tử lớn hơn, từ được dùng là "his".

115. Even though the atom is an unselfconscious life, it is not inanimate. Its consciousness or responsiveness is growing through increasing contact with that which lies beyond its ring-pass-not.

115. Dù nguyên tử là một sự sống vô ngã thức, nó không phải là vô sinh. Tâm thức hay tính đáp ứng của nó đang tăng trưởng qua sự tiếp xúc ngày càng nhiều với điều nằm vượt ra ngoài vòng-giới-hạn của nó.

Having predicated the above facts of the atom, we can extend the idea now to man, following the same general outline:

Sau khi đã xác định các sự kiện trên đây về nguyên tử, giờ đây chúng ta có thể mở rộng ý tưởng ấy sang con người, theo cùng một đại cương tổng quát:

116. We are reminded that this section of the book deals with an extensive fourfold comparison.

116. Chúng ta được nhắc rằng phần này của cuốn sách bàn đến một phép so sánh tứ phân rộng lớn.

117. It will be our purpose to learn about a given unit, not only from what is said about it, but from what is said about the other

117. Mục đích của chúng ta sẽ là học hỏi về một đơn vị nhất định, không chỉ từ những gì được nói về nó, mà còn từ những gì được nói

paralleling atomic units. This has been the reason, for instance, that information concerning the three superior types of atoms has been referenced when discussing the atom of matter/substance.

về các đơn vị nguyên tử song hành khác. Chẳng hạn, đó là lý do vì sao thông tin liên quan đến ba loại nguyên tử cao hơn đã được viện dẫn khi bàn về nguyên tử của vật chất/ chất liệu.

A Man.

Con Người.

a. A man is spheroidal in form, he can be seen as a circular ring-pass-not, a sphere of matter with a **nucleus** [Page 248] **of life** at the centre.

a. Một con người có hình cầu, y có thể được thấy như một vòng-giới-hạn hình tròn, một khối cầu vật chất với một **hạt nhân** [Page 248] **sự sống** ở trung tâm.

118. It may be inferred that the "jewel in the lotus" is the "nucleus of life" here discussed.

118. Có thể suy ra rằng "ngọc trong hoa sen" là "hạt nhân sự sống" đang được bàn đến ở đây.

119. From a higher perspective, the Monad is the true nucleus of life and, later in the developmental process, may be considered the operative center of man's auric sphere.

119. Từ một góc nhìn cao hơn, chân thần là hạt nhân sự sống đích thực và, về sau trong tiến trình phát triển, có thể được xem là trung tâm vận hành của khối cầu hào quang của con người.

In predicating this we are considering the true man in his fundamental position as the Ego, with his sphere of manifestation, the causal body,—that body which forms the middle point between Spirit and matter.

Khi xác định như vậy, chúng ta đang xét con người đích thực trong vị trí căn bản của y như Chân ngã, với phạm vi biểu hiện của y là thể nguyên nhân,—thể tạo thành điểm ở giữa giữa tinh thần và vật chất.

120. Is man's position "as the Ego" really his "**fundamental** position"? Perhaps so, because, when man becomes fully and consciously the Monad which he has always been, he is no longer "man" per se.

120. Vị trí của con người "như Chân ngã" có thực sự là vị trí "**căn bản**" của y không? Có lẽ là vậy, bởi vì khi con người trở thành một cách trọn vẹn và hữu thức chính chân thần mà y vốn luôn là, thì y không còn là "con người" chính nó nữa.

121. VSK calls our attention to the reference to the casual body as the "middle point" (a term which relates closely to the term "middle center" which had to be analyzed in Stanza One).

121. VSK lưu ý chúng ta đến chỗ nhắc đến thể nguyên nhân như là "điểm ở giữa" (một thuật ngữ liên hệ chặt chẽ với thuật ngữ "trung tâm ở giữa" đã phải được phân tích trong Bài kệ Một).

"The Secret of the Fire lieth hid in the second letter of the Sacred Word. The mystery of life is concealed within the heart. When the lower point vibrates, when the sacred triangle glows, when the point, the middle center, and the apex, connect and circulate the Fire, when the threefold apex likewise burns, then the two triangles—the greater and the lesser—merge into one flame, which burneth up the whole."

"Bí Mật của Lửa ẩn giấu trong chữ cái thứ hai của Linh từ Thiêng liêng. Mầu nhiệm của sự sống được che giấu trong trái tim. Khi điểm thấp hơn rung động, khi tam giác thiêng liêng rực sáng, khi điểm, trung tâm ở giữa, và đỉnh nối kết và luân chuyển Lửa, khi đỉnh tam phân cũng bốc cháy, thì hai tam giác—lớn hơn và nhỏ hơn—hợp nhất thành một ngọn lửa, ngọn lửa thiêu rụi toàn thể."

122. VSK extends her questioning: "Thus, does man, 'burn up'? Is it he/us/"I" that is lost, such that 'there is no more man', no more separative consciousness of the middle point, no more astrality, heart, or monad? Is it so that, depending on levels, all of these 'are no more' before the relevant pralaya, periodically, being one soul with the Oversoul?"

122. VSK mở rộng câu hỏi của bà: "Như vậy, con người có 'bị thiêu rụi' không? Có phải y/chúng ta/'tôi' bị mất đi, đến mức 'không còn con người nữa', không còn tâm thức phân ly của điểm ở giữa, không còn cảm dục tính, trái tim, hay chân thần? Có phải là như vậy chăng, rằng tùy theo các cấp độ, tất cả những điều này 'không còn nữa' trước giai kỳ qui nguyên tương ứng, theo chu kỳ, khi là một linh hồn với đại hồn?"

b. A man contains within himself differentiated atoms, which in their totality make up the objective form of the man on the planes of his manifestation.

b. Một con người chứa trong chính mình những nguyên tử đã được biến phân, mà trong tổng thể của chúng tạo nên hình tướng khách quan của con người trên các cõi biểu hiện của y.

123. The "differentiated atoms" which make up the objective form of man are atoms of substance/matter.

123. Những "nguyên tử đã được biến phân" cấu thành hình tướng khách quan của con người là các nguyên tử của chất liệu/vật chất.

124. In relation to man, the atom of substance is the comprising atom. In relation to the Planetary Logos men and deva units are the comprising atoms (or cells, as at times these two words—"atoms" and "cells"—are used rather indistinguishably). In relation to the Solar Logos, groups of all kinds are the comprising atoms.

124. Trong liên hệ với con người, nguyên tử chất liệu là nguyên tử cấu thành. Trong liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế, con người và các đơn vị thiên thần là những nguyên tử cấu thành (hay các tế bào, vì đôi khi hai từ này—"nguyên tử" và "tế bào"—được dùng gần như không phân biệt). Trong liên hệ với Thái dương Thượng đế, các nhóm thuộc mọi loại là những nguyên tử cấu thành.

125. Just as atoms of substance/matter are differentiated (by Fohat), so men and devas as atoms are differentiated, and, so, the many groups which are as atoms in relation to the Solar Logos are differentiated.

125. Cũng như các nguyên tử chất liệu/vật chất được biến phân (bởi Fohat), thì con người và thiên thần như những nguyên tử cũng được biến phân, và như vậy, nhiều nhóm vốn như những nguyên tử trong liên hệ với Thái dương Thượng đế cũng được biến phân.

All are animated by his life, by his persistent will-to-be; **all vibrate according to the point reached by the man in evolution.**

Tất cả đều được làm sinh động bởi sự sống của y, bởi ý chí-tồn-tại bền bỉ của y; **tất cả đều rung động tùy theo điểm tiến hoá mà con người đã đạt tới.**

126. Man's persistent will-to-be animates all atoms within his system of expression.

126. Ý chí-tồn-tại bền bỉ của con người làm sinh động mọi nguyên tử bên trong hệ thống biểu hiện của y.

127. It is important to realize that the evolutionary point reached by any life determines the rate of vibration of the tiny lives which comprise his vehicles of expression.

127. Điều quan trọng là phải nhận ra rằng điểm tiến hoá mà bất kỳ sự sống nào đạt tới quyết định tốc độ rung động của những sự sống nhỏ bé cấu thành các vận cụ biểu hiện của y.

128. The tiny lives we have gathered around us will advance or not (vibratorily) according to the level of evolutionary unfoldment we have achieved.

128. Những sự sống nhỏ bé mà chúng ta đã tập hợp quanh mình sẽ tiến lên hay không tiến lên (về mặt rung động) tùy theo mức độ khai mở tiến hoá mà chúng ta đã đạt được.

As seen from the higher planes man demonstrates as a sphere (or spheres) of differentiated matter, vibrating to a certain measure, tinctured by a certain color, and rotating to a fixed key—the key of his life cycle.

Khi được nhìn từ các cõi cao hơn, con người biểu lộ như một khối cầu (hay các khối cầu) của vật chất đã được biến phân, rung động theo một mức độ nhất định, nhuốm một màu sắc nhất định, và quay theo một chủ âm cố định—chủ âm của chu kỳ sự sống của y.

129. This is the occult and impersonal view of man.

129. Đây là quan điểm huyền bí và phi ngã về con người.

130. All human vehicles are considered as spheres of differentiated matter.

130. Mọi vận cụ của con người đều được xem là những khối cầu của vật chất đã được biến phân.

131. We can interpret this excerpt as indicating that each of man's spheres has its own certain color and rotates to a fixed key.

131. Chúng ta có thể diễn giải đoạn này như cho thấy rằng mỗi khối cầu của con người đều có màu sắc riêng nhất định và quay theo một chủ âm cố định của riêng nó.

132. Or we can take the more global view by considering the many spheres of man as *one sphere* which is tinctured by a certain color and which rotates to a fixed key. Although there is doubtlessly differentiation, the global view has a certain essentiality.

132. Hoặc chúng ta có thể có cái nhìn tổng quát hơn bằng cách xem nhiều khối cầu của con người như *một khối cầu* được nhuốm một màu sắc nhất định và quay theo một chủ âm cố định. Dù chắc chắn có sự biến phân, cái nhìn tổng quát có một tính cốt yếu nhất định.

133. We are learning that a musical key note will be correlated with a certain color and will, according to its frequency, determine a particular rate of rotation for the unit concerned.

133. Chúng ta đang học rằng một chủ âm âm nhạc sẽ tương quan với một màu sắc nhất định và, tùy theo tần số của nó, sẽ quyết định một tốc độ quay đặc thù cho đơn vị liên hệ.

134. The 'sphere of man' is rotating to the "key of his life cycle". Which life cycle is this? Is it simply a cycle pertaining to a single incarnation, or is it a soul cycle of longer duration?

134. 'Khối cầu của con người' đang quay theo "chủ âm của chu kỳ sự sống của y". Đây là chu kỳ sự sống nào? Có phải chỉ đơn giản là một chu kỳ thuộc về một lần lâm phàm đơn lẻ, hay đó là một chu kỳ linh hồn có thời lượng dài hơn?

135. Of the Planetary Logos we learn: "He vibrates to a certain measure, which can be estimated by the activity of the life pulsating at the centre of the sphere;" (*TCF* 251)

135. Về Hành Tinh Thượng Đế, chúng ta được biết: "Ngài rung động theo một mức độ nhất định, có thể được ước lượng bởi hoạt động của sự sống đang đập nhịp ở trung tâm của khối cầu;" (*TCF* 251)

136. From this we may analogically infer that there is life pulsating at the center of *every* atomic sphere and that, for all such atoms, the measure to which they are vibrating can be estimated by this pulsation.

136. Từ điều này, theo định luật tương đồng, chúng ta có thể suy ra rằng có sự sống đang đập nhịp ở trung tâm của *mọi* khối cầu nguyên tử và rằng, đối với mọi nguyên tử như thế, mức độ mà chúng đang rung động có thể được ước lượng bởi nhịp đập này.

137. For man (as here presented) there is a suggestion that the "jewel in the lotus" is *pulsating.*

137. Đối với con người (như được trình bày ở đây), có một gợi ý rằng "viên ngọc trong hoa sen" đang *rung động mạch nhịp.*

138. It may be that the keynote of the atom may also be estimated by the frequency of the pulsation at the center.

138. Có thể chủ âm của nguyên tử cũng được ước định bằng tần số của sự rung động mạch nhịp tại trung tâm.

139. It may be that all these various motions and qualities are correlated:

139. Có thể tất cả những chuyển động và phẩm tính khác nhau này đều có tương quan với nhau:

a. The certain measure to which the atom vibrates

a. Mức độ nhất định mà nguyên tử rung động

b. The color which tinctures the atom

b. Màu sắc nhuộm thấm nguyên tử

c. The fixed key which determines the rotation of the atom

c. Chủ âm cố định quyết định sự quay của nguyên tử

d. And the pulsation at the heart of the atom by means of which one can estimate other measures and qualities.

d. Và sự rung động mạch nhịp nơi tim của nguyên tử, nhờ đó người ta có thể ước định các mức độ và phẩm tính khác.

140. When studying the planetary atom and the solar logoic atoms we notice that DK speaks of the color which tinctures the *entire* atom, and not the colors of its various parts. This gives us justification for viewing man *globally* when considering his color.

140. Khi nghiên cứu nguyên tử hành tinh và các nguyên tử logoi thái dương, chúng ta nhận thấy Chân sư DK nói đến màu sắc nhuộm thấm *toàn bộ* nguyên tử, chứ không phải các màu sắc của những phần khác nhau của nó. Điều này cho chúng ta cơ sở để nhìn con người một cách *toàn thể* khi xét đến màu sắc của y.

141. When studying what is said of the Solar Logos, we learn that rotation occurs around a “central solar pole”. Obviously, each of the lesser atoms has its pole as well.

141. Khi nghiên cứu điều được nói về Thái dương Thượng đế, chúng ta biết rằng sự quay diễn ra quanh một “cực thái dương trung tâm”. Hiển nhiên, mỗi nguyên tử nhỏ hơn cũng có cực của nó.

142. The question remains for man—is the key to which he rotates correlated to a life cycle which is relatively great or small? In the case of the Planetary Logos and the Solar Logos the cycles are a planetary manvantara (for the Planetary Logos) and a “great kalpa” (for the Solar Logos). These cycles are,

142. Câu hỏi còn lại đối với con người là—chủ âm mà y quay theo có tương quan với một chu kỳ sống tương đối lớn hay nhỏ chăng? Trong trường hợp của Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế, các chu kỳ ấy là một manvantara hành tinh (đối với Hành Tinh Thượng Đế) và một “đại

however, as incarnations to these Beings far greater than man. So, perhaps, when considering the fixed key of the life cycle of man, we must consider the life cycle simply as an incarnational cycle.

kalpa" (đối với Thái dương Thượng đế). Tuy nhiên, các chu kỳ này đối với các Đấng ấy giống như những lần lâm phàm, và lớn lao hơn con người rất nhiều. Vì vậy, có lẽ khi xét đến chủ âm cố định của chu kỳ sống của con người, chúng ta phải xem chu kỳ sống ấy đơn giản như một chu kỳ nhập thể.

143. VSK challenges our imagination with the following: "So, in perspective to the physical frame, if the causal body is locationally the 'centre', in terms of consciousness, is it also in terms of the 3-D man, man as sphere, yes? If so, then how is it that our physical body, obviously not a sphere in our perception, to be considered? Is it more of a 'spoke', a radiant beam coated or coloured, along one line of the causal radiation? How else can we imagine this?

143. VSK thách thức sự tưởng tượng của chúng ta bằng điều sau đây: "Vì vậy, xét theo phối cảnh của khung thể xác, nếu thể nguyên nhân về mặt vị trí là 'trung tâm', thì về phương diện tâm thức, nó có phải cũng là trung tâm xét theo con người 3-D, con người như một khối cầu, phải không? Nếu vậy, thì thể xác của chúng ta—rõ ràng không phải là một khối cầu trong tri giác của chúng ta—phải được xem như thế nào? Nó có phải giống một 'nan hoa' hơn, một tia bức xạ được phủ hoặc nhuộm màu, dọc theo một đường của bức xạ nguyên nhân chăng? Còn có thể hình dung điều này thế nào khác nữa?

144. VSK queries: What does 'rotating to a fixed key' here mean?! The rotation of the spheres, what does this look like? Is this the cycling of the chronological events over time, within each one's own sphere, some coinciding and some not? All this determined by a certain type of alignment of subtle and contiguous physical spheres?

144. VSK nêu câu hỏi: Ở đây "quay theo một chủ âm cố định" có nghĩa là gì?! Sự quay của các khối cầu trông như thế nào? Có phải đây là sự tuần hoàn của các biến cố theo thời gian, trong khối cầu riêng của mỗi người, có cái trùng hợp và có cái không? Tất cả điều này được quyết định bởi một kiểu chỉnh hợp nào đó của các khối cầu hồng trần vi tế và tiếp giáp nhau chăng?

145. An attempt has been made above to answer some of the questions in VSK's last query.

145. Ở trên đã có một cố gắng nhằm trả lời một số câu hỏi trong truy vấn cuối cùng của VSK.

146. It may be presumed that all of man's spheres (though rotating with a different 'period') are keyed to or correlated with the "key of his life cycle". At least, there would be an attempt (in each vehicle) to produce harmonious adaptation of the different spheres to the principle key.

146. Có thể giả định rằng mọi khối cầu của con người (dù quay với một "chu kỳ" khác nhau) đều được chỉnh theo hoặc có tương quan với "chủ âm của chu kỳ sống của y". Ít nhất, trong mỗi vận cụ sẽ có một nỗ lực nhằm tạo ra sự thích ứng hài hòa của các khối cầu khác nhau với chủ âm nguyên lý ấy.

c. A man is distinguished by activity on one or more planes in the three worlds, and shows forth the qualities of:

c. Một người được phân biệt bởi hoạt động trên một hay nhiều cõi trong ba cõi thấp, và biểu lộ các phẩm tính của:

147. The sphere of activity for the man is considered the three lower worlds.

147. Khối cầu hoạt động của con người được xem là ba cõi thấp.

148. The sphere of activity for a Planetary Logos is the triadal realm of Atma-Buddhi-Manas.

148. Khối cầu hoạt động của một Hành Tinh Thượng Đế là cõi giới tam nguyên tinh thần của Atma-Buddhi-Manas.

149. The sphere of activity for a Solar Logos relates to all planes of the cosmic physical plane but His expression extends to two planes which are not included in the expression of the Planetary Logos—namely the monadic and logoic planes.

149. Khối cầu hoạt động của một Thái dương Thượng đế liên hệ đến mọi cõi của cõi hồng trần vũ trụ, nhưng sự biểu lộ của Ngài còn vươn tới hai cõi không được bao gồm trong sự biểu lộ của Hành Tinh Thượng Đế—đó là cõi chân thần và cõi logoi.

1. Rotary motion, or his particular cycling on the wheel of life, around his egoic pole.

1. Chuyển động quay, hay sự tuần hoàn đặc thù của y trên bánh xe sự sống, quanh cực chân ngã của y.

150. The language used here seems more symbolic than literal. We *seem* to be dealing with the incarnational cycle—the rotary motion involved as the human soul goes forth from the Ego into birth and life in the three worlds and, after death in the three worlds, returns to the Ego. But perhaps we are dealing with a lesser cycle.

150. Ngôn ngữ được dùng ở đây dường như mang tính biểu tượng hơn là nghĩa đen. Chúng ta *dường như* đang đề cập đến chu kỳ nhập thể—chuyển động quay liên quan khi linh hồn con người đi ra từ Chân ngã để đi vào sinh ra và sống trong ba cõi thấp, rồi sau khi chết trong ba cõi thấp lại trở về Chân ngã. Nhưng có lẽ chúng ta đang đề cập đến một chu kỳ nhỏ hơn.

151. When point "1." is discussed in relation to the Planetary Logos and Solar Logos,

151. Khi điểm "1." được bàn đến trong liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương

cycles which do not correlate with the entire incarnational cycle are discussed. The hint is given in the discussion of the Solar Logos. Of Him it is said: "His life as it cycles through **a day of Brahma**, can be seen spiralling around His greater wheel, the ten schemes of a solar system." (*TCF* 256)

Thượng đế, *những chu kỳ không tương quan với toàn bộ chu kỳ nhập thể được đem ra bàn luận.* Gợi ý được đưa ra trong phần bàn về Thái dương Thượng đế. Về Ngài, có nói rằng: "Sự sống của Ngài khi tuần hoàn qua **một ngày của Brahma**, có thể được thấy đang xoắn ốc quanh bánh xe lớn hơn của Ngài, mười hệ hành tinh của một hệ mặt trời." (*TCF* 256)

152. Of the Planetary Logos it is said: "His particular cycling activity around His life wheel, a planetary scheme, and thus around His egoic pole." (*TCF* 251)

152. Về Hành Tinh Thượng Đế có nói rằng: "Hoạt động tuần hoàn đặc thù của Ngài quanh bánh xe sự sống của Ngài, một hệ hành tinh, và do đó quanh cực chân ngã của Ngài." (*TCF* 251)

153. We note that the term "day of Brahma" is used. This is a "day" in the life of a Solar Logos. Then, are we to think of the cycling of the Planetary Logos as a "day" as well?

153. Chúng ta lưu ý rằng thuật ngữ "ngày của Brahma" được dùng. Đây là một "ngày" trong sự sống của một Thái dương Thượng đế. Vậy thì, chúng ta có nên nghĩ đến sự tuần hoàn của Hành Tinh Thượng Đế cũng như một "ngày" chăng?

154. Now, when it comes to man, perhaps we are not dealing with an entire incarnational cycle at all but only with a complete "day" in the life of man.

154. Giờ đây, khi nói đến con người, có lẽ chúng ta hoàn toàn không đề cập đến toàn bộ một chu kỳ nhập thể, mà chỉ đến một "ngày" trọn vẹn trong sự sống của con người.

155. When a man goes to sleep, it is said that, during that process, he does return to the "body of bliss" which is another name for the causal body.

155. Khi một người đi ngủ, người ta nói rằng trong tiến trình ấy, y thực sự trở về "thể chí phúc", là một tên gọi khác của thể nguyên nhân.

156. Does the process of waking and sleeping, thus, involve once complete cycle around the "egoic pole"? Would all seven principles of man be involved in such a cycle, just as all centers (chains) in a planetary scheme and all centers (schemes) in a solar system are involved in one such cycle—a cycle which apparently corresponds to a "day"?

156. Vậy thì tiến trình thức và ngủ có bao hàm một chu kỳ trọn vẹn quanh "cực chân ngã" chăng? Có phải cả bảy nguyên khí của con người đều tham dự vào một chu kỳ như thế, cũng như mọi trung tâm (các dãy) trong một hệ hành tinh và mọi trung tâm (các hệ hành tinh) trong một hệ mặt trời đều tham dự vào một chu kỳ như vậy—một chu kỳ hiển nhiên tương ứng với một "ngày"?

157. These are deep matters and require speculative penetration.

158. VSK queries speculatively: "Upon what would, then, the pole revolve, and what may be the various inclinations? That is to say, are there, say, seven poles or ten, within the Planetary Logos' group consciousness, and thus, the man is inclined and/or revolving around one of these 'ashramic' centres"?

159. A question such as this leads us to speculate upon the axial inclination of the various globes and, even, chains within a planetary scheme? Are all inclinations the same? Or are they differentiated?

160. It would seem that all aspects (whether within the man or the Heavenly Man) would be axially inclined in such a manner as to fulfill a single 'polar' purpose.

2. Discriminative capacity, or the power to choose and gain experience.

161. Man is "Manas" the Thinker.

162. Saturn (the manasic synthesizing planet) is the planet of *choice* and of the third ray. Saturn also rules the worlds of form, the lower three worlds, as well as the entire cosmic physical plane.

163. Man, however, exercises this discriminative power of choice within the lower three worlds.

164. Man (within karmic limitation) determines by choice the substance within

157. Đây là những vấn đề sâu xa và đòi hỏi sự thâm nhập có tính suy đoán.

158. VSK nêu câu hỏi một cách suy đoán: "Vậy thì cực ấy sẽ quay quanh cái gì, và những độ nghiêng khác nhau có thể là gì? Nghĩa là, có phải có, chẳng hạn, bảy hay mười cực trong tâm thức nhóm của Hành Tinh Thượng Đế, và do đó con người nghiêng theo và/hoặc quay quanh một trong những trung tâm 'ashram' này chăng"?

159. Một câu hỏi như thế dẫn chúng ta đến chỗ suy đoán về độ nghiêng trục của các bầu hành tinh khác nhau và thậm chí cả các dãy trong một hệ hành tinh. Mọi độ nghiêng có giống nhau không? Hay chúng được biến phân?

160. Dường như mọi phương diện (dù bên trong con người hay Đấng Thiên Nhân) đều sẽ nghiêng theo trục theo cách sao cho hoàn thành một mục đích "cực tính" duy nhất.

2. Năng lực phân biện, hay quyền năng chọn lựa và thu nhận kinh nghiệm.

161. Con người là "Manas", Đấng Tư Tưởng.

162. Sao Thổ (hành tinh tổng hợp manas của con người) là hành tinh của sự *chọn lựa* và của cung ba. Sao Thổ cũng cai quản các thế giới của hình tướng, ba cõi thấp, cũng như toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ.

163. Tuy nhiên, con người vận dụng quyền năng phân biện chọn lựa này trong ba cõi thấp.

the lower three worlds with which he will engage interactively.

164. Con người (trong giới hạn nghiệp quả) quyết định bằng sự chọn lựa chất liệu trong ba cõi thấp mà y sẽ tương tác với.

3. Ability to evolve, to increase vibration and to make contact.

3. Khả năng tiến hoá, gia tăng rung động và tạo tiếp xúc.

165. The following quotation, which is related to point "3." for the Planetary Logos, gives important hints: "This increased vibration is of a gradual and evolutionary order and proceeds from centre to centre as it does in man, and as it does in the case of the atomic spirillae." (*TCF* 252)

165. Trích dẫn sau đây, có liên hệ với điểm "3." đối với Hành Tinh Thượng Đế, đưa ra những gợi ý quan trọng: "Sự gia tăng rung động này thuộc một trật tự tiệm tiến và thăng thượng tiến hoá, và tiến hành từ trung tâm này sang trung tâm khác như nơi con người, và như trong trường hợp các loa tuyến nguyên tử." (*TCF* 252)

166. A further sentence concerning the Planetary Logos sheds even more light: "Their aim is to achieve uniformity of contact with each other, and to merge eventually Their separated identities in the One Identity, retaining simultaneously full self-consciousness or individualised self-apprehension". (*TCF* 252)

166. Một câu khác nữa liên quan đến Hành Tinh Thượng Đế còn soi sáng thêm: "Mục tiêu của Các Ngài là đạt được sự đồng nhất trong tiếp xúc với nhau, và cuối cùng dung hợp các bản sắc tách biệt của Các Ngài vào trong Bản Sắc Duy Nhất, đồng thời vẫn giữ trọn vẹn ngã thức hay sự tự nhận biết đã được biệt ngã hóa". (*TCF* 252)

167. The differentiated aspects of man are the principles, their vehicles and the chakras which animate these vehicles. These can all be considered as "centres".

167. Những phương diện biến phân của con người là các nguyên khí, các vận cụ của chúng và các luân xa làm sinh động những vận cụ ấy. Tất cả những điều này đều có thể được xem như các "trung tâm".

168. These "centres" in man have, therefore, (as in the case of the Planetary Logos) "to achieve uniformity of contact with each other and to merge eventually their separated identities into one identity, retaining simultaneously full self-consciousness or individualized self-apprehension".

168. Vì vậy, các "trung tâm" này trong con người cũng phải (như trong trường hợp của Hành Tinh Thượng Đế) "đạt được sự đồng nhất trong tiếp xúc với nhau và cuối cùng dung hợp các bản sắc tách biệt của chúng vào một bản sắc, đồng thời vẫn giữ trọn vẹn ngã thức hay sự tự nhận biết đã được biệt ngã hóa".

169. Of course the centres within man are not self-conscious lives, but at least the ideas

169. Dĩ nhiên các trung tâm bên trong con người không phải là những sự sống có ngã thức, nhưng ít nhất các ý tưởng về sự đồng

concerning uniformity of contact and of merging are applicable.

nhất trong tiếp xúc và về sự dung hợp là có thể áp dụng được.

170. Man increases vibration within his own microcosmic sphere; he makes contact with other men and, thus, moves towards group consciousness.

170. Con người gia tăng rung động trong khối cầu tiểu thiên địa của riêng mình; y tạo tiếp xúc với những người khác và như vậy tiến về phía tâm thức nhóm.

d. A man contains within himself three major principles,—will, love-wisdom, **active intelligence or adaptability**—and their differentiation into the seven principles.

d. Một người chứa trong chính mình ba nguyên khí chính,—ý chí, bác ái-minh triết, **trí tuệ linh hoạt hay khả năng thích ứng**—và sự biến phân của chúng thành bảy nguyên khí.

171. Again we are faced with the seven and the three, comprising the ten.

171. Một lần nữa chúng ta đối diện với số bảy và số ba, hợp thành số mười.

172. In this case it seems that the greater three are differentiated into a lesser seven and that, indeed, there are, amongst the seven, three which are reflections of the highest three.

172. Trong trường hợp này dường như ba lớn được biến phân thành bảy nhỏ hơn, và quả thực trong số bảy ấy có ba nguyên khí là những phản chiếu của ba nguyên khí cao nhất.

173. We note that if the third ray is called the Ray of Active Intelligence, it might also be called the 'Ray of Adaptability'.

173. Chúng ta lưu ý rằng nếu cung ba được gọi là Cung của Trí Tuệ Linh Hoạt, thì nó cũng có thể được gọi là 'Cung của Khả Năng Thích Ứng'.

174. In this particular fourfold comparison, point "d.", we are dealing with the seven principles and their relative development in each type of atomic unit.

174. Trong phép so sánh tứ phân đặc biệt này, điểm "d.", chúng ta đang đề cập đến bảy nguyên khí và sự phát triển tương đối của chúng trong mỗi loại đơn vị nguyên tử.

These, making the eventual ten of perfected manifestation, are in process of vitalisation, but have not yet attained full expression.

Những điều này, tạo thành số mười rốt ráo của sự biểu lộ hoàn hảo, đang trong tiến trình được tiếp sinh lực, nhưng chưa đạt đến sự biểu lộ trọn vẹn.

175. We are to remember the value of the number *ten*—as the number of perfection.

175. Chúng ta cần ghi nhớ giá trị của con số *mười*—như con số của sự hoàn hảo.

176. Usually the number seven is considered in relation to perfected manifestation, and ten in relation to an overall perfection. Here, in the case of man, DK relates the ten to perfected manifestation. In relation to the Planetary Logos and Solar Logos, He calls the ten the "ten of His ultimate perfection". The term "manifestation" is not used.

176. Thông thường số bảy được xét trong liên hệ với sự biểu lộ hoàn hảo, còn số mười trong liên hệ với một sự hoàn hảo toàn diện. Ở đây, trong trường hợp con người, Chân sư DK liên hệ số mười với sự biểu lộ hoàn hảo. Trong liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế, Ngài gọi số mười là "mười của sự hoàn hảo tối hậu của Ngài". Thuật ngữ "biểu lộ" không được dùng.

177. In the case of all four types of atom, the ten *principles* are not yet in full expression. In fact, only four of the ten are fully expressing through there is movement towards fuller expression of the fifth principle.

177. Trong trường hợp của cả bốn loại nguyên tử, mười *nguyên khí* vẫn chưa biểu lộ trọn vẹn. Thực ra, chỉ có bốn trong số mười đang biểu lộ đầy đủ, dù đang có sự chuyển động hướng tới sự biểu lộ đầy đủ hơn của nguyên khí thứ năm.

178. Three of the ten principles are synthesizers for the seven.

178. Ba trong mười nguyên khí là những nguyên khí tổng hợp cho bảy nguyên khí.

Only four principles in man are active, and he is in process of developing the fifth, or manasic principle.

Chỉ có bốn nguyên khí trong con người là hoạt động, và y đang trong tiến trình phát triển nguyên khí thứ năm, hay nguyên khí manas.

179. The manasic principle has in it several temporary divisions. The aspect of manas upon which man is now focussed is correlated with the middle fire—solar fire.

179. Nguyên khí manas có trong nó một số phân chia tạm thời. Phương diện của manas mà con người hiện nay đang tập trung vào có tương quan với ngọn lửa giữa—Lửa Thái dương.

180. The development of the fifth principle will coincide with the entrance of human beings (individually, in groups or as the One Humanity) into the Kingdom of Souls.

180. Sự phát triển của nguyên khí thứ năm sẽ trùng hợp với việc con người bước vào Thiên Giới của các linh hồn (một cách cá nhân, theo nhóm hay như Một Nhân Loại).

Note how perfect is the analogy between man, viewed as the lower quaternary developing the principle of mind, and the atom with its four spirillae active; and the fifth in process of stimulation.

Hãy lưu ý sự tương đồng hoàn hảo giữa con người, được xem như bộ tứ thấp đang phát triển nguyên khí trí tuệ, và nguyên tử với bốn loa tuyến của nó đang hoạt động; còn loa tuyến thứ năm thì đang trong tiến trình được kích thích.

181. DK calls our attention to a perfect analogy between man and the atom of substance/matter—both moving from the four to the five.

181. Chân sư DK hướng sự chú ý của chúng ta đến một sự tương đồng hoàn hảo giữa con người và nguyên tử của chất liệu/vật chất—cả hai đều đang chuyển từ bốn sang năm.

182. The lower quaternary of man can be considered

182. Bộ tứ thấp của con người có thể được xem là

e. The etheric body

e. thể dĩ thái

f. Prana

f. prana

g. Kama

g. kama

h. Kama-manas

h. kama-manas

183. Actually there are a number of ways to consider the quaternary and these will be developed in our next section of study.

183. Thực ra có nhiều cách để xem xét bộ tứ, và những cách này sẽ được triển khai trong phần nghiên cứu kế tiếp của chúng ta.

184. VSK would have us note the manner in which the presented tabulation reveals something of the process discussed, for we are dealing with point "d." which is the midway point from "a." to "g", *and* we are discussing the *fourth* spirilla (or middle spirilla of the seven) in relation to the developing fifth.

184. VSK muốn chúng ta lưu ý cách mà bảng liệt kê được trình bày hé lộ phần nào tiến trình đang được bàn đến, vì chúng ta đang đề cập đến điểm "d." là điểm ở giữa từ "a." đến "g", *và* chúng ta đang bàn về loa tuyến *thứ tư* (hay loa tuyến giữa của bảy) trong liên hệ với loa tuyến thứ năm đang phát triển.

e. A man is governed by the Law of Attraction, is [Page 249] evolved through the Law of Economy, and is coming under the Law of Synthesis.

e. Một người được chi phối bởi Định luật Hấp Dẫn, được [Page 249] tiến hoá qua Định luật Tiết Kiệm, và đang đi vào dưới Định luật Tổng Hợp.

185. The different types of atoms are governed by different ones of the three cosmic laws.

185. Những loại nguyên tử khác nhau được chi phối bởi những định luật khác nhau trong ba định luật vũ trụ.

186. Man is no longer governed by the Law of Economy as is the atom of substance/matter.

186. Con người không còn được chi phối bởi Định luật Tiết Kiệm như nguyên tử của chất liệu/vật chất nữa.

187. There is a similarity between man and the Heavenly Man for *both* are governed by the Law of Attraction, but the Heavenly Man far more so. In addition, the Heavenly Man has transcended the Law of Economy and man is still developing through its means.

187. Có một sự tương đồng giữa con người và Đấng Thiên Nhân vì *cả hai* đều được chi phối bởi Định luật Hấp Dẫn, nhưng Đấng Thiên Nhân thì ở mức độ lớn hơn nhiều. Ngoài ra, Đấng Thiên Nhân đã vượt qua Định luật Tiết Kiệm, còn con người vẫn đang phát triển nhờ phương tiện của định luật ấy.

188. The Solar Logos is principally governed by the Law of Synthesis.

188. Thái dương Thượng đế chủ yếu được chi phối bởi Định luật Tổng Hợp.

Economy governs the material process with which he is not so much consciously concerned;

Định luật Tiết Kiệm chi phối tiến trình vật chất mà y không quá hữu thức quan tâm đến;

189. In the millions of years of his evolution, man has passed through (mostly) those processes governed by the Law of Economy. He does not (or should not) attend to them in a focal manner, and yet they provide the foundation for his present focus on the Law of Attraction.

189. Trong hàng triệu năm tiến hoá của mình, con người đã đi qua (phần lớn) những tiến trình được chi phối bởi Định luật Tiết Kiệm. Y không chú tâm đến chúng một cách tập trung (hoặc không nên như vậy), tuy nhiên chúng cung cấp nền tảng cho sự tập trung hiện nay của y vào Định luật Hấp Dẫn.

190. It would be a reversion for man to focus his concentration upon material processes.

190. Sẽ là một sự thoái lui nếu con người tập trung sự chú ý của mình vào các tiến trình vật chất.

191. To the extent that he does (and must) concentrate upon material processes, he should concentrate upon the manner in which the second aspect of divinity can be infused into such processes.

191. Trong chừng mực y có tập trung vào các tiến trình vật chất (và phải làm như vậy), y nên tập trung vào cách mà phương diện thứ hai của thiên tính có thể được thấm nhuần vào các tiến trình ấy.

attraction governs his connection with other units or groups,

sự hấp dẫn chi phối mối liên hệ của y với các đơn vị hay nhóm khác,

192. The main focus of man must now be on the principle of *relationship* under the Law of Attraction.

192. Trọng tâm chính của con người hiện nay phải là nguyên lý của *mối liên hệ* dưới Định luật Hấp Dẫn.

193. Man, as he enters the Kingdom of the Soul, is learning to be *group* conscious.

193. Con người, khi bước vào Thiên Giới của Linh Hồn, đang học để có tâm thức *nhóm*.

and synthesis is the law of his inner Self, of the life within the form.

và tổng hợp là định luật của Bản Ngã bên trong của y, của sự sống bên trong hình tướng.

194. Only relatively few within the human race have reached the point where they are concerned with the final stages of the human evolutionary process—merging with the true Self, the Monad.

194. Chỉ có tương đối ít người trong nhân loại đã đạt đến điểm mà họ quan tâm đến các giai đoạn cuối cùng của tiến trình tiến hoá nhân loại—dung hợp với Bản Ngã đích thực, Chân thần.

f. Man finds his place within the group form.

f. Con người tìm thấy vị trí của mình trong hình tướng nhóm.

195. The two types of forms in which man finds his place are egoic groups and those groups we call Heavenly Men.

195. Hai loại hình tướng mà con người tìm thấy vị trí của mình trong đó là các nhóm chân ngã và những nhóm mà chúng ta gọi là các Đấng Thiên Nhân.

196. To some small extent, man-the-initiate in group relation may somewhat fathom his "place" within the group form represented by the Solar Logos.

196. Ở một mức độ nhỏ nào đó, con người-điểm đạo đồ trong liên hệ nhóm có thể phần nào thấu hiểu "vị trí" của mình trong hình tướng nhóm được biểu hiện bởi Thái dương Thượng đế.

Egoic groups and the Heavenly Men are formed by the aggregate of human **and of deva units.**

Các nhóm chân ngã và các Đấng Thiên Nhân được hình thành bởi tổng thể các **đơn vị con người và đơn vị thiên thần.**

197. Deva units, it appears, also participate in the formation of egoic groups. This may come as a new idea, but we have to remember that each of the Masters is associated with and works with certain types of devas. (cf. EXH 505-506)

197. Có vẻ như các đơn vị thiên thần cũng tham gia vào việc hình thành các nhóm chân ngã. Điều này có thể là một ý tưởng mới, nhưng chúng ta phải nhớ rằng mỗi Chân sư đều liên kết với và làm việc với những loại thiên thần nhất định. (xem EXH 505-506)

198. When focusing on the units which form egoic groups and Heavenly Men, we have to inquire whether the deva units

198. Khi tập trung vào các đơn vị tạo thành các nhóm chân ngã và các Đấng Thiên Nhân, chúng ta phải hỏi liệu các đơn vị thiên thần

involved are self-conscious or not? This is an important question not easily answered.

199. Man, like the two higher types of atomic units, is seeking to find his "place" within larger group forms—egoic groups and also within the particular Heavenly Man who includes him.

200. Several things said in point "f." in relation to the Solar Logos may throw light on processes in man:

"He seeks first to find the secret of His own existence, and to achieve full Self-Consciousness; secondly to ascertain the position and place of His polar opposite; thirdly to [Page 258] merge and blend with that polar opposite. This is the cosmic marriage of the Logos."

201. Under point "f." for man, nothing is said of any "polar opposite". This is also true for the Planetary Logos. Why is this? Does the analogy not hold?

202. Each self-conscious atom seeks (as the Solar Logos seeks) to find the secret of His own existence and thus achieve full self-consciousness. But what of the finding of the polar opposite and the relation to the polar opposite?

203. In other sections of *TCF* we read of how Planetary Logoi involved in the process of obscuration, merge with Planetary Logoi of different polarities (i.e., planets merge). So the analogy seems to hold good on the Planetary Logoic level.

liên quan có ngã thức hay không? Đây là một câu hỏi quan trọng không dễ trả lời.

199. Con người, giống như hai loại đơn vị nguyên tử cao hơn, đang tìm cách tìm ra "vị trí" của mình trong những hình tướng nhóm lớn hơn—các nhóm chân ngã và cả trong Đấng Thiên Nhân đặc thù bao gồm y.

200. Một số điều được nói trong điểm "f." liên hệ với Thái dương Thượng đế có thể soi sáng các tiến trình nơi con người:

"Ngài trước hết tìm cách khám phá bí mật của chính sự tồn tại của Ngài, và đạt đến ngã thức trọn vẹn; thứ hai, xác định vị trí và chỗ đứng của đối cực của Ngài; thứ ba, dung hợp và hòa trộn với đối cực ấy. Đây là cuộc hôn phối vũ trụ của Thượng đế."

201. Dưới điểm "f." đối với con người, không có điều gì được nói về bất kỳ "đối cực" nào. Điều này cũng đúng đối với Hành Tinh Thượng Đế. Tại sao lại như vậy? Phải chăng sự tương đồng không còn đúng?

202. Mỗi nguyên tử có ngã thức đều tìm cách (như Thái dương Thượng đế tìm cách) khám phá bí mật của chính sự tồn tại của Ngài và nhờ đó đạt đến ngã thức trọn vẹn. Nhưng còn việc tìm ra đối cực và mối liên hệ với đối cực thì sao?

203. Trong những phần khác của *TCF* chúng ta đọc thấy cách các Hành Tinh Thượng Đế tham dự vào tiến trình che khuất dung hợp với các Hành Tinh Thượng Đế có cực tính khác nhau (tức là, các hành tinh dung hợp). Vì vậy sự tương đồng dường như vẫn đúng ở cấp độ Hành Tinh Thượng Đế.

204. When thinking of the polar opposite of the Earth, it is probably either Venus or Mars, as discussed in a previous commentary.

204. Khi nghĩ đến đối cực của Trái Đất, có lẽ đó là Sao Kim hoặc Sao Hỏa, như đã được bàn trong một Cổ Luận trước đây.

205. But what of man? Does the human being, as such, have a polar opposite, or is a human being too small a unit for this principle of polarity to apply in this manner?

205. Nhưng còn con người thì sao? Bản thân con người có một đối cực chăng, hay con người là một đơn vị quá nhỏ để nguyên lý cực tính áp dụng theo cách này?

206. If a human being does have polar opposite it will not be found on the level of personality, but more likely on the level of soul or Monad.

206. Nếu một con người có đối cực, thì nó sẽ không được tìm thấy ở cấp độ phàm ngã, mà có nhiều khả năng ở cấp độ linh hồn hoặc chân thần.

207. The analogy in man of the "cosmic marriage of the Logos" has led to the many glamors concerning "soul-mates", and yet the principle may, at some point in the evolutionary process, hold good.

207. Sự tương đồng nơi con người của "cuộc hôn phối vũ trụ của Thượng đế" đã dẫn đến nhiều ảo cảm liên quan đến "bạn đồng hồn", tuy nhiên nguyên lý này có thể, ở một điểm nào đó trong tiến trình tiến hoá, vẫn là đúng.

208. All kinds of unimagined mergings lie ahead for man as well as for the greater units. But what would it mean on the human level to "merge and blend with that polar opposite"? Is the merging and blending permanent? Have all human units gone forth from the Source in pairs?

208. Mọi loại sự dung hợp không thể tưởng tượng hiện đang ở phía trước đối với con người cũng như đối với các đơn vị lớn hơn. Nhưng ở cấp độ con người, "dung hợp và hòa trộn với đối cực ấy" sẽ có nghĩa là gì? Sự dung hợp và hòa trộn ấy có vĩnh viễn không? Có phải mọi đơn vị con người đều đã đi ra từ Nguồn trong từng cặp chăng?

209. These, again, are difficult questions. We have seen some souls working with each other over many incarnations. Masters M and KH are said to be examples. Does this mean that there is (in process on the human level) preparation for a type of merging of human atomic units. From some perspectives, it would seem inevitable.

209. Đây, một lần nữa, là những câu hỏi khó. Chúng ta đã thấy một số linh hồn làm việc với nhau qua nhiều lần nhập thể. Chân sư M và Chân sư KH được cho là những ví dụ. Điều này có nghĩa là đang có (trong tiến trình ở cấp độ con người) sự chuẩn bị cho một loại dung hợp của các đơn vị nguyên tử con người chăng? Từ một số góc nhìn, điều đó dường như là không thể tránh khỏi.

210. A curious question arises in this regard: when certain human beings go to Sirius for education in the art and science of becoming

210. Một câu hỏi kỳ lạ nảy sinh trong mối liên hệ này: khi một số con người đến Sirius để được giáo dục trong nghệ thuật và khoa

a Solar Angel, does each such human being *become* a Solar Angel or does a Solar Angel comprise more than one human unit? If there is a one-to-one relationship between the Solar Angel and its human personality, this would seem to militate against the Solar Angel being composed of many specially trained human units. Yet, for all that, the Solar Angel may be a composite being, its composite nature created through the dynamic of *emanation.*

học trở thành một Thái dương Thiên Thần, thì mỗi con người như vậy *trở thành* một Thái dương Thiên Thần hay một Thái dương Thiên Thần bao gồm nhiều hơn một đơn vị con người? Nếu có một mối tương quan một-một giữa Thái dương Thiên Thần và phàm ngã con người của nó, thì điều này dường như chống lại ý tưởng rằng Thái dương Thiên Thần được cấu thành từ nhiều đơn vị con người được huấn luyện đặc biệt. Tuy vậy, Thái dương Thiên Thần vẫn có thể là một hữu thể tổng hợp, bản chất tổng hợp của nó được tạo ra qua động lực của sự *phát xạ.*

g. His responsiveness to outer stimulation:

g. Sự đáp ứng của y đối với kích thích bên ngoài:

a. Electrical stimulation, affecting the outer form, or pranic response.

a. Kích thích điện, tác động lên hình tướng bên ngoài, hay đáp ứng prana.

211. The “electrical stimulation” seems to concern only the personality life of man, and especially the dense physical vehicle.

211. “Kích thích điện” dường như chỉ liên quan đến đời sống phàm ngã của con người, và đặc biệt là vận cụ hồng trần đậm đặc.

212. Pranic response, naturally, concerns the response of the etheric body.

212. Đáp ứng prana, một cách tự nhiên, liên quan đến sự đáp ứng của thể dĩ thái.

213. The term “electrical” so often concerns the third aspect of fire and, interestingly, is most often not related to “electric fire”.

213. Thuật ngữ “điện” rất thường liên quan đến phương diện thứ ba của lửa và, điều thú vị là, thường nhất lại không liên hệ với “Lửa Điện”.

b. Magnetic stimulation, acting upon his subjective life.

b. Kích thích từ tính, tác động lên đời sống chủ quan của y.

214. We remember that DK went far to discriminate between the electrical and magnetic factors. The electrical factor was definitely *external* to the magnetic.

214. Chúng ta nhớ rằng Chân sư DK đã đi rất xa trong việc phân biện giữa các yếu tố điện và từ tính. Yếu tố điện rõ ràng là *bên ngoài* so với yếu tố từ tính.

215. How shall we define “subjective life”? Often we think of our astral nature and

215. Chúng ta sẽ định nghĩa “đời sống chủ quan” như thế nào? Chúng ta thường nghĩ

responses and our usual personality thought-life as *subjective,* but, really, the term refers to the soul life of man.

bản chất cảm dục và các đáp ứng của mình cùng đời sống tư tưởng phàm ngã thông thường của mình là *chủ quan,* nhưng thật ra thuật ngữ này chỉ đời sống linh hồn của con người.

This emanates from his egoic group, and later from the Heavenly Man, in Whose body he is a cell.

Điều này phát ra từ nhóm chân ngã của y, và về sau từ Đấng Thiên Nhân mà trong thân thể của Ngài y là một tế bào.

216. Two sources of magnetic stimulation are given:

216. Hai nguồn kích thích từ tính được nêu ra:

i. From a man's egoic group

i. Từ nhóm chân ngã của một người

j. From the Heavenly Man in Whose body the man is as a cell.

j. Từ Đấng Thiên Nhân mà trong thân thể của Ngài con người như một tế bào.

217. The first of these sources is probably effective until the fourth initiation when the egoic body is destroyed (though on the triadal levels there could certainly be *Egoic* groups—for the true Ego is the spiritual triad).

217. Nguồn thứ nhất trong các nguồn này có lẽ có hiệu lực cho đến lần điểm đạo thứ tư khi thể chân ngã bị hủy diệt (dù trên các cấp độ tam nguyên tinh thần chắc chắn vẫn có thể có các nhóm *Chân ngã*—vì Chân ngã đích thực là Tam Nguyên Tinh Thần).

218. The Heavenly Man will be the source of magnetic stimulation once the man is liberated into a major focus within triadal realms. Of course, it is to be remembered that the Heavenly Man expresses Himself *through* the spiritual triad.

218. Đấng Thiên Nhân sẽ là nguồn kích thích từ tính một khi con người được giải thoát vào một tiêu điểm lớn trong các cõi giới tam nguyên tinh thần. Dĩ nhiên, cần nhớ rằng Đấng Thiên Nhân biểu lộ chính Ngài *qua* Tam Nguyên Tinh Thần.

c. The united effect of these two stimulations, inducing steady growth and development.

c. Tác động hợp nhất của hai loại kích thích này, tạo ra sự tăng trưởng và phát triển ổn định.

219. Just as in the case of the atom of substance/matter, it requires the union of the third and second aspects to produce steady growth and development.

219. Cũng như trong trường hợp của nguyên tử chất liệu/vật chất, cần có sự hợp nhất của phương diện thứ ba và thứ hai để tạo ra sự tăng trưởng và phát triển ổn định.

A man is distinguished therefore by:

Vì vậy, một người được phân biệt bởi:

1. His spheroidal shape. His ring-pass-not is definite and seen.

220. VSK Queries: "Yet why is it not 'visibly' spherical, as we see in the atom of substance, in the planets, and in the sun? Why does man's body not appear as visibly spherical as do the other three atoms?

221. This is a good question. The essential man working through the egoic lotus *is* spherical (or ovoidal). This is how man is considered from an inner perspective.

222. The mental and astral bodies are also ovoidal or spherical. Only the physical body and its close associate, the etheric body, have a form which departs from ovoidal or spherical. The etheric body does, however, begin to approximate an ovoid.

223. Probably we would have to know quite a bit more about conditions on planet Earth to know the reason for the fivefold design of outer man. Man, of course, is a being whose nature correlates with the number *five.* This may be part of the reason. Certain lesser animals (for whom man the macrocosm) are designed in a somewhat similar manner.

224. It is probably not too far-fetched to imagine that (in future days) man's outer form may *again* approximate the sphere, for we are told that sometime before the middle part of the third rootrace, man was hermaphroditic and spherical. In the first two rootraces, his quasi-etheric form was sexless and spherical.

1. Hình dạng cầu thể của y. Vòng-giới-hạn của y là xác định và có thể thấy được.

220. VSK nêu câu hỏi: "Thế nhưng tại sao nó lại không có dạng cầu 'thấy được' như chúng ta thấy nơi nguyên tử chất liệu, nơi các hành tinh và nơi mặt trời? Tại sao thân thể của con người lại không hiện ra có dạng cầu rõ rệt như ba loại nguyên tử kia?

221. Đây là một câu hỏi hay. Con người cốt yếu hoạt động qua Hoa Sen Chân Ngã *là* hình cầu (hay hình trứng). Đó là cách con người được xem xét từ một phối cảnh bên trong.

222. Thể trí và thể cảm dục cũng có hình trứng hay hình cầu. Chỉ có thể xác và thể liên kết gần gũi với nó là thể dĩ thái mới có một hình dạng lệch khỏi hình trứng hay hình cầu. Tuy nhiên, thể dĩ thái quả thực bắt đầu gần với hình trứng.

223. Có lẽ chúng ta sẽ phải biết nhiều hơn nữa về các điều kiện trên hành tinh Trái Đất mới có thể biết lý do của thiết kế ngũ phân của con người bên ngoài. Dĩ nhiên, con người là một hữu thể có bản chất tương quan với con số *năm.* Đây có thể là một phần của lý do. Một số loài động vật thấp hơn (mà đối với chúng con người là đại thiên địa) được thiết kế theo cách phần nào tương tự.

224. Có lẽ không quá gượng ép khi hình dung rằng (trong những ngày tương lai) hình tướng bên ngoài của con người có thể *lại* gần với khối cầu, vì chúng ta được cho biết rằng vào một thời điểm nào đó trước phần giữa của giống dân gốc thứ ba, con người là lưỡng tính và có dạng cầu. Trong hai giống dân gốc đầu tiên, hình tướng bán dĩ thái của y là vô tính và có dạng cầu.

225. As man's usual means of personal locomotion changes through discoveries concerning the nature of gravity, it may be that there will be a return to the quasi-spherical form in rootraces six and seven.

225. Khi phương tiện di chuyển cá nhân thông thường của con người thay đổi nhờ những khám phá liên quan đến bản chất của trọng lực, có thể sẽ có sự trở lại với hình dạng gần-cầu trong các giống dân gốc thứ sáu và thứ bảy.

2. His **internal arrangement**;

2. **Sự sắp xếp bên trong** của y;

226. The internal arrangement of man has to do with all his vehicles and their interrelation, the permanent atoms which generate and sustain these vehicles, as well as with the chakras that energize the vehicles.

226. Sự sắp xếp bên trong của con người liên quan đến tất cả các vận cụ của y và mối tương quan giữa chúng, các nguyên tử trường tồn tạo ra và duy trì các vận cụ ấy, cũng như các luân xa tiếp năng lượng cho các vận cụ.

227. The relation of his seven principles to each other, as these principles function through the appropriate vehicles, is also to be considered.

227. Mối liên hệ của bảy nguyên khí của y với nhau, khi các nguyên khí này hoạt động qua những vận cụ thích hợp, cũng cần được xem xét.

228. Shall we say that his internal arrangement is, in some ways, in process of *rearrangement?*

228. Chúng ta có nên nói rằng sự sắp xếp bên trong của y, theo một số phương diện, đang trong tiến trình *được sắp xếp lại?*

his entire sphere of influence is in process of development.

toàn bộ khối cầu ảnh hưởng của y đang trong tiến trình phát triển.

229. Here, again, the term "sphere of influence" can be interpreted in two ways. The major sphere of influence of the man relates to those lives which constitute his internal arrangement.

229. Ở đây, một lần nữa, thuật ngữ "khối cầu ảnh hưởng" có thể được diễn giải theo hai cách. Khối cầu ảnh hưởng chính của con người liên hệ đến những sự sống cấu thành sự sắp xếp bên trong của y.

230. When dealing with his secondary sphere of influence, we enter the province of group relations. Man is in process of learning to respond intelligently and, then, harmoniously and lovingly to the various beings within his sphere of influence. So far he is far from achieving right relations with

230. Khi đề cập đến khối cầu ảnh hưởng thứ yếu của y, chúng ta bước vào lĩnh vực của các mối liên hệ nhóm. Con người đang trong tiến trình học cách đáp ứng một cách trí tuệ rồi sau đó một cách hài hòa và đầy bác ái đối với các hữu thể khác nhau trong khối cầu ảnh hưởng của y. Cho đến nay y còn rất xa mới đạt được những mối liên hệ đúng đắn

all these beings, including other human beings.

với tất cả các hữu thể ấy, kể cả những con người khác.

At present that sphere is limited and his range of activity is small.

Hiện nay khối cầu ấy còn hạn chế và phạm vi hoạt động của y còn nhỏ.

231. One interpretation of this excerpt is that man has incomplete control over those lives which are gathered to constitute his internal arrangement. This control naturally increases with evolutionary unfoldment.

231. Một cách diễn giải đoạn này là con người có sự kiểm soát chưa hoàn chỉnh đối với những sự sống được tập hợp để cấu thành sự sắp xếp bên trong của y. Sự kiểm soát này tự nhiên gia tăng cùng với sự khai mở tiến hoá.

232. Limitation of the sphere of influence is certainly the case with respect to average man. High souls within humanity have expanded their sphere of influence and the intensity and scope of their activity.

232. Sự giới hạn của khối cầu ảnh hưởng chắc chắn là trường hợp của con người trung bình. Những linh hồn cao trong nhân loại đã mở rộng khối cầu ảnh hưởng của mình cũng như cường độ và phạm vi hoạt động của họ.

233. As man progresses, his sphere of influence expands. Not only does he master the lives gathered to constitute his “internal arrangement” but his influence extends significantly beyond his ring-pass-not. We are reminded of the following concerning those who would be members of the New Group of World Servers:

233. Khi con người tiến bộ, khối cầu ảnh hưởng của y mở rộng. Y không chỉ làm chủ những sự sống được tập hợp để cấu thành “sự sắp xếp bên trong” của mình mà ảnh hưởng của y còn mở rộng đáng kể vượt ra ngoài vòng-giới-hạn của y. Chúng ta được nhắc đến điều sau đây liên quan đến những ai sẽ là thành viên của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian:

“He must have the heart centre awakened, and be so outgoing in his "behaviour" that the heart is rapidly linked up with the heart centres of at least eight other people. Groups of nine awakened aspirants can then be occultly absorbed in the heart centre of the planetary Logos.” (EP II 197)

“Ngài phải có trung tâm tim được thức tỉnh, và phải hướng ngoại trong “hành vi” của Ngài đến mức tim nhanh chóng được nối kết với các trung tâm tim của ít nhất tám người khác. Khi đó, các nhóm gồm chín người chí nguyện đã thức tỉnh có thể được hấp thụ một cách huyền bí vào trung tâm tim của Hành Tinh Thượng Đế.” (EP II 197)

234. Human beings are slowly learning to move beyond themselves and into right-relationship with others.

234. Con người đang chậm rãi học cách vượt ra ngoài chính mình và đi vào mối tương quan đúng đắn với người khác.

235. We note the word “rapidly”; to qualify, the practice of linking up must be well-practiced and efficient.

235. Chúng ta lưu ý đến từ “nhanh chóng”; nói cho chính xác hơn, việc thực hành nối kết phải được rèn luyện thuần thục và hữu hiệu.

As the body egoic is developed, **the nucleus of life at the centre increases its radius of control until the whole is brought under rule and government.**

Khi thể chân ngã được phát triển, **hạt nhân của sự sống ở trung tâm gia tăng bán kính kiểm soát của nó cho đến khi toàn thể được đặt dưới quy luật và sự cai quản.**

236. This is an important perspective on the “jewel in the lotus”. Usually we speak of its *radiance* and not of its potentials for control and governing.

236. Đây là một viễn tượng quan trọng về “viên ngọc trong hoa sen”. Thông thường chúng ta nói về *sự rạng ngời* của nó chứ không nói về các tiềm năng kiểm soát và cai quản của nó.

237. Yet, it is reasonable. The extended will of the Monad is found operative through the “jewel in the lotus”. The will controls, rules and governs.

237. Tuy nhiên, điều đó là hợp lý. Ý chí mở rộng của chân thần được thấy là đang hoạt động qua “viên ngọc trong hoa sen”. Ý chí kiểm soát, cai quản và điều hành.

238. From this excerpt we understand that all smaller lives gathered within the confines of the causal body (and this includes all lower vehicles which are generated by the atomic triangle—mental unit, the astral permanent atom and the physical permanent atom) come eventually under the governance of the central life as it manifests through the “jewel in the lotus”.

238. Từ đoạn trích này, chúng ta hiểu rằng mọi sự sống nhỏ hơn được tập hợp trong phạm vi của thể nguyên nhân (và điều này bao gồm mọi vận cụ thấp được tạo ra bởi tam giác nguyên tử—đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn cảm dục và nguyên tử trường tồn hồng trần) cuối cùng đều nằm dưới sự cai quản của sự sống trung tâm khi nó biểu hiện qua “viên ngọc trong hoa sen”.

3. His life activity or the extent to which at any given time he demonstrates self-consciousness, or controls his threefold lower nature.

3. Hoạt động sự sống của y hay mức độ mà vào bất kỳ thời điểm nào y biểu lộ ngã thức, hoặc kiểm soát bản chất thấp tam phân của mình.

239. How is man’s life activity demonstrated?

239. Hoạt động sự sống của con người được biểu lộ như thế nào?

k. Through the demonstration of self-consciousness

k. Qua sự biểu lộ ngã thức

l. Through the control of his threefold nature

240. The factor of control is, of course, missing from the demonstration of the life activity of the atom of substance/matter. Such a tiny atom is controlled rather than controlling.

241. The Planetary Logos includes the factor of the animation of its sevenfold nature. Therefore, by analogy, the life demonstration of a man must include the animation of his sevenfold system.

4. His sevenfold inner economy; the development of his seven principles.

242. The seven principles of man are essentially aspects of monadic life.

243. Over the course of evolution, the principles are strengthened and refined *in expression*. The evolutionary process consists of enhancing the relationship between the principle and the vehicle through which it expresses.

244. As aspects of monadic life, all principles are pure and strong. Their apparent weakness and crudity *in expression* is the result of the inchoate nature and lack of refinement of the vehicles through which they must express.

[Page 250]

l. Qua sự kiểm soát bản chất tam phân của mình

240. Dĩ nhiên, yếu tố kiểm soát không có trong sự biểu lộ hoạt động sự sống của nguyên tử chất liệu/vật chất. Một nguyên tử nhỏ bé như thế bị kiểm soát hơn là kiểm soát.

241. Hành Tinh Thượng Đế bao gồm yếu tố tiếp sinh lực cho bản chất thất phân của Ngài. Vì vậy, theo định luật tương đồng, sự biểu lộ sự sống của con người phải bao gồm sự tiếp sinh lực cho hệ thống thất phân của y.

4. Sự tiết kiệm nội tại thất phân của y; sự phát triển của bảy nguyên khí của y.

242. Bảy nguyên khí của con người về bản chất là các phương diện của sự sống chân thần.

243. Trong tiến trình tiến hoá, các nguyên khí được tăng cường và tinh luyện *trong biểu hiện*. Tiến trình tiến hoá bao gồm việc tăng cường mối liên hệ giữa nguyên khí và vận cụ mà qua đó nó biểu hiện.

244. Là các phương diện của sự sống chân thần, mọi nguyên khí đều thuần khiết và mạnh mẽ. Sự yếu kém và thô sơ biểu kiến của chúng *trong biểu hiện* là kết quả của bản chất còn phôi thai và sự thiếu tinh luyện của các vận cụ mà qua đó chúng phải biểu hiện.

[Page 250]

5. His **eventual internal synthesis** under the working of the three laws from the seven into the three and later into the one.

245. We are speaking of an *internal* synthesis. This involves an ideal relationship between all factors of man's being—objective and subjective.

246. This synthesis cannot be achieved unless all three cosmic laws have done their work within him.

247. The progression is identical for all atoms: "from the seven into the three and later into the one".

6. His group relation.

248. Group relation is distinct from internal relations and eventual internal synthesis.

249. For the average disciple, the main theme of spiritual development at this time is the enhancement of group relations supported by his ability to enhance the quality of his own internal arrangement.

7. His development of consciousness, of responsiveness to contact, involving therefore the growth of awareness.

250. The seventh phase of the summary is fairly identical in the case of all four types of atoms.

251. "Consciousness" is relatively internal compared to "awareness" which is related to responsiveness to contact.

5. **Sự tổng hợp nội tại chung cuộc** của y dưới tác động của ba định luật từ bảy vào ba và về sau vào một.

245. Chúng ta đang nói về một sự tổng hợp *nội tại*. Điều này bao hàm một mối liên hệ lý tưởng giữa mọi yếu tố trong bản thể con người—khách quan và chủ quan.

246. Sự tổng hợp này không thể đạt được trừ phi cả ba định luật vũ trụ đã hoàn tất công việc của chúng bên trong y.

247. Sự tiến triển là giống hệt đối với mọi nguyên tử: "từ bảy vào ba và về sau vào một".

6. Mối liên hệ nhóm của y.

248. Mối liên hệ nhóm khác với các mối liên hệ nội tại và sự tổng hợp nội tại chung cuộc.

249. Đối với đệ tử trung bình, chủ đề chính của sự phát triển tinh thần vào lúc này là tăng cường các mối liên hệ nhóm, được nâng đỡ bởi khả năng của y trong việc nâng cao phẩm tính của sự sắp xếp nội tại của chính mình.

7. Sự phát triển tâm thức của y, về khả năng đáp ứng với tiếp xúc, do đó bao hàm sự tăng trưởng của nhận biết.

250. Giai đoạn thứ bảy của phần tóm lược khá giống nhau trong trường hợp của cả bốn loại nguyên tử.

251. "Tâm thức" tương đối nội tại so với "nhận biết", vốn liên hệ đến khả năng đáp ứng với tiếp xúc.

A Heavenly Man.[3]

a. Each Heavenly Man is likewise to be seen as spheroidal in shape. He has His ring-pass-not as has the atom and the man.

252. The true ring-pass-not of a planetary scheme can only be occultly perceived. It would be dependent upon the extent of the planetary aura.

This ring-pass-not comprises the entire planetary scheme; the **dense physical globe of any one chain** being analogous in His case to the physical body of any man, and to the atom on the physical plane.

253. We assume that in this instance the term "chain" means one seventh of a planetary scheme.

254. Is there a suggestion here that more than one chain in a planetary scheme has a dense physical globe? From all diagrams related to this question, it seems that only one planetary chain within a planetary scheme is possessed of a dense physical globe.

255. It may be, however, that various chains are capable of generating dense physical globes at different times—since it appears that only one dense physical globe exists in any planetary scheme at any one moment.

256. There is definitely a mystery in the fact that a dense physical globe appears in some instances in relation to the third chain, in

Đấng Thiên Nhân.3

a. Mỗi Đấng Thiên Nhân cũng được xem là có hình cầu. Ngài có vòng-giới-hạn của Ngài cũng như nguyên tử và con người có vòng-giới-hạn của chúng.

252. Vòng-giới-hạn đích thực của một hệ hành tinh chỉ có thể được tri giác một cách huyền bí. Nó sẽ tùy thuộc vào phạm vi của hào quang hành tinh.

Vòng-giới-hạn này bao gồm toàn bộ hệ hành tinh; **bầu hành tinh hồng trần đậm đặc của bất kỳ một dãy nào** trong trường hợp của Ngài tương tự với thể xác của bất kỳ con người nào, và với nguyên tử trên cõi hồng trần.

253. Chúng ta giả định rằng trong trường hợp này thuật ngữ "dãy" có nghĩa là một phần bảy của một hệ hành tinh.

254. Ở đây có một gợi ý rằng hơn một dãy trong một hệ hành tinh có một bầu hành tinh hồng trần đậm đặc chăng? Từ mọi sơ đồ liên quan đến câu hỏi này, dường như chỉ có một dãy hành tinh trong một hệ hành tinh sở hữu một bầu hành tinh hồng trần đậm đặc.

255. Tuy nhiên, có thể là các dãy khác nhau có khả năng tạo ra các bầu hành tinh hồng trần đậm đặc vào những thời điểm khác nhau—vì dường như tại bất kỳ một thời điểm nào chỉ có một bầu hành tinh hồng trần đậm đặc tồn tại trong bất kỳ hệ hành tinh nào.

256. Chắc chắn có một huyền nhiệm trong sự kiện rằng một bầu hành tinh hồng trần đậm đặc trong một số trường hợp xuất hiện

others in relation to the fourth, and in still others, in relation to the fifth. (cf. *TCF* 373). In all cases encountered so far, no dense physical globes have appeared in relation to a first, second, sixth or seventh chain.

liên hệ với dãy thứ ba, trong những trường hợp khác liên hệ với Dãy Thứ Tư, và trong những trường hợp khác nữa, liên hệ với dãy thứ năm. (x. *TCF* 373). Trong mọi trường hợp đã gặp cho đến nay, không có bầu hành tinh hồng trần đậm đặc nào xuất hiện liên hệ với dãy thứ nhất, thứ hai, thứ sáu hay thứ bảy.

257. The analogous relation of a dense physical globe to the physical body of man may need examination, for it seems that through the fourth globe of the Earth-chain, *all* seven principles express. The fourth globe has, it would seem, many subtle layers. So the fourth globe is not strictly, it would seem, densely physical. But the dense physical body of man *is* densely physical, and, per se, does not have many subtle layers (though it contains liquid and gaseous states as well as those which are densely physical)..

257. Mối liên hệ tương tự giữa một bầu hành tinh hồng trần đậm đặc với thể xác của con người có thể cần được khảo sát, vì dường như qua bầu hành tinh thứ tư của Dãy Địa Cầu, *mọi* bảy nguyên khí đều biểu hiện. Bầu hành tinh thứ tư, dường như, có nhiều lớp vi tế. Vì vậy bầu hành tinh thứ tư, nói cho nghiêm ngặt, dường như không hoàn toàn là hồng trần đậm đặc. Nhưng thể xác đậm đặc của con người *là* hồng trần đậm đặc, và chính nó không có nhiều lớp vi tế (dù nó chứa các trạng thái lỏng và khí cũng như những trạng thái hồng trần đậm đặc).

258. The question is: is any globe within a planetary chain of *one substance only*? They all seem to be multi-substantial and multi-principled, although each does not possess the same number of principles—the subtler globes have fewer.

258. Câu hỏi là: có bầu hành tinh nào trong một dãy hành tinh chỉ gồm *một chất liệu duy nhất* không? Tất cả chúng dường như đều đa chất liệu và đa nguyên khí, mặc dù mỗi bầu không sở hữu cùng một số nguyên khí—các bầu vi tế hơn có ít hơn.

259. If we look closely at man and the Planetary Logos, the analogy might run this way:

259. Nếu chúng ta quan sát kỹ con người và Hành Tinh Thượng Đế, phép loại suy có thể diễn ra theo cách này:

m. Each vehicle in man's constitution is analogous to a chain in the manifestation of a planetary scheme.

m. Mỗi vận cụ trong cấu tạo của con người tương tự với một dãy trong sự biểu hiện của một hệ hành tinh.

n. Each chakra in each of man's vehicles is analogous to a globe within a chain in a planetary scheme.

n. Mỗi luân xa trong mỗi vận cụ của con người tương tự với một bầu hành tinh trong một dãy của một hệ hành tinh.

o. In the case of a Planetary Logos none of the chains or even globes is mono-substantial (i.e., consisting of only one substance—even if in a number of grades of subplane substance).

o. Trong trường hợp của một Hành Tinh Thượng Đế, không dãy nào hay ngay cả bầu hành tinh nào là đơn chất liệu (tức là chỉ gồm một chất liệu—dù ở một số cấp độ của chất liệu cõi phụ).

p. But can the same be said for the vehicles and the chakras of a man? For in man the vehicles and the chakras do seem mono-substantial.

p. Nhưng điều tương tự có thể nói về các vận cụ và các luân xa của con người chăng? Vì nơi con người, các vận cụ và các luân xa dường như là đơn chất liệu.

260. The problem in extending the analogy to a more minute level is that globes (which are small chakras when compared to chains) have many levels of chakras within them, but the chakras within man (for instance in the physical-etheric vehicle) do not have *in themselves* still lesser chakras (at least our understanding does not reveal that they would have such).

260. Vấn đề khi mở rộng phép loại suy đến một cấp độ vi tế hơn là các bầu hành tinh (là những luân xa nhỏ khi so với các dãy) có nhiều cấp độ luân xa bên trong chúng, nhưng các luân xa trong con người (thí dụ trong vận cụ hồng trần-dĩ thái) không có *trong chính chúng* những luân xa nhỏ hơn nữa (ít nhất sự thấu hiểu của chúng ta không cho thấy rằng chúng có như thế).

261. So the analogy between the globe as a chakra in a planetary chain, and a human chakra as a chakra in a vehicle breaks down because the globe is multiply divisible into lesser and lesser chakras and the human chakra is *not*—at least does not *seem* to be, given our present depth of understanding.

261. Vì vậy phép loại suy giữa bầu hành tinh như một luân xa trong một dãy hành tinh, và luân xa con người như một luân xa trong một vận cụ bị đổ vỡ vì bầu hành tinh có thể được phân chia nhiều lần thành các luân xa nhỏ hơn và nhỏ hơn nữa còn luân xa con người thì *không*—ít nhất dường như *không* như vậy, xét theo chiều sâu thấu hiểu hiện nay của chúng ta.

Each scheme of seven chains is the expression of the life of an Entity, Who occupies it, as does a man his body, for purposes of manifestation and in order to gain experience.

Mỗi hệ gồm bảy dãy là biểu hiện của sự sống của một Thực Thể, Đấng cư ngụ trong đó, cũng như con người cư ngụ trong thể mình, vì các mục đích biểu hiện và để thu nhận kinh nghiệm.

262. This is a straightforward statement.

262. Đây là một phát biểu thẳng thắn.

Footnote 3:

Chú thích 3:

These Heavenly Men are:

Các Đấng Thiên Nhân này là:

1. The sum-total of consciousness...S. D., I, 626,

263. They are the sum-total of the *aspects* of consciousness of a Solar Logos.

264. The *Secret Doctrine* seems to assume the ring-pass-not of the Solar Logos.

265. Obviously, there is consciousness in Entities beyond the solar system, and so the Heavenly Men cannot be the sum-total of *all* consciousness.

2. The Creators...S. D., I, 477, 481-485.

266. Each Planetary Logos is strongly conditioned by the third aspect of divinity which is the correlated to the third Ray—the Ray of *Creative* Intelligence.

Compare S. D., II, 244.

a. They are the seven primary creations, or the taking of the etheric body by a Heavenly Man.

267. The primacy of the etheric body over the dense physical body is expressed in this statement.

b. They are the seven secondary creations, or the taking of the dense physical body.

268. The secondary nature of the dense physical body is expressed.

269. Of whom or of what are these Heavenly Men the "creations"? They are the "Brothers" of the Solar Logos and yet they are

1. Tổng thể của tâm thức...S. D., I, 626,

263. Các Ngài là tổng thể của các *phương diện* của tâm thức của một Thái dương Thượng đế.

264. *Giáo Lý Bí Nhiệm* dường như giả định vòng-giới-hạn của Thái dương Thượng đế.

265. Hiển nhiên, có tâm thức nơi các Thực Thể vượt ra ngoài hệ mặt trời, và vì thế các Đấng Thiên Nhân không thể là tổng thể của *mọi* tâm thức.

2. Các Đấng Sáng Tạo...S. D., I, 477, 481-485.

266. Mỗi Hành Tinh Thượng Đế chịu ảnh hưởng định hình mạnh mẽ bởi phương diện thứ ba của thiên tính, vốn tương ứng với cung ba—Cung của Trí Tuệ *Sáng Tạo*.

So sánh S. D., II, 244.

a. Các Ngài là bảy sáng tạo sơ cấp, hay việc một Đấng Thiên Nhân đảm nhận thể dĩ thái.

267. Tính ưu tiên của thể dĩ thái đối với thể xác đậm đặc được biểu lộ trong phát biểu này.

b. Các Ngài là bảy sáng tạo thứ cấp, hay việc đảm nhận thể xác đậm đặc.

268. Bản chất thứ cấp của thể xác đậm đặc được biểu lộ.

269. Các Đấng Thiên Nhân này là "những sáng tạo" của ai hay của cái gì? Các Ngài là những "Huynh Đệ" của Thái dương Thượng

expressions of His principles. This is an interesting mystery.

đế, vậy mà các Ngài lại là những biểu hiện của các nguyên khí của Ngài. Đây là một huyền nhiệm thú vị.

Trace this in the Microcosm, and the work of the devas of the ethers in building the body.

Hãy truy nguyên điều này trong Tiểu thiên địa, và công việc của các thiên thần của các cõi dĩ thái trong việc xây dựng thể.

270. Analogously, the etheric body of man is a *primary* creation, and a principle.

270. Theo phép loại suy, thể dĩ thái của con người là một sáng tạo *sơ cấp*, và là một nguyên khí.

271. The dense physical body of man is a *secondary* creation.

271. Thể xác đậm đặc của con người là một sáng tạo *thứ cấp*.

c. The aggregate of divine intelligence...S. D., I, 488,

c. Tổng thể của trí tuệ thiêng liêng...S. D., I, 488,

272. Planetary Logoi are Divine Manasaputras. They are closely identified with the *intelligence* aspect of Deity.

272. Các Hành Tinh Thượng Đế là các Manasaputras Thiêng Liêng. Các Ngài được đồng hoá mật thiết với phương diện *trí tuệ* của Thượng đế.

d. The mindborn Sons of Brahma...S. D., I, 493, S. D., II, 610, 618.

d. Các Con của Brahma sinh ra từ trí...S. D., I, 493, S. D., II, 610, 618.

273. We pause over the term "mindborn". It is clear from this term that the Heavenly Men are not produced by generation but, rather, by emanation.

273. Chúng ta dừng lại ở thuật ngữ "sinh ra từ trí". Từ thuật ngữ này, rõ ràng rằng các Đấng Thiên Nhân không được tạo ra bằng sinh sản mà đúng hơn bằng phát xạ.

274. To be emanated by a creative act of consciousness (aided by manas) is to be "mind-born".

274. Được phát xạ bởi một hành vi sáng tạo của tâm thức (được manas hỗ trợ) tức là được "sinh ra từ trí".

They are the logoic Quaternary, the Five, and the Seven.

Các Ngài là Tứ Phân logoic, Bộ Năm, và Bộ Bảy.

275. It would be easy to understand how the five Brahmic Rays would be related to the "logoic Quaternary"—i.e., the personality nature of the Solar Logos.

275. Sẽ dễ hiểu cách năm Cung Brahma có thể liên hệ với "Tứ Phân logoic"—tức là bản chất phàm ngã của Thái dương Thượng đế.

276. "The Five" seem to be the five Rays of Brahma. The "Seven" are all the seven rays.

277. The entirety of this statement suggests that the "mindborn Sons of Brahma" comprise the "logoic Quaternary, the Five and the Seven"—*all* of them.

e. The seven Rays...S. D., I, 561, S. D., II, 201.

278. The Divine Manasaputras, the Seven Prajapatis, the seven Mindborn Sons are the planetary Lords of the Seven Rays. They are not *intra*-planetary Ray Lords, but the extra-planetary prototypes of the *intra*-planetary Ray Lords.

They are the seven paths back to God.....Spirit.

279. Each Ray is a path of return with its own particular meditations, spiritual methodologies and techniques of approach.

They are the seven principles metaphysically.

280. Each of the seven principles is, as it were, *informed* by one of the Ray Lords. Each principle is particularly *keyed* to one of the seven ray energies.

They are the seven races physically.

281. Each rootrace is correlated with one of the seven rays. Some examples:

276. "Bộ Năm" dường như là năm Cung của Brahma. "Bộ Bảy" là toàn bộ bảy cung.

277. Toàn bộ phát biểu này gợi ý rằng các "Con của Brahma sinh ra từ trí" bao gồm "Tứ Phân logoic, Bộ Năm và Bộ Bảy"—*tất cả* các bộ ấy.

e. Bảy Cung...S. D., I, 561, S. D., II, 201.

278. Các Manasaputras Thiêng Liêng, Bảy Prajapatis, bảy Người Con Sinh-ra-từ-Trí là các Chúa Tể hành tinh của Bảy Cung. Các Ngài không phải là các Đấng Chúa Tể Cung *nội*-hành tinh, mà là các nguyên mẫu ngoài-hành tinh của các Đấng Chúa Tể Cung *nội*-hành tinh.

Các Ngài là bảy con đường trở về với Thượng đế.....Tinh thần.

279. Mỗi cung là một Con Đường Trở Về với những bài tham thiền, những phương pháp luận tinh thần và những kỹ thuật tiếp cận riêng biệt của nó.

Các Ngài là bảy nguyên khí về mặt siêu hình.

280. Mỗi một trong bảy nguyên khí, có thể nói, được *thấm nhuần* bởi một trong các Đấng Chúa Tể Cung. Mỗi nguyên khí đặc biệt được *điều chỉnh chủ âm* theo một trong bảy năng lượng cung.

Các Ngài là bảy nhân loại về mặt hồng trần.

281. Mỗi giống dân gốc tương ứng với một trong bảy cung. Một vài thí dụ:

q. The Aryan rootrace with the Lord of the Fifth Ray

q. Giống dân gốc Arya với Đấng Chúa Tể Cung năm

r. The Atlantean rootrace with the Lord of the Fourth Ray

r. Giống dân gốc Atlantis với Đấng Chúa Tể Cung bốn

s. The Lemurian rootrace with the Lord of the Third Ray

s. Giống dân gốc Lemuria với Đấng Chúa Tể Cung ba

t. The Hyperborean rootrace with the Lord of the Second Ray

t. Giống dân gốc Hyperborea với Đấng Chúa Tể Cung hai

u. The Adamic rootrace with the Lord of the First Ray

u. Giống dân gốc Adamic với Đấng Chúa Tể Cung một

v. The sixth rootrace will be correlated with the Lord of the Sixth Ray

v. Giống dân gốc thứ sáu sẽ tương ứng với Đấng Chúa Tể Cung sáu

w. The seventh rootrace will be correlated with the Lord of the Seventh Ray

w. Giống dân gốc thứ bảy sẽ tương ứng với Đấng Chúa Tể Cung bảy

282. There are other numbers which can be applied.

282. Có những con số khác có thể được áp dụng.

x. The fifth and seventh rays can be seen as relating to the Lemurian rootrace

x. Cung năm và cung bảy có thể được xem là liên hệ với giống dân gốc Lemuria

y. The sixth ray to the Atlantean rootrace

y. Cung sáu với giống dân gốc Atlantis

z. The third ray to the Aryan rootrace

z. Cung ba với giống dân gốc Arya

aa. The second ray to the sixth rootrace

aa. Cung hai với giống dân gốc thứ sáu

bb. The first ray to the seventh rootrace.

bb. Cung một với giống dân gốc thứ bảy.

f. The Lords of ceaseless and untiring devotion...S. D., II, 92,

f. Các Chúa Tể của sự sùng tín không ngừng nghỉ và không mệt mỏi...S. D., II, 92,

283. This phrase is akin to “the Lords of ceaseless, persevering devotion”—a phrase

283. Cụm từ này gần với “các Chúa Tể của sự sùng tín không ngừng, kiên trì”—một cụm

characterizing the human Monad. Each Monad is found on one of the seven rays, and, fundamentally, upon one of the major three rays.

từ mô tả chân thần con người. Mỗi chân thần được thấy trên một trong bảy cung, và về căn bản, trên một trong ba cung chính.

284. When we speak of the planetary Ray Lords (the Ray Lords expressing through a planetary scheme) we are referring to octaves higher than those upon which the human Monad can be found. Yet it is possible that the Monad (a child, in a way, of a planetary Ray Lord) may resemble its parent, and that the parent, too, may be characterized by "ceaseless and untiring devotion".

284. Khi chúng ta nói về các Đấng Chúa Tể Cung hành tinh (các Đấng Chúa Tể Cung biểu hiện qua một hệ hành tinh), chúng ta đang nói đến những quãng tám cao hơn những quãng mà chân thần con người có thể được tìm thấy. Tuy nhiên, có thể chân thần (theo một nghĩa nào đó là đứa con của một Đấng Chúa Tể Cung hành tinh) có thể giống cha mẹ của nó, và rằng chính đấng cha mẹ ấy cũng có thể được mô tả bằng "sự sùng tín không ngừng nghỉ và không mệt mỏi".

285. We note the high status of the quality of *devotion* in this context.

285. Chúng ta lưu ý đến địa vị cao của phẩm tính *sùng tín* trong bối cảnh này.

g. The failures of the last system...S. D., II, 243,

g. Những thất bại của hệ mặt trời trước...S. D., II, 243,

286. Some human beings are failures of the last solar system, but it is perhaps an unusual idea to think of the planetary Ray Lords a "failures".

286. Một số con người là những thất bại của hệ mặt trời trước, nhưng có lẽ là một ý tưởng khác thường khi nghĩ các Đấng Chúa Tể Cung hành tinh là "những thất bại".

287. What might they have been had they not "failed"? Solar Logoi?

287. Các Ngài có thể đã là gì nếu các Ngài không "thất bại"? Các Thái dương Thượng đế chăng?

h. The polar opposites to the Pleiades...S. D., II, 579, 581.

h. Các cực đối nghịch với Pleiades...S. D., II, 579, 581.

288. We have learned that the Pleiades provide manas to the Heavenly Men. The Heavenly Men then, in a way, represent a negative or receptive pole to the Pleiades. The Entities expressing through the Pleiades are, of course, much greater than the Heavenly Men of our solar system.

288. Chúng ta đã học rằng Pleiades cung cấp manas cho các Đấng Thiên Nhân. Vì vậy, theo một nghĩa nào đó, các Đấng Thiên Nhân biểu thị một cực âm hay cực tiếp nhận đối với Pleiades. Dĩ nhiên, các Thực Thể biểu hiện qua Pleiades vĩ đại hơn rất nhiều so với các Đấng Thiên Nhân của hệ mặt trời chúng ta.

Our system is masculine occultly and the Pleiades is feminine.

Hệ của chúng ta về mặt huyền bí là nam tính và Pleiades là nữ tính.

289. What is meant here by "our system"? Usually, this phrase would mean our *solar system.*

289. Ở đây "hệ của chúng ta" có nghĩa là gì? Thông thường, cụm từ này sẽ có nghĩa là *hệ mặt trời* của chúng ta.

290. VSK wonders whether by the term "our system" the Seven Solar Systems of Which Ours is One may be meant.

290. VSK tự hỏi liệu bằng thuật ngữ "hệ của chúng ta" có phải muốn nói đến Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một trong đó hay không.

291. This would be the constellation in which our Solar Logos represents a heart center.

291. Đây sẽ là chòm sao trong đó Thái dương Thượng đế của chúng ta biểu hiện một trung tâm tim.

292. This greater constellation (Cosmic Logos) of which our solar system is a part, is sometimes called the Sirian System (as opposed to the Solar Logos of the star Sirius—a much smaller Entity which is also part of the Seven Solar Systems of Which Ours is One).

292. Chòm sao lớn hơn này (Thượng đế Vũ Trụ) mà hệ mặt trời của chúng ta là một phần trong đó, đôi khi được gọi là Hệ Sirius (đối lập với Thái dương Thượng đế của sao Sirius—một Thực Thể nhỏ hơn nhiều, cũng là một phần của Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một).

293. VSK wonders if the Sirian System is akashic in relation to the Pleiades which are electrical.

293. VSK tự hỏi liệu Hệ Sirius có phải là akashic trong liên hệ với Pleiades vốn là điện tính hay không.

294. She also mentions the idea (sometimes heard) that our system is part of the Great Bear.

294. Bà cũng nêu ra ý tưởng (đôi khi được nghe nói) rằng hệ của chúng ta là một phần của Đại Hùng Tinh.

A Heavenly Man in His planetary scheme creates in a similar manner. See S. D., II, 626.

Một Đấng Thiên Nhân trong hệ hành tinh của Ngài sáng tạo theo một cách tương tự. Xem S. D., II, 626.

295. Creates in a manner similar to the Pleiades?

295. Sáng tạo theo cách tương tự với Pleiades chăng?

296. There is certainly a close relation between the Heavenly Men and the Pleiades. They are both, generically, connected with the intelligence aspect, the third aspect of divinity. Yet, for both, the second aspect of divinity is of growing and more fundamental importance.

296. Chắc chắn có một mối liên hệ mật thiết giữa các Đấng Thiên Nhân và Pleiades. Cả hai, nói chung, đều liên kết với phương diện trí tuệ, phương diện thứ ba của thiên tính. Tuy nhiên, đối với cả hai, phương diện thứ hai của thiên tính có tầm quan trọng ngày càng tăng và căn bản hơn.

[Page 251]

[Page 251]

b. A Heavenly Man contains within Himself that which corresponds to the cells within the vehicles of expression of a human being. **The atoms or cells in His body are made up of the aggregate of the deva and human units who vibrate to His key note, and who respond to the measure of His life.**

b. Một Đấng Thiên Nhân chứa trong chính Ngài điều tương ứng với các tế bào trong các vận cụ biểu hiện của một con người. **Các nguyên tử hay tế bào trong thân thể của Ngài được tạo thành từ tổng thể các đơn vị thiên thần và nhân loại rung động theo chủ âm của Ngài, và đáp ứng với mức độ sự sống của Ngài.**

297. We note that DK seems to blur the distinction between atoms and cells.

297. Chúng ta lưu ý rằng DK dường như làm mờ đi sự phân biệt giữa nguyên tử và tế bào.

298. Scientifically, there is a vast difference in scope between the two. The cell is simply huge compared to the atom of substance/ matter and would contain a huge number of such atoms.

298. Về mặt khoa học, có một khác biệt rất lớn về quy mô giữa hai thứ ấy. Tế bào đơn giản là khổng lồ so với nguyên tử chất liệu/ vật chất và sẽ chứa một số lượng rất lớn các nguyên tử như thế.

299. When we wish to understand the function of a human being within the life demonstration of a Planetary Logos, we must study of the function of a cell within the body of a human being.

299. Khi chúng ta muốn hiểu chức năng của một con người trong sự biểu lộ sự sống của một Hành Tinh Thượng Đế, chúng ta phải nghiên cứu chức năng của một tế bào trong thân thể của một con người.

300. If we are cells in a particular Planetary Logos, it means that we necessarily "vibrate to His key note" and "respond to the measure of His life".

300. Nếu chúng ta là những tế bào trong một Hành Tinh Thượng Đế nhất định, điều đó có nghĩa là chúng ta tất yếu "rung động theo chủ âm của Ngài" và "đáp ứng với mức độ sự sống của Ngài".

301. This would mean that despite our soul ray or monadic ray, we would still vibrate to the key note of our particular Heavenly Man. In what 'area' of our manifestation would we thus vibrate and thus respond? What is it within us that would thus vibrate and respond?

301. Điều này có nghĩa là bất chấp cung linh hồn hay cung chân thần của chúng ta, chúng ta vẫn sẽ rung động theo chủ âm của Đấng Thiên Nhân riêng biệt của chúng ta. Trong "lĩnh vực" nào của sự biểu hiện của chúng ta mà chúng ta sẽ rung động và đáp ứng như thế? Điều gì trong chúng ta sẽ rung động và đáp ứng như thế?

302. The science which must deal with multiple vibrations (induced from multiple sources) and their relationships is complex

302. Khoa học phải đề cập đến nhiều rung động (được cảm ứng từ nhiều nguồn) và các mối liên hệ của chúng là một khoa học phức tạp

All are held together and animated by His will to be, and all vibrate according to the point achieved by Him in evolution.

Tất cả đều được giữ lại với nhau và được tiếp sinh lực bởi ý chí hiện hữu của Ngài, và tất cả đều rung động tùy theo điểm tiến hoá mà Ngài đã đạt được.

303. This means that the evolutionary elevation of the beings of, for instance, planet Earth depends in part upon the progress made by the Planetary Logos.

303. Điều này có nghĩa là sự nâng cao tiến hoá của các hữu thể trên, chẳng hạn, hành tinh Trái Đất phụ thuộc một phần vào sự tiến bộ mà Hành Tinh Thượng Đế đã đạt được.

304. The relationship between the greater Being and the lesser beings contained within the ring-pass-not of the greater Being is reciprocal and mutually-assistive. When, however, failures occur, the greater and the lesser are all affected.

304. Mối liên hệ giữa Hữu thể lớn hơn và các hữu thể nhỏ hơn được chứa trong vòng-giới-hạn của Hữu thể lớn hơn là có đi có lại và hỗ trợ lẫn nhau. Tuy nhiên, khi các thất bại xảy ra, cả lớn lẫn nhỏ đều bị ảnh hưởng.

From the cosmic standpoint a Heavenly Man can be seen as a sphere of wondrous life, which includes within its radius of influence

Từ quan điểm vũ trụ, một Đấng Thiên Nhân có thể được xem như một khối cầu của sự sống kỳ diệu, bao gồm trong bán kính ảnh

the **vibratory capacity** of an entire planetary scheme.

305. We can imagine that a great number of vibratory potentials are contained within the ring-pass-not of a planetary scheme.

He vibrates to a certain measure, which can be estimated by the activity of the life pulsating at the centre of the sphere;

306. We explored this concept a bit earlier. The pulsations of the planetary "jewel of the lotus" are to be quantified or measured in order to understand that "certain measure" to which the Planetary Logos vibrates.

307. Since the Planetary Logos is such a multi-plex Being, we must again ask *what* is it that vibrates to a certain measure. Not all parts of the Planetary Logos can reproduce the same measure, but all parts can be *in synchronization* with that measure.

308. So it is important to know that aspect of His being that vibrates *exactly* to the "certain measure". Perhaps, indeed, it is the vibration or pulsation of the planetary "jewel in the lotus" that is most closely correlated to that certain measure.

the entire planetary scheme is **tinctured by a certain color**, is **rotating to a fixed key** which is the **key of His life cycle** within the still greater mahamanvantara or logoic cycle.

hưởng của nó **năng lực rung động** của toàn bộ một hệ hành tinh.

305. Chúng ta có thể hình dung rằng một số lượng lớn các tiềm năng rung động được chứa trong vòng-giới-hạn của một hệ hành tinh.

Ngài rung động theo một mức độ nhất định, có thể được ước lượng bằng hoạt động của sự sống đang đập nhịp ở trung tâm của khối cầu;

306. Chúng ta đã khảo sát khái niệm này đôi chút trước đây. Các nhịp đập của "viên ngọc trong hoa sen" hành tinh phải được định lượng hay đo lường để hiểu "mức độ nhất định" mà Hành Tinh Thượng Đế rung động theo đó.

307. Vì Hành Tinh Thượng Đế là một Hữu thể đa phức như thế, chúng ta lại phải hỏi *điều gì* là cái rung động theo một mức độ nhất định. Không phải mọi phần của Hành Tinh Thượng Đế đều có thể tái tạo cùng một mức độ, nhưng mọi phần đều có thể *đồng bộ* với mức độ ấy.

308. Vì vậy điều quan trọng là phải biết phương diện nào trong bản thể của Ngài rung động *chính xác* theo "mức độ nhất định" ấy. Quả thật, có lẽ chính sự rung động hay nhịp đập của "viên ngọc trong hoa sen" hành tinh là điều tương quan mật thiết nhất với mức độ nhất định ấy.

toàn bộ hệ hành tinh được **nhuốm một màu sắc nhất định**, đang **xoay chuyển theo một chủ âm cố định** vốn là **chủ âm của chu kỳ sự sống của Ngài** trong đại giai kỳ sinh hóa hay chu kỳ logoic còn lớn hơn nữa.

309. What may be the color which tinctures our planetary scheme? May it be a shade of blue since we are in a planetary period when the soul ray (the second ray soul) of our planet is emerging?

309. Màu sắc nhuốm lên hệ hành tinh của chúng ta có thể là gì? Có thể đó là một sắc xanh chăng vì chúng ta đang ở trong một thời kỳ hành tinh khi cung linh hồn (cung hai linh hồn) của hành tinh chúng ta đang xuất hiện?

310. Every rotation is equivalent to a vibrational cycle. Surely there must be a correlation between the pulsations occurring at the heart of the center of the sphere and the period of rotation of the planet.

310. Mỗi vòng xoay tương đương với một chu kỳ rung động. Chắc chắn phải có một tương quan giữa các nhịp đập xảy ra tại trái tim của trung tâm của khối cầu và chu kỳ xoay chuyển của hành tinh.

311. But has it been realized that there are several kinds of rotation occurring in relation to our planetary scheme.

311. Nhưng người ta đã nhận ra rằng có nhiều loại xoay chuyển xảy ra liên hệ với hệ hành tinh của chúng ta hay chưa.

cc. Rotation of globes (this we have measured in relation to our dense physical globe).

cc. Sự xoay chuyển của các bầu hành tinh (điều này chúng ta đã đo được liên hệ với bầu hành tinh hồng trần đậm đặc của chúng ta).

dd. Rotation of chains

dd. Sự xoay chuyển của các dãy

ee. Rotation of the entire scheme

ee. Sự xoay chuyển của toàn bộ hệ

312. It will be agreed that many of these types of rotation are occult factors of which we (quite ordinary humanity) have no cognition. Measuring such periods of rotation is, therefore, for us, impossible at this time.

312. Cần lưu ý rằng nhiều loại xoay chuyển này là những yếu tố huyền bí mà chúng ta (nhân loại khá bình thường) không có nhận thức nào về chúng. Vì vậy, việc đo lường các chu kỳ xoay chuyển như thế hiện nay là điều bất khả đối với chúng ta.

313. That such occult periods of rotation should exist seems an analogical necessity.

313. Việc những chu kỳ xoay chuyển huyền bí như thế phải tồn tại dường như là một tất yếu theo phép loại suy.

c. A Heavenly Man is distinguished by His activity on one or other of the planes which we call the Triadal, or Atma-Buddhi-Manas, in the same way as a man is distinguished by

c. Một Đấng Thiên Nhân được phân biệt bởi hoạt động của Ngài trên một hay một cõi khác trong các cõi mà chúng ta gọi là Tam nguyên tinh thần, hay Atma-Buddhi-Manas, cũng như con người được phân biệt bởi hoạt

his activity on one of the planes in the three worlds, mental-astral-physical.

314. The Heavenly Man works within the area of the divine life where the personality of the Monad functions; that personality is the human spiritual triad.

315. Man, the human, works in that area of divine life where the personality of the Ego functions.

316. If we refer to *TCF* 234. we shall remember that a Heavenly Man achieves mastery on the five lower planes of the cosmic physical plane. The field of Atma-Buddhi-Manas is thus of great importance in the expression of a Heavenly Man.

317. To the extent that a human being can focus within Atma-Buddhi-Manas, he may be in touch with the plans and intention of his Heavenly Man.

318. We see how closely the human being is a reflection of the Planetary Logos. The human being usually works within the lower three worlds and is becoming aware of the possibility of working within the cosmic ethers.

319. The Planetary Logos or Heavenly Man in relation to His work upon the cosmic physical plane (as He most certainly works on others), works within the cosmic ethers.

Eventually a man is self-conscious on all three. Eventually a Heavenly Man is fully self-conscious on the higher three.

320. This is an astonishing statement. We are familiar with the idea that man is

động của mình trên một trong các cõi trong ba cõi thấp, trí tuệ-cảm dục-hồng trần.

314. Đấng Thiên Nhân hoạt động trong khu vực của sự sống thiêng liêng nơi phàm ngã của chân thần vận hành; phàm ngã ấy là Tam Nguyên Tinh Thần của con người.

315. Con người hoạt động trong khu vực của sự sống thiêng liêng nơi phàm ngã của chân ngã vận hành.

316. Nếu chúng ta tham chiếu *TCF* 234, chúng ta sẽ nhớ rằng một Đấng Thiên Nhân đạt quyền làm chủ trên năm cõi thấp của cõi hồng trần vũ trụ. Vì vậy lĩnh vực Atma-Buddhi-Manas có tầm quan trọng lớn trong sự biểu hiện của một Đấng Thiên Nhân.

317. Trong chừng mực một con người có thể tập trung trong Atma-Buddhi-Manas, y có thể tiếp xúc với các kế hoạch và ý định của Đấng Thiên Nhân của mình.

318. Chúng ta thấy con người phản chiếu Hành Tinh Thượng Đế mật thiết đến mức nào. Con người thường hoạt động trong ba cõi thấp và đang trở nên nhận biết khả năng hoạt động trong các cõi dĩ thái vũ trụ.

319. Hành Tinh Thượng Đế hay Đấng Thiên Nhân, trong liên hệ với công việc của Ngài trên cõi hồng trần vũ trụ (cũng như chắc chắn Ngài hoạt động trên các cõi khác), hoạt động trong các cõi dĩ thái vũ trụ.

Cuối cùng con người có ngã thức trên cả ba cõi. Cuối cùng một Đấng Thiên Nhân có đầy đủ ngã thức trên ba cõi cao.

320. Đây là một phát biểu đáng kinh ngạc. Chúng ta quen thuộc với ý tưởng rằng con

gaining full self-consciousness within the three lower worlds, but it seems unusual to think that the Heavenly Man has not yet gained full Self-consciousness within the fields of Atma-Buddhi-Manas.

người đang đạt được ngã thức đầy đủ trong ba cõi thấp, nhưng dường như thật khác thường khi nghĩ rằng Đấng Thiên Nhân vẫn chưa đạt được Ngã thức đầy đủ trong các lĩnh vực Atma-Buddhi-Manas.

Every forward movement or increased vitality in the aggregate of men in the three worlds, is paralleled by an analogous activity on the three higher planes.

Mọi sự tiến tới hay sinh lực gia tăng trong tổng thể những người nam và nữ trong ba cõi thấp, đều có một hoạt động tương tự song hành trên ba cõi cao.

321. We begin to understand that human beings, individually, but especially in groups, are somewhat responsible for forward movement and increased vitality of the Planetary Logos upon the higher planes.

321. Chúng ta bắt đầu hiểu rằng các con người, xét riêng lẻ, nhưng đặc biệt là theo nhóm, phần nào chịu trách nhiệm đối với sự tiến tới và sinh lực gia tăng của Đức Hành Tinh Thượng Đế trên các cõi cao.

The action and the interaction between **the life animating the groups or the Heavenly Men**, and the life animating the atoms or men who form the units in groups is both mysterious and wonderful.

Tác động và sự tương tác giữa **sự sống làm sinh động các nhóm hay các Đấng Thiên Nhân**, và sự sống làm sinh động các nguyên tử hay con người tạo thành các đơn vị trong các nhóm vừa huyền nhiệm vừa kỳ diệu.

322. The Tibetan hints at something we cannot fathom but which we can, perhaps, appreciate imaginatively.

322. Chân sư Tây Tạng gợi ý về một điều chúng ta không thể thấu triệt nhưng có lẽ có thể cảm nhận bằng sự tưởng tượng.

323. The "life animating the groups of the Heavenly Men" must be the Solar Logos. At least this is one reasonable interpretation.

323. "Sự sống làm sinh động các nhóm của các Đấng Thiên Nhân" hẳn phải là Thái dương Thượng đế. Ít nhất đây là một cách giải thích hợp lý.

324. The "life animating the atoms of men who form the units in groups" must be the Planetary Logos.

324. "Sự sống làm sinh động các nguyên tử của con người tạo thành các đơn vị trong các nhóm" hẳn phải là Đức Hành Tinh Thượng Đế.

325. He is, therefore, speaking of the interrelation between the Solar Logos and the Planetary Logoi.

325. Vì vậy, Ngài đang nói về mối tương quan giữa Thái dương Thượng đế và các Hành Tinh Thượng Đế.

326. We must watch this term "Heavenly Men". Sometimes it may refer to the

326. Chúng ta phải lưu ý thuật ngữ "Đấng Thiên Nhân" này. Đôi khi nó có thể chỉ các

Planetary Logoi. At other times it may refer to lesser groups. Perhaps Chain-Lords are Heavenly Men; perhaps Globe-Lords are to be considered as Heavenly Men. Who knows what may be the smallest grouping to which the terms Heavenly Man may refer?

Hành Tinh Thượng Đế. Những lúc khác nó có thể chỉ các nhóm nhỏ hơn. Có lẽ các Chúa Tể Dãy là các Đấng Thiên Nhân; có lẽ các Chúa Tể Bầu Hành Tinh cũng được xem là các Đấng Thiên Nhân. Ai biết được nhóm nhỏ nhất mà thuật ngữ Đấng Thiên Nhân có thể chỉ đến là gì?

A Heavenly Man on His own planes

Một Đấng Thiên Nhân trên các cõi riêng của Ngài

327. These planes being, presumably, the planes of Atma-Buddhi-Manas.

327. Các cõi này, có lẽ, là các cõi Atma-Bồ đề-Manas.

likewise shows forth the qualities of:

cũng biểu lộ các phẩm tính của:

- Rotary motion, or His particular cycling activity around His life wheel, a planetary scheme, and thus around His egoic pole.

- Chuyển động quay, hay hoạt động tuần hoàn đặc thù của Ngài quanh bánh xe sự sống của Ngài, một hệ hành tinh, và như thế quanh cực chân ngã của Ngài.

328. We must employ the imagination to picture this.

328. Chúng ta phải vận dụng sự tưởng tượng để hình dung điều này.

329. If the analogy to this point, which discussed in relation to the Solar Logos, is to be credited, the “cycling activity around His life wheel” occurs in the time period which to the Planetary Logos is as a *day.*

329. Nếu phép loại suy đến điểm này, vốn được bàn đến trong liên hệ với Thái dương Thượng đế, là đáng tin, thì “hoạt động tuần hoàn quanh bánh xe sự sống của Ngài” xảy ra trong khoảng thời gian mà đối với Hành Tinh Thượng Đế cũng như một *ngày.*

330. Think of the life of man: how many times in seventy to a hundred years does a human being return to the Ego at night before returning to the Ego for a far longer duration at physical death?

330. Hãy nghĩ đến đời sống con người: trong bảy mươi đến một trăm năm, một con người trở về với Chân ngã vào ban đêm bao nhiêu lần trước khi trở về với Chân ngã trong một thời gian lâu hơn rất nhiều lúc chết về thể xác?

[Page 252]

[Page 252]

a. Discriminating capacity, or the power to choose and thereby gain experience. They

a. Năng lực phân biện, hay quyền năng chọn lựa và nhờ đó thu đạt kinh nghiệm. Các Ngài

are the embodiments of manas or the intelligent faculty (hence Their title of Divine Manasaputras) which comprehends, chooses and discards, thus attaining knowledge and self-consciousness.

là hiện thân của manas hay năng lực trí tuệ (do đó có danh hiệu là các Divine Manasaputras) vốn thấu hiểu, chọn lựa và loại bỏ, nhờ vậy đạt được tri thức và ngã thức.

304. Discriminative capacity involves:

304. Năng lực phân biện bao gồm:

a. Comprehending

a. Thấu hiểu

b. Choosing

b. Chọn lựa

c. Discarding

c. Loại bỏ

This manasic faculty They developed in earlier kalpas or solar systems. Their purpose is now to utilise that which is developed to bring about certain specific effects and to attain certain specific goals.

Năng lực manas này Các Ngài đã phát triển trong các kalpa hay các hệ mặt trời trước đây. Mục đích của Các Ngài hiện nay là sử dụng điều đã được phát triển ấy để tạo ra những hiệu quả đặc thù nào đó và đạt đến những mục tiêu đặc thù nào đó.

331. Were the Heavenly Men single entities when they developed this manasic faculty, or did many self-conscious life units, who are now, *together* and *collectively* Heavenly Men, develop this faculty in parallel?

331. Phải chăng các Đấng Thiên Nhân là những thực thể đơn nhất khi Các Ngài phát triển năng lực manas này, hay nhiều đơn vị sự sống tự ý thức, nay *cùng nhau* và *tập thể* là các Đấng Thiên Nhân, đã phát triển năng lực này song song với nhau?

332. Let us pause to try to understand this question. It has to do with the fact that the Heavenly Men are said to be *composite beings* (formed, for one thing, of many Solar Angels) and, one would think as well, of many graduate human beings of a certain level. This means that a Heavenly Man is a *group being.* This statement means more than that the centers of a Heavenly Man are composed of human and deva units.

332. Chúng ta hãy dừng lại để cố hiểu câu hỏi này. Nó liên quan đến sự kiện rằng các Đấng Thiên Nhân được nói là *những hữu thể hợp thành* (được cấu thành, trước hết, bởi nhiều Thái dương Thiên Thần) và, người ta cũng có thể nghĩ, bởi nhiều con người đã tốt nghiệp ở một cấp độ nào đó. Điều này có nghĩa là một Đấng Thiên Nhân là một *hữu thể nhóm.* Mệnh đề này còn hàm ý nhiều hơn việc các trung tâm của một Đấng Thiên Nhân được cấu thành bởi các đơn vị người và thiên thần.

333. Because the plural “solar systems” is used, rather than “solar system” there is the

333. Bởi vì số nhiều “các hệ mặt trời” được dùng thay vì “hệ mặt trời”, nên có gợi ý rằng

suggestion that that which is the Heavenly Man has been developing the faculty of manas for a *number* of occult centuries. Such a period of development represents a huge number of Earth-years.

cái vốn là Đấng Thiên Nhân đã phát triển năng lực manas trong một *số lượng* thế kỷ huyền bí. Một giai đoạn phát triển như thế tương ứng với một số lượng khổng lồ năm Trái Đất.

b. Ability to evolve, to increase vibration, to gain knowledge, and to make contact. This increased vibration is of a gradual and evolutionary order and **proceeds from centre to centre** as it does in man, and as it does in the case of the atomic spirillae.

b. Khả năng tiến hoá, gia tăng rung động, thu đạt tri thức, và tạo tiếp xúc. Sự gia tăng rung động này thuộc loại tiệm tiến và thăng thượng tiến hoá, và **tiến từ trung tâm này sang trung tâm khác** như nơi con người, và như trong trường hợp các loa tuyến nguyên tử.

307. We are given the picture of a gradual evolutionary development occurring through the activation of various centers. Presumably the lower centers are first activated followed by the higher centers.

307. Chúng ta được trao cho bức tranh về một sự phát triển thăng thượng tiến hoá dần dần diễn ra qua việc hoạt hóa các trung tâm khác nhau. Có lẽ các trung tâm thấp được hoạt hóa trước, tiếp theo là các trung tâm cao.

308. It would be instructive to see which planetary schemes are activated first and reach maturity first. Presumably, such schemes are not expressions of the very highest principles of the Solar Logos—at least it is so for the development of the human being.

308. Sẽ rất bổ ích nếu thấy được những hệ hành tinh nào được hoạt hóa trước và đạt trưởng thành trước. Có lẽ những hệ như vậy không phải là biểu hiện của các nguyên khí cao nhất của Thái dương Thượng đế—ít nhất đối với sự phát triển của con người thì là như vậy.

309. The greatly unfolded condition of the planet Venus in our solar system would suggest that it is *not* really the representative of one of the highest principles in the Solar Logos.

309. Tình trạng khai mở rất lớn của hành tinh Sao Kim trong hệ mặt trời của chúng ta gợi ý rằng nó *không* thật sự là đại diện của một trong những nguyên khí cao nhất nơi Thái dương Thượng đế.

310. As the order of activation of the spirillae in an atom is sequential from the first through the seventh, we would expect a correspondence in the lives of the Planetary Logoi.

310. Vì trật tự hoạt hóa các loa tuyến trong một nguyên tử là tuần tự từ thứ nhất đến thứ bảy, chúng ta sẽ mong đợi một sự tương ứng trong đời sống của các Hành Tinh Thượng Đế.

311. Spirillae are, however, correspondences of systemic planes, and so the

311. Tuy nhiên, các loa tuyến là những tương ứng của các cõi hệ thống, nên sự

correspondence between planetary schemes and spirillae is not exact.

tương ứng giữa các hệ hành tinh và các loa tuyến không hoàn toàn chính xác.

Their aim is to achieve uniformity of contact with each other, and to **merge eventually Their separated identities in the One Identity,** retaining simultaneously full self-consciousness or individualised self-apprehension.

Mục tiêu của Các Ngài là đạt được sự đồng nhất trong tiếp xúc với nhau, và **cuối cùng dung nhập các bản sắc tách biệt của Các Ngài vào trong Bản Sắc Duy Nhất,** đồng thời vẫn giữ trọn vẹn ngã thức hay sự tự nhận biết biệt ngã hóa.

334. We are speaking here of the creation of a balanced relationship between the Logoi of the planetary schemes and the eventual process of obscuration.

334. Ở đây chúng ta đang nói về việc tạo lập một mối quan hệ quân bình giữa các Thượng đế của các hệ hành tinh và tiến trình lu mờ sau cùng.

335. It is important to realize that during the merging or obscuration process, full self-consciousness or individualized self-apprehension is still retained.

335. Điều quan trọng là phải chứng nghiệm rằng trong tiến trình dung nhập hay lu mờ, ngã thức trọn vẹn hay sự tự nhận biết biệt ngã hóa vẫn được giữ lại.

336. The merged entity is both itself and yet becomes something greater.

336. Thực thể được dung nhập vừa vẫn là chính nó, vừa trở thành một cái gì đó lớn lao hơn.

337. The merged Being which results from the merging of Venus and Neptune, for instance, would be a Neptune-Venus Being and not just a Neptune Being.

337. Chẳng hạn, hữu thể dung nhập là kết quả của sự dung nhập giữa Sao Kim và Sao Hải Vương sẽ là một Hữu Thể Hải Vương-Kim chứ không chỉ là một Hữu Thể Hải Vương.

d. A Heavenly Man contains within Himself three major principles—will, love-wisdom, intelligence, and their manifestation through the seven principles so often discussed in our occult literature.

d. Một Đấng Thiên Nhân chứa trong chính Ngài ba nguyên khí chính—ý chí, bác ái – minh triết, trí tuệ, và sự biểu lộ của chúng qua bảy nguyên khí thường được bàn đến trong văn liệu huyền bí của chúng ta.

338. A greater three manifest through a lesser seven.

338. Một bộ ba lớn biểu lộ qua một bộ bảy nhỏ hơn.

339. In relation to the human being, we can consider the threefold Monad (Will, Wisdom

339. Trong liên hệ với con người, chúng ta có thể xem chân thần tam phân (Ý Chí, Minh

and Activity) manifesting through the seven principles, of which atma is the highest.

Triết và Hoạt Động) biểu lộ qua bảy nguyên khí, trong đó atma là cao nhất.

340. This is clearly an example of the three hovering above the seven and suggests the Kabalistic Tree of Life.

340. Đây rõ ràng là một ví dụ về bộ ba lơ lửng phía trên bộ bảy và gợi đến Cây Sự Sống của Kabbalah.

These make the ten of His ultimate perfection, for the seven are resolved into the three, and the three into the one.

Những điều này tạo thành mười của sự toàn hảo tối hậu của Ngài, vì bảy được quy về ba, và ba quy về một.

341. This type of resolution is shared by all four types of atoms.

341. Kiểu quy hồi này được chia sẻ bởi cả bốn loại nguyên tử.

342. The tenfold perfection demands the inclusion of the highest triad of all—i.e., the Monad.

342. Sự toàn hảo thập phân đòi hỏi phải bao gồm bộ tam tối cao nhất—tức là chân thần.

Each Heavenly Man has, of course, His **primary** coloring or principle as has man and the atom.

Mỗi Đấng Thiên Nhân dĩ nhiên đều có sắc thái hay nguyên khí **chính yếu** của Ngài như con người và nguyên tử cũng vậy.

343. Does the word "primary" refer here, as often it does, to the Monad and its coloring?

343. Từ "chính yếu" ở đây có phải chỉ chân thần và sắc thái của nó như thường thấy không?

344. Or is the term "primary" relative, and does its meaning depend upon that phase of evolution through which the particular atom is passing?

344. Hay thuật ngữ "chính yếu" là tương đối, và ý nghĩa của nó tùy thuộc vào giai đoạn tiến hoá mà nguyên tử đặc thù ấy đang trải qua?

345. At present the Planetary Logos of the Earth is passing through a period which will see the emergence of its ray two soul. Hence, relatively, its "primary coloring" could be conceived as some shade of blue—the color of the second ray.

345. Hiện nay Đức Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất đang trải qua một thời kỳ sẽ chứng kiến sự xuất hiện của cung linh hồn cung hai của Ngài. Do đó, xét tương đối, "sắc thái chính yếu" của Ngài có thể được quan niệm như một sắc độ nào đó của màu lam—màu của cung hai.

346. Should the term "primary" refer to the Monad, then the "primary colouring" of our planetary scheme would be *red.*

346. Nếu thuật ngữ "chính yếu" chỉ chân thần, thì "sắc thái chính yếu" của hệ hành tinh chúng ta sẽ là *đỏ.*

Man has for his primary coloring or principle that of the Heavenly Man in Whose body he is a unit.

347. If the primary coloring of the Planetary Logos is *now* some shade of blue, is this another way of saying that all man's colorings are simply sub-colorations of the color blue?

348. It seems that the Planetary Logos and the human unit share the same primary coloring. Obviously, there are seven different colorings of human Monads, but such monadic coloring (though in one context considered a primary coloring) must be considered a subsidiary coloring compared with the coloring of the Planetary Logos in whose body of manifestation the human Monad finds its place.

He has also the other two major principles (as has the Heavenly Man), and their differentiation into the seven as earlier said.

349. Just as the Planetary Logos is tenfold, so is man.

350. We are gathering that not seven, but ten is the number of the perfected man.

351. The statement in this excerpt correlates to the diagram on Chart VI, *TCF* 373.

The atom has for primary coloring or principle, that of the egoic ray of the human being for instance in whose body it finds place.

Con người có sắc thái hay nguyên khí chính yếu của mình là sắc thái hay nguyên khí của Đấng Thiên Nhân mà trong thân thể của Ngài y là một đơn vị.

347. Nếu sắc thái chính yếu của Hành Tinh Thượng Đế *hiện nay* là một sắc độ nào đó của màu lam, thì đây có phải là một cách khác để nói rằng mọi sắc thái của con người chỉ đơn thuần là những sắc thái phụ của màu lam không?

348. Có vẻ như Hành Tinh Thượng Đế và đơn vị nhân loại chia sẻ cùng một sắc thái chính yếu. Hiển nhiên có bảy sắc thái khác nhau của các chân thần nhân loại, nhưng sắc thái chân thần như thế (dù trong một bối cảnh được xem là sắc thái chính yếu) phải được xem là sắc thái phụ so với sắc thái của Hành Tinh Thượng Đế mà trong thể biểu lộ của Ngài chân thần nhân loại tìm thấy vị trí của mình.

Y cũng có hai nguyên khí chính kia (như Đấng Thiên Nhân có), và sự biến phân của chúng thành bảy như đã nói trước đây.

349. Cũng như Hành Tinh Thượng Đế là thập phân, con người cũng vậy.

350. Chúng ta đang thu nhận rằng không phải bảy mà mười mới là con số của con người toàn hảo.

351. Mệnh đề trong đoạn trích này tương ứng với biểu đồ trong Bảng VI, *TCF* 373.

Nguyên tử có sắc thái hay nguyên khí chính yếu là sắc thái của cung chân ngã của con người chẳng hạn, trong thân thể của người ấy nó tìm thấy chỗ đứng.

352. This is an important piece of information. The atoms which compose our vehicles are certainly multifarious, yet they all share something in common: their primary coloring or principle is the same as the colouring of our egoic ray.

352. Đây là một mẩu thông tin quan trọng. Các nguyên tử cấu thành các vận cụ của chúng ta chắc chắn rất đa tạp, nhưng tất cả chúng đều có một điểm chung: sắc thái hay nguyên khí chính yếu của chúng giống với sắc thái của cung chân ngã của chúng ta.

353. We note that the ray is the *egoic* ray and not the monadic ray.

353. Chúng ta lưu ý rằng cung ấy là cung *chân ngã* chứ không phải cung chân thần.

354. Because the word "principle" is used as equivalent to "coloring", we may judge that every atomic unit has a principle that is superior to the principle represented by its Monad. The Monad as a principle is subsidiary to the governing principle originating with the greater being in which the Monad "lives and moves and has its being".

354. Bởi vì từ "nguyên khí" được dùng tương đương với "sắc thái", chúng ta có thể phán đoán rằng mỗi đơn vị nguyên tử đều có một nguyên khí cao hơn nguyên khí được biểu hiện bởi chân thần của nó. Chân thần với tư cách một nguyên khí là phụ thuộc vào nguyên khí chi phối phát sinh từ hữu thể lớn hơn mà trong đó chân thần "sống, vận động và hiện hữu".

This, of course, is in connection with the [Page 253] physical atom in a man's body.

Điều này, dĩ nhiên, liên quan đến nguyên tử [Page 253] hồng trần trong thân thể của một người.

355. Only the *physical* atom in a man's body? What of the other atoms in the other vehicles? Would not they also be governed by the primary coloring reflecting the primary coloring of the ego?

355. Chỉ nguyên tử *hồng trần* trong thân thể của một người thôi sao? Còn các nguyên tử khác trong các vận cụ khác thì sao? Chẳng phải chúng cũng sẽ bị chi phối bởi sắc thái chính yếu phản ánh sắc thái chính yếu của chân ngã sao?

356. This excerpted sentence is more mysterious than it appears.

356. Câu được trích này huyền nhiệm hơn vẻ bề ngoài của nó.

357. Presumably, by "physical atom" the Tibetan means the type of etheric atom to be found upon the atomic level of the etheric plane.

357. Có lẽ, bởi "nguyên tử hồng trần", Chân sư Tây Tạng muốn nói loại nguyên tử dĩ thái được tìm thấy trên cấp nguyên tử của cõi dĩ thái.

This coloring manifests as the vibration setting the measure of the major three spirillae and the minor seven.

Sắc thái này biểu lộ như rung động đặt định mức độ của ba loa tuyến chính và bảy loa tuyến phụ.

358. We are being told that the rotation of the atom may be numerically keyed to the frequency of the primary coloring of the egoic ray of the individual in whose vehicles the atom finds place.

358. Chúng ta được cho biết rằng sự quay của nguyên tử có thể được khóa số học theo tần số của sắc thái chính yếu của cung chân ngã của cá nhân mà trong các vận cụ của người ấy nguyên tử tìm thấy chỗ đứng.

359. All parts of all structures have their measures or frequencies. We can see how important it would be to have some *reliable reference frequency* from which all other frequencies could be derived.

359. Mọi phần của mọi cấu trúc đều có các mức độ hay tần số của chúng. Chúng ta có thể thấy việc có một *tần số quy chiếu đáng tin cậy* để từ đó mọi tần số khác có thể được suy ra sẽ quan trọng biết bao.

Only four principles in the Heavenly Men are as yet manifesting to any extent, though **One of Them is rather in advance of the others**, and has the fifth principle vibrating adequately, while certain others are in process of perfecting the fourth.

Chỉ có bốn nguyên khí nơi các Đấng Thiên Nhân là cho đến nay đang biểu lộ ở một mức độ nào đó, dù **Một trong Các Ngài khá vượt trước những Đấng khác**, và có nguyên khí thứ năm rung động đầy đủ, trong khi một số Đấng khác đang trong tiến trình hoàn thiện nguyên khí thứ tư.

360. This one Heavenly Man that is in advance of the others is very likely the Heavenly Man of Venus. The Planetary Logos of Venus is now at work on the buddhic principle and presumably has made progress in its expression.

360. Đấng Thiên Nhân vượt trước những Đấng khác này rất có thể là Đấng Thiên Nhân của Sao Kim. Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim hiện đang hoạt động trên nguyên khí Bồ đề và có lẽ đã đạt tiến bộ trong sự biểu lộ của nó.

361. We are being told that the manasic principle (in its solar aspect, probably) is not yet vibrating adequately in the case of most Heavenly Men.

361. Chúng ta được cho biết rằng nguyên khí manas (có lẽ trong phương diện thái dương của nó) vẫn chưa rung động đầy đủ trong trường hợp của phần lớn các Đấng Thiên Nhân.

The Heavenly Man of our chain is vibrating somewhat to the fifth principle, or rather is in process of awakening it to life.

Đấng Thiên Nhân của dãy chúng ta đang rung động phần nào với nguyên khí thứ năm, hay đúng hơn đang trong tiến trình đánh thức nó vào sự sống.

362. We remember that our Planetary Logos is in the midst of emotional struggles, but is seeking to polarize on the fifth subplane of

362. Chúng ta nhớ rằng Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang ở giữa những cuộc đấu tranh cảm xúc, nhưng đang tìm cách phân cực trên cõi phụ thứ năm của cõi cảm dục vũ

the cosmic astral plane, which would be useful in regulating His emotional nature.

363. The suggestion is that there is a close relation between the Venus-scheme and the Earth-scheme, and that the Logos of the Venus-scheme has somewhat to teach the Logos of the Earth-scheme about the fifth principle.

364. We live in an astral-buddhic solar system, so it is no surprise that the majority of the Planetary Logoi have not yet awakened the fifth principle. In our type of solar system such an awakening might be somewhat difficult.

His fourth vibration or principle in this fourth round or cycle, and on this fourth globe, is awakened, though not functioning as it will in the fifth round.

365. What is the "fourth vibration" or principle? It all depends on how we count and which tabulations we use.

366. From one perspective it can be considered the principle of astrality. From a slightly higher perspective, it can be considered the principle of kama-manas (though kama-manas cannot probably be considered a *real* principle).

367. From another perspective, the fourth principle can be understood to correlate with *personality,* and, thus, with focus within the lower mind.

368. On our planet we are seeking to move from irrationality to rationality—i.e., from the fourth vibration or principle into the

trụ, điều này sẽ hữu ích trong việc điều hòa bản chất cảm xúc của Ngài.

363. Gợi ý ở đây là có một mối liên hệ mật thiết giữa hệ Sao Kim và hệ Trái Đất, và rằng Thượng đế của hệ Sao Kim có điều gì đó để dạy Thượng đế của hệ Trái Đất về nguyên khí thứ năm.

364. Chúng ta sống trong một hệ mặt trời cảm dục-Bồ đề, nên không có gì ngạc nhiên khi đa số các Hành Tinh Thượng Đế vẫn chưa đánh thức nguyên khí thứ năm. Trong loại hệ mặt trời của chúng ta, sự đánh thức như vậy có thể phần nào khó khăn.

Rung động hay nguyên khí thứ tư của Ngài trong cuộc tuần hoàn thứ tư hay chu kỳ này, và trên bầu hành tinh thứ tư này, đã được đánh thức, dù chưa hoạt động như nó sẽ hoạt động trong cuộc tuần hoàn thứ năm.

365. "Rung động" hay nguyên khí thứ tư là gì? Tất cả tùy thuộc vào cách chúng ta đếm và những bảng phân loại nào chúng ta dùng.

366. Từ một góc nhìn, nó có thể được xem là nguyên khí của tính cảm dục. Từ một góc nhìn hơi cao hơn, nó có thể được xem là nguyên khí của trí-cảm (dù trí-cảm có lẽ không thể được xem là một nguyên khí *thực sự*).

367. Từ một góc nhìn khác, nguyên khí thứ tư có thể được hiểu là tương ứng với *phàm ngã,* và do đó với sự tập trung trong hạ trí.

368. Trên hành tinh của chúng ta, chúng ta đang tìm cách chuyển từ phi lý tính sang lý tính—tức là từ rung động hay nguyên khí

fifth. Focus within the concrete mind is a bridge from personal focus into egoic focus.

thứ tư sang thứ năm. Sự tập trung trong trí cụ thể là một cây cầu từ sự tập trung cá nhân sang sự tập trung chân ngã.

Much of the trouble present in the planet at this time arises from the coming into activity of the higher or fifth vibration, which will be **completed and transcended in the next or fifth cycle.**

Phần lớn rắc rối hiện diện trên hành tinh vào lúc này phát sinh từ việc rung động cao hơn hay thứ năm đi vào hoạt động, rung động này sẽ được **hoàn tất và vượt qua trong chu kỳ kế tiếp hay chu kỳ thứ năm.**

369. We may be speaking about the fifth round, and certainly about the emergence and increasing power of the sixth principle (buddhi).

369. Có thể chúng ta đang nói về cuộc tuần hoàn thứ năm, và chắc chắn là về sự xuất hiện cùng quyền năng gia tăng của nguyên khí thứ sáu (Bồ đề).

370. The coming in of the fifth vibration is also related to the emergence of soul energy with its tendency to draw to the surface many unsuspected patterns (and, hence, the trouble in this planet).

370. Sự đi vào của rung động thứ năm cũng liên hệ với sự xuất hiện của năng lượng linh hồn cùng khuynh hướng đưa lên bề mặt nhiều mô hình không ngờ tới (và do đó là rắc rối trên hành tinh này).

The analogy, as in man and the atom, again holds good but not in exact detail.

Phép loại suy, như nơi con người và nguyên tử, một lần nữa vẫn đúng nhưng không đúng trong từng chi tiết chính xác.

e. A Heavenly Man is governed by the Law of Attraction, has transcended the Law of Economy, and is rapidly coming under the Law of Synthesis.

e. Một Đấng Thiên Nhân được chi phối bởi Định luật Hấp Dẫn, đã vượt qua Định luật Tiết Kiệm, và đang nhanh chóng đi vào dưới Định luật Tổng Hợp.

371. The Heavenly Men are called “Dragons of Wisdom” and their focus is on the second aspect of divinity—Divine Love-Wisdom.

371. Các Đấng Thiên Nhân được gọi là “Những Con Rồng Minh Triết” và trọng tâm của Các Ngài đặt trên phương diện thứ hai của thiên tính—Bác Ái – Minh Triết thiêng liêng.

372. Yet there are some Heavenly Men (those expressing through non-sacred planets) for whom the planetary soul is not very fully in expression.

372. Tuy nhiên có một số Đấng Thiên Nhân (những Đấng biểu lộ qua các hành tinh không thiêng liêng) mà linh hồn hành tinh chưa được biểu lộ thật đầy đủ.

373. Below DK gives important comparisons in relation to three types of atoms.

373. Bên dưới, Chân sư DK đưa ra những so sánh quan trọng liên hệ đến ba loại nguyên tử.

Note therefore the gradual stepping-up of the control

Vì vậy hãy lưu ý sự tăng dần của sự kiểm soát

374. For a number of the Heavenly Men the Law of Synthesis is coming into increasing control, and governance by the Law of Attraction increasingly complete.

374. Đối với một số Đấng Thiên Nhân, Định luật Tổng Hợp đang ngày càng kiểm soát nhiều hơn, và sự cai quản bởi Định luật Hấp Dẫn ngày càng hoàn toàn hơn.

and the fact that:

và sự kiện rằng:

First. The Law of Economy is the primary law of the atom. The Law of Attraction is coming into control of the atom. The Law of Synthesis is but slightly felt by the life of the atom. It is the law of life.

Thứ nhất. Định luật Tiết Kiệm là định luật chính yếu của nguyên tử. Định luật Hấp Dẫn đang đi vào kiểm soát nguyên tử. Định luật Tổng Hợp chỉ được sự sống của nguyên tử cảm nhận rất ít. Đó là định luật của sự sống.

375. Just as the Law of Synthesis is but slightly felt by the life of the atom, so the monadic ray is ineffective in the life of the Logoi of the non-sacred planets.

375. Cũng như Định luật Tổng Hợp chỉ được sự sống của nguyên tử cảm nhận rất ít, thì cung chân thần cũng không hữu hiệu trong đời sống của các Thượng đế của các hành tinh không thiêng liêng.

376. We note that the word “primary” is not always associated with the Monad. It can simply refer to that which is most focal and powerful.

376. Chúng ta lưu ý rằng từ “chính yếu” không phải lúc nào cũng gắn với chân thần. Nó đơn giản có thể chỉ điều gì là trọng tâm và mạnh mẽ nhất.

Second. The Law of Attraction is the primary law of man. The Law of Economy is a secondary law for man. It governs the matter of his vehicles. The Law of Synthesis is steadily beginning to be felt.

Thứ hai. Định luật Hấp Dẫn là định luật chính yếu của con người. Định luật Tiết Kiệm là một định luật thứ yếu đối với con người. Nó chi phối vật chất của các vận cụ của y. Định luật Tổng Hợp đang đều đặn bắt đầu được cảm nhận.

377. Because man is not yet free from the matter of his vehicles, the Law of Economy, though a secondary law, is still very effective.

377. Bởi vì con người vẫn chưa thoát khỏi vật chất của các vận cụ của mình, Định luật Tiết Kiệm, dù là một định luật thứ yếu, vẫn còn rất hữu hiệu.

378. The fact that Shamballa is rapidly approaching humanity is correlated to the fact that for humanity the Law of Synthesis is beginning to be felt.

378. Sự kiện Shamballa đang nhanh chóng tiến gần nhân loại có tương quan với sự kiện rằng đối với nhân loại, Định luật Tổng Hợp đang bắt đầu được cảm nhận.

Third. The Law of Synthesis is the primary law of a Heavenly Man. The Law of Attraction has full sway. The Law of Economy is transcended.

Thứ ba. Định luật Tổng Hợp là định luật chính yếu của một Đấng Thiên Nhân. Định luật Hấp Dẫn có toàn quyền chi phối. Định luật Tiết Kiệm đã được vượt qua.

379. We have been told that a Heavenly Man is rapidly coming under the Law of Synthesis. Here we are told that the Law of Synthesis is the "primary law of a Heavenly Man."

379. Chúng ta đã được cho biết rằng một Đấng Thiên Nhân đang nhanh chóng đi vào dưới Định luật Tổng Hợp. Ở đây chúng ta được cho biết rằng Định luật Tổng Hợp là "định luật chính yếu của một Đấng Thiên Nhân."

380. Also, previously we were told that a Heavenly Man is governed by the Law of Attraction; here we are told that the Law of Attraction has full sway. There are no real contradictions but the emphasis is slightly different. Much will depend upon the type of Heavenly Man under discussion.

380. Ngoài ra, trước đó chúng ta được cho biết rằng một Đấng Thiên Nhân được chi phối bởi Định luật Hấp Dẫn; ở đây chúng ta được cho biết rằng Định luật Hấp Dẫn có toàn quyền chi phối. Không có mâu thuẫn thực sự nào nhưng trọng tâm hơi khác nhau. Nhiều điều sẽ tùy thuộc vào loại Đấng Thiên Nhân đang được bàn đến.

381. Indeed for a Solar Logos, the Law of Synthesis is the governing law.

381. Quả thật, đối với một Thái dương Thượng đế, Định luật Tổng Hợp là định luật cai quản.

The dense physical body is not a principle for a Heavenly Man, hence the Law of Economy is transcended.

Thể xác đậm đặc không phải là một nguyên khí đối với một Đấng Thiên Nhân, do đó Định luật Tiết Kiệm được vượt qua.

382. For the human being however, although the dense physical body should *not* be considered a principle, it sometimes is

382. Tuy nhiên, đối với con người, dù thể xác đậm đặc *không* nên được xem là một nguyên khí, đôi khi nó vẫn được xem (bởi con người)

regarded (by man) as if it were; in any case, preoccupation with the physical body has not been transcended.

như thể nó là như vậy; trong mọi trường hợp, sự bận tâm với thể xác vẫn chưa được vượt qua.

383. The dense physical body for a Heavenly Man comprises the lower eighteen subplanes of lower three systemic planes.

383. Thể xác đậm đặc của một Đấng Thiên Nhân bao gồm mười tám cõi phụ thấp của ba cõi hệ thống thấp.

[Page 254] The Law of Attraction governs the material process of form building. The Law of Synthesis is the law of His Being.

[Page 254] Định luật Hấp Dẫn chi phối tiến trình vật chất của việc xây dựng hình tướng. Định luật Tổng Hợp là định luật của Bản Thể của Ngài.

384. This excerpt tells us that the Heavenly Man is very focussed on form building and is thus working with the second ray—the Ray of the Divine Pattern.

384. Đoạn trích này cho chúng ta biết rằng Đấng Thiên Nhân rất tập trung vào việc xây dựng hình tướng và do đó đang hoạt động với cung hai—Cung của mô hình thiêng liêng.

385. For all self-conscious units, the Law of Synthesis is the law of their Being.

385. Đối với mọi đơn vị tự ý thức, Định luật Tổng Hợp là định luật của Bản Thể của họ.

f. **A Heavenly Man is finding His place within the logoic groups**, and is seeking to realise His position among the seven and by realisation to approximate unity.

f. **Một Đấng Thiên Nhân đang tìm thấy vị trí của Ngài trong các nhóm logoic**, và đang tìm cách chứng nghiệm vị trí của Ngài giữa bảy Đấng và nhờ sự chứng nghiệm mà tiến gần đến hợp nhất.

386. Finding place within “logoic groups” (in this context), seems to mean finding place within certain groupings of Heavenly Men within the solar system. Within our solar system there are, naturally, certain groupings of Heavenly Men who form certain systemic triangles and quaternaries and each Heavenly Man is to be found within such groupings. Apparently, a Heavenly Man must undergo a process of discovering the functioning within the groupings to which He belongs.

386. Việc tìm thấy vị trí trong “các nhóm logoic” (trong bối cảnh này) dường như có nghĩa là tìm thấy vị trí trong những nhóm nhất định của các Đấng Thiên Nhân trong hệ mặt trời. Trong hệ mặt trời của chúng ta, dĩ nhiên có những nhóm nhất định của các Đấng Thiên Nhân tạo thành những tam giác và bộ bốn hệ thống nhất định, và mỗi Đấng Thiên Nhân đều được tìm thấy trong những nhóm như vậy. Rõ ràng, một Đấng Thiên Nhân phải trải qua một tiến trình khám phá sự hoạt động trong những nhóm mà Ngài thuộc về.

387. If the Solar Logos is trying to find His place within "the greater system in which He holds a place analogous to that of a Heavenly Man in a solar system", then this gives us the hint we need to establish that the Planetary Logos is attempting to find His place within the solar system.

387. Nếu Thái dương Thượng đế đang cố tìm vị trí của Ngài trong "hệ lớn hơn mà trong đó Ngài giữ một vị trí tương tự như vị trí của một Đấng Thiên Nhân trong một hệ mặt trời", thì điều này cho chúng ta gợi ý cần thiết để xác lập rằng Hành Tinh Thượng Đế đang cố tìm vị trí của Ngài trong hệ mặt trời.

388. VSK queries: "What does this term "approximate" mean in these contexts?"

388. VSK nêu câu hỏi: "Thuật ngữ 'tiến gần' này có nghĩa gì trong các bối cảnh này?"

389. May it be that to "approximate unity" means to achieve it to the degree possible, which, it would seem, is considerable?

389. Có thể nào "tiến gần đến hợp nhất" có nghĩa là đạt được nó đến mức có thể, mà dường như mức ấy là rất đáng kể?

g. His responsiveness to outer stimulation. This viewed from the limited human standpoint touches on realms unattainable by man's intellect as yet. It deals with:

g. Sự đáp ứng của Ngài đối với kích thích bên ngoài. Điều này, xét từ quan điểm hạn hẹp của con người, chạm đến những lĩnh vực mà trí tuệ con người hiện chưa thể đạt tới. Nó liên quan đến:

390. We had might as well know that which we can apprehend and that which will, at this stage of evolution, necessarily escape us.

390. Chúng ta cũng nên biết điều gì mình có thể lĩnh hội và điều gì, ở giai đoạn tiến hoá này, tất yếu sẽ vượt khỏi chúng ta.

Electrical stimulation, and concerns the response to solar radiation, and to paralleling planetary radiation.

Kích thích điện, và liên quan đến sự đáp ứng đối với bức xạ thái dương, và đối với bức xạ hành tinh song hành.

391. This is the material and pranic stimulation. It is a reflection of Pleiadian stimulation as that affects the solar system.

391. Đây là kích thích vật chất và prana. Nó là một phản ánh của kích thích từ Pleiades khi điều đó tác động lên hệ mặt trời.

392. Our Heavenly Man receives electrical stimulation from other planets as well.

392. Đấng Thiên Nhân của chúng ta cũng nhận kích thích điện từ các hành tinh khác.

Magnetic stimulation, acting upon His subjective life. This radiation emanates from sources outside the system altogether. We might note the following facts:

Kích thích từ tính, tác động lên sự sống chủ quan của Ngài. Bức xạ này phát ra từ những nguồn hoàn toàn ở ngoài hệ thống. Chúng ta có thể lưu ý các sự kiện sau:

393. Here we are dealing with the stimulation of the soul nature of the Heavenly Man.

393. Ở đây chúng ta đang bàn đến sự kích thích bản chất linh hồn của Đấng Thiên Nhân.

394. One of the sources of stimulation could well be the Solar Logoi involved in the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

394. Một trong những nguồn kích thích rất có thể là các Thái dương Thượng đế liên quan đến Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một trong số đó.

395. One would think that some degree of magnetic stimulation would emanate from the subjective nature of our own Solar Logos.

395. Người ta có thể nghĩ rằng một mức độ kích thích từ tính nào đó sẽ phát ra từ bản chất chủ quan của chính Thái dương Thượng đế của chúng ta.

396. If we follow the hint found in the next extract, we will deduce that magnetic stimulation will come to the Planetary Logos from the cosmic astral plane and later from the cosmic buddhic plane.

396. Nếu chúng ta theo gợi ý được tìm thấy trong đoạn trích kế tiếp, chúng ta sẽ suy ra rằng kích thích từ tính sẽ đến với Hành Tinh Thượng Đế từ cõi cảm dục vũ trụ và về sau từ cõi Bồ đề vũ trụ.

Magnetic stimulation of the physical atom emanates from man on astral levels, and later from buddhic levels.

Kích thích từ tính của nguyên tử hồng trần phát ra từ con người trên các cấp cảm dục, và về sau từ các cấp Bồ đề.

397. We are dealing with the manner in which the physical atom receives stimulation of its subjective life. It is interesting to think that energy influences from the human being's astral and buddhic levels affects the subjective life of the physical atom.

397. Chúng ta đang bàn đến cách thức nguyên tử hồng trần nhận sự kích thích đối với sự sống chủ quan của nó. Thật thú vị khi nghĩ rằng các ảnh hưởng năng lượng từ các cấp cảm dục và Bồ đề của con người tác động đến sự sống chủ quan của nguyên tử hồng trần.

Magnetic stimulation of man emanates from the Heavenly Men on buddhic, and later on monadic levels.

Kích thích từ tính của con người phát ra từ các Đấng Thiên Nhân trên các cấp Bồ đề, và về sau trên các cấp chân thần.

398. We are now speaking of the stimulation of the subjective life of the human being.

398. Giờ đây chúng ta đang nói về sự kích thích sự sống chủ quan của con người.

399. The Heavenly Men are intent upon the mastery of the planes of the spiritual triad.

399. Các Đấng Thiên Nhân chú tâm vào việc làm chủ các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần.

The buddhic plane is included within the spiritual triad but the monadic level is not.

Cõi Bồ đề được bao gồm trong Tam Nguyên Tinh Thần nhưng cấp chân thần thì không.

400. Man's soul nature will at first be stimulated by buddhi but later by the Monad (as this Monad relates both to the Planetary Logos and to the Solar Logos).

400. Bản chất linh hồn của con người lúc đầu sẽ được kích thích bởi Bồ đề nhưng về sau bởi chân thần (khi chân thần này liên hệ cả với Hành Tinh Thượng Đế lẫn với Thái dương Thượng đế).

401. We should remember that the majority of Ashrams are presently to be found upon the buddhic level. This is another way of saying that man's subjective or soul life is stimulated by the Ashram.

401. Chúng ta nên nhớ rằng đa số các ashram hiện nay được tìm thấy trên cấp Bồ đề. Đây là một cách khác để nói rằng đời sống chủ quan hay đời sống linh hồn của con người được ashram kích thích.

402. Following the analogy, the phrase, "from outside the system altogether", seems to suggest that for man, the buddhic and monadic planes are to be considered outside his (personal) system altogether.

402. Theo phép loại suy, cụm từ "hoàn toàn ở ngoài hệ thống" dường như gợi ý rằng đối với con người, các cõi Bồ đề và chân thần phải được xem là hoàn toàn ở ngoài hệ thống (cá nhân) của y.

Magnetic stimulation of a Heavenly Man emanates extra-systemically, from the cosmic astral, the united effect of these stimulations inducing steady internal development.

Kích thích từ tính của một Đấng Thiên Nhân phát ra ngoài hệ thống, từ cõi cảm dục vũ trụ, hiệu quả hợp nhất của những kích thích này gây ra sự phát triển nội tại đều đặn.

403. This is a repetition of what was suggested above. The cosmic astral plane is the plane from which, for our purposes, pure love is radiated.

403. Đây là sự lặp lại điều đã được gợi ý ở trên. Cõi cảm dục vũ trụ là cõi mà từ đó, đối với mục đích của chúng ta, tình thương thuần khiết được bức xạ ra.

404. Such a being as the Christ is now becoming responsive to the cosmic astral plane, just as are the Heavenly Men.

404. Một hữu thể như Đức Christ hiện nay đang trở nên đáp ứng với cõi cảm dục vũ trụ, cũng như các Đấng Thiên Nhân vậy.

A Heavenly Man is distinguished therefore by:

Vì vậy, một Đấng Thiên Nhân được phân biệt bởi:

405. The sevenfold tabulation in four columns continues.

405. Bảng liệt kê thất phân trong bốn cột vẫn tiếp tục.

1. His spheroidal shape. His ring-pass-not, during objectivity, is definite and seen.

406. We are speaking of the physical body of the Heavenly Man. If we are speaking of any other type of form, it will only be definite and seen by the eye of those who are occultly awakened.

2. His internal arrangement and His sphere of influence, or that activity animating the planetary chain.

407. The internal arrangement of a Planetary Logos very much concerns the condition of and relationships between the planetary chains He includes.

408. The term "sphere of influence" again needs examining as it can mean two things.

409. In this context, "sphere if influence" indicates those lives gathered (and arranged) by the Planetary Logos and over which He presides. These gathered lives forming planetary chains, globes and many lesser groupings, comprise His *major* sphere of influence.

410. When we consider the phrase "sphere of influence" as indicating the effect of the Planetary Logos upon other lives *beyond* His ring-pass-not, we realize that the influence of a Heavenly Man extends to the other Heavenly Men within the solar system.

411. A Planetary Logos is really a *cosmic* Being (as is sometimes stated) and, thus, His sphere of influence (in this secondary sense)

1. Hình dạng cầu của Ngài. Vòng-giới-hạn của Ngài, trong thời kỳ khách quan hóa, là xác định và có thể thấy được.

406. Chúng ta đang nói về thể xác của Đấng Thiên Nhân. Nếu chúng ta đang nói về bất kỳ loại hình tướng nào khác, thì nó sẽ chỉ xác định và thấy được đối với con mắt của những ai được thức tỉnh một cách huyền bí.

2. Sự sắp xếp nội tại của Ngài và khối cầu ảnh hưởng của Ngài, hay hoạt động làm sinh động dãy hành tinh.

407. Sự sắp xếp nội tại của một Hành Tinh Thượng Đế liên hệ rất nhiều đến tình trạng và các mối quan hệ giữa những dãy hành tinh mà Ngài bao gồm.

408. Thuật ngữ "khối cầu ảnh hưởng" một lần nữa cần được khảo sát vì nó có thể mang hai nghĩa.

409. Trong bối cảnh này, "khối cầu ảnh hưởng" chỉ những sự sống được Hành Tinh Thượng Đế tập hợp (và sắp xếp) và Ngài chủ trì trên chúng. Những sự sống được tập hợp này, tạo thành các dãy hành tinh, các bầu hành tinh và nhiều nhóm nhỏ hơn, cấu thành khối cầu ảnh hưởng *chính* của Ngài.

410. Khi chúng ta xem cụm từ "khối cầu ảnh hưởng" như chỉ hiệu quả của Hành Tinh Thượng Đế lên những sự sống ở *bên ngoài* vòng-giới-hạn của Ngài, chúng ta nhận ra rằng ảnh hưởng của một Đấng Thiên Nhân vươn tới các Đấng Thiên Nhân khác trong hệ mặt trời.

411. Một Hành Tinh Thượng Đế thật sự là một Hữu Thể *vũ trụ* (như đôi khi được nói), và do đó khối cầu ảnh hưởng của Ngài (theo

may extend somewhat beyond the solar system.

412. If the influence of the Pleiades is felt by the Heavenly Men, is the influence of the Heavenly Men slightly felt by the members of the Pleiades?

3. His spiritual life control at any given period. It is the power whereby **He animates His sevenfold [Page 255] nature. Note the increase of influence as compared to man's threefold radius.**

413. Man, the human unit, has a threefold radius. From what has been given about the spheres of vibration which a Heavenly Man must master, one would think of the Heavenly Man as having a fivefold nature. Here we are told that it is sevenfold.

414. We know that the Heavenly Man has a special focus on the monadic plane. To what extent does His focus extend to the logoic level?

4. His eventual ultimate synthesis from the seven into the three and from thence into one. This covers the obscuration of the globes, and **the blending into unity of the seven principles which each globe is evolving.**

415. Here is a most important reference. We wondered whether globes could be considered mono-substantial.

416. Here we learn that **each globe is evolving seven principles**—*each* globe, even the dense physical globe.

nghĩa thứ yếu này) có thể vươn ra phần nào vượt ngoài hệ mặt trời.

412. Nếu ảnh hưởng của Pleiades được các Đấng Thiên Nhân cảm nhận, thì ảnh hưởng của các Đấng Thiên Nhân có được các thành viên của Pleiades cảm nhận phần nào không?

3. Sự kiểm soát đời sống tinh thần của Ngài trong bất kỳ thời kỳ nào. Đó là quyền năng nhờ đó **Ngài làm sinh động bản chất thất phân [Page 255] của Ngài. Hãy lưu ý sự gia tăng ảnh hưởng so với bán kính tam phân của con người.**

413. Con người, đơn vị nhân loại, có một bán kính tam phân. Từ những gì đã được đưa ra về các khối cầu rung động mà một Đấng Thiên Nhân phải làm chủ, người ta có thể nghĩ Đấng Thiên Nhân có một bản chất ngũ phân. Ở đây chúng ta được cho biết rằng nó là thất phân.

414. Chúng ta biết rằng Đấng Thiên Nhân có một trọng tâm đặc biệt trên cõi chân thần. Trọng tâm của Ngài mở rộng đến mức nào lên cấp logoic?

4. Sự tổng hợp tối hậu sau cùng của Ngài từ bảy vào ba và từ đó vào một. Điều này bao gồm sự lu mờ của các bầu hành tinh, và **sự hòa nhập vào hợp nhất của bảy nguyên khí mà mỗi bầu hành tinh đang tiến hoá.**

415. Đây là một dẫn chiếu hết sức quan trọng. Chúng ta tự hỏi liệu các bầu hành tinh có thể được xem là đơn-chất-liệu hay không.

416. Ở đây chúng ta học được rằng **mỗi bầu hành tinh đang tiến hóa bảy nguyên khí**—

mỗi bầu hành tinh, ngay cả bầu hành tinh hồng trần đậm đặc.

417. Upon each globe the seven principles being evolved are blended into unity. This blending may precede the merging of globe with globe.

417. Trên mỗi bầu hành tinh, bảy nguyên khí đang tiến hóa được hòa trộn thành nhất thể. Sự hòa trộn này có thể diễn ra trước sự hợp nhất của bầu hành tinh với bầu hành tinh.

418. All atomic systems which have ten active parts are maximally extended. The closer they are to obscuration and liberation, the fewer parts they have.

418. Mọi hệ thống nguyên tử có mười phần hoạt động đều được mở rộng tối đa. Chúng càng gần đến sự che khuất và giải thoát, chúng càng có ít phần hơn.

5. His evolution under Law and consequent development.

5. Sự tiến hoá của Ngài dưới Định luật và sự phát triển hệ quả của Ngài.

419. The Heavenly Man evolves (as does man) under the three cosmic laws.

419. Đấng Thiên Nhân tiến hoá (cũng như con người) dưới ba định luật vũ trụ.

420. He may also be responding to the "Intermediate Law of Karma".

420. Ngài cũng có thể đang đáp ứng với "Định luật Trung Gian của Nghiệp Quả".

6. His group relation.

6. Tương quan nhóm của Ngài.

421. This involves His relation to other Heavenly Men as his sphere of influence expands beyond the lives he has gathered 'within' Himself to other Beings like Himself.

421. Điều này bao hàm mối liên hệ của Ngài với các Đấng Thiên Nhân khác khi khối cầu ảnh hưởng của y mở rộng vượt ra ngoài các sự sống mà Ngài đã tập hợp "bên trong" Chính Ngài để đến với các Đấng khác giống như Ngài.

7. His development of consciousness and of awareness.

7. Sự phát triển tâm thức và nhận biết của Ngài.

422. We sometimes speak of the transcending of *consciousness* by *life*.

422. Đôi khi chúng ta nói đến sự vượt qua *tâm thức* bởi *sự sống*.

423. Yet even great Entities such as Planetary Logoi and Solar Logoi have for an objective the development of consciousness.

423. Tuy nhiên, ngay cả những Thực Thể vĩ đại như các Hành Tinh Thượng Đế và các Thái dương Thượng đế cũng lấy sự phát triển tâm thức làm mục tiêu.

Finally, we must extend these ideas to a solar Logos, and see how completely the analogy persists. The paragraphs dealing with stimulation, magnetic and electric, **inevitably brings us back to the contemplation of fire**, the basis and source of all life.

Sau cùng, chúng ta phải mở rộng những ý tưởng này đến một Thái dương Thượng đế, và thấy định luật tương đồng vẫn tồn tại trọn vẹn đến mức nào. Những đoạn bàn về sự kích thích, từ tính và điện, **tất yếu đưa chúng ta trở lại với sự chiêm ngưỡng lửa**, nền tảng và nguồn cội của mọi sự sống.

424. When we deal with the extension of the analogy to the Solar Logos, we are led back to the contemplation of fire, for the Solar Logos is a fiery being.

424. Khi chúng ta bàn đến việc mở rộng định luật tương đồng đến Thái dương Thượng đế, chúng ta được dẫn trở lại với sự chiêm ngưỡng lửa, vì Thái dương Thượng đế là một Hữu thể bằng lửa.

A Solar Logos.

Một Thái dương Thượng đế.

a. A solar Logos, the Grand Man of the Heavens, is equally spheroidal in shape. His ring-pass-not comprises the entire circumference of the solar system, and all that is included within the sphere of influence of the Sun.

a. Một Thái dương Thượng đế, Đại Nhân của Thiên Giới, cũng có hình cầu. Vòng-giới-hạn của Ngài bao gồm toàn bộ chu vi của hệ mặt trời, và mọi điều được chứa trong khối cầu ảnh hưởng của Mặt Trời.

425. The circumference of the solar system (though of definite extent) is certainly not fixed and determined in the mind of man.

425. Chu vi của hệ mặt trời (dù có phạm vi xác định) chắc chắn không cố định và xác quyết trong trí tuệ con người.

426. There are constant discoveries of planets which are extending man's conception of the solar systemic ring-pass-not.

426. Có những khám phá liên tục về các hành tinh đang mở rộng quan niệm của con người về vòng-giới-hạn của hệ mặt trời.

427. There are far more planets and heavenly bodies, undiscovered or etheric, than are usually supposed.

427. Có nhiều hành tinh và thiên thể, chưa được khám phá hoặc thuộc dĩ thái, hơn người ta thường giả định.

428. As previously stated, DK gives a figure upwards of 115. and this does not include the asteroids (which He also notes as influential).

428. Như đã nói trước đây, Chân sư DK đưa ra con số hơn 115. và điều này không bao gồm các tiểu hành tinh (mà Ngài cũng lưu ý là có ảnh hưởng).

The Sun holds a position analogous to the nucleus of life at the centre of the atom.

429. We are given an analogy between the Sun and the "jewel in the lotus".

430. We note in these teachings that sometimes the word "Sun" is capitalized and sometimes it is not. There are times in the teaching when capitalization is to be noted as significant, and other times when it can be ignored, depending as it does upon the caprice of the editors.

This sphere comprises within its periphery **the seven planetary chains** with the synthesising three, making the ten of logoic manifestation.

431. Why refer to seven planetary *chains* and a synthesizing three? Why not refer to seven planetary *schemes* and a synthesizing three *schemes*?

432. As has been stated, the theosophical use of the term "chains" sometimes means "schemes" and one must study the context carefully to see what is meant.

433. As well, planetary schemes are to the Solar Logos as planetary chains are to the Planetary Logos, and, so, the term "chains" can be justified when speaking of planetary schemes.

The Sun is the physical body of the solar Logos, His body of manifestation, and **His life sweeps cycling through the seven schemes** in the same sense as the life of a planetary Logos sweeps seven times around His scheme of seven chains.

Mặt Trời giữ một vị trí tương tự như hạt nhân của sự sống ở trung tâm nguyên tử.

429. Chúng ta được trao cho một sự tương đồng giữa Mặt Trời và "ngọc trong hoa sen".

430. Chúng ta lưu ý trong các giáo huấn này rằng đôi khi từ "Sun" được viết hoa và đôi khi thì không. Có những lúc trong giáo huấn việc viết hoa cần được lưu ý như có ý nghĩa, và những lúc khác thì có thể bỏ qua, tùy thuộc vào sự tùy hứng của các biên tập viên.

Khối cầu này bao gồm trong chu vi của nó **bảy dãy hành tinh** cùng với ba dãy tổng hợp, tạo thành mười của sự biểu hiện logoi.

431. Tại sao lại nói đến bảy *dãy* hành tinh và một bộ ba tổng hợp? Tại sao không nói đến bảy *hệ hành tinh* và một bộ ba tổng hợp các *hệ hành tinh*?

432. Như đã được nói, cách dùng từ "dãy" trong Thông Thiên Học đôi khi có nghĩa là "hệ hành tinh", và người ta phải nghiên cứu ngữ cảnh cẩn thận để thấy điều được hàm ý.

433. Hơn nữa, các hệ hành tinh đối với Thái dương Thượng đế cũng như các dãy hành tinh đối với Hành Tinh Thượng Đế, và vì vậy, từ "dãy" có thể được biện minh khi nói về các hệ hành tinh.

Mặt Trời là thể xác của Thái dương Thượng đế, thể biểu hiện của Ngài, và **sự sống của Ngài quét theo chu kỳ qua bảy hệ hành tinh** theo cùng ý nghĩa như sự sống của một Hành Tinh Thượng Đế quét bảy lần quanh hệ hành tinh gồm bảy dãy của Ngài.

434. In this extract, the term "chains" is being used with consistency as it has been used throughout most of the book.

434. Trong trích đoạn này, từ "dãy" đang được dùng một cách nhất quán như nó đã được dùng trong phần lớn cuốn sách.

435. The Sun is the physical body of the Solar Logos just as the visible, objective planet is the physical body of the Planetary Logos.

435. Mặt Trời là thể xác của Thái dương Thượng đế cũng như hành tinh hữu hình, khách quan là thể xác của Hành Tinh Thượng Đế.

436. The Sun has also been connected with the base of the spine as in the following: "*In the physical body* we have the fires of the lower nature (the animal plane) centralised at the base of the spine. They are situated at a spot which stands in relation to the physical body as the physical sun to the solar system." (*TCF* 55)

436. Mặt Trời cũng đã được liên kết với đáy cột sống như trong đoạn sau: "*Trong thể xác* chúng ta có các lửa của bản chất thấp (cõi thú tính) được tập trung tại đáy cột sống. Chúng tọa lạc tại một điểm có liên hệ với thể xác cũng như mặt trời hồng trần đối với hệ mặt trời." (*TCF* 55)

437. It is inferred that the life of the Solar Logos sweeps *seven times around the seven schemes,* just as the life of the Planetary Logos sweeps seven times around the seven chains of his planetary scheme.

437. Người ta suy ra rằng sự sống của Thái dương Thượng đế quét *bảy lần quanh bảy hệ hành tinh,* cũng như sự sống của Hành Tinh Thượng Đế quét bảy lần quanh bảy dãy của hệ hành tinh của y.

438. With respect to our planetary chain, we know that we are experiencing the fourth round on our globe; with respect to our planetary scheme, we also appear to be involved in a fourth cycle ('rounds' of a greater kind) involving emphasis on entire chains. With respect to the entire solar system what are the analogies to the two types of rounds to be experienced within the planetary schemes? Perhaps the greater type of planetary round involving planetary chains is the lesser type of solar systemic round. Then, by analogy, there would also be a greater type of solar systemic round in which there was a movement from planetary scheme to planetary scheme, just as within a planetary scheme there is a movement from planetary chain to planetary chain. In any case, there seems to

438. Đối với dãy hành tinh của chúng ta, chúng ta biết rằng mình đang trải qua cuộc tuần hoàn thứ tư trên bầu hành tinh của mình; đối với hệ hành tinh của chúng ta, chúng ta cũng dường như đang dự phần vào một chu kỳ thứ tư ("các cuộc tuần hoàn" thuộc loại lớn hơn) liên quan đến sự nhấn mạnh trên toàn bộ các dãy. Đối với toàn thể hệ mặt trời, những tương đồng nào ứng với hai loại cuộc tuần hoàn được trải nghiệm trong các hệ hành tinh? Có lẽ loại cuộc tuần hoàn hành tinh lớn hơn liên quan đến các dãy hành tinh là loại cuộc tuần hoàn hệ mặt trời nhỏ hơn. Khi ấy, theo định luật tương đồng, cũng sẽ có một loại cuộc tuần hoàn hệ mặt trời lớn hơn trong đó có sự chuyển động từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác, cũng như trong một hệ hành tinh có sự chuyển động từ dãy hành tinh này sang dãy

be a definite solar logoic focus on the Earth-scheme considered as a kind of solar systemic *chain.* The analogy is complicated by the fact that there are ten planetary schemes and only seven *named* planetary chains within any planetary scheme.

hành tinh khác. Dù sao đi nữa, dường như có một sự tập trung logoi thái dương xác định vào hệ Địa Cầu được xem như một loại *dãy* của hệ mặt trời. Sự tương đồng trở nên phức tạp bởi sự kiện có mười hệ hành tinh và chỉ có bảy dãy hành tinh được *đặt tên* trong bất kỳ hệ hành tinh nào.

439. If the Sun is as the physical body of the Solar Logos, what may be said of the physical form of the solar system? Is the entire solar system not to be considered, in a sense, the physical body of the Solar Logos?

439. Nếu Mặt Trời giống như thể xác của Thái dương Thượng đế, thì có thể nói gì về hình tướng hồng trần của hệ mặt trời? Chẳng phải toàn thể hệ mặt trời, theo một nghĩa nào đó, phải được xem là thể xác của Thái dương Thượng đế sao?

Each chain holds a position analogous to a globe in a planetary chain. Note the beauty of the correspondence, yet withal the lack of detailed analogy.[4. S. D., I, 136.]

Mỗi dãy giữ một vị trí tương tự như một bầu hành tinh trong một dãy hành tinh. Hãy lưu ý vẻ đẹp của sự tương ứng, nhưng đồng thời cũng là sự thiếu vắng tương đồng chi tiết.[4. S. D., I, 136.]

440. We attempted to force the detail in the comparison of the human system with the planetary system and discovered that the analogy broke down.

440. Chúng ta đã cố ép chi tiết trong việc so sánh hệ thống con người với hệ thống hành tinh và phát hiện rằng sự tương đồng đã đổ vỡ.

b. A solar Logos contains within Himself, as the **atoms** in His body of manifestation, **all groups of every kind, [Page 256] from the involutionary group-soul to the egoic groups on the mental plane.**

b. Một Thái dương Thượng đế chứa trong Chính Ngài, như những **nguyên tử** trong thể biểu hiện của Ngài, **mọi nhóm thuộc mọi loại, [Page 256] từ hồn nhóm giáng hạ tiến hoá đến các nhóm chân ngã trên cõi trí.**

441. The atoms in the life of a Solar Logos are of great variety.

441. Các nguyên tử trong sự sống của một Thái dương Thượng đế vô cùng đa dạng.

442. One wonders whether these groups should be called “atoms” or “cells”.

442. Người ta tự hỏi liệu những nhóm này nên được gọi là “nguyên tử” hay “tế bào”.

443. If a human atom is a "cell" in the body of a Planetary Logos, then a human unit is too large to be an "atom" in the life of a Solar Logos.

443. Nếu một nguyên tử nhân loại là một "tế bào" trong thân thể của một Hành Tinh Thượng Đế, thì một đơn vị nhân loại quá lớn để là một "nguyên tử" trong sự sống của một Thái dương Thượng đế.

444. It seems that the true scale existing between atoms and cells is not being preserved.

444. Dường như tỉ lệ thực sự tồn tại giữa nguyên tử và tế bào không được duy trì.

445. We may wish to remember, however, that, in occultism, the term "atom" can indicate a rather large structure.

445. Tuy nhiên, chúng ta có thể muốn nhớ rằng, trong huyền bí học, từ "nguyên tử" có thể chỉ một cấu trúc khá lớn.

He has (for the **animating centres of His body**) the seven major groups or the seven Heavenly Men, who ray forth Their influence to all parts of the logoic sphere, and who embody within Themselves all lesser lives, the lesser groups, human and deva units, cells, atoms and molecules.

Ngài có (làm **các trung tâm hoạt hóa của thể Ngài**) bảy nhóm lớn hay bảy Đấng Thiên Nhân, các Ngài phóng chiếu ảnh hưởng của Các Ngài đến mọi phần của khối cầu logoi, và các Ngài hiện thân trong Chính Các Ngài mọi sự sống nhỏ hơn, các nhóm nhỏ hơn, các đơn vị nhân loại và thiên thần, các tế bào, nguyên tử và phân tử.

446. We have a good definition of the chakras as "animating centers" in a body. These are centers which carry soul force and even monadic influence.

446. Chúng ta có một định nghĩa tốt về các luân xa như là "các trung tâm hoạt hóa" trong một thể. Đây là những trung tâm mang mãnh lực linh hồn và thậm chí cả ảnh hưởng chân thần.

447. The influence of the Heavenly Man extends to all parts of the logoic sphere. We are not told here whether its influence extends *beyond* the logoic sphere.

447. Ảnh hưởng của Đấng Thiên Nhân trải rộng đến mọi phần của khối cầu logoi. Ở đây chúng ta không được cho biết liệu ảnh hưởng ấy có vươn *ra ngoài* khối cầu logoi hay không.

448. The solar systemic influence of the seven Heavenly Men, as here discussed, is not the same as the "sphere of influence" which was a more individual sphere.

448. Ảnh hưởng hệ mặt trời của bảy Đấng Thiên Nhân, như được bàn ở đây, không giống với "khối cầu ảnh hưởng" vốn là một khối cầu mang tính cá biệt hơn.

449. Let us tabulate that which a Heavenly Man contains within the body of His manifestation:

ff. The lesser groups

gg. Human units

hh. Deva units

ii. Cells

jj. Atoms

kk. Molecules

449. Chúng ta hãy lập bảng điều mà một Đấng Thiên Nhân chứa trong thể biểu hiện của Ngài:

ff. Các nhóm nhỏ hơn

gg. Các đơn vị nhân loại

hh. Các đơn vị thiên thần

ii. Các tế bào

jj. Các nguyên tử

kk. Các phân tử

450. Both within this reference and elsewhere, we find that the molecule (as DK uses the term) means an entity of lesser scope than an atom.

450. Cả trong dẫn chiếu này lẫn ở nơi khác, chúng ta thấy rằng phân tử (theo cách Chân sư DK dùng từ này) có nghĩa là một thực thể có phạm vi nhỏ hơn nguyên tử.

451. What may be the exact size of each unit and the proportion between them, we do not yet know. We are simply given generalities.

451. Kích thước chính xác của mỗi đơn vị và tỉ lệ giữa chúng có thể là gì, chúng ta vẫn chưa biết. Chúng ta chỉ được cho những nét khái quát.

Seen from cosmic levels, the sphere of the Logos can be visualised as a vibrating ball of fire of supernal glory, containing within its circle of influence, the planetary spheres likewise vibrating balls of fire.

Nhìn từ các cấp độ vũ trụ, khối cầu của Thượng đế có thể được hình dung như một quả cầu lửa rung động với vinh quang thiên thượng, chứa trong vòng ảnh hưởng của nó các khối cầu hành tinh cũng là những quả cầu lửa rung động.

452. Does Master DK know this from first-hand observation, or does the Wisdom contain this thought?

452. Chân sư DK có biết điều này từ quan sát trực tiếp hay Minh triết chứa đựng tư tưởng này?

453. DK told us as that as we approached a consideration of the Solar Logos we would be reconsidering fire.

453. Chân sư DK đã nói với chúng ta rằng khi tiến gần đến việc xem xét Thái dương Thượng đế, chúng ta sẽ xem xét lại lửa.

The Grand Man of the Heavens vibrates to a **steadily increasing measure;**

454. The idea of increasing frequency is suggested.

455. Are pulsations emanating from the Sun to be correlated with this steadily increasing measure?

456. A "measure" in music is a regular unit of musical events lasting so many "beats". The term "measure" may also refer to the frequency of vibration.

457. In any case, the life of the Solar Logos is intensifying and His vibratory frequency increasing.

the entire system is tinctured by a certain color,—the color of the life of the Logos, **the One Divine Ray**;

458. The fact that the color of the life of the Logos is called the "One Divine Ray" implies that it is a ray of *blue*—for the Divine Ray is the blue Ray of Love-Wisdom. The Primordial Ray is green.

459. Our Logos is called "the Blue Logos" and it is the color blue which most probably tinctures the entire system, which is said to appear psychically as a "blue lotus".

and the system rotates to a certain measure, **which is the key of the great kalpa or solar cycle**, and revolves around its central solar pole.

Đại Nhân của Thiên Giới rung động theo một **nhịp độ tăng trưởng đều đặn;**

454. Ý tưởng về tần số gia tăng được gợi ra.

455. Những xung động phát ra từ Mặt Trời có nên được liên hệ với nhịp độ tăng trưởng đều đặn này không?

456. Một "measure" trong âm nhạc là một đơn vị đều đặn của các biến cố âm nhạc kéo dài qua một số "phách" nhất định. Từ "measure" cũng có thể chỉ tần số rung động.

457. Dù sao đi nữa, sự sống của Thái dương Thượng đế đang tăng cường và tần số rung động của Ngài đang gia tăng.

toàn thể hệ thống được nhuốm một màu sắc nhất định,—màu sắc của sự sống của Thượng đế, **Một Cung Thiêng Liêng Duy Nhất**;

458. Sự kiện màu sắc của sự sống của Thượng đế được gọi là "Một Cung Thiêng Liêng Duy Nhất" hàm ý rằng đó là một cung *xanh lam*—vì Cung Thiêng Liêng là cung xanh lam của Bác Ái – Minh Triết. Cung Nguyên Sơ là màu lục.

459. Thượng đế của chúng ta được gọi là "Thượng đế Xanh Lam" và rất có thể chính màu xanh lam nhuốm toàn thể hệ thống, vốn được nói là xuất hiện một cách thông linh như một "hoa sen xanh lam".

và hệ thống quay theo một nhịp độ nhất định, **là chủ âm của kalpa vĩ đại hay chu kỳ thái dương**, và vận hành quanh cực thái dương trung tâm của nó.

460. We note that DK is speaking of the rotation of the "system" and not of the Sun, per se.

460. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK đang nói về sự quay của "hệ thống" chứ không phải của chính Mặt Trời.

461. Possible related measures are the following:

461. Những nhịp độ liên hệ khả dĩ là như sau:

ll. The Solar system as a whole rotates once every 100,000. years.

ll. Toàn thể hệ mặt trời quay một vòng mỗi 100,000. năm.

mm. The Sun itself rotates once every twenty-seven days.

mm. Chính Mặt Trời quay một vòng mỗi hai mươi bảy ngày.

nn. Interestingly, it takes the Moon twenty-seven days to complete one zodiacal cycle and return to the same sign.

nn. Điều thú vị là Mặt Trăng mất hai mươi bảy ngày để hoàn tất một chu kỳ hoàng đạo và trở lại cùng một dấu hiệu.

462. The great kalpa has a duration (we are told) of 311,040,000,000,000. Earth-years.

462. Đại kalpa có thời lượng (như chúng ta được cho biết) là 311,040,000,000,000. năm Trái Đất.

463. Obviously there is far more than one rotation of the solar atom during such an expanse of time. In fact, the objective universe of tangible rotating spheres will not exist for anywhere near this vast number of years. If the huge figure is truly literal and not symbolic, it will relate to both the subjective and objective duration of the *mostly subjective expression* of the Solar Logos.

463. Hiển nhiên có nhiều hơn một lần quay của nguyên tử thái dương trong một khoảng thời gian rộng lớn như thế. Thực ra, vũ trụ khách quan gồm các khối cầu quay hữu hình sẽ không tồn tại gần đến con số năm khổng lồ này. Nếu con số khổng lồ ấy thực sự là nghĩa đen chứ không phải biểu tượng, nó sẽ liên hệ đến cả thời lượng chủ quan lẫn khách quan của sự *biểu lộ phần lớn mang tính chủ quan* của Thái dương Thượng đế.

464. In musical terms, the "key of the great kalpa" is probably the key of G, the blue key (by one method of assigning musical notes to rays and colors).

464. Theo thuật ngữ âm nhạc, "chủ âm của đại kalpa" có lẽ là giọng Sol, giọng xanh lam (theo một phương pháp gán các nốt nhạc cho các cung và màu sắc).

c. The solar Logos is distinguished by His activity on all the planes of the solar system;

c. Thái dương Thượng đế được phân biệt bởi hoạt động của Ngài trên mọi cõi của hệ mặt trời;

465. The Solar Logos does not function principally on only five planes, as in the case of the Planetary Logos. Though in one reference cited, the Planetary Logos, too, was given influence on all seven planes of the solar system.

465. Thái dương Thượng đế không hoạt động chủ yếu chỉ trên năm cõi, như trong trường hợp Hành Tinh Thượng Đế. Dù trong một dẫn chiếu được trích, Hành Tinh Thượng Đế cũng được cho là có ảnh hưởng trên cả bảy cõi của hệ mặt trời.

He is the sumtotal of all manifestation, from the lowest and densest physical atom up to the most **radiant and cosmic ethereal Dhyan Chohan.**

Ngài là tổng thể của mọi biểu hiện, từ nguyên tử hồng trần thấp nhất và đậm đặc nhất cho đến vị **Dhyan Chohan dĩ thái vũ trụ và rạng ngời nhất.**

466. The Solar Logos is the great and all-inclusive Being with respect to all lives in our solar system (on both objective and subjective levels).

466. Thái dương Thượng đế là Hữu thể vĩ đại và bao gồm tất cả đối với mọi sự sống trong hệ mặt trời của chúng ta (trên cả cấp độ khách quan lẫn chủ quan).

467. The phrase, "radiant and cosmic ethereal Dhyan Chohan" may mean a Planetary Logos who is not in incarnation. The term Dhyan Chohan is generic and can refer to beings of many different orders.

467. Cụm từ "Dhyan Chohan dĩ thái vũ trụ và rạng ngời" có thể có nghĩa là một Hành Tinh Thượng Đế không đang lâm phàm. Từ Dhyan Chohan là từ tổng quát và có thể chỉ các hữu thể thuộc nhiều cấp bậc khác nhau.

This **sevenfold vibratory measure** is the key of the lowest cosmic plane,

Nhịp độ rung động thất phân này là chủ âm của cõi vũ trụ thấp nhất,

468. What is the key or vibratory measure of the cosmic physical plane?

468. Chủ âm hay nhịp độ rung động của cõi hồng trần vũ trụ là gì?

469. Perhaps some hint in this direction will come if we realize that Saturn (the third ray planet) is to be considered as the permanent atom of the cosmic physical plane: "Saturn is in fact the correspondence to the logoic physical permanent atom. This is an occult mystery and must not be separated from its allied truth in the cosmic scheme." (*TCF* 406)

469. Có lẽ một gợi ý theo hướng này sẽ đến nếu chúng ta nhận ra rằng Sao Thổ (hành tinh cung ba) phải được xem như nguyên tử trường tồn của cõi hồng trần vũ trụ: "Sao Thổ thật ra là sự tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần logoi. Đây là một huyền nhiệm huyền bí và không được tách rời khỏi chân lý liên hệ của nó trong hệ vũ trụ." (*TCF* 406)

470. The "occult mystery" is, indeed, a mystery. May it be that three types of *schemes* are to be considered—planetary

470. "Huyền nhiệm huyền bí" ấy quả thật là một huyền nhiệm. Có thể chăng phải xét đến ba loại *hệ hành tinh*—các hệ hành tinh, các

schemes, solar schemes and, as in this case, *cosmic* schemes?

hệ thái dương và, như trong trường hợp này, các hệ *vũ trụ*?

471. A higher correspondence to Saturn is being hinted—a Being who stands as the permanent atom for all seven cosmic planes considered as subplanes of one *super* 'kosmic physical plane'. Such a Being is likely to be one of the solar systems within the Seven Solar Systems of Which Ours is One—the solar system which is the higher correspondence to the planet Saturn.

471. Một tương ứng cao hơn với Sao Thổ đang được gợi ý—một Hữu thể đứng như nguyên tử trường tồn cho cả bảy cõi vũ trụ được xem như các cõi phụ của một 'cõi hồng trần *siêu*-vũ trụ'. Một Hữu thể như vậy có lẽ là một trong các hệ mặt trời thuộc Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ Của Chúng Ta Là Một—hệ mặt trời là tương ứng cao hơn với hành tinh Sao Thổ.

and its **rate of rhythm** can be felt on the cosmic astral, with a faint response on the cosmic mental.

và **nhịp điệu** của nó có thể được cảm nhận trên cõi cảm dục vũ trụ, với một đáp ứng mờ nhạt trên cõi trí vũ trụ.

472. We are speaking of the manner in which an etheric-physical vibration can be registered on planes more subtle than the physical.

472. Chúng ta đang nói về cách thức một rung động dĩ thái-hồng trần có thể được ghi nhận trên những cõi vi tế hơn cõi hồng trần.

473. We learn that every plane has—

473. Chúng ta học được rằng mỗi cõi đều có —

oo. A key

oo. Một chủ âm

pp. A sevenfold vibratory measure

pp. Một nhịp độ rung động thất phân

qq. A rate of rhythm

qq. Một nhịp điệu

474. DK has mentioned a number of different measures, rates, revolutions and rates of rhythm. Each must be correlated with all.

474. Chân sư DK đã đề cập đến một số nhịp độ, tốc độ, vòng quay và nhịp điệu khác nhau. Mỗi thứ phải được liên hệ với tất cả những thứ khác.

Thus the life of the logoic existence on cosmic levels, may be seen paralleling the life of a man in the three worlds, the lowest of the systemic planes.

Như vậy, sự sống của hiện hữu logoi trên các cấp độ vũ trụ có thể được thấy là song hành với sự sống của một con người trong ba cõi thấp, những cõi thấp nhất của các cõi hệ thống.

475. The Solar Logos is understood as existing on *cosmic* levels, even though the Logos expresses through a solar system.

475. Thái dương Thượng đế được hiểu là hiện hữu trên các cấp độ *vũ trụ*, dù Thượng đế biểu lộ qua một hệ mặt trời.

On **His own planes** the Logos likewise shows forth:

Trên **các cõi riêng của Ngài**, Thượng đế cũng biểu lộ:

476. What are these planes? The very highest of the systemic planes?

476. Những cõi này là gì? Những cõi cao nhất của hệ thống chăng?

First. Rotary motion. His life as it cycles through **a day of Brahma**, can be seen spiralling around His greater wheel, the ten schemes of a solar system.

Thứ nhất. Chuyển động quay. Sự sống của Ngài khi vận hành theo chu kỳ qua **một ngày của Brahma** có thể được thấy đang xoắn ốc quanh bánh xe lớn hơn của Ngài, tức mười hệ hành tinh của một hệ mặt trời.

477. A "day of Brahma" is one Manvantara.

477. "Một ngày của Brahma" là một Giai kỳ sinh hóa.

478. A day of Brahma endures 4,320,000,000. years and a day and night of Brahma has a span of 8,640,000,000. years.

478. Một ngày của Brahma kéo dài 4,320,000,000. năm và một ngày cùng một đêm của Brahma có độ dài 8,640,000,000. năm.

479. Will this period be required of the Solar Logos to spiral around His greater wheel?

479. Liệu Thái dương Thượng đế có cần khoảng thời gian này để xoắn ốc quanh bánh xe lớn hơn của Ngài không?

480. It will not be easy to determine the ten schemes of the solar system. There will eventually be twelve major planets, each found ruling one of the signs of the zodiac. Which of these planetary schemes, then, is to be left out in determining the ten planetary schemes?

480. Sẽ không dễ xác định mười hệ hành tinh của hệ mặt trời. Cuối cùng sẽ có mười hai hành tinh chính, mỗi hành tinh được thấy cai quản một dấu hiệu hoàng đạo. Vậy thì trong việc xác định mười hệ hành tinh, hệ hành tinh nào trong số đó sẽ bị loại ra?

481. On the other hand (as we attempt to determine the ten) perhaps, in addition to seven sacred schemes, there are to be included three super schemes (each containing three of the other planetary

481. Mặt khác (khi chúng ta cố xác định mười hệ hành tinh), có lẽ ngoài bảy hệ thiêng liêng, còn phải bao gồm ba siêu hệ (mỗi siêu hệ chứa ba hệ hành tinh khác—cả thiêng liêng lẫn không thiêng liêng) (x. EP II 99)

schemes—both sacred and non-sacred) (cf. EP II 99)

Second. Discriminatory capacity. His first act, as we know, was to discriminate or choose the matter he needed for manifestation.

482. Each self-consciousness creator has to do this, no matter what the scope of the intended creation.

That choice was controlled by: [Page 257] Cosmic Karma.

483. This may refer to the karma residual not only from the previous solar system but from the previous solar *systems*.

484. Matter, as well, has its karma. In a way, the Solar Logos was forced to choose matter conditioned by an earlier association with Him and His life processes.

Vibratory capacity.

485. This may refer to the vibratory capacity thus far achieved by the Solar Logos.

486. It may also refer to the vibratory capacity of the substance/matter selected. Such a capacity would have to correspond to the purpose and plan of the Solar Logos.

Responsive coloring or quality.

487. This may refer to both His own coloring and quality and the coloring and quality of the matter to be chosen.

Thứ hai. Năng lực phân biện. Hành động đầu tiên của Ngài, như chúng ta biết, là phân biện hay chọn lựa vật chất mà Ngài cần cho sự biểu hiện.

482. Mỗi đấng sáng tạo có ngã thức đều phải làm điều này, bất kể phạm vi của công trình sáng tạo dự định là gì.

Sự chọn lựa ấy bị chi phối bởi: [Page 257] Nghiệp Quả Vũ Trụ.

483. Điều này có thể không chỉ nói đến nghiệp quả còn dư từ hệ mặt trời trước mà còn từ các hệ mặt trời *trước đó*.

484. Vật chất cũng có nghiệp quả của nó. Theo một nghĩa nào đó, Thái dương Thượng đế bị buộc phải chọn vật chất được tác động bởi một liên hệ trước kia với Ngài và với các tiến trình sự sống của Ngài.

Năng lực rung động.

485. Điều này có thể nói đến năng lực rung động mà Thái dương Thượng đế đã đạt được cho đến nay.

486. Nó cũng có thể nói đến năng lực rung động của chất liệu/vật chất được chọn. Một năng lực như vậy sẽ phải tương ứng với mục đích và Thiên Cơ của Thái dương Thượng đế.

Màu sắc hay phẩm tính đáp ứng.

487. Điều này có thể nói đến cả màu sắc và phẩm tính riêng của Ngài lẫn màu sắc và phẩm tính của vật chất được chọn.

488. There is a certain degree of responsiveness built into matter of a certain coloring and quality.

488. Có một mức độ đáp ứng nhất định được xây dựng sẵn trong vật chất có một màu sắc và phẩm tính nhất định.

Numerical factors involved in cosmic mathematics.

Các yếu tố số học liên quan trong toán học vũ trụ.

489. The implication here is that every cosmic Creator must be a cosmic mathematician.

489. Hàm ý ở đây là mọi Đấng Sáng Tạo vũ trụ đều phải là một nhà toán học vũ trụ.

He is the embodiment of cosmic manas, and through the use of this faculty He seeks—by means of animated form—to build into His cosmic causal body, a paralleling quality of love-wisdom.

Ngài là hiện thân của manas vũ trụ, và qua việc sử dụng năng lực này, Ngài tìm cách—bằng phương tiện hình tướng được hoạt hóa—xây dựng vào thể nguyên nhân vũ trụ của Ngài một phẩm tính song hành là Bác Ái – Minh Triết.

490. The Solar Logos has certainly mastered cosmic manas. This means that He has true access to the lowest four subplanes of the cosmic mental plane.

490. Thái dương Thượng đế chắc chắn đã làm chủ manas vũ trụ. Điều này có nghĩa là Ngài thực sự tiếp cận được bốn cõi phụ thấp nhất của cõi trí vũ trụ.

491. He seeks now to work on the higher three subplanes of the cosmic mental plane—the plane of cosmic soul.

491. Hiện nay Ngài tìm cách hoạt động trên ba cõi phụ cao hơn của cõi trí vũ trụ—cõi linh hồn vũ trụ.

492. It may be inferred that aspects of cosmic intelligence were built into His causal body in previous solar systems. Between solar systems, His causal body was not destroyed, just as the causal body of the human being is not destroyed between incarnation.

492. Có thể suy ra rằng các phương diện của trí tuệ vũ trụ đã được xây dựng vào thể nguyên nhân của Ngài trong các hệ mặt trời trước. Giữa các hệ mặt trời, thể nguyên nhân của Ngài không bị hủy diệt, cũng như thể nguyên nhân của con người không bị hủy diệt giữa các lần nhập thể.

493. It would seem that the Solar Logos is working on the sacrifice petals of His egoic lotus during this phase of solar systemic development.

493. Dường như Thái dương Thượng đế đang hoạt động trên các cánh hoa hi sinh của Hoa Sen Chân Ngã của Ngài trong giai đoạn phát triển hệ mặt trời này.

494. VSK suggests that the process is ever the same: the manasic impulse sets into

494. VSK gợi ý rằng tiến trình luôn luôn như nhau: xung lực manas đặt cực thứ hai (hình

motion the second pole (the material form) animating it, and by its means develops the second, which is the result of Spirit-Matter, Love-Wisdom—a dual result to the "Desire for Duality" of Sons of Necessity.

tướng vật chất) vào chuyển động, hoạt hóa nó, và bằng phương tiện ấy phát triển cực thứ hai, vốn là kết quả của Tinh thần-Vật chất, Bác Ái – Minh Triết—một kết quả nhị phân đối với "Khát vọng về Nhị nguyên tính" của các Con của Tất Yếu.

Third. Ability to progress, to increase vibration, and to gain full self-consciousness on cosmic levels.

Thứ ba. Khả năng tiến bộ, gia tăng rung động, và đạt được ngã thức trọn vẹn trên các cấp độ vũ trụ.

495. Are the "cosmic levels" levels involving the Seven Solar Systems of Which Ours is One?

495. Các "cấp độ vũ trụ" có phải là những cấp độ liên quan đến Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ Của Chúng Ta Là Một không?

496. First would come the attainment of full systemic Self-consciousness.

496. Trước hết sẽ là sự đạt được ngã thức hệ thống trọn vẹn.

497. Then would come the attainment of Self-consciousness in relation to the greater group of the Solar Logos—the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

497. Sau đó sẽ là sự đạt được ngã thức trong tương quan với nhóm lớn hơn của Thái dương Thượng đế—Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ Của Chúng Ta Là Một.

498. Just as man is attempting to develop full self-consciousness in relation to his astral and mental vehicles, so the same can be predicated of a Solar Logos.

498. Cũng như con người đang cố phát triển ngã thức trọn vẹn trong tương quan với các vận cụ cảm dục và trí tuệ của mình, thì điều tương tự cũng có thể được khẳng định về một Thái dương Thượng đế.

d. The solar Logos contains within Himself the three major principles or aspects, and their differentiation into seven principles. These make **the ten of His ultimate perfection and are eventually synthesised into the one perfected principle of love-wisdom.**

d. Thái dương Thượng đế chứa trong Chính Ngài ba nguyên khí hay phương diện lớn, và sự biến phân của chúng thành bảy nguyên khí. Những điều này tạo nên **mười của sự toàn thiện tối hậu của Ngài và cuối cùng được tổng hợp thành một nguyên khí toàn thiện duy nhất của Bác Ái – Minh Triết.**

499. The term "ultimate perfection" is the same as that used in relation to the Planetary Logos.

499. Từ "sự toàn thiện tối hậu" cũng giống như từ được dùng trong tương quan với Hành Tinh Thượng Đế.

500. The synthesis of the ten of the Solar Logos yields the oneness of the principle of

500. Sự tổng hợp mười của Thái dương Thượng đế tạo ra tính nhất thể của nguyên

Love-Wisdom. This is also true of our particular Planetary Logos.

khí Bác Ái – Minh Triết. Điều này cũng đúng với Hành Tinh Thượng Đế đặc thù của chúng ta.

This ultimate principle is His primary coloring.

Nguyên khí tối hậu này là màu sắc chủ yếu của Ngài.

501. This coloring will, at this time in solar systemic history, be *blue.*

501. Màu sắc này, vào thời điểm này trong lịch sử hệ mặt trời, sẽ là *xanh lam.*

Each principle is embodied in one of the schemes, and is being worked out through one of the Heavenly Men.

Mỗi nguyên khí được hiện thân trong một trong các hệ hành tinh, và đang được triển khai qua một trong các Đấng Thiên Nhân.

502. Are there seven principles or ten? There are certainly ten schemes with which we are dealing.

502. Có bảy nguyên khí hay mười? Chắc chắn có mười hệ hành tinh mà chúng ta đang bàn đến.

503. If there are ten principles manifesting through ten planetary schemes, then three of the principles will be reiterated.

503. Nếu có mười nguyên khí biểu hiện qua mười hệ hành tinh, thì ba nguyên khí sẽ được lặp lại.

Only four principles are as yet manifested to any extent, for the **evolution of the Logos parallels that of the Heavenly Men.**

Cho đến nay chỉ có bốn nguyên khí được biểu hiện ở một mức độ nào đó, vì **sự tiến hoá của Thượng đế song hành với sự tiến hoá của các Đấng Thiên Nhân.**

504. This is an important realization. Our Planetary Logos and our Solar Logos are approximately at the same relative degree of unfoldment.

504. Đây là một chứng nghiệm quan trọng. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và Thái dương Thượng đế của chúng ta xấp xỉ ở cùng một mức độ tương đối của sự khai mở.

505. The manasic or fifth principle of the Solar Logos is not yet fully functioning. We are living in a very astral-buddhic solar system.

505. Nguyên khí manas hay nguyên khí thứ năm của Thái dương Thượng đế vẫn chưa hoạt động trọn vẹn. Chúng ta đang sống trong một hệ mặt trời rất cảm dục-Bồ đề.

e. The solar Logos is governed by the Law of Synthesis. He holds all in **synthetic unity or homogeneity.**

e. Thái dương Thượng đế được chi phối bởi Định luật Tổng Hợp. Ngài giữ mọi sự trong **nhất thể tổng hợp hay tính đồng nhất.**

506. If we wish to have two equivalent and evocative terms related to synthesis, they are:

506. Nếu chúng ta muốn có hai từ tương đương và gợi cảm liên hệ với tổng hợp, thì đó là:

rr. Synthetic unity

rr. Nhất thể tổng hợp

ss. Homogeneity

ss. Tính đồng nhất

507. These are terms which must be experienced and not just understood mentally.

507. Đây là những từ phải được trải nghiệm chứ không chỉ được thấu hiểu bằng trí tuệ.

His subjective life is governed by the Law of Attraction; His material form is governed by the Law of Economy.

Sự sống chủ quan của Ngài được chi phối bởi Định luật Hấp Dẫn; hình tướng vật chất của Ngài được chi phối bởi Định luật Tiết Kiệm.

508. All three cosmic laws are very powerful in the manifestation of the Solar Logos.

508. Cả ba định luật vũ trụ đều rất mạnh mẽ trong sự biểu hiện của Thái dương Thượng đế.

He is coming under another cosmic law as yet incomprehensible to men, which law is but revealed to the highest initiates.

Ngài đang đi vào dưới một định luật vũ trụ khác mà con người hiện chưa thể hiểu được, một định luật chỉ được mặc khải cho các điểm đạo đồ cao nhất.

509. The Intermediate Law of Karma is said to be a law greater than the three cosmic laws usually discussed: the Law of Economy, the Law of Attraction, the Law of Synthesis.

509. Định luật Trung Gian của Nghiệp Quả được nói là một định luật lớn hơn ba định luật vũ trụ thường được bàn đến: Định luật Tiết Kiệm, Định luật Hấp Dẫn, Định luật Tổng Hợp.

510. VSK says that the Law of Freedom lies behind the primary three.

510. VSK nói rằng Định luật Tự Do nằm phía sau ba định luật sơ yếu.

511. In any case this still higher cosmic law seems related to Sirius.

511. Dù sao đi nữa, định luật vũ trụ còn cao hơn này dường như có liên hệ với Sirius.

512. Who are the “highest initiates”? Perhaps we may say “chohans”.

512. Những “điểm đạo đồ cao nhất” là ai? Có lẽ chúng ta có thể nói là “chohans”.

f. The solar Logos is in process of ascertaining His place within the greater system in which He holds a place analogous to that of a Heavenly Man in a solar system.

f. Thái dương Thượng đế đang trong tiến trình xác định vị trí của Ngài bên trong hệ thống lớn hơn, trong đó Ngài giữ một vị trí tương tự như vị trí của một Đấng Thiên Nhân trong một hệ mặt trời.

513. This “greater system” is the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

513. “Hệ thống lớn hơn” này là Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong số đó.

514. The Solar Logos is also a minor part of the One About Whom Naught May Be Said, but His first task is to determine His place and function within the Cosmic Logos Who manifests through seven solar systems. The One About Whom Naught May Be Said is a Super-Cosmic Logos.

514. Thái dương Thượng đế cũng là một phần nhỏ của Đấng Bất Khả Tư Nghị, nhưng nhiệm vụ đầu tiên của Ngài là xác định vị trí và chức năng của Ngài bên trong Đấng Thượng đế Vũ Trụ biểu hiện qua bảy hệ mặt trời. Đấng Bất Khả Tư Nghị là một Đấng Thượng đế Siêu Vũ Trụ.

He seeks first to find the secret of His own existence, and to achieve full Self-Consciousness;

Trước hết, Ngài tìm cách khám phá bí mật của chính sự tồn tại của Ngài, và đạt đến trọn vẹn Ngã Thức;

515. All beings must fulfill the ancient dictum “Know Thyself”, no matter what may be the levels upon which they are focussed.

515. Mọi hữu thể đều phải hoàn thành châm ngôn cổ xưa “Hãy biết chính mình”, bất kể họ được tập trung trên những cấp độ nào.

secondly to ascertain the position and place of His polar opposite;

thứ hai, xác định vị trí và chỗ đứng của cực đối nghịch phân cực của Ngài;

516. This particular Solar Logos will be, it would see, a member of the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

516. Có vẻ như Thái dương Thượng đế đặc thù này sẽ là một thành viên của Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong số đó.

517. It is suggested that either the Solar Logos of Sirius or the Solar Logos of Alpha Centauri may be good candidates for the polar opposite of our Solar Logos.

517. Có ý kiến cho rằng hoặc Thái dương Thượng đế của Sirius hoặc Thái dương Thượng đế của Alpha Centauri có thể là những ứng viên thích hợp cho cực đối nghịch phân cực của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

518. The suggestion is that the orbit and place in space of this polar opposite must be

518. Gợi ý ở đây là quỹ đạo và vị trí trong không gian của cực đối nghịch phân cực này

ascertained, probably so that the methods of closer interplay may be established.

thirdly to [Page 258] merge and blend with that polar opposite. **This is the cosmic marriage of the Logos**.

519. The "cosmic marriage" is discussed only in relation to the Solar Logos and His polar opposite, but the process must in some way relate to the entities functioning through the other three types of atoms (the atom of substance/matter, man-as-atom, the Planetary Logos as an atom).

520. This "cosmic marriage" occurs as part of the process of obscuration of the Seven Solar Systems of Which Ours is One. Let us remember that our solar system represents a *heart center* within a Cosmic Logos.

521. With what, might we infer, would the heart center merge? With the solar plexus below? With the head center above?

522. When considering the transference of energy from one chakra to another, the solar plexus and the heart will definitely be related. Will these two centers also merge?

523. Yet, Sirius will *not* be the solar plexus within the Seven Solar Systems of Which Ours is One and the relationship between our Solar Logos and the Logos of Sirius cannot be denied. They seem to form a cosmic 'pair' just as Earth and Venus form a planetary pair.

phải được xác định, có lẽ để các phương pháp tương tác chặt chẽ hơn có thể được thiết lập.

thứ ba, [Page 258] hòa nhập và dung hợp với cực đối nghịch phân cực ấy. **Đây là cuộc hôn phối vũ trụ của Thượng đế**.

519. "Cuộc hôn phối vũ trụ" này chỉ được bàn đến trong liên hệ với Thái dương Thượng đế và cực đối nghịch phân cực của Ngài, nhưng tiến trình ấy hẳn phải bằng cách nào đó liên hệ đến các thực thể đang hoạt động qua ba loại nguyên tử khác (nguyên tử của chất liệu/vật chất, con người-như-nguyên-tử, Đức Hành Tinh Thượng Đế như một nguyên tử).

520. "Cuộc hôn phối vũ trụ" này xảy ra như một phần của tiến trình lu mờ của Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong số đó. Chúng ta hãy nhớ rằng hệ mặt trời của chúng ta tượng trưng cho một *trung tâm tim* bên trong một Đấng Thượng đế Vũ Trụ.

521. Chúng ta có thể suy ra rằng trung tâm tim sẽ hòa nhập với điều gì? Với tùng thái dương ở dưới chăng? Với trung tâm đầu ở trên chăng?

522. Khi xét đến sự chuyển dịch năng lượng từ luân xa này sang luân xa khác, tùng thái dương và tim chắc chắn sẽ có liên hệ. Hai trung tâm này cũng sẽ hòa nhập chăng?

523. Tuy nhiên, Sirius sẽ *không* là tùng thái dương bên trong Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong số đó, và mối liên hệ giữa Thái dương Thượng đế của chúng ta với Thượng đế của Sirius không thể bị phủ nhận. Các Ngài dường như tạo thành một "cặp" vũ trụ cũng như Trái Đất và Sao Kim tạo thành một cặp hành tinh.

g. A solar Logos is distinguished by His responsiveness to outer stimulation. This concerns itself with:

524. We remember that the outer stimulation as it affected the Planetary Logos was beyond the possibility of our minds to grasp. This must certainly be so should the mind of man attempt to grasp the nature of the "outer stimulation" to which the Solar Logos is subjected.

Electrical stimulation or His response to electrical fohatic force emanating from **other stellar centres**, and **controlling largely the action of our system and its movements in space in relation to other constellations.**

525. This is the strictly physical stimulation.

526. We thus far have very little idea of what may be the movements of our solar system relative to other solar systems. Such movements are only now in process of slow revelation.

527. What may be the "other stellar centres" is very hard to discern? Would Sirius be implicated? What of the stars of the Great Bear? What of the principal stars of the Pleiades?

528. Just as the Sun controls the movement of the planets, so some greater Suns (perhaps singly or perhaps in combination) control the movements of our Solar Logos.

529. We are told that our solar system is traveling towards Vega. We are also told that

g. Một Thái dương Thượng đế được phân biệt bởi khả năng đáp ứng của Ngài đối với kích thích bên ngoài. Điều này liên quan đến:

524. Chúng ta nhớ rằng kích thích bên ngoài, khi tác động đến Đức Hành Tinh Thượng Đế, vượt ngoài khả năng nắm bắt của trí tuệ chúng ta. Điều này hẳn càng đúng hơn nếu trí tuệ con người cố gắng nắm bắt bản chất của "kích thích bên ngoài" mà Thái dương Thượng đế phải chịu.

Kích thích điện, hay sự đáp ứng của Ngài đối với lực fohat điện phát ra từ **các trung tâm tinh tú khác**, và **phần lớn chi phối hoạt động của hệ chúng ta cùng các chuyển động của nó trong không gian trong tương quan với các chòm sao khác.**

525. Đây là kích thích thuần túy hồng trần.

526. Cho đến nay chúng ta vẫn có rất ít ý niệm về những chuyển động của hệ mặt trời chúng ta tương quan với các hệ mặt trời khác có thể là gì. Những chuyển động như thế chỉ mới đang trong tiến trình được mặc khải chậm rãi.

527. "Các trung tâm tinh tú khác" có thể là gì thì rất khó phân biện? Sirius có dính líu chăng? Còn các ngôi sao của Đại Hùng Tinh thì sao? Còn các ngôi sao chính của Thất Nữ Tinh thì sao?

528. Cũng như Mặt Trời chi phối chuyển động của các hành tinh, thì một số Mặt Trời lớn hơn (có lẽ riêng lẻ hoặc có lẽ kết hợp) chi phối các chuyển động của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

529. Chúng ta được cho biết rằng hệ mặt trời của chúng ta đang di chuyển về phía Vega.

the system is moving towards a point in the constellation Hercules.

Chúng ta cũng được cho biết rằng hệ này đang di chuyển về phía một điểm trong chòm Hercules.

Magnetic stimulation, acting upon His subjective Life, and emanating from certain cosmic centres hinted at in the *Secret Doctrine.* **These find their source on cosmic buddhic levels.**

Kích thích từ tính, tác động lên Sự sống chủ quan của Ngài, và phát ra từ một số trung tâm vũ trụ được ám chỉ trong *Giáo Lý Bí Nhiệm.* **Chúng có nguồn gốc trên các cấp độ Bồ đề vũ trụ.**

530. We will study *TCF* 1162. to gain hints concerning these "cosmic centers".

530. Chúng ta sẽ nghiên cứu *TCF* 1162. để tìm những gợi ý liên quan đến các "trung tâm vũ trụ" này.

531. The magnetic stimulation almost certainly involves the Pleiades—a stellar system said to have its focus upon the cosmic buddhic plane.

531. Kích thích từ tính gần như chắc chắn có liên quan đến Thất Nữ Tinh—một hệ tinh tú được nói là có tiêu điểm trên cõi Bồ đề vũ trụ.

It is their united effect which induces steady development.

Chính hiệu quả hợp nhất của chúng gây ra sự phát triển ổn định.

532. We are speaking of the united effect of the sources which determine the place and position in space of our solar scheme. We are also speaking of those stellar sources which apply magnetic stimulation to the subjective nature of our Solar Logos.

532. Chúng ta đang nói đến hiệu quả hợp nhất của các nguồn quyết định vị trí và chỗ đứng trong không gian của hệ hành tinh mặt trời của chúng ta. Chúng ta cũng đang nói đến những nguồn tinh tú áp dụng kích thích từ tính lên bản chất chủ quan của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

The solar Logos **is distinguished**

Thái dương Thượng đế **được phân biệt**

1. By the spheroidicity of His manifesting existence. His solar ring-pass-not is definite and seen.

1. Bởi tính cầu thể của sự tồn tại biểu hiện của Ngài. Vòng-giới-hạn mặt trời của Ngài là xác định và có thể thấy được.

533. Again, one must be a seer of great penetration to see it.

533. Một lần nữa, phải là một nhà thông nhãn có sự xuyên thấu lớn mới thấy được điều đó.

This can only be demonstrated as yet by the endeavour to ascertain the extent of the

Điều này hiện nay chỉ có thể được chứng minh bằng nỗ lực xác định mức độ kiểm soát

subjective control, by the measure of the solar sphere of influence, or the magnetic attraction of the Sun to other lesser bodies which it holds in circular motion around itself.

chủ quan, bằng thước đo khối cầu ảnh hưởng của mặt trời, hay sức hút từ tính của Mặt Trời đối với các thiên thể nhỏ hơn khác mà nó giữ cho chuyển động theo quỹ đạo tròn quanh chính nó.

534. The spheroidal nature of the Solar Logos and His ring-pass-not is demonstrated in several ways:

534. Bản chất hình cầu của Thái dương Thượng đế và vòng-giới-hạn của Ngài được chứng minh theo nhiều cách:

tt. By the measure of the solar sphere of influence

tt. Bằng thước đo khối cầu ảnh hưởng của mặt trời

uu. By the magnetic attraction of the Sun to the other lesser bodies which are held in circular motion around the Sun.

uu. Bằng sức hút từ tính của Mặt Trời đối với các thiên thể nhỏ hơn khác được giữ trong chuyển động tròn quanh Mặt Trời.

2. By the activity of the life animating the ten schemes.

2. Bởi hoạt động của sự sống làm sinh động mười hệ hành tinh.

535. The Solar Logos *is* the *life* animating the ten schemes.

535. Thái dương Thượng đế *là sự sống* làm sinh động mười hệ hành tinh.

536. The process of determining the ten is, as stated, complicated and presently inconclusive.

536. Tiến trình xác định mười hệ ấy, như đã nói, là phức tạp và hiện nay chưa có kết luận.

537. The ten schemes comprise His major "sphere of influence" in the same manner that the planetary chains comprised the sphere of influence of the Planetary Logos and the internal arrangements of both man and atom comprise the major spheres of influence of the central life controlling each.

537. Mười hệ hành tinh cấu thành "khối cầu ảnh hưởng" chính của Ngài cũng như các dãy hành tinh cấu thành khối cầu ảnh hưởng của Đức Hành Tinh Thượng Đế, và các sắp xếp nội tại của cả con người lẫn nguyên tử cấu thành những khối cầu ảnh hưởng chính của sự sống trung tâm kiểm soát mỗi bên.

538. The "internal arrangement" of the Solar Logos consists of the interrelation between the ten schemes and the interrelations of all lives contained within them.

538. "Sắp xếp nội tại" của Thái dương Thượng đế gồm sự tương liên giữa mười hệ hành tinh và các tương liên của mọi sự sống được chứa trong chúng.

3. By the extent of the control exerted by the Logos at any given period.

3. Bởi mức độ kiểm soát do Thượng đế vận dụng trong bất kỳ thời kỳ nào.

539. Who could determine the degree of logoic control? How would this control be evidence? Perhaps by the degree of unfoldment of certain of the planetary schemes.

539. Ai có thể xác định mức độ kiểm soát của Thượng đế? Sự kiểm soát này sẽ là bằng chứng như thế nào? Có lẽ qua mức độ khai mở của một số hệ hành tinh nào đó.

540. It seems apparent from a study of *TCF* that logoic control is presently being exerted in relation to the Earth-scheme, one of its major present points of focus.

540. Qua việc nghiên cứu *TCF*, có vẻ hiển nhiên rằng sự kiểm soát của Thượng đế hiện đang được vận dụng liên hệ đến hệ Địa Cầu, một trong những điểm tập trung chính hiện nay của nó.

4. By the ultimate synthesis of the seven schemes into three and thence into one. This covers the obscuration of the schemes and the unification of the seven principles which they embody.

4. Bởi sự tổng hợp tối hậu của bảy hệ hành tinh thành ba rồi thành một. Điều này bao gồm sự lu mờ của các hệ hành tinh và sự hợp nhất của bảy nguyên khí mà chúng thể hiện.

541. This is the process identical to that which takes place in the three lesser types of atoms.

541. Đây là tiến trình giống hệt tiến trình diễn ra trong ba loại nguyên tử thấp hơn.

542. The time required for this obscuration and eventual ultimate synthesis is extensive.

542. Thời gian cần thiết cho sự lu mờ này và sự tổng hợp tối hậu cuối cùng là rất dài.

5. By His subjection to the Law of His Being.

5. Bởi sự phục tùng của Ngài đối với Định luật của Bản thể Ngài.

543. This sentence tells us that the Solar Logos is subject to the Law of His Monad.

543. Câu này cho chúng ta biết rằng Thái dương Thượng đế phục tùng Định luật của Chân thần của Ngài.

6. By His group relation.

6. Bởi liên hệ nhóm của Ngài.

544. The Solar Logos is attempting to relate Himself to the members of the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

544. Thái dương Thượng đế đang cố gắng liên hệ chính Ngài với các thành viên của

Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong số đó.

545. He also has a kind of lesser group relation to the Planetary Logoi within His field of expression, and through Whom He expresses.

545. Ngài cũng có một loại liên hệ nhóm nhỏ hơn với các Hành Tinh Thượng Đế bên trong trường biểu lộ của Ngài, và qua Các Ngài mà Ngài biểu lộ.

7. By His unfoldment of Consciousness, the time factor [Page 259] being controlled by the measure of the unfoldment of all the conscious units in His body.

7. Bởi sự khai mở Tâm thức của Ngài, yếu tố thời gian [Page 259] được kiểm soát bởi mức độ khai mở của tất cả các đơn vị có tâm thức trong thể Ngài.

546. The Solar Logos is dependent for the unfoldment of His Consciousness upon the lesser conscious units in His body.

546. Thái dương Thượng đế phụ thuộc vào các đơn vị có tâm thức nhỏ hơn trong thể Ngài để khai mở Tâm thức của Ngài.

Here we have traced very briefly some of the analogies between the four factors earlier mentioned, and have **in a cursory way** answered the question.

Ở đây chúng ta đã lần theo rất vắn tắt một số tương đồng giữa bốn yếu tố đã được nhắc đến trước đó, và đã **một cách khái lược** trả lời câu hỏi.

547. However cursory may have been the approach, from the human perspective, it appeared exhaustive.

547. Dù cách tiếp cận có khái lược đến đâu, từ góc nhìn con người, nó vẫn có vẻ bao quát.

These points, if dwelt upon, will be found of real assistance in developing the **mental appreciation of the student**,

Những điểm này, nếu được suy ngẫm, sẽ được thấy là thực sự hữu ích trong việc phát triển **sự lĩnh hội trí tuệ của đạo sinh**,

548. Mental appreciation represents some kind of Venusian development.

548. Sự lĩnh hội trí tuệ tượng trưng cho một loại phát triển thuộc Sao Kim nào đó.

549. We have not fully registered the value of mental appreciation. It is a doorway from higher manas into buddhi.

549. Chúng ta chưa ghi nhận đầy đủ giá trị của sự lĩnh hội trí tuệ. Nó là một cánh cửa từ thượng manas đi vào Bồ đề.

and in increasing his apprehension of the beauty of the **entire solar scheme**.

và trong việc gia tăng sự nắm bắt của y về vẻ đẹp của **toàn bộ hệ hành tinh mặt trời**.

550. Note the term used—Solar Scheme, it is indicative of a scheme-like structure which

550. Hãy lưu ý thuật ngữ được dùng—Hệ Hành Tinh Mặt Trời; nó cho thấy một cấu

characterizes the Solar Logos in relation to the Being Who embodies the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

trúc giống như hệ hành tinh, đặc trưng cho Thái dương Thượng đế trong tương quan với Hữu thể thể hiện Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong số đó.

551. VSK remarks: "Ah, mental appreciation and apprehension of beauty in the same sentence. Everyone enjoys a happy ending …"

551. VSK nhận xét: "À, sự lĩnh hội trí tuệ và sự nắm bắt vẻ đẹp trong cùng một câu. Ai cũng thích một kết thúc có hậu…"

S3S5: TCF 259-269

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Cước chú và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be read with the *TCF* book handy, for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Có gợi ý rằng nên đọc phần Bình Luận này với quyển *TCF* ở bên cạnh, vì mục đích liên tục mạch văn. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng thể* của đoạn văn.

VI. WHAT IS THE MIND ASPECT? WHY IS THE MANASIC PRINCIPLE OF SUCH IMPORTANCE? WHO ARE THE MANASAPUTRAS?

VI. PHƯƠNG DIỆN TRÍ TUỆ LÀ GÌ? TẠI SAO NGUYÊN KHÍ MANAS LẠI QUAN TRỌNG ĐẾN THẾ? CÁC MANASAPUTRA LÀ AI?

1. These are huge questions. It is almost as if the entire *A Treatise on Cosmic Fire* was written on this subject.

1. Đây là những câu hỏi rất lớn. Gần như thể toàn bộ *Luận về Lửa Vũ Trụ* đã được viết về chủ đề này.

We are now to touch upon the **profoundest mystery of the whole manifested solar system—the mystery spoken of by H. P. B. as the mystery of electricity**.[5]: [S. D., I, 439, 221, 107.]

Giờ đây chúng ta sẽ chạm đến **huyền nhiệm sâu xa nhất của toàn bộ hệ mặt trời biểu hiện—huyền nhiệm được H. P. B. nói đến như huyền nhiệm của điện**.5: [S. D., I, 439, 221, 107.]

2. We note that DK speaks of the whole *manifested* solar system. There are presumably other and equally profound mysteries concerning those aspects of the Solar Logos which are considered to be out of manifestation—His cosmic astral and cosmic mental natures, for instance.

2. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK nói về toàn bộ hệ mặt trời *biểu hiện*. Có lẽ còn có những huyền nhiệm khác cũng sâu xa không kém liên quan đến những phương diện của Thái dương Thượng đế được xem là ở ngoài biểu hiện—chẳng hạn như bản chất cảm dục vũ trụ và trí tuệ vũ trụ của Ngài.

3. The "mystery of electricity" is particularly connected with the creation, sustainment and dissolution of the cosmic physical plane.

3. "Huyền nhiệm của điện" đặc biệt liên hệ với sự sáng tạo, duy trì và tan rã của cõi hồng trần vũ trụ.

It is intimately connected with the life of **God** as demonstrated through His seven Centres, the seven Heavenly Men, the Divine Manasaputras.

Nó liên hệ mật thiết với sự sống của **Thượng đế** như được biểu lộ qua bảy Trung tâm của Ngài, bảy Đấng Thiên Nhân, các Manasaputra thiêng liêng.

4. We remember the connection of the seven Heavenly Man to the Pleiades. The Pleiades (an aspect of which relates intimately to the physical-etheric nature of the Solar Logos) are often considered the source, within our cosmosystem, of all electrical phenomena.

4. Chúng ta nhớ mối liên hệ của bảy Đấng Thiên Nhân với Thất Nữ Tinh. Thất Nữ Tinh (một phương diện của nó liên hệ mật thiết với bản chất hồng trần-dĩ thái của Thái dương Thượng đế) thường được xem là nguồn gốc, bên trong cosmosystem của chúng ta, của mọi hiện tượng điện.

5. "God" in this case is the Solar Logos, having for His centers, the seven Heavenly Men.

5. "Thượng đế" trong trường hợp này là Thái dương Thượng đế, với bảy Đấng Thiên Nhân là các trung tâm của Ngài.

6. Whenever the term "electricity" is mentioned, some intimate connection with the *life* aspect of divinity is also suggested. The first and third aspects of divinity are closely interrelated.

6. Bất cứ khi nào thuật ngữ "điện" được nhắc đến, một mối liên hệ mật thiết nào đó với phương diện *sự sống* của thiên tính cũng được gợi ra. Phương diện thứ nhất và thứ ba của thiên tính có liên hệ chặt chẽ với nhau.

This problem is not soluble as yet exoterically and but **little can be revealed to the general public.**

Vấn đề này hiện chưa thể giải quyết một cách ngoại môn và chỉ **rất ít điều có thể được tiết lộ cho công chúng nói chung.**

7. We *use* electricity widely in our contemporary civilization and it has become

7. Chúng ta *sử dụng* điện rộng rãi trong nền văn minh đương đại của mình và nó đã trở

indispensable. Yet, do we know what it really is?

nên không thể thiếu. Tuy nhiên, chúng ta có biết nó thực sự là gì không?

8. We are part of the general public; the true initiates are not.

8. Chúng ta là một phần của công chúng nói chung; các điểm đạo đồ chân chính thì không phải.

This is for three reasons:

Điều này là vì ba lý do:

First, the stage reached by man does not permit of his correct apprehension of these abstractions.

Thứ nhất, giai đoạn mà con người đã đạt đến không cho phép y nắm bắt đúng đắn những trừu tượng này.

9. It is hard to admit that the present development of the human mind finds certain subjects and their true presentation unfathomable, but so it is.

9. Thật khó chấp nhận rằng sự phát triển hiện nay của trí tuệ con người thấy một số chủ đề và cách trình bày chân thực của chúng là không thể dò thấu, nhưng đúng là như vậy.

10. Perhaps at the cutting edge of the various sciences, this is realized.

10. Có lẽ ở tuyến đầu của các ngành khoa học khác nhau, điều này được nhận ra.

11. Some feel it is not necessary to grasp the nature of such “abstractions”. If we are of this opinion, we are simply willingly prolonging the state of ignorance in which presently find ourselves.

11. Một số người cảm thấy không cần thiết phải nắm bắt bản chất của những “trừu tượng” như thế. Nếu chúng ta có quan điểm này, chúng ta đơn giản chỉ là tự nguyện kéo dài tình trạng vô minh mà hiện nay chúng ta đang ở trong đó.

Second, the greater part of the possible explanation is only revealed to initiates who have passed the third Initiation, and even to them in a carefully guarded manner.

Thứ hai, phần lớn lời giải thích khả dĩ chỉ được tiết lộ cho các điểm đạo đồ đã vượt qua lần điểm đạo thứ ba, và ngay cả với họ cũng theo một cách được canh giữ cẩn mật.

12. Such initiates have had their first practical contact with electric fire.

12. Những điểm đạo đồ như thế đã có tiếp xúc thực tiễn đầu tiên của họ với Lửa Điện.

13. We are reminded that the third degree represents only the *beginning* of the process of revealing the life aspect of divinity.

13. Chúng ta được nhắc rằng cấp độ thứ ba chỉ tượng trưng cho *sự khởi đầu* của tiến trình mặc khải phương diện sự sống của thiên tính.

Third, the revelation of the **close connection between mind and fohat or energy**, or **between thought power and electrical phenomena**—the effect of fohatic impulse on matter—is fraught with peril, and the missing link (if so it might be termed) in the chain of reasoning from phenomena to its **initiatory impulse**, can **only be safely imparted when the bridge between higher and lower mind, is adequately constructed**.

Thứ ba, sự mặc khải về **mối liên hệ chặt chẽ giữa trí tuệ và fohat hay năng lượng**, hay **giữa quyền năng tư tưởng và các hiện tượng điện**—tác động của xung lực fohat lên vật chất—chứa đầy hiểm nguy, và mắt xích còn thiếu (nếu có thể gọi như vậy) trong chuỗi lý luận từ hiện tượng đến **xung lực khởi phát** của nó, **chỉ có thể được truyền đạt một cách an toàn khi cây cầu giữa thượng trí và hạ trí được xây dựng đầy đủ**.

14. This extract is discussing scientific magic or the secrets of manifestation.

14. Đoạn trích này đang bàn đến huyền thuật khoa học hay các bí mật của sự biểu hiện.

15. The well-informed magician can make his thoughts appear as forms in the lower worlds.

15. Nhà huyền thuật được thông tin đầy đủ có thể làm cho các tư tưởng của mình xuất hiện như những hình tướng trong các cõi thấp.

16. Fohat is here considered as the energy working upon matter and as electrical phenomena.

16. Ở đây fohat được xem như năng lượng tác động lên vật chất và như các hiện tượng điện.

17. There is a secret link between thought power and electrical phenomena. Phenomena have their “initiatory impulse”.

17. Có một mối liên kết bí mật giữa quyền năng tư tưởng và các hiện tượng điện. Các hiện tượng có “xung lực khởi phát” của chúng.

18. The secrets of creative manifestation are here hinted.

18. Các bí mật của sự biểu hiện sáng tạo được ám chỉ ở đây.

19. Man must not hold the secret of the creative process until he is informed by the Divine Plan, which can only occur when the antahkarana is adequately constructed.

19. Con người không được nắm giữ bí mật của tiến trình sáng tạo cho đến khi y được Thiên Cơ thấm nhuần, điều chỉ có thể xảy ra khi antahkarana được xây dựng đầy đủ.

20. The construction of the antahkarana antidotes the usual distortions which occur when consciousness is confined to levels lower than the spiritual triad.

20. Việc xây dựng antahkarana hóa giải những bóp méo thông thường xảy ra khi tâm thức bị giới hạn ở các cấp độ thấp hơn Tam Nguyên Tinh Thần.

21. VSK queries: Could this have been related to the atomic energy, and to the fact that it was not intended that the secrets of atomic energy be revealed until the Age of Capricorn?

21. VSK nêu câu hỏi: Điều này có thể đã liên quan đến năng lượng nguyên tử, và đến sự kiện rằng các bí mật của năng lượng nguyên tử không được dự định tiết lộ cho đến Kỷ Nguyên Ma Kết chăng?

When the lower is under the control of the higher, or when the quaternary is merging into the triad, then man can be trusted with **the remaining [Page 260] four fundamentals.**

Khi cái thấp ở dưới sự kiểm soát của cái cao, hay khi bộ tứ đang hòa nhập vào tam nguyên tinh thần, khi đó con người có thể được tin cậy để nắm giữ **bốn nền tảng [Page 260] còn lại.**

22. Yes, the whole matter is one of *trust*. That which is unworthy cannot be allowed to manifest in a wholesale manner. There is already more than sufficient manifestation of the unworthy.

22. Đúng vậy, toàn bộ vấn đề là vấn đề về *sự tin cậy*. Điều không xứng đáng không thể được phép biểu hiện một cách đại trà. Đã có quá đủ sự biểu hiện của điều không xứng đáng rồi.

23. The Secret Doctrine has, apparently, *seven* Fundamentals.

23. Giáo Lý Bí Nhiệm, dường như, có *bảy* Nền Tảng.

24. Three Fundamentals of the Secret Doctrine have been imparted. The first Fundamental cannot be comprehended by the mind of man.

24. Ba Nền Tảng của Giáo Lý Bí Nhiệm đã được truyền đạt. Nền Tảng thứ nhất không thể được trí tuệ con người hiểu thấu.

Three of these fundamentals are laid down for us in the Proem of the *Secret Doctrine*, [6: S. D., I, 42-44]. and **with the evolving concept of psychology**, make the revealed three and the dawning fourth.

Ba nền tảng trong số này được nêu ra cho chúng ta trong Lời Mở Đầu của *Giáo Lý Bí Nhiệm,* [6: S. D., I, 42-44]. và **cùng với khái niệm đang tiến hóa về tâm lý học**, tạo thành ba điều đã được mặc khải và điều thứ tư đang hé rạng.

25. From one perspective the "Law of Freedom", as a fourth cosmic law, can be considered related to the emerging Fourth Fundamental of the Secret Doctrine.

25. Từ một góc nhìn, "Định luật Tự do", như một định luật vũ trụ thứ tư, có thể được xem là liên hệ với Nền Tảng thứ Tư đang xuất hiện của Giáo Lý Bí Nhiệm.

26. This law is doubtlessly related to the Law of Karma as discussed below:

26. Định luật này hẳn là có liên hệ với Định luật Nghiệp quả như được bàn đến dưới đây:

"*The Intermediate Law of Karma.* —There is also an intermediate law, which is the synthetic law of the system [Page 570] of Sirius. **This law is called by the generic term, the Law of Karma, and really predicates the effect the Sirian system has on our solar system.** Each of the two systems, as regards its internal economy, is independent in time and space, or (in other words), in manifestation. We have practically no effect on our parent system, the reflex action is so slight as to be negligible, but very definite effects are felt in our system through causes arising in Sirius. These causes, when experienced as effects, are called by us the Law of Karma, and at the beginning they started systemic Karma which, once in effect, constitutes that which is called Karma in our occult and oriental literature." (TCF 569-570)

"*Định luật Trung gian của Nghiệp quả.* —Cũng có một định luật trung gian, là định luật tổng hợp của hệ [Page 570] Sirius. **Định luật này được gọi bằng thuật ngữ tổng quát là Định luật Nghiệp quả, và thực sự xác định trước hiệu quả mà hệ Sirius có trên hệ mặt trời của chúng ta.** Mỗi hệ trong hai hệ này, xét về cơ cấu nội tại của nó, đều độc lập trong thời gian và không gian, hay (nói cách khác), trong biểu hiện. Chúng ta thực tế hầu như không có ảnh hưởng nào lên hệ mẹ của mình, phản tác động quá nhỏ đến mức có thể bỏ qua, nhưng những hiệu quả rất xác định lại được cảm nhận trong hệ của chúng ta qua các nguyên nhân phát sinh trong Sirius. Những nguyên nhân này, khi được trải nghiệm như các hiệu quả, được chúng ta gọi là Định luật Nghiệp quả, và ngay từ lúc khởi đầu chúng đã phát động Nghiệp quả hệ thống mà, một khi đã có hiệu lực, cấu thành điều được gọi là Nghiệp quả trong văn học huyền bí và phương Đông của chúng ta." (TCF 569-570)

27. The Fourth Fundamental will relate to psychology and (it is thought by some) to esoteric astrology.

27. Nền Tảng thứ Tư sẽ liên hệ đến tâm lý học và (theo suy nghĩ của một số người) đến chiêm tinh học nội môn.

28. How can we combine the ideas of the Fourth Law, of Freedom/Karma; the fourth plane, the buddhic; the sciences of esoteric psychology and astrology; Sirius and the Fourth Path which leads thereto?

28. Làm sao chúng ta có thể kết hợp các ý tưởng về Định luật thứ Tư, của Tự do/ Nghiệp quả; cõi thứ tư, cõi Bồ đề; các khoa học về Tâm Lý Học Nội Môn và chiêm tinh học; Sirius và Con Đường thứ Tư dẫn đến đó?

29. The principle of Love-Wisdom (buddhi, the sixth principle) found upon the buddhic plane is that principle which contributes to the karmic harmonizing of all discord, and reveals the truth of the Divine Archetype, which revelation sets man free. Sirius, as one expression of the Cosmic Christ, promotes the acquisition of this freedom through Pure Reason, Love and Wisdom. True psychological understanding is related to

29. Nguyên khí Bác Ái – Minh Triết (Bồ đề, nguyên khí thứ sáu) được tìm thấy trên cõi Bồ đề là nguyên khí góp phần vào sự điều hòa nghiệp quả của mọi bất hòa, và mặc khải chân lý của Nguyên Mẫu thiêng liêng, mà sự mặc khải ấy giải thoát con người. Sirius, như một biểu hiện của Đức Christ Vũ Trụ, thúc đẩy việc đạt được sự tự do này qua Lý Trí Thuần Khiết, Bác ái và minh triết. Sự thấu hiểu tâm lý học chân thực liên hệ với con số

the number *four* and to the utilization of buddhi. Interestingly, it is the Master P. on the fourth ray who (we are told) stimulates the science of psychology in the modern world.

bốn và với việc sử dụng Bồ đề. Điều thú vị là chính Chân sư P. trên cung bốn (như chúng ta được cho biết) kích thích khoa học tâm lý học trong thế giới hiện đại.

30. VSK queries: "How is this related to the three cosmic laws, and the emerging fourth; i.e., Law of Synthesis relating to the Boundless Immutable Principle; the Law of Attraction to Law of Periodicity; the Law of Economy to the fact that All Souls are Identical with the Oversoul? So then, the emerging Law of Freedom [R&I p. 417], would correlate with the dawning Fourth Fundamental of the Secret Doctrine/ fundamental? The factor of numerical resonance is important here.

30. VSK nêu câu hỏi: "Điều này liên hệ thế nào với ba định luật vũ trụ, và định luật thứ tư đang xuất hiện; tức là, Định luật Tổng Hợp liên hệ với Nguyên Khí Vô Biên Bất Biến; Định luật Hấp Dẫn với Định luật Chu Kỳ; Định luật Tiết Kiệm với sự kiện rằng Mọi Linh Hồn Đồng Nhất với đại hồn? Vậy thì, Định luật Tự do đang xuất hiện [R&I tr. 417], sẽ tương ứng với Nền Tảng thứ Tư đang hé rạng của Giáo Lý Bí Nhiệm/nền tảng? Yếu tố cộng hưởng số học là quan trọng ở đây."

The **other three are esoteric** and must remain so until each man has for himself worked at his spiritual development, built the bridge between the higher and the lower mind, prepared the shrine in the temple of Solomon for the Light of God, and turned his activities into altruistic helping of the evolutionary plans of the Logos.

Ba điều còn lại là huyền bí và phải vẫn như vậy cho đến khi mỗi người tự mình nỗ lực cho sự phát triển tinh thần của mình, xây dựng cây cầu giữa thượng trí và hạ trí, chuẩn bị điện thờ trong đền Solomon cho Ánh Sáng của Thượng đế, và chuyển các hoạt động của mình thành sự trợ giúp vị tha cho các kế hoạch tiến hoá của Thượng đế.

31. We are being told *when* there may be access to the other three Fundamentals of the Secret Doctrine. Let us tabulate:

31. Chúng ta đang được cho biết *khi nào* có thể tiếp cận ba Nền Tảng còn lại của Giáo Lý Bí Nhiệm. Chúng ta hãy lập bảng:

a. When man has for himself worked at his spiritual development

a. Khi con người tự mình nỗ lực cho sự phát triển tinh thần của mình

b. When man has built the bridge between the higher and the lower mind

b. Khi con người đã xây dựng cây cầu giữa thượng trí và hạ trí

c. When man has prepared the shrine in the temple of Solomon for the Light of God

c. Khi con người đã chuẩn bị điện thờ trong đền Solomon cho Ánh Sáng của Thượng đế

d. When man has turned his activities into altruistic helping of the evolutionary planes of Logos

d. Khi con người đã chuyển các hoạt động của mình thành sự trợ giúp vị tha cho các kế hoạch tiến hoá của Thượng đế

32. It would seem that for the revelation of these esoteric Fundamentals to dawn upon human consciousness, man must *minimally* be an initiate of the third degree.

32. Có vẻ như để sự mặc khải của các Nền Tảng huyền bí này hé rạng trong tâm thức con người, con người *ít nhất* phải là một điểm đạo đồ cấp ba.

33. The fourth ether and the buddhic plane are both in process of revelation to human consciousness. This revelation corresponds to the slowly emerging revelation of the Fourth Fundamental of the Secret Doctrine. It is also no surprise that the Science of Psychology will be that through which occultism is brought into human consciousness.

33. Dĩ thái thứ tư và cõi Bồ đề đều đang trong tiến trình được mặc khải cho tâm thức con người. Sự mặc khải này tương ứng với sự mặc khải đang chậm rãi xuất hiện của Nền Tảng thứ Tư của Giáo Lý Bí Nhiệm. Cũng không có gì ngạc nhiên khi Khoa Học Tâm Lý Học sẽ là phương tiện qua đó huyền bí học được đưa vào tâm thức con người.

34. There may be a relation to the fact that three of the Fundamentals of the Secret Doctrine are concealed, *and* three of the intra-planetary Kumaras are concealed.

34. Có thể có một liên hệ với sự kiện rằng ba Nền Tảng của Giáo Lý Bí Nhiệm bị che giấu, *và* ba Kumaras nội hành tinh cũng bị che giấu.

When these qualities are assuming a foremost place and when man has demonstrated the **thoroughness of his will to serve,** then the clue will be put into his hands and he will find the method whereby **electrical impulse, demonstrating as heat, light and motion,** is controlled and utilised;

Khi những phẩm tính này đang giữ vị trí hàng đầu và khi con người đã chứng tỏ **tính triệt để của ý chí phụng sự của mình,** khi đó đầu mối sẽ được đặt vào tay y và y sẽ tìm ra phương pháp nhờ đó **xung lực điện, biểu hiện như nhiệt, ánh sáng và chuyển động,** được kiểm soát và sử dụng;

35. We learn that although there are always clues to the next possible revelation, certain requirements must be fulfilled before the clue can be evoked—in due course.

35. Chúng ta học được rằng mặc dù luôn có những đầu mối cho sự mặc khải khả dĩ kế tiếp, một số điều kiện nhất định phải được hoàn tất trước khi đầu mối có thể được gợi lên—đúng thời điểm.

36. The phrase "thoroughness of his will to serve" is arresting in its implications. Obviously, all of us are moved by the will to serve, but that will may not be thorough-

36. Cụm từ "tính triệt để của ý chí phụng sự của mình" thật đáng chú ý trong các hàm ý của nó. Hiển nhiên tất cả chúng ta đều được thúc đẩy bởi ý chí phụng sự, nhưng ý chí ấy có thể chưa triệt để, chưa bền bỉ thấm nhuần

going, persistently permeating every dimension of our lives in the three worlds.

37. The threefold manner in which electrical impulse demonstrates is worth noting.

38. The control and utilization of this impulse will be through the power of thought, reinforced by will.

39. Thought will control electricity.

40. In the practice of white magic, we will find the third, fifth and seventh rays allied.

he will discover the source of the initial impulse from extra-systemic centres, and discover the basic rhythm.

41. The initial impulse behind electrical impulse has an origin which is extra-systemic, i.e., originating from a source outside our solar system.

42. From what is generally taught, we can reasonably conceive of this source (as regards our local cosmosystem) as the Pleiades.

43. It may be that all the seven major (to us) Pleiades are involved, because DK speaks of "extra-systemic centres" (plural). Probably each of the major Pleiades is the source of a particular coloration of the electrical impulse, and stands behind one of the Seven Brothers of Fohat. Probably there are seven divisions of the Law of Electricity.

44. It is hinted that there is a "basic rhythm" behind all electrical phenomena. One of new sciences will focus on the ways in which the

mọi chiều kích của đời sống chúng ta trong ba cõi thấp.

37. Cách thức tam phân mà xung lực điện biểu hiện là điều đáng lưu ý.

38. Sự kiểm soát và sử dụng xung lực này sẽ thông qua quyền năng của tư tưởng, được củng cố bởi ý chí.

39. Tư tưởng sẽ kiểm soát điện.

40. Trong việc thực hành Chánh Thuật, chúng ta sẽ thấy cung ba, cung năm và cung bảy liên kết với nhau.

y sẽ khám phá nguồn của xung lực ban đầu từ các trung tâm ngoài hệ, và khám phá nhịp điệu căn bản.

41. Xung lực ban đầu đứng sau xung lực điện có một nguồn gốc ngoài hệ, tức là phát sinh từ một nguồn bên ngoài hệ mặt trời của chúng ta.

42. Từ những gì thường được giảng dạy, chúng ta có thể hợp lý hình dung nguồn này (xét theo cosmosystem cục bộ của chúng ta) là Thất Nữ Tinh.

43. Có thể là cả bảy ngôi sao chính (đối với chúng ta) của Thất Nữ Tinh đều có liên quan, vì Chân sư DK nói đến "các trung tâm ngoài hệ" (số nhiều). Có lẽ mỗi ngôi sao chính của Thất Nữ Tinh là nguồn của một sắc thái đặc thù của xung lực điện, và đứng sau một trong Bảy Huynh Đệ của Fohat. Có lẽ có bảy phân bộ của Định luật Điện.

44. Có gợi ý rằng có một "nhịp điệu căn bản" đứng sau mọi hiện tượng điện. Một trong những khoa học mới sẽ tập trung vào những

many rhythms (or frequencies) are derived from a basic rhythm (or frequency). We have to discover what in music is called the "fundamental tone", and derive from it the entire range of related vibrations.

cách thức mà nhiều nhịp điệu (hay tần số) được rút ra từ một nhịp điệu căn bản (hay tần số). Chúng ta phải khám phá điều mà trong âm nhạc được gọi là "âm cơ bản", và từ đó rút ra toàn bộ dải rung động liên hệ.

45. It may be that each *subsidiary* rhythm is derived from a fundamental rhythm. The method of derivation may be related to the harmonics of the fundamental.

45. Có thể mỗi nhịp điệu *phụ thuộc* đều được rút ra từ một nhịp điệu nền tảng. Phương pháp rút ra ấy có thể liên hệ với các họa âm của âm nền tảng.

Then, and only then, will he be a truly intelligent co-operator, and (escaping from the control of the Law in the three worlds) **wield the law himself** within the lower spheres.

Khi đó, và chỉ khi đó, y mới là một cộng tác viên thực sự thông minh, và (thoát khỏi sự kiểm soát của Định luật trong ba cõi thấp) **tự mình vận dụng định luật** trong các khối cầu thấp hơn.

46. DK is telling us how a disciple becomes a Master. For a Master is a Master in the three worlds.

46. Chân sư DK đang cho chúng ta biết một đệ tử trở thành một Chân sư như thế nào. Vì một Chân sư là Chân sư trong ba cõi thấp.

47. We are understanding that a Master is a Master of electrical phenomena. A Master is the product of the first solar system, and is master of the electrical phenomena related to that solar system (in which was developed what we now call the third or electrical aspect of divinity).

47. Chúng ta đang hiểu rằng một Chân sư là bậc làm chủ các hiện tượng điện. Một Chân sư là sản phẩm của hệ mặt trời thứ nhất, và là bậc làm chủ các hiện tượng điện liên hệ với hệ mặt trời ấy (trong đó điều mà nay chúng ta gọi là phương diện thứ ba hay phương diện điện của thiên tính đã được phát triển).

48. Those who focus upon the fifth ray have a special ability to understand, wield and master electrical phenomena. We are understanding what is involved *technically* in the making of a Master of the Wisdom. The making of a Lord of Compassion (who is also a Master) may not involve a grasp of such technicalities.

48. Những ai tập trung vào cung năm có một khả năng đặc biệt để thấu hiểu, vận dụng và làm chủ các hiện tượng điện. Chúng ta đang hiểu điều gì liên quan *về mặt kỹ thuật* trong việc tạo nên một Chân sư Minh triết. Việc tạo nên một Chúa Tể của Lòng Từ Bi (cũng là một Chân sư) có thể không bao gồm sự nắm bắt những chi tiết kỹ thuật như thế.

1. The Nature of Manifestation.

1. Bản Chất của Sự Biểu Hiện.

Here are three important questions to be dealt with as one, all bearing on the same

Ở đây có ba câu hỏi quan trọng cần được bàn đến như một, tất cả đều liên quan đến cùng

subject, and **all concerned with the fact of intelligent objectivity itself**.

49. Objectivity is produced particularly by the intelligence aspect, the third aspect.

Perhaps if we paraphrased the threefold query, and brought it down to microcosmic objectivity, the problem might not appear so complex.

50. The principle is: *reduce to clarify*. It is also at times true that one may *expand to clarify.*

We might express it thus:

What is the thought aspect of a human being? Why is his mind and mental process of such importance? Who is the Thinker?

51. VSK suggests that we may see the questions immediately above as the direct lower corollaries to the opening series of questions i.e., **WHAT IS THE MIND ASPECT? WHY IS THE MANASIC PRINCIPLE OF SUCH IMPORTANCE? WHO ARE THE MANASAPUTRAS?**

52. These questions are of real importance in these days when the Atlantean tendencies in human consciousness are experiencing a reawakening in the approach of so many spiritually-inclined people whose impression it is that "the mind is the slayer of the real"—and this, before having fully developed the mind.

Man, in essential essence, is the higher triad demonstrating through a gradually evolving form, the egoic or causal body, and utilising the lower threefold

một chủ đề, và **tất cả đều gắn với chính sự kiện khách quan tính thông minh**.

49. Khách quan tính được tạo ra đặc biệt bởi phương diện trí tuệ, phương diện thứ ba.

Có lẽ nếu chúng ta diễn giải lại câu hỏi tam phân này, và đưa nó xuống mức khách quan tính của tiểu thiên địa, thì vấn đề có thể sẽ không có vẻ phức tạp đến thế.

50. Nguyên tắc là: *giảm xuống để làm sáng tỏ*. Đôi khi cũng đúng rằng người ta có thể *mở rộng ra để làm sáng tỏ.*

Chúng ta có thể diễn đạt như sau:

Phương diện tư tưởng của một con người là gì? Tại sao trí tuệ và tiến trình trí tuệ của y lại quan trọng đến thế? Ai là Kẻ Tư Tưởng?

51. VSK gợi ý rằng chúng ta có thể xem các câu hỏi ngay bên trên như những hệ luận trực tiếp thấp hơn của loạt câu hỏi mở đầu, tức là, **PHƯƠNG DIỆN TRÍ TUỆ LÀ GÌ? TẠI SAO NGUYÊN KHÍ MANAS LẠI QUAN TRỌNG ĐẾN THẾ? CÁC MANASAPUTRA LÀ AI?**

52. Những câu hỏi này thực sự quan trọng trong những ngày này khi các khuynh hướng Atlantis trong tâm thức nhân loại đang trải qua một sự thức dậy trở lại, trong lúc rất nhiều người có khuynh hướng tinh thần tiến gần đến quan niệm rằng "trí tuệ là kẻ sát hại cái thực"—và điều này xảy ra trước khi trí tuệ được phát triển đầy đủ.

Con người, trong tinh túy cốt yếu, là tam nguyên cao đang biểu lộ qua một hình tướng tiến hóa dần dần, thể chân ngã hay thể nguyên nhân, và sử dụng phàm ngã tam phân thấp hơn [Page 261] như một

personality [Page 261] as a means to contact the lower three planes.

53. This is a highly essentialized definition of the nature of man, and a very useful one.

54. We notice that man, "in essential essence", is not defined as the Monad, which may seem a little surprising. But then, the triad is the threefold expression of the Monad and, in all things occult, the three are the one and the one is the three.

55. The personality is (spiritually considered) a means of focalizing the Spirit. Without it, man, the Monad/triad, could not contact the lower three planes.

All this has for purpose the development of perfect self-consciousness.

56. Man's Self-consciousness may be quite perfect on monadic levels, but the perfection lacks in those levels of prakritic immersion we call the five planes of human and super-human evolution.

57. The whole subject of monadic awareness is one of intense interest. It is reasonable to think that such awareness is far more universal than individual ("Lead us from the individual to the universal") and yet retains the perception of distinct identity which we may think of as allied to individuality.

Above the triad stands the Monad or the Father in Heaven—a point of abstraction to man as he views the subject from the physical plane.

phương tiện để tiếp xúc với ba cõi thấp hơn.

53. Đây là một định nghĩa được tinh yếu hóa cao độ về bản chất của con người, và là một định nghĩa rất hữu ích.

54. Chúng ta lưu ý rằng con người, "trong tinh túy cốt yếu", không được định nghĩa là chân thần, điều này có thể có vẻ hơi đáng ngạc nhiên. Nhưng tam nguyên là biểu hiện tam phân của chân thần, và trong mọi điều huyền bí, ba là một và một là ba.

55. Phàm ngã là (xét về mặt tinh thần) một phương tiện để hội tụ Tinh thần. Không có nó, con người, chân thần/tam nguyên, không thể tiếp xúc với ba cõi thấp hơn.

Tất cả điều này nhằm mục đích phát triển ngã thức hoàn hảo.

56. Ngã thức của con người có thể khá hoàn hảo trên các cấp độ chân thần, nhưng sự hoàn hảo ấy còn thiếu trên những cấp độ chìm đắm trong prakriti mà chúng ta gọi là năm cõi của tiến hoá nhân loại và siêu nhân loại.

57. Toàn bộ chủ đề về nhận biết chân thần là một chủ đề cực kỳ đáng quan tâm. Thật hợp lý khi nghĩ rằng sự nhận biết như vậy mang tính phổ quát hơn là cá biệt ("Hãy dẫn dắt chúng con từ cái cá biệt đến cái phổ quát") nhưng vẫn giữ lại sự tri nhận về bản sắc riêng biệt mà chúng ta có thể xem là gần với tính cá thể.

Bên trên tam nguyên là chân thần hay Cha trên Trời—một điểm trừu tượng đối với con người khi y nhìn chủ đề này từ cõi hồng trần.

58. We must agree with the Tibetan's assessment. Is the Monad also a 'point of incomprehensibility', or is something of its nature beginning to impress the human consciousness?

58. Chúng ta phải đồng ý với nhận định của Chân sư Tây Tạng. Chân thần cũng có phải là một "điểm bất khả lĩnh hội" hay chăng, hay một điều gì đó thuộc bản chất của nó đang bắt đầu gây ấn tượng lên tâm thức con người?

The Monad stands to him in the position of the Absolute, in the same sense as the undifferentiated Logos stands to the threefold Trinity, to the three Persons of logoic manifestation. **The parallel is exact**.

Chân thần đứng đối với y ở vị trí của Tuyệt Đối, theo cùng ý nghĩa như Thượng đế chưa phân hóa đứng đối với Ba Ngôi tam phân, đối với ba Ngôi vị của biểu lộ logoi. **Sự song hành này là chính xác**.

59. The Absolute/Monad = the Undifferentiated Logos/the Logoic Trinity

59. Tuyệt Đối/Chân thần = Thượng đế Chưa Phân Hóa/Ba Ngôi Logoi

60. Indeed, the *essential* Monad is a Ray of the ABSOLUTE. Human conceptions, of course, fail to do justice to these most abstract of themes.

60. Thật vậy, *về bản chất* chân thần là một cung của TUYỆT ĐỐI. Dĩ nhiên, các quan niệm của con người không thể diễn đạt thỏa đáng những chủ đề trừu tượng nhất này.

61. We see that the term "Absolute", as here used, is not *absolute* at all. But if the term "Absolute" means, 'that beyond which one may not go' (at least, not yet), then the analogy is significant.

61. Chúng ta thấy rằng thuật ngữ "Tuyệt Đối", như được dùng ở đây, hoàn toàn không *tuyệt đối* chút nào. Nhưng nếu thuật ngữ "Tuyệt Đối" có nghĩa là 'điều vượt quá đó người ta không thể đi xa hơn' (ít nhất là, chưa thể), thì phép loại suy này thật có ý nghĩa.

62. Who are the "three Persons of logoic manifestation"? It would be legitimate to call them Brahma, Vishnu and Shiva. They are depicted on the Chart on TCF 1238, as the three circles closest to the Solar Logos.

62. "Ba Ngôi vị của biểu lộ logoi" là ai? Hoàn toàn chính đáng khi gọi Các Ngài là Brahma, Vishnu và Shiva. Các Ngài được mô tả trên Biểu đồ ở TCF 1238, như ba vòng tròn gần Thái dương Thượng đế nhất.

63. It is possible that these Three Persons also, *each of them*, express through three planets. (cf. EP II 99), thus requiring *nine* planets to express the Three Persons considered as a unit.

63. Có thể là ba Ngôi vị này cũng vậy, *mỗi vị trong Các Ngài*, biểu lộ qua ba hành tinh. (xem EP II 99), do đó cần đến *chín* hành tinh để biểu lộ Ba Ngôi vị được xét như một đơn vị.

64. The constant use of relativity in the task of elucidating the Ageless Wisdom is something with which we all must reckon.

64. Việc sử dụng liên tục tính tương đối trong nhiệm vụ làm sáng tỏ Minh Triết Ngàn Đời là điều mà tất cả chúng ta đều phải tính đến.

1. The Monad.

1. Chân thần.

2. The threefold Triad, Atma-Buddhi-Manas, or spiritual will, intuition, and higher mind.

2. Tam nguyên tam phân, Atma-Buddhi-Manas, hay ý chí tinh thần, trực giác, và thượng trí.

3. The body egoic or the causal body, the shrine for the buddhic principle. **This body is to be built by the power of the mind. It is the manifestation of the three.**

3. Thể chân ngã hay thể nguyên nhân, điện thờ của nguyên khí Bồ đề. **Thể này phải được xây dựng bằng quyền năng của trí tuệ. Nó là biểu hiện của bộ ba.**

65. These are some important thoughts. We may remember that the three synthesis petals arise due to buddhic impulse.

65. Đây là một số tư tưởng quan trọng. Chúng ta có thể nhớ rằng ba cánh hoa tổng hợp phát sinh do xung lực Bồ đề.

"**A downflow of buddhi takes place along the line of the manasic triangle until it reaches a point at the very centre of the lotus.** There, by the power of its own vibration, it causes a change in the appearance of the lotus. At the very heart of the lotus, **three more petals appear** which close in on the **central flame**, covering it closely, and remaining closed until the time comes for the revelation of the "jewel in the Lotus." (TCF 709)

"**Một dòng tuôn đổ của Bồ đề diễn ra dọc theo đường của tam giác manas cho đến khi nó đạt tới một điểm ngay tại trung tâm của hoa sen.** Ở đó, bằng quyền năng của chính rung động của nó, nó gây ra một sự thay đổi trong sắc tướng của hoa sen. Ngay tại trái tim của hoa sen, **ba cánh hoa nữa xuất hiện** khép lại quanh **ngọn lửa trung tâm**, che phủ nó sát kín, và vẫn khép kín cho đến khi thời điểm đến để mặc khải "ngọc trong Hoa Sen." (TCF 709)

66. Thus we may see how the causal body can be considered the "shrine for the buddhic principle". The three synthesizing petals can been called "enshrining petals" (cf. IHS 141).

66. Như vậy chúng ta có thể thấy thể nguyên nhân có thể được xem là "điện thờ của nguyên khí Bồ đề" như thế nào. Ba cánh hoa tổng hợp có thể được gọi là "các cánh hoa bao thờ" (xem IHS 141).

67. The buddhic petals are considered to be 'petals of revelation'—they reveal *life*.

67. Các cánh hoa Bồ đề được xem là 'các cánh hoa mặc khải'—chúng mặc khải *sự sống*.

68. The causal body is (for the majority of man's evolution) the principle vehicle of expression for the second aspect of divinity. Buddhi is the *principle* which expresses this second aspect.

68. Thể nguyên nhân là (đối với phần lớn tiến hóa của con người) vận cụ biểu lộ chính yếu cho phương diện thứ hai của thiên tính. Bồ đề là *nguyên khí* biểu lộ phương diện thứ hai này.

69. It is significant to say that the causal body is built by the power of mind. This is certainly so in the case of the Solar Angels who created it on the third subplane of the higher mental plane (by utilizing the powers inherent in the first subplane). It is also true of man, who, through a growing mentality, chooses and 'buys' his experience in the lower worlds. The extract of that experience is built into the causal body as value.

69. Thật có ý nghĩa khi nói rằng thể nguyên nhân được xây dựng bằng quyền năng của trí tuệ. Điều này chắc chắn đúng trong trường hợp các Thái dương Thiên Thần, những Đấng đã tạo ra nó trên cõi phụ thứ ba của Cõi thượng trí (bằng cách sử dụng các quyền năng vốn có trong cõi phụ thứ nhất). Điều này cũng đúng với con người, là kẻ, thông qua một trí tuệ đang tăng trưởng, chọn lựa và 'mua' kinh nghiệm của mình trong các cõi thấp. Tinh chất rút ra từ kinh nghiệm đó được xây dựng vào thể nguyên nhân như giá trị.

70. The planet Venus, ruler of the 'Sign of Choice', Libra, is involved in this choice of experience. According to the principle of attraction (desire/love—Venus) so we experience. Saturn, another ruler of Libra is also deeply involved.

70. Hành tinh Sao Kim, chủ tinh của 'Dấu Hiệu của Sự Chọn Lựa', Thiên Bình, có liên quan đến sự chọn lựa kinh nghiệm này. Theo nguyên khí hấp dẫn (ham muốn/bác ái—Sao Kim), chúng ta trải nghiệm như vậy. Sao Thổ, một chủ tinh khác của Thiên Bình, cũng liên quan sâu sắc.

71. The causal body is really a vehicle of manifestation for Atma-Buddhi-Manas, but is most connected with buddhi because the soul principle is the *second* principle in the trinity of Spirit, soul and 'body'/ i.e., personality, and because the causal body is the *soul* body.

71. Thể nguyên nhân thực sự là một vận cụ biểu lộ cho Atma-Buddhi-Manas, nhưng gắn bó nhất với Bồ đề vì nguyên khí linh hồn là nguyên khí *thứ hai* trong bộ ba Tinh thần, linh hồn và 'thể'/ tức là, phàm ngã, và vì thể nguyên nhân là thể *linh hồn*.

4. The threefold lower nature, the points of densest objectivity.

4. Bản chất thấp tam phân, những điểm của tính khách quan đậm đặc nhất.

72. It is not that we consider the dense physical body alone to the point of densest objectivity—which, in a way, it is. Dense objectivity is shared by *all* the lower three

72. Không phải là chúng ta chỉ xem thể xác đậm đặc là điểm của tính khách quan đậm đặc nhất—dù theo một nghĩa nào đó, đúng là như vậy. Tính khách quan đậm đặc được

vehicles—hence the use of the word "points" (plural).

chia sẻ bởi *tất cả* ba vận cụ thấp hơn—do đó mới dùng từ "những điểm" (số nhiều).

73. We have to alter our perspective on the supposed subjectivity of our etheric, astral and lower mental natures.

73. Chúng ta phải thay đổi quan điểm của mình về tính chủ quan được giả định của bản chất dĩ thái, cảm dục và hạ trí của mình.

5. This threefold lower nature is in essence a quaternary—the **etheric vehicle, animating life or prana, kama-manas, and lower mind.**

5. Bản chất thấp tam phân này về thực chất là một bộ bốn—**vận cụ dĩ thái, sự sống hoạt hóa hay prana, kama-manas, và hạ trí.**

74. We note that the dense physical vehicle is not included in this quaternary.

74. Chúng ta lưu ý rằng vận cụ hồng trần đậm đặc không được bao gồm trong bộ bốn này.

75. Of course, it can be disputed whether kama-manas is really a principle, or actually a combination of two principle—manas and kama, but for practical purposes, since so many human beings are under its sway, kama-manas can be considered a principle.

75. Dĩ nhiên, có thể tranh luận rằng kama-manas có thực sự là một nguyên khí hay không, hay thực ra là sự kết hợp của hai nguyên khí—manas và kama, nhưng vì mục đích thực tiễn, bởi rất nhiều con người đang ở dưới sự chi phối của nó, kama-manas có thể được xem là một nguyên khí.

76. Notice (because it will be important later) that the "quaternary" refers to the *lower* principles of the human being, or of any atom (such as the Planetary Logos or Solar Logos).

76. Hãy lưu ý (vì điều này sẽ quan trọng về sau) rằng "bộ bốn" ám chỉ các nguyên khí *thấp hơn* của con người, hay của bất kỳ nguyên tử nào (chẳng hạn như Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế).

Manas or the fifth principle, forms the link between the lower and the higher. [7: S. D., I, 107.]

Manas hay nguyên khí thứ năm, tạo thành mối liên kết giữa cái thấp và cái cao. [7: S. D., I, 107.]

77. VSK queries: "What are the systemic and cosmic parallels of the causal body being built by the mind?"

77. VSK nêu câu hỏi: "Những song hành hệ thống và vũ trụ nào tương ứng với việc thể nguyên nhân được xây dựng bởi trí tuệ?"

78. Probably these parallels are rather exact in the case of the building of the causal bodies of both our Planetary Logos and Solar Logos. Whether Constellational Logoi have

78. Có lẽ những song hành này khá chính xác trong trường hợp xây dựng các thể nguyên nhân của cả Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế của chúng ta. Còn việc các Thượng đế Chòm sao có thể nguyên

causal bodies, can only be analogically inferred (cf. TCF 293)

nhân hay không, chỉ có thể được suy ra bằng loại suy (xem TCF 293)

79. In this case the "lower" is represented by the quaternary named above. The "higher" may be considered Atma-Buddhi-Manas.

79. Trong trường hợp này, cái "thấp" được biểu thị bởi bộ bốn được nêu ở trên. Cái "cao" có thể được xem là Atma-Buddhi-Manas.

We have, therefore, our lower four, our higher three, and the relation between them, the principle of mind.

Do đó, chúng ta có bốn thấp hơn, ba cao hơn, và mối liên hệ giữa chúng, nguyên khí trí tuệ.

80. Thus, in this enumeration, we have *eight* in all.

80. Như vậy, trong cách liệt kê này, chúng ta có tất cả là *tám*.

81. In the section under study, a number of different ways of dividing or enumerating man will be given. It will be necessary for us constantly to change our point of view in order to see the rationale for the division or numbering.

81. Trong phần đang được nghiên cứu, sẽ có một số cách phân chia hay liệt kê con người khác nhau được đưa ra. Chúng ta sẽ cần liên tục thay đổi điểm nhìn của mình để thấy được cơ sở hợp lý cho sự phân chia hay đánh số ấy.

82. The number *eight* is of importance, because it both represents the Christ Principle and that which fights most intelligently against it—the lower mind in a condition of willful separation and known as the "eighth sphere".

82. Con số *tám* là quan trọng, vì nó vừa biểu thị Nguyên khí Christ vừa biểu thị điều chống lại nó một cách thông minh nhất—hạ trí trong tình trạng phân ly cố ý và được biết đến như "khối cầu thứ tám".

Here we have the seven formed by the union of the three and the four, and another factor, making eight. *The ultimate seven will be seen when buddhi and manas are merged.*

Ở đây chúng ta có số bảy được hình thành bởi sự hợp nhất của ba và bốn, và một yếu tố khác, làm thành tám. *Số bảy tối hậu sẽ được thấy khi Bồ đề và manas được dung hợp.*

83. This is certainly of interest. Let us tabulate the numbering of man when this merging has occurred:

83. Điều này chắc chắn đáng quan tâm. Chúng ta hãy lập bảng cách đánh số con người khi sự dung hợp này đã xảy ra:

1. Atma

1. Atma

2. Buddhi-Manas

2. Buddhi-Manas

3. The principle of mind (Manas)—considered as solar fire

4. Lower mind

5. Kama-manas

6. Prana

7. Etheric Vehicle

84. If we examine the list closely, we will see that not all the factors enumerated are really principles. The etheric vehicle is, precisely, a vehicle—not a principle.

85. VSK suggests we consider the term 'another factor' as the principle of mind being the relation between, and a separate factor. There is a necessity that manas being 'under the direction' of the soul or buddhic sphere.

86. In relation to VSK's thought, I think we have to discriminate between "manas" and "lower mind". "Manas" is that aspect of the mind infused by solar fire and is a true linking energy. The "lower mind" is the sphere which eventually becomes a separated unit in those who are dedicated to material selfishness, and forms, thereby, a barrier to communication between that which is high and that which is low.

87. We have studied the division to be found on the mental plane involving solar fire *and* the elemental thoughtform-making tendency characteristic of the lower mind.

88. VSK suggests: Note that these, buddhi and manas, are associated with the Scorpio

3. Nguyên khí trí tuệ (Manas)—được xem như Lửa Thái dương

4. Hạ trí

5. Kama-manas

6. Prana

7. Vận cụ dĩ thái

84. Nếu xem xét kỹ danh sách này, chúng ta sẽ thấy rằng không phải mọi yếu tố được liệt kê đều thực sự là nguyên khí. Vận cụ dĩ thái, chính xác mà nói, là một vận cụ—không phải một nguyên khí.

85. VSK gợi ý rằng chúng ta xem thuật ngữ 'một yếu tố khác' như nguyên khí trí tuệ là mối liên hệ giữa, và là một yếu tố riêng biệt. Có một sự cần thiết là manas phải ở 'dưới sự chỉ đạo' của linh hồn hay khối cầu Bồ đề.

86. Liên hệ với tư tưởng của VSK, tôi nghĩ chúng ta phải phân biện giữa "manas" và "hạ trí". "Manas" là phương diện của trí tuệ được Lửa Thái dương thấm nhuần và là một năng lượng liên kết đích thực. "Hạ trí" là khối cầu cuối cùng trở thành một đơn vị tách biệt nơi những kẻ tận hiến cho tính ích kỷ vật chất, và do đó tạo thành một rào cản đối với sự giao tiếp giữa cái cao và cái thấp.

87. Chúng ta đã nghiên cứu sự phân chia được tìm thấy trên cõi trí liên quan đến Lửa Thái dương *và* khuynh hướng tạo hình tư tưởng hành khí đặc trưng của hạ trí.

88. VSK gợi ý: Lưu ý rằng hai điều này, Bồ đề và manas, được liên kết với các Huyền Giai

and Capricorn Creative Hierarchies, the two which marry—human soul and human personality. (We also see the ajna reflection, yellow rose of Scorpio right eye of buddhic soul, and the left eye of personality through Capricorn's blue and violet, manasic and physical vibratory.)

Sáng Tạo Hổ Cáp và Ma Kết, hai Huyền Giai kết hôn—linh hồn con người và phàm ngã con người. (Chúng ta cũng thấy sự phản chiếu ajna, hoa hồng vàng của Hổ Cáp là mắt phải của linh hồn Bồ đề, và mắt trái của phàm ngã qua màu lam và tím của rung động manas và hồng trần của Ma Kết.)

89. As may have been noted in an earlier commentary, there seems to be some question about whether the rose and yellow are to found on the right of the ajna center or the left. Naturally, the blue and violet would also reverse positions, depending on which perspective we use. Reasonable justifications can be found for both. Sources may differ or mistakes may simply have been made in printing. The best way is to see for ourselves!

89. Như có thể đã được lưu ý trong một phần bình luận trước, dường như có một số nghi vấn về việc màu hồng và màu vàng nằm ở bên phải hay bên trái của trung tâm ajna. Đương nhiên, màu lam và tím cũng sẽ đảo vị trí, tùy theo quan điểm chúng ta sử dụng. Có thể tìm thấy những biện minh hợp lý cho cả hai. Các nguồn có thể khác nhau hoặc đơn giản là đã có sai sót trong in ấn. Cách tốt nhất là tự chúng ta nhìn thấy!

Much has been hinted at in certain of our occult books about the **eighth sphere.** I would suggest that in this linking factor of intelligent mind, we have a clue to the mystery. **When mind becomes unduly developed and ceases to unite the higher and the lower, it forms a sphere of its own. This is the greatest disaster that can overtake the human unit.**

Nhiều điều đã được ám chỉ trong một số sách huyền bí của chúng ta về **khối cầu thứ tám.** Tôi muốn gợi ý rằng trong yếu tố liên kết này của trí tuệ thông minh, chúng ta có một đầu mối cho huyền nhiệm ấy. **Khi trí tuệ trở nên phát triển quá mức và không còn hợp nhất cái cao với cái thấp nữa, nó hình thành một khối cầu của riêng nó. Đây là tai họa lớn nhất có thể giáng xuống đơn vị con người.**

90. We note that "lower mind" is not considered (in this enumeration of chakras) the fifth principle.

90. Chúng ta lưu ý rằng "hạ trí" không được xem là nguyên khí thứ năm (trong cách liệt kê các luân xa này).

91. In the excerpt above, mind as the fifth principle *ceases to link* and instead separates, perhaps joining what is called in the enumeration, "lower mind".

91. Trong đoạn trích trên, trí tuệ với tư cách nguyên khí thứ năm *không còn liên kết nữa* mà thay vào đó phân ly, có lẽ nhập vào điều được gọi trong cách liệt kê là "hạ trí".

92. It is possible for the powers of the causal body to be prostituted to the desires of the form nature.

92. Có thể các quyền năng của thể nguyên nhân bị lạm dụng để phục vụ các ham muốn của bản chất hình tướng.

93. Manas ceases to be united to love and the five-pointed star is inverted.

94. An inverted Venus becomes, symbolically, Mars—in this case, the "Beast".

[Page 262]

Therefore we have:

Monad, the microcosmic absolute.

Pure Spirit.

The one and only.

95. The Monad is "Pure Spirit" *in essence*. The auric vehicle of the Monad is not Pure Spirit per se.

96. Monadic awareness is that which hides all difference and blots out all form. In that type of awareness, the reality of multiplicity is negated.

The monadic trinity.

First aspect..... Atma or spiritual will.

Second aspect..... Buddhi, the Christ principle.

Third aspect..... Manas, or higher mind.

97. It is arresting and illuminating to think, of the spiritual triad under the term "monadic trinity". One who is achieving

93. Manas không còn hợp nhất với bác ái và ngôi sao năm cánh bị đảo ngược.

94. Một Sao Kim đảo ngược trở thành, về mặt biểu tượng, Sao Hỏa—trong trường hợp này, là "Con Thú".

[Page 262]

Do đó chúng ta có:

Chân thần, cái tuyệt đối vi mô.

Tinh thần Thuần khiết.

Một và duy nhất.

95. Chân thần là "Tinh thần Thuần khiết" *về bản chất.* Noãn hào quang của chân thần không phải là Tinh thần Thuần khiết chính nó.

96. Nhận biết chân thần là điều che giấu mọi khác biệt và xóa mờ mọi hình tướng. Trong loại nhận biết đó, thực tại của tính đa tạp bị phủ nhận.

Ba Ngôi chân thần.

Phương diện thứ nhất..... Atma hay ý chí tinh thần.

Phương diện thứ hai..... Bồ đề, nguyên khí Christ.

Phương diện thứ ba..... Manas, hay thượng trí.

97. Thật gây chú ý và soi sáng khi nghĩ về Tam Nguyên Tinh Thần dưới thuật ngữ "Ba Ngôi chân thần". Người đang đạt được tâm

triadal consciousness is, in a sense, achieving differentiated monadic consciousness.

98. The spiritual triad has an analogy to the Three Buddhas of Activity and also to the Logoic Trinity which surround the Solar Logos.

99. We note the identification of buddhi with the Christ Principle. The Reappearance of the Christ will mean a new relation of man to his buddhic principle.

The Son aspect in objectivity.

The body egoic or causal body.

100. The wording here suggests that there is an objective Son and a *subjective* Son. The subjective Son functions through the buddhic vehicle within the spiritual triad. The objective Son (objective from the perspective of the Solar Logos) is found on the higher mental plane which, to the Solar Logos is a plane of objectivity.

The lower quaternary.

1. The mental body.

2. The astral or emotional body.[8]

3. Prana, or vital energy.

4. Etheric body.

101. We are now discussing another enumeration. We note that four *vehicles* are included in this enumeration.

thức tam nguyên, theo một nghĩa nào đó, đang đạt được tâm thức chân thần đã được biến phân.

98. Tam Nguyên Tinh Thần có một phép loại suy với Ba Đức Phật Hoạt Động và cũng với Ba Ngôi Logoi bao quanh Thái dương Thượng đế.

99. Chúng ta lưu ý sự đồng nhất Bồ đề với Nguyên khí Christ. Sự Tái Lâm của Đức Christ sẽ có nghĩa là một mối liên hệ mới của con người với nguyên khí Bồ đề của mình.

Phương diện Con trong tính khách quan.

Thể chân ngã hay thể nguyên nhân.

100. Cách diễn đạt ở đây gợi ý rằng có một Con khách quan và một Con *chủ quan*. Con chủ quan hoạt động qua vận cụ Bồ đề trong Tam Nguyên Tinh Thần. Con khách quan (khách quan từ quan điểm của Thái dương Thượng đế) được tìm thấy trên Cõi thượng trí, cõi mà đối với Thái dương Thượng đế là một cõi khách quan.

Bộ bốn thấp hơn.

1. Thể trí.

2. Thể cảm dục hay cảm xúc.8

3. Prana, hay năng lượng sinh lực.

4. Thể dĩ thái.

101. Giờ đây chúng ta đang bàn đến một cách liệt kê khác. Chúng ta lưu ý rằng bốn *vận cụ* được bao gồm trong cách liệt kê này.

a. The causal body and not manas

b. The mental body and not lower mind

c. The astral body and not kama-manas

102. With respect to Atma-Buddhi-Manas, we do not find in this enumeration

a. The atmic *vehicle*

b. The buddhic *vehicle*

c. The manasic *vehicle*

Footnote [8]:

Kamamanas—**That blending of the mental and desire element that forms the personality or common brain-intelligence of the man**.

103. How they are blended is a technical matter. We speak of the fact that they function together, but we have little idea of how, technically, this really happens.

"The energies that express themselves through the lower kinds of mental matter are so changed by it into slower vibrations that are responded to by astral matter **that the two bodies are continually vibrating together, and become very closely interwoven.**"—The Ancient Wisdom by Mrs. Besant.

104. Annie Besant's explanation is a good one, however. She had, I think, a fifth ray mind, and it shows.

a. Thể nguyên nhân chứ không phải manas

b. Thể trí chứ không phải hạ trí

c. Thể cảm dục chứ không phải kama-manas

102. Đối với Atma-Buddhi-Manas, chúng ta không thấy trong cách liệt kê này

a. Vận cụ *atma*

b. Vận cụ *Bồ đề*

c. Vận cụ *manas*

Chú thích 8:

Kamamanas—**Sự pha trộn của yếu tố trí tuệ và yếu tố ham muốn tạo thành phàm ngã hay trí thông minh não bộ thông thường của con người**.

103. Việc chúng được pha trộn như thế nào là một vấn đề kỹ thuật. Chúng ta nói về sự kiện rằng chúng hoạt động cùng nhau, nhưng chúng ta ít có ý niệm về việc, về mặt kỹ thuật, điều này thực sự xảy ra như thế nào.

"Các năng lượng biểu lộ qua những loại vật chất trí tuệ thấp hơn bị chúng biến đổi thành những rung động chậm hơn mà vật chất cảm dục đáp ứng được, **đến nỗi hai thể liên tục rung động cùng nhau, và trở nên đan xen rất chặt chẽ.**"—Minh Triết Cổ Xưa của bà Besant.

104. Tuy nhiên, lời giải thích của Annie Besant là một lời giải thích tốt. Theo tôi, bà

có một trí tuệ cung năm, và điều đó thể hiện rõ.

105. We see that there is a necessary slowing down of mental vibration so that it approximates the vibration of astral matter. The astral nature and the lower mental nature thus vibrate together with the result that every thought has a feeling associated with it and vice versa.

105. Chúng ta thấy rằng có một sự chậm lại cần thiết của rung động trí tuệ để nó gần với rung động của vật chất cảm dục. Bản chất cảm dục và bản chất hạ trí do đó rung động cùng nhau, với kết quả là mọi tư tưởng đều gắn liền với một cảm giác và ngược lại.

106. When thought tends to become the servant of desire, its vibration slows.

106. Khi tư tưởng có xu hướng trở thành kẻ phục vụ cho ham muốn, rung động của nó chậm lại.

107. What may be the process of *interweaving* is another matter for technical analysis. It is as if the two bodies begin to interpenetrate, so that the border of distinction between the two is not easy to apprehend.

107. Tiến trình *đan xen* có thể là gì lại là một vấn đề khác dành cho phân tích kỹ thuật. Dường như hai thể bắt đầu xuyên nhập lẫn nhau, đến mức ranh giới phân biệt giữa chúng không dễ nắm bắt.

The microcosm reproduces the solar system in miniature.

Tiểu thiên địa tái tạo hệ mặt trời trong hình thức thu nhỏ.

108. Can it be said as well that the microcosm reproduces the *planetary* system in miniature, or is the correspondence not quite as exact?

108. Có thể cũng nói rằng tiểu thiên địa tái tạo hệ *hành tinh* trong hình thức thu nhỏ hay không, hay sự tương ứng không hoàn toàn chính xác?

The above deals with the objective forms, corresponding to the sun and the seven sacred planets.

Điều trên đây bàn đến các hình tướng khách quan, tương ứng với mặt trời và bảy hành tinh thiêng liêng.

109. As stated, in the two listings thus far given there has been mixture of principles and vehicles. Because the tabulation ended with the etheric body (the etheric body, being considered a *physical* form), we might understand why DK thinks of it as an *objective* tabulation.

109. Như đã nói, trong hai danh sách được đưa ra cho đến nay đã có sự pha trộn giữa các nguyên khí và các vận cụ. Bởi vì bảng liệt kê kết thúc với thể dĩ thái (thể dĩ thái, được xem là một hình tướng *hồng trần*), chúng ta có thể hiểu tại sao Chân sư DK nghĩ về nó như một bảng liệt kê *khách quan*.

But the exoteric form is paralleled by a psychic development which we call the seven principles.

Nhưng hình thức ngoại môn được song hành bởi một sự phát triển thông linh mà chúng ta gọi là bảy nguyên khí.

110. Yet, some principles have already been listed in the previous tabulations.

110. Tuy nhiên, một số nguyên khí đã được liệt kê trong các bảng trước đó.

111. Here the flow of text is interrupted to consider the content of some footnotes.

111. Ở đây dòng văn bản bị ngắt quãng để xem xét nội dung của một số chú thích.

Footnote 9:

Chú thích 9:

1. There are two main cosmic principles in nature: —

1. Có hai nguyên khí vũ trụ chính trong bản chất: —

a. Active and passive, male and female. —S. D., II, 556. I, 46.

a. Chủ động và thụ động, nam và nữ. —S. D., II, 556. I, 46.

112. Whatever can be said of man, the microcosm, can be said of the cosmos in general. The fundamental principles in cosmos are the great dualities of positive and receptive, active and passive, male and female.

112. Điều gì có thể nói về con người, tiểu thiên địa, thì cũng có thể nói về vũ trụ nói chung. Các nguyên khí căn bản trong vũ trụ là những nhị nguyên lớn của tích cực và tiếp nhận, chủ động và thụ động, nam và nữ.

b. Buddhi and mahat. See also S. D., I, 357. II, 649. III, 273.

b. Bồ đề và mahat. Xem thêm S. D., I, 357. II, 649. III, 273.

113. If we separate these according to ray lines, it is reasonable to consider Mahat in relation to the activity and buddhi in relation to passivity.

113. Nếu chúng ta tách chúng theo các tuyến cung, thì hợp lý khi xem Mahat liên hệ với tính hoạt động và Bồ đề liên hệ với tính thụ động.

114. VSK suggests: “Here we see mahat equated to manasic energy; highlighting the danger and necessity of mentation, as bridge or prison, and the pervasiveness of mahat ‘as well as’ buddhi.

114. VSK gợi ý: “Ở đây chúng ta thấy mahat được đồng nhất với năng lượng manas; làm nổi bật sự nguy hiểm và sự cần thiết của hoạt động trí tuệ, như cây cầu hay nhà tù, và tính thấm khắp của mahat ‘cũng như’ Bồ đề.

115. VSK suggests an alternative point of view substantiated by the functions of two Creative Hierarchies: "Note buddhi and mahat in terms of masculine and feminine. In the tabulation of Creative Hierarchies we have Scorpio as the masculine and Capricorn as feminine. This suggests buddhi active male and mahat as passive female".

115. VSK gợi ý một quan điểm thay thế được củng cố bởi các chức năng của hai Huyền Giai Sáng Tạo: "Lưu ý Bồ đề và mahat theo nghĩa nam tính và nữ tính. Trong bảng liệt kê các Huyền Giai Sáng Tạo, chúng ta có Hổ Cáp là nam tính và Ma Kết là nữ tính. Điều này gợi ý Bồ đề là nam chủ động và mahat là nữ thụ động".

116. This point of view is reasonable.

116. Quan điểm này là hợp lý.

2. These higher principles united produce the three and the seven. —S. D., I, 46.

2. Những nguyên khí cao hơn này hợp nhất tạo ra bộ ba và bộ bảy. —S. D., I, 46.

117. In this *cosmic* enumeration we have a *twelve.* Or if buddhi and mahat are considered as a single entity once united, then an *eleven.*

117. Trong cách liệt kê *vũ trụ* này, chúng ta có một số *mười hai.* Hoặc nếu Bồ đề và mahat được xem là một thực thể duy nhất khi đã hợp nhất, thì là một số *mười một.*

a. They are called the three Rays of Essence and the four Aspects. —S. D., I, 147.

a. Chúng được gọi là ba Cung Bản Chất và bốn Phương diện. —S. D., I, 147.

118. We are discussing a cosmic enumeration. Does its applicability extend beyond the solar system? Does it apply to the Universal Whole?

118. Chúng ta đang bàn đến một cách liệt kê vũ trụ. Tính áp dụng của nó có vượt ra ngoài hệ mặt trời không? Nó có áp dụng cho Toàn Thể Vũ Trụ không?

119. We are being given another name of the Rays of Aspect—the three "Rays of Essence". A trinity is always essential to any creative process involving wider manifestation through seven aspects. This makes the perfect ten.

119. Chúng ta đang được cho một tên gọi khác của Các Cung Trạng Thái—ba "Cung Bản Chất". Một bộ ba luôn luôn là điều cốt yếu đối với bất kỳ tiến trình sáng tạo nào liên quan đến biểu lộ rộng lớn hơn qua bảy phương diện. Điều này tạo thành số mười hoàn hảo.

120. As well, given a system of seven, the trinity is *essential* in relation to the lower four or quaternary.

120. Hơn nữa, với một hệ thống bảy, bộ ba là điều *cốt yếu* trong tương quan với bốn thấp hơn hay bộ bốn.

b. They can be called **the three Vehicles with their three Aspects and Atma.** —S. D., I, 182.

121. These words suggest the "point within the triangle".

122. The word "Atma" must be watched closely. Sometimes it does not mean the principle of "spiritual will", but rather the essential One *within* the Three, or the "Atman". This is the possible meaning here.

c. They are also called the three-tongued Flame of the Four Wicks. —S. D., I, 257.

123. The "three-tongued Flame" is another name for the triadal nature. The Creative Hierarchy (number *three* or *eight*) is called the "Triple Flowers" and are analogically related to the "three-tongued Flame".

124. The term "three-tongued Flame" could also be correlated with the triple nature of the Monad considered as a Divine Flame.

125. The "Four Wicks" represent the lower four Rays of Attribute as well as the lower quaternary.

This is true cosmically and humanly.

126. The analogy is made. Anything said in this cosmic enumeration applies also to man.

- The Principles of the Logos the seven Planetary Logoi. —S. D., I, 358, 365.

b. Chúng có thể được gọi là **ba Vận cụ với ba Phương diện của chúng và Atma.** —S. D., I, 182.

121. Những lời này gợi ý "điểm bên trong tam giác".

122. Từ "Atma" phải được theo dõi cẩn thận. Đôi khi nó không có nghĩa là nguyên khí "ý chí tinh thần", mà đúng hơn là Đấng Duy Nhất cốt yếu *bên trong* Bộ Ba, hay "Atman". Đây có thể là ý nghĩa ở đây.

c. Chúng cũng được gọi là Ngọn Lửa ba lưỡi của Bốn Tim Đèn. —S. D., I, 257.

123. "Ngọn Lửa ba lưỡi" là một tên gọi khác của bản chất tam nguyên. Huyền Giai Sáng Tạo (số *ba* hay *tám*) được gọi là "Ba Hoa" và có liên hệ loại suy với "Ngọn Lửa ba lưỡi".

124. Thuật ngữ "Ngọn Lửa ba lưỡi" cũng có thể được tương liên với bản chất tam phân của chân thần được xem như một Ngọn Lửa thiêng liêng.

125. "Bốn Tim Đèn" biểu thị bốn Các Cung Thuộc Tính thấp hơn cũng như bộ bốn thấp hơn.

Điều này đúng cả về mặt vũ trụ lẫn con người.

126. Phép loại suy đã được nêu ra. Bất cứ điều gì được nói trong cách liệt kê vũ trụ này cũng áp dụng cho con người.

- Các Nguyên khí của Thượng đế bảy Hành Tinh Thượng Đế. —S. D., I, 358, 365.

- The Principles of the planetary Logos The vehicle called a chain. —S. D., I, 194, 196. II, 626.

- The Principles of man The different vehicles.

127. We have an extensive analogy above.

a. The seven Principles of the Solar Logos are represented by those qualified systemic (yet cosmic) Lives we call Planetary Logoi.

b. One wonders about the *other* Planetary Logoi within our solar system (and there are many such Logoi)—to what logoic principles are they related?

c. The Principles of the Planetary Logos are, similarly, the seven planetary chains to be found within each planetary scheme.

d. Just as there are additional Planetary Logoi in any solar system (i.e., additional to the major seven), one wonders if there are additional *chains* within the system of a Planetary Logos?

e. Following the analogy, the principles of man express through the different vehicles (enumerated in different ways, but with the enumeration of *seven* considered fundamental).

f. The seven principles *use* vehicles, but these vehicles must not be considered the principles.

- Các Nguyên khí của Hành Tinh Thượng Đế Vận cụ được gọi là một Dãy. —S. D., I, 194, 196. II, 626.

- Các Nguyên khí của con người Các vận cụ khác nhau.

127. Chúng ta có một phép loại suy rộng lớn ở trên.

a. Bảy Nguyên khí của Thái dương Thượng đế được biểu thị bởi những Sự Sống có phẩm tính hệ thống (nhưng vẫn là vũ trụ) mà chúng ta gọi là các Hành Tinh Thượng Đế.

b. Người ta tự hỏi về những *Hành Tinh Thượng Đế* khác trong hệ mặt trời của chúng ta (và có rất nhiều Thượng đế như vậy)—chúng liên hệ với những nguyên khí logoi nào?

c. Tương tự, các nguyên khí của Hành Tinh Thượng Đế là bảy dãy hành tinh được tìm thấy bên trong mỗi hệ hành tinh.

d. Cũng như có những Hành Tinh Thượng Đế bổ sung trong bất kỳ hệ mặt trời nào (tức là, bổ sung ngoài bảy vị chính), người ta tự hỏi liệu có những *dãy* bổ sung trong hệ thống của một Hành Tinh Thượng Đế hay không?

e. Theo phép loại suy, các nguyên khí của con người biểu lộ qua những vận cụ khác nhau (được liệt kê theo nhiều cách khác nhau, nhưng cách liệt kê thành *bảy* được xem là căn bản).

f. Bảy nguyên khí *sử dụng* các vận cụ, nhưng các vận cụ này không được xem là các nguyên khí.

Note also:—S. D., I, 176, 177. II, 630, 631. I, 189.

Summation:—S. D., III, 475.

3. Cosmic Ideation, focussed in a principle results as the consciousness of the individual. —S. D., I, 351.

128. This is a most occult statement. Each principle is molded by Cosmic Ideation. The consciousness of the individual is sevenfold and correlates to the seven principles through which consciousness is experienced.

129. The statement would have made more sense to me as 'Consciousness of a cosmic kind, focussed in a principle results as the consciousness of the individual'.

130. Ideation, however, can act as a differentiator which would produce seven different kinds of consciousness, all dependent upon the vehicles which Cosmic Ideation created.

a. Appropriation by the individual of a vehicle produces a display of energy of any particular plane. This energy will be of a peculiar colour and quality, according to the plane involved.

131. The individual experiences according to the plane involved. The consciousness experienced on any particular plane is qualified by the nature of that plane. Both consciousness and activity will be conditioned by a "peculiar colour and quality" related to the plane on which expression is experienced.

Cũng lưu ý:—S. D., I, 176, 177. II, 630, 631. I, 189.

Tóm lược:—S. D., III, 475.

3. Ý niệm Vũ trụ, được tập trung trong một nguyên khí, tạo nên tâm thức của cá nhân. —S. D., I, 351.

128. Đây là một phát biểu hết sức huyền bí. Mỗi nguyên khí được Ý niệm Vũ trụ nhào nặn. Tâm thức của cá nhân là thất phân và tương quan với bảy nguyên khí qua đó tâm thức được kinh nghiệm.

129. Đối với tôi, phát biểu này sẽ có ý nghĩa hơn nếu là: 'Tâm thức thuộc loại vũ trụ, được tập trung trong một nguyên khí, tạo nên tâm thức của cá nhân'.

130. Tuy nhiên, ý niệm có thể hoạt động như một tác nhân biến phân, điều này sẽ tạo ra bảy loại tâm thức khác nhau, tất cả đều tùy thuộc vào các vận cụ mà Ý niệm Vũ trụ đã tạo ra.

a. Sự chiếm hữu một vận cụ bởi cá nhân tạo ra sự biểu lộ năng lượng của bất kỳ cõi nào. Năng lượng này sẽ có một màu sắc và phẩm tính đặc thù, tùy theo cõi liên hệ.

131. Cá nhân kinh nghiệm tùy theo cõi liên hệ. Tâm thức được kinh nghiệm trên bất kỳ cõi đặc thù nào đều được định tính bởi bản chất của cõi ấy. Cả tâm thức lẫn hoạt động sẽ bị tác động bởi một "màu sắc và phẩm tính đặc thù" liên hệ với cõi mà trên đó sự biểu lộ được kinh nghiệm.

4. The seven principles are the manifestation of the one Flame. —S. D., 45. III, 374.

4. Bảy nguyên khí là sự biểu hiện của một Ngọn Lửa duy nhất. —S. D., 45. III, 374.

132. As suggested numerous times, the seven principles are monadic in origin. Cosmic Ideation determines that there shall be a sevenfold division. Seven aspects of monadic expression are designed.

132. Như đã được gợi ý nhiều lần, bảy nguyên khí có nguồn gốc chân thần. Ý niệm Vũ trụ quyết định rằng sẽ có một sự phân chia thất phân. Bảy phương diện của sự biểu lộ chân thần được thiết kế.

133. The seven principles are monadic extensions or qualities of expression. The One Flame is the One Monad.

133. Bảy nguyên khí là những sự mở rộng chân thần hay những phẩm tính biểu lộ. Một Ngọn Lửa là Một Chân Thần.

Note also the function of the Gods in furnishing man with his principles. S. D., I, 308.

Cũng lưu ý chức năng của các Thượng đế trong việc cung cấp cho con người các nguyên khí của y. S. D., I, 308.

134. In some respects, the "Gods" are the Planetary Deities or Rays, which have created, informed and which influence the seven principles.

134. Trong một số phương diện, các "Thượng đế" là các Thượng đế Hành Tinh hay các cung, những Đấng đã tạo ra, thấm nhuần và ảnh hưởng đến bảy nguyên khí.

135. Now, we return to the main text.

135. Giờ đây, chúng ta trở lại bản văn chính.

Man develops seven principles, which might be enumerated as follows:

Con người phát triển bảy nguyên khí, có thể được liệt kê như sau:

136. We are dealing below with the enumerations of the psychic nature of man. Obviously, the word "psychic" is a term applying to planes far higher than the astral plane. "Psychic" here means deeply subjective.

136. Dưới đây chúng ta đang bàn đến những cách liệt kê về bản chất thông linh của con người. Hiển nhiên, từ "thông linh" là một thuật ngữ áp dụng cho những cõi cao hơn rất nhiều so với cõi cảm dục. Ở đây "thông linh" có nghĩa là sâu xa chủ quan.

MICROCOSMIC PRINCIPLES[9]

CÁC NGUYÊN KHÍ VI MÔ9

Two higher principles:

Hai nguyên khí cao hơn:

1. Active intelligence.

1. Trí tuệ năng động.

2. Latent love-wisdom. [Page 263]

(The psychic nature of the Monad is twofold.)

137. Active intelligence has long been established and is the nature of the Primordial Ray.

138. It is as if only two of the three monadic potencies are now available: activity is fully established and wisdom (or love-wisdom) is still not fully expressed but is emerging. The will aspect of the monad is not mentioned. This is perhaps unusual because the Monad is so closely identified with *will,* yet given our place in the unfoldment of our Solar Logos (and the nature of our particular Solar Logos), the omission of will is understandable.

139. Thus, presently, at least, the psychic or subjective nature of the Monad is twofold. It may be that the intelligence aspect of the Monad is not often considered.

140. Note again, how relative is the term "psychic". When a human being is considered "psychic" it usually indicates that he or she has ready access to the systemic astral plane. The psychic nature of the Monad, however, refers to much deeper and 'higher' factors.

1. The principle of atma. Spiritual nature. Will.

2. The principle of buddhi. Love nature. Wisdom.

2. Bác Ái – Minh Triết tiềm ẩn. [Page 263]

(Bản chất thông linh của Chân Thần là nhị phân.)

137. Trí tuệ năng động từ lâu đã được xác lập và là bản chất của Cung Nguyên Sơ.

138. Dường như hiện nay chỉ có hai trong ba tiềm năng chân thần là khả dụng: hoạt động đã được xác lập trọn vẹn và minh triết (hay Bác Ái – Minh Triết) vẫn chưa được biểu lộ đầy đủ nhưng đang xuất hiện. Phương diện ý chí của chân thần không được nhắc đến. Điều này có lẽ là bất thường vì Chân Thần được đồng hoá rất chặt chẽ với ý chí, tuy nhiên xét đến vị trí của chúng ta trong sự khai mở của Thái dương Thượng đế của chúng ta (và bản chất của Thái dương Thượng đế đặc thù của chúng ta), sự lược bỏ ý chí là điều có thể hiểu được.

139. Vì vậy, ít nhất là hiện nay, bản chất thông linh hay chủ quan của Chân Thần là nhị phân. Có thể phương diện trí tuệ của Chân Thần không thường được xem xét.

140. Hãy lưu ý một lần nữa thuật ngữ "thông linh" có tính tương đối đến mức nào. Khi một con người được xem là "thông linh", điều đó thường chỉ ra rằng y có sự tiếp cận dễ dàng với cõi cảm dục của hệ thống. Tuy nhiên, bản chất thông linh của Chân Thần lại quy chiếu đến những yếu tố sâu xa hơn và 'cao hơn' nhiều.

1. Nguyên khí atma. Bản chất tinh thần. Ý chí.

2. Nguyên khí buddhi. Bản chất bác ái. Minh triết.

3. The principle of manas. Intelligence nature, Activity.

3. Nguyên khí manas. Bản chất trí tuệ, Hoạt động.

141. We note the equivalence between atma, will and the "spiritual nature". The term "spiritual" is used in so many ways, but one of the important ways is in relation to the spiritual triad. Here we see the term used in relation to the very *highest* part of the spiritual triad.

141. Chúng ta lưu ý sự tương đương giữa atma, ý chí và "bản chất tinh thần". Thuật ngữ "tinh thần" được dùng theo rất nhiều cách, nhưng một trong những cách quan trọng là trong liên hệ với Tam nguyên tinh thần. Ở đây chúng ta thấy thuật ngữ này được dùng trong liên hệ với phần rất *cao nhất* của Tam nguyên tinh thần.

142. From this we may judge that there is something about the true will which is inherently *spiritual*, and something about that which is spiritual which is closely related to will.

142. Từ đó chúng ta có thể phán đoán rằng có điều gì đó nơi ý chí chân thực vốn dĩ là *tinh thần*, và có điều gì đó nơi cái là tinh thần lại liên hệ chặt chẽ với ý chí.

Note here that the three principles in terms of the Triad with **the two synthesising principles on the plane of the Monad,** make five principles and give the key to H. P. B.'s numbering in certain places.

Hãy lưu ý ở đây rằng ba nguyên khí xét theo Tam nguyên tinh thần cùng với **hai nguyên khí tổng hợp trên cõi của Chân Thần,** tạo thành năm nguyên khí và cho chìa khóa đối với cách đánh số của H. P. B. ở một số chỗ nhất định.

143. Yes, we must stay alert, because the numbering in *other* places may be at variance.

143. Đúng vậy, chúng ta phải luôn tỉnh táo, vì cách đánh số ở những *chỗ khác* có thể khác biệt.

144. If the will aspect of the Monad were included we would have the hexad rather than only the pentad.

144. Nếu phương diện ý chí của Chân Thần được bao gồm, chúng ta sẽ có bộ sáu thay vì chỉ bộ năm.

We might express it thus:

Chúng ta có thể diễn đạt như sau:

I. The Absolute The Monad.

I. Đấng Tuyệt Đối Chân Thần.

145. Again, the *microcosmic* Absolute.

145. Một lần nữa, đó là Đấng Tuyệt Đối *vi mô*.

II. 1. Prakriti Active intelligence.

II. 1. Prakriti Trí tuệ năng động.

The Divine Manasaputra.

2. Purusha Love-Wisdom.

The Vishnu aspect.

146. This is the twofold “psychic” nature of the Monad.

147. It is as if in our second ray solar system, the role of Spirit is played by Vishnu/Love-Wisdom. That which is emerging plays the role of Spirit in relation to that which has already emerged.

148. The equivalence of the three terms, “Prakriti”, “Active intelligence” and “the Divine Manasaputra” gives us much to think about. The fact that Prakriti is listed ‘above’ Purusha will give us pause.

149. The Planetary Logoi are Divine Manasaputras, and we know how much they are identified with the Active Intelligence aspect. Nevertheless, the Law of Attraction is highly developed in a Planetary Logos, and all of them are known as “Dragons of Wisdom”, which title attests to the importance of Love-Wisdom in their expression.

150. We can see by analogy that the Solar Angel (also a Manasaputra on its own level) will be strongly identified with Active Intelligence, even though it is a “Heart of Fiery Love”. The Solar Angel reflects its great source, Sirius, in which manas and love are united. The Heavenly Men reflect the Pleiades in which manas and love are also powerfully united, for the Pleiades are the

Manasaputra Thiêng liêng.

2. Purusha Bác Ái – Minh Triết.

Phương diện Vishnu.

146. Đây là bản chất “thông linh” nhị phân của Chân Thần.

147. Dường như trong hệ mặt trời cung hai của chúng ta, vai trò của Tinh thần được Vishnu/Bác Ái – Minh Triết đảm nhiệm. Cái đang xuất hiện đóng vai trò của Tinh thần đối với cái đã xuất hiện rồi.

148. Sự tương đương của ba thuật ngữ “Prakriti”, “Trí tuệ năng động” và “Manasaputra Thiêng liêng” cho chúng ta nhiều điều đáng suy ngẫm. Việc Prakriti được liệt kê ‘ở trên’ Purusha sẽ khiến chúng ta phải dừng lại suy xét.

149. Các Hành Tinh Thượng Đế là những Manasaputra Thiêng liêng, và chúng ta biết các Ngài đồng hoá mạnh mẽ đến mức nào với phương diện Trí tuệ năng động. Tuy nhiên, Định luật Hấp Dẫn được phát triển rất cao nơi một Hành Tinh Thượng Đế, và tất cả các Ngài đều được biết đến như “Những Rồng Minh Triết”, danh xưng này chứng thực tầm quan trọng của Bác Ái – Minh Triết trong sự biểu lộ của các Ngài.

150. Theo phép loại suy, chúng ta có thể thấy rằng Thái dương Thiên Thần (cũng là một Manasaputra trên cấp độ riêng của nó) sẽ được đồng hoá mạnh mẽ với Trí tuệ năng động, dù nó là một “Trái Tim của Bác Ái Rực Lửa”. Thái dương Thiên Thần phản chiếu nguồn gốc vĩ đại của nó là Sirius, nơi manas và bác ái hợp nhất. Các Đấng Thiên Nhân phản chiếu Pleiades, nơi manas và bác ái

source of cosmic buddhi and yet give manas to the Heavenly Men.

cũng hợp nhất một cách mạnh mẽ, vì Pleiades là nguồn của buddhi vũ trụ nhưng lại ban manas cho các Đấng Thiên Nhân.

On the plane of objectivity.

Trên cõi khách quan.

III 3. Atma The Triad.

4. Buddhi The Triad.

5. Manas The Triad.

III 3. Atma Tam nguyên tinh thần.

4. Buddhi Tam nguyên tinh thần.

5. Manas Tam nguyên tinh thần.

From the standpoint of evolution we regard the higher two and the highest one as the correspondence to the Absolute as He manifests in duality.

Từ quan điểm tiến hoá, chúng ta xem hai nguyên khí cao hơn và một nguyên khí cao nhất là sự tương ứng với Đấng Tuyệt Đối khi Ngài biểu lộ trong nhị nguyên tính.

151. The highest two (Active Intelligence and Love Wisdom) are considered *expressions* of the Monad, here termed the "Absolute"

151. Hai nguyên khí cao nhất (Trí tuệ năng động và Bác Ái – Minh Triết) được xem là những *biểu lộ* của Chân Thần, ở đây được gọi là "Đấng Tuyệt Đối"

152. Thus we have a one and a two leading to an objective third.

152. Như vậy chúng ta có một và hai dẫn đến một thứ ba khách quan.

153. Perhaps it is because the prakritic expression of the Monad comes fir*st in time* that Prakriti is listed above Purusha (Love-Wisdom).

153. Có lẽ vì sự biểu lộ prakriti của Chân Thần đến trướ*c về thời gian* nên Prakriti được liệt kê trên Purusha (Bác Ái – Minh Triết).

154. We have the *six,* which is considered the *perfect* number, because the product of its factors and their sum are the same.

154. Chúng ta có *số sáu,* được xem là con số *hoàn hảo*, vì tích của các thừa số của nó và tổng của chúng là như nhau.

155. Thus, as relates to the psychic nature of the microcosm, we have been given the 'one-two-three'. Interestingly, that which (in this enumeration) lies below and is considered *objective,* from the lower perspective would be considered deeply subjective.

155. Như vậy, liên quan đến bản chất thông linh của vi mô, chúng ta đã được trao cho 'một-hai-ba'. Điều thú vị là cái mà (trong cách liệt kê này) nằm bên dưới và được xem là *khách quan,* từ quan điểm thấp hơn, lại sẽ được xem là sâu xa chủ quan.

This is prior to **objectivity, which requires the presence of the three**.

156. The nature of objectivity has been raised from its usual level. In this enumeration, the spiritual triad represents objectivity. The number *three* relates to the third and objectivizing ray.

157. The general statement, however, is interesting—that "objectivity…requires the presence of the three".

158. It is interesting that when considering the solar system, subjectivity begins on the cosmic astral plane, 'above' the cosmic physical. That plane, cosmically, is the *sixth* (numbering from above).

159. Correspondingly, in this subjective enumeration, we have only *six* factors.

160. If the *will* aspect of the Monad were added, there would be *seven,* but that Will is greatly involved in the process which characterizes *this* solar system.

In manifestation we might regard the principles as follows:

161. Thus far we have listed six *principles* (from the a higher "psychic" perspective—really a deeply *spiritual* or *subjective* perspective), none of them considered from vehicular point of view. According to the Tibetan, none of the foregoing six have been considered in relation to manifestation.

Điều này có trước **tính khách quan, vốn đòi hỏi sự hiện diện của bộ ba**.

156. Bản chất của tính khách quan đã được nâng lên khỏi cấp độ thông thường của nó. Trong cách liệt kê này, Tam nguyên tinh thần tượng trưng cho tính khách quan. Con số *ba* liên hệ với cung ba và cung khách quan hóa.

157. Tuy nhiên, phát biểu tổng quát này rất đáng chú ý—rằng "tính khách quan… đòi hỏi sự hiện diện của bộ ba".

158. Thật thú vị là khi xem xét hệ mặt trời, tính chủ quan bắt đầu trên cõi cảm dục vũ trụ, 'ở trên' cõi hồng trần vũ trụ. Cõi đó, xét theo vũ trụ, là cõi *thứ sáu* (đếm từ trên xuống).

159. Tương ứng, trong cách liệt kê chủ quan này, chúng ta chỉ có *sáu* yếu tố.

160. Nếu phương diện *ý chí* của Chân Thần được thêm vào, sẽ có *bảy,* nhưng Ý chí đó liên hệ rất sâu với tiến trình đặc trưng cho hệ mặt trời *này*.

Trong biểu hiện chúng ta có thể xem các nguyên khí như sau:

161. Cho đến nay chúng ta đã liệt kê sáu *nguyên khí* (từ một quan điểm "thông linh" cao hơn—thực ra là một quan điểm sâu xa *tinh thần* hay *chủ quan*), không nguyên khí nào trong số đó được xét từ quan điểm vận cụ. Theo Chân sư Tây Tạng, không điều nào trong sáu điều vừa nêu được xem xét trong liên hệ với biểu hiện.

162. In other words, this means that the foregoing enumeration must be considered as if it were *abstracted* from manifestation.

163. Now DK is going to consider yet another enumeration related to psyche or soul, and not to objectivity as we normally consider it.

164. It is important to remember that the following enumeration is a psychic nature which is related to manifestation.

[Page 264]

First Principle The sphere of manifestation, monadic egg.

165. In this enumeration we are not dealing with the Monad as a *principle*, or with the twofold psychic nature of the Monad as Active Intelligence and Love-Wisdom.

166. We are dealing with the monadic *vehicle*—the Monad's "sphere of manifestation", the monadic egg.

167. All the factors listed below are 'contained' in their expression *within* this monadic egg.

168. We note, however, that although we are speaking of that which occurs "in manifestation" no further vehicles are listed, but only energies which we recognize as principles or faculties.

169. What is also curious is to see the "sphere of manifestation" or "monadic egg",

162. Nói cách khác, điều này có nghĩa là cách liệt kê vừa nêu phải được xem như thể nó đã được *rút ra* khỏi biểu hiện.

163. Giờ đây Chân sư DK sẽ xem xét thêm một cách liệt kê khác liên hệ với tâm linh hay linh hồn, chứ không phải với tính khách quan như chúng ta thường quan niệm.

164. Điều quan trọng là phải nhớ rằng cách liệt kê sau đây là một bản chất thông linh có liên hệ với biểu hiện.

[Page 264]

Nguyên khí Thứ nhất Khối cầu biểu hiện, noãn chân thần.

165. Trong cách liệt kê này, chúng ta không bàn đến Chân Thần như một *nguyên khí*, cũng không bàn đến bản chất thông linh nhị phân của Chân Thần như Trí tuệ năng động và Bác Ái – Minh Triết.

166. Chúng ta đang bàn đến *vận cụ* chân thần—"khối cầu biểu hiện" của Chân Thần, noãn chân thần.

167. Tất cả các yếu tố được liệt kê dưới đây đều được 'chứa đựng' trong sự biểu lộ của chúng *bên trong* noãn chân thần này.

168. Tuy nhiên, chúng ta lưu ý rằng mặc dù đang nói về điều xảy ra "trong biểu hiện", không có vận cụ nào khác được liệt kê, mà chỉ có những năng lượng mà chúng ta nhận ra là các nguyên khí hay năng lực.

169. Điều cũng kỳ lạ là thấy "khối cầu biểu hiện" hay "noãn chân thần", vốn hiển nhiên

which is obviously a *vehicle*, listed as a *principle.*

là một *vận cụ*, lại được liệt kê như một *nguyên khí.*

Second Principle Atma Will.

Nguyên khí Thứ hai Atma Ý chí.

170. Some thinkers when attempting to assign rays to Purpose, Will and Intention, have assigned the *second* ray to the principle of Will.

170. Một số nhà tư tưởng khi cố gắng gán các cung cho Mục Đích, Ý chí và Ý định, đã gán cung *hai* cho nguyên khí Ý chí.

Third Principle Buddhi Pure reason, wisdom.

Nguyên khí Thứ ba Buddhi Lý trí thuần túy, minh triết.

171. The buddhic vehicle has sometimes been considered as a tangible vehicle for the subtle embodiment of life processes occurring on the highest three planes of the cosmic physical plane.

171. Vận cụ bồ đề đôi khi đã được xem là một vận cụ hữu hình cho sự thể hiện vi tế của các tiến trình sự sống diễn ra trên ba cõi cao nhất của cõi hồng trần vũ trụ.

Fourth Principle Manas **Pure mind**, higher mind.

Nguyên khí Thứ tư Manas **Trí tuệ thuần túy**, thượng trí.

172. To consider higher mind as "pure mind" is interesting and instructive.

172. Việc xem thượng trí như "trí tuệ thuần túy" thật thú vị và giàu tính chỉ dẫn.

Fifth Principle Manas Lower mind.

Nguyên khí Thứ năm Manas Hạ trí.

173. In this enumeration, DK continues to split the mental plane.

173. Trong cách liệt kê này, Chân sư DK tiếp tục phân chia cõi trí.

Sixth Principle Kama-manas

Nguyên khí Thứ sáu Thể trí cảm

Seventh Principle **Pure emotion**, or feeling.

Nguyên khí Thứ bảy **Cảm xúc thuần túy**, hay cảm giác.

174. This is the first time that "pure emotion", feeling or kama is listed. Kama-manas is retained.

174. Đây là lần đầu tiên "cảm xúc thuần túy", cảm giác hay kama được liệt kê. Thể trí cảm vẫn được giữ lại.

175. This listing is distinctive for listing two principles which are "pure".

175. Cách liệt kê này đặc biệt ở chỗ liệt kê hai nguyên khí là "thuần túy".

176. It is obvious that one day "kama-manas" will disappear, and so may kama as well.

176. Hiển nhiên là một ngày nào đó "thể trí cảm" sẽ biến mất, và kama cũng có thể như vậy.

177. We are considering a psychic enumeration of principles in relation to manifestation. This must mean that manifestation (in the sense here meant) must necessary include the principles 'below' higher mind, or "pure mind".

177. Chúng ta đang xem xét một cách liệt kê thông linh về các nguyên khí trong liên hệ với biểu hiện. Điều này hẳn phải có nghĩa rằng biểu hiện (theo nghĩa được dùng ở đây) tất yếu phải bao gồm các nguyên khí 'bên dưới' thượng trí, hay "trí tuệ thuần túy".

These are the principles for the microcosm viewed as having transcended the physical bodies altogether, and thus the tabulation deals entirely ***with the subjective life, or the development of the psyche or soul.***

Đây là các nguyên khí dành cho vi mô được nhìn như đã vượt hẳn các thể xác, và vì vậy bảng liệt kê hoàn toàn bàn ***về đời sống chủ quan, hay sự phát triển của tâm linh hoặc linh hồn.***

178. The physical *bodies* are *both* etheric and dense physical.

178. Các thể xác hồng trần bao gồm *cả hai* là thể dĩ thái và thể xác đậm đặc.

179. The soul is distinctly related to the astral nature, just as the Monad is to the mind and the personality to the physical nature.

179. Linh hồn liên hệ rõ rệt với bản chất cảm dục, cũng như Chân Thần liên hệ với trí tuệ và phàm ngã liên hệ với bản chất hồng trần.

180. We have now had two *psychic* enumerations pertaining to psyche and soul.

180. Giờ đây chúng ta đã có hai cách liệt kê *thông linh* liên quan đến tâm linh và linh hồn.

181. One was very high, its lowest point of expression being the principles of the spiritual triad.

181. Một cách rất cao, điểm biểu lộ thấp nhất của nó là các nguyên khí của Tam nguyên tinh thần.

182. The second took psychic development down into the personality nature but stopped before reaching the etheric-physical level.

182. Cách thứ hai đưa sự phát triển thông linh xuống vào bản chất phàm ngã nhưng dừng lại trước khi chạm đến cấp độ dĩ thái-hồng trần.

This should be borne carefully in mind else confusion will ensue. In our enumeration we are here dealing with subjectivity and

Điều này cần được ghi nhớ cẩn thận, nếu không sự lẫn lộn sẽ phát sinh. Trong cách liệt kê của chúng ta ở đây, chúng ta đang

not with form. We have, therefore, considered:

183. The points of view keep changing and so do the enumerations associated with them.

184. No factor (whether principle or vehicle) in the human energy system will always hold the same numerical position. Placement in the scheme of enumeration depends upon context.

185. DK is offering a summary below:

a. Sevenfold objectivity....the material forms.

186. The *first* enumeration dealt with sevenfold objectivity.

b. Sevenfold subjectivity...the psychic evolution.

187. The *third* enumeration dealt with sevenfold subjectivity, or the psychic evolution.

c. Sevenfold spirituality...the life of the Entity.

188. The *second* enumeration, which was psychic in a sense (because it discussed the psychic nature of the Monad), and descended no lower that the spiritual triad, is the enumeration which DK said must be considered as reflective of "sevenfold spirituality". Surely the spiritual triad can be considered as related to the Spirit/Monad—as its personality expression.

bàn đến tính chủ quan chứ không phải hình tướng. Vì vậy, chúng ta đã xem xét:

183. Các quan điểm cứ thay đổi và những cách liệt kê gắn với chúng cũng vậy.

184. Không yếu tố nào (dù là nguyên khí hay vận cụ) trong hệ thống năng lượng của con người sẽ luôn giữ cùng một vị trí số học. Vị trí trong sơ đồ liệt kê tùy thuộc vào ngữ cảnh.

185. Dưới đây Chân sư DK đưa ra một bản tóm lược:

a. Tính khách quan thất phân....các hình tướng vật chất.

186. Cách liệt kê *thứ nhất* bàn về tính khách quan thất phân.

b. Tính chủ quan thất phân...sự tiến hoá thông linh.

187. Cách liệt kê *thứ ba* bàn về tính chủ quan thất phân, hay sự tiến hoá thông linh.

c. Tính tinh thần thất phân...sự sống của Thực Thể.

188. Cách liệt kê *thứ hai*, vốn theo một nghĩa nào đó là thông linh (vì nó bàn về bản chất thông linh của Chân Thần), và không hạ thấp hơn Tam nguyên tinh thần, là cách liệt kê mà Chân sư DK nói phải được xem là phản ánh "tính tinh thần thất phân". Chắc chắn Tam nguyên tinh thần có thể được xem là liên hệ với Tinh thần/Chân Thần—như sự biểu lộ phàm ngã của nó.

We will note also that in the tabulation of the spiritual life of the Monad we considered it as fivefold.

189. Yes, in a way, but the Monad was added above its two "psychic" expressions, Active-Intelligence and Love-Wisdom, to make a sixth.

This was necessarily so in this fivefold evolution,

190. We are engaged in a fivefold evolution because in our solar system we are completing the Brahmic tendencies of the earlier solar system.

191. The fivefold Master represents, from a certain perspective humanly considered, the apotheosis of human development in relation to the fivefold first solar system. The number of Brahma is *five* and that solar system was the *Brahmic* system.

but the remaining two principles might be considered as:

192. Remaining 'above' and not 'below'.

6. The life of the Heavenly Man in Whose body the human Monad finds a place.

193. This life (of the Heavenly Man) is definitely associated with the *second* subplane of the cosmic physical plane.

7. The life of the Logos in Whose body the Heavenly Man finds place.

Chúng ta cũng sẽ lưu ý rằng trong bảng liệt kê đời sống tinh thần của Chân Thần, chúng ta đã xem nó là ngũ phân.

189. Đúng vậy, theo một nghĩa nào đó, nhưng Chân Thần đã được thêm lên trên hai biểu lộ "thông linh" của nó là Trí tuệ năng động và Bác Ái – Minh Triết để tạo thành yếu tố thứ sáu.

Điều này tất yếu là như vậy trong sự tiến hoá ngũ phân này,

190. Chúng ta đang tham dự vào một sự tiến hoá ngũ phân vì trong hệ mặt trời của chúng ta, chúng ta đang hoàn tất các khuynh hướng Brahma của hệ mặt trời trước.

191. Chân sư ngũ phân, từ một quan điểm nào đó xét theo con người, tượng trưng cho đỉnh cao thần thánh hóa của sự phát triển nhân loại trong liên hệ với hệ mặt trời thứ nhất ngũ phân. Con số của Brahma là *năm* và hệ mặt trời đó là hệ thống *Brahma*.

nhưng hai nguyên khí còn lại có thể được xem là:

192. Còn lại 'ở trên' chứ không phải 'ở dưới'.

6. Sự sống của Đấng Thiên Nhân mà trong thân thể của Ngài, Chân Thần nhân loại tìm được một chỗ.

193. Sự sống này (của Đấng Thiên Nhân) chắc chắn liên hệ với cõi phụ *thứ hai* của cõi hồng trần vũ trụ.

7. Sự sống của Thượng đế mà trong thân thể của Ngài, Đấng Thiên Nhân tìm được chỗ.

194. This life (of the Solar Logos) is definitely associated with the *first* subplane of the cosmic physical plane.

195. This is an amazing way to consider the microcosm. The spiritual triad is, indeed, related to the personality nature of the human Spirit, and is its lowest point of expression.

196. In this expanded (now sevenfold) enumeration (even eightfold if the Monad is included), the spiritual triad represents quite a material field of expression.

197. We now depart from text to consider a number of footnotes.

Footnote 10:

Enumeration of the Principles. —S. D., II, 627, 631.

1st Principle Dense physical body. Sthula Sharira.

2nd Principle Etheric body. Linga Sharira.

3rd Principle Prana. Vital energy.

4th Principle Kama-rupa. Energy of desire.

—S. D., I, 136.

(These are the lower four principles.)

198. There is much in this enumeration, thus far, which would suggest the very *first*

194. Sự sống này (của Thái dương Thượng đế) chắc chắn liên hệ với cõi phụ *thứ nhất* của cõi hồng trần vũ trụ.

195. Đây là một cách đáng kinh ngạc để xem xét vi mô. Quả thật, Tam nguyên tinh thần liên hệ với bản chất phàm ngã của Tinh thần con người, và là điểm biểu lộ thấp nhất của nó.

196. Trong cách liệt kê mở rộng này (nay là thất phân) (thậm chí bát phân nếu bao gồm Chân Thần), Tam nguyên tinh thần tượng trưng cho một trường biểu lộ khá vật chất.

197. Giờ đây chúng ta rời bản văn để xem xét một số cước chú.

Cước chú 10:

Sự liệt kê các nguyên khí. —S. D., II, 627, 631.

Nguyên khí 1 Thể xác đậm đặc. Sthula Sharira.

Nguyên khí 2 Thể dĩ thái. Linga Sharira.

Nguyên khí 3 Prana. Năng lượng sinh lực.

Nguyên khí 4 Kama-rupa. Năng lượng dục vọng.

—S. D., I, 136.

(Đây là bốn nguyên khí thấp.)

198. Cho đến đây, có nhiều điều trong cách liệt kê này gợi ý cách liệt kê *thứ nhất* (tính

enumeration (sevenfold objectivity), but have we noticed that it is different. The fourth principle is not kama-manas, but kama-rupa.

199. Could this be the enumeration of man *before* the glamorous confusion between kama and manas occurred?

200. We noticed that only in the psychic enumeration (sevenfold subjectivity) was kama (pure emotion, feeling) listed as a separated principle.

201. Also, in this enumeration, the etheric expression is not divided into etheric body and prana. The lower two principles are the dense physical body and the etheric body. But, as we have been taught, this must be a low enumeration, indeed, as the physical body, even for man, is not a principle.

5th Principle Manas. The energy of thought. The middle principle. —S. D., II, 83, 84. II, 332. S. D., II, 669.

202. Another name for manas is the "middle principle". In this respect it is a linking principle and related to solar fire. There is no distinction made here between lower mind and manas as in the enumeration on sevenfold objectivity.

6th Principle Buddhi. The energy of love. —S. D., II, 649, 676. S. D., III, 58.

203. The wisdom aspect of buddhi is not here emphasized.

7th Principle Atma. The synthetic principle. —S. D., I, 357, 201. S. D., III, 142.

khách quan thất phân), nhưng chúng ta có nhận ra rằng nó khác không. Nguyên khí thứ tư không phải là thể trí cảm, mà là kama-rupa.

199. Liệu đây có phải là cách liệt kê con người *trước khi* sự lẫn lộn ảo cảm giữa kama và manas xảy ra không?

200. Chúng ta đã lưu ý rằng chỉ trong cách liệt kê thông linh (tính chủ quan thất phân) kama (cảm xúc thuần túy, cảm giác) mới được liệt kê như một nguyên khí tách biệt.

201. Ngoài ra, trong cách liệt kê này, biểu lộ dĩ thái không được chia thành thể dĩ thái và prana. Hai nguyên khí thấp là thể xác đậm đặc và thể dĩ thái. Nhưng như chúng ta đã được dạy, đây hẳn là một cách liệt kê rất thấp, vì thể xác, ngay cả đối với con người, cũng không phải là một nguyên khí.

Nguyên khí 5 Manas. Năng lượng của tư tưởng. Nguyên khí ở giữa. —S. D., II, 83, 84. II, 332. S. D., II, 669.

202. Một tên gọi khác của manas là "nguyên khí ở giữa". Về phương diện này, nó là một nguyên khí nối kết và liên hệ với Lửa Thái dương. Ở đây không có sự phân biệt giữa hạ trí và manas như trong cách liệt kê về tính khách quan thất phân.

Nguyên khí 6 Buddhi. Năng lượng của bác ái. —S. D., II, 649, 676. S. D., III, 58.

203. Ở đây phương diện minh triết của buddhi không được nhấn mạnh.

Nguyên khí 7 Atma. Nguyên khí tổng hợp. —S. D., I, 357, 201. S. D., III, 142.

204. Usually, the Monad is considered the factor in the constitution of man responsible for synthesis. Here Atma or the will aspect is related to the "synthetic principle".

204. Thông thường, Chân Thần được xem là yếu tố trong cấu tạo của con người chịu trách nhiệm về sự tổng hợp. Ở đây Atma hay phương diện ý chí được liên hệ với "nguyên khí tổng hợp".

205. In a way, it is appropriate to consider Atma synthetic. The highest of the seven principle gathers all other principles into itself before being absorbed by the monadic source.

205. Theo một nghĩa nào đó, việc xem Atma là tổng hợp là thích đáng. Nguyên khí cao nhất trong bảy nguyên khí thu tập tất cả các nguyên khí khác vào chính nó trước khi được hấp thu bởi nguồn chân thần.

206. The synthesizing planets gather all other planets into themselves, until only one synthesizer is left, itself to be absorbed by the Sun.

206. Các hành tinh tổng hợp thu tập tất cả các hành tinh khác vào chính chúng, cho đến khi chỉ còn lại một hành tinh tổng hợp, rồi chính nó được hấp thu vào Mặt Trời.

207. VSK queries: "So is this the better explanation of four wicks, as the lower four principles, dense body, etheric, prana, and kama rupa?

207. VSK nêu câu hỏi: "Vậy đây có phải là lời giải thích tốt hơn về bốn tim đèn, như bốn nguyên khí thấp: thể xác đậm đặc, thể dĩ thái, prana, và kama rupa không?

See S. D., III, 201, note.

Xem S. D., III, 201, ghi chú.

a. Buddhi is the vehicle for atma.

a. Buddhi là vận cụ cho atma.

b. Manas is the vehicle for buddhi.

b. Manas là vận cụ cho buddhi.

c. Kamarupa is the vehicle for manas. —S. D., II, 171.

c. Kamarupa là vận cụ cho manas. —S. D., II, 171.

d. The etheric body is the vehicle for prana.

d. Thể dĩ thái là vận cụ cho prana.

208. VSK calls our attention to the following: "So, then, the etheric body, is not 'the vehicle for' kamarupa or astral energy, but for 'prana'. From what source does this prana enter? Recall the Great Bear correlation to prana".

208. VSK lưu ý chúng ta điều sau đây: "Vậy thì, thể dĩ thái không phải là 'vận cụ cho' kamarupa hay năng lượng cảm dục, mà là cho 'prana'. Prana này đi vào từ nguồn nào? Hãy nhớ sự tương quan của Đại Hùng Tinh với prana".

209. Yes, there is a skip here. Why is there no vehicle for kama (or, as here stated, "kama

209. Đúng vậy, ở đây có một chỗ bị bỏ qua. Tại sao lại không có vận cụ cho kama (hay

rupa")? Of course the etheric body of the average human being today is very much an expression of astral energy.

như ở đây nói, "kama rupa")? Dĩ nhiên, thể dĩ thái của con người trung bình ngày nay phần lớn là một biểu lộ của năng lượng cảm dục.

210. In the tabulation immediately above there is a very definite *split* between subjectivity (in the three worlds) and the objectivity represented by prana and the etheric body.

210. Trong bảng liệt kê ngay phía trên có một sự *phân chia* rất rõ rệt giữa tính chủ quan (trong ba cõi thấp) và tính khách quan được biểu hiện bởi prana và thể dĩ thái.

211. From a broader perspective, there is no energy or force which the etheric body will not conduct, even though the means of this conduction is obscure.

211. Từ một quan điểm rộng hơn, không có năng lượng hay mãnh lực nào mà thể dĩ thái không dẫn truyền, dù phương tiện của sự dẫn truyền này còn mơ hồ.

Remember also:—

Hãy cũng ghi nhớ rằng:—

a. That the physical body is not a principle. —S. D., II, 652. III, 445. III, 652.

a. Rằng thể xác không phải là một nguyên khí. —S. D., II, 652. III, 445. III, 652.

212. This is a familiar thought by now, even though modern man treats the physical body as if it were his most important possession, and even as himself.

212. Đến nay đây đã là một tư tưởng quen thuộc, mặc dù con người hiện đại đối xử với thể xác như thể đó là sở hữu quan trọng nhất của y, và thậm chí như chính bản thân y.

b. That **atma is not a principle**. See also S. D., III, 62, 63. III, 293.

b. Rằng **atma không phải là một nguyên khí**. Xem thêm S. D., III, 62, 63. III, 293.

213. This only makes sense if "atma" is "the Atman", which, as essential being, cannot be a principle of essential being.

213. Điều này chỉ có ý nghĩa nếu "atma" là "Atman", mà với tư cách là bản thể cốt yếu, không thể là một nguyên khí của bản thể cốt yếu.

Other enumerations, differing in certain particulars will be found:—S.D., I, 177, 181, 685. II, 669. III, 476, 560. The latter is more esoteric.

Những cách liệt kê khác, khác nhau ở một số chi tiết, sẽ được tìm thấy ở:—S.D., I, 177, 181, 685. II, 669. III, 476, 560. Cách sau là huyền bí hơn.

214. HPB seemed often to debate with the Brahmin scholar T. Subba Row on how to divide the human being. That was an

214. Dường như HPB thường tranh luận với học giả Bà-la-môn T. Subba Row về cách

interesting high-level debate between arhats!

phân chia con người. Đó là một cuộc tranh luận cấp cao đầy thú vị giữa các arhat!

It might be useful here to consider another enumeration of the principles of man[10.] **as he manifests in the [Page 265] three worlds,** the planes whereon the subjective and the objective are united.

Ở đây có thể hữu ích khi xem xét một cách liệt kê khác về các nguyên khí của con người[10.] **khi y biểu hiện trong [Page 265] ba cõi thấp,** là các cõi nơi chủ quan và khách quan được hợp nhất.

215. This will be an enumeration which does not take in the source (the Monad) at all. If we review the enumerations as we have been studying them, we see that all of them have, thus far, included the Monad.

215. Đây sẽ là một cách liệt kê hoàn toàn không bao gồm nguồn cội (Chân thần). Nếu chúng ta điểm lại các cách liệt kê như đã nghiên cứu, ta sẽ thấy rằng cho đến nay tất cả đều đã bao gồm Chân thần.

What have we there? Let us begin where man begins, with the lowest:

Ở đó chúng ta có gì? Hãy bắt đầu từ nơi con người bắt đầu, với cái thấp nhất:

7. The etheric body 1. The vital body.

7. Thể dĩ thái 1. Thể sinh lực/thể dĩ thái.

6. Prana 2. Vital force.

6. Prana 2. Sinh lực.

5. Kama-manas 3. Desire Mind.

5. Kama-manas 3. Trí-cảm dục vọng.

216. This is literally the meaning of kama-manas—"desire mind".

216. Đây đúng theo nghĩa đen là ý nghĩa của kama-manas—"trí dục vọng".

4. Lower mind 4. Concrete mind.

4. Hạ trí 4. Trí cụ thể.

3. Manas 5. Higher or abstract mind.

3. Manas 5. Thượng trí hay trí trừu tượng.

217. We remember that in the psychic enumeration, manas was called "pure mind".

217. Chúng ta nhớ rằng trong cách liệt kê thông linh, manas được gọi là "trí thuần khiết".

2. Buddhi 6. Wisdom, Christ force, intuition.

2. Bồ đề 6. Minh triết, mãnh lực Christ, trực giác.

218. In the spiritual enumeration buddhi was called the "Christ Principle". The idea of

218. Trong cách liệt kê tinh thần, buddhi được gọi là "Nguyên Khí Christ". Ở đây ý

love is missing here, but the intuition is added.

1. Atma 7. Spiritual Will.

This is the lowest enumeration for little evolved man at the present time.

219. It may be the lowest enumeration for little-evolved man at present, *but* unlike the enumeration offered in the footnotes and referencing *The Secret Doctrine,* the physical body is *not* offered as a principle.

220. It is important to note the dual system of numbering, where each "1." is a "7.", each "2." a "6.", and so forth.

221. We note that with respect to the etheric body, the term "vital" is used. The etheric body is called the "vital body" and prana is called "vital force". These changes in terminology are instructive.

222. VSK muses: "This enumeration suggests more … what … the dual fires by friction and dual fires of mind, as given so far in this Treatise. Where do we 'hang' all of these various versions – i.e., off of what 'man' and at what stage? Each is variously true, but from which perspectives? We need to straighten out a code for these".

223. Go to it, VSK!

224. The next enumeration is challenging. We begin to understand DK as a master at

niệm về bác ái vắng mặt, nhưng trực giác lại được thêm vào.

1. Atma 7. Ý chí tinh thần.

Đây là cách liệt kê thấp nhất dành cho con người ít tiến hoá ở thời điểm hiện nay.

219. Có thể đây là cách liệt kê thấp nhất dành cho con người ít tiến hoá hiện nay, *nhưng* khác với cách liệt kê được nêu trong các cước chú và dẫn chiếu đến *Giáo Lý Bí Nhiệm,* thể xác *không* được nêu như một nguyên khí.

220. Điều quan trọng là phải lưu ý hệ thống đánh số kép, trong đó mỗi "1." là một "7.", mỗi "2." là một "6.", v.v.

221. Chúng ta lưu ý rằng đối với thể dĩ thái, thuật ngữ "sinh lực" được dùng. Thể dĩ thái được gọi là "thể sinh lực" và prana được gọi là "sinh lực". Những thay đổi trong thuật ngữ này có tính chỉ dẫn.

222. VSK suy ngẫm: "Cách liệt kê này gợi ra nhiều hơn nữa … điều gì … về các lửa ma sát nhị phân và các lửa của trí tuệ nhị phân, như đã được trình bày cho đến nay trong Luận này. Chúng ta sẽ 'treo' tất cả những phiên bản khác nhau này vào đâu – nghĩa là, vào 'con người' nào và ở giai đoạn nào? Mỗi cách đều đúng theo những cách khác nhau, nhưng từ những phối cảnh nào? Chúng ta cần làm sáng tỏ một mã cho những điều này".

223. Hãy bắt tay vào đi, VSK!

224. Cách liệt kê kế tiếp là một thách thức. Chúng ta bắt đầu hiểu DK là một chân sư

presenting alternative perspectives on a single subject.

trong việc trình bày những phối cảnh thay thế về cùng một chủ đề.

From the standpoint of the Ego what can be seen?

Từ quan điểm của Chân ngã có thể thấy điều gì?

225. All of these "standpoints" can be better understood if we, imaginatively, identify with the particular center of focus concerned—in this case, the Ego.

225. Tất cả những "quan điểm" này có thể được hiểu rõ hơn nếu chúng ta, bằng sự tưởng tượng, đồng hoá với trung tâm tập chú đặc thù đang được xét đến—trong trường hợp này là Chân ngã.

I. The Absolute...Atma. Pure will-to-be.

I. Tuyệt Đối...Atma. Ý chí-thuần-khiết-để-hiện-hữu.

226. Normally, we would associate the "pure will-to-be" with the Monad, and the spiritual will with atma.

226. Thông thường, chúng ta sẽ liên kết "ý chí-thuần-khiết-để-hiện-hữu" với Chân thần, và ý chí tinh thần với atma.

227. This enumeration has something in common with the enumeration of "sevenfold spirituality"—there is a one, a two and a three.

227. Cách liệt kê này có điểm chung với cách liệt kê về "tính tinh thần thất phân"—có một, hai và ba.

II. The Duad.

II. Nhị nguyên.

1. Buddhi.....Pure reason, wisdom.

1. Bồ đề.....Lý trí thuần khiết, minh triết.

2. Manas.....Pure mind.

2. Manas.....Trí thuần khiết.

III. The Triad.

III. Tam nguyên tinh thần.

3. The causal body.

3. Thể nguyên nhân.

4. Lower mind.

4. Hạ trí.

5. Kama-manas.

5. Kama-manas.

6. Prana.

6. Prana.

7. The etheric body.

228. The use of the term "Triad" surmounting a series of five principle/vehicles is not easy to comprehend. Five is the number of Brahma and *three* is the number of the third ray which is the Ray of Brahma.

229. The "Triad", as here presented, represents the objective field of expression for the more subjective principles.

230. The other 'one-two-three formulation' can be found in the middle of p. 263, and descends no lower than manas.

231. The 'one-two-three' formulation suggests the first three rows of the Tetraktys.

232. In this enumeration, the physical body is again deleted, and kama-manas is included rather than kama.

233. We also have, in effect, *three minds*—the concrete mind, the "Son of Mind" (within the causal body) and the "pure mind" or abstract mind which is manas and is associated with the spiritual triad.

234. In this enumeration we have split the triad—the highest aspect, atma, from the lower two.

235. As well, every principle/vehicle below the first subplane of the mental plane is considered material (i.e., associated with the number *three*).

7. Thể dĩ thái.

228. Việc dùng thuật ngữ "Tam nguyên tinh thần" bao trùm lên một chuỗi năm nguyên khí/vận cụ không dễ hiểu. Năm là con số của Brahma và *ba* là con số của cung ba, vốn là Cung của Brahma.

229. "Tam nguyên tinh thần", như được trình bày ở đây, biểu thị trường biểu đạt khách quan cho các nguyên khí chủ quan hơn.

230. Công thức "một-hai-ba" kia có thể được tìm thấy ở giữa trang 263, và không hạ xuống thấp hơn manas.

231. Công thức "một-hai-ba" gợi ra ba hàng đầu tiên của Tetraktys.

232. Trong cách liệt kê này, thể xác lại bị loại bỏ, và kama-manas được bao gồm thay vì kama.

233. Trên thực tế, chúng ta cũng có *ba trí*—trí cụ thể, "Con của Trí Tuệ" (bên trong thể nguyên nhân) và "trí thuần khiết" hay trí trừu tượng là manas và được liên kết với Tam Nguyên Tinh Thần.

234. Trong cách liệt kê này, chúng ta đã tách Tam nguyên tinh thần—phương diện cao nhất, atma, ra khỏi hai phương diện thấp hơn.

235. Hơn nữa, mọi nguyên khí/vận cụ bên dưới cõi phụ thứ nhất của cõi trí đều được xem là vật chất (tức là, gắn với con số *ba*).

236. VSK muses: "Curious enough to see the "Triad" as inclusive of the lowest, and below buddhi and manas? Quite a materialization of the triadal fires therefore, very 'encased', as hinted below?"

236. VSK suy ngẫm: "Thật kỳ lạ khi thấy 'Tam nguyên tinh thần' lại bao gồm cái thấp nhất, và ở dưới buddhi và manas? Vậy là một sự hiện hình khá mạnh của các lửa tam nguyên tinh thần, rất 'bị bao bọc', như được ám chỉ bên dưới chăng?"

237. We have to remember that the real Ego (considering man, per se, and not in combination with the Solar Angel) is the spiritual triad and not either the Solar Angel or the consciousness within the causal body. (cf. TCF 176-177).

237. Chúng ta phải nhớ rằng Chân ngã thực sự (xét con người, chính nó, chứ không phải trong sự kết hợp với Thái dương Thiên Thần) là Tam Nguyên Tinh Thần chứ không phải Thái dương Thiên Thần hay tâm thức bên trong thể nguyên nhân. (x. TCF 176-177).

238. So, as this enumeration is given from the standpoint of the Ego, it begins with the highest aspect of the triadal Ego—namely, Atma. At least this is one way of trying to understand why the Monad should be excluded.

238. Vì vậy, do cách liệt kê này được đưa ra từ quan điểm của Chân ngã, nó bắt đầu với phương diện cao nhất của Chân ngã tam nguyên tinh thần—tức là Atma. Ít nhất đây là một cách để cố gắng hiểu vì sao Chân thần lại bị loại trừ.

In these various enumerations of the principles we are dealing with them (as H. P. B. has pointed out they must be dealt with)11, [12: S. D., III, 456] **from differing standpoints, dependent upon the stage reached and the angle of vision**.

Trong những cách liệt kê khác nhau này về các nguyên khí, chúng ta đang đề cập đến chúng (như H. P. B. đã chỉ ra rằng chúng phải được đề cập đến)11, [12: S. D., III, 456] **từ những quan điểm khác nhau, tùy thuộc vào giai đoạn đã đạt tới và góc độ tầm nhìn**.

239. These are the two criteria by means of which to create enumerations of the principles and vehicles of man:

239. Đây là hai tiêu chí để tạo ra các cách liệt kê những nguyên khí và vận cụ của con người:

a. The stage reached—in evolution

a. Giai đoạn đã đạt tới—trong tiến hoá

b. The angle of vision of the one who enumerated.

b. Góc độ tầm nhìn của người đã liệt kê.

240. VSK muses: "Yes, this is really the key point to learn: there are many ways of enumeration. If students really GET this, they won't become as frustrated with the

240. VSK suy ngẫm: "Đúng vậy, đây thực sự là điểm then chốt cần học: có nhiều cách liệt kê. Nếu các đạo sinh thực sự NẮM ĐƯỢC điều này, họ sẽ không trở nên quá thất vọng

apparent contradictions, but realize differences are a matter of scale and stage".

vì những mâu thuẫn bề ngoài, mà nhận ra rằng khác biệt là vấn đề của thang bậc và giai đoạn".

241. We now depart from text to deal with some footnotes.

241. Giờ đây chúng ta rời phần văn bản chính để bàn đến một số cước chú.

Footnote $_{11}$:

Cước chú 11:

H. P. Blavatsky says in the *Secret Doctrine* in connection with the Principles.

H. P. Blavatsky nói trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* liên quan đến các Nguyên khí.

a. That mistakes in the classification are very possible. —S. D., II, 677.

a. Rằng những sai lầm trong việc phân loại là hoàn toàn có thể xảy ra. —S. D., II, 677.

242. We have seen the extraordinary complexity and, therefore, can understand why.

242. Chúng ta đã thấy sự phức tạp phi thường và vì thế có thể hiểu tại sao.

b. That we must seek the occult meaning. —S. D., II, 652.

b. Rằng chúng ta phải tìm kiếm ý nghĩa huyền bí. —S. D., II, 652.

That there are really six not seven principles.

Rằng thực sự có sáu chứ không phải bảy nguyên khí.

243. There are at least two ways to approach this:

243. Có ít nhất hai cách để tiếp cận điều này:

a. The first: the physical body, included in some enumerations is *not* a principle.

a. Cách thứ nhất: thể xác, được bao gồm trong một số cách liệt kê, *không* phải là một nguyên khí.

b. The second: that the highest principle is the Atman, which as pure being, is not really a principle.

b. Cách thứ hai: nguyên khí cao nhất là Atman, mà với tư cách là bản thể thuần khiết, thực ra không phải là một nguyên khí.

c. If one looks a six equal-sized coins arranged around a seventh coin of the same size, one will understand the principles and the central life force which permeates each of the six.

c. Nếu người ta nhìn vào sáu đồng tiền có cùng kích thước được sắp quanh đồng tiền thứ bảy cũng cùng kích thước, người ta sẽ hiểu các nguyên khí và mãnh lực sự sống trung tâm thấm nhuần mỗi một trong sáu đồng kia.

c. That there are several classifications. —S. D., III, 374, 446.

c. Rằng có nhiều cách phân loại. —S. D., III, 374, 446.

244. This has been demonstrated throughout this section.

244. Điều này đã được chứng minh xuyên suốt phần này.

d. That the esoteric enumeration cannot be made to correspond with the exoteric—S. D., III, 476.

d. Rằng cách liệt kê huyền bí không thể làm cho tương ứng với cách liệt kê ngoại môn—S. D., III, 476.

245. We have seen that there are a number of enumerations which definitely do not correspond to each other. Much depends on what we mean by “esoteric” and “exoteric”. The enumeration associated with “sevenfold spirituality” is definitely esoteric. Is the enumeration corresponding to “sevenfold subjectivity” also to be considered esoteric? “Subjectivity”, after all, may not quite be “spirituality”. What of the enumeration offered from the perspective of the Ego?

245. Chúng ta đã thấy rằng có một số cách liệt kê rõ ràng không tương ứng với nhau. Nhiều điều tùy thuộc vào điều chúng ta muốn nói là gì khi dùng “huyền bí” và “ngoại môn”. Cách liệt kê gắn với “tính tinh thần thất phân” chắc chắn là huyền bí. Còn cách liệt kê tương ứng với “tính chủ quan thất phân” cũng được xem là huyền bí chăng? Rốt cuộc, “tính chủ quan” có thể chưa hẳn là “tính tinh thần”. Còn cách liệt kê được đưa ra từ phối cảnh của Chân ngã thì sao?

e. That the numbering of the principles is a question of spiritual progress. —S. D., III, 456, 460.

e. Rằng việc đánh số các nguyên khí là một vấn đề của tiến bộ tinh thần. —S. D., III, 456, 460.

246. VSK: “All confusions nicely covered here!”

246. VSK: “Mọi sự rối rắm đều được bao quát thật gọn ở đây!”

247. VSK suggests that we should have started this whole section with the extract immediately above!

247. VSK gợi ý rằng lẽ ra chúng ta nên bắt đầu toàn bộ phần này bằng đoạn trích ngay phía trên!

We have considered them thus in answering question six because we have sought to

Chúng ta đã xem xét chúng như vậy khi trả lời câu hỏi sáu vì chúng ta đã tìm cách nhấn

emphasise and to **impress clearly upon our minds that the three lines of development must be remembered when considering the evolution of the Manasaputras.**

248. The three lines of development, in essence are:

a. Sevenfold objectivity

b. Sevenfold subjectivity

c. Sevenfold spirituality

2. The Objective Development.

249. We now enter a section which will focus on bodies and sheaths.

250. In the preceding section, the focus was mostly upon principles (or faculties) but some vehicles were mentioned:

a. The monadic egg

b. The causal body

c. The etheric body.

This is sevenfold in evolution and in time, ninefold during obscuration, and tenfold at dissolution.

251. Let us trust that the meaning of these statements will be clarified below.

252. Centers eight and nine appear as absorbers during obscuration.

mạnh và **ghi khắc rõ ràng vào trí tuệ mình rằng phải ghi nhớ ba đường phát triển khi xem xét sự tiến hoá của các Manasaputra.**

248. Ba đường phát triển, về bản chất, là:

a. Tính khách quan thất phân

b. Tính chủ quan thất phân

c. Tính tinh thần thất phân

2. Sự phát triển khách quan.

249. Giờ đây chúng ta đi vào một phần sẽ tập trung vào các thể và các vỏ bọc.

250. Trong phần trước, trọng tâm chủ yếu đặt vào các nguyên khí (hay các năng lực), nhưng một số vận cụ đã được nhắc đến:

a. Noãn chân thần

b. Thể nguyên nhân

c. Thể dĩ thái.

Điều này là thất phân trong tiến hoá và trong thời gian, cửu phân trong thời kỳ che khuất, và thập phân khi tan rã.

251. Chúng ta hãy tin rằng ý nghĩa của những phát biểu này sẽ được làm sáng tỏ ở dưới.

252. Các trung tâm tám và chín xuất hiện như những bộ hấp thụ trong thời kỳ che khuất.

253. Planetarily, Saturn, Lord of Time, is effective during the stages of sevenfoldness. Neptune and Uranus as two superior synthesizers, become active at obscuration.

253. Ở cấp hành tinh, Sao Thổ, Chúa Tể của Thời Gian, có hiệu lực trong các giai đoạn của tính thất phân. Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương, với tư cách hai đấng tổng hợp cao hơn, trở nên hoạt động trong thời kỳ che khuất.

254. The Sun, as the tenth factor, enters as an absorber at the period of final dissolution, absorbing the synthesizing planets into itself. Such absorption may not occur in relation to the physical planets. The physicalization of the planets may (at absorption) be a stage long past.

254. Mặt Trời, như yếu tố thứ mười, đi vào như một bộ hấp thụ trong thời kỳ tan rã cuối cùng, hấp thụ các hành tinh tổng hợp vào chính nó. Sự hấp thụ như thế có thể không xảy ra liên hệ với các hành tinh hồng trần. Sự hiện hình hồng trần của các hành tinh có thể (vào lúc hấp thụ) đã là một giai đoạn qua từ lâu.

255. What is said of planets can be analogized to principles and rays in somewhat the same pattern.

255. Điều được nói về các hành tinh có thể được suy theo tương đồng với các nguyên khí và các cung trong một mô hình phần nào tương tự.

Macrocosmic

Đại thiên địa

256. Well, I see the Tibetan has said precisely what I offered immediately above. Probably, from any readings, I unconsciously 'knew' that it was coming.

256. Tôi thấy Chân sư Tây Tạng đã nói chính xác điều tôi vừa nêu ngay phía trên. Có lẽ, từ một số lần đọc nào đó, tôi đã vô thức 'biết' rằng điều ấy sắp đến.

1. The seven sacred planets of the solar system.

1. Bảy hành tinh thiêng liêng của hệ mặt trời.

257. As always, we must wonder whether the seven sacred planets are to be discriminated from the three synthesizing planets.

257. Như thường lệ, chúng ta phải tự hỏi liệu bảy hành tinh thiêng liêng có phải được phân biệt với ba hành tinh tổng hợp hay không.

258. It is reasonable to assume that by the time obscuration sets in, a number of planets which are now non-sacred will then be sacred.

258. Có lý khi giả định rằng vào lúc thời kỳ che khuất bắt đầu, một số hành tinh hiện nay chưa thiêng liêng khi ấy sẽ là thiêng liêng.

259. Saturn stands at the head of these seven sacred planets as is indicated in TCF Chart VI below:

259. Sao Thổ đứng đầu bảy hành tinh thiêng liêng này như được chỉ ra trong Biểu đồ VI của TCF dưới đây:

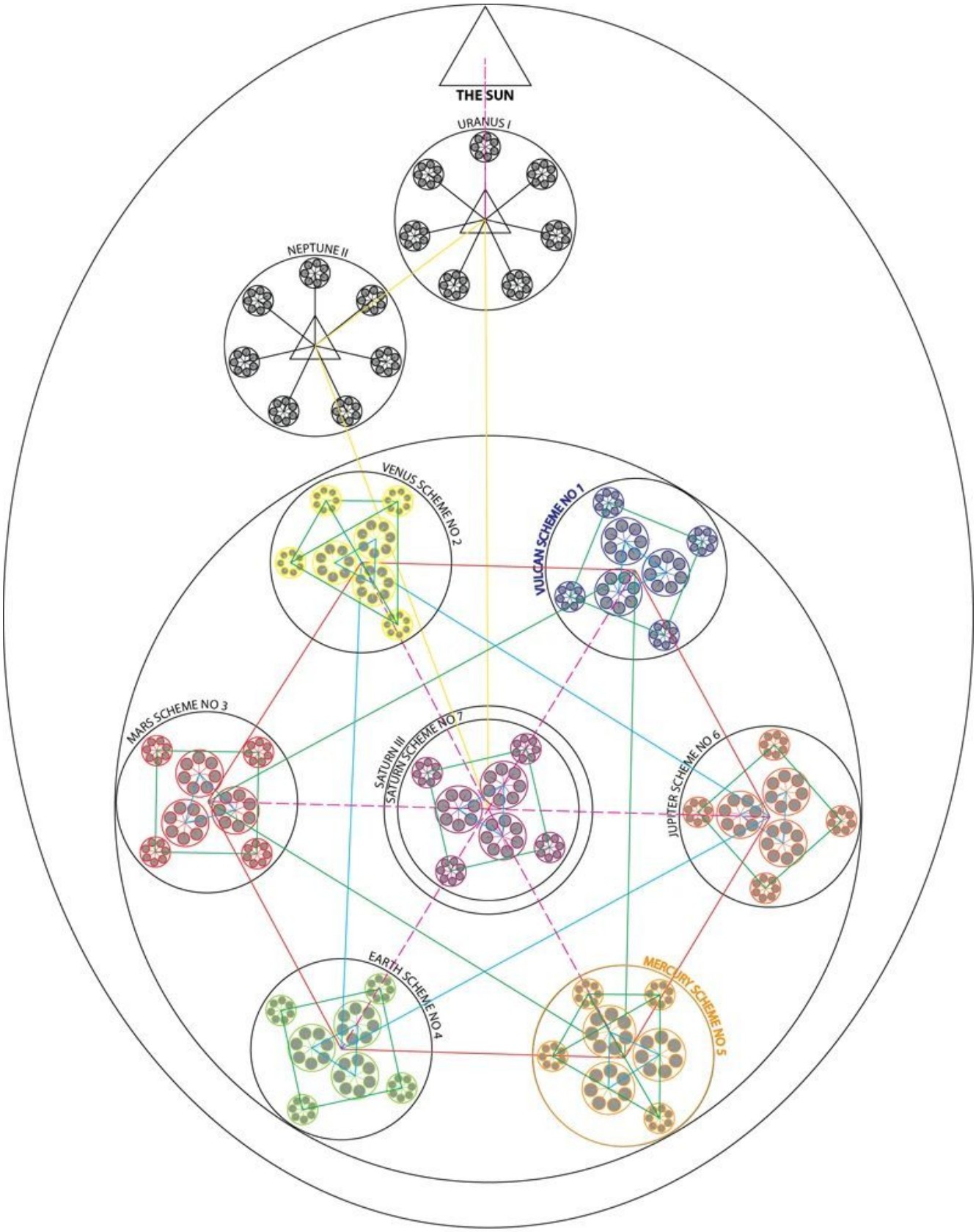

CHART VI - Solar Septenary Chart—From the middle of the Third Root Race, at the Fourth Round to "The Judgment Day" in the middle of the Fifth Round

2. The two which are hid, which are the synthesising planets.

2. Hai hành tinh ẩn giấu, là các hành tinh tổng hợp.

260. Is not Saturn to be considered a synthesizing planet?

260. Chẳng phải Sao Thổ cũng nên được xem là một hành tinh tổng hợp sao?

3. The one final synthesising planet—the Sun. Seven added to two added to one make ten.

3. Một hành tinh tổng hợp cuối cùng—Mặt Trời. Bảy cộng hai cộng một thành mười.

261. This is a curious statement, for we know that the Sun is not a "planet" and, since Neptune and Uranus are listed, the Sun does not stand for either of them.

261. Đây là một phát biểu kỳ lạ, vì chúng ta biết rằng Mặt Trời không phải là một "hành tinh" và, vì Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương đã được liệt kê, Mặt Trời không đại diện cho một trong hai hành tinh ấy.

262. As well, we cannot really say that Neptune and Uranus are "hid" (for we see them objectively as heavenly bodies) but, rather, that their functions as synthesizers and absorbers is in latency.

262. Hơn nữa, chúng ta không thể thực sự nói rằng Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương là "ẩn giấu" (vì chúng ta thấy chúng một cách khách quan như các thiên thể), mà đúng hơn là các chức năng của chúng như những đấng tổng hợp và hấp thụ đang ở trạng thái tiềm ẩn.

263. We remember now that we are considering our enumerations from a *vehicular* level, which was not formerly the case.

263. Giờ đây chúng ta nhớ rằng mình đang xem xét các cách liệt kê từ cấp độ *vận cụ*, điều trước đây không phải như vậy.

There are ten centres in the Grand Heavenly Man.

Có mười trung tâm trong Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại.

264. The Grand Heavenly Man is the Solar Logos in its entirety (though the term sometimes seems to refer to the "Son" aspect of the Solar Logos)

264. Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại là Thái dương Thượng đế trong toàn thể của Ngài (mặc dù thuật ngữ này đôi khi dường như chỉ phương diện "Con" của Thái dương Thượng đế)

265. Is the Grand Heavenly Man, Himself, to be considered the *tenth* center? The Chart above may make it seem so.

265. Có phải chính Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại được xem là trung tâm *thứ mười* không? Biểu đồ trên có thể khiến người ta thấy như vậy.

266. On the other hand, the large circle containing the seven smaller circles can be considered in relation to number *eight*, with Neptune as *nine* and Uranus as *ten*. The Sun must then be counted as the *eleventh* inclusive of the lesser *ten*.

266. Mặt khác, vòng tròn lớn chứa bảy vòng tròn nhỏ có thể được xét liên hệ với số *tám*, với Sao Hải Vương là *chín* và Sao Thiên Vương là *mười*. Khi đó Mặt Trời phải được tính là yếu tố *thứ mười một* bao gồm mười yếu tố *nhỏ hơn*.

A Heavenly Man

Một Đấng Thiên Nhân

1. The seven chains of a scheme.

1. Bảy dãy của một hệ hành tinh.

2. The two synthesising chains.

2. Hai dãy tổng hợp.

3. One ultimate chain. [See interpretations below]

3. Một dãy tối hậu. [Xem các diễn giải bên dưới]

267. We have an exact correspondence to the Solar Logos in a Planetary Logos.

267. Chúng ta có một sự tương ứng chính xác với Thái dương Thượng đế trong một Hành Tinh Thượng Đế.

268. But the term "one ultimate chain" does not correspond well with Chart VI above, unless the large circle of Saturn is considered one of the synthesizing chains, and Neptune or Uranus the others. In that case, either Neptune or Uranus, would act as the final absorber, itself to be absorbed into the Sun.

268. Nhưng thuật ngữ "một dãy tối hậu" không tương ứng tốt với Biểu đồ VI ở trên, trừ phi vòng tròn lớn của Sao Thổ được xem là một trong các dãy tổng hợp, và Sao Hải Vương hoặc Sao Thiên Vương là dãy còn lại. Trong trường hợp đó, hoặc Sao Hải Vương hoặc Sao Thiên Vương sẽ hoạt động như bộ hấp thụ cuối cùng, rồi chính nó lại được hấp thụ vào Mặt Trời.

269. If there is an analogy on the level of a Heavenly Man, then, within the planetary scheme, there will be a correspondence to the large circle surrounding the seven schemes—i.e., there will be a large chain surrounding the seven chains usually considered.

269. Nếu có một phép tương đồng ở cấp độ của một Đấng Thiên Nhân, thì bên trong hệ hành tinh sẽ có một tương ứng với vòng tròn lớn bao quanh bảy hệ—nghĩa là, sẽ có một dãy lớn bao quanh bảy dãy thường được xét đến.

270. Two other chains will also be found *subjectively*—one of them as the final absorber, itself to be absorbed into the Logos of the planetary scheme.

271. So we see that we have *two* schematics under consideration:

a. One in which the Sun (or the Planetary Logos if dealing with the planetary and not the solar systemic level) is considered the tenth factor and the final absorber

b. And the other in which the Sun (or the Planetary Logos if dealing with the planetary and not the solar systemic level) is considered the *eleventh* factor.

272. If the first option is correct, then just as the Sun is called "the one final synthesising planet", so the Planetary Logos will be called the "one ultimate chain".

273. There is something about the first option which is numerically more elegant.

274. The real question: what to do with the big circle surrounding the seven schemes, and, if analogy, holds—with the big circle surrounding the seven chains? When considering Saturn and all that is included within it, is an "esoteric Saturn" (a kind of eighth factor) to be considered? Or in this set up, is Saturn simply the *seventh* factor, Neptune and Uranus (and their synthesising-chain correspondences) the eighth and ninth, and the Sun (or Planetary Logos) the tenth?

275.

270. Hai dãy khác cũng sẽ được tìm thấy một cách *chủ quan*—một trong số đó là bộ hấp thụ cuối cùng, rồi chính nó lại được hấp thụ vào Thượng đế của hệ hành tinh.

271. Vì vậy chúng ta thấy rằng có *hai* sơ đồ đang được xem xét:

a. Một sơ đồ trong đó Mặt Trời (hay Hành Tinh Thượng Đế nếu đang xét cấp hành tinh chứ không phải cấp hệ mặt trời) được xem là yếu tố thứ mười và là bộ hấp thụ cuối cùng

b. Và sơ đồ kia trong đó Mặt Trời (hay Hành Tinh Thượng Đế nếu đang xét cấp hành tinh chứ không phải cấp hệ mặt trời) được xem là yếu tố *thứ mười một*.

272. Nếu phương án thứ nhất là đúng, thì cũng như Mặt Trời được gọi là "một hành tinh tổng hợp cuối cùng", Hành Tinh Thượng Đế sẽ được gọi là "một dãy tối hậu".

273. Có điều gì đó ở phương án thứ nhất khiến nó thanh nhã hơn về mặt số học.

274. Câu hỏi thực sự là: phải làm gì với vòng tròn lớn bao quanh bảy hệ, và, nếu phép tương đồng giữ vững—với vòng tròn lớn bao quanh bảy dãy? Khi xét Sao Thổ và mọi điều được bao gồm trong nó, có nên xét đến một "Sao Thổ huyền bí" (một loại yếu tố thứ tám) hay không? Hay trong cách sắp đặt này, Sao Thổ đơn giản là yếu tố *thứ bảy*, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương (và các tương ứng dãy-tổng hợp của chúng) là thứ tám và thứ chín, còn Mặt Trời (hay Hành Tinh Thượng Đế) là thứ mười?

275.

[Page 267]

There are ten centres in a planetary Logos.

276. If there are ten centers in a Planetary Logos, then, by analogy, there are ten centers in as Solar Logos and in man. With respect to man, we usually think of seven major centers, but seven (from the occult perspective) is not a complete number.

277. The old question to be debated: are the ten included *within* the seven, or are there three additional? This question has different answers depending upon the perspective. DK frequently speaks of seven *major* centers, but in systems of ten, there are always the "supernal three to be reckoned with". Much of this has to do with the manner in which the highest head center is divided.

Microcosm

1. The seven vehicles employed:

a. The atmic sheath.

b. The buddhic vehicle.

c. The causal or egoic body.

278. It is interesting to realize that no manasic sheath is mentioned. In a way, none exists, because the causal body is used as the sheath for higher mind.

279. However, after the destruction of the causal body, is there a higher mind? For

[Page 267]

Có mười trung tâm trong một Hành Tinh Thượng Đế.

276. Nếu có mười trung tâm trong một Hành Tinh Thượng Đế, thì theo phép tương đồng, có mười trung tâm trong một Thái dương Thượng đế và trong con người. Đối với con người, chúng ta thường nghĩ đến bảy trung tâm chính, nhưng bảy (theo phối cảnh huyền bí) không phải là một con số trọn vẹn.

277. Câu hỏi cũ cần được tranh luận: mười trung tâm ấy có được bao gồm *trong* bảy trung tâm hay có thêm ba trung tâm nữa? Câu hỏi này có những câu trả lời khác nhau tùy theo phối cảnh. DK thường nói đến bảy trung tâm *chính*, nhưng trong các hệ thống mười, luôn có "ba trung tâm thiên thượng phải được tính đến". Phần lớn điều này liên quan đến cách trung tâm đầu cao nhất được phân chia.

Tiểu thiên địa

1. Bảy vận cụ được sử dụng:

a. Vỏ bọc atma.

b. Vận cụ Bồ đề.

c. Thể nguyên nhân hay thể chân ngã.

278. Thật thú vị khi nhận ra rằng không có vỏ bọc manas nào được nhắc đến. Theo một nghĩa nào đó, không có vỏ bọc ấy, vì thể nguyên nhân được dùng như vỏ bọc cho thượng trí.

279. Tuy nhiên, sau khi thể nguyên nhân bị phá hủy, có còn thượng trí không? Chẳng

instance, do arhats who are the directors of scientific Ashrams on the higher mental plane use a higher manasic vehicle to influence those Ashrams and build thought appropriate to those Ashrams? They no longer have a causal sheath.

hạn, các arhat là những vị điều hành các ashram khoa học trên Cõi thượng trí có dùng một vận cụ manas cao hơn để ảnh hưởng đến các ashram ấy và xây dựng tư tưởng thích hợp cho các ashram ấy không? Các vị ấy không còn vỏ bọc nguyên nhân nữa.

280. The very reason man has a casual body is that (when the time for individualization came) he had not built for himself a vehicle of higher manas and had to be provided with one by external agencies—i.e., Solar Angels.

280. Chính lý do con người có thể nguyên nhân là vì (khi thời điểm biệt ngã hóa đến) y chưa tự xây dựng cho mình một vận cụ của thượng manas và phải được cung cấp một vận cụ như thế bởi các tác nhân bên ngoài—tức là, các Thái dương Thiên Thần.

281. So the causal body is, in a way, man's own, and yet the template for the causal body was not provided by him through his own exertion.

281. Vì vậy, theo một nghĩa nào đó, thể nguyên nhân là của riêng con người, nhưng khuôn mẫu cho thể nguyên nhân lại không do y cung cấp bằng nỗ lực riêng của mình.

d. The mental body.

d. Thể trí.

e. The astral body.

e. Thể cảm dục.

f. The etheric body.

f. Thể dĩ thái.

g. The dense physical.

g. Thể xác đậm đặc.

282. Since we are dealing with *sheaths*, we do not have to be concerned with the fact that the dense physical body is not a principle. The fact that it is not a principle means that it is not a direct expression of the Monad in this solar system but can be made to align with and respond to monadic energy.

282. Vì chúng ta đang đề cập đến các *vỏ bọc*, nên không cần bận tâm đến sự kiện rằng thể xác đậm đặc không phải là một nguyên khí. Việc nó không phải là một nguyên khí có nghĩa là nó không phải là một sự biểu đạt trực tiếp của Chân thần trong hệ mặt trời này, nhưng có thể được làm cho chỉnh hợp với và đáp ứng năng lượng chân thần.

2. Two synthesising bodies:

2. Hai thể tổng hợp:

a. The causal body.

a. Thể nguyên nhân.

b. The physical body.

b. Thể xác.

3. One synthesising body:

a. The monadic sheath.

283. If we count, we shall see that we do not have a true *ten.* The causal body and the physical body are repeated.

284. Rather, we have a *seven* and an *eight* once the monadic sheath is added.

285. Two of the three synthesizing bodies are also called "periodical vehicles"—the causal body and the monadic sheath. They are periodical because they manifest in cycles: for the Monad, in cycles of ones and threes, and for the causal body, in cycles of threes and sevens.

286. We note that the causal and physical apparatus are called *bodies* and the monadic apparatus is called a sheath.

287. With respect to the monadic sheath, the 'Sword of Spirit' has a scabbard.

There are seven centres in the physical vehicle which correspond to these bodies, with **the synthesising centres at the heart and throat**; the head is then the ultimate synthesiser.

288. In the case of the enumeration of the seven bodies, two of the bodies were repeated in the tabulation; this is also true within the tabulation of the centres; the throat and heart are repeated.

289. We may presume that the base of the spine center would be connected with the physical body; it is reasonable, but would it be correct? Elsewhere, the base of the spine

3. Một thể tổng hợp:

a. Vỏ bọc chân thần.

283. Nếu chúng ta đếm, sẽ thấy rằng chúng ta không có một *mười* đích thực. Thể nguyên nhân và thể xác được lặp lại.

284. Đúng hơn, chúng ta có một *bảy* và một *tám* khi vỏ bọc chân thần được thêm vào.

285. Hai trong ba thể tổng hợp cũng được gọi là "các vận cụ chu kỳ"—thể nguyên nhân và vỏ bọc chân thần. Chúng có tính chu kỳ vì chúng biểu hiện theo chu kỳ: đối với Chân thần, theo các chu kỳ của một và ba, và đối với thể nguyên nhân, theo các chu kỳ của ba và bảy.

286. Chúng ta lưu ý rằng bộ máy nguyên nhân và hồng trần được gọi là các *thể* còn bộ máy chân thần được gọi là một vỏ bọc.

287. Đối với vỏ bọc chân thần, 'Thanh Kiếm của Tinh thần' có một vỏ kiếm.

Có bảy trung tâm trong vận cụ hồng trần tương ứng với các thể này, với **các trung tâm tổng hợp ở tim và cổ họng**; khi đó đầu là đấng tổng hợp tối hậu.

288. Trong trường hợp cách liệt kê bảy thể, hai thể đã được lặp lại trong bảng; điều này cũng đúng trong bảng các trung tâm; cổ họng và tim được lặp lại.

289. Chúng ta có thể giả định rằng trung tâm đáy cột sống sẽ được nối với thể xác; điều đó có vẻ hợp lý, nhưng có đúng không? Ở nơi khác, đáy cột sống được liên hệ với cõi

is related to the etheric plane. (cf. TCF 167) Though it is also, naturally, related to the physical elemental life (EP II 304)

dĩ thái. (x. TCF 167) Mặc dù dĩ nhiên nó cũng liên hệ với sự sống hành khí hồng trần.

290. Yet, the sacral center is, in a way, very related to the physical plane, and the action of the sacral center produces the generation of the physical body. The sacral center has, as well, a connection with the mental elemental. (EP II 304)

290. Tuy nhiên, trung tâm xương cùng, theo một nghĩa nào đó, lại rất liên hệ với cõi hồng trần, và hoạt động của trung tâm xương cùng tạo ra sự phát sinh của thể xác. Trung tâm xương cùng cũng có một liên hệ với hành khí trí tuệ. (EP II 304)

291. If we are going to relate the chakras to the vehicles, the throat center will relate to the mental vehicle and we shall have to find the manner of assigning the ajna center. We have the ajna and heart centers and the buddhic and causal vehicles? Shall the ajna center be connected with the causal body? It would seem that the heart center can reasonably be associated with *both* the buddhic vehicle and the causal vehicle (for the causal body is, in a way, the middle of the three periodical vehicles even as the heart chakras is the middlemost chakra). Further, the causal body can be considered a kind of heart center of the Monad.

291. Nếu chúng ta sẽ liên hệ các luân xa với các vận cụ, thì trung tâm cổ họng sẽ liên hệ với vận cụ trí và chúng ta sẽ phải tìm ra cách gán trung tâm ajna. Chúng ta có các trung tâm ajna và tim, cùng các vận cụ Bồ đề và nguyên nhân chăng? Có nên nối trung tâm ajna với thể nguyên nhân không? Có vẻ như trung tâm tim có thể được liên kết một cách hợp lý với *cả* vận cụ Bồ đề lẫn vận cụ nguyên nhân (vì thể nguyên nhân, theo một nghĩa nào đó, là trung gian của ba vận cụ chu kỳ cũng như luân xa tim là luân xa ở giữa nhất). Hơn nữa, thể nguyên nhân có thể được xem như một loại trung tâm tim của Chân thần.

292. In relating the ajna center to the causal body, we must remember the roles of Mercury and Venus in relation to *both* the ajna center and to the causal body (which is a Venusian vehicle housing the “Son of Mind”, Mercury).

292. Khi liên hệ trung tâm ajna với thể nguyên nhân, chúng ta phải nhớ đến vai trò của Sao Thủy và Sao Kim liên quan đến *cả* trung tâm ajna lẫn thể nguyên nhân (vốn là một vận cụ Sao Kim chứa đựng “Con của Trí Tuệ”, Sao Thủy).

293. As for the physical and etheric vehicles, we shall have to divide them between the base of the spine and the sacral center.

293. Đối với các vận cụ hồng trần và dĩ thái, chúng ta sẽ phải phân chúng giữa đáy cột sống và trung tâm xương cùng.

294. In this enumeration, it seems reasonable to associate the throat center with the mental vehicle.

294. Trong cách liệt kê này, dường như hợp lý khi liên kết trung tâm cổ họng với thể trí.

295. We can see that attempting to establish correspondences between the chakras and the vehicles (as here enumerated) is not an entirely straightforward process.

296. In this method of enumerating, the ten are included within the seven.

This tabulation deals entirely with the form side, and with the vehicles indwelt by the Logos, the Manasaputras and by Man.

297. All rays and tendencies express through the physical vehicle. It is incorrect to think that the structure of the physical vehicle reflects only the physical ray. All internal qualities (for instance, ray qualities of the interior vehicles) can be expertly read in the physical body. However, who is the expert?

298. We shall encounter the same difficulties when we attempt to assign planetary chakras and solar chakras to their corresponding vehicles. It would be worth the effort to try. We might learn much about the constitution of our planet and solar system thereby.

299. The attention would be given to answering questions like:

a. Which chains in a Planetary Logos represent which chakras in that Logos?

b. Which planetary schemes in a Solar Logos represent which chakras in that Logos?

295. Chúng ta có thể thấy rằng việc cố gắng thiết lập các tương ứng giữa các luân xa và các vận cụ (như được liệt kê ở đây) không phải là một tiến trình hoàn toàn đơn giản.

296. Trong phương pháp liệt kê này, mười được bao gồm trong bảy.

Bảng này hoàn toàn đề cập đến phương diện hình tướng, và đến các vận cụ được Thượng đế, các Manasaputra và con người ngự bên trong.

297. Mọi cung và khuynh hướng đều biểu lộ qua vận cụ hồng trần. Thật sai lầm khi nghĩ rằng cấu trúc của vận cụ hồng trần chỉ phản ánh cung thể xác. Mọi phẩm tính bên trong (thí dụ, các phẩm tính cung của các vận cụ nội tại) đều có thể được đọc một cách thành thạo trong thể xác. Tuy nhiên, ai là chuyên gia đó?

298. Chúng ta sẽ gặp cùng những khó khăn ấy khi cố gắng gán các luân xa hành tinh và các luân xa thái dương cho những vận cụ tương ứng của chúng. Sẽ đáng công để thử làm điều đó. Nhờ vậy, chúng ta có thể học được nhiều điều về cấu tạo của hành tinh chúng ta và của hệ mặt trời.

299. Sự chú ý sẽ được dành cho việc trả lời những câu hỏi như:

a. Những dãy nào trong một Hành Tinh Thượng Đế đại diện cho những luân xa nào trong Thượng đế ấy?

b. Những hệ hành tinh nào trong một Thái dương Thượng đế đại diện cho những luân xa nào trong Thượng đế ấy?

300. Whereas we are definitely dealing with nine well known planets and even ten if Vulcan is included, the same cannot be said when dealing with planetary chains, the lore around which is much more obscure.

300. Trong khi chúng ta rõ ràng đang đề cập đến chín hành tinh quen thuộc và thậm chí là mười nếu kể cả Vulcan, thì điều tương tự không thể nói được khi bàn đến các dãy hành tinh, tri thức quanh chúng mờ tối hơn nhiều.

301. I will leave speculations about these correspondences until later commentaries when the structure of our planetary scheme and our solar system are the major focus.

301. Tôi sẽ để những suy đoán về các tương ứng này lại cho các phần bình luận sau, khi cấu trúc của hệ hành tinh chúng ta và của hệ mặt trời chúng ta là trọng tâm chính.

3. The Subjective Development.

3. Sự phát triển chủ quan.

This is also sevenfold:

Điều này cũng là thất phân:

1. Astral… **pure desire**, emotion, feeling.

1. Cảm dục… **dục vọng thuần túy**, cảm xúc, cảm giác.

2. Kama-manas… desire-mind.

2. Trí-cảm… trí tuệ-dục vọng.

3. Manas… lower concrete mind.

3. Manas… hạ trí cụ thể.

4. Higher manas… abstract or **pure mind**.

4. Thượng manas… trí trừu tượng hay **trí tuệ thuần túy**.

5. Buddhi… pure reason, intuition.

5. Bồ đề… lý trí thuần túy, trực giác.

6. Atma… **pure will**, realisation.

6. Atma… **ý chí thuần túy**, chứng nghiệm.

7. Monadic… Will, love-wisdom, intelligence.

7. Chân thần… Ý chí, Bác Ái – Minh Triết, trí tuệ.

302. We notice that the tabulation immediately above is almost a direct repetition of the tabulation to be found on p. 264. as follows:

302. Chúng ta nhận thấy rằng bảng ngay phía trên hầu như là một sự lặp lại trực tiếp của bảng được tìm thấy ở trang 264. như sau:

First Principle.....The sphere of manifestation, the monadic egg.
Second Principle.....Atma.....Will.
Third Principle.....Buddhi.....Pure reason, wisdom.
Fourth Principle.....Manas.....Pure mind, higher mind.
Fifth Principle.....Manas.....Lower mind.
Sixth Principle.....Kama-manas.....
Seventh Principle.....Pure emotion, or feeling.

303. Immediately below, for our convenience is a tabulation for the comparative study of these two tabulations on the subjective nature of man.

303. Ngay bên dưới, để tiện cho chúng ta, là một bảng dùng cho việc nghiên cứu so sánh hai bảng này về bản chất chủ quan của con người.

Tabulation of Distinctions

Bảng Phân Biệt

	Tabulation on Sevenfold Subjectivity p. 264	Tabulation on Subjective Development p. 267
Monadic level	The sphere of manifestation, the monadic egg.	Will, love-wisdom, intelligence.
Atmic level	Atma Will.	Pure will, realisation.
Buddhi level	Buddhi Pure reason, wisdom.	Pure reason, intuition
Higher Manasic level	Manas Pure mind, higher mind.	Abstract or pure mind.
Manasic level	Manas Lower mind.	Lower concrete mind.
Kama-manasic level	Kama-manas	Desire-mind.
Astral Level	Pure emotion, or feeling.	Pure desire, emotion, feeling.

304. On this page, 267, we are not using the word "Principle", but the functions listed are, indeed, principles.

304. Ở trang này, 267, chúng ta không dùng từ "Nguyên khí", nhưng các chức năng được liệt kê quả thật là các nguyên khí.

305. Very illuminating descriptors are placed beside the different functions. Some of quite familiar. It is important to notice the term "realisation" used in connection with atma. This term helps us understand what may be achieved using the atmic faculty. On the third subplane from below (on the atmic plane) the higher psychic faculty of "realisation" is located.

305. Những từ mô tả rất soi sáng được đặt bên cạnh các chức năng khác nhau. Một số khá quen thuộc. Điều quan trọng là lưu ý thuật ngữ "chứng nghiệm" được dùng liên hệ với atma. Thuật ngữ này giúp chúng ta hiểu điều gì có thể đạt được khi sử dụng năng lực atma. Trên cõi phụ thứ ba tính từ dưới lên (trên cõi atma), năng lực thông linh cao hơn của "chứng nghiệm" được định vị.

306. The atmic plane is also called the "nirvanic plane". On this plane, the Buddha achieved "realisation".

306. Cõi atma cũng được gọi là "cõi Niết Bàn". Trên cõi này, Đức Phật đã đạt được "chứng nghiệm".

307. Notice that on the monadic plane, the usual Will, Wisdom and Activity are replaced by Will, Love-Wisdom and Intelligence. This gives a more rounded view of monadic life.

307. Hãy lưu ý rằng trên cõi chân thần, Ý chí, Minh triết và Hoạt động thông thường được thay bằng Ý chí, Bác Ái – Minh Triết và Trí tuệ. Điều này đem lại một cái nhìn trọn vẹn hơn về sự sống chân thần.

This deals with the sevenfold development of inherent love-wisdom by the aid of mind.

Điều này đề cập đến sự phát triển thất phân của bác ái-minh triết cố hữu nhờ sự trợ giúp của trí tuệ.

308. Subjective development is really the development of "inherent love wisdom". The lowest principle or level is the astral nature which is a direct reflection of love-wisdom.

308. Sự phát triển chủ quan thật ra là sự phát triển của "bác ái-minh triết cố hữu". Nguyên khí hay cấp độ thấp nhất là bản chất cảm dục, vốn là một phản chiếu trực tiếp của bác ái-minh triết.

This proceeds macrocosmically through the seven Heavenly Men, **Who are [Page 268] actively intelligent, inherently love, and are objectively seen** through Their forms, the planetary schemes.

Điều này tiến triển ở cấp đại thiên địa qua bảy Đấng Thiên Nhân, **Đấng là [Page 268] trí tuệ hoạt động, vốn là bác ái, và được thấy một cách khách quan** qua các hình tướng của Các Ngài, tức các hệ hành tinh.

309. The Primordial Ray is associated with Active Intelligence. The Divine Ray is associated with Love-Wisdom.

309. Cung Nguyên Sơ gắn liền với Trí Tuệ Hoạt Động. Cung Thiêng Liêng gắn liền với Bác Ái – Minh Triết.

310. The Heavenly Men are already love-wisdom in expression. Man, as yet, is not.

310. Các Đấng Thiên Nhân đã là bác ái-minh triết trong biểu hiện. Còn con người thì chưa.

In Their totality They are the Logos, the Grand Man of the Heavens.

Trong tổng thể của Các Ngài, Các Ngài là Thượng đế, Đại Nhân của Thiên Giới.

311. Is the Solar Logos more than the sum total of the Planetary Logoi? It would seem so, just as man is more than the sum total of his principles and their vehicles.

311. Thái dương Thượng đế có hơn tổng số các Hành Tinh Thượng Đế không? Dường như là có, cũng như con người hơn tổng số các nguyên khí của y và các vận cụ của chúng.

312. Wheels within wheels; spheres within spheres; beings within beings must be pondered.

312. Bánh xe trong bánh xe; khối cầu trong khối cầu; hữu thể trong hữu thể phải được suy ngẫm.

In the case of a Heavenly Man the development proceeds through the seven groups of human entities who form Their psychic centres. These groups are on their own plane **developing intelligence, are inherently love, and can be objectively contacted** on the seven chains of a scheme.

Trong trường hợp của một Đấng Thiên Nhân, sự phát triển tiến hành qua bảy nhóm thực thể nhân loại tạo thành các trung tâm thông linh của Các Ngài. Những nhóm này trên cõi riêng của chúng **đang phát triển trí tuệ, vốn là bác ái, và có thể được tiếp xúc một cách khách quan** trên bảy dãy của một hệ hành tinh.

313. We are being given the manner in which subjective development proceeds in relation to a Heavenly Man.

313. Chúng ta đang được cho biết cách thức mà sự phát triển chủ quan tiến hành trong liên hệ với một Đấng Thiên Nhân.

314. The human entities here named must be considered in their *monadic* aspects, because it is as Monads that human beings are included in the formation of the chakras of the Heavenly Man.

314. Những thực thể nhân loại được nêu tên ở đây phải được xét trong các phương diện *chân thần* của chúng, bởi vì chính với tư cách các chân thần mà con người được bao gồm trong sự hình thành các luân xa của Đấng Thiên Nhân.

315. We note a fundamental difference between a Heavenly Man and a human

315. Chúng ta lưu ý một khác biệt căn bản giữa một Đấng Thiên Nhân và một con

being. The Heavenly Men are *already* actively intelligent. The human being is only "developing intelligence".

316. It would seem that man can be found on *all* seven chains of a planetary scheme. Since not all chains are in dense objectivity, the term "objectively contacted" seems to be relative. In other words, on every chain, man achieves a kind of objectivity depending upon the degree of objectivity possible on any particular chain.

317. The term "psychic centers" also bears examining. The psychic centers of a man would reasonably be found on the astral plane. Would the psychic centers of a Planetary Logos be found upon the cosmic astral plane? If so, man as Monad cannot participate in their constitution.

318. When considering the psychic centers of a Planetary Logos, three levels of expression may be examined: the buddhic plane, the monadic plane, and perhaps one of the subplanes of the cosmic astral plane.

319. The seven groups of human entities must be considered as seven groups within the *entire* planetary scheme and *not* as the groupings of seven which are found on any particular globe or any particular chain. All the lesser grouping must be included within the seven major *scheme groupings.*

320. We notice that the Tibetan does not specify on which plane these seven groups of human entities are to be found. It is not unreasonable to think of the monadic plane as the major focus with its seven 'ray-

người. Các Đấng Thiên Nhân *đã* là trí tuệ hoạt động. Con người chỉ mới "đang phát triển trí tuệ".

316. Dường như con người có thể được tìm thấy trên *cả* bảy dãy của một hệ hành tinh. Vì không phải mọi dãy đều ở trong tính khách quan đậm đặc, nên thuật ngữ "được tiếp xúc một cách khách quan" dường như có tính tương đối. Nói cách khác, trên mỗi dãy, con người đạt được một loại tính khách quan tùy theo mức độ khách quan có thể có trên bất kỳ dãy riêng biệt nào.

317. Thuật ngữ "các trung tâm thông linh" cũng cần được khảo sát. Các trung tâm thông linh của một người hẳn là được tìm thấy trên cõi cảm dục. Liệu các trung tâm thông linh của một Hành Tinh Thượng Đế có được tìm thấy trên cõi cảm dục vũ trụ không? Nếu vậy, con người với tư cách chân thần không thể tham gia vào cấu tạo của chúng.

318. Khi xét các trung tâm thông linh của một Hành Tinh Thượng Đế, có thể khảo sát ba cấp độ biểu hiện: cõi Bồ đề, cõi chân thần, và có lẽ một trong các cõi phụ của cõi cảm dục vũ trụ.

319. Bảy nhóm thực thể nhân loại phải được xem là bảy nhóm bên trong *toàn bộ* hệ hành tinh và *không* phải là các nhóm bảy được tìm thấy trên bất kỳ bầu hành tinh riêng biệt nào hay bất kỳ dãy riêng biệt nào. Mọi nhóm nhỏ hơn phải được bao gồm trong bảy *nhóm hệ hành tinh* chính yếu.

320. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư Tây Tạng không xác định bảy nhóm thực thể nhân loại này được tìm thấy trên cõi nào. Không phải là vô lý khi nghĩ đến cõi chân thần như tiêu điểm chính với bảy "khối cầu-cung" của nó,

spheres' which represent the seven archetypal principles of a Planetary Logos.

vốn đại diện cho bảy nguyên khí nguyên mẫu của một Hành Tinh Thượng Đế.

321. The ashramic groupings with which our texts have made us familiar are only a small part of these seven major groupings of human beings in a Heavenly Man.

321. Những nhóm ashram mà các văn bản của chúng ta đã làm cho chúng ta quen thuộc chỉ là một phần nhỏ của bảy nhóm lớn này của nhân loại trong một Đấng Thiên Nhân.

322. We can see that the Tibetan has veiled much in a few apparently simple words.

322. Chúng ta có thể thấy rằng Chân sư Tây Tạng đã che giấu nhiều điều trong một vài lời có vẻ đơn giản.

In the case of individual man, the development proceeds through his seven centres, which are the key to his psychic evolution.

Trong trường hợp của con người cá nhân, sự phát triển tiến hành qua bảy trung tâm của y, vốn là chìa khóa cho sự tiến hoá thông linh của y.

323. We must not think of seven centers as existing on only one plane; the chakras are really multi-planar. The etheric chakras, astral chakras, mental chakras, etc., are really part of a single chakric structure with different vibrational divisions. Perhaps there are even buddhic chakras, and atmic chakras, as a Master has thirty-five centers.

323. Chúng ta không được nghĩ rằng bảy trung tâm chỉ tồn tại trên một cõi; các luân xa thật ra là đa cõi. Các luân xa dĩ thái, luân xa cảm dục, luân xa trí tuệ, v.v. thật ra là một phần của một cấu trúc luân xa duy nhất với những phân chia rung động khác nhau. Có lẽ thậm chí còn có các luân xa Bồ đề, và các luân xa atma, vì một Chân sư có ba mươi lăm trung tâm.

324. If the seven centres of man are "the key to his psychic evolution", then the seven centers of a Planetary Logos must also be the key to His psychic evolution.

324. Nếu bảy trung tâm của con người là "chìa khóa cho sự tiến hoá thông linh của y", thì bảy trung tâm của một Hành Tinh Thượng Đế cũng phải là chìa khóa cho sự tiến hoá thông linh của Ngài.

325. It will be necessary to examine the relation of the centers of force on systemic monadic plane to the "psychic evolution" of a Planetary Logos.

325. Sẽ cần phải khảo sát mối liên hệ của các trung tâm mãnh lực trên cõi chân thần hệ thống với "sự tiến hoá thông linh" của một Hành Tinh Thượng Đế.

326. If we think analogically it would seem that the Planetary Logos should be pursuing His psychic evolution *through His seven chains,* which correspond to the seven major

326. Nếu chúng ta suy nghĩ theo định luật tương đồng thì dường như Hành Tinh Thượng Đế phải đang theo đuổi sự tiến hoá thông linh của Ngài *qua bảy dãy của Ngài,*

chakras in man. For a Heavenly Man to pursue His psychic evolution *only* through groupings of human beings seems far too limiting.

vốn tương ứng với bảy luân xa chính yếu trong con người. Để một Đấng Thiên Nhân theo đuổi sự tiến hoá thông linh của Ngài *chỉ* qua các nhóm con người thì dường như quá hạn hẹp.

327. When speaking of the chakras or centers within a Heavenly Man, the Tibetan appears to use what we might call 'level blinds'. Planetary-chains are centers; planetary globes are centers; groupings of lives higher than man can be considered centers (for instance, higher kingdoms); and of course, groupings of human beings can be considered to be centers. To get a clear idea of the possible centers within a Heavenly Man, however, we have to keep such levels clearly in mind.

327. Khi nói về các luân xa hay trung tâm bên trong một Đấng Thiên Nhân, Chân sư Tây Tạng dường như dùng điều mà chúng ta có thể gọi là "những tấm màn cấp độ". Các dãy hành tinh là các trung tâm; các bầu hành tinh là các trung tâm; các nhóm sự sống cao hơn con người có thể được xem là các trung tâm (thí dụ, các giới cao hơn); và dĩ nhiên, các nhóm con người có thể được xem là các trung tâm. Tuy nhiên, để có được một ý niệm rõ ràng về những trung tâm khả hữu bên trong một Đấng Thiên Nhân, chúng ta phải giữ rõ ràng những cấp độ như thế trong tâm trí.

328. We should pause to consider the meaning of "psychic evolution". From a simple perspective, we can consider it to be 'subjective evolution'—the evolution of consciousness and not the evolution of the form or the matter composing the form.

328. Chúng ta nên dừng lại để xem xét ý nghĩa của "sự tiến hoá thông linh". Từ một góc nhìn đơn giản, chúng ta có thể xem đó là "sự tiến hoá chủ quan"—sự tiến hoá của tâm thức chứ không phải sự tiến hoá của hình tướng hay của vật chất cấu thành hình tướng.

A man is also **developing intelligence, is inherently love, and is objectively seen** through one or other of his bodies.

Con người cũng **đang phát triển trí tuệ, vốn là bác ái, và được thấy một cách khách quan** qua thể này hay thể khác của y.

329. We do not *see* principles. We only see the bodies, vehicles or sheathes through which those principles function.

329. Chúng ta không *thấy* các nguyên khí. Chúng ta chỉ thấy các thể, vận cụ hay các vỏ bọc mà qua đó những nguyên khí ấy hoạt động.

What I seek to emphasise is the fact of the psychic development, and also that ***subjective evolution is the main enterprise of the Logos*, of a planetary Logos and of a man.**

Điều tôi tìm cách nhấn mạnh là sự kiện của sự phát triển thông linh, và cũng là rằng ***sự tiến hoá chủ quan là công việc chính của Thượng đế*, của một Hành Tinh Thượng Đế và của con người.**

330. We are no longer in a solar system the major purpose of which is to develop matter and form.

330. Chúng ta không còn ở trong một hệ mặt trời mà mục đích chính là phát triển vật chất và hình tướng nữa.

331. Matter/form should become the focus of attention only to the degree that they can be utilized to promote the development of consciousness.

331. Vật chất/hình tướng chỉ nên trở thành tiêu điểm chú ý ở mức độ mà chúng có thể được sử dụng để thúc đẩy sự phát triển của tâm thức.

Active intelligent love (the bringing forth from latency of the inherent quality of love by the intelligent application of the mind faculty) will be the result of the evolutionary process.

Bác ái trí tuệ hoạt động (sự đưa phẩm tính bác ái cố hữu từ trạng thái tiềm ẩn ra ngoài nhờ sự vận dụng trí tuệ một cách thông minh) sẽ là kết quả của tiến trình tiến hoá.

332. This is such a clear exposition of the purpose and method of the evolutionary process.

332. Đây là một sự trình bày hết sức rõ ràng về mục đích và phương pháp của tiến trình tiến hoá.

333. We see how important is the utilization of the mind faculty in the bringing forth of love from latency into objectivity.

333. Chúng ta thấy việc sử dụng năng lực trí tuệ quan trọng biết bao trong việc đưa bác ái từ trạng thái tiềm ẩn vào tính khách quan.

334. The planet Venus is precisely involved in this use of the mind faculty in relation to the emerging expression of love.

334. Hành tinh Sao Kim chính xác là có liên quan đến việc sử dụng năng lực trí tuệ này trong mối liên hệ với sự biểu lộ đang xuất hiện của bác ái.

Just as objectivity is dual, **life-form**, so subjectivity is dual, **mind-love**, and the blending of the two produces consciousness.

Cũng như tính khách quan là nhị nguyên, **sự sống-hình tướng**, thì tính chủ quan cũng là nhị nguyên, **trí tuệ-bác ái**, và sự hòa trộn của hai điều ấy tạo ra tâm thức.

335. Objective duality can be understood by the two lowest principles (in some enumerations): the etheric body (form) and prana (life).

335. Nhị nguyên khách quan có thể được hiểu qua hai nguyên khí thấp nhất (trong một số cách liệt kê): thể dĩ thái (hình tướng) và prana (sự sống).

336. Remember that it is only in manifestation that we speak of “life-form” and not of Spirit-Matter.

336. Hãy nhớ rằng chỉ trong biểu hiện chúng ta mới nói đến “sự sống-hình tướng” chứ không nói đến Tinh thần-Vật chất.

337. The lowest fire (fire by friction) is also dual: fire active and radiatory and fire latent.

337. Ngọn lửa thấp nhất (Lửa ma sát) cũng là nhị nguyên: lửa hoạt động và phóng xạ, và lửa tiềm ẩn.

338. The lower mental fire is the fire of the mental elemental life.

338. Lửa trí tuệ thấp hơn là lửa của sự sống hành khí trí tuệ.

339. The higher of the two mental fires, solar fire, is associated with love.

339. Ngọn lửa trí tuệ cao hơn trong hai ngọn lửa trí tuệ, Lửa Thái dương, gắn liền với bác ái.

340. VSK reminds us that the Tibetan's statement is "relevant to reinforcing the theme of the duality of the two fires, frictional and solar, objectivity and subjectivity, and the functionality of these FOUR ('attributes') producing consciousness".

340. VSK nhắc chúng ta rằng phát biểu của Chân sư Tây Tạng "liên quan đến việc củng cố chủ đề về tính nhị nguyên của hai ngọn lửa, ma sát và thái dương, khách quan và chủ quan, và chức năng của bốn điều này ('thuộc tính') tạo ra tâm thức".

341. From a planetary perspective, the subjective duality called mind-love can be considered as Mercury-Venus.

341. Từ góc nhìn hành tinh, nhị nguyên chủ quan được gọi là trí tuệ-bác ái có thể được xem là Sao Thủy-Sao Kim.

342. The soul nature can be considered as the duality of "mind-love". The Spirit nature as will-love, or atma-buddhi. Yet, overall, the Monad is a Trinity.

342. Bản chất linh hồn có thể được xem là nhị nguyên của "trí tuệ-bác ái". Bản chất tinh thần là ý chí-bác ái, hay atma-bồ đề. Tuy nhiên, xét tổng thể, chân thần là một Tam Nguyên Tinh Thần.

Spirit alone is unity, and is undivided;

Chỉ riêng tinh thần là hợp nhất, và không phân chia;

343. At least this is the case in *this* solar system. Presently (when viewing the unfoldment of matter, mind, Spirit) we have a *five.* In the last solar system, it is likely we had a *three.* In the next solar system we may well have a *seven,* with what we call Spirit divided, and synthesized by something superior which pervades the other six aspects.

343. Ít nhất điều này đúng trong *hệ mặt trời* này. Hiện nay (khi nhìn sự khai mở của vật chất, trí tuệ, Tinh thần) chúng ta có một *năm.* Trong hệ mặt trời trước, có lẽ chúng ta đã có một *ba.* Trong hệ mặt trời kế tiếp, rất có thể chúng ta sẽ có một *bảy,* với điều mà chúng ta gọi là Tinh thần được phân chia, và được tổng hợp bởi một điều gì đó cao hơn thấm nhuần sáu phương diện kia.

the development of Spirit (or **its assumption of the fruits of evolution**) is only to be realised and brought about when the dual evolution of the form and the psyche is consummated.

sự phát triển của Tinh thần (hay **sự tiếp nhận của nó đối với những thành quả của tiến hoá**) chỉ được chứng nghiệm và được mang lại khi sự tiến hoá nhị nguyên của hình tướng và của tâm linh được hoàn tất.

344. The relative perfection of the lower quaternary must precede the development of the fifth factor which hovers above the square as the elevated point of the pyramid.

344. Sự hoàn thiện tương đối của bộ tứ thấp phải đi trước sự phát triển của yếu tố thứ năm, vốn lơ lửng phía trên hình vuông như đỉnh nâng cao của kim tự tháp.

345. This is an arresting phrase: "its assumption of the fruits of evolution". Spirit as *pure being* cannot *develop*, but Spirit as a center of awareness can, indeed, do so. Everything accomplished below is eventually translated into the domain of Spirit—sequentially from the personality to the causal body to the spiritual triad and eventually to the Monad.

345. Đây là một cụm từ gây chú ý: "sự tiếp nhận của nó đối với những thành quả của tiến hoá". Tinh thần như *bản thể thuần túy* không thể *phát triển*, nhưng Tinh thần như một trung tâm nhận biết thì quả thật có thể. Mọi điều được hoàn thành ở bên dưới cuối cùng đều được chuyển dịch vào lĩnh vực của Tinh thần—tuần tự từ phàm ngã đến thể nguyên nhân đến Tam Nguyên Tinh Thần và cuối cùng đến chân thần.

346. This transference will mean that Spirit/Monad will be more fully endowed and capable with respect to the possibility of functioning and expressing within the lower five worlds of human and super-human evolution.

346. Sự chuyển giao này sẽ có nghĩa là Tinh thần/chân thần sẽ được phú cho đầy đủ hơn và có năng lực hơn đối với khả năng hoạt động và biểu lộ trong năm cõi thấp của sự tiến hoá nhân loại và siêu nhân loại.

Then Spirit garners the fruits of evolution and gathers to itself the qualities nurtured during manifestation,—**perfect love and perfect intelligence showing forth then as active intelligent love-wisdom.**

Khi đó Tinh thần gặt hái những thành quả của tiến hoá và thu về cho chính nó những phẩm tính được nuôi dưỡng trong thời kỳ biểu hiện,—**bác ái hoàn hảo và trí tuệ hoàn hảo khi ấy biểu lộ như bác ái-minh triết trí tuệ hoạt động.**

347. We are not here speaking of the growth of the power aspect.

347. Ở đây chúng ta không nói về sự tăng trưởng của phương diện quyền năng.

348. Spirit is here represented as a great *magnet* for nurtured quality.

348. Ở đây Tinh thần được trình bày như một *nam châm* lớn đối với phẩm tính được nuôi dưỡng.

349. The instrument of expression for Spirit (the first aspect) will be the perfected combination of the qualities of the first and second aspects: active intelligence love-wisdom.

349. Công cụ biểu lộ của Tinh thần (phương diện thứ nhất) sẽ là sự kết hợp hoàn thiện của các phẩm tính thuộc phương diện thứ nhất và thứ hai: trí tuệ hoạt động bác ái-minh triết.

350. A Heavenly Man is such an expression and man is learning to be. A Heavenly Man is relatively perfect with respect to His cellular constituent, man, but not with respect to His own objectives.

350. Một Đấng Thiên Nhân là một biểu lộ như thế và con người đang học để trở thành như vậy. Một Đấng Thiên Nhân tương đối hoàn thiện đối với thành phần tế bào của Ngài là con người, nhưng không hoàn thiện đối với các mục tiêu riêng của Ngài.

We might, therefore, answer the questions: "What is the Mind aspect and why is it so important?" by saying that **the mind aspect is in reality the ability or capacity of the logoic Existence to think, to act, to build, and to evolve in order to develop the faculty of active love.**

Vì vậy, chúng ta có thể trả lời những câu hỏi: "Phương diện Trí Tuệ là gì và tại sao nó quan trọng đến thế?" bằng cách nói rằng **phương diện trí tuệ thật ra là khả năng hay năng lực của Sự Tồn Tại logoi để suy nghĩ, hành động, kiến tạo và tiến hoá nhằm phát triển năng lực bác ái hoạt động.**

351. This is a most purposeful definition of the mind aspect.

351. Đây là một định nghĩa hết sức có mục đích về phương diện trí tuệ.

352. We see that mind is a capacity of the "logoic Existence". This is another way of saying that mind is a capacity of the Planetary Logos.

352. Chúng ta thấy rằng trí tuệ là một năng lực của "Sự Tồn Tại logoi". Đây là một cách khác để nói rằng trí tuệ là một năng lực của Hành Tinh Thượng Đế.

353. The faculties or abilities of Logoic Mind are as follows:

353. Các năng lực hay khả năng của Trí Tuệ Logoi như sau:

a. To think

a. Suy nghĩ

b. To act

b. Hành động

c. To build

c. Kiến tạo

d. To evolve

d. Tiến hoá

354. The conclusion to be derived is that mind serves love, and that mind must build

354. Kết luận cần rút ra là trí tuệ phụng sự bác ái, và trí tuệ phải xây dựng nền tảng nhờ

the foundation by means of which love can emerge from latency to objective expression.

đó bác ái có thể xuất hiện từ trạng thái tiềm ẩn đến biểu lộ khách quan.

When the Logos, Who IS active intelligence, has run His [Page 269] life-cycle, He will be also love fully manifested throughout Nature.

Khi Thượng đế, Đấng LÀ trí tuệ hoạt động, đã hoàn tất chu kỳ sống [Page 269] của Ngài, Ngài cũng sẽ là bác ái được biểu lộ trọn vẹn khắp Thiên Nhiên.

355. A Solar Logos is called a "Lion of Cosmic Will", suggesting, at least, that the Love-Wisdom aspect has been developed within Him.

355. Một Thái dương Thượng đế được gọi là "Sư Tử của Ý Chí Vũ Trụ", ít nhất gợi ý rằng phương diện Bác Ái – Minh Triết đã được phát triển trong Ngài.

356. A Planetary Logos is called a "Dragon of Wisdom" indicating that He is possessed of wisdom and of love, but has surely mastered active intelligence.

356. Một Hành Tinh Thượng Đế được gọi là "Rồng của Minh Triết", cho thấy rằng Ngài sở hữu minh triết và bác ái, nhưng chắc chắn đã làm chủ trí tuệ hoạt động.

357. In this excerpt, DK is suggesting that the Solar Logos still has much to develop of the love aspect, but surely IS active intelligence.

357. Trong đoạn trích này, Chân sư DK đang gợi ý rằng Thái dương Thượng đế vẫn còn nhiều điều phải phát triển nơi phương diện bác ái, nhưng chắc chắn LÀ trí tuệ hoạt động.

358. If the fourth cosmic initiation still lies ahead of the Solar Logos, we can understand that He still has much to achieve in terms of the expression of love.

358. Nếu lần điểm đạo vũ trụ thứ tư vẫn còn ở phía trước đối với Thái dương Thượng đế, chúng ta có thể hiểu rằng Ngài vẫn còn nhiều điều phải đạt được xét về sự biểu lộ của bác ái.

359. What seems to be full development of a principle when seen from 'below' is not considered full development with respect to the objectives of the being in question.

359. Điều có vẻ là sự phát triển trọn vẹn của một nguyên khí khi được nhìn từ "bên dưới" thì không được xem là sự phát triển trọn vẹn đối với các mục tiêu của hữu thể đang được nói đến.

360. The life-cycle of the Logos is one Century of Brahma.

360. Chu kỳ sống của Thượng đế là một Thế Kỷ của Brahma.

This can be likewise predicated of a Heavenly Man in His sphere and of a man in his tiny cycle. **Thus the importance of manas can be fully seen. It is the means**

Điều này cũng có thể được khẳng định tương tự đối với một Đấng Thiên Nhân trong khối cầu của Ngài và đối với con người trong chu kỳ nhỏ bé của y. **Do đó tầm quan trọng của**

whereby evolution becomes possible, comprehension is achieved, and activity is generated and utilised.

361. Although there are great differences in the extent to which the Grand Heavenly Man, the Heavenly Man and man have developed the three faculties corresponding to the three aspects, it appears that *all of them,* on their own level, have as a principle task the development of love.

362. Let us tabulate for the sake of impression:

363. Manas is the means:

a. Whereby evolution becomes possible

b. Whereby comprehension is achieved

c. Whereby activity is generated

d. Whereby activity is utilized

Let us now consider how this question can be expressed in terms of Fire:

364. The following is a list of contrasts between Objectivity, Subjectivity and Spirituality

365. When reading the second and third column immediately below, we must think in terms of subjectivity.

manas có thể được thấy trọn vẹn. Đó là phương tiện nhờ đó tiến hoá trở nên khả hữu, sự thấu hiểu được đạt tới, và hoạt động được tạo ra và được sử dụng.

361. Mặc dù có những khác biệt lớn về mức độ mà Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại, Đấng Thiên Nhân và con người đã phát triển ba năng lực tương ứng với ba phương diện, dường như rằng *tất cả họ,* trên cấp độ riêng của mình, đều có một nhiệm vụ nguyên lý là phát triển bác ái.

362. Chúng ta hãy lập bảng để tạo ấn tượng:

363. Manas là phương tiện:

a. Nhờ đó tiến hoá trở nên khả hữu

b. Nhờ đó sự thấu hiểu được đạt tới

c. Nhờ đó hoạt động được tạo ra

d. Nhờ đó hoạt động được sử dụng

Bây giờ chúng ta hãy xét xem câu hỏi này có thể được diễn đạt như thế nào theo thuật ngữ của Lửa:

364. Sau đây là một danh sách các tương phản giữa Tính khách quan, Tính chủ quan và Tính tinh thần

365. Khi đọc cột thứ hai và thứ ba ngay bên dưới, chúng ta phải suy nghĩ theo phương diện chủ quan.

366. The subjective terms used are “God”, “Light”, “heat”, “illumination”, “fire”, and again “heat”. They refer to an *animating principle.*

366. Các thuật ngữ chủ quan được dùng là “Thượng đế”, “Ánh sáng”, “nhiệt”, “sự soi sáng”, “lửa”, và một lần nữa là “nhiệt”. Chúng quy chiếu đến một *nguyên khí làm sinh động.*

Objectively	*Subjectively*
1. The sea of fire	1. Our God is a consuming fire Energising will
2. The akasha	2. The Light of God Form aspect.
3. The aether	3. The heat of matter Activity aspect.
4. The air	4. The illumination of the intuition.
5. Fire	5. The fire of mind.
6. The astral light	6. The heat of the emotions.
7. Physical plane electricity	7. Kundalini and prana.

Một cách khách quan	*Một cách chủ quan*
1. Biển lửa	1. Thượng đế của chúng ta là ngọn lửa thiêu đốt Ý chí tiếp năng lượng
2. Akasha	2. Ánh Sáng của Thượng đế Phương diện hình tướng.
3. Dĩ thái	3. Nhiệt của vật chất Phương diện hoạt động.
4. Không khí	4. Sự soi sáng của trực giác.
5. Lửa	5. Lửa của trí tuệ.
6. Ánh sáng cảm dục	6. Nhiệt của các cảm xúc.
7. Điện của cõi hồng trần	7. Kundalini và prana.

367. Here we have the five of the “elements” listed, with water correlated to the “astral light”, and earth to “physical plane electricity”.

367. Ở đây chúng ta có năm “nguyên tố” được liệt kê, với nước được tương quan với “ánh sáng cảm dục”, và đất với “điện của cõi hồng trần”.

368. It is important to recognize that the great aphorism describing the God of our solar system—“Our God is a consuming fire”—is associated with the logoic systemic plane, and to no lower plane. All form upon the cosmic physical plane is consumed in the Sea of Fire, where it is ‘de-aggregated’ by the fiery process.

368. Điều quan trọng là phải nhận ra rằng đại châm ngôn mô tả Thượng đế của hệ mặt trời chúng ta—“Thượng đế của chúng ta là ngọn lửa thiêu đốt”—được liên kết với cõi hệ thống logoi, chứ không với cõi thấp hơn nào. Mọi hình tướng trên cõi hồng trần vũ trụ đều bị tiêu hủy trong Biển Lửa, nơi chúng bị “giải kết tập” bởi tiến trình lửa.

369. Note that the akasha is associated with *light* as well as with *sound.* This is fitting as the second ray (which is related to the second plane) is the ray of the light-bearer and also the ray of the Divine Word.

369. Hãy lưu ý rằng akasha được liên kết với *ánh sáng* cũng như với *âm thanh.* Điều này là thích hợp vì cung hai (liên hệ với cõi thứ hai) là cung của đấng mang ánh sáng và cũng là cung của Linh từ Thiêng Liêng.

370. In the sequence—vibration, light, sound, color—*light* is found in the second position and, thus, related to the second ray.

370. Trong chuỗi—rung động, ánh sáng, âm thanh, màu sắc—*ánh sáng* được tìm thấy ở vị trí thứ hai và do đó liên hệ với cung hai.

371. We note that the monadic level is the source of the "form aspect". This is fitting as the second ray is the "Form Builder", and the monadic plane is the archetypal plane with respect to the cosmic physical plane.

371. Chúng ta lưu ý rằng cấp độ chân thần là nguồn của "phương diện hình tướng". Điều này là thích hợp vì cung hai là "Đấng Kiến Tạo Hình Tướng", và cõi chân thần là cõi nguyên mẫu đối với cõi hồng trần vũ trụ.

372. The "Forms" which Plato discussed (another names for archetypes) are the patterns on which all lesser forms in the World of Becoming are built; these "Forms" pertain to the monadic plane.

372. Những "Hình Tướng" mà Plato đã bàn đến (một tên gọi khác của các nguyên mẫu) là những mô hình trên đó mọi hình tướng thấp hơn trong Thế Giới Đang Trở Thành được xây dựng; những "Hình Tướng" này thuộc về cõi chân thần.

373. Will, Love and Activity are associated with the first three elements and planes.

373. Ý chí, Bác ái và Hoạt động được liên kết với ba nguyên tố và ba cõi đầu tiên.

374. The atmic plane correlates to the third aspect of divinity.

374. Cõi atma tương quan với phương diện thứ ba của thiên tính.

375. The third fire, fire by friction, is associated with heat, and is also associated with the atmic plane considered as the archetypal Brahmic plane.

375. Ngọn lửa thứ ba, Lửa ma sát, gắn liền với nhiệt, và cũng gắn liền với cõi atma được xem như cõi Brahma nguyên mẫu.

376. Saturn and Mars are two planets which cause resistance (and therefore, friction) and contention (and therefore friction).

376. Sao Thổ và Sao Hỏa là hai hành tinh gây ra sự kháng cự (và do đó, ma sát) và xung đột (và do đó ma sát).

377. Saturn rules the atmic plane and Mars the astral plane. In relation to both of these planes the term "heat" is found associated.

377. Sao Thổ cai quản cõi atma và Sao Hỏa cai quản cõi cảm dục. Liên hệ với cả hai cõi này, thuật ngữ "nhiệt" được thấy là gắn liền.

378. Both Saturn and Mars (along with Earth) are closely related to the third aspect of divinity.

379. Saturn has a fohatic connection, for Fohat can be considered as the 'heat of matter'. Fohat is 'the Life of the Father within Matter' and His presence generates the 'Heat of the Mother—Matter'.

380. Because there is *heat* of emotion on the astral plane, the astral light distorts and deludes.

381. In relation to the phrase "the illumination of the intuition", is not the intuition inherently illuminating? Or might we say that the intuition can be characterized by different degrees of illumination?

382. In relation to physical plane electricity, we are speaking of *both* physical and etheric phenomena. Kundalini has both its physical and etheric components, though it is more an etheric than a dense physical fire. Prana is definitely etheric.

383. The suggestion is that electricity is more an etheric than a physical force. But, of course, the etheric plane is included within the physical plane considered as a whole.

384. When considering the terms "light" and "heat" in relation to each other, "light" will be associated with the second aspect of divinity, and "heat" with the third—as we see in this tabulation. There is also a way in which "light" is to be associated with the third aspect of divinity when considering Power, Love and Light.

378. Cả Sao Thổ lẫn Sao Hỏa (cùng với Trái Đất) đều liên hệ chặt chẽ với phương diện thứ ba của thiên tính.

379. Sao Thổ có một liên hệ fohat, vì Fohat có thể được xem là "nhiệt của vật chất". Fohat là "Sự Sống của Chúa Cha bên trong Vật Chất" và sự hiện diện của Ngài tạo ra "Nhiệt của Mẹ—Vật Chất".

380. Bởi vì có *nhiệt* của cảm xúc trên cõi cảm dục, nên ánh sáng cảm dục làm méo mó và mê hoặc.

381. Liên hệ với cụm từ "sự soi sáng của trực giác", chẳng phải trực giác vốn dĩ có tính soi sáng sao? Hay chúng ta có thể nói rằng trực giác có thể được đặc trưng bởi những mức độ soi sáng khác nhau?

382. Liên hệ với điện của cõi hồng trần, chúng ta đang nói đến *cả* hiện tượng hồng trần lẫn dĩ thái. Kundalini có cả thành phần hồng trần lẫn dĩ thái của nó, dù nó là một lửa dĩ thái hơn là một lửa hồng trần đậm đặc. Prana chắc chắn là dĩ thái.

383. Gợi ý ở đây là điện mang tính dĩ thái hơn là một mãnh lực hồng trần. Nhưng dĩ nhiên, cõi dĩ thái được bao gồm trong cõi hồng trần khi xét như một toàn thể.

384. Khi xét các thuật ngữ "ánh sáng" và "nhiệt" trong mối liên hệ với nhau, "ánh sáng" sẽ được gắn với phương diện thứ hai của thiên tính, và "nhiệt" với phương diện thứ ba—như chúng ta thấy trong bảng này. Cũng có một cách mà "ánh sáng" được gắn với phương diện thứ ba của thiên tính khi xét Quyền năng, Bác ái và Ánh sáng.

385. The factor of *spirituality* (and not objectivity or subjectivity) is described immediately below.

385. Yếu tố *tính tinh thần* (chứ không phải tính khách quan hay tính chủ quan) được mô tả ngay bên dưới.

Spiritually.

Một cách tinh thần.

This is hid in a threefold mystery:

Điều này được ẩn giấu trong một huyền nhiệm tam phân:

1. The mystery of electricity.

1. Huyền nhiệm của điện.

2. The mystery of the seven constellations.

2. Huyền nhiệm của bảy chòm sao.

3. The mystery of the ONE ABOVE THE LOGOS.

3. Huyền nhiệm của ĐẤNG DUY NHẤT Ở TRÊN THƯỢNG ĐẾ.

386. We can relate the "mystery of electricity" to the cosmic physical plane.

386. Chúng ta có thể liên hệ "huyền nhiệm của điện" với cõi hồng trần vũ trụ.

387. The "seven constellations" are the Seven Solar Systems of Which Ours is One, and in this tabulation may be related to the cosmic astral plane.

387. "Bảy chòm sao" là Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của chúng ta là một trong đó, và trong bảng này có thể được liên hệ với cõi cảm dục vũ trụ.

388. The ONE ABOVE THE LOGOS is the One About Whom Naught May Be Said and can be related, in this context, to the cosmic mental plane.

388. ĐẤNG DUY NHẤT Ở TRÊN THƯỢNG ĐẾ là Đấng Bất Khả Tư Nghị và trong ngữ cảnh này có thể được liên hệ với cõi trí vũ trụ.

389. These are the three great factors underlying the sevenfold objectivity and sevenfold subjectivity.

389. Đây là ba yếu tố lớn làm nền tảng cho tính khách quan thất phân và tính chủ quan thất phân.

390. It is inferred from this tabulation that the seven constellations are different from the ONE ABOVE THE LOGOS. It can be intuited that the ONE ABOVE THE LOGOS contains the seven constellations as chakras within its body of expression. (cf. TCF 293)

390. Từ bảng này có thể suy ra rằng bảy chòm sao khác với ĐẤNG DUY NHẤT Ở TRÊN THƯỢNG ĐẾ. Có thể trực giác được rằng ĐẤNG DUY NHẤT Ở TRÊN THƯỢNG ĐẾ chứa bảy chòm sao như các luân xa bên trong thể biểu lộ của Ngài. (xem TCF 293)

391. If we think carefully, we will realize that every one of the seven constellations is, in scope, really *above* the Logos. In fact, our Logos holds the position of heart center in *one* (and only one) of these constellations which, in scope, is above Him (i.e., above our Logos).

391. Nếu suy nghĩ cẩn thận, chúng ta sẽ nhận ra rằng mỗi một trong bảy chòm sao ấy, về phạm vi, thực sự đều ở *trên* Thượng đế. Thật vậy, Thượng đế của chúng ta giữ vị trí trung tâm tim trong *một* (và chỉ một) trong các chòm sao này, vốn về phạm vi là ở trên Ngài (tức là trên Thượng đế của chúng ta).

392. But the meaning of the ONE ABOVE THE LOGOS is not to be taken literally, but as a code name of the super-constellational Logos we call the One About Whom Naught May Be Said.

392. Nhưng ý nghĩa của ĐẤNG Ở TRÊN THƯỢNG ĐẾ không nên được hiểu theo nghĩa đen, mà là như một mật danh của Thượng đế siêu-chòm-sao mà chúng ta gọi là Đấng Bất Khả Tư Nghị.

393. We notice that the three aspects of divinity (here listed as "Energising Will", "Form aspect" and "Activity aspect") are correlated with the first three objective manifestations (the sea of fire, the akasha and the aether).

393. Chúng ta nhận thấy rằng ba phương diện của thiên tính (ở đây được liệt kê là "Ý Chí phát động", "phương diện hình tướng" và "phương diện hoạt động") có tương quan với ba biểu hiện khách quan đầu tiên (biển lửa, akasha và aether).

394. If we carry the analogy further we can see that the three *super-factors* here listed can also be correlated with the first three factors listed under both objectivity and subjectivity.

394. Nếu tiếp tục định luật tương đồng, chúng ta có thể thấy rằng ba *siêu-nhân tố* được liệt kê ở đây cũng có thể được liên hệ với ba nhân tố đầu tiên được liệt kê dưới cả tính khách quan lẫn tính chủ quan.

a. "The mystery of electricity" with the aether and the "activity aspect"

a. "Bí nhiệm của điện" với aether và "phương diện hoạt động"

b. "The mystery of the seven constellations" with the akasha, with "the Light of God" and the "form aspect".

b. "Bí nhiệm của bảy chòm sao" với akasha, với "Ánh sáng của Thượng đế" và "phương diện hình tướng".

c. "The mystery of the ONE ABOVE THE LOGOS" with sea of fire, with "our God is a consuming fire" and with "energising will"

c. "Bí nhiệm của ĐẤNG Ở TRÊN THƯỢNG ĐẾ" với biển lửa, với "Thượng đế của chúng ta là ngọn lửa thiêu đốt" và với "ý chí phát động"

395. At this point we should recall that all of the foregoing has been related to the attempt to answer the initial question:

395. Tại điểm này, chúng ta nên nhớ rằng tất cả những điều trình bày trên đây đều liên hệ đến nỗ lực trả lời câu hỏi ban đầu:

VI. WHAT IS THE MIND ASPECT? WHY IS THE MANASIC PRINCIPLE OF SUCH IMPORTANCE? WHO ARE THE MANASAPUTRAS?

396. There are still several pages to go before we come to the end of the section attempting to answer this question.

397. We have been dealing with a number of different ways of understanding the constitution of man (and of greater beings): sevenfold objectivity, sevenfold subjectivity and sevenfold spirituality.

398. In order to understand the mind aspect and the importance of the manasic principle, we have had to see its place within various ways of looking at the constitution of man (and the greater beings—our Planetary Logos and Solar Logos).

399. We have learned that the emergence of love from a state of latency to a state of expression and objectivity depends upon the work of mind and active intelligence.

400. Logoic mind has built the vehicles enumerated in this section and differentiated the principles through which 'Spirit-as-Monad' expresses through those vehicle. We are studying the divisions (especially) of man's manifestation and, thus, those divisions through which love must come to express and on the basis of which a greater love is to be developed.

401. The Tibetan posed a deep question to Himself. It is clear, is it not, that He has chosen as His method of answering, a most "expansive response"—a response, sometimes so expansive and so abstract,

VI. PHƯƠNG DIỆN TRÍ TUỆ LÀ GÌ? TẠI SAO NGUYÊN KHÍ MANAS LẠI QUAN TRỌNG ĐẾN THẾ? MANASAPUTRA LÀ AI?

396. Vẫn còn vài trang nữa trước khi chúng ta đi đến phần cuối của mục đang cố gắng trả lời câu hỏi này.

397. Chúng ta đã bàn đến một số cách khác nhau để hiểu cấu tạo của con người (và của các hữu thể lớn lao hơn): tính khách quan thất phân, tính chủ quan thất phân và tính tinh thần thất phân.

398. Để hiểu phương diện trí tuệ và tầm quan trọng của nguyên khí manas, chúng ta đã phải thấy vị trí của nó trong nhiều cách nhìn khác nhau về cấu tạo của con người (và các hữu thể lớn lao hơn—Đức Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế của chúng ta).

399. Chúng ta đã học rằng sự xuất hiện của bác ái từ trạng thái tiềm ẩn sang trạng thái biểu lộ và khách quan tùy thuộc vào công việc của trí tuệ và trí thông minh hoạt động.

400. Trí tuệ logoic đã xây dựng các vận cụ được liệt kê trong mục này và đã biến phân các nguyên khí qua đó 'Tinh thần-như-Chân thần' biểu lộ qua các vận cụ ấy. Chúng ta đang nghiên cứu các phân bộ (đặc biệt) của biểu hiện nơi con người và, do đó, những phân bộ qua đó bác ái phải đi đến chỗ biểu lộ và trên cơ sở đó một tình thương lớn lao hơn sẽ được phát triển.

401. Chân sư Tây Tạng đã tự đặt ra cho mình một câu hỏi sâu sắc. Rõ ràng, phải không, là Ngài đã chọn làm phương pháp trả lời của Ngài một "đáp ứng mở rộng" nhất mực—một đáp ứng đôi khi mở rộng và trừu tượng

that we may have wondered if He was answering the question at all!

đến mức chúng ta có thể đã tự hỏi liệu Ngài có đang trả lời câu hỏi ấy hay không!

402. In the foregoing section (S3S5) the Tibetan has addressed Himself to two parts of the three parts of the question: "WHAT IS THE MIND ASPECT? WHY IS THE MANASIC PRINCIPLE OF SUCH IMPORTANCE?"

402. Trong mục trên đây (S3S5), Chân sư Tây Tạng đã bàn đến hai phần trong ba phần của câu hỏi: "PHƯƠNG DIỆN TRÍ TUỆ LÀ GÌ? TẠI SAO NGUYÊN KHÍ MANAS LẠI QUAN TRỌNG ĐẾN THẾ?"

403. In the commentary on S3S6, we will consider the final part of the threefold question: "WHO ARE THE MANASAPUTRAS?"

403. Trong phần bình giải về S3S6, chúng ta sẽ xem xét phần cuối cùng của câu hỏi tam phân: "MANASAPUTRA LÀ AI?"

S3S6: TCF 269-284

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of *TCF* are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của *TCF* được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình giải xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy**, for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Xin đề nghị rằng phần Bình Giải này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh**, để bảo đảm tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

4. The Heavenly Men and Man.

The final part of question six is: **Who are the Manasaputras**?

1. The term "Manasaputras" is generic. The Solar Angel is a Manasaputra but so are the Heavenly Men.

4. Các Đấng Thiên Nhân và Con Người.

Phần cuối của câu hỏi thứ sáu là: **Manasaputra là ai**?

1. Thuật ngữ "Manasaputras" có tính khái quát. Thái dương Thiên Thần là một Manasaputra nhưng các Đấng Thiên Nhân cũng vậy.

This will be dealt with in greater detail in connection with our planet when taking up the subject of the coming of the **Lords of Flame.** It is desirable now to make certain facts clear which must form the basis of any thought upon this subject.

Điều này sẽ được bàn chi tiết hơn khi liên hệ với hành tinh của chúng ta lúc đề cập đến chủ đề sự giáng lâm của các **Đấng Chúa Tể của Lửa.** Hiện nay, điều mong muốn là làm sáng tỏ một số sự kiện nhất định, những điều phải tạo thành nền tảng cho mọi tư tưởng về chủ đề này.

2. The Lords of the Flame are Solar Angels.

2. Các Đấng Chúa Tể của Lửa là các Thái dương Thiên Thần.

3. Have we wondered why they are called "Lords of the *Flame*"? Occultly, the "Flame" is frequently the "Flame of Spirit". From one perspective, these "Lords" serve the Spirit or Monad of humanity.

3. Chúng ta có từng tự hỏi vì sao Các Ngài được gọi là "Các Đấng Chúa Tể của *Lửa*" không? Theo huyền bí học, "Lửa" thường là "Lửa của tinh thần". Từ một góc độ, các "Đấng Chúa Tể" này phụng sự tinh thần hay chân thần của nhân loại.

4. From another perspective, their bodies are of flame. They themselves *are* a divine fire. They are fire beings.

4. Từ một góc độ khác, thể của Các Ngài là lửa. Chính Các Ngài *là* một ngọn lửa thiêng liêng. Các Ngài là những hữu thể lửa.

5. In the words of Master Morya they could be considered beings from the "fiery world".

5. Theo lời của Chân sư Morya, Các Ngài có thể được xem là những hữu thể đến từ "thế giới lửa".

6. They emanate from a world in which *fire* is the great reality—as indeed it is everywhere, however occluded to the normal senses.

6. Các Ngài phát xuất từ một thế giới trong đó *lửa* là thực tại lớn lao—quả thật là như vậy ở khắp nơi, dù bị che khuất đối với các giác quan thông thường.

[Page 270]

[Page 270]

The Divine Manasaputras,[13,14.] Who are known in the Secret Doctrine by diverse names, are the Mind-born Sons of Brahma, the third aspect logoic.

Các Manasaputra Thiêng Liêng,13,14. những Đấng được biết đến trong Giáo Lý Bí Nhiệm dưới nhiều danh xưng khác nhau, là các Con của Brahma sinh ra từ trí tuệ, tức phương diện logoic thứ ba.

7. We note that the term "Divine" has been added before "Manasaputras". This is almost

7. Chúng ta lưu ý rằng từ "Thiêng Liêng" đã được thêm vào trước "Manasaputras". Đây hầu như luôn là dấu hiệu cho thấy các Thực

always the indication that the Entities under discussion are the Heavenly Men.

8. We are familiar with the thought that Brahma represents the third aspect of divinity, Vishnu the second and Shiva the first.

9. If these Manasaputras are Sons of *Brahma*, then, clearly they are associated with the third aspect of divinity.

10. That they are "mind-born" suggests that they are the product of emanation or radiation from the core of that which in any system represents Brahma.

11. They do not, however, belong to the third aspect of divinity in the same sense as Fohat and His "Sons".

12. We must remember that these mind-born Sons are "Dragons of Wisdom" and are becoming ever more perfect in the expression of the Love-Wisdom principle on their own levels of development.

Footnote [13]:

In the *Secret Doctrine* the Heavenly Men are spoken of as:

1. Agents of creation. They are the totality of manifestation. —S. D., I, 470.

13. Thus, they have an association with the third aspect which functions under the "Ray of Creative Intelligence", the Tibetan's preferred name for the third ray.

Thể đang được bàn đến là các Đấng Thiên Nhân.

8. Chúng ta quen thuộc với tư tưởng rằng Brahma tượng trưng cho phương diện thứ ba của thiên tính, Vishnu là phương diện thứ hai và Shiva là phương diện thứ nhất.

9. Nếu các Manasaputras này là các Con của *Brahma*, thì rõ ràng các Ngài liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính.

10. Việc các Ngài là "sinh ra từ trí tuệ" gợi ý rằng các Ngài là sản phẩm của sự phát xạ hay bức xạ từ cốt lõi của điều mà trong bất kỳ hệ thống nào cũng tượng trưng cho Brahma.

11. Tuy nhiên, các Ngài không thuộc về phương diện thứ ba của thiên tính theo cùng ý nghĩa như Fohat và các "Con" của Ngài.

12. Chúng ta phải nhớ rằng các Con sinh ra từ trí tuệ này là "Những Rồng Minh Triết" và đang ngày càng trở nên hoàn hảo hơn trong sự biểu lộ nguyên khí Bác Ái – Minh Triết trên các cấp độ phát triển riêng của các Ngài.

Chú thích cuối trang 13:

Trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, các Đấng Thiên Nhân được nói đến như sau:

1. Các tác nhân của sáng tạo. Các Ngài là toàn thể biểu hiện. —S. D., I, 470.

13. Như vậy, các Ngài có liên hệ với phương diện thứ ba, phương diện hoạt động dưới "Cung của Trí Thông Minh Sáng Tạo", danh xưng mà Chân sư Tây Tạng ưa dùng cho cung ba.

14. The manifestation of which they are the totality can only be manifestation within the solar system.

14. Biểu hiện mà các Ngài là toàn thể chỉ có thể là biểu hiện bên trong hệ mặt trời.

15. There may be some supremely exalted septenate of which it could be said that they are the totality of manifestation in the entire universe.

15. Có thể có một bộ bảy tối cao nào đó mà về nó người ta có thể nói rằng họ là toàn thể biểu hiện trong toàn thể vũ trụ.

2. They are pre-cosmic. —S. D., I, 470.

2. Các Ngài là tiền-vũ trụ. —S. D., I, 470.

16. In this case the term "cosmic" suggests a solar system as a cosmos. That they are "pre-cosmic" suggests that they exist *before* a solar system comes into manifestation.

16. Trong trường hợp này, thuật ngữ "vũ trụ" gợi ý một hệ mặt trời như một vũ trụ. Việc các Ngài là "tiền-vũ trụ" gợi ý rằng các Ngài hiện hữu *trước* khi một hệ mặt trời đi vào biểu hiện.

17. There is also the suggestion that they have a life-focus on planes higher than the cosmic physical.

17. Cũng có gợi ý rằng các Ngài có tiêu điểm sự sống trên những cõi cao hơn cõi hồng trần vũ trụ.

3. They are the sumtotal of solar and lunar entities. —S. D., I, 152, 470. Compare II, 374.

3. Các Ngài là tổng thể của các thực thể thái dương và thái âm. —S. D., I, 152, 470. So sánh II, 374.

18. This may be largely the case within our solar system. Of course, these Manasaputras cannot be conceived as comprising, in addition, the body and subtler vehicles of the Solar Logos *per se*.

18. Điều này có thể phần lớn đúng trong hệ mặt trời của chúng ta. Dĩ nhiên, không thể hình dung các Manasaputras này là bao gồm thêm cả thể và các vận cụ vi tế hơn của Thái dương Thượng đế *chính nó*.

19. It can be inferred that within the bodies *proper* (both objective and subjective) of the Solar Logos there are at least *solar entities.* Are there lunar entities, however, within the bodies of the Solar Logos, per se?

19. Có thể suy ra rằng trong các thể *đúng nghĩa* (cả khách quan lẫn chủ quan) của Thái dương Thượng đế, ít nhất có các *thực thể thái dương.* Tuy nhiên, có các thực thể thái âm bên trong các thể của Thái dương Thượng đế, chính nó, hay không?

4. They are the seven Biblical Archangels.

4. Các Ngài là bảy Tổng Thiên Thần trong Kinh Thánh.

20. We enter the subject of 'angelology'. We come to understand that at least one interpretation of the nature of the Archangels is that they are Planetary Logoi.

20. Chúng ta bước vào chủ đề 'thiên thần học'. Chúng ta đi đến chỗ hiểu rằng ít nhất một cách giải thích về bản chất của các Tổng Thiên Thần là các Ngài là các Hành Tinh Thượng Đế.

21. The Archangels are also conceived as intra-planetary beings, and, therefore, as beings lesser than the Planetary Logoi.

21. Các Tổng Thiên Thần cũng được quan niệm là những hữu thể nội-hành-tinh, và do đó là những hữu thể thấp hơn các Hành Tinh Thượng Đế.

They are the seven Forces or creative Powers.

Các Ngài là bảy Mãnh Lực hay các Quyền Năng sáng tạo.

22. It is interesting that they are not called the seven "Energies". We might say that when an "Energy" expresses itself creatively on a lower plane, it is called a "Force".

22. Điều thú vị là các Ngài không được gọi là bảy "Năng Lượng". Chúng ta có thể nói rằng khi một "Năng Lượng" biểu lộ một cách sáng tạo trên một cõi thấp hơn, nó được gọi là một "Mãnh Lực".

They are the seven Spirits before the Throne.

Các Ngài là Bảy Thánh Linh trước Thánh Ngai.

23. Much depends upon which "throne" we are discussing. In this case the "throne" is that of the Solar Logos. Each Planetary Logos, of course, is also a kind of "throne" and has its "seven Spirits" or "Ray Lords".

23. Nhiều điều tùy thuộc vào việc chúng ta đang bàn đến "ngai" nào. Trong trường hợp này, "ngai" là của Thái dương Thượng đế. Dĩ nhiên, mỗi Hành Tinh Thượng Đế cũng là một loại "ngai" và có "bảy Thánh Linh" hay "các Chúa Tể Cung" của riêng mình.

They are the seven Spirits of the Planets. —S. D., I, 472, 153.

Các Ngài là bảy Thánh Linh của các Hành Tinh. —S. D., I, 472, 153.

24. The word "Spirits" in this context represents the great Being Who informs an entire planetary scheme.

24. Từ "Thánh Linh" trong ngữ cảnh này tượng trưng cho Hữu Thể vĩ đại đang thấm nhuần toàn bộ một hệ hành tinh.

25. We must be cautious in the use of the term *spirit of the planet* because it can also be used as follows, indicating not a monadic Entity but an involutionary one.:

"All the involutionary lives, as earlier pointed out, form the vehicles for the spirit of the planet, or the planetary entity, who is the sumtotal of the elemental essences in process of involution". (*TCF* 302)

5. In Their totality They are the Secret Unpronounceable Name. —S. D., I, 473.

26. Presumably this "Name" is the "Name" of the Solar Logos. On His own level Sanat Kumara has also a "Secret Unpronounceable Name" and, by analogy, there are probably certainly planetary beings who, in their totality, constitute that name.

27. We are alerted to the idea that each syllable in that Name has a planetary key. Perhaps, then, each syllable in the Name of Sanat Kumara has a ray key.

6. They are the collective Dhyan Chohans. —S. D., I, 477.

28. The term "Dhyan Chohans" is also generic, and is also applied to the Solar Angels. The term suggests a high priest of meditation.

7. They are the seven Kumaras. The seven Rishis. —S. D., I, 493. III, 196, 327.

25. Chúng ta phải thận trọng khi dùng thuật ngữ *tinh linh linh địa cầu* vì nó cũng có thể được dùng như sau, để chỉ không phải một Thực Thể chân thần mà là một thực thể giáng hạ tiến hoá:

"Tất cả các sự sống giáng hạ tiến hoá, như đã chỉ ra trước đây, tạo thành các vận cụ cho tinh linh linh địa cầu, hay thực thể hành tinh, là tổng thể của các tinh chất hành khí trong tiến trình giáng hạ tiến hoá". (*TCF* 302)

5. Trong tính toàn thể của Các Ngài, Các Ngài là Danh Xưng Bí Mật Không Thể Phát Âm. —S. D., I, 473.

26. Có lẽ "Danh Xưng" này là "Danh Xưng" của Thái dương Thượng đế. Trên cấp độ riêng của Ngài, Đức Sanat Kumara cũng có một "Danh Xưng Bí Mật Không Thể Phát Âm" và, theo định luật tương đồng, hầu như chắc chắn cũng có những hữu thể hành tinh mà trong tính toàn thể của họ cấu thành danh xưng ấy.

27. Chúng ta được lưu ý đến ý tưởng rằng mỗi âm tiết trong Danh Xưng ấy có một khóa hành tinh. Có lẽ, vậy thì, mỗi âm tiết trong Danh Xưng của Đức Sanat Kumara có một khóa cung.

6. Các Ngài là tập thể các Dhyan Chohan. —S. D., I, 477.

28. Thuật ngữ "Dhyan Chohans" cũng có tính khái quát, và cũng được áp dụng cho các Thái dương Thiên Thần. Thuật ngữ này gợi ý một vị đại tư tế của tham thiền.

7. Các Ngài là bảy Kumara. Bảy Rishi. —S. D., I, 493. III, 196, 327.

29. “Kumaras” are chaste and holy youths. Manasaputras, in this context, are Kumaras of a *solar systemic* type. We are also well familiar with the thought that there are Kumaras of an intra-planetary type—for instance, the seven Kumaras which express in relation to our own planetary scheme.

29. “Kumaras” là những thanh niên trinh khiết và thánh thiện. Manasaputras, trong ngữ cảnh này, là các Kumara thuộc loại *hệ mặt trời*. Chúng ta cũng rất quen thuộc với tư tưởng rằng có những Kumara thuộc loại nội-hành-tinh—chẳng hạn như bảy Kumara biểu lộ liên hệ với hệ hành tinh riêng của chúng ta.

30. “Rishis” are great Teachers. The term is usually used in connection with the Seven Rishis of the Great Bear—the informing Lives of the seven major stars of that constellation.

30. “Rishis” là những Huấn sư vĩ đại. Thuật ngữ này thường được dùng liên hệ với Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh—các Sự Sống đang thấm nhuần bảy ngôi sao chính của chòm sao ấy.

8. They are the Sons of Light. —S. D., I, 521, 522.

8. Các Ngài là các Con của Ánh sáng. —S. D., I, 521, 522.

31. “Light” can be considered in relation to both the third and second aspects of divinity.

31. “Ánh sáng” có thể được xét trong liên hệ với cả phương diện thứ ba lẫn phương diện thứ hai của thiên tính.

32. If they are both Sons of Brahma and Sons of Light, then Brahma is Light.

32. Nếu các Ngài vừa là các Con của Brahma vừa là các Con của Ánh sáng, thì Brahma là Ánh sáng.

9. They are the Hierarchy of creative Powers. —S. D., I, 233.

9. Các Ngài là Huyền Giai của các Quyền Năng sáng tạo. —S. D., I, 233.

33. There are many Hierarchies of creative powers. DK gives us twelve such Creative Hierarchies in EA 34-35. It would seem that the Planetary Logoi are not included in this enumeration—that they are, in fact, greater that the types of entities found among the twelve. This has yet to be convincingly reasoned.

33. Có nhiều Huyền Giai của các quyền năng sáng tạo. Chân sư DK cho chúng ta mười hai Huyền Giai Sáng Tạo như thế trong EA 34-35. Có vẻ như các Hành Tinh Thượng Đế không được bao gồm trong sự liệt kê này—rằng trên thực tế các Ngài lớn lao hơn các loại thực thể được tìm thấy trong số mười hai loại ấy. Điều này vẫn chưa được lý giải một cách thuyết phục.

34. To arrive at a conclusion, it would have to be determined whether the causal bodies of the Planetary Logoi are incorporated into

34. Để đi đến một kết luận, cần phải xác định xem các thể nguyên nhân của các Hành Tinh Thượng Đế có được kết hợp vào cấu trúc của

the structure of the causal body of the Solar Logos, for the Twelve Creative Hierarchies *are* emanations from the second tier of the solar logoic causal body.

thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế hay không, vì Mười Hai Huyền Giai Sáng Tạo *là* những phát xạ từ tầng thứ hai của thể nguyên nhân thái dương logoic.

35. We also have the problem that the causal bodies of Planetary Logoi such as our own are focussed on the third subplane of the cosmic mental plane, whereas the causal body of the Solar Logos is focussed on the first subplane.

35. Chúng ta cũng có vấn đề là các thể nguyên nhân của những Hành Tinh Thượng Đế như hành tinh của chúng ta được tập trung trên cõi phụ thứ ba của cõi trí vũ trụ, trong khi thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế được tập trung trên cõi phụ thứ nhất.

36. A study of the formation of 'group lotuses' (a study beyond our ken) would be required.

36. Cần phải có một nghiên cứu về sự hình thành của 'các hoa sen nhóm' (một nghiên cứu vượt ngoài tầm hiểu biết của chúng ta).

10. They are the veiled synthesis. —S. D., I, 362.

10. Các Ngài là tổng hợp được che giấu. —S. D., I, 362.

37. They are "veiled" to intelligences such as the human being. To greater intelligences, they are unveiled.

37. Các Ngài "được che giấu" đối với những trí tuệ như con người. Đối với những trí tuệ lớn lao hơn, các Ngài không bị che giấu.

38. The Heavenly Men also work together in a unity which is representative of a hidden synthesis.

38. Các Đấng Thiên Nhân cũng cùng nhau hoạt động trong một hợp nhất tượng trưng cho một tổng hợp ẩn kín.

39. DK speaks of "that great veil which has been wisely thrown over all planetary lore" (*TCF* 1051) In fact, we know very little of the true nature and functioning of the Planetary Logoi.

39. Chân sư DK nói về "tấm màn lớn lao đã được khôn ngoan phủ lên toàn bộ tri thức hành tinh ấy" (*TCF* 1051). Thật vậy, chúng ta biết rất ít về bản chất và hoạt động thực sự của các Hành Tinh Thượng Đế.

11. They are our own planetary deities. —S. D., I, 153.

11. Các Ngài là các thần linh hành tinh của chính chúng ta. —S. D., I, 153.

40. Here their nature clearly given.

40. Ở đây bản chất của các Ngài được nêu ra rõ ràng.

12. They are all men, the product of other worlds. —S. D., I, 132.

12. Các Ngài đều là người, sản phẩm của những thế giới khác. —S. D., I, 132.

41. Like the Solar Logos, they are the product of other maha-kalpas. Their true origin is not given to us, though they were "men" many maha-kalpas ago.

41. Giống như Thái dương Thượng đế, các Ngài là sản phẩm của những maha-kalpa khác. Nguồn gốc thực sự của các Ngài không được tiết lộ cho chúng ta, dù các Ngài đã là "người" từ nhiều maha-kalpa trước.

42. It may be supposed, however, that they are *group Entities,* and, as such, are specific groupings of Solar Angels. As such, they may have been, one day long ago, *groupings* of human beings of some kind. I do not think it is correct to consider that they may ever have been an individual human being even though it is said that they were "men". Interestingly, the word "men" is a plural, perhaps hinting in a very subtle manner at their *group* origin.

42. Tuy nhiên, có thể giả định rằng các Ngài là những *Thực Thể nhóm,* và như thế là những tập hợp đặc thù của các Thái dương Thiên Thần. Như vậy, có thể vào một ngày xa xưa nào đó, các Ngài đã từng là những *tập hợp* của những con người thuộc một loại nào đó. Tôi không nghĩ là đúng khi cho rằng các Ngài từng có thể là một con người cá biệt, dù có nói rằng các Ngài là "người". Điều thú vị là từ "người" ở số nhiều, có lẽ gợi ý một cách rất tinh tế về nguồn gốc *nhóm* của các Ngài.

13. They are closely connected with the seven stars of the Great Bear. —S. D., I, 488. S. D., II 332. II, 579, 668. S. D., III, 195.

13. Các Ngài có liên hệ mật thiết với bảy ngôi sao của Đại Hùng Tinh. —S. D., I, 488. S. D., II 332. II, 579, 668. S. D., III, 195.

43. The seven major stars informed by the Seven Rishis, serve as the prototypes of the Heavenly Men, and are connected with the Heavenly Men according to similarity of ray.

43. Bảy ngôi sao chính được Bảy Rishi thấm nhuần đóng vai trò là nguyên mẫu của các Đấng Thiên Nhân, và được nối kết với các Đấng Thiên Nhân theo sự tương đồng về cung.

14. They are symbolised by circles. —S. D., II, 582.

14. Các Ngài được biểu tượng hóa bằng các vòng tròn. —S. D., II, 582.

44. If we study the *cosmic* monadic plane on *TCF* 344, we shall find seven great circles symbolizing seven super-constellational Logoi. We can analogize that on the *systemic* monadic plane, seven such circles (related to the Heavenly Men can likewise be found).

44. Nếu nghiên cứu cõi chân thần *vũ trụ* trên *TCF* 344, chúng ta sẽ thấy bảy vòng tròn lớn tượng trưng cho bảy Thượng đế siêu-chòm-sao. Chúng ta có thể suy theo định luật tương đồng rằng trên cõi chân thần *hệ thống*, cũng có thể tìm thấy bảy vòng tròn như thế (liên hệ với các Đấng Thiên Nhân).

15. They are collectively the fallen Angels. —S. D., II, 284, 541.

15. Tập thể các Ngài là các Thiên Thần sa ngã. —S. D., II, 284, 541.

45. Again, caution is required, because the "fallen Angels" are usually considered to be Solar Angels or Asuras. The Manasaputras are "fallen Angels" because they express their qualities in dense manifestation—i.e., within the physical body of the Solar Logos.

45. Một lần nữa, cần thận trọng, vì "các Thiên Thần sa ngã" thường được xem là các Thái dương Thiên Thần hay Asura. Các Manasaputras là "các Thiên Thần sa ngã" vì các Ngài biểu lộ phẩm tính của mình trong biểu hiện đậm đặc—tức là bên trong thể xác của Thái dương Thượng đế.

46. The term "fallen" is often equivalent to "manifested".

46. Thuật ngữ "sa ngã" thường tương đương với "được biểu hiện".

Footnote [14]:

Chú thích cuối trang 14:

The Sons of Mind: are known by various terms, such as:—"The Manasaputras, the Prajapatis, the Kumaras, the Primordial Seven, the Rudras, the Heavenly Men, the Rishis, the Spirits before the Throne.

Các Con của Trí Tuệ: được biết đến dưới nhiều thuật ngữ khác nhau, như:—"Các Manasaputras, các Prajapatis, các Kumara, Bảy Đấng Nguyên Sơ, các Rudra, các Đấng Thiên Nhân, các Rishi, các Thánh Linh trước Thánh Ngai.

47. We recognize these terms as frequently used in *The Secret Doctrine.* Let us tabulate these for ease of assimilation.

47. Chúng ta nhận ra các thuật ngữ này thường được dùng trong *Giáo Lý Bí Nhiệm.* Hãy lập bảng các thuật ngữ này để dễ tiếp thu.

a. The Sons of Mind

a. Các Con của Trí Tuệ

b. The Manasaputras

b. Các Manasaputras

c. The Prajapatis

c. Các Prajapatis

d. The Kumaras

d. Các Kumara

e. The Primordial Seven

e. Bảy Đấng Nguyên Sơ

f. The Heavenly Men

f. Các Đấng Thiên Nhân

g. The Rudras

g. Các Rudra

h. The Rishis

h. Các Rishi

i. The Spirits before the Throne

48. Some of these terms are expanded in *The Secret Doctrine,* an authoritative which may be consulted for further light. Each term gives a slightly different perspective on these great Planetary Logoi.

They are the seven planetary Logoi, and are the Lords of the Rays, the seven Heavenly Men.

49. Another name is given: they are the "Lords of the Rays". They must, however, be distinguished from *intra*-planetary Ray Lords, who are shamballic beings.

They developed the mind aspect in the first solar system, that in which Brahma was paramount, and **in Himself embodied objective existence**.

50. Brahma, in this context, is a great Entity who expresses the entirety of the third aspect of our Solar Logos.

51. We see that in the Heavenly Men the mind aspect is very fully developed. Towards this type of development, human beings strive.

52. There are many human beings in the present solar system for whom Brahma is *still* paramount. We might say that for humanity in its present state of development, Brahma is generally paramount. Humanity is struggling to enter into a stage in which Vishnu will emerge into power.

i. Các Thánh Linh trước Thánh Ngai

48. Một số thuật ngữ này được khai triển trong *Giáo Lý Bí Nhiệm,* một thẩm quyền có thể được tham khảo để có thêm ánh sáng. Mỗi thuật ngữ đem lại một góc nhìn hơi khác về các Hành Tinh Thượng Đế vĩ đại này.

Các Ngài là bảy Hành Tinh Thượng Đế, và là các Chúa Tể của các Cung, bảy Đấng Thiên Nhân.

49. Một danh xưng khác được nêu ra: các Ngài là "các Chúa Tể của các Cung". Tuy nhiên, các Ngài phải được phân biệt với các Chúa Tể Cung *nội*-hành-tinh, là những hữu thể shamballic.

Các Ngài đã phát triển phương diện trí tuệ trong hệ mặt trời thứ nhất, hệ trong đó Brahma là tối thượng, và **trong chính Ngài đã hiện thân sự tồn tại khách quan**.

50. Brahma, trong ngữ cảnh này, là một Thực Thể vĩ đại biểu lộ toàn bộ phương diện thứ ba của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

51. Chúng ta thấy rằng nơi các Đấng Thiên Nhân, phương diện trí tuệ được phát triển rất đầy đủ. Con người phấn đấu hướng tới loại phát triển này.

52. Có nhiều con người trong hệ mặt trời hiện tại mà đối với họ Brahma *vẫn* là tối thượng. Chúng ta có thể nói rằng đối với nhân loại trong trạng thái phát triển hiện nay, Brahma nhìn chung là tối thượng. Nhân loại đang vật lộn để bước vào một giai đoạn trong đó Vishnu sẽ xuất hiện trong quyền năng.

53. We gather that in what is usually called the first solar system, Brahma was the embodiment of objective existence. Brahma was the cause and sustaining source of objective existence.

53. Chúng ta hiểu rằng trong điều thường được gọi là hệ mặt trời thứ nhất, Brahma là hiện thân của sự tồn tại khách quan. Brahma là nguyên nhân và nguồn duy trì của sự tồn tại khách quan.

This He did in the same sense as that in which the second aspect (the Vishnu or Dragon of Wisdom aspect) is the sumtotal of existence in this the second system.

Điều này Ngài đã làm theo cùng ý nghĩa mà trong đó phương diện thứ hai (phương diện Vishnu hay Rồng Minh Triết) là tổng thể của sự tồn tại trong hệ thứ hai này.

54. Spelling this out, in the present solar system Vishnu embodies the sumtotal of existence.

54. Nói rõ ra, trong hệ mặt trời hiện tại, Vishnu hiện thân tổng thể của sự tồn tại.

55. These statements are somewhat enigmatical, however, for Brahma, Vishnu and Shiva *all* exist in all solar systems. Nor can it be said that the Solar Logos during the first solar system is *entirely* Brahma, or entirely Vishnu in this system and destined to be entirely Shiva in the next.

55. Tuy nhiên, các phát biểu này có phần bí ẩn, vì Brahma, Vishnu và Shiva *đều* hiện hữu trong mọi hệ mặt trời. Cũng không thể nói rằng Thái dương Thượng đế trong hệ mặt trời thứ nhất *hoàn toàn* là Brahma, hay hoàn toàn là Vishnu trong hệ này và được định sẵn sẽ hoàn toàn là Shiva trong hệ kế tiếp.

56. We can say however that the previous solar system was our Solar Logos' *Brahmic* incarnation, whereas in this solar system He is undergoing His 'Vishnu' incarnation—i.e., an incarnation in which Vishnu is *dominant* just as in the last incarnation Brahma was dominant.

56. Tuy nhiên, chúng ta có thể nói rằng hệ mặt trời trước là lần lâm phàm *Brahmic* của Thái dương Thượng đế chúng ta, trong khi trong hệ mặt trời này Ngài đang trải qua lần lâm phàm 'Vishnu' của Ngài—tức là một lần lâm phàm trong đó Vishnu *chiếm ưu thế* cũng như trong lần lâm phàm trước Brahma chiếm ưu thế.

The cells in Their bodies are made up of the units of the human and deva evolutions in the same manner (only on a higher turn of the spiral) as the bodies of human beings are made up of living organisms, the **various animated cells, or the lesser lives.**

Các tế bào trong thể của Các Ngài được cấu thành từ các đơn vị của tiến hoá nhân loại và thiên thần theo cùng cách thức (chỉ ở một vòng xoắn cao hơn) như thể của con người được cấu thành từ các cơ thể sống, các **tế bào sinh động khác nhau, hay các sự sống nhỏ hơn.**

57. Histology is the study of cells. To study man and certain of the devas is to study '*planetary* histology'. Some great Beings may

57. Mô học là ngành nghiên cứu về tế bào. Nghiên cứu con người và một số thiên thần là nghiên cứu 'mô học *hành tinh*'. Một số Hữu

do this in those centers of light which are the higher correspondences to our universities.

Thể vĩ đại có thể làm điều này trong những trung tâm ánh sáng là các tương ứng cao hơn của các đại học của chúng ta.

58. DK is calling the cells "lesser lives".

58. Chân sư DK đang gọi các tế bào là "các sự sống nhỏ hơn".

59. We will question whether DK includes *all* members of the deva kingdom or only the self-conscious devas.

59. Chúng ta sẽ đặt câu hỏi liệu Chân sư DK có bao gồm *mọi* thành viên của giới thiên thần hay chỉ các thiên thần có ngã thức.

60. It is probable that many of the functions of the tiny life called a cell can be analogized to the functions of a human being.

60. Có khả năng là nhiều chức năng của sự sống nhỏ bé được gọi là tế bào có thể được suy theo định luật tương đồng với các chức năng của con người.

This is a basic fact in occultism, and the **relationship between the cells in the human vehicles, and the cells in the bodies of a Heavenly [Page 271] Man, will be productive of illumination if carefully studied.**

Đây là một sự kiện căn bản trong huyền bí học, và **mối tương quan giữa các tế bào trong các hiện thể của con người, và các tế bào trong các thể của một Đấng Thiên Nhân [Page 271]sẽ sản sinh sự soi sáng nếu được nghiên cứu cẩn trọng.**

61. Presumably the types of cells in the human body would correlate with the types of human beings within the body of a Planetary Logos.

61. Có thể giả định rằng các loại tế bào trong thể xác con người sẽ tương ứng với các loại người trong thể của một Đức Hành Tinh Thượng Đế.

62. Cells often go to the constitution of certain organs and this determines their function. There are also mobile cells. Within the blood stream there is an important division between red and white blood cells which, no doubt, can be analogized significantly.

62. Các tế bào thường góp phần vào cấu tạo của một số cơ quan nhất định và điều này quyết định chức năng của chúng. Cũng có những tế bào di động. Trong dòng máu có một sự phân chia quan trọng giữa hồng cầu và bạch cầu, điều này hẳn có thể được suy diễn theo phép tương đồng một cách đầy thâm nghĩa.

63. This would be a worthy project for someone with a good amount of fifth ray and a penchant for analogy. DK is suggesting that it be done.

63. Đây sẽ là một công trình xứng đáng cho ai đó có khá nhiều cung năm và thiên hướng về phép tương đồng. Chân sư DK đang gợi ý rằng điều này nên được thực hiện.

64. Just as we expect that the cells in our body will serve the integrity of our body, so the Planetary Logos may expect that the men and devas that go to the cellular constitution of His centers will serve the integrity of His body (both objective and subjective).

64. Cũng như chúng ta mong đợi rằng các tế bào trong cơ thể mình sẽ phụng sự sự toàn vẹn của cơ thể mình, thì Đức Hành Tinh Thượng Đế có thể mong đợi rằng những người nam và nữ cùng các thiên thần tạo nên cấu trúc tế bào của các trung tâm của Ngài sẽ phụng sự sự toàn vẹn của thể Ngài (cả khách quan lẫn chủ quan).

65. It is a well-recognized truth that cancer cells work against this integrity.

65. Một chân lý đã được công nhận rộng rãi là các tế bào ung thư hoạt động chống lại sự toàn vẹn này.

66. Cancer is related to what we might call 'rogue individualism'. The word "rogue" suggests rouge, rough, red and Mars—a planet significant of rebellion.

66. Ung thư có liên hệ với điều mà chúng ta có thể gọi là "chủ nghĩa cá nhân nổi loạn". Từ "rogue" gợi đến rouge, rough, red và Sao Hỏa —một hành tinh có ý nghĩa về sự phản loạn.

Just as a human being has an originating source, the Monad, and a semi-permanent vehicle, the causal body, but manifests through his lower principles (of which the dense physical is not one)

Cũng như một con người có một nguồn gốc phát sinh, tức chân thần, và một hiện thể bán thường tồn, tức thể nguyên nhân, nhưng biểu lộ qua các nguyên khí thấp của y (trong đó thể xác đậm đặc không phải là một)

67. May it be said as well that the human Monad is, for the Planetary Logos a "semi-permanent vehicle"?

67. Có thể nói thêm rằng chân thần con người, đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế, là một "hiện thể bán thường tồn" chăng?

68. Even for the human being, the monadic vesture as presently constituted, is semi-permanent.

68. Ngay cả đối với con người, lớp áo chân thần như hiện nay được cấu thành cũng là bán thường tồn.

so a Heavenly Man has an originating source, His Monad,

thì một Đấng Thiên Nhân có một nguồn gốc phát sinh, tức chân thần của Ngài,

69. Presumably this Monad will be found upon the cosmic monadic plane (cf. *TCF* 344).

69. Có lẽ chân thần này sẽ được tìm thấy trên cõi chân thần vũ trụ (x. *TCF* 344).

a semi-permanent body on the monadic levels of the solar system,

một thể bán thường tồn trên các cấp độ chân thần của hệ mặt trời,

70. There is given an analogy between the causal body of a human being (definitely semi-permanent in its nature) and some kind of planetary logoic vehicle found on the systemic monadic plane—a vehicle which is definitely semi-permanent.

70. Ở đây có một phép tương đồng giữa thể nguyên nhân của con người (rõ ràng là bán thường tồn trong bản chất của nó) và một loại hiện thể hành tinh thượng đế nào đó được tìm thấy trên cõi chân thần của hệ—một hiện thể rõ ràng là bán thường tồn.

71. This reference is another way of saying that *our* present monadic structure (and presumably the monadic structure of certain types of devas) is semi-permanent, for our monadic sheath is part of the constitution of that planetary logoic vehicle which is here said to be semi-permanent. Thus there can be no absolute permanence to the human monadic structure found upon the cosmic physical plane.

71. Tham chiếu này là một cách khác để nói rằng *cấu trúc chân thần hiện nay của chúng ta* (và có lẽ cả cấu trúc chân thần của một số loại thiên thần) là bán thường tồn, vì lớp vỏ chân thần của chúng ta là một phần trong cấu tạo của hiện thể hành tinh thượng đế ấy, hiện thể ở đây được nói là bán thường tồn. Do đó không thể có sự thường tồn tuyệt đối đối với cấu trúc chân thần của con người được tìm thấy trên cõi hồng trần vũ trụ.

72. When our monadic sheath is destroyed (at which initiation?, the seventh?) it will represent a type of liberation for the Planetary Logoi, just as the destruction of the causal body at the fourth initiation represents a type of liberation for a man.

72. Khi lớp vỏ chân thần của chúng ta bị hủy diệt (ở lần điểm đạo nào? lần thứ bảy chăng?) điều đó sẽ tượng trưng cho một loại giải thoát đối với các Hành Tinh Thượng Đế, cũng như sự hủy diệt thể nguyên nhân ở lần điểm đạo thứ tư tượng trưng cho một loại giải thoát đối với con người.

73. The semi-permanent bodies of the Planetary Logoi are symbolized as triangles upon the systemic monadic plane. Many human and deva units go to the constitution of one of those triangles.

73. Các thể bán thường tồn của các Hành Tinh Thượng Đế được biểu tượng hóa thành các tam giác trên cõi chân thần của hệ. Nhiều đơn vị người và thiên thần góp phần vào cấu tạo của một trong các tam giác ấy.

but manifests through three lower sheaths, our atmic, buddhic, and manasic levels.

nhưng biểu lộ qua ba lớp vỏ thấp hơn, các cấp độ atma, Bồ đề và manas của chúng ta.

74. The semi-permanent body of the Planetary Logos is the analogy to our causal body.

74. Thể bán thường tồn của Đức Hành Tinh Thượng Đế là phép tương đồng với thể nguyên nhân của chúng ta.

75. The analogy which is suggested is: the planetary logoic semi-permanent body on the systemic monadic plane/three lower sheaths on systemic atmic, buddhic and

75. Phép tương đồng được gợi ra là: thể bán thường tồn hành tinh thượng đế trên cõi chân thần của hệ/ba lớp vỏ thấp hơn trên các cấp độ atma, Bồ đề và manas của hệ = thể

manasic levels = the human causal body/ lower mental, astral and etheric vehicles or sheaths.

nguyên nhân của con người/các hiện thể hay lớp vỏ hạ trí, cảm dục và dĩ thái.

76. it would seem that for the Planetary Logos the systemic manasic planes cannot be considered as related His dense physical body, but rather to his etheric body.

76. Dường như đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế, các cõi manas của hệ không thể được xem là liên hệ với thể xác đậm đặc của Ngài, mà đúng hơn là với thể dĩ thái của Ngài.

77. The causal bodies of men (considered in aggregation) are sheaths for our Planetary Logos. This is probably true on other planets as well.

77. Các thể nguyên nhân của loài người (xét trong tổng thể) là các lớp vỏ cho Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Điều này có lẽ cũng đúng trên các hành tinh khác.

78. We are realizing that the planes of the spiritual triad are quite *'personal'* in relation to a Planetary Logos just as the eighteen lower systemic subplanes are 'personal' in relation to the entity, man.

78. Chúng ta đang chứng nghiệm rằng các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần khá là *"cá nhân"* trong tương quan với một Đức Hành Tinh Thượng Đế, cũng như mười tám cõi phụ thấp hơn của hệ là "cá nhân" trong tương quan với thực thể là con người.

79. The higher three subplanes of the systemic mental plane are still areas for the manifestation of a Planetary Logos.

79. Ba cõi phụ cao hơn của cõi trí của hệ vẫn là những khu vực để một Đức Hành Tinh Thượng Đế biểu lộ.

80. We must consider whether the concrete mental planes are or are not an aspect of His three lower sheaths which house *principles* (mental, astral and etheric sheaths). The term "manasic levels" used in the extract immediately above *could* justify the inclusion of these four lower sub-planes.

80. Chúng ta phải xét xem các cõi trí cụ thể có hay không là một phương diện của ba lớp vỏ thấp hơn của Ngài, là những lớp vỏ chứa các *nguyên khí* (các lớp vỏ trí tuệ, cảm dục và dĩ thái). Thuật ngữ "các cấp độ manas" được dùng trong đoạn trích ngay bên trên *có thể* biện minh cho việc bao gồm bốn cõi phụ thấp hơn này.

81. One answer could be that they are *not yet,* but through man's illumination, must become so. The mystery of the upright or inverted pentagram may be considered related.

81. Một câu trả lời có thể là chúng *chưa phải như vậy,* nhưng thông qua sự soi sáng của con người, chúng phải trở thành như vậy. Huyền nhiệm của ngôi sao năm cánh dựng đứng hay đảo ngược có thể được xem là có liên hệ.

82. From another perspective, it is possible to consider the atmic sheath in relation to the mental body of the Planetary Logos; the buddhic vehicle in relation to the emotional body of the Planetary Logos; and the *entire* manasic vehicle in relation to the etheric body of the Planetary Logos.

82. Từ một góc nhìn khác, có thể xem lớp vỏ atma tương quan với thể trí của Đức Hành Tinh Thượng Đế; hiện thể Bồ đề tương quan với thể cảm xúc của Đức Hành Tinh Thượng Đế; và hiện thể manas *toàn bộ* tương quan với thể dĩ thái của Đức Hành Tinh Thượng Đế.

83. Were this the case, we can see that the higher mental plane would definitely represent an area of etheric expression. Would this be so for the concrete mental plane as well? According to one theory, yes.

83. Nếu là như vậy, chúng ta có thể thấy rằng cõi thượng trí chắc chắn sẽ tượng trưng cho một khu vực biểu lộ dĩ thái. Điều này có đúng cho cả cõi trí cụ thể không? Theo một lý thuyết, là đúng.

84. If our Planetary Logos is "extraneous to the astral and physical planes just as a human being is to the physical", then *both* the astral and physical planes represent the dense physical (unprincipled) vehicle of the Planetary Logos.

84. Nếu Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta "ở ngoài cõi cảm dục và cõi hồng trần cũng như con người ở ngoài thể xác", thì *cả hai* cõi cảm dục và cõi hồng trần đều tượng trưng cho hiện thể xác đậm đặc (không nguyên khí) của Đức Hành Tinh Thượng Đế.

He is extraneous to the astral and physical planes just as a human being is to the physical.

Ngài ở ngoài cõi cảm dục và cõi hồng trần cũng như con người ở ngoài thể xác.

85. We are pondering then, if the Planetary Logos is also extraneous to the concrete mental levels. We know that He is *not* extraneous to the higher mental subplanes on which the causal body and the manasic permanent atom are found.

85. Khi ấy chúng ta đang suy ngẫm liệu Đức Hành Tinh Thượng Đế cũng có ở ngoài các cấp độ trí cụ thể hay không. Chúng ta biết rằng Ngài *không* ở ngoài các cõi phụ thượng trí, nơi thể nguyên nhân và nguyên tử trường tồn manas được tìm thấy.

86. Can it be, then, that the entire mental plane is involved in the etheric expression of the Planetary Logos?

86. Vậy có thể chăng toàn bộ cõi trí đều tham dự vào sự biểu lộ dĩ thái của Đức Hành Tinh Thượng Đế?

87. We see that when comparing the manner in which the human being is numbered with the 'numbering' of the Planetary Logos, the correspondences are not exact. The human being has four etheric sub-planes and three dense physical sub-planes. How many etheric sub-planes are

87. Chúng ta thấy rằng khi so sánh cách con người được đánh số với "sự đánh số" của Đức Hành Tinh Thượng Đế, các tương ứng không hoàn toàn chính xác. Con người có bốn cõi phụ dĩ thái và ba cõi phụ xác đậm đặc. Có bao nhiêu cõi phụ dĩ thái gắn liền với sự biểu lộ

associated with the expression of our Planetary Logos?

88. The correspondences between man and the Solar Logos are far more exact.

89. When dealing with the correspondences between man and the Planetary Logos we must remember that a Planetary Logos may be associated with three distinct types of beings: the Lord of the planetary scheme; the Lords of the planetary schemes; the Lords of the planetary globes.

90. If there seem to be some rather wide discrepancies regarding the comparison between the Planetary Logos and the Solar Logos (the Planetary Logos seeming far to 'low' by comparison), it may be that either a Chain Lord or a Globe Lord is being discussed.

91. The matter is abstruse, but a Planetary Logos has a semi-permanent vehicle on the cosmic mental plane, just as does a Solar Logos. Then why this discussion of a Planetary Logos' semi-permanent vehicle on the systemic monadic levels. The analogy does not fit.

92. Could it be, however, that a Globe Lord has a semi-permanent vehicle on the systemic monadic plane? Could it be that a Chain-Lord has a semi-permanent vehicle on that part of the cosmic astral plane that corresponds to the systemic monadic plane?

93. Such questions are meant to induce careful speculation based on a close study of the Law of Correspondences. We are apparently dealing with a very veiled area of the teaching.

của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta?

88. Các tương ứng giữa con người và Thái dương Thượng đế chính xác hơn nhiều.

89. Khi bàn đến các tương ứng giữa con người và Đức Hành Tinh Thượng Đế, chúng ta phải nhớ rằng một Đức Hành Tinh Thượng Đế có thể gắn liền với ba loại hữu thể khác biệt: Chúa Tể của hệ hành tinh; các Chúa Tể của các hệ hành tinh; các Chúa Tể của các bầu hành tinh.

90. Nếu dường như có một số sai biệt khá lớn liên quan đến sự so sánh giữa Đức Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế (Đức Hành Tinh Thượng Đế dường như thấp hơn rất nhiều khi so sánh), thì có thể là hoặc một Chúa Tể Dãy hoặc một Chúa Tể Bầu hành tinh đang được bàn đến.

91. Vấn đề này rất thâm áo, nhưng một Đức Hành Tinh Thượng Đế có một hiện thể bán thường tồn trên cõi trí vũ trụ, cũng như một Thái dương Thượng đế. Vậy thì tại sao lại có cuộc bàn luận này về hiện thể bán thường tồn của một Đức Hành Tinh Thượng Đế trên các cấp độ chân thần của hệ? Phép tương đồng không khớp.

92. Tuy nhiên, có thể chăng một Chúa Tể Bầu hành tinh có một hiện thể bán thường tồn trên cõi chân thần của hệ? Có thể chăng một Chúa Tể Dãy có một hiện thể bán thường tồn trên phần của cõi cảm dục vũ trụ tương ứng với cõi chân thần của hệ?

93. Những câu hỏi như thế nhằm khơi gợi sự suy đoán cẩn trọng dựa trên việc nghiên cứu sát sao định luật tương ứng. Rõ ràng chúng ta đang đề cập đến một lĩnh vực giáo huấn được che phủ rất kỹ.

Man vitalises the physical vehicle with his **force or heat** but he does not occultly count it as a principle.

Con người tiếp sinh lực cho hiện thể hồng trần bằng **mãnh lực hay nhiệt của y** nhưng về mặt huyền bí học y không tính nó như một nguyên khí.

94. A principle, we remember, can be considered a qualified aspect of monadic expression.

94. Chúng ta nhớ rằng một nguyên khí có thể được xem là một phương diện được phẩm tính hóa của sự biểu lộ chân thần.

95. We note the equivalence of "force and heat". Heat, we remember, is associated with fire by friction, and light, generally, with solar fire. Would "energy" and "light", therefore, be equivalent terms? Energy/ Force = Light/Heat

95. Chúng ta lưu ý sự tương đương của "mãnh lực và nhiệt". Chúng ta nhớ rằng nhiệt gắn liền với lửa ma sát, còn ánh sáng nói chung gắn liền với Lửa Thái dương. Vậy thì "năng lượng" và "ánh sáng" có phải là những thuật ngữ tương đương không? Năng lượng/Mãnh lực = Ánh sáng/Nhiệt

So the Heavenly Man is extraneous to the two lower planes of manifestation though He vitalises them with His force.

Vì vậy Đấng Thiên Nhân ở ngoài hai cõi thấp hơn của sự biểu lộ mặc dù Ngài tiếp sinh lực cho chúng bằng mãnh lực của Ngài.

96. Just as the Solar Logos is extraneous to what: the three lower levels of the systemic planes or the twenty-one lowest systemic subplanes.

96. Cũng như Thái dương Thượng đế ở ngoài điều gì: ba cấp độ thấp hơn của các cõi hệ hay hai mươi mốt cõi phụ thấp nhất của hệ.

97. As suggested, the concrete levels of the systemic mental plane may be in a special category. They are certainly not principled in relation to the Solar Logos; no level of the systemic mental plane is.

97. Như đã gợi ý, các cấp độ cụ thể của cõi trí của hệ có thể thuộc một loại đặc biệt. Chúng chắc chắn không phải là nguyên khí trong tương quan với Thái dương Thượng đế; không có cấp độ nào của cõi trí của hệ là như vậy.

98. May it be that just as the four ethers of the Solar Logos are the logoic, monadic, atmic and buddhic planes, so, correspondingly, the four ethers of the Heavenly Man (considered as the Planetary Logos) are the monadic, atmic, buddhic and *manasic* systemic planes (or at least the higher manasic sub-planes)? This would make sense.

98. Có thể chăng cũng như bốn cõi dĩ thái của Thái dương Thượng đế là các cõi thượng đế, chân thần, atma và Bồ đề, thì tương ứng như vậy, bốn cõi dĩ thái của Đấng Thiên Nhân (được xem như Đức Hành Tinh Thượng Đế) là các cõi chân thần, atma, Bồ đề và *manas* của hệ (hoặc ít nhất là các cõi phụ manas cao hơn)? Điều này có vẻ hợp lý.

99. Remember that the term Heavenly Man (though usually equivalent with the term "Planetary Logos") may also refer to a *lesser type of being* within the planetary scheme—such as a Chain Lord or a Globe Lord.

99. Hãy nhớ rằng thuật ngữ Đấng Thiên Nhân (dù thường tương đương với thuật ngữ "Đức Hành Tinh Thượng Đế") cũng có thể chỉ một *loại hữu thể thấp hơn* trong hệ hành tinh—chẳng hạn như một Chúa Tể Dãy hay một Chúa Tể Bầu hành tinh.

100. Earlier we read that the Heavenly Man expresses Himself through the atmic, buddhic and manasic planes, just as a human being expresses through the lower mental, astral and etheric planes.

100. Trước đó chúng ta đã đọc rằng Đấng Thiên Nhân biểu lộ chính Ngài qua các cõi atma, Bồ đề và manas, cũng như con người biểu lộ qua các cõi hạ trí, cảm dục và dĩ thái.

101. What is the nature of the being (*within* the planetary scheme) for whom the atmic, buddhic and manasic planes are as the mental, emotional and etheric bodies and *not* as *etheric sub-planes?* For the true Heavenly Man/Planetary Logos (with His causal body on the third level of the cosmic mental plane), the atmic, buddhic and manasic planes (at least the higher manasic sub-planes) are as *ethers.* But for the type of Heavenly Man described earlier, the atmic, buddhic and manasic planes are related to the vehicles of the personality. Could such a Heavenly Man be a Chain Lord?

101. Bản chất của hữu thể nào (*bên trong* hệ hành tinh) mà đối với hữu thể ấy các cõi atma, Bồ đề và manas giống như các thể trí, cảm xúc và dĩ thái chứ *không* phải như các *cõi phụ dĩ thái?* Đối với Đấng Thiên Nhân/Đức Hành Tinh Thượng Đế đích thực (với thể nguyên nhân của Ngài trên cấp độ thứ ba của cõi trí vũ trụ), các cõi atma, Bồ đề và manas (ít nhất là các cõi phụ manas cao hơn) giống như các *cõi dĩ thái.* Nhưng đối với loại Đấng Thiên Nhân được mô tả trước đó, các cõi atma, Bồ đề và manas lại liên hệ với các hiện thể của phàm ngã. Một Đấng Thiên Nhân như thế có thể là một Chúa Tể Dãy chăng?

102. The expression of the greatest Heavenly Man *of our planetary scheme,* seems to be, as it were, 'down one notch' or plane (or portion thereof) from the expression of the Solar Logos, the 'Brother' of the Heavenly Man considered as the Planetary Logos.

102. Sự biểu lộ của Đấng Thiên Nhân vĩ đại nhất *trong hệ hành tinh của chúng ta,* dường như, có thể nói như vậy, "thấp hơn một nấc" hay một cõi (hoặc một phần của cõi) so với sự biểu lộ của Thái dương Thượng đế, "Huynh Đệ" của Đấng Thiên Nhân được xem như Đức Hành Tinh Thượng Đế.

103. BUT, the expression of Chain Lords and Globe Lords seems to be 'down a number of notches', or planes (or portions thereof), from the expression of both the Solar Logos and the Planetary Logos.

103. NHƯNG, sự biểu lộ của các Chúa Tể Dãy và các Chúa Tể Bầu hành tinh dường như "thấp hơn nhiều nấc", hay nhiều cõi (hoặc nhiều phần của cõi), so với sự biểu lộ của cả Thái dương Thượng đế lẫn Đức Hành Tinh Thượng Đế.

104. The concrete mental plane remains in an ambiguous position with respect to these beings. To the Solar Logos, the concrete mental plane *and* the higher mental plane are *both* part of the dense physical vehicle—i.e., the gaseous level.

104. Cõi trí cụ thể vẫn ở trong một vị trí mơ hồ đối với các hữu thể này. Đối với Thái dương Thượng đế, cõi trí cụ thể *và* cõi thượng trí *đều* là một phần của hiện thể xác đậm đặc—tức cấp độ khí.

105. Perhaps for the Heavenly Man as Planetary Logos the higher mental plane pertains to the etheric structure of the Planetary Logos, but the lower mental plane to the gaseous level.

105. Có lẽ đối với Đấng Thiên Nhân với tư cách Đức Hành Tinh Thượng Đế, cõi thượng trí thuộc về cấu trúc dĩ thái của Đức Hành Tinh Thượng Đế, còn cõi hạ trí thì thuộc về cấp độ khí.

106. For a lesser type of Heavenly Man, perhaps a Chain Lord, the entire systemic manasic plane would represent the etheric expression, with the buddhic plane representing the emotional and the atmic plane representing the mental.

106. Đối với một loại Đấng Thiên Nhân thấp hơn, có lẽ là một Chúa Tể Dãy, toàn bộ cõi manas của hệ sẽ tượng trưng cho sự biểu lộ dĩ thái, với cõi Bồ đề tượng trưng cho thể cảm xúc và cõi atma tượng trưng cho thể trí.

107. For a still lesser type of Heavenly Man, perhaps a Globe Lord (with a semi-permanent body on the atmic plane?), the lower mental plane would represent the etheric level, the higher mental plane the emotional, and the buddhic plane the mental.

107. Đối với một loại Đấng Thiên Nhân còn thấp hơn nữa, có lẽ là một Chúa Tể Bầu hành tinh (với một thể bán thường tồn trên cõi atma?), cõi hạ trí sẽ tượng trưng cho cấp độ dĩ thái, cõi thượng trí cho thể cảm xúc, và cõi Bồ đề cho thể trí.

108. We have to find the span of sub-planes utilized as ethers by each of these types of beings: the Grand Heavenly Man or Solar Logos; the Planetary Logos as the greatest type of Heavenly Man; the Chain Lord as the secondary type of Heavenly Man; and the Globe Lord as the tertiary type of Heavenly Man.

108. Chúng ta phải tìm ra khoảng cõi phụ được dùng như các cõi dĩ thái bởi mỗi loại hữu thể này: Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại hay Thái dương Thượng đế; Đức Hành Tinh Thượng Đế như loại Đấng Thiên Nhân vĩ đại nhất; Chúa Tể Dãy như loại Đấng Thiên Nhân thứ cấp; và Chúa Tể Bầu hành tinh như loại Đấng Thiên Nhân tam cấp.

109. Below I have offered a thought about 'sub-plane overlap' which may complicate the matter further, but in which there may be some truth.

109. Dưới đây tôi đã nêu ra một ý nghĩ về "sự chồng lấn cõi phụ" có thể làm vấn đề thêm phức tạp, nhưng trong đó có thể có phần nào chân lý.

The human being **realises** his relationship (as a cell in the body) to a Heavenly Man only when he is developing the consciousness of the Ego on its own plane.

110. We note the word "realises". The soul is the principle of consciousness. The development of consciousness of the Ego on its own plane really begins with the initiation process, at which time the Monad is making a definite impact on the Ego (on its own plane).

The first faint tremor of the impact of monadic "destiny" (I know not how else to express this concept) makes itself felt, but is registered *only* **by the soul of the initiate and on the level of soul consciousness**; it is never registered by the man on the physical plane who is taking the first initiation; his brain cannot respond to this high vibration. (R&I 312-313)

111. The true cellular nature of man (planetarily considered) is monadic.

112. If the Monad is as a cell to one type of Heavenly Man, to what type of Heavenly Man is the Ego as a cell?

113. A number of the occult blinds used by DK when discussing the Planetary Logos relate to the mystery of the nature and interplay of the three types of Heavenly Men.

If it might be so expressed, the **groups of causal bodies are the lowest forms through which a Heavenly Man manifests,** just as the physical body is the lowest through

Con người **chứng nghiệm** mối tương quan của mình (như một tế bào trong thể) với một Đấng Thiên Nhân chỉ khi y đang phát triển tâm thức của chân ngã trên chính cõi của nó.

110. Chúng ta lưu ý từ "chứng nghiệm". Linh hồn là nguyên khí của tâm thức. Sự phát triển tâm thức của chân ngã trên chính cõi của nó thực sự bắt đầu với tiến trình điểm đạo, vào lúc đó chân thần đang tạo ra một tác động rõ rệt lên chân ngã (trên chính cõi của nó).

Sự rung động mờ nhạt đầu tiên của tác động từ "định mệnh" chân thần (tôi không biết diễn đạt khái niệm này cách nào khác) bắt đầu được cảm nhận, nhưng chỉ được ghi nhận *duy nhất* **bởi linh hồn của điểm đạo đồ và trên cấp độ tâm thức linh hồn**; nó không bao giờ được ghi nhận bởi con người trên cõi hồng trần đang trải qua lần điểm đạo thứ nhất; bộ não của y không thể đáp ứng với rung động cao này. (R&I 312-313)

111. Bản chất tế bào đích thực của con người (xét theo hành tinh) là chân thần.

112. Nếu chân thần giống như một tế bào đối với một loại Đấng Thiên Nhân, thì chân ngã giống như một tế bào đối với loại Đấng Thiên Nhân nào?

113. Một số màn che huyền bí mà Chân sư DK dùng khi bàn về Đức Hành Tinh Thượng Đế có liên hệ với huyền nhiệm về bản chất và sự tương tác của ba loại Đấng Thiên Nhân.

Nếu có thể diễn đạt như vậy, thì **các nhóm thể nguyên nhân là những hình thức thấp nhất mà qua đó một Đấng Thiên Nhân biểu lộ,** cũng như thể xác là hình thức thấp nhất

which a human being manifests, and **this in its etheric connotation.**

114. It may be a strange thought for some that the human being is not really *manifesting* through a dense physical body, but that it is simply an automaton.

115. We find in the extract above a direct analogy between groups of causal bodies and the physical body of man. The Planetary Logos/groups of causal bodies = man/his physical body. We must, however, be careful about the manner in which we define the term "physical". In this context, it means *etheric.*

116. Since the dense physical body of a human being is not a principle (in relation to man) man's true physical body is considered his *etheric* body. It is important that we remember this.

117. It is thus clear and confirmed that the higher mental plane (on the two lower levels of which, causal bodies can be found—can they be found on the first level?) is considered in relation to the Heavenly Man (as Planetary Logos) an area of ***etheric*** *expression.*

118. Since human causal bodies are *not* found on the concrete mental subplanes, those subplanes cannot be considered *etheric* in relation to the Planetary Logos or greatest *planetary* Heavenly Man.

119. Yet, we have been reading of a type of Heavenly Man for whom the entire manasic plane stands as an area of etheric

mà qua đó một con người biểu lộ, và **điều này theo hàm nghĩa dĩ thái của nó.**

114. Đối với một số người, có thể là một ý nghĩ lạ rằng con người thực ra không *biểu lộ* qua một thể xác đậm đặc, mà thể ấy chỉ đơn thuần là một cơ cấu tự động.

115. Trong đoạn trích trên, chúng ta thấy một phép tương đồng trực tiếp giữa các nhóm thể nguyên nhân và thể xác của con người. Đức Hành Tinh Thượng Đế/các nhóm thể nguyên nhân = con người/thể xác của y. Tuy nhiên, chúng ta phải cẩn trọng về cách định nghĩa thuật ngữ "hồng trần". Trong ngữ cảnh này, nó có nghĩa là *dĩ thái.*

116. Vì thể xác đậm đặc của con người không phải là một nguyên khí (trong tương quan với con người), nên thể hồng trần đích thực của con người được xem là thể *dĩ thái* của y. Điều quan trọng là chúng ta phải nhớ điều này.

117. Như vậy, rõ ràng và được xác nhận rằng cõi thượng trí (trên hai cấp độ thấp hơn của cõi này có thể tìm thấy các thể nguyên nhân —chúng có thể được tìm thấy trên cấp độ thứ nhất không?) được xem trong tương quan với Đấng Thiên Nhân (với tư cách Đức Hành Tinh Thượng Đế) là một khu vực của ***sự biểu lộ dĩ thái***.

118. Vì các thể nguyên nhân của con người *không* được tìm thấy trên các cõi phụ trí cụ thể, nên các cõi phụ ấy không thể được xem là *dĩ thái* trong tương quan với Đức Hành Tinh Thượng Đế hay Đấng Thiên Nhân *hành tinh* vĩ đại nhất.

119. Tuy nhiên, chúng ta đã đọc về một loại Đấng Thiên Nhân mà đối với Ngài toàn bộ cõi manas là một khu vực biểu lộ dĩ thái. Bản

expression. The nature of such a lesser Heavenly Man must be ascertained.

120. It is also confirmed that the lower mental plane must be considered equivalent to the gaseous subplane of the Planetary Logos' dense physical vehicle.

121. If these speculations are correct, we can see that each of these great beings has a differing number of systemic etheric sub-planes go to the constitution of the etheric sub-planes of these beings.

122. The Solar Logos has a fourth etheric vehicle with *seven* systemic sub-planes (the seven sub-planes of the systemic buddhic plane). The Planetary Logos has a fourth etheric vehicle with only *three* systemic sub-planes (the three sub-planes of the systemic higher mental plane). We could speculate upon the number of systemic sub-planes which go to the constitution of a Chain Lord and Globe Lord, but not enough is known to make such speculation really profitable. We can only speculate that the numbers will vary.

123. If we hope in any way to maintain numerical consistency between the numbers of *systemic* sub-planes involved in the expression of (for instance) the four etheric vehicles of these different types of beings, we shall have to have what we might call *plane-overlap.* This is perhaps an unusual idea and there is no way to verify that if may be true.

124. For instance, a Solar Logos has seven systemic sub-planes which constitute His lowest or fourth ether, the buddhic plane. Is it justifiable to think that a Planetary Logos has only three systemic sub-planes

chất của một Đấng Thiên Nhân thấp hơn như thế phải được xác định.

120. Điều cũng được xác nhận là cõi hạ trí phải được xem là tương đương với cõi phụ khí của hiện thể xác đậm đặc của Đức Hành Tinh Thượng Đế.

121. Nếu những suy đoán này là đúng, chúng ta có thể thấy rằng mỗi một trong các hữu thể vĩ đại này có một số lượng khác nhau các cõi phụ dĩ thái của hệ góp phần vào cấu tạo các cõi phụ dĩ thái của các hữu thể ấy.

122. Thái dương Thượng đế có một hiện thể dĩ thái thứ tư với *bảy* cõi phụ của hệ (bảy cõi phụ của cõi Bồ đề của hệ). Đức Hành Tinh Thượng Đế có một hiện thể dĩ thái thứ tư chỉ với *ba* cõi phụ của hệ (ba cõi phụ của cõi thượng trí của hệ). Chúng ta có thể suy đoán về số lượng cõi phụ của hệ góp phần vào cấu tạo của một Chúa Tể Dãy và Chúa Tể Bầu hành tinh, nhưng chưa biết đủ để làm cho sự suy đoán ấy thực sự hữu ích. Chúng ta chỉ có thể suy đoán rằng các con số sẽ khác nhau.

123. Nếu chúng ta hy vọng bằng cách nào đó duy trì được tính nhất quán số học giữa số lượng các cõi phụ *của hệ* tham dự vào sự biểu lộ của (chẳng hạn) bốn hiện thể dĩ thái của các loại hữu thể khác nhau này, thì chúng ta sẽ phải có điều mà có thể gọi là *sự chồng lấn cõi.* Đây có lẽ là một ý tưởng khác thường và không có cách nào để kiểm chứng rằng nó có thể là đúng.

124. Chẳng hạn, một Thái dương Thượng đế có bảy cõi phụ của hệ cấu thành cõi dĩ thái thấp nhất hay thứ tư của Ngài, tức cõi Bồ đề. Có chính đáng không khi nghĩ rằng một Đức Hành Tinh Thượng Đế chỉ có ba cõi phụ của

constituting His fourth or lowest ether (i.e., the higher mental plane)?

125. OR, using the principle of plane overlap, may the lowest of the Planetary Logos' four etheric vehicles consist of three systemic sub-planes on the higher mental plane and the four lowest sub-planes on the systemic buddhic plane.

126. If we give this idea credence, we shall have to think that our usual maps of the planes and sub-planes are drawn from the perspective of the Solar Logos and man, and *not* from the perspective of any of the Heavenly Men in a planetary scheme.

127. Just as there are no hard and fast boundaries between the signs of the zodiac, so there would be a system of *relativity* defining the boundaries of various planes, depending upon the type of entity or being under discussion.

128. We think of our systemic higher mental plane as *mental,* but to a Planetary Logos it is *etheric* (or, at least, *part* of His etheric constitution) and to a Solar Logos it is *gaseous* (along with the concrete mental sub-planes). To a Chain Lord it may be analogous to the astral body and to a Globe Lord the higher mental plane may be as the lower mental plane.

129. If we study what might be called 'the continuum of prakritic vibration', we may be able to more easily understand the principle of 'planar overlap'.

130. Obviously, we cannot ascertain the truth here. All we can do is follow the

hệ cấu thành cõi dĩ thái thứ tư hay thấp nhất của Ngài (tức cõi thượng trí)?

125. HOẶC, dùng nguyên lý chồng lấn cõi, liệu hiện thể dĩ thái thấp nhất trong bốn hiện thể dĩ thái của Đức Hành Tinh Thượng Đế có thể gồm ba cõi phụ của hệ trên cõi thượng trí và bốn cõi phụ thấp nhất trên cõi Bồ đề của hệ chăng.

126. Nếu chúng ta chấp nhận ý tưởng này, chúng ta sẽ phải nghĩ rằng các bản đồ thông thường của chúng ta về các cõi và cõi phụ được vẽ từ quan điểm của Thái dương Thượng đế và con người, chứ *không* phải từ quan điểm của bất kỳ Đấng Thiên Nhân nào trong một hệ hành tinh.

127. Cũng như không có những ranh giới cứng nhắc giữa các dấu hiệu hoàng đạo, thì sẽ có một hệ thống *tính tương đối* xác định ranh giới của các cõi khác nhau, tùy thuộc vào loại thực thể hay hữu thể đang được bàn đến.

128. Chúng ta nghĩ về cõi thượng trí của hệ như là *trí tuệ,* nhưng đối với một Đức Hành Tinh Thượng Đế, nó là *dĩ thái* (hoặc ít nhất là *một phần* trong cấu tạo dĩ thái của Ngài) và đối với một Thái dương Thượng đế, nó là *khí* (cùng với các cõi phụ trí cụ thể). Đối với một Chúa Tể Dãy, nó có thể tương tự như thể cảm dục, và đối với một Chúa Tể Bầu hành tinh, cõi thượng trí có thể giống như cõi hạ trí.

129. Nếu chúng ta nghiên cứu điều có thể được gọi là "liên tục thể của rung động prakriti", chúng ta có thể hiểu dễ hơn nguyên lý "chồng lấn cõi".

130. Hiển nhiên, chúng ta không thể xác định chân lý ở đây. Tất cả những gì chúng ta

suggested analogies and attend to the implications.

có thể làm là theo các phép tương đồng được gợi ý và chú ý đến các hàm ý của chúng.

131. VSK suggests: "This is related to table on *TCF* 331, and helps solve the problem of the question of which is the colour of buddhi."

131. VSK gợi ý: "Điều này có liên hệ với bảng ở *TCF* 331, và giúp giải quyết vấn đề câu hỏi màu sắc của Bồ đề là gì."

It should be borne in mind that the manifesting Existences embody certain planes, and **have Their points of deepest involution on diverse levels**:

Cần ghi nhớ rằng các Hữu Thể đang biểu lộ nhập thể một số cõi nhất định, và **có các điểm giáng hạ tiến hoá sâu nhất của Các Ngài trên những cấp độ khác nhau**:

132. Here are series of important comparisons which will convey to us the areas of manifestation for three types of self-conscious entities.

132. Ở đây là một loạt so sánh quan trọng sẽ truyền đạt cho chúng ta các khu vực biểu lộ của ba loại thực thể ngã thức.

133. Man, a Planetary Logos and a Solar Logos are all "manifesting Existences".

133. Con người, một Đức Hành Tinh Thượng Đế và một Thái dương Thượng đế đều là những "Hữu Thể đang biểu lộ".

134. This extract seems to confirm the possibility of the validity of 'planar overlap'.

134. Đoạn trích này dường như xác nhận khả năng hiệu lực của "sự chồng lấn cõi".

135. If we say that "manifesting Existences embody certain planes", may it be justifiable to say that they also embody certain sub-planes?

135. Nếu chúng ta nói rằng "các Hữu Thể đang biểu lộ nhập thể một số cõi nhất định", thì có chính đáng không khi nói rằng các Ngài cũng nhập thể một số cõi phụ nhất định?

136. In studying the planar gamut of manifestation for diverse entities, the principle of relativity will, it seems, have to be considered.

136. Khi nghiên cứu toàn bộ dải cõi biểu lộ của các thực thể khác nhau, dường như nguyên lý tính tương đối sẽ phải được xét đến.

a. A Man originates on the monadic level, has his main focal point on the fifth level, the mental, but **is seeking full conscious development on the three lower planes**, the mental, the astral and the physical.

a. Một Con Người phát sinh trên cấp độ chân thần, có điểm tập trung chính của mình trên cấp độ thứ năm, tức cõi trí, nhưng **đang tìm kiếm sự phát triển hữu thức trọn vẹn trên ba cõi thấp hơn**, tức cõi trí, cõi cảm dục và cõi hồng trần.

137. The relationship between the *two* an the *five* is here clearly evident, for the human Monad's center of origination is on the *second* plane while the main focal point of man-the-Monad is on the fifth plane.

138. There is also an implied connection between the numbers *one* and *five,* for the Monad, although on the second plane, represents the *first* aspect of divinity. The numbers one and five are, of course, intimately related. The number one is the Father and five is the Son.

139. When dealing with the true origin of man, it is practical to indicate the monadic level, but what of the Sea of Fire? When the monadic sheath is destroyed, then man-the-essential-Monad is surely not destroyed, but (so it seems reasonable to infer) would be liberated into the sea of fire.

140. The monadic level is the operative point of monadic focus for man's entire pilgrimage into the lower five planes, however when dealing with the more *remote* origin of the Monad and its eventual destiny, still higher planes (i.e., cosmic sub-planes) will have to be considered.

b. A Heavenly Man has His source outside the solar system (as man outside the three worlds of his endeavor),

141. When the Tibetan references the solar system He often confines Himself to the cosmic physical plane.

142. Since we are talking about *sources,* we are talking about Monads. It must be remembered, however, that the Ego is, in a way, the source for manifesting man, just as

137. Mối tương quan giữa số *hai* và số *năm* ở đây hiển nhiên rõ rệt, vì trung tâm phát sinh của chân thần con người ở trên cõi *thứ hai* trong khi điểm tập trung chính của con người-như-chân-thần ở trên cõi thứ năm.

138. Cũng có một mối liên hệ hàm ẩn giữa các số *một* và *năm,* vì chân thần, dù ở trên cõi thứ hai, lại tượng trưng cho phương diện *thứ nhất* của thiên tính. Dĩ nhiên, các số một và năm có liên hệ mật thiết. Số một là Cha và số năm là Con.

139. Khi bàn đến nguồn gốc đích thực của con người, việc chỉ ra cấp độ chân thần là thực tiễn, nhưng còn Biển Lửa thì sao? Khi lớp vỏ chân thần bị hủy diệt, thì con người-như-chân-thần-bản chất chắc chắn không bị hủy diệt, mà (dường như có thể suy ra hợp lý như vậy) sẽ được giải thoát vào biển lửa.

140. Cấp độ chân thần là điểm hoạt động của sự tập trung chân thần cho toàn bộ cuộc hành hương của con người vào năm cõi thấp hơn, tuy nhiên khi bàn đến nguồn gốc *xa xôi hơn* của chân thần và định mệnh cuối cùng của nó, thì các cõi còn cao hơn nữa (tức các cõi phụ vũ trụ) sẽ phải được xét đến.

b. Một Đấng Thiên Nhân có nguồn gốc của Ngài ở ngoài hệ mặt trời (cũng như con người ở ngoài ba cõi giới của nỗ lực của mình),

141. Khi Chân sư Tây Tạng nhắc đến hệ mặt trời, Ngài thường tự giới hạn vào cõi hồng trần vũ trụ.

142. Vì chúng ta đang nói về *các nguồn gốc,* nên chúng ta đang nói về các chân thần. Tuy nhiên, phải nhớ rằng chân ngã, theo một cách nào đó, là nguồn gốc cho con người

the planetary logoic Ego or the solar logoic Ego would be sources for the manifesting Planetary Logos and Solar Logos respectively.

đang biểu lộ, cũng như chân ngã hành tinh thượng đế hay chân ngã thái dương thượng đế sẽ là nguồn gốc cho Đức Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế đang biểu lộ tương ứng.

143. Nevertheless, we *do* seem to be talking of Monads.

143. Tuy nhiên, chúng ta *quả thực* dường như đang nói về các chân thần.

144. The true origin of a Planetary Logos or Heavenly Man (let us, for the most part, treat these terms as equivalent) is probably the cosmic monadic plane. This may be inferred because the causal body of a Planetary Logos is found upon the higher levels of the cosmic mental plane, just as the causal body of man is found upon the higher levels of the systemic mental plane.

144. Nguồn gốc đích thực của một Đức Hành Tinh Thượng Đế hay Đấng Thiên Nhân (phần lớn chúng ta hãy xem các thuật ngữ này là tương đương) có lẽ là cõi chân thần vũ trụ. Điều này có thể được suy ra vì thể nguyên nhân của một Đức Hành Tinh Thượng Đế được tìm thấy trên các cấp độ cao hơn của cõi trí vũ trụ, cũng như thể nguyên nhân của con người được tìm thấy trên các cấp độ cao hơn của cõi trí của hệ.

145. It is probable that the Heavenly Man here discussed is the greatest of *our* planetary Heavenly Men—the Planetary Logos.

145. Có lẽ Đấng Thiên Nhân được bàn đến ở đây là vĩ đại nhất trong các Đấng Thiên Nhân hành tinh của *chúng ta*—Đức Hành Tinh Thượng Đế.

146. When (on p. 271) DK spoke of a Heavenly Man who "has an originating source, His Monad, a semi-permanent body on the monadic levels of the solar system", we have to be very careful. Does the Heavenly Man there under discussion have *both* "an originating source, His Monad" ***and*** "a semi-permanent body of the monadic levels of the solar system"?

146. Khi (ở tr. 271) Chân sư DK nói về một Đấng Thiên Nhân "có một nguồn gốc khởi nguyên, Chân thần của Ngài, một thể bán thường tồn trên các cấp độ chân thần của hệ mặt trời", chúng ta phải hết sức cẩn trọng. Phải chăng Đấng Thiên Nhân đang được bàn đến ở đây có *cả* "một nguồn gốc khởi nguyên, Chân thần của Ngài" ***và*** "một thể bán thường tồn trên các cấp độ chân thần của hệ mặt trời"?

147. OR, is the phrase "a semi-permanent body on the monadic levels of the solar system" a phrase in apposition, referring to "His Monad"?

147. HAY, cụm từ "một thể bán thường tồn trên các cấp độ chân thần của hệ mặt trời" là một cụm từ đồng vị, quy chiếu về "Chân thần của Ngài"?

148. Why is the word "and" ***not*** used before "a semi-permanent body" just as it is earlier

148. Tại sao từ "và" lại ***không*** được dùng trước "một thể bán thường tồn" như đã được

in the paragraph when describing a human being, for a human being has a Monad as an "originating source" ***and*** a "semi-permanent vehicle, the causal body"? Is this just an error? Or is it meant to produce ambiguity and, hence, a deeper search.

dùng trước đó trong đoạn khi mô tả một con người, vì con người có một Chân thần như một "nguồn gốc khởi nguyên" ***và*** một "vận cụ bán thường tồn, thể nguyên nhân"? Đây chỉ là một sai sót chăng? Hay điều đó được dụng ý để tạo ra sự mơ hồ và do đó dẫn đến một sự truy cứu sâu hơn.

149. If the solar system is considered to be the cosmic physical plane, then *all three types of planetary Heavenly Men* may have originating sources *outside the solar system.*

149. Nếu hệ mặt trời được xem là cõi hồng trần vũ trụ, thì *cả ba loại Đấng Thiên Nhân hành tinh* đều có thể có các nguồn gốc khởi nguyên *bên ngoài hệ mặt trời.*

150. The Monad of our Planetary Logos (and of all Planetary Logoi) are, we infer, to be found upon the cosmic monadic plane. Where are the originating sources of those Heavenly Men known as Chain Lords and Globe Lords?

150. Chân thần của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta (và của mọi Hành Tinh Thượng Đế) theo suy luận của chúng ta được tìm thấy trên cõi chân thần vũ trụ. Các nguồn gốc khởi nguyên của những Đấng Thiên Nhân được biết đến như các Chúa Tể của Dãy và các Chúa Tể của Bầu Hành Tinh ở đâu?

151. If the aggregations of human Monads on the systemic monadic plane are a kind of causal body to a certain type of Heavenly Man, then the monadic origin of that type of Heavenly Man would certainly be found outside the solar system (considering the solar system as the cosmic physical plane).

151. Nếu các tập hợp những Chân thần nhân loại trên cõi chân thần của hệ thống là một loại thể nguyên nhân đối với một loại Đấng Thiên Nhân nào đó, thì nguồn gốc chân thần của loại Đấng Thiên Nhân ấy hẳn nhiên sẽ được tìm thấy bên ngoài hệ mặt trời (khi xem hệ mặt trời như cõi hồng trần vũ trụ).

152. We cannot say upon what type of contra-parallel the Monad of a Chain Lord may be found, or the Monad of a Globe Lord, but it would seem likely to be on cosmic planes above the cosmic physical plane (on which the human Monad has its point of focus).

152. Chúng ta không thể nói Chân thần của một Chúa Tể của Dãy hay của một Chúa Tể của Bầu Hành Tinh có thể được tìm thấy trên loại đối song nào, nhưng có vẻ hợp lý là nó nằm trên các cõi vũ trụ cao hơn cõi hồng trần vũ trụ (nơi Chân thần nhân loại có điểm tập trung của nó).

153. We are somewhat limited here because we do not know what might be called the 'developmental proportion' between a Planetary Logos and His subsidiaries—Chain Lords and Globe Lords. We have some idea of how to measure man against a Solar Logos or Planetary Logos, but how to measure a

153. Ở đây chúng ta phần nào bị giới hạn vì không biết điều có thể gọi là "tỉ lệ phát triển" giữa một Hành Tinh Thượng Đế và các phân thể phụ thuộc của Ngài—các Chúa Tể của Dãy và các Chúa Tể của Bầu Hành Tinh. Chúng ta có một vài ý niệm về cách đo lường con người so với một Thái dương Thượng đế

Globe Lord or a Chain Lord against a Planetary Logos?

hay Hành Tinh Thượng Đế, nhưng làm sao đo lường một Chúa Tể của Bầu Hành Tinh hay một Chúa Tể của Dãy so với một Hành Tinh Thượng Đế?

154. The Tibetan has been talking mainly about four types of atoms—the tiny atom of matter/substance; man as an atom; the Planetary Logos as an atom and the Solar Logos as an atom.

154. Chân sư Tây Tạng chủ yếu đang nói về bốn loại nguyên tử—nguyên tử cực nhỏ của vật chất/chất liệu; con người như một nguyên tử; Hành Tinh Thượng Đế như một nguyên tử và Thái dương Thượng đế như một nguyên tử.

155. May it be possible that there are also inferences concerning Globe Lords and Chain Lords as atoms?

155. Có thể chăng cũng có những suy luận liên quan đến các Chúa Tể của Bầu Hành Tinh và các Chúa Tể của Dãy như những nguyên tử?

156. The three worlds of man's endeavor are the physical-etheric, the astral and the lower mental worlds.

156. Ba cõi giới của nỗ lực nơi con người là các cõi hồng trần-dĩ thái, cảm dục và hạ trí.

157. What are the three worlds of endeavor for the type of Heavenly Man here discussed? If the Heavenly Man is the Planetary Logos, then the three worlds are the cosmic physical plane, the cosmic astral plane and the lower cosmic mental plane. Thus, the originating source of the Planetary Logos would have to be 'above' even the cosmic mental plane.

157. Ba cõi giới của nỗ lực đối với loại Đấng Thiên Nhân đang được bàn đến ở đây là gì? Nếu Đấng Thiên Nhân là Hành Tinh Thượng Đế, thì ba cõi giới ấy là cõi hồng trần vũ trụ, cõi cảm dục vũ trụ và cõi hạ trí vũ trụ. Như vậy, nguồn gốc khởi nguyên của Hành Tinh Thượng Đế hẳn phải ở "trên" cả cõi trí tuệ vũ trụ.

has His main focal point on the second plane of the system, the monadic,

có điểm tập trung chính của Ngài trên cõi thứ hai của hệ thống, cõi chân thần,

158. What for man is *monadic* and his highest point of focus is for the type of Heavenly Man here discussed an intermediary point of expression. We note, however, that the causal body of a Planetary Logos is *not* found upon the systemic monadic plane but upon the cosmic mental plane.

158. Điều gì đối với con người là *chân thần* và là điểm tập trung cao nhất của y thì đối với loại Đấng Thiên Nhân đang được bàn đến ở đây lại là một điểm biểu lộ trung gian. Tuy nhiên, chúng ta lưu ý rằng thể nguyên nhân của một Hành Tinh Thượng Đế *không* được tìm thấy trên cõi chân thần của hệ thống mà trên cõi trí tuệ vũ trụ.

159. So for the Planetary Logos (the greatest of the three types planetary Heavenly Men), the focus on the systemic monadic plane is *not* a causal focus, though such a focus may be considered an analogy to causal focus for a lesser type of planetary Heavenly Man.

159. Vì vậy, đối với Hành Tinh Thượng Đế (vĩ đại nhất trong ba loại Đấng Thiên Nhân hành tinh), điểm tập trung trên cõi chân thần của hệ thống *không* phải là một điểm tập trung nguyên nhân, mặc dù một điểm tập trung như vậy có thể được xem là một sự tương đồng với điểm tập trung nguyên nhân đối với một loại Đấng Thiên Nhân hành tinh thấp hơn.

and is seeking consciousness on the planes of the Triad,—this in relation to all the cells in His body.

và đang tìm kiếm tâm thức trên các cõi của Tam nguyên tinh thần,—điều này trong liên hệ với mọi tế bào trong thân thể của Ngài.

160. This is an important point. Man (as a cell in the body of the Planetary Logos) is the medium through which a Heavenly Man is seeking to expand His consciousness on the cosmic physical plane.

160. Đây là một điểm quan trọng. Con người (như một tế bào trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế) là trung gian mà qua đó một Đấng Thiên Nhân đang tìm cách mở rộng tâm thức của Ngài trên cõi hồng trần vũ trụ.

161. Man is seeking full consciousness development on the lower three systemic planes and "A Heavenly Man" is seeking full consciousness development through man through the spiritual triad of man—the spiritual triad being for man as the personality of the Monad.

161. Con người đang tìm kiếm sự phát triển trọn vẹn của tâm thức trên ba cõi thấp của hệ thống và "một Đấng Thiên Nhân" đang tìm kiếm sự phát triển trọn vẹn của tâm thức qua con người, thông qua tam nguyên tinh thần của con người—tam nguyên tinh thần đối với con người cũng như phàm ngã của chân thần.

162. Man, it would seem, is as a cell of consciousness for the type of Heavenly Man here discussed and indispensable for the expansion of the consciousness.

162. Có vẻ như con người là một tế bào tâm thức đối với loại Đấng Thiên Nhân đang được bàn đến ở đây và là điều không thể thiếu cho sự mở rộng của tâm thức.

163. We are told that the type of Heavenly Man here discussed "has His main focal point on the second plane of the system, the monadic". This statement must be compared with the 'location' of the "main focal point" for man and for the Solar Logos. Man has his main focal point on causal levels. From what is said about the Solar

163. Chúng ta được cho biết rằng loại Đấng Thiên Nhân đang được bàn đến ở đây "có điểm tập trung chính của Ngài trên cõi thứ hai của hệ thống, cõi chân thần". Phát biểu này phải được so sánh với "vị trí" của "điểm tập trung chính" nơi con người và nơi Thái dương Thượng đế. Con người có điểm tập trung chính của mình trên các cấp độ

Logos, it seems possible that He, too, has His main focal point on cosmic causal levels, for we are told that He "has His main focal point on the cosmic mental plane".

nguyên nhân. Từ những gì được nói về Thái dương Thượng đế, có vẻ có thể là Ngài cũng có điểm tập trung chính của Ngài trên các cấp độ nguyên nhân vũ trụ, vì chúng ta được cho biết rằng Ngài "có điểm tập trung chính của Ngài trên cõi trí tuệ vũ trụ".

164. If the Heavenly Man here discussed is really the Planetary Logos of the Earth-scheme, something is out of proportion. If the Heavenly Man under discussion is really the full Planetary Logos, He *too* should have His main focal point on what for Him are *causal levels*, but this is not the case.

164. Nếu Đấng Thiên Nhân đang được bàn đến ở đây thực sự là Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh Địa Cầu, thì có điều gì đó mất cân xứng. Nếu Đấng Thiên Nhân đang được bàn đến thực sự là Hành Tinh Thượng Đế trọn vẹn, thì Ngài *cũng* phải có điểm tập trung chính của Ngài trên điều mà đối với Ngài là các *cấp độ nguyên nhân*, nhưng không phải như vậy.

165. The conclusion to be drawn is that when Master DK speaks of a Heavenly Man, He is not always talking about the same type of being!

165. Kết luận phải rút ra là khi Chân sư DK nói về một Đấng Thiên Nhân, Ngài không phải lúc nào cũng nói về cùng một loại hữu thể!

166. It may be that there is a type of blinding going on, by means of which a Globe Lord or Chain Lord is discussed in relation to man, and not always the great Planetary Logos of the entire Earth-scheme.

166. Có thể đang diễn ra một loại che mờ nào đó, nhờ đó một Chúa Tể của Bầu Hành Tinh hay Chúa Tể của Dãy được bàn đến trong liên hệ với con người, chứ không phải lúc nào cũng là Hành Tinh Thượng Đế vĩ đại của toàn bộ hệ hành tinh Địa Cầu.

167. Because there are three types of Heavenly Men associated with our planetary scheme, one must remain very alert with regard to the meaning of the references. A sense of proportion will be an important guide.

167. Bởi vì có ba loại Đấng Thiên Nhân gắn liền với hệ hành tinh của chúng ta, người ta phải luôn hết sức tỉnh táo đối với ý nghĩa của các quy chiếu. Ý thức về tỉ lệ sẽ là một chỉ dẫn quan trọng.

He developed consciousness on the three [Page 272] lower planes of the three worlds during the first solar system, again in relation to the cells in His body.

Ngài đã phát triển tâm thức trên ba [Page 272] cõi thấp của ba cõi giới trong hệ mặt trời thứ nhất, một lần nữa trong liên hệ với các tế bào trong thân thể của Ngài.

168. The more one studies these references in depth, their many layers are revealed, if

168. Càng nghiên cứu sâu những quy chiếu này, nhiều tầng lớp của chúng càng được bộc

not understood. The Tibetan packs so much information into a few words

lộ ra, dù chưa hẳn được thấu hiểu. Chân sư Tây Tạng gói ghém quá nhiều thông tin trong một vài từ

169. Just as the Solar Logos has evolved considerably since His expression through His first major solar system, so have Heavenly Men.

169. Cũng như Thái dương Thượng đế đã tiến hóa đáng kể kể từ khi Ngài biểu lộ qua hệ mặt trời lớn đầu tiên của Ngài, các Đấng Thiên Nhân cũng vậy.

170. When the Tibetan speaks of the "first solar system", does He mean the first of three *major* solar systems or the first of the *five* of which our present solar system is the fifth.

170. Khi Chân sư Tây Tạng nói về "hệ mặt trời thứ nhất", Ngài muốn nói đến hệ mặt trời lớn thứ nhất trong ba hệ mặt trời *lớn* hay hệ thứ nhất trong *năm* hệ mà hệ mặt trời hiện tại của chúng ta là hệ thứ năm.

171. The first of the five would have to have been a very *material* solar system.

171. Hệ thứ nhất trong năm hẳn phải là một hệ mặt trời rất *vật chất*.

172. If we use analogy, we shall see that the efforts of the Heavenly Man under discussion in relation to the first major solar system were analogically closer to the present efforts of man than the Heavenly Man's efforts in relation to the present solar system.

172. Nếu dùng sự tương đồng, chúng ta sẽ thấy rằng những nỗ lực của Đấng Thiên Nhân đang được bàn đến liên hệ với hệ mặt trời lớn thứ nhất gần với những nỗ lực hiện nay của con người hơn, theo nghĩa tương đồng, so với những nỗ lực của Đấng Thiên Nhân liên hệ với hệ mặt trời hiện tại.

173. We are told that the Heavenly Man is presently seeking consciousness on the planes of the Triad. This would mean (if the Heavenly Man under discussion is the full Planetary Logos) that He is seeking a type of etheric consciousness.

173. Chúng ta được cho biết rằng Đấng Thiên Nhân hiện đang tìm kiếm tâm thức trên các cõi của Tam nguyên tinh thần. Điều này có nghĩa (nếu Đấng Thiên Nhân đang được bàn đến là Hành Tinh Thượng Đế trọn vẹn) rằng Ngài đang tìm kiếm một loại tâm thức dĩ thái.

174. Yet we are told that the Planetary Logos is not only seeking consciousness but "control" on the cosmic astral plane. Does this not seem like a discrepancy?

174. Tuy nhiên, chúng ta được cho biết rằng Hành Tinh Thượng Đế không chỉ tìm kiếm tâm thức mà còn tìm kiếm "sự kiểm soát" trên cõi cảm dục vũ trụ. Điều này chẳng phải có vẻ như một sự bất nhất sao?

175. It is clear that some type of Heavenly Man is seeking consciousness through the cells of His body on the triadal levels, but is

175. Rõ ràng là một loại Đấng Thiên Nhân nào đó đang tìm kiếm tâm thức qua các tế bào trong thân thể của Ngài trên các cấp độ

it the great Planetary Logos or a lesser Heavenly Man within the greater?

tam nguyên, nhưng đó là Hành Tinh Thượng Đế vĩ đại hay một Đấng Thiên Nhân thấp hơn bên trong Đấng lớn hơn?

176. The term "in relation to the cells in His body" (the human and deva units) is of importance. Man in the aggregate is an extension of the consciousness of the Heavenly Man. This is probably true on all planets and in relation to all Heavenly Men.

176. Thuật ngữ "trong liên hệ với các tế bào trong thân thể của Ngài" (các đơn vị người và thiên thần) là điều quan trọng. Con người trong tổng thể là một sự mở rộng của tâm thức của Đấng Thiên Nhân. Điều này có lẽ đúng trên mọi hành tinh và trong liên hệ với mọi Đấng Thiên Nhân.

177. Really, man is an extension of the consciousness of *all* planetary Heavenly Men. It is simply a question of determining what type of extension. Obviously, the unit man means more to a Globe Lord than to a Chain Lord, and more to a Chain Lord than to a Planetary Logos.

177. Thực ra, con người là một sự mở rộng của tâm thức của *mọi* Đấng Thiên Nhân hành tinh. Chỉ là vấn đề xác định loại mở rộng nào. Hiển nhiên, đơn vị con người có ý nghĩa đối với một Chúa Tể của Bầu Hành Tinh nhiều hơn đối với một Chúa Tể của Dãy, và có ý nghĩa đối với một Chúa Tể của Dãy nhiều hơn đối với một Hành Tinh Thượng Đế.

Man is repeating His endeavor up to the fifth Initiation which will bring him to a stage of consciousness achieved by a Heavenly Man in a much earlier mahamanvantara.

Con người đang lặp lại nỗ lực của Ngài cho đến lần điểm đạo thứ năm, điều sẽ đưa y đến một giai đoạn tâm thức mà một Đấng Thiên Nhân đã đạt được trong một Đại giai kỳ sinh hóa sớm hơn rất nhiều.

178. This is an extraordinary statement productive of expanded perspective.

178. Đây là một phát biểu phi thường, tạo ra một viễn cảnh được mở rộng.

179. The words "much earlier" demand to be quantified. Our Solar Logos has had, according to one method of enumeration, *five solar systemic expressions.* This is the fifth.

179. Những từ "sớm hơn rất nhiều" đòi hỏi phải được định lượng. Theo một phương pháp liệt kê, Thái dương Thượng đế của chúng ta đã có *năm lần biểu lộ hệ mặt trời.* Đây là lần thứ năm.

180. The words "much earlier" suggest that when our Heavenly Man (if we are now talking about the Planetary Logos) was (in composite form) an initiate of the fifth degree, it may not have been within the solar systems generated by our Solar Logos.

180. Những từ "sớm hơn rất nhiều" gợi ý rằng khi Đấng Thiên Nhân của chúng ta (nếu giờ đây chúng ta đang nói về Hành Tinh Thượng Đế) là một điểm đạo đồ bậc năm (trong hình thức tổng hợp), thì điều đó có thể đã không nằm trong các hệ mặt trời

During such solar systems (even if there were five) the Solar Logos has been a Solar Logos and, presumably, the Planetary Logos has been some kind of Planetary Logos—not just a man of the fifth initiation.

do Thái dương Thượng đế của chúng ta tạo ra. Trong các hệ mặt trời như thế (ngay cả nếu có năm), Thái dương Thượng đế đã là một Thái dương Thượng đế và, có lẽ, Hành Tinh Thượng Đế đã là một loại Hành Tinh Thượng Đế nào đó—chứ không chỉ là một con người ở lần điểm đạo thứ năm.

181. We cannot consider that a Heavenly Man in a much earlier Mahamanvantara was just as a *single, individual man* is *now.* A Planetary Logos is a *group being,* and it takes many men (developed later as Solar Angels) to form the composite-yet-unified consciousness of a Planetary Logos.

181. Chúng ta không thể xem rằng một Đấng Thiên Nhân trong một Đại giai kỳ sinh hóa sớm hơn rất nhiều đã chỉ giống như một *con người đơn lẻ, cá biệt* như *hiện nay.* Một Hành Tinh Thượng Đế là một *hữu thể nhóm,* và cần nhiều con người (về sau phát triển thành các Thái dương Thiên Thần) để hình thành tâm thức tổng hợp nhưng hợp nhất của một Hành Tinh Thượng Đế.

The Pitris who formed the egoic body of a human being do not—alone and isolated—form planetary Logoi. The forty-nine groups of solar fires concerned in the great work are those spoken of, and they become the forty-nine planetary Logoi in connexion with seven solar systems. (*TCF* 879)

Các tổ phụ đã hình thành thể chân ngã của một con người không—một mình và cô lập—hình thành các Hành Tinh Thượng Đế. Bốn mươi chín nhóm lửa thái dương liên quan đến đại công việc là những nhóm được nói đến, và chúng trở thành bốn mươi chín Hành Tinh Thượng Đế liên hệ với bảy hệ mặt trời. (*TCF* 879)

182. This is a very important point. Some may wish to debate it: namely that great *group beings* are 'composite-yet-unitary' entities.

182. Đây là một điểm rất quan trọng. Một số người có thể muốn tranh luận về điều này: tức là những *hữu thể nhóm* vĩ đại là những thực thể 'tổng hợp nhưng đơn nhất'.

183. The many former men who *now* constitute a Heavenly Man *were* in the stage that many men are *now* "many" mahamanvantaras ago!

183. Nhiều con người trước kia mà *nay* cấu thành một Đấng Thiên Nhân *đã ở* trong giai đoạn mà nhiều con người *nay* đang ở, từ "nhiều" Đại giai kỳ sinh hóa trước!

184. At the very least, this statement gives some kind of idea of how long it takes to *produce* a Heavenly Man (though *which* of the Heavenly Men we do not know).

184. Ít nhất, phát biểu này cho một ý niệm nào đó về việc cần bao lâu để *tạo ra* một Đấng Thiên Nhân (mặc dù chúng ta không biết là *loại nào* trong các Đấng Thiên Nhân).

185. One must think of a few of the elevations through which man (individually and in increasingly large aggregates can pass)

a. Man

b. Solar Angel

c. Groups of Solar Angels

d. Still greater groupings of Solar Angels

e. Globe Lords

f. Chain Lords

g. Entities manifesting through Kingdoms of Nature (cf. *TCF* 648)

h. Planetary Logoi

186. No doubt many steps are omitted, for our knowledge of the many rungs of this particular 'Ladder of Entities' is minimal. If, however, we understand these, ladders, we shall know the destiny of the various kinds of entities we *can* identify.

In connection with the initiations this should be carefully borne in mind.

187. This sentence draws immediate attention to *TCF* 384, where initiations for man, the Planetary Logos and the Solar Logos are discussed. Man is mentioned in relation to the "first cosmic initiation", and our Planetary Logos in relation to the "second cosmic initiation".

185. Người ta phải nghĩ đến một vài cấp thăng tiến mà con người (cá nhân và trong những tập hợp ngày càng lớn hơn có thể đi qua)

a. Con người

b. Thái dương Thiên Thần

c. Các nhóm Thái dương Thiên Thần

d. Những tập hợp còn lớn hơn của các Thái dương Thiên Thần

e. Các Chúa Tể của Bầu Hành Tinh

f. Các Chúa Tể của Dãy

g. Các Thực Thể biểu lộ qua các giới trong thiên nhiên (x. *TCF* 648)

h. Các Hành Tinh Thượng Đế

186. Hẳn nhiên nhiều nấc đã bị bỏ sót, vì tri thức của chúng ta về nhiều bậc trên "Thang Các Thực Thể" đặc thù này là rất ít ỏi. Tuy nhiên, nếu chúng ta hiểu được những chiếc thang này, chúng ta sẽ biết vận mệnh của các loại thực thể khác nhau mà chúng ta *có thể* đồng hoá với.

Liên hệ với các cuộc điểm đạo, điều này cần được ghi nhớ cẩn thận.

187. Câu này lập tức hướng sự chú ý đến *TCF* 384, nơi các cuộc điểm đạo của con người, Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế được bàn đến. Con người được nhắc đến trong liên hệ với "cuộc điểm đạo vũ trụ thứ nhất", và Hành Tinh Thượng Đế của

chúng ta trong liên hệ với "cuộc điểm đạo vũ trụ thứ hai".

188. The implication is that *many* mahamanvantaras lie between the first cosmic initiation being taken by man (his fifth planetary initiation) and the second initiation to be taken by the Planetary Logos.

188. Hàm ý là *nhiều* Đại giai kỳ sinh hóa nằm giữa cuộc điểm đạo vũ trụ thứ nhất do con người thọ nhận (lần điểm đạo hành tinh thứ năm của y) và cuộc điểm đạo thứ hai sẽ do Hành Tinh Thượng Đế thọ nhận.

189. In fact the orders of initiation suggested must necessarily be *different*. It is as if the Planetary Logos must have a first cosmic initiation on His own level, and that the first cosmic initiation of a Planetary Logos is *not* the same as the first cosmic initiation for man. Again, this inference may be debated.

189. Thực ra, các cấp bậc điểm đạo được gợi ý hẳn nhiên phải *khác nhau*. Dường như Hành Tinh Thượng Đế phải có một cuộc điểm đạo vũ trụ thứ nhất trên cấp độ riêng của Ngài, và cuộc điểm đạo vũ trụ thứ nhất của một Hành Tinh Thượng Đế *không* giống với cuộc điểm đạo vũ trụ thứ nhất của con người. Một lần nữa, suy luận này có thể bị tranh luận.

190. Because the *fifth* initiation is mentioned in relation to the type of Heavenly Man under discussion (*TCF* 272), and because on *TCF* 384, the fifth initiation is implied to be the "first cosmic initiation", it is likely that the type of Heavenly Man under discussion is, indeed, the Planetary Logos.

190. Bởi vì lần điểm đạo *thứ năm* được nhắc đến trong liên hệ với loại Đấng Thiên Nhân đang được bàn đến (*TCF* 272), và bởi vì ở *TCF* 384, lần điểm đạo thứ năm được hàm ý là "cuộc điểm đạo vũ trụ thứ nhất", nên có khả năng loại Đấng Thiên Nhân đang được bàn đến quả thực là Hành Tinh Thượng Đế.

191. We are dealing with great Entities and vast cycles. No wonder we can only analogize towards some very loose, approximative speculations when dealing with these matters.

191. Chúng ta đang bàn đến những Thực Thể vĩ đại và những chu kỳ bao la. Không lạ gì khi chúng ta chỉ có thể suy luận theo tương đồng để đi đến một vài phỏng đoán rất lỏng và gần đúng khi xử lý những vấn đề này.

c. A solar Logos has His origin on a still higher cosmic **level**,

c. một Thái dương Thượng đế có nguồn gốc của Ngài trên một **cấp độ** vũ trụ còn cao hơn,

192. We must think carefully here. If our Planetary Logos has His causal body on the third level of the cosmic mental plane, and the Solar Logos has His causal body on the first level of the cosmic mental plane, is

192. Ở đây chúng ta phải suy nghĩ cẩn thận. Nếu Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có thể nguyên nhân của Ngài trên cấp độ thứ ba của cõi trí tuệ vũ trụ, và Thái dương Thượng đế có thể nguyên nhân của Ngài trên cấp độ

there any reason to think that *both of them* should not have their monadic origins on the cosmic monadic plane?

thứ nhất của cõi trí tuệ vũ trụ, thì có lý do gì để nghĩ rằng *cả hai vị* lại không có nguồn gốc chân thần của mình trên cõi chân thần vũ trụ?

193. Yet, even if both the Planetary Logos and the Solar Logos originated on the cosmic monadic plane, that high plane would necessarily be divided into various vibratory levels, and presumably the origin of the Solar Logos would be rather higher on the cosmic monadic plane than the origin of the Planetary Logos.

193. Tuy nhiên, ngay cả nếu cả Hành Tinh Thượng Đế lẫn Thái dương Thượng đế đều khởi nguyên trên cõi chân thần vũ trụ, thì cõi cao ấy hẳn nhiên phải được phân chia thành nhiều cấp độ rung động khác nhau, và có lẽ nguồn gốc của Thái dương Thượng đế sẽ cao hơn khá nhiều trên cõi chân thần vũ trụ so với nguồn gốc của Hành Tinh Thượng Đế.

194. We note that the sentence used the word "level" rather than "plane". This invites the foregoing speculation.

194. Chúng ta lưu ý rằng câu văn dùng từ "cấp độ" thay vì "cõi". Điều này gợi ra suy đoán vừa nêu.

has His main focal point on the cosmic mental plane **but is expressing Himself through the three lower cosmic planes just as man is seeking self-expression in the three worlds.**

có điểm tập trung chính của Ngài trên cõi trí tuệ vũ trụ **nhưng đang biểu lộ chính Ngài qua ba cõi vũ trụ thấp cũng như con người đang tìm kiếm sự tự biểu lộ trong ba cõi giới.**

195. We note that the Solar Logos, although a "Brother" of the Planetary Logoi, has "His main focal point" on a much higher level than have the Heavenly Men Logoi.

195. Chúng ta lưu ý rằng Thái dương Thượng đế, dù là một "Huynh Đệ" của các Hành Tinh Thượng Đế, lại có "điểm tập trung chính của Ngài" trên một cấp độ cao hơn rất nhiều so với các Đấng Thiên Nhân là các Hành Tinh Thượng Đế.

196. If the Heavenly Man under discussion is the Planetary Logos, then it would seem (as pointed out above) that the Law of Analogy has been violated. All three of the beings under discussion should have their main point of focus on causal levels. But, again, it would be reasonable for lesser Heavenly Men to have lesser main points of focus on the cosmic physical plane instead of on the cosmic mental plane.

196. Nếu Đấng Thiên Nhân đang được bàn đến là Hành Tinh Thượng Đế, thì có vẻ như (như đã chỉ ra ở trên) định luật tương đồng đã bị vi phạm. Cả ba hữu thể đang được bàn đến đều phải có điểm tập trung chính của mình trên các cấp độ nguyên nhân. Nhưng, một lần nữa, sẽ hợp lý nếu các Đấng Thiên Nhân thấp hơn có các điểm tập trung chính thấp hơn trên cõi hồng trần vũ trụ thay vì trên cõi trí tuệ vũ trụ.

197. Why a great difference in main point of focus between a Solar Logos and a Planetary Logos would be so hard to fathom is because other points of comparison do not show the Planetary Logoi and the Solar Logos so far removed from each other. They are, after all, "Brothers" ("Martanda and His Seven Brothers") coming into manifestation (as *The Secret Doctrine* tells us) at the same time. At least this would be so for the physical manifestation of the sacred planets in relation to the physical manifestation of the Sun.

197. Lý do khiến một khác biệt lớn trong điểm tập trung chính giữa một Thái dương Thượng đế và một Hành Tinh Thượng Đế khó lòng thấu hiểu là vì những điểm so sánh khác không cho thấy các Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế cách xa nhau đến thế. Rốt cuộc, các Ngài là "Huynh Đệ" ("Martanda và Bảy Huynh Đệ của Ngài") cùng đi vào biểu lộ (như *Giáo Lý Bí Nhiệm* cho chúng ta biết) vào cùng một thời điểm. Ít nhất điều này sẽ đúng đối với sự biểu lộ hồng trần của các hành tinh thiêng liêng trong liên hệ với sự biểu lộ hồng trần của Mặt Trời.

198. It is hard to imagine why it should not be said that the Planetary Logoi have their main point of focus on the cosmic mental plane just as does the Solar Logos—though on a lower level of the cosmic mental plane. In fact, this must necessarily be the case if the Law of Analogy is to be upheld.

198. Thật khó hình dung tại sao lại không thể nói rằng các Hành Tinh Thượng Đế có điểm tập trung chính của mình trên cõi trí tuệ vũ trụ cũng như Thái dương Thượng đế —dù ở một cấp độ thấp hơn của cõi trí tuệ vũ trụ. Thực ra, điều này hẳn phải là như vậy nếu định luật tương đồng được duy trì.

199. While we cannot confirm that it is so, but it seems more and more probable that there are types of Heavenly Man which DK periodically references are of a lower order than a Planetary Logos—for instance a Globe Lord or Chain Lord. Then the discrepancy between the expression of the Solar Logos and "a Heavenly Man" would make more sense.

199. Dù chúng ta không thể xác nhận là như vậy, nhưng ngày càng có vẻ có xác suất rằng những loại Đấng Thiên Nhân mà Chân sư DK định kỳ nhắc đến thuộc một trật tự thấp hơn Hành Tinh Thượng Đế—chẳng hạn một Chúa Tể của Bầu Hành Tinh hay Chúa Tể của Dãy. Khi đó, sự sai khác giữa sự biểu lộ của Thái dương Thượng đế và "một Đấng Thiên Nhân" sẽ có ý nghĩa hơn.

200. We remember that the term "Heavenly Man" is generic and can refer to at least three categories of entity associated with the manifestation of a planetary scheme: the Planetary Logos, a Chain Lord, and a Globe Lord.

200. Chúng ta nhớ rằng thuật ngữ "Đấng Thiên Nhân" là một thuật ngữ tổng quát và có thể quy chiếu đến ít nhất ba loại thực thể gắn liền với sự biểu lộ của một hệ hành tinh: Hành Tinh Thượng Đế, một Chúa Tể của Dãy, và một Chúa Tể của Bầu Hành Tinh.

201. It would be productive to search the contexts in which the words "*the* Heavenly Man" and "*a* Heavenly Man" are used.

201. Sẽ hữu ích nếu truy cứu các ngữ cảnh trong đó những từ "*đấng* Thiên Nhân" và "*một* Đấng Thiên Nhân" được dùng. Khi đó,

Revelations concerning the levels of Heavenly Men might then appear.

những mặc khải liên quan đến các cấp độ của các Đấng Thiên Nhân có thể sẽ xuất hiện.

202. In any case the analogy between the Solar Logos and man is very close: Solar Logos/three lower cosmic planes = Man/ three lower systemic planes.

202. Dù sao đi nữa, sự tương đồng giữa Thái dương Thượng đế và con người là rất gần: Thái dương Thượng đế/ba cõi vũ trụ thấp = Con người/ba cõi thấp của hệ thống.

Therefore, the seven major planes of the solar system are in the same relation to Him cosmically as the physical plane is to a human being. They form His etheric and dense bodies.

Do đó, bảy cõi chính của hệ mặt trời có cùng mối liên hệ với Ngài về mặt vũ trụ như cõi hồng trần đối với một con người. Chúng tạo thành thể dĩ thái và thể đậm đặc của Ngài.

203. We are speaking of the Solar Logos and man.

203. Chúng ta đang nói về Thái dương Thượng đế và con người.

204. This is another tremendously important statement. All the lower twenty-one systemic subplanes are the dense physical nature of the Solar Logos—material dense, liquid and gaseous.

204. Đây là một phát biểu cực kỳ quan trọng khác. Toàn bộ hai mươi mốt cõi phụ thấp của hệ thống là bản chất hồng trần đậm đặc của Thái dương Thượng đế—vật chất đậm đặc, lỏng và khí.

205. The four higher systemic planes (twenty-eight systemic subplanes) are the etheric nature of the Solar Logos.

205. Bốn cõi chính cao hơn của hệ thống (hai mươi tám cõi phụ của hệ thống) là bản chất dĩ thái của Thái dương Thượng đế.

206. As previously stated, it would seem that the dense physical nature for our Planetary Logos should be the lower eighteen subplanes, and that the four ethers would be constituted by:

206. Như đã nói trước đây, có vẻ như bản chất hồng trần đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta phải là mười tám cõi phụ thấp, và bốn dĩ thái sẽ được cấu thành bởi:

a. The higher mental subplanes

a. các cõi phụ thượng trí

b. The buddhic plane

b. cõi Bồ đề

c. The atmic plane

c. cõi atma

d. The monadic plane

d. cõi chân thần

207. The only "atom" which is directly and unequivocally related to man, analogically, is the Solar Logos. The *sevens* fit together very well when considering the human being and the "Grand Heavenly Man".

207. "Nguyên tử" duy nhất có liên hệ trực tiếp và minh bạch với con người, theo tương đồng, là Thái dương Thượng đế. Các *bộ bảy* ăn khớp với nhau rất tốt khi xét con người và "Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại".

208. Our analogical ingenuity is required when we start comparing the three types of planetary Heavenly Men with either the human being or the Solar Logos.

208. Sự khéo léo suy luận theo tương đồng của chúng ta là điều cần thiết khi bắt đầu so sánh ba loại Đấng Thiên Nhân hành tinh với con người hoặc với Thái dương Thượng đế.

209. Even when the great Heavenly Man called the Planetary Logos is meant, He may be functioning through various of His emanated aspects (a Globe Lord or a Chain Lord). Thus, when we are told that a Heavenly Man (Planetary Logos) is functioning in a certain manner and in relation to certain planes, it may indeed be the Planetary Logos functioning *but through His lesser aspects* (Globe Lords and Chain Lords).

209. Ngay cả khi Đấng Thiên Nhân vĩ đại được gọi là Hành Tinh Thượng Đế được ngụ ý, Ngài vẫn có thể đang hoạt động qua nhiều phương diện xuất lộ của Ngài (một Chúa Tể của Bầu Hành Tinh hay một Chúa Tể của Dãy). Vì vậy, khi chúng ta được cho biết rằng một Đấng Thiên Nhân (Hành Tinh Thượng Đế) đang hoạt động theo một cách nào đó và trong liên hệ với những cõi nào đó, thì quả thực có thể là Hành Tinh Thượng Đế đang hoạt động *nhưng qua các phương diện thấp hơn của Ngài* (các Chúa Tể của Bầu Hành Tinh và các Chúa Tể của Dãy).

210. Thus, when a Globe Lord functions in a certain way and in relation to a certain plane, it is, indeed, the Planetary Logos (the greatest of the planetary Heavenly Men) that is functioning—'behind' and through the Globe Lord.

210. Vì vậy, khi một Chúa Tể của Bầu Hành Tinh hoạt động theo một cách nào đó và trong liên hệ với một cõi nào đó, thì quả thực chính Hành Tinh Thượng Đế (vĩ đại nhất trong các Đấng Thiên Nhân hành tinh) đang hoạt động—ở "phía sau" và thông qua Chúa Tể của Bầu Hành Tinh.

211. Interesting problems are revealed when considering the constitution of a Planetary Logos. For instance, how many Sanat Kumaras are there? Some at globe levels? Some fewer at chain levels? One originating Sanat Kumara at the scheme level?

211. Những vấn đề thú vị được bộc lộ khi xem xét cấu tạo của một Hành Tinh Thượng Đế. Chẳng hạn, có bao nhiêu Đức Sanat Kumara? Một số ở các cấp độ bầu hành tinh? Một số ít hơn ở các cấp độ dãy? Một Đức Sanat Kumara khởi nguyên ở cấp độ hệ hành tinh?

212. The same question can be applied to Buddhas of Activity and their higher

212. Cùng một câu hỏi có thể được áp dụng cho các Đức Phật Hoạt Động và các tương

correspondences (cf. *TCF* 873). The various kinds of Buddhas, all interrelated and the lesser as emanations of the greater, are found at the globe, chain and scheme levels.

ứng cao hơn của các Ngài (x. *TCF* 873). Các loại Đức Phật khác nhau, tất cả đều liên hệ với nhau và loại thấp hơn là những xuất lộ của loại cao hơn, được tìm thấy ở các cấp độ bầu hành tinh, dãy và hệ hành tinh.

213. By understanding the dynamics of the process of *emanation,* it is possible to speak of an 'originating being' in terms of His emanations. The lesser emanations naturally would have a lesser scope of expression, but the emanative source *works through* the lesser emanations.

213. Bằng cách thấu hiểu động lực của tiến trình *xuất lộ,* người ta có thể nói về một 'hữu thể khởi nguyên' theo các xuất lộ của Ngài. Các xuất lộ thấp hơn dĩ nhiên sẽ có phạm vi biểu lộ nhỏ hơn, nhưng nguồn xuất lộ ấy lại *hoạt động qua* các xuất lộ thấp hơn.

214. Thus, in a planetary scheme, there are many individual Heavenly Men (as there are a number of globes and chains), and yet, *but one Heavenly Man* (the emanative source of them all—the Planetary Logos).

214. Vì vậy, trong một hệ hành tinh, có nhiều Đấng Thiên Nhân cá biệt (cũng như có một số bầu hành tinh và dãy), nhưng đồng thời chỉ có *một Đấng Thiên Nhân* (nguồn xuất lộ của tất cả các vị ấy—Hành Tinh Thượng Đế).

215. Entities of different power and scope are 'spread' differently across the systemic and cosmic planes. Each type of entity has its own particular 'space' for expression.

215. Các thực thể có quyền năng và phạm vi khác nhau được "trải" khác nhau trên các cõi của hệ thống và các cõi vũ trụ. Mỗi loại thực thể có "không gian" biểu lộ riêng biệt của nó.

It might be stated that:

Có thể phát biểu rằng:

1. He vitalises them by His life and heat.

1. Ngài tiếp sinh lực cho chúng bằng sự sống và nhiệt của Ngài.

216. Life relates to the first aspect of divinity and "heat" to the third. In this context, "light" relates to the second aspect.

216. Sự sống liên hệ với phương diện thứ nhất của thiên tính và "nhiệt" với phương diện thứ ba. Trong ngữ cảnh này, "ánh sáng" liên hệ với phương diện thứ hai.

2. He animates them.

2. Ngài làm cho chúng sinh động.

217. The word "animate" suggests not only vitalization but the influence of the soul or "anima".

217. Từ "làm cho sinh động" gợi ý không chỉ sự tiếp sinh lực mà còn ảnh hưởng của linh hồn hay "anima".

3. He is fully conscious through them.

218. Through *both* His etheric and dense vehicles, or only through His *etheric* vehicle, since the dense vehicle is not a principle?

219. What does it mean that the Solar Logos descends no lower than the systemic buddhic plane?

220. One can imagine however, that as man solarizes his consciousness the consciousness of the Solar Logos would, through man, penetrate deeper and deeper into the matter which for Him is unprincipled.

4. The etheric is *in time* His lowest principle, but the dense physical is not counted.

221. In what way "not counted"? Probably, simply, not counted as a *principle*.

222. Does this mean that the Solar Logos is *not* fully conscious through His dense physical vehicles—the lower three systemic planes? That they are below the threshold of His consciousness, just as there are certain physiological functions in man's body which are below the threshold?

223. The words "in time" are enigmatic. Does this suggest that the principles of the Solar Logos are numbered differently 'out of time'?

224. Perhaps, time and space (as we conceived them) only refer to the cosmic

3. Ngài hoàn toàn có tâm thức qua chúng.

218. Qua *cả hai* vận cụ dĩ thái và đậm đặc của Ngài, hay chỉ qua vận cụ *dĩ thái* của Ngài, vì vận cụ đậm đặc không phải là một nguyên khí?

219. Điều đó có nghĩa gì khi nói rằng Thái dương Thượng đế không giáng xuống thấp hơn cõi Bồ đề của hệ thống?

220. Tuy nhiên, người ta có thể hình dung rằng khi con người thái dương hóa tâm thức của mình, tâm thức của Thái dương Thượng đế sẽ, thông qua con người, thâm nhập ngày càng sâu hơn vào vật chất vốn đối với Ngài là không có nguyên khí.

4. Thể dĩ thái *theo thời gian* là nguyên khí thấp nhất của Ngài, nhưng thể hồng trần đậm đặc thì không được tính.

221. "Không được tính" theo nghĩa nào? Có lẽ đơn giản là không được tính như một *nguyên khí*.

222. Điều này có nghĩa rằng Thái dương Thượng đế *không* hoàn toàn có tâm thức qua các vận cụ hồng trần đậm đặc của Ngài—ba cõi thấp của hệ thống? Rằng chúng ở dưới ngưỡng tâm thức của Ngài, cũng như có những chức năng sinh lý nào đó trong thể con người ở dưới ngưỡng ấy?

223. Những từ "theo thời gian" thật bí ẩn. Điều này có gợi ý rằng các nguyên khí của Thái dương Thượng đế được đánh số khác đi khi 'ngoài thời gian' không?

224. Có lẽ thời gian và không gian (như chúng ta quan niệm) chỉ quy chiếu đến cõi

physical plane on which the solar logoic etheric body is the only principle.

hồng trần vũ trụ, trên đó thể dĩ thái thái dương thượng đế là nguyên khí duy nhất.

The dense cosmic physical body is composed of matter of the three lower planes of the solar system, the mental, the astral and the physical. *The buddhic plane is consequently the fourth cosmic ether.*

Thể hồng trần vũ trụ đậm đặc được cấu thành từ vật chất của ba cõi thấp của hệ mặt trời: cõi trí, cõi cảm dục và cõi hồng trần. *Do đó cõi Bồ đề là dĩ thái vũ trụ thứ tư.*

225. This is simple cosmic geography and must be grasped by all students of *TCF*.

225. Đây là địa lý học vũ trụ đơn giản và phải được mọi đạo sinh của *TCF* nắm vững.

226. VSK asks: "Why in this last sentence, is "consequently" italicized – emphasizing this point?"

226. VSK hỏi: "Vì sao trong câu cuối này, từ "consequently" lại được in nghiêng—để nhấn mạnh điểm này?"

227. May it be suggested that the relationship between man and the Solar Logos is simply being driven home?

227. Có thể gợi ý rằng mối liên hệ giữa con người và Thái dương Thượng đế đơn giản đang được nhấn mạnh chăng?

228. Also, the abstraction of the Solar Logos from the lower three systemic planes is being emphasized.

228. Ngoài ra, sự trừu xuất của Thái dương Thượng đế khỏi ba cõi hệ thống thấp cũng đang được nhấn mạnh.

d. The Heavenly Men form the seven centres in the body of the Logos.

d. Các Đấng Thiên Nhân tạo thành bảy trung tâm trong thân thể của Thượng đế.

229. Yes, *seven,* but by other enumerations there are *ten* Heavenly Men. Or are there really *twelve* major Heavenly Men, for, one day, each constellation of the zodiac will be known as ruled by one of the Planetary Logoi.

229. Đúng, *bảy,* nhưng theo những cách liệt kê khác thì có *mười* Đấng Thiên Nhân. Hay thật ra có *mười hai* Đấng Thiên Nhân chính yếu, vì một ngày kia, mỗi chòm sao trong hoàng đạo sẽ được biết là do một trong các Hành Tinh Thượng Đế cai quản.

230. The Heavenly Men here referenced must necessarily be Scheme Lords. The lesser, emanative extensions of the Planetary Logos are *not* centres in the body of the Logos.

230. Các Đấng Thiên Nhân được nhắc đến ở đây nhất thiết phải là các Chúa Tể của hệ hành tinh. Những sự mở rộng xuất lộ thấp hơn của Hành Tinh Thượng Đế *không* phải là các trung tâm trong thân thể của Thượng đế.

Therefore, **They are the spheres of fire** which animate His body, and each of Them

Vì vậy, **Các Ngài là những khối cầu lửa** làm sinh động thân thể của Ngài, và mỗi Đấng

expresses one form of His force manifestation, according to Their place within the body.

trong Các Ngài biểu lộ một hình thức biểu hiện mãnh lực của Ngài, tùy theo vị trí của Các Ngài trong thể ấy.

231. Another name for a chakra is a "sphere of fire".

231. Một tên gọi khác của luân xa là "khối cầu lửa".

232. One of the great questions is: how can any entity be itself to itself, and yet constitute but a functional part of a greater encompassing entity?

232. Một trong những câu hỏi lớn là: làm sao bất kỳ thực thể nào có thể là chính nó đối với chính nó, mà đồng thời lại chỉ cấu thành một phần chức năng của một thực thể bao quát lớn hơn?

233. This is only possible if apparently *separate entities* are not separate at all. Every sphere is organically related to a larger encompassing sphere, until the universal 'Sphere of all Spheres' is reached.

233. Điều này chỉ có thể nếu những *thực thể có vẻ tách biệt* thật ra hoàn toàn không tách biệt. Mỗi khối cầu đều liên hệ hữu cơ với một khối cầu bao quát lớn hơn, cho đến khi đạt tới 'Khối Cầu của mọi Khối Cầu' vũ trụ.

e. Human beings, when centred within their groups on causal levels, form one or other of the seven centres in the body of **a Heavenly Man.**

e. Con người, khi được định tâm trong các nhóm của mình trên các cấp độ nguyên nhân, tạo thành trung tâm này hay trung tâm kia trong thân thể của **một Đấng Thiên Nhân.**

234. Here is a big hint. What *kind* of Heavenly Man are we discussing? It surely must be evident that in the section of *TCF* we are studying the mystery of the various types of Heavenly Men through subtle hints if not over statements.

234. Đây là một gợi ý lớn. Chúng ta đang bàn về *loại* Đấng Thiên Nhân nào? Hẳn phải rõ rằng trong phần của *TCF* mà chúng ta đang nghiên cứu, chúng ta đang khảo sát huyền nhiệm về các loại Đấng Thiên Nhân khác nhau qua những gợi ý tinh tế, nếu không phải là những phát biểu trực tiếp.

235. If planetary chains are as major chakras to a Heavenly Man (considered as the Planetary Logos), then (in relation to such a Heavenly Man) what kind of centers or chakras are formed by human beings within their groups on causal levels?

235. Nếu các dãy hành tinh là những luân xa chính đối với một Đấng Thiên Nhân (được xem như Hành Tinh Thượng Đế), thì (liên hệ với một Đấng Thiên Nhân như thế) con người trong các nhóm của mình trên các cấp độ nguyên nhân tạo thành loại trung tâm hay luân xa nào?

236. The answer must come—"much smaller centers".

236. Câu trả lời hẳn phải là—"những trung tâm nhỏ hơn nhiều".

237. However, if the type of Heavenly Man discussed is a Globe Lord, then it is conceivable that groups of human beings on causal levels could serve as at least *minor* centers in relation to such an entity.

237. Tuy nhiên, nếu loại Đấng Thiên Nhân được bàn đến là một Chúa Tể của bầu hành tinh, thì có thể hình dung rằng các nhóm người trên các cấp độ nguyên nhân có thể phục vụ như ít nhất là những trung tâm *phụ* đối với một thực thể như vậy.

238. It would seem that the seven major groups of human Monads on the systemic monadic plane could serve as the major seven centers of a Globe Lord.

238. Có vẻ như bảy nhóm lớn các chân thần người trên cõi chân thần hệ thống có thể phục vụ như bảy trung tâm chính của một Chúa Tể của bầu hành tinh.

239. On the chain level, all Monads on all globes of a chain would have to be considered in seven great aggregates, even to comprise *minor* chain centers—for are not the globes within a chain the major chakras of that chain?

239. Ở cấp độ dãy, tất cả các chân thần trên mọi bầu hành tinh của một dãy sẽ phải được xét trong bảy tập hợp lớn, ngay cả để cấu thành những trung tâm dãy *phụ*—vì chẳng phải các bầu hành tinh trong một dãy là những luân xa chính của dãy đó sao?

240. We are just trying to keep our determinations *in proportion* through the Law of Analogy.

240. Chúng ta chỉ đang cố giữ cho các xác định của mình *đúng tỉ lệ* qua định luật tương đồng.

241. On the scheme level, all monads on all chains would have to be considered in seven great aggregates, even to comprise *minor* scheme centers, for are not the seven chains within a planetary scheme the seven major chakras of that scheme?

241. Ở cấp độ hệ hành tinh, tất cả các chân thần trên mọi dãy sẽ phải được xét trong bảy tập hợp lớn, ngay cả để cấu thành những trung tâm hệ hành tinh *phụ*, vì chẳng phải bảy dãy trong một hệ hành tinh là bảy luân xa chính của hệ đó sao?

Each of the seven chains might be looked upon as picturing the seven centres of one of the Heavenly Men. (*TCF* 206)

Mỗi một trong bảy dãy có thể được xem như phác họa bảy trung tâm của một trong các Đấng Thiên Nhân. (*TCF* 206)

242. We are dealing with a problem of *scale* which should not be ignored.

242. Chúng ta đang xử lý một vấn đề về *quy mô* mà không nên bỏ qua.

243. In relation to the excerpt above, we must also remember that the true groups of

243. Liên hệ với đoạn trích trên, chúng ta cũng phải nhớ rằng các nhóm người đích

human beings which go to the constitution of *a* Heavenly Man are now focussed upon the triadal planes; i.e., the Hierarchy changed its focus to the buddhic plane and the majority of Ashrams are now found on the buddhic plane and not on the causal planes.

thực cấu thành nên *một* Đấng Thiên Nhân hiện nay được tập trung trên các cõi tam nguyên tinh thần; tức là, Thánh đoàn đã chuyển trọng tâm sang cõi Bồ đề và đa số các ashram hiện nay được tìm thấy trên cõi Bồ đề chứ không phải trên các cõi nguyên nhân.

244. We have to debate whether *TCF* was written before this great 'move', during it, or after it (unlikely).

244. Chúng ta phải bàn xem liệu *TCF* được viết trước cuộc "chuyển dời" lớn lao này, trong khi nó diễn ra, hay sau đó (điều này khó xảy ra).

f. The solar Logos forms one centre in the body of a still greater cosmic ENTITY.

f. Thái dương Thượng đế tạo thành một trung tâm trong thể của một THỰC THỂ vũ trụ còn lớn hơn nữa.

245. This ENTITY is not what is usually considered the One About Whom Naught May Be Said, but a cosmic ENTITY which is only a *chakra* in the One About Whom Naught May Be Said. (cf. *TCF* 293).

245. THỰC THỂ này không phải là điều thường được xem là Đấng Bất Khả Tư Nghị, mà là một THỰC THỂ vũ trụ chỉ là một *luân xa* trong Đấng Bất Khả Tư Nghị. (xem *TCF* 293).

246. Not much is said about the Cosmic Logos who contains our solar system as but a chakra. Because not much is said, perhaps this ENTITY should be called the One About Whom *Not Much* Is Said!

246. Không có nhiều điều được nói về Thượng đế Vũ Trụ chứa hệ mặt trời của chúng ta chỉ như một luân xa. Vì không có nhiều điều được nói, có lẽ THỰC THỂ này nên được gọi là Đấng mà về Ngài *Không Nhiều* Điều Được Nói Đến!

Human beings therefore [Page 273] find their place within one of the **forty-nine centres** (not groups, for a centre may be made up of many groups, corresponding to the different parts) **of the seven Heavenly Men.**

Vì vậy, con người [Page 273] tìm thấy vị trí của mình trong một trong **bốn mươi chín trung tâm** (không phải các nhóm, vì một trung tâm có thể được tạo thành từ nhiều nhóm, tương ứng với các phần khác nhau) **của bảy Đấng Thiên Nhân.**

247. If the seven Heavenly Men have forty-nine centers, then it is reasonable to think of these centers as forty-nine planetary chains (of the principle seven Planetary Logoi).

247. Nếu bảy Đấng Thiên Nhân có bốn mươi chín trung tâm, thì hợp lý khi nghĩ về các trung tâm này như bốn mươi chín dãy hành tinh (của bảy Hành Tinh Thượng Đế chính yếu).

248. The excerpt suggests that human beings are found on each and all of these forty-nine planetary chains.

248. Đoạn trích gợi ý rằng con người được tìm thấy trên từng và mọi dãy hành tinh trong bốn mươi chín dãy này.

249. How many groups go to the constitution of a center? Well, we can imagine that there are many, many kinds of lives and groups of lives which go to the constitution of a planetary chain.

249. Có bao nhiêu nhóm cấu thành một trung tâm? Chúng ta có thể hình dung rằng có rất, rất nhiều loại sự sống và nhóm sự sống cấu thành một dãy hành tinh.

250. What is being said is that man is not part of the constitution of *all groups* that constitute one of the forty-nine centers. This must be obvious, because some of those groups are animal, plant, deva, etc. groups.

250. Điều đang được nói là con người không phải là một phần trong cấu tạo của *mọi nhóm* cấu thành một trong bốn mươi chín trung tâm. Điều này hẳn là hiển nhiên, vì một số nhóm ấy là các nhóm động vật, thực vật, thiên thần, v.v.

251. This material about globes, chains and schemes is heavily veiled. It is so veiled, that we do not know *how* heavily it is veiled; we, therefore, imagine what is to be revealed as much more transparent than it really is.

251. Tài liệu này về các bầu hành tinh, các dãy và các hệ hành tinh được che phủ rất dày. Nó được che phủ đến mức chúng ta không biết *nó được che phủ nặng đến mức nào*; vì vậy, chúng ta tưởng tượng điều sẽ được tiết lộ minh bạch hơn thực tế rất nhiều.

252. Not until we know much more about the *vibratory* and '*aggregatory*' nature of matter-substance and the many different methods of expressing *polarity*, will we know how chains and schemes are actually formed.

252. Chỉ đến khi chúng ta biết nhiều hơn rất nhiều về bản chất *rung động* và '*kết tập*' của vật chất-chất liệu và nhiều phương pháp khác nhau để biểu lộ *sự phân cực*, chúng ta mới biết các dãy và các hệ hành tinh thực sự được hình thành như thế nào.

A Heavenly Man, with His seven centres,

Một Đấng Thiên Nhân, với bảy trung tâm của Ngài,

253. Here the term "Heavenly Man" definitely means one of the Planetary Logoi.

253. Ở đây, thuật ngữ "Đấng Thiên Nhân" chắc chắn có nghĩa là một trong các Hành Tinh Thượng Đế.

254. These centers are planetary chains.

254. Các trung tâm này là các dãy hành tinh.

forms one centre in the body of the solar Logos.

tạo thành một trung tâm trong thân thể của Thái dương Thượng đế.

255. Determining which planetary schemes represent which centers is a vexed question requiring ongoing investigation.

255. Việc xác định hệ hành tinh nào tượng trưng cho trung tâm nào là một vấn đề nan giải, đòi hỏi sự khảo cứu liên tục.

256. Throughout these commentaries, many thoughts have been offered on this subject and will be offered.

256. Xuyên suốt các phần bình giải này, nhiều tư tưởng đã được nêu ra về chủ đề này và sẽ còn được nêu ra.

I would here point out to you the close connection existing between *the seven Rishis of the Great Bear* and the seven Heavenly Men.

Ở đây tôi muốn chỉ ra cho bạn mối liên hệ mật thiết hiện hữu giữa *bảy Đấng Rishi của Đại Hùng Tinh* và bảy Đấng Thiên Nhân.

257. The Seven Rishis are 'prototypical' to the Heavenly Men.

257. Bảy Đấng Rishi là những nguyên mẫu đối với các Đấng Thiên Nhân.

The seven Rishis (as They are called) of the Great Bear express Themselves through the medium of the seven planetary Logoi Who are Their Representatives and to Whom They stand in the relation of prototype. (EA 85)

Bảy Đấng Rishi (như Các Ngài được gọi) của Đại Hùng Tinh biểu lộ Chính Mình qua trung gian của bảy Hành Tinh Thượng Đế, là những Đấng Đại Diện của Các Ngài và đối với các Ngài, Các Đấng Rishi đứng trong mối quan hệ nguyên mẫu. (EA 85)

The seven Rishis of the Great Bear are to Them what the Monad is to the evolving human unit.

Bảy Đấng Rishi của Đại Hùng Tinh đối với Các Ngài cũng như chân thần đối với đơn vị người đang tiến hoá.

258. If this is the case, what is the Solar Logos to the seven Heavenly Men? Does the Solar Logos stand more as the soul to the Heavenly Men?

258. Nếu đúng như vậy, thì Thái dương Thượng đế là gì đối với bảy Đấng Thiên Nhân? Có phải Thái dương Thượng đế đứng gần như linh hồn đối với các Đấng Thiên Nhân chăng?

259. Compared to the duration of a Monad, there are many appearances of the "evolving human unit"—IF by this phrase is meant the human personality.

259. So với thời lượng của một chân thần, có nhiều lần xuất hiện của "đơn vị người đang tiến hoá"—NẾU cụm từ này được hiểu là phàm ngã con người.

260. Of course, the "evolving human unit" could be considered as the soul nature of the human being.

260. Dĩ nhiên, "đơn vị người đang tiến hoá" có thể được xem là bản chất linh hồn của con người.

261. Really, both the personality and the soul nature (and its form) evolve, but the evolution of the soul nature and its form is the more *substantial,* and the degree of evolution of the personality is only a reflection of the evolution of the soul.

261. Thật ra, cả phàm ngã lẫn bản chất linh hồn (và hình tướng của nó) đều tiến hoá, nhưng sự tiến hoá của bản chất linh hồn và hình tướng của nó thì *đáng kể hơn,* còn mức độ tiến hoá của phàm ngã chỉ là sự phản chiếu của sự tiến hoá của linh hồn.

262. If, for instance, the "evolving human unit" meant the soul nature, then the Seven Rishis would hold the "Fixed Design" for each Heavenly Man, and the Heavenly Man would attempt to express this Fixed Design through its soul nature.

262. Chẳng hạn, nếu "đơn vị người đang tiến hoá" có nghĩa là bản chất linh hồn, thì Bảy Đấng Rishi sẽ nắm giữ "Thiết Kế Cố Định" cho mỗi Đấng Thiên Nhân, và Đấng Thiên Nhân sẽ cố gắng biểu lộ Thiết Kế Cố Định này qua bản chất linh hồn của mình.

263. One would expect at least several incarnations of a Heavenly Man during the term of supervision by one of the Rishis.

263. Người ta hẳn sẽ mong đợi ít nhất vài lần lâm phàm của một Đấng Thiên Nhân trong thời kỳ được một trong các Đấng Rishi giám sát.

264. Although this interesting analogy is given, it must not be forgotten that a Heavenly Man has His *own* monadic nature. His Monad and the Monad of one of the Seven Rishis are *not identical* in Time and Space, though essentially, they are the same (for all Monads are ONE).

264. Dù phép tương đồng thú vị này được đưa ra, không được quên rằng một Đấng Thiên Nhân có bản chất chân thần *riêng* của Ngài. Chân thần của Ngài và chân thần của một trong Bảy Đấng Rishi *không đồng nhất* trong Thời Gian và Không Gian, dù về bản chất, chúng là một (vì mọi chân thần đều là MỘT).

265. If the human Monad is the prototype to man (considered as a soul), then a Rishi (considered monadically) is a prototype to a Heavenly Man considered as a soul.

265. Nếu chân thần người là nguyên mẫu đối với con người (được xem như một linh hồn), thì một Đấng Rishi (được xét theo phương diện chân thần) là nguyên mẫu đối với một Đấng Thiên Nhân được xem như một linh hồn.

266. The analogy, however, is not exact.

266. Tuy nhiên, phép tương đồng này không chính xác hoàn toàn.

267. Whenever we say that a greater entity holds a function for that lower entity as a periodical vehicle of that lower entity (for instance, a soul or monad), we must realize that the lower entity has *its own* soul or Monad, and that the place held by the greater entity does not replace the soul function or monadic function of the lesser entity. This bears pondering.

267. Bất cứ khi nào chúng ta nói rằng một thực thể lớn hơn giữ một chức năng cho thực thể thấp hơn như một vận cụ chu kỳ của thực thể thấp hơn ấy (chẳng hạn như một linh hồn hay chân thần), chúng ta phải nhận ra rằng thực thể thấp hơn có *linh hồn hoặc Chân thần riêng* của nó, và vị trí do thực thể lớn hơn nắm giữ không thay thế chức năng linh hồn hay chức năng chân thần của thực thể nhỏ hơn. Điều này đáng để suy ngẫm.

VII. WHY IS THE PROGRESS OF EVOLUTION CYCLIC?

This question is one which necessarily appalls us and makes us wonder.

268. VSK muses: "Well, now that you mention it, I could be appalled, but I didn't know it was that bad. Now I wonder more ..."

269. It would seem that one would have to know a great deal more than we do to be sufficiently appalled!

270. We do know that those who consider the progress of evolution as simply linear, will never understand the true process. For them, the science of astrology will be irrelevant and the process of reincarnation (as it is) practically meaningless.

Let us, therefore, deal with it as follows: Certain ideas are involved in the thought of cyclic progression, and these ideas it might pay us well to contemplate.

VII. TẠI SAO TIẾN TRÌNH TIẾN HOÁ LẠI CÓ TÍNH CHU KỲ?

Câu hỏi này là một câu hỏi nhất thiết khiến chúng ta kinh ngạc và tự hỏi.

268. VSK ngẫm nghĩ: "Ồ, giờ bạn nhắc đến thì tôi có thể kinh ngạc, nhưng tôi đâu biết nó nghiêm trọng đến thế. Giờ tôi càng thắc mắc hơn ..."

269. Có vẻ như người ta sẽ phải biết nhiều hơn chúng ta rất nhiều mới có thể kinh ngạc đầy đủ!

270. Chúng ta biết rằng những ai xem tiến trình tiến hoá chỉ đơn thuần là tuyến tính sẽ không bao giờ hiểu được tiến trình đích thực. Đối với họ, khoa học chiêm tinh sẽ không thích đáng và tiến trình luân hồi (đúng như nó là) hầu như vô nghĩa.

Vì vậy, chúng ta hãy bàn đến nó như sau: Có những ý tưởng nhất định hàm chứa trong tư tưởng về sự tiến triển theo chu kỳ, và những ý tưởng này rất đáng để chúng ta chiêm ngưỡng.

271. Now we will analyze the concept of "cyclic progression".

271. Giờ đây chúng ta sẽ phân tích khái niệm "sự tiến triển theo chu kỳ".

1. The Idea of Repetition.

1. Ý tưởng về sự lặp lại.

272. Without repetition, there is insufficient progression for growth. The greater must impart itself to the lesser. Because the absorptive power of the lesser is limited in scope compared to what is to be imparted by the greater, the instrumentality of *repetition* is needed to render the impartation successful.

272. Không có sự lặp lại thì không có đủ sự tiến triển cho tăng trưởng. Cái lớn hơn phải truyền đạt chính nó cho cái nhỏ hơn. Vì năng lực hấp thụ của cái nhỏ hơn bị giới hạn về phạm vi so với điều sẽ được cái lớn hơn truyền đạt, nên phương tiện *lặp lại* là cần thiết để làm cho sự truyền đạt thành công.

273. As human beings, we repeat what we have to say in order to make an impression.

273. Là con người, chúng ta lặp lại điều mình phải nói để tạo ấn tượng.

274. We do notice how often and from how many different angles DK seems to repeat Himself so that we may understand.

274. Chúng ta nhận thấy Chân sư DK dường như thường lặp lại Chính Mình biết bao và từ bao nhiêu góc độ khác nhau để chúng ta có thể thấu hiểu.

This repetition involves the following factors:

Sự lặp lại này bao gồm các yếu tố sau:

a. ***Repetition in time:*** The thought of cyclic activity necessitates periods of time of differing length—greater or lesser cycles—but (according to their length) **of uniform degree.**

a. ***Sự lặp lại trong thời gian:*** Tư tưởng về hoạt động theo chu kỳ đòi hỏi những khoảng thời gian có độ dài khác nhau—những chu kỳ lớn hơn hay nhỏ hơn—nhưng (theo độ dài của chúng) **có mức độ đồng nhất.**

275. Different cycles are of different duration. However, a particular category of cycle will be of *uniform duration*.

275. Những chu kỳ khác nhau có thời lượng khác nhau. Tuy nhiên, một loại chu kỳ nhất định sẽ có *thời lượng đồng nhất*.

276. The term "degree", however, is perplexing.

276. Tuy nhiên, thuật ngữ "mức độ" thật khó hiểu.

277. A being in manifestation will pass through certain repetitive cycles in time. I, who occupy a certain space, will pass

277. Một hữu thể đang biểu hiện sẽ đi qua những chu kỳ lặp lại nhất định trong thời gian. Tôi, kẻ chiếm một không gian nhất

through a certain number of uniform days—the days of my ongoingness.

278. The period of Earth around the Sun will (at this approximate time in the evolutionary process of our solar system) always take 365¼ Earth days.

279. The *uniformity of cyclic events* is a vital principle of the order which characterizes cosmos. We do not expect that one revolution of the Earth around the Sun will be of the usual duration and the next revolution half as long.

280. All this is another way of saying that the cycles of nature are regular. Cycles of different types have different durations, but cycles of the same type have uniform duration.

281. When dealing with tightening and loosening spirals, the cycles proceed according to definite formulas and not randomly.

A manvantara, or Day of Brahma, is always of a certain length, and so is a mahamanvantara. The cycles wherein an atom of any plane revolves upon its axis are **uniform on its own plane.**

282. DK gives examples of the kind we have been discussing.

định, sẽ đi qua một số ngày đồng nhất nhất định—những ngày của sự tiếp diễn của tôi.

278. Chu kỳ Trái Đất quay quanh Mặt Trời sẽ (vào thời điểm gần đúng này trong tiến trình tiến hoá của hệ mặt trời chúng ta) luôn mất 365¼ ngày Trái Đất.

279. *Tính đồng nhất của các biến cố chu kỳ* là một nguyên lý thiết yếu của trật tự đặc trưng cho vũ trụ. Chúng ta không mong đợi rằng một vòng quay của Trái Đất quanh Mặt Trời sẽ có thời lượng thông thường còn vòng quay kế tiếp lại chỉ dài bằng một nửa.

280. Tất cả điều này là một cách khác để nói rằng các chu kỳ của bản chất là đều đặn. Các chu kỳ thuộc những loại khác nhau có thời lượng khác nhau, nhưng các chu kỳ cùng loại có thời lượng đồng nhất.

281. Khi bàn đến những vòng xoắn siết chặt và nới lỏng, các chu kỳ diễn tiến theo những công thức xác định chứ không ngẫu nhiên.

Một giai kỳ sinh hóa, hay Ngày của Brahma, luôn có một độ dài nhất định, và một Đại giai kỳ sinh hóa cũng vậy. Các chu kỳ trong đó một nguyên tử của bất kỳ cõi nào quay quanh trục của nó đều **đồng nhất trên chính cõi của nó.**

282. Chân sư DK đưa ra những ví dụ thuộc loại chúng ta đang bàn đến.

283. The uniform "Day of Brahma" is uniform with respect to our solar system and, perhaps, with respect to solar systems like ours. But presumably, there may be "Days of Brahma" in other kinds of systems which are of different duration from "Days of Brahma" within out own system.

283. "Ngày của Brahma" đồng nhất là đồng nhất đối với hệ mặt trời của chúng ta và, có lẽ, đối với những hệ mặt trời giống như hệ của chúng ta. Nhưng có lẽ, có thể có những "Ngày của Brahma" trong những loại hệ khác có thời lượng khác với những "Ngày của Brahma" trong chính hệ của chúng ta.

284. The cycles of any particular category of entity in nature are uniform "on its own plane". This may mean that an entity, whose structure consists of a number of planes, has cycles of revolution which are different on the various planes upon which it expresses —different, but *uniform* on each particular plane.

284. Các chu kỳ của bất kỳ loại thực thể riêng biệt nào trong bản chất đều đồng nhất "trên chính cõi của nó". Điều này có thể có nghĩa là một thực thể, có cấu trúc gồm một số cõi, có các chu kỳ quay khác nhau trên những cõi khác nhau mà nó biểu lộ—khác nhau, nhưng *đồng nhất* trên từng cõi riêng biệt.

285. One wonders whether we are being told that a "Day of Brahma" has something to do with revolution/rotation upon an axis.

285. Người ta tự hỏi liệu chúng ta có đang được bảo rằng một "Ngày của Brahma" có liên hệ nào đó với sự quay/quay tròn quanh một trục hay không.

286. One wonders further whether repetition in time always involves revolution and rotation (as distinct from vibration).

286. Người ta còn tự hỏi thêm liệu sự lặp lại trong thời gian có luôn bao hàm sự quay và quay tròn (phân biệt với rung động) hay không.

287. We learn from HPB that such a "Day" can be determined by planetary movement.

287. Chúng ta học được từ HPB rằng một "Ngày" như vậy có thể được xác định bằng chuyển động hành tinh.

"One day out of this long life of Brahma is called Kalpa; and a Kalpa is that portion of time which intervenes between one conjunction of all the planets on the horizon of Lanka, at the first point of Aries, and a subsequent similar conjunction." (*TCF* 36, note 6)

"Một ngày trong đời sống dài lâu này của Brahma được gọi là Kalpa; và một Kalpa là khoảng thời gian xen giữa một lần đồng vị của tất cả các hành tinh trên chân trời Lanka, tại điểm đầu tiên của Bạch Dương, và một lần đồng vị tương tự tiếp theo." (*TCF* 36, chú thích 6)

288. We have been describing "Repetition in Time".

288. Chúng ta đã mô tả "Sự lặp lại trong Thời gian".

289. This type of repetition may be considered related to the kind of repetition described below.

289. Loại lặp lại này có thể được xem là có liên hệ với loại lặp lại được mô tả dưới đây.

b. ***Repetition in fact:*** **This involves the idea of a key measure, or sound of any particular group of atoms that go to the composition of any particular form.**

b. ***Sự lặp lại trong sự kiện:*** **Điều này bao hàm ý tưởng về một nhịp độ chủ âm, hay âm thanh của bất kỳ nhóm nguyên tử riêng biệt nào cấu thành bất kỳ hình tướng riêng biệt nào.**

290. Here we are dealing with the phenomenon of frequency, pitch and key-note.

290. Ở đây chúng ta đang bàn đến hiện tượng tần số, cao độ và chủ âm.

291. The example suggests minute and extremely rapid cycles.

291. Ví dụ này gợi ý những chu kỳ cực nhỏ và cực kỳ nhanh.

292. When contrasting the first type of repetition with the second, we may have to contrast revolution/rotation with vibration/oscillation.

292. Khi đối chiếu loại lặp lại thứ nhất với loại thứ hai, có lẽ chúng ta phải đối chiếu sự quay/quay tròn với rung động/dao động.

293. It is clear that *fact* and *form* are related.

293. Rõ ràng là *sự kiện* và *hình tướng* có liên hệ với nhau.

This grouping of atoms will tend to the make-up of a particular series of circumstances and will repeat the measure or sound when an animating factor is brought to bear upon them.

Sự kết nhóm các nguyên tử này sẽ có xu hướng tạo nên một chuỗi hoàn cảnh riêng biệt và sẽ lặp lại nhịp độ hay âm thanh khi một yếu tố làm sinh động được tác động lên chúng.

294. If a certain stimulating note is sounding, a group of atoms (responding to the sounding note) will continue to be similarly related and will thus appear as an ongoing form—the form will remain the same. They repeat their relationship, and, thus, the circumstances they represent keep re-*presenting* themselves.

294. Nếu một âm điệu kích thích nào đó đang được xướng lên, một nhóm nguyên tử (đáp ứng với âm điệu đang vang lên) sẽ tiếp tục liên hệ với nhau theo cách tương tự và do đó sẽ xuất hiện như một hình tướng tiếp diễn—hình tướng sẽ vẫn như cũ. Chúng lặp lại mối liên hệ của mình, và do đó, những hoàn cảnh mà chúng biểu thị cứ tiếp tục tự *trình hiện*.

295. Something significant is here suggested about the habit nature.

295. Ở đây có điều gì đó quan trọng được gợi ra về bản chất thói quen.

296. When this type of repetition recurs, we say “the same thing happened again”.

296. Khi loại lặp lại này tái diễn, chúng ta nói “cùng một việc lại xảy ra”.

297. If circumstances are to change, then the frequency, pitch or key-notes of the associated atomic aggregates have to change.

297. Nếu hoàn cảnh phải thay đổi, thì tần số, cao độ hay các chủ âm của những tập hợp nguyên tử liên hệ phải thay đổi.

298. The atoms must become refined and newly aggregated if they are to respond differently to the animating factor to which, in the past, they always responded similarly. In other words, the animating factor is not solely responsible for the response; it is also the condition of the atoms, their quality and their relationship to each other.

298. Các nguyên tử phải trở nên tinh luyện và được kết tập lại theo cách mới nếu chúng phải đáp ứng khác đi với yếu tố làm sinh động mà trong quá khứ chúng luôn đáp ứng giống nhau. Nói cách khác, yếu tố làm sinh động không phải là điều duy nhất chịu trách nhiệm cho sự đáp ứng; còn có tình trạng của các nguyên tử, phẩm tính của chúng và mối liên hệ của chúng với nhau.

299. Change of circumstance can occur in two ways; either the condition of the responding atoms, their quality and their relationship to each other changes; or, the quality and intensity of the animating factor or note will change.

299. Sự thay đổi hoàn cảnh có thể xảy ra theo hai cách; hoặc tình trạng của các nguyên tử đáp ứng, phẩm tính của chúng và mối liên hệ của chúng với nhau thay đổi; hoặc phẩm tính và cường độ của yếu tố làm sinh động hay âm điệu sẽ thay đổi.

When the vitalising force is contacting at stated periods a certain set of atoms, it will call forth from them a specific sound which will demonstrate objectively as environing circumstances.

Khi mãnh lực tiếp sinh lực tiếp xúc vào những thời điểm nhất định với một tập hợp nguyên tử nào đó, nó sẽ gọi ra từ chúng một âm thanh đặc thù, âm thanh này sẽ biểu hiện khách quan thành những hoàn cảnh bao quanh.

300. In case we do not recognize it, we are being given a very clear lesson in micro-occultism.

300. Trong trường hợp chúng ta không nhận ra điều đó, thì ở đây chúng ta đang được trao cho một bài học rất rõ ràng về huyền bí học vi mô.

301. We also gather that *circumstance is sound* and *sound is circumstance*. As well, the

301. Chúng ta cũng hiểu rằng *hoàn cảnh là âm thanh* và *âm thanh là hoàn cảnh.* Ngoài

sound of circumstance is an atomic evocation.

ra, âm thanh của hoàn cảnh là một sự gợi lên nguyên tử.

302. What is required for a change of circumstances can loosely be called 'atomic reconditioning'.

302. Điều cần thiết cho một sự thay đổi hoàn cảnh có thể được gọi một cách lỏng là 'sự tái định hình nguyên tử'.

In other words, [Page 274] the interplay of the Self and the not-self is invariably of a cyclic nature.

Nói cách khác, [Page 274] sự tương tác giữa Bản Ngã và không-phải-Bản Ngã luôn luôn có bản chất chu kỳ.

303. For instance, the Solar Angel sends out cyclic impulses to its 'shadow man'. The man then responds according to his present condition.

303. Chẳng hạn, Thái dương Thiên Thần phát ra những xung lực chu kỳ đến 'người bóng' của nó. Khi ấy con người đáp ứng tùy theo tình trạng hiện tại của mình.

304. It is important to recognize that that factor within man (or any other type of Man) which we call the Self, relates to the not-Self in a cyclic manner.

304. Điều quan trọng là phải nhận ra rằng yếu tố bên trong con người (hay bất kỳ loại Người nào khác) mà chúng ta gọi là Bản Ngã liên hệ với không-phải-Bản Ngã theo một cách thức chu kỳ.

The same **quality in tone will be called forth by the Self as it indwells the form, but the key will ascend by gradual degrees.**

Cùng một **phẩm tính trong âm điệu sẽ được Bản Ngã gọi ra khi nó ngự trong hình tướng, nhưng chủ âm sẽ thăng lên theo những cấp độ dần dần.**

305. A "key" is a tonal center or musical pitch around which a musical composition revolves and to which it invariably and finally returns (at least before writing with consistency in a given key was abandoned in the late 19th century).

305. Một "chủ âm" là một trung tâm âm điệu hay cao độ âm nhạc mà quanh đó một tác phẩm âm nhạc xoay chuyển và cuối cùng luôn quay về (ít nhất là trước khi việc sáng tác nhất quán trong một chủ âm nhất định bị từ bỏ vào cuối thế kỷ 19th).

306. It is the fundamental tone or tonic that is keyed-up—i.e., ascends by gradual degrees. Every entity (and both planes and sub-planes are atomic aggregates ensouled by great devic entities) has its fundamental note or keynote.

306. Chính âm cơ bản hay âm chủ được nâng lên—tức là, thăng lên theo những cấp độ dần dần. Mọi thực thể (và cả các cõi lẫn cõi phụ đều là những tập hợp nguyên tử được các thực thể thiên thần lớn phú linh) đều có âm cơ bản hay chủ âm của nó.

307. As the atomic form is refined and the interrelation of atoms is rendered more

307. Khi hình tướng nguyên tử được tinh luyện và mối tương liên của các nguyên tử

archetypal, the ability to vibrate to higher frequencies grows, and, correspondingly, the pitch or key of the atomic response rises. In other words, the atoms vibrate to a faster measure.

trở nên nguyên mẫu hơn, khả năng rung động với những tần số cao hơn tăng lên, và tương ứng như vậy, cao độ hay chủ âm của sự đáp ứng nguyên tử tăng lên. Nói cách khác, các nguyên tử rung động theo một nhịp độ nhanh hơn.

308. As the basic or fundamental note rises, the relationship between all atomic factors is intensified and purified.

308. Khi âm cơ bản hay âm nền tăng lên, mối liên hệ giữa mọi yếu tố nguyên tử được tăng cường và thanh lọc.

309. Our Solar Logos, for instance, has changed His key-note from F to G. This represents an elevated vibration and a change from the color green to blue.

309. Chẳng hạn, Thái dương Thượng đế của chúng ta đã đổi chủ âm của Ngài từ F sang G. Điều này biểu thị một rung động được nâng cao và một sự thay đổi từ màu lục sang màu lam.

310. The gradual degrees of ascent are the stages of the initiatory process.

310. Những cấp độ thăng lên dần dần là các giai đoạn của tiến trình điểm đạo.

311. All of initiation is a 'keying-up' in relation to higher stimulus.

311. Toàn bộ điểm đạo là một sự 'nâng chủ âm' trong liên hệ với kích thích cao hơn.

312. The "same quality in tone" reflects the fact that the basic *identity* of the responding aggregate remains the same; but as the *quality* of the aggregate changes (not the identity) the key-pitch or key-note changes.

312. "Cùng một phẩm tính trong âm điệu" phản ánh sự kiện rằng *bản sắc* cơ bản của tập hợp đáp ứng vẫn giữ nguyên; nhưng khi *phẩm tính* của tập hợp thay đổi (không phải bản sắc) thì cao độ chủ âm hay chủ âm thay đổi.

It is similar to the effect produced in striking the same note in different octaves, beginning at the base.

Điều này tương tự như hiệu quả tạo ra khi gõ cùng một nốt ở những quãng tám khác nhau, bắt đầu từ nốt trầm.

313. We recognize the same "quality" in a note sounded in its different octaves. $F_{1.}$ is twice as slow as F_2, which is twice as slow as F_3, which is four times as fast as $F_{1.}$ –BUT, each sounding of an F (though the Fs are of different frequencies) is *qualitatively* recognized as an F. We say to ourselves, "Ah, that is the same note sounded in different octaves". The *octave* changes, but the *note*

313. Chúng ta nhận ra cùng một "phẩm tính" trong một nốt được xướng lên ở những quãng tám khác nhau của nó. F1. chậm gấp đôi F2, và F3 lại nhanh gấp đôi F 2, tức nhanh gấp bốn lần F1. –NHƯNG, mỗi lần vang lên của một nốt F (dù các nốt F có tần số khác nhau) đều được nhận ra *về mặt phẩm tính* là một nốt F. Chúng ta tự nhủ, "À, đó là cùng một nốt được xướng lên ở những

does not. If you are not convinced of this phenomenon, go to a piano and sound the different octaves of the same note and you will recognize the Tibetan's point.

quãng tám khác nhau". *Quãng tám* thay đổi, nhưng *nốt* thì không. Nếu bạn chưa tin hiện tượng này, hãy đến một cây đàn piano và gõ những quãng tám khác nhau của cùng một nốt, bạn sẽ nhận ra ý của Chân sư Tây Tạng.

314. One could begin with a high note and sound progressively lower octaves of that note; the recognition would be the same.

314. Người ta có thể bắt đầu với một nốt cao và lần lượt xướng những quãng tám thấp hơn của nốt ấy; sự nhận biết vẫn sẽ như nhau.

315. Does evolution begin at the "base"? Yes, in a way. Involution begins with a note of high frequency; the process takes the descending life to a note of low frequency; evolution is a re-ascent from low frequency to high frequency.

315. Tiến hoá có bắt đầu từ "đáy" không? Có, theo một nghĩa nào đó. Giáng hạ tiến hoá bắt đầu với một nốt có tần số cao; tiến trình này đưa sự sống đi xuống đến một nốt có tần số thấp; tiến hoá là sự thăng trở lại từ tần số thấp lên tần số cao.

316. In much of the description of Repetition in Fact, we notice that Repetition in Time is implied. The stimuli to which Repetition in Fact is made are very often cyclic stimuli repeated in time.

316. Trong phần lớn mô tả về Sự lặp lại trong Sự kiện, chúng ta nhận thấy Sự lặp lại trong Thời gian được hàm ý. Những kích thích mà Sự lặp lại trong Sự kiện đáp ứng đến rất thường là những kích thích chu kỳ được lặp lại trong thời gian.

317. A problem arises in considering the two excerpts above. Is the ascent of the key by gradual degrees done in octaves or in lesser divisions? The movement of our Solar Logos from a focus on the note F to a focus on the note G is not an ascent by octaves.

317. Một vấn đề nảy sinh khi xem xét hai đoạn trích trên. Sự thăng lên của chủ âm theo những cấp độ dần dần có diễn ra theo quãng tám hay theo những phân chia nhỏ hơn không? Sự chuyển dịch của Thái dương Thượng đế của chúng ta từ sự tập trung vào nốt F sang sự tập trung vào nốt G không phải là một sự thăng lên theo quãng tám.

318. Further, when considering the four notes of a man: the fundamental, the third of the personality, the fifth of the soul and the octave of the Monad, it is clear that the ascent from the base or fundamental passes through notes *within* the octave which separates the fundamental from the note of the Monad.

318. Hơn nữa, khi xét bốn âm điệu của một con người: âm cơ bản, quãng ba của phàm ngã, quãng năm của linh hồn và quãng tám của Chân thần, thì rõ ràng rằng sự thăng lên từ nền tảng hay âm cơ bản đi qua các âm điệu *trong* quãng tám vốn phân cách âm cơ bản với âm điệu của Chân thần.

319. If we wish to synthesize these ideas, we might say that ascent occurs both by octaves and by means of notes within the octave. Perhaps truly climactic evolutionary events are marked by achieving the higher octave of the fundamental from which the evolutionary process began.

319. Nếu muốn tổng hợp các ý tưởng này, chúng ta có thể nói rằng sự thăng lên diễn ra vừa bằng các quãng tám vừa bằng các âm điệu bên trong quãng tám. Có lẽ những biến cố tiến hoá thực sự mang tính cao trào được đánh dấu bằng việc đạt tới quãng tám cao hơn của âm cơ bản từ đó tiến trình tiến hoá đã khởi đầu.

c. ***Repetition in space:*** **This concept is involved deep in the greater concept of karma,** which is really the law that governs the matter of the solar system, and which commenced its work in earlier solar system**s**.

c. ***Sự lặp lại trong không gian:*** **Khái niệm này hàm chứa sâu xa trong khái niệm lớn hơn về nghiệp quả,** vốn thực sự là định luật chi phối vấn đề vật chất của hệ mặt trời, và đã bắt đầu công việc của nó trong các hệ mặt trời trước đó**s**.

320. A man is born, then dies, then reappears in space, cyclically. He appears and disappears from space (i.e., from a given field of perception). This dynamic is related to the manifestation process and to the Law of Periodicity.

320. Một người được sinh ra, rồi chết đi, rồi lại xuất hiện trong không gian, theo chu kỳ. Y xuất hiện và biến mất khỏi không gian (tức là khỏi một trường tri giác nhất định). Động thái này liên hệ với tiến trình biểu hiện và với Định luật Chu Kỳ.

321. We are getting into deep matters here.

321. Ở đây chúng ta đang đi vào những vấn đề sâu xa.

322. Karma is an obscure subject and DK is offering some occult elucidation.

322. Nghiệp quả là một chủ đề tối nghĩa và Chân sư DK đang đưa ra một vài sự làm sáng tỏ huyền bí học.

323. Karma is related to materiality—to the nature, quality and disposition of matter.

323. Nghiệp quả liên hệ với tính vật chất—với bản chất, phẩm tính và sự sắp đặt của vật chất.

324. The Law of Karma, we are told, commenced its work in earlier solar system**s**—note the plural. These systems were all governed by the third aspect of divinity. Our solar system is the first in the series of six (or seven) which is to be governed by the second aspect.

324. Chúng ta được cho biết rằng Định luật Nghiệp quả đã bắt đầu công việc của nó trong các hệ mặt trời trước đó**s**—hãy lưu ý số nhiều. Các hệ này đều được chi phối bởi phương diện thứ ba của thiên tính. Hệ mặt trời của chúng ta là hệ đầu tiên trong chuỗi sáu (hoặc bảy) hệ sẽ được chi phối bởi phương diện thứ hai.

We have, therefore, cycles in order, and repetition in an ever-ascending spiral, under definite law.

325. In the above excerpt, DK is trying to convey to us something about Repetition in Space.

326. When we are told that we have "cycles in order", something of Repetition in Time is suggested.

327. Really, what is being described is spiral-cyclic motion—the motion of the second aspect of divinity.

328. If time is related to the first and third aspects of divinity, space is related to the second aspect.

329. Just as there was a uniformity of degree within a specific category of cycle in relation to Repetition in Time, so the spiral cycles, though not necessarily uniform, do proceed (not randomly) but under definite law. They also proceed in an orderly manner.

330. There is a suggestion that the second and seventh rays are cooperating.

331. A simple way of viewing this idea of Repetition in Space is that certain cyclic events occur in a certain order in the same location in space.

332. For instance, the appearance of the personality of man is a cyclic event and the evolution of that personality is a spiral-cyclic event. The appearance of that personality always occurs *on this planet*—i.e., in the same 'place' or 'space'. Man, as a

Do đó, chúng ta có các chu kỳ theo trật tự, và sự lặp lại trong một đường xoắn ốc luôn đi lên, dưới định luật xác định.

325. Trong đoạn trích trên, Chân sư DK đang cố truyền đạt cho chúng ta điều gì đó về Sự lặp lại trong Không gian.

326. Khi được bảo rằng chúng ta có "các chu kỳ theo trật tự", điều đó gợi ý phần nào về Sự lặp lại trong Thời gian.

327. Thực ra, điều đang được mô tả là chuyển động chu kỳ-xoắn ốc—chuyển động của phương diện thứ hai của thiên tính.

328. Nếu thời gian liên hệ với phương diện thứ nhất và thứ ba của thiên tính, thì không gian liên hệ với phương diện thứ hai.

329. Cũng như đã có một tính đồng đều về cấp độ trong một loại chu kỳ nhất định liên hệ với Sự lặp lại trong Thời gian, thì các chu kỳ xoắn ốc, dù không nhất thiết đồng đều, vẫn tiến hành (không phải ngẫu nhiên) mà dưới định luật xác định. Chúng cũng tiến hành một cách có trật tự.

330. Có một gợi ý rằng cung hai và cung bảy đang hợp tác với nhau.

331. Một cách đơn giản để nhìn ý tưởng về Sự lặp lại trong Không gian này là một số biến cố chu kỳ xảy ra theo một trật tự nhất định tại cùng một vị trí trong không gian.

332. Chẳng hạn, sự xuất hiện của phàm ngã con người là một biến cố chu kỳ và sự tiến hoá của phàm ngã ấy là một biến cố chu kỳ-xoắn ốc. Sự xuất hiện của phàm ngã ấy luôn xảy ra *trên hành tinh này*— tức là, trong cùng một 'nơi chốn' hay 'không gian'. Con người,

personality, reappears cyclically in the same space.

333. VSK queries: "Why would karma be more related to space? As an ENTITY, is space the material and destiny therefore of Itself?"

334. There is much to suggest that karma is equally related to *time.* Saturn, Lord of Karma, is also Lord of Time.

335. Jupiter, in its relation to karma, may have more to do with growthful repetition in space.

336. Here is a brief summary of the three types of repetition thus far addressed:

a. The entity remains as it is, but rotates uniformly and revolves uniformly. Different types of entities rotate and revolve producing cycles of different duration, but there is uniformity within any type of cycle. For instance, planetary periods differ in duration from each other, but each cycle of a given planet is uniform in duration in relation to all the other cycles of that planet. Repetition in Time.

b. The entity remains more or less as it is, but its quality improves, so it rises in its frequency through the rising in frequency of its atomic constituents, but the frequency of the elements composing it may *remain in relatively the same proportion* though all units rise. If the relative proportion changed too much, the form would no longer be recognizable as itself. Its identity would have changed. We have two related types of

với tư cách một phàm ngã, tái xuất hiện theo chu kỳ trong cùng một không gian.

333. VSK nêu câu hỏi: "Tại sao nghiệp quả lại liên hệ với không gian nhiều hơn? Với tư cách một THỰC THỂ, phải chăng không gian là chất liệu và do đó là định mệnh của Chính Nó?"

334. Có nhiều điều cho thấy nghiệp quả cũng liên hệ ngang nhau với *thời gian.* Sao Thổ, Chúa Tể của Nghiệp quả, cũng là Chúa Tể của Thời gian.

335. Sao Mộc, trong mối liên hệ của nó với nghiệp quả, có thể liên quan nhiều hơn đến sự lặp lại tăng trưởng trong không gian.growthful repetition in space.

336. Sau đây là bản tóm lược ngắn về ba loại lặp lại đã được đề cập cho đến nay:

a. Thực thể vẫn giữ nguyên như nó là, nhưng quay đều và vận hành đều. Những loại thực thể khác nhau quay và vận hành tạo ra các chu kỳ có thời lượng khác nhau, nhưng có sự đồng đều trong bất kỳ loại chu kỳ nào. Chẳng hạn, các chu kỳ hành tinh khác nhau về thời lượng, nhưng mỗi chu kỳ của một hành tinh nhất định đều đồng đều về thời lượng so với tất cả các chu kỳ khác của hành tinh đó. Sự lặp lại trong Thời gian.

b. Thực thể vẫn ít nhiều như cũ, nhưng phẩm tính của nó được cải thiện, nên nó tăng tần số thông qua sự tăng tần số của các thành phần nguyên tử của nó, nhưng tần số của các nguyên tố cấu thành nó có thể *vẫn giữ trong cùng một tỉ lệ tương đối* dù mọi đơn vị đều tăng lên. Nếu tỉ lệ tương đối thay đổi quá nhiều, hình tướng sẽ không còn được nhận ra là chính nó nữa. Bản sắc của nó hẳn đã thay đổi. Chúng ta có hai loại lặp lại liên

repetition: Repetition in Fact and Repetition in Form (discussed below).

hệ với nhau: Sự lặp lại trong Sự kiện và Sự lặp lại trong Hình tướng (được bàn dưới đây).

c. The entity disappears and reappears, disappears and reappears according to karmic law. This is Repetition in Space.

c. Thực thể biến mất rồi tái xuất hiện, biến mất rồi tái xuất hiện theo định luật nghiệp quả. Đây là Sự lặp lại trong Không gian.

The thoughts thus conveyed might be expressed likewise as follows:

Những tư tưởng được truyền đạt như vậy cũng có thể được diễn đạt như sau:

337. The three kinds of repetition have been fairly comprehensible. It remains to be seen whether the same ease of comprehension will follow.

337. Ba loại lặp lại này khá dễ hiểu. Còn phải xem liệu cùng một sự dễ hiểu ấy có tiếp tục theo sau hay không.

a. The solar system repeating its activity

a. Hệ mặt trời lặp lại hoạt động của nó

....Repetition in Space.

....Sự lặp lại trong Không gian.

338. The macrocosmic unit with respect to the sequence of four types of repetition here listed, is the solar system. The solar system is the largest unit listed among these four.

338. Đơn vị đại thiên địa, xét theo chuỗi bốn loại lặp lại được liệt kê ở đây, là hệ mặt trời. Hệ mặt trời là đơn vị lớn nhất được liệt kê trong bốn đơn vị này.

339. It would seem that the solar system has its allotted space, and for the duration of the solar system that space is held.

339. Có vẻ như hệ mặt trời có không gian được phân định cho nó, và trong suốt thời gian tồn tại của hệ mặt trời, không gian ấy được giữ vững.

340. Of course, if we go beyond the context of one solar system, we will also find the solar system repeating in time.

340. Dĩ nhiên, nếu vượt ra ngoài bối cảnh của một hệ mặt trời, chúng ta cũng sẽ thấy hệ mặt trời lặp lại trong thời gian.

b. A planetary chain repeating its activity

b. Một dãy hành tinh lặp lại hoạt động của nó

....Repetition in Time.

....Sự lặp lại trong Thời gian.

341. Now, what do we mean by a “planetary chain”? We have seen that planetary schemes are sometimes (when compared to

341. Vậy, giờ đây, chúng ta muốn nói gì khi nói “dãy hành tinh”? Chúng ta đã thấy rằng các hệ hành tinh đôi khi (khi so sánh với hệ

the solar system considered as a *solar scheme*) called "planetary chains".

342. Or, by planetary chain, is a large chakra in a planetary scheme meant?

343. We are told that a planetary scheme does not have the same number of chains at all times, and so it is possible that they appear and disappear.

344. We also are faced with the question of whether a Planetary Logos functioning through a planetary scheme undergoes a number of incarnations during the incarnation of the solar system. If there are multiple incarnations of a scheme, then we would have Repetition in Time.

345. If there are several incarnations of a planetary chain (a major planetary chakra) we would also have Repetition in Time.

346. Also, an incarnation of a planetary scheme or planetary chain may not mean the complete disappearance and reappearance of the entire scheme or chain; it can mean a rotating change in emphasis upon any particular scheme or chakra. This would be another reasonable way of considering the processes of a planetary scheme or chain in relation to Repetition in Time.

347. Yet it can be inferred that a planetary scheme or chain also has it proper *space.*

c. The **constant consecutive reverberation** of a plane note, of a subplane note, and of all that is called into objectivity by that note

mặt trời được xem như một *hệ mặt trời*) được gọi là "các dãy hành tinh".

342. Hoặc, phải chăng dãy hành tinh có nghĩa là một luân xa lớn trong một hệ hành tinh?

343. Chúng ta được cho biết rằng một hệ hành tinh không có cùng một số dãy ở mọi thời điểm, và vì thế có thể là chúng xuất hiện rồi biến mất.

344. Chúng ta cũng phải đối diện với câu hỏi liệu một Hành Tinh Thượng Đế hoạt động thông qua một hệ hành tinh có trải qua một số lần lâm phàm trong suốt sự lâm phàm của hệ mặt trời hay không. Nếu có nhiều lần lâm phàm của một hệ, thì chúng ta sẽ có Sự lặp lại trong Thời gian.

345. Nếu có nhiều lần lâm phàm của một dãy hành tinh (một luân xa hành tinh lớn) thì chúng ta cũng sẽ có Sự lặp lại trong Thời gian.

346. Ngoài ra, một lần lâm phàm của một hệ hành tinh hay dãy hành tinh có thể không có nghĩa là toàn bộ hệ hay dãy hoàn toàn biến mất rồi tái xuất hiện; nó có thể có nghĩa là một sự thay đổi luân phiên về trọng tâm nhấn mạnh trên bất kỳ hệ hay luân xa cụ thể nào. Đây sẽ là một cách hợp lý khác để xem xét các tiến trình của một hệ hay dãy hành tinh liên hệ với Sự lặp lại trong Thời gian.

347. Tuy nhiên, có thể suy ra rằng một hệ hay dãy hành tinh cũng có không gian riêng thích hợp của nó.*space.*

c. Sự **vang dội liên tiếp không ngừng** của một âm điệu cõi, của một âm điệu cõi phụ,

và của tất cả những gì được gọi vào tính khách quan bởi âm điệu ấy

.....Plane Repetition.

.....Sự lặp lại của Cõi.

348. A new form of repetition is introduced here; it is called "Plane Repetition". It does seem to relate to "Repetition in Fact". Planar-circumstances and sub-planar-circumstances are called into manifestation by certain resounding keynotes vibrating to a certain frequencies. The concept of *frequency* implies the constant repetition of a vibratory cycle in which a certain number of vibrations occur per unit of time.

348. Ở đây một hình thức lặp lại mới được đưa vào; nó được gọi là "Sự lặp lại của Cõi". Nó dường như có liên hệ với "Sự lặp lại trong Sự kiện". Các hoàn cảnh cõi và cõi phụ được gọi vào biểu hiện bởi những chủ âm vang lên nhất định đang rung động ở những tần số nhất định. Khái niệm về *tần số* hàm ý sự lặp lại không ngừng của một chu kỳ rung động trong đó một số rung động nhất định xảy ra trên mỗi đơn vị thời gian.

349. Planes and subplanes, too, are *keyed-up* as evolution persists. That a plane or sub-plane continues to appear as an 'evoked condition' or circumstance is due to the constant sounding of the note characterizing it.

349. Các cõi và cõi phụ cũng được *nâng âm* khi tiến hoá tiếp diễn. Việc một cõi hay cõi phụ tiếp tục xuất hiện như một 'điều kiện' hay hoàn cảnh được gợi lên là do sự xướng lên liên tục của âm điệu đặc trưng cho nó.

350. There is a constant 'consecutiveness' to the reverberation of the plane note. The determined frequency is sustained. The plane note does not change pitch, unless by a definite act of will of the particular type of Logos Who is ensouling the plane.

350. Có một tính 'liên tiếp' không ngừng đối với sự vang dội của âm điệu cõi. Tần số đã được xác định được duy trì. Âm điệu cõi không đổi cao độ, trừ phi bởi một hành vi ý chí xác định của loại Thượng đế đặc thù đang phú linh cõi ấy.

d. The tendency of atoms to perpetuate their activity, and thus produce similarity of circumstance, of environment and of vehicle

d. Khuynh hướng của các nguyên tử muốn duy trì hoạt động của chúng, và do đó tạo ra sự tương tự về hoàn cảnh, về môi trường và về vận cụ

....Form Repetition.

....Sự lặp lại của Hình tướng.

351. The fact that we can recognize forms as persistent is due to "Form Repetition" which, again, seems to be related to "Repetition in Fact". Form Repetition occurs *within* Plane Repetition. Forms are produced from the substance of planes. The planar and sub-

351. Sự kiện rằng chúng ta có thể nhận ra các hình tướng là bền vững là nhờ "Sự lặp lại của Hình tướng", điều này, một lần nữa, dường như liên hệ với "Sự lặp lại trong Sự kiện". Sự lặp lại của Hình tướng xảy ra *trong* Sự lặp lại của Cõi. Các hình tướng được tạo ra

planar substances are of a certain nature because of their keynote. Those substances, aggregated in unique mixtures, produce:

từ chất liệu của các cõi. Các chất liệu cõi và cõi phụ có một bản chất nhất định do chủ âm của chúng. Những chất liệu ấy, khi được kết tập trong những hỗn hợp độc đáo, tạo ra:

a. Similarity of circumstance

a. Sự tương tự về hoàn cảnh

b. Similarity of environment

b. Sự tương tự về môi trường

c. Similarity of vehicle

c. Sự tương tự về vận cụ

352. Within a given solar system (the bounded context which we are discussing), the Solar Logos 'holds the space' persistently; the schemes and chains endure for a greater or lesser time and are activated in order; the planes persist in a certain condition according to their keynote; the forms within the planes are evoked into continuing presence by the tendency of their atomic constituents to respond to stimulation in a repetitious manner.

352. Trong một hệ mặt trời nhất định (bối cảnh giới hạn mà chúng ta đang bàn đến), Thái dương Thượng đế 'giữ không gian' một cách bền bỉ; các hệ và các dãy tồn tại trong thời gian dài hay ngắn hơn và được hoạt hoá theo trật tự; các cõi tồn tại trong một điều kiện nhất định theo chủ âm của chúng; các hình tướng bên trong các cõi được gợi vào sự hiện diện liên tục bởi khuynh hướng của các thành phần nguyên tử của chúng đáp ứng với kích thích theo một cách lặp đi lặp lại.

When we carry these ideas on to every plane in the solar system, and from thence to the cosmic planes, we have opened up for ourselves infinitude.

Khi chúng ta mang những ý tưởng này đến mọi cõi trong hệ mặt trời, và từ đó đến các cõi vũ trụ, chúng ta đã mở ra cho chính mình tính vô cùng.

353. I would call it a '*virtual* infinitude'. The time spans involved are so great compared to the tiny life cycle of man that the time involved *seems* infinite.

353. Tôi sẽ gọi đó là một tính vô cùng '*ảo như thật*'. Những khoảng thời gian liên hệ ở đây quá lớn so với chu kỳ sống nhỏ bé của con người đến nỗi thời gian liên hệ *dường như* vô hạn.

354. It is clear that the principle of repetition—in space, in time, in fact, in form, in relation to planes and subplanes—is ubiquitous throughout the Universe.

354. Rõ ràng là nguyên lý lặp lại—trong không gian, trong thời gian, trong sự kiện, trong hình tướng, liên hệ với các cõi và cõi phụ—hiện diện khắp nơi trong Vũ trụ.

2. Repetition of Cyclic Action is Governed by Two Laws:

2. Sự lặp lại của Hoạt động Chu kỳ được chi phối bởi Hai Định luật:

355. Thus far we have dealt somewhat with the Idea of Repetition.

355. Cho đến nay chúng ta đã phần nào bàn đến Ý tưởng về Sự lặp lại.

356. We now deal with two laws governing Cyclic Action.

356. Giờ đây chúng ta bàn đến hai định luật chi phối Hoạt động Chu kỳ.

Perhaps it is more accurate to say that it is governed by one law, primarily, and a subsidiary law.

Có lẽ nói chính xác hơn là nó được chi phối chủ yếu bởi một định luật, và một định luật phụ.

357. DK approaches with specificity, arranging the two laws in a hierarchy.

357. Chân sư DK tiếp cận một cách cụ thể, sắp xếp hai định luật theo một thứ bậc.

This leads [Page 275] to two general types of cycles, and is involved in the very nature of the Self and of the not-self. The interplay of the two by the aid of mind produces that which we call environment or circumstance.

Điều này dẫn [Page 275] đến hai loại chu kỳ tổng quát, và hàm chứa trong chính bản chất của Ngã và vô-ngã. Sự tương tác của hai điều này với sự trợ giúp của trí tuệ tạo ra điều mà chúng ta gọi là môi trường hay hoàn cảnh.

358. Self is Spirit; not-Self is matter; mind is the link between the two (solar fire).

358. Ngã là Tinh thần; vô-ngã là vật chất; trí tuệ là mối liên kết giữa hai điều ấy (lửa thái dương).

359. Solar fire is the fire of 'bridging mind'. It is quality of mind that can create a bridge between Spirit and Matter/matter. It comes (as far as we in our solar system are concerned) from the cosmic mental plane.

359. Lửa thái dương là lửa của 'trí tuệ bắt cầu'. Chính phẩm tính của trí tuệ có thể tạo ra một cây cầu giữa Tinh thần và Vật chất/vật chất. Nó đến (ít nhất là đối với chúng ta trong hệ mặt trời này) từ cõi trí vũ trụ.

360. Is the Tibetan saying that environment and circumstance are produced by the interplay between two general types of cycles, or by the interplay between Self and not-self by the aid of mind? Let us seek clarification below.

360. Phải chăng Chân sư Tây Tạng đang nói rằng môi trường và hoàn cảnh được tạo ra bởi sự tương tác giữa hai loại chu kỳ tổng quát, hay bởi sự tương tác giữa Ngã và vô-ngã với sự trợ giúp của trí tuệ? Hãy tìm sự làm sáng tỏ ở dưới.

361. Repetition of Cyclic Action is involved in the very nature of the Self and the not-Self.

361. Sự lặp lại của Hoạt động Chu kỳ hàm chứa trong chính bản chất của Ngã và vô-ngã.

The general law, which produces cyclic effect, is the Law of Attraction and Repulsion, of which the subsidiary law is the Law of Periodicity, and of Rebirth.

362. Here, the names of the two laws are given.

363. Since the Law of Periodicity is the second Fundamental of the Secret Doctrine, it is strange to see it presented as a subsidiary of the Law of Attraction.

364. If the Law of Attraction and Repulsion causes cyclic effect, let us see how this may be the case. Let us examine the reincarnational cycle of man. Death ensues when the attraction of the soul overpowers the attraction of matter. The incarnating consciousness is then repelled from the lower three worlds of form. Incarnation resumes (normally) when the attractive power of matter and the magnetic attraction towards the three worlds (which we call desire) overpower the attractive power which held the Jiva on higher mental plane. The Jiva, or reincarnating consciousness, is then temporarily repelled from the world of the soul and drawn into the lower three worlds.

365. These changes of attraction occur cyclically.

366. The two poles are alternatively activated. As well, *surfeit* in relation to one pole is experienced within the form simultaneously with a desire for the opposite pole; then this reverses. When surfeit is experienced in relation to one pole, attraction is experienced in relation to the opposite pole.

Định luật tổng quát, tạo ra hiệu quả chu kỳ, là Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi, mà định luật phụ của nó là Định luật Chu Kỳ, và Tái sinh.

362. Ở đây, tên của hai định luật được nêu ra.

363. Vì Định luật Chu Kỳ là Căn Bản thứ hai của Giáo Lý Bí Nhiệm, nên thật lạ khi thấy nó được trình bày như một định luật phụ của Định luật Hấp Dẫn.

364. Nếu Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi gây ra hiệu quả chu kỳ, hãy xem điều này có thể như thế nào. Hãy khảo sát chu kỳ tái sinh của con người. Cái chết xảy đến khi sức hút của linh hồn thắng thế sức hút của vật chất. Khi đó tâm thức nhập thể bị đẩy ra khỏi ba cõi thấp của hình tướng. Sự nhập thể lại tiếp tục (một cách bình thường) khi quyền năng hấp dẫn của vật chất và sức hút từ tính hướng về ba cõi giới (mà chúng ta gọi là dục vọng) thắng thế quyền năng hấp dẫn đã giữ Jiva trên Cõi thượng trí. Khi đó Jiva, hay tâm thức tái sinh, tạm thời bị đẩy khỏi thế giới của linh hồn và bị kéo vào ba cõi thấp.

365. Những thay đổi về sức hút này xảy ra theo chu kỳ.

366. Hai cực được hoạt hoá luân phiên. Đồng thời, sự bão hoà *quá mức* đối với một cực được kinh nghiệm bên trong hình tướng cùng lúc với một ham muốn đối với cực đối nghịch; rồi điều này đảo ngược. Khi sự bão hoà quá mức được kinh nghiệm đối với một cực, thì sức hút được kinh nghiệm đối với cực đối nghịch.

367. Eventually, there is only attraction towards the Self which is not bi-polar.

367. Cuối cùng, chỉ còn sức hút hướng về Ngã vốn không lưỡng cực.

Cyclic evolution is entirely the result of the activity of matter, and of the Will or Spirit.

Tiến hoá chu kỳ hoàn toàn là kết quả của hoạt động của vật chất, và của Ý chí hay Tinh thần.

368. Spirit proceeds by pulsations. Matter will only configure itself under the moulding influence of a Spirit-pulsation. We might call such pulsation, 'formative pulsation'. Rhythmic, formative, "moulding" pulsation produces cyclic evolution.

368. Tinh thần tiến hành bằng những nhịp xung. Vật chất chỉ tự cấu hình dưới ảnh hưởng uốn nắn của một nhịp xung của Tinh thần. Chúng ta có thể gọi nhịp xung như thế là 'nhịp xung tạo hình'. Những nhịp xung nhịp nhàng, tạo hình, "uốn nắn" tạo ra tiến hoá chu kỳ.

369. We are considering the cause of cyclic evolution as an interplay between the first and third aspects of divinity.

369. Chúng ta đang xét nguyên nhân của tiến hoá chu kỳ như một sự tương tác giữa phương diện thứ nhất và thứ ba của thiên tính.

370. It is the consciousness (the product of Spirit and matter) that evolves spiral cyclically.

370. Chính tâm thức (sản phẩm của Tinh thần và vật chất) tiến hoá theo chu kỳ-xoắn ốc.

371. Pulsations come via the Will and are impulsed by Spirit. Pulsations rise in quality *incrementally* and carry *progressively* the "Fixed Design" of the archetype towards which consciousness must rise—spiral-cyclically.

371. Các nhịp xung đến qua Ý chí và được Tinh thần thúc đẩy. Các nhịp xung tăng lên về phẩm tính *từng bước* và mang *ngày càng* "Thiết Kế Cố Định" của nguyên mẫu mà tâm thức phải vươn lên tới—theo chu kỳ-xoắn ốc.

372. In colloquial language, the pulsations of Spirit persistently "raise the bar".

372. Nói theo ngôn ngữ thông thường, các nhịp xung của Tinh thần liên tục "nâng chuẩn lên".

373. Will is equated with Spirit. Elsewhere, Will is considered a *faculty* of the Spirit.

373. Ý chí được đồng nhất với Tinh thần. Ở nơi khác, Ý chí được xem là một *năng lực* của Tinh thần.

It is produced by the interaction of active matter and **moulding Spirit**.

Nó được tạo ra bởi sự tương tác giữa vật chất hoạt động và **Tinh thần uốn nắn**.

374. How interesting to consider Spirit as a factor which *moulds.*

375. We are reminded that Vulcan (a planetary force which shapes and moulds) is a first ray planet related to Spirit.

376. The soul builds, but it builds to achieve that which is indicated by the *mould* of Spirit.

377. The Monad/Spirit holds the archetypal form.

Every form holds hid a Life.

378. The Spirit indwells every form.

Every life constantly reaches out after the similar life latent in other forms.

379. This relates to that later phase of the evolutionary process when Spirit begins to merge with Spirit; the One rediscovers itself in all things.

When Spirit and matter sound the same note evolution will cease.

380. Soul is the means by which the note of Spirit is transferred to the note of matter. Soul is the modulator respecting both the note of Spirit and the note of matter.

381. When the same note is sounded by Spirit and matter, we have reached a condition of stasis or equilibrium. There is then no more longing or desire (under the

374. Thật thú vị khi xem Tinh thần như một yếu tố *uốn nắn.*

375. Chúng ta được nhắc rằng Vulcan (một mãnh lực hành tinh tạo hình và uốn nắn) là một hành tinh cung một liên hệ với Tinh thần.

376. Linh hồn xây dựng, nhưng nó xây dựng để đạt được điều được chỉ ra bởi *khuôn mẫu* của Tinh thần.

377. Chân thần/Tinh thần nắm giữ hình tướng nguyên mẫu.

Mọi hình tướng đều ẩn giấu một Sự sống.

378. Tinh thần ngự bên trong mọi hình tướng.

Mọi sự sống không ngừng vươn ra tìm kiếm sự sống tương tự tiềm ẩn trong các hình tướng khác.

379. Điều này liên hệ với giai đoạn sau của tiến trình tiến hoá khi Tinh thần bắt đầu hợp nhất với Tinh thần; Đấng Duy Nhất tái khám phá chính mình trong vạn vật.

Khi Tinh thần và vật chất xướng cùng một âm điệu, tiến hoá sẽ chấm dứt.

380. Linh hồn là phương tiện nhờ đó âm điệu của Tinh thần được chuyển sang âm điệu của vật chất. Linh hồn là bộ điều biến đối với cả âm điệu của Tinh thần lẫn âm điệu của vật chất.

381. Khi cùng một âm điệu được Tinh thần và vật chất xướng lên, chúng ta đã đạt tới một trạng thái tĩnh tại hay quân bình. Khi đó không còn sự khao khát hay dục vọng nào

Law of Attraction) arising in matter/form. There is then no more need to bestow arising in Spirit (for the note of Spirit has been bestowed).

nữa (dưới Định luật Hấp Dẫn) phát sinh trong vật chất/hình tướng. Khi đó cũng không còn nhu cầu ban phát nào phát sinh trong Tinh thần nữa (vì âm điệu của Tinh thần đã được ban phát).

382. The Law of Attraction and Repulsion has ceased. Spirit and matter are now as one and so there need be no more attraction between them.

382. Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi đã chấm dứt. Tinh thần và vật chất giờ đây như một, và vì thế không còn cần có sức hút giữa chúng nữa.

When the note sounded by the form is stronger than that of Spirit, we have attraction between forms.

Khi âm điệu do hình tướng xướng lên mạnh hơn âm điệu của Tinh thần, chúng ta có sức hút giữa các hình tướng.

383. At this stage, the power of Spirit is passive; forms are dynamic and interactive. Spirit exerts no felt influence.

383. Ở giai đoạn này, quyền năng của Tinh thần là thụ động; các hình tướng thì năng động và tương tác. Tinh thần không tạo ra ảnh hưởng khả cảm nào.

When the note sounded by Spirit is stronger than that of matter and form, we have Spirit repelling form.

Khi âm điệu do Tinh thần xướng lên mạnh hơn âm điệu của vật chất và hình tướng, chúng ta có Tinh thần đẩy lùi hình tướng.

384. At this stage, Spirit begins its long search for Spirit (at first discovering soul) and in doing so repels the form, for form is seen as an interference in the process of uniting Spirit to Spirit (even though Spirit is *one* in all things).

384. Ở giai đoạn này, Tinh thần bắt đầu cuộc tìm kiếm lâu dài của nó đối với Tinh thần (lúc đầu khám phá ra linh hồn), và khi làm như vậy nó đẩy lùi hình tướng, vì hình tướng được thấy như một sự cản trở trong tiến trình hợp nhất Tinh thần với Tinh thần (dù Tinh thần là *một* trong vạn vật).

Here we have the basis for the battlefield of life,

Ở đây chúng ta có cơ sở cho chiến trường của sự sống,

385. The battle is based on this: will Spirit win through the initial utilization of soul, or will matter continue to attract?

385. Cuộc chiến dựa trên điều này: liệu Tinh thần có chiến thắng thông qua việc sử dụng linh hồn ban đầu hay vật chất sẽ tiếp tục hấp dẫn?

and its myriads of intermediate stages, which might be expressed as follows:

và vô số giai đoạn trung gian của nó, có thể được diễn tả như sau:

a. The period of the domination of the form note is that of involution.

386. I, the Spirit in form, desire form, continuously forgetting that I am Spirit

b. The period of the repulsion of form by Spirit is that of the battlefield of the three worlds.

387. To this should be added, 'the intermittent repulsion of Spirit by form'. Christ was despised and rejected.

388. Sometimes form will look attractive and sometimes not. The consciousness is caught between wanting form and not wanting it. The Law of Repulse, the fourth Law of the Soul, is active. There is an oscillating rejection of the not-Self.

389. During this stage, the instrument of Spirit (and warrior on behalf of Spirit) is soul —not really mentioned in this tabulation.

390. Yet, in a way, soul is also form, and the Spirit must one day repel the form-of-soul as well.

c. The period of the attraction of Spirit and Spirit, and the consequent withdrawal from form is that of the Path.

391. Here is an excellent definition of the Path.

392. An intermediate stage is to be attracted to soul qualities.

a. Giai đoạn âm điệu của hình tướng thống trị là giai đoạn của giáng hạ tiến hoá.

386. Tôi, Tinh thần trong hình tướng, ham muốn hình tướng, liên tục quên rằng tôi là Tinh thần

b. Giai đoạn Tinh thần đẩy lùi hình tướng là giai đoạn của chiến trường trong ba cõi giới.

387. Nên thêm vào đây, 'sự đẩy lùi gián đoạn của Tinh thần bởi hình tướng'. Đức Christ đã bị khinh miệt và chối bỏ.

388. Đôi khi hình tướng sẽ trông hấp dẫn và đôi khi thì không. Tâm thức bị mắc kẹt giữa việc muốn hình tướng và không muốn nó. Định luật Đẩy Lùi, Định luật thứ tư của Linh hồn, đang hoạt động. Có một sự khước từ dao động đối với vô-ngã.

389. Trong giai đoạn này, công cụ của Tinh thần (và chiến binh thay mặt cho Tinh thần) là linh hồn—điều này thực ra không được nhắc đến trong bảng liệt kê này.

390. Tuy nhiên, theo một nghĩa nào đó, linh hồn cũng là hình tướng, và một ngày kia Tinh thần cũng phải đẩy lùi hình tướng-của-linh-hồn.

c. Giai đoạn của sức hút giữa Tinh thần và Tinh thần, và sự rút lui khỏi hình tướng do đó, là giai đoạn của Con Đường.

391. Đây là một định nghĩa tuyệt vời về Con Đường.

392. Một giai đoạn trung gian là bị hấp dẫn bởi các phẩm tính của linh hồn.

393. The attraction of Spirit and Spirit is recognized with the finding of *pure being* in an attraction.

393. Sức hút giữa Tinh thần và Tinh thần được nhận ra khi tìm thấy *bản thể thuần túy* trong một sức hút.

394. Soul attraction is based on *quality*; Spirit-attraction is based on that which transcends quality—*pure being*.

394. Sức hút của linh hồn dựa trên *phẩm tính*; sức hút của Tinh thần dựa trên điều vượt lên trên phẩm tính—*bản thể thuần túy*.

395. Practically, if attracted units can share the experience of *being alive*—spiritually, then the attracted units are approaching to the state of Spirit being attracted by Spirit. To the degree that we are consciously the Monad, we can do this.

395. Trên thực tế, nếu các đơn vị bị hấp dẫn có thể chia sẻ kinh nghiệm *đang sống*—về mặt tinh thần, thì các đơn vị bị hấp dẫn ấy đang tiến gần đến trạng thái Tinh thần bị Tinh thần hấp dẫn. Trong chừng mực chúng ta hữu thức là Chân thần, chúng ta có thể làm được điều này.

d. The period of **domination of the note of Spirit** is that of the higher planes of evolution.

d. Giai đoạn của **sự thống trị của âm điệu Tinh thần** là giai đoạn của các cõi tiến hoá cao hơn.

396. We are speaking of the note of the higher planes of evolution—the cosmic ethers.

396. Chúng ta đang nói về âm điệu của các cõi tiến hoá cao hơn—các dĩ thái vũ trụ.

397. Normally, until the later stages of evolution, life is weaker than quality. This is so until Spirit dominates.

397. Thông thường, cho đến các giai đoạn sau của tiến hoá, sự sống yếu hơn phẩm tính. Điều này đúng cho đến khi Tinh thần thống trị.

398. The note of Spirit is the note the Monad is sounding. It is preceded by the note of the soul within the causal body and by the note of the spiritual triad (which, with the note of Spirit, is muted by the note of the soul within the causal body—until the causal body is destroyed).

398. Âm điệu của Tinh thần là âm điệu mà Chân thần đang xướng lên. Nó được đi trước bởi âm điệu của linh hồn bên trong thể nguyên nhân và bởi âm điệu của Tam Nguyên Tinh Thần (mà cùng với âm điệu của Tinh thần, bị âm điệu của linh hồn bên trong thể nguyên nhân làm cho dịu xuống—cho đến khi thể nguyên nhân bị phá huỷ).

To the synchronisation of the notes, or to the lack of synchronisation, may be attributed all that occurs in the world cycles.

Mọi điều xảy ra trong các chu kỳ thế giới có thể được quy cho sự đồng bộ hóa của các âm điệu, hoặc cho sự thiếu đồng bộ hóa.

399. Synchronization causes the cessation of attraction and repulsion. Non-synchronization necessitates the continued activity of the Law of Attraction and Repulsion—leading to harmonization, unification and finally *identification and synchronization.*

399. Sự đồng bộ hóa gây ra sự chấm dứt của hấp dẫn và đẩy lùi. Sự không đồng bộ hóa đòi hỏi hoạt động tiếp tục của Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi—dẫn đến sự hài hoà, hợp nhất và cuối cùng là *đồng hoá và đồng bộ hóa.*

Thus we have the production of harmony; first, the basic note of matter, then the note of Spirit gradually overcoming the lower note and **usurping attention** [Page 276] till gradually the note of Spirit overpowers all other notes.

Như vậy chúng ta có sự tạo ra hài hoà; trước hết là âm điệu cơ bản của vật chất, rồi âm điệu của Tinh thần dần dần thắng vượt âm điệu thấp hơn và **chiếm lấy sự chú ý** [Page 276] cho đến khi dần dần âm điệu của Tinh thần áp đảo mọi âm điệu khác.

400. Here we have the entire evolutionary process expressed in musical terms.

400. Ở đây chúng ta có toàn bộ tiến trình tiến hoá được diễn đạt bằng ngôn ngữ âm nhạc.

401. When the note of Spirit overpowers all other notes, we have the perfection of the 'Chord of the Monad'.

401. Khi âm điệu của Tinh thần áp đảo mọi âm điệu khác, chúng ta có sự hoàn thiện của 'Hợp âm của Chân thần'.

"At first, there is dissonance and discord, a clashing of the colours, and a fight between the Higher and the Lower. But as time progresses, and later with the aid of the Master, harmony of colour and tone is produced (a synonymous matter), until eventually you will have the basic note of matter, the major third of the aligned Personality, the dominant fifth of the Ego, followed by the full chord of the Monad or Spirit." (LOM 4)

"Thoạt đầu, có sự bất hoà và nghịch âm, sự xung đột của các màu sắc, và cuộc chiến giữa Cái Cao và Cái Thấp. Nhưng khi thời gian trôi qua, và về sau với sự trợ giúp của Chân sư, sự hài hoà của màu sắc và âm điệu được tạo ra (đó là những điều đồng nghĩa), cho đến cuối cùng bạn sẽ có âm điệu cơ bản của vật chất, quãng ba trưởng của Phàm ngã đã chỉnh hợp, quãng năm át của Chân ngã, tiếp theo là hợp âm trọn vẹn của Chân thần hay Tinh thần." (LOM 4)

402. Has the "note of Spirit" *usurped attention* within our psyche? This note will eventually become demanding and dominant. But first the soul note, considered, literally as the dominant fifth, must attract attention.

402. Phải chăng "âm điệu của Tinh thần" đã *chiếm lấy sự chú ý* trong tâm lý của chúng ta? Âm điệu này cuối cùng sẽ trở nên đòi hỏi và thống trị. Nhưng trước hết âm điệu của linh hồn, được xem theo nghĩa đen là quãng năm át, phải thu hút sự chú ý.

403. The soul note attracts attention (utilizing the quality of the second ray); the note of Spirit *usurps* attention, utilizing the quality of the first ray.

403. Âm điệu của linh hồn thu hút sự chú ý (sử dụng phẩm tính của cung hai); âm điệu của Tinh thần *chiếm lấy* sự chú ý, sử dụng phẩm tính của cung một.

404. The word "usurping" is definitely a first ray word!

404. Từ "chiếm lấy" rõ ràng là một từ của cung một!

Yet it must be borne in mind that it is the note of the life that holds the form together.

Tuy nhiên cần ghi nhớ rằng chính âm điệu của sự sống giữ cho hình tướng kết hợp với nhau.

405. The note of matter would not be sounding if the note of Spirit ceased sounding.

405. Âm điệu của vật chất sẽ không vang lên nếu âm điệu của Tinh thần ngừng vang lên.

406. We remember the *moulding* effect of the Spirit. The coherence of matter is caused by a process of Spirit-moulding. Spirit forces material factors together creating a ring-pass-not. Soul sustains the enforced relationship through the power of attraction.

406. Chúng ta nhớ đến hiệu quả *uốn nắn* của Tinh thần. Sự kết dính của vật chất được gây ra bởi một tiến trình Tinh thần-uốn nắn. Tinh thần ép các yếu tố vật chất lại với nhau tạo ra một vòng-giới-hạn. Linh hồn duy trì mối quan hệ bị áp đặt ấy qua quyền năng của sức hút.

The note of the Sun, for instance, holds in just attraction the circling spheres, the planets.

Chẳng hạn, âm điệu của Mặt Trời giữ các khối cầu quay tròn, các hành tinh, trong một sức hút chính xác.

407. Here is a new angle on the Law of Attraction. The "note of the Sun" is an attractive force.

407. Đây là một góc nhìn mới về Định luật Hấp Dẫn. "Âm điệu của Mặt Trời" là một mãnh lực hấp dẫn.

408. Do we realize that in life we are attracted by various sounding notes, and even 'held in orbit' by certain greater notes. Just as the planets do, we circle around the sources from whence these notes emanate.

408. Chúng ta có nhận ra rằng trong đời sống chúng ta bị hấp dẫn bởi nhiều âm điệu đang vang lên khác nhau, và thậm chí còn được 'giữ trong quỹ đạo' bởi một số âm điệu lớn hơn nào đó không? Cũng như các hành tinh, chúng ta quay quanh những nguồn phát ra các âm điệu ấy.

409. The note of the Sun (in the present solar system) can be considered the note G.

409. Âm điệu của Mặt Trời (trong hệ mặt trời hiện tại) có thể được xem là nốt G.

410. We note that the type of attraction is "*just* attraction", suggesting the influence of Libra, and a type of attraction which is not too great or too little. The attraction is absolutely balanced and proportionate (Libra) so that the circling spheres or planets can maintain their correct position relative to the source of attraction—the Sun.

410. Chúng ta lưu ý rằng loại hấp dẫn này là "*chính là* hấp dẫn", gợi ý ảnh hưởng của Thiên Bình, và là một loại hấp dẫn không quá lớn cũng không quá nhỏ. Sức hấp dẫn ấy hoàn toàn quân bình và tương xứng (Thiên Bình) để các khối cầu hay hành tinh đang tuần hoàn có thể duy trì vị trí đúng đắn của chúng tương quan với nguồn hấp dẫn—Mặt Trời.

411. May we think that different notes sounding forth from the Sun will produce planetary orbits of different kinds? Perhaps the orbital arrangement created through the sounding of the note G is entirely different from the orbital arrangement in the last solar system which was produced by the sounding of the note F.

411. Chúng ta có thể nghĩ rằng những âm điệu khác nhau được xướng lên từ Mặt Trời sẽ tạo ra những quỹ đạo hành tinh thuộc những loại khác nhau chăng? Có lẽ sự sắp xếp quỹ đạo được tạo ra qua việc xướng lên nốt G hoàn toàn khác với sự sắp xếp quỹ đạo trong hệ mặt trời trước vốn được tạo ra qua việc xướng lên nốt F.

412. It may be that there will be *seven* solar systems, and that each of them sounded a particular note of the scale beginning with the fundamental note C. Our solar system is the fifth and the note G is the fifth note in the diatonic scale beginning with C.

412. Có thể sẽ có *bảy* hệ mặt trời, và mỗi hệ trong số đó đã xướng lên một nốt đặc thù của âm giai bắt đầu bằng nốt căn bản C. Hệ mặt trời của chúng ta là hệ thứ năm và nốt G là nốt thứ năm trong âm giai bảy nốt bắt đầu từ C.

413. From another perspective however, the next solar system is to be sounding the note of Will or C. Much thought will be required to clarify the number of solar systems through which our Solar Logos manifests and the nature of the different notes sounding through each.

413. Tuy nhiên, từ một góc độ khác, hệ mặt trời kế tiếp sẽ xướng lên nốt của Ý Chí hay C. Sẽ cần nhiều suy tư để làm sáng tỏ số lượng các hệ mặt trời qua đó Thái dương Thượng đế của chúng ta biểu hiện và bản chất của những nốt khác nhau được xướng lên qua mỗi hệ.

The notes synchronise and harmonise till the stage of adequacy is reached and the period of abstraction.

Các nốt đồng bộ hóa và hài hòa hóa cho đến khi đạt tới giai đoạn đầy đủ và thời kỳ trừu xuất.

414. The process of evolution (sonically considered) is very much the adjusting of note to note.

414. Tiến trình tiến hoá (xét về mặt âm thanh) phần lớn chính là sự điều chỉnh nốt này với nốt kia.

415. The stages of mutual interplay given are:

415. Các giai đoạn tương tác hỗ tương được nêu ra là:

a. Synchronization

a. Đồng bộ hóa

b. Harmonization

b. Hài hòa hóa

c. Adequacy

c. Sự đầy đủ

d. Abstraction.

d. Trừu xuất.

416. The term synchronization introduces the time factor. In order to harmonize properly, the notes involved must sound rhythmically in relation to each other. Their cycles must be related and synchronized.

416. Thuật ngữ đồng bộ hóa đưa vào yếu tố thời gian. Để hài hòa đúng đắn, các nốt liên hệ phải được xướng lên một cách nhịp điệu trong tương quan với nhau. Các chu kỳ của chúng phải có liên hệ và được đồng bộ hóa.

Cyclic evolution proceeds. A human being, similarly, holds (by means of his note) the atoms of the three bodies together, being to them as the central sun to the planets.

Tiến hoá theo chu kỳ tiếp diễn. Tương tự như vậy, một con người giữ các nguyên tử của ba thể lại với nhau (bằng nốt của y), đối với chúng cũng như mặt trời trung tâm đối với các hành tinh.

417. To the atoms of our little system we (the human being) are as the central sun is to the planets.

417. Đối với các nguyên tử của tiểu hệ của chúng ta, chúng ta (con người) cũng như mặt trời trung tâm đối với các hành tinh.

418. The atoms of our vehicles are held in attractive relation by the sounding of our note.

418. Các nguyên tử của các vận cụ chúng ta được giữ trong tương quan hấp dẫn nhờ việc xướng lên nốt của chúng ta.

419. The atoms do not so much revolve as rotate on their own axis. But the sheaths of our nature do revolve around a central axis. This type of revolution could equally be considered rotation.

419. Các nguyên tử không quay quanh nhiều cho bằng quay trên trục riêng của chúng. Nhưng các thể vỏ của bản chất chúng ta thì quay quanh một trục trung tâm. Loại chuyển động quay quanh này cũng có thể được xem là sự quay tròn.

Primarily, nevertheless, it may be posited that the **Law of Attraction is the demonstration of the powers of Spirit, whilst the Law of Repulsion governs the form.**

Tuy nhiên, trước hết, có thể khẳng định rằng **Định luật Hấp Dẫn là sự biểu lộ các quyền năng của Tinh thần, trong khi Định luật Đẩy Lùi chi phối hình tướng.**

420. We see the Law of Attraction (and Repulsion) as placed between Spirit and matter and partaking of the qualities of both.

420. Chúng ta thấy Định luật Hấp Dẫn (và Định luật Đẩy Lùi) được đặt giữa tinh thần và vật chất và dự phần vào các phẩm tính của cả hai.

421. Attraction, therefore, is fundamentally of the Spirit and repulsion of the form.

421. Do đó, hấp dẫn về căn bản thuộc về tinh thần, còn đẩy lùi thuộc về hình tướng.

422. From what is here suggested, the Law of Attraction and Repulsion represents an oscillation between the quality of Spirit and the quality of Matter.

422. Từ điều được gợi ý ở đây, Định luật Hấp Dẫn và Định luật Đẩy Lùi biểu thị một sự dao động giữa phẩm tính của Tinh thần và phẩm tính của Vật chất.

423. This statement reminds one of the thought—in relation to the Ray of Harmony through Conflict—that harmony represents the higher part of the ray and conflict the lower.

423. Phát biểu này gợi nhớ đến tư tưởng—liên quan đến Cung Hài Hòa qua Xung Đột—rằng hài hòa biểu thị phần cao hơn của cung, còn xung đột là phần thấp hơn.

Spirit attracts Spirit throughout the greater cycle.

Tinh thần hấp dẫn tinh thần trong suốt đại chu kỳ.

424. What kind of cycle is meant by “the greater cycle”? Would this be the type of cycle to which the Monad (uninvolved with descent into the five planes of human and superhuman evolution) is subjected?

424. “Đại chu kỳ” hàm ý loại chu kỳ nào? Có phải đây là loại chu kỳ mà chân thần (không dính líu đến sự giáng xuống năm cõi của tiến hoá nhân loại và siêu nhân loại) phải chịu không?

425. We do not know the pre-planetary history of the Monad nor its future. Perhaps both its history and future are involved “the greater cycle”. Certainly, it would seem to be true of its future.

425. Chúng ta không biết lịch sử tiền-hành tinh của chân thần cũng như tương lai của nó. Có lẽ cả lịch sử lẫn tương lai của nó đều nằm trong “đại chu kỳ”. Chắc chắn điều này dường như đúng đối với tương lai của nó.

In lesser cycles, Spirit temporarily attracts matter.

426. It would seem that, temporarily (for however many millions of years). humanity has been passing through a lesser cycle.

427. Could we say that the entire 'Pilgrimage *into* Matter' of the Monad has been a lesser cycle? From what is here said, it would seem so.

428. The cycles in which the Spirit manifests via soul as the personality are, by this definition, "lesser cycles".

The tendency of Spirit is to merge and blend with Spirit.

429. The Law of Spirit is the Law of Synthesis. Spirit seeks to merge with itself. Shall we say that the Spirit, temporarily bound by the form, seeks its liberation by finding Spirit in other forms?

430. All that is here said pertains to interplay within the Veil of Illusion, for we know that Spirit is, essentially, One.

Form repulses form, and thus brings about separation.

431. The motion of form life is rotary. Rotating forms naturally spin off other forms with which they come into contact.

432. The purpose of form, per se, and operating under its own law (the Law of

Trong các tiểu chu kỳ, tinh thần tạm thời hấp dẫn vật chất.

426. Dường như, một cách tạm thời (dù là trong bao nhiêu triệu năm), nhân loại đã và đang đi qua một tiểu chu kỳ.

427. Chúng ta có thể nói rằng toàn bộ cuộc "Hành Hương *vào* Vật Chất" của chân thần là một tiểu chu kỳ chăng? Từ điều được nói ở đây, dường như là như vậy.

428. Các chu kỳ trong đó Tinh thần biểu hiện qua linh hồn như là phàm ngã, theo định nghĩa này, là "tiểu chu kỳ".

Khuynh hướng của Tinh thần là hòa nhập và dung hợp với Tinh thần.

429. Định luật của Tinh thần là Định luật Tổng Hợp. Tinh thần tìm cách hòa nhập với chính nó. Chúng ta có nên nói rằng Tinh thần, tạm thời bị ràng buộc bởi hình tướng, tìm kiếm sự giải thoát của mình bằng cách tìm thấy Tinh thần trong những hình tướng khác chăng?

430. Tất cả những gì được nói ở đây đều liên quan đến sự tương tác bên trong Bức Màn Ảo Tưởng, vì chúng ta biết rằng Tinh thần, về bản chất, là Một.

Hình tướng đẩy lùi hình tướng, và do đó tạo ra sự phân ly.

431. Chuyển động của sự sống hình tướng là chuyển động quay tròn. Những hình tướng quay tròn tự nhiên hất văng những hình tướng khác mà chúng tiếp xúc.

432. Mục đích của hình tướng, chính nó, và khi vận hành dưới định luật riêng của nó

Economy) is to remain distinct from other forms.

(Định luật Tiết Kiệm), là duy trì sự phân biệt với các hình tướng khác.

But—during the great cycle of evolution

Nhưng—trong đại chu kỳ tiến hoá

433. … necessitating the fusing power of the second ray and the Law of Attraction…

433. … đòi hỏi quyền năng dung hợp của cung hai và Định luật Hấp Dẫn…

—when the third factor of Mind comes in,

—khi yếu tố thứ ba là Trí tuệ đi vào,

434. In this context, *mind* is the second which is the *third*—the "Son", third in order, but second in placement within the Trinity.

434. Trong ngữ cảnh này, *trí tuệ* là yếu tố thứ hai mà lại là *thứ ba*—"Người Con", thứ ba theo thứ tự, nhưng thứ hai về vị trí trong Tam Vị.

435. Mind (related to solar fire and originating on the cosmic mental plane) is the bridging energy.

435. Trí tuệ (liên hệ với lửa của trí tuệ và phát sinh trên cõi trí vũ trụ) là năng lượng bắt cầu.

and when the point of balance is the goal,

và khi điểm quân bình là mục tiêu,

436. That "point of balance" being governed by Libra with its mixture of third and second rays…

436. "Điểm quân bình" ấy được Thiên Bình chi phối với sự pha trộn của cung ba và cung hai…

437. We can see that Mind is an *ordering faculty.*

437. Chúng ta có thể thấy rằng Trí tuệ là một *năng lực sắp xếp.*

the cyclic display of the interaction between Spirit and form is seen, and **the result is the ordered cycles** of the planets, of a human being, and of an atom.

sự biểu lộ theo chu kỳ của sự tương tác giữa Tinh thần và hình tướng được thấy rõ, và **kết quả là các chu kỳ có trật tự** của các hành tinh, của một con người, và của một nguyên tử.

438. Spiral cyclic motion—the second type of motion (related to Mind, as here described) produces forms which gradually evolve in ordered cycles.

438. Chuyển động xoắn ốc theo chu kỳ—loại chuyển động thứ hai (liên hệ với Trí tuệ, như được mô tả ở đây)—tạo ra những hình tướng dần dần tiến hoá trong các chu kỳ có trật tự.

439. Spirit moulds; matter is moulded; form (relating to the second aspect of divinity) is produced.

439. Tinh thần nắn khuôn; vật chất được nắn khuôn; hình tướng (liên hệ với phương diện thứ hai của thiên tính) được tạo ra.

440. While it may seem that "form" should relate more to the third aspect of divinity, it is truly related to the geometrizing of the second aspect.

440. Dù có vẻ như "hình tướng" nên liên hệ nhiều hơn với phương diện thứ ba của thiên tính, nhưng thật ra nó liên hệ với sự hình học hóa của phương diện thứ hai.

441. We could say, in a way, that form is related *both* to the third and second aspects, but more essentially to the second.

441. Theo một cách nào đó, chúng ta có thể nói rằng hình tướng liên hệ *cả* với phương diện thứ ba lẫn phương diện thứ hai, nhưng về cốt yếu thì với phương diện thứ hai nhiều hơn.

442. Spirit is sattvic, or pulsating; matter is tamasic, inert; form is rajasic—in a process of constant change as it seeks to approximate the Fixed Design inhering in Spirit.

442. Tinh thần là sattva, hay rung động; vật chất là tamas, trì trệ; hình tướng là rajas—trong một tiến trình biến đổi không ngừng khi nó tìm cách xấp xỉ Mô Hình Cố Định vốn nội tại trong Tinh thần.

443. There must eventually arise an orderly regulation in the oscillating process of attraction to Spirit and attraction to matter. This is the "cyclic display of the interaction between Spirit and form..,"

443. Cuối cùng phải xuất hiện một sự điều hòa có trật tự trong tiến trình dao động giữa hấp dẫn hướng về Tinh thần và hấp dẫn hướng về vật chất. Đây là "sự biểu lộ theo chu kỳ của sự tương tác giữa Tinh thần và hình tướng..."

444. The term "cosmos" suggests beauty and order. Cosmos also suggests the second ray, Mind and the Law of Attraction and Repulsion.

444. Thuật ngữ "vũ trụ" gợi ý vẻ đẹp và trật tự. Vũ trụ cũng gợi ý cung hai, Trí tuệ và Định luật Hấp Dẫn và Định luật Đẩy Lùi.

445. We can associate the Law of Attraction (and Repulsion) with the orderly building of the form and its orderly unfoldment through ordered cycles.

445. Chúng ta có thể liên kết Định luật Hấp Dẫn (và Định luật Đẩy Lùi) với sự kiến tạo có trật tự của hình tướng và sự khai mở có trật tự của nó qua các chu kỳ có trật tự.

446. We see how much seventh ray is suggested. Jupiter (a planet expressing both the second and seventh ray) is implicated in this process cyclic, developmental process.

446. Chúng ta thấy cung bảy được gợi ý nhiều đến mức nào. Sao Mộc (một hành tinh biểu lộ cả cung hai lẫn cung bảy) có liên can

trong tiến trình theo chu kỳ, mang tính phát triển này.

447. Jupiter (as ruler of the twelfth sign, Pisces) is related to the ending of cycles in fulfillment.

447. Sao Mộc (với tư cách chủ tinh của dấu hiệu thứ mười hai, Song Ngư) liên hệ với sự kết thúc các chu kỳ trong sự hoàn thành.

448. Two trinities are being discussed: Spirit/Mind/Form; Spirit/Consciousness/ Matter

448. Hai bộ ba đang được bàn đến: Tinh thần/Trí tuệ/Hình tướng; Tinh thần/Tâm thức/Vật chất

449. When we are told that there is a cyclic display of interaction between Spirit and form, we should not discount the interplay between the first and second aspects of divinity.

449. Khi được cho biết rằng có một sự biểu lộ theo chu kỳ của sự tương tác giữa Tinh thần và hình tướng, chúng ta không nên xem nhẹ sự tương tác giữa phương diện thứ nhất và thứ hai của thiên tính.

Thus, through repetition, is consciousness developed, and **responsive faculty induced**.

Như vậy, qua sự lặp lại, tâm thức được phát triển, và **năng lực đáp ứng được tạo ra**.

450. Without repetition in the form of 'cyclic ritual' consciousness will not unfold.

450. Nếu không có sự lặp lại dưới hình thức "nghi lễ theo chu kỳ", tâm thức sẽ không khai mở.

451. By means of cyclic repetition, Spirit makes its impress upon matter/form.

451. Bằng phương tiện lặp lại theo chu kỳ, Tinh thần tạo dấu ấn của nó lên vật chất/ hình tướng.

452. Consciousness is Spirit penetrating and pervading matter/form such that it *knows* matter/form.

452. Tâm thức là Tinh thần thâm nhập và thấm khắp vật chất/hình tướng đến mức nó *biết* vật chất/hình tướng.

When this faculty is of such a nature that it is an inherent part of the Entity's working capital, it has to be exercised on every plane, and again **cyclic action is the law, and hence rebirth again and again is the method of exercise.**

Khi năng lực này có bản chất đến mức nó là một phần cố hữu trong vốn hoạt động của Thực Thể, thì nó phải được vận dụng trên mọi cõi, và một lần nữa **hoạt động theo chu kỳ là định luật, và do đó tái sinh hết lần này đến lần khác là phương pháp vận dụng.**

453. We are speaking of the exercise of "responsive faculty".

453. Chúng ta đang nói về sự vận dụng "năng lực đáp ứng".

454. That which is developed must be exercised and, thus, unfolded through exercise.

454. Điều gì được phát triển thì phải được vận dụng và do đó được khai mở qua sự vận dụng.

455. The method of exercising responsive faculty on every plane is through the instrumentality of rebirth. Rebirth offers an orderly, cyclic approach to expression on all planes—in this case, an *ascending, spiral-cyclic* expression.

455. Phương pháp vận dụng năng lực đáp ứng trên mọi cõi là thông qua công cụ tái sinh. Tái sinh đem lại một cách tiếp cận có trật tự, theo chu kỳ đối với sự biểu lộ trên mọi cõi—trong trường hợp này là một sự biểu lộ *đi lên, xoắn ốc theo chu kỳ*.

When the innate conscious faculty of every unit of consciousness has become co-ordinated as part of the equipment of the Logos on every plane of the solar system, then, and only then, will cyclic evolution cease, will rotary movement on every plane of the cosmic physical plane be of such a uniform vibration as to set up action on the next cosmic plane, the astral.

Khi năng lực tâm thức bẩm sinh của mọi đơn vị tâm thức đã trở nên phối hợp như một phần của trang bị của Thượng đế trên mọi cõi của hệ mặt trời, thì khi ấy, và chỉ khi ấy, tiến hoá theo chu kỳ mới chấm dứt, chuyển động quay tròn trên mọi cõi của cõi hồng trần vũ trụ mới có được một rung động đồng nhất đến mức thiết lập hoạt động trên cõi vũ trụ kế tiếp, tức cõi cảm dục.

456. We are speaking of the solar logoic development on all planes and subplanes of the cosmic physical plane.

456. Chúng ta đang nói về sự phát triển logoi thái dương trên mọi cõi và cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ.

457. Every unit of life within the solar system must become coordinated with the Purpose of the Solar Logos. Then, there will be no independent units, per se, though free will, will, nevertheless, persist. The action of each Self-conscious unit will be but an aspect of the conscious expression of the Solar Logos. God-the-Solar-Logos will be "all-in-all" on the cosmic physical plane.

457. Mọi đơn vị sự sống bên trong hệ mặt trời phải trở nên phối hợp với Thiên Ý của Thái dương Thượng đế. Khi ấy, sẽ không còn những đơn vị độc lập, chính chúng, dù ý chí tự do vẫn sẽ tiếp tục tồn tại. Hoạt động của mỗi đơn vị ngã thức sẽ chỉ là một phương diện của sự biểu lộ có ý thức của Thái dương Thượng đế. Thượng đế-với-tư-cách-Thái-dương-Thượng-đế sẽ là "tất cả trong mọi sự" trên cõi hồng trần vũ trụ.

458. With such an occurrence, rotary motion on all planes and subplanes of the cosmic physical plane will be numerically coordinated and harmonized according to logoic Purpose. Friction will cease. The solar logoic mission will be accomplished and a

458. Với một biến cố như thế, chuyển động quay tròn trên mọi cõi và cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ sẽ được phối hợp và hài hòa về mặt số lượng theo Thiên Ý logoi. Ma sát sẽ chấm dứt. Sứ mệnh logoi thái dương sẽ được hoàn tất và một "lĩnh vực" mới của sự biểu lộ vũ trụ sẽ được thử nghiệm.

new 'area' of cosmic expression will be assayed.

459. The next higher plane cannot be attracted to the lower (and vice versa), while there is much unresolved dissonance on the lower. If we harmonize the level of our present the next higher level will be invoked.

460. When there is no more to be done, *life* moves on (and 'up').

[Page 277]

3. The Third Idea Involved Is That of the Two Types of Cycles

461. We have just dealt with two laws, one of which is the subsidiary of the other.

a. The Law of Attraction and Repulsion

b. The Law of Periodicity (the effect of the magnetisms and antipathies induced by the Law of Attraction and Repulsion)

462. Now, we address two types of cycles.

1. Rotation on the axis: This is to be seen whether we are dealing with a minute atom of substance, with a planet revolving on its axis, **with the rotation of the causal body,** or with the rotation of a solar system.

463. DK affirms the ubiquity of the process of rotation.

464. It comes a no surprise to think of a planet revolving on its axis (rotating, really),

459. Cõi cao hơn kế tiếp không thể bị hấp dẫn xuống cõi thấp hơn (và ngược lại), khi ở cõi thấp hơn còn nhiều bất hòa chưa được giải quyết. Nếu chúng ta hài hòa cấp độ hiện tại của mình thì cấp độ cao hơn kế tiếp sẽ được khẩn cầu lên.

460. Khi không còn gì phải làm nữa, *sự sống* tiếp tục tiến lên (và "đi lên").

[Page 277]

3. Ý Tưởng Thứ Ba Được Bao Hàm Là Ý Tưởng Về Hai Loại Chu Kỳ

461. Chúng ta vừa bàn đến hai định luật, trong đó một định luật là phụ thuộc của định luật kia.

a. Định luật Hấp Dẫn và Định luật Đẩy Lùi

b. Định luật Tuần Hoàn (hệ quả của các từ điện và phản cảm được tạo ra bởi Định luật Hấp Dẫn và Định luật Đẩy Lùi)

462. Giờ đây, chúng ta bàn đến hai loại chu kỳ.

1. Sự quay trên trục: Điều này được thấy dù chúng ta đang đề cập đến một nguyên tử cực nhỏ của chất liệu, một hành tinh quay trên trục của nó, **sự quay của thể nguyên nhân,** hay sự quay của một hệ mặt trời.

463. Chân sư DK khẳng định tính phổ biến khắp nơi của tiến trình quay.

464. Không có gì ngạc nhiên khi nghĩ đến một hành tinh quay trên trục của nó (thật ra

but the rotating of the atom on its axis may be a new idea, and the "rotation of the causal body" on its axis a revolutionary concept.

là quay tròn), nhưng việc nguyên tử quay trên trục của nó có thể là một ý tưởng mới, và "sự quay của thể nguyên nhân" trên trục của nó là một khái niệm mang tính cách mạng.

465. The causal body may inherently contain an entire zodiac and planetary system which determines the astrology of the soul. When certain sections of the causal body appear before one's 'face', the energies belonging to the appearing section must be *faced.*

465. Thể nguyên nhân có thể vốn chứa toàn bộ một hoàng đạo và hệ hành tinh quyết định chiêm tinh học của linh hồn. Khi những phần nào đó của thể nguyên nhân xuất hiện trước "gương mặt" của một người, các năng lượng thuộc phần xuất hiện ấy phải được *đối diện.*

466. The rotation of a solar system (as an entirety) has also not been suspected by modern astronomical science, but the rotation of the Sun itself, on its own axis, has been identified.

466. Sự quay của một hệ mặt trời (như một toàn thể) cũng chưa được khoa học thiên văn hiện đại ngờ tới, nhưng sự quay của chính Mặt Trời trên trục riêng của nó thì đã được nhận diện.

a. In relation to the human being, this might be considered as **the rotation of the various sheaths around the central consciousness during any one incarnation.**

a. Liên hệ với con người, điều này có thể được xem như **sự quay của các thể vỏ khác nhau quanh tâm thức trung tâm trong bất kỳ một kiếp lâm phàm nào.**

467. We should attend closely to what is said. A kind of central position is given to a "central consciousness".

467. Chúng ta nên chú ý kỹ đến điều được nói ra. Một loại vị trí trung tâm được dành cho một "tâm thức trung tâm".

468. It is suggested that all the sheaths of man rotate around this central consciousness during the process of incarnation.

468. Điều được gợi ý là tất cả các thể vỏ của con người đều quay quanh tâm thức trung tâm này trong tiến trình lâm phàm.

469. This is conceivable in relation to all sheaths except the etheric body which seems to conform to the contours of the non-rotating physical body, and yet it may be the case.

469. Điều này có thể hình dung được đối với mọi thể vỏ ngoại trừ thể dĩ thái, vốn dường như tuân theo các đường nét của thể xác không quay, tuy nhiên có thể vẫn là như vậy.

470. One can be sure that the periods of rotation of the sheaths is one of the secrets of initiation.

470. Có thể chắc chắn rằng các chu kỳ quay của các thể vỏ là một trong những bí mật của điểm đạo.

471. One can also reasonably infer that such rotation is keyed to planetary cycles.

471. Người ta cũng có thể suy ra một cách hợp lý rằng sự quay như thế được điều chỉnh theo các chu kỳ hành tinh.

472. Such rotation would account for spiral-cyclic encounters with similar conditions. There will be a general repetition of the *kind* of experience encountered as the sheath rotates or revolves, however, the quality of the sheath may have been elevated during the time period from the beginning of one cycle of rotation to the beginning of the next. The *quality* of response at similar points in the rotational cycle (one on a lower and one on a higher turn of the spiral) will thus be elevated or enhanced.

472. Sự quay như thế sẽ giải thích cho những cuộc gặp gỡ xoắn ốc theo chu kỳ với các điều kiện tương tự. Sẽ có một sự lặp lại tổng quát về *loại* kinh nghiệm gặp phải khi thể vỏ quay hay xoay vòng; tuy nhiên, phẩm tính của thể vỏ có thể đã được nâng cao trong khoảng thời gian từ đầu một chu kỳ quay đến đầu chu kỳ kế tiếp. *Phẩm tính* của sự đáp ứng tại những điểm tương tự trong chu kỳ quay (một ở vòng thấp hơn và một ở vòng cao hơn của đường xoắn ốc) do đó sẽ được nâng cao hay tăng cường.

473. In other words, if we encounter circumstances with enhanced equipment, our response to those circumstances will be elevated above what it formerly was. We will have grown.

473. Nói cách khác, nếu chúng ta gặp những hoàn cảnh với trang bị được tăng cường, thì sự đáp ứng của chúng ta đối với những hoàn cảnh ấy sẽ được nâng cao hơn trước kia. Chúng ta sẽ đã trưởng thành.

474. From another perspective, if analogous urges emanate from a rotating sheath at 'parallel' points in the rotational cycle (and the quality of the rotating sheath has improved over what it was one cycle before) the expression of the vehicle will be enhanced regardless of what type of circumstances are encountered.

474. Từ một góc độ khác, nếu những thôi thúc tương đồng phát ra từ một thể vỏ đang quay tại những điểm "song song" trong chu kỳ quay (và phẩm tính của thể vỏ đang quay đã được cải thiện so với một chu kỳ trước đó) thì sự biểu lộ của vận cụ sẽ được tăng cường bất kể gặp phải loại hoàn cảnh nào.

b. In relation to a Heavenly Man it might be considered as **the rotation of a globe within a chain, or the period of one incarnation.**

b. Liên hệ với một Đấng Thiên Nhân, điều này có thể được xem như **sự quay của một bầu hành tinh trong một dãy, hay chu kỳ của một lần lâm phàm.**

475. This is an occult hint and a little thought about it reveals how deeply veiled is

475. Đây là một gợi ý huyền bí và chỉ cần suy nghĩ đôi chút về nó sẽ thấy vấn đề cấu trúc

this matter of the structure of globes, chains and schemes.

476. Is it being said that one rotation of a globe within a chain represents one incarnation of the Heavenly Man expressing through a particular scheme?

477. Or is the incarnating entity the Globe Lord or Chain Lord?

478. Note that in relation to the incarnation, we are not speaking of the cyclic disappearance of that which is rotating. Obviously, more than the physical globe is rotating.

479. We might also ask, what sheath or sheaths within the globe are rotating? Not just its physical sheath, presumably, for that rotation occurs on a daily basis, and can hardly be canned "one incarnation". A globe will, however, have a number of interior sheaths with differing periods of rotation. Some of the internal sheaths (for instance a causal sheath) may be very slow in their rotation when compared to the cycles familiar to man.

480. Will every globe also have a monadic sheath which rotates? If so, one rotation per one incarnation may seem more reasonable.

481. In any case, one rotation of a globe within a chain does represent the period of one incarnation for some type of planetary Heavenly Man (of which, we remember, there can be at least *three*).

482. We can hardly think of this rotation as related simply to the cycle of one day and

của các bầu hành tinh, các dãy và các hệ hành tinh được che giấu sâu xa đến mức nào.

476. Có phải đang nói rằng một vòng quay của một bầu hành tinh trong một dãy biểu thị một lần lâm phàm của Đấng Thiên Nhân biểu lộ qua một hệ hành tinh đặc thù không?

477. Hay thực thể đang lâm phàm là Chúa Tể của Bầu Hành Tinh hay Chúa Tể của Dãy?

478. Lưu ý rằng liên hệ với sự lâm phàm, chúng ta không nói về sự biến mất theo chu kỳ của cái đang quay. Hiển nhiên, không chỉ bầu hành tinh hồng trần là đang quay.

479. Chúng ta cũng có thể hỏi, thể vỏ nào hay những thể vỏ nào bên trong bầu hành tinh đang quay? Có lẽ không chỉ là thể hồng trần của nó, vì sự quay đó diễn ra hằng ngày, và khó có thể gọi là "một lần lâm phàm". Tuy nhiên, một bầu hành tinh sẽ có một số thể vỏ nội tại với những chu kỳ quay khác nhau. Một số thể vỏ bên trong (chẳng hạn một thể nguyên nhân) có thể quay rất chậm so với các chu kỳ quen thuộc với con người.

480. Mỗi bầu hành tinh cũng sẽ có một thể chân thần quay chăng? Nếu vậy, một vòng quay cho một lần lâm phàm có vẻ hợp lý hơn.

481. Dù sao đi nữa, một vòng quay của một bầu hành tinh trong một dãy quả thật biểu thị chu kỳ của một lần lâm phàm đối với một loại Đấng Thiên Nhân hành tinh nào đó (mà chúng ta nhớ rằng có thể có ít nhất *ba*).

482. Chúng ta khó có thể nghĩ sự quay này chỉ đơn giản liên hệ với chu kỳ một ngày và một đêm. Chẳng hạn, bầu hành tinh Trái Đất

night. Our Earth-globe for instance, does rotate once a day and night.

483. Additionally, a structural question arises: can a planetary chain rotate? And if so, what is the nature of its rotation? It is easy to understand how a globe may rotate, but the rotation of a planetary chain or a planetary scheme are harder to conceive. This question bears upon the actual structure of a planetary chain and a planetary scheme.

484. It is clear that the diagrams we have depicting planetary globes, chains and schemes are not suggestive of the real structure of the planetary system.

c. In relation to a solar Logos it might be considered as one complete revolution of the Sun in space, with all that is included within the ring-pass-not.

485. The term revolution is used, but really, rotation is meant.

486. We are not just talking about the rotation of the Sun as a sphere—a period of some twenty-seven days. We are talking of the rotation of the entire solar sphere, with a period of rotation close to 100,000. years.

The exact figures of the cycle which covers the vast rotation must remain as yet esoteric, but it may be stated that it **approximates one hundred thousand years,** being, as might be supposed, controlled by the energy of the first aspect, and therefore of the first Ray. (*TCF* 1057)

của chúng ta quả thật quay một lần mỗi ngày đêm.

483. Ngoài ra, một câu hỏi về cấu trúc được đặt ra: một dãy hành tinh có thể quay không? Và nếu có, bản chất sự quay của nó là gì? Thật dễ hiểu cách một bầu hành tinh có thể quay, nhưng sự quay của một dãy hành tinh hay một hệ hành tinh thì khó hình dung hơn. Câu hỏi này liên quan đến cấu trúc thực sự của một dãy hành tinh và một hệ hành tinh.

484. Rõ ràng là các sơ đồ chúng ta có mô tả các bầu hành tinh, các dãy và các hệ hành tinh không gợi ra cấu trúc thực của hệ hành tinh.

c. Liên hệ với một Thái dương Thượng đế, điều này có thể được xem như một vòng quay trọn vẹn của Mặt Trời trong không gian, cùng với tất cả những gì được bao gồm bên trong vòng-giới-hạn.

485. Thuật ngữ vòng quay được dùng, nhưng thật ra điều được hàm ý là sự quay tròn.

486. Chúng ta không chỉ nói về sự quay của Mặt Trời như một khối cầu—một chu kỳ khoảng hai mươi bảy ngày. Chúng ta đang nói về sự quay của toàn bộ khối cầu thái dương, với chu kỳ quay gần 100,000. năm.

Các con số chính xác của chu kỳ bao trùm sự quay vĩ đại này hiện vẫn phải còn là huyền bí, nhưng có thể nói rằng nó **xấp xỉ một trăm ngàn năm,** và như có thể được giả định, bị chi phối bởi năng lượng của phương diện thứ nhất, và do đó bởi Cung một. (*TCF* 1057)

2. Rotation around an orbit.

487. DK seems to be deliberately blurring the distinction between terms. When orbital motion is considered, the term usually used is "revolution"

This is the revolution of a sphere of life,

488. Here, in the very next sentence, He uses the preferred term.

489. He similarly blurs the distinction between the terms "sign" and "constellation".

not only on its axis, but along a spheroidal path or orbit around a central point.

490. Such a path, as we know, is nominally "spheroidal" but often, in fact, elliptical.

a. In connection with man this might be considered as the **revolution of the wheel of life, or the passage of an entity through the three lower planes down into incarnation and back again.**

491. Pictorially, this type of revolution will probably not appear as does the revolution of the Earth around the Sun.

492. Yet, often processes which we interpret as symbolic have a literal meaning. Accordingly, one wonders about a type of motion occurring within the causal body which is pictorially closer to the revolution of the Earth around the Sun than may be imagined. In a way, the three lower planes are *contained* within the causal body (for the

2. Sự quay quanh một quỹ đạo.

487. Dường như Chân sư DK cố ý làm mờ đi sự phân biệt giữa các thuật ngữ. Khi xét đến chuyển động quỹ đạo, thuật ngữ thường được dùng là "vòng quay"

Đây là vòng quay của một khối cầu sự sống,

488. Ở đây, ngay trong câu kế tiếp, Ngài dùng thuật ngữ được ưa dùng.

489. Tương tự, Ngài cũng làm mờ đi sự phân biệt giữa các thuật ngữ "dấu hiệu" và "chòm sao".

không chỉ trên trục của nó, mà còn dọc theo một đường hay quỹ đạo hình cầu quanh một điểm trung tâm.

490. Như chúng ta biết, một đường như thế trên danh nghĩa là "hình cầu" nhưng thường, trên thực tế, là hình elip.

a. Liên hệ với con người, điều này có thể được xem như **vòng quay của bánh xe sự sống, hay sự đi qua của một thực thể xuyên qua ba cõi thấp xuống đến lâm phàm rồi trở lại.**

491. Về mặt hình ảnh, loại vòng quay này có lẽ sẽ không xuất hiện như vòng quay của Trái Đất quanh Mặt Trời.

492. Tuy nhiên, thường thì những tiến trình mà chúng ta diễn giải như biểu tượng lại có một ý nghĩa theo nghĩa đen. Theo đó, người ta tự hỏi về một loại chuyển động xảy ra bên trong thể nguyên nhân mà về mặt hình ảnh gần với vòng quay của Trái Đất quanh Mặt Trời hơn là người ta có thể tưởng tượng. Theo một nghĩa nào đó, ba cõi thấp được

permanent atoms generating these bodies are thus contained) and so the type of revolution of the wheel of life here described is pictorially conceivable.

chứa đựng bên trong thể nguyên nhân (vì các nguyên tử trường tồn tạo ra các thể này được chứa đựng như vậy) và do đó loại vòng quay của bánh xe sự sống được mô tả ở đây là điều có thể hình dung về mặt hình ảnh.

493. When we speak of the "wheel of life" some sort of occult 'wheel' may, indeed, be involved. The mysteries, then, would be protected by the assumption that the teacher could not possibly be literal in His meaning.

493. Khi chúng ta nói về "bánh xe sự sống", quả thật có thể có một "bánh xe" huyền bí nào đó được bao hàm. Khi ấy, các huyền nhiệm sẽ được bảo vệ bởi giả định rằng huấn sư không thể nào lại có ý nghĩa theo nghĩa đen trong điều Ngài nói.

494. One can easily think of the latitudinal rotation of the causal body on its axis (rotation parallel to the lines of latitude), but what of a longitudinal rotation. The planes, we remember, rotate from East to West and the rays from North to South. For DK the planes rotate latitudinally, and the rays longitudinally (parallel to the lines of longitude).

494. Người ta có thể dễ dàng nghĩ đến sự quay theo vĩ độ của thể nguyên nhân trên trục của nó (sự quay song song với các đường vĩ độ), nhưng còn sự quay theo kinh độ thì sao. Chúng ta nhớ rằng các cõi quay từ Đông sang Tây và các cung từ Bắc xuống Nam. Đối với Chân sư DK, các cõi quay theo vĩ độ, còn các cung quay theo kinh độ (song song với các đường kinh độ).

495. In relation to the causal body we can conceive of an orbit for the movement from East to West and an orbit for the movement from North to South.

495. Liên hệ với thể nguyên nhân, chúng ta có thể hình dung một quỹ đạo cho chuyển động từ Đông sang Tây và một quỹ đạo cho chuyển động từ Bắc xuống Nam.

496. The North/South rotation may pictorially describe the process of incarnation and release from incarnation.

496. Sự quay Bắc/Nam có thể mô tả bằng hình ảnh tiến trình lâm phàm và giải thoát khỏi lâm phàm.

497. These movements may occultly describe the inner workings of the "Wheel of Life".

497. Những chuyển động này có thể mô tả một cách huyền bí các hoạt động nội tại của "Bánh Xe Sự Sống".

b. In connection with a Heavenly Man it might be considered as the cycle which we call a round in which the life of the Heavenly Man cycles through all the seven globes.

b. Liên hệ với một Đấng Thiên Nhân, điều này có thể được xem như chu kỳ mà chúng ta gọi là một cuộc tuần hoàn, trong đó sự sống của Đấng Thiên Nhân tuần hoàn qua cả bảy bầu hành tinh.

498. This is one type of round—a chain-round. There seems also to be a scheme-round of much longer duration in which a Heavenly Man cycles through all seven *chains*—or through more, considering that there may be *ten.*

498. Đây là một loại cuộc tuần hoàn—một cuộc tuần hoàn của dãy. Dường như cũng có một cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh với thời lượng dài hơn nhiều, trong đó một Đấng Thiên Nhân tuần hoàn qua cả bảy *dãy*—hay qua nhiều hơn, nếu xét rằng có thể có *mười.*

499. There is probably an analogy between one incarnational turning of the wheel of life for a man, and the period of one round. Is a round equivalent to one type of incarnation of a Heavenly Man? A few sentences earlier we learned that the rotation of a globe in a chain was equivalent to "one incarnation". Much will depend upon the type of Heavenly Man we are discussing.

499. Có lẽ có một sự tương đồng giữa một vòng quay lâm phàm của bánh xe sự sống đối với con người, và chu kỳ của một cuộc tuần hoàn. Một cuộc tuần hoàn có tương đương với một loại lâm phàm của một Đấng Thiên Nhân không? Vài câu trước chúng ta đã biết rằng sự quay của một bầu hành tinh trong một dãy tương đương với "một lần lâm phàm". Nhiều điều sẽ tùy thuộc vào loại Đấng Thiên Nhân mà chúng ta đang bàn đến.

500. All lesser incarnations of the lesser types of Heavenly Men within a Planetary Logos are really incarnations of that Planetary Logos—this we hypothesized. But the rotation of all sheaths pertaining to a globe may be one incarnation of that type of Heavenly Man which is a Globe Lord, and the completion of a round may be one incarnation of that type of Heavenly Man which is a Chain Lord.

500. Mọi lần lâm phàm nhỏ hơn của các loại Đấng Thiên Nhân thấp hơn bên trong một Hành Tinh Thượng Đế thật ra đều là những lần lâm phàm của Hành Tinh Thượng Đế ấy—đó là điều chúng ta đã giả thuyết. Nhưng sự quay của mọi thể vỏ liên hệ với một bầu hành tinh có thể là một lần lâm phàm của loại Đấng Thiên Nhân là Chúa Tể của Bầu Hành Tinh, và sự hoàn tất một cuộc tuần hoàn có thể là một lần lâm phàm của loại Đấng Thiên Nhân là Chúa Tể của Dãy.

501. If there are seven rounds per chain and seven or ten chains, then the number of these types of 'incarnations' for a Heavenly Man would be either forty-nine or seventy.

501. Nếu có bảy cuộc tuần hoàn cho mỗi dãy và bảy hay mười dãy, thì số lượng các loại "lần lâm phàm" này đối với một Đấng Thiên Nhân sẽ là bốn mươi chín hoặc bảy mươi.

502. These numbers, themselves, may have to be multiplied by seven or ten when considering greater planetary cycles—i.e., scheme-rounds.

502. Chính các con số này có thể còn phải được nhân với bảy hoặc mười khi xét đến các chu kỳ hành tinh lớn hơn—tức là các cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh.

c. In connection with the solar Logos it is the complete revolution of the solar system around its cosmic centre.

503. This type of cycle has a duration, we are told, of approximately 250,000. years. The cosmic centre is the star Alcyone in the Pleiades.

Ponder on this and remember also that our Sun is travelling through space (carrying our solar system along in its sphere of influence) around our own central and conditioning star which it has been rightly presumed exists in the constellation Taurus, the Bull, being found in the Pleiades. (EA 111)

504. Some modern astronomers think this type of cycle is not possible given the mass of the Sun and the distance of the Sun from the Pleiades.

505. The question naturally arises (if the analogies presented are really tight) whether one cycle of our solar system around the Pleiades represents some type of 'incarnation' for our Solar Logos. Such a revolution certainly must represent a developmental *phase* for our Solar Logos.

It is to be noted at this point that the ideas dealt with in connection with cyclic evolution cannot be posited apart from the concept of consciousness.

506. The concept of "cyclic evolution" and the "concept of consciousness" are inseparable.

c. Liên hệ với Thái dương Thượng đế, đó là vòng quay trọn vẹn của hệ mặt trời quanh trung tâm vũ trụ của nó.

503. Chúng ta được cho biết loại chu kỳ này có thời lượng xấp xỉ 250,000. năm. Trung tâm vũ trụ là ngôi sao Alcyone trong chòm Thất Nữ.

Hãy suy ngẫm về điều này và cũng hãy nhớ rằng Mặt Trời của chúng ta đang du hành trong không gian (mang theo hệ mặt trời của chúng ta trong khối cầu ảnh hưởng của nó) quanh ngôi sao trung tâm và tác động lên chúng ta, mà người ta đã giả định đúng đắn là tồn tại trong chòm Kim Ngưu, Con Bò Đực, được tìm thấy trong chòm Thất Nữ. (EA 111)

504. Một số nhà thiên văn học hiện đại cho rằng loại chu kỳ này là không thể có xét theo khối lượng của Mặt Trời và khoảng cách từ Mặt Trời đến chòm Thất Nữ.

505. Câu hỏi tự nhiên nảy sinh (nếu các tương đồng được trình bày thật sự chặt chẽ) là liệu một chu kỳ của hệ mặt trời chúng ta quanh chòm Thất Nữ có biểu thị một loại "lần lâm phàm" nào đó của Thái dương Thượng đế chúng ta không. Một vòng quay như thế chắc chắn phải biểu thị một *giai đoạn* phát triển đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta.

Cần lưu ý rằng tại điểm này, các ý tưởng được bàn đến liên quan đến tiến hoá theo chu kỳ không thể được đặt ra tách rời khỏi khái niệm tâm thức.

506. Khái niệm "tiến hoá theo chu kỳ" và "khái niệm tâm thức" là bất khả phân ly.

507. During cyclic evolution, the evolution of consciousness is the most important result (though, naturally, there will also be evolution of the form as an instrument of consciousness).

507. Trong tiến hoá theo chu kỳ, sự tiến hoá của tâm thức là kết quả quan trọng nhất (dù dĩ nhiên cũng sẽ có sự tiến hoá của hình tướng như một công cụ của tâm thức).

508. Spiral-cyclic motion is the method by which consciousness evolves.

508. Chuyển động xoắn ốc theo chu kỳ là phương pháp nhờ đó tâm thức tiến hoá.

The ideas of [Page 278] time, of space, and of activity (from the point of view of the occultist), can only be conceived as relative to some conscious entity, to some Thinker.

Các ý tưởng về [Page 278] thời gian, không gian, và hoạt động (theo quan điểm của nhà huyền bí học), chỉ có thể được quan niệm là tương đối đối với một thực thể có tâm thức nào đó, đối với một Đấng Tư Tưởng nào đó.

509. Time, space and motion are an archetypal trinity.

509. Thời gian, không gian và chuyển động là một bộ ba nguyên mẫu.

510. VSK suggests: "So, without a Thinker to conceive it, cyclic evolution 'does not exist'."

510. VSK gợi ý: "Vì vậy, nếu không có một Đấng Tư Tưởng để quan niệm ra nó, tiến hoá theo chu kỳ 'không tồn tại'."

511. Time, space and motion are categories of perception. The entire Universe is a perceptual process. The Universe arises through a mysterious 'Act of Self-Perception'.

511. Thời gian, không gian và chuyển động là những phạm trù của tri giác. Toàn thể Vũ Trụ là một tiến trình tri giác. Vũ Trụ phát sinh qua một 'Hành Động Tự Tri Giác' huyền nhiệm.

512. From this perspective, time, space and activity are categories of consciousness.

512. Từ góc nhìn này, thời gian, không gian và hoạt động là những phạm trù của tâm thức.

Time to the occultist is that **cycle**, greater or lesser, in which some life runs some specific course, in which some particular period begins, continues, and ends, **in connection with the awareness of some Entity,** and is recognised only as time when the participating life has reached a considerable stage of awareness.

Đối với nhà huyền bí học, thời gian là **chu kỳ**, lớn hơn hay nhỏ hơn, trong đó một sự sống nào đó vận hành một tiến trình đặc thù nào đó, trong đó một giai đoạn đặc biệt nào đó bắt đầu, tiếp diễn và kết thúc, **liên hệ với sự nhận biết của một Thực Thể nào đó,** và chỉ được nhận biết là thời gian khi sự sống tham dự đã đạt đến một giai đoạn nhận biết đáng kể.

513. Time is defined primarily as a cycle.

513. Thời gian trước hết được định nghĩa như một chu kỳ.

514. The “greater” or “lesser” can be determined only in comparison with other such cycles.

514. “Lớn hơn” hay “nhỏ hơn” chỉ có thể được xác định khi so sánh với những chu kỳ khác như thế.

515. The factor of awareness is inseparable from cycles of time. A cycle of time is marked, therefore, by the beginning and end of the awareness of some Entity.

515. Yếu tố nhận biết là không thể tách rời khỏi các chu kỳ thời gian. Vì vậy, một chu kỳ thời gian được đánh dấu bởi sự khởi đầu và kết thúc của sự nhận biết của một Thực Thể nào đó.

516. Undeveloped entities are not immediately aware of the time cycles in which they are participating and of which *they are already aware* in the higher aspects of their nature.

516. Những thực thể chưa phát triển không lập tức nhận biết được các chu kỳ thời gian mà chúng đang tham dự và về đó *chúng đã sẵn nhận biết* trong các phương diện cao hơn của bản chất chúng.

517. All this is another way of saying that unless a cycle of time is perceived by some Entity, it does not exist. If there is no consciousness of time, there is no time.

517. Tất cả điều này là một cách khác để nói rằng trừ phi một chu kỳ thời gian được một Thực Thể nào đó tri giác, nó không tồn tại. Nếu không có tâm thức về thời gian, thì không có thời gian.

518. A unit of time, then, is the relative duration of a ‘span of awareness’.

518. Vậy thì, một đơn vị thời gian là độ dài tương đối của một ‘khoảng nhận biết’.

519. Time, in the largest sense is, therefore, a non-continuous act of Self-Perception. If Self-perception is continuous, one has only endless duration or *timelessness.*

519. Vì vậy, theo nghĩa rộng nhất, thời gian là một hành động Tự Tri Giác không liên tục. Nếu tự tri giác là liên tục, người ta chỉ có sự kéo dài vô tận hay *phi thời gian.*

520. Thus, there is no strictly *objective* time. Time is essentially the result of a subjective process and is a subjective measurement.

520. Do đó, không có thời gian *khách quan* theo nghĩa nghiêm ngặt. Về bản chất, thời gian là kết quả của một tiến trình chủ quan và là một sự đo lường chủ quan.

Footnote 15: *The Secret Doctrine* says:

Cước chú 15: *Giáo Lý Bí Nhiệm* nói rằng:

1. The Universe is in reality but a huge aggregation of states of consciousness. —S. D., II, 633. I, 70, 626,

521. There are many states of consciousness within the One Consciousness.

522. The Universe is not an objective something; it is a subjective something.

523. The Universe is a Self-perception.

524. The Universal Self *becomes* the Universe through Self-perception.

2. Spirit and consciousness are synonymous terms. —S. D., I, 43, 125, 349, 350, 592, 593.

525. This may be so from one perspective. From another perspective, consciousness may be understood as a limitation upon Spirit (considered as Pure Being).

526. At the highest level of cosmos, it may be presumed that the Perceiver, the Perceived and the Perceiving are so interwoven as to be indistinguishable.

3. Every atom in the universe is endowed with consciousness. —S. D., I, 105. II, 709, 742.

527. This is by now a familiar idea. The consciousness with which the atom is endowed is not self-consciousness but a kind of sensitive responsiveness to other such units.

1. Vũ Trụ trong thực tại chỉ là một tập hợp khổng lồ những trạng thái tâm thức. —S. D., II, 633. I, 70, 626,

521. Có nhiều trạng thái tâm thức bên trong Tâm Thức Duy Nhất.

522. Vũ Trụ không phải là một cái gì khách quan; nó là một cái gì chủ quan.

523. Vũ Trụ là một sự Tự tri giác.

524. Đại Ngã Vũ Trụ *trở thành* Vũ Trụ qua sự Tự tri giác.

2. Tinh thần và tâm thức là những thuật ngữ đồng nghĩa. —S. D., I, 43, 125, 349, 350, 592, 593.

525. Điều này có thể đúng từ một góc nhìn. Từ một góc nhìn khác, tâm thức có thể được hiểu như một sự giới hạn đặt lên Tinh thần (được xem như Bản Thể Thuần Khiết).

526. Ở cấp độ cao nhất của vũ trụ, có thể giả định rằng Đấng Tri Giác, cái được tri giác và sự tri giác đan xen với nhau đến mức không thể phân biệt.

3. Mọi nguyên tử trong vũ trụ đều được phú cho tâm thức. —S. D., I, 105. II, 709, 742.

527. Đến nay đây là một ý tưởng quen thuộc. Tâm thức mà nguyên tử được phú cho không phải là ngã thức mà là một loại đáp ứng nhạy cảm đối với những đơn vị khác cùng loại.

4. Six types of Consciousness as embodied in the on the five planes of Human Evolution. —S. D., I, 123. II, 678.

528. It is interesting that although there are seven principles, there are six types of consciousness. Actually, however, a final type of consciousness is added following the six, just as a final, synthetic School of Indian Philosophy is added after the description of the usual six Schools.

a. The Mineral Kingdom 1.

Intelligent activity. All atoms show ability to select, to discriminate intelligently under the Law of Attraction and Repulsion. —S. D., I, 295.

529. The Law of Attraction and Repulsion is, in this case, a subset of the Law of Economy.

530. Each of the cosmic laws is contained within the other two as a subsidiary expression.

b. Vegetable Kingdom 2.

Intelligent activity plus embryo sensation or feeling.

531. The degree of responsiveness is greatly increased over the type of response evident in the mineral kingdom. The influence of the Law of Attraction and Repulsion is far more accentuated.

532. The vegetable kingdom is developing a nascent sense of *touch* under the Law of Attraction and Repulsion.

4. Sáu loại Tâm thức như được thể hiện trong trên năm cõi của Tiến Hoá Nhân Loại. —S. D., I, 123. II, 678.

528. Điều đáng chú ý là mặc dù có bảy nguyên khí, lại có sáu loại tâm thức. Tuy nhiên, trên thực tế, một loại tâm thức cuối cùng được thêm vào sau sáu loại ấy, cũng như một Trường phái Triết học Ấn Độ cuối cùng, có tính tổng hợp, được thêm vào sau khi mô tả sáu Trường phái thông thường.

a. Giới kim thạch 1.

Hoạt động thông minh. Mọi nguyên tử đều cho thấy khả năng chọn lựa, phân biện một cách thông minh dưới Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi. —S. D., I, 295.

529. Trong trường hợp này, Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi là một tập con của Định luật Tiết Kiệm.

530. Mỗi định luật vũ trụ đều được chứa trong hai định luật kia như một biểu hiện phụ thuộc.

b. Giới thực vật 2.

Hoạt động thông minh cộng với cảm giác hay cảm thọ phôi thai.

531. Mức độ đáp ứng gia tăng rất nhiều so với loại đáp ứng biểu lộ trong giới kim thạch. Ảnh hưởng của Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi được nhấn mạnh hơn nhiều.

532. Giới thực vật đang phát triển một cảm giác *xúc chạm* sơ khai dưới Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi.

533. If this is the case, is the mineral kingdom developing a kind of 'hearing', though the sense of touch (in this solar system) is the most prominent sense and virtually equivalent to consciousness.

533. Nếu đúng như vậy, thì phải chăng giới kim thạch đang phát triển một loại 'thính giác', mặc dù xúc giác (trong hệ mặt trời này) là giác quan nổi trội nhất và hầu như tương đương với tâm thức.

c. Animal Kingdom 3.

c. Giới động vật 3.

Intelligent activity, sensation plus instinct, or embryo mentality. —S. D., III, 573, 574.

Hoạt động thông minh, cảm giác cộng với bản năng, hay trí tuệ phôi thai. —S. D., III, 573, 574.

534. Manas (a third factor) enters in relation to the third kingdom, the animal.

534. Manas (một yếu tố thứ ba) đi vào liên hệ với giới thứ ba, tức giới động vật.

535. Neither minerals or plants have *eyes,* per se, but animals do.

535. Cả khoáng vật lẫn thực vật đều không có *mắt* chính chúng, nhưng động vật thì có.

536. The emergence or the eye and the emergence of instinct as nascent intelligence are coeval.

536. Sự xuất hiện của mắt và sự xuất hiện của bản năng như trí thông minh sơ khai là đồng thời.

These three embody the sub-human consciousness.

Ba giới này thể hiện tâm thức dưới nhân loại.

537. The human being is possessed of mineral, vegetative and animal life. He is the macrocosm to these three microcosms. The three lower kingdoms exist within man.

537. Con người sở hữu sự sống khoáng vật, thực vật và động vật. Y là đại thiên địa đối với ba tiểu thiên địa này. Ba giới thấp tồn tại bên trong con người.

d. Human consciousness 4.

d. Tâm thức nhân loại 4.

Intelligent activity, love or perfected feeling or realisation and will, or intelligent purpose. The three aspects. S. D., I, 215, 231. —S. D., II, 552. III, 579.

Hoạt động thông minh, bác ái hay cảm thọ được hoàn thiện hay (sự)chứng nghiệm, và ý chí, hay mục đích thông minh. Ba phương diện. S. D., I, 215, 231. —S. D., II, 552. III, 579.

538. Interesting definitions are here given:

538. Ở đây có những định nghĩa đáng chú ý:

a. Love is *perfected feeling*. Thus the astral and buddhic faculties are linked.

a. Bác ái là *cảm thọ được hoàn thiện*. Như vậy, các năng lực cảm dục và Bồ đề được nối kết.

b. Love also appears to be 'perfected realization' which we might call "pure reason". Love is a blend of the apotheosis of touch and sight.

b. Bác ái dường như cũng là '(sự)chứng nghiệm được hoàn thiện', điều mà chúng ta có thể gọi là "lý trí thuần khiết". Bác ái là sự pha trộn của đỉnh cao của xúc chạm và thị giác.

c. Will is "intelligent purpose"; this equivalence pertains to the atmic plane which is both a plane of will (the *first* of the five Brahmic planes) and a plane of intelligence (the *third* of the cosmic-physical subplanes).

c. Ý chí là "mục đích thông minh"; sự tương đương này liên hệ đến cõi atma, vốn vừa là một cõi của ý chí (cõi *thứ nhất* trong năm cõi Brahma) vừa là một cõi của trí thông minh (cõi phụ *thứ ba* của cõi hồng trần vũ trụ).

This is Self-Consciousness—the middle point. —S. D., I, 297.

Đây là Ngã thức—điểm ở giữa. —S. D., I, 297.

539. The 'middle law', the Law of Karma, must be closely associated with man. It cannot apply to those entities possessing only "sub-human consciousness" and, thus, devoid of individual responsibility.

539. "Định luật ở giữa", Định luật Nghiệp quả, hẳn phải gắn bó chặt chẽ với con người. Nó không thể áp dụng cho những thực thể chỉ sở hữu "tâm thức dưới nhân loại" và vì vậy không có trách nhiệm cá nhân.

540. Self-consciousness is positioned midway between sub-consciousness and group consciousness (the highest expression of which is universal consciousness or God-consciousness).

540. Ngã thức được đặt ở giữa tiềm thức và tâm thức nhóm (mà biểu hiện cao nhất của nó là tâm thức vũ trụ hay tâm thức Thượng đế).

e. Spiritual Consciousness 5.

e. Tâm thức tinh thần 5.

Buddhic realisation. The unit is aware of his group. The separated unit identifies himself with his ray or type. —S. D., III, 572. I, 183, 623.

(Sự)chứng nghiệm Bồ đề. Đơn vị nhận biết nhóm của mình. Đơn vị tách biệt đồng hoá chính mình với cung hay loại của mình. —S. D., III, 572. I, 183, 623.

541. The term "spiritual" again refers to that which transpires within the *spiritual* triad.

541. Thuật ngữ "tinh thần" ở đây một lần nữa chỉ điều diễn ra bên trong tam nguyên tinh thần *tinh thần*.

542. Spiritual consciousness is *group* consciousness.

542. Tâm thức tinh thần là tâm thức *nhóm*.

543. We see that consciousness of one's ray is inseparable from group consciousness. Is buddhi required truly to identify one's ray? Certainly, mentality alone cannot do it.

543. Chúng ta thấy rằng tâm thức về cung của mình là không thể tách rời khỏi tâm thức nhóm. Có phải Bồ đề là điều cần thiết để thật sự đồng hoá được cung của mình không? Chắc chắn chỉ riêng trí tuệ thì không thể làm được điều đó.

544. The term "realisation" is used. Elsewhere, the term "realisation" is associated with the atmic plane, and it has just been associated with love.

544. Thuật ngữ "(sự)chứng nghiệm" được dùng. Ở nơi khác, thuật ngữ "(sự)chứng nghiệm" được liên kết với cõi atma, và vừa rồi nó cũng đã được liên kết với bác ái.

f. Atmic Consciousness 6.

f. Tâm thức atma 6.

The consciousness of the unit of the Septenary solar system. —S. D., II, 673. II, 741.

Tâm thức của đơn vị thuộc hệ mặt trời thất phân. —S. D., II, 673. II, 741.

545. This seems a great extension over the manner in which atmic consciousness have been previously described.

545. Điều này dường như là một sự mở rộng lớn so với cách tâm thức atma đã được mô tả trước đây.

546. To what degree is the septenary solar system *realized* by the atmically conscious unit? It would seem that the solar system in its Brahmic aspect could be conceived, since the atmic plane is the first of the Brahmic planes.

546. Đơn vị có tâm thức atma *chứng nghiệm* hệ mặt trời thất phân đến mức nào? Có vẻ như hệ mặt trời trong phương diện Brahma của nó có thể được quan niệm, vì cõi atma là cõi thứ nhất trong các cõi Brahma.

547. We remember the relationship between the Heavenly Men (the Divine Manasaputras) and the third or Brahmic aspect of divinity.

547. Chúng ta nhớ mối liên hệ giữa các Đấng Thiên Nhân (các *Manasaputra* thiêng liêng) và phương diện thứ ba hay phương diện Brahma của thiên tính.

These two embody super-consciousness.

Hai loại này thể hiện siêu tâm thức.

548. Atmic and buddhic consciousness are "super-consciousness". We understand that

548. Tâm thức atma và Bồ đề là "siêu tâm thức". Chúng ta hiểu rằng loại tâm thức ấy

such consciousness partakes of the consciousness of the Planetary Logos.

dự phần vào tâm thức của Đức Hành Tinh Thượng Đế.

The seventh type embraces them all and is God Consciousness. —S. D., II, 740. note.

Loại thứ bảy bao trùm tất cả chúng và là Tâm thức Thượng đế. —S. D., II, 740. chú thích.

549. This is consciousness as apprehended on the seventh or logoic level. Probably monadic consciousness should be included in "God Consciousness".

549. Đây là tâm thức như được lĩnh hội trên cấp độ thứ bảy hay cấp độ logoic. Có lẽ tâm thức chân thần nên được bao gồm trong "Tâm thức Thượng đế".

550. The seventh type of consciousness may be conceived as a correspondence to Atma-Vidya, or the seventh and synthetic school of Indian Philosophy.

550. Loại tâm thức thứ bảy có thể được quan niệm như một tương ứng với Atma-Vidya, hay trường phái thứ bảy và có tính tổng hợp của Triết học Ấn Độ.

Study also S. D., I, 300, 301, 183, 221, 623. S. D., II, 32. note, 741, 552. note. —S. D., III, 573, 574, 558, 557, 584.

Cũng hãy nghiên cứu S. D., I, 300, 301, 183, 221, 623. S. D., II, 32. chú thích, 741, 552. chú thích. —S. D., III, 573, 574, 558, 557, 584.

551. We return now to the definitions of time.

551. Giờ đây chúng ta trở lại các định nghĩa về thời gian.

Time has been defined as a succession of states of consciousness,

Thời gian đã được định nghĩa là một chuỗi tiếp nối các trạng thái tâm thức,

552. This is the definition of time which the *Secret Doctrine* has most emphasized.

552. Đây là định nghĩa về thời gian mà *Giáo Lý Bí Nhiệm* đã nhấn mạnh nhiều nhất.

553. Presumably if there were not succession of states of consciousness, there would be no time. All states are really states of consciousness. If there are no changes of states of consciousness, a state of timelessness supervenes.

553. Có lẽ nếu không có sự tiếp nối của các trạng thái tâm thức, sẽ không có thời gian. Mọi trạng thái thực ra đều là trạng thái tâm thức. Nếu không có những thay đổi của các trạng thái tâm thức, thì trạng thái phi thời gian sẽ xuất hiện.

554. Continuous identical perception is timelessness.

554. Tri giác đồng nhất liên tục là phi thời gian.

555. One thing succeeds another through a change in the object of perception.

555. Một sự vật nối tiếp một sự vật khác qua sự thay đổi trong đối tượng của tri giác.

556. Those who appreciate eternity are perceiving that which does not change, even though they are simultaneously aware of the illusion of that which changes. To master this dual form of perception is to master the art of living.

556. Những ai cảm nhận được vĩnh cửu đang tri giác điều không thay đổi, dù đồng thời họ vẫn nhận biết ảo tưởng của điều thay đổi. Làm chủ hình thức tri giác nhị nguyên này là làm chủ nghệ thuật sống.

557. Time is based upon limitation of perception. The expression of Uranian perception instead of Saturnian perception would overcome this limitation. Uranus is the planet of simultaneity.

557. Thời gian dựa trên sự giới hạn của tri giác. Sự biểu lộ của tri giác Uranus thay vì tri giác Saturn sẽ vượt qua giới hạn này. Uranus là hành tinh của tính đồng thời.

558. What is to be pondered is how to *overcome the sense of succession* or of the occurrence of one thing after another. The All-Seeing Eye (the 'Eye of Simultaneity') can do this.

558. Điều cần được suy ngẫm là làm thế nào để *vượt qua cảm giác về sự tiếp nối* hay về việc một sự việc xảy ra sau một sự việc khác. Con Mắt Thấy Tất Cả (tức 'Con Mắt của Tính Đồng Thời') có thể làm được điều này.

559. Succession is overcome by Omnipresence. Time, Saturn (Father Time) and Omnipresence are all related to the third aspect of divinity.

559. Sự tiếp nối được vượt qua bằng Tính Hiện Diện Khắp Nơi. Thời gian, Saturn (Cha Thời Gian) và Tính Hiện Diện Khắp Nơi đều liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính.

560. Our sense of the Eternal Now will grow as we overcome the sense of distinct areas of space. If one can be (as it were) omnipresent and see all things simultaneously, one's sense of time will profoundly alter.

560. Cảm nhận của chúng ta về Hiện Tại Vĩnh Cửu sẽ tăng trưởng khi chúng ta vượt qua cảm giác về những vùng không gian tách biệt. Nếu một người có thể, nói như vậy, hiện diện khắp nơi và thấy mọi sự đồng thời, thì cảm nhận của người ấy về thời gian sẽ thay đổi sâu sắc.

561. We can practice such perception through the use of the creative imagination.

561. Chúng ta có thể thực hành loại tri giác ấy qua việc sử dụng sự tưởng tượng sáng tạo.

15. and it therefore may be studied from the point of view of

15. và vì vậy nó có thể được nghiên cứu từ quan điểm của

562. We are being given the manner in which time may be studied.

[Page 279]

a. Logoic consciousness, or the successive states of divine realisation within the solar sphere.

563. We are considering time in relation to a Solar Logos.

564. We presume that these successive states of realisation are *ordered*.

565. How does the Solar Logos perceive time? Since the changes perceived are longer than the changes perceived by lesser entities, relatively great 'spans of consciousness (great, to a lesser being) may be perceived as but an hour, a day, a month, etc. Hence the time categories—an hour, day, week, month, year or century of Brahma.

566. Successive states are really successively perceived states. Perhaps in the solar logoic consciousness, the sense of succession has given way to the sense of simultaneity. Yet even a Solar Logos has a time/space schedule.

567. A solar system exists in time so long as a Solar Logos meditates upon the essential idea or pattern which the solar system embodies.

562. Chúng ta đang được chỉ cho cách thức mà thời gian có thể được nghiên cứu.

[Page 279]

a. Tâm thức logoic, hay các trạng thái kế tiếp nhau của sự chứng nghiệm thiêng liêng bên trong khối cầu thái dương.

563. Chúng ta đang xem xét thời gian trong liên hệ với một Thái dương Thượng đế.

564. Chúng ta giả định rằng các trạng thái chứng nghiệm kế tiếp nhau này là có *trật tự*.

565. Thái dương Thượng đế tri giác thời gian như thế nào? Vì những thay đổi được tri giác dài hơn những thay đổi được các thực thể nhỏ hơn tri giác, nên những 'khoảng tâm thức' tương đối lớn (lớn đối với một hữu thể nhỏ hơn) có thể được tri giác chỉ như một giờ, một ngày, một tháng, v.v. Do đó mới có các phạm trù thời gian—một giờ, một ngày, một tuần, một tháng, một năm hay một thế kỷ của Brahma.

566. Các trạng thái kế tiếp nhau thực ra là các trạng thái được tri giác kế tiếp nhau. Có lẽ trong tâm thức logoic thái dương, cảm giác về sự tiếp nối đã nhường chỗ cho cảm giác về tính đồng thời. Tuy vậy, ngay cả một Thái dương Thượng đế cũng có một lịch trình thời gian/không gian.

567. Một hệ mặt trời tồn tại trong thời gian chừng nào một Thái dương Thượng đế còn tham thiền về ý tưởng hay mô hình cốt yếu mà hệ mặt trời ấy thể hiện.

b. Planetary consciousness, or the consciousness of a Heavenly Man as He cycles successively through the scheme.

568. We are considering time in relation to a Planetary Logos.

569. The Heavenly Man who is the Planetary Logos cycles through globes, rounds and chains.

570. The manner of this cyclic succession is mysterious. Theosophists seem to have reduced the process to a very orderly and sequential pattern, but, from a study of DK, there seems to be much more to it and much more that occurs with simultaneity.

571. The successive cycles are probably determined by the focus or attention of the Planetary Logos. Events may be going on everywhere, but the Planetary Logos' main focus may be relatively sequential—in a manner not yet even partially revealed, though analogically related to chakric development with the human being.

c. Causal consciousness, or the **successive expanding of the intelligent awareness** of a human being from life to life.

572. Time may be studied in relation to the *man-as-Ego* by considering causal consciousness.

573. The life of the little personality is of short duration from the perspective the consciousness of the Ego on its own plane.

b. Tâm thức hành tinh, hay tâm thức của một Đấng Thiên Nhân khi Ngài tuần hoàn kế tiếp nhau qua hệ hành tinh.

568. Chúng ta đang xem xét thời gian trong liên hệ với một Hành Tinh Thượng Đế.

569. Đấng Thiên Nhân là Hành Tinh Thượng Đế tuần hoàn qua các bầu hành tinh, các cuộc tuần hoàn và các Dãy.

570. Cách thức của sự kế tiếp theo chu kỳ này là điều huyền nhiệm. Các nhà Thông Thiên Học dường như đã giản lược tiến trình này thành một mô hình rất trật tự và tuần tự, nhưng qua việc nghiên cứu Chân sư DK, dường như còn nhiều điều hơn thế và còn nhiều điều xảy ra trong tính đồng thời hơn nữa.

571. Các chu kỳ kế tiếp nhau có lẽ được quyết định bởi tiêu điểm hay sự chú ý của Hành Tinh Thượng Đế. Các sự kiện có thể đang diễn ra ở khắp nơi, nhưng tiêu điểm chính của Hành Tinh Thượng Đế có thể tương đối tuần tự—theo một cách thức mà cho đến nay vẫn chưa được mặc khải dù chỉ một phần, tuy có liên hệ theo định luật tương đồng với sự phát triển luân xa nơi con người.

c. Tâm thức nguyên nhân, hay **sự mở rộng kế tiếp nhau của nhận biết thông minh** của một con người từ kiếp này sang kiếp khác.

572. Thời gian có thể được nghiên cứu trong liên hệ với *con người-như-chân ngã* bằng cách xem xét tâm thức nguyên nhân.

573. Sự sống của phàm ngã nhỏ bé có thời lượng ngắn ngủi từ góc nhìn của tâm thức của chân ngã trên cõi riêng của nó.

574. What are the successive states of consciousness registered by the soul on its *own* plane? Of what relative duration are these successive states?

574. Những trạng thái tâm thức kế tiếp nhau nào được linh hồn ghi nhận trên cõi *riêng* của nó? Những trạng thái kế tiếp nhau này có thời lượng tương đối ra sao?

575. One of the 'spans of awareness' for the Ego on its own plane will be a unit of expanded intelligent awareness. Expansions as a result of an incarnation lived will be registered.

575. Một trong những 'khoảng nhận biết' của chân ngã trên cõi riêng của nó sẽ là một đơn vị nhận biết thông minh được mở rộng. Những sự mở rộng do kết quả của một kiếp sống đã được sống sẽ được ghi nhận.

576. The sense of time is inseparable from the factor of comparison.

576. Cảm giác về thời gian là không thể tách rời khỏi yếu tố so sánh.

577. If a 'span of awareness' cannot be compared with another span, the sense of whether that span is long or short cannot be determined. Thus, much of an entity's sense of time (the seeming length of time of any occurrence) depends upon which successive states of consciousness are registered by any type of entity.

577. Nếu một 'khoảng nhận biết' không thể được so sánh với một khoảng khác, thì không thể xác định được cảm giác rằng khoảng ấy là dài hay ngắn. Vì vậy, phần lớn cảm nhận về thời gian của một thực thể (độ dài dường như có của bất kỳ biến cố nào) tùy thuộc vào những trạng thái tâm thức kế tiếp nhau nào được ghi nhận bởi bất kỳ loại thực thể nào.

578. The question arises concerning whether great consciousnesses register minute states of consciousness. What do they notice? Do they notice tiny events? It would seem not. And yet it is said that "Not a sparrow falls…"

578. Câu hỏi được đặt ra là liệu những tâm thức lớn có ghi nhận những trạng thái tâm thức vi tế hay không. Các Ngài chú ý điều gì? Các Ngài có chú ý đến những biến cố nhỏ bé không? Có vẻ là không. Tuy nhiên, người ta vẫn nói rằng "Không một con chim sẻ nào rơi xuống…"

d. Human consciousness, or the awareness of a man on the physical plane, and progressively on the emotional and the mental planes.

d. Tâm thức con người, hay sự nhận biết của một người trên cõi hồng trần, và dần dần trên cõi cảm dục và cõi trí.

579. Time may be studied in relation to man the personality.

579. Thời gian có thể được nghiên cứu trong liên hệ với con người là phàm ngã.

580. Chúng ta tự nhắc mình rằng thời gian và yếu tố nhận biết là không thể tách rời.

580. We remind ourselves that time and the factor of awareness are inseparable. A unit of time is a span of awareness.

Một đơn vị thời gian là một khoảng nhận biết.

581. We gather the impression that the sense of time on the physical plane is altered as awareness embraces more phenomena on the astral and mental planes.

581. Chúng ta có ấn tượng rằng cảm giác về thời gian trên cõi hồng trần bị thay đổi khi sự nhận biết bao trùm nhiều hiện tượng hơn trên cõi cảm dục và cõi trí.

582. We may infer that the 'spans of awareness' for greater entities are of relatively greater duration than the 'spans of awareness' for lesser entities.

582. Chúng ta có thể suy ra rằng các 'khoảng nhận biết' của những thực thể lớn hơn có thời lượng tương đối lớn hơn các 'khoảng nhận biết' của những thực thể nhỏ hơn.

583. Questions arise as to the rapidity of successive states on the different planes. Are there more successive states to be registered on lower planes than on higher? This is not easy to answer, but one senses that the answer would be significant.

583. Những câu hỏi được đặt ra về tốc độ của các trạng thái kế tiếp nhau trên các cõi khác nhau. Có phải trên các cõi thấp có nhiều trạng thái kế tiếp nhau cần được ghi nhận hơn trên các cõi cao không? Điều này không dễ trả lời, nhưng người ta cảm thấy rằng câu trả lời sẽ có ý nghĩa quan trọng.

e. Animal, vegetable and mineral consciousness which differs from the human consciousness in many particulars, and **primarily in that it does not co-ordinate, or deduce and recognise separate identity**. **It resembles human consciousness in that it covers the response to successive contacts of the units involved during their small cycles**.

e. Tâm thức động vật, thực vật và khoáng vật khác với tâm thức con người ở nhiều phương diện, và **trước hết ở chỗ nó không phối hợp, không suy diễn và không nhận ra bản sắc tách biệt**. **Nó giống tâm thức con người ở chỗ nó bao gồm sự đáp ứng đối với những tiếp xúc kế tiếp nhau của các đơn vị liên hệ trong các chu kỳ nhỏ của chúng**.

584. One gathers that for the subconscious units involves, there is no sense of time. The sense of time pertains to those entities with self-conscious awareness.

584. Người ta có ấn tượng rằng đối với các đơn vị tiềm thức liên hệ, không có cảm giác về thời gian. Cảm giác về thời gian thuộc về những thực thể có nhận biết ngã thức.

585. Important differences are given between human consciousness in contrast with animal, vegetable and mineral consciousness.

585. Những khác biệt quan trọng được nêu ra giữa tâm thức con người và tâm thức động vật, thực vật và khoáng vật.

586. The consciousness of the subhuman kingdoms does not

a. Co-ordinate

b. Deduce

c. Recognize separate identity.

587. In this, subhuman consciousness differs from human consciousness.

588. Both are similar in that they register successive contacts.

589. The sense of successiveness relates to the scope of the consciousness. Given a consciousness of sufficient scope, the illusion of successiveness is negated, though, paradoxically that which was formerly interpreted as successiveness is noticed.

f. Atomic consciousness, demonstrating through successive states of repulsion and attraction. **In this last definition lies the key to the other states of consciousness.**

590. We are being given the essential character of the consciousness of the atom.

591. The key to *all* states of consciousness is here given.

592. Let us see if we can offer an interpretation.

593. Attention is attracted, and attention endures as long as attraction to the object of attention lasts. Changes of successive states of awareness are determined by attraction

586. Tâm thức của các giới dưới nhân loại không

a. Phối hợp

b. Suy diễn

c. Nhận ra bản sắc tách biệt.

587. Ở điểm này, tâm thức dưới nhân loại khác với tâm thức con người.

588. Cả hai giống nhau ở chỗ chúng ghi nhận những tiếp xúc kế tiếp nhau.

589. Cảm giác về tính kế tiếp liên hệ với tầm mức của tâm thức. Với một tâm thức có tầm mức đủ rộng, ảo tưởng về tính kế tiếp bị phủ định, dù nghịch lý thay, điều trước đây được diễn giải như tính kế tiếp vẫn được nhận thấy.

f. Tâm thức nguyên tử, biểu lộ qua các trạng thái kế tiếp nhau của sự đẩy lùi và hấp dẫn. **Chính trong định nghĩa cuối cùng này có chìa khóa cho các trạng thái tâm thức khác.**

590. Chúng ta đang được trao cho đặc tính cốt yếu của tâm thức của nguyên tử.

591. Ở đây chìa khóa cho *mọi* trạng thái tâm thức được trao ra.

592. Hãy xem liệu chúng ta có thể đưa ra một cách diễn giải hay không.

593. Sự chú ý bị thu hút, và sự chú ý kéo dài chừng nào sự hấp dẫn đối với đối tượng của sự chú ý còn kéo dài. Những thay đổi của các trạng thái nhận biết kế tiếp nhau được quyết

and repulsion. When a new attraction overcomes the prevailing attraction the state of consciousness changes. Consciousness engages or disengages with an object according to attraction or repulsion. Thus, changes of interest yield successive states of consciousness and, thus, changes of interest determine the sense of the passage of time.

định bởi hấp dẫn và đẩy lùi. Khi một sự hấp dẫn mới vượt thắng sự hấp dẫn đang chi phối, trạng thái tâm thức thay đổi. Tâm thức gắn kết hay tách rời khỏi một đối tượng tùy theo hấp dẫn hay đẩy lùi. Vì vậy, những thay đổi trong mối quan tâm tạo ra các trạng thái tâm thức kế tiếp nhau, và như thế, những thay đổi trong mối quan tâm quyết định cảm giác về sự trôi qua của thời gian.

594. Successive states of attraction or repulsion create successive 'spans of awareness', and successive 'spans of awareness' *are* time.

594. Những trạng thái hấp dẫn hay đẩy lùi kế tiếp nhau tạo ra những 'khoảng nhận biết' kế tiếp nhau, và những 'khoảng nhận biết' kế tiếp nhau *là* thời gian.

595. If there were one continuous and unchanging span of awareness, the state of timelessness would supervene.

595. Nếu chỉ có một khoảng nhận biết liên tục và không thay đổi, thì trạng thái phi thời gian sẽ xuất hiện.

596. All this is an effort to define time as a perception.

596. Tất cả điều này là một nỗ lực nhằm định nghĩa thời gian như một tri giác.

597. It may be that one can manipulate time, from the fourth plane (or fourth dimension). It is hard to think about playing with time when one is still limited to three-dimensional consciousness. But if we were focussed buddhically, it would make more sense.

597. Có thể là người ta có thể thao tác với thời gian từ cõi thứ tư (hay chiều thứ tư). Thật khó nghĩ về việc đùa với thời gian khi người ta vẫn còn bị giới hạn trong tâm thức ba chiều. Nhưng nếu chúng ta được tập trung một cách Bồ đề, điều đó sẽ có ý nghĩa hơn nhiều.

An atom revolves upon its axis.

Một nguyên tử quay quanh trục của nó.

598. We have begun with the Logos and worked our way down to the atom.

598. Chúng ta đã bắt đầu với Logos và lần xuống đến nguyên tử.

In its revolution it comes within the field of activity of other atoms. These it either attracts and swings into its own field of operation, or it repulses and drives them outside its range of activity, causing separation.

Trong sự quay của nó, nó đi vào trong trường hoạt động của các nguyên tử khác. Những nguyên tử này nó hoặc hấp dẫn và kéo vào trường vận hành riêng của nó, hoặc đẩy lùi và xua chúng ra ngoài phạm vi hoạt động của nó, gây nên sự phân ly.

599. We see that the atom of matter/ substance is affected by the Law of Attraction and Repulsion even if the manner in which this law operates on the atomic level is as a subset of the Law of Economy.

599. Chúng ta thấy rằng nguyên tử của vật chất/chất liệu bị ảnh hưởng bởi Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi, cho dù cách thức định luật này vận hành ở cấp độ nguyên tử là như một tập con của Định luật Tiết Kiệm.

600. At the atomic levels there is a constant process of aggregation based on attraction and a constant process of dispersion based on repulsion.

600. Ở các cấp độ nguyên tử có một tiến trình kết tụ liên tục dựa trên hấp dẫn và một tiến trình phân tán liên tục dựa trên đẩy lùi.

One thing to be borne in mind in the concept of mutual attraction is the **preservation of identity in cohesion.**

Một điều cần ghi nhớ trong khái niệm về sự hấp dẫn hỗ tương là **sự bảo tồn bản sắc trong sự cố kết.**

601. Through attraction, there is a repeated pattern of association of those atoms which are drawn together and held together by their attraction for one another.

601. Qua hấp dẫn, có một mô hình lặp đi lặp lại của sự liên kết giữa những nguyên tử được kéo lại với nhau và được giữ lại với nhau bởi sự hấp dẫn của chúng đối với nhau.

602. This cohesion and pattern-retention of mutually attracted atoms promotes the sense of continuity of identity.

602. Sự cố kết này và sự duy trì mô hình của các nguyên tử hấp dẫn lẫn nhau thúc đẩy cảm giác về tính liên tục của bản sắc.

603. When we look in the mirror we see pretty much the same form and figure. We say, then, that we “recognize ourselves”. If, however, the atoms of our form and figure did not cohere, but were constantly being dispersed, the form and figure would be changing constantly and would not be recognizable as consistent. From one moment to the next, we would not recognize the changing form and figure as ourselves or as pertaining to ourselves.

603. Khi chúng ta nhìn vào gương, chúng ta thấy gần như cùng một hình tướng và vóc dáng. Khi đó chúng ta nói rằng mình “nhận ra chính mình”. Tuy nhiên, nếu các nguyên tử của hình tướng và vóc dáng của chúng ta không cố kết mà liên tục bị phân tán, thì hình tướng và vóc dáng ấy sẽ thay đổi liên tục và sẽ không thể được nhận ra là nhất quán. Từ khoảnh khắc này sang khoảnh khắc khác, chúng ta sẽ không nhận ra hình tướng và vóc dáng đang thay đổi ấy là chính mình hay thuộc về mình.

604. The sense of continuity of identity necessitates the existence of a stable form which is based upon the continuous cohesion and pattern-retention of mutually attracted atoms.

604. Cảm giác về tính liên tục của bản sắc đòi hỏi sự hiện hữu của một hình tướng ổn định, vốn dựa trên sự cố kết liên tục và sự duy trì mô hình của các nguyên tử hấp dẫn lẫn nhau.

605. Because energy states and energy forms within our energy system *demonstrate repetition,* we are endowed with the sense of a distinct identity which is perceived as *this* and not *that.* If change of energy states and energy forms is ongoing and highly variable, we will not recognize a sense of continuous identity, because we will become identified with that which is constantly changing.

605. Bởi vì các trạng thái năng lượng và các hình tướng năng lượng bên trong hệ thống năng lượng của chúng ta *biểu lộ sự lặp lại,* chúng ta được phú cho cảm giác về một bản sắc riêng biệt, được tri giác là *cái này* chứ không phải *cái kia.* Nếu sự thay đổi của các trạng thái năng lượng và các hình tướng năng lượng là liên tục và rất biến thiên, chúng ta sẽ không nhận ra một cảm giác về bản sắc liên tục, bởi vì chúng ta sẽ đồng hoá với điều đang thay đổi không ngừng.

606. When, however, there is *Self*-identification as Pure Being, the sense of *identity-as-Essence* will be continuous, regardless of the even highly variable changes of energy states and energy forms within our energy system.

606. Tuy nhiên, khi có sự đồng hoá với *Đại Ngã* như Bản Thể Thuần Khiết, thì cảm giác về *bản sắc-như-Tinh Yếu* sẽ liên tục, bất kể những thay đổi, dù rất biến thiên, của các trạng thái năng lượng và các hình tướng năng lượng bên trong hệ thống năng lượng của chúng ta.

607. We are gathering that something about the rate of rotation of an atom determines whether it will be attracted to or repellant of other atoms. The whole process almost certainly has a *numerical key.*

607. Chúng ta đang hiểu rằng một điều gì đó về tốc độ quay của một nguyên tử quyết định liệu nó sẽ bị hấp dẫn đối với hay đẩy lùi các nguyên tử khác. Toàn bộ tiến trình này gần như chắc chắn có một *chìa khóa số học.*

608. We are understanding the relationship of *repetition* to the *preservation of a cohesive identity*—an identity which seems or appears the *same* from moment to moment. Underlying this illusion of sameness is the great Principle of Unrepeatability advanced by Master Morya.

608. Chúng ta đang hiểu mối liên hệ của *sự lặp lại* với *sự bảo tồn một bản sắc cố kết*—một bản sắc dường như hay có vẻ là *giống nhau* từ khoảnh khắc này sang khoảnh khắc khác. Nằm bên dưới ảo tưởng về tính giống nhau này là Nguyên khí lớn lao của Tính Không Thể Lặp Lại do Chân sư Morya đề xướng.

609. We are also understanding that even though an atom *coheres* with other atoms to which it is attracted, it does not lose its distinctive identity by doing do.

609. Chúng ta cũng đang hiểu rằng dù một nguyên tử *kết dính* với những nguyên tử khác mà nó bị thu hút đến, nó cũng không vì thế mà đánh mất bản sắc riêng biệt của mình.

A human being in objective manifestation likewise revolves upon his axis, or **around**

Một con người trong biểu hiện khách quan cũng vậy, quay quanh trục của mình, hay

his central point, his mainspring of animation;

610. Master DK is giving us hints about occult anatomy.

611. The phrase "mainspring of animation" suggests the driving power ("mainspring") of the soul (the animator).

612. We might question whether that "central point" is the jewel in the lotus.

613. Almost certainly the causal sheath revolves around the jewel as the central point.

this brings him within the range of activity of other men, other human atoms.

614. There is an ongoing question here: *what* is it that brings the man "within the range of activity of other men". Is it the revolution on his axis that does so? Or something else?

615. Of the atom of substance, the following is said: "In its revolution it comes within the field of activity of other atoms." This sentence suggests that during the course of its revolution the atom comes within the field of activity of the other atoms, but not that the revolution is the *cause* of coming within range of others.

616. But it is probably so that the changes due to rotation account for whether there is attraction or repulsion with respect to the others.

quanh điểm trung tâm của mình, nguồn động lực sinh hoạt của mình;

610. Chân sư DK đang ban cho chúng ta những gợi ý về giải phẫu học huyền bí.

611. Cụm từ "nguồn động lực sinh hoạt" gợi ý quyền năng thúc đẩy ("động lực chính") của linh hồn (đấng hoạt hóa).

612. Chúng ta có thể đặt câu hỏi liệu "điểm trung tâm" ấy có phải là bảo châu trong hoa sen hay không.

613. Gần như chắc chắn thể nguyên nhân quay quanh bảo châu như điểm trung tâm.

điều này đưa y vào trong phạm vi hoạt động của những người khác, những nguyên tử nhân loại khác.

614. Ở đây có một câu hỏi đang tiếp diễn: điều *gì* đưa con người "vào trong phạm vi hoạt động của những người khác"? Có phải sự quay quanh trục của y làm điều đó không? Hay là điều gì khác?

615. Về nguyên tử của chất liệu, điều sau đây được nói: "Trong sự quay của nó, nó đi vào trong trường hoạt động của những nguyên tử khác." Câu này gợi ý rằng trong tiến trình quay của mình, nguyên tử đi vào trong trường hoạt động của các nguyên tử khác, nhưng không phải rằng sự quay là *nguyên nhân* khiến nó đi vào trong phạm vi của những nguyên tử khác.

616. Nhưng có lẽ đúng là những thay đổi do sự quay gây ra giải thích việc có sự thu hút hay đẩy lùi đối với những nguyên tử khác.

617. Analogizing to the human level, we all know that at some times we are attracted to other human beings and at other times repelled by the same human beings. The *phase of vehicular rotation* could account somewhat for this.

617. Tương tự ở cấp độ con người, tất cả chúng ta đều biết rằng có những lúc chúng ta bị thu hút đến những con người khác và vào những lúc khác lại bị chính những con người ấy đẩy lùi. *Giai đoạn quay của vận cụ* có thể phần nào giải thích điều này.

This similarly either tends to co-operation or cohesion, or to separation or repulsion.

Điều này cũng tương tự, hoặc có khuynh hướng dẫn đến hợp tác hay kết dính, hoặc dẫn đến tách biệt hay đẩy lùi.

618. It seems most reasonable to conclude that it is not the atom's rotation on its axis (whether the human atom or the atom of substance) that brings it within range of other atoms, but that the phase of rotation does contribute to whether there is attraction to or repulsion from other atoms.

618. Có vẻ hợp lý nhất khi kết luận rằng không phải sự quay của nguyên tử quanh trục của nó (dù là nguyên tử nhân loại hay nguyên tử chất liệu) đưa nó vào trong phạm vi của những nguyên tử khác, mà là giai đoạn quay có góp phần quyết định việc có sự thu hút đến hay đẩy lùi khỏi những nguyên tử khác hay không.

619. If, in man, the rotation of his sheaths is keyed to various planetary cycles, it is clear that at different times in a complete planetary cycle the conditions inducing attraction or repulsion change.

619. Nếu, nơi con người, sự quay của các thể của y được điều chỉnh theo nhiều chu kỳ hành tinh khác nhau, thì rõ ràng là vào những thời điểm khác nhau trong một chu kỳ hành tinh trọn vẹn, các điều kiện gây ra thu hút hay đẩy lùi sẽ thay đổi.

Again it must be borne in mind that **even in cohesion identity is preserved.**

Một lần nữa cần ghi nhớ rằng **ngay cả trong sự kết dính, bản sắc vẫn được bảo tồn.**

620. What was true of an atom of substance is true of man; just because a man *coheres* with others, does mean he loses his sense of identity. In fact, in true group consciousness, the sense of distinctive identity may be enhanced—harmoniously.

620. Điều đúng với một nguyên tử chất liệu cũng đúng với con người; chỉ vì một người *kết dính* với những người khác không có nghĩa là y đánh mất cảm thức về bản sắc của mình. Thật ra, trong tâm thức nhóm chân chính, cảm thức về bản sắc riêng biệt có thể được tăng cường—một cách hài hòa.

[Page 280]

[Page 280]

A Heavenly Man, through the form of a planetary chain, similarly revolves upon His

Một Đấng Thiên Nhân, thông qua hình tướng của một dãy hành tinh, cũng tương tự quay

axis, and a like phenomenon may be observed.

quanh trục của Ngài, và một hiện tượng tương tự có thể được quan sát.

621. The question has already been posed: if a planetary chain revolves how does it do so? It is easy to imagine the revolution of globes upon their axis. Are chains laid out in space as is the solar system and its planets, or are the globes in a chain super-imposable? From the way chains are represented in theosophical literature, we shall not get any real assistance in answering this question.

621. Câu hỏi đã được nêu ra rồi: nếu một dãy hành tinh quay thì nó quay như thế nào? Thật dễ hình dung sự quay của các bầu hành tinh quanh trục của chúng. Các dãy có được bố trí trong không gian như hệ mặt trời và các hành tinh của nó không, hay các bầu hành tinh trong một dãy là chồng khít lên nhau? Từ cách các dãy được trình bày trong văn liệu Thông Thiên Học, chúng ta sẽ không nhận được sự trợ giúp thực sự nào để trả lời câu hỏi này.

622. Several thoughts and questions arise in connection with this excerpt:

622. Một số ý nghĩ và câu hỏi nảy sinh liên quan đến đoạn trích này:

a. Could it be that at any one time, one chain is focal, in such a way that it is used as the center of revolution for a Planetary Logos?

a. Có thể nào vào bất kỳ một thời điểm nào, một dãy là tiêu điểm, theo cách mà nó được dùng làm trung tâm quay cho một Hành Tinh Thượng Đế?

b. When a Planetary Logos changes focus, concentrating on different globes or chains, does His external axis also change orientation?

b. Khi một Hành Tinh Thượng Đế thay đổi tiêu điểm, tập trung vào những bầu hành tinh hay những dãy khác nhau, thì trục bên ngoài của Ngài cũng có thay đổi định hướng không?

c. Can the planetary chains be conceived as built together as molecules are built together?

c. Có thể quan niệm các dãy hành tinh được cấu tạo cùng nhau như các phân tử được cấu tạo cùng nhau không?

d. Can one conceive of the planetary chains ‘piled’, as it were, one on top of another other such that they all chains (and even all globes) share the same axis, like many Russian Dolls?

d. Có thể quan niệm các dãy hành tinh được “xếp chồng”, có thể nói như vậy, cái này lên trên cái kia để tất cả các dãy (và thậm chí mọi bầu hành tinh) cùng chia sẻ một trục, như nhiều búp bê Nga không?

623. It is because we human beings do not know *real* structure of planetary chains that we cannot yet answer such questions.

623. Chính vì chúng ta, những con người, không biết cấu trúc *thực sự* của các dãy hành tinh nên chúng ta chưa thể trả lời những câu hỏi như thế.

624. We do not know whether the globes in a chain are superimposed upon each other, yet each preserving the integrity of its distinctive sheaths.

624. Chúng ta không biết liệu các bầu hành tinh trong một dãy có chồng khít lên nhau hay không, nhưng mỗi bầu vẫn bảo tồn tính toàn vẹn của các thể riêng biệt của nó.

625. We do not know how the chains are distributed in space and whether they are, again, superimposed upon each other, each preserving the integrity of its distinctive sheaths.

625. Chúng ta không biết các dãy được phân bố trong không gian như thế nào và liệu chúng, một lần nữa, có chồng khít lên nhau hay không, mỗi dãy vẫn bảo tồn tính toàn vẹn của các thể riêng biệt của nó.

626. By a process of what we could call 'electrical differentiation', the integrity of the distinctive sheaths could be preserved even through the process of superimposition. Then is could be said of the sheaths of globes and chains that "even in cohesion [their] identity is preserved".

626. Bằng một tiến trình mà chúng ta có thể gọi là "biến phân điện", tính toàn vẹn của các thể riêng biệt có thể được bảo tồn ngay cả xuyên qua tiến trình chồng khít. Khi đó có thể nói về các thể của các bầu hành tinh và các dãy rằng "ngay cả trong sự kết dính, bản sắc [của chúng] vẫn được bảo tồn".

627. This seems true of the sheaths of man. They are in a way, superimposed, and in a relationship that we could call cohesive, yet, within this cohesion their identity is preserved.

627. Điều này dường như đúng với các thể của con người. Theo một cách nào đó, chúng chồng khít lên nhau, và ở trong một mối liên hệ mà chúng ta có thể gọi là kết dính, tuy nhiên, trong sự kết dính này, bản sắc của chúng vẫn được bảo tồn.

628. Under the Law of Attraction, there is the induction of amalgamation accompanied by the preservation of distinction of the amalgamated units.

628. Dưới Định luật Hấp Dẫn, có sự cảm ứng của sự hòa trộn đi kèm với việc bảo tồn tính phân biệt của các đơn vị đã được hòa trộn.

A planet repulses a planet similarly charged, for it is a known law that like particles repel each other,

Một hành tinh đẩy lùi một hành tinh mang điện tích tương tự, vì đó là một định luật đã biết rằng các hạt giống nhau đẩy lùi nhau,

629. We are viewing planets almost as ions or charged particles. There are a few occult

629. Chúng ta đang nhìn các hành tinh gần như những ion hay những hạt mang điện. Có

hints concerning the manner in which planets are "charged". We are told that Earth is in a masculine ("positive") incarnation:

một vài gợi ý huyền bí liên quan đến cách các hành tinh được "nạp điện". Chúng ta được cho biết rằng Trái Đất đang ở trong một lần lâm phàm nam tính ("dương"):

"Likewise certain of the planetary schemes are positive and others negative; three of the schemes are dual, both negative and positive. The same can be predicated anent a solar system, and, curiously enough, anent the planes themselves. For instance, in connection with the earth scheme we have a positive polarity of a temporary nature based on the type of incarnation our particular Heavenly Man is undergoing on our planet. By this is meant that there are masculine and feminine incarnations undergone by Heavenly Men as by men, considering the entire subject from the angle of electrical polarity and not from sex as understood in connection with the physical body." (*TCF* 322)

"Cũng vậy, một số hệ hành tinh là dương và những hệ khác là âm; ba trong các hệ là kép, vừa âm vừa dương. Điều tương tự cũng có thể được khẳng định về một hệ mặt trời, và, thật kỳ lạ, về chính các cõi nữa. Chẳng hạn, liên quan đến hệ Địa Cầu, chúng ta có một cực tính dương mang tính tạm thời dựa trên loại lâm phàm mà Đấng Thiên Nhân đặc thù của chúng ta đang trải qua trên hành tinh của chúng ta. Điều này có nghĩa là có những lần lâm phàm nam tính và nữ tính mà các Đấng Thiên Nhân trải qua cũng như con người, nếu xét toàn bộ chủ đề từ góc độ cực tính điện chứ không phải từ giới tính như được hiểu liên quan đến thể xác." (*TCF* 322)

630. Given the attractive relationship between the Heavenly Man of Earth and the Heavenly Man of Venus, we could infer that one is in a positive and one a negative (receptive) incarnation. If so, their "charges" would be opposite.

630. Với mối liên hệ hấp dẫn giữa Đấng Thiên Nhân của Trái Đất và Đấng Thiên Nhân của Sao Kim, chúng ta có thể suy ra rằng một vị đang ở trong lần lâm phàm dương và một vị ở trong lần lâm phàm âm (tiếp nhận). Nếu vậy, "điện tích" của các Ngài sẽ đối nghịch nhau.

but occultly it is a known law that they will eventually attract each other as the vibration becomes sufficiently strong.

nhưng về mặt huyền bí, đó là một định luật đã biết rằng cuối cùng chúng sẽ hút nhau khi rung động trở nên đủ mạnh.

631. Presumably, this type of attraction between similarly charged atoms or particles occurs when the Law of Synthesis becomes the law characterizing planetary processes. The word "eventually" is used and this suggests, in this context, the later stages of planetary evolution.

631. Có lẽ loại thu hút này giữa những nguyên tử hay hạt mang điện tích tương tự xảy ra khi Định luật Tổng Hợp trở thành định luật đặc trưng cho các tiến trình hành tinh. Từ "cuối cùng" được dùng, và điều này gợi ý, trong ngữ cảnh này, các giai đoạn muộn hơn của tiến hoá hành tinh.

632. Like attracts like when Spirit seeks to merge with Spirit. This attraction of like for like can already be seen operative on the level of soul.

632. Cái giống nhau hút cái giống nhau khi tinh thần tìm cách hòa nhập với tinh thần. Sự thu hút của cái giống nhau đối với cái giống nhau này đã có thể được thấy đang hoạt động ở cấp độ linh hồn.

633. Another way of understanding this phenomenon on the human level is as follows: personalities draw opposites and souls/spirits draw complementaries and similars

633. Một cách khác để hiểu hiện tượng này ở cấp độ con người là như sau: các phàm ngã hút các đối cực và các linh hồn/tinh thần hút các yếu tố bổ sung và tương đồng

A negative planet will be attracted by a positive, and so on through all forms.

Một hành tinh âm sẽ bị thu hút bởi một hành tinh dương, và cứ thế xuyên qua mọi hình tướng.

634. This is the usual condition in the earlier stages of evolution.

634. Đây là tình trạng thông thường trong các giai đoạn đầu của tiến hoá.

635. When obscuration, merging and absorption come, it would seem that we are dealing with the fusing of like with like. For this reason, Venus, a planet of quality similar to Neptune, would merge into Neptune, and Mercury, a planet which shares many qualities in common with Uranus, would merge into Uranus.

635. Khi sự che mờ, hòa nhập và hấp thụ đến, dường như chúng ta đang xử lý sự dung hợp của cái giống với cái giống. Vì lý do này, Sao Kim, một hành tinh có phẩm tính tương tự Sao Hải Vương, sẽ hòa nhập vào Sao Hải Vương, và Sao Thủy, một hành tinh chia sẻ nhiều phẩm tính chung với Sao Thiên Vương, sẽ hòa nhập vào Sao Thiên Vương.

636. Of course, similarity of quality does not necessarily determine whether the two planets involved are in a positive or negative incarnation.

636. Dĩ nhiên, sự tương đồng về phẩm tính không nhất thiết quyết định liệu hai hành tinh liên hệ có ở trong lần lâm phàm dương hay âm hay không.

637. We gather that a planet has a fundamental polarity, and various periods of shifting polarity. Probably for final absorption, it is the fundamental polarity that counts.

637. Chúng ta rút ra rằng một hành tinh có một cực tính căn bản, và nhiều thời kỳ cực tính thay đổi. Có lẽ đối với sự hấp thụ cuối cùng, chính cực tính căn bản mới là điều quan trọng.

This is the manifestation of SEX in substance of every kind, from the tiny atom

Đây là biểu hiện của TÌNH DỤC trong chất liệu thuộc mọi loại, từ nguyên tử nhỏ bé

in the body to the **vast planetary chains,** and this is the basis of activity.

638. It would seem in this context that the term "chains" means schemes. We recall that the term "chains" suggests relation to a greater "scheme"—in this case a *solar* scheme.

639. It becomes clear that most atoms are characterized by one polarity or another. Perhaps some atoms (like some planets) have both polarities (*TCF* 322).

640. Just as sexual attraction is more evident in younger people, so it may be with respect to all types of atoms—the attraction between atoms of different polarities is accentuated in the earlier phases of evolution.

Radiatory activity is simply the interplay between male and female, and this can be seen in the physical atom of the scientist, among men and women, and in the vaster atom of a solar system as it vibrates with its cosmic opposite.

641. From units that are attracted to each other a radiation goes forth. Through this radiatory activity interplay is promoted.

642. As well, the magnetism between opposing poles evokes radiation.

643. When radiation emanates from the nucleus of an atom (of any kind) towards a satellite of that atom, we see the same interplay between positive and negative.

trong cơ thể cho đến **những dãy hành tinh bao la,** và đây là nền tảng của hoạt động.

638. Dường như trong ngữ cảnh này, thuật ngữ "dãy" có nghĩa là các hệ hành tinh. Chúng ta nhớ rằng thuật ngữ "dãy" gợi ý mối liên hệ với một "hệ hành tinh" lớn hơn—trong trường hợp này là một hệ hành tinh *thái dương*.

639. Rõ ràng là hầu hết các nguyên tử được đặc trưng bởi cực tính này hay cực tính kia. Có lẽ một số nguyên tử (như một số hành tinh) có cả hai cực tính (*TCF* 322).

640. Cũng như sự hấp dẫn tính dục rõ rệt hơn nơi người trẻ, có thể cũng vậy đối với mọi loại nguyên tử—sự thu hút giữa các nguyên tử có cực tính khác nhau được nhấn mạnh hơn trong các giai đoạn đầu của tiến hoá.

Hoạt động bức xạ chỉ đơn giản là sự tương tác giữa nam và nữ, và điều này có thể được thấy trong nguyên tử hồng trần của nhà khoa học, giữa những người nam và nữ, và trong nguyên tử rộng lớn hơn của một hệ mặt trời khi nó rung động với đối cực vũ trụ của nó.

641. Từ những đơn vị bị thu hút lẫn nhau, một sự bức xạ phát ra. Thông qua hoạt động bức xạ này, sự tương tác được thúc đẩy.

642. Đồng thời, từ tính giữa các cực đối nghịch cũng gợi lên bức xạ.

643. Khi bức xạ phát ra từ hạt nhân của một nguyên tử (thuộc bất kỳ loại nào) hướng đến một vệ tinh của nguyên tử ấy, chúng ta thấy cùng một sự tương tác giữa dương và âm.

644. We see that radiatory activity is promoted by the Law of Attraction. Perhaps, without the Law of Attraction, radiatory activity is not even possible.

644. Chúng ta thấy rằng hoạt động bức xạ được thúc đẩy bởi Định luật Hấp Dẫn. Có lẽ, nếu không có Định luật Hấp Dẫn, hoạt động bức xạ thậm chí cũng không thể có được.

645. We are discussing the close relationship between magnetism and electricity (or radiation).

645. Chúng ta đang bàn đến mối liên hệ mật thiết giữa từ điện và điện lực (hay bức xạ).

We might, therefore, consider ***time* as that process of activity, or that progression in development, wherein the indwelling Consciousness is seeking its opposite, and coming under the Law of Attraction, which leads to atomic, human, planetary, spiritual, solar and cosmic marriage.**

Vì vậy, chúng ta có thể xem ***thời gian* như tiến trình hoạt động ấy, hay sự tiến triển trong phát triển ấy, trong đó Tâm thức nội tại đang tìm kiếm đối cực của mình, và đi vào dưới Định luật Hấp Dẫn, vốn dẫn đến hôn phối nguyên tử, nhân loại, hành tinh, tinh thần, thái dương và vũ trụ.**

646. This is an unusual definition of time.

646. Đây là một định nghĩa khác thường về thời gian.

647. Time is defined not as a *span* but as a "process of activity".

647. Thời gian được định nghĩa không phải như một *khoảng* mà như một "tiến trình hoạt động".

648. It would seem that time is defined as that process of activity during which (under the Law of Attraction) the marriage partner is sought and marriage consummated.

648. Dường như thời gian được định nghĩa là tiến trình hoạt động trong đó (dưới Định luật Hấp Dẫn) người bạn đời hôn phối được tìm kiếm và hôn phối được hoàn tất.

649. It is interesting to realize that Libra the sign of marriage and that Saturn Lord of Time (we are defining time) is the strongest planet in Libra

649. Thật thú vị khi nhận ra rằng Thiên Bình là dấu hiệu của hôn phối và Sao Thổ là Chúa Tể của Thời Gian (chúng ta đang định nghĩa thời gian) là hành tinh mạnh nhất trong Thiên Bình.

650. This definition needs to be related to the definition of time as the "succession of states of consciousness".

650. Định nghĩa này cần được liên hệ với định nghĩa về thời gian như là "sự tiếp nối của các trạng thái tâm thức".

651. We can never divorce the nature of time from consciousness and experience. It is as if to say that there is no time apart from the

651. Chúng ta không bao giờ có thể tách rời bản chất của thời gian khỏi tâm thức và kinh nghiệm. Như thể muốn nói rằng không có

experience of time. This means that if a span of activity is not *beheld* it does not exist. Thus time, becomes, in a way, 'duration of perception'.

thời gian tách biệt khỏi *kinh nghiệm* về thời gian. Điều này có nghĩa là nếu một khoảng hoạt động không được *tri nhận* thì nó không tồn tại. Vì vậy, thời gian, theo một cách nào đó, trở thành 'thời lượng của tri giác'.

652. The key to solving the riddle of time is to examine simplicity and complexity in the process of perception.

652. Chìa khóa để giải câu đố về thời gian là khảo sát tính đơn giản và tính phức tạp trong tiến trình tri giác.

653. In states of profound absorption or concentration, there is the sense of timelessness, or the sense that great 'amounts' of time pass very quickly, or that small 'amounts' of time are of great duration.

653. Trong những trạng thái hấp thụ hay tập trung sâu sắc, có cảm giác vô thời gian, hoặc cảm giác rằng những "lượng" thời gian lớn trôi qua rất nhanh, hoặc rằng những "lượng" thời gian nhỏ lại có thời lượng rất lớn.

654. We often think that time, per se, is *real* but that our sense of time is subjective and variable. What I am emphasizing is that 'real time' is subjective, or is created by a subjective act—that of perception.

654. Chúng ta thường nghĩ rằng thời gian, chính nó, là *thực* nhưng cảm thức của chúng ta về thời gian thì chủ quan và biến đổi. Điều tôi đang nhấn mạnh là "thời gian thực" là chủ quan, hay được tạo ra bởi một hành vi chủ quan—đó là tri giác.

This idea is comparatively simple in relation to a human being, and can be seen in daily demonstration in his contacts with other men; these contacts are governed, for instance, very largely by his likes and dislikes.

Ý tưởng này tương đối đơn giản khi liên hệ với một con người, và có thể được thấy trong biểu hiện hằng ngày nơi những tiếp xúc của y với những người khác; chẳng hạn, những tiếp xúc này phần lớn được chi phối bởi những điều y thích và không thích.

655. This is the usual astral responsiveness. We can imagine that the astral body and its rotation on its axis account very much for whether human units are attracted to or repelled from each other.

655. Đây là sự đáp ứng cảm dục thông thường. Chúng ta có thể hình dung rằng thể cảm dục và sự quay của nó quanh trục của nó giải thích rất nhiều việc các đơn vị nhân loại bị thu hút đến hay bị đẩy lùi khỏi nhau.

All these attractions and repulsions are under law, and their cause exists in form itself.

Mọi sự thu hút và đẩy lùi này đều ở dưới định luật, và nguyên nhân của chúng tồn tại trong chính hình tướng.

656. If the attractions and repulsions are under law, they must be based on

656. Nếu các sự thu hút và đẩy lùi ở dưới định luật, chúng phải dựa trên những tương

mathematical relations. Coherence or separation are mathematically determined. Frequency of vibration or rotation will determine attraction and repulsion. Quantity *is* quality.

quan toán học. Sự kết dính hay tách rời được quyết định về mặt toán học. Tần số rung động hay quay sẽ quyết định sự thu hút và đẩy lùi. Số lượng *là* phẩm tính.

657. In practical life, we often see that people function according to rhythms which render them either attractive or repulsive to other people. The nature of rhythm is determined mathematically.

657. Trong đời sống thực tiễn, chúng ta thường thấy rằng con người hoạt động theo những nhịp điệu khiến họ hoặc hấp dẫn hoặc gây đẩy lùi đối với những người khác. Bản chất của nhịp điệu được quyết định về mặt toán học.

The emotion of like or of dislike is nothing else but the realisation by the conscious entity of the swinging into his magnetic radius of an atomic form which he is led, by the very law of his own being, to either attract or repulse.

Cảm xúc thích hay không thích không gì khác hơn là sự chứng nghiệm của thực thể hữu thức về việc một hình tướng nguyên tử dao động vào trong bán kính từ tính của y, mà do chính định luật của bản thể mình, y bị dẫn dắt để hoặc thu hút hoặc đẩy lùi nó.

658. To be attracted or repelled seems (*initially* at least) to be beyond the control of the indweller.

658. Việc bị thu hút hay bị đẩy lùi dường như (*ít nhất là lúc đầu*) vượt ngoài sự kiểm soát của đấng nội tại.

659. Playing with language, we can think that we *like* people who are *like* us. At least there must be certain significant points in common.

659. Chơi đùa với ngôn ngữ, chúng ta có thể nghĩ rằng chúng ta *thích* những người *giống* chúng ta. Ít nhất phải có một số điểm chung quan trọng nào đó.

Only when the form is transcended, and Spirit seeks out Spirit, will the phenomena of repulsion cease.

Chỉ khi hình tướng được siêu vượt, và tinh thần tìm đến tinh thần, thì hiện tượng đẩy lùi mới chấm dứt.

660. We are being told that in the state of synthesis, in which Spirit has sought, found and merged with Spirit, the state of repulsion has ceased. Synthesis, then, in a non-polar state beyond the state of attraction or repulsion.

660. Chúng ta đang được cho biết rằng trong trạng thái tổng hợp, trong đó tinh thần đã tìm kiếm, tìm thấy và hòa nhập với tinh thần, trạng thái đẩy lùi đã chấm dứt. Như vậy, tổng hợp là một trạng thái phi cực tính vượt lên trên trạng thái thu hút hay đẩy lùi.

This will be the inevitable finale at the cessation of solar evolution, and it will bring about pralaya.

Đây sẽ là kết cục tất yếu khi sự tiến hoá thái dương chấm dứt, và nó sẽ mang lại Giai kỳ qui nguyên.

661. Finales (even in music) occur under the Law of Synthesis—bringing all together in "one accord".

661. Những kết khúc (ngay cả trong âm nhạc) xảy ra dưới Định luật Tổng Hợp—đưa tất cả vào "một hòa điệu".

The **duration** of the interplay, the **period** of the search of Spirit for Spirit, and [Page 281] the vibratory process necessitated by the utilisation of the form, this we call Time, whether in connection with a man, a planetary Logos, or the Deity.

Thời lượng của sự tương tác, **thời kỳ** của cuộc tìm kiếm của tinh thần đối với tinh thần, và [Page 281] tiến trình rung động cần thiết do sự sử dụng hình tướng, đó là điều chúng ta gọi là Thời Gian, dù liên hệ với một con người, một Hành Tinh Thượng Đế, hay Thượng đế.

662. Are "time" and "duration" equivalent terms? If so, it seems that the term "time" is being defined by an equivalent term. And yet there are subtle differences in connotation between "time" and "duration".

662. "Thời gian" và "thời lượng" có phải là những thuật ngữ tương đương không? Nếu vậy, dường như thuật ngữ "thời gian" đang được định nghĩa bằng một thuật ngữ tương đương. Tuy nhiên, có những khác biệt tinh tế về hàm ý giữa "thời gian" và "thời lượng".

663. The operative terms in this definition are "duration" and "period". I have earlier used the word "span", suggesting much of the same.

663. Những thuật ngữ tác động trong định nghĩa này là "thời lượng" và "thời kỳ". Trước đây tôi đã dùng từ "khoảng", gợi ý phần lớn cùng một điều.

664. Unless the Law of Attraction is operative, the experience of time will not be operative. Under the Law of Attraction, change and interplay occur. Change and interplay *produce sequences of conscious events*.

664. Trừ phi Định luật Hấp Dẫn đang hoạt động, kinh nghiệm về thời gian sẽ không hoạt động. Dưới Định luật Hấp Dẫn, sự thay đổi và sự tương tác xảy ra. Sự thay đổi và sự tương tác *tạo ra những chuỗi sự kiện hữu thức*.

665. In a state of Pure Spirit or Pure Matter there is no change and thus no sequence of states of consciousness and, thus, no *experience* of time, and, thus, no time.

665. Trong trạng thái Tinh thần Thuần túy hay Vật chất Thuần túy không có sự thay đổi và do đó không có chuỗi các trạng thái tâm thức và, vì vậy, không có *kinh nghiệm* về thời gian, và, vì vậy, không có thời gian.

666. To the one who perceives only *changelessness,* there is no time.

Space, again, is included in the idea of consciousness, and its utilisation of matter. **Space, for the Logos, is literally the form wherein His conscious activities and purposes are worked out—the solar ring-pass-not.**

667. Usually, we associate space with formlessness. This may be true of the most abstract definition of SPACE as the ABSOLUTE.

668. But, within Universe, *space is form.* Or more properly, space is also a perception—a perception of form rather than a perception of relative duration (time)

669. It seems that the Tibetan has entered into very abstract considerations in this section of the book. Whenever speaking of Time and Space the utmost demands are placed on thought.

670. We might call space, a sustained perception of that which is different from something else. Or a sustained perception of a certain group of interactive factors.

671. In other words, space for any entity is the wholeness of the contents of consciousness for that entity. Entities with greater consciousness express within and relate to a greater 'space'. An entity's 'space' is the ring pass not of that entity's perception or registration. All space is psychological space or perceptual space.

666. Đối với kẻ chỉ tri nhận *sự bất biến,* thì không có thời gian.

Không gian, một lần nữa, được bao hàm trong ý niệm về tâm thức, và sự sử dụng vật chất của nó. **Không gian, đối với Thượng đế, theo nghĩa đen là hình tướng trong đó các hoạt động và mục đích hữu thức của Ngài được triển khai—vòng-giới-hạn thái dương.**

667. Thông thường, chúng ta liên kết không gian với tính vô tướng. Điều này có thể đúng với định nghĩa trừu tượng nhất của KHÔNG GIAN như TUYỆT ĐỐI.

668. Nhưng trong Vũ trụ, *không gian là hình tướng.* Hay nói đúng hơn, không gian cũng là một tri giác—một tri giác về hình tướng hơn là một tri giác về thời lượng tương đối (thời gian).

669. Dường như Chân sư Tây Tạng đã đi vào những suy xét rất trừu tượng trong phần này của quyển sách. Mỗi khi nói về Thời Gian và Không Gian, những đòi hỏi cao nhất đều được đặt lên tư tưởng.

670. Chúng ta có thể gọi không gian là một tri giác được duy trì về cái khác với một cái gì khác. Hoặc là một tri giác được duy trì về một nhóm nhất định các yếu tố tương tác.

671. Nói cách khác, không gian đối với bất kỳ thực thể nào là tính toàn thể của nội dung tâm thức đối với thực thể ấy. Những thực thể có tâm thức lớn hơn biểu lộ trong và liên hệ với một "không gian" lớn hơn. "Không gian" của một thực thể là vòng-giới-hạn của tri giác hay sự ghi nhận của thực thể ấy. Mọi không gian đều là không gian tâm lý hay không gian tri giác.

672. Man's 'space' is the sphere of his perception. This sphere is a form.

672. "Không gian" của con người là khối cầu tri giác của y. Khối cầu này là một hình tướng.

The space wherein a planetary Logos works out His plans is similarly as much of solar space as His consciousness is developed enough to use.

Không gian trong đó một Hành Tinh Thượng Đế triển khai các kế hoạch của Ngài cũng tương tự, là chừng nào của không gian thái dương mà tâm thức của Ngài đã phát triển đủ để sử dụng.

673. Again we see the relation of space to consciousness.

673. Một lần nữa chúng ta thấy mối liên hệ của không gian với tâm thức.

674. A Planetary Logos is contained within the 'space' of a Solar Logos because the consciousness of the Planetary Logos is contained within the consciousness of the Solar Logos.

674. Một Hành Tinh Thượng Đế được chứa trong "không gian" của một Thái dương Thượng đế bởi vì tâm thức của Hành Tinh Thượng Đế được chứa trong tâm thức của Thái dương Thượng đế.

675. We remember the definition of the Universe as a huge aggregation of states of consciousness—the lesser contained within the greater, and the greater Entities experiencing through the lesser.

675. Chúng ta nhớ định nghĩa về Vũ trụ như một tập hợp khổng lồ các trạng thái tâm thức—cái nhỏ hơn được chứa trong cái lớn hơn, và các Thực Thể lớn hơn kinh nghiệm thông qua cái nhỏ hơn.

Man again repeats the process and his ring-pass-not is included in the radius of his consciousness, and may be very circumscribed as in the case of the little evolved, or may be inclusive of a portion of planetary space of great extent, and even in the case of the very highly evolved may begin to touch the periphery of the sphere of influence of the planetary Logos in Whose body he is a cell.

Con người lại lặp lại tiến trình ấy và vòng-giới-hạn của y được bao gồm trong bán kính tâm thức của y, và có thể rất hạn hẹp như trong trường hợp của người ít tiến hoá, hoặc có thể bao gồm một phần không gian hành tinh rất rộng lớn, và thậm chí trong trường hợp của người rất cao độ tiến hoá có thể bắt đầu chạm đến chu vi của khối cầu ảnh hưởng của Hành Tinh Thượng Đế mà trong thân thể của Ngài y là một tế bào.

676. We are speaking of ring-pass-nots of consciousness. A man's 'space' expands as his consciousness expands.

676. Chúng ta đang nói về các vòng-giới-hạn của tâm thức. "Không gian" của một người mở rộng khi tâm thức của y mở rộng.

677. What are the limitations of the 'space' within which *we,* individually, express? How

677. Những giới hạn của "không gian" trong đó *chúng ta,* với tư cách cá nhân, biểu lộ là gì?

is this 'space' expanded when we merge in group consciousness? How is the 'space' expanded when we begin to merge into "God consciousness"?

"Không gian" này được mở rộng như thế nào khi chúng ta hòa nhập trong tâm thức nhóm? "Không gian" được mở rộng như thế nào khi chúng ta bắt đầu hòa nhập vào "tâm thức Thượng đế"?

Space for the atom (for instance, the atom in the physical body of man) will be the radius of the form in which is found the greater centre of consciousness of which it is a part

Không gian đối với nguyên tử (chẳng hạn, nguyên tử trong thể xác của con người) sẽ là bán kính của hình tướng trong đó tìm thấy trung tâm tâm thức lớn hơn mà nó là một phần của trung tâm ấy

678. The greater center of consciousness is the consciousness of the man who indwells the body of which the atom is a part.

678. Trung tâm tâm thức lớn hơn là tâm thức của con người nội tại trong thể mà nguyên tử là một phần của thể ấy.

679. In a way the consciousness of the atom is but a tiny aspect of the consciousness of the man who indwells the form.

679. Theo một cách nào đó, tâm thức của nguyên tử chỉ là một phương diện nhỏ bé của tâm thức của con người nội tại trong hình tướng.

and it will be both attracted and repulsed—**attracted and built into the form of the greater Life, yet repulsed and thereby prevented from moving from a certain point within that form.**

và nó sẽ vừa bị thu hút vừa bị đẩy lùi—**bị thu hút và được xây dựng vào trong hình tướng của Sự sống lớn hơn, nhưng lại bị đẩy lùi và nhờ đó bị ngăn không cho di chuyển khỏi một điểm nhất định trong hình tướng ấy.**

680. In the case of the atom of matter/substance, potential space (the entirety of the body in which it is found) is *greater* than the ring-pass-not within that space (or body) to which the atom is confined. A single atom will not be 'free' to wander to all part of the 'space' that is the body/form of man.

680. Trong trường hợp nguyên tử của vật chất/chất liệu, không gian tiềm năng (toàn bộ thể trong đó nó được tìm thấy) *lớn hơn* vòng-giới-hạn trong không gian ấy (hay thể ấy) mà nguyên tử bị giới hạn trong đó. Một nguyên tử đơn lẻ sẽ không "tự do" để lang thang đến mọi phần của "không gian" là thể/hình tướng của con người.

681. So it is for man; we cannot wander into all 'spaces' of which we may be theoretically cognizant. We are attracted by the greater, yet repulsed by it at the same time.

681. Con người cũng vậy; chúng ta không thể lang thang vào mọi "không gian" mà về mặt lý thuyết chúng ta có thể nhận biết. Chúng ta bị cái lớn hơn thu hút, nhưng đồng thời cũng bị nó đẩy lùi.

We have here dealt a little with **time and space in their relation to a specific centre of consciousness**;

682. Be that centre of consciousness the consciousness of a tiny atom, a man, a Planetary Logos or a Solar Logos.

we have seen that **they are simply forms of ideas to express the cyclic activity of an entity.**

683. What is said immediately above is what we must grasp, and it is difficult—that time and space "are simply forms of ideas to express the cyclic activity an entity". Time and space are not even *ideas,* but only *forms* of ideas.

684. Space is the totality of the sphere of consciousness; consciousness creates space. Time is that which interrupts the unvarying perception of essence.

685. Unless an entity is engaged in "cyclic activity" there would be no time and space.

686. All activity is, fundamentally, cyclic activity and is based upon the principle of pulsation between being and non-being.

687. Time and space are based upon limitation and discontinuity of perception/ consciousness.

The subject is exceedingly abstruse, due to the low stage of the human intelligence, which is as yet so occupied with the

Ở đây chúng ta đã bàn đôi chút về **thời gian và không gian trong mối liên hệ của chúng với một trung tâm tâm thức đặc thù**;

682. Dù trung tâm tâm thức ấy là tâm thức của một nguyên tử nhỏ bé, một con người, một Hành Tinh Thượng Đế hay một Thái dương Thượng đế.

chúng ta đã thấy rằng **chúng chỉ đơn giản là những hình thức của các ý tưởng để diễn đạt hoạt động chu kỳ của một thực thể.**

683. Điều vừa được nói ngay trên là điều chúng ta phải nắm bắt, và điều đó khó—rằng thời gian và không gian "chỉ đơn giản là những hình thức của các ý tưởng để diễn đạt hoạt động chu kỳ của một thực thể". Thời gian và không gian thậm chí không phải là *ý tưởng,* mà chỉ là những *hình thức* của các ý tưởng.

684. Không gian là tổng thể của khối cầu tâm thức; tâm thức tạo ra không gian. Thời gian là cái làm gián đoạn tri giác bất biến về tinh túy.

685. Trừ phi một thực thể đang tham dự vào "hoạt động chu kỳ" thì sẽ không có thời gian và không gian.

686. Mọi hoạt động, về căn bản, đều là hoạt động chu kỳ và dựa trên nguyên khí dao động giữa hữu thể và phi hữu thể.

687. Thời gian và không gian dựa trên sự giới hạn và tính gián đoạn của tri giác/tâm thức.

Chủ đề này cực kỳ thâm áo, do giai đoạn thấp của trí tuệ nhân loại, vốn hiện còn quá bận rộn với phương diện khách quan hay vật

objective or material side of manifestation that the attraction existing between Spirit and Spirit is little more than a concept.

chất của biểu hiện đến nỗi sự thu hút hiện hữu giữa tinh thần và tinh thần chỉ hơn một khái niệm rất ít.

688. We can all agree with the Tibetan. There are few sections of *TCF* which are more difficult than the section we have been examining.

688. Tất cả chúng ta đều có thể đồng ý với Chân sư Tây Tạng. Có rất ít phần trong *TCF* khó hơn phần mà chúng ta đã khảo sát.

689. Only if one is identified *as* Spirit will it be possible to fathom the attraction existing between Spirit and Spirit. It is that which causes the human Spirit to look beyond and through any differences in order to discover in the apparent 'other' that which is absolutely identical with itself (i.e., the Spirit) Right now, the registration of distinctions overpowers the search for identicality.

689. Chỉ khi một người được đồng hoá *như* tinh thần thì mới có thể thấu suốt sự thu hút hiện hữu giữa tinh thần và tinh thần. Chính điều đó khiến tinh thần nhân loại nhìn vượt lên và xuyên qua mọi khác biệt để khám phá nơi "kẻ khác" biểu kiến cái hoàn toàn đồng nhất với chính mình (tức là tinh thần). Ngay lúc này, sự ghi nhận các khác biệt lấn át việc tìm kiếm tính đồng nhất.

When more of the human family have **their centre of consciousness in the Ego and hence are busy with the work of repulsing matter,** and **with the withdrawal of** [Page 282] **Spirit from form**, then only will the transmutative process be comprehended,

Khi nhiều thành viên hơn của gia đình nhân loại có **trung tâm tâm thức của họ ở trong chân ngã và do đó bận rộn với công việc đẩy lùi vật chất,** và **với sự rút lui của** [Page 282] **tinh thần khỏi hình tướng**, thì chỉ khi đó tiến trình chuyển hoá mới được thấu hiểu,

690. We are given the work to be accomplished by the human being who has his center of consciousness centered in the Ego

690. Chúng ta được cho biết công việc phải được hoàn thành bởi con người có trung tâm tâm thức đặt nơi chân ngã.

a. The work of repulsing matter

a. Công việc đẩy lùi vật chất

b. The work of withdrawing Spirit from form

b. Công việc rút tinh thần khỏi hình tướng

691. In the tabulation on *TCF* 275. we are given the interrelation between Spirit and form. The Ego is not mentioned.

691. Trong bảng liệt kê ở *TCF* 275, chúng ta được cho thấy mối tương quan giữa tinh thần và hình tướng. Chân ngã không được nhắc đến.

a. The period of the domination of the form note is that of involution.

a. Thời kỳ sự thống trị của âm điệu hình tướng là thời kỳ giáng hạ tiến hoá.

b. The period of the repulsion of form by Spirit is that of the battlefield of the three worlds.

b. Thời kỳ tinh thần đẩy lùi hình tướng là thời kỳ chiến trường của ba cõi thấp.

c. The period of the attraction of Spirit and Spirit, and the consequent withdrawal from form is that of the Path.

c. Thời kỳ tinh thần hút tinh thần, và hậu quả là sự rút lui khỏi hình tướng, là thời kỳ của Con Đường.

d. The period of domination of the note of Spirit is that of the higher planes of evolution.

d. Thời kỳ sự thống trị của âm điệu tinh thần là thời kỳ của các cõi cao hơn của tiến hoá.

692. Yet the Ego is to be considered an extension of the Spirit, and the consciousness which is centered in the Ego is passing through stage "b." above. The "Law of Repulse" is a law of the *soul.* The work of the soul/Ego is also instrumental during the initial stages of withdrawing Spirit from form.

692. Tuy nhiên, chân ngã phải được xem là một sự mở rộng của tinh thần, và tâm thức được đặt trung tâm trong chân ngã đang đi qua giai đoạn "b." ở trên. "Định luật Đẩy Lùi" là một định luật của *linh hồn.* Công việc của linh hồn/chân ngã cũng là công cụ trong các giai đoạn đầu của việc rút tinh thần khỏi hình tướng.

693. Such a human being (whose consciousness is centered in the Ego) is functioning under the fourth Law of the Soul—the Law of Repulse (which is also the first triadally impulsed soul law).

693. Một con người như thế (mà tâm thức được định tâm trong chân ngã) đang hoạt động dưới Định luật thứ tư của linh hồn—Định luật Đẩy Lùi (cũng là định luật linh hồn đầu tiên được Tam nguyên tinh thần thúc đẩy).

694. Centering the consciousness in the Ego is, of course, preliminary to the centering of consciousness in the Spirit.

694. Dĩ nhiên, việc định tâm tâm thức trong chân ngã là bước sơ bộ cho việc định tâm tâm thức trong tinh thần.

695. Before Spirit can merge with Spirit it must be abstracted from matter/form. The soul-center promotes this abstraction.

695. Trước khi tinh thần có thể hợp nhất với tinh thần, nó phải được rút ra khỏi vật chất/hình tướng. Trung tâm linh hồn thúc đẩy sự trừu xuất này.

696. The work of transmutation (although considered preliminary to transformation

696. Công việc chuyển hoá (dù được xem là bước sơ bộ cho chuyển đổi và Biến hình) đòi

and transfiguration) requires a disidentification from matter/form.

hỏi phải không còn đồng hoá với vật chất/ hình tướng.

then only will time (**as known in the three worlds**) be transcended,

khi đó và chỉ khi đó thời gian (**như được biết trong ba cõi thấp**) mới được siêu vượt,

697. The suggestion is that there are more ways to understand time than as it is understood in the three worlds.

697. Điều được gợi ý là có nhiều cách để hiểu thời gian hơn là cách nó được hiểu trong ba cõi thấp.

698. The factor of Time is inescapable if there is to be a Universe. A Universe, in one respect, is the commencement of Time (as well as its sustainment and termination) within the infinite continuum of Endless Duration

698. Yếu tố Thời gian là điều không thể tránh khỏi nếu phải có một Vũ trụ. Xét theo một phương diện, một Vũ trụ là sự khởi đầu của Thời gian (cũng như sự duy trì và chấm dứt của nó) bên trong continuum vô hạn của Thời Lượng Vô Tận

and then only will space (as manifested to man through the three lower planes or the eighteen subplanes) be found to be a barrier.

và khi đó và chỉ khi đó không gian (như được biểu hiện cho con người qua ba cõi thấp hay mười tám cõi phụ) mới được thấy là một rào cản.

699. The normal 'space' for the average human being is the ring-pass-not of the eighteen lower subplanes. Within these worlds he normally lives and moves and has his being and feels no conscious confinement thereby.

699. "Không gian" thông thường đối với con người trung bình là vòng-giới-hạn của mười tám cõi phụ thấp. Trong các thế giới này, y bình thường sống, vận động và tồn tại, và không cảm thấy có sự giam hãm hữu thức nào bởi điều đó.

700. Let us tabulate the results of centering consciousness in the Ego:

700. Chúng ta hãy lập bảng các kết quả của việc định tâm tâm thức trong chân ngã:

a. The transmutative process will be comprehended

a. Tiến trình chuyển hoá sẽ được thấu hiểu

b. Time (as we know it) will be transcended

b. Thời gian (như chúng ta biết) sẽ được siêu vượt

c. Space (as manifested through the eighteen sub-planes) will be found to be a barrier

c. Không gian (như được biểu hiện qua mười tám cõi phụ) sẽ được thấy là một rào cản

This same statement can be predicated of the seven Logoi and of the solar Logos, extending the idea to other planes, solar and cosmic.

Cùng một phát biểu này có thể được áp dụng cho bảy Các Thượng đế và cho Thái dương Thượng đế, mở rộng ý tưởng sang các cõi khác, thái dương và vũ trụ.

701. The "seven Logoi" (in this context) are the seven *Planetary* Logoi. Usually, when Planetary Logoi are indicated, the Tibetan will say so.

701. "Bảy Các Thượng đế" (trong ngữ cảnh này) là bảy *Hành Tinh* Thượng Đế. Thông thường, khi muốn chỉ các Hành Tinh Thượng Đế, Chân sư Tây Tạng sẽ nói rõ như vậy.

702. The Planetary Logoi are *cosmic* beings, and the time they experience can be conceived as relating to the eighteen lower *cosmic* subplanes which, as well, is their confining 'space'—especially when they are non-sacred Planetary Logoi.

702. Các Hành Tinh Thượng Đế là những hữu thể *vũ trụ*, và thời gian mà Các Ngài trải nghiệm có thể được quan niệm là liên hệ với mười tám cõi phụ *vũ trụ* thấp, vốn cũng là "không gian" giam hãm Các Ngài—đặc biệt khi Các Ngài là các Hành Tinh Thượng Đế không thiêng liêng.

703. The twenty-one lower cosmic subplanes determine time and space for a Solar Logos.

703. Hai mươi mốt cõi phụ vũ trụ thấp xác định thời gian và không gian đối với một Thái dương Thượng đế.

704. One cannot experience of time outside of one's space. One cannot experience relative space except through the processes of time.

704. Người ta không thể trải nghiệm thời gian bên ngoài không gian của mình. Người ta không thể trải nghiệm không gian tương đối ngoại trừ qua các tiến trình của thời gian.

705. Long ago Planetary Logoi and Solar Logoi achieved transmutation as it is necessitated in the human evolutionary process, and transcended time (humanly considered) and broke through the barrier of 'human space' produced by the limitations of human consciousness.

705. Từ lâu, các Hành Tinh Thượng Đế và các Thái dương Thượng đế đã đạt được sự chuyển hoá như điều cần thiết trong tiến trình tiến hoá của con người, và đã siêu vượt thời gian (xét theo cách hiểu của con người) cũng như phá vỡ rào cản của "không gian nhân loại" do các giới hạn của tâm thức con người tạo ra.

706. Is it not, therefore, interesting that these great beings must pass though other and greater transmutations; transcend time of an entirely different order (related, of course, to the limitations of their perceptual

706. Vậy chẳng phải là điều thú vị sao khi những hữu thể vĩ đại này phải trải qua những sự chuyển hoá khác và lớn lao hơn; siêu vượt thời gian thuộc một trật tự hoàn toàn khác (dĩ nhiên liên hệ đến các giới hạn

process—vast though it is); and enlarge their conception of 'space'.

707. When we humans speak of transcending time and space, we rarely think that those beings (who many mahamanvantaras ago were human) are even *now* attempting to transcend time and space as time and space *appear* to them!

So also can it be narrowed down to the subhuman, and to the involutionary lives, remembering ever that **as the consciousness is more confined and restricted so inertia, lack of response and limitation of radiation will be seen.**

708. Such subhuman lives are overcome by the energy of the third aspect through which 'amalgamative radiation' is not produced.

709. Compared, for instance, to a Planetary Logos, the human being is

a. Restricted and confined

b. Characterized by inertia

c. Characterized by lack of response

d. Characterized by limitation of radiation

710. A similar restriction will be noted when comparing a Planetary Logos to the Solar Logos, though these two types of beings are far closer in their degree of unfoldment than is a man to a Planetary Logos or Solar Logos.

của tiến trình tri giác của Các Ngài—dù nó bao la đến đâu); và mở rộng quan niệm của Các Ngài về "không gian".

707. Khi chúng ta, loài người, nói về việc siêu vượt thời gian và không gian, chúng ta hiếm khi nghĩ rằng những hữu thể ấy (những Đấng từ nhiều Đại giai kỳ sinh hóa trước đã từng là con người) thậm chí *ngay bây giờ* vẫn đang cố gắng siêu vượt thời gian và không gian như thời gian và không gian *xuất hiện* đối với Các Ngài!

Tương tự như vậy, điều này cũng có thể được thu hẹp xuống giới dưới nhân loại và các sự sống giáng hạ tiến hoá, luôn ghi nhớ rằng **khi tâm thức càng bị giam hãm và hạn chế hơn thì quán tính, sự thiếu đáp ứng và sự giới hạn của bức xạ sẽ càng được thấy rõ.**

708. Những sự sống dưới nhân loại như thế bị năng lượng của phương diện thứ ba chế ngự, qua đó "bức xạ dung hợp" không được tạo ra.

709. Chẳng hạn, so với một Hành Tinh Thượng Đế, con người là

a. Bị hạn chế và giam hãm

b. Được đặc trưng bởi quán tính

c. Được đặc trưng bởi sự thiếu đáp ứng

d. Được đặc trưng bởi sự giới hạn của bức xạ

710. Một sự hạn chế tương tự sẽ được lưu ý khi so sánh một Hành Tinh Thượng Đế với Thái dương Thượng đế, dù hai loại hữu thể này gần nhau hơn nhiều về mức độ khai mở so với con người đối với một Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế.

By a close scrutiny of chart V (See p. 344), it will be apparent wherein lies the problem of the Logos, and wherein lies the accuracy of the correspondence between Him and His reflection Man.

711. Chart V is one of the great charts in *TCF*. An extraordinary amount of knowledge can be mined from a prolonged and careful examination of the chart.

712. As previously stated, the analogy between the Solar Logos and Man is in many points closer than the analogy between the Planetary Logos and Man.

713. The chart suggests far more than it depicts literally. Far more is implied than is presented.

714. We will note that the cosmic atmic plane and the cosmic astral plane are left apparently blank, which is hardly the case. Important centers of focus for our Planetary Logos (and even for out Solar Logos) are there to be found. But a single chart cannot illustrate all pertinent relationships.

715. In relation to the shared problems of Man and the Solar Logos, they are problems incident to the fact that *both* beings are midway through their process of evolution.

716. Is it not interesting that Man is considered a "reflection" of the Solar Logos. This is not said in so many words with regard to our Heavenly Man.

Bằng sự khảo sát kỹ lưỡng Biểu đồ V (xem tr. 344), sẽ trở nên hiển nhiên chính trong đâu có vấn đề của Thượng đế, và chính trong đâu có tính chính xác của sự tương ứng giữa Ngài và phản ánh của Ngài là Con Người.

711. Biểu đồ V là một trong những biểu đồ lớn trong *TCF*. Một lượng tri thức phi thường có thể được khai thác từ việc khảo sát kéo dài và cẩn trọng biểu đồ này.

712. Như đã nói trước đây, sự tương đồng giữa Thái dương Thượng đế và Con Người ở nhiều điểm gần hơn sự tương đồng giữa Hành Tinh Thượng Đế và Con Người.

713. Biểu đồ gợi ra nhiều hơn rất nhiều so với điều nó mô tả theo nghĩa đen. Nhiều điều được hàm ý hơn là được trình bày.

714. Chúng ta sẽ lưu ý rằng cõi atma vũ trụ và cõi cảm dục vũ trụ dường như bị để trống, trong khi thực tế hầu như không phải vậy. Những trung tâm tập chú quan trọng của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta (và ngay cả của Thái dương Thượng đế của chúng ta) được tìm thấy ở đó. Nhưng một biểu đồ đơn lẻ không thể minh hoạ mọi tương quan thích đáng.

715. Liên quan đến những vấn đề chung của Con Người và Thái dương Thượng đế, đó là những vấn đề phát sinh từ sự kiện rằng *cả hai* hữu thể đều đang ở giữa tiến trình tiến hoá của mình.

716. Chẳng phải là điều thú vị sao khi Con Người được xem là một "phản ánh" của Thái dương Thượng đế. Điều này không được nói rõ như thế đối với Đấng Thiên Nhân của chúng ta.

717. What may be the "problem of the Logos"? The following quotations concerning the Solar Logos and Man suggest some of the problems:

Both are at their point of deepest involution. (*TCF* 282)

We have been told that the solar Logos, on the cosmic planes, works at the problem of cosmic mind; that He functions in His physical solar system, **is polarised in His cosmic astral, or emotional body**, and is developing cosmic mind. (LOM 52-53)

Man has to bring down into conscious full control, the God within. Through that control he must dominate circumstance, make his environment his instrument and manipulate matter. On cosmic levels the Logos does likewise. **Both are far from achievement.** (*TCF* 282)

Just as the planet called the earth is regarded as the turning point or the battle-ground between Spirit and matter, and is therefore, from that very consideration, of great importance, **so our solar system holds an analogous place in the cosmic scheme.** The cosmic man, the solar Arjuna, is wrestling for His individualised perfected self-consciousness, and for freedom and liberation from the form, and from the not-self. **So man on this planet battles for similar ideals on his tiny scale;** so battle in heaven Michael and His Angels, or the divine Heavenly Men, Whose problem is the same on the higher scale. (*TCF* 242)

717. "Vấn đề của Thượng đế" có thể là gì? Những trích dẫn sau đây liên quan đến Thái dương Thượng đế và Con Người gợi ý một số vấn đề:

Cả hai đều ở tại điểm giáng hạ tiến hoá sâu nhất của mình. (*TCF* 282)

Chúng ta đã được cho biết rằng Thái dương Thượng đế, trên các cõi vũ trụ, đang làm việc với vấn đề của trí tuệ vũ trụ; rằng Ngài hoạt động trong hệ mặt trời hồng trần của Ngài, **được phân cực trong thể cảm dục, hay thể cảm xúc, vũ trụ của Ngài**, và đang phát triển trí tuệ vũ trụ. (LOM 52-53)

Con Người phải đưa Thượng đế bên trong xuống dưới sự kiểm soát đầy đủ và hữu thức. Qua sự kiểm soát đó, y phải chế ngự hoàn cảnh, biến môi trường của mình thành công cụ của mình và thao tác vật chất. Trên các cấp độ vũ trụ, Thượng đế cũng làm như vậy. **Cả hai còn rất xa thành tựu.** (*TCF* 282)

Cũng như hành tinh gọi là Trái Đất được xem là điểm ngoặt hay chiến trường giữa tinh thần và vật chất, và vì thế, chính từ sự xem xét đó, có tầm quan trọng lớn lao, **thì hệ mặt trời của chúng ta cũng giữ một vị trí tương tự trong hệ hành tinh vũ trụ.** Con người vũ trụ, Arjuna thái dương, đang vật lộn để đạt ngã thức biệt ngã hóa hoàn hảo của Ngài, và để có tự do cùng giải thoát khỏi hình tướng, khỏi cái không-phải-ngã. **Con người trên hành tinh này cũng chiến đấu cho những lý tưởng tương tự ở quy mô nhỏ bé của mình;** cũng như trên thiên giới Michael và các Thiên Thần của Ngài, hay các Đấng Thiên Nhân thiêng liêng, chiến đấu, mà vấn đề của Các Ngài cũng y hệt ở quy mô cao hơn. (*TCF* 242)

718. The close scrutiny which DK suggests will not be easy.

719. The alignments between the numbers *two* and *four* are evident in the chart.

720. We note our Solar Logos' relation to the *fourth* Rishi of the Great Bear, remembering that our Logos is of the *fourth* order.

721. Four is the number of struggle towards harmony, and *two* the number of the love-wisdom which arises harmony is achieved.

722. The Chart suggests that we live in an astral-buddhic solar system, and that the struggle towards the full achievement of Cosmic Love pertains to our Solar Logos.

723. Incidentally, the line from the Logos passes through the Vishnu aspect on the logoic plane and a fourth Planetary Logos on the monadic plane. Is this Planetary Logos the Logos of the Earth-scheme, or of the sacred planet of the fourth ray—Mercury egoically, and Vulcan, monadically?

724. I will call our attention to the following fact now, and hope later to suggest some thoughts re its elucidation: On the cosmic monadic plane, the line which passes through the fourth Rishi of the Great Bear originates in a triangle which is either the second or the third depending on the mode of counting the seven triangles in each large circle. This must be very significant for all that is transpiring within our solar system.

718. Sự khảo sát kỹ lưỡng mà Chân sư DK gợi ý sẽ không dễ dàng.

719. Những sự chỉnh hợp giữa các con số *hai* và *bốn* là hiển nhiên trong biểu đồ.

720. Chúng ta lưu ý mối liên hệ của Thái dương Thượng đế của chúng ta với vị Rishi *thứ tư* của Đại Hùng Tinh, ghi nhớ rằng Thượng đế của chúng ta thuộc cấp *thứ tư*.

721. Bốn là con số của sự đấu tranh hướng tới hài hoà, và *hai* là con số của bác ái-minh triết nảy sinh khi hài hoà được đạt tới.

722. Biểu đồ gợi ý rằng chúng ta sống trong một hệ mặt trời cảm dục-bồ đề, và rằng sự đấu tranh hướng tới việc thành tựu trọn vẹn Bác Ái Vũ Trụ liên quan đến Thái dương Thượng đế của chúng ta.

723. Nhân tiện, đường từ Thượng đế đi qua phương diện Vishnu trên cõi logoic và một Hành Tinh Thượng Đế thứ tư trên cõi chân thần. Hành Tinh Thượng Đế này là Thượng đế của hệ hành tinh Địa Cầu, hay của hành tinh thiêng liêng thuộc cung bốn—Sao Thủy về mặt chân ngã, và Vulcan về mặt chân thần?

724. Bây giờ tôi sẽ lưu ý chúng ta đến sự kiện sau đây, và hy vọng sau này sẽ gợi ra vài tư tưởng liên quan đến sự làm sáng tỏ nó: Trên cõi chân thần vũ trụ, đường đi qua vị Rishi thứ tư của Đại Hùng Tinh bắt nguồn trong một tam giác hoặc là tam giác thứ hai hoặc thứ ba tùy theo cách đếm bảy tam giác trong mỗi vòng tròn lớn. Điều này hẳn phải rất có ý nghĩa đối với mọi điều đang diễn ra trong hệ mặt trời của chúng ta.

725. That little triangle in the fourth large circle is what we might call a ‘sleeping hint’, awaiting the day of its revelation—when?—centuries ahead?

725. Tam giác nhỏ ấy trong vòng tròn lớn thứ tư là điều mà chúng ta có thể gọi là một “gợi ý đang ngủ”, chờ đợi ngày được mặc khải—khi nào?—nhiều thế kỷ phía trước chăng?

CHART V

EVOLUTION OF A SOLAR LOGOS

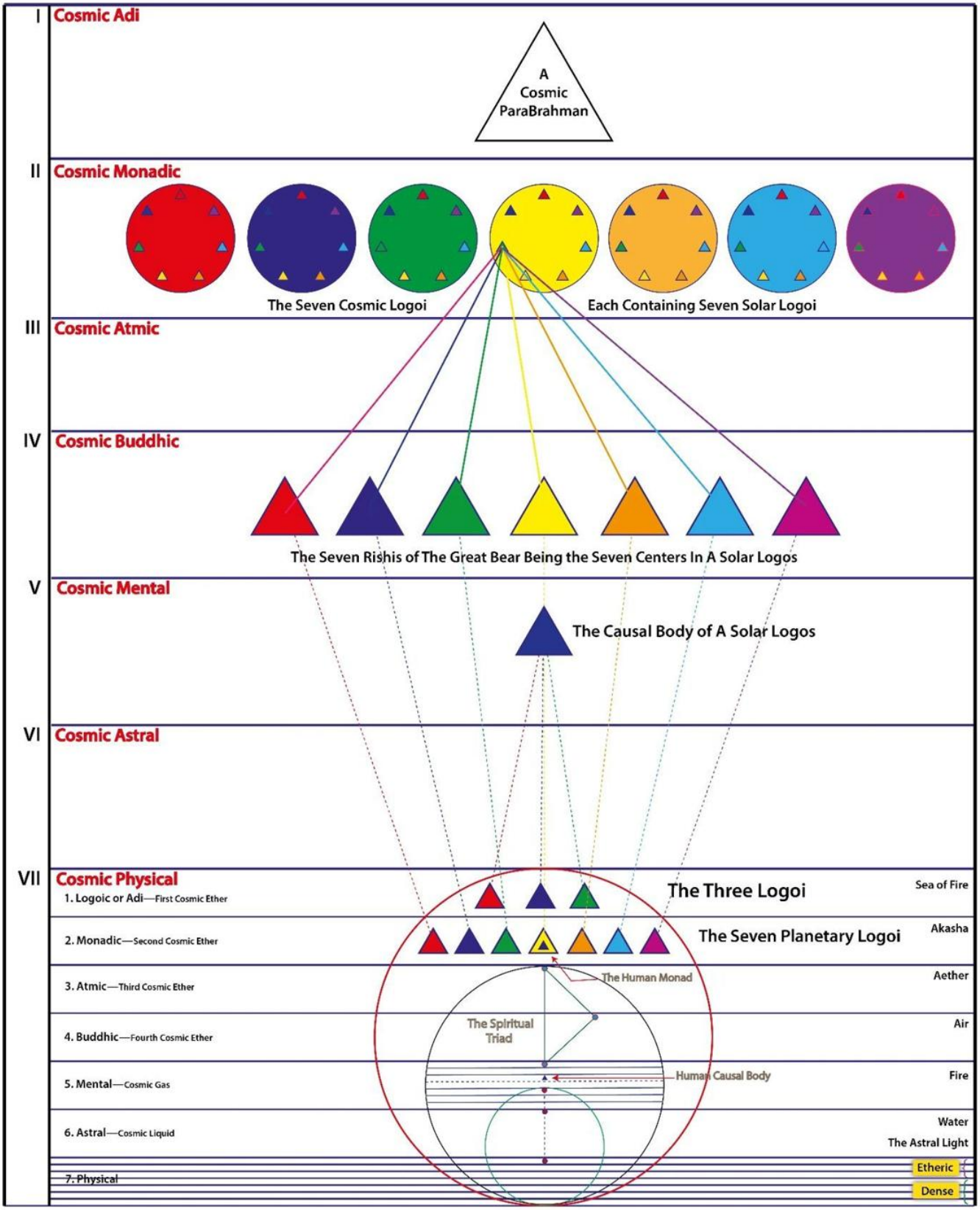

726. VSK states: “The following list is a beautiful demonstration of numerical resonance to context in a seven point list”.

726. VSK nói: “Danh sách sau đây là một minh hoạ đẹp đẽ về sự cộng hưởng số học với ngữ cảnh trong một danh sách bảy điểm”.

727. Here we are given a tabulation of conditions and problems shared by both Man and the Solar Logos.

727. Ở đây chúng ta được cho một bảng liệt kê các điều kiện và vấn đề được chia sẻ bởi cả Con Người lẫn Thái dương Thượng đế.

First. Both are in objective manifestation on the physical plane.

Thứ nhất. Cả hai đều đang ở trong biểu hiện khách quan trên cõi hồng trần.

728. In relation to a human being, we are dealing with the systemic physical plane.

728. Liên hệ với một con người, chúng ta đang đề cập đến cõi hồng trần hệ thống.

729. In relation to the Solar Logos, we are dealing with the cosmic physical plane. Note that the Tibetan requires that we realize that it is the cosmic physical plane which pertains to the Solar Logos.

729. Liên hệ với Thái dương Thượng đế, chúng ta đang đề cập đến cõi hồng trần vũ trụ. Lưu ý rằng Chân sư Tây Tạng đòi hỏi chúng ta phải chứng nghiệm rằng chính cõi hồng trần vũ trụ là điều liên quan đến Thái dương Thượng đế.

Second. Both are at their point of deepest involution.

Thứ hai. Cả hai đều ở tại điểm giáng hạ tiến hoá sâu nhất của mình.

730. This means that both beings are subject to the number *four,* which represents the midway point in a sevenfold cycle.

730. Điều này có nghĩa là cả hai hữu thể đều chịu dưới con số *bốn,* tượng trưng cho điểm ở giữa trong một chu kỳ thất phân.

731. This statement should be compared with information found on *TCF* 384.

731. Phát biểu này nên được so sánh với thông tin tìm thấy ở *TCF* 384.

Third. Both are trammelled by matter, and are developing consciousness (egoic consciousness) on the physical plane—man on the solar physical, and the Logos on the cosmic physical plane.

Thứ ba. Cả hai đều bị trói buộc bởi vật chất, và đang phát triển tâm thức (tâm thức chân ngã) trên cõi hồng trần—con người trên cõi hồng trần thái dương, và Thượng đế trên cõi hồng trần vũ trụ.

732. Man well knows that he is not free; is it surprising to think of the great Solar Logos

732. Con Người biết rất rõ rằng y không tự do; vậy có đáng ngạc nhiên không khi nghĩ về Thái dương Thượng đế vĩ đại như một Hữu thể mà, tương đối mà nói, cũng không

as a Being who, relatively, also is not free, but like man, trammeled by matter?

tự do, nhưng giống như con người, bị vật chất trói buộc?

733. Most human beings have not yet developed full egoic consciousness on the physical plane—the solar (or systemic) physical. The Solar Logos, likewise, as He expresses Himself upon the cosmic physical plane, has not yet developed the capacity to access the full consciousness of His own Ego on its own plane—the cosmic mental plane.

733. Phần lớn con người chưa phát triển đầy đủ tâm thức chân ngã trên cõi hồng trần—cõi hồng trần thái dương (hay hệ thống). Tương tự như vậy, Thái dương Thượng đế, khi Ngài biểu lộ chính mình trên cõi hồng trần vũ trụ, vẫn chưa phát triển năng lực tiếp cận trọn vẹn tâm thức của chính chân ngã của Ngài trên cõi riêng của nó—cõi trí vũ trụ.

734. If the Solar Logos has to develop the capacity to register and express egoic consciousness on the cosmic physical plane, this must certainly be true of the Planetary Logoi.

734. Nếu Thái dương Thượng đế phải phát triển năng lực ghi nhận và biểu lộ tâm thức chân ngã trên cõi hồng trần vũ trụ, thì điều này chắc chắn cũng đúng đối với các Hành Tinh Thượng Đế.

735. We can only imagine what type of Solar Angel has created the causal body of the Solar Logos

735. Chúng ta chỉ có thể hình dung loại Thái dương Thiên Thần nào đã tạo ra thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế

"A solar Logos uses for His energy centres the planetary schemes, each of which embodies a peculiar type of energy, and **each of which, therefore, vibrates to the key of the logoic solar Angel, of which the human solar Angel is a dim reflection.** It is interesting here to note that as the human solar Angel is a unity, manifesting through three tiers of petals, the logoic correspondence is even more interesting, for that great cosmic Entity demonstrates on the cosmic mental plane as a triple flame working through seven tiers of petals, and it is the energy from these seven circles of energy which pulsates through the medium of any scheme. All this is hidden in the mystery of the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID, and it is not possible for men to solve it,—the truth being obscure to even the highest Dhyan Chohan of our system.

"Một Thái dương Thượng đế sử dụng các hệ hành tinh làm các trung tâm năng lượng của Ngài, mỗi hệ hành tinh thể hiện một loại năng lượng đặc thù, và **do đó, mỗi hệ hành tinh rung động theo chủ âm của Thái dương Thiên Thần logoic, mà Thái dương Thiên Thần của con người chỉ là một phản ánh mờ nhạt.** Ở đây thật thú vị khi lưu ý rằng cũng như Thái dương Thiên Thần của con người là một đơn vị, biểu lộ qua ba tầng cánh hoa, thì sự tương ứng logoic còn thú vị hơn nữa, vì Thực Thể vũ trụ vĩ đại ấy biểu lộ trên cõi trí vũ trụ như một ngọn lửa tam phân hoạt động qua bảy tầng cánh hoa, và chính năng lượng từ bảy vòng năng lượng này đập nhịp qua trung gian của bất kỳ hệ hành tinh nào. Tất cả điều này được ẩn giấu trong huyền nhiệm của ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ, và con người không thể giải được,—sự thật vẫn mờ tối ngay cả đối với vị Dhyan Chohan cao nhất của hệ thống chúng ta.

736. If the planetary schemes, as chakras of the Solar Logos, vibrate to the key of the logoic Solar Angel, then the chakras of man must necessarily vibrate to the key of man's Solar Angel.

736. Nếu các hệ hành tinh, với tư cách là các luân xa của Thái dương Thượng đế, rung động theo chủ âm của Thái dương Thiên Thần logoic, thì các luân xa của con người tất yếu cũng phải rung động theo chủ âm của Thái dương Thiên Thần của con người.

737. It may be inferred that the logoic Solar Angel also has or focusses upon a ray, just as does man's Solar Angel. This ray is, probably, what we call the soul ray or egoic ray. It is interesting to realize that all our chakras vibrate to the key of our soul ray. Probably there is a contest within each chakra to see whether it will be ruled by the soul ray or personality ray of the indwelling entity.

737. Có thể suy ra rằng Thái dương Thiên Thần logoic cũng có hay tập chú vào một cung, cũng như Thái dương Thiên Thần của con người. Cung này có lẽ là điều chúng ta gọi là cung linh hồn hay cung chân ngã. Thật thú vị khi nhận ra rằng tất cả các luân xa của chúng ta đều rung động theo chủ âm của cung linh hồn của chúng ta. Có lẽ có một sự tranh chấp bên trong mỗi luân xa để xem liệu nó sẽ được cai quản bởi cung linh hồn hay cung phàm ngã của thực thể nội tại.

738. Further, all the planetary schemes vibrate to the key of the Solar Logos' soul ray,

738. Hơn nữa, tất cả các hệ hành tinh đều rung động theo chủ âm của cung linh hồn

as is evidenced from the chart immediately below:

của Thái dương Thượng đế, như được chứng minh từ biểu đồ ngay bên dưới:

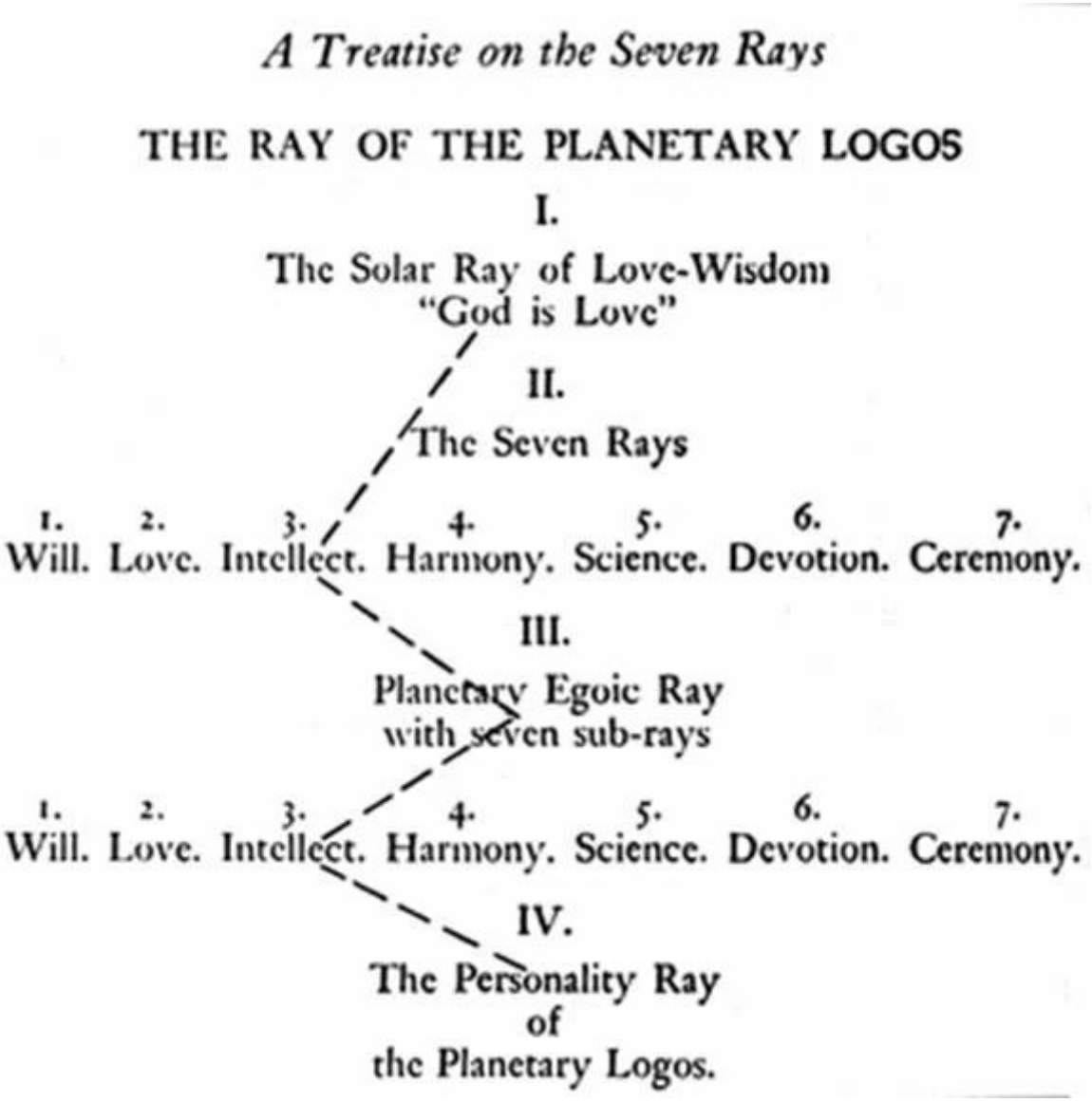

Fourth. Man has to bring down into conscious full control, the God within. Through that control he must dominate circumstance, make his environment his instrument and manipulate matter. On cosmic levels the Logos does likewise. Both are far from achievement.

Thứ tư. Con Người phải đưa Thượng đế bên trong xuống dưới sự kiểm soát đầy đủ và hữu thức. Qua sự kiểm soát đó, y phải chế ngự hoàn cảnh, biến môi trường của mình thành công cụ của mình và thao tác vật chất. Trên các cấp độ vũ trụ, Thượng đế cũng làm như vậy. Cả hai còn rất xa thành tựu.

739. The human being is seeking mastery on the eighteen lower subplanes of the systemic physical plane and, eventually, upon the twenty-one lower subplanes.

739. Con người đang tìm kiếm quyền làm chủ trên mười tám cõi phụ thấp của cõi hồng trần hệ thống và, cuối cùng, trên hai mươi mốt cõi phụ thấp.

740. The Solar Logos, analogously to man, must seek mastery upon the eighteen lower *cosmic* subplanes and eventually upon twenty-one such planes.

740. Tương tự với con người, Thái dương Thượng đế phải tìm kiếm quyền làm chủ trên mười tám cõi phụ *vũ trụ* thấp và cuối cùng trên hai mươi mốt cõi như thế.

741. It is interesting that our Solar Logos, though presently astrally polarized, has taken the *second* cosmic initiation and is working towards the third.

741. Thật thú vị khi Thái dương Thượng đế của chúng ta, dù hiện nay phân cực cảm xúc, đã nhận lần điểm đạo vũ trụ *thứ hai* và đang tiến tới lần điểm đạo thứ ba.

742. Following analogy, there must be many human beings who, having taken the second initiation, are still astrally polarized, as they work towards the third initiation.

742. Theo phép tương đồng, hẳn phải có nhiều con người, dù đã nhận lần điểm đạo thứ hai, vẫn còn phân cực cảm xúc khi họ tiến tới lần điểm đạo thứ ba.

743. This is interesting because at the second initiation the human being must have achieved spiritual intelligence and an illumined mind.

743. Điều này thật thú vị vì ở lần điểm đạo thứ hai con người hẳn phải đạt được trí tuệ tinh thần và một trí tuệ được soi sáng.

744. Can we say that the Solar Logos has achieved spiritual intelligence and an illumined mind even though astrally polarized? Perhaps. Probably because our Solar Logos is of such an astral-buddhic nature the astral-buddhic relationship will always be inordinately strong regardless of the degree of spiritual intelligence and mental illumination achieved.

744. Chúng ta có thể nói rằng Thái dương Thượng đế đã đạt được trí tuệ tinh thần và một trí tuệ được soi sáng dù vẫn phân cực cảm xúc không? Có lẽ. Có lẽ bởi vì Thái dương Thượng đế của chúng ta có bản chất cảm dục-bồ đề đến mức mối liên hệ cảm dục-bồ đề sẽ luôn mạnh một cách quá mức bất kể mức độ trí tuệ tinh thần và sự soi sáng trí tuệ đã đạt được.

Fifth. Both work in, with, and by, electrical force.

Thứ năm. Cả hai đều hoạt động trong, với, và bằng mãnh lực điện.

745. Is this to say that both are related to the Pleiades? The Solar Logos has a special relationship to the Pleiades who are a major source of cosmic buddhi. The Path which the Solar Logos is treading leads to the cosmic buddhic plane, and the Sun is said to revolve around the Pleiades.

745. Điều này có phải muốn nói rằng cả hai đều liên hệ với Pleiades không? Thái dương Thượng đế có một mối liên hệ đặc biệt với Pleiades, vốn là một nguồn chính của Bồ đề vũ trụ. Con Đường mà Thái dương Thượng đế đang bước đi dẫn đến cõi bồ đề vũ trụ, và Mặt Trời được nói là quay quanh Pleiades.

Sixth. Both come under the laws governing forms and hence both are controlled in time and space by KARMA, which is the Law of forms. **It has to do with quality, as force has to do with vibration.**

Thứ sáu. Cả hai đều nằm dưới các định luật chi phối các hình tướng và do đó cả hai đều bị NGHIỆP QUẢ kiểm soát trong thời gian và không gian, mà nghiệp quả là Định luật của các hình tướng. **Nó liên quan đến phẩm tính, cũng như mãnh lực liên quan đến rung động.**

746. Human beings who hope soon to "be rid of karma" had best attend to this excerpt. Beings far greater than a Solar Logos (if they manifest through a form) are still subject to the Law of Forms.

746. Những con người hy vọng sớm "thoát khỏi nghiệp quả" tốt nhất nên chú ý đến đoạn trích này. Những hữu thể lớn lao hơn nhiều so với một Thái dương Thượng đế (nếu biểu lộ qua một hình tướng) vẫn còn chịu dưới Định luật của các Hình Tướng.

747. We are given a profound hint: Karma is related to quality as force is related to vibration.

747. Chúng ta được cho một gợi ý sâu sắc: Nghiệp quả liên hệ với phẩm tính cũng như mãnh lực liên hệ với rung động.

748. The reason that Karma adjusts the interplay of forms with mathematical exactitude (the fourth ray is the Ray of Mathematical Exactitude) is to bring about the emergence of the second aspect or *quality.*

748. Lý do khiến Nghiệp quả điều chỉnh sự tương tác của các hình tướng với độ chính xác toán học (cung bốn là Cung của Độ Chính Xác Toán Học) là để mang lại sự xuất hiện của phương diện thứ hai hay *phẩm tính.*

749. Force causes vibration; this interaction pertains to the third aspect of divinity. It is amazing how much the Law of Karma works with and promotes the emergence of the second aspect, even though first and third ray methods are utilized.

749. Mãnh lực gây ra rung động; sự tương tác này liên quan đến phương diện thứ ba của thiên tính. Thật đáng kinh ngạc khi Định luật Nghiệp quả hoạt động cùng với và thúc đẩy sự xuất hiện của phương diện thứ hai đến mức nào, dù các phương pháp của cung một và cung ba được sử dụng.

750. If one studies the third and second rays of Libra, one can see how the second ray is meant to emerge from the balancing of forces made possible by the third aspect.

750. Nếu nghiên cứu cung ba và cung hai của Libra, người ta có thể thấy cách mà cung hai được dự định xuất hiện từ sự quân bình các mãnh lực được phương diện thứ ba làm cho khả hữu.

751. Interestingly, the second aspect of divinity is the "form builder". Force and vibration pertain to the matter aspect. The

751. Thật thú vị, phương diện thứ hai của thiên tính là "đấng kiến tạo hình tướng". Mãnh lực và rung động liên quan đến

second aspect pertains to the *patterning and cohesion of form.*

phương diện vật chất. Phương diện thứ hai liên quan đến *sự tạo mô hình và sự cố kết của hình tướng.*

752. When we consider the planet Saturn, we may come to understand that second ray purposes lie behind all the drastic hard-line disciplining administered by this planetary Lord of Karma.

752. Khi xem xét hành tinh Sao Thổ, chúng ta có thể đi đến chỗ hiểu rằng các mục đích của cung hai nằm phía sau mọi sự rèn kỷ luật nghiêm khắc cứng rắn do vị Chúa Tể Nghiệp Quả hành tinh này áp đặt.

753. Basically, Karma serves the growth of consciousness.

753. Về căn bản, Nghiệp quả phụng sự sự tăng trưởng của tâm thức.

Seventh. Both work through forms made up of:

Thứ bảy. Cả hai đều hoạt động qua các hình tướng được cấu thành bởi:

754. Here the formal constitutions of Man and the Solar Logos are compared.

754. Ở đây các cấu tạo hình tướng của Con Người và Thái dương Thượng đế được so sánh.

[Page 283]

[Page 283]

a. Three main types of forms: A mental form, one aspect of manifestation; an astral form, a second aspect; and a physical form, the third aspect.

a. Ba loại hình tướng chính: Một hình tướng trí tuệ, một phương diện của biểu hiện; một hình tướng cảm dục, phương diện thứ hai; và một hình tướng hồng trần, phương diện thứ ba.

755. From one perspective the mental form is correlated to the first ray, the astral to the second and the physical form to the third. There is also a legitimate way to reverse the correlation for the mental and physical forms, assigning the third ray to the mental body and the first to the physical form.

755. Từ một góc nhìn, hình tướng trí tuệ tương ứng với cung một, hình tướng cảm dục với cung hai và hình tướng hồng trần với cung ba. Cũng có một cách hợp lý để đảo ngược sự tương ứng đối với hình tướng trí tuệ và hồng trần, gán cung ba cho thể trí và cung một cho hình tướng hồng trần.

The mental vibration sets the **key measure** and seeks to utilise and co-ordinate the physical body at Will. **It deals with or links up the consciousness to the three forms in one direction; it repulses and causes separation in another.**

Rung động trí tuệ đặt ra **nhịp điệu chủ âm** và tìm cách sử dụng cũng như phối hợp thể xác theo Ý chí. **Nó đề cập đến hay nối kết tâm thức với ba hình tướng theo một hướng; theo hướng khác, nó đẩy lùi và gây ra sự phân ly.**

756. The mind has a dual function—that which links and that which repels and separates.

756. Trí tuệ có một chức năng kép—chức năng nối kết và chức năng đẩy lùi, phân ly.

757. The body is to be controlled by the mind. “Mind over matter”.

757. Thể phải được trí tuệ kiểm soát. “Trí tuệ trên vật chất”.

758. The mind is the dominating principle within the personality. “I come forth and from the plane of mind I rule.”

758. Trí tuệ là nguyên khí chi phối bên trong phàm ngã. “Tôi xuất hiện và từ cõi trí Tôi cai quản.”

759. In the words “key measure” the principle of rhythm is suggested. At first the “key measure” applies to the personality.

759. Trong các từ “nhịp điệu chủ âm”, nguyên lý nhịp điệu được gợi ra. Lúc đầu, “nhịp điệu chủ âm” áp dụng cho phàm ngã.

760. The key measure which is set by the mental vibration should *eventually* resonate to the keynote of the soul. This will occur when the mind can be held steady in the light. Still later, the “key measure” will resonate to monadic vibration.

760. Nhịp điệu chủ âm được đặt ra bởi rung động trí tuệ *cuối cùng* nên cộng hưởng với chủ âm của linh hồn. Điều này sẽ xảy ra khi trí tuệ có thể được giữ vững trong ánh sáng. Về sau nữa, “nhịp điệu chủ âm” sẽ cộng hưởng với rung động chân thần.

761. The mental vibration is both attractive and repulsive. Towards the later stages of evolution it cooperates in repulsing the attractiveness of the form. It assists the man to discriminate in relation to his desires and to ‘see through’ the lure of form.

761. Rung động trí tuệ vừa hấp dẫn vừa đẩy lùi. Về các giai đoạn sau của tiến hoá, nó hợp tác trong việc đẩy lùi sức hấp dẫn của hình tướng. Nó giúp con người phân biện liên quan đến các ham muốn của mình và “nhìn thấu” sự quyến rũ của hình tướng.

762. The mental vibration also assists soul consciousness to infuse the form, working out strategies by means of which this can be done.

762. Rung động trí tuệ cũng giúp tâm thức linh hồn thấm nhuần hình tướng, vạch ra các chiến lược nhờ đó điều này có thể được thực hiện.

763. Man is the Thinker and in his nature *manas* is paramount. Let us ponder the mental vibration we are generating and expressing.

763. Con Người là Nhà Tư Tưởng và trong bản chất của y *manas* là tối thượng. Chúng ta hãy suy ngẫm về rung động trí tuệ mà chúng ta đang tạo ra và biểu lộ.

The astral vibration deals with the quality, with the attractive measure. It is the psychic element.

Rung động cảm dục liên quan đến phẩm tính, đến nhịp điệu hấp dẫn. Nó là yếu tố thông linh.

764. The word "measure" suggests rhythm and mathematics.

764. Từ "nhịp điệu" gợi ra nhịp điệu và toán học.

765. So far we have been given two kinds of *measures:*

765. Cho đến nay chúng ta đã được cho hai loại *nhịp điệu:*

a. The "key measures"

a. "Nhịp điệu chủ âm"

b. The "attractive measure"

b. "Nhịp điệu hấp dẫn"

766. The astral vibration is selective of external quality which harmonizes with inherent quality and repellant to that which *felt* as inharmonious.

766. Rung động cảm dục có tính chọn lọc đối với phẩm tính bên ngoài hài hoà với phẩm tính nội tại và có tính đẩy lùi đối với điều được *cảm thấy* là bất hài hoà.

767. The "psychic element" is the sensitive element.

767. "Yếu tố thông linh" là yếu tố nhạy cảm.

The physical is the meeting ground of consciousness with the material form. **This last is the result produced by the union of the key measure and the quality of tone.**

Hồng trần là nơi gặp gỡ của tâm thức với hình tướng vật chất. **Điều sau cùng này là kết quả được tạo ra bởi sự kết hợp của nhịp điệu chủ âm và phẩm tính của âm điệu.**

768. More profound occultism!

768. Huyền bí học sâu sắc hơn nữa!

769. We are dealing with the magical process. It is indicated that the physical nature is the result of the collaboration between mind and the astral nature. In the magical process, the production of the final external form also depends upon the collaboration of the mind and the astral body.

769. Chúng ta đang đề cập đến tiến trình huyền thuật. Điều được chỉ ra là bản chất hồng trần là kết quả của sự cộng tác giữa trí tuệ và bản chất cảm dục. Trong tiến trình huyền thuật, việc tạo ra hình tướng bên ngoài cuối cùng cũng tùy thuộc vào sự cộng tác của trí tuệ và thể cảm dục.

770. The initiation process demands that consciousness infuse the material form.

770. Tiến trình điểm đạo đòi hỏi tâm thức phải thấm nhuần hình tướng vật chất. Nhờ

Thus, are the "prisoners of the planet" redeemed.

771. We are to ponder on the "key measure" which, eventually, is to vibrate to monadic purpose (for the Monad is reflected in the mind), and the "quality of tone" (reflective of the soul) through which this key measure must express.

772. Within the personality the mind is the representative of the Monad and the astral body of the Ego.. The monadic ray has a special effect upon the mind and the soul ray upon the astral body.

"**The Personality ray finds its major field of activity and expression in the physical body.** It determines its life trend and purpose, its appearance and occupation. **It is selective of quality**, when influenced by the egoic ray.

The Egoic Ray has direct and specific action upon the astral body. Hence the battlefield of the life is ever on the plane of illusions as the soul seeks to dispel the ancient glamour, the aspirant is enabled to walk in the light.

The Monadic Ray influences the mental body, after integration of the personality has been brought about. It causes the mind nature to achieve that clear vision which finds its consummation at the fourth initiation, and releases the man from the limitations of form. There is an analogy to this triplicity and an interesting symbolic relation in the three Initiators. (EP I 406)

773. All that is here said is true of both man and the Solar Logos.

đó, "những tù nhân của hành tinh" được cứu chuộc.

771. Chúng ta phải suy ngẫm về "nhịp điệu chủ âm", mà cuối cùng sẽ rung động theo mục đích chân thần (vì chân thần được phản ánh trong trí tuệ), và "phẩm tính của âm điệu" (phản ánh linh hồn) qua đó nhịp điệu chủ âm này phải biểu lộ.

772. Bên trong phàm ngã, trí tuệ là đại diện của chân thần và thể cảm dục là đại diện của chân ngã.. Cung chân thần có một tác động đặc biệt lên trí tuệ và cung linh hồn lên thể cảm dục.

"**Cung phàm ngã tìm thấy lĩnh vực hoạt động và biểu lộ chính của nó trong thể xác.** Nó xác định xu hướng sống và mục đích, vẻ ngoài và nghề nghiệp của thể ấy. **Nó có tính chọn lọc đối với phẩm tính**, khi bị cung chân ngã tác động.

Cung Chân ngã có tác động trực tiếp và đặc thù lên thể cảm dục. Vì thế chiến trường của đời sống luôn ở trên cõi ảo tưởng khi linh hồn tìm cách làm tiêu tan ảo cảm cổ xưa, người chí nguyện được giúp để bước đi trong ánh sáng.

Cung Chân thần ảnh hưởng đến thể trí, sau khi sự tích hợp của phàm ngã đã được thực hiện. Nó khiến bản chất trí tuệ đạt được linh thị sáng tỏ, vốn đạt đến sự viên mãn ở lần điểm đạo thứ tư, và giải thoát con người khỏi các giới hạn của hình tướng. Có một sự tương đồng với bộ ba này và một mối liên hệ biểu tượng thú vị trong ba Đấng Điểm đạo. (EP I 406)

773. Tất cả những gì được nói ở đây đều đúng cho cả con người lẫn Thái dương Thượng đế.

b. Seven centres of force which hold the three forms in one coherent whole, and cause their vitalisation and their co-ordination.

774. Let us tabulate the functions of the seven centers of force in relation to both man and Solar Logos.

a. The centers hold the three forms in one coherent whole

b. The centers cause the vitalization of the three forms

c. The centers cause the coordination of the three forms.

775. If the Planetary Logoi are the centers in the body of a Solar Logos, then we learn something about the influence of the *planets* on the coherency of the three bodies logoic, on their vitalization and their coordination.

776. We remember that the seven chakras are extensions of monadic energy (meditated by the Ego on its own plane). So really, it is the Monad (whether of man or Planetary Logos) that is *causing coherence, vitalization and coordination.*

They put the triple unit into correlation with their **main centre of consciousness on the higher planes,** whether that centre is the causal body of man, of a planetary Logos, or of a solar Logos.

777. Here the causal body is references as the "main centre of consciousness", but in other sections of the book we learn that the

b. Bảy trung tâm mãnh lực giữ ba hình tướng trong một toàn thể cố kết, và gây ra sự tiếp sinh lực cũng như sự phối hợp của chúng.

774. Chúng ta hãy lập bảng các chức năng của bảy trung tâm mãnh lực liên hệ với cả con người lẫn Thái dương Thượng đế.

a. Các trung tâm giữ ba hình tướng trong một toàn thể cố kết

b. Các trung tâm gây ra sự tiếp sinh lực cho ba hình tướng

c. Các trung tâm gây ra sự phối hợp của ba hình tướng.

775. Nếu các Hành Tinh Thượng Đế là các trung tâm trong thể của một Thái dương Thượng đế, thì chúng ta học được điều gì đó về ảnh hưởng của các *hành tinh* đối với tính cố kết của ba thể logoic, đối với sự tiếp sinh lực và sự phối hợp của chúng.

776. Chúng ta nhớ rằng bảy luân xa là những sự mở rộng của năng lượng chân thần (được chân ngã tham thiền trên cõi riêng của nó). Vì vậy, thực sự chính chân thần (dù của con người hay của Hành Tinh Thượng Đế) là điều *gây ra sự cố kết, sự tiếp sinh lực và sự phối hợp.*

Chúng đặt đơn vị tam phân vào trong sự tương quan với **trung tâm tâm thức chính của chúng trên các cõi cao,** dù trung tâm ấy là thể nguyên nhân của con người, của một Hành Tinh Thượng Đế, hay của một Thái dương Thượng đế.

777. Ở đây thể nguyên nhân được nhắc đến như "trung tâm tâm thức chính", nhưng trong những phần khác của sách, chúng ta

energy pulsing through the causal body (cohering, vitalizing and coordinating) really emanates from the Monad.

biết rằng năng lượng đang đập nhịp xuyên qua thể nguyên nhân (kết dính, tiếp sinh lực và phối hợp) thực ra phát xuất từ chân thần.

778. We may remember that earlier in this Commentary we were discussing the "main focal point" of man, the Heavenly Man and the Solar Logos (*TCF* 271). Perhaps we can equate the terms "main centre of consciousness" with "main focal point" since the causal body is involved in relation to both terms.

778. Chúng ta có thể nhớ rằng trước đó trong phần Bình Luận này, chúng ta đã bàn đến "điểm tập trung chính" của con người, Đấng Thiên Nhân và Thái dương Thượng đế (*TCF* 271). Có lẽ chúng ta có thể xem các thuật ngữ "trung tâm tâm thức chính" và "điểm tập trung chính" là tương đương, vì thể nguyên nhân có liên hệ với cả hai thuật ngữ ấy.

779. However, we noticed that the "main focal point" of the type of Heavenly Man under discussion was considered the systemic monadic plane. From reading what is given above, we realize that the type of Heavenly Man there discussed was probably not the Planetary Logos in His fulness (though every type of Heavenly Man is an expression of the Planetary Logos).

779. Tuy nhiên, chúng ta nhận thấy rằng "điểm tập trung chính" của loại Đấng Thiên Nhân đang được bàn đến được xem là cõi chân thần hệ thống. Khi đọc điều được trình bày ở trên, chúng ta nhận ra rằng loại Đấng Thiên Nhân được bàn đến ở đó có lẽ không phải là Hành Tinh Thượng Đế trong sự viên mãn của Ngài (dù mọi loại Đấng Thiên Nhân đều là một biểu hiện của Hành Tinh Thượng Đế).

780. We are here told that a Planetary Logos has for His "main centre of consciousness on the higher planes", the causal body, yet in the section under "main focal point" the causal body was not mentioned in relation to a Heavenly Man.

780. Ở đây chúng ta được cho biết rằng một Hành Tinh Thượng Đế có "trung tâm tâm thức chính của Ngài trên các cõi cao" là thể nguyên nhân, thế nhưng trong phần nói về "điểm tập trung chính", thể nguyên nhân đã không được nhắc đến trong liên hệ với một Đấng Thiên Nhân.

781. In relation to that earlier section, it becomes clear that the Planetary Logos was functioning through a lesser Heavenly Man, and it was the function embodied by the lesser Heavenly Man that was being described by listing its "main focal point" on the systemic monadic plane.

781. Liên hệ với phần trước đó, điều trở nên rõ ràng là Hành Tinh Thượng Đế đang hoạt động thông qua một Đấng Thiên Nhân nhỏ hơn, và chính chức năng được hiện thân bởi Đấng Thiên Nhân nhỏ hơn ấy đã được mô tả bằng cách liệt kê "điểm tập trung chính" của nó trên cõi chân thần hệ thống.

782. When the centres are rightly functioning and in a manner coordinated

with each other, they will give access to Ego and Monad.

782. Khi các trung tâm vận hành đúng đắn và theo cách được phối hợp với nhau, chúng sẽ cho phép tiếp cận chân ngã và chân thần.

c. *Millions of infinitesimal cells,* each embodying a lesser life, each in a condition of constant activity, and **each repulsing other cells so as to preserve individuality or identity,** yet each held to each by a central attractive force.

c. *Hàng triệu tế bào vô cùng nhỏ bé,* mỗi tế bào hiện thân một sự sống nhỏ hơn, mỗi tế bào ở trong trạng thái hoạt động không ngừng, và **mỗi tế bào đều đẩy lùi các tế bào khác để bảo tồn tính biệt ngã hay bản sắc,** nhưng mỗi tế bào vẫn được giữ với nhau bởi một mãnh lực hấp dẫn trung tâm.

783. Here we have important information descriptive of a cell. When what is said here is applied to man as a cell in the Planetary Logos, the results are illuminating.

783. Ở đây chúng ta có thông tin quan trọng mô tả một tế bào. Khi điều được nói ở đây được áp dụng cho con người như một tế bào trong Hành Tinh Thượng Đế, kết quả thật soi sáng.

784. The cell

784. Tế bào

a. Embodies a lesser life

a. Hiện thân một sự sống nhỏ hơn

b. Is in a condition of constant activity

b. Ở trong trạng thái hoạt động không ngừng

c. Is repulsing other cells so as to preserve individuality or identity. (On the human level, this is an interesting rationale for the dynamic of repulsion which goes on between human units. If human beings do not know who to repulse, their individuality and identity can be compromised.)

c. Đẩy lùi các tế bào khác để bảo tồn tính biệt ngã hay bản sắc. (Ở cấp độ con người, đây là một cơ sở lý giải thú vị cho động lực đẩy lùi diễn ra giữa các đơn vị nhân loại. Nếu con người không biết phải đẩy lùi ai, tính biệt ngã và bản sắc của họ có thể bị tổn hại.)

d. Is held to other cells by a central attractive force. (This relates to either the herd instinct or group instinct in man—inspired by the soul.)

d. Được giữ với các tế bào khác bởi một mãnh lực hấp dẫn trung tâm. (Điều này liên hệ hoặc với bản năng bầy đàn hoặc bản năng nhóm nơi con người—được linh hồn truyền cảm hứng.)

Thus we have produced the objective form of a crystal, a vegetable, an animal, a man, a planet, a system.

Như vậy chúng ta đã tạo ra hình tướng khách quan của một tinh thể, một thực vật, một động vật, một con người, một hành tinh, một hệ thống.

785. All these structures are composed of "cells".

785. Tất cả các cấu trúc này đều được hợp thành từ "tế bào".

786. We are familiar with the cell structure for the vegetable, animal or man. What is the analogue to a cell within a crystal? A molecule?

786. Chúng ta quen thuộc với cấu trúc tế bào của thực vật, động vật hay con người. Tương đồng của một tế bào trong một tinh thể là gì? Một phân tử chăng?

787. Within a planet, man is a cell. There is a necessity to determine the relationship of a man to the three types of Heavenly Men—Globe Lords, Chain Lords and the Scheme-Lord (the Planetary Logos).

787. Trong một hành tinh, con người là một tế bào. Cần phải xác định mối liên hệ của con người với ba loại Đấng Thiên Nhân—các Chúa Tể Bầu Hành Tinh, các Chúa Tể Dãy và Chúa Tể Hệ Hành Tinh (Hành Tinh Thượng Đế).

788. Within a solar system, groupings of men are as cells. In relation to the Solar Logos, is it legitimate to look upon Ashrams as cells?

788. Trong một hệ mặt trời, các nhóm người là như những tế bào. Liên hệ với Thái dương Thượng đế, có chính đáng không khi xem các ashram như những tế bào?

Finally, **both work, therefore, in a dual manner and each demonstrates both attraction and repulsion.**

Sau cùng, **do đó cả hai đều hoạt động theo cách nhị phân và mỗi bên đều biểu lộ cả hấp dẫn lẫn đẩy lùi.**

789. We remember that we are dealing with the condition of and problems shared by a Solar Logos and a man.

789. Chúng ta nhớ rằng chúng ta đang bàn đến trạng thái và các vấn đề được chia sẻ bởi một Thái dương Thượng đế và một con người.

Attraction of matter to Spirit and the building of a form for the use of Spirit is the result of electrical energy in the universe, which in each case brings the lesser lives or spheres into its range of influence.

Sự hấp dẫn của vật chất đối với Tinh thần và việc xây dựng một hình tướng để Tinh thần sử dụng là kết quả của năng lượng điện trong vũ trụ, năng lượng này trong mỗi trường hợp đưa các sự sống hay các khối cầu nhỏ hơn vào trong phạm vi ảnh hưởng của nó.

790. This is the first stage of a threefold process and relates to the Pleiadian impulse. The Pleiades are the source of "electrical energy".

790. Đây là giai đoạn thứ nhất của một tiến trình tam phân và liên hệ với xung lực Pleiades. Pleiades là nguồn của "năng lượng điện".

791. We are linking "electrical energy" to the Law of Attraction. We are discussing, perhaps, the second aspect of Fohat as Eros. Electrical energy, in this case, is a form-builder.

791. Chúng ta đang liên kết "năng lượng điện" với Định luật Hấp Dẫn. Có lẽ chúng ta đang bàn đến phương diện thứ hai của Fohat như Eros. Năng lượng điện, trong trường hợp này, là một đấng kiến tạo hình tướng.

792. The material lives must be brought within the sphere of influence of Spirit. Electrical energy accomplishes this.

792. Các sự sống vật chất phải được đưa vào trong phạm vi ảnh hưởng của Tinh thần. Năng lượng điện thực hiện điều này.

793. The attracted material units obscure the Spirit, but a great act of service is thereby arranged.

793. Các đơn vị vật chất được hấp dẫn làm che khuất Tinh thần, nhưng nhờ đó một hành vi phụng sự lớn lao được sắp đặt.

The magnetic force, the life of the Logos gathers together His body of manifestation. The magnetic force of the Heavenly Man, the planetary Logos, gathers out of the solar ring-pass-not that which He needs for each incarnation.

Mãnh lực từ tính, sự sống của Thượng đế, tập hợp lại thể biểu hiện của Ngài. Mãnh lực từ tính của Đấng Thiên Nhân, Hành Tinh Thượng Đế, tập hợp từ vòng-giới-hạn thái dương điều mà Ngài cần cho mỗi lần lâm phàm.

794. Notice the use of the words "energy" and "force". We are dealing with electrical *energy* and magnetic *force*.

794. Hãy lưu ý việc dùng các từ "năng lượng" và "mãnh lực". Chúng ta đang bàn đến *năng lượng* điện và *mãnh lực* từ tính.

795. We are focusing upon a process of selectivity conditioned by the karma of the gatherer and of the gathered.

795. Chúng ta đang tập trung vào một tiến trình chọn lọc được tác động bởi nghiệp quả của kẻ tập hợp và của những gì được tập hợp.

796. It is as if, for the duration of manifestation, both factors are attracted to each other—the one who serves as *logos* and the lesser units gathered by the logos (whether that logos is the central life of an atom, a man, a Planetary Logos or a Solar Logos).

796. Dường như trong suốt thời kỳ biểu hiện, cả hai yếu tố đều bị hấp dẫn lẫn nhau—đấng phụng sự như một *logos* và các đơn vị nhỏ hơn được logos tập hợp (dù logos ấy là sự sống trung tâm của một nguyên tử, một con người, một Hành Tinh Thượng Đế hay một Thái dương Thượng đế).

[Page 284]

[Page 284]

The magnetic force of the Ego gathers, at each rebirth, matter within the particular

Mãnh lực từ tính của chân ngã, trong mỗi lần tái sinh, tập hợp vật chất trong khối cầu

sphere or scheme within which the Ego has place.

797. This matter is pre-conditioned by the previous incarnation of the particular Ego. The matter gathered has already been tinged by the quality of the Ego through frequent, former association.

The focus of activity shifts from the active body to the active entity within that body, the master of his surroundings, the director of his possessions, and the one who is the breath itself, **despatching the lives to the reservoir of substance, or recalling them at will to resume their relation to him.** (R&I 103)

798. The same must be true of the Solar Logos and the Planetary Logos. They are (through previous experience) related to that which they gather. And when they are gathered by a far greater Entity, it is as a result of former association.

799. When the Ego takes its 'rest' between incarnations, the matter previously conditioned by the Ego is also 'resting' within a "reservoir of life"

So on down the scale, we find the lesser pursuing its round ever within the greater.

800. Even the Universal Logos pursues its round with the GREATER—the GREATEST OF ALL POSSIBLE—the ABSOLUTE.

Therefore we have **(during a period of Attraction and Repulsion, or a life cycle**) that which we call Time and Space, and this

hay hệ hành tinh đặc thù mà trong đó chân ngã có chỗ đứng.

797. Vật chất này đã được tác động trước bởi lần lâm phàm trước của chân ngã đặc thù ấy. Vật chất được tập hợp đã mang sắc thái phẩm tính của chân ngã do sự liên kết thường xuyên trước đây.

Trọng tâm hoạt động chuyển từ thể hoạt động sang thực thể hoạt động bên trong thể ấy, bậc chủ của hoàn cảnh quanh mình, người điều khiển những gì mình sở hữu, và đấng chính là hơi thở, **phóng đi các sự sống vào kho chứa chất liệu, hoặc gọi chúng trở lại theo ý muốn để tiếp tục mối liên hệ của chúng với y.** (R&I 103)

798. Điều tương tự hẳn cũng đúng đối với Thái dương Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế. Các Ngài có liên hệ (qua kinh nghiệm trước đây) với điều mà Các Ngài tập hợp. Và khi Các Ngài được một Thực Thể lớn lao hơn rất nhiều tập hợp, điều đó là kết quả của sự liên kết trước kia.

799. Khi chân ngã "nghỉ ngơi" giữa các lần nhập thể, vật chất trước đó đã được chân ngã tác động cũng đang "nghỉ ngơi" trong một "kho chứa sự sống"

Cứ thế đi xuống theo thang bậc, chúng ta thấy cái nhỏ hơn luôn theo đuổi cuộc tuần hoàn của nó bên trong cái lớn hơn.

800. Ngay cả Thượng đế Vũ Trụ cũng theo đuổi cuộc tuần hoàn của Ngài bên trong ĐẤNG LỚN HƠN—ĐẤNG VĨ ĐẠI NHẤT TRONG MỌI KHẢ THỂ—ĐẤNG TUYỆT ĐỐI.

Do đó chúng ta có **(trong một thời kỳ Hấp Dẫn và Đẩy Lùi, hay một chu kỳ sự sống**) điều mà chúng ta gọi là Thời Gian và Không

holds equally true in the life cycle of a Logos or an ant, or a crystal.

Gian, và điều này cũng đúng như nhau trong chu kỳ sự sống của một Thượng đế, một con kiến, hay một tinh thể.

801. A life cycle is by definition a period of attraction and repulsion. Between the poles the life cycle occurs. The 'space' for the occurrence of every life cycle is situated in a specific magnetic and repulsive relation to the two poles. That relation changes through the process of evolution, moving away from matter and towards Spirit. In other words, the attraction towards matter gives way to repulsion from matter, and the repulsion from Spirit gives way to attraction to Spirit.

801. Theo định nghĩa, một chu kỳ sự sống là một thời kỳ hấp dẫn và đẩy lùi. Chu kỳ sự sống xảy ra giữa hai cực. "Không gian" cho sự xảy ra của mọi chu kỳ sự sống được đặt trong một mối liên hệ từ tính và đẩy lùi đặc thù với hai cực ấy. Mối liên hệ đó thay đổi qua tiến trình tiến hoá, di chuyển xa khỏi vật chất và hướng về Tinh thần. Nói cách khác, sự hấp dẫn đối với vật chất nhường chỗ cho sự đẩy lùi khỏi vật chất, và sự đẩy lùi khỏi Tinh thần nhường chỗ cho sự hấp dẫn đối với Tinh thần.

802. The condition of Spirit and root Matter is timeless and spaceless. Through their electrical, magnetic interplay limited perception begins and thus begin time and space.

802. Trạng thái của Tinh thần và Vật chất căn bản là phi thời gian và phi không gian. Qua sự tương tác điện và từ tính của chúng, tri giác hữu hạn bắt đầu, và như thế thời gian và không gian bắt đầu.

803. Unless attraction and repulsion are operative we will not have time and space.

803. Nếu hấp dẫn và đẩy lùi không hoạt động, chúng ta sẽ không có thời gian và không gian.

804. Or, time and space manifest only during periods of attraction and repulsion between Spirit and Matter.

804. Hoặc, thời gian và không gian chỉ biểu hiện trong những thời kỳ có hấp dẫn và đẩy lùi giữa Tinh thần và Vật chất.

805. The coming together of Spirit and Matter create time and space and also bring about the effective emergence into prominence of the second aspect of divinity (the 'Universe Builder') with its second law—the Law of Attraction—coeval with time and space.

805. Sự hội tụ của Tinh thần và Vật chất tạo ra thời gian và không gian, đồng thời cũng làm xuất hiện một cách hữu hiệu và nổi bật phương diện thứ hai của thiên tính (Đấng "Kiến Tạo Vũ Trụ") với định luật thứ hai của nó—Định luật Hấp Dẫn—đồng thời với thời gian và không gian.

806. We judge then that the following ideas are closely related:

806. Vậy chúng ta kết luận rằng các ý tưởng sau đây có liên hệ mật thiết với nhau:

a. The attraction and repulsion of Spirit and Matter

b. The Law of Attraction and Repulsion

c. The Law of Periodicity

d. Time and Space

There are cycles of activity in matter, due to some energising Will, and then Time and Space are known.

807. Unless there is a cycle of activity in matter, Time and Space will not be known.

808. The Will (as Spirit or of Spirit) commences the engagement of Spirit and Matter.

809. The genesis of time and space require the instigation of cyclic and spiral cyclic activity in matter as an energizing Will engages with matter.

810. We note the phrase, "Time and Space are **known**". This phrase points to the fact that Time and Space are *perceptions* or, as Kant has said, "categories of consciousness".

There are cycles of non-being when Time and Space are not, and the energising Will is withdrawn.

811. This is of philosophical importance.

812. The only cycle of pure and true non-being is the cycle of the ABSOLUTE—as GOD-ALL-IN-ALL.

a. Sự hấp dẫn và đẩy lùi của Tinh thần và Vật chất

b. Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi

c. Định luật Chu Kỳ

d. Thời Gian và Không Gian

Có những chu kỳ hoạt động trong vật chất, do một Ý Chí tiếp năng lượng nào đó, và khi ấy Thời Gian và Không Gian được biết đến.

807. Nếu không có một chu kỳ hoạt động trong vật chất, Thời Gian và Không Gian sẽ không được biết đến.

808. Ý Chí (như Tinh thần hay của Tinh thần) khởi đầu sự gắn kết của Tinh thần và Vật chất.

809. Sự phát sinh của thời gian và không gian đòi hỏi sự khởi phát hoạt động chu kỳ và xoắn ốc-chu kỳ trong vật chất khi một Ý Chí tiếp năng lượng gắn kết với vật chất.

810. Chúng ta lưu ý cụm từ "Thời Gian và Không Gian được **biết đến**". Cụm từ này chỉ ra sự kiện rằng Thời Gian và Không Gian là những *tri giác* hay, như Kant đã nói, là "những phạm trù của tâm thức".

Có những chu kỳ phi hiện hữu khi Thời Gian và Không Gian không có, và Ý Chí tiếp năng lượng được rút lại.

811. Điều này có tầm quan trọng triết học.

812. Chu kỳ duy nhất của phi hiện hữu thuần túy và chân thực là chu kỳ của ĐẤNG

TUYỆT ĐỐI—như THƯỢNG ĐẾ-TẤT CẢ-TRONG-TẤT CẢ.

813. Paradoxically, although 'within' the ABSOLUTE, Time and Space are *not*, nevertheless this 'STATE' occurs *periodically*!

813. Một cách nghịch lý, dù "bên trong" ĐẤNG TUYỆT ĐỐI, Thời Gian và Không Gian *không* có, tuy nhiên "TRẠNG THÁI" này lại xảy ra một cách *chu kỳ*!

814. The cycles of non-being are devoid of the sequential changes caused by the Law of Attraction and Repulsion.

814. Các chu kỳ phi hiện hữu không có những biến đổi tuần tự do Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi gây ra.

815. We see how fundamental to the production of Time and Space is the "energizing Will".

815. Chúng ta thấy "Ý Chí tiếp năng lượng" có tính nền tảng đến mức nào đối với việc tạo ra Thời Gian và Không Gian.

816. The Will is that which goes forth from the Real in order to create the un-Real.

816. Ý Chí là điều phát xuất từ Thực Tại để tạo ra cái phi-thực tại.

817. The Will is the catalyst for the emergence of interactive duality.

817. Ý Chí là chất xúc tác cho sự xuất hiện của nhị nguyên tính tương tác.

818. The cycles of non-being need not be *absolute*. Each entity enters, periodically, *relative* cycles of non-being relative.

818. Các chu kỳ phi hiện hữu không nhất thiết phải là *tuyệt đối*. Mỗi thực thể đi vào, theo chu kỳ, những *chu kỳ phi hiện hữu tương đối*.

But we must not forget that this is purely relative, and only to be considered from the standpoint of the particular life or entity involved, and the special stage of awareness reached. All must be interpreted in terms of consciousness.

Nhưng chúng ta không được quên rằng điều này hoàn toàn tương đối, và chỉ được xem xét từ quan điểm của sự sống hay thực thể đặc thù có liên quan, cùng giai đoạn nhận biết đặc biệt đã đạt được. Mọi sự đều phải được diễn giải theo tâm thức.

819. There are, apparently, many types of cycles of *relative non-being*, but, in cosmos, they are more an experience than a fact.

819. Hiển nhiên có nhiều loại chu kỳ của *phi hiện hữu tương đối*, nhưng trong vũ trụ, chúng là một kinh nghiệm hơn là một sự kiện.

820. In deepest sleep, time and space *appear* as naught—at least the awakening one remembers a period of *apparent* non-

820. Trong giấc ngủ sâu nhất, thời gian và không gian *dường như* là hư không—ít nhất người thức dậy nhớ lại một thời kỳ *dường*

existence or nothingness. This is not to say that the abstracted consciousness was not conscious and aware on levels impenetrable to the waking consciousness.

như không hiện hữu hay hư vô. Điều này không có nghĩa là tâm thức được rút ra ấy đã không có tâm thức và nhận biết trên những cấp độ mà tâm thức thức tỉnh không thể xuyên thấu.

821. A cycle of relative non-being is a cycle of abstraction, or pralaya but *not* a cycle of *extinction.*

821. Một chu kỳ phi hiện hữu tương đối là một chu kỳ trừu xuất, hay giai kỳ qui nguyên, nhưng *không* phải là một chu kỳ của *sự diệt tuyệt.*

822. Perhaps may be that within cosmos, any cycle of non-being is really *illusory*, for the cosmos is *being in manifestation,* and consciousness is inextinguishable (though its content in higher worlds is often unremembered by the human being immersed in the limited consciousness of the lower worlds).

822. Có lẽ trong vũ trụ, bất kỳ chu kỳ phi hiện hữu nào thực ra cũng là *ảo tưởng*, vì vũ trụ là *bản thể đang biểu hiện,* và tâm thức là bất khả diệt (dù nội dung của nó trong các thế giới cao thường không được con người đang chìm trong tâm thức hạn hẹp của các thế giới thấp ghi nhớ).

823. We now deal with the meaning of three kinds of cycles. In the immediately foregoing excerpts DK mentions only two.

823. Giờ đây chúng ta bàn đến ý nghĩa của ba loại chu kỳ. Trong các trích đoạn ngay trước đó, Chân sư DK chỉ nhắc đến hai loại.

The first type of cycle, or the period involved in **one entire revolution of a sphere around its own centre of consciousness**, is to the particular Entity involved (be he God or man) **a lesser cycle.**

Loại chu kỳ thứ nhất, hay thời kỳ bao hàm trong **một vòng quay trọn vẹn của một khối cầu quanh trung tâm tâm thức riêng của nó**, đối với Thực Thể đặc thù có liên quan (dù là Thượng đế hay con người) là **một chu kỳ nhỏ hơn.**

824. This is rotation upon an axis.

824. Đây là sự tự quay trên một trục.

825. One revolution/rotation of this kind is, for the Earth, a day and night cycle. Clearly, for the Earth, this is a lesser cycle when compared to the yearly revolution of the Earth around the Sun.

825. Một vòng quay/tự quay loại này, đối với Trái Đất, là một chu kỳ ngày và đêm. Rõ ràng, đối với Trái Đất, đây là một chu kỳ nhỏ hơn khi so với cuộc cách mạng hằng năm của Trái Đất quanh Mặt Trời.

826. For a human being, one lesser cycle is a complete rotation of all rotating sheaths. We do not know the periods for such rotations. The greater cycle is the cycle of incarnation.

826. Đối với một con người, một chu kỳ nhỏ hơn là một sự quay trọn vẹn của mọi vỏ bọc đang quay. Chúng ta không biết các chu kỳ

của những sự quay như thế. Chu kỳ lớn hơn là chu kỳ nhập thể.

827. This type of cycle correlates to the third aspect of divinity and to rotary motion.

827. Loại chu kỳ này tương ứng với phương diện thứ ba của thiên tính và với chuyển động quay tròn.

The second type of cycle or **the period involved in the complete circling of an orbit,** or the revolution of a sphere around the centre of which it is an integral part, we can consider as **a greater cycle**.

Loại chu kỳ thứ hai hay **thời kỳ bao hàm trong sự đi trọn một quỹ đạo,** hay cuộc cách mạng của một khối cầu quanh trung tâm mà nó là một phần toàn vẹn, chúng ta có thể xem là **một chu kỳ lớn hơn**.

828. Thus we have *rotation*, per se, as a *lesser* cycle and *revolution* per se, as a *greater* cycle.

828. Như vậy chúng ta có *sự tự quay*, chính nó, như một chu kỳ *nhỏ hơn* và *sự cách mạng*, chính nó, như một chu kỳ *lớn hơn*.

829. This second type of cycle correlates to the second aspect of divinity and to spiral-cyclic motion.

829. Loại chu kỳ thứ hai này tương ứng với phương diện thứ hai của thiên tính và với chuyển động xoắn ốc-chu kỳ.

830. For man it will be kind of 'revolution' around his Ego in the reincarnational cycle.

830. Đối với con người, đó sẽ là một loại "cách mạng" quanh chân ngã của y trong chu kỳ tái sinh.

831. For the Planetary Logos, this type of cycle will be a revolution around the Sun, defining the year.

831. Đối với Hành Tinh Thượng Đế, loại chu kỳ này sẽ là một cuộc cách mạng quanh Mặt Trời, xác định năm.

832. For the Solar Logos this cycle will be a revolution (we are told) of the solar system around the Pleiades (especially with reference to the central star of the Pleiades, Alcyone).

832. Đối với Thái dương Thượng đế, chu kỳ này sẽ là một cuộc cách mạng (như chúng ta được cho biết) của hệ mặt trời quanh Pleiades (đặc biệt liên hệ đến ngôi sao trung tâm của Pleiades, Alcyone).

The third type of cycle has not so much to do with the transition of the form through a certain location in space but as the cycle which includes both the greater and the lesser cycles.

Loại chu kỳ thứ ba không liên hệ nhiều đến sự chuyển tiếp của hình tướng qua một vị trí nào đó trong không gian cho bằng là chu kỳ bao gồm cả chu kỳ lớn hơn lẫn chu kỳ nhỏ hơn.

833. This type of cycle, we can infer, will rightly be correlated with the first aspect of divinity and with the first type of motion—progressive.

833. Từ đó chúng ta có thể suy ra rằng loại chu kỳ này sẽ được tương ứng đúng đắn với phương diện thứ nhất của thiên tính và với loại chuyển động thứ nhất—tiến triển.

It has to do with the response of the ENTITY, to Whom our solar Logos is but a centre in His Body, **to the contacts** made on that centre and on its cosmic opposite.

Nó liên hệ đến sự đáp ứng của THỰC THỂ mà đối với Ngài, Thái dương Thượng đế của chúng ta chỉ là một trung tâm trong Thể của Ngài, **đối với những tiếp xúc** được tạo ra trên trung tâm ấy và trên cực đối nghịch vũ trụ của nó.

834. A great triangle is produced between the ENTITY (let us call it a Cosmic Logos) and two Solar Logoi—our Solar Logos and the Solar Logos who is His polar opposite. We have already speculated on the possibility of either the Logos of Sirius or the Logos of Alpha Centauri—the two stars closest to the Sun.

834. Một tam giác lớn được tạo ra giữa THỰC THỂ ấy (chúng ta hãy gọi là một Thượng đế Vũ Trụ) và hai Thái dương Thượng đế—Thái dương Thượng đế của chúng ta và Thái dương Thượng đế là cực đối nghịch của Ngài. Chúng ta đã suy đoán trước đây về khả năng đó là Thượng đế của Sirius hoặc Thượng đế của Alpha Centauri—hai ngôi sao gần Mặt Trời nhất.

835. In this type of cycle, the Cosmic Logos is responding to the interplay between Solar Logoi.

835. Trong loại chu kỳ này, Thượng đế Vũ Trụ đang đáp ứng với sự tương tác giữa các Thái dương Thượng đế.

836. If we try to keep our perspective in proportion, the ENTITY concerned will not be the Super-Cosmic Logos or the One About Whom Naught May Be Said, because it is the constellation of which our Logos is one small part which is a center in such a BEING. (cf. *TCF* 293)

836. Nếu chúng ta cố giữ tầm nhìn của mình đúng tỉ lệ, THỰC THỂ được nói đến sẽ không phải là Thượng đế Siêu Vũ Trụ hay Đấng Bất Khả Tư Nghị, bởi vì chính chòm sao mà Thượng đế của chúng ta là một phần nhỏ trong đó mới là một trung tâm trong một HỮU THỂ như thế. (xem *TCF* 293)

These two centres, for instance, our solar system and its cosmic opposite, in their interaction create a cycle period which has a relation to the "ONE WHO IS ABOVE OUR LOGOS."

Chẳng hạn, hai trung tâm này, hệ mặt trời của chúng ta và cực đối nghịch vũ trụ của nó, trong sự tương tác của chúng tạo ra một chu kỳ có liên hệ với "ĐẤNG Ở TRÊN THƯỢNG ĐẾ CỦA CHÚNG TA."

837. This whole subject is blinded. We have made some inferences elsewhere in this commentary.

838. The ONE WHO IS *ABOVE* OUR LOGOS is probably a Cosmic Logos and not a Super-Cosmic Logos.

839. One suspects that in considering these two Solar Logoi there is an analogy to the Earth (related to our Logos, perhaps) and Venus (related to the other Logos). If the analogy is appropriate, the other Logos is probably the Logos of Sirius.

840. Have we noticed how great a leap there has been between the second type of cycle and the third?

841. One suspects that in relation to this third cycle there will be a "driving forward through space" towards that great ENTITY which will act as an attractor for the two Solar Logoi under discussion.

This is, of course, beyond human conception, but must be included in our enumeration of cycles if exactitude is to be achieved.

842. On the solar logoic level

a. The entire solar system has one revolution every 100,000. or so years.

b. The entire solar system revolves (we are told) around the Pleiades every 250,000. years or so.

c. Our solar system and another to which ours is intimately related, are related to a

837. Toàn bộ chủ đề này bị che giấu. Chúng ta đã đưa ra một vài suy luận ở nơi khác trong phần bình luận này.

838. ĐẤNG *Ở TRÊN* THƯỢNG ĐẾ CỦA CHÚNG TA có lẽ là một Thượng đế Vũ Trụ chứ không phải một Thượng đế Siêu Vũ Trụ.

839. Người ta nghi rằng khi xét đến hai Thái dương Thượng đế này có một sự tương đồng với Trái Đất (có lẽ liên hệ với Thượng đế của chúng ta) và Sao Kim (liên hệ với Thượng đế kia). Nếu sự tương đồng ấy thích hợp, thì Thượng đế kia có lẽ là Thượng đế của Sirius.

840. Chúng ta có nhận thấy bước nhảy lớn đến mức nào giữa loại chu kỳ thứ hai và loại thứ ba không?

841. Người ta nghi rằng liên hệ với chu kỳ thứ ba này sẽ có một "sự thúc đẩy tiến tới xuyên qua không gian" hướng về THỰC THỂ vĩ đại ấy, Đấng sẽ hoạt động như một lực hút đối với hai Thái dương Thượng đế đang được bàn đến.

Dĩ nhiên điều này vượt ngoài khả năng quan niệm của con người, nhưng phải được đưa vào sự liệt kê các chu kỳ của chúng ta nếu muốn đạt được tính chính xác.

842. Ở cấp độ thái dương logoic

a. Toàn bộ hệ mặt trời có một vòng cách mạng mỗi 100,000. năm hoặc khoảng đó.

b. Toàn bộ hệ mặt trời quay quanh (như chúng ta được cho biết) Pleiades mỗi 250,000. năm hoặc khoảng đó.

c. Hệ mặt trời của chúng ta và một hệ khác mà hệ của chúng ta có liên hệ mật thiết, đều

greater ENTITY, and this relationship should involve the motion of "progress onward".

có liên hệ với một THỰC THỂ lớn hơn, và mối liên hệ này hẳn phải bao hàm chuyển động của "sự tiến triển đi tới".

d. DK gives a hint when He says that this third type of cycle does not involve the "transition of the form through a certain location in space", as do the first and second cycles. If the motion of "progress onward" were involved, the location in space would not be a "*certain* location" but would be forever changing with the "driving forward" of the two Logoi towards their 'Attractor'.

d. Chân sư DK đưa ra một gợi ý khi Ngài nói rằng loại chu kỳ thứ ba này không bao hàm "sự chuyển tiếp của hình tướng qua một vị trí nào đó trong không gian", như hai chu kỳ thứ nhất và thứ hai. Nếu chuyển động của "sự tiến triển đi tới" có liên quan, thì vị trí trong không gian sẽ không phải là một vị trí "*nhất định*" mà sẽ luôn thay đổi cùng với "sự thúc đẩy tiến tới" của hai Thượng đế hướng về 'Đấng Hấp Dẫn' của Các Ngài.

e. This cycle would involve direct movement towards a cosmic center, and would naturally include the other two cycles of the Solar Logos—axial rotation and orbital revolution. The "driving forward" would render orbital revolution *spiral-cyclic.* So would it be, as well, for axial rotation

e. Chu kỳ này sẽ bao hàm chuyển động trực tiếp hướng về một trung tâm vũ trụ, và dĩ nhiên sẽ bao gồm hai chu kỳ kia của Thái dương Thượng đế—sự tự quay trên trục và sự cách mạng theo quỹ đạo. "Sự thúc đẩy tiến tới" sẽ làm cho sự cách mạng theo quỹ đạo trở thành *xoắn ốc-chu kỳ.* Điều đó cũng sẽ đúng đối với sự tự quay trên trục

843. Such a cycle in relation to man would relate to a return to the Monad.

843. Một chu kỳ như thế liên hệ với con người sẽ liên hệ đến sự trở về với chân thần.

844. We cannot hope to penetrate the veils hiding such cosmic occurrences. It does seem reasonable, however, to infer that this third type of cycle relates to Law of Monadic Return on both a human and solar logoic level.

844. Chúng ta không thể hy vọng xuyên thấu những bức màn che giấu các biến cố vũ trụ như thế. Tuy nhiên, có vẻ hợp lý khi suy ra rằng loại chu kỳ thứ ba này liên hệ với Định luật Trở Về của Chân Thần trên cả cấp độ con người lẫn cấp độ thái dương logoic.

845. To simplify, the first type of cycle can be correlated with the personality.

845. Để đơn giản hóa, loại chu kỳ thứ nhất có thể được tương ứng với phàm ngã.

846. The second type of cycle is a soul or egoic cycle.

846. Loại chu kỳ thứ hai là một chu kỳ linh hồn hay chân ngã.

847. The third type of cycle is inferred as a monadic cycle.

847. Loại chu kỳ thứ ba được suy ra là một chu kỳ chân thần.

848. The material we have been considering is deeply veiled and our intelligence is not sufficient to penetrate. DK uses the word "exceedingly abstruse", and He means it!

848. Tài liệu mà chúng ta đang xem xét bị che phủ rất sâu và trí tuệ của chúng ta không đủ để xuyên thấu. Chân sư DK dùng từ "cực kỳ thâm áo", và Ngài thực sự có ý như vậy!

S3S7: TCF 285-296

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of *TCF* are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của *TCF* được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Người ta đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với cuốn *TCF* ở bên cạnh,** để bảo đảm tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng thể* của đoạn văn.

VIII. WHY IS KNOWLEDGE BOTH EXOTERIC AND ESOTERIC? [16]

VIII. TẠI SAO TRI THỨC VỪA NGOẠI MÔN VỪA NỘI MÔN? [16]

1. This seems an unusual question. After many years of studying esotericism, the very foundation of our study predicates a distinction between esoteric and exoteric knowledge.

1. Đây có vẻ là một câu hỏi khác thường. Sau nhiều năm nghiên cứu huyền bí học, chính nền tảng của việc học của chúng ta giả định một sự phân biệt giữa tri thức nội môn và ngoại môn.

2. Perhaps the answers to be offered are not as obvious as we may suppose.

2. Có lẽ những câu trả lời được đưa ra không hiển nhiên như chúng ta có thể nghĩ.

Footnote [16]: In the *Secret Doctrine* we are told that there are seven branches of knowledge mentioned in the Puranas. S. D., I, 192.

Cước chú 16: Trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* chúng ta được cho biết rằng có bảy ngành tri thức được nhắc đến trong các Purana. S. D., I, 192.

3. The Puranas are considered more exoteric than either the Vedas or Upanishads.

3. Các Purana được xem là ngoại môn hơn cả Veda lẫn Upanishad.

Correspondences can here be worked out in connection with:—

4. Perhaps some indications concerning these correspondences can be offered. It is probable that the correspondences will not always fit neatly.

a. The seven Rays, the Lords of Sacrifice, Love and Knowledge.

5. It is interesting that all seven of the rays are included under three headings—*sacrifice, love and knowledge.*

6. It may be said with reason that *all* of the seven are characterized by all three of the qualities.

7. From another perspective the Lord of Sacrifice may be considered the Lords upon the first ray; the Lord of Love may be considered the Ray Lord upon the second ray; the Lords of Knowledge will be the Ray Lords on the five Brahmic Rays—three, four, five, six and seven.

8. From yet another perspective the Lords of Sacrifice can be considered the Ray Lords expressing through the first and seventh rays: the Lords of Love can be considered the Ray Lords expressing through the second, fourth and sixth rays; the Lords of Knowledge can be considered as the Ray Lords expressing through the third and fifth rays.

b. The seven states of consciousness.

1. Each state of consciousness correlates with one of the seven planes and is

Những tương ứng ở đây có thể được triển khai liên hệ với:—

4. Có lẽ có thể đưa ra một vài chỉ dẫn liên quan đến những tương ứng này. Có khả năng là các tương ứng ấy sẽ không phải lúc nào cũng khớp gọn ghẽ.

a. Bảy cung, các Chúa Tể của Hi Sinh, Bác Ái và Tri Thức.

5. Thật thú vị khi cả bảy cung đều được bao gồm dưới ba tiêu đề—*hi sinh, bác ái và tri thức.*

6. Có thể nói một cách hợp lý rằng *cả* bảy cung đều được đặc trưng bởi cả ba phẩm tính ấy.

7. Từ một góc nhìn khác, Chúa Tể của Hi Sinh có thể được xem là các Chúa Tể trên cung một; Chúa Tể của Bác Ái có thể được xem là Chúa Tể Cung trên cung hai; các Chúa Tể của Tri Thức sẽ là các Chúa Tể Cung trên năm cung Brahma—ba, bốn, năm, sáu và bảy.

8. Từ một góc nhìn khác nữa, các Chúa Tể của Hi Sinh có thể được xem là các Chúa Tể Cung biểu lộ qua cung một và cung bảy; các Chúa Tể của Bác Ái có thể được xem là các Chúa Tể Cung biểu lộ qua cung hai, cung bốn và cung sáu; các Chúa Tể của Tri Thức có thể được xem là các Chúa Tể Cung biểu lộ qua cung ba và cung năm.

b. Bảy trạng thái tâm thức.

1. Mỗi trạng thái tâm thức tương ứng với một trong bảy cõi và chủ yếu biểu lộ trên cõi đặc thù ấy.

principally expressive on that particular plane.

c. The seven states of matter or planes.

1. We are speaking here of the atomic structure of the planes. From another perspective, the planes can be equated with states of consciousness.

d. The seven types of forces.

1. These are the seven Shaktis or the seven types of energy/force emanating from the source—i.e., the Monad.

e. The seven Initiations and many other septenates.

1. The seven initiations give entrée into the seven states of consciousness which are fully expressed upon the seven systemic or solar planes.

The Gnosis, the hidden knowledge, is the seventh Principle, the six schools of Indian philosophy are the six principles. —S. D., I, 299.

1. The six surround the one making the seven. Similarly, twelve surround the one making the thirteen as in the case of Christ and His twelve disciples.

2. If the seventh principle is atma, then the Gnosis corresponds with atmic knowledge which is considered “hidden knowledge”. The Gnosis does not correspond to the Monad.

c. Bảy trạng thái của vật chất hay các cõi.

1. Ở đây chúng ta đang nói về cấu trúc nguyên tử của các cõi. Từ một góc nhìn khác, các cõi có thể được xem là tương đương với các trạng thái tâm thức.

d. Bảy loại mãnh lực.

1. Đây là bảy Shaktis hay bảy loại năng lượng/mãnh lực phát xuất từ nguồn cội—tức là chân thần.

e. Bảy lần điểm đạo và nhiều bộ bảy khác.

1. Bảy lần điểm đạo cho phép đi vào bảy trạng thái tâm thức được biểu lộ đầy đủ trên bảy cõi hệ thống hay thái dương.

Minh triết, tri thức ẩn tàng, là Nguyên khí thứ bảy; sáu trường phái triết học Ấn Độ là sáu nguyên khí. —S. D., I, 299.

1. Sáu cái bao quanh một cái, tạo thành bảy. Tương tự như vậy, mười hai cái bao quanh một cái, tạo thành mười ba, như trong trường hợp của Đức Christ và mười hai đệ tử của Ngài.

2. Nếu nguyên khí thứ bảy là atma, thì Gnosis tương ứng với tri thức atma, vốn được xem là “tri thức ẩn tàng”. Gnosis không tương ứng với chân thần.

3. If, however, the “Atman” is considered the seventh principle (and the “Atman” is not atma but the Spirit) and then the Gnosis would correspondence to the Monad.

3. Tuy nhiên, nếu “Atman” được xem là nguyên khí thứ bảy (và “Atman” không phải là atma mà là tinh thần) thì Gnosis sẽ tương ứng với chân thần.

These six schools are:—

Sáu trường phái này là:—

a. The school of Logic.. Proof of right perception.

a. Trường phái Luận lý.. Chứng minh về tri giác đúng đắn.

1. This can be considered a school in which correct thinking is pursued.

1. Điều này có thể được xem là một trường phái trong đó tư duy đúng đắn được theo đuổi.

2. The senses can mislead, and common thoughts can bewilder. Perceptions must be verified through the powers of logical thought.

2. Các giác quan có thể đánh lừa, và những tư tưởng thông thường có thể làm rối trí. Các tri giác phải được kiểm chứng qua các năng lực của tư duy luận lý.

3. The rays involved are especially the third and the fifth.

3. Các cung liên hệ đặc biệt là cung ba và cung năm.

4. Planets concerned are Saturn (the planet of logic), Mercury (the planet of thought) and Venus (the planet of lucidity).

4. Các hành tinh liên quan là Sao Thổ (hành tinh của luận lý), Sao Thủy (hành tinh của tư tưởng) và Sao Kim (hành tinh của sự minh triệt).

5. The plane involved is especially the mental plane.

5. Cõi liên hệ đặc biệt là cõi trí.

6. We may infer that the initiation concerned is the third.

6. Chúng ta có thể suy ra rằng lần điểm đạo liên hệ là lần điểm đạo thứ ba.

b. The atomic school... System of particulars. Elements.

b. Trường phái nguyên tử... Hệ thống các biệt thể. Các nguyên tố.

Alchemy and chemistry.

Thuật luyện kim và hóa học.

1. This can be considered the school in which matter is scientifically investigated and transmuted.

1. Điều này có thể được xem là trường phái trong đó vật chất được khảo cứu một cách khoa học và được chuyển hoá.

2. Alchemy is found upon the seventh ray and chemistry upon the fifth. Both the fifth and seventh rays (concrete rays) pursue an understanding of particulars. An understanding of "elements" or essences is reached through analysis—again upon the fifth ray.

2. Thuật luyện kim thuộc cung bảy và hóa học thuộc cung năm. Cả cung năm lẫn cung bảy (các cung cụ thể) đều theo đuổi sự thấu hiểu về các biệt thể. Sự thấu hiểu về các "nguyên tố" hay tinh túy đạt được qua phân tích—một lần nữa, trên cung năm.

3. The planets involved are Uranus (seventh ray) and Venus (fifth ray). Both of these are involved in the alchemical process.

3. Các hành tinh liên hệ là Sao Thiên Vương (cung bảy) và Sao Kim (cung năm). Cả hai đều tham dự vào tiến trình luyện kim.

4. The plane specifically involved is the *seventh,* though higher planes may also be studied as regards their particulars, their elements, and the transmutative process.

4. Cõi đặc biệt liên hệ là cõi *thứ bảy,* mặc dù các cõi cao hơn cũng có thể được nghiên cứu xét về các biệt thể, các nguyên tố và tiến trình chuyển hoá của chúng.

5. We may infer that the initiation concerned is especially the first, involving the act of transmutation.

5. Chúng ta có thể suy ra rằng lần điểm đạo liên hệ đặc biệt là lần điểm đạo thứ nhất, bao hàm hành vi chuyển hoá.

6. As suggested above, there will not be a neat, one-to-one correspondence between the septenates given in the excerpt above, and the six or seven approaches to philosophical understanding.

6. Như đã gợi ý ở trên, sẽ không có một sự tương ứng gọn ghẽ, một-một giữa các bộ bảy được nêu trong đoạn trích trên và sáu hay bảy cách tiếp cận đối với sự thấu hiểu triết học.

c. The Sankhya school... System of numbers. The materialistic school. The theory of the seven states of matter or prakriti.

c. Trường phái Sankhya... Hệ thống các con số. Trường phái duy vật. Lý thuyết về bảy trạng thái của vật chất hay prakriti.

1. The rays most concerned with mathematics are the second, third, fourth and fifth.

1. Các cung liên hệ nhiều nhất với toán học là cung hai, cung ba, cung bốn và cung năm.

2. Since the "Sankhya school" is to be considered the "materialistic school" we can pretty well eliminate the second and fourth rays (which are rays of subjectivity rather than of form when considering form from the material perspective).

2. Vì "trường phái Sankhya" được xem là "trường phái duy vật", chúng ta khá có thể loại bỏ cung hai và cung bốn (vốn là các cung của tính chủ quan hơn là của hình tướng khi xét hình tướng từ quan điểm vật chất).

3. The seventh ray must also be included because the "*seven* states of matter" are studied in this school.

3. Cung bảy cũng phải được bao gồm vì "*bảy* trạng thái của vật chất" được nghiên cứu trong trường phái này.

4. Thus, rays three, five and seven are representative of this school.

4. Do đó, cung ba, cung năm và cung bảy là tiêu biểu cho trường phái này.

5. There is probably also a strong relation to the deva kingdom as the Raja Deva Lords are the beings who inform the seven planes or seven states of matter.

5. Có lẽ cũng có một liên hệ mạnh mẽ với giới thiên thần vì các Raja Deva Lords là những hữu thể thấm nhuần bảy cõi hay bảy trạng thái của vật chất.

6. This school would also be concerned with the principles of form building—considering form as the foundation through which the second aspect of divinity must learn to express.

6. Trường phái này cũng sẽ quan tâm đến các nguyên khí của việc xây dựng hình tướng—xem hình tướng như nền tảng qua đó phương diện thứ hai của thiên tính phải học cách biểu lộ.

7. How does the second school differ from the third, as there seem to be a number of states in common? Perhaps we might say that the third school deals with the planes as a whole and the second school with the particular atoms to be found upon those planes.

7. Trường phái thứ hai khác với trường phái thứ ba như thế nào, khi dường như có một số trạng thái chung? Có lẽ chúng ta có thể nói rằng trường phái thứ ba bàn đến các cõi như những toàn thể, còn trường phái thứ hai bàn đến các nguyên tử biệt thể được tìm thấy trên các cõi ấy.

8. The numerical relationship of the many forms of vibration would be pursued and understood in this school.

8. Mối liên hệ số học của nhiều hình thức rung động sẽ được theo đuổi và thấu hiểu trong trường phái này.

9. A mastery of numbers would also be related to the mastery of mantra, achieved upon the third and seventh rays (both of which during different developmental stages, rule the throat center and both of which are rays of magic).

9. Sự làm chủ các con số cũng sẽ liên hệ với sự làm chủ mantram, đạt được trên cung ba và cung bảy (cả hai, trong những giai đoạn phát triển khác nhau, đều cai quản trung tâm cổ họng và đều là các cung của huyền thuật).

10. The adherents in this school would understand the sound formulas through which the matter of any plane could be manipulated. There is more third ray in this approach, and more fifth ray to be found in

10. Những người theo trường phái này sẽ hiểu các công thức âm thanh qua đó vật chất của bất kỳ cõi nào cũng có thể được thao tác. Có nhiều cung ba hơn trong cách tiếp cận này, và nhiều cung năm hơn trong "trường

the “atomic school”. Both share the seventh ray.

11. It is difficult to infer that the Sankhya school has a relation to any particular initiation.

d. The school of Yoga... Union. The rule of daily life. Mysticism.

1. A number of rays are suggested in the procedures of the “school of Yoga”. It is the fourth school and, to a degree, correlates with the fourth ray, which always tends to promote at-one-ment or union.

2. The concept of the “rule of daily life”, however, suggests the seventh ray—the Ray of Law and Order. The mystical factor in this school suggests the sixth ray.

3. Of course there are many different kinds of yoga, each of them coming forth on one or two rays in particular.

a Karma Yoga—principally the third and seventh rays

b Laya Yoga—principally the seventh ray

c Hatha Yoga—principally the fourth ray (according to the Tibetan), though it would be difficult to exclude the seventh ray.

d Bhakti Yoga—principally the sixth ray

e Gnani Yoga—principally the third and fifth rays

f Raja Yoga—principally the second and fifth rays

phái nguyên tử”. Cả hai cùng chia sẻ cung bảy.

11. Thật khó suy ra rằng trường phái Sankhya có liên hệ với bất kỳ lần điểm đạo đặc thù nào.

d. Trường phái Yoga... Hợp nhất. Quy luật của đời sống hằng ngày. Thần bí học.

1. Một số cung được gợi ra trong các thủ tục của “trường phái Yoga”. Đây là trường phái thứ tư và, ở một mức độ nào đó, tương quan với cung bốn, vốn luôn có khuynh hướng thúc đẩy sự hợp nhất hay hiệp nhất.

2. Tuy nhiên, khái niệm “quy luật của đời sống hằng ngày” gợi ra cung bảy—Cung của Định luật và Trật tự. Yếu tố thần bí trong trường phái này gợi ra cung sáu.

3. Dĩ nhiên có nhiều loại yoga khác nhau, mỗi loại trong số đó xuất hiện đặc biệt trên một hay hai cung.

a Karma Yoga—chủ yếu là cung ba và cung bảy

b Laya Yoga—chủ yếu là cung bảy

c Hatha Yoga—chủ yếu là cung bốn (theo Chân sư Tây Tạng), mặc dù khó có thể loại trừ cung bảy.

d Bhakti Yoga—chủ yếu là cung sáu

e Gnani Yoga—chủ yếu là cung ba và cung năm

f Raja Yoga—chủ yếu là cung hai và cung năm

g Agni Yoga—principally the first ray, but the second ray should not be ignored because Agni Yoga is the "Yoga of Synthesis" and synthesis is the second aspect of the will.

g Agni Yoga—chủ yếu là Cung một, nhưng không nên bỏ qua cung hai vì Agni Yoga là "Yoga của Tổng Hợp" và tổng hợp là phương diện thứ hai của ý chí.

1. The idea in relation to Yoga—that two things which are separated must be joined—suggests the general need for the fourth ray, which links and fuses factors which are separated. The second ray does something of the same.

1. Ý tưởng liên hệ với Yoga—rằng hai điều bị tách rời phải được kết hợp—gợi ra nhu cầu tổng quát về cung bốn, vốn nối kết và dung hợp các yếu tố bị tách rời. Cung hai cũng làm điều tương tự ở một mức độ nào đó.

2. Yoga is found related to all planes, all states of consciousness and all initiations.

2. Yoga được thấy là liên hệ với mọi cõi, mọi trạng thái tâm thức và mọi lần điểm đạo.

e. The school of Ceremonial religion... Ritual. Worship of the devas or Gods.

e. Trường phái Tôn giáo nghi lễ... Nghi thức. Sự thờ phụng các thiên thần hay các Thượng đế.

1. This is in many ways a Jupiterian school.

1. Đây theo nhiều phương diện là một trường phái thuộc Sao Mộc.

2. The religious factor suggests the importance of the sixth ray.

2. Yếu tố tôn giáo gợi ra tầm quan trọng của cung sáu.

3. The fact that the religion is "ceremonial" suggests the presence of the seventh ray.

3. Việc tôn giáo này mang tính "nghi lễ" gợi ra sự hiện diện của cung bảy.

4. The "worship of the devas" suggests the presence of both the sixth and seventh rays. The sixth ray is the 'ray of worship', and connection with the devas is particular the province of the seventh ray—though all ray types can connect with the devas who are to be found on all rays.

4. "Sự thờ phụng các thiên thần" gợi ra sự hiện diện của cả cung sáu lẫn cung bảy. Cung sáu là 'cung của sự thờ phụng', và sự kết nối với các thiên thần đặc biệt thuộc phạm vi của cung bảy—mặc dù mọi loại cung đều có thể kết nối với các thiên thần hiện diện trên mọi cung.

5. In this context the devas are considered as "gods" or shining ones.

5. Trong bối cảnh này, các thiên thần được xem là các "thượng đế" hay các đấng sáng chói.

6. The two parallel evolutions (man and deva) are especially linked upon the seventh and fourth rays.

6. Hai tiến trình tiến hoá song song (con người và thiên thần) được nối kết đặc biệt trên cung bảy và cung bốn.

7. Both the astral and physical planes are especially involved in this school. Right practices and right ritual must be combined with right desire and aspiration.

7. Cả cõi cảm dục lẫn cõi hồng trần đều đặc biệt liên hệ trong trường phái này. Những thực hành đúng đắn và nghi lễ đúng đắn phải được kết hợp với dục vọng và khát vọng đúng đắn.

8. We may infer that the initiations involved are the first and second, especially—both, initiations of the threshold.

8. Chúng ta có thể suy ra rằng các lần điểm đạo liên hệ đặc biệt là lần điểm đạo thứ nhất và lần điểm đạo thứ hai—cả hai đều là những lần điểm đạo của ngưỡng cửa.

9. On a higher turn of the spiral, the buddhic plane must be involved for we are dealing with that which religion hopes to invoke—i.e., the unitive sense which is characteristic of buddhi.

9. Trên một vòng xoắn cao hơn của đường xoắn ốc, cõi Bồ đề phải được bao gồm vì chúng ta đang bàn đến điều mà tôn giáo hy vọng khẩn cầu—tức là cảm thức hợp nhất vốn là đặc trưng của Bồ đề.

f. The Vedanta school... Has to do with non-duality. Deals with the relation of Atma in man to the Logos.

f. Trường phái Vedanta... Liên quan đến phi nhị nguyên. Bàn đến mối liên hệ của Atma trong con người với Logos.

1. This is the highest school of the six schools.

1. Đây là trường phái cao nhất trong sáu trường phái.

2. It is the Divine Will (related to the first ray) that resolves duality into unity and synthesis.

2. Chính Ý Chí thiêng liêng (liên hệ với Cung một) giải quyết nhị nguyên tính thành hợp nhất và tổng hợp.

3. The first ray is the ray of non-duality.

3. Cung một là cung của phi nhị nguyên.

4. We note that the school deals with the “Atma” and not the “Atman”. The “Atman” is pure Spirit. The “Atma” is related to the atmic plane (the “nirvanic plane”) and the spiritual will which emanates from that plane.

4. Chúng ta lưu ý rằng trường phái này bàn đến “Atma” chứ không phải “Atman”. “Atman” là Tinh thần thuần túy. “Atma” liên hệ với cõi atma (cõi “Niết Bàn”) và ý chí tinh thần phát xuất từ cõi đó.

5. It may be questioned whether the atmic plane is a plane of completed non-dualism. It may by hypothesized that monadic identification (achieved on the sixth plane/ or second) is required for the full realization of non-dualism.

5. Có thể đặt câu hỏi liệu cõi atma có phải là một cõi của phi nhị nguyên hoàn toàn hay không. Có thể giả định rằng sự đồng hoá chân thần (đạt được trên cõi thứ sáu/hay thứ hai) là cần thiết cho sự chứng nghiệm trọn vẹn về phi nhị nguyên.

6. There is the possibility, however, that when the term "Atma" is used, the "Atman" may be meant, in which case monadic identification would be sought in this school.

6. Tuy nhiên, cũng có khả năng là khi thuật ngữ "Atma" được dùng, người ta thực sự muốn nói đến "Atman", trong trường hợp đó sự đồng hoá chân thần sẽ được tìm kiếm trong trường phái này.

7. The initiations involved are the fifth and the sixth, and the planes corresponding to these initiations are respectively the fifth and sixth (numbering from below).

7. Các lần điểm đạo liên hệ là lần điểm đạo thứ năm và thứ sáu, và các cõi tương ứng với các lần điểm đạo này lần lượt là cõi thứ năm và thứ sáu (đếm từ dưới lên).

8. Which "Logos" is here meant? The Planetary Logos? The Solar Logos?

8. "Logos" ở đây được hiểu là Logos nào? Hành Tinh Thượng Đế? Thái dương Thượng đế?

9. It would seem more proper to say that this school must deal with the relation of the Monad to the Planetary Logos or Solar Logos. Such a relationship is often mentioned, whereas the relationship of "Atma" to the Planetary Logos or Solar Logos is not often mentioned (unless, of course, the "Atma" really means the "Atman" or immortal Spirit.

9. Có vẻ thích đáng hơn khi nói rằng trường phái này phải bàn đến mối liên hệ của chân thần với Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế. Một mối liên hệ như vậy thường được nhắc đến, trong khi mối liên hệ của "Atma" với Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế lại không thường được nhắc đến (trừ phi, dĩ nhiên, "Atma" thực sự có nghĩa là "Atman" hay Tinh thần bất tử.

10. We can successfully relate the "Atma" to the Monad: atma or the "Atma" usually means the spiritual will(associated with the *first* aspect of divinity) and the *first* expression of pure being (Monad) is the will.

10. Chúng ta có thể liên hệ thành công "Atma" với chân thần: atma hay "Atma" thường có nghĩa là ý chí tinh thần (gắn với phương diện *thứ nhất* của thiên tính) và sự biểu lộ *đầu tiên* của bản thể thuần túy (chân thần) là ý chí.

The Gnosis or hidden knowledge is the same as Atma vidya, or Theosophy, and includes the other six.

1. The seventh school works through “Atma Vidya” or Divine Wisdom (Theosophy).

2. It is, in a way, the synthesis of all the other schools and draws from them.

3. The synthetic ray in our solar system is the second ray of Love-Wisdom—the ray of the pure “Gnosis”.

4. The plane concerned would be especially the monadic plane—a plane of synthesis.

5. The “Vedantic school” could be considered a reflection of states and processes on the logoic plane, though the atmic plane is involved, as plane one (logoic) is easily reflected in planet three (atmic)

6. We may infer that the initiation concerned would the seventh which is synthetic and ruled by the second ray. The sixth initiation, the initiation which leads to the retraction of the extended consciousness into the Monad, may also be involved.

7. The planes involved may be considered the sixth and seventh (or the second and first, numbering from above), whereas, in relation to the “Vedanta school” the planes involved include the atmic, as well as the monadic and logoic.

We can now take up the question next in order, which was worded: "**Why do we**

Gnosis hay tri thức ẩn tàng cũng chính là Atma vidya, hay Thông Thiên Học, và bao gồm sáu trường phái kia.

1. Trường phái thứ bảy hoạt động qua “Atma Vidya” hay Minh Triết Thiêng Liêng (Thông Thiên Học).

2. Theo một nghĩa nào đó, đây là sự tổng hợp của tất cả các trường phái khác và rút ra từ chúng.

3. Cung tổng hợp trong hệ mặt trời của chúng ta là cung hai của Bác Ái – Minh Triết —cung của “Gnosis” thuần túy.

4. Cõi liên hệ đặc biệt sẽ là cõi chân thần—một cõi của tổng hợp.

5. “Trường phái Vedanta” có thể được xem là một phản ánh của các trạng thái và tiến trình trên cõi logoic, mặc dù cõi atma cũng được bao gồm, vì cõi một (logoic) dễ dàng được phản ánh trong cõi ba (atma)

6. Chúng ta có thể suy ra rằng lần điểm đạo liên hệ sẽ là lần thứ bảy, vốn có tính tổng hợp và được cung hai cai quản. Lần điểm đạo thứ sáu, lần điểm đạo dẫn đến sự rút lại tâm thức mở rộng vào trong chân thần, cũng có thể được bao gồm.

7. Các cõi liên hệ có thể được xem là cõi thứ sáu và thứ bảy (hay cõi thứ hai và thứ nhất, nếu đếm từ trên xuống), trong khi, liên hệ với “trường phái Vedanta”, các cõi liên hệ bao gồm cõi atma cũng như cõi chân thần và cõi logoic.

Giờ đây chúng ta có thể xét đến câu hỏi kế tiếp theo thứ tự, được nêu như sau: "**Tại sao chúng ta xem một số phương diện của tri**

consider certain aspects of knowledge esoteric and other aspects as exoteric?"

1. We are restating the initial question.

The answer to this practically involves the realisation that some knowledge deals with the subjective side of life, and the other type of knowledge with the objective side;

1. It will be our task to carefully define "subjective" and "objective". From the strictly human perspective, subjectivity seems to begin upon the astral level, but this is not *true* subjectivity which, in relation to the Planetary Logos begins with the higher mental plane and, in relation to the Solar Logos begins with the buddhic plane.

2. This would mean that when we, as human beings, enter the etheric body of the Planetary Logos or Solar Logos, we enter that which for them is principled substance, thus directly related to their monadic identity, and thus *subjective* to a degree.

3. If we follow the law of analogy and determine that true subjectivity begins no lower than the systemic higher mental plane where the human causal body is found, then, as regards the consciousness of the Planetary Logos or Solar Logos, subjectivity for these great beings does not begin until we reach the higher levels of the cosmic mental plane where their causal bodies are located—so we are told.

thức là huyền bí và những phương diện khác là ngoại môn?"

1. Chúng ta đang phát biểu lại câu hỏi ban đầu.

Câu trả lời cho điều này trên thực tế bao hàm sự chứng nghiệm rằng một loại tri thức bàn đến mặt chủ quan của sự sống, còn loại tri thức kia bàn đến mặt khách quan;

1. Nhiệm vụ của chúng ta sẽ là xác định cẩn thận "chủ quan" và "khách quan". Từ quan điểm thuần túy nhân loại, tính chủ quan dường như bắt đầu ở mức cảm dục, nhưng đó không phải là tính chủ quan *đích thực*; tính chủ quan đích thực, liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế, bắt đầu từ Cõi thượng trí, và liên hệ với Thái dương Thượng đế, bắt đầu từ cõi Bồ đề.

2. Điều này có nghĩa là khi chúng ta, với tư cách con người, đi vào thể dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế, chúng ta đi vào điều mà đối với Các Ngài là chất liệu nguyên khí, do đó trực tiếp liên hệ với bản sắc chân thần của Các Ngài, và vì vậy ở một mức độ nào đó là *chủ quan* đối với Các Ngài.

3. Nếu chúng ta theo định luật tương đồng và xác định rằng tính chủ quan đích thực không bắt đầu thấp hơn cõi thượng trí của hệ thống, nơi thể nguyên nhân của con người được tìm thấy, thì xét về tâm thức của Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế, tính chủ quan đối với các Hữu Thể Vĩ Đại này chỉ bắt đầu khi chúng ta đạt đến các mức cao hơn của cõi trí vũ trụ, nơi các thể nguyên nhân của Các Ngài tọa lạc—ít nhất là như chúng ta được cho biết.

that one type of knowledge is concerned with energy and force (**hence the danger of undue hasty revelation**) and another with that which is energised.

rằng một loại tri thức liên hệ với năng lượng và mãnh lực (**do đó có sự nguy hiểm của việc mặc khải quá sớm một cách thiếu thận trọng**) và loại kia liên hệ với điều được tiếp năng lượng.

1. All is energy or force or some combination of the two; even matter is force.

1. Mọi sự đều là năng lượng hay mãnh lực hay một sự kết hợp nào đó của cả hai; ngay cả vật chất cũng là mãnh lực.

2. From one perspective, forces are those factors which are energized. Forces are played upon by higher forces we call energies.

2. Từ một góc nhìn, các mãnh lực là những yếu tố được tiếp năng lượng. Các mãnh lực chịu tác động của những mãnh lực cao hơn mà chúng ta gọi là năng lượng.

3. DK is telling us that if knowledge comes too early in the developmental process, too much power will be put into the hands of those who, literally, do not *know* what they are *doing*.

3. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng nếu tri thức đến quá sớm trong tiến trình phát triển, quá nhiều quyền năng sẽ được đặt vào tay những kẻ, theo nghĩa đen, không *biết* mình đang *làm gì*.

4. Every factor in cosmos is both energized (or forced), and energizing (and forcing).

4. Mọi yếu tố trong vũ trụ vừa được tiếp năng lượng (hay bị tác động bằng mãnh lực), vừa tiếp năng lượng cho cái khác (và tác động bằng mãnh lực).

5. Energy is a higher force; force is a lower energy.

5. Năng lượng là một mãnh lực cao hơn; mãnh lực là một năng lượng thấp hơn.

6. Often the dividing line between energy and force is considered the higher mental plane. All dynamic factors focused below the higher mental plane (the soul plane) are considered forces; all dynamic factors pertaining to the higher mental plane and above are considered energies.

6. Thông thường, ranh giới phân chia giữa năng lượng và mãnh lực được xem là Cõi thượng trí. Mọi yếu tố động lực tập trung bên dưới Cõi thượng trí (cõi linh hồn) đều được xem là các mãnh lực; mọi yếu tố động lực thuộc về Cõi thượng trí và cao hơn đều được xem là các năng lượng.

Therefore it will be apparent that **until the faculty of ascertaining subjective information is achieved, whole ranges of facts will remain outside the scope of the consciousness of the majority**.

Do đó sẽ hiển nhiên rằng **cho đến khi đạt được năng lực xác định thông tin chủ quan, toàn bộ những phạm vi sự kiện sẽ vẫn nằm ngoài tầm với của tâm thức của đa số**.

1. VSK suggests that "subjective knowledge then is dealing with energy and force; objective knowledge with that which is energized (unless the order of the reference is reversed.)"

1. VSK gợi ý rằng "tri thức chủ quan khi ấy bàn đến năng lượng và mãnh lực; tri thức khách quan bàn đến điều được tiếp năng lượng (trừ phi trật tự quy chiếu bị đảo ngược)."

2. It becomes clear that the majority of human begins is not *subjectively* aware. Since many in this majority are aware of the feelings, emotions and mental states, true subjectivity must lie beyond these.

2. Rõ ràng là đa số nhân loại không nhận biết một cách *chủ quan*. Vì nhiều người trong số đông này nhận biết được cảm giác, cảm xúc và các trạng thái trí tuệ, nên tính chủ quan đích thực phải nằm vượt ra ngoài những điều ấy.

3. We realized how imprisoned we are by the factor of nescience—"unknowing".

3. Chúng ta nhận ra mình bị giam hãm biết bao bởi yếu tố vô minh—"không biết".

As we have been told, the goal of evolution is the attainment of consciousness on all planes;

Như chúng ta đã được bảo, mục tiêu của tiến hoá là đạt được tâm thức trên mọi cõi;

4. For practical purposes and in relation to humanity, this means the attainment of consciousness on all levels of the cosmic physical plane.

4. Vì những mục đích thực tiễn và liên hệ với nhân loại, điều này có nghĩa là đạt được tâm thức trên mọi mức của cõi hồng trần vũ trụ.

5. We note that the thought that man can *transcend consciousness* when he enters the triadal realms is more a heuristic device than a statement of fact. At a certain point the *life aspect* may emerge insistently, but the pursuit of consciousness continues, even well beyond the cosmic physical plane.

5. Chúng ta lưu ý rằng ý tưởng cho rằng con người có thể *vượt lên trên tâm thức* khi y đi vào các cõi tam nguyên tinh thần mang tính phương tiện gợi mở hơn là một phát biểu sự kiện. Ở một điểm nào đó, *phương diện sự sống* có thể xuất hiện một cách mạnh mẽ, nhưng việc theo đuổi tâm thức vẫn tiếp tục, ngay cả vượt xa ngoài cõi hồng trần vũ trụ.

owing to the small evolutionary attainment of the race only the physical plane is as yet in any way brought under conscious control.

do thành tựu tiến hoá còn ít ỏi của nhân loại nên cho đến nay chỉ có cõi hồng trần phần nào được đặt dưới sự kiểm soát có ý thức.

6. From a Master's perspective man's degree of attainment is small, even tiny. We are principally focussed on the very lowest

6. Từ quan điểm của một Chân sư, mức độ thành tựu của con người là nhỏ bé, thậm chí rất nhỏ. Chúng ta chủ yếu tập trung trên những mức thấp nhất của cõi hồng trần vũ

levels of the cosmic physical plane. This is not a flattering fact.

trụ. Đây không phải là một sự thật đáng tự hào.

The knowledge which deals with that plane, [Page 286] the information which is concerned with densest objectivity, **the sumtotal of facts connected with the five lower subplanes of the physical plane are (from the occult standpoint) considered exoteric.**

Tri thức bàn đến cõi đó, [Page 286] thông tin liên hệ với tính khách quan đậm đặc nhất, **tổng thể các sự kiện gắn với năm cõi phụ thấp của cõi hồng trần đều được xem là ngoại môn theo quan điểm huyền bí.**

7. The five lower subplanes of the systemic physical plane are considered exoteric. They correspond to the Brahmic subplanes of the cosmic physical plane.

7. Năm cõi phụ thấp của cõi hồng trần hệ thống được xem là ngoại môn. Chúng tương ứng với các cõi phụ Brahmic của cõi hồng trần vũ trụ.

8. That which is Brahmic pertains to the first solar system and to the material aspect ruled by Saturn.

8. Điều thuộc Brahmic liên hệ với hệ mặt trời thứ nhất và với phương diện vật chất do Sao Thổ cai quản.

9. Yet, humanity is only now in process of discovering that which is to be found upon the *fourth* ether, the lowest etheric subplane. Though here listed as *exoteric*, the facts and phenomena of the third etheric sub-plane are, for man, still quite *esoteric*.

9. Tuy nhiên, nhân loại chỉ mới đang trong tiến trình khám phá điều được tìm thấy trên dĩ thái *thứ tư*, cõi phụ dĩ thái thấp nhất. Dù ở đây được liệt kê là *ngoại môn*, các sự kiện và hiện tượng của cõi phụ dĩ thái thứ ba, đối với con người, vẫn còn khá *huyền bí*.

10. When we remember that the human throat center expresses through the third ether, and that the throat center is, relatively, an exoteric center representing the mind and the personality, we can understand a little better why the third ether is considered exoteric.

10. Khi nhớ rằng trung tâm cổ họng của con người biểu lộ qua dĩ thái thứ ba, và rằng trung tâm cổ họng, xét tương đối, là một trung tâm ngoại môn đại diện cho trí tuệ và phàm ngã, chúng ta có thể hiểu rõ hơn đôi chút vì sao dĩ thái thứ ba được xem là ngoại môn.

11. Still, we would be hard-pressed to discuss the knowledge and phenomena associated with the third systemic ether.

11. Tuy vậy, chúng ta vẫn sẽ rất khó bàn đến tri thức và các hiện tượng gắn với dĩ thái thứ ba của hệ thống.

During the next two races the other two subplanes will be mastered,

Trong hai nhân loại kế tiếp, hai cõi phụ còn lại sẽ được làm chủ,

12. This means that the sub-atomic and atomic etheric sub-planes will be mastered.

12. Điều này có nghĩa là các cõi phụ dĩ thái hạ nguyên tử và nguyên tử sẽ được làm chủ.

13. This tells us that the heart center will be powerfully developed during the sixth root race and that the head center will be powerfully developed during the seventh.

13. Điều này cho chúng ta biết rằng trung tâm tim sẽ được phát triển mạnh mẽ trong giống dân gốc thứ sáu và trung tâm đầu sẽ được phát triển mạnh mẽ trong giống dân gốc thứ bảy.

14. The heart center expresses on the sub-atomic etheric plane (the second sub-plane) and the head center upon the atomic etheric plane (the first sub-plane).

14. Trung tâm tim biểu lộ trên cõi dĩ thái hạ nguyên tử (cõi phụ thứ hai) và trung tâm đầu trên cõi dĩ thái nguyên tử (cõi phụ thứ nhất).

15. In our Aryan civilization, the throat center is the center of greatest moment.

15. Trong nền văn minh Arya của chúng ta, trung tâm cổ họng là trung tâm quan trọng nhất.

and **the entire mass of knowledge concerned with physical and etheric matter, with energy, form and experience on the physical plane**, will be easily available to man, and concern only his five physical senses.

và **toàn bộ khối tri thức liên hệ với vật chất hồng trần và dĩ thái, với năng lượng, hình tướng và kinh nghiệm trên cõi hồng trần**, sẽ dễ dàng sẵn có cho con người, và chỉ liên hệ đến năm giác quan hồng trần của y.

16. DK is predicting the type of knowledge which will be available to man once the sixth and seventh sub-races have run their course.

16. Chân sư DK đang tiên đoán loại tri thức sẽ sẵn có cho con người một khi giống dân phụ thứ sáu và thứ bảy đã hoàn tất tiến trình của chúng.

17. Everything in relation to physical and etheric matter will be known and will be apprehended directly through one or other of his five physical senses—hearing, touch, sight, taste and smell.

17. Mọi điều liên hệ với vật chất hồng trần và dĩ thái sẽ được biết đến và sẽ được lĩnh hội trực tiếp qua một hay nhiều trong năm giác quan hồng trần của y—thính giác, xúc giác, thị giác, vị giác và khứu giác.

18. We will presume that taste and smell will undergo a great development in the sixth and seventh root races respectively.

18. Chúng ta sẽ giả định rằng vị giác và khứu giác sẽ trải qua một sự phát triển lớn lao lần lượt trong giống dân gốc thứ sáu và thứ bảy.

19. From this perspective the sense of taste must be related to the heart center and the sense of smell to the head center.

19. Từ góc nhìn này, vị giác phải liên hệ với trung tâm tim và khứu giác với trung tâm đầu.

20. DK is predicting that during the next two races we will hear, touch, see, taste and smell etherically—i.e., (at the end of the seventh root race) on *all* the etheric sub-planes of the systemic etheric-physical plane).

20. Chân sư DK đang tiên đoán rằng trong hai nhân loại kế tiếp, chúng ta sẽ nghe, chạm, thấy, nếm và ngửi một cách dĩ thái—tức là (vào cuối giống dân gốc thứ bảy) trên *mọi* cõi phụ dĩ thái của cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống).

Information and knowledge of the **life evolving through the forms** will for a considerably longer time **be considered esoteric**, as also will **the apprehension and comprehension of the matter aspect, and the laws governing energy on the astral and the mental planes.** This is stated in connection with average man, the rank and file of humanity.

Thông tin và tri thức về **sự sống tiến hoá qua các hình tướng** sẽ trong một thời gian còn khá dài nữa **được xem là huyền bí**, cũng như **sự lĩnh hội và thấu hiểu phương diện vật chất, và các định luật chi phối năng lượng trên cõi cảm dục và cõi trí.** Điều này được phát biểu liên hệ với con người trung bình, hàng ngũ đông đảo của nhân loại.

21. Knowledge of life (which is a far more esoteric factor than form) will remain esoteric. Knowledge of energy, form and experience upon the physical plane is almost completely exoteric.

21. Tri thức về sự sống (vốn là một yếu tố huyền bí hơn hình tướng rất nhiều) sẽ vẫn còn huyền bí. Tri thức về năng lượng, hình tướng và kinh nghiệm trên cõi hồng trần hầu như hoàn toàn là ngoại môn.

22. The astral and mental planes have a type of matter associated with them; knowledge of this type of matter will remain esoteric for yet a while as will knowledge of the laws governing energy of the astral and mental planes.

22. Cõi cảm dục và cõi trí có một loại vật chất gắn với chúng; tri thức về loại vật chất này sẽ còn huyền bí thêm một thời gian nữa, cũng như tri thức về các định luật chi phối năng lượng của cõi cảm dục và cõi trí.

23. What is stated here relates to the consciousness of the average human being which cannot yet penetrate into the etheric, astral and mental planes. Even a true comprehension of the matter aspect will evade the understanding of the average individual.

23. Điều được nêu ở đây liên hệ với tâm thức của con người trung bình, vốn chưa thể xuyên nhập vào các cõi dĩ thái, cảm dục và trí. Ngay cả một sự thấu hiểu đích thực về phương diện vật chất cũng sẽ vượt khỏi khả năng hiểu biết của cá nhân trung bình.

24. To the true disciple, however, knowledge of the astral and mental planes is already becoming exoteric and the etheric plane is rapidly being disclosed.

24. Tuy nhiên, đối với đệ tử chân chính, tri thức về cõi cảm dục và cõi trí đã đang trở nên ngoại môn, và cõi dĩ thái đang nhanh chóng được khai lộ.

Objective or exoteric information is largely that obtained or ascertained by men **in the Hall of Learning by means of the five senses, and by experiment.**

Thông tin khách quan hay ngoại môn phần lớn là điều được những người nam và nữ thu nhận hay xác định **trong Phòng Hiểu Biết bằng năm giác quan và bằng thực nghiệm.**

25. There are three major "halls":

25. Có ba "phòng" chính:

a The Hall of Ignorance

a Phòng Vô Minh

b The Hall of Learning

b Phòng Hiểu Biết

c The Hall of Wisdom

c Phòng Minh triết

26. The Hall of Learning is obviously principally rules by the germinating mind, for the five senses and experiment are the means of learning within that Hall.

26. Phòng Hiểu Biết hiển nhiên chủ yếu được cai quản bởi trí tuệ đang nảy mầm, vì năm giác quan và thực nghiệm là những phương tiện học hỏi trong Phòng ấy.

27. We can see that the Hall of Learning is largely a Brahmic experience.

27. Chúng ta có thể thấy rằng Phòng Hiểu Biết phần lớn là một kinh nghiệm Brahmic.

Experiment in due course of time and after many cycles of incarnation is transmuted into experience, and this produces eventually that which we call **instinct, or the habitual reaction of some type of consciousness to a given set of circumstances, or of environment.**

Thực nghiệm, theo thời gian và sau nhiều chu kỳ lâm phàm, được chuyển hoá thành kinh nghiệm, và điều này cuối cùng tạo ra cái mà chúng ta gọi là **bản năng, hay phản ứng theo thói quen của một loại tâm thức nào đó trước một tập hợp hoàn cảnh hay môi trường nhất định.**

28. The sequence to bear in mind in the mind is that experiment leads to experience which, when repeated, leads to the development of instinct.

28. Trình tự cần ghi nhớ là thực nghiệm dẫn đến kinh nghiệm, và kinh nghiệm khi được lặp lại sẽ dẫn đến sự phát triển của bản năng.

29. We must note that instinct is a reaction of *consciousness* and that it is a *habitual* reaction. This means it is automatic and

29. Chúng ta phải lưu ý rằng bản năng là một phản ứng của *tâm thức* và đó là một phản ứng *theo thói quen*. Điều này có nghĩa

does not require the participation of a reflective consciousness.

là nó mang tính tự động và không đòi hỏi sự tham gia của một tâm thức phản tỉnh.

These two factors of **the senses and of experimental contact** can be seen working out in the animal and human kingdoms;

Hai yếu tố này của **các giác quan và sự tiếp xúc bằng thực nghiệm** có thể được thấy đang vận hành trong giới động vật và giới nhân loại;

30. This is a factor which humans and animals share.

30. Đây là một yếu tố mà con người và động vật cùng chia sẻ.

the difference between the two exists in the ability of the man consciously to remember, apprehend, anticipate, and utilise the fruits of past experience, and thus influence the present and prepare for the future.

sự khác biệt giữa hai giới nằm ở khả năng của con người trong việc nhớ lại một cách có ý thức, lĩnh hội, dự liệu và sử dụng các thành quả của kinh nghiệm quá khứ, và do đó ảnh hưởng đến hiện tại và chuẩn bị cho tương lai.

31. Let us tabulate wherein man differs from the animal in his use of the senses and experimental contact:

31. Chúng ta hãy lập bảng những điểm trong đó con người khác với động vật trong việc sử dụng các giác quan và sự tiếp xúc bằng thực nghiệm:

a Man consciously remembers

a Con người nhớ lại một cách có ý thức

b Man consciously apprehends

b Con người một cách hữu thức lĩnh hội

c Man consciously anticipates

c Con người một cách hữu thức dự liệu

d Man consciously utilizes the fruits of past experience

d Con người một cách hữu thức sử dụng những thành quả của kinh nghiệm quá khứ

e By doing this, man influences the present and prepares of the future.

e Khi làm như vậy, con người ảnh hưởng đến hiện tại và chuẩn bị cho tương lai.

32. Perhaps the important and operative work here is “consciously”. The animal also remembers, apprehends, anticipates, etc., but all at an instinctual level. The animal does not consciously recognize that it is engaged in such acts.

32. Có lẽ từ quan trọng và có tác dụng ở đây là “một cách hữu thức”. Con vật cũng nhớ, lĩnh hội, dự liệu, v.v., nhưng tất cả đều ở cấp độ bản năng. Con vật không nhận biết một cách hữu thức rằng nó đang tham gia vào những hành vi như thế.

He employs the physical brain for this purpose. An animal likewise has an instinctual memory, apprehension, and an embryo anticipation,

33. Here we see that the animal shares with man the following:

a Memory (not conscious but instinctual)

b Apprehension (grasp of recognition)

c Anticipation (of an embryonic variety)

but (lacking mind) he is unable to adjust them to circumstances in the sense of prearrangement, and lacks the capacity consciously to utilise, and thus reap, the benefit of past events, and to learn from experience in the manner which a man does.

34. Let us tabulate what an animal cannot do because it lacks mind:

a The animal cannot adjust its memory, apprehension and embryonic anticipation to circumstances

b The animal cannot *prearrange* that which it remembers, apprehends or anticipates.

c The animal cannot utilise past events consciously

d The animal, thus, cannot (at least consciously) reap the benefit of past events

Y sử dụng bộ não hồng trần cho mục đích này. Con vật cũng có ký ức bản năng, sự lĩnh hội và một mầm mống dự liệu,

33. Ở đây chúng ta thấy rằng con vật chia sẻ với con người những điều sau đây:

a Ký ức (không hữu thức mà là bản năng)

b Sự lĩnh hội (nắm bắt bằng nhận biết)

c Sự dự liệu (thuộc loại phôi thai)

nhưng (do thiếu trí tuệ) nó không thể điều chỉnh chúng theo hoàn cảnh theo nghĩa sắp đặt trước, và thiếu khả năng một cách hữu thức sử dụng, và nhờ đó gặt hái, lợi ích của các biến cố quá khứ, cũng như học hỏi từ kinh nghiệm theo cách mà con người làm được.

34. Hãy lập bảng những điều con vật không thể làm vì nó thiếu trí tuệ:

a Con vật không thể điều chỉnh ký ức, sự lĩnh hội và sự dự liệu phôi thai của nó theo hoàn cảnh

b Con vật không thể *sắp đặt trước* điều mà nó nhớ, lĩnh hội hay dự liệu.

c Con vật không thể sử dụng các biến cố quá khứ một cách hữu thức

d Vì vậy, con vật không thể (ít nhất là một cách hữu thức) gặt hái lợi ích từ các biến cố quá khứ

e Vì vậy, con vật không thể học hỏi từ kinh nghiệm *theo cùng một cách* như con người.

e The animal, thus, cannot learn from experience *in the same manner* than man does.

The [Page 287] animal uses the solar plexus in the same way that a man uses the brain; it is the organ of instinct.

Con vật [Page 287] sử dụng tùng thái dương theo cùng cách mà con người sử dụng bộ não; đó là cơ quan của bản năng.

35. Here we have a contrast between the solar plexus center and the brain. The brain is ruled by the third, fifth and seventh rays; the solar plexus center is ruled by the sixth ray.

35. Ở đây chúng ta có một sự tương phản giữa trung tâm tùng thái dương và bộ não. Bộ não được cai quản bởi cung ba, cung năm và cung bảy; trung tâm tùng thái dương được cai quản bởi cung sáu.

36. Yet, in a way, the solar plexus is the third chakra (counting from below) and thus correlates with the number of the animal kingdom—the third.

36. Tuy nhiên, theo một cách nào đó, tùng thái dương là luân xa thứ ba (đếm từ dưới lên) và vì thế tương ứng với số của giới động vật—số ba.

37. The solar plexus center is the organ of instinct; the brain is the organ of thought.

37. Trung tâm tùng thái dương là cơ quan của bản năng; bộ não là cơ quan của tư tưởng.

38. When man acts through the solar plexus center, he is acting instinctually and is little better than the animal.

38. Khi con người hành động qua trung tâm tùng thái dương, y đang hành động theo bản năng và hầu như không hơn con vật là bao.

39. The following in relation to the kingdoms is of great interest in this context:

39. Điều sau đây liên quan đến các giới rất đáng quan tâm trong bối cảnh này:

1. 5th Kingdom Intuition spiritual soul head centre

1. Giới thứ năm Linh thị linh hồn tinh thần trung tâm đầu

2. 4th Kingdom Intelligence human soul throat centre

2. Giới thứ tư Trí tuệ linh hồn nhân loại trung tâm cổ họng

3. 3rd Kingdom Instinct animal soul solar plexus

3. Giới thứ ba Bản năng hồn động vật tùng thái dương

4. 2nd Kingdom Sentiency feeling consciousness heart centre

4. Giới thứ hai Cảm ứng tâm thức cảm giác trung tâm tim

5. 1st Kingdom Response sub-consciousness base of spine (EXH 92)

All that can be acquired by instinct and by the use of the concrete mind functioning through the physical brain can be considered as dealing with that which we call exoteric.

40. Here is a concise definition of that which is *exoteric.*

41. Acquisitions by both instinct and by the concrete mind functioning through the physical brain are considered exoteric.

42. We note that it is the *concrete* mind that is considered exoteric and not the *abstract* mind. The abstract mind is resident within what may be called the ethers of the Planetary Logos but not the ethers of the Solar Logos.

43. It is clear that that which is limited by the physical brain's apprehension of the world is exoteric.

It is thus evident how **the range of fact** will differ according to:

44. Here DK is dealing with what different types of people consider exoteric and esoteric.

a. The age of the soul.

45. The older the soul the more sensitive the soul. Many subtler impressions come to the older soul.

b. Experience developed and used.

5. Giới thứ nhất Đáp ứng tiềm thức đáy cột sống (EXH 92)

Tất cả những gì có thể đạt được bằng bản năng và bằng việc sử dụng trí cụ thể vận hành qua bộ não hồng trần đều có thể được xem là đề cập đến điều mà chúng ta gọi là ngoại môn.

40. Đây là một định nghĩa súc tích về điều được gọi là *ngoại môn.*

41. Những gì đạt được bằng cả bản năng lẫn trí cụ thể vận hành qua bộ não hồng trần đều được xem là ngoại môn.

42. Chúng ta lưu ý rằng chính trí *cụ thể* được xem là ngoại môn chứ không phải trí *trừu tượng*. Trí trừu tượng cư ngụ trong điều có thể gọi là các dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế nhưng không phải các dĩ thái của Thái dương Thượng đế.

43. Rõ ràng rằng điều bị giới hạn bởi sự lĩnh hội của bộ não hồng trần về thế giới là ngoại môn.

Vì vậy hiển nhiên là **phạm vi của sự kiện** sẽ khác nhau tùy theo:

44. Ở đây Chân sư DK đang bàn đến điều mà các loại người khác nhau xem là ngoại môn và nội môn.

a. Tuổi của linh hồn.

45. Linh hồn càng già thì linh hồn càng nhạy cảm. Nhiều ấn tượng tinh tế hơn đến với linh hồn già hơn.

b. Kinh nghiệm được phát triển và sử dụng.

1. Two individuals can have the same types of experiences, but unless such experiences are developed and used, they will be of little value. Some know how to profit more intelligently from their experiences.

1. Hai cá nhân có thể có cùng những loại kinh nghiệm, nhưng nếu những kinh nghiệm ấy không được phát triển và sử dụng thì chúng sẽ ít giá trị. Một số người biết cách thu lợi từ kinh nghiệm của mình một cách thông minh hơn.

c. Condition of the brain and the physical body.

c. Tình trạng của bộ não và thể xác.

1. An older soul will possess a brain and physical body which are in better and more refined condition than those of lesser development.

1. Một linh hồn già hơn sẽ sở hữu một bộ não và thể xác ở tình trạng tốt hơn và tinh luyện hơn so với những người kém phát triển hơn.

d. Circumstances and environment.

d. Hoàn cảnh và môi trường.

1. Some environments are conducive to the reception of more subtle impressions. Other environments are crude and shut out the higher vibrations.

1. Một số môi trường thuận lợi cho việc tiếp nhận những ấn tượng tinh tế hơn. Những môi trường khác thì thô trược và ngăn chặn các rung động cao hơn.

2. It is sometimes the case that, according to merit, so will be the environment wherein one finds oneself.

2. Đôi khi đúng là, tùy theo công trạng, môi trường mà người ta thấy mình ở trong cũng sẽ tương ứng như vậy.

3. Thus, it is evident that that which is considered factual will change according to a number of variables.

3. Do đó, hiển nhiên là điều được xem là sự kiện sẽ thay đổi tùy theo một số biến số.

As time progresses and man reaches a fair state of evolution, mind is more rapidly developed, and a new factor comes gradually into play.

Khi thời gian tiến triển và con người đạt đến một trạng thái tiến hoá khá cao, trí tuệ được phát triển nhanh hơn, và một yếu tố mới dần dần đi vào hoạt động.

1. It is clear that those with a more developed mind consider as factual a far wider range of impressions.

1. Rõ ràng là những ai có trí tuệ phát triển hơn xem một phạm vi ấn tượng rộng lớn hơn nhiều là sự kiện.

Little by little the intuition, or the transcendental mind, begins to function,

and eventually supersedes the lower or concrete mind.

Từng chút một, trực giác, hay trí tuệ siêu việt, bắt đầu hoạt động, và cuối cùng thay thế hạ trí hay trí cụ thể.

1. Here we find *a brilliant definition of the intuition*. It is important to realize that the intuition can be considered a higher aspect of the mind and not a faculty opposed to mind. We must remember that one of the same planets which rules concrete thinking, Mercury, is also a planet of the intuition.

1. Ở đây chúng ta thấy *một định nghĩa xuất sắc về trực giác*. Điều quan trọng là nhận ra rằng trực giác có thể được xem là một phương diện cao hơn của trí tuệ chứ không phải một năng lực đối lập với trí tuệ. Chúng ta phải nhớ rằng một trong những hành tinh cai quản tư duy cụ thể, Sao Thủy, cũng là một hành tinh của trực giác.

2. The field of mind immediately 'beyond' the field of the concrete mind is the field of the higher mind. There is to be found a reflection of buddhic intuition within the causal body. When the Tibetan speaks of "transcendental mind", He may be speaking not only of the pure buddhic faculty but of the expression of that faculty as it is reflected through the apparatus of the egoic lotus within the causal body.

2. Lĩnh vực của trí tuệ ngay "vượt lên trên" lĩnh vực của trí cụ thể là lĩnh vực của thượng trí. Có thể tìm thấy một phản ánh của trực giác Bồ đề bên trong thể nguyên nhân. Khi Chân sư Tây Tạng nói về "trí tuệ siêu việt", có thể Ngài không chỉ nói về năng lực Bồ đề thuần túy mà còn về sự biểu lộ của năng lực ấy khi nó được phản chiếu qua bộ máy của Hoa Sen Chân Ngã trong thể nguyên nhân.

It then utilises the physical brain as a receiving plate, but at the same time **develops certain centres in the head, and thus transfers the zone of its activity from the physical brain to the higher head centres, existing in etheric matter.**

Khi đó nó sử dụng bộ não hồng trần như một tấm tiếp nhận, nhưng đồng thời **phát triển một số trung tâm trong đầu, và nhờ đó chuyển dịch vùng hoạt động của nó từ bộ não hồng trần sang các trung tâm đầu cao hơn, hiện hữu trong chất liệu dĩ thái.**

1. A relationship between the intuition and the physical brain is given. The condition of the physical brain will in part determine the ability to receive impression from the intuition.

1. Một mối liên hệ giữa trực giác và bộ não hồng trần được nêu ra. Tình trạng của bộ não hồng trần sẽ phần nào quyết định khả năng tiếp nhận ấn tượng từ trực giác.

2. We see that the intuition is a controlling and utilizing factor, utilizing the physical brain and exercising a developmental force upon etheric centers in the head.

2. Chúng ta thấy rằng trực giác là một yếu tố kiểm soát và sử dụng, sử dụng bộ não hồng trần và tác động một mãnh lực phát triển lên các trung tâm dĩ thái trong đầu.

3. We thus see an important connection between the intuition and the higher ethers of the human being.

3. Vì vậy chúng ta thấy một mối liên hệ quan trọng giữa trực giác và các dĩ thái cao hơn của con người.

4. We are not told which centers are involved, but a study of laya yoga reveals that there are many head centers which are not usually discussed in the teaching. The nature and function of these centers belong to the arcana of occultism.

4. Chúng ta không được cho biết những trung tâm nào có liên quan, nhưng một nghiên cứu về laya yoga cho thấy có nhiều trung tâm đầu thường không được bàn đến trong giáo huấn. Bản chất và chức năng của các trung tâm này thuộc về những huyền nhiệm của huyền bí học.

5. Within the physical brain the pineal gland is definitely involved in registering soul and triadal influence. Correspondingly, on etheric levels, the major head center is the major center involved, but there are other proximate centers of great importance in this regard.

5. Trong bộ não hồng trần, tuyến tùng quả chắc chắn có liên quan đến việc ghi nhận ảnh hưởng của linh hồn và Tam nguyên tinh thần. Tương ứng như vậy, trên các cấp dĩ thái, trung tâm đầu chính là trung tâm chủ yếu có liên quan, nhưng còn có những trung tâm lân cận khác rất quan trọng về phương diện này.

For the mass of humanity, this will be effected during the **opening up** of the etheric subplanes during the next two races.

Đối với đại đa số nhân loại, điều này sẽ được thực hiện trong quá trình **khai mở** các cõi phụ dĩ thái trong hai giống dân gốc kế tiếp.

1. Will all four etheric sub-planes be opened up for humanity during the next two root races? This was mentioned above, even though only two of the etheric sub-planes are considered esoteric.

1. Liệu cả bốn cõi phụ dĩ thái có được khai mở cho nhân loại trong hai giống dân gốc kế tiếp hay không? Điều này đã được nhắc đến ở trên, dù chỉ có hai cõi phụ dĩ thái được xem là nội môn.

2. There is a difference between the opening up of the etheric sub-planes and the mastery of the highest two—presumably by those who are more advanced. Contrast what is said of the higher two sub-planes on p. 286. with what is said here on p. 287.

2. Có một sự khác biệt giữa việc khai mở các cõi phụ dĩ thái và việc làm chủ hai cõi cao nhất—có lẽ là bởi những ai tiến bộ hơn. Hãy đối chiếu điều được nói về hai cõi phụ cao hơn ở trang 286. với điều được nói ở đây tại trang 287.

This is paralleled in the animal kingdom **by the gradual transference of the zone of activity from the solar plexus to the**

Điều này được song hành trong giới động vật **bởi sự chuyển dịch dần dần vùng hoạt động từ tùng thái dương sang bộ não sơ khai,** và

rudimentary brain, and its gradual development **by the aid of manas.**

sự phát triển dần dần của nó **nhờ sự trợ giúp của manas.**

1. We see that all of nature is evolving simultaneously. When the ethers are opened up for humanity, the physical brain will be opened up for the animal kingdom.

1. Chúng ta thấy rằng toàn thể thiên nhiên đang tiến hoá đồng thời. Khi các dĩ thái được khai mở cho nhân loại, bộ não hồng trần sẽ được khai mở cho giới động vật.

2. The movement of human consciousness into the ethers corresponds to an increasing access of the intuition; the movement of animal consciousness into a rudimentary physical brain corresponds to the movement from animal instinct into a rudimentary intellect.

2. Sự chuyển động của tâm thức con người vào các dĩ thái tương ứng với sự gia tăng tiếp cận trực giác; sự chuyển động của tâm thức động vật vào một bộ não hồng trần sơ khai tương ứng với sự chuyển động từ bản năng động vật sang một trí năng sơ khai.

3. The excerpt seems to suggest that manas, to some extent, exists within the animal, and that the animal physical brain will be developed by the manasic faculty.

3. Đoạn trích dường như gợi ý rằng manas, ở một mức độ nào đó, hiện hữu trong con vật, và rằng bộ não hồng trần của con vật sẽ được phát triển bởi năng lực manas.

As we consider these points, it will become apparent that the **esoteric aspects of knowledge are really those zones of consciousness which are not yet conquered**, and **brought within the radius of control of the indwelling Entity.**

Khi chúng ta xem xét những điểm này, sẽ trở nên hiển nhiên rằng **các phương diện nội môn của tri thức thực sự là những vùng tâm thức chưa được chinh phục**, và **được đưa vào trong bán kính kiểm soát của Thực Thể nội tại.**

1. This shows that what may be considered either esoteric and exoteric is relative, and is wholly dependent on the capacity of the Entity.

1. Điều này cho thấy rằng cái có thể được xem là nội môn hay ngoại môn đều có tính tương đối, và hoàn toàn tùy thuộc vào năng lực của Thực Thể.

2. That which is conquered is familiar and exoteric; that which is not yet subdued is unfamiliar and esoteric.

2. Điều đã được chinh phục thì quen thuộc và ngoại môn; điều chưa được chế ngự thì xa lạ và nội môn.

3. The "radius of control" is a phrase reminiscent of the "sphere of influence" discussed when considering the parallels between the four types of atoms (the Solar Logos, the Planetary Logos, the human being and the atom of substance/matter).

3. Cụm từ "bán kính kiểm soát" gợi nhớ đến "khối cầu ảnh hưởng" được bàn đến khi xem xét những sự song hành giữa bốn loại nguyên tử (Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế, con người và nguyên tử của chất liệu/vật chất).

4. In short, that which is unknown but accessible to the individual is still exoteric. But that which is unknown and for which the faculties of penetration have not yet been developed, is esoteric.

4. Tóm lại, điều chưa biết nhưng cá nhân vẫn có thể tiếp cận thì vẫn là ngoại môn. Nhưng điều chưa biết và những năng lực thâm nhập vào đó chưa được phát triển thì là nội môn.

5. The factor of control of that which is accessed is also a part of the equation. DK seems to be saying that if one penetrates into unknown dimensions but does not control those dimensions, those dimensions are still somewhat esoteric and not fully exoteric.

5. Yếu tố kiểm soát điều đã được tiếp cận cũng là một phần của phương trình. Chân sư DK dường như đang nói rằng nếu người ta thâm nhập vào những chiều kích chưa biết nhưng không kiểm soát được những chiều kích ấy, thì những chiều kích ấy vẫn còn phần nào nội môn và chưa hoàn toàn ngoại môn.

The point to be emphasised is that when this is realised the true significance of the esoteric and the occult will be appreciated, and **the endeavor of all KNOWERS will be to draw within the zone of their knowledge other [Page 288] units who are ready for a similar expansion of consciousness.**

Điểm cần nhấn mạnh là khi điều này được nhận ra thì thâm nghĩa chân thực của nội môn và huyền bí sẽ được trân trọng, và **nỗ lực của mọi THỨC GIẢ sẽ là kéo vào trong vùng tri thức của mình những đơn vị [Page 288] khác đã sẵn sàng cho một sự mở rộng tâm thức tương tự.**

1. The suggestion offered is that those who *know* (i.e., the "KNOWERS") are obliged to find appropriate methods of passing on that which they know.

1. Điều được gợi ý là những ai *biết* (tức là các "THỨC GIẢ") có bổn phận phải tìm ra những phương pháp thích hợp để truyền đạt điều họ biết.

2. The entire process of initiation functions on this basis. The initiates seek to provide opportunity (for those who are ready) to become initiate.

2. Toàn bộ tiến trình điểm đạo vận hành trên cơ sở này. Các điểm đạo đồ tìm cách tạo cơ hội (cho những ai đã sẵn sàng) để trở thành điểm đạo đồ.

3. Note the word "draw" with the implication that the sharing of knowledge through the initiation process is

accomplished through the Law of Attraction.

3. Hãy lưu ý từ "kéo" với hàm ý rằng việc chia sẻ tri thức qua tiến trình điểm đạo được thực hiện thông qua Định luật Hấp Dẫn.

4. Upon our planet there is constantly at work a process by means of which the exoteric is rendered esoteric. To cooperate in this process is to cooperate with the evolution of the planet.

4. Trên hành tinh của chúng ta luôn luôn có một tiến trình hoạt động, nhờ đó cái ngoại môn được làm cho trở thành nội môn. Hợp tác trong tiến trình này là hợp tác với sự tiến hoá của hành tinh.

5. What is said of the planet can, of course, be said of the cosmos as a whole. There is a constant movement intended to bring the unknown to light.

5. Dĩ nhiên, điều được nói về hành tinh cũng có thể được nói về toàn thể vũ trụ. Có một sự vận động liên tục nhằm đưa điều chưa biết ra ánh sáng.

In this thought lies the key to the work of the Brotherhood. They attract by Their force into certain fields of **realisation** and **endeavor** and **by that attraction and the response of those human atoms who are ready, the group soul on the upward arc, or a particular centre of a Heavenly Man, is co-ordinated.**

Chính trong tư tưởng này có chìa khóa cho công việc của Huynh đệ Đoàn. Các Ngài thu hút bằng mãnh lực của Các Ngài vào những lĩnh vực nhất định của **(sự)chứng nghiệm** và **nỗ lực** và **nhờ sự thu hút ấy cùng sự đáp ứng của những nguyên tử nhân loại đã sẵn sàng, hồn nhóm trên cung đi lên, hay một trung tâm đặc biệt của một Đấng Thiên Nhân, được phối hợp.**

1. The "Brotherhood" is the Great White Lodge, the Spiritual Hierarchy of our planet.

1. "Huynh đệ Đoàn" là Thánh đoàn, Thánh đoàn tinh thần của hành tinh chúng ta.

2. The action of the Spiritual Hierarchy serves the development of the Planetary Logos.

2. Hoạt động của Thánh đoàn tinh thần phục vụ cho sự phát triển của Hành Tinh Thượng Đế.

3. Are there two factors which are co-ordinated? The group soul and a particular center in the Heavenly Man?

3. Có phải có hai yếu tố được phối hợp không? Hồn nhóm và một trung tâm đặc biệt trong Đấng Thiên Nhân?

4. It would seem that group consciousness within the human race is promoted by the attractive action of the Brotherhood. As well, the heart center of the Heavenly Man is also stimulated, because the Ashrams are closely related to the heart expression of the

4. Dường như tâm thức nhóm trong nhân loại được thúc đẩy bởi hoạt động hấp dẫn của Huynh đệ Đoàn. Đồng thời, trung tâm tim của Đấng Thiên Nhân cũng được kích thích, bởi vì các ashram có liên hệ mật thiết với biểu hiện tim của Hành Tinh Thượng Đế.

Planetary Logos. Hierarchy is the heart center of the Heavenly Man.

Thánh đoàn là trung tâm tim của Đấng Thiên Nhân.

5. Note DK speaks of the "group soul on the upward arc". He is differentiating this from the function of the group soul on the involutionary arc, during which time no self-consciousness exists for participating units within the group soul.

5. Lưu ý rằng Chân sư DK nói về "hồn nhóm trên cung đi lên". Ngài đang phân biệt điều này với chức năng của hồn nhóm trên cung giáng hạ tiến hoá, trong thời gian đó không có ngã thức đối với các đơn vị tham dự trong hồn nhóm.

6. The more the human being integrates into the Hierarchy, the more the One Soul of Humanity becomes a reality.

6. Con người càng tích hợp vào Thánh đoàn, Một Linh Hồn của Nhân Loại càng trở thành một thực tại.

7. VSK asks: "So which centre within the Planetary Logos are we likely to be working with. Are 'we' (e.g. this study group even, or any identifiable group) in any particular ashramic or sub ray group. We need to know this in order to know who are those we can serve and who are those who can serve us."

7. VSK hỏi: "Vậy thì có lẽ chúng ta đang làm việc với trung tâm nào trong Hành Tinh Thượng Đế? 'Chúng ta' (chẳng hạn ngay cả nhóm nghiên cứu này, hay bất kỳ nhóm có thể nhận diện nào) có ở trong một nhóm ashram hay cung phụ đặc biệt nào không? Chúng ta cần biết điều này để biết ai là những người chúng ta có thể phụng sự và ai là những người có thể phụng sự chúng ta."

8. I would submit that those working closely with the Master DK are working with the second, third and (to a degree) the first ray. Both heart and throat centers are very important.

8. Tôi xin đề nghị rằng những ai làm việc mật thiết với Chân sư DK đang làm việc với cung hai, cung ba và (ở một mức độ nào đó) cung một. Cả trung tâm tim lẫn trung tâm cổ họng đều rất quan trọng.

In the same way the **animal is brought at a certain stage into the zone of influence of the lesser sons of mind**—human beings who are the elder brothers of the animals, as the Masters of the Wisdom are the Elder Brothers where humanity is concerned. So the interlocking proceeds and the division of responsibility.

Cũng theo cách ấy, **con vật được đưa vào ở một giai đoạn nhất định trong vùng ảnh hưởng của các con nhỏ của Trí Tuệ**—những con người là các huynh trưởng của loài vật, cũng như các Chân sư Minh Triết là các Huynh Trưởng đối với nhân loại. Vì vậy sự móc nối cứ tiếp diễn và sự phân chia trách nhiệm cũng vậy.

1. The analogy is clear and humbling. Is the difference in consciousness between a Master and a human being in some way proportional to the difference between the

1. Sự tương đồng thật rõ ràng và khiến ta khiêm nhường. Phải chăng sự khác biệt về tâm thức giữa một Chân sư và một con người theo một cách nào đó tỷ lệ với sự khác

human being and an animal? This is the suggestion.

2. Those who presently care for animals and seek to increase their intelligence and responsiveness are undertaking a work parallel to that which the Masters perform for human beings. Perhaps the same degree of patience is required of the Master as is required of the one who trains animals. In fact, perhaps more patience is required of the Master.

3. We note the relationship of brotherhood which exists between the various kingdoms. We think of the Masters as our Elder Brothers; do we think of the animals as our younger brothers?

4. This ends Master DK's attempt to answer the question, "Why is Knowledge both Exoteric and Esoteric?" Do we think we are better informed on the matter?

5. Perhaps we are left with the impression that it is of the utmost importance to penetrate rightly into knowledge which is esoteric. By doing so we are contributing to the evolutionary process of the Planetary Logos.

IX. WHAT IS THE RELATION BETWEEN:

a. The ten planetary schemes?

b. The seven sacred planets?

c. The seven chains in a scheme?

biệt giữa con người và con vật? Đó là điều được gợi ý.

2. Những ai hiện đang chăm sóc loài vật và tìm cách gia tăng trí tuệ cùng khả năng đáp ứng của chúng đang đảm nhận một công việc song hành với điều mà các Chân sư thực hiện cho con người. Có lẽ Chân sư cũng cần cùng một mức độ kiên nhẫn như người huấn luyện loài vật. Thật ra, có lẽ Chân sư còn cần nhiều kiên nhẫn hơn.

3. Chúng ta lưu ý mối liên hệ huynh đệ tồn tại giữa các giới khác nhau. Chúng ta nghĩ đến các Chân sư như những Huynh Trưởng của mình; vậy chúng ta có nghĩ đến loài vật như những người em của mình không?

4. Điều này kết thúc nỗ lực của Chân sư DK nhằm trả lời câu hỏi, "Vì sao Tri Thức vừa Ngoại Môn vừa Nội Môn?" Chúng ta có nghĩ rằng mình đã được soi sáng hơn về vấn đề này không?

5. Có lẽ chúng ta còn lại với ấn tượng rằng việc thâm nhập đúng đắn vào tri thức nội môn là điều tối quan trọng. Khi làm như vậy, chúng ta đang góp phần vào tiến trình tiến hoá của Hành Tinh Thượng Đế.

IX. MỐI LIÊN HỆ GIỮA NHỮNG ĐIỀU SAU ĐÂY LÀ GÌ:

a. Mười hệ hành tinh?

b. Bảy hành tinh thiêng liêng?

c. Bảy dãy trong một hệ hành tinh?

d. The seven globes in a chain?

e. The seven rounds on a globe?

f. The seven root-races and the seven subraces?

1. We now undertake a question of vast proportions.

2. We note that there are many sevens and only one ten. There are said to be ten planetary schemes. One might wonder why there are not said to be *twelve.*

Some esoteric thinkers believe that there are twelve planets to be considered in our solar system, and there is a basis for their conclusion. (EP II 99)

1. Esoterically, it may be questioned whether there are (at times) as many as *ten* chains in a scheme and *ten* globes in a chain. The number *ten* certainly appears when considering planetary chains.

2. Below is a section interpolated to make the point:

Forget not that the schemes manifest as seven, as ten, as three from the angle of the Eternal Now, or—from the point of view of a Heavenly Man—the manifestation may be written as (3|7) [put a circle around the 3|7—ed.]. In time and space the order might be stated to be 7-3-10, and at certain stages 10-7-3. As the opposites merge the ten become the seven and the three, and it is during this process that entire chains and globes, and eventually schemes, will apparently vanish from objectivity, and drop

d. Bảy bầu hành tinh trong một dãy?

e. Bảy cuộc tuần hoàn trên một bầu hành tinh?

f. Bảy giống dân gốc và bảy giống dân phụ?

1. Giờ đây chúng ta bắt đầu một câu hỏi có quy mô rất lớn.

2. Chúng ta lưu ý rằng có nhiều số bảy và chỉ một số mười. Người ta nói có mười hệ hành tinh. Có thể tự hỏi vì sao không phải là *mười hai.*

Một số nhà tư tưởng huyền bí tin rằng có mười hai hành tinh cần được xét đến trong hệ mặt trời của chúng ta, và có cơ sở cho kết luận của họ. (EP II 99)

1. Về mặt huyền bí, có thể đặt câu hỏi liệu có phải (đôi khi) có đến *mười* dãy trong một hệ hành tinh và *mười* bầu hành tinh trong một dãy hay không. Con số *mười* chắc chắn xuất hiện khi xét đến các dãy hành tinh.

2. Dưới đây là một đoạn được chèn vào để làm rõ điểm này:

Đừng quên rằng các hệ hành tinh biểu lộ thành bảy, thành mười, thành ba từ góc độ của Hiện Tại Vĩnh Cửu, hoặc—từ quan điểm của một Đấng Thiên Nhân—sự biểu lộ có thể được viết là (3|7) [hãy đặt một vòng tròn quanh 3|7—b.t.]. Trong thời gian và không gian, trật tự có thể được phát biểu là 7-3-10, và ở những giai đoạn nhất định là 10-7-3. Khi các đối cực hòa nhập, mười trở thành bảy và ba, và chính trong tiến trình này mà toàn bộ các dãy và bầu hành tinh, và cuối cùng là các hệ hành tinh, dường như sẽ biến

out of sight. They will be simply absorbed. (*TCF* 414-415)

mất khỏi tính khách quan và khuất khỏi tầm nhìn. Chúng sẽ đơn giản được hấp thụ. (*TCF* 414-415)

1. The principle that 'for every seven there is a ten' is often true, though whether it is constantly true is to be determined.

1. Nguyên lý rằng 'cứ mỗi bảy thì có một mười' thường là đúng, dù việc nó có luôn luôn đúng hay không thì còn phải xác định.

We have in this question a vast quantity of matter to deal with and it will be impossible for us to do more than to get a broad and general idea.

Trong câu hỏi này chúng ta có một khối lượng chất liệu rất lớn để bàn đến và chúng ta sẽ không thể làm gì hơn ngoài việc có được một ý niệm rộng và tổng quát.

1. This is another of those questions of vast scope, comparable to the question which undertook to explore the analogical relationships between the four types of atoms.

1. Đây là một câu hỏi khác có phạm vi rất rộng, tương đương với câu hỏi đã tìm cách khảo sát các mối liên hệ tương đồng giữa bốn loại nguyên tử.

The subject is so vast and the **comprehensiveness of the interrelated points is so great** that we shall only attain lucidity if we confine our attention to certain broad general conceptions, leaving the subsidiary points for **more detailed elucidation at some later period**.

Chủ đề này quá rộng lớn và **tính bao quát của các điểm liên hệ lẫn nhau quá lớn** đến nỗi chúng ta chỉ có thể đạt được sự sáng tỏ nếu giới hạn sự chú ý của mình vào một số quan niệm rộng và tổng quát, để lại các điểm phụ cho **sự làm sáng tỏ chi tiết hơn vào một thời kỳ nào đó sau này**.

1. That more detailed elucidation will probably come when the new esoteric schools are firmly established, perhaps centuries into the future.

1. Sự làm sáng tỏ chi tiết hơn ấy có lẽ sẽ đến khi các trường nội môn mới được thiết lập vững chắc, có thể là nhiều thế kỷ trong tương lai.

2. When Master DK says that "the comprehensiveness of the interrelated points is so great" we can easily see how strongly He represents the second Ray of "Detailed Unity" and "Comprehensive Inclusiveness". He seems particularly to be a representative of the *third* aspect of the second ray (cf. DINA II 518).

2. Khi Chân sư DK nói rằng "tính bao quát của các điểm liên hệ lẫn nhau quá lớn", chúng ta có thể dễ dàng thấy Ngài biểu hiện mạnh mẽ biết bao cung hai của "Hợp Nhất Chi Tiết" và "Tính Bao Gồm Toàn Diện". Dường như Ngài đặc biệt là một đại diện của phương diện *thứ ba* của cung hai (x. DINA II 518).

1. The Inter-related Parts

1. Các Phần Liên Hệ Lẫn Nhau

Primarily I would suggest that we consider this subject only as it concerns a Heavenly Man, that **we omit from our immediate calculations the consideration of the cellular composition of His body (those separated units of consciousness which we call deva and human [Page 289] beings),** and that we view the matter from what is to the human being, the group concept, and not the individual.

Trước hết tôi xin gợi ý rằng chúng ta chỉ nên xét chủ đề này trong chừng mực nó liên quan đến một Đấng Thiên Nhân, rằng **chúng ta loại ra khỏi những tính toán trước mắt việc xem xét thành phần tế bào trong thân thể của Ngài (những đơn vị tâm thức tách biệt mà chúng ta gọi là thiên thần và con người [Page 289]),** và rằng chúng ta nhìn vấn đề từ điều đối với con người là quan niệm nhóm, chứ không phải cá nhân.

1. For the sake of lucidity, DK is thinking in larger wholes. Too rapid a presentation of a mass of detail can overwhelm and bewilder.

1. Vì mục đích sáng tỏ, Chân sư DK đang suy nghĩ theo những toàn thể lớn hơn. Việc trình bày quá nhanh một khối lượng chi tiết có thể làm người ta choáng ngợp và bối rối.

2. We notice, as well, that He is not discussing the solar systemic implications of the question but is confining himself to a consideration of the question as it relates to a Heavenly Man —probably *our* Heavenly Man.

2. Chúng ta cũng nhận thấy rằng Ngài không bàn đến những hàm ý thuộc hệ mặt trời của câu hỏi mà đang giới hạn mình vào việc xem xét câu hỏi trong mối liên hệ với một Đấng Thiên Nhân—có lẽ là Đấng Thiên Nhân *của chúng ta*.

3. We are reminded that human and deva units of consciousness constitute the cellular composition of the body of the Planetary Logos or Heavenly Man.

3. Chúng ta được nhắc rằng các đơn vị tâm thức nhân loại và thiên thần cấu thành thành phần tế bào trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế hay Đấng Thiên Nhân.

4. The calculations omitted will one day have to be addressed.

4. Những tính toán bị loại ra ấy một ngày nào đó sẽ phải được bàn đến.

5. When thinking of a Heavenly Man or Planetary Logos we must always think in *group* terms. The consciousness of a Heavenly Man is both a *one* and a *many*.

5. Khi nghĩ về một Đấng Thiên Nhân hay Hành Tinh Thượng Đế, chúng ta luôn phải suy nghĩ theo thuật ngữ *nhóm*. Tâm thức của một Đấng Thiên Nhân vừa là *một* vừa là *nhiều*.

The entire middle section of this treatise on the Fires has to do with **the development of the consciousness of a Heavenly Man**, and the application by Him of the knowledge gained (through the aid of manas or mind) in a previous solar system, to the acquisition

Toàn bộ phần giữa của bộ luận này về các Loại Lửa bàn đến **sự phát triển tâm thức của một Đấng Thiên Nhân**, và việc Ngài áp dụng tri thức đã đạt được (nhờ sự trợ giúp của manas hay trí tuệ) trong một hệ mặt trời trước đây, vào việc thu đạt minh triết thông

of wisdom through objectivity, and to the transmutation of the earlier acquired faculty into applied Love.

1. We are now focussed in the large middle section of *TCF*. DK tells us that this section is concerned mostly with the development of the consciousness of the Heavenly Man, though, of course, many other subjects are treated.

2. For the sake of clarity, let us tabulate the knowledge to be acquired concerning the Heavenly Man:

a The development of the consciousness of the Heavenly Man

b The application by the Heavenly Man of knowledge gained in a previous solar system. This knowledge was gained by the aid of manas or mind. We note that DK does not tell us *which* solar system. It could be the one immediately previous to this solar system, or a still earlier solar system.

c The acquisition by the Heavenly Man of wisdom. Wisdom is gained through the experience of objectivity.

d The transmutation by the Heavenly Man of earlier acquired faculty into applied Love.

1. It is clear that the Heavenly Man is moving from knowledge to wisdom and love. This is His task in the present solar system.

This is His work in the same sense that the work of the cells within His body is to develop the mind principle.

qua tính khách quan, và vào sự chuyển hoá năng lực đã thu đạt trước kia thành Bác Ái được áp dụng.

1. Hiện nay chúng ta đang tập trung vào phần giữa lớn của *TCF*. Chân sư DK cho biết phần này chủ yếu liên quan đến sự phát triển tâm thức của Đấng Thiên Nhân, dù dĩ nhiên còn nhiều chủ đề khác cũng được bàn đến.

2. Để rõ ràng, hãy lập bảng tri thức cần được thu đạt liên quan đến Đấng Thiên Nhân:

a Sự phát triển tâm thức của Đấng Thiên Nhân

b Việc Đấng Thiên Nhân áp dụng tri thức đã đạt được trong một hệ mặt trời trước đây. Tri thức này đã được thu đạt nhờ sự trợ giúp của manas hay trí tuệ. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK không cho biết đó là hệ mặt trời *nào*. Có thể là hệ mặt trời ngay trước hệ mặt trời này, hoặc một hệ mặt trời còn sớm hơn nữa.

c Việc Đấng Thiên Nhân thu đạt minh triết. Minh triết được thu đạt qua kinh nghiệm về tính khách quan.

d Việc Đấng Thiên Nhân chuyển hoá năng lực đã thu đạt trước kia thành Bác Ái được áp dụng.

1. Rõ ràng là Đấng Thiên Nhân đang chuyển từ tri thức sang minh triết và bác ái. Đây là công việc của Ngài trong hệ mặt trời hiện tại.

Đây là công việc của Ngài theo cùng ý nghĩa như công việc của các tế bào trong thân thể của Ngài là phát triển nguyên khí trí tuệ.

1. The contrast emerges clearly: the Heavenly Man is developing Love-Wisdom; man (a cell in the body of the Heavenly Man) is developing mind.

1. Sự tương phản hiện ra rõ ràng: Đấng Thiên Nhân đang phát triển Bác Ái – Minh Triết; con người (một tế bào trong thân thể của Đấng Thiên Nhân) đang phát triển trí tuệ.

2. We might say that a Heavenly Man or Planetary Logos is growing into a type of Love-Wisdom which is already the possession of the Solar Logos. Relative to man, the Planetary Logos *already* has a full measure of Love-Wisdom.

2. Chúng ta có thể nói rằng một Đấng Thiên Nhân hay Hành Tinh Thượng Đế đang tăng trưởng vào một loại Bác Ái – Minh Triết vốn đã là sở hữu của Thái dương Thượng đế. So với con người, Hành Tinh Thượng Đế *đã* có một mức độ trọn vẹn của Bác Ái – Minh Triết.

When through experience in the three worlds the human units have accomplished this, they can then gain—through the final initiations—something of **the group concept, or the conscious realisation of place, and of energised activity within the ring-pass-not of their particular planetary Logos.**

Khi qua kinh nghiệm trong ba cõi thấp các đơn vị nhân loại đã hoàn thành điều này, khi đó họ có thể đạt được—qua các lần điểm đạo cuối cùng—một phần nào **quan niệm nhóm, hay sự chứng nghiệm hữu thức về vị trí, và về hoạt động được tiếp năng lượng bên trong vòng-giới-hạn của Hành Tinh Thượng Đế đặc thù của họ.**

1. It is only the final initiations (in the series of initiations which pertain to humanity) that convey to man "something of the group concept".

1. Chỉ các lần điểm đạo cuối cùng (trong chuỗi điểm đạo liên quan đến nhân loại) mới truyền đạt cho con người "một phần nào quan niệm nhóm".

2. The later initiations apply to the spiritual triad and Monad. We remember that the Heavenly Man (whichever of three Heavenly Men may be meant!) is attempting to master the planes of the spiritual triad and is expressing Himself largely on those planes. Therefore, when the initiatory process of man raises his point of tension to triadal levels (through which the Heavenly Man is focussed), he enters more fully into the life of the Heavenly Man.

2. Các lần điểm đạo về sau áp dụng cho Tam nguyên tinh thần và chân thần. Chúng ta nhớ rằng Đấng Thiên Nhân (dù là bất kỳ Đấng nào trong ba Đấng Thiên Nhân được ngụ ý!) đang cố gắng làm chủ các cõi của Tam nguyên tinh thần và đang biểu lộ chính Ngài phần lớn trên các cõi ấy. Vì vậy, khi tiến trình điểm đạo của con người nâng điểm tập trung nhất tâm của y lên các cấp độ tam nguyên tinh thần (qua đó Đấng Thiên Nhân được tập trung), y đi vào đầy đủ hơn trong sự sống của Đấng Thiên Nhân.

3. We remember, perhaps, from the last Commentary, the scale problems encountered when comparing the Solar

3. Có lẽ chúng ta còn nhớ, từ Cổ Luận trước, những vấn đề về tỉ lệ gặp phải khi so sánh Thái dương Thượng đế, Đấng Thiên Nhân và

Logos, the Heavenly Man and Man. That there are, so we think, *three types of Heavenly Men* to be found within the planetary scheme of Earth, we must be alert to which type of Heavenly Man may be meant in any particular context.

con người. Vì có, theo chúng ta nghĩ, *ba loại Đấng Thiên Nhân* được tìm thấy trong hệ hành tinh của Trái Đất, nên chúng ta phải tỉnh táo để nhận ra trong bất kỳ ngữ cảnh cụ thể nào đang nói đến loại Đấng Thiên Nhân nào.

4. This problem is simplified, in a way, by realizing that all Heavenly Men are really ONE Heavenly Man working through His emanated aspects.

4. Vấn đề này, theo một cách nào đó, được đơn giản hóa khi nhận ra rằng mọi Đấng Thiên Nhân thực ra chỉ là MỘT Đấng Thiên Nhân đang hoạt động qua các phương diện được phát xạ của Ngài.

5. Let us examine DK's understanding of the meaning of the "group concept":

5. Chúng ta hãy khảo sát sự thấu hiểu của Chân sư DK về ý nghĩa của "khái niệm nhóm":

a The group concept is the conscious realization of place within the ring-pass-not of the Heavenly Man

a Khái niệm nhóm là sự chứng nghiệm có ý thức về vị trí bên trong vòng-giới-hạn của Đấng Thiên Nhân

b The group concept is the conscious realization of energized activity within the ring-pass-not of the Heavenly Man.

b Khái niệm nhóm là sự chứng nghiệm có ý thức về hoạt động được tiếp năng lượng bên trong vòng-giới-hạn của Đấng Thiên Nhân.

1. It is becoming clear that group consciousness is realized as one begins to enter in the consciousness of the Heavenly Man. This occurs on the levels of the spiritual triad. Therefore, group consciousness, in the way Master DK describes it, is not really understood until the human being's later initiations which polarize his consciousness within the spiritual triad. This should be a significant realization for aspirants and disciples aspiring to group consciousness.

1. Ngày càng rõ rằng tâm thức nhóm được chứng nghiệm khi người ta bắt đầu đi vào tâm thức của Đấng Thiên Nhân. Điều này xảy ra trên các cấp độ của Tam nguyên tinh thần. Vì vậy, tâm thức nhóm, theo cách Chân sư DK mô tả, thực ra không được thấu hiểu cho đến các lần điểm đạo muộn hơn của con người, những lần điểm đạo phân cực tâm thức của y trong Tam nguyên tinh thần. Đây hẳn phải là một chứng nghiệm quan trọng đối với những người chí nguyện và các đệ tử đang khát vọng đạt tới tâm thức nhóm.

2. Let us pause to consider: to what extent do we have a conscious realization of place and of energized activity within the ring-pass-not of our particular Planetary Logos? Do we know what kind of a cell we are and

2. Chúng ta hãy dừng lại để suy xét: chúng ta có sự chứng nghiệm có ý thức về vị trí và về hoạt động được tiếp năng lượng của mình trong vòng-giới-hạn của Đức Hành Tinh Thượng Đế riêng của chúng ta đến mức nào?

what may be our function within the planetary logoic economy?

Chúng ta có biết mình là loại tế bào nào và chức năng của mình trong Định luật Tiết Kiệm của Hành Tinh Thượng Đế có thể là gì không?

Therefore, we might consider the following points:

Vì vậy, chúng ta có thể xét các điểm sau đây:

First: **The work of the units** who go to the make-up of a particular planetary Logos. This is of a threefold nature:

Thứ nhất: **Công việc của các đơn vị** tạo nên cấu thành của một Hành Tinh Thượng Đế cụ thể. Điều này có bản chất tam phân:

1. Men and devas are such units.

1. Những người nam và nữ và các thiên thần là những đơn vị như thế.

2. It becomes clear that Master DK is speaking in broad and general terms of human and deva units which are to be found in *all* Planetary Logoi. We will learn below that He is not speaking only of the Planetary Logos of the Earth-scheme.

2. Ngày càng rõ rằng Chân sư DK đang nói theo những thuật ngữ rộng và tổng quát về các đơn vị nhân loại và thiên thần được tìm thấy trong *mọi* Hành Tinh Thượng Đế. Chúng ta sẽ thấy dưới đây rằng Ngài không chỉ nói về Đức Hành Tinh Thượng Đế của hệ Địa Cầu.

3. Appended to this Commentary will be another document called: "**Tabulation on the Work of Three Types of Units.** Man, Heavenly Man/Planetary Logos and Solar Logos are described in three parallel columns for ease of comprehension.

3. Đính kèm theo Cổ Luận này sẽ là một tài liệu khác có tên: "**Bảng Tổng Hợp về Công Việc của Ba Loại Đơn Vị.** Con người, Đấng Thiên Nhân/Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế được mô tả trong ba cột song song để dễ thấu hiểu.

a. To attain the consciousness of the realised control of their own individual ring-pass-not, or of their own sphere of activity.

a. Đạt tới tâm thức về sự kiểm soát đã được chứng nghiệm đối với vòng-giới-hạn cá nhân riêng của họ, hay đối với khối cầu hoạt động riêng của họ.

1. We note that not only must the human being achieve control of his own individual ring-pass-not but it must be a "realized control"; he must be conscious of the control.

1. Chúng ta lưu ý rằng con người không những phải đạt được sự kiểm soát đối với vòng-giới-hạn cá nhân riêng của mình mà đó còn phải là một "sự kiểm soát đã được chứng nghiệm"; y phải có ý thức về sự kiểm soát ấy.

2. The sphere of the human being's activity embraces all his vehicles through which his seven principles function, but the sphere of activity over which the human being must gain control does not include the entirety of his demonstration as a Monad.

2. Khối cầu hoạt động của con người bao trùm mọi vận cụ của y, qua đó bảy nguyên khí của y hoạt động, nhưng khối cầu hoạt động mà con người phải giành quyền kiểm soát không bao gồm toàn bộ sự biểu lộ của y với tư cách một chân thần.

This covers the period of evolution up to **the first Initiation, or their entrance upon the Path, and thus into the spiritual kingdom.**

Điều này bao trùm giai đoạn tiến hoá cho đến **lần điểm đạo thứ nhất, hay việc họ bước vào Con Đường, và như thế đi vào giới tinh thần.**

1. The sentence immediately above is of great importance. Three experiences are given equivalence: entry upon the Path, the first initiation and entry into the spiritual kingdom (the kingdom of souls).

1. Câu ngay phía trên có tầm quan trọng lớn lao. Ba kinh nghiệm được xem là tương đương: bước vào Con Đường, lần điểm đạo thứ nhất và bước vào giới tinh thần (giới của các linh hồn).

2. There is often question in the minds of students concerning the beginning of the Path. In this reference the moment of beginning is stated in no uncertain terms. The Path, per se, is not really the Path of Aspiration, but the Path of Probationary Discipleship.

2. Trong tâm trí các đạo sinh thường có câu hỏi liên quan đến sự khởi đầu của Con Đường. Trong đoạn này, thời điểm bắt đầu được nêu ra hết sức rõ ràng. Chính Con Đường, tự nó, thực ra không phải là Con Đường Khát Vọng, mà là Con Đường Dự Bị của địa vị đệ tử.

3. By the time the first initiation is reached the disciple has a degree of control over his own individual ring-pass-not. How much control is probably a technical matter.

3. Vào lúc đạt đến lần điểm đạo thứ nhất, đệ tử đã có một mức độ kiểm soát nào đó đối với vòng-giới-hạn cá nhân riêng của mình. Mức độ kiểm soát bao nhiêu có lẽ là một vấn đề kỹ thuật.

It concerns the awakening of consciousness on the **three lower planes**.

Điều này liên quan đến sự thức tỉnh của tâm thức trên **ba cõi thấp**.

1. By the time the first initiation is reached, consciousness is awakened on the three lower planes; the question is, "to what extent is it awakened"?

1. Vào lúc đạt đến lần điểm đạo thứ nhất, tâm thức được thức tỉnh trên ba cõi thấp; câu hỏi là, "nó được thức tỉnh đến mức nào"?

b. To attain the consciousness of the particular centre in the body of one of the

b. Đạt tới tâm thức của trung tâm đặc thù trong thể của một trong các Hành Tinh

planetary Logoi—which centre embodies their group activity.

1. Here we are speaking of the task of those who are attaining to Mastership.

2. Group activity will occur along one of seven lines.

3. The reference could make it seem that a Master on Earth must achieve consciousness not only with an aspect of or center in His own Planetary Logos but, possibly, with a particular center in *another* Planetary Logos.

4. There is a simpler reading of the situation. A human unit, for instance, on the verge of achieving Mastership, must attain to the consciousness of a particular center within the body of *His own Planetary Logos.*

5. Although the term "planetary chain" is not used in this reference, the "particular centre in the body of one of the planetary Logoi" could be a *planetary chain.* We could hypothesize that the Master is attaining to 'chain-consciousness'. The following is interesting in this regard:

A Master wields the law in the three worlds, whilst a Chohan of the sixth initiation wields the law in the chain on all levels; a Chohan of the seventh initiation wields the law in the solar system. (IHS 90)

Thượng Đế—trung tâm ấy hiện thân cho hoạt động nhóm của họ.

1. Ở đây chúng ta đang nói về nhiệm vụ của những ai đang đạt tới Chân sư quả.

2. Hoạt động nhóm sẽ diễn ra dọc theo một trong bảy đường.

3. Đoạn tham chiếu này có thể khiến người ta tưởng rằng một Chân sư trên Trái Đất không những phải đạt được tâm thức về một phương diện hay một trung tâm trong Đức Hành Tinh Thượng Đế của chính Ngài mà còn, có thể, về một trung tâm đặc thù trong *một* Hành Tinh Thượng Đế khác.

4. Có một cách đọc đơn giản hơn về tình huống này. Chẳng hạn, một đơn vị nhân loại, đang ở ngưỡng đạt tới Chân sư quả, phải đạt tới tâm thức của một trung tâm đặc thù trong thể của *Đức Hành Tinh Thượng Đế riêng của mình.*

5. Mặc dù thuật ngữ "dãy hành tinh" không được dùng trong đoạn tham chiếu này, "trung tâm đặc thù trong thể của một trong các Hành Tinh Thượng Đế" có thể là một *dãy hành tinh.* Chúng ta có thể giả định rằng Chân sư đang đạt tới 'tâm thức dãy'. Điều sau đây thật đáng chú ý về phương diện này:

Một Chân sư vận dụng định luật trong ba cõi giới, trong khi một Chohan của lần điểm đạo thứ sáu vận dụng định luật trong dãy trên mọi cấp độ; một Chohan của lần điểm đạo thứ bảy vận dụng định luật trong hệ mặt trời. (IHS 90)

1. For instance, a Master who achieved Mastership upon the Earth-globe might, at Mastership attain to the consciousness of the Lord of the Earth-chain.

1. Chẳng hạn, một Chân sư đã đạt Chân sư quả trên bầu Địa Cầu có thể, khi đạt Chân sư quả, đạt tới tâm thức của Chúa Tể của Dãy Địa Cầu.

2. We will have to stay alert in the attempt to understand which of these two interpretations is more correct:

2. Chúng ta sẽ phải luôn tỉnh táo trong nỗ lực hiểu xem cách diễn giải nào trong hai cách sau đây là đúng hơn:

a Attainment to the consciousness of a center (perhaps a chain) within the Planetary Logos which is expressing through the planet on which the Master lives.

a Đạt tới tâm thức của một trung tâm (có lẽ là một dãy) bên trong Đức Hành Tinh Thượng Đế đang biểu lộ qua hành tinh nơi Chân sư cư ngụ.

b Attainment to the consciousness of a center within a different Planetary Logos.

b Đạt tới tâm thức của một trung tâm bên trong một Hành Tinh Thượng Đế khác.

This carries them to the fifth Initiation, and covers the period wherein consciousness is awakened on the **five** planes of evolution.

Điều này đưa họ đến lần điểm đạo thứ năm, và bao trùm giai đoạn trong đó tâm thức được thức tỉnh trên **năm** cõi tiến hoá.

1. We learn that for a Master, consciousness is awakened on *five* planes of evolution. A Master is not yet the *master* of the five; He has mastered only the lower three.

1. Chúng ta biết rằng đối với một Chân sư, tâm thức được thức tỉnh trên *năm* cõi tiến hoá. Một Chân sư chưa phải là *bậc thầy* của năm cõi ấy; Ngài mới chỉ làm chủ ba cõi thấp hơn.

2. A first degree initiate is awakened on three planes of evolution but he is not the master of those three planes.

2. Một điểm đạo đồ bậc một được thức tỉnh trên ba cõi tiến hoá nhưng y chưa phải là bậc thầy của ba cõi ấy.

3. We need, therefore, to distinguish between awakening and mastery. This is a consideration similar to that between the "opening up" of certain ethers and their mastery.

3. Vì vậy, chúng ta cần phân biệt giữa sự thức tỉnh và sự làm chủ. Đây là một suy xét tương tự như sự khác biệt giữa việc "mở ra" một số dĩ thái nào đó và việc làm chủ chúng.

c. **To attain to the consciousness of the centre in the Body of the Logos of which any particular planetary [Page 290] Logos is the sumtotal.** This carries them to the

c. **Đạt tới tâm thức của trung tâm trong Thể của Thượng đế mà bất kỳ Hành Tinh [Page 290] Thượng đế cụ thể nào cũng là tổng thể.** Điều này đưa họ đến lần điểm đạo thứ

seventh Initiation and covers the period of the awakening of consciousness on the **seven** planes of the solar system.

bảy và bao trùm giai đoạn thức tỉnh tâm thức trên **bảy** cõi của hệ mặt trời.

1. In these three explanations, we have moved from the first, through the fifth and to the seventh initiation.

1. Trong ba giải thích này, chúng ta đã đi từ lần điểm đạo thứ nhất, qua lần thứ năm và đến lần thứ bảy.

2. When the term "the Logos" is used, we know it is the Solar Logos.

2. Khi thuật ngữ "Thượng đế" được dùng, chúng ta biết đó là Thái dương Thượng đế.

3. In point "b." the human or deva unit discovers its place within a Planetary Logos (either the Planetary Logos of his own planet or the Planetary Logos of another). In point "c.", the place of the human or deva unit within the Solar Logos is revealed.

3. Ở điểm "b." đơn vị nhân loại hay thiên thần khám phá vị trí của mình trong một Hành Tinh Thượng Đế (hoặc Đức Hành Tinh Thượng Đế của hành tinh riêng mình hoặc Đức Hành Tinh Thượng Đế của một hành tinh khác). Ở điểm "c.", vị trí của đơn vị nhân loại hay thiên thần trong Thái dương Thượng đế được mặc khải.

4. It is suggested that each Planetary Logos is the "sumtotal" of a particular center within a Solar Logos. Obviously, since there are only seven *major* centers within a Solar Logos, there must be some Planetary Logoi who doe *not* comprise the sumtotal of a major solar logoic center.

4. Người ta gợi ý rằng mỗi Hành Tinh Thượng Đế là "tổng thể" của một trung tâm đặc thù trong một Thái dương Thượng đế. Hiển nhiên, vì chỉ có bảy trung tâm *chính* trong một Thái dương Thượng đế, nên hẳn phải có một số Hành Tinh Thượng Đế *không* cấu thành tổng thể của một trung tâm chính của Thái dương Thượng đế.

5. Whereas, the attainment discussed in point "b." might be confined to the consciousness of a planetary chain, the attainment in point "c." could well involve the consciousness of an entire planetary scheme.

5. Trong khi sự đạt được được bàn đến ở điểm "b." có thể bị giới hạn trong tâm thức của một dãy hành tinh, thì sự đạt được ở điểm "c." rất có thể liên quan đến tâm thức của toàn bộ một hệ hành tinh.

6. Let us tabulate the correlations between the initiation in question, the type of consciousness achieved and the planes of expression through which the evolving human or deva unit functions at different levels of initiation.

6. Chúng ta hãy lập bảng các tương quan giữa lần điểm đạo đang xét, loại tâm thức đạt được và các cõi biểu lộ mà qua đó đơn vị nhân loại hay thiên thần đang tiến hoá hoạt động ở những cấp độ điểm đạo khác nhau.

Initiation	Consciousness	Planes
First Initiation	Consciousness of the unit's individual ring-pass-not	Thee systemic planes
Fifth Initiation	Consciousness of a particular center is his (or a) Planetary Logos, which center embodies the unit's group activity. This may be chain consciousness	Five systemic planes
Seventh Initiation	Consciousness of that center within the Solar Logos of which his (or a) Planetary Logos is the sumtotal. He attains to the consciousness of that particular Planetary Logos (probably his own) to which he is most related. For instance, a seventh degree initiate who achieved the seventh initiation on Earth would probably be most related (or at least, immediately related) to the Planetary Logos of the Earth-scheme. This type of consciousness may be considered scheme consciousness.	Seven systemic planes

1. We can see what a huge difference exists between the consciousness of an initiate of the first degree and an initiate of the fifth degree, a Master. The first degree initiate has consciousness awakened on only three systemic sub-planes on one globe. A Master has consciousness awakened on five systemic sub-planes which (according to the hypothesis here developed) are to be found throughout a particular planetary chain. The first degree initiate is confined to one globe and the Master (according to this hypothesis) has expression through seven globes.

1. Chúng ta có thể thấy sự khác biệt lớn lao biết bao giữa tâm thức của một điểm đạo đồ bậc một và một điểm đạo đồ bậc năm, một Chân sư. Điểm đạo đồ bậc một chỉ có tâm thức được thức tỉnh trên ba cõi phụ hệ thống trên một bầu hành tinh. Một Chân sư có tâm thức được thức tỉnh trên năm cõi phụ hệ thống, mà theo giả thuyết được triển khai ở đây, được tìm thấy khắp một dãy hành tinh cụ thể. Điểm đạo đồ bậc một bị giới hạn vào một bầu hành tinh và Chân sư (theo giả thuyết này) có sự biểu lộ qua bảy bầu hành tinh.

2. The seventh degree initiate has expression through seven chains, and thus through an entire planetary scheme.

2. Điểm đạo đồ bậc bảy có sự biểu lộ qua bảy dãy, và như thế qua toàn bộ một hệ hành tinh.

3. We will check to see whether this line of reasoning squares with what the Tibetan has said of the chain expression of a Master or a Chohan of the seventh degree.

3. Chúng ta sẽ kiểm tra xem đường lối lập luận này có phù hợp với điều Chân sư Tây Tạng đã nói về sự biểu lộ qua dãy của một Chân sư hay một Chohan bậc bảy hay không.

These expansions are attained by the aid of mind, transmuted in due course of time into love-wisdom, and **entail the conscious control of the entire seven planes of the solar system**, or of the lowest cosmic plane.

Những sự mở rộng này đạt được nhờ sự trợ giúp của trí tuệ, được chuyển hoá theo thời gian thành Bác Ái – Minh Triết, và **bao hàm sự kiểm soát có ý thức đối với trọn vẹn bảy cõi của hệ mặt trời**, hay cõi vũ trụ thấp nhất.

1. The expansions we are discussing are really initiations. The great "manasic initiations" begin with the first. Throughout the initiation process (governed generically by Venus—the planet which unites mind and love), manas is transmuted into love-wisdom.

1. Những sự mở rộng mà chúng ta đang bàn đến thực ra là các lần điểm đạo. Những "điểm đạo manas" lớn bắt đầu từ lần thứ nhất. Suốt tiến trình điểm đạo (được Sao Kim chi phối theo nghĩa tổng quát—hành tinh hợp nhất trí tuệ và bác ái), manas được chuyển hoá thành Bác Ái – Minh Triết.

2. We have been speaking of the progressive *awakening* of consciousness, but now we speak of "conscious control".

2. Chúng ta đã nói về sự *thức tỉnh* tiến dần của tâm thức, nhưng giờ đây chúng ta nói đến "sự kiểm soát có ý thức".

3. The human or deva unit has, therefore, three kinds of progressive relationships with the seven systemic planes:

3. Vì vậy, đơn vị nhân loại hay thiên thần có ba loại quan hệ tiến dần với bảy cõi hệ thống:

a Awakening upon a plane

a Sự thức tỉnh trên một cõi

b Control of a plane

b Sự kiểm soát một cõi

c Mastery of a plane

c Sự làm chủ một cõi

***Second:* The work of the Heavenly Men Who in their totality are the seven centres**

***Thứ hai:* Công việc của các Đấng Thiên Nhân mà trong tổng thể của Các Ngài là**

in the body of the Logos. This work is again threefold:

1. This is a very interesting statement and may required investigation. In our solar system we have *many* Heavenly Men. DK states that there are *ten* planetary schemes. If we work with the planet Vulcan and stop our count with the planet Pluto, we shall have the ten schemes. As discussed above, there may be twelve major scheme.

2. Even if we do not concern ourselves with the many other planets in our solar system (more than 115), we still have a discrepancy. It is as if the *ten* Heavenly Men comprise the *seven* centers in the body of the Solar Logos. The reason we are justified in counting more Heavenly Men than seven is the phrase "in their totality". The Heavenly Men in their totality are more than seven!

3. There may be a way that more than one Heavenly Man go to the constitution of a particular major center of a Solar Logos.

4. When we consider all the *many* Heavenly Men, there may be a way in which each of them (however minor) is related to one of the *major* centers, just as in the human body, the minute centers are related to minor centers and the minor centers to major centers. Speculation upon these types of relationships will not be fruitful until more of the undiscovered planets are discovered.

a. To attain to full self-consciousness, or to individual consciousness on the **five planes**;

bảy trung tâm trong thân thể của Thượng đế. Công việc này lại cũng có tính tam phân:

1. Đây là một phát biểu rất thú vị và có thể đòi hỏi sự khảo cứu. Trong hệ mặt trời của chúng ta có *nhiều* Đấng Thiên Nhân. DK nói rằng có *mười* hệ hành tinh. Nếu chúng ta tính cả hành tinh Vulcan và dừng lại ở hành tinh Sao Diêm Vương, chúng ta sẽ có mười hệ. Như đã bàn ở trên, có thể có mười hai hệ chính.

2. Ngay cả khi chúng ta không bận tâm đến nhiều hành tinh khác trong hệ mặt trời của mình (hơn 115), chúng ta vẫn có một sự chênh lệch. Dường như *mười* Đấng Thiên Nhân cấu thành *bảy* trung tâm trong thân thể của Thái dương Thượng đế. Lý do khiến chúng ta có cơ sở để đếm số Đấng Thiên Nhân nhiều hơn bảy nằm ở cụm từ "trong tổng thể của Các Ngài". Các Đấng Thiên Nhân trong tổng thể của Các Ngài nhiều hơn bảy!

3. Có thể có một cách nào đó để hơn một Đấng Thiên Nhân cùng tạo nên cấu thành của một trung tâm chính cụ thể của một Thái dương Thượng đế.

4. Khi chúng ta xét đến tất cả *nhiều* Đấng Thiên Nhân, có thể có một cách mà mỗi vị trong Các Ngài (dù nhỏ đến đâu) đều liên hệ với một trong các trung tâm *chính*, cũng như trong thể người, các trung tâm nhỏ bé liên hệ với các trung tâm phụ và các trung tâm phụ liên hệ với các trung tâm chính. Sự suy đoán về các loại quan hệ này sẽ không sinh kết quả cho đến khi nhiều hành tinh chưa được khám phá được khám phá.

a. Đạt tới đầy đủ ngã thức, hay tâm thức cá nhân trên **năm cõi**;

1. DK is speaking of that type of Heavenly Man who is a Planetary Logos. As we have mentioned, the term "Heavenly Man" may be generic and may refer to a Globe Lord or a Chain Lord as well.

1. DK đang nói về loại Đấng Thiên Nhân là một Hành Tinh Thượng Đế. Như chúng ta đã đề cập, thuật ngữ "Đấng Thiên Nhân" có thể mang tính tổng quát và cũng có thể chỉ một Chúa Tể Bầu Hành Tinh hay một Chúa Tể Dãy.

2. The planes upon which a Heavenly Man is focussed in the attempt to achieve full self-consciousness are the atmic plane, the buddhic plane and the higher levels of the mental plane.

2. Các cõi mà trên đó một Đấng Thiên Nhân được tập trung trong nỗ lực đạt tới đầy đủ ngã thức là cõi atma, cõi Bồ đề và các cấp độ cao hơn của cõi trí.

to vibrate with conscious activity within Their Own ring-pass-not, a planetary scheme.

để rung động với hoạt động có ý thức bên trong vòng-giới-hạn riêng của Các Ngài, một hệ hành tinh.

1. It is evident that it takes a long while before any entity becomes fully conscious of the many types of lives gathered within its own ring-pass-not.

1. Hiển nhiên là phải mất một thời gian rất dài trước khi bất kỳ thực thể nào trở nên hoàn toàn có ý thức về nhiều loại sự sống được tập hợp trong vòng-giới-hạn riêng của nó.

2. We can attest that this is certainly true of the human being; here the same is stated of a Planetary Logos or Heavenly Man, and no doubt the same is true of a Solar Logos.

2. Chúng ta có thể xác nhận rằng điều này chắc chắn đúng với con người; ở đây điều tương tự được nói về một Hành Tinh Thượng Đế hay Đấng Thiên Nhân, và hẳn nhiên điều tương tự cũng đúng với một Thái dương Thượng đế.

3. The ring-pass-not of the type of Heavenly Man here being considered is a planetary scheme.

3. Vòng-giới-hạn của loại Đấng Thiên Nhân đang được xét ở đây là một hệ hành tinh.

This covers a period in the scheme of involution, and of that period during the evolutionary stage which is comprised within the **first three rounds up to the entrance upon the fourth round**.

Điều này bao trùm một giai đoạn trong hệ hành tinh của giáng hạ tiến hoá, và của giai đoạn ấy trong chặng thăng thượng tiến hoá được bao gồm trong **ba cuộc tuần hoàn đầu cho đến khi bước vào cuộc tuần hoàn thứ tư**.

1. This process, we recognize, is that which corresponds to the development of a human being up to the first initiation.

1. Chúng ta nhận ra rằng tiến trình này tương ứng với sự phát triển của một con người cho đến lần điểm đạo thứ nhất.

2. May it be that our Planetary Logos took (with respect to our Earth-chain) only the first initiation at the point of His entrance upon the fourth round?

2. Có thể nào Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta chỉ nhận lần điểm đạo thứ nhất (xét theo Dãy Địa Cầu của chúng ta) vào thời điểm Ngài bước vào cuộc tuần hoàn thứ tư?

3. Is the process of involution to be considered separately from the process of rounds? We seem to be dealing with something of an enigma. Even in the fourth round there is *both* an involutionary and evolutionary portion of the round.

3. Liệu tiến trình giáng hạ tiến hoá có nên được xét riêng biệt với tiến trình các cuộc tuần hoàn không? Dường như chúng ta đang đối diện với một điều gì đó bí ẩn. Ngay cả trong cuộc tuần hoàn thứ tư cũng có *cả* một phần giáng hạ tiến hoá lẫn một phần thăng thượng tiến hoá của cuộc tuần hoàn.

4. May it be that the first three rounds are in some way considered involutionary?

4. Có thể nào ba cuộc tuần hoàn đầu, theo một cách nào đó, được xem là thuộc giáng hạ tiến hoá?

5. Because on our planet we are more than midway through the fourth round, it may be presume that our Heavenly Man/Planetary Logos has passed the planetary logoic equivalent to the first initiation. (We do have to be careful with regard to the kind of initiations we are discussing. *TCF* 384. offers some keys. On this page we notice that our Planetary Logos is moving towards his second cosmic initiation, even though engaged in a lesser series of seven, in which He is taking the fourth.)

5. Vì trên hành tinh của chúng ta, chúng ta đã đi quá nửa cuộc tuần hoàn thứ tư, nên có thể giả định rằng Đấng Thiên Nhân/Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đã vượt qua tương đương hành tinh thượng đế của lần điểm đạo thứ nhất. (Chúng ta quả thật phải cẩn trọng đối với loại điểm đạo đang được bàn đến. *TCF* 384. đưa ra một số chìa khóa. Ở trang này chúng ta lưu ý rằng Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang tiến tới lần điểm đạo vũ trụ thứ hai của Ngài, dù đang tham dự vào một chuỗi bảy nhỏ hơn, trong đó Ngài đang nhận lần thứ tư.)

6. We may be able to differentiate these types or series of initiations if we consider the series of seven as related to a Chain-Lord, and the series in which our Heavenly Man has not yet taken the second (cosmic) as related to the Planetary Logos or Heavenly Man in His entirety. This leaves open the question of what constitutes initiations for

6. Chúng ta có thể phân biệt các loại hay các chuỗi điểm đạo này nếu xem chuỗi bảy là liên hệ với một Chúa Tể Dãy, và chuỗi trong đó Đấng Thiên Nhân của chúng ta chưa nhận lần thứ hai (vũ trụ) là liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế hay Đấng Thiên Nhân trong toàn thể của Ngài. Điều này để ngỏ câu hỏi về điều gì cấu thành các lần điểm đạo đối với

the Globe-Lord. May it be the development of root races?

Chúa Tể Bầu Hành Tinh. Có thể đó là sự phát triển của các Giống dân gốc chăng?

7. We are not told when our Planetary Logos will achieve His second cosmic initiation. We may infer that it will be some time within the present Mahamanvantara, just as the Solar Logos will take His fourth or fifth cosmic initiation within the present Mahamanvantara.

7. Chúng ta không được cho biết khi nào Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta sẽ đạt lần điểm đạo vũ trụ thứ hai của Ngài. Chúng ta có thể suy ra rằng điều đó sẽ xảy ra vào một thời điểm nào đó trong Đại giai kỳ sinh hóa hiện tại, cũng như Thái dương Thượng đế sẽ nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ tư hay thứ năm của Ngài trong Đại giai kỳ sinh hóa hiện tại.

b. To attain to the consciousness of the solar Logos, within Whose body They form the centres.

b. Đạt tới tâm thức của Thái dương Thượng đế, trong thân thể của Ngài Các Ngài tạo thành các trung tâm.

1. The Solar Logos in question is almost certainly that particular Solar Logos in which the Planetary Logoi form centers. This means that the Solar Logos in question is *not* one of the other six Solar Logoi in the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

1. Thái dương Thượng đế được nói đến ở đây gần như chắc chắn là chính Thái dương Thượng đế cụ thể mà trong đó các Hành Tinh Thượng Đế tạo thành các trung tâm. Điều này có nghĩa là Thái dương Thượng đế được nói đến ở đây *không* phải là một trong sáu Thái dương Thượng đế khác trong Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ Của Chúng Ta Là Một.

2. The Heavenly Man in question is rising to the consciousness of His *own* Solar Logos.

2. Đấng Thiên Nhân đang được nói đến đang vươn lên tới tâm thức của Thái dương Thượng đế *riêng* của Ngài.

3. If we cross reference DK's statement here, to what is said of the human being (or deva unit) in point "b.", then the Planetary Logos to which the human being must come into closer relationship (by attaining the consciousness of a particular center within that Planetary Logos) is almost certainly the Planetary Logos expressing through the planet on which the human being finds himself and *not* another Planetary Logos within the solar system.

3. Nếu chúng ta đối chiếu phát biểu của DK ở đây với điều được nói về con người (hay đơn vị thiên thần) ở điểm "b.", thì Hành Tinh Thượng Đế mà con người phải đi vào mối liên hệ gần gũi hơn (bằng cách đạt tới tâm thức của một trung tâm đặc thù trong Hành Tinh Thượng Đế ấy) gần như chắc chắn là Đức Hành Tinh Thượng Đế biểu lộ qua hành tinh nơi con người hiện diện chứ *không* phải một Hành Tinh Thượng Đế khác trong hệ mặt trời.

4. It should be said that the Planetary Logoi do have (at least potentially) relationships with the other Solar Logoi within the Seven Solar Systems of Which Ours is One just as the human being (at least potentially) has relationships with Planetary Logoi other than his own.

4. Cần nói rằng các Hành Tinh Thượng Đế quả có (ít nhất là trên tiềm năng) những mối liên hệ với các Thái dương Thượng đế khác trong Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ Của Chúng Ta Là Một, cũng như con người (ít nhất là trên tiềm năng) có những mối liên hệ với các Hành Tinh Thượng Đế khác ngoài vị của riêng mình.

It entails the attainment by a Heavenly Man of a group consciousness of a **sevenfold** nature, or the achievement of accurate vibratory relationship with the other Heavenly Men Who form the other centres.

Điều này bao hàm việc một Đấng Thiên Nhân đạt được một tâm thức nhóm có bản chất **thất phân**, hay đạt được mối quan hệ rung động chính xác với các Đấng Thiên Nhân khác tạo thành các trung tâm khác.

1. As a Planetary Logos seeks to attain to the consciousness of His Solar Logos, He does so in the company of six other Solar Logoi. We have suggested that the many Planetary Logoi form, essentially, seven major centers within the Solar Logos.

1. Khi một Hành Tinh Thượng Đế tìm cách đạt tới tâm thức của Thái dương Thượng đế của Ngài, Ngài làm điều đó cùng với sáu Thái dương Thượng đế khác. Chúng ta đã gợi ý rằng nhiều Hành Tinh Thượng Đế, về bản chất, tạo thành bảy trung tâm chính trong Thái dương Thượng đế.

2. Thus, it is through a form of planetary group consciousness that a Planetary Logos approaches the consciousness of His Solar Logos.

2. Vì vậy, chính qua một hình thức tâm thức nhóm hành tinh mà một Hành Tinh Thượng Đế tiếp cận tâm thức của Thái dương Thượng đế của Ngài.

3. A human being attempting to attain to the consciousness of a certain center within his own Heavenly Man would, in a parallel manner, do so through the process of *an increasing group consciousness*. Whether or not this is done in groups of seven cannot be stated at this time. Perhaps we might say that the seven Ashrams are the correspondence to the seven Heavenly Men. Thus for a human being in an Ashram there would be a group approach within his own Ashram—an Ashram related to six other Ashrams, the members of which are likewise approaching the consciousness of a Chain-Lord.

3. Một con người đang cố đạt tới tâm thức của một trung tâm nào đó trong Đấng Thiên Nhân riêng của mình, theo cách song hành, cũng sẽ làm như vậy qua tiến trình *một tâm thức nhóm ngày càng tăng trưởng*. Việc này có được thực hiện trong các nhóm bảy hay không thì hiện nay chưa thể nói. Có lẽ chúng ta có thể nói rằng bảy ashram là sự tương ứng với bảy Đấng Thiên Nhân. Như vậy, đối với một con người trong một ashram, sẽ có một sự tiếp cận theo nhóm bên trong chính ashram của y—một ashram liên hệ với sáu ashram khác, mà các thành viên của chúng cũng đang tiếp cận tâm thức của một Chúa Tể Dãy.

4. The principle to emerge is that the approach to identification with a greater consciousness is *done in group formation*. For instance, the members of an Ashram *together* approach identification with their Master's consciousness.

4. Nguyên lý nổi lên ở đây là sự tiếp cận đến đồng hoá với một tâm thức lớn hơn được *thực hiện trong đội hình nhóm*. Chẳng hạn, các thành viên của một ashram *cùng nhau* tiếp cận sự đồng hoá với tâm thức của Chân sư của họ.

It carries with it the capacity to have **full conscious control** on the seven planes of the solar system,

Điều này mang theo năng lực có được **sự kiểm soát có ý thức trọn vẹn** trên bảy cõi của hệ mặt trời,

1. The Solar Logos already has this capacity. As the Heavenly Men approach the consciousness of the Solar Logos, the capacity of this greater Logos gradually becomes theirs.

1. Thái dương Thượng đế đã sẵn có năng lực này. Khi các Đấng Thiên Nhân tiếp cận tâm thức của Thái dương Thượng đế, năng lực của Thượng đế lớn lao hơn này dần dần trở thành của Các Ngài.

2. A Solar Logos is already awakened on the seven planes of the solar system, but must attain full self-consciousness on these planes just as the Heavenly Man must attain full self-consciousness on five.

2. Một Thái dương Thượng đế đã được thức tỉnh trên bảy cõi của hệ mặt trời, nhưng phải đạt tới đầy đủ ngã thức trên các cõi này cũng như Đấng Thiên Nhân phải đạt tới đầy đủ ngã thức trên năm cõi.

3. We remember the sequence of a) awakening, b) control and c) mastery. The phrase "full conscious control" begins to sound like mastery.

3. Chúng ta nhớ chuỗi a) thức tỉnh, b) kiểm soát và c) làm chủ. Cụm từ "sự kiểm soát có ý thức trọn vẹn" bắt đầu nghe giống như sự làm chủ.

and covers that period of development which is undergone in a planetary chain during the fourth, fifth, and sixth rounds.

và bao trùm giai đoạn phát triển được trải qua trong một dãy hành tinh trong các cuộc tuần hoàn thứ tư, thứ năm và thứ sáu.

1. It would seem that the first three rounds are of a material and personal nature. The next three (the fourth, fifth and sixth) seem given to the development of consciousness.

1. Dường như ba cuộc tuần hoàn đầu có bản chất vật chất và cá nhân. Ba cuộc tiếp theo (thứ tư, thứ năm và thứ sáu) dường như được dành cho sự phát triển của tâm thức.

2. This period in the life of a Heavenly Man corresponds to that period in the life of a human being when he achieved Mastership. Consciousness, per se, if fully developed.

2. Giai đoạn này trong sự sống của một Đấng Thiên Nhân tương ứng với giai đoạn trong sự sống của một con người khi y đạt Chân sư quả. Tâm thức, tự nó, nếu được phát triển đầy đủ.

3. We might conclude that in the life of a Heavenly Man, three rounds take him to the point of the first initiation and three more rounds take him to the point of the fifth initiation (if the parallel with the development of a human being is warranted).

3. Chúng ta có thể kết luận rằng trong sự sống của một Đấng Thiên Nhân, ba cuộc tuần hoàn đưa Ngài đến điểm của lần điểm đạo thứ nhất và ba cuộc tuần hoàn nữa đưa Ngài đến điểm của lần điểm đạo thứ năm (nếu sự song hành với sự phát triển của con người là xác đáng).

4. We remember that our Planetary Logos working through his fourth chain is involved in a series of seven initiations.

4. Chúng ta nhớ rằng Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang hoạt động qua dãy thứ tư của Ngài và đang tham dự vào một chuỗi bảy lần điểm đạo.

5. As the Heavenly Man is currently working on the mastery of five planes, the phase here discussed will take him to the point of attainment of a Solar Logos.

5. Vì Đấng Thiên Nhân hiện đang làm việc trên sự làm chủ năm cõi, nên giai đoạn được bàn ở đây sẽ đưa Ngài đến điểm thành tựu của một Thái dương Thượng đế.

6. The human being achieves Mastership or five initiations in the phase indicated in point "b." We might ask why a Heavenly Man does not achieve *six* initiations, given that six rounds elapse.

6. Con người đạt Chân sư quả hay năm lần điểm đạo trong giai đoạn được chỉ ra ở điểm "b." Chúng ta có thể hỏi tại sao một Đấng Thiên Nhân lại không đạt *sáu* lần điểm đạo, khi mà sáu cuộc tuần hoàn đã trôi qua.

7. We should remember that when a Heavenly Man undergoes *five initiation* He becomes the Heavenly Man of a sacred planet.

7. Chúng ta nên nhớ rằng khi một Đấng Thiên Nhân trải qua *năm lần điểm đạo*, Ngài trở thành Đấng Thiên Nhân của một hành tinh thiêng liêng.

It should be borne in mind that a paralleling recognition should here be given to the fact that **the solar Logos holds an analogous position in the body of a cosmic Entity to that held by a Heavenly Man in the body of a solar Logos.**

Cần ghi nhớ rằng ở đây cũng nên có một sự nhận biết song hành đối với sự kiện rằng **Thái dương Thượng đế giữ một vị trí tương tự trong thể của một Thực Thể vũ trụ như vị trí mà một Đấng Thiên Nhân giữ trong thể của một Thái dương Thượng đế.**

1. The cosmic Entity here discussed is a Cosmic Logos expressing through seven *major* Solar Logoi and probably through many more of a minor kind.

1. Thực Thể vũ trụ được bàn đến ở đây là một Thượng đế Vũ Trụ biểu lộ qua bảy Thái dương Thượng đế *chính* và có lẽ qua nhiều vị nhỏ hơn nữa.

2. The particular Cosmic Logos to which we are related has sometimes been called the Sirian Logos, or the Logos of the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

2. Thượng đế Vũ Trụ cụ thể mà chúng ta có liên hệ đôi khi được gọi là Sirian Logos, hay Thượng đế của Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ Của Chúng Ta Là Một.

3. This is a crucial analogical statement; if forgotten, false conclusions about the place of our Solar Logos within the One About Whom Naught May Be Said may occur and have occurred in the works of some theorists.

3. Đây là một phát biểu tương đồng cực kỳ quan trọng; nếu bị quên đi, những kết luận sai lầm về vị trí của Thái dương Thượng đế của chúng ta trong Đấng Bất Khả Tư Nghị có thể xảy ra và đã xảy ra trong các công trình của một số nhà lý thuyết.

c. To attain to the consciousness of **a greater centre** on cosmic levels. This covers the period of the seventh round, and gives to a Heavenly Man (when these rounds are viewed in the light of the Eternal Now, and not from the standpoint of time and of space) the consciousness of [Page 291] the cosmic astral, or the second lowest plane of the cosmic planes.

c. Đạt tới tâm thức của **một trung tâm lớn hơn** trên các cấp độ vũ trụ. Điều này bao trùm giai đoạn của cuộc tuần hoàn thứ bảy, và ban cho một Đấng Thiên Nhân (khi các cuộc tuần hoàn này được nhìn dưới ánh sáng của Hiện Tại Vĩnh Cửu, chứ không từ quan điểm của thời gian và không gian) tâm thức của [Page 291] cõi cảm dục vũ trụ, hay cõi thấp thứ hai trong các cõi vũ trụ.

1. This is an amazing excerpt and requires much deep thought. Let us gather our thoughts. The analogies between the three types of attainment in point “c.” may not be exact.

1. Đây là một đoạn trích đáng kinh ngạc và đòi hỏi nhiều suy tư sâu sắc. Chúng ta hãy tập hợp các ý nghĩ của mình. Những sự tương đồng giữa ba loại thành tựu ở điểm “c.” có thể không hoàn toàn chính xác.

2. In point “c.”—

2. Ở điểm “c.”—

a The human being attains to the consciousness of the Planetary Logos in its entirety, not just to the consciousness of a Chain-Lord

a Con người đạt tới tâm thức của Đức Hành Tinh Thượng Đế trong toàn thể của Ngài, chứ không chỉ tới tâm thức của một Chúa Tể Dãy

b If the analogy to the attainment of the human being were to be exact, the Planetary Logos (in point “c.”) would attain to the consciousness of a Cosmic Logos—the Logos of the SSOWOIO. However, DK simply says that the Heavenly Man or Planetary Logos seeks to “attain to the consciousness of a greater centre”. The Heavenly Man’s

b Nếu sự tương đồng với thành tựu của con người là hoàn toàn chính xác, thì Hành Tinh Thượng Đế (ở điểm “c.”) sẽ đạt tới tâm thức của một Thượng đế Vũ Trụ—Thượng đế của Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ Của Chúng Ta Là Một. Tuy nhiên, DK chỉ đơn giản nói rằng Đấng Thiên Nhân hay Hành Tinh Thượng Đế tìm cách “đạt tới tâm thức của một trung

attainment may not be to the *entirety* of the consciousness of the Cosmic Logos which includes His Solar Logos. Or, it *may.*

tâm lớn hơn". Thành tựu của Đấng Thiên Nhân có thể không đạt tới *toàn thể* tâm thức của Thượng đế Vũ Trụ, vốn bao gồm Thái dương Thượng đế của Ngài. Hoặc, điều đó *có thể.*

c If the analogy to the attainment of the human being were to be exact, then the Solar Logos (in point "c.") would attain to the consciousness of the One About Whom Naught May Be Said, but instead, the Solar Logos strives to attain to the consciousness of a Cosmic Logos—a lesser attainment. *Unless,* DK is *blinding* the term "Cosmic Logos", applying it to both a Cosmic Logos in which Solar Logoi are its chakras, and to a *Super-Cosmic Logos,* in which Cosmic Logoi are its centers. This possibility cannot be entirely discounted.

c Nếu phép loại suy với sự thành tựu của con người là chính xác, thì Thái dương Thượng đế (ở điểm "c.") sẽ đạt đến tâm thức của Đấng Bất Khả Tư Nghị, nhưng thay vào đó, Thái dương Thượng đế phấn đấu để đạt đến tâm thức của một Thượng đế Vũ Trụ—một thành tựu thấp hơn. *Trừ phi,* Chân sư DK đang *che mờ* thuật ngữ "Thượng đế Vũ Trụ", áp dụng nó cho cả một Thượng đế Vũ Trụ mà trong đó các Thái dương Thượng đế là các luân xa của Ngài, lẫn cho một *Thượng đế Siêu Vũ Trụ,* mà trong đó các Thượng đế Vũ Trụ là các trung tâm của Ngài. Khả năng này không thể hoàn toàn bị loại trừ.

1. There are many mysteries hidden in the scope of these attempted attainments.

1. Có nhiều huyền nhiệm ẩn giấu trong phạm vi của những sự thành tựu được cố gắng này.

2. If we study the parallels closely, we shall ask whether, in point "b." the Planetary Logos attains *fully* to the consciousness of the Solar Logos of which He is a part, or only partially? *Full a*ttainment to the consciousness of the Solar Logos seems more probable.

2. Nếu chúng ta nghiên cứu kỹ các điểm tương đồng, chúng ta sẽ hỏi liệu, ở điểm "b.", Đức Hành Tinh Thượng Đế có đạt *trọn vẹn* đến tâm thức của Thái dương Thượng đế mà Ngài là một phần của nó hay chỉ đạt một phần? Việc đạt *trọn vẹn* đến tâm thức của Thái dương Thượng đế dường như có nhiều khả năng hơn.

3. We shall also ask whether the Solar Logos in point "b." attains fully to the consciousness of the Cosmic Logos of which He is a part, or only partially. Again, as in the case of the Heavenly Man or Planetary Logos, *full* attainment to the consciousness of the Cosmic Logos seems more probable.

3. Chúng ta cũng sẽ hỏi liệu Thái dương Thượng đế ở điểm "b." có đạt trọn vẹn đến tâm thức của Thượng đế Vũ Trụ mà Ngài là một phần của nó hay chỉ đạt một phần. Một lần nữa, như trong trường hợp của Đấng Thiên Nhân hay Đức Hành Tinh Thượng Đế, việc đạt *trọn vẹn* đến tâm thức của Thượng đế Vũ Trụ dường như có nhiều khả năng hơn.

4. If this is so, then the major blinding is occurring in point "c." describing the Solar Logos' final attainment. The wording is very strange and alerts one to the possibility of blinding. We shall discuss this more fully when commenting on the Solar Logos' attainments directly.

4. Nếu đúng như vậy, thì sự che mờ chủ yếu đang xảy ra ở điểm "c." mô tả sự thành tựu cuối cùng của Thái dương Thượng đế. Cách diễn đạt rất lạ và khiến người ta lưu ý đến khả năng có sự che mờ. Chúng ta sẽ bàn đầy đủ hơn về điều này khi bình luận trực tiếp về các sự thành tựu của Thái dương Thượng đế.

A great deal of the problem to be seen slowly working out at this time to a solution is due to the fact that the control of the Heavenly Man, Whose body our scheme may be, is as yet but partial, and His cosmic experience is as yet but imperfect.

Phần lớn vấn đề hiện nay đang dần dần được thấy là vận hành hướng đến một giải pháp là do sự kiện rằng sự kiểm soát của Đấng Thiên Nhân, mà thân thể của Ngài có thể là hệ hành tinh của chúng ta, cho đến nay vẫn chỉ là từng phần, và kinh nghiệm vũ trụ của Ngài cho đến nay vẫn còn bất toàn.

1. There is no question but that the term "Heavenly Man" is often used to indicate a great Being Who is manifesting through a planetary scheme. Because of this, it is difficult to differentiate between the terms "Heavenly Man" and "Planetary Logos".

1. Không còn nghi ngờ gì rằng thuật ngữ "Đấng Thiên Nhân" thường được dùng để chỉ một Đại Hữu đang biểu hiện qua một hệ hành tinh. Vì điều này, thật khó phân biệt giữa các thuật ngữ "Đấng Thiên Nhân" và "Đức Hành Tinh Thượng Đế".

2. The term, "Heavenly Man" we realize can be applied to lesser beings within the overall manifestation of the Planetary Logos—such as Globe-Lords and Chain-Lords.

2. Chúng ta nhận ra rằng thuật ngữ "Đấng Thiên Nhân" có thể được áp dụng cho những hữu thể thấp hơn bên trong sự biểu hiện tổng thể của Đức Hành Tinh Thượng Đế—chẳng hạn như các Chúa Tể Bầu Hành Tinh và các Chúa Tể Dãy.

3. It has also been suggested by competent theorists that the term "Heavenly Man" refers principally to the soul nature of the Planetary Logos, whereas the term "Planetary Logos" refers to the monadic nature of that Logos.

3. Cũng đã có gợi ý từ các nhà lý thuyết có năng lực rằng thuật ngữ "Đấng Thiên Nhân" chủ yếu chỉ bản chất linh hồn của Đức Hành Tinh Thượng Đế, trong khi thuật ngữ "Đức Hành Tinh Thượng Đế" chỉ bản chất chân thần của Thượng đế ấy.

4. This cannot yet be confirmed. In many places it is quite evident that the two terms are used interchangeably.

4. Điều này chưa thể được xác nhận. Ở nhiều nơi, khá rõ ràng rằng hai thuật ngữ này được dùng thay thế cho nhau.

5. Apparently our Heavenly Man has not yet achieved complete control over His own

5. Rõ ràng Đấng Thiên Nhân của chúng ta vẫn chưa đạt được sự kiểm soát hoàn toàn

vehicles. He is, we are told, struggling on the cosmic astral plane, just as a human being who has not achieved full self-control will struggle in his own astral nature.

đối với các vận cụ của chính Ngài. Chúng ta được cho biết rằng Ngài đang vật lộn trên cõi cảm dục vũ trụ, cũng như một con người chưa đạt được sự tự chủ trọn vẹn sẽ vật lộn trong bản chất cảm dục của riêng mình.

6. As for the imperfect cosmic experience of the Planetary Logos, it is clear that His consciousness does not yet extend fully into the consciousness of the Solar Logos and so any fullness of extra-systemic experience is not yet possible for Him.

6. Về kinh nghiệm vũ trụ bất toàn của Đức Hành Tinh Thượng Đế, rõ ràng là tâm thức của Ngài vẫn chưa vươn trọn vẹn vào tâm thức của Thái dương Thượng đế, và vì vậy bất kỳ sự viên mãn nào của kinh nghiệm ngoài hệ nào cũng chưa thể có đối với Ngài.

This necessarily affects the cells in His body in the same way that lack of astral control in the case of a human being, affects his vehicle.

Điều này tất yếu ảnh hưởng đến các tế bào trong thân thể của Ngài theo cùng cách mà sự thiếu kiểm soát cảm dục, trong trường hợp của con người, ảnh hưởng đến vận cụ của ông ta.

1. Lack of astral control often leads to devitalization and disease. Our Planetary Logos is passing through a period difficulty and, in a way, of planetary illness.

1. Sự thiếu kiểm soát cảm dục thường dẫn đến mất sinh lực và bệnh tật. Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang trải qua một giai đoạn khó khăn và, theo một nghĩa nào đó, của bệnh trạng hành tinh.

2. The implication of the excerpt is that the Planetary Logos' lack of astral control (which is hinted) has an effect on the human and deva units which serve Him as cells. In the human being, for instance, the astral nature would be particularly affected.

2. Hàm ý của đoạn trích là sự thiếu kiểm soát cảm dục của Đức Hành Tinh Thượng Đế (được ám chỉ) có ảnh hưởng lên các đơn vị nhân loại và thiên thần phụng sự Ngài như những tế bào. Chẳng hạn, nơi con người, bản chất cảm dục sẽ bị ảnh hưởng đặc biệt.

It might here be pointed out that the evolution of the Heavenly Men is unequal, and that **our planetary Logos has not the control, for instance, that the Heavenly Man of the Venus chain has achieved.**

Ở đây có thể chỉ ra rằng sự tiến hoá của các Đấng Thiên Nhân là không đồng đều, và **Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta chẳng hạn không có được sự kiểm soát mà Đấng Thiên Nhân của dãy Kim Tinh đã đạt được.**

1. This seems quite evident given the very full unfoldment of Venus.

1. Điều này dường như khá hiển nhiên xét theo sự khai mở rất đầy đủ của Kim Tinh.

2. Human beings are characterized by unequal development. Why should it not be

2. Con người được đặc trưng bởi sự phát triển không đồng đều. Tại sao điều đó lại

so for Planetary Logoi and Solar Logoi as well, and beyond?

không đúng đối với các Hành Tinh Thượng Đế và các Thái dương Thượng đế nữa, và còn vượt xa hơn?

3. While our Planetary Logos is struggling to take His fourth initiation in a series of seven, it may be that the Planetary Logos of Venus has not only taken this initiation but the corresponding *fifth* as well. Venus is, after all, presently expressing through its *fifth* chain and is focused in the fifth globe of that chain. (EA 693).

3. Trong khi Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang phấn đấu để nhận lần điểm đạo thứ tư trong một chuỗi bảy lần, có thể Đức Hành Tinh Thượng Đế của Kim Tinh không những đã nhận lần điểm đạo này mà còn cả lần *thứ năm* tương ứng nữa. Rốt cuộc, hiện nay Kim Tinh đang biểu hiện qua dãy *thứ năm* của nó và được tập trung trong bầu hành tinh thứ năm của dãy ấy. (EA 693).

In each round one subplane of the cosmic astral plane is brought under control, and the consciousness of the Heavenly Man expands to include one subplane more. **The planetary Lord of Venus has dominated and controlled the five subplanes and is working on the sixth.**

Trong mỗi cuộc tuần hoàn, một cõi phụ của cõi cảm dục vũ trụ được đưa vào sự kiểm soát, và tâm thức của Đấng Thiên Nhân mở rộng để bao gồm thêm một cõi phụ nữa. **Chúa Tể hành tinh của Kim Tinh đã chế ngự và kiểm soát năm cõi phụ và đang hoạt động trên cõi phụ thứ sáu.**

1. This is a most valuable reference, clarifying the relationship between our Planetary Logos and the Planetary Logos of Venus in relation to the cosmic astral plane.

1. Đây là một dẫn chiếu vô cùng giá trị, làm sáng tỏ mối liên hệ giữa Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và Đức Hành Tinh Thượng Đế của Kim Tinh liên quan đến cõi cảm dục vũ trụ.

2. Human beings are attempting to control and master the sub-planes of the cosmic physical plane. Planetary Logoi are attempting to dominate and control the sub-planes of the cosmic astral plane. The Heavenly Men (which?) are, we have learned, at the same time attempting to achieve mastery on the sub-planes of the cosmic physical plane.

2. Con người đang cố gắng kiểm soát và làm chủ các cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ. Các Hành Tinh Thượng Đế đang cố gắng chế ngự và kiểm soát các cõi phụ của cõi cảm dục vũ trụ. Các Đấng Thiên Nhân (những Đấng nào?) đồng thời, như chúng ta đã học, cũng đang cố gắng đạt quyền làm chủ trên các cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ.

3. The Planetary Logos of Venus is a Master of manas (considered in relation to the cosmic astral plane) and is attempting to develop His buddhic principle (again, in relation to the cosmic astral plane). This means that the Planetary Logos of the

3. Đức Hành Tinh Thượng Đế của Kim Tinh là một Chân sư của manas (được xét trong liên hệ với cõi cảm dục vũ trụ) và đang cố gắng phát triển nguyên khí Bồ đề của Ngài (một lần nữa, trong liên hệ với cõi cảm dục vũ trụ). Điều này có nghĩa là Đức Hành Tinh

Venus-scheme is working in relation to the sixth sub-plane (numbering from below) of the cosmic astral plane, which correlates with the sixth or buddhi principle. To develop cosmic manas in relation to the cosmic mental plane and cosmic buddhi in relation to the cosmic buddhic plane, lies fare ahead.

Thượng Đế của hệ hành tinh Kim Tinh đang hoạt động trong liên hệ với cõi phụ thứ sáu (đếm từ dưới lên) của cõi cảm dục vũ trụ, tương ứng với nguyên khí thứ sáu hay Bồ đề. Việc phát triển manas vũ trụ trong liên hệ với cõi trí vũ trụ và Bồ đề vũ trụ trong liên hệ với cõi Bồ đề vũ trụ còn ở rất xa phía trước.

4. With respect to the cosmic astral plane, our Planetary Logos has not yet achieved mastery of manas.

4. Xét về cõi cảm dục vũ trụ, Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta vẫn chưa đạt được quyền làm chủ manas.

5. On *EA* 693. we learned that Venus was expressing through its fifth chain and fifth globe. On *TCF* 300. we learn that Venus is also in its fifth round (in that fifth chain and fifth globe). From one perspective, Venus can be delineated by the series of numbers 5.5.5.

5. Trong *EA* 693. chúng ta đã học rằng Kim Tinh đang biểu hiện qua dãy thứ năm và bầu hành tinh thứ năm của nó. Trong *TCF* 300. chúng ta biết rằng Kim Tinh cũng đang ở cuộc tuần hoàn thứ năm của nó (trong dãy thứ năm và bầu hành tinh thứ năm ấy). Từ một góc nhìn, Kim Tinh có thể được mô tả bằng chuỗi số 5.5.5.

6. Perhaps other Planetary Logoi can be delineated by three numbers describing the chain and globe in which that Planetary Logos is focussed and the round in that chain which is occurring. The process of the Planetary Logos of the Earth would now be described as 4.4.4. The number of planet Earth, however, is 777.

6. Có lẽ các Hành Tinh Thượng Đế khác có thể được mô tả bằng ba con số diễn tả dãy và bầu hành tinh mà Hành Tinh Thượng Đế ấy được tập trung vào, cùng cuộc tuần hoàn đang diễn ra trong dãy đó. Tiến trình của Đức Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất hiện nay sẽ được mô tả là 4.4.4. Tuy nhiên, số của hành tinh Trái Đất là 777.

It has been stated that a mystery lies hid in the 777. incarnations. This figure provides room for much speculation.19. It should be pointed out that it does not hold the number of a stated cycle of incarnations through which a man must pass, but holds the key to the three major cycles previously mentioned. Primarily this number applies to the planetary Logos of our scheme and not so much to other schemes. Each Heavenly Man has His number and the number of our Heavenly Man lies hid in the above three figures, just as 666. and 888. holds the

Đã có lời nói rằng một huyền nhiệm ẩn giấu trong 777. lần lâm phàm. Con số này tạo ra nhiều chỗ cho suy đoán.19. Cần chỉ ra rằng nó không giữ con số của một chu kỳ lâm phàm đã được nêu mà con người phải trải qua, nhưng giữ chìa khóa cho ba chu kỳ chính đã được đề cập trước đó. Trước hết, con số này áp dụng cho Đức Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh chúng ta hơn là cho các hệ khác. Mỗi Đấng Thiên Nhân có con số của Ngài và con số của Đấng Thiên Nhân của chúng ta ẩn giấu trong ba con số trên, cũng như 666. và 888. giữ huyền

mystery hid of two other Heavenly Men. (*TCF* 306)

nhiệm ẩn giấu của hai Đấng Thiên Nhân khác. (*TCF* 306)

Our planetary Logos is engaged in a similar work on the fourth and fifth.

Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang tham gia vào một công việc tương tự trên cõi phụ thứ tư và thứ năm.

1. The Planetary Logos of Earth is of lesser unfoldment that the Planetary Logos of Venus. Both are focussed on the cosmic astral plane, but the numbers four and five are significant for our Planetary Logos and the numbers five and six for the Planetary Logos of Venus.

1. Đức Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất có mức khai mở thấp hơn Đức Hành Tinh Thượng Đế của Kim Tinh. Cả hai đều được tập trung trên cõi cảm dục vũ trụ, nhưng các số bốn và năm có ý nghĩa đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, còn các số năm và sáu có ý nghĩa đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế của Kim Tinh.

The work, as in all cycles, overlaps and it might be explained thus:

Công việc này, như trong mọi chu kỳ, có sự chồng lấn và có thể được giải thích như sau:

He is perfecting the control of the fourth subplane on the cosmic astral plane, and has nearly completed it.

Ngài đang hoàn thiện sự kiểm soát cõi phụ thứ tư trên cõi cảm dục vũ trụ, và gần như đã hoàn tất điều đó.

1. The fact that our Planetary Logos has *nearly* completed His control of the fourth sub-plane of the cosmic astral plane may tell us something about how much time remains before the Planetary Logos will have completed His fourth initiation through the Earth-chain. This type of initiation is not a full planetary initiation, but a partial initiation taken through a chain (and not throughout the entire planetary scheme).

1. Sự kiện rằng Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đã *gần như* hoàn tất sự kiểm soát của Ngài đối với cõi phụ thứ tư của cõi cảm dục vũ trụ có thể cho chúng ta biết điều gì đó về khoảng thời gian còn lại trước khi Đức Hành Tinh Thượng Đế sẽ hoàn tất lần điểm đạo thứ tư của Ngài qua Dãy Địa Cầu. Loại điểm đạo này không phải là một điểm đạo hành tinh trọn vẹn, mà là một điểm đạo từng phần được nhận qua một dãy (chứ không phải xuyên suốt toàn bộ hệ hành tinh).

2. Perhaps the Planetary Logos' completion of the mastery on the fourth sub-plane of the cosmic astral plane will signal an attainment for our Solar Logos—an attainment in resonance with the number four.

2. Có lẽ việc Đức Hành Tinh Thượng Đế hoàn tất quyền làm chủ trên cõi phụ thứ tư của cõi cảm dục vũ trụ sẽ báo hiệu một thành tựu cho Thái dương Thượng đế của chúng ta—một thành tựu cộng hưởng với số bốn.

3. It might be, however, that the entire Earth-scheme would have to attain significantly before an attainment in resonance with the number four would occur of the Solar Logos—since the Earth-scheme is the fourth scheme from the Sun (given the usual methods of counting the planetary orbs nearest the Sun).

3. Tuy nhiên, cũng có thể toàn bộ hệ Địa Cầu sẽ phải đạt được tiến bộ đáng kể trước khi một thành tựu cộng hưởng với số bốn xảy ra nơi Thái dương Thượng đế—vì hệ Địa Cầu là hệ thứ tư tính từ Mặt Trời (theo phương pháp thông thường để đếm các bầu hành tinh gần Mặt Trời nhất).

He is beginning to work at the control of the fifth subplane—a control which will be perfected in the fifth round.

Ngài đang bắt đầu hoạt động để kiểm soát cõi phụ thứ năm—một sự kiểm soát sẽ được hoàn thiện trong cuộc tuần hoàn thứ năm.

1. The fifth round of the Earth-chain. This is a chain-round and not a scheme-round.

1. Cuộc tuần hoàn thứ năm của Dãy Địa Cầu. Đây là một cuộc tuần hoàn của dãy chứ không phải một cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh.

2. Our Planetary Logos' work upon the fifth sub-plane of the cosmic astral plane (numbering from below) must correlate with the entry of so many human beings into the Fifth Kingdom, the Kingdom of the Soul.

2. Công việc của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta trên cõi phụ thứ năm của cõi cảm dục vũ trụ (đếm từ dưới lên) hẳn phải tương ứng với việc rất nhiều con người bước vào giới thứ năm, giới của linh hồn.

3. Activation of the fifth spirilla in so many human beings must also correspond, as would the activation of the third and fifth sub-planes of the cosmic physical plane (the systemic atmic and mental planes).

3. Sự hoạt hóa loa tuyến thứ năm nơi rất nhiều con người cũng hẳn phải tương ứng, cũng như sự hoạt hóa các cõi phụ thứ ba và thứ năm của cõi hồng trần vũ trụ (các cõi atma và trí của hệ).

He is sensing and responding to the vibration of the sixth subplane, but is **not as yet fully conscious** on that subplane.

Ngài đang cảm nhận và đáp ứng với rung động của cõi phụ thứ sáu, nhưng **vẫn chưa hoàn toàn hữu thức** trên cõi phụ đó.

1. The implication is that the Planetary Logos of Venus is fully conscious on the sixth sub-plane of the cosmic astral plane and beginning to respond to the vibration of the seventh sub-plane.

1. Hàm ý là Đức Hành Tinh Thượng Đế của Kim Tinh hoàn toàn hữu thức trên cõi phụ thứ sáu của cõi cảm dục vũ trụ và đang bắt đầu đáp ứng với rung động của cõi phụ thứ bảy.

2. On the human level, there are some who are beginning to respond to the energy of buddhi, the *sixth* principle. The majority of the human race is not responsive in this way. The reaching out of our Planetary Logos to the sixth level of the cosmic astral plane corresponds to the reaching out of a number of human beings to the sixth principle.

2. Ở cấp độ con người, có một số người đang bắt đầu đáp ứng với năng lượng của Bồ đề, nguyên khí *thứ sáu*. Đa số nhân loại không đáp ứng theo cách này. Sự vươn tới của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đến cấp độ thứ sáu của cõi cảm dục vũ trụ tương ứng với sự vươn tới của một số con người đến nguyên khí thứ sáu.

3. We must be careful to keep clear the relationship between planes and principles. There is not always a one-to-one correspondence between a plane and a principle.

3. Chúng ta phải cẩn thận giữ cho rõ mối liên hệ giữa các cõi và các nguyên khí. Không phải lúc nào cũng có sự tương ứng một-một giữa một cõi và một nguyên khí.

We have a corresponding reflection to this in the fourth and fifth root-races on this planet, in which the astral consciousness of the Atlantean cycle is being perfected, the fifth principle is being developed, and the sixth is being gradually sensed. This deserves thoughtful consideration.

Chúng ta có một sự phản chiếu tương ứng của điều này trong giống dân gốc thứ tư và thứ năm trên hành tinh này, trong đó tâm thức cảm dục của chu kỳ Atlantis đang được hoàn thiện, nguyên khí thứ năm đang được phát triển, và nguyên khí thứ sáu đang dần dần được cảm nhận. Điều này đáng được suy xét cẩn trọng.

1. We are given a very clear analogy. The fourth sub-plane of the cosmic astral plane corresponds to the Atlantean consciousness, the fifth sub-plane to the Aryan consciousness, and the sixth sub-plane to the incipient intuitive consciousness of the sixth root race.

1. Chúng ta được trao cho một phép loại suy rất rõ ràng. Cõi phụ thứ tư của cõi cảm dục vũ trụ tương ứng với tâm thức Atlantis, cõi phụ thứ năm tương ứng với tâm thức Arya, và cõi phụ thứ sáu tương ứng với tâm thức trực giác sơ khởi của giống dân gốc thứ sáu.

2. We can understand the progress made the by Planetary Logos will affect the perfecting of human consciousness.

2. Chúng ta có thể hiểu rằng sự tiến bộ do Đức Hành Tinh Thượng Đế đạt được sẽ ảnh hưởng đến sự hoàn thiện của tâm thức con người.

3. With the perfecting of Atlantean consciousness we are achieving equilibrium on the astral plane and a responsiveness of humanity's astral body to the energy of love. Humanity is slowly developing it mental

3. Cùng với sự hoàn thiện của tâm thức Atlantis, chúng ta đang đạt được sự quân bình trên cõi cảm dục và khả năng đáp ứng của thể cảm dục của nhân loại đối với năng lượng của tình thương. Nhân loại đang

nature and, now, the responsiveness of that mental nature to the light of the soul. As humanity enters the sixth subrace of the fifth root race, the abstract mind will be the focus of cultivation—we are told.

chậm rãi phát triển bản chất trí tuệ của mình và, hiện nay, khả năng đáp ứng của bản chất trí tuệ ấy đối với ánh sáng của linh hồn. Khi nhân loại bước vào giống dân phụ thứ sáu của giống dân gốc thứ năm, trí trừu tượng sẽ là trọng tâm của sự vun bồi—chúng ta được cho biết như vậy.

4. As previously stated, some human beings are 'sensing after' the intuition just as the Planetary Logos is seeking awareness on the sixth sub-plane of the cosmic astral plane.

4. Như đã nói trước đây, một số con người đang 'cảm tìm' trực giác cũng như Đức Hành Tinh Thượng Đế đang tìm kiếm sự nhận biết trên cõi phụ thứ sáu của cõi cảm dục vũ trụ.

5. In retrospect, what DK has said of the work of the Heavenly Man is profound and not totally understandable given our present state of mental unfoldment.

5. Nhìn lại, điều Chân sư DK đã nói về công việc của Đấng Thiên Nhân là sâu sắc và không hoàn toàn có thể hiểu được xét theo trạng thái khai mở trí tuệ hiện nay của chúng ta.

6. We now consider the work of the Solar Logos.

6. Giờ đây chúng ta xét đến công việc của Thái dương Thượng đế.

Third: **The work of a solar logos** is again of a corresponding nature:

Thứ ba: **Công việc của một Thái dương Thượng đế** lại có bản chất tương ứng:

[Page 292]

[Page 292]

a. He has to attain to the full consciousness of His entire ring-pass-not, or of the **seven** planes of the solar system.

a. Ngài phải đạt đến tâm thức trọn vẹn của toàn bộ vòng-giới-hạn của Ngài, hay của **bảy** cõi của hệ mặt trời.

1. We remember that the human being had to attain full consciousness on three systemic planes and the Heavenly Man on five. We also remember that the Heavenly Man was moving towards awareness on seven—a state which the Solar Logos already has achieved.

1. Chúng ta nhớ rằng con người phải đạt tâm thức trọn vẹn trên ba cõi của hệ, còn Đấng Thiên Nhân trên năm cõi. Chúng ta cũng nhớ rằng Đấng Thiên Nhân đang tiến tới sự nhận biết trên bảy cõi—một trạng thái mà Thái dương Thượng đế đã đạt được rồi.

This covers a period wherein five of the Heavenly Men, or five of His centres, and therefore, five schemes, reach a stage of

Điều này bao trùm một giai đoạn trong đó năm Đấng Thiên Nhân, hay năm trung tâm của Ngài, và do đó năm hệ hành tinh, đạt

accurate response to contact and stimulation.

đến một giai đoạn đáp ứng chính xác với tiếp xúc và kích thích.

1. Whether we speak of the human being, the Planetary Logos or the Solar Logos, we are, in this context, discussing a Brahmic period, correlated, in part, to the number *five.*

1. Dù chúng ta nói về con người, Đức Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế, thì trong ngữ cảnh này chúng ta đang bàn về một giai đoạn Brahma, tương quan một phần với con số *năm.*

2. Remembering—the human being during this period awakened to the three lower systemic planes; the Heavenly Man (awakening to five systemic planes) progressed through the first three rounds (presumably on the Earth-chain, though we cannot say that there is not a parallel process of rounds occurring on all seven chains);

2. Hãy nhớ rằng—con người trong giai đoạn này đã thức tỉnh với ba cõi thấp của hệ; Đấng Thiên Nhân (thức tỉnh với năm cõi của hệ) đã tiến qua ba cuộc tuần hoàn đầu tiên (có lẽ trên Dãy Địa Cầu, dù chúng ta không thể nói rằng không có một tiến trình song song của các cuộc tuần hoàn đang diễn ra trên cả bảy dãy);

3. For the Solar Logos, five planetary schemes have developed during this first stage, listed under point "a."

3. Đối với Thái dương Thượng đế, năm hệ hành tinh đã phát triển trong giai đoạn đầu tiên này, được liệt kê dưới điểm "a."

4. We might inquire: does the development of the five planetary schemes correspond to a kind of first initiation for the Solar Logos, just as in the case of the human being the first initiation follows the awakening of his consciousness on the three lower systemic planes?

4. Chúng ta có thể hỏi: sự phát triển của năm hệ hành tinh có tương ứng với một loại lần điểm đạo thứ nhất đối với Thái dương Thượng đế hay không, cũng như trong trường hợp con người, lần điểm đạo thứ nhất theo sau sự thức tỉnh của tâm thức y trên ba cõi thấp của hệ?

5. The development of five planetary schemes within the Solar Logos may signal that the material and personality phase of His development in this second solar system has come to an end. This development is a kind of recapitulation of the overall development which occurred during the first solar system—a Brahmic system correlating to the number *five* even as our present system correlates to *seven.*

5. Sự phát triển của năm hệ hành tinh bên trong Thái dương Thượng đế có thể báo hiệu rằng giai đoạn vật chất và phàm ngã trong sự phát triển của Ngài trong hệ mặt trời thứ hai này đã đi đến chấm dứt. Sự phát triển này là một loại tái diễn toàn bộ sự phát triển đã xảy ra trong hệ mặt trời thứ nhất—một hệ Brahma tương quan với con số *năm* cũng như hệ hiện tại của chúng ta tương quan với *bảy.*

6. Which are the five schemes? This would not be easy to assess, but we could certainly

6. Năm hệ ấy là những hệ nào? Điều này sẽ không dễ đánh giá, nhưng chắc chắn chúng

infer that they would be those which correspond to the Brahmic Rays—the third ray and the four Rays of Attribute. We could presume that all planetary schemes ruled more by the third ray than by the second or first would have reached this stage of accurate response to contact and stimulation.

ta có thể suy ra rằng đó sẽ là những hệ tương ứng với các Cung Brahma—cung ba và bốn Cung Thuộc Tính. Chúng ta có thể giả định rằng tất cả các hệ hành tinh được cai quản bởi cung ba nhiều hơn cung hai hay cung một đều đã đạt đến giai đoạn đáp ứng chính xác với tiếp xúc và kích thích này.

7. Has this stage of development already occurred? We see that it has occurred for man, the individual, because many men have moved beyond the first initiation.

7. Giai đoạn phát triển này đã xảy ra rồi chăng? Chúng ta thấy rằng nó đã xảy ra đối với con người, cá nhân, bởi vì nhiều người đã vượt quá lần điểm đạo thứ nhất.

8. We see that this stage of development has already occurred for our Planetary Logos, because He is already in his *fourth* round, and the first stage ended at the completion of the third.

8. Chúng ta thấy rằng giai đoạn phát triển này đã xảy ra rồi đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, bởi vì Ngài đã ở trong cuộc tuần hoàn *thứ tư* của Ngài, và giai đoạn đầu tiên đã kết thúc khi hoàn tất cuộc tuần hoàn thứ ba.

9. We do not know enough about planetary development (at least from observation) to conclude that the Solar Logos, as well, has completed the first stage. But since the development of man, the Planetary Logos and the Solar Logos run somewhat in parallel, we might conclude on this basis that the Solar Logos, too, has reached and passed the first stage.

9. Chúng ta không biết đủ về sự phát triển hành tinh (ít nhất là từ quan sát) để kết luận rằng Thái dương Thượng đế cũng đã hoàn tất giai đoạn đầu tiên. Nhưng vì sự phát triển của con người, Đức Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế diễn ra phần nào song song, nên trên cơ sở này chúng ta có thể kết luận rằng Thái dương Thượng đế cũng đã đạt đến và vượt qua giai đoạn đầu tiên.

10. From the initiatory standpoint we would certainly have to say so, because our Solar Logos has for His objective a kind of third cosmic initiation.

10. Từ quan điểm điểm đạo, chắc chắn chúng ta phải nói như vậy, bởi vì Thái dương Thượng đế của chúng ta có mục tiêu là một loại lần điểm đạo vũ trụ thứ ba.

11. There is another alternative to the one in which the five planetary schemes expressing the Brahmic rays are considered the five which have reached this stage of development. We could take, instead, the 'chakric approach'.

11. Có một khả năng khác ngoài khả năng cho rằng năm hệ hành tinh biểu hiện các cung Brahma là năm hệ đã đạt đến giai đoạn phát triển này. Thay vào đó, chúng ta có thể chọn 'cách tiếp cận theo luân xa'.

12. Perhaps those planetary schemes which represent the sacral center, the solar plexus center, the throat center, the ajna center and, perhaps, the heart center are relatively developed.

12. Có lẽ những hệ hành tinh đại diện cho trung tâm xương cùng, trung tâm tùng thái dương, trung tâm cổ họng, ajna và có lẽ cả trung tâm tim là tương đối phát triển.

13. The heart center is a problem, as it should not fully unfold until the Entity in question is a relatively high initiate. One could substitute the base of the spine center, and indeed, it develops early, but its *full* development does not come until the fifth initiation (at least this is so for the human being). We know that the head center and the base of the spine center are the last to develop fully, on the Path of Initiation. In this case we are dealing with the *cosmic* Path of Initiation. Do the parallels hold?

13. Trung tâm tim là một vấn đề, vì nó không nên khai mở trọn vẹn cho đến khi Thực Thể đang xét là một điểm đạo đồ tương đối cao. Người ta có thể thay bằng trung tâm đáy cột sống, và quả thực nó phát triển sớm, nhưng sự phát triển *trọn vẹn* của nó không đến cho đến lần điểm đạo thứ năm (ít nhất điều này đúng đối với con người). Chúng ta biết rằng trung tâm đầu và trung tâm đáy cột sống là những trung tâm phát triển trọn vẹn sau cùng, trên Con Đường Điểm Đạo. Trong trường hợp này chúng ta đang bàn đến Con Đường Điểm Đạo *vũ trụ*. Các điểm tương đồng có còn đứng vững không?

14. When comparing man, the Planetary Logos and the Solar Logos, we see a difference in the numbers appearing as significant during this first and Brahmic stage: for man the number is *three*; for the Planetary Logos the number is also *three*; for the Solar Logos the number is *five.*

14. Khi so sánh con người, Đức Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế, chúng ta thấy có một khác biệt trong các con số xuất hiện như có ý nghĩa trong giai đoạn đầu tiên và Brahma này: đối với con người con số là *ba*; đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế con số cũng là *ba*; đối với Thái dương Thượng đế con số là *năm.*

15. From another perspective the numbers are *three*, *five* and *seven* characterize this first stage for the three entities in question.

15. Từ một góc nhìn khác, các con số *ba*, *năm* và *bảy* đặc trưng cho giai đoạn đầu tiên này đối với ba thực thể đang được xét.

b. He has to attain to the consciousness of the cosmic Logos within Whose body He is a centre.

b. Ngài phải đạt đến tâm thức của Thượng đế Vũ Trụ mà trong thân thể của Ngài, Ngài là một trung tâm.

1. A Cosmic Logos has Solar Logoi for His chakras or centers.

1. Một Thượng đế Vũ Trụ có các Thái dương Thượng đế là các luân xa hay các trung tâm của Ngài.

He must find by experience His place within the cosmic group of which He is a part,

Ngài phải tìm ra bằng kinh nghiệm vị trí của Ngài trong nhóm vũ trụ mà Ngài là một phần của nó,

1. This is a group of Solar Logoi—the Solar Logoi found in the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

1. Đây là một nhóm các Thái dương Thượng đế—các Thái dương Thượng đế được tìm thấy trong Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của chúng ta là một trong số đó.

in much the same way as a planetary Logos pursues a similar course.

theo cách gần giống như một Đức Hành Tinh Thượng Đế theo đuổi một tiến trình tương tự.

1. The Planetary Logos finds His place within a planetary group.

1. Đức Hành Tinh Thượng Đế tìm ra vị trí của Ngài trong một nhóm hành tinh.

2. A human being finds his place within a group of human beings.

2. Con người tìm ra vị trí của mình trong một nhóm người.

This is achieved when all the Heavenly Men or each of the **seven** centres are awakened and functioning consciously and freely, with their systemic inter-relation adjusted and controlled by the Law of Action and Reaction.

Điều này đạt được khi tất cả các Đấng Thiên Nhân hay mỗi một trong **bảy** trung tâm được thức tỉnh và hoạt động một cách hữu thức và tự do, với mối tương liên hệ thống của chúng được điều chỉnh và kiểm soát bởi Định luật Tác Động và Phản Ứng.

1. In the previous stage (a more individual stage of the Solar Logos) *five* planetary schemes were involved. In the present stage, *seven* are necessary.

1. Trong giai đoạn trước (một giai đoạn mang tính cá thể hơn của Thái dương Thượng đế), đã có *năm* hệ hành tinh liên quan. Trong giai đoạn hiện tại, *bảy* hệ là cần thiết.

2. The interrelation of the *five* schemes was characterized by "accurate response to contact and stimulation". The systemic interrelation of the *seven* is "adjusted and controlled by the Law of Action and Reaction", which is another name for the Law of Karma. The Law of Action and Reaction can be understood to correlate with the second cosmic law—the Law of Attraction and Repulsion.

2. Mối tương liên của *năm* hệ được đặc trưng bởi "sự đáp ứng chính xác với tiếp xúc và kích thích". Mối tương liên hệ thống của *bảy* hệ thì "được điều chỉnh và kiểm soát bởi Định luật Tác Động và Phản Ứng", vốn là một tên gọi khác của định luật nghiệp quả. Định luật Tác Động và Phản Ứng có thể được hiểu là tương quan với định luật vũ trụ thứ hai—Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi.

3. In the case of all three types of atoms, the second stage (given in each case under point "b.") corresponds to development related to the *second* aspect of divinity and not to the third aspect as was the case under point "a."

3. Trong trường hợp của cả ba loại nguyên tử, giai đoạn thứ hai (được nêu trong mỗi trường hợp dưới điểm "b.") tương ứng với sự phát triển liên hệ đến phương diện *thứ hai* của thiên tính chứ không phải phương diện thứ ba như đã là trường hợp dưới điểm "a."

4. We are reminded that *five* is one of the major numbers of the first solar system which is correlated to the *third* aspect of divinity. *Seven* is the number correlated to the *second* aspect and to the major theme of the second solar system—Love-Wisdom.

4. Chúng ta được nhắc rằng *năm* là một trong những con số chính của hệ mặt trời thứ nhất vốn tương quan với phương diện *thứ ba* của thiên tính. *Bảy* là con số tương quan với phương diện *thứ hai* và với chủ đề chính của hệ mặt trời thứ hai—Bác Ái – Minh Triết.

It brings within His control not only the seven subplanes of the cosmic physical plane (our seven major planes) but necessarily also the cosmic astral plane.

Điều này đưa vào trong sự kiểm soát của Ngài không chỉ bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ (bảy cõi chính của chúng ta) mà tất yếu còn cả cõi cảm dục vũ trụ.

1. Just as the potential for the Heavenly Men (in stage two, "b.") extended to full conscious control on the seven planes of the solar system, so the potential for a Solar Logos reaches beyond control of the seven sub-planes of the cosmic physical plane and into the cosmic astral plane. We do not know how 'far' upon the cosmic astral plane this control extends.

1. Cũng như tiềm năng đối với các Đấng Thiên Nhân (ở giai đoạn hai, "b.") mở rộng đến sự kiểm soát hữu thức trọn vẹn trên bảy cõi của hệ mặt trời, thì tiềm năng đối với một Thái dương Thượng đế cũng vươn vượt khỏi sự kiểm soát bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ và đi vào cõi cảm dục vũ trụ. Chúng ta không biết sự kiểm soát này mở rộng 'xa' đến đâu trên cõi cảm dục vũ trụ.

2. We can imagine, however, that if the most unfolded of the Planetary Logoi (Venus) has mastered the fifth sub-level of the cosmic astral plane and is working upon the sixth, that the Solar Logos must minimally have mastered the sixth and perhaps even the seventh.

2. Tuy nhiên, chúng ta có thể hình dung rằng nếu Hành Tinh Thượng Đế được khai mở nhất (Kim Tinh) đã làm chủ cõi phụ thứ năm của cõi cảm dục vũ trụ và đang hoạt động trên cõi phụ thứ sáu, thì Thái dương Thượng đế tối thiểu hẳn đã làm chủ cõi phụ thứ sáu và có lẽ cả cõi phụ thứ bảy nữa.

3. The excerpt seems to suggest that He has achieved control on all sub-planes of the cosmic astral plane—which would stand to reason.

3. Đoạn trích dường như gợi ý rằng Ngài đã đạt được sự kiểm soát trên mọi cõi phụ của cõi cảm dục vũ trụ—điều này hẳn là hợp lý.

4. Does the Solar Logos do this in stage two? The Planetary Logos' work upon the cosmic astral plane was not mentioned until stage three; perhaps in stage three for the Solar Logos we must consider work upon the cosmic *mental* plane.

4. Thái dương Thượng đế có làm điều này trong giai đoạn hai không? Công việc của Đức Hành Tinh Thượng Đế trên cõi cảm dục vũ trụ đã không được nhắc đến cho đến giai đoạn ba; có lẽ trong giai đoạn ba đối với Thái dương Thượng đế, chúng ta phải xét đến công việc trên cõi *trí* vũ trụ.

5. For the Planetary Logos, this second developmental stage corresponded to the periods of the fourth, fifth and sixth rounds (DK did not say "chains"). To what in the process of the Solar Logos does this second phrase correspond?

5. Đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế, giai đoạn phát triển thứ hai này tương ứng với các thời kỳ của cuộc tuần hoàn thứ tư, thứ năm và thứ sáu (Chân sư DK không nói "các dãy"). Cụm từ thứ hai này tương ứng với điều gì trong tiến trình của Thái dương Thượng đế?

6. May it be inferred that just as there are planetary rounds, so there are *solar rounds*—solar rounds which involve planetary schemes and greater solar rounds which involve *the entire solar system* (just as there are rounds in a planetary scheme which involve the distinct chains and greater planetary rounds which involve the entire planetary scheme.

6. Có thể suy ra rằng cũng như có các cuộc tuần hoàn hành tinh, thì cũng có các *cuộc tuần hoàn thái dương*—các cuộc tuần hoàn thái dương liên quan đến các hệ hành tinh và các cuộc tuần hoàn thái dương lớn hơn liên quan đến *toàn bộ hệ mặt trời* (cũng như có các cuộc tuần hoàn trong một hệ hành tinh liên quan đến các dãy riêng biệt và các cuộc tuần hoàn hành tinh lớn hơn liên quan đến toàn bộ hệ hành tinh).

7. There are many parallels to be held in mind simultaneously, but they do not seem to involve strict exactitude of analogy.

7. Có nhiều điểm tương đồng phải được giữ trong tâm trí cùng một lúc, nhưng chúng dường như không bao hàm sự chính xác nghiêm ngặt của phép loại suy.

c. To attain to the consciousness of **the centre** in the body of the ONE ABOUT WHOM NOUGHT MAY BE SAID. This centre is formed by the sphere of influence of a cosmic Logos. In the body of a cosmic Logos, a solar Logos is a centre.

c. Để đạt đến tâm thức của **trung tâm** trong thể của ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ. Trung tâm này được hình thành bởi khối cầu ảnh hưởng của một Thượng đế Vũ Trụ. Trong thể của một Thượng đế Vũ Trụ, một Thái dương Thượng đế là một trung tâm.

1. This is the enigmatic statement. We will notice the confusion is focussed around the words "*the* centre". Why "the"? Could it be that the word "the" hints at the possibility

1. Đây là phát biểu bí ẩn. Chúng ta sẽ nhận thấy sự lẫn lộn tập trung quanh các từ "*trung tâm*". Tại sao lại là "trung tâm"? Có thể nào từ này gợi ý khả năng rằng trung tâm cần đạt

that the center to be attained is the *very center* of the One About Whom Naught May Be Said?

đến chính là *trung tâm đích thực* của Đấng Bất Khả Tư Nghị?

2. Analogically, at this third stage, and comparing the task of the Solar Logos with the paralleling tasks of a man and a Heavenly Man, it would seem necessary for the Solar Logos to attain to the consciousness of the One About Whom Naught May Be Said (a Super-Cosmic Logos) just as the Planetary Logos should (in the third stage) be attaining to the consciousness of the Cosmic Logos.

2. Theo phép loại suy, ở giai đoạn thứ ba này, và khi so sánh nhiệm vụ của Thái dương Thượng đế với các nhiệm vụ song hành của một con người và một Đấng Thiên Nhân, dường như cần thiết rằng Thái dương Thượng đế phải đạt đến tâm thức của Đấng Bất Khả Tư Nghị (một Thượng đế Siêu Vũ Trụ) cũng như Đức Hành Tinh Thượng Đế nên (ở giai đoạn thứ ba) đạt đến tâm thức của Thượng đế Vũ Trụ.

3. Our question must be, "How far into the consciousness of the One About Whom Naught May Be Said will the Solar Logos penetrate? And how far into the consciousness of the Cosmic Logos will the Planetary Logos penetrate?"

3. Câu hỏi của chúng ta phải là, "Thái dương Thượng đế sẽ thâm nhập vào tâm thức của Đấng Bất Khả Tư Nghị đến mức nào? Và Đức Hành Tinh Thượng Đế sẽ thâm nhập vào tâm thức của Thượng đế Vũ Trụ đến mức nào?"

4. If there is blinding in this excerpt it is around the words "*the* centre" and also found in relation to the words "cosmic Logos". It may simply be that DK uses the term "Cosmic Logos" to apply to two sorts of beings:

4. Nếu có sự che mắt nào trong đoạn trích này thì nó nằm quanh các từ "*trung tâm*" và cũng được thấy trong mối liên hệ với các từ "Thượng đế Vũ Trụ". Có thể đơn giản là Chân sư DK dùng thuật ngữ "Thượng đế Vũ Trụ" để áp dụng cho hai loại Hữu thể:

a The type of Being for Whom Solar Logoi are as chakras

a Loại Hữu thể mà đối với Ngài, các Thái dương Thượng đế là các luân xa

b And the type of Being for Whom 'Constellational Logoi' are as chakras.

b Và loại Hữu thể mà đối với Ngài, các 'Thượng đế Chòm sao' là các luân xa.

1. In the chart on *TCF* 293, He calls what we would call a "Super-Cosmic Logos", the "Unknown".

1. Trong biểu đồ ở trang *TCF* 293, Ngài gọi điều mà chúng ta sẽ gọi là một "Thượng đế Siêu Vũ Trụ" là "Đấng Vô Danh".

2. There is much blinding in relation to Cosmic Logoi and Super-Cosmic Logoi. This occurs because the term "One About Whom Naught May Be Said" may, in different

2. Có rất nhiều sự che mắt liên quan đến các Thượng đế Vũ Trụ và các Thượng đế Siêu Vũ Trụ. Điều này xảy ra vì thuật ngữ "Đấng Bất Khả Tư Nghị" trong những trường hợp khác

instances, be used to refer to *both* Cosmic Logoi and Super-Cosmic Logoi. Considerable errors can be made if one is not aware of such blinds.

nhau có thể được dùng để chỉ *cả* các Thượng đế Vũ Trụ lẫn các Thượng đế Siêu Vũ Trụ. Có thể mắc phải những sai lầm đáng kể nếu người ta không nhận biết được những sự che mắt như thế.

We must bear in mind that this enumeration is given **from the standpoint of the present**, and from the angle of vision (relatively limited) of the Heavenly Man of our particular scheme, and that it is therefore circumscribed by His peculiar conditions, which govern the intelligence of the cells in His body;

Chúng ta phải ghi nhớ rằng sự liệt kê này được đưa ra **từ quan điểm của hiện tại**, và từ góc nhìn (tương đối hạn chế) của Đấng Thiên Nhân của hệ hành tinh đặc thù của chúng ta, và vì thế nó bị giới hạn bởi những điều kiện đặc thù của Ngài, là những điều kiện chi phối trí tuệ của các tế bào trong thân thể của Ngài;

1. Master DK is telling us we cannot really understand these cosmic matters because our intelligence is limited due to the limitations of the Planetary Logos in whose body of manifestation we are merely cells.

1. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng chúng ta không thể thật sự hiểu các vấn đề vũ trụ này vì trí tuệ của chúng ta bị giới hạn do những giới hạn của Đức Hành Tinh Thượng Đế mà trong thể biểu hiện của Ngài chúng ta chỉ đơn thuần là những tế bào.

2. When DK presents us with such information, it may be that He is focussed in that part of planetary consciousness from which the perspective and limited consciousness of the Planetary Logos can be understood.

2. Khi Chân sư DK trình bày cho chúng ta loại thông tin như thế này, có thể Ngài đang tập trung trong phần tâm thức hành tinh mà từ đó có thể hiểu được viễn cảnh và tâm thức hạn chế của Đức Hành Tinh Thượng Đế.

it is given from the point of view of differentiation and not of synthesis.

nó được đưa ra từ quan điểm của sự biến phân chứ không phải của tổng hợp.

1. It is surely necessary for us to differentiate —at least initially. The manner in which all these Beings are superimposed, however, eludes us. They are all blended with each other, and there are not three separate processes at all, but one great process which includes all the three.

1. Chắc chắn chúng ta cần phải phân biệt—ít nhất là lúc ban đầu. Tuy nhiên, cách thức mà tất cả các Hữu thể này chồng phủ lên nhau thì vượt ngoài tầm nắm bắt của chúng ta. Tất cả các Ngài đều được hòa trộn với nhau, và hoàn toàn không có ba tiến trình tách biệt, mà chỉ có một tiến trình vĩ đại bao gồm cả ba.

2. Moreover, the process of each affects the processes of the others. The truer picture is

2. Hơn nữa, tiến trình của mỗi vị đều ảnh hưởng đến các tiến trình của những vị khác.

one of complete interdependence. There is, as it were, but *one* action, rather than three.

Bức tranh chân thực hơn là bức tranh về sự tương thuộc hoàn toàn. Có thể nói, chỉ có *một* hành động, hơn là ba.

A synthetic absorption proceeds eventually in connection with all these Entities, and each undergoes a process, paralleling on His Own level that undergone by the Microcosm;

Một sự hấp thu tổng hợp rốt cuộc diễn ra liên hệ với tất cả các Thực thể này, và mỗi vị đều trải qua một tiến trình, song hành trên cấp độ riêng của Ngài với tiến trình mà Tiểu thiên địa trải qua;

1. At the termination of every large life cycle, the process of "synthetic absorption" occurs.

1. Vào lúc kết thúc của mỗi chu kỳ sống lớn, tiến trình "hấp thu tổng hợp" xảy ra.

in the case of the Microcosm the causal body or the body of the Ego acts as the synthesiser of the energy of the Quaternary or lower Self, and the spiritual.

trong trường hợp của Tiểu thiên địa, thể nguyên nhân hay thể của chân ngã hoạt động như yếu tố tổng hợp năng lượng của Bộ Tứ hay phàm ngã, và của tinh thần.

1. If the experiences of man as quaternary are synthesized (after every incarnation) into the causal body, so it must be for the Planetary Logos (who certainly has a causal body on the cosmic mental plane) and for the Solar Logos Who also has a causal body on that plane—two sub-planes higher than the causal body of our Planetary Logos.

1. Nếu các kinh nghiệm của con người như một bộ tứ được tổng hợp (sau mỗi lần lâm phàm) vào thể nguyên nhân, thì điều đó cũng phải đúng đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế (Đấng chắc chắn có một thể nguyên nhân trên cõi trí vũ trụ) và đối với Thái dương Thượng đế, Đấng cũng có một thể nguyên nhân trên cõi đó—cao hơn hai cõi phụ so với thể nguyên nhân của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

2. In the two excerpts above we are told that greater Entities undergo processes paralleling those of the lesser entity man. We are justified, then, in analogizing from man's dynamics to the dynamics of the greater Beings which include him.

2. Trong hai đoạn trích trên, chúng ta được cho biết rằng các Thực thể lớn hơn trải qua những tiến trình song hành với các tiến trình của thực thể nhỏ hơn là con người. Vì vậy, chúng ta có cơ sở để suy theo phép tương đồng từ động lực học của con người sang động lực học của các Hữu thể lớn hơn bao gồm y.

3. Just as the fruits of man's entire incarnational cycle are absorbed into his causal body and then, quite suddenly into the spiritual triad, so it must be for the Planetary Logos and Solar Logos. They too

3. Cũng như các thành quả của toàn bộ chu kỳ nhập thể của con người được hấp thu vào thể nguyên nhân của y rồi sau đó, khá đột ngột, vào Tam Nguyên Tinh Thần, thì điều đó cũng phải đúng đối với Đức Hành Tinh

must have a spiritual triad, and synthetic absorption of the fruits of Their personal processes into the causal body must occur over time, and then, quite suddenly, into that which for them corresponds to the spiritual triad of man.

Thượng Đế và Thái dương Thượng đế. Các Ngài cũng phải có một Tam Nguyên Tinh Thần, và sự hấp thu tổng hợp các thành quả của các tiến trình cá nhân của Các Ngài vào thể nguyên nhân hẳn phải diễn ra theo thời gian, rồi sau đó, khá đột ngột, vào cái mà đối với Các Ngài tương ứng với Tam Nguyên Tinh Thần của con người.

[Page 293]

[Page 293]

TABULATlON II

BẢNG II

1. The following table is of great value and a necessarily constant point of reference for those who want to understand the relationships of related atoms in proportion.

1. Bảng sau đây có giá trị rất lớn và là một điểm quy chiếu thường xuyên cần thiết đối với những ai muốn hiểu các mối liên hệ của các nguyên tử tương quan theo đúng tỉ lệ.

EVOLUTION IN THE UNIVERSE

TIẾN HOÁ TRONG VŨ TRỤ

Evolution in the Universe (Tabulation II)	Evolution in the Universe (Tabulation II)	Evolution in the Universe (Tabulation II)	Evolution in the Universe (Tabulation II)	Evolution in the Universe (Tabulation II)
Entity	*Vehicle*	*Center*	*Space*	*Time*
The Unknown	7. constellations	cosmic Logos	5. cosmic planes.	
A cosmic Logos	7. solar systems	solar Logos	4. cosmic planes.	
A solar Logos	7. planetary schemes	Heavenly Man	3. cosmic planes.	Period of 3. solar systems.
A Heavenly Man	7. planetary chains	Chohans and groups	2. cosmic planes.	Period of 1. solar system.
A Man	7. etheric centers	a Principle	1. cosmic plane.	Period of 1. planetary scheme.

1. The major theme of this table is quite straightforward. Greater Entities include lesser entities as chakras.

1. Chủ đề chính của bảng này khá trực tiếp. Các Thực thể lớn hơn bao gồm các thực thể nhỏ hơn như những luân xa.

2. The "Unknown" can be called a 'Super-Cosmic Logos' Who has for its chakras Constellational-Logoi (also called Cosmic Logoi).

2. "Đấng Vô Danh" có thể được gọi là một 'Thượng đế Siêu Vũ Trụ', Đấng có các Thượng đế Chòm sao (cũng được gọi là các Thượng đế Vũ Trụ) làm các luân xa của mình.

3. Cosmic Logoi (or Constellational-Logoi) have Solar Logoi for their chakras.

3. Các Thượng đế Vũ Trụ (hay các Thượng đế Chòm sao) có các Thái dương Thượng đế làm các luân xa của mình.

4. Solar Logoi have Planetary Logoi or Heavenly Men for their chakras.

4. Các Thái dương Thượng đế có các Hành Tinh Thượng Đế hay các Đấng Thiên Nhân làm các luân xa của mình.

5. Heavenly Men have planetary chains for their chakras.

5. Các Đấng Thiên Nhân có các dãy hành tinh làm các luân xa của mình.

6. But a Heavenly Man does not have the individual men as His chakras, but rather, perhaps, *groups* of men. The strict analogy breaks down when we come to the being "man"—in the fifth row.

6. Nhưng một Đấng Thiên Nhân không có từng con người riêng lẻ làm các luân xa của Ngài, mà đúng hơn, có lẽ là các *nhóm* người. Phép tương đồng nghiêm ngặt bị phá vỡ khi chúng ta đến với hữu thể "con người"—ở hàng thứ năm.

7. We see here that there is a gap—a gap between the Heavenly Man who has seven planetary chains as His chakras and a Man who has seven etheric centers as his chakras.

7. Ở đây chúng ta thấy có một khoảng trống —một khoảng trống giữa Đấng Thiên Nhân có bảy dãy hành tinh làm các luân xa của Ngài và một Con Người có bảy trung tâm dĩ thái làm các luân xa của mình.

8. This gap suggests that the Heavenly Men who are Globe-Lords are missing. While Chain-Lords would have globes as their chakras, so Globe-Lords could have *men* as their chakras—at least *groups* of men (whether on triadal/ashramic levels or on monadic levels).

8. Khoảng trống này gợi ý rằng các Đấng Thiên Nhân là các Chúa Tể Bầu Hành Tinh đang bị thiếu. Trong khi các Chúa Tể Dãy sẽ có các bầu hành tinh làm các luân xa của mình, thì các Chúa Tể Bầu Hành Tinh có thể có *con người* làm các luân xa của mình—ít nhất là các *nhóm* người (dù ở các cấp độ tam

nguyên tinh thần/ashram hay ở các cấp độ chân thần).

9. There are only five rows in this tabulation, but if in the first column, Chain-Lords and Globe-Lords were added, there would be *seven* rows, completing the tabulation more satisfactorily.

9. Chỉ có năm hàng trong bảng này, nhưng nếu trong cột thứ nhất thêm vào các Chúa Tể Dãy và các Chúa Tể Bầu Hành Tinh, thì sẽ có *bảy* hàng, hoàn tất bảng một cách thỏa đáng hơn.

10. One of the things we should notice is that *groups of men* could be considered chakras for a Globe-Lord.

10. Một trong những điều chúng ta nên lưu ý là các *nhóm người* có thể được xem là các luân xa đối với một Chúa Tể Bầu Hành Tinh.

11. For what type of being would a *man, himself* be considered as a chakra? Perhaps in groups of seven and nine to be found within Ashrams. DK hinted at this in the ways He organized groups.

11. Đối với loại hữu thể nào thì *chính con người* sẽ được xem là một luân xa? Có lẽ trong các nhóm bảy và chín được tìm thấy trong các ashram. Chân sư DK đã gợi ý điều này qua những cách Ngài tổ chức các nhóm.

12. Adding Chain-Lords and Globe-Lords to the first column does not complete the tabulation entirely.

12. Việc thêm các Chúa Tể Dãy và các Chúa Tể Bầu Hành Tinh vào cột thứ nhất không hoàn tất bảng này một cách trọn vẹn.

13. When we reach column three, row four, we see that "Chohans and groups" are considered to be as centres in the expression of a Heavenly Man. This is accurate enough as long as we realize that there are—

13. Khi chúng ta đến cột ba, hàng bốn, chúng ta thấy rằng "các Chohan và các nhóm" được xem như các trung tâm trong sự biểu lộ của một Đấng Thiên Nhân. Điều này đủ chính xác miễn là chúng ta nhận ra rằng có—

a Globe Chohans and groups

a các Chohan Bầu Hành Tinh và các nhóm

b Chain Chohans and groups

b các Chohan Dãy và các nhóm

c And Scheme Chohans and groups

c Và các Chohan Hệ Hành Tinh và các nhóm

14. This kind of thinking is related to the idea that there are three different types of Buddhas related to globes, chains and schemes. The Buddhas of Activity of Whom we have heard so much are related to our *globe*. (cf. *TCF* 873)

14. Lối suy nghĩ này liên hệ với ý tưởng rằng có ba loại Phật khác nhau liên hệ với các bầu hành tinh, các dãy và các hệ hành tinh. Các Đức Phật Hoạt Động mà chúng ta đã nghe nói rất nhiều có liên hệ với *bầu hành tinh* của chúng ta. (xem *TCF* 873)

15. We can see how complex the picture may become. Of course, as DK would say, we are viewing it from the perspective of differentiation and not from the perspective of synthesis.

15. Chúng ta có thể thấy bức tranh có thể trở nên phức tạp đến mức nào. Dĩ nhiên, như Chân sư DK sẽ nói, chúng ta đang nhìn nó từ viễn cảnh của sự biến phân chứ không phải từ viễn cảnh của tổng hợp.

16. When considering column three, we note that *beings* are listed, whereas in column two, *structures* are listed.

16. Khi xem xét cột ba, chúng ta lưu ý rằng các *hữu thể* được liệt kê, trong khi ở cột hai, các *cấu trúc* được liệt kê.

17. Each being in column three is really an emanation of a superior being. Cosmic Logoi, Solar Logoi and Planetary Logoi are all mind-born emanations. Chohans and their groups have, apparently, worked their way 'up' from below, but considered as cells within the Heavenly Man they also are mind-born.

17. Mỗi hữu thể trong cột ba thật ra là một phát xạ của một hữu thể cao hơn. Các Thượng đế Vũ Trụ, các Thái dương Thượng đế và các Hành Tinh Thượng Đế đều là những phát xạ do trí tuệ sinh ra. Các Chohan và các nhóm của các vị, dường như, đã tự mình tiến "lên" từ bên dưới, nhưng khi được xem như các tế bào bên trong Đấng Thiên Nhân thì họ cũng do trí tuệ sinh ra.

18. If we consider the term "Principle", we can think of it as an entified aspect of the Monad. The Monad is the real identity, and the principle is a diversification of the Monad, sharing in the identity of the Monad. Principles are ensouled by monadic identity.

18. Nếu chúng ta xét thuật ngữ "Nguyên khí", chúng ta có thể nghĩ về nó như một phương diện được hữu thể hóa của chân thần. Chân thần là bản sắc thực sự, và nguyên khí là một sự đa dạng hóa của chân thần, cùng chia sẻ bản sắc của chân thần. Các nguyên khí được phú linh bởi bản sắc chân thần.

19. We know as well that each chakra expresses particularly one principle: the heart chakra expresses buddhi particularly; the throat chakra expresses manas particularly; the head chakra expresses atma particularly. Other assignments could be conceived, though some difficulty could occur in the assigning. We have seen that there are diverse ways of *numbering* the human unit—its vehicles and its principles.

19. Chúng ta cũng biết rằng mỗi luân xa biểu lộ đặc biệt một nguyên khí: luân xa tim biểu lộ Bồ đề một cách đặc biệt; trung tâm cổ họng biểu lộ manas một cách đặc biệt; luân xa đầu biểu lộ atma một cách đặc biệt. Tuy vậy, có thể hình dung những sự quy gán khác, dù có thể nảy sinh một số khó khăn trong việc quy gán. Chúng ta đã thấy rằng có nhiều cách khác nhau để *đánh số* đơn vị con người—các vận cụ và các nguyên khí của nó.

20. Column four, titled "Space" is very interesting. The space of man is one cosmic plane; the space of a Heavenly Man is two

20. Cột bốn, mang tiêu đề "Không gian" rất thú vị. Không gian của con người là một cõi vũ trụ; không gian của một Đấng Thiên

cosmic planes; the space of a Solar Logos is three cosmic planes; the space of a Cosmic Logos is four cosmic planes; the space of a Super-Cosmic Logos is *five* cosmic planes.

Nhân là hai cõi vũ trụ; không gian của một Thái dương Thượng đế là ba cõi vũ trụ; không gian của một Thượng đế Vũ Trụ là bốn cõi vũ trụ; không gian của một Thượng đế Siêu Vũ Trụ là *năm* cõi vũ trụ.

21. Each "space" conveys an idea of the focus of that particular entity's labor. Man as man labors on the cosmic physical plane; the Planetary Logos has much to do on the cosmic astral plane; the Solar Logos (facing His third cosmic initiation), must be laboring on the cosmic mental plane; we can only extend the analogy, with the idea that a Cosmic Logos is mastering the cosmic buddhic plane and a Super-Cosmic Logos the cosmic atmic plane.

21. Mỗi "không gian" truyền đạt một ý niệm về tiêu điểm lao động của thực thể đặc thù ấy. Con người với tư cách con người lao động trên cõi hồng trần vũ trụ; Đức Hành Tinh Thượng Đế có rất nhiều việc trên cõi cảm dục vũ trụ; Thái dương Thượng đế (đang đối diện với lần điểm đạo vũ trụ thứ ba của Ngài), hẳn phải đang lao động trên cõi trí vũ trụ; chúng ta chỉ có thể mở rộng phép tương đồng, với ý tưởng rằng một Thượng đế Vũ Trụ đang làm chủ cõi Bồ đề vũ trụ và một Thượng đế Siêu Vũ Trụ đang làm chủ cõi atma vũ trụ.

22. If a Super-Constellational Logos is really a One About Whom Naught May Be Said, then this Being must be a kind of cosmic Master, but not a cosmic Chohan of the sixth or seventh cosmic degrees.

22. Nếu một Thượng đế Siêu Chòm sao thật sự là một Đấng Bất Khả Tư Nghị, thì Hữu thể này hẳn phải là một loại chân sư vũ trụ, nhưng không phải là một Chohan vũ trụ ở các cấp độ vũ trụ thứ sáu hay thứ bảy.

23. We could also infer that the two unlisted beings (Chain-Lords and Globe-Lords) would also be working on the higher parts of the cosmic physical plane and on the lower parts of the cosmic astral plane. The Planetary Logoi, while mastering the triadal levels of the cosmic physical plane are definitely establishing themselves on the *higher* levels of the cosmic astral plane. The Chain-Lords and Globe-Lords being lesser beings, could not establish themselves so high on the cosmic astral plane.

23. Chúng ta cũng có thể suy ra rằng hai hữu thể không được liệt kê (các Chúa Tể Dãy và các Chúa Tể Bầu Hành Tinh) cũng sẽ đang hoạt động trên các phần cao hơn của cõi hồng trần vũ trụ và trên các phần thấp hơn của cõi cảm dục vũ trụ. Các Hành Tinh Thượng Đế, trong khi làm chủ các cấp độ tam nguyên tinh thần của cõi hồng trần vũ trụ, chắc chắn đang thiết lập chính mình trên các cấp độ *cao hơn* của cõi cảm dục vũ trụ. Các Chúa Tể Dãy và các Chúa Tể Bầu Hành Tinh là những hữu thể nhỏ hơn, nên không thể thiết lập chính mình cao đến thế trên cõi cảm dục vũ trụ.

24. As previously stated, it is to be debated just how 'low' upon the cosmic physical plane the Planetary Logos is focussed. It

24. Như đã nói trước đây, vẫn còn có thể tranh luận rằng Đức Hành Tinh Thượng Đế tập trung "thấp" đến mức nào trên cõi hồng

seems that His task is really work upon the cosmic astral plane. Rather, it would seem that the two types of Heavenly Men called Globe Lord and Chain Lords would be more at work upon the cosmic physical plane. There may be occult blinds involved in attempting to solve this problem.

trần vũ trụ. Có vẻ như nhiệm vụ của Ngài thật sự là công việc trên cõi cảm dục vũ trụ. Đúng hơn, có vẻ như hai loại Đấng Thiên Nhân được gọi là Chúa Tể Bầu Hành Tinh và Chúa Tể Dãy sẽ hoạt động nhiều hơn trên cõi hồng trần vũ trụ. Có thể có những sự che mắt huyền bí liên quan trong nỗ lực giải quyết vấn đề này.

25. However, if the Solar Logos is still working on the mastery of the seven sub-planes of the cosmic physical plane (as appears to be the case under point "a." describing the Solar Logos) it is also possible for the Planetary Logos of a scheme also to be working upon the cosmic physical plane).

25. Tuy nhiên, nếu Thái dương Thượng đế vẫn còn đang làm việc để làm chủ bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ (như dường như là trường hợp ở điểm "a." mô tả Thái dương Thượng đế) thì cũng có thể Đức Hành Tinh Thượng Đế của một hệ hành tinh cũng đang làm việc trên cõi hồng trần vũ trụ).

26. If we analogize to man, even though a human being may be working on mental polarization, he may also be working upon the mastery of his ethers, and may, also, have something still to do to ensure the mastery of his astral body.

26. Nếu chúng ta suy theo phép tương đồng với con người, thì dù một con người có thể đang làm việc về sự phân cực trí tuệ, y cũng có thể đang làm việc để làm chủ các dĩ thái của mình, và cũng có thể vẫn còn điều gì đó phải làm để bảo đảm sự làm chủ thể cảm dục của mình.

27. The fifth column deals with Time. A Man persists for the duration of one planetary scheme. We might infer that the duration of one planetary scheme would be sufficient time for Man to become more than Man.

27. Cột thứ năm bàn đến Thời gian. Một Con Người tồn tại trong suốt thời gian của một hệ hành tinh. Chúng ta có thể suy ra rằng thời lượng của một hệ hành tinh sẽ là đủ thời gian để Con Người trở thành hơn cả Con Người.

28. A Heavenly Man is said to persist for the period of one solar system? Is this really long enough? Will our present Planetary Logoi not incarnate on a higher turn of the spiral in the next solar system, and did they not (at least some of them) incarnate in the previous solar system? These are difficult questions. We are told, for instance, that our present Buddhas of Activity were Planetary Logoi in a previous solar system. And here they are functioning in our present solar system.

28. Một Đấng Thiên Nhân được nói là tồn tại trong thời kỳ của một hệ mặt trời? Điều này thật sự đã đủ dài chưa? Chẳng lẽ các Hành Tinh Thượng Đế hiện tại của chúng ta sẽ không nhập thể trên một vòng xoắn cao hơn trong hệ mặt trời kế tiếp, và chẳng lẽ các Ngài đã không (ít nhất một số vị) nhập thể trong hệ mặt trời trước đó sao? Đây là những câu hỏi khó. Chẳng hạn, chúng ta được cho biết rằng các Đức Phật Hoạt Động hiện tại của chúng ta đã là các Hành Tinh Thượng Đế trong một hệ mặt trời trước đây. Và ở đây các

Ngài đang hoạt động trong hệ mặt trời hiện tại của chúng ta.

In the last solar system **They were the planetary Logoi of three planets in which the mind principle reached its highest stage of development**; They embody in Themselves in a most peculiar manner the wisdom aspect of the second ray, as it expresses itself primarily through what has been called in the Bhagavad Gita "skill in action." Hence Their name, the Buddhas of Activity. (R&I 267-268)

Trong hệ mặt trời trước **Các Ngài là các Hành Tinh Thượng Đế của ba hành tinh trong đó nguyên khí trí tuệ đạt đến giai đoạn phát triển cao nhất của nó**; Các Ngài hiện thân trong Chính Mình theo một cách hết sức đặc biệt phương diện minh triết của cung hai, như nó biểu lộ chủ yếu qua điều đã được gọi trong Bhagavad Gita là "thiện xảo trong hành động." Vì thế mới có danh xưng của Các Ngài, các Đức Phật Hoạt Động. (R&I 267-268)

1. It could be anticipated for instance that the Planetary Logos of our Earth, with His Monad on the first ray, would not achieve full expression of that monadic nature until the next solar system, which is ruled by the first ray.

1. Chẳng hạn, có thể dự đoán rằng Đức Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất chúng ta, với chân thần của Ngài trên cung một, sẽ không đạt được sự biểu lộ trọn vẹn của bản chất chân thần ấy cho đến hệ mặt trời kế tiếp, là hệ được cai quản bởi cung một.

2. That our three Buddhas of Activity were Planetary Logoi in the previous solar system is something of an enigma, because they seem, in this solar system, to be subservient to the Planetary Logos of the Earth. They are now demonstrating in a service capacity on high levels of our own planetary manifestation in this solar system. There are many enigmas! The history and destiny of the Planetary Logoi must be searched to determine whether they appear in only one solar system or in more.

2. Việc ba Đức Phật Hoạt Động của chúng ta đã là các Hành Tinh Thượng Đế trong hệ mặt trời trước là một điều khá bí ẩn, bởi vì trong hệ mặt trời này các Ngài dường như lại phụ thuộc vào Đức Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất. Hiện nay các Ngài đang biểu hiện trong năng lực phụng sự trên các cấp độ cao của chính biểu hiện hành tinh của chúng ta trong hệ mặt trời này. Có rất nhiều điều bí ẩn! Lịch sử và định mệnh của các Hành Tinh Thượng Đế phải được khảo cứu để xác định xem các Ngài chỉ xuất hiện trong một hệ mặt trời hay trong nhiều hơn.

3. As for the Solar Logoi, it is said that they undergo three incarnations in three consecutive solar systems; we must also remember that from a certain angle of vision, our present solar system is the *fifth* and not the *second.* Therefore the duration of a Solar Logos could be *five* solar systems (or even six or seven) and not *three.*

3. Đối với các Thái dương Thượng đế, người ta nói rằng các Ngài trải qua ba lần nhập thể trong ba hệ mặt trời liên tiếp; chúng ta cũng phải nhớ rằng từ một góc nhìn nào đó, hệ mặt trời hiện tại của chúng ta là hệ thứ *năm* chứ không phải hệ thứ *hai.* Vì vậy thời lượng của một Thái dương Thượng đế có thể là

năm hệ mặt trời (hoặc thậm chí sáu hay bảy) chứ không phải *ba.*

4. The Time column is left blank in the first and second rows. We would be dealing with the durations of such Entities as Cosmic Logoi and Super-Cosmic Logoi. If the duration of a solar system is 311,040,000,000,000. years, what guess would we hazard concerning the duration of the 'system' of a Cosmic Logos or a Super-Cosmic Logos? Some time when there is nothing else to do, it might be fun to think about such things!

4. Cột Thời gian được để trống ở hàng thứ nhất và thứ hai. Khi ấy chúng ta sẽ phải bàn đến thời lượng của những Thực thể như các Thượng đế Vũ Trụ và các Thượng đế Siêu Vũ Trụ. Nếu thời lượng của một hệ mặt trời là 311,040,000,000,000. năm, thì chúng ta sẽ dám phỏng đoán thế nào về thời lượng của "hệ" của một Thượng đế Vũ Trụ hay một Thượng đế Siêu Vũ Trụ? Vào lúc nào đó khi không còn gì khác để làm, có lẽ sẽ thú vị khi suy nghĩ về những điều như thế!

5. The problem is complicated by the fact that super-giant stars, which presumably are the expressions of advanced Solar Logoi, endure in objectivity for a shorter time than do stars of less intensity. The Pleiades, for instance, are the Hub around which so may systems, including our own, revolve (we are told), but the duration of the Pleiades as stars is shorter than the duration of the stars which are said to revolve around them. Problem? Enigma? Certainly!

5. Vấn đề trở nên phức tạp bởi sự kiện rằng các sao siêu khổng lồ, vốn được giả định là những biểu hiện của các Thái dương Thượng đế tiến hóa cao, lại tồn tại trong tính khách quan trong thời gian ngắn hơn các ngôi sao có cường độ thấp hơn. Chẳng hạn, Thất Nữ Tinh là Trung Tâm mà quanh đó rất nhiều hệ, kể cả hệ của chúng ta, quay quanh (như chúng ta được cho biết), nhưng thời lượng của Thất Nữ Tinh với tư cách các ngôi sao lại ngắn hơn thời lượng của các ngôi sao được nói là quay quanh chúng. Vấn đề? Bí ẩn? Chắc chắn là vậy!

6. For the sake of continuity let us include the beginning of the sentence of which the following is the ending. There has been much intervening material.

6. Để giữ tính liên tục, chúng ta hãy đưa vào phần mở đầu của câu mà phần sau đây là đoạn kết. Đã có rất nhiều tài liệu xen vào ở giữa.

In the case of the Microcosm the causal body or the body of the Ego acts as the synthesiser of the energy of the Quaternary or lower Self, and the spiritual

Trong trường hợp của Tiểu thiên địa, thể nguyên nhân hay thể của chân ngã hoạt động như yếu tố tổng hợp năng lượng của Bộ Tứ hay phàm ngã, và thể

[Page 294] or monadic sheath as the synthesiser of the seven principles, making thus the three, the seven, and the ten.

[Page 294] tinh thần hay chân thần như yếu tố tổng hợp của bảy nguyên khí, nhờ đó tạo thành bộ ba, bộ bảy, và bộ mười.

1. Just as the Ego sheath or body synthesized the lower quaternary, so the monadic sheath synthesizes the seven principles. The Monad is a *three*; the seven principles are of course *seven*. Together they are the *ten* of perfection.

1. Cũng như thể hay vỏ bọc chân ngã tổng hợp bộ tứ thấp, thì vỏ bọc chân thần tổng hợp bảy nguyên khí. Chân thần là *ba*; bảy nguyên khí dĩ nhiên là *bảy*. Cùng nhau chúng là *mười* của sự toàn hảo.

2. We note that DK does not tell us that the Ego or the Monad, per se, are the synthesizers, but their *sheaths.*

2. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK không nói với chúng ta rằng chính chân ngã hay chân thần là các yếu tố tổng hợp, mà là các *vỏ bọc* của chúng.

In closing I would point out that the mind must carefully be kept from reducing all these ideas into a rankly materialistic concept.

Kết lại, tôi muốn chỉ ra rằng thể trí phải được giữ gìn cẩn thận để không biến tất cả những ý tưởng này thành một quan niệm duy vật thô thiển.

1. A timely warning. Our minds are far too materially inclined to see the reality behind what has been presented above.

1. Đây là một lời cảnh báo kịp thời. Thể trí của chúng ta quá thiên về vật chất để thấy được thực tại nằm sau những gì đã được trình bày ở trên.

2. We will, in our thought, inevitably materialize the concept—hopefully not *rankly* so!

2. Trong tư tưởng của mình, chúng ta chắc chắn sẽ hiện hình khái niệm ấy—hy vọng là không quá *thô thiển* như vậy!

It must be **rigidly borne in mind** that we are dealing with the subjective life, and not with the objective form, and that we are considering, for instance, **the synthesis of the principles or the qualitating energies and not the synthesis of form.**

Cần phải **ghi nhớ một cách nghiêm ngặt** rằng chúng ta đang bàn đến sự sống chủ quan, chứ không phải hình tướng khách quan, và rằng chẳng hạn, chúng ta đang xem xét **sự tổng hợp của các nguyên khí hay các năng lượng mang phẩm tính chứ không phải sự tổng hợp của hình tướng.**

1. DK is asking us to think with the "esoteric sense", and not merely in terms of form.

1. Chân sư DK đang yêu cầu chúng ta suy nghĩ bằng "cảm quan huyền bí", chứ không chỉ đơn thuần theo các thuật ngữ của hình tướng.

2. It is the synthesis of principles and qualities that we seek to understand. The forms, per se, do not synthesize.

2. Chính sự tổng hợp của các nguyên khí và các phẩm tính là điều chúng ta tìm cách

thấu hiểu. Chính các hình tướng không tổng hợp.

3. All the principles and qualities interpenetrate. Every lower principle is simply an emanated extension of a corresponding principle which animates Beings of vaster scope. The qualities found 'above' are found below in attenuation—but the qualities are the same. The same note of the musical scale, whether sounding in high or low octaves, is recognizable as qualitatively identical

3. Tất cả các nguyên khí và phẩm tính đều xuyên thấm lẫn nhau. Mỗi nguyên khí thấp chỉ đơn giản là một sự mở rộng được phát xạ ra của một nguyên khí tương ứng đang linh hoạt hóa các Hữu thể có tầm mức rộng lớn hơn. Những phẩm tính được tìm thấy "ở trên" cũng được tìm thấy ở dưới trong trạng thái suy giảm—nhưng các phẩm tính vẫn là như nhau. Cùng một âm điệu của thang âm nhạc, dù vang lên ở quãng tám cao hay thấp, vẫn được nhận ra là đồng nhất về phẩm tính

4. It is the interpenetration that is hard to grasp, and upon this interpenetration we must meditate if we are to understand the lesser beings as definite extensions of the greater.

4. Chính sự xuyên thấm lẫn nhau này là điều khó nắm bắt, và chúng ta phải tham thiền về sự xuyên thấm ấy nếu muốn hiểu các hữu thể nhỏ hơn như những sự mở rộng xác định của các hữu thể lớn hơn.

Through each etheric centre man is bringing to perfect vibration some one principle or quality through which the subjective life may express itself.

Qua mỗi trung tâm dĩ thái, con người đang đưa đến rung động hoàn hảo một nguyên khí hay phẩm tính nào đó, nhờ đó sự sống chủ quan có thể biểu lộ.

1. The Tibetan is focussing in column three of the chart on *TCF* 293, and beginning one of His marvelous syntheses.

1. Chân sư Tây Tạng đang tập trung vào cột ba của biểu đồ ở *TCF* 293, và bắt đầu một trong những tổng hợp kỳ diệu của Ngài.

2. Each of our etheric centers has great value as a vehicle of expression for a subjective principle or quality. Perhaps when considering chakric development we should bear the instrumentality of the chakras in mind.

2. Mỗi trung tâm dĩ thái của chúng ta đều có giá trị lớn như một vận cụ biểu lộ cho một nguyên khí hay phẩm tính chủ quan. Có lẽ khi xem xét sự phát triển luân xa, chúng ta nên ghi nhớ tính công cụ của các luân xa.

Through each chain in a scheme a Heavenly Man is endeavoring to do the same.

Qua mỗi dãy trong một hệ hành tinh, một Đấng Thiên Nhân đang nỗ lực làm điều tương tự.

1. From this reference there can be no doubt: chains are the major chakras in a Heavenly Man.

1. Từ chỗ dẫn chiếu này, không thể còn nghi ngờ gì nữa: các dãy là những luân xa chính trong một Đấng Thiên Nhân.

Through each scheme in a system, a solar Logos is working at the same thing; the **goal is synthetic quality** and not primarily the perfection of the form.

Qua mỗi hệ hành tinh trong một hệ mặt trời, một Thái dương Thượng đế đang làm việc cho cùng một điều; **mục tiêu là phẩm tính tổng hợp** chứ không chủ yếu là sự toàn hảo của hình tướng.

1. The goal in our particular solar system is *qualitative,* and not, strictly speaking, the perfection of form.

1. Mục tiêu trong hệ mặt trời đặc thù của chúng ta là *về phẩm tính,* chứ không phải, nói cho đúng, là sự toàn hảo của hình tướng.

2. The term "synthetic quality" suggests the union of the first and second aspects of divinity.

2. Thuật ngữ "phẩm tính tổng hợp" gợi ý sự hợp nhất của phương diện thứ nhất và thứ hai của thiên tính.

3. Chakras are as chains are as schemes—and, of course, the analogy continues.

3. Các luân xa cũng như các dãy cũng như các hệ hành tinh—và dĩ nhiên, phép tương đồng còn tiếp tục.

The response of the energised form to the **qualitative life** is naturally—under the law—equal to the demand, but this is of secondary importance and is not the object in view.

Sự đáp ứng của hình tướng được tiếp năng lượng đối với **sự sống mang phẩm tính** đương nhiên—dưới định luật—tương xứng với nhu cầu, nhưng điều này chỉ có tầm quan trọng thứ yếu và không phải là mục tiêu được nhắm đến.

1. DK is telling us that there will be a gradual improvement of the form, even a movement towards perfection, but the enhancement of the form is only secondary to the merging of life and quality. We remember this particularly important trinity: "Life, Quality, Appearance".

1. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng sẽ có một sự cải thiện dần dần của hình tướng, thậm chí một sự chuyển động hướng tới toàn hảo, nhưng sự tăng cường của hình tướng chỉ là thứ yếu so với sự hòa nhập của sự sống và phẩm tính. Chúng ta nhớ đến bộ ba đặc biệt quan trọng này: "Sự sống, Phẩm tính, Sắc tướng".

2. When in our own lives, we see the form fall short of perfection, our attention should be directed to the manner in which consciousness is developing within the

2. Khi trong chính đời sống của mình, chúng ta thấy hình tướng còn kém xa sự toàn hảo, thì sự chú ý của chúng ta nên được hướng đến cách thức mà tâm thức đang phát triển

form. If new and better qualities of consciousness are emerging despite the evident imperfections of the form, the evolutionary process is on track.

bên trong hình tướng. Nếu những phẩm tính mới và tốt hơn của tâm thức đang xuất hiện bất chấp những bất toàn hiển nhiên của hình tướng, thì tiến trình tiến hoá đang đi đúng hướng.

We have seen that the work to be accomplished in all the above cases is necessarily threefold:

Chúng ta đã thấy rằng công việc phải được hoàn thành trong tất cả các trường hợp trên nhất thiết là tam phân:

1. We enter a summation.

1. Chúng ta bước vào một phần tổng kết.

First. The development of individual consciousness.

Thứ nhất. Sự phát triển của tâm thức cá nhân.

1. This is the first stage for all three entities which have been considered.

1. Đây là giai đoạn thứ nhất đối với cả ba thực thể đã được xem xét.

Second. The development of group consciousness.

Thứ hai. Sự phát triển của tâm thức nhóm.

1. This is the second stage for all three entities considered.

1. Đây là giai đoạn thứ hai đối với cả ba thực thể được xem xét.

Third. The development of God consciousness, of that consciousness in each case which represents the highest spiritual Source,

Thứ ba. Sự phát triển của tâm thức Thượng đế, của tâm thức mà trong mỗi trường hợp đại diện cho Nguồn tinh thần cao nhất,

1. That which is "God" is relative; God-consciousness means, in this context, consciousness of the *whole*.

1. Điều là "Thượng đế" thì có tính tương đối; tâm thức Thượng đế, trong ngữ cảnh này, có nghĩa là tâm thức về *toàn thể*.

a God for the man is the Planetary Logos

a Thượng đế đối với con người là Đức Hành Tinh Thượng Đế

b God of the Planetary Logos is the Cosmic Logos

b Thượng đế của Đức Hành Tinh Thượng Đế là Thượng đế Vũ Trụ

c God for the Solar Logos is the One About Whom Naught May Be Said.

c Thượng đế đối với Thái dương Thượng đế là Đấng Bất Khả Tư Nghị.

1. Further and more fundamentally, God-consciousness is consciousness of the *Essence,* which is one and the same in an entity of any scope—great or small.

1. Xa hơn và căn bản hơn nữa, tâm thức Thượng đế là tâm thức về *Bản Chất,* vốn là một và như nhau trong một thực thể ở bất kỳ tầm mức nào—lớn hay nhỏ.

and which is recognised as the same in essence as the God within the individual, whether man or solar Logos.

và được nhận ra là đồng nhất về bản chất với Thượng đế bên trong cá nhân, dù là con người hay Thái dương Thượng đế.

1. Thus, God can be appreciated in relation to *scope*—which is a relative way of considering God.

1. Như vậy, Thượng đế có thể được cảm nhận trong mối liên hệ với *tầm mức*—đó là một cách tương đối để xem xét Thượng đế.

2. Or God can be appreciated in relation to *Essence*—through which the identicality of all 'Gods' is registered.

2. Hoặc Thượng đế có thể được cảm nhận trong mối liên hệ với *Bản Chất*—nhờ đó tính đồng nhất của mọi "Thượng đế" được ghi nhận.

This concept must be meditated upon by all thinkers and its synthesis emphasised.

Khái niệm này phải được mọi nhà tư tưởng tham thiền và sự tổng hợp của nó phải được nhấn mạnh.

1. The concept that God is *One in Essence.*

1. Khái niệm rằng Thượng đế là *Một trong Bản Chất.*

The relation of the cell to the group, of the group to the aggregate of groups, and of them all to the indwelling Entity **Who holds them in synthetic correlation by means of the Law of Attraction and Repulsion is of vital moment.**

Mối liên hệ của tế bào với nhóm, của nhóm với tập hợp các nhóm, và của tất cả chúng với Thực thể nội tại **Đấng giữ chúng trong sự tương quan tổng hợp bằng Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi là điều có tầm quan trọng thiết yếu.**

1. DK is offering us a synthetic vision of lesser wholes forever included within greater wholes—yet every whole is of identical *Essence.*

1. Chân sư DK đang trao cho chúng ta một linh ảnh tổng hợp về những toàn thể nhỏ hơn mãi mãi được bao gồm trong những toàn thể lớn hơn—nhưng mọi toàn thể đều có cùng một *Bản Chất.*

2. A powerful piece of occultism is offered, for the any greater entity holds in synthetic correlation the lesser entities who comprise

2. Một mảnh huyền bí học đầy mãnh lực được đưa ra, vì bất kỳ thực thể lớn hơn nào cũng giữ trong sự tương quan tổng hợp các thực thể nhỏ hơn cấu thành các vận cụ biểu

its vehicles of expression by means of the Law of Attraction and Repulsion.

lộ của nó bằng Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi.

3. We are invited to ponder the nature of synthetic correlation and its relation to the Law of Attraction and Repulsion. Within synthetic correlation, the intended archetypal relation of all parts within the whole is preserved through a process of dynamic equilibrium.

3. Chúng ta được mời suy ngẫm về bản chất của sự tương quan tổng hợp và mối liên hệ của nó với Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi. Trong sự tương quan tổng hợp, mối liên hệ nguyên mẫu được dự định của mọi phần trong toàn thể được bảo tồn qua một tiến trình quân bình động.

4. We have much to ponder.

4. Chúng ta có nhiều điều để suy ngẫm.

Two main ideas must always be borne in mind:

Hai ý tưởng chính phải luôn được ghi nhớ:

[Page 295] That the terms "cell, group, or congery of groups" relate entirely to the form of vehicle, and thus to the matter aspect.

[Page 295] Rằng các thuật ngữ "tế bào, nhóm, hay tập hợp các nhóm" hoàn toàn liên hệ đến hình tướng của vận cụ, và do đó đến phương diện vật chất.

1. When considering such terms, we must realize that they are entirely *relative.* The nature of the including entity must be understood if the relations of the included parts to the including entity are also to be understood.

1. Khi xem xét những thuật ngữ như thế, chúng ta phải nhận ra rằng chúng hoàn toàn *tương đối.* Bản chất của thực thể bao hàm phải được thấu hiểu nếu những tương quan của các phần được bao hàm đối với thực thể bao hàm cũng được thấu hiểu.

2. We are interested in the form, but more interested in the *essential quality* within the form.

2. Chúng ta quan tâm đến hình tướng, nhưng còn quan tâm hơn đến *phẩm tính cốt yếu* bên trong hình tướng.

That the idea of an Entity Who synthesises the groups and is the animating life of the cell has to do with the Spirit aspect.

Rằng ý niệm về một Thực Thể tổng hợp các nhóm và là sự sống linh hoạt của tế bào có liên quan đến phương diện tinh thần.

1. That which synthesizes is of the Spirit.

1. Điều tổng hợp là thuộc về tinh thần.

2. We have the cell (an aspect of form) and the animating life (related to Spirit).

2. Chúng ta có tế bào (một phương diện của hình tướng) và sự sống linh hoạt (liên hệ với tinh thần).

3. Though the book *A Treatise on Cosmic Fire* describes many types of forms and their interrelationships, the animating life within the form and the intended qualitative synthesis are ever to be held in mind.

3. Mặc dù quyển *Luận về Lửa Vũ Trụ* mô tả nhiều loại hình tướng và những tương quan qua lại của chúng, sự sống linh hoạt bên trong hình tướng và sự tổng hợp phẩm tính được dự định luôn luôn phải được ghi nhớ.

These two concepts lead necessarily to a third, that of the development of consciousness, **which is the gradual expansion of the realisation of the Indweller in the form, the apprehension by the Self of the relation of the form to Itself, and of its slow utilisation and control.**

Hai khái niệm này tất yếu dẫn đến một khái niệm thứ ba, đó là sự phát triển của tâm thức, **là sự mở rộng dần dần của sự chứng nghiệm về Đấng Nội Tại trong hình tướng, sự lĩnh hội của Bản Ngã về tương quan của hình tướng với Chính Nó, và sự sử dụng cùng kiểm soát chậm rãi của nó.**

1. Again we are presented with the trinity of Spirit, matter and the result of their merging —soul.

1. Một lần nữa chúng ta được trình bày bộ ba tinh thần, vật chất và kết quả của sự hòa nhập giữa chúng—linh hồn.

2. We are given another excellent definition of consciousness. It is defined in terms of realization. Realization requires the one who realizes—or the Indweller within the form.

2. Chúng ta được trao cho một định nghĩa tuyệt hảo khác về tâm thức. Nó được định nghĩa theo sự chứng nghiệm. Sự chứng nghiệm đòi hỏi đấng chứng nghiệm—hay Đấng Nội Tại bên trong hình tướng.

3. Initially, the Indweller does not realize his relation to the form. The gradual growth of consciousness makes this possible. Consciousness reveals the relation of Spirit/ Life/Indweller to the form through which Spirit/Life/Indweller intends fully to express.

3. Ban đầu, Đấng Nội Tại không chứng nghiệm được tương quan của y với hình tướng. Sự tăng trưởng dần dần của tâm thức làm cho điều này trở nên khả hữu. Tâm thức mặc khải tương quan của tinh thần/Sự sống/Đấng Nội Tại với hình tướng mà qua đó tinh thần/Sự sống/Đấng Nội Tại dự định biểu lộ trọn vẹn.

4. With the growth of consciousness, three factors emerge:

4. Cùng với sự tăng trưởng của tâm thức, ba yếu tố xuất hiện:

a Apprehension of the relation of the Self to the form

a Sự lĩnh hội tương quan của Bản Ngã với hình tướng

b The slow utilization of the form

b Sự sử dụng chậm rãi hình tướng

c The gradual achievement by the Indweller of the control of form

This persists **until that Realisation includes the cell,** the group, and the totality of groups.

1. The realization to which the units included within any self-conscious whole eventually arrive, is the result of a greater Realization (the Realization of the Indweller) which gradually pervades the units which He indwells.

2. Man is growing in consciousness towards God; but man's growth is the result of God's growth in consciousness towards man, groups of men and congeries of men.

3. The consciousness of the greater grows into and pervades the consciousness of the lesser; the consciousness of the lesser grows into and is included within the consciousness of the greater.

These ideas can be applied to the three grades of consciousness referred to. As follows:

1. Earlier, DK referred to three grades of entities—Man, the Planetary Logos/ Heavenly Man and the Solar Logos.

2. Now, in keeping with His theme of emphasizing the importance of synthetic quality, He is referring to these entities as "three grades of *consciousness*".

c Sự thành tựu dần dần của Đấng Nội Tại trong việc kiểm soát hình tướng

Điều này tiếp diễn **cho đến khi sự Chứng Nghiệm ấy bao gồm cả tế bào,** nhóm, và toàn thể các nhóm.

1. Sự chứng nghiệm mà các đơn vị được bao hàm trong bất kỳ toàn thể tự ý thức nào cuối cùng đạt đến, là kết quả của một sự Chứng Nghiệm lớn hơn (sự Chứng Nghiệm của Đấng Nội Tại), vốn dần dần thấm khắp các đơn vị mà Ngài ngự bên trong.

2. Con người đang tăng trưởng trong tâm thức hướng về Thượng đế; nhưng sự tăng trưởng của con người là kết quả của sự tăng trưởng trong tâm thức của Thượng đế hướng về con người, các nhóm người và những tập hợp người.

3. Tâm thức của cái lớn hơn tăng trưởng đi vào và thấm khắp tâm thức của cái nhỏ hơn; tâm thức của cái nhỏ hơn tăng trưởng đi vào và được bao hàm trong tâm thức của cái lớn hơn.

Những ý tưởng này có thể được áp dụng cho ba cấp độ tâm thức đã được nhắc đến. Như sau:

1. Trước đó, Chân sư DK đã nhắc đến ba cấp độ thực thể—Con Người, Hành Tinh Thượng Đế/Đấng Thiên Nhân và Thái dương Thượng đế.

2. Giờ đây, phù hợp với chủ đề của Ngài là nhấn mạnh tầm quan trọng của phẩm tính tổng hợp, Ngài đang nói đến các thực thể này như là "ba cấp độ của *tâm thức*".

Man, the lowest type of *coherent* consciousness (using the word "consciousness" in its true connotation as the "One who knows") is but a cell, a minute atom within a group.

Con người, loại tâm thức *mạch lạc* thấp nhất (dùng từ "tâm thức" theo hàm nghĩa chân thực của nó là "Đấng biết") chỉ là một tế bào, một nguyên tử cực nhỏ bên trong một nhóm.

1. The terms “atom” and “cell” are again seen as equivalent.

1. Các thuật ngữ “nguyên tử” và “tế bào” một lần nữa được xem là tương đương.

2. One is conscious if one knows; but to be truly conscious, must one *know* that one knows?

2. Một người là hữu thức nếu người ấy biết; nhưng để thật sự hữu thức, người ấy có phải *biết* rằng mình biết không?

3. A “coherent consciousness” has a constant center and is not fragmented. The center coordinates the consciousness and renders it coherent. All states of consciousness relate to the center.

3. Một “tâm thức mạch lạc” có một trung tâm thường hằng và không bị phân mảnh. Trung tâm điều phối tâm thức và làm cho nó mạch lạc. Mọi trạng thái tâm thức đều liên hệ với trung tâm.

4. In an animal there is consciousness but no stable center or ‘ego’ to which to relate the ever-changing states of consciousness.

4. Trong một con vật có tâm thức nhưng không có trung tâm ổn định hay ‘chân ngã’ để liên hệ các trạng thái tâm thức luôn biến đổi.

***A Heavenly Man* represents a coherent conscious group**.

***Một Đấng Thiên Nhân* tượng trưng cho một nhóm tâm thức mạch lạc**.

1. The Heavenly Man is composed of many individual consciousnesses.

1. Đấng Thiên Nhân được cấu thành bởi nhiều tâm thức cá biệt.

2. A Heavenly Man is *one* and yet *many.* This is true of every type of consciousness progressing beyond the individual consciousness of the human being. The *many* know and feel themselves definitely to be the *one.*

2. Một Đấng Thiên Nhân là *một* nhưng đồng thời là *nhiều.* Điều này đúng với mọi loại tâm thức tiến vượt quá tâm thức cá nhân của con người. *Nhiều* biết và cảm nhận một cách rõ rệt rằng mình là *Một.*

3. There is a deep mystery here. The only way for the individual to become the One, is to move with others as if they all were One—which they *are.*

3. Ở đây có một huyền nhiệm sâu xa. Con đường duy nhất để cá nhân trở thành Đấng Duy Nhất là cùng chuyển động với những người khác như thể tất cả đều là Một—mà họ *thật sự là như vậy.*

4. The fallacy is to think that one's individual consciousness is persistently elevated in a state of isolation from other consciousnesses.

4. Sai lầm là nghĩ rằng tâm thức cá nhân của một người liên tục được nâng cao trong một trạng thái cô lập khỏi các tâm thức khác.

5. Another way of saying this is that '*We* are the *One* at the *Top*'. The Universal Logos is the Ultimate One in Many and Many in One. The Many must know themselves not only as joined together in unity but, absolutely, as the One. This will require meditation.

5. Một cách khác để nói điều này là '*Chúng ta* là *Đấng Duy Nhất ở Đỉnh Cao*'. Thượng đế Vũ Trụ là Đấng Tối Hậu Một trong Nhiều và Nhiều trong Một. Nhiều phải biết chính mình không chỉ như được kết hợp trong hợp nhất mà còn, một cách tuyệt đối, như Đấng Duy Nhất. Điều này sẽ đòi hỏi tham thiền.

A solar Logos on His Own plane holds an analogous place to that of a Heavenly Man in a solar system, and from a still higher standpoint to that of a man within the solar system.

Một Thái dương Thượng đế trên cõi riêng của Ngài giữ một vị trí tương tự như vị trí của một Đấng Thiên Nhân trong một hệ mặt trời, và từ một quan điểm còn cao hơn nữa, tương tự như vị trí của một con người trong hệ mặt trời.

1. A Solar Logos is to man a great Being; to other Beings of far vaster scope, a Solar Logos is to them as a man is to Him.

1. Đối với con người, một Thái dương Thượng đế là một Hữu Thể Vĩ Đại; đối với những Hữu Thể khác có tầm mức bao la hơn rất nhiều, một Thái dương Thượng đế đối với họ cũng như con người đối với Ngài.

2. To a Cosmic Logos, a Solar Logos is as a Planetary Logos is to Him (the Solar Logos).

2. Đối với một Vũ Trụ Thượng đế, một Thái dương Thượng đế cũng như một Hành Tinh Thượng Đế đối với Ngài (Thái dương Thượng đế).

When the place of the solar planes within the cosmic scheme is duly apprehended **it will be recognised that on cosmic levels of a high order the solar Logos is an Intelligence as relatively low in the order of cosmic consciousness as man is in**

Khi vị trí của các cõi thái dương trong hệ vũ trụ được lĩnh hội đúng mức, **người ta sẽ nhận ra rằng trên các cấp độ vũ trụ cao, Thái dương Thượng đế là một Trí Tuệ tương đối thấp trong trật tự tâm thức vũ trụ cũng như con người tương đối với tâm**

relation to solar consciousness. He is but a cell in the body of the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID.

thức thái dương. Ngài chỉ là một tế bào trong thể của ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ.

1. We are given a marvelous perspective which should help put relative magnitudes in proportion.

1. Chúng ta được trao cho một viễn tượng kỳ diệu, điều này sẽ giúp đặt những độ lớn tương đối vào đúng tỉ lệ.

2. A Solar Logos is, cosmically considered, not a great Being. To us, He is God!

2. Xét theo vũ trụ, một Thái dương Thượng đế không phải là một Hữu Thể Vĩ Đại. Đối với chúng ta, Ngài là Thượng đế!

3. We are being told that man is but a *cell* in relation to a Solar Logos. Further, we are told that the Solar Logos is but a cell when compared to the One About Whom Naught May Be Said.

3. Chúng ta đang được bảo rằng con người chỉ là một *tế bào* trong tương quan với một Thái dương Thượng đế. Hơn nữa, chúng ta được bảo rằng Thái dương Thượng đế cũng chỉ là một tế bào khi so với Đấng Bất Khả Tư Nghị.

4. However, a man is also a cell in relation to a Planetary Logos. He cannot, then, be the *same kind* of cell in relation to a Solar Logos.

4. Tuy nhiên, con người cũng là một tế bào trong tương quan với một Hành Tinh Thượng Đế. Vậy thì y không thể là *cùng một loại* tế bào trong tương quan với một Thái dương Thượng đế.

5. Which One About Whom Naught May Be Said are we talking about here? Is it a Super-Cosmic Logos (as Super-Constellational Logos), or could we be talking about the *Galactic Logos*? The latter possibility is more probable, as the tinyness of man when compared to the Solar Logos is more analogous to the tinyness of the Solar Logos when compared to the Galactic Logos (expressing through billions of stars).

5. Ở đây chúng ta đang nói đến Đấng Bất Khả Tư Nghị nào? Có phải là một Siêu Vũ Trụ Thượng đế (như một Thượng đế Siêu Chòm Sao), hay có thể chúng ta đang nói đến *Ngân Hà Thượng đế*? Khả năng sau có vẻ xác đáng hơn, vì sự nhỏ bé của con người khi so với Thái dương Thượng đế tương tự hơn với sự nhỏ bé của Thái dương Thượng đế khi so với Ngân Hà Thượng đế (biểu lộ qua hàng tỉ ngôi sao).

6. The One we *usually* refer to as the One About Whom Naught May Be Said is, in a way, only two removes away from the Solar Logos. In other words, we move from a Solar Logos to a Constellational Logos to a Super-Constellational Logos (the *usual* One About Whom Naught May Be Said). But we note

6. Đấng mà chúng ta *thường* gọi là Đấng Bất Khả Tư Nghị, theo một nghĩa nào đó, chỉ cách Thái dương Thượng đế hai bậc. Nói cách khác, chúng ta đi từ một Thái dương Thượng đế đến một Chòm Sao Thượng đế rồi đến một Siêu Chòm Sao Thượng đế (Đấng Bất Khả Tư Nghị *thông thường*). Nhưng

that the name of this being is completely capitalized—maybe a hint, that the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID is far greater than a Super-Cosmic Logos. The billions of men within a Solar Logos correspond more closely to the billions of stars within a galaxy than to the number of Solar Logoi within a Super-Cosmic Logos (a relatively small being as great as it may seem to us).

chúng ta lưu ý rằng danh xưng của Hữu Thể này được viết hoàn toàn bằng chữ hoa—có lẽ là một gợi ý rằng ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ vĩ đại hơn rất nhiều so với một Siêu Vũ Trụ Thượng đế. Hàng tỉ con người trong một Thái dương Thượng đế tương ứng gần gũi hơn với hàng tỉ ngôi sao trong một thiên hà hơn là với số lượng các Thái dương Thượng đế trong một Siêu Vũ Trụ Thượng đế (một hữu thể tương đối nhỏ dù đối với chúng ta có vẻ vĩ đại đến đâu).

His work parallels on cosmic levels the work of man on the solar planes. **He has to undergo on the three lower cosmic planes a process of developing an apprehension of His environment of the same nature as man in the three worlds.**

Công việc của Ngài song hành trên các cấp độ vũ trụ với công việc của con người trên các cõi thái dương. **Ngài phải trải qua trên ba cõi vũ trụ thấp một tiến trình phát triển sự lĩnh hội về môi trường của Ngài có cùng bản chất như con người trong ba cõi thấp.**

1. In stage one above, (point "a.") man is awakening to consciousness on the three lower systemic planes.

1. Trong giai đoạn một ở trên, (điểm "a.") con người đang thức tỉnh đến tâm thức trên ba cõi hệ thống thấp.

2. The corresponding stage for a Solar Logos would be His awakening to consciousness on the three lower cosmic planes.

2. Giai đoạn tương ứng đối với một Thái dương Thượng đế sẽ là sự thức tỉnh của Ngài đến tâm thức trên ba cõi vũ trụ thấp.

3. We note, however, that in the tabulation (appended to this Commentary) that the awakening of the Solar Logos which parallels the awakening of man on the three lower systemic planes, is an awakening of the Solar Logos on *seven systemic planes.* So the analogy presented in the excerpt immediately above is not presented in the large comparison between three entities found in this Commentary. The analogy presented immediately above is a truer analogy.

3. Tuy nhiên, chúng ta lưu ý rằng trong bảng liệt kê (được phụ thêm vào Bản Bình Giải này), sự thức tỉnh của Thái dương Thượng đế song hành với sự thức tỉnh của con người trên ba cõi hệ thống thấp lại là sự thức tỉnh của Thái dương Thượng đế trên *bảy cõi hệ thống.* Vì vậy phép tương đồng được trình bày trong đoạn trích ngay bên trên không được trình bày trong sự so sánh lớn giữa ba thực thể tìm thấy trong Bản Bình Giải này. Phép tương đồng được trình bày ngay bên trên là phép tương đồng đúng hơn.

4. The analogy of man's eventual mastery of three systemic planes to the Solar Logos' eventually mastery of three cosmic planes seems sound and, no doubt, at some time,

4. Phép tương đồng giữa việc con người cuối cùng làm chủ ba cõi hệ thống với việc Thái dương Thượng đế cuối cùng làm chủ ba cõi vũ trụ có vẻ vững chắc và chắc chắn vào một

must be fulfilled. The question would be: "Does man complete his apprehension of the three lower worlds at the same time as the Solar Logos completes His apprehension of the three lower cosmic planes. It would seem that the period of the Solar Logos' apprehension would come somewhat later in the process even though the development of man, the Planetary Logos and the Solar Logos all parallel each other.

lúc nào đó phải được hoàn tất. Câu hỏi sẽ là: "Con người có hoàn tất sự lĩnh hội của mình về ba cõi thấp cùng lúc với khi Thái dương Thượng đế hoàn tất sự lĩnh hội của Ngài về ba cõi vũ trụ thấp không?" Có vẻ như giai đoạn lĩnh hội của Thái dương Thượng đế sẽ đến muộn hơn đôi chút trong tiến trình mặc dù sự phát triển của con người, Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế đều song hành với nhau.

This fact should be remembered by all students [Page 296] of this central division of our subject; **above all the analogy between the cosmic physical planes and the solar physical planes must be pondered upon.** It holds hid the fourfold mystery:

Sự kiện này cần được ghi nhớ bởi tất cả các đạo sinh [Page 296] của phần trung tâm này trong chủ đề của chúng ta; **trên hết, sự tương đồng giữa các cõi hồng trần vũ trụ và các cõi hồng trần thái dương phải được suy gẫm.** Nó che giấu huyền nhiệm tứ phân:

1. Below are some speculations relating to the fourfold mystery.

1. Dưới đây là một vài suy đoán liên quan đến huyền nhiệm tứ phân.

2. The fourfoldness of the mystery suggests the relation between the four cosmic ethers and the four systemic ethers.

2. Tính tứ phân của huyền nhiệm gợi ý mối liên hệ giữa bốn dĩ thái vũ trụ và bốn dĩ thái hệ thống.

3. The number *four* is profoundly important to man (a member of the "Fourth Creative Hierarchy", to our Planetary Logos (expressing through a planet the symbol of which is fourfold cross within the circle and which is fourth in order from the Sun if Vulcan is counted), and to the Solar Logos (Who expresses through a system of the "fourth order")

3. Con số *bốn* có tầm quan trọng sâu xa đối với con người (một thành viên của "Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư"), đối với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta (biểu lộ qua một hành tinh có biểu tượng là thập giá tứ phân trong vòng tròn và đứng hàng thứ tư tính từ Mặt Trời nếu tính cả Vulcan), và đối với Thái dương Thượng đế (Đấng biểu lộ qua một hệ thống thuộc "trật tự thứ tư")

1. The mystery of the Akasha.

1. Huyền nhiệm của Akasha.

1. It is evident that the Akasha, or the substance of the monadic plane, is important to both the Planetary Logos and the Solar Logos, though in different ways. We might study the Akasha to discover the mystery of the Monad, and its sounding

1. Rõ ràng là Akasha, hay chất liệu của cõi chân thần, quan trọng đối với cả Hành Tinh Thượng Đế lẫn Thái dương Thượng đế, dù theo những cách khác nhau. Chúng ta có thể nghiên cứu Akasha để khám phá huyền nhiệm của chân thần, và sự xướng của nó

through an entire descent and return as the Divine Pilgrim.

2. There must be many mysteries related to the Akasha, but we are looking for one which relates cosmic entities to solar systemic entities, or cosmic planes to solar ones.

3. When considering this subject, there is one very evident mystery: why should the Heavenly Man and Solar Logos, who in scope and power are reasonably similar, be so different in their expression—with the Solar Logos obliged to master two and a half *cosmic* subplanes, and the Heavenly Man obliged to master only the triadal planes of the cosmic physical plane. The Heavenly Men/Planetary Logoi are focused in the Akasha (a relatively low point, given that their causal bodies are found on the cosmic mental plane just as the causal body of a Solar Logos is).

4. Again, are we speaking of the Planetary Logos, per se, or of one of the two other types of Heavenly Men which are part of the body of expression of the Planetary Logos?

5. The Mystery of the Akasha is related to the mystery of sound; the mystery of sound is related to the mystery of the Monad and its archetypal nature. The archetype sounds and structures all substances under its influence.

2. The secret of the fifth round.

1. This secret may well have to do with the relationship between the number *two* and *five*. Remember how many *fifth* ray Monads

xuyên suốt toàn bộ cuộc giáng hạ và trở về như Người Hành Hương Thiêng Liêng.

2. Ắt hẳn có nhiều huyền nhiệm liên quan đến Akasha, nhưng chúng ta đang tìm một huyền nhiệm liên hệ các thực thể vũ trụ với các thực thể hệ thống thái dương, hoặc các cõi vũ trụ với các cõi thái dương.

3. Khi xem xét chủ đề này, có một huyền nhiệm rất hiển nhiên: tại sao Đấng Thiên Nhân và Thái dương Thượng đế, vốn tương đối tương đồng về tầm mức và quyền năng, lại khác biệt đến thế trong sự biểu lộ của các Ngài—với Thái dương Thượng đế buộc phải làm chủ hai cõi phụ rưỡi *vũ trụ*, còn Đấng Thiên Nhân chỉ buộc phải làm chủ các cõi tam nguyên tinh thần của cõi hồng trần vũ trụ. Các Đấng Thiên Nhân/Hành Tinh Thượng Đế được tập trung trong Akasha (một điểm tương đối thấp, xét rằng các thể nguyên nhân của các Ngài được tìm thấy trên cõi trí vũ trụ cũng như thể nguyên nhân của một Thái dương Thượng đế vậy).

4. Một lần nữa, chúng ta đang nói về chính Hành Tinh Thượng Đế, hay về một trong hai loại Đấng Thiên Nhân khác vốn là một phần của thể biểu lộ của Hành Tinh Thượng Đế?

5. Huyền Nhiệm của Akasha liên hệ với huyền nhiệm của âm thanh; huyền nhiệm của âm thanh liên hệ với huyền nhiệm của chân thần và bản chất nguyên mẫu của nó. Nguyên mẫu xướng lên và cấu trúc mọi chất liệu dưới ảnh hưởng của nó.

2. Bí mật của cuộc tuần hoàn thứ năm.

1. Bí mật này rất có thể liên quan đến mối tương quan giữa số *hai* và *năm*. Hãy nhớ có bao nhiêu chân thần cung *năm* đang bước

are found treading the *second* Cosmic Path of Magnetic Work.

trên Con Đường Vũ Trụ thứ *hai* của Công Tác Từ Tính.

A large number of fifth ray people, those who have the Ray of Concrete Knowledge for their monadic ray, pass to this line of endeavour. (IHS 187)

Một số lượng lớn những người cung năm, những người có Cung Tri Thức Cụ Thể làm cung chân thần của mình, đi vào đường nỗ lực này. (IHS 187)

1. It may be that in the fifth round, the cosmic astral plane will be influential upon the cosmic ethers and that the solar logoic Solar Angel, as a *super* "Heart of Fiery Love", will work through the cosmic astral plane to bring increasing cosmic love to the cosmic physical plane.

1. Có thể là trong cuộc tuần hoàn thứ năm, cõi cảm dục vũ trụ sẽ có ảnh hưởng lên các dĩ thái vũ trụ và Thái dương Thiên Thần logoic thái dương, như một "Trái Tim của Tình Yêu Rực Lửa" *siêu*, sẽ hoạt động qua cõi cảm dục vũ trụ để mang tình thương vũ trụ ngày càng gia tăng đến cõi hồng trần vũ trụ.

2. Again there are many mysteries to the fifth round (mysterious to us), but we are looking for a mystery based on the relationship between cosmic and solar planes.

2. Một lần nữa có nhiều huyền nhiệm đối với cuộc tuần hoàn thứ năm (huyền nhiệm đối với chúng ta), nhưng chúng ta đang tìm một huyền nhiệm dựa trên mối tương quan giữa các cõi vũ trụ và các cõi thái dương.

3. The esoteric significance of Saturn, the third planet.

3. Thâm nghĩa huyền bí của Sao Thổ, hành tinh thứ ba.

1. Well, Saturn is the correspondence to the logoic physical permanent atom (*TCF* 406). Esoteric Saturn is discussed on *TCF* 777.

1. Sao Thổ là sự tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần logoic (*TCF* 406). Sao Thổ huyền bí được bàn đến ở *TCF* 777.

2. We may be dealing with the difference between the entire personality nature of the Solar Logos ruled by Saturn (as it expresses on the cosmic physical plane, the cosmic astral plane and four subplanes of the cosmic mental plane), *and* the cosmic physical plane as the domain of Saturn.

2. Chúng ta có thể đang đề cập đến sự khác biệt giữa toàn bộ bản chất phàm ngã của Thái dương Thượng đế do Sao Thổ cai quản (khi nó biểu lộ trên cõi hồng trần vũ trụ, cõi cảm dục vũ trụ và bốn cõi phụ của cõi trí vũ trụ), *và* cõi hồng trần vũ trụ như là lãnh vực của Sao Thổ.

3. Saturn is a physical indicator, but *what* is *physical* and to *whom*?

3. Sao Thổ là một chỉ báo hồng trần, nhưng *điều gì* là *hồng trần* và đối với *ai*?

4. In the fifth round the lower realm of Saturn (the eighteen lower sub-planes) will be divided from the realm of Venus, the

4. Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, lãnh vực thấp hơn của Sao Thổ (mười tám cõi phụ thấp hơn) sẽ được phân chia khỏi lãnh vực

higher mind. Remember that we were talking about the secret of the fifth round.

của Sao Kim, thượng trí. Hãy nhớ rằng chúng ta đang nói về bí mật của cuộc tuần hoàn thứ năm.

5. This may also work out cosmically, with the eighteen lower *cosmic* sub-planes being divided from the realm whereon the solar logoic Solar Angel rules.

5. Điều này cũng có thể diễn ra trên bình diện vũ trụ, với mười tám cõi phụ thấp hơn *vũ trụ* được phân chia khỏi lãnh vực nơi Thái dương Thiên Thần logoic thái dương cai quản.

6. Saturn is involved in this division.

6. Sao Thổ có liên quan trong sự phân chia này.

7. So *what* is *physical*?

7. Vậy *điều gì* là *hồng trần*?

8. The eighteen lower cosmic sub-planes are physical because they are the personality nature of the Solar Logos

8. Mười tám cõi phụ vũ trụ thấp hơn là hồng trần vì chúng là bản chất phàm ngã của Thái dương Thượng đế

9. The entire cosmic physical plane is physical

9. Toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ là hồng trần

10. The lower three worlds are physical (twenty one subplanes are physical to the Solar Logos and eighteen to the Planetary Logos)

10. Ba cõi thấp là hồng trần (hai mươi mốt cõi phụ là hồng trần đối với Thái dương Thượng đế và mười tám đối với Hành Tinh Thượng Đế)

11. The systemic (solar) physical plane is physical

11. Cõi hồng trần hệ thống (thái dương) là hồng trần

4. The occult nature of cosmic kundalini, or the electrical force of the system.

4. Bản chất huyền bí của kundalini vũ trụ, hay mãnh lực điện của hệ thống.

1. There may be a relationship to Draco the Dragon representing the base of the spine center in the One About Whom Naught May Be Said.

1. Có thể có một mối liên hệ với Draco, Con Rồng tượng trưng cho trung tâm đáy cột sống trong Đấng Bất Khả Tư Nghị.

2. Draco works through the Pleiades and through Libra, and Venus is related to both.

2. Draco hoạt động qua Pleiades và qua Libra, và Sao Kim có liên hệ với cả hai.

“He is the meeting place for two types of force, spiritual or logoic, which reaches Him (via the logoic Lotus on cosmic mental planes) from the seven Rishis of the Great Bear on Their own plane, [atmic?] and, secondly, of buddhic force, **which is transmitted via the Seven Sisters or the Pleiades from a constellation called the Dragon** in some books, and from which has come the appellation "The Dragon of Wisdom." (TCF 1162)

“Ngài là điểm gặp gỡ của hai loại mãnh lực, tinh thần hay logoic, đến với Ngài (qua Hoa sen logoic trên các cõi trí vũ trụ) từ bảy Đấng Rishi của Đại Hùng Tinh trên cõi riêng của Các Ngài, [atmic?] và, thứ hai, của mãnh lực Bồ đề, **được truyền qua Bảy Chị Em hay Pleiades từ một chòm sao được gọi là Con Rồng** trong một số sách, và từ đó mà có danh xưng "Con Rồng Minh Triết." (TCF 1162)

1. Venus, is probably a planet who benefits very much from cosmic Kundalini.

1. Sao Kim có lẽ là một hành tinh được hưởng lợi rất nhiều từ kundalini vũ trụ.

2. Venus (focused in its 5th chain and 5th globe) is more advanced than any, and probably intimately related to the mystery of the fifth round.

2. Sao Kim (được tập trung trong dãy thứ 5 và bầu hành tinh thứ 5 của nó) tiến hóa hơn bất kỳ hành tinh nào khác, và có lẽ liên hệ mật thiết với huyền nhiệm của cuộc tuần hoàn thứ năm.th th

3. Two Triangles emerge:

3. Hai Tam Giác xuất hiện:

a Draco-Libra-Venus

a Draco-Libra-Sao Kim

b Draco-Pleiades –Venus

b Draco-Pleiades –Sao Kim

1. Is there a relationship between Draco and our Sun that is like the relationship between our Sun and the Earth?

1. Có mối liên hệ nào giữa Draco và Mặt Trời của chúng ta giống như mối liên hệ giữa Mặt Trời của chúng ta và Trái Đất không?

2. I will have to speculate further about which particular planets are connected by cosmic kundalini. Our Earth is very much involved presently, as the Solar Logos appears to be undergoing an initiation through the *fourth scheme*—ours! And we are a base of the spine center (or will be *fully* so some day)

2. Tôi sẽ còn phải suy đoán thêm về những hành tinh cụ thể nào được nối kết bởi kundalini vũ trụ. Trái Đất của chúng ta hiện nay liên hệ rất nhiều, vì Thái dương Thượng đế dường như đang trải qua một cuộc điểm đạo qua *hệ hành tinh thứ tư*—hệ của chúng ta! Và chúng ta là một trung tâm đáy cột sống (hoặc một ngày nào đó sẽ *hoàn toàn* như vậy)

3. I think Uranus and Saturn are also involved and Venus cannot be ignored.

3. Tôi nghĩ Sao Thiên Vương và Sao Thổ cũng có liên quan và không thể bỏ qua Sao Kim.

4. There is something going on in our solar system now between the cosmic ethers and the cosmic dense planes. This means that there is stimulated a relationship between Uranus (cosmic ethers) and Saturn (cosmic dense—in one of its lower rulerships). Since Earth is being initiated, Venus is involved in this initiation, so a kundalinic interplay may be going on between these two planets.

4. Hiện nay trong hệ mặt trời của chúng ta đang có điều gì đó diễn ra giữa các dĩ thái vũ trụ và các cõi đậm đặc vũ trụ. Điều này có nghĩa là một mối liên hệ được kích thích giữa Sao Thiên Vương (các dĩ thái vũ trụ) và Sao Thổ (đậm đặc vũ trụ—trong một trong những quyền cai quản thấp hơn của nó). Vì Trái Đất đang được điểm đạo, Sao Kim có liên quan trong cuộc điểm đạo này, nên một sự tương tác kundalini có thể đang diễn ra giữa hai hành tinh này.

One hint on this fourth point may be given for wise consideration. When the electrical interplay between the planets is better ascertained (and by this I mean their negative or positive interplay), then it will be revealed which are related or connected, and which are nearing the point of balance.

Một gợi ý về điểm thứ tư này có thể được đưa ra để suy xét một cách minh triết. Khi sự tương tác điện giữa các hành tinh được xác định rõ hơn (và bởi điều này tôi muốn nói đến sự tương tác âm hay dương của chúng), khi ấy sẽ được mặc khải hành tinh nào có liên hệ hay nối kết, và hành tinh nào đang tiến gần đến điểm quân bình.

1. In astrology we are given certain planetary pairs which suggest interplay. These pairs may or may not be related as positive to negative.

1. Trong chiêm tinh học, chúng ta được trao cho một số cặp hành tinh gợi ý sự tương tác. Những cặp này có thể có hoặc không có liên hệ như dương đối với âm.

2. Of course, all the planets are related and connected, but some especially so.

2. Dĩ nhiên, mọi hành tinh đều có liên hệ và nối kết, nhưng một số đặc biệt hơn.

3. It is inferred that the relationships which result in positive and negative interplay are useful in helping the Planetary Logoi involved to establish a point of balance.

3. Người ta suy ra rằng những mối liên hệ dẫn đến sự tương tác dương và âm hữu ích trong việc giúp các Hành Tinh Thượng Đế liên quan thiết lập một điểm quân bình.

4. Presumably a planet with an established point of balance exhibits equilibrised electricity and is not involved in electrical interplay, just as the inert gases (or “noble” gases) do not combine with other elements

4. Có lẽ một hành tinh với điểm quân bình đã được thiết lập biểu lộ điện năng được quân bình hóa và không tham gia vào sự tương tác điện, cũng như các khí trơ (hay khí “quý”) không kết hợp với các nguyên tố khác

as do elements with positive and negative valences.

5. A student in one of the classes offers the following interesting thought: "Here is a comment on the Akasha, in regard to the Planetary Logos. In view of the fact that His causal body is on the *third* Subplane of the Cosmic Mental, it seems that we could infer that He is still focused upon his physical nature, hence upon the Monadic plane. Yet we are told that He has passed already the first initiation. Thus, we would expect, by analogy, that He would have shifted the focus of His causal body onto the *second* Subplane, and his focus of attention upon the Cosmic Astral plane rather than on the Cosmic Physical!

6. I have been attempting to call attention to the three different types of Heavenly Men within our planetary scheme. There is no question that our Planetary Logos, as the *major* planetary Heavenly Man of our planetary scheme, is focussed mainly on the cosmic astral plane. There are, however, subsidiary Heavenly Men within His body of expression—Chain Lord and Globe Lords, and it would be more natural for these aspects of Himself to be focussed on the cosmic physical plane.

7. In a way, *through them,* our Planetary Logos is focussed on the cosmic physical plane.

8. Our Solar Logos, while polarized on the cosmic astral plane, is developing cosmic mind, and so must be active on the cosmic mental plane.

We have been told that the solar Logos, on the cosmic planes, works at the problem of

như các nguyên tố có hóa trị dương và âm vẫn làm.

5. Một đạo sinh trong một lớp học đưa ra ý tưởng thú vị sau đây: "Đây là một nhận xét về Akasha, liên quan đến Hành Tinh Thượng Đế. Xét theo sự kiện rằng thể nguyên nhân của Ngài ở trên cõi phụ *thứ ba* của cõi trí vũ trụ, dường như chúng ta có thể suy ra rằng Ngài vẫn còn tập trung vào bản chất hồng trần của Ngài, do đó vào cõi chân thần. Tuy nhiên, chúng ta được bảo rằng Ngài đã vượt qua lần điểm đạo thứ nhất. Vì vậy, theo phép tương đồng, chúng ta sẽ mong đợi rằng Ngài đã chuyển tiêu điểm của thể nguyên nhân của Ngài lên cõi phụ *thứ hai*, và tiêu điểm chú ý của Ngài lên cõi cảm dục vũ trụ thay vì cõi hồng trần vũ trụ!

6. Tôi đã cố gắng kêu gọi sự chú ý đến ba loại Đấng Thiên Nhân khác nhau trong hệ hành tinh của chúng ta. Không có nghi ngờ gì rằng Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, với tư cách là Đấng Thiên Nhân hành tinh *chính yếu* của hệ hành tinh chúng ta, được tập trung chủ yếu trên cõi cảm dục vũ trụ. Tuy nhiên, có những Đấng Thiên Nhân phụ thuộc trong thể biểu lộ của Ngài—Chúa Tể của Dãy và các Chúa Tể của bầu hành tinh, và sẽ tự nhiên hơn nếu những phương diện này của chính Ngài được tập trung trên cõi hồng trần vũ trụ.

7. Theo một nghĩa nào đó, *qua các Ngài,* Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta được tập trung trên cõi hồng trần vũ trụ.

8. Thái dương Thượng đế của chúng ta, trong khi phân cực trên cõi cảm dục vũ trụ, đang phát triển trí tuệ vũ trụ, và vì thế phải hoạt động trên cõi trí vũ trụ.

Chúng ta đã được bảo rằng Thái dương Thượng đế, trên các cõi vũ trụ, đang làm việc

cosmic mind; that He functions in His physical solar system, **is polarised in His cosmic astral, or emotional body, and is developing [53] cosmic mind.** (LOM 52-53)

1. Just as it is said that our Heavenly Man is working on the triadal levels of the cosmic physical plane, so it is said the our Solar Logos is working on all seven levels of the cosmic physical plane. And yet He is developing cosmic mind.

2. If the Planetary Logos is working on the cosmic physical plane through His extensions (two lesser types of Heavenly Men), through what sort of extensions is the Solar Logos (essentially focussed on developing cosmic mind) working on the cosmic physical plane? Through certain of the Planetary Logoi?

3. We have the following:

a The Planetary Logos focussed on the cosmic astral plane (fourth and fifth sub-planes), yet seeking in some manner (whether through extensions of Himself or not) to work on the triadal levels of the cosmic physical plane.

b The Solar Logos, polarized on cosmic astral levels, but working on the cosmic mental plane to develop cosmic mind, yet, seeking, in some manner (whether through extensions of Himself or not) the mastery of the seven sub-planes of the cosmic physical plane. Perhaps He has already done this, as He has moved beyond the first cosmic initiation.

với vấn đề trí tuệ vũ trụ; rằng Ngài hoạt động trong hệ mặt trời hồng trần của Ngài, **được phân cực trong thể cảm dục, hay cảm xúc, vũ trụ của Ngài, và đang phát triển [53] trí tuệ vũ trụ.** (LOM 52-53)

1. Cũng như người ta nói rằng Đấng Thiên Nhân của chúng ta đang làm việc trên các cấp độ tam nguyên tinh thần của cõi hồng trần vũ trụ, thì cũng nói rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta đang làm việc trên cả bảy cấp độ của cõi hồng trần vũ trụ. Tuy nhiên, Ngài đang phát triển trí tuệ vũ trụ.

2. Nếu Hành Tinh Thượng Đế đang làm việc trên cõi hồng trần vũ trụ qua các sự mở rộng của Ngài (hai loại Đấng Thiên Nhân thấp hơn), thì Thái dương Thượng đế (về căn bản được tập trung vào việc phát triển trí tuệ vũ trụ) đang làm việc trên cõi hồng trần vũ trụ qua loại sự mở rộng nào? Qua một số Hành Tinh Thượng Đế nào đó chăng?

3. Chúng ta có điều sau đây:

a Hành Tinh Thượng Đế được tập trung trên cõi cảm dục vũ trụ (cõi phụ thứ tư và thứ năm), tuy vậy vẫn tìm cách nào đó (dù qua các sự mở rộng của chính Ngài hay không) để hoạt động trên các cấp độ tam nguyên tinh thần của cõi hồng trần vũ trụ.

b Thái dương Thượng đế, phân cực trên các cấp độ cảm dục vũ trụ, nhưng đang hoạt động trên cõi trí vũ trụ để phát triển trí tuệ vũ trụ, tuy vậy vẫn tìm cách nào đó (dù qua các sự mở rộng của chính Ngài hay không) làm chủ bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ. Có lẽ Ngài đã làm được điều này rồi, vì Ngài đã vượt quá lần điểm đạo vũ trụ thứ nhất.

4. Although the level of the development of Man, the Heavenly Man (as Planetary Logos) and the Solar Logos are *roughly* analogous, they are not *exactly* analogous, as a close examination of the appended tabulation will reveal.

4. Mặc dù cấp độ phát triển của Con Người, Đấng Thiên Nhân (với tư cách là Hành Tinh Thượng Đế) và Thái dương Thượng đế *đại thể* là tương đồng, nhưng chúng không *hoàn toàn* tương đồng, như một sự khảo sát kỹ lưỡng bảng đối chiếu kèm theo sẽ cho thấy.

S3S8: TCF 296-307

for July 25. to

Two-week Review Session to Follow

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

cho ngày 25 tháng 7. đến

Tiếp theo là Buổi Ôn Tập Hai Tuần

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be read with the *TCF* book handy, for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Đề nghị đọc phần Bình Luận này với quyển *TCF* ở bên cạnh, để bảo đảm tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ ra, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

1. We recall our context, the nine introductory questions to the *second* section of *A Treatise on Cosmic Fire*—Solar Fire, the Fire of Mind.

1. Chúng ta nhớ lại bối cảnh của mình, chín câu hỏi nhập đề cho phần *thứ hai* của *Luận về Lửa Vũ Trụ*—Lửa Thái dương, lửa của trí tuệ.

2. We are dealing here with the second part of the last question; the first part of the question on the relation between the ten schemes and all the septenates dealt with the inter-related parts.

2. Ở đây chúng ta đang bàn đến phần thứ hai của câu hỏi cuối cùng; phần thứ nhất của câu hỏi về mối liên hệ giữa mười hệ hành tinh và tất cả các bộ bảy đã bàn đến các phần có liên hệ tương hỗ.

3. The following excerpt is taken from the end of the Earlier section but belongs with that which is following:

3. Đoạn trích sau đây được lấy từ cuối phần trước nhưng thuộc về phần tiếp theo:

I would here point out very briefly certain facts, not pausing to elaborate or to elucidate, but simply making various statements which—as the knowledge of man progresses—will assume their rightful place in the ordered scheme.

Ở đây tôi muốn chỉ ra thật vắn tắt một số sự kiện, không dừng lại để khai triển hay làm sáng tỏ, mà chỉ đơn giản nêu ra nhiều phát biểu khác nhau; những phát biểu này—khi tri thức của con người tiến bộ—sẽ đảm nhận vị trí thích đáng của chúng trong hệ thống có trật tự.

4. We can see that Master DK is writing for the long term. We can understand that many important seeds of knowledge are planted by this book.

4. Chúng ta có thể thấy rằng Chân sư DK đang viết cho dài hạn. Chúng ta có thể hiểu rằng nhiều hạt giống tri thức quan trọng được gieo xuống bởi quyển sách này.

They will then be seen as enlightening and revealing the necessary sequence of development.

Khi ấy chúng sẽ được thấy là soi sáng và mặc khải trình tự phát triển cần thiết.

5. As esotericists, we have the same obligation. Much that we believe and teach will not be immediately assimilated, but we work for the future as much as the present and must not be discouraged by this necessity.

5. Với tư cách là các nhà bí truyền học, chúng ta cũng có cùng nghĩa vụ ấy. Nhiều điều chúng ta tin và giảng dạy sẽ không được đồng hoá ngay lập tức, nhưng chúng ta làm việc cho tương lai cũng nhiều như cho hiện tại và không được nản lòng vì sự cần thiết này.

2. The Work of the Atomic Units.

2. Công Việc của các Đơn Vị Nguyên Tử.

a. The seven Heavenly Men, considered in relation to the Entity of Whom the solar Logos is a reflection, are as the seven centres in the **physical body of a human being**. This will be realised as the correspondence between the cosmic physical plane and the systemic physical plane is studied.

a. Bảy Đấng Thiên Nhân, được xét trong mối liên hệ với Thực Thể mà Thái dương Thượng đế là một phản ánh của Ngài, cũng như bảy trung tâm trong **thể xác của một con người**. Điều này sẽ được chứng nghiệm khi sự tương ứng giữa cõi hồng trần vũ trụ và cõi hồng trần hệ thống được nghiên cứu.

6. VSK offers: "We recall the importance of 'knowing the charts'; of memorizing the septenates of the planes, the various names and centers which reside on each plane or subplane. If anyone is having trouble with the names and levels at this stage, a further study on the various charts in TCF will repay

6. VSK đưa ra: "Chúng ta nhớ lại tầm quan trọng của việc 'biết các biểu đồ'; của việc ghi nhớ các bộ bảy của các cõi, các tên gọi và trung tâm khác nhau cư ngụ trên mỗi cõi hay cõi phụ. Nếu ở giai đoạn này có ai gặp khó khăn với các tên gọi và cấp độ, thì việc nghiên cứu thêm các biểu đồ khác nhau trong TCF sẽ đáng với thời gian bỏ ra và sẽ

the time and will ensure the work to follow proceeds as clearly as possible in your mind".

bảo đảm rằng công việc tiếp theo diễn tiến rõ ràng nhất có thể trong trí tuệ của các bạn".

7. We will attempt to place the names of the planets in relation to these centers; this is a key problem for the disciples to solve in dealing with this Treatise.

7. Chúng ta sẽ cố gắng đặt tên các hành tinh trong mối liên hệ với các trung tâm này; đây là một vấn đề then chốt để các đệ tử giải quyết khi nghiên cứu bộ Luận này.

8. DK speaks above of the "physical body of a human being". The seven centers are in the etheric body of the human being, which body is also considered *physical* from the occult perspective.

8. Ở trên, DK nói về "thể xác của một con người". Bảy trung tâm nằm trong thể dĩ thái của con người, mà thể này cũng được xem là *hồng trần* từ quan điểm huyền bí học.

9. We must assume here that DK is not talking about the physical glands, all of which are found upon the densest level of the systemic physical plane.

9. Ở đây chúng ta phải giả định rằng DK không nói về các tuyến hồng trần, tất cả đều được tìm thấy trên cấp độ đậm đặc nhất của cõi hồng trần hệ thống.

Evolution of a Solar Logos

Sự Tiến Hóa của một Thái dương Thượng đế

CHART V

EVOLUTION OF A SOLAR LOGOS

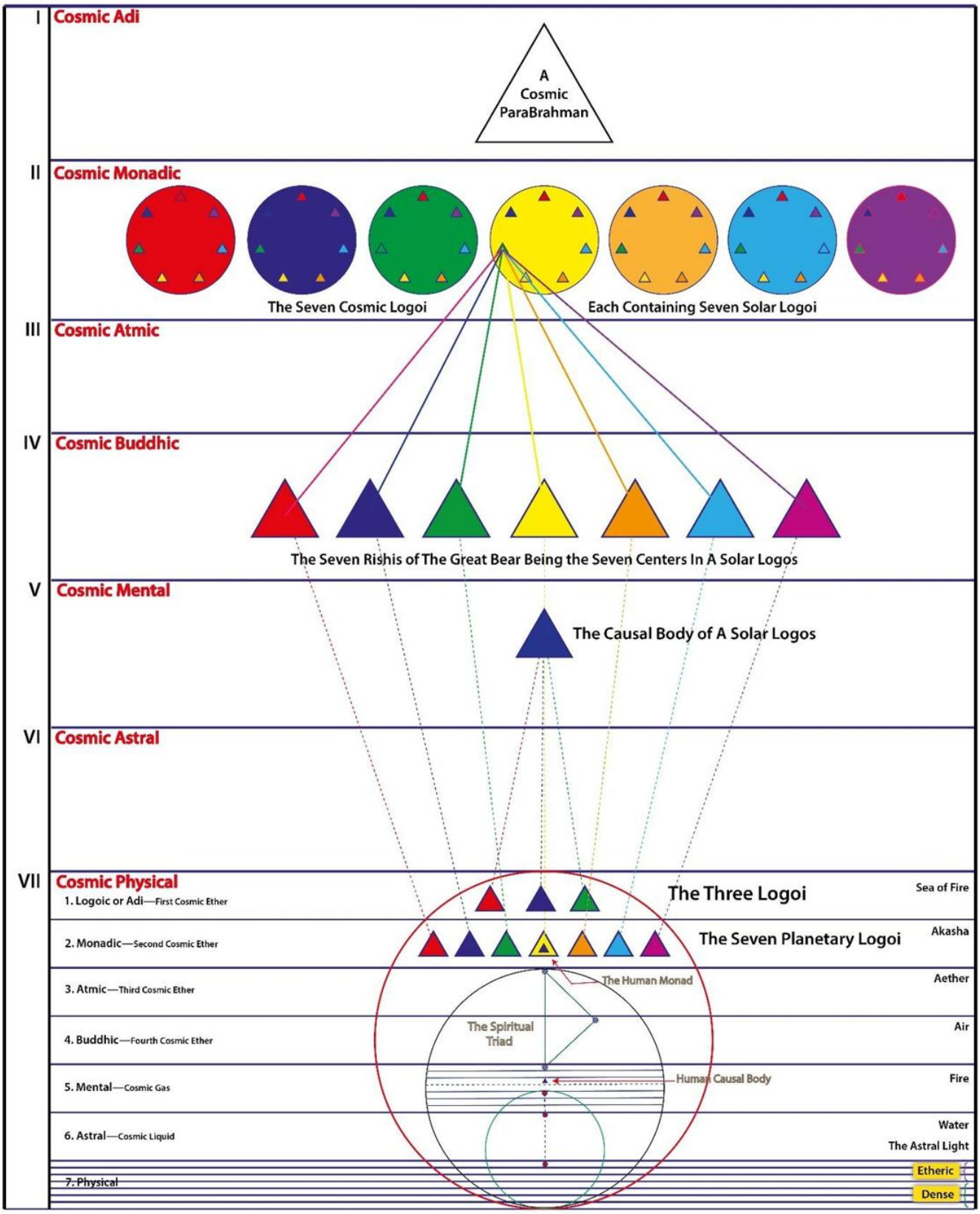

CHART III

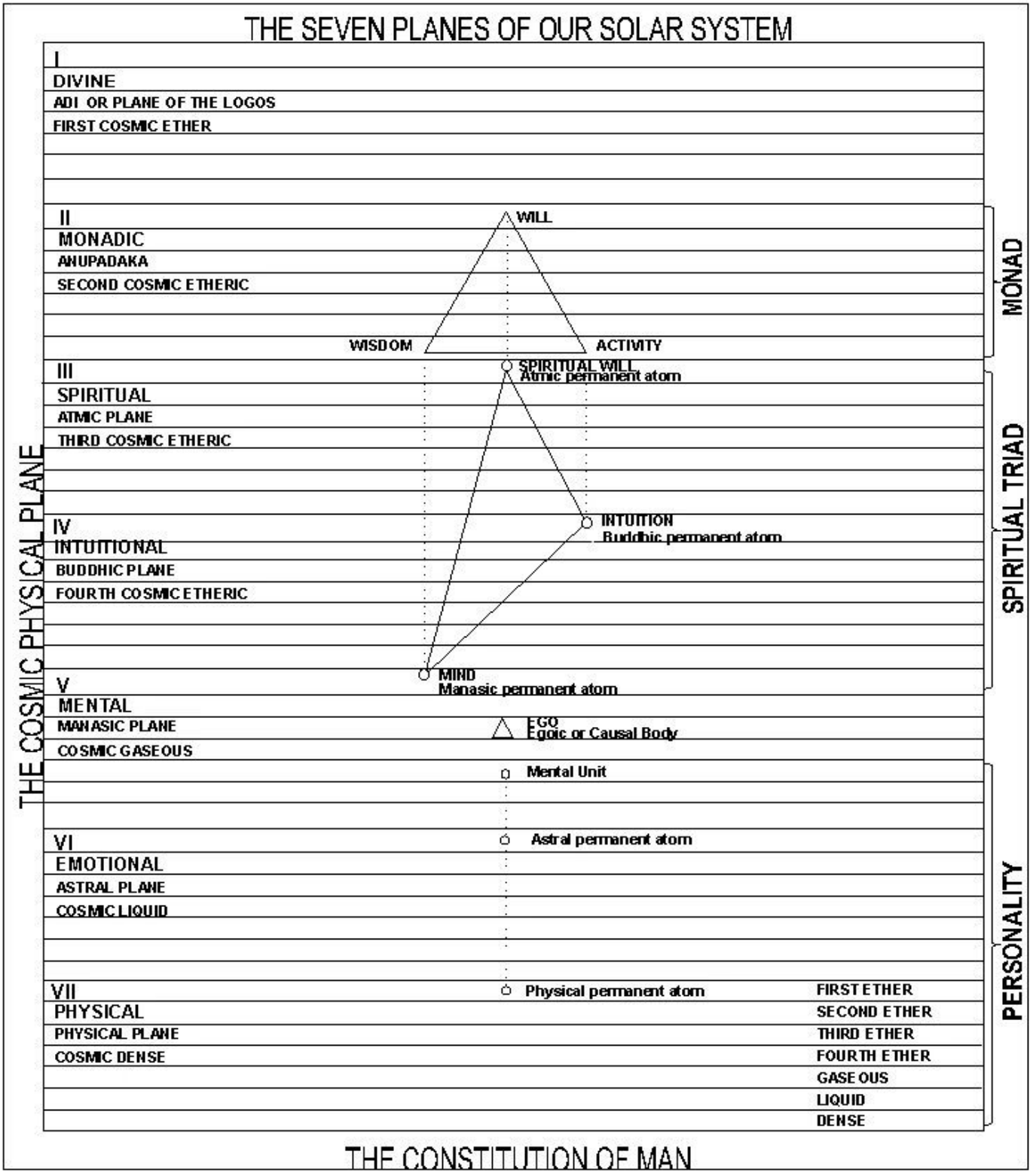

10. We note from Chart V (TCF 344), Evolution of a Solar Logos, that "The Seven Planetary Logoi" are to be found on the second systemic sub-plane of the cosmic

10. Từ Biểu đồ V (TCF 344), Sự Tiến Hóa của một Thái dương Thượng đế, chúng ta lưu ý rằng "Bảy Hành Tinh Thượng Đế" được tìm thấy trên cõi phụ hệ thống thứ hai của cõi

physical plane. If they are as etheric centers, their location is on the *second* cosmic ether.

hồng trần vũ trụ. Nếu các Ngài là các trung tâm dĩ thái, thì vị trí của các Ngài nằm trên dĩ thái vũ trụ *thứ hai*.

11. If the position of these Planetary Logoi is compared with the position of man's etheric centers in Chart VIII (TCF 817), it will be noticed that man's centers are spread *across* the four systemic ethers (though we must bear in mind that the large chart may be somewhat generalized):

11. Nếu vị trí của các Hành Tinh Thượng Đế này được so sánh với vị trí các trung tâm dĩ thái của con người trong Biểu đồ VIII (TCF 817), sẽ nhận thấy rằng các trung tâm của con người trải rộng *qua* bốn dĩ thái hệ thống (mặc dù chúng ta phải ghi nhớ rằng biểu đồ lớn có thể phần nào được khái quát hóa):

a. Man's she head center is located on the atomic level of the etheric plane.

a. Trung tâm đầu của con người nằm trên cấp độ nguyên tử của cõi dĩ thái.

b. The heart center is located on the sub-atomic level of the etheric plane.

b. Trung tâm tim nằm trên cấp độ hạ nguyên tử của cõi dĩ thái.

c. The throat center is located on the super-etheric level of the etheric plane.

c. Trung tâm cổ họng nằm trên cấp độ siêu dĩ thái của cõi dĩ thái.

d. The base of the spine center, sacral center, the solar plexus center and the splenic center are all located on the fourth ether.

d. Trung tâm đáy cột sống, trung tâm xương cùng, trung tâm tùng thái dương và trung tâm lá lách đều nằm trên dĩ thái thứ tư.

e. It will be noticed that the splenic center is a minor center and that a major center, the ajna center is omitted. It is a higher center in some senses, and is easily related either to the number four or two.

e. Cần lưu ý rằng trung tâm lá lách là một trung tâm phụ và rằng một trung tâm chính, trung tâm ajna, đã bị bỏ qua. Theo một số nghĩa, đó là một trung tâm cao hơn, và dễ dàng liên hệ hoặc với số bốn hoặc số hai.

f. It is doubtful that the ajna center, being a center which is both higher and more complex than the throat center, belongs on the fourth ether, but the numerical resonance is there. For the moment, and until more is known, we will refrain from attempting to place it.

f. Đáng ngờ rằng trung tâm ajna, là một trung tâm vừa cao hơn vừa phức tạp hơn trung tâm cổ họng, lại thuộc về dĩ thái thứ tư, nhưng sự cộng hưởng số học thì có đó. Tạm thời, và cho đến khi biết thêm, chúng ta sẽ không cố gắng đặt nó vào vị trí nào.

12. It may be that the Chart VI has conventionalized the placement of the Planetary Logoi. Perhaps, placing them in their proper relations on the cosmic physical

12. Có thể Biểu đồ VI đã quy ước hóa việc đặt vị trí các Hành Tinh Thượng Đế. Có lẽ việc đặt các Ngài vào đúng các tương quan của mình trên cõi hồng trần vũ trụ sẽ làm biểu

plane would have made the chart too busy or cluttered. We will have to search for hints in this regard.

13. As it now stands, all the seven Planetary Logoi are located on the higher correspondence to the sub-atomic ether, which, given the uneven development of the Planetary Logoi may not seem justifiable. None of the Planetary Logoi are placed on the higher correspondence to the atomic ether. Instead, on that level, we find "The Three Logoi".

14. There is no immediate reason to suppose that these Three Logoi are, necessarily, *Planetary* Logoi. As explained elsewhere, they may simply be the Brahma, Vishnu and Shiva of our particular solar system, and correspondences to the three Buddhas of Activity Who surround Sanat Kumara (cf. TCF 1238). We note that the word "Planetary" is omitted from the title that describes these three triangles.

15. The following references speak of the numbering of the Heavenly Men—as seven, ten or twelve. Even those not listed among the seven may be located physically on the second cosmic ether.

On the second plane are found the seven Heavenly Men, Who are His principal centres of force. There are others, but we are not here concerned with Them. These latter have achieved a certain specific goal, and are the [Page 520] embodiment of centres which are now quiescent or out of manifestation, the logoic kundalini having turned its attention elsewhere. **Under another enumeration they make the ten of the esoteric life, and can also be enumerated as twelve**, thus forming the twelve-petalled

đồ trở nên quá rối hoặc chật chội. Chúng ta sẽ phải tìm kiếm những gợi ý về phương diện này.

13. Theo cách nó hiện đang được trình bày, cả bảy Hành Tinh Thượng Đế đều nằm trên sự tương ứng cao hơn với dĩ thái hạ nguyên tử, điều này, xét đến sự phát triển không đồng đều của các Hành Tinh Thượng Đế, có thể dường như không chính đáng. Không Hành Tinh Thượng Đế nào được đặt trên sự tương ứng cao hơn với dĩ thái nguyên tử. Thay vào đó, ở cấp độ ấy, chúng ta thấy "Ba Thượng đế".

14. Không có lý do trực tiếp nào để giả định rằng Ba Thượng đế này nhất thiết là các *Hành Tinh* Thượng Đế. Như đã được giải thích ở nơi khác, các Ngài có thể đơn giản là Brahma, Vishnu và Shiva của hệ mặt trời đặc thù của chúng ta, và là những tương ứng với ba Đức Phật Hoạt Động bao quanh Đức Sanat Kumara (x. TCF 1238). Chúng ta lưu ý rằng từ "Hành Tinh" bị lược bỏ khỏi nhan đề mô tả ba tam giác này.

15. Các tham chiếu sau đây nói về việc đánh số các Đấng Thiên Nhân—là bảy, mười hay mười hai. Ngay cả những vị không được liệt kê trong số bảy vị cũng có thể nằm về mặt hồng trần trên dĩ thái vũ trụ thứ hai.

Trên cõi thứ hai được tìm thấy bảy Đấng Thiên Nhân, là những trung tâm mãnh lực chính yếu của Ngài. Còn có những vị khác, nhưng ở đây chúng ta không quan tâm đến Các Ngài. Những vị sau này đã đạt được một mục tiêu đặc thù nào đó, và là hiện thân của các trung tâm hiện đang tĩnh lặng hoặc ngoài biểu hiện, vì kundalini logoic đã chuyển sự chú ý của nó sang nơi khác. **Theo một cách đánh số khác, các vị ấy tạo thành mười của sự sống bí truyền, và cũng có thể được tính là mười hai**, như thế hình thành

Lotus, or the heart centre in the Body of the ONE ABOUT WHOM NOUGHT MAY BE SAID. (TCF 519-520)

Hoa sen mười hai cánh, hay trung tâm tim trong Thể của ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ. (TCF 519-520)

b. Three of these centres, therefore

b. Vì vậy, ba trong số các trung tâm này

16. We continue to speak of the Planetary Logoi or Heavenly Men.

16. Chúng ta tiếp tục nói về các Hành Tinh Thượng Đế hay các Đấng Thiên Nhân.

Concern the lower centres of the cosmic Being.

Liên quan đến các trung tâm thấp của Hữu Thể vũ trụ.

17. The cosmic Being is the Solar Logos. DK seems to be making sure that we keep this thought in mind.

17. Hữu Thể vũ trụ là Thái dương Thượng đế. DK dường như đang bảo đảm rằng chúng ta giữ ý tưởng này trong tâm trí.

18. The lower centers are to be considered as the base of the spine center, the sacral center and the solar plexus center. The splenic center is a minor center, and though sometimes listed instead of the sacral center, cannot really be considered one of the three lower *major* centers.

18. Các trung tâm thấp được xem là trung tâm đáy cột sống, trung tâm xương cùng và trung tâm tùng thái dương. Trung tâm lá lách là một trung tâm phụ, và dù đôi khi được liệt kê thay cho trung tâm xương cùng, thực sự không thể được xem là một trong ba trung tâm thấp *chính yếu*.

Have their **analogies** on the dense, liquid and gaseous planes.

Có những **tương tự** của chúng trên các cõi đậm đặc, lỏng và khí.

19. What does DK mean by “analogies”?

19. DK muốn nói gì bởi “các tương tự”?

20. Since we are working in a cosmic context, the dense, liquid and gaseous planes will be the systemic physical-etheric, the systemic astral and the systemic mental planes. Systemic planes are “solar planes”, and the two descriptors can be used interchangeably.

20. Vì chúng ta đang làm việc trong một bối cảnh vũ trụ, các cõi đậm đặc, lỏng và khí sẽ là cõi hồng trần-dĩ thái hệ thống, cõi cảm dục hệ thống và cõi trí hệ thống. Các cõi hệ thống là “các cõi thái dương”, và hai cách mô tả này có thể được dùng thay thế cho nhau.

21. Although the Planetary Logoi considered as centers within the Solar Logos are to be found focussed on the cosmic ethers, their arenas of focussed action can be keyed to any of the cosmic physical subplanes,

21. Mặc dù các Hành Tinh Thượng Đế, được xét như các trung tâm bên trong Thái dương Thượng đế, được tìm thấy tập trung trên các dĩ thái vũ trụ, các trường hoạt động tập trung của các Ngài có thể được quy chiếu với

including the three worlds which constitute the dense physical body of the Solar Logos. Each of the Planetary Logoi is, therefore, associated with a particular sub-plane of the cosmic physical plane rather than the others, though all, in some respect, are active in relation to all sub-planes.

bất kỳ cõi phụ nào của cõi hồng trần vũ trụ, kể cả ba cõi giới cấu thành thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế. Vì vậy, mỗi Hành Tinh Thượng Đế được liên kết với một cõi phụ đặc thù của cõi hồng trần vũ trụ hơn là với các cõi khác, dù tất cả, trong một số phương diện, đều hoạt động liên hệ với mọi cõi phụ.

22. For instance, we live focussed largely on the solar sub-plane of the cosmic physical plane. On this plane we can experience the influence of *all* the Planetary Logoi, and so it goes with respect to all the solar planes.

22. Chẳng hạn, chúng ta sống tập trung phần lớn trên cõi phụ thái dương của cõi hồng trần vũ trụ. Trên cõi này chúng ta có thể kinh nghiệm ảnh hưởng của *tất cả* các Hành Tinh Thượng Đế, và điều ấy cũng đúng đối với mọi cõi thái dương.

23. We may also infer that there are certain structures on the cosmic dense, liquid and gaseous planes which resonate to the three centers under discussion.

23. Chúng ta cũng có thể suy ra rằng có những cấu trúc nào đó trên các cõi đậm đặc, lỏng và khí vũ trụ cộng hưởng với ba trung tâm đang được bàn đến.

Are at present the object of the attention of cosmic kundalini.

Hiện nay là đối tượng của sự chú ý của kundalini vũ trụ.

24. We are given an important piece of information—that cosmic kundalini (presumably the kundalini of the Solar Logos considered as a cosmic Being) is focussed in His three lower centers.

24. Chúng ta được cung cấp một mẩu thông tin quan trọng—rằng kundalini vũ trụ (có lẽ là kundalini của Thái dương Thượng đế được xét như một Hữu Thể vũ trụ) được tập trung trong ba trung tâm thấp của Ngài.

25. If this is the case—that the kundalini of the Solar Logos is focussed only in His lower centers—then we are learning something about the degree of advancement of this Being.

25. Nếu đúng như vậy—rằng kundalini của Thái dương Thượng đế chỉ tập trung trong các trung tâm thấp của Ngài—thì chúng ta đang học được điều gì đó về mức độ tiến bộ của Hữu Thể này.

26. A few quotations below may assist us in the consideration of kundalini in relation to the planets:

26. Một vài trích dẫn dưới đây có thể giúp chúng ta trong việc xem xét kundalini liên hệ với các hành tinh:

"Our solar system, being considered as of the fourth [Page 362] order, and our scheme being the fourth in order, there is

"Hệ mặt trời của chúng ta, được xem là thuộc bậc [Page 362] thứ tư, và hệ hành tinh của chúng ta là hệ thứ tư theo thứ tự, do đó

consequently a moment of special opportunity afforded our planetary Logos through the alignment brought about. **It eventuates in the turning of the attention of the logoic kundalini fire towards this centre, our scheme, and the subsequent results are in process of working out."** (TCF 361-362)

có một thời điểm cơ hội đặc biệt được dành cho Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta nhờ sự chỉnh hợp được tạo ra. **Nó đưa đến việc lửa kundalini logoic chuyển sự chú ý của nó về trung tâm này, hệ của chúng ta, và các kết quả tiếp theo hiện đang trong tiến trình biểu lộ."** (TCF 361-362)

27. From this quotation we realize that the Earth (a non-sacred planetary scheme) may be considered one of the three lower centers in the cosmic Being even though the Earth is not one of the seven sacred planets.

27. Từ trích dẫn này chúng ta nhận ra rằng Trái Đất (một hệ hành tinh không thiêng liêng) có thể được xem là một trong ba trung tâm thấp trong Hữu Thể vũ trụ mặc dù Trái Đất không phải là một trong bảy hành tinh thiêng liêng.

28. We must determine, however, whether the word "eventuates" signals that cosmic kundalini will be turned to our Earth at a later date or whether it is directed to the Earth at this time.

28. Tuy nhiên, chúng ta phải xác định liệu từ "đưa đến" có báo hiệu rằng kundalini vũ trụ sẽ được chuyển đến Trái Đất của chúng ta vào một ngày sau này hay liệu hiện nay nó đang được hướng đến Trái Đất.

3. A certain great logoic centre will be vitalised and **the attention of logoic kundalini will pass from the present triangle in process of forming (the Earth, Venus, and a scheme whose name it is advisable to withhold)** to the other. (TCF 390)

3. Một trung tâm logoic vĩ đại nào đó sẽ được tiếp sinh lực và **sự chú ý của kundalini logoic sẽ chuyển từ tam giác hiện tại đang trong tiến trình hình thành (Trái Đất, Sao Kim, và một hệ mà tên của nó nên được giữ kín)** sang tam giác kia. (TCF 390)

29. In this section of TCF, DK is speaking of the solar systemic centers to which logoic kundalini will be directed *in the next round.*

29. Trong phần này của TCF, DK đang nói về các trung tâm hệ thống thái dương mà kundalini logoic sẽ được hướng đến *trong cuộc tuần hoàn kế tiếp.*

30. However, in passing, He seems to mention the planets to which logoic kundalini is presently directed. The Earth, Venus and another scheme are mentioned.

30. Tuy nhiên, nhân tiện, Ngài dường như nhắc đến các hành tinh mà kundalini logoic hiện đang được hướng đến. Trái Đất, Sao Kim và một hệ khác được nhắc đến.

31. We note that this triangle is only in process of forming and so the circulation of

31. Chúng ta lưu ý rằng tam giác này chỉ mới đang trong tiến trình hình thành và vì vậy

kundalini through this triangle is certainly not fully active.

sự lưu chuyển của kundalini qua tam giác này chắc chắn chưa hoàn toàn hoạt động.

32. The mentioning of the Earth confirms (in relation to the first reference on TCF 361-362) that logoic kundalini is directed to our Earth at this time.

32. Việc nhắc đến Trái Đất xác nhận (liên hệ với tham chiếu đầu tiên ở TCF 361-362) rằng kundalini logoic đang được hướng đến Trái Đất của chúng ta vào lúc này.

33. Given the numerical alignment of our planetary scheme with the order number of the Solar Logos (He is a Logos of the "fourth order"), and given the great crises unfolding on our planet and planetary chain, the direction of logoic kundalini to the Earth-scheme does not seem unreasonable.

33. Xét đến sự chỉnh hợp số học của hệ hành tinh chúng ta với số thứ tự của Thái dương Thượng đế (Ngài là một Thượng đế thuộc "bậc thứ tư"), và xét đến những khủng hoảng lớn đang diễn ra trên hành tinh và dãy hành tinh của chúng ta, việc hướng kundalini logoic đến hệ Trái Đất dường như không phải là điều vô lý.

34. Venus, we are told, is a planetary scheme which is very greatly unfolded, and so logoic kundalini has probably been directed there to promote this unfoldment.

34. Chúng ta được cho biết rằng Sao Kim là một hệ hành tinh đã khai mở rất lớn, và vì vậy kundalini logoic có lẽ đã được hướng đến đó để thúc đẩy sự khai mở này.

35. The third planetary scheme is left unnamed. We may gather the inferences and attempt to name it.

35. Hệ hành tinh thứ ba không được nêu tên. Chúng ta có thể tập hợp các suy luận và thử gọi tên nó.

36. Another quote involving the Earth and Venus as planets presently simulated by logoic kundalini is as follows:

36. Một trích dẫn khác liên quan đến Trái Đất và Sao Kim như những hành tinh hiện đang được kundalini logoic kích thích như sau:

Such an event transpires in this round in relation to the centre which our planetary Logos [Page 369] embodies. It became geometrically linked with two other centres, of which Venus was one, and logoic Kundalini—circulating with tremendous force through this adjusted Triangle—brought about that intensification of vibration in the human family which resulted in individualisation. (TCF 368-369)

Một biến cố như thế xảy ra trong cuộc tuần hoàn này liên hệ với trung tâm mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta [Page 369] hiện thân. Nó đã được nối kết về mặt hình học với hai trung tâm khác, trong đó Sao Kim là một, và kundalini logoic—lưu chuyển với mãnh lực to lớn qua Tam Giác đã được điều chỉnh này—đã tạo ra sự tăng cường rung động trong gia đình nhân loại, đưa đến biệt ngã hóa. (TCF 368-369)

37. And another, similarly confirming.

37. Và một trích dẫn khác, xác nhận tương tự.

38. We see the link of logoic kundalini to the process of individualization on Earth. This will be taken up in greater detail when we reach that particular section of the book.

38. Chúng ta thấy mối liên hệ của kundalini logoic với tiến trình biệt ngã hóa trên Trái Đất. Điều này sẽ được bàn đến chi tiết hơn khi chúng ta đến phần đặc thù ấy của quyển sách.

Via the Venus chain of our scheme.

Qua dãy Sao Kim của hệ chúng ta.

As the result of a stimulation, originating in the Venus scheme.

Là kết quả của một sự kích thích, phát sinh từ hệ Sao Kim.

Because logoic kundalini had vitalised one of the systemic triangles of force, of which (temporarily) Venus and the Earth formed two points of the triangle.

Bởi vì kundalini logoic đã tiếp sinh lực cho một trong các tam giác mãnh lực hệ thống, trong đó (tạm thời) Sao Kim và Trái Đất tạo thành hai điểm của tam giác.

This produced the individualisation of those, particularly in the human Hierarchy, who form a particular centre in the body of the planetary Logos. (TCF 379)

Điều này tạo ra sự biệt ngã hóa của những ai, đặc biệt trong Huyền Giai Tinh Thần nhân loại, tạo thành một trung tâm đặc thù trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế. (TCF 379)

39. Here we read of the temporary stimulation of Venus as part of a triangle. We could hypothesize that Venus is now so fully developed, that logoic kundalini will no longer be directed to it.

39. Ở đây chúng ta đọc thấy về sự kích thích tạm thời của Sao Kim như một phần của một tam giác. Chúng ta có thể giả thuyết rằng Sao Kim hiện đã phát triển đầy đủ đến mức kundalini logoic sẽ không còn được hướng đến nó nữa.

40. And another reference, similarly confirming…

40. Và một tham chiếu khác, xác nhận tương tự…

c. That the planetary Logos did not come from the Venus scheme but from the Venus chain of His own scheme, the Earth scheme. Owing to systemic [Page 387] alignment **logoic kundalini could flow through a certain triangle of which two points were Venus and the Earth.** This caused an

c. Rằng Hành Tinh Thượng Đế không đến từ hệ Sao Kim mà từ dãy Sao Kim của chính hệ của Ngài, hệ Trái Đất. Do sự chỉnh hợp hệ thống [Page 387] **kundalini logoic có thể chảy qua một tam giác nào đó mà hai điểm là Sao Kim và Trái Đất.** Điều này gây ra một sự gia tốc rung động, và giúp Đấng Thiên

acceleration of vibration, and enabled the Heavenly Man of our scheme to take a minor initiation, and to set about His preparations for a major initiation. (TCF 386-387)

Nhân của hệ chúng ta nhận một điểm đạo nhỏ, và bắt đầu các chuẩn bị của Ngài cho một điểm đạo lớn. (TCF 386-387)

41. We also learn that logoic kundalini is turning from the lowest two and a half systemic planes. We remember that the three centers under discussion (which are the object of the attention of cosmic kundalini) are concerned with the three lowest planes in the body of manifestation of the Solar Logos.

41. Chúng ta cũng học được rằng kundalini logoic đang quay khỏi hai cõi rưỡi thấp nhất của hệ thống. Chúng ta nhớ rằng ba trung tâm đang được bàn đến (là đối tượng của sự chú ý của kundalini vũ trụ) liên quan đến ba cõi thấp nhất trong thể biểu hiện của Thái dương Thượng đế.

These two and a half planes are of peculiar interest to the Logos, as they embody:

Hai cõi rưỡi này đặc biệt đáng quan tâm đối với Thượng đế, vì chúng hiện thân cho:

That which, for Him, lies below the threshold of consciousness.

Điều mà, đối với Ngài, nằm dưới ngưỡng tâm thức.

Those centres from which logoic kundalini is turning.

Những trung tâm mà kundalini logoic đang quay khỏi.

That which is not considered a principle.

Điều không được xem là một nguyên khí.

That which is gradually passing into obscuration. (TCF 530)

Điều đang dần dần đi vào sự che khuất. (TCF 530)

42. In some references, the Logos is said to have no focus in the entirety of the three lower planes. Here, we are given that idea that He is, indeed, concerned with the systemic higher mental plane.

42. Trong một số tham chiếu, Thượng đế được nói là không có tiêu điểm trong toàn bộ ba cõi thấp. Ở đây, chúng ta được trao cho ý tưởng rằng Ngài quả thực có liên hệ với cõi thượng trí hệ thống.

43. As for the nature of the third planet, if we consider Earth to represent the base of the spine center of the Solar Logos (which is a relationship indicated in the following excerpt)…

43. Về bản chất của hành tinh thứ ba, nếu chúng ta xem Trái Đất là đại diện cho trung tâm đáy cột sống của Thái dương Thượng đế (một mối liên hệ được chỉ ra trong đoạn trích sau)…

It relates finally the lowest centre at the base of the spine to the highest centre, the head

Cuối cùng nó liên hệ trung tâm thấp nhất ở đáy cột sống với trung tâm cao nhất, trung

centre. This is a correspondence to the relation of the Earth to the Sun. Think this out. (EA 25)

tâm đầu. Đây là một tương ứng với mối liên hệ của Trái Đất với Mặt Trời. Hãy suy nghĩ điều này. (EA 25)

44. And Venus as the solar plexus center of the Logos (as least reasonably related to it), since of Venus it is said…

44. Và Sao Kim là trung tâm tùng thái dương của Thượng đế (ít nhất là có thể liên hệ hợp lý với nó), vì về Sao Kim có nói rằng…

"It is the home of the planetary Logos of the sixth Ray. This may sound like a contradiction, but it is not so really; we must remember the interlocking, the gradual shifting and changing, that takes place in time on all [Page 596] the Rays. (TCF 595-596)

"Nó là nơi cư ngụ của Hành Tinh Thượng Đế thuộc cung sáu. Điều này có thể nghe như một mâu thuẫn, nhưng thực ra không phải vậy; chúng ta phải nhớ đến sự đan xen, sự chuyển dịch và thay đổi dần dần, diễn ra theo thời gian trên mọi [Page 596] cung. (TCF 595-596)

45. then we have a basis for seeking to determine the third planet.

45. thì chúng ta có một cơ sở để tìm cách xác định hành tinh thứ ba.

46. The following reference also links Venus to the solar plexus center and to the emotional nature of the Solar Logos:

46. Tham chiếu sau đây cũng liên kết Sao Kim với trung tâm tùng thái dương và với bản chất cảm xúc của Thái dương Thượng đế:

Seek not to work out hypotheses of alignment based on the physical planets. The truth lies not there. Only three of the physical planets (and those three in etheric matter) enter into the final alignment that marks the attainment [7] by the Logos of the cosmic egoic consciousness, which is His goal of attainment. Of these three, the earth is not one, **but Venus has her place corresponding to the emotional permanent atom.** (LOM 6-7)

Đừng tìm cách xây dựng các giả thuyết chỉnh hợp dựa trên các hành tinh hồng trần. Sự thật không nằm ở đó. Chỉ có ba hành tinh hồng trần (và ba hành tinh ấy trong vật chất dĩ thái) đi vào sự chỉnh hợp cuối cùng đánh dấu sự thành đạt [7] của Thượng đế về tâm thức chân ngã vũ trụ, là mục tiêu thành đạt của Ngài. Trong ba hành tinh ấy, Trái Đất không phải là một, **nhưng Sao Kim có vị trí của nó tương ứng với nguyên tử trường tồn cảm xúc.** (LOM 6-7)

47. That planet could be Mars, easily associated with the sacral center, or Mercury (closely related to the base of the spine) in which case the Earth (though it has a definite connection with the logoic base of the spine center) could be assigned the position of the sacral center.

47. Hành tinh ấy có thể là Sao Hỏa, dễ dàng gắn với trung tâm xương cùng, hoặc Sao Thủy (liên hệ chặt chẽ với đáy cột sống), trong trường hợp đó Trái Đất (dù có một liên hệ xác định với trung tâm đáy cột sống logoic) có thể được gán vào vị trí của trung tâm xương cùng.

48. Mercury, however, is planet of great development, and (in relation to is main function) should not be put 'below' Venus in relation to the solar logoic centers.

48. Tuy nhiên, Sao Thủy là hành tinh có sự phát triển lớn, và (liên hệ với chức năng chính của nó) không nên được đặt 'thấp hơn' Sao Kim trong tương quan với các trung tâm của Thái dương Thượng đế.

49. Thus, the most reasonable triangle would be Earth, Mars, Venus, rather than Mercury, Earth, Venus. Naturally, this is a hypothesis which must be tested in the future, according to the Law of Correspondences and also experimentally, when experiment becomes possible.

49. Vì vậy, tam giác hợp lý nhất sẽ là Trái Đất, Sao Hỏa, Sao Kim, hơn là Sao Thủy, Trái Đất, Sao Kim. Dĩ nhiên, đây là một giả thuyết phải được kiểm nghiệm trong tương lai, theo định luật tương ứng và cũng bằng thực nghiệm, khi việc thực nghiệm trở nên khả hữu.

50. Let us pause here for an interesting speculation:

50. Chúng ta hãy dừng lại ở đây để có một suy đoán thú vị:

a. There may be *more than one* planetary scheme involved in the functioning of any particular solar logoic chakra—perhaps a triangle of influences, with one of them major.

a. Có thể có *nhiều hơn một* hệ hành tinh tham gia vào hoạt động của bất kỳ luân xa thái dương logoic đặc thù nào—có lẽ là một tam giác các ảnh hưởng, với một trong số đó là chính yếu.

b. According to the different rays expressed by a Planetary Logos through his different periodical vehicles, so may be his temporary involvement with any particular solar logoic chakra. For instance—

b. Theo các cung khác nhau được một Hành Tinh Thượng Đế biểu lộ qua các vận cụ tuần hoàn khác nhau của ngài, thì sự tham gia tạm thời của ngài vào bất kỳ luân xa thái dương logoic đặc thù nào cũng có thể như vậy. Chẳng hạn—

i. The Planetary Logos of Earth has a third ray personality, so during the time when the Planetary Logos' personality ray is stronger than either His soul or monadic ray, His chakric functioning could be through a center correlated with the third ray. Such a chakra would be the sacral center or the splenic center. (With regard to the average man, we know that the Earth is said to be the ruler of his throat center—a center strongly correlated to the expression of the third ray.)

i. Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất có phàm ngã cung ba, vì thế trong thời kỳ mà cung phàm ngã của Hành Tinh Thượng Đế mạnh hơn cung linh hồn hay cung chân thần của Ngài, hoạt động luân xa của Ngài có thể thông qua một trung tâm tương quan với cung ba. Một luân xa như thế sẽ là trung tâm xương cùng hoặc trung tâm lá lách. (Liên hệ với con người trung bình, chúng ta biết rằng Trái Đất được nói là chủ tinh của trung tâm cổ họng của y—một trung tâm tương quan mạnh với sự biểu lộ của cung ba.)

ii. During the period in which the Planetary Logos of the Earth-scheme is functioning most powerfully in His second ray soul, His chakric functioning could be through a center related to the second ray. Such a chakra would be the solar plexus center. We remember that the solar plexus center of the human being has *two points* within it—a higher and a lower. At a certain stage of solar logoic evolution, Venus could represent the higher point in the solar plexus and Earth the lower and more material point. But since the solar plexus is definitely connected with the astral plane and the sixth ray, the second ray soul of the Planetary Logos of Earth would correlate with it resonantly.

ii. Trong thời kỳ mà Hành Tinh Thượng Đế của hệ Trái Đất đang hoạt động mạnh mẽ nhất trong linh hồn cung hai của Ngài, hoạt động luân xa của Ngài có thể thông qua một trung tâm liên hệ với cung hai. Một luân xa như thế sẽ là trung tâm tùng thái dương. Chúng ta nhớ rằng trung tâm tùng thái dương của con người có *hai điểm* bên trong nó—một điểm cao hơn và một điểm thấp hơn. Ở một giai đoạn nào đó của sự tiến hóa thái dương logoic, Sao Kim có thể đại diện cho điểm cao hơn trong tùng thái dương và Trái Đất là điểm thấp hơn và vật chất hơn. Nhưng vì trung tâm tùng thái dương chắc chắn liên kết với cõi cảm dục và cung sáu, linh hồn cung hai của Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất sẽ tương quan với nó một cách cộng hưởng.

iii. During the period to come in which the Planetary Logos of the Earth-scheme will be functioning most powerfully in His first ray Monad, His chakric functioning could be through a center related to the first ray. Such a chakra would be the base of the spine center.

iii. Trong thời kỳ sắp đến mà Hành Tinh Thượng Đế của hệ Trái Đất sẽ hoạt động mạnh mẽ nhất trong Chân thần cung một của Ngài, hoạt động luân xa của Ngài có thể thông qua một trung tâm liên hệ với cung một. Một luân xa như thế sẽ là trung tâm đáy cột sống.

iv. In all of these assignments, I am confining myself principally to a consideration of the three lower centers.

iv. Trong tất cả các sự quy gán này, tôi chủ yếu tự giới hạn vào việc xem xét ba trung tâm thấp.

c. If we extend this picture to all of the Logoi of the planetary schemes, we will see how a number of them can change their chakric involvement at different points in the evolutionary process.

c. Nếu chúng ta mở rộng bức tranh này đến tất cả các Thượng đế của các hệ hành tinh, chúng ta sẽ thấy cách một số vị trong các Ngài có thể thay đổi sự tham gia luân xa của mình tại những điểm khác nhau trong tiến trình tiến hoá.

d. The picture would be one of great complexity. Whether or not a triangle of planets goes to the constitution of a particular solar logoic chakra, a Planetary Logos could still change chakric involvement based upon the major ray through which He is expressing.

d. Bức tranh ấy sẽ là một bức tranh cực kỳ phức tạp. Dù một tam giác các hành tinh có đi vào cấu tạo của một luân xa thái dương logoic đặc thù hay không, một Hành Tinh Thượng Đế vẫn có thể thay đổi sự tham gia luân xa dựa trên cung chính yếu mà qua đó Ngài đang biểu lộ.

e. Non-sacred planets would be expressing primarily through their personality ray (the Earth, Mars and Pluto are examples). Sacred planets through their soul ray, and it may be that synthesizing planets would express through their monadic ray.

e. Các hành tinh không thiêng liêng sẽ biểu lộ chủ yếu qua cung phàm ngã của chúng (Trái Đất, Sao Hỏa và Sao Diêm Vương là các ví dụ). Các hành tinh thiêng liêng qua cung linh hồn của chúng, và có thể các hành tinh tổng hợp sẽ biểu lộ qua cung chân thần của chúng.

[Page 297]

[Page 297]

c. One of these centres corresponds to the solar plexus and is the synthesiser of the lower three, thus making a quaternary.

c. Một trong các trung tâm này tương ứng với trung tâm tùng thái dương và là yếu tố tổng hợp của ba trung tâm thấp, như thế tạo thành một bộ bốn.

51. From this excerpt, we understand the if the solar plexus center is to synthesize the lower three, *then*, the splenic center must be included, even though it is a minor center.

51. Từ đoạn trích này, chúng ta hiểu rằng nếu trung tâm tùng thái dương phải tổng hợp ba trung tâm thấp, *thì* trung tâm lá lách phải được bao gồm, dù nó là một trung tâm phụ.

52. Because there must be *four* centers to consider, its may be advisable to take Pluto into consideration.

52. Bởi vì phải có *bốn* trung tâm để xem xét, có lẽ nên đưa Sao Diêm Vương vào sự cân nhắc.

53. Pluto was not publicly discovered when TCF was written, so there are some assumptions to be made:

53. Sao Diêm Vương chưa được khám phá công khai khi TCF được viết, vì vậy có một số giả định cần được đưa ra:

a. DK knew about the existence of Pluto (since He is a specialist in solar energies).

a. DK biết về sự hiện hữu của Sao Diêm Vương (vì Ngài là một chuyên gia về các năng lượng thái dương).

b. DK wrote His descriptions with Pluto in mind.

b. DK đã viết các mô tả của Ngài với Sao Diêm Vương trong tâm trí.

c. Or, DK did not write His descriptions with Pluto in mind.

c. Hoặc, DK đã không viết các mô tả của Ngài với Sao Diêm Vương trong tâm trí.

54. If we do assume that DK implied the presence of Pluto and wrote in such as way as to leave room for its inclusion, then the three named non-sacred planets will be included: Pluto, Mars and Earth.

54. Nếu chúng ta quả thực giả định rằng DK hàm ý sự hiện diện của Sao Diêm Vương và đã viết theo cách để chừa chỗ cho việc bao gồm nó, thì ba hành tinh không thiêng liêng được nêu tên sẽ được bao gồm: Sao Diêm Vương, Sao Hỏa và Trái Đất.

55. They can reasonably be assigned as follows:

55. Chúng có thể được quy gán một cách hợp lý như sau:

a. Pluto—base of the spine center

a. Sao Diêm Vương—trung tâm đáy cột sống

b. Mars—sacral center

b. Sao Hỏa—trung tâm xương cùng

c. Earth—splenic center

c. Trái Đất—trung tâm lá lách

d. Venus—solar plexus center

d. Sao Kim—trung tâm tùng thái dương

56. The fifth and sixth rays are expressing through Venus, along with the second. Venus is directly associated with kama-manas. The following reference illustrates this:

56. Cung năm và cung sáu đang biểu lộ qua Sao Kim, cùng với cung hai. Sao Kim được liên kết trực tiếp với trí-cảm. Tham chiếu sau đây minh họa điều này:

You will see, therefore, the significance of that triangle of planets [Page 362] (at which I hinted in A Treatise on Cosmic Fire): the Earth-Venus-Mercury. From certain angles, these are related to the Personality of our planetary Logos:

57. Always attend to DK when He says, "from certain angles". Our task is to discover *which* angles.

1. The Earth—planetary vital body.

2. **Venus—planetary astral vehicle, or Kama-manas.**

3. Mercury—planetary mind. (EA 361-362)

58. If these planetary schemes are related to the personality of our Planetary Logos, there must be something in the nature of these planetary schemes which correlates with the principles or factors stimulated by them within the constitution of our Planetary Logos.

59. It is apparent from considering kama-manas that it represents a combination of the numbers six and five—*six* for kama and *five* for manas.

60. Interestingly, the solar plexus center is the *fifth* center (counting from above) and is ruled by the *sixth* ray. Numerically, Venus fits in this position.

61. Venus is sometimes considered as the heart center of our Solar Logos, and, one day, it *may* be, but it is necessary to think carefully about its *present* function, which may be more the solar plexus center than

Vì vậy, bạn sẽ thấy thâm nghĩa của tam giác hành tinh ấy [Page 362] (mà tôi đã gợi ý trong Luận về Lửa Vũ Trụ): Trái Đất-Sao Kim-Sao Thủy. Từ một số góc độ, chúng liên hệ với Phàm ngã của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta:

57. Hãy luôn chú ý khi DK nói, "từ một số góc độ". Nhiệm vụ của chúng ta là khám phá *những* góc độ nào.

1. Trái Đất—thể sinh lực hành tinh.

2. **Sao Kim—vận cụ cảm dục hành tinh, hay trí-cảm.**

3. Sao Thủy—trí tuệ hành tinh. (EA 361-362)

58. Nếu các hệ hành tinh này liên hệ với phàm ngã của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, thì phải có điều gì đó trong bản chất của các hệ hành tinh này tương quan với các nguyên khí hay các yếu tố được chúng kích thích bên trong cấu tạo của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

59. Rõ ràng là khi xét trí-cảm, nó đại diện cho một sự kết hợp của các số sáu và năm—*sáu* cho kama và *năm* cho manas.

60. Thật thú vị, trung tâm tùng thái dương là trung tâm *thứ năm* (đếm từ trên xuống) và được cai quản bởi cung *thứ sáu*. Về mặt số học, Sao Kim phù hợp với vị trí này.

61. Đôi khi Sao Kim được xem là trung tâm tim của Thái dương Thượng đế của chúng ta, và một ngày nào đó nó *có thể* sẽ là như vậy, nhưng cần suy nghĩ cẩn thận về chức năng *hiện tại* của nó, chức năng này có thể là

the heart center. We do recognize, however, the relationship between these two centers and the manner in which the energy of the solar plexus center is intended to be elevated to the heart center.

62. If the solar plexus center were only one of *three* to be considered, then the triangle Venus, Mars, Earth would be reasonable, with Venus representing the solar plexus center, Mars the sacral center and Earth the base of the spine center. We have seen how the Earth can be associated with the base of the spine center. The question is, "Is the Earth *presently* fulfilling that function, or is it a function to be fulfilled at a later date—for instance in the next solar system?" We can also infer the relationship of Earth to all things etheric. The great fertility of our planet upon its physical level of expression indicates its etheric potency.

63. As well, the Earth with its third ray personality can reasonably be related to the sacral center of the Solar Logos because of the amazing fecundity of Earth in relation to the material plane.

64. If, however, the solar plexus center is one of *four* centers which must be considered (TCF 297, point "c."), then Pluto will have to be added. Indeed, it would not be entirely reasonable to exclude it (even though it was not discovered at the time of the writing), as it is definitely one of the non-sacred planets and is reasonably much more related to the lower vehicles of the Solar Logos than to the higher.

65. The proposed quaternary in which the solar plexus center (hypothetically Venus) is

trung tâm tùng thái dương hơn là trung tâm tim. Tuy nhiên, chúng ta quả thực nhận ra mối liên hệ giữa hai trung tâm này và cách năng lượng của trung tâm tùng thái dương được dự định nâng lên trung tâm tim.

62. Nếu trung tâm tùng thái dương chỉ là một trong *ba* trung tâm cần được xem xét, thì tam giác Sao Kim, Sao Hỏa, Trái Đất sẽ là hợp lý, với Sao Kim đại diện cho trung tâm tùng thái dương, Sao Hỏa là trung tâm xương cùng và Trái Đất là trung tâm đáy cột sống. Chúng ta đã thấy cách Trái Đất có thể được liên kết với trung tâm đáy cột sống. Câu hỏi là, "Liệu Trái Đất *hiện nay* đang thực hiện chức năng đó, hay đó là một chức năng sẽ được thực hiện vào một ngày sau này—chẳng hạn trong hệ mặt trời kế tiếp?" Chúng ta cũng có thể suy ra mối liên hệ của Trái Đất với mọi điều thuộc dĩ thái. Sự phì nhiêu lớn lao của hành tinh chúng ta trên cấp độ biểu lộ hồng trần của nó cho thấy tiềm lực dĩ thái của nó.

63. Ngoài ra, Trái Đất với cung phàm ngã ba của nó có thể được liên hệ một cách hợp lý với trung tâm xương cùng của Thái dương Thượng đế vì khả năng sinh sản kỳ diệu của Trái Đất trong tương quan với cõi vật chất.

64. Tuy nhiên, nếu trung tâm tùng thái dương là một trong *bốn* trung tâm phải được xem xét (TCF 297, điểm "c."), thì Sao Diêm Vương sẽ phải được thêm vào. Quả thật, sẽ không hoàn toàn hợp lý nếu loại trừ nó (dù vào thời điểm tác phẩm được viết ra nó chưa được khám phá), vì nó rõ ràng là một trong các hành tinh không thiêng liêng và hợp lý mà nói thì liên hệ với các vận cụ thấp của Thái dương Thượng đế nhiều hơn là với các vận cụ cao.

65. Khi ấy, bộ bốn được đề nghị, trong đó trung tâm tùng thái dương (theo giả thuyết

the synthesizer of the lower three would then be as assigned above: Pluto, base of the spine center; Mars, sacral center; Earth, splenic center; Venus, solar plexus center.

là Sao Kim) là yếu tố tổng hợp của ba trung tâm thấp hơn, sẽ được phân định như trên: Sao Diêm Vương, trung tâm đáy cột sống; Sao Hỏa, trung tâm xương cùng; Trái Đất, trung tâm lá lách; Sao Kim, trung tâm tùng thái dương.

66. Two questions would arise in this assignment:

66. Hai câu hỏi sẽ nảy sinh trong cách phân định này:

a. Why should Venus *not* be the heart center?

a. Tại sao Sao Kim lại *không* là trung tâm tim?

b. Why should the Earth, when it is a planet more advanced than either Mars or Pluto, be associated with a minor center such as the spleen?

b. Tại sao Trái Đất, khi nó là một hành tinh tiến hóa hơn cả Sao Hỏa lẫn Sao Diêm Vương, lại được gắn với một trung tâm phụ như lá lách?

67. We are, after all, flatly told that:

67. Rốt cuộc, chúng ta được nói thẳng rằng:

Venus corresponds to the heart centre in the body logoic, and has an inter-relationship therefore with all the other centres in the solar system wherein the heart aspect is the one of greater prominence. (TCF 182)

Sao Kim tương ứng với trung tâm tim trong thân thể của Thượng đế, và do đó có mối tương liên với tất cả các trung tâm khác trong hệ mặt trời nơi phương diện tim là phương diện nổi trội hơn cả. (TCF 182)

68. The focus must be upon the word "corresponds", because if Venus were prominent in one of the major triangles of the solar logoic body, such as the triangle *below* the solar logoic diaphragm, Venus could *correspond* to the heart center and still not *be* the heart center.

68. Trọng tâm phải đặt vào từ "tương ứng", bởi vì nếu Sao Kim nổi bật trong một trong các tam giác chính của thể Thượng đế, chẳng hạn tam giác *bên dưới* cơ hoành của Thái dương Thượng đế, thì Sao Kim vẫn có thể *tương ứng* với trung tâm tim mà vẫn không *là* trung tâm tim.

69. To support this point of view, we are told the following:

69. Để hỗ trợ cho quan điểm này, chúng ta được cho biết điều sau:

The Lord of Venus holds place in the logoic quaternary, as does the Lord of Earth. (TCF 300)

Chúa Tể của Sao Kim giữ vị trí trong bộ tứ của Thượng đế, cũng như Chúa Tể của Trái Đất. (TCF 300)

70. The "quaternary" is most often the *lower* self. The centers below the diaphragm (and the solar plexus center is, indeed, *below* the diaphragm) are those centers which express themselves through the quaternary.

70. "Bộ tứ" thường là phàm ngã *thấp*. Các trung tâm bên dưới cơ hoành (và trung tâm tùng thái dương quả thực ở *bên dưới* cơ hoành) là những trung tâm tự biểu lộ qua bộ tứ.

71. The following reference, and there are many others, supports this position:

71. Tài liệu dẫn chiếu sau đây, và còn nhiều tài liệu khác nữa, ủng hộ lập trường này:

"Quaternary. The fourfold lower self, or man, in the three worlds. There are various divisions of this, but perhaps for our purpose the best is to enumerate the four as follows:

"Bộ tứ. Phàm ngã thấp tứ phân, hay con người, trong ba cõi giới. Có nhiều cách phân chia khác nhau về điều này, nhưng có lẽ đối với mục đích của chúng ta, cách tốt nhất là liệt kê bốn phần như sau:

1. Lower mind.

1. Hạ trí.

2. Emotional or kamic body.

2. Thể cảm xúc hay thể cảm dục.

3. Prana, or the Life Principle.

3. Prana, hay Nguyên khí Sự sống.

4. The etheric body, or the highest division of the twofold physical body." (IHS 223)

4. Thể dĩ thái, hay phân bộ cao nhất của thể xác nhị phân." (IHS 223)

72. The heart center corresponds to buddhi and the buddhic plane; it is not particularly expressive in relation to the lower quaternary (unless through one of its lower functions). The solar plexus center, however, certainly is.

72. Trung tâm tim tương ứng với Bồ đề và cõi Bồ đề; nó không đặc biệt biểu lộ trong liên hệ với bộ tứ thấp (trừ phi qua một trong các chức năng thấp của nó). Tuy nhiên, trung tâm tùng thái dương thì chắc chắn có.

73. The only way the heart center could be part of a lower quaternary, is if we consider four chakras *together*: the base of the spine center, the sacral center, the solar plexus center and the heart center, with three chakras superior to it.

73. Cách duy nhất để trung tâm tim có thể là một phần của bộ tứ thấp là nếu chúng ta xét bốn luân xa *cùng nhau*: trung tâm đáy cột sống, trung tâm xương cùng, trung tâm tùng thái dương và trung tâm tim, với ba luân xa ở cao hơn nó.

74. The heart center is so placed that it could be part of *two* quaternaries—a lower and a higher. The higher would consist of head center, ajna center, throat center and heart

74. Trung tâm tim được đặt ở vị trí sao cho nó có thể là một phần của *hai* bộ tứ—một thấp và một cao. Bộ tứ cao sẽ gồm trung tâm đầu, trung tâm ajna, trung tâm cổ họng và

center. But since the Earth is mentioned with Venus as part of a quaternary, the quaternary must be a *lower* quaternary.

trung tâm tim. Nhưng vì Trái Đất được nhắc đến cùng với Sao Kim như là một phần của một bộ tứ, nên bộ tứ ấy hẳn phải là một bộ tứ *thấp*.

75. Nevertheless, it is only with difficulty that the heart center (relating as it does to the buddhic plane) can be conceived of as integral to personality functioning. The heart will have personal functions, but its true nature admits to the buddhic plane and to Hierarchy.

75. Tuy nhiên, chỉ với khó khăn người ta mới có thể hình dung trung tâm tim (vì nó liên hệ với cõi Bồ đề) là thành phần nguyên vẹn của hoạt động phàm ngã. Tim sẽ có những chức năng cá nhân, nhưng bản chất đích thực của nó thuộc về cõi Bồ đề và Thánh đoàn.

76. Since we know that the Earth must definitely relate to a center below the solar logoic diaphragm, and since we are told that the Lord of Earth and the Lord of Venus *both* hold place in the logoic quaternary, it seems reasonable to place Venus, temporarily at least, *below* the logoic diaphragm.

76. Vì chúng ta biết rằng Trái Đất chắc chắn phải liên hệ với một trung tâm bên dưới cơ hoành của Thái dương Thượng đế, và vì chúng ta được cho biết rằng Chúa Tể của Trái Đất và Chúa Tể của Sao Kim *cả hai* đều giữ vị trí trong bộ tứ của Thượng đế, nên có vẻ hợp lý khi tạm thời ít nhất đặt Sao Kim *bên dưới* cơ hoành của Thượng đế.

77. In another solar system or, perhaps, at another time in this solar system, Venus may indeed fulfill the place of logoic heart center. Presently, there are strong reasons why it should not be taken as the heart center.

77. Trong một hệ mặt trời khác hoặc có lẽ vào một thời điểm khác trong hệ mặt trời này, Sao Kim quả thực có thể đảm nhiệm vị trí trung tâm tim của Thượng đế. Hiện nay, có những lý do mạnh mẽ khiến nó không nên được xem là trung tâm tim.

78. Probably a better candidate for the heart center is Jupiter, about which more can later be discussed.

78. Có lẽ một ứng viên tốt hơn cho trung tâm tim là Sao Mộc, về hành tinh này sau đó có thể bàn thêm.

79. There is one additional reference which seems to suggest that Venus is *not* part of the logoic quaternary, but we have just been told flatly that it is. The following reference will have to be considered carefully in relation to all the foregoing:

79. Có thêm một tài liệu dẫn chiếu dường như gợi ý rằng Sao Kim *không* là một phần của bộ tứ của Thượng đế, nhưng chúng ta vừa được nói thẳng rằng nó là như vậy. Tài liệu dẫn chiếu sau đây sẽ phải được xem xét cẩn thận trong liên hệ với tất cả những điều đã nói ở trên:

The four schemes which form the logoic Quaternary [Page 406] will merge into their

Bốn hệ hành tinh tạo thành Bộ Tứ của Thượng đế [Page 406] sẽ hợp nhất vào hệ

synthesising scheme, that of Saturn, **while Venus and Mercury** will merge into Uranus and Neptune. No importance need be attached to the sequence of these names. The dual fact is all that is necessary to grasp. (TCF 405-406)

tổng hợp của chúng, tức hệ của Sao Thổ, trong khi **Sao Kim và Sao Thủy** sẽ hợp nhất vào Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương. Không cần gán tầm quan trọng nào cho trình tự của các tên gọi này. Chỉ cần nắm được sự kiện nhị nguyên là đủ. (TCF 405-406)

80. If we interpret the foregoing literally, neither Mercury nor Venus will merge into Saturn and, therefore, will not be found within the logoic quaternary. This seems reasonable with respect to Mercury, despite its connection with kundalini and the base of the spine center. Mercury is an old and occult planet identified with the third aspect and has been active, it would seem, longer than Venus.

80. Nếu chúng ta diễn giải điều trên theo nghĩa đen, thì cả Sao Thủy lẫn Sao Kim đều sẽ không hợp nhất vào Sao Thổ và do đó sẽ không được tìm thấy trong bộ tứ của Thượng đế. Điều này có vẻ hợp lý đối với Sao Thủy, bất chấp mối liên hệ của nó với kundalini và trung tâm đáy cột sống. Sao Thủy là một hành tinh cổ xưa và huyền bí, được đồng hóa với phương diện thứ ba, và dường như đã hoạt động lâu hơn Sao Kim.

81. Mercury's association with the kundalini would seem to be one of its lower functions, but like kundalini, Mercury is a great connector.

81. Sự liên kết của Sao Thủy với kundalini dường như là một trong các chức năng thấp của nó, nhưng cũng như kundalini, Sao Thủy là một tác nhân kết nối vĩ đại.

82. If Venus is not to be included in the logoic quaternary, then another (presently named) planet must be found to be assigned in its place. It cannot be Mercury, because Mercury is given (in the excerpt above) as not being one of those planets which merges into Saturn.

82. Nếu Sao Kim không được kể vào bộ tứ của Thượng đế, thì phải tìm một hành tinh khác (đã được đặt tên hiện nay) để thay vào vị trí của nó. Không thể là Sao Thủy, vì Sao Thủy được nêu ra (trong đoạn trích trên) là không phải một trong những hành tinh hợp nhất vào Sao Thổ.

83. Of the known planets, Pluto, Earth and Mars will surely merge into Saturn. There are no more known planets to substitute. One would have to resort to unknown planets, which does not seem probable, as they are farther out in the system and, therefore, less central and less likely to be associated with *major* chakras.

83. Trong các hành tinh đã biết, Sao Diêm Vương, Trái Đất và Sao Hỏa chắc chắn sẽ hợp nhất vào Sao Thổ. Không còn hành tinh đã biết nào khác để thay thế. Người ta sẽ phải viện đến các hành tinh chưa biết, điều này dường như không có khả năng, vì chúng ở xa hơn trong hệ và do đó kém trung tâm hơn, cũng ít có khả năng được liên kết với các luân xa *chính* hơn.

84. There is a possibility (in relation to the known planets) that Saturn will absorb

84. Có một khả năng (liên hệ với các hành tinh đã biết) là Sao Thổ sẽ hấp thu Sao Hỏa,

Mars, Earth, Vulcan, Jupiter, AND, as well, both Mercury and Venus (as suggested on Chart VI, TCF 373). Pluto is a special case and was not discovered when TCF was written. One would suspect, however, that it would also have to be absorbed by the Brahmic planet, Saturn.

Trái Đất, Vulcan, Sao Mộc, VÀ, ngoài ra, cả Sao Thủy lẫn Sao Kim nữa (như được gợi ý trong Biểu đồ VI, TCF 373). Sao Diêm Vương là một trường hợp đặc biệt và chưa được khám phá khi TCF được viết. Tuy nhiên, người ta có thể ngờ rằng nó cũng sẽ phải được hấp thu bởi hành tinh Brahma, Sao Thổ.

85. At least, the thought that Saturn would initially absorb Mercury and Venus is *one* interpretation of the fact that, in Chart VI, all those planetary schemes are gathered around Saturn.

85. Ít nhất, ý nghĩ rằng Sao Thổ ban đầu sẽ hấp thu Sao Thủy và Sao Kim là *một* cách diễn giải sự kiện rằng, trong Biểu đồ VI, tất cả các hệ hành tinh ấy đều được tập hợp quanh Sao Thổ.

86. Were this the case, however, Mercury and Venus would somehow have to maintain their distinct identities within the absorber, Saturn, in order *later* to be merged into Uranus and Neptune respectively.

86. Tuy nhiên, nếu là như vậy, thì bằng cách nào đó Sao Thủy và Sao Kim sẽ phải duy trì bản sắc riêng biệt của chúng bên trong hành tinh hấp thu là Sao Thổ, để *sau này* lần lượt được hợp nhất vào Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương.

87. Such an interpretation is, of course, a stretch, but we are faced with an apparent blatant contradiction—the Venus both is and is not a part of the logoic quaternary, and we have to make an effort to resolve it.

87. Dĩ nhiên, cách diễn giải như vậy là khá gượng ép, nhưng chúng ta đang đối diện với một mâu thuẫn hiển nhiên và trắng trợn—Sao Kim vừa là vừa không là một phần của bộ tứ của Thượng đế, và chúng ta phải nỗ lực giải quyết điều đó.

88. If we at least lay out the reasoning, we shall have made some progress *towards* resolution.

88. Nếu ít nhất chúng ta trình bày được lập luận, thì chúng ta cũng đã đạt được một số tiến bộ *hướng tới* sự giải quyết.

89. VSK has some suggestions on the basis of the duality of the solar plexus center, about which we learn in DINA II. She states: "Well … the solar plexus is dual. So, in relation to higher and lower, are we dealing explicitly with the Venus and Earth duality as solar plexus/spleen?, or with the Venus and Mercury marriage into a hermaphrodite in the solar plexus? This would make sense for the Capricorn/Scorpio hierarchies marrying also—Venus representing Capricorn and

89. VSK có một số gợi ý dựa trên tính nhị nguyên của trung tâm tùng thái dương, điều mà chúng ta được biết trong DINA II. Bà nói: "… tùng thái dương là nhị nguyên. Vậy, trong liên hệ với cao và thấp, chúng ta có đang minh nhiên xử lý tính nhị nguyên Sao Kim và Trái Đất như tùng thái dương/lá lách không, hay là với sự kết hợp của Sao Kim và Sao Thủy thành một thể lưỡng tính trong tùng thái dương? Điều này sẽ có ý nghĩa đối với việc các Huyền Giai Ma Kết/Hổ Cáp cũng

Mercury, Scorpio. This would leave the Earth for a placement in the dense physical as the base of the spine?

kết hợp—Sao Kim đại diện cho Ma Kết và Sao Thủy cho Hổ Cáp. Như thế sẽ để lại Trái Đất cho một vị trí trong thể xác đậm đặc như đáy cột sống chăng?

d. The centre which is analogous to that at the base of the spine, or the reservoir of kundalini, has a permanence which is not seen **in the other two lower centres.**

d. Trung tâm tương tự với trung tâm ở đáy cột sống, hay hồ chứa kundalini, có một tính bền vững không thấy được **trong hai trung tâm thấp kia.**

90. Now, we are back to a consideration of only *two* lower centers instead of three.

90. Giờ đây, chúng ta lại quay về việc chỉ xét *hai* trung tâm thấp thay vì ba.

The Heavenly Man Who embodies this principle and is the **source of generative heat to His Brothers**, must be sought for by the aid of the intuition. Concrete Mind will not here avail.

Đấng Thiên Nhân hiện thân cho nguyên khí này và là **nguồn nhiệt sinh sản cho Các Huynh Đệ của Ngài**, phải được tìm ra nhờ sự trợ giúp của trực giác. Trí cụ thể ở đây sẽ không hữu dụng.

91. When DK tells us to seek the planet associated with kundalini by means of the *intuition,* one wonders if He is hinting at a planet which is *related to the intuitive function.* Such a planet could be Mercury (associated strongly with both kundalini and with the intuition). But would Mercury supply "*generative* heat"? And of course there are other problems in assigning *only* Mercury to the base of the spine function.

91. Khi Chân sư DK bảo chúng ta tìm hành tinh gắn với kundalini bằng *trực giác,* người ta tự hỏi liệu Ngài có đang ám chỉ một hành tinh *liên hệ với chức năng trực giác* hay không. Một hành tinh như vậy có thể là Sao Thủy (liên kết mạnh mẽ cả với kundalini lẫn trực giác). Nhưng liệu Sao Thủy có cung cấp "nhiệt" *sinh sản* không? Và dĩ nhiên còn có những vấn đề khác trong việc gán *chỉ* riêng Sao Thủy cho chức năng đáy cột sống.

92. In relation to the excerpt immediately above, the following reference is of value:

92. Liên hệ với đoạn trích ngay trên, tài liệu dẫn chiếu sau đây có giá trị:

In connection with these two planets, it must be remembered that Venus is a sacred planet and the Earth is not. **This means that certain of the planets are to the Logos what the permanent atoms are to man. They embody principles. Certain planets afford only temporary [Page 299] homes to these principles. Others persist throughout the mahamanvantara. Of these Venus is one.** (TCF 298-299)

Liên quan đến hai hành tinh này, cần nhớ rằng Sao Kim là một hành tinh thiêng liêng còn Trái Đất thì không. **Điều này có nghĩa là một số hành tinh đối với Thượng đế cũng như các nguyên tử trường tồn đối với con người. Chúng hiện thân cho các nguyên khí. Một số hành tinh chỉ cung cấp những nơi cư trú tạm thời [Page 299] cho các nguyên khí này. Những hành tinh khác tồn**

tại suốt Đại giai kỳ sinh hóa. Sao Kim là một trong số đó. (TCF 298-299)

93. We learn that only sacred planets are the analogy to permanent atoms and "embody principles". Earth, it appears, is not one of these.

93. Chúng ta biết rằng chỉ các hành tinh thiêng liêng mới là loại suy với các nguyên tử trường tồn và "hiện thân cho các nguyên khí". Có vẻ như Trái Đất không thuộc số này.

94. We are learning that Venus persists throughout the mahamanvantara. The implication is that the Earth does *not,* and that Earth provides only a "temporary" home to logoic principles.

94. Chúng ta đang học rằng Sao Kim tồn tại suốt Đại giai kỳ sinh hóa. Hàm ý là Trái Đất *không* như vậy, và rằng Trái Đất chỉ cung cấp một nơi cư trú "tạm thời" cho các nguyên khí của Thượng đế.

95. Venus cannot be the base of the spine center. Earth, it appears, cannot because it does not last throughout the mahamanvantara (and a certain "permanence" is required of the base of the spine center, as indicated above). While it *appears* that Earth does not endure throughout the mahamanvantara, the Tibetan has only hinted at this possibility and has not confirmed it. (Planetary lore as given in the *Secret Doctrine* does not suggest that the planets came into manifestation at different times, yet DK seems to suggest so.)

95. Sao Kim không thể là trung tâm đáy cột sống. Có vẻ như Trái Đất cũng không thể, vì nó không tồn tại suốt Đại giai kỳ sinh hóa (và một tính "bền vững" nhất định được đòi hỏi nơi trung tâm đáy cột sống, như đã chỉ ra ở trên). Dù *có vẻ* rằng Trái Đất không tồn tại suốt Đại giai kỳ sinh hóa, Chân sư Tây Tạng chỉ mới ám chỉ khả năng này chứ chưa xác nhận nó. (Tri thức hành tinh như được trình bày trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* không gợi ý rằng các hành tinh đi vào biểu hiện vào những thời điểm khác nhau, tuy nhiên DK dường như lại gợi ý như thế.)

96. We are left with Mars and Pluto, but as they, too, are non-sacred, do we have any confidence that they would last throughout the mahamanvantara?

96. Chúng ta còn lại Sao Hỏa và Sao Diêm Vương, nhưng vì chúng cũng là các hành tinh không thiêng liêng, liệu chúng ta có thể tin rằng chúng sẽ tồn tại suốt Đại giai kỳ sinh hóa không?

97. The planet in question is the "source of generative heat to His Brothers". This sounds very much like Mars, which is associated with both generation (sex and reproduction) and with heat (frictional fires), and which is said to rule kundalini latent.

97. Hành tinh đang được nói đến là "nguồn nhiệt sinh sản cho Các Huynh Đệ của Ngài". Điều này nghe rất giống Sao Hỏa, vốn gắn với cả sự sinh sản (tình dục và sinh sản) lẫn nhiệt (các lửa ma sát), và được nói là cai quản kundalini tiềm ẩn.

98. Further, Mars is associated with "kundalini latent" as stated in the excerpt below:

98. Hơn nữa, Sao Hỏa được liên kết với "kundalini tiềm ẩn" như được nêu trong đoạn trích dưới đây:

Mercury demonstrates kundalini in intelligent activity, **while Mars demonstrates kundalini latent.** The truth lies hid in their two astrological symbols. In transmutation and planetary geometrising, the secret may be revealed. (TCF 181)

Sao Thủy biểu lộ kundalini trong hoạt động thông minh, **trong khi Sao Hỏa biểu lộ kundalini tiềm ẩn.** Chân lý ẩn giấu trong hai biểu tượng chiêm tinh của chúng. Trong sự chuyển hoá và sự hình học hóa hành tinh, bí mật có thể được tiết lộ. (TCF 181)

99. We see both Mars and Mercury associated with kundalini. Mercury, because it is very old, may well be one of those planets which lasts throughout the mahamanvantara, and it is, as well, a close companion to Venus, which *does,* we are told, last the duration.

99. Chúng ta thấy cả Sao Hỏa lẫn Sao Thủy đều được liên kết với kundalini. Sao Thủy, vì rất cổ xưa, rất có thể là một trong những hành tinh tồn tại suốt Đại giai kỳ sinh hóa, và ngoài ra, nó còn là bạn đồng hành gần gũi của Sao Kim, hành tinh mà chúng ta được cho biết là *quả thực* tồn tại trọn thời kỳ ấy.

100. But Mercury, though associated with kundalini, cannot be considered either a source of generative power or of heat.

100. Nhưng Sao Thủy, dù được liên kết với kundalini, không thể được xem là nguồn của quyền năng sinh sản hay của nhiệt.

101. Pluto, which lies at the extremity of our solar system, also cannot be considered a source of heat. Pluto is cold and 'hell' is cold (at least as Dante conceives it in *The Inferno*).

101. Sao Diêm Vương, nằm ở cực biên của hệ mặt trời chúng ta, cũng không thể được xem là một nguồn nhiệt. Sao Diêm Vương lạnh, và 'địa ngục' thì lạnh (ít nhất theo cách Dante hình dung trong *Địa Ngục*).

102. Interestingly, Pluto is not listed amongst the planetary schemes surrounding Saturn (TCF 373), but Mars is. Could it be that Mars, as the alter-ego of Pluto, could absorb Pluto, before Mars was absorbed into Saturn?

102. Điều thú vị là Sao Diêm Vương không được liệt kê trong số các hệ hành tinh bao quanh Sao Thổ (TCF 373), nhưng Sao Hỏa thì có. Liệu có thể là Sao Hỏa, với tư cách đối phần của Sao Diêm Vương, có thể hấp thu Sao Diêm Vương trước khi chính Sao Hỏa được hấp thu vào Sao Thổ chăng?

103. In some way, could *both* Mars and Pluto be associated with the base of the spine center in the Solar Logos?

103. Theo một cách nào đó, liệu *cả* Sao Hỏa lẫn Sao Diêm Vương đều có thể được liên kết với trung tâm đáy cột sống trong Thái dương Thượng đế chăng?

104. The problem is, there are a number of planets which each could reasonably be associated with the base of the spine center in various of its functions: Pluto, Mars, Mercury, Earth, Saturn and Uranus! There are reasonable justifications for all.

104. Vấn đề là có một số hành tinh, mỗi hành tinh đều có thể được liên kết một cách hợp lý với trung tâm đáy cột sống trong những chức năng khác nhau của nó: Sao Diêm Vương, Sao Hỏa, Sao Thủy, Trái Đất, Sao Thổ và Sao Thiên Vương! Tất cả đều có những biện minh hợp lý.

a. Pluto—DK assigns Pluto the base of the spine center for man.

a. Sao Diêm Vương—DK gán Sao Diêm Vương cho trung tâm đáy cột sống của con người.

b. Mars—DK tells us it demonstrates as "kundalini latent"

b. Sao Hỏa—DK cho chúng ta biết nó biểu lộ như "kundalini tiềm ẩn"

c. Mercury—DK tells us it "demonstrates kundalini in intelligent activity"

c. Sao Thủy—DK cho chúng ta biết nó "biểu lộ kundalini trong hoạt động thông minh"

d. Earth—DK gives analogies which make this clear.

d. Trái Đất—DK đưa ra những loại suy khiến điều này trở nên rõ ràng.

e. Saturn—it rules the foundation, the anchor, and is the esoteric and hierarchical ruler of Libra, which can be associated with the sushumna as the "Royal Road" into Shamballa or the head center. Shamballa is closely connected with Libra.

e. Sao Thổ—nó cai quản nền tảng, cái neo giữ, và là chủ tinh nội môn và chủ tinh huyền giai của Thiên Bình, dấu hiệu có thể được liên kết với sushumna như "Con Đường Hoàng Gia" đi vào Shamballa hay trung tâm đầu. Shamballa liên hệ chặt chẽ với Thiên Bình.

f. Uranus—it is the planet of the seven ray (in its soul nature) and the base of the spine center is the seventh chakra numbering from above.

f. Sao Thiên Vương—đó là hành tinh của cung bảy (trong bản chất linh hồn của nó) và trung tâm đáy cột sống là luân xa thứ bảy tính từ trên xuống.

105. From a higher point of view, chakras are like planets and all of them are responsive to all planets in the greater system (which the chakric system reflects).

105. Từ một quan điểm cao hơn, các luân xa giống như các hành tinh và tất cả chúng đều đáp ứng với mọi hành tinh trong hệ lớn hơn (mà hệ luân xa phản ánh).

e. The three higher centres, or the Heavenly Men Who correspond to the head, the heart and the throat of the solar Logos, **have Their**

e. Ba trung tâm cao hơn, hay các Đấng Thiên Nhân tương ứng với đầu, tim và cổ họng của Thái dương Thượng đế, **có những loại suy dĩ**

etheric analogies on the three higher etheric levels of the cosmic physical plane, just as the Heavenly Man Who embodies the logoic solar plexus finds His manifesting source on the fourth etheric.

106. Here we find a description which seems to contradict Chart V, TCF 344. There we see that the seven Planetary Logoi are focussed on the systemic monadic plane which is the sub-atomic level of the cosmic etheric plane. (As stated, the chart on 344. could be *generalized*).

107. But what is here said, corresponds well with Chart VIII, The Egoic Lotus and the Centres, in which the major three chakras of the human being (the head center, the heart center and the throat center) are found on the three highest systemic etheric sub-planes.

108. Just as in the case of a human being, the solar plexus center is found upon the fourth ether. Whatever planetary scheme we determine for the logoic solar plexus center, its focus will be upon the systemic buddhic plane which is the fourth cosmic ether.

109. If we believe that Venus may serve as the logoic solar plexus center (for many reasons above stated), then its major focus will be upon the systemic buddhic plane. Of the four planets considered for membership in the logoic quaternary (Pluto, Mars, Earth and Venus), Venus is most appropriately related to the systemic buddhic plane.

110. Our Solar Logos is strongly astral-buddhic in His nature, but He has not yet taken the third cosmic initiation. His solar

thái của Các Ngài trên ba cấp dĩ thái cao hơn của cõi hồng trần vũ trụ, cũng như Đấng Thiên Nhân hiện thân cho trung tâm tùng thái dương của Thượng đế tìm thấy nguồn biểu hiện của Ngài trên cõi dĩ thái thứ tư.

106. Ở đây chúng ta gặp một mô tả dường như mâu thuẫn với Biểu đồ V, TCF 344. Ở đó chúng ta thấy bảy Hành Tinh Thượng Đế được tập trung trên cõi chân thần của hệ, vốn là cấp độ hạ nguyên tử của cõi dĩ thái vũ trụ. (Như đã nói, biểu đồ ở trang 344. có thể được *khái quát hóa*).

107. Nhưng điều được nói ở đây lại tương ứng tốt với Biểu đồ VIII, Hoa Sen Chân Ngã và các Trung Tâm, trong đó ba luân xa chính của con người (trung tâm đầu, trung tâm tim và trung tâm cổ họng) được tìm thấy trên ba cõi phụ dĩ thái cao nhất của hệ.

108. Cũng như trong trường hợp con người, trung tâm tùng thái dương được tìm thấy trên dĩ thái thứ tư. Dù chúng ta xác định hệ hành tinh nào cho trung tâm tùng thái dương của Thượng đế, tiêu điểm của nó sẽ nằm trên cõi Bồ đề của hệ, vốn là dĩ thái vũ trụ thứ tư.

109. Nếu chúng ta tin rằng Sao Kim có thể phục vụ như trung tâm tùng thái dương của Thượng đế (vì nhiều lý do đã nêu trên), thì tiêu điểm chính của nó sẽ nằm trên cõi Bồ đề của hệ. Trong bốn hành tinh được xét để thuộc về bộ tứ của Thượng đế (Sao Diêm Vương, Sao Hỏa, Trái Đất và Sao Kim), Sao Kim là hành tinh liên hệ thích hợp nhất với cõi Bồ đề của hệ.

110. Thái dương Thượng đế của chúng ta có bản chất cảm dục-Bồ đề rất mạnh, nhưng Ngài chưa trải qua lần điểm đạo vũ trụ thứ

plexus center is highly developed but, not yet being an initiate of the *cosmic third degree*, we might say that His heart center is not so fully developed.

ba. Trung tâm tùng thái dương của Ngài phát triển cao, nhưng vì chưa là một điểm đạo đồ của *bậc ba vũ trụ*, chúng ta có thể nói rằng trung tâm tim của Ngài chưa phát triển đầy đủ đến thế.

111. This thought tends to be confirmed in the following:

111. Tư tưởng này có xu hướng được xác nhận trong đoạn sau:

We have been told that the solar Logos, on the cosmic planes, works at the problem of cosmic mind; that He functions in His physical solar system, **is polarised in His cosmic astral, or emotional body,** and is developing [53] cosmic mind. (LOM 52-53)

Chúng ta đã được cho biết rằng Thái dương Thượng đế, trên các cõi vũ trụ, đang làm việc với vấn đề của trí tuệ vũ trụ; rằng Ngài hoạt động trong hệ mặt trời vật chất của Ngài, **được phân cực trong thể cảm dục, hay thể cảm xúc, vũ trụ của Ngài,** và đang phát triển trí tuệ vũ trụ. (LOM 52-53)

112. Yet, Venus, is the most unfolded planet in our solar system and would, therefore, correspond to an extensively unfolded center in the Solar Logos. Again, it is more likely that Venus (extensively developed) corresponds to the logoic solar plexus center (also extensively developed if the Solar Logos is polarized in his emotional nature).

112. Tuy vậy, Sao Kim là hành tinh được khai mở nhất trong hệ mặt trời của chúng ta và do đó sẽ tương ứng với một trung tâm được khai mở rộng rãi trong Thái dương Thượng đế. Một lần nữa, có nhiều khả năng là Sao Kim (được phát triển rộng rãi) tương ứng với trung tâm tùng thái dương của Thượng đế (cũng được phát triển rộng rãi nếu Thái dương Thượng đế được phân cực trong bản chất cảm xúc của Ngài).

113. Our astral-buddhic Solar Logos is still, due to His stage of unfoldment, more *astral* than *buddhic.*

113. Thái dương Thượng đế cảm dục-Bồ đề của chúng ta, do giai đoạn khai mở của Ngài, vẫn còn *cảm dục* hơn là *Bồ đề.*

114. Now to the matter of the three higher centers. We can hypothesize Saturn for the throat center; Jupiter for the heart center; and Uranus/Neptune for the head center, with Neptune representing the heart in the head.

114. Giờ đến vấn đề ba trung tâm cao hơn. Chúng ta có thể giả thuyết Sao Thổ cho trung tâm cổ họng; Sao Mộc cho trung tâm tim; và Sao Thiên Vương/Sao Hải Vương cho trung tâm đầu, với Sao Hải Vương đại diện cho tim trong đầu.

115. If we do this, we shall still have to contend with the following statement:

115. Nếu làm như vậy, chúng ta vẫn sẽ phải đối diện với phát biểu sau:

Three of the sacred planets, it should be remembered, are the home of the three major Rays, of the embodied forms of the three logoic aspects or principles. Other planets are embodiments of the four minor rays. We might consider—***from the standpoint of the present***—that **Venus, Jupiter and Saturn might be considered as the vehicles of the three super-principles at this time.** Mercury, the Earth and Mars are closely allied to these three, but a hidden mystery lies here. (TCF 299)

Cần nhớ rằng ba hành tinh thiêng liêng là nơi cư ngụ của ba Cung chính, của các hình tướng hiện thân của ba phương diện hay nguyên khí của Thượng đế. Các hành tinh khác là hiện thân của bốn cung phụ. Chúng ta có thể xem xét—***từ quan điểm hiện tại***—rằng **Sao Kim, Sao Mộc và Sao Thổ có thể được xem là các vận cụ của ba siêu-nguyên khí vào lúc này.** Sao Thủy, Trái Đất và Sao Hỏa liên kết chặt chẽ với ba hành tinh này, nhưng ở đây có một bí mật ẩn giấu. (TCF 299)

116. Much depends upon what is meant by the "super-principles". Are the three rays of aspect necessarily meant, or the three principles which are presently most active in the expression of our Solar Logos?

116. Nhiều điều tùy thuộc vào ý nghĩa của "siêu-nguyên khí". Có nhất thiết là ba Cung Trạng Thái được nói đến không, hay là ba nguyên khí hiện đang hoạt động mạnh nhất trong sự biểu lộ của Thái dương Thượng đế chúng ta?

117. As we are dealing not only with a mystery, but with a "hidden mystery" no immediate and completely satisfying resolution may be expected.

117. Vì chúng ta không chỉ đang xử lý một bí mật, mà là một "bí mật ẩn giấu", nên không thể mong đợi một sự giải quyết tức thời và hoàn toàn thỏa đáng.

118. A close study of laya yoga reveals that there are many important centers in the area of the head. First these must be named and correlated with the Trans-Himalayan system for they derive from an explicitly Hindu system. Then some correlations with discovered (and even undiscovered) planets can be made.

118. Một nghiên cứu kỹ về laya yoga cho thấy có nhiều trung tâm quan trọng trong vùng đầu. Trước hết, các trung tâm này phải được nêu tên và đối chiếu với hệ thống Xuyên-Hy Mã Lạp Sơn vì chúng xuất phát từ một hệ thống Ấn giáo minh nhiên. Sau đó có thể thực hiện một số đối chiếu với các hành tinh đã được khám phá (và cả chưa được khám phá).

119. As for Vulcan, it is a planet reasonably correlated with the seven major head centers which are the higher correspondences of the normal seven chakras. (We cannot deny its relation to the "Heart of the Sun" in relation to man, and so must reserve judgment on whether it is to be

119. Còn về Vulcan, đó là một hành tinh có thể được đối chiếu hợp lý với bảy trung tâm đầu chính, là những tương ứng cao hơn của bảy luân xa thông thường. (Chúng ta không thể phủ nhận mối liên hệ của nó với "Trái Tim của Mặt Trời" trong liên hệ với con người, và vì vậy phải tạm giữ phán đoán về việc liệu nó có nên được liên kết với trung

associated with the heart in the head center of the Solar Logos.

120. Mercury would have a role in relation to the ajna center, as is already the case in the advanced human being (probably past the third initiation).

121. The ajna and sacral center are sometimes not counted when the chakras are enumerated, because they are said to derive their existence from the interplay of the two chakras which surround or 'bracket' them.

122. We note that in correlating the chakras to the five Brahmic planes, the sacral and ajna center are omitted:

a. The base of the spine center is correlated to the etheric plane

b. The solar plexus center is correlate to the astral

c. The throat center to the mental

d. The heart center to the buddhic

e. The head center to the atmic

123. Of the sacral center it is said:

tâm tim trong đầu của Thái dương Thượng đế hay không.

120. Sao Thủy sẽ có một vai trò trong liên hệ với trung tâm ajna, như đã là trường hợp nơi con người tiến hóa cao (có lẽ sau lần điểm đạo thứ ba).

121. Trung tâm ajna và trung tâm xương cùng đôi khi không được tính đến khi liệt kê các luân xa, vì người ta nói rằng chúng phát sinh sự tồn tại của mình từ sự tương tác của hai luân xa bao quanh hay 'kẹp' chúng.

122. Chúng ta lưu ý rằng khi đối chiếu các luân xa với năm cõi Brahma, trung tâm xương cùng và trung tâm ajna bị bỏ qua:

a. Trung tâm đáy cột sống được đối chiếu với cõi dĩ thái

b. Trung tâm tùng thái dương được đối chiếu với cõi cảm dục

c. Trung tâm cổ họng với cõi trí

d. Trung tâm tim với cõi Bồ đề

e. Trung tâm đầu với cõi atma

123. Về trung tâm xương cùng, có nói rằng:

One major centre is here omitted because it is primarily related to the physical body and its expression of life perpetuation. That is the sacral centre. Just as the physical body is regarded by true esotericists as not a principle **so the sacral centre is regarded as "a necessary evocation between that which is high and that which is low, and between that which is sounded forth from the**

Một trung tâm chính bị bỏ qua ở đây vì nó chủ yếu liên hệ với thể xác và sự biểu lộ của nó về việc duy trì sự sống. Đó là trung tâm xương cùng. Cũng như thể xác được các nhà bí truyền học chân chính xem là không phải một nguyên khí, **thì trung tâm xương cùng cũng được xem là "một sự gợi lên cần thiết giữa cái ở trên cao và cái ở dưới thấp, và giữa cái được xướng lên từ trung tâm ở cổ**

centre in the throat and that which replies to a deeply sounded note." (EA 428)

124. We note that the ajna center is omitted from the tabulation of centers in Chart VIII.

125. During the process of obscuration, some chakric correspondences may change, for lower centers disappear, just as they do when a human being is dying. But we need not think of these eventualities at this time.

f. This Heavenly Man, with His etheric vortex or wheel of force on the fourth cosmic ether, is in this fourth round, a **vital factor** in planetary evolution.

126. Go back to point "e." to reestablish continuity. We are speaking of the planet which embodies the logoic solar plexus center.

127. The hint here given tends to confirm the possibility of Venus as the ruler of the logoic solar plexus.

128. When the term "planetary evolution" is used here, of what planet are we speaking? It is probable that we are speaking of evolution within the Earth-scheme, and particularly within the Earth-chain and upon the Earth-globe.

129. Should this be the case, Venus fits very well, for it is and has been very influential in relation to the evolutionary process of the Heavenly Man of Earth.

họng và cái đáp lại một âm điệu được xướng lên từ sâu thẳm." (EA 428)

124. Chúng ta lưu ý rằng trung tâm ajna bị bỏ qua trong bảng liệt kê các trung tâm ở Biểu đồ VIII.

125. Trong tiến trình che khuất, một số tương ứng luân xa có thể thay đổi, vì các trung tâm thấp biến mất, cũng như chúng biến mất khi một con người đang chết. Nhưng hiện nay chúng ta chưa cần nghĩ đến những khả tính ấy.

f. Đấng Thiên Nhân này, với xoáy dĩ thái hay bánh xe mãnh lực của Ngài trên dĩ thái vũ trụ thứ tư, trong cuộc tuần hoàn thứ tư này là một **nhân tố sinh lực** trong tiến hóa hành tinh.

126. Hãy quay lại điểm "e." để tái lập tính liên tục. Chúng ta đang nói về hành tinh hiện thân cho trung tâm tùng thái dương của Thượng đế.

127. Gợi ý được đưa ra ở đây có xu hướng xác nhận khả năng Sao Kim là hành tinh cai quản trung tâm tùng thái dương của Thượng đế.

128. Khi thuật ngữ "tiến hóa hành tinh" được dùng ở đây, chúng ta đang nói về hành tinh nào? Có khả năng là chúng ta đang nói về tiến hóa bên trong hệ Địa Cầu, và đặc biệt trong Dãy Địa Cầu và trên bầu hành tinh Địa Cầu.

129. Nếu đúng như vậy, Sao Kim rất phù hợp, vì nó đang và đã có ảnh hưởng rất lớn trong liên hệ với tiến trình tiến hóa của Đấng Thiên Nhân của Trái Đất.

130. In the term “vital” there may be a hint relating to etheric vitality. It is said that the etheric body is a reflection of the development of the causal body. The causal body is ruled by Venus in certain important respects. If the causal body influences the etheric body, we can see why Venus would be related to vitality.

130. Trong từ “sinh lực” có thể có một gợi ý liên hệ với sinh lực dĩ thái. Người ta nói rằng thể dĩ thái là sự phản ánh của sự phát triển của thể nguyên nhân. Thể nguyên nhân được Sao Kim cai quản trong một số phương diện quan trọng. Nếu thể nguyên nhân ảnh hưởng đến thể dĩ thái, chúng ta có thể thấy vì sao Sao Kim lại liên hệ với sinh lực.

g. When the Heavenly Man, Who is at present demonstrating through the Earth scheme, has succeeded in vitalising His **middle centre**, or in directing the force of planetary kundalini away from the lower centres **to the solar plexus centre, a new cycle will be reached**, and much of the present distress will be ended.

g. Khi Đấng Thiên Nhân, Đấng hiện đang biểu lộ qua hệ Địa Cầu, đã thành công trong việc tiếp sinh lực cho **trung tâm giữa** của Ngài, hay trong việc hướng mãnh lực kundalini hành tinh ra khỏi các trung tâm thấp **đến trung tâm tùng thái dương, một chu kỳ mới sẽ đạt tới**, và phần lớn nỗi khốn khổ hiện nay sẽ chấm dứt.

131. It would seem that much planetary distress is related to the activation of the two lower centers—the based of the spine and the sacral center, especially.

131. Có vẻ như nhiều khốn khổ hành tinh liên hệ với sự hoạt hóa của hai trung tâm thấp—đặc biệt là trung tâm đáy cột sống và trung tâm xương cùng.

132. It is sometimes difficult to draw an analogy between the seven chains of our Heavenly Man and His seven chakras. Two sets of seven are present, however, the middle chakra (the Earth-chain) is the most material, whereas the middle chakra (either the solar plexus center or the heart center, depending upon the perspective) is *not* the most material center.

132. Đôi khi khó rút ra một loại suy giữa bảy dãy của Đấng Thiên Nhân chúng ta và bảy luân xa của Ngài. Tuy nhiên, có hai bộ bảy hiện diện; luân xa giữa (Dãy Địa Cầu) là vật chất nhất, trong khi luân xa giữa (hoặc trung tâm tùng thái dương hoặc trung tâm tim, tùy theo góc nhìn) lại *không* là trung tâm vật chất nhất.

133. So the first chain in the series of seven chains does not correspond (at least in materiality) to the first chakra in a series of seven chakras.

133. Vì vậy, dãy thứ nhất trong chuỗi bảy dãy không tương ứng (ít nhất về tính vật chất) với luân xa thứ nhất trong chuỗi bảy luân xa.

His work is as yet in an embryonic condition, and two and a half more cycles must transpire before He has accomplished the necessary work.

Công việc của Ngài hiện vẫn còn ở trong tình trạng phôi thai, và còn phải trải qua thêm hai chu kỳ rưỡi nữa trước khi Ngài hoàn thành công việc cần thiết.

134. As we are in the middle of the fourth round, this suggests that the fifth and sixth rounds must elapse before this work is accomplished. There is also the possibility that either shorter of longer cycles could be indicated.

134. Vì chúng ta đang ở giữa cuộc tuần hoàn thứ tư, điều này gợi ý rằng các cuộc tuần hoàn thứ năm và thứ sáu phải trôi qua trước khi công việc này được hoàn tất. Cũng có khả năng là những chu kỳ ngắn hơn hoặc dài hơn được hàm ý.

135. The sixth round however, may reasonably be correlated with buddhi (the sixth principle) and with the Venus chain (which depending upon the perspective) is either the second or the sixth chain. The Logos of Venus, we remember has a Monad on the sixth ray and is working in relation to the sixth level of the cosmic astral plane.

135. Tuy nhiên, cuộc tuần hoàn thứ sáu có thể được đối chiếu một cách hợp lý với Bồ đề (nguyên khí thứ sáu) và với dãy Sao Kim (tùy theo góc nhìn, hoặc là dãy thứ hai hoặc là dãy thứ sáu). Chúng ta nhớ rằng Thượng đế của Sao Kim có một chân thần trên cung sáu và đang hoạt động trong liên hệ với cấp độ thứ sáu của cõi cảm dục vũ trụ.

136. The solar plexus center of our Heavenly Man is considered to be the “middle center”. It stands in the middle of the five centers up the spine.

136. Trung tâm tùng thái dương của Đấng Thiên Nhân của chúng ta được xem là “trung tâm ở giữa”. Nó đứng ở giữa năm trung tâm dọc theo cột sống.

137. The Earth-chain is, in a way, the middle center when considering the planetary chains as centers.

137. Dãy Địa Cầu, theo một nghĩa nào đó, là trung tâm ở giữa khi xem các dãy hành tinh như những trung tâm.

138. We, therefore, have a correlation between our Earth-chain and the solar plexus center.

138. Vì vậy, chúng ta có một sự tương quan giữa Dãy Địa Cầu của chúng ta và trung tâm tùng thái dương.

139. This fits well with the idea that in the fourth root race, humanity was working very much with the sixth ray and the solar plexus center.

139. Điều này rất phù hợp với ý tưởng rằng trong giống dân gốc thứ tư, nhân loại đã hoạt động rất nhiều với cung sáu và trung tâm tùng thái dương.

140. From this perspective, the third chain would correspond to the Lemurian root race, the fourth chain to the Atlantean and the fifth chain to the Aryan root race.

140. Từ góc độ này, dãy thứ ba sẽ tương ứng với giống dân gốc Lemuria, dãy thứ tư với Atlantis và dãy thứ năm với giống dân gốc Arya.

141. The solar plexus center can be a turbulent center, but also, at the second initiation, a center of peace which reflects

141. Trung tâm tùng thái dương có thể là một trung tâm đầy xáo động, nhưng cũng có thể, ở lần điểm đạo thứ hai, là một trung tâm

the heart center and proves a vehicle for the energy of love.

142. It would seem that the Tibetan is thinking of the solar plexus center more in its Venusian aspect (calm and reflective of love) than in a more Martian aspect.

143. We remember that our Heavenly Man is working upon his second cosmic initiation (TCF 384). Much will depend upon what is meant by *two and a half more cycles.* If these cycles are rounds, the time spent may be too little for our Planetary Logos to achieve the second cosmic initiation. This is even more the case if the two and half more cycles refer to root races.

144. If, however, the cycles relate to chains—such that two and a half more 'chain emphases' have to pass before he has accomplished the necessary work, then, perhaps, the completion of the two and half cycles may see the taking of the second cosmic initiation, which we certainly expect within this mahamanvantara.

145. Just as the third cosmic initiation is the "goal" for the Solar Logos (and yet He is destined to take the fourth *or* fifth cosmic initiation before the conclusion of this solar system—depending upon which reference is credited), so it may be that although the goal for the Planetary Logos is the second cosmic initiation, He may still take a further initiation during the present solar system.

When that is done, the result in connection with the human units in incarnation will be threefold:

bình an phản chiếu trung tâm tim và chứng tỏ là một vận cụ cho năng lượng bác ái.

142. Có vẻ như Chân sư Tây Tạng đang nghĩ về trung tâm tùng thái dương nhiều hơn trong phương diện Kim Tinh của nó (điểm tĩnh và phản chiếu bác ái) hơn là trong một phương diện Hỏa Tinh hơn.

143. Chúng ta nhớ rằng Đấng Thiên Nhân của chúng ta đang nỗ lực hướng tới lần điểm đạo vũ trụ thứ hai của Ngài (TCF 384). Nhiều điều sẽ tùy thuộc vào ý nghĩa của *hai chu kỳ rưỡi nữa.* Nếu các chu kỳ này là các cuộc tuần hoàn, thì khoảng thời gian dành ra có thể là quá ít để Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đạt được lần điểm đạo vũ trụ thứ hai. Điều này lại càng đúng hơn nếu hai chu kỳ rưỡi nữa ám chỉ các giống dân gốc.

144. Tuy nhiên, nếu các chu kỳ liên hệ đến các dãy—đến mức hai "trọng điểm dãy" rưỡi nữa phải trôi qua trước khi Ngài hoàn tất công việc cần thiết—thì có lẽ việc hoàn tất hai chu kỳ rưỡi có thể chứng kiến việc thọ nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ hai, điều mà chúng ta chắc chắn trông đợi trong mahamanvantara này.

145. Cũng như lần điểm đạo vũ trụ thứ ba là "mục tiêu" đối với Thái dương Thượng đế (và tuy thế Ngài được định sẽ thọ nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ tư *hoặc* thứ năm trước khi hệ mặt trời này kết thúc—tùy theo tài liệu tham chiếu nào được chấp nhận), thì có thể là mặc dù mục tiêu của Hành Tinh Thượng Đế là lần điểm đạo vũ trụ thứ hai, Ngài vẫn có thể thọ nhận thêm một lần điểm đạo nữa trong hệ mặt trời hiện tại.

Khi điều đó được thực hiện, kết quả liên quan đến các đơn vị nhân loại đang lâm phàm sẽ là tam phân:

146. We are speaking of the results to be achieved when the two and half more cycles have elapsed. If we wish to be inclusive, we shall see that such cycles could be:

a. Root race cycles

b. Round cycles (i.e., chain-round cycles).

c. Chain cycles (which related to 'scheme rounds' rather then chain rounds).

Sex stimulation, as now understood, will be showing a tendency to **manifest in creation**, not so much on the physical plane, as on the astral and mental, demonstrating in the creations of art and beauty, and the objective work of the scientists.

147. For such creative work to emerge, the third petal (associated with the throat center) will have to be unfolded—especially if we are dealing with the "objective work of the scientists". This will not occur for the majority probably until the next round.

Lotuses of passion or desire. They are so called because their fundamental nature is embodied love in some one or other form. The bulk of the Monads of Love are among this large group and they are to be seen incarnating in the bulk of the well-to-do, kindly people of the world. They are divided into five groups, of whom three individualised upon this planet, and two were the very latest to individualise upon the moon chain. They have two petals unfolded and the third is for them at this time the object of their attention. **Many may**

146. Chúng ta đang nói về những kết quả sẽ đạt được khi hai chu kỳ rưỡi nữa đã trôi qua. Nếu muốn bao gồm, chúng ta sẽ thấy rằng các chu kỳ ấy có thể là:

a. Các chu kỳ giống dân gốc

b. Các chu kỳ cuộc tuần hoàn (tức là các chu kỳ cuộc tuần hoàn của dãy).

c. Các chu kỳ dãy (liên hệ đến các 'cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh' hơn là các cuộc tuần hoàn của dãy).

Sự kích thích tính dục, như hiện nay được hiểu, sẽ cho thấy một khuynh hướng **biểu hiện trong sáng tạo**, không nhiều trên cõi hồng trần cho bằng trên cõi cảm dục và cõi trí, biểu lộ trong các sáng tạo của nghệ thuật và cái đẹp, và trong công trình khách quan của các nhà khoa học.

147. Để công việc sáng tạo như thế xuất hiện, cánh hoa thứ ba (liên kết với trung tâm cổ họng) sẽ phải được khai mở—đặc biệt nếu chúng ta đang bàn đến "công trình khách quan của các nhà khoa học". Điều này có lẽ sẽ không xảy ra với đa số cho đến cuộc tuần hoàn kế tiếp.

Những Hoa sen của đam mê hay dục vọng. Chúng được gọi như vậy vì bản chất căn bản của chúng là bác ái nhập thể dưới hình thức này hay hình thức khác. Phần lớn các Chân thần Bác Ái thuộc về nhóm lớn này và có thể thấy họ nhập thể trong phần đông những người khá giả, tử tế trên thế giới. Họ được chia thành năm nhóm, trong đó ba nhóm đã biệt ngã hóa trên hành tinh này, và hai nhóm là những nhóm biệt ngã hóa muộn nhất trên Dãy Mặt Trăng. Họ đã khai mở hai cánh hoa và cánh hoa thứ ba hiện nay là đối tượng chú ý của họ. **Nhiều người có thể**

succeed in unfolding it before the seventh rootrace of this round but the bulk of them will unfold it in the second rootrace of the next round, and will stand ready before the close of the round to pass on to the probationary path, having unfolded one tier of petals, and organised the second. (TCF 842)

148. Creative work of some kind can also begin at an earlier stage, before the complete unfoldment of the third petal:

Creative work can be carried forward when two of the "knowledge petals" of the egoic lotus are unfolded. The man can produce, through knowledge and creative energy, something upon the physical plane which will be expressive of the soul's creative power. When two of the "love petals" are also unfolded, then a genius makes his appearance. (EA 18)

149. In the matter of true creativity, we are speaking of a significant transference from humanity's sacral center to its throat center. This requires the treading of the Probationary Path or very nearly so. Will two and a half root races be sufficient to see this accomplished? It may not be so, because the bulk of the Lotuses of Passion and Desire (comprising a large percentage of our humanity) will not even be on the Path until the fifth round, as indicated in the quotation above (TCF 842)

150. So perhaps when it comes to looking for great changes in relation to humanity as a whole we shall have to wait until rounds elapse and not just root races.

thành công trong việc khai mở nó trước giống dân gốc thứ bảy của cuộc tuần hoàn này nhưng phần lớn họ sẽ khai mở nó trong giống dân gốc thứ hai của cuộc tuần hoàn kế tiếp, và sẽ sẵn sàng trước khi cuộc tuần hoàn kết thúc để bước vào Con Đường Dự Bị, sau khi đã khai mở một tầng cánh hoa và tổ chức tầng thứ hai. (TCF 842)

148. Công việc sáng tạo thuộc một loại nào đó cũng có thể bắt đầu ở một giai đoạn sớm hơn, trước khi cánh hoa thứ ba được khai mở hoàn toàn:

Công việc sáng tạo có thể được tiếp tục khi hai trong các "cánh hoa tri thức" của Hoa Sen Chân Ngã được khai mở. Con người có thể tạo ra, thông qua tri thức và năng lượng sáng tạo, một điều gì đó trên cõi hồng trần sẽ biểu lộ quyền năng sáng tạo của linh hồn. Khi hai trong các "cánh hoa bác ái" cũng được khai mở, thì một thiên tài xuất hiện. (EA 18)

149. Trong vấn đề sáng tạo chân chính, chúng ta đang nói đến một sự chuyển dịch đáng kể từ trung tâm xương cùng của nhân loại lên trung tâm cổ họng. Điều này đòi hỏi phải bước trên Con Đường Dự Bị hoặc rất gần như thế. Liệu hai giống dân gốc rưỡi có đủ để thấy điều này được hoàn thành không? Có thể là không, vì phần lớn các Hoa sen của Đam mê và Dục vọng (chiếm một tỉ lệ lớn trong nhân loại chúng ta) thậm chí sẽ chưa ở trên Đường Đạo cho đến cuộc tuần hoàn thứ năm, như được chỉ ra trong đoạn trích dẫn trên (TCF 842)

150. Vì vậy có lẽ khi nói đến việc tìm kiếm những thay đổi lớn liên quan đến toàn thể nhân loại, chúng ta sẽ phải chờ cho các cuộc tuần hoàn trôi qua chứ không chỉ các giống dân gốc.

151. The above discussion is the attempt to establish the nature of the two and a half cycles—whether root race cycles, chain round cycles, or, even, scheme-round cycles.

151. Cuộc thảo luận trên là nỗ lực nhằm xác lập bản chất của hai chu kỳ rưỡi—liệu là các chu kỳ giống dân gốc, các chu kỳ cuộc tuần hoàn của dãy, hay thậm chí các chu kỳ cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh.

152. To wait until other chain periods to see these developments manifest seems, from one perspective, too long a wait.

152. Việc phải chờ đến những thời kỳ dãy khác mới thấy các phát triển này biểu hiện, từ một góc độ nào đó, dường như là một sự chờ đợi quá lâu.

Crime, as now seen, based largely on the sex emotion, [Page 298] will be a thing of the past, and physical plane license, orgy and horror will be reduced seventy-five per cent.

Tội phạm, như hiện nay được thấy, phần lớn dựa trên cảm xúc tính dục, [Page 298] sẽ trở thành chuyện của quá khứ, và sự buông thả, truỵ lạc cùng kinh hoàng trên cõi hồng trần sẽ giảm đi bảy mươi lăm phần trăm.

153. This development will be related to the raising of the energy of the sacral center to the throat center (and, to some extent, of the solar plexus center to the heart).

153. Sự phát triển này sẽ liên hệ đến việc nâng năng lượng của trung tâm xương cùng lên trung tâm cổ họng (và, ở một mức độ nào đó, của trung tâm tùng thái dương lên tim).

154. The great majority of humanity is still too undeveloped to accomplish these ends in immediately succeeding root races, though many will. There are some ten million years before the end of the sixth root race and quite a bit longer, one might hypothesize, before the end of the seventh.

154. Đại đa số nhân loại vẫn còn quá kém phát triển để hoàn thành những mục tiêu này trong các giống dân gốc kế tiếp ngay sau đó, dù nhiều người sẽ làm được. Còn khoảng mười triệu năm trước khi giống dân gốc thứ sáu kết thúc và, có thể giả định, còn lâu hơn khá nhiều trước khi giống dân gốc thứ bảy kết thúc.

Later, we shall have a transition period again, analogous to that period wherein kama-manas was developed, and we shall then have the entire race expressing a developed synthesis of intellect-intuition, preparatory to that advanced stage which will come at the close of the next root race, the sixth. This takes us to a period ten million years hence, when the intellect will have in its turn slipped below the threshold of consciousness, as did the instinct. (EP I357)

Về sau, chúng ta sẽ lại có một thời kỳ chuyển tiếp, tương tự với thời kỳ mà kama-manas đã được phát triển, và khi ấy chúng ta sẽ có toàn thể nhân loại biểu lộ một sự tổng hợp đã phát triển của trí năng-trực giác, chuẩn bị cho giai đoạn cao cấp sẽ đến vào lúc kết thúc giống dân gốc kế tiếp, tức giống dân thứ sáu. Điều này đưa chúng ta đến một thời kỳ cách nay mười triệu năm, khi trí năng đến lượt nó sẽ trượt xuống dưới ngưỡng tâm thức, như bản năng đã từng như vậy. (EP I357)

155. But if the work of the Planetary Logos is just in an "embryonic condition", the cycles of which we are speaking will probably have to be planetary cycles rather than racial cycles. Planetary-chain cycles are rounds. Racial cycles are root races and pertain only to one "world period" (defining a word period as the duration of a chain-round as it affects a particular globe or "world".

155. Nhưng nếu công việc của Hành Tinh Thượng Đế chỉ mới ở trong một "tình trạng phôi thai", thì các chu kỳ mà chúng ta đang nói đến có lẽ sẽ phải là các chu kỳ hành tinh hơn là các chu kỳ nhân loại. Các chu kỳ dãy hành tinh là các cuộc tuần hoàn. Các chu kỳ nhân loại là các giống dân gốc và chỉ liên quan đến một "thời kỳ thế giới" mà thôi (định nghĩa một thời kỳ thế giới là thời lượng của một cuộc tuần hoàn của dãy khi nó tác động lên một bầu hành tinh hay "thế giới" cụ thể.

The interplay between **the three dense physical planets** will be perfected and man will **pass at will** from one to another.

Sự tương tác giữa **ba hành tinh hồng trần đậm đặc** sẽ được hoàn thiện và con người sẽ **đi qua theo ý muốn** từ hành tinh này sang hành tinh khác.

156. Which are the three dense physical planets? Are they the three which are part of the three planetary schemes that we began discussing on TCF 296? These would include the Earth, Mars and Venus, with Pluto and Mercury as additional possibilities. Pluto seems a very remote possibility, when considering travel between planets. Yet the time discussed is a long way into the future, and who knows what might be possible?

156. Ba hành tinh hồng trần đậm đặc ấy là những hành tinh nào? Có phải là ba hành tinh thuộc ba hệ hành tinh mà chúng ta đã bắt đầu bàn đến ở TCF 296 không? Những hành tinh này sẽ gồm Trái Đất, Sao Hỏa và Sao Kim, với Sao Diêm Vương và Sao Thủy như những khả năng bổ sung. Sao Diêm Vương dường như là một khả năng rất xa vời khi xét đến việc du hành giữa các hành tinh. Tuy nhiên, thời điểm được bàn đến còn rất xa trong tương lai, và ai biết được điều gì có thể xảy ra?

157. Mercury, Earth, Mars and Venus are dense. Other planets are considered physical but are not dense in the same way—some are gaseous giants, relatively.

157. Sao Thủy, Trái Đất, Sao Hỏa và Sao Kim là đậm đặc. Các hành tinh khác được xem là hồng trần nhưng không đậm đặc theo cùng cách ấy—một cách tương đối, một số là những hành tinh khí khổng lồ.

158. The planets among which the easiest interplay would be established would be Earth, Mars and Venus. The possibility of travel to Pluto *now* seems remote.

158. Những hành tinh mà giữa chúng sự tương tác dễ dàng nhất sẽ được thiết lập là Trái Đất, Sao Hỏa và Sao Kim. Khả năng du hành đến Sao Diêm Vương *hiện nay* dường như xa vời.

159. But, we may be talking about a different mode of travel than we can now imagine. The hint is given in "pass at *will*" from one to another.

159. Nhưng có thể chúng ta đang nói về một phương thức di chuyển khác với điều mà hiện nay chúng ta có thể hình dung. Gợi ý được đưa ra trong cụm từ "đi qua theo *ý muốn*" từ hành tinh này sang hành tinh khác.

160. What will be the vehicles used? Will there be energetic streams along which human beings can pass *at will* in their subtler vehicles? If so, it would seem that some rounds would have to elapse before this would be possible.

160. Những vận cụ nào sẽ được sử dụng? Liệu sẽ có những dòng năng lượng mà dọc theo đó con người có thể đi qua *theo ý muốn* trong các vận cụ vi tế hơn của họ chăng? Nếu vậy, có vẻ như một số cuộc tuần hoàn sẽ phải trôi qua trước khi điều này có thể xảy ra.

I would here point out the **inadvisability of the method whereby the names of the globes in a chain, just as the names of a chain in a scheme, follow the planetary nomenclature**. This has led to confusion,

Ở đây tôi muốn chỉ ra **sự không nên của phương pháp theo đó tên các bầu hành tinh trong một dãy, cũng như tên của một dãy trong một hệ hành tinh, lại theo danh pháp hành tinh**. Điều này đã dẫn đến sự nhầm lẫn,

161. While this practice of naming may have led to confusion, no alternative is offered, and the old method is put forward even in this book.

161. Dù cách đặt tên này có thể đã dẫn đến sự nhầm lẫn, không có phương án thay thế nào được đưa ra, và phương pháp cũ vẫn được trình bày ngay trong quyển sách này.

A clue tending towards the correct understanding lies hid in the words: "Venus is the Earth's primary." [17: S. D., II, 33. I, 323.]

Một đầu mối hướng đến sự thấu hiểu đúng đắn nằm ẩn trong những lời: "Sao Kim là nguyên mẫu của Trái Đất." [17: S. D., II, 33. I, 323.]

162. The “primary” in this case is the model, archetype, teacher or guide. The technical name for the relationship is “alter ego”; Venus is the alter ego of Earth. “Alter ego” means “other self”.

162. “Nguyên mẫu” trong trường hợp này là mô hình, nguyên mẫu, huấn sư hay người hướng dẫn. Tên kỹ thuật cho mối quan hệ này là “alter ego”; Sao Kim là alter ego của Trái Đất. “Alter ego” có nghĩa là “cái ngã khác”.

163. If Venus is Earth’s primary, then Mars is Pluto’s primary.

163. Nếu Sao Kim là nguyên mẫu của Trái Đất, thì Sao Hỏa là nguyên mẫu của Sao Diêm Vương.

It is not permissible to say much about this mystery, that "Venus is the Earth's alter ego," nor is it advisable, but certain ideas may be suggested which—if brooded on—may result in a wider grasp of the **beauty of nature's synthesis, and of the wonderful correlation of all that is in process of evolution.**

Không được phép nói nhiều về huyền nhiệm này, rằng "Sao Kim là alter ego của Trái Đất", và cũng không nên làm vậy, nhưng có thể gợi ra một vài ý tưởng mà—nếu được chiêm ngưỡng—có thể dẫn đến một sự nắm bắt rộng hơn về **vẻ đẹp của sự tổng hợp của bản chất, và về sự tương quan kỳ diệu của tất cả những gì đang trong tiến trình tiến hoá.**

164. One of the purposes of *A Treatise on Cosmic Fire* is to induce an appreciation of the beauty of nature’s synthesis and of the wonderful correlation of which DK speaks.

164. Một trong những mục đích của *Luận về Lửa Vũ Trụ* là khơi dậy sự trân trọng đối với vẻ đẹp của sự tổng hợp của bản chất và sự tương quan kỳ diệu mà Chân sư DK nói đến.

165. We see how many things concerning the planetary lore are veiled. Because Venus is the planet most closely related to the Earth, information which is too explicit would probably reveal knowledges easily misused. Because we do not yet know enough, we do not suspect the ways of misuse of abuse, but those who know, foresee.

165. Chúng ta thấy biết bao điều liên quan đến tri thức hành tinh được che giấu. Bởi vì Sao Kim là hành tinh có liên hệ mật thiết nhất với Trái Đất, thông tin quá minh bạch có lẽ sẽ tiết lộ những tri thức rất dễ bị lạm dụng. Bởi vì chúng ta chưa biết đủ, chúng ta không ngờ đến những cách lạm dụng hay sử dụng sai trái, nhưng những ai biết thì thấy trước.

Perhaps some idea may be gained if we remember that, in an occult sense, Venus is to the Earth what the higher Self is to man.

Có lẽ có thể đạt được một vài ý niệm nếu chúng ta nhớ rằng, theo nghĩa huyền bí, Sao Kim đối với Trái Đất cũng như chân ngã đối với con người.

166. What is the “higher Self” to man? Shall we consider the Higher Self as the soul nature of man, consciousness with the egoic

166. “Chân ngã” là gì đối với con người? Chúng ta có nên xem Chân ngã là bản chất linh hồn của con người, là tâm thức cùng với

lotus/causal body? Shall we consider man as the personality expressing through the eighteen lower sub-planes?

Hoa Sen Chân Ngã/thể nguyên nhân chăng? Chúng ta có nên xem con người là phàm ngã biểu lộ qua mười tám cõi phụ thấp hơn chăng?

167. VSK suggests: "In a way this seems to suggest Venus as the heart, as the heart to base seems correlative of higher Self to man, if we place man in this context as the physical incarnation."

167. VSK gợi ý: "Theo một nghĩa nào đó, điều này dường như gợi ý Sao Kim là tim, vì tim đối với đáy cột sống dường như tương quan với chân ngã đối với con người, nếu chúng ta đặt con người trong ngữ cảnh này như sự nhập thể hồng trần."

The coming of the Lords of Flame to the Earth was all under law and **not just an accidental and fortunate happening**; it was **a planetary matter** which finds its correspondence in the **connection between the mental unit and the manasic permanent atom**.

Sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Lửa đến Trái Đất đều hoàn toàn theo định luật và **không chỉ là một biến cố ngẫu nhiên và may mắn**; đó là **một vấn đề hành tinh** tìm thấy sự tương ứng của nó trong **mối liên kết giữa đơn vị hạ trí và nguyên tử trường tồn manas**.

168. It was not only the benevolence of the "Hearts of Fiery Love" (the Solar Angels) which caused them to come. Planetary necessity invoked these Solar Angels, who probably had association with our particular Planetary Logos in a past mahakalpa.

168. Không chỉ lòng từ ái của các "Trái Tim của Bác Ái Rực Lửa" (các Thái dương Thiên Thần) đã khiến các Ngài đến. Sự cần thiết hành tinh đã khẩn cầu các Thái dương Thiên Thần này, những Đấng có lẽ đã có liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế đặc thù của chúng ta trong một mahakalpa quá khứ.

169. We are not now speaking only the mental unit and manasic permanent atom of man. We are speaking of these structures as they pertain to the Planetary Logos.

169. Hiện nay chúng ta không chỉ nói về đơn vị hạ trí và nguyên tử trường tồn manas của con người. Chúng ta đang nói về các cấu trúc này trong chừng mực chúng liên hệ đến Hành Tinh Thượng Đế.

170. Of course, the mental unit and manasic permanent atom of man needed to be 'interventionally' connected so that a bridge could be made whereby the planetary solar nature (represented by the cosmic etheric planes) could be united with the planetary lunar nature (represented by the eighteen lower sub-planes).

170. Dĩ nhiên, đơn vị hạ trí và nguyên tử trường tồn manas của con người cần phải được kết nối một cách 'can thiệp' để một cây cầu có thể được tạo ra, nhờ đó bản chất thái dương hành tinh (được biểu trưng bởi các cõi dĩ thái vũ trụ) có thể được hợp nhất với bản chất thái âm hành tinh (được biểu trưng bởi mười tám cõi phụ thấp hơn).

171. Of all 'divine interventions" the coming of the Solar Angels was one of the most spectacular (at least in relation to our Planetary Logos and the future of the then animal-man).

171. Trong tất cả những 'sự can thiệp thiêng liêng', sự giáng lâm của các Thái dương Thiên Thần là một trong những sự kiện ngoạn mục nhất (ít nhất là liên quan đến Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và tương lai của người thú thời ấy).

Again, as the antaskarana is built by individual man between these two points, **so—again in a planetary sense—is a channel being built by collective man on this planet to its primary, Venus.**

Lại nữa, cũng như antahkarana được cá nhân con người xây dựng giữa hai điểm này, **thì—một lần nữa theo nghĩa hành tinh—một kênh dẫn đang được nhân loại tập thể trên hành tinh này xây dựng đến nguyên mẫu của nó, Sao Kim.**

172. Individual man builds an antahkarana between two points in his own esoteric anatomy; the Planetary Logos of Earth is doing the same by utilizing one of its organs, "collective man" as the staging point of a planetary antahkarana to Venus, the Earth's primary.

172. Cá nhân con người xây dựng một antahkarana giữa hai điểm trong giải phẫu huyền bí của chính mình; Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất cũng đang làm điều tương tự bằng cách sử dụng một trong các cơ quan của Ngài, "nhân loại tập thể", như điểm trung chuyển của một antahkarana hành tinh đến Sao Kim, nguyên mẫu của Trái Đất.

173. Part of the Path of Sirius may be a Path to Venus for training in the process of reaching Sirius. Some of the planets have "schools" which are related to the treading of the Paths of Higher Evolution.

173. Một phần của Con đường Sirius có thể là một Con đường đến Sao Kim để được huấn luyện trong tiến trình đạt đến Sirius. Một số hành tinh có những "trường học" liên hệ đến việc bước đi trên các Con đường Tiến Hóa Cao Siêu.

In connection with these two planets, it must be remembered that Venus is a sacred planet and the Earth is not.

Liên quan đến hai hành tinh này, cần nhớ rằng Sao Kim là một hành tinh thiêng liêng còn Trái Đất thì không.

174. This is a fundamental distinction between the two, just as the Solar Angel is a sacred entity and the entity man (in general) is not.

174. Đây là một sự phân biệt căn bản giữa hai hành tinh, cũng như Thái dương Thiên Thần là một thực thể thiêng liêng còn thực thể con người (nói chung) thì không.

This means that certain of the planets are to the Logos what the permanent atoms are to man. They embody principles. Certain planets afford only temporary [Page 299]

Điều này có nghĩa là một số hành tinh đối với Thượng đế cũng như các nguyên tử trường tồn đối với con người. Chúng nhập thể các nguyên khí. Một số hành tinh chỉ

homes to these principles. **Others persist throughout the mahamanvantara. Of these Venus is one.**

cung cấp những nơi cư ngụ tạm thời [Page 299] cho các nguyên khí này. **Những hành tinh khác tồn tại suốt mahamanvantara. Sao Kim là một trong số đó.**

175. This is an important paragraph.

175. Đây là một đoạn rất quan trọng.

176. Of Saturn we learn, on TCF 406,

176. Về Sao Thổ, chúng ta học được ở TCF 406,

"Uranus and Neptune are **reflections** of the logoic astral and mental permanent atoms. Saturn is in fact the correspondence to the logoic physical permanent atom. This is an occult mystery and must not be separated from its allied truth in the cosmic scheme. (TCF 406)

"Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương là những **phản chiếu** của các nguyên tử trường tồn cảm dục và trí tuệ của Thượng đế. Thật ra Sao Thổ là sự tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần của Thượng đế. Đây là một huyền nhiệm huyền bí và không được tách rời khỏi chân lý liên hệ của nó trong hệ thống vũ trụ. (TCF 406)

177. Another important reference in this regard is as follows:

177. Một tài liệu tham chiếu quan trọng khác về phương diện này như sau:

"In the direct alignment of certain planets in the process of systemic evolution, with each other and with the Sun comes Logoic or divine alignment. Think this out, but one word of warning I give. **Seek not to work out hypotheses of alignment based on the physical planets.** The truth lies not there. Only three of the physical planets (and those three in etheric matter) enter into the final alignment that marks the attainment [7] by the Logos of the cosmic egoic consciousness, which is His goal of attainment. **Of these three, the earth is not one, but Venus has her place corresponding to the emotional permanent atom"**. (LOM 6-7)

"Trong sự chỉnh hợp trực tiếp của một số hành tinh trong tiến trình tiến hoá hệ thống, với nhau và với Mặt Trời, xuất hiện sự chỉnh hợp của Thượng đế hay thiêng liêng. Hãy suy ngẫm điều này, nhưng tôi đưa ra một lời cảnh báo. **Đừng tìm cách xây dựng các giả thuyết chỉnh hợp dựa trên các hành tinh hồng trần.** Chân lý không nằm ở đó. Chỉ có ba hành tinh hồng trần (và ba hành tinh ấy ở trong vật chất dĩ thái) đi vào sự chỉnh hợp cuối cùng đánh dấu sự đạt được [7] của Thượng đế đối với tâm thức chân ngã vũ trụ, vốn là mục tiêu thành tựu của Ngài. **Trong ba hành tinh ấy, trái đất không phải là một, nhưng Sao Kim có vị trí của nó tương ứng với nguyên tử trường tồn cảm xúc"**. (LOM 6-7)

178. If Venus "has her place corresponding to the emotional permanent atom", and Neptune is but a "reflection" of the

178. Nếu Sao Kim "có vị trí của nó tương ứng với nguyên tử trường tồn cảm xúc", và Sao Hải Vương chỉ là một "phản chiếu" của

emotional permanent atom, it must an 'upward' reflection, for Neptune is the higher octave of Venus.

nguyên tử trường tồn cảm xúc, thì đó hẳn phải là một phản chiếu 'hướng lên', vì Sao Hải Vương là quãng tám cao hơn của Sao Kim.

179. If we follow the implied analogy, we will look for that planet which is the correspondence of the mental permanent atom; we have learned that Uranus, like Neptune, is but a reflection, in this case, it would seem of the logoic mental permanent atom.

179. Nếu chúng ta theo phép tương đồng được hàm ý, chúng ta sẽ tìm hành tinh là sự tương ứng của nguyên tử trường tồn trí tuệ; chúng ta đã biết rằng Sao Thiên Vương, cũng như Sao Hải Vương, chỉ là một phản chiếu, trong trường hợp này dường như là phản chiếu của nguyên tử trường tồn trí tuệ của Thượng đế.

180. Would Mercury then be the correspondence to the logoic mental permanent atom? We do not know that the Solar Logos has a mental unit, personal se. The mental unit as a structure may be unique to man because of his arrested development on the Moon-chain. But there are so many close analogies between man and the Solar Logos that we should not discount the possibility.

180. Vậy thì Sao Thủy có phải là sự tương ứng với nguyên tử trường tồn trí tuệ của Thượng đế không? Chúng ta không biết Thái dương Thượng đế có một đơn vị hạ trí, chính nó, hay không. Đơn vị hạ trí như một cấu trúc có thể là độc nhất nơi con người vì sự phát triển bị đình trệ của y trên Dãy Mặt Trăng. Nhưng có quá nhiều phép tương đồng gần gũi giữa con người và Thái dương Thượng đế đến mức chúng ta không nên loại trừ khả năng ấy.

181. Since Earth is in a process of arrested development, just as man is, it may be wondered whether the Planetary Logos of Earth also has a mental unit just as man has.

181. Vì Trái Đất đang trong một tiến trình phát triển bị đình trệ, cũng như con người, nên có thể tự hỏi liệu Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất cũng có một đơn vị hạ trí giống như con người hay không.

182. The term "reflection" may be misleading, because, as stated the reflection is, it seems, an 'upward' reflection. We might infer that Uranus would be the correspondence to the logoic atmic permanent atom and Neptune the correspondence of the logoic buddhic permanent atom. This would stand to reason as no human being coordinates the buddhic vehicle unless Neptune is prominent in his astrological chart. Yet,

182. Thuật ngữ "phản chiếu" có thể gây hiểu lầm, bởi vì, như đã nói, phản chiếu ấy dường như là một phản chiếu 'hướng lên'. Chúng ta có thể suy ra rằng Sao Thiên Vương sẽ là sự tương ứng với nguyên tử trường tồn atma của Thượng đế và Sao Hải Vương là sự tương ứng với nguyên tử trường tồn Bồ đề của Thượng đế. Điều này có vẻ hợp lý vì không một con người nào phối hợp vận cụ Bồ đề trừ phi Sao Hải Vương nổi bật trong lá số chiêm tinh của ông. Tuy nhiên, Sao Hải Vương cũng được nói là một hành tinh không phải

Neptune is also said to be a planet which is not a true member of our solar system.

183. We have Jupiter and Vulcan to account for. Jupiter can be related to the buddhic level and Vulcan to either the physical or the atmic levels (though it has a mysterious relation to the "heart of the sun" (EA 393).

184. Saturn is a very sacred planet, but there is also an *esoteric* Saturn. It would be strange if the three synthesizing planets were not related to the permanent atoms within the spiritual triad of the Solar Logos, and thus essentially related to His three major principle. The three planets associated with the three "super-principles" (Saturn, Jupiter and Venus) may be, two of them, only *temporary* representatives of the three major logoic principles).

185. We cannot be dogmatic about these matters; we can only gather the indications.

186. The implication in the excerpt under discussion is that the Earth, not being a sacred planet, affords only a *temporary* home to a solar logoic principle. This may also be the case with other non-sacred planets such as Mars and Pluto, and the two non-sacred and presently unknown planets veiled by the Sun and Moon.

187. Venus, we learn, lasts throughout the mahamanvantara. If we consult the *Secret Doctrine,* it would seem that Martanda (the Sun) and His seven Brothers all precipitate into objectivity at one moment in cosmic time. May it be that only the sacred planets accompany Martanda into objective manifestation, but that the Earth, Mars,

là thành viên đích thực của hệ mặt trời chúng ta.

183. Chúng ta còn phải tính đến Sao Mộc và Vulcan. Sao Mộc có thể liên hệ với cấp độ Bồ đề và Vulcan với các cấp độ hồng trần hoặc atma (dù nó có một liên hệ huyền nhiệm với "trái tim của mặt trời" (EA 393).

184. Sao Thổ là một hành tinh rất thiêng liêng, nhưng cũng có một *esoteric* Sao Thổ. Sẽ là điều lạ nếu ba hành tinh tổng hợp không liên hệ với các nguyên tử trường tồn bên trong Tam Nguyên Tinh Thần của Thái dương Thượng đế, và do đó về bản chất liên hệ với ba nguyên khí chính của Ngài. Ba hành tinh gắn với ba "siêu-nguyên khí" (Sao Thổ, Sao Mộc và Sao Kim) có thể, trong đó hai hành tinh, chỉ là những đại diện *tạm thời* của ba nguyên khí chính của Thượng đế).

185. Chúng ta không thể giáo điều về những vấn đề này; chúng ta chỉ có thể thu thập các dấu hiệu.

186. Hàm ý trong đoạn trích đang được bàn đến là Trái Đất, vì không phải là một hành tinh thiêng liêng, chỉ cung cấp một nơi cư ngụ *tạm thời* cho một nguyên khí của Thái dương Thượng đế. Điều này cũng có thể đúng với các hành tinh không thiêng liêng khác như Sao Hỏa và Sao Diêm Vương, và hai hành tinh không thiêng liêng hiện chưa được biết đến bị Mặt Trời và Mặt Trăng che giấu.

187. Chúng ta biết rằng Sao Kim tồn tại suốt mahamanvantara. Nếu tham khảo *Giáo Lý Bí Nhiệm,* có vẻ như Martanda (Mặt Trời) và bảy Huynh Đệ của Ngài đều cùng ngưng tụ vào tính khách quan trong một khoảnh khắc của thời gian vũ trụ. Có thể chăng chỉ các hành tinh thiêng liêng đi cùng Martanda vào biểu hiện khách quan, còn Trái Đất, Sao Hỏa, Sao

Pluto and others, do not? Modern science may have something to say of this, but will it be occultly definitive?

Diêm Vương và các hành tinh khác thì không? Khoa học hiện đại có thể có điều gì đó để nói về việc này, nhưng liệu nó có mang tính quyết định theo huyền bí học không?

188. Martanda only has seven Brothers accompanying Him into manifestation. There is no room for all the ten planets (and even far more, according to the Tibetan), at the outset of solar systemic manifestation—unless the *Secret Doctrine* only discussed the *seven*.

188. Chỉ có bảy Huynh Đệ đi cùng Martanda vào biểu hiện. Không có chỗ cho cả mười hành tinh (và thậm chí còn nhiều hơn nữa, theo Chân sư Tây Tạng), vào lúc khởi đầu biểu hiện của hệ mặt trời—trừ phi *Giáo Lý Bí Nhiệm* chỉ bàn đến *bảy* hành tinh.

189. Even if all planets came into manifestation with Martanda, some of them would have to fade from manifestation sooner than others which, like Venus, endure throughout the mahakalpa.

189. Ngay cả nếu tất cả các hành tinh đều đi vào biểu hiện cùng với Martanda, một số trong chúng cũng sẽ phải mờ dần khỏi biểu hiện sớm hơn những hành tinh khác, những hành tinh mà, như Sao Kim, tồn tại suốt mahakalpa.

190. There is an implication that Venus lasts throughout the mahamanvantara and Earth does not. We might assume that Mercury, which is "far older than the Earth) (SD I. 180), and probably "older" in certain ways than Venus, also endures throughout the mahamanvantara.

190. Có một hàm ý rằng Sao Kim tồn tại suốt mahamanvantara còn Trái Đất thì không. Chúng ta có thể giả định rằng Sao Thủy, hành tinh "cổ xưa hơn nhiều so với Trái Đất" (SD I. 180), và có lẽ "cổ xưa hơn" theo một số phương diện nào đó so với Sao Kim, cũng tồn tại suốt mahamanvantara.

191. We are told that our Solar Logos will take His fourth initiation in this solar system and, in some references, we are told that He will take his fifth.

191. Chúng ta được cho biết rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta sẽ thọ nhận lần điểm đạo thứ tư của Ngài trong hệ mặt trời này và, trong một số tài liệu tham chiếu, chúng ta được cho biết rằng Ngài sẽ thọ nhận lần điểm đạo thứ năm của Ngài.

Then, in a dual synthesis, they will pass on into the third system, that in which the Power aspect is developed, and the head centres will be complete. This achieved, our Logos has triumphed, and measured up to the sixth cosmic Initiation, **just as He should measure up in this system to the fourth.** (TCF 590)

Rồi, trong một sự tổng hợp nhị phân, các Ngài sẽ đi vào hệ thống thứ ba, hệ thống trong đó phương diện Quyền năng được phát triển, và các trung tâm đầu sẽ hoàn tất. Khi điều này đạt được, Thượng đế của chúng ta đã chiến thắng, và đạt đến lần Điểm đạo vũ trụ thứ sáu, **cũng như Ngài phải đạt đến lần thứ tư trong hệ thống này.** (TCF 590)

The 5th Mahamanvantara (or solar system) **The solar Logos achieves His fifth major Initiation.** (TCF 605)

192. Our solar system is the *fifth* from one perspective detailed on the pages indicated.

193. Now if some planets represent His physical, and astral permanent atoms (forgetting for the moment the possibility of a solar logoic mental unit), what will happen to them at the fourth initiation? They should be destroyed (or absorbed) just as the atomic triangle of man is destroyed at the fourth initiation.

194. Venus, being (hypothetically) correlated with the emotional permanent atom would then have to be destroyed/ absorbed at the fourth major initiation. Yet it is said that Venus that it persists throughout the mahamanvantara. If this is the case, the mahamanvantara would have to end at the fourth initiation of the Solar Logos and could not go on to the fifth, as Venus would be absorbed and would not, therefore, persist throughout the mahamanvantara.

195. The one means of escaping from this contradiction might be found in the words from LOM 6:

"Seek not to work out hypotheses of alignment based on the physical planets. The truth lies not there."

196. Yet the section above speaks of the attainment by the Logos of "cosmic egoic consciousness", which means only the third

Đại giai kỳ sinh hóa thứ 5 (hay hệ mặt trời) **Thái dương Thượng đế đạt được lần Điểm đạo lớn thứ năm của Ngài.** (TCF 605)

192. Hệ mặt trời của chúng ta là hệ thứ *năm* theo một góc nhìn được trình bày chi tiết ở các trang đã nêu.

193. Bây giờ nếu một số hành tinh đại diện cho các nguyên tử trường tồn hồng trần và cảm dục của Ngài (tạm quên đi khả năng có một đơn vị hạ trí của Thái dương Thượng đế), thì điều gì sẽ xảy ra với chúng ở lần điểm đạo thứ tư? Chúng phải bị hủy diệt (hoặc được hấp thu) cũng như tam giác nguyên tử của con người bị hủy diệt ở lần điểm đạo thứ tư.

194. Khi ấy Sao Kim, vì (theo giả thuyết) tương quan với nguyên tử trường tồn cảm xúc, sẽ phải bị hủy diệt/hấp thu ở lần điểm đạo lớn thứ tư. Tuy nhiên, người ta nói về Sao Kim rằng nó tồn tại suốt mahamanvantara. Nếu đúng như vậy, thì mahamanvantara sẽ phải kết thúc ở lần điểm đạo thứ tư của Thái dương Thượng đế và không thể tiếp tục đến lần thứ năm, vì Sao Kim sẽ bị hấp thu và do đó sẽ không tồn tại suốt mahamanvantara.

195. Phương cách duy nhất để thoát khỏi mâu thuẫn này có thể được tìm thấy trong những lời ở LOM 6:

"Đừng tìm cách xây dựng các giả thuyết chỉnh hợp dựa trên các hành tinh hồng trần. Chân lý không nằm ở đó."

196. Tuy nhiên, đoạn trên nói về sự đạt được của Thượng đế đối với "tâm thức chân ngã vũ trụ", điều này chỉ có nghĩa là lần điểm đạo

initiation and not the end of the solar system. (cf. LOM 6-7)

thứ ba chứ không phải sự kết thúc của hệ mặt trời. (xem LOM 6-7)

"Only three of the physical planets (and those three in etheric matter) enter into **the final alignment that marks the attainment [7] by the Logos of the cosmic egoic consciousness, which is His goal of attainment.** Of these three, the earth is not one, but Venus has her place corresponding to the emotional permanent atom."

"Chỉ có ba hành tinh hồng trần (và ba hành tinh ấy ở trong vật chất dĩ thái) đi vào **sự chỉnh hợp cuối cùng đánh dấu sự đạt được [7] của Thượng đế đối với tâm thức chân ngã vũ trụ, vốn là mục tiêu thành tựu của Ngài.** Trong ba hành tinh ấy, trái đất không phải là một, nhưng Sao Kim có vị trí của nó tương ứng với nguyên tử trường tồn cảm xúc."

197. So the alignment here discussed immediately above is not really the *final* alignment planned for this solar system, because the *final* alignment must relate to either the fourth or the fifth cosmic initiation for the Solar Logos.

197. Vì vậy sự chỉnh hợp được bàn đến ngay trên đây thực ra không phải là sự chỉnh hợp *cuối cùng* được hoạch định cho hệ mặt trời này, bởi vì sự chỉnh hợp *cuối cùng* phải liên hệ đến hoặc lần điểm đạo vũ trụ thứ tư hoặc thứ năm của Thái dương Thượng đế.

198. VSK wonders: "Or if earth is the mental unit to Venus mental permanent atom, then is Vulcan the base/physical permanent atom?

198. VSK tự hỏi: "Hay nếu Trái Đất là đơn vị hạ trí đối với nguyên tử trường tồn trí tuệ của Sao Kim, thì Vulcan có phải là nguyên tử trường tồn đáy/hồng trần không?

199. The following reference will put us in the correct context to address VSK's question:

199. Tài liệu tham chiếu sau đây sẽ đặt chúng ta vào đúng ngữ cảnh để giải đáp câu hỏi của VSK:

The coming of the Lords of Flame to the Earth was all under law and not just an accidental and fortunate happening; it was a planetary matter which finds its correspondence in the connection between the mental unit and the manasic permanent atom. Again, as the antaskarana is built by individual man between these two points, so —again in a planetary sense—is a channel being built by collective man on this planet to its primary, Venus. (TCF 298)

Sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Lửa đến Trái Đất đều hoàn toàn theo định luật và không chỉ là một biến cố ngẫu nhiên và may mắn; đó là một vấn đề hành tinh tìm thấy sự tương ứng của nó trong mối liên kết giữa đơn vị hạ trí và nguyên tử trường tồn manas. Lại nữa, cũng như antaskarana được cá nhân con người xây dựng giữa hai điểm này, thì—một lần nữa theo nghĩa hành tinh —một kênh dẫn đang được nhân loại tập thể trên hành tinh này xây dựng đến nguyên mẫu của nó, Sao Kim. (TCF 298)

200. In relation to what VSK asks, I would suggest that the relationship between Venus and the Earth as these two relate to the permanent atom and the mental unit, must be conceived as an intra-terrestrial matter. We are not, then, speaking of the manasic permanent atom and the mental unit of the Solar Logos (because we are not even sure whether the Solar Logos *has* a manasic permanent atom). I would suggest that the manasic permanent atom and mental unit of which we are speaking pertain to the constitution of the Earth itself and that with the awakening of the planetary heart (of Earth), the time came for the union of the manasic permanent atom and mental unit of the Planetary Logos of Earth. Since Earth was arrested in its development as was man (by reflection) it is quite reasonable that Earth would have a mental unit as well as a manasic permanent atom.

200. Liên quan đến điều VSK hỏi, tôi xin gợi ý rằng mối quan hệ giữa Sao Kim và Trái Đất khi hai hành tinh này liên hệ với nguyên tử trường tồn và đơn vị hạ trí phải được quan niệm như một vấn đề nội tại của Trái Đất. Như vậy, chúng ta không nói về nguyên tử trường tồn manas và đơn vị hạ trí của Thái dương Thượng đế (vì chúng ta thậm chí còn không chắc liệu Thái dương Thượng đế có *có* một nguyên tử trường tồn manas hay không). Tôi xin gợi ý rằng nguyên tử trường tồn manas và đơn vị hạ trí mà chúng ta đang nói đến thuộc về cấu tạo của chính Trái Đất và rằng cùng với sự thức tỉnh của tim hành tinh (của Trái Đất), thời điểm đã đến cho sự hợp nhất của nguyên tử trường tồn manas và đơn vị hạ trí của Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất. Vì Trái Đất bị đình trệ trong sự phát triển của nó cũng như con người (theo phản chiếu), nên hoàn toàn hợp lý khi Trái Đất sẽ có một đơn vị hạ trí cũng như một nguyên tử trường tồn manas.

201. There is one line of thought which may point to the possibility that a Solar Logos has a mental unit *as well as* a manasic permanent atom. In the following reference we learn that a Solar Logos has a Solar Angel of which the Solar Angel of man is a dim reflection. May it be that the purpose of the Solar Angel of the Solar Logos is to unite the manasic permanent atom and the mental unit of the Solar Logos?

201. Có một đường tư tưởng có thể chỉ ra khả năng rằng một Thái dương Thượng đế có một đơn vị hạ trí *cũng như* một nguyên tử trường tồn manas. Trong tài liệu tham chiếu sau đây, chúng ta biết rằng một Thái dương Thượng đế có một Thái dương Thiên Thần mà Thái dương Thiên Thần của con người chỉ là một phản chiếu mờ nhạt. Có thể chăng mục đích của Thái dương Thiên Thần của Thái dương Thượng đế là hợp nhất nguyên tử trường tồn manas và đơn vị hạ trí của Thái dương Thượng đế?

202. Or perhaps, there are other purposes for the Solar Angel than to unite those two units. Obviously, to know such things is far beyond human possibility.

202. Hoặc có lẽ Thái dương Thiên Thần còn có những mục đích khác ngoài việc hợp nhất hai đơn vị ấy. Hiển nhiên, biết được những điều như thế vượt xa khả năng của con người.

Three of the sacred planets, it should be remembered, are the home of the three

Cần nhớ rằng ba hành tinh thiêng liêng là nơi cư ngụ của ba Cung chính, của các hình

major Rays, of the embodied forms of the three logoic aspects or principles. Other planets are embodiments of the four minor rays. We might consider—**from the standpoint of the present**—that **Venus, Jupiter and Saturn** might be considered as the vehicles of the three super-principles at this time.

tướng nhập thể của ba phương diện hay nguyên khí của Thượng đế. Các hành tinh khác là sự nhập thể của bốn cung phụ. Chúng ta có thể xem xét—**từ quan điểm hiện tại**—rằng **Sao Kim, Sao Mộc và Sao Thổ** có thể được xem là các vận cụ của ba siêu-nguyên khí vào lúc này.

203. We are now discussing which of the rays and principles are embodied in (or express through) various of the planets.

203. Hiện nay chúng ta đang bàn đến việc những cung và nguyên khí nào được nhập thể trong (hay biểu lộ qua) các hành tinh khác nhau.

204. We are told that Venus, Jupiter and Saturn represent the three "super-principles" *at this time*, which is probably the same as saying the three rays of aspect, or the principles of atma (first ray), buddhi (second ray) and manas (third ray) express through these three (*at this time*).

204. Chúng ta được cho biết rằng Sao Kim, Sao Mộc và Sao Thổ đại diện cho ba "siêu-nguyên khí" *vào lúc này*, điều này có lẽ cũng tương đương với việc nói rằng ba Cung Trạng Thái, hay các nguyên khí atma (cung một), Bồ đề (cung hai) và manas (cung ba) biểu lộ qua ba hành tinh này (*vào lúc này*).

205. It is not likely that these three planets represent any super-Entity (as do Saturn/Mars/Earth and Uranus/Venus/Jupiter—cf. EP II 99).

205. Khó có khả năng ba hành tinh này đại diện cho bất kỳ siêu-Thực Thể nào (như Sao Thổ/Sao Hỏa/Trái Đất và Sao Thiên Vương/Sao Kim/Sao Mộc—xem EP II 99).

206. It is also probable that the order in which the three are presented is significant. You will notice that their order is the order in which they are found as one moves 'outward' from the Sun and so, is, a conventional order.

206. Cũng có thể trật tự mà ba hành tinh này được trình bày là có ý nghĩa. Các bạn sẽ nhận thấy rằng trật tự của chúng là trật tự theo đó chúng được tìm thấy khi người ta di chuyển "ra ngoài" từ Mặt Trời và vì thế, đó là một trật tự quy ước.

207. If these planets were to be assigned (and only from the standpoint of *the present*) as representatives of the three super-principles, one could reason as follows:

207. Nếu các hành tinh này được gán (và chỉ từ quan điểm của *hiện nay*) như những đại diện của ba siêu-nguyên khí, người ta có thể lý luận như sau:

a. Saturn is clearly connected with both the third and first ray. It may be inferred with reason that the personality ray of Saturn is ray one.

a. Sao Thổ rõ ràng liên hệ với cả cung ba lẫn cung một. Có thể suy ra một cách hợp lý rằng cung phàm ngã của Sao Thổ là cung một.

b. Venus is clearly connected with the fifth, second and sixth rays. It may be inferred with reason that the personality ray of Venus is the second ray and perhaps its *major* monadic ray.

b. Sao Kim rõ ràng liên hệ với các cung năm, hai và sáu. Có thể suy ra một cách hợp lý rằng cung phàm ngã của Sao Kim là cung hai và có lẽ là cung chân thần *chính* của nó.

c. Jupiter is clearly connected with the second and seventh rays. Some ray six may be possible, and as Jupiter/Zeus is the King of the Gods who hurls thunderbolts, there may be some ray one. From the astronomical perspective, Jupiter does have a "*red* eye", red being the esoteric color of the first ray. If Jupiter has a seventh ray Monad, one day it will be a first ray Monad (as seventh ray souls when transferring onto one of the Rays of Aspect, transfer to the first ray).

c. Sao Mộc rõ ràng liên hệ với các cung hai và bảy. Có thể có một ít cung sáu, và vì Sao Mộc/Zeus là Vua của các Thượng đế phóng ra những tia sét, nên có thể có một ít cung một. Từ góc độ thiên văn học, Sao Mộc quả thật có một "*con mắt đỏ*", màu đỏ là màu sắc huyền bí của cung một. Nếu Sao Mộc có một chân thần cung bảy, thì một ngày nào đó nó sẽ là một chân thần cung một (vì các linh hồn cung bảy khi chuyển sang một trong Các Cung Trạng Thái thì chuyển sang cung một).

208. In the *present,* our second solar system is still under the rulership of Brahma (the third aspect) for which Entity, Saturn stands the "head". Our Solar Logos (on His own level) is not yet a *sacred* Solar Logos.

208. *Hiện nay,* hệ mặt trời thứ hai của chúng ta vẫn còn dưới sự cai quản của Brahma (phương diện thứ ba), mà đối với Thực Thể ấy, Sao Thổ là "đầu". Thái dương Thượng đế của chúng ta (trên cấp độ riêng của Ngài) vẫn chưa là một Thái dương Thượng đế *thiêng liêng*.

209. According to present reasoning, one would not assign Venus in either the first or third position (regarding "super-principles"). The natural placement for Venus is as the expression of the second great principle. Indeed, we are told (in a blinded manner, I think) that Venus is the "heart centre" of the Solar Logos.

209. Theo lối lý luận hiện nay, người ta sẽ không đặt Sao Kim vào vị trí thứ nhất hay thứ ba (xét về các "siêu-nguyên khí"). Vị trí tự nhiên của Sao Kim là như biểu hiện của nguyên khí vĩ đại thứ hai. Thật vậy, chúng ta được cho biết (theo một cách che giấu, tôi nghĩ vậy) rằng Sao Kim là "trung tâm tim" của Thái dương Thượng đế.

"Venus **corresponds** to the heart centre in the body logoic, and has an inter-relationship therefore with all the other centres in the solar system wherein the heart aspect is the one of greater prominence." (TCF 182).

"Sao Kim **tương ứng** với trung tâm tim trong thân thể của Thượng đế, và do đó có một mối tương liên với tất cả các trung tâm khác trong hệ mặt trời, nơi phương diện tim là phương diện nổi trội hơn cả." (TCF 182).

210. Because of its sixth ray monadic nature, Venus is naturally connected to the solar plexus, and thus, again to the astral nature.

210. Vì bản chất chân thần cung sáu của nó, Sao Kim tự nhiên liên hệ với tùng thái dương, và do đó, một lần nữa, với bản chất cảm dục.

"It is the home of the planetary Logos of the sixth Ray. This may sound like a contradiction, but it is not so really; we must remember the interlocking, the gradual shifting and changing, that takes place in time on all [Page 596] the Rays. In the same way the Earth chain is the third if viewed from one aspect and the fifth viewed from another". (TCF 595-596)

"Đó là nơi cư ngụ của Hành Tinh Thượng Đế thuộc cung sáu. Điều này có thể nghe như một mâu thuẫn, nhưng thật ra không phải vậy; chúng ta phải nhớ đến sự đan xen, sự chuyển dịch và thay đổi dần dần, diễn ra theo thời gian trên mọi [Page 596] cung. Cũng theo cách ấy, Dãy Địa Cầu là dãy thứ ba nếu nhìn từ một phương diện và là dãy thứ năm nếu nhìn từ một phương diện khác". (TCF 595-596)

211. Admittedly, Venus could embody the mental principle because of its fifth ray soul, but this would mean that Venus (the most unfolded of the planets) was the distributor of the fifth ray coming through the solar logoic mind, which is most unlikely in our astral-buddhic solar system wherein the Solar Logos has not yet achieved cosmic mental polarization.

211. Phải thừa nhận rằng Sao Kim có thể hiện thân cho nguyên khí trí tuệ vì linh hồn cung năm của nó, nhưng điều này sẽ có nghĩa rằng Sao Kim (hành tinh khai mở nhất) là đấng phân phối cung năm đi qua trí tuệ của Thái dương Thượng đế, điều này rất khó có khả năng trong hệ mặt trời cảm dục-Bồ đề của chúng ta, nơi Thái dương Thượng đế vẫn chưa đạt được sự phân cực trí tuệ vũ trụ.

We have been told that the solar Logos, on the cosmic planes, works at the problem of cosmic mind; that He functions in His physical solar system, **is polarised in His cosmic astral, or emotional body, and is developing [53] cosmic mind.** (LOM 52-53)

Chúng ta đã được cho biết rằng Thái dương Thượng đế, trên các cõi vũ trụ, đang làm việc với vấn đề của trí tuệ vũ trụ; rằng Ngài hoạt động trong hệ mặt trời hồng trần của Ngài, **được phân cực trong thể cảm dục, hay thể cảm xúc vũ trụ của Ngài, và đang phát triển [53] trí tuệ vũ trụ.** (LOM 52-53)

212. Further, since Venus is the most unfolded planet in our solar system (though not the most spiritually advanced), it is unlikely that a planet so unfolded would represent a principle which is *not* yet much unfolded in our solar system.

212. Hơn nữa, vì Sao Kim là hành tinh khai mở nhất trong hệ mặt trời của chúng ta (dù không phải là hành tinh tiến bộ tinh thần nhất), nên khó có khả năng một hành tinh khai mở như vậy lại đại diện cho một nguyên khí *chưa* được khai mở nhiều trong hệ mặt trời của chúng ta.

213. Further we are told that Venus corresponds to the heart center in the body logoic, so it would be strange to list it as representing a *mental* super-principle.

213. Hơn nữa, chúng ta được cho biết rằng Sao Kim tương ứng với trung tâm tim trong thân thể của Thượng đế, nên sẽ là điều lạ nếu liệt kê nó như đại diện cho một siêu-nguyên khí *trí tuệ*.

214. Further, the mental super-principle should express through a planet which was harmonious with the third ray. Venus is not, unless we deem its fifth ray expression to be a lower octave of the fifth ray.

214. Hơn nữa, siêu-nguyên khí trí tuệ phải biểu lộ qua một hành tinh hài hòa với cung ba. Sao Kim thì không như vậy, trừ phi chúng ta xem biểu hiện cung năm của nó là một quãng tám thấp của cung năm.

215. If, despite these objections, we were to assign Venus to the mental super-principle (representing the third ray), then we would have to find a placement for Saturn and Jupiter.

215. Nếu, bất chấp những phản đối này, chúng ta gán Sao Kim cho siêu-nguyên khí trí tuệ (đại diện cho cung ba), thì chúng ta sẽ phải tìm vị trí cho Sao Thổ và Sao Mộc.

216. Since it is not conceivable that Saturn represents buddhi and the second ray, the order would have to be Saturn representing atma and the first ray; Jupiter representing buddhi and the second ray and Venus representing manas and the third ray.

216. Vì không thể hình dung rằng Sao Thổ đại diện cho Bồ đề và cung hai, nên trật tự sẽ phải là: Sao Thổ đại diện cho atma và cung một; Sao Mộc đại diện cho Bồ đề và cung hai; và Sao Kim đại diện cho manas và cung ba.

217. As stated above, however, there are problems with this assignment.

217. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, có những vấn đề với cách gán này.

218. If, however, we determine that Venus should be held in relation to the second super-principle, buddhi, then it seems we would have to distribute Saturn and Jupiter in relation to the first and third super-principles.

218. Tuy nhiên, nếu chúng ta xác định rằng Sao Kim nên được giữ trong mối liên hệ với siêu-nguyên khí thứ hai, Bồ đề, thì dường như chúng ta sẽ phải phân phối Sao Thổ và Sao Mộc theo siêu-nguyên khí thứ nhất và thứ ba.

219. Saturn has an easy fit to principle one or three, since it expresses both the first and third rays and can be as easily understood as atmic or manasic.

219. Sao Thổ rất dễ phù hợp với nguyên khí một hoặc ba, vì nó biểu hiện cả cung một lẫn cung ba và có thể được hiểu dễ dàng như atma hoặc manas.

220. Jupiter is “King of the Gods”, hence its relation to the first ray; and because of its

220. Sao Mộc là “Vua của các Thượng đế”, do đó có liên hệ với cung một; và vì cung bảy

seventh ray (whether this seventh ray represents its monadic or personality nature), it is related naturally to ray three (since, materially, ray seven is a lower octave of ray three)

221. Jupiter rules all *vehicles* which are expressions for indwelling powers—such as the causal vehicle and the monadic vehicle. Vehicles always can be related to the *third* aspect of divinity.

222. Jupiter is also connected with the Monad which is King, at least temporarily. And Jupiter certainly represents the Sun, who is certainly King.

223. We have three principle possibilities for assigning these three planets to "super-principles":

[table 4]

Option 1	Option 2	Option 3
Jupiter-R1	Saturn-R1. atma	Saturn-R1. atma
Venus-R2	Venus-R2.	Jupiter-R2. buddhi
Saturn-R3	Jupiter-R3. (from R7)	Venus—R3. manas

224. Each of these three arrangements has something to recommend it.

225. We note that we do *not* place Venus as the embodiment of the first principle as it would not make sense; for the same reason (that it would not make sense), Saturn is not

của nó (dù cung bảy này đại diện cho bản chất chân thần hay phàm ngã của nó), nó tự nhiên liên hệ với cung ba (vì, về mặt vật chất, cung bảy là một quãng tám thấp của cung ba)

221. Sao Mộc cai quản mọi *vận cụ* là những biểu hiện cho các quyền năng ngự bên trong —chẳng hạn như vận cụ nguyên nhân và vận cụ chân thần. Các vận cụ luôn có thể được liên hệ với phương diện *thứ ba* của thiên tính.

222. Sao Mộc cũng liên hệ với Chân thần là Vua, ít nhất là tạm thời. Và Sao Mộc chắc chắn đại diện cho Mặt Trời, vốn chắc chắn là Vua.

223. Chúng ta có ba khả năng nguyên tắc để gán ba hành tinh này cho các "siêu-nguyên khí":

224. Mỗi một trong ba cách sắp xếp này đều có điều gì đó đáng để ủng hộ.

225. Chúng ta lưu ý rằng chúng ta *không* đặt Sao Kim như hiện thân của nguyên khí thứ nhất vì điều đó sẽ không hợp lý; cũng vì lý do ấy (rằng điều đó sẽ không hợp lý), Sao Thổ

placed as the embodiment of the second principle

226. Much depends on whether we consider that Jupiter or Saturn should represent the first principle. Saturn, of course, has a perfect fit with the atmic plane which, in fact, it rules.

227. While Jupiter *could* be understood as embodying (monadically—eventually) the first aspect, it does not fit well with atma, per se. It is more in relation to the Monad that Jupiter finds its place, and the Monad is a great first ray center, though placed upon the second subplane of *any* of the cosmic planes.

228. How then can a choice be made? The only place where Jupiter is completely resonant is in relation to buddhi, for Jupiter is now expressing the second ray through its soul nature.

229. Saturn is completely resonant in relation to the first or third super-principle.

230. Venus is most resonant in relation to the second super-principle, and somewhat, through its fifth ray soul, to the third principle—but its emphasis in the solar system does not seem to be primarily mental (as the heart center is so often emphasized in relation to it). Venus cannot represent the first principle.

231. If we choose an option with Venus in the second position, we should remember that our system is primarily an astral-buddhic system. If our Solar Logos has not yet achieved cosmic mind, He certainly has

không được đặt như hiện thân của nguyên khí thứ hai

226. Nhiều điều tùy thuộc vào việc chúng ta có xem Sao Mộc hay Sao Thổ nên đại diện cho nguyên khí thứ nhất hay không. Dĩ nhiên, Sao Thổ hoàn toàn phù hợp với cõi atma mà thật ra nó cai quản.

227. Dù Sao Mộc *có thể* được hiểu là hiện thân (về mặt chân thần—về sau) của phương diện thứ nhất, nó không thật sự phù hợp với atma, chính nó. Sao Mộc tìm được vị trí của mình nhiều hơn trong mối liên hệ với Chân thần, và Chân thần là một trung tâm cung một vĩ đại, dù được đặt trên cõi phụ thứ hai của *bất kỳ* cõi vũ trụ nào.

228. Vậy thì làm sao có thể đưa ra lựa chọn? Nơi duy nhất mà Sao Mộc hoàn toàn cộng hưởng là trong mối liên hệ với Bồ đề, vì hiện nay Sao Mộc đang biểu hiện cung hai qua bản chất linh hồn của nó.

229. Sao Thổ hoàn toàn cộng hưởng trong mối liên hệ với siêu-nguyên khí thứ nhất hoặc thứ ba.

230. Sao Kim cộng hưởng mạnh nhất trong mối liên hệ với siêu-nguyên khí thứ hai, và phần nào đó, qua linh hồn cung năm của nó, với nguyên khí thứ ba—nhưng trọng tâm của nó trong hệ mặt trời dường như không chủ yếu là trí tuệ (vì trung tâm tim thường được nhấn mạnh rất nhiều khi nói về nó). Sao Kim không thể đại diện cho nguyên khí thứ nhất.

231. Nếu chúng ta chọn một phương án với Sao Kim ở vị trí thứ hai, chúng ta nên nhớ rằng hệ của chúng ta chủ yếu là một hệ cảm dục-Bồ đề. Nếu Thái dương Thượng đế của chúng ta vẫn chưa đạt được trí tuệ vũ trụ, thì

not achieved the fullness of cosmic buddhi, but *His astral body may reflect buddhi.* Venus, in fact, represents the emotional permanent atom of the Solar Logos, and thus (through its relation to buddhic Neptune) is a good conduit for buddhic energy, especially in an astral-buddhic system.

chắc chắn Ngài cũng chưa đạt được sự viên mãn của Bồ đề vũ trụ, nhưng *thể cảm dục của Ngài có thể phản chiếu Bồ đề.* Thật vậy, Sao Kim đại diện cho nguyên tử trường tồn cảm xúc của Thái dương Thượng đế, và do đó (qua mối liên hệ của nó với Sao Hải Vương Bồ đề) là một ống dẫn tốt cho năng lượng Bồ đề, đặc biệt trong một hệ cảm dục-Bồ đề.

232. Thus Venus would not have to convey the *fullness* of the second principle, but only as much of it as could be focussed in the solar logoic solar plexus center which Venus, reasonably, represents (as argued earlier).

232. Vì vậy Sao Kim sẽ không phải chuyển tải *trọn vẹn* nguyên khí thứ hai, mà chỉ nhiều đến mức có thể được tập trung trong trung tâm tùng thái dương của Thái dương Thượng đế mà Sao Kim, một cách hợp lý, đại diện (như đã lập luận trước đó).

233. Then we would have Jupiter and Saturn to divide between the first and third principles. Do we feel more comfortable with Jupiter as representing atma and the first ray or manas and the third ray. Like Venus, there is not much suggestion of the third ray in Jupiter (though there is much suggestion of the seventh, relating Jupiter to all manner of vehicles).

233. Khi đó chúng ta sẽ có Sao Mộc và Sao Thổ để phân chia giữa nguyên khí thứ nhất và thứ ba. Chúng ta cảm thấy thoải mái hơn khi xem Sao Mộc đại diện cho atma và cung một hay manas và cung ba? Giống như Sao Kim, không có nhiều gợi ý về cung ba trong Sao Mộc (dù có rất nhiều gợi ý về cung bảy, liên hệ Sao Mộc với mọi loại vận cụ).

234. One more point concerning the possibility of Venus representing manas, the third principle. It is clear that our Solar Logos has not yet taken the third cosmic initiation. To activate buddhi, He would have to take the fourth. To activate atma, He would have to take the fifth. Obviously, as He is working towards the third, a planet represented the third principle would be more unfolded that the planets representing the second and first principles. In fact, Venus is far more unfolded than either Jupiter or Saturn (each of which is focussed in their *third chain,* whereas Venus is focussed in its *fifth*). Such reasoning as this would make Venus a candidate for the embodiment of the third super-principle.

234. Thêm một điểm nữa liên quan đến khả năng Sao Kim đại diện cho manas, nguyên khí thứ ba. Rõ ràng là Thái dương Thượng đế của chúng ta vẫn chưa nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ ba. Để hoạt hóa Bồ đề, Ngài sẽ phải nhận lần điểm đạo thứ tư. Để hoạt hóa atma, Ngài sẽ phải nhận lần điểm đạo thứ năm. Hiển nhiên, vì Ngài đang hướng tới lần điểm đạo thứ ba, nên một hành tinh đại diện cho nguyên khí thứ ba sẽ khai mở hơn các hành tinh đại diện cho nguyên khí thứ hai và thứ nhất. Thật vậy, Sao Kim khai mở hơn rất nhiều so với cả Sao Mộc lẫn Sao Thổ (mỗi hành tinh này đều tập trung trong *dãy thứ ba* của chúng, trong khi Sao Kim tập trung trong dãy *thứ năm* của nó). Lối lý luận như thế này sẽ khiến Sao Kim trở thành một ứng

viên cho hiện thân của siêu-nguyên khí thứ ba.

235. Were we to make Venus the representative of manas, then Jupiter would quite naturally represent buddhi and Saturn, atma.

235. Nếu chúng ta xem Sao Kim là đại diện của manas, thì Sao Mộc sẽ khá tự nhiên đại diện cho Bồ đề và Sao Thổ đại diện cho atma.

236. In this section we have been told of the relationship between Venus and Earth in relation to the manasic permanent atom and mental unit. We do not know whether the Solar Logos has a mental unit, but if so, the Earth could be a good candidate. The symbol for the Earth (the even-armed cross within the circle) is the symbol which can be used of the fourfold mental unit even as it is appropriate for the fourfold base of the spine center.

236. Trong phần này, chúng ta đã được cho biết về mối liên hệ giữa Sao Kim và Trái Đất liên quan đến nguyên tử trường tồn manas và đơn vị hạ trí. Chúng ta không biết liệu Thái dương Thượng đế có một đơn vị hạ trí hay không, nhưng nếu có, Trái Đất có thể là một ứng viên tốt. Biểu tượng của Trái Đất (thập giá có bốn cánh bằng nhau bên trong vòng tròn) là biểu tượng có thể dùng cho đơn vị hạ trí tứ phân cũng như nó thích hợp cho đáy cột sống tứ phân.

237. Should we conceive that the presence of the logoic Solar Angel indicates the need for a mental unit as well as a manasic permanent atom, then the Earth, the incarnation of which does not last throughout the mahamanvantara, may be a good candidate, playing that role to its primary Venus, which *does* last throughout the mahamanvantara.

237. Nếu chúng ta hình dung rằng sự hiện diện của Thái dương Thiên Thần của Thượng đế cho thấy nhu cầu về một đơn vị hạ trí cũng như một nguyên tử trường tồn manas, thì Trái Đất, sự lâm phàm của nó không kéo dài suốt mahamanvantara, có thể là một ứng viên tốt, đóng vai trò đó đối với Sao Kim nguyên thủy của nó, hành tinh *quả thật* kéo dài suốt mahamanvantara.

238. Should we choose to think of Earth as a mental unit (even though its relations to the spleen, sacral center and base of the spine center can be reasonably established) it would go far to suggesting the primacy of the order of the super-principles as follows: Saturn, atma: Jupiter, buddhi; Venus, manas.

238. Nếu chúng ta chọn nghĩ về Trái Đất như một đơn vị hạ trí (dù các mối liên hệ của nó với lá lách, trung tâm xương cùng và đáy cột sống có thể được xác lập một cách hợp lý) thì điều đó sẽ góp phần lớn vào việc gợi ý tính ưu tiên của trật tự các siêu-nguyên khí như sau: Sao Thổ, atma; Sao Mộc, Bồ đề; Sao Kim, manas.

239. Reasoning, however, will only take us so far. Intuitive conviction is necessary and until such conviction dawns with certitude, it may be best to leave the conclusion unresolved. It will be necessary for thinkers

239. Tuy nhiên, lý luận chỉ có thể đưa chúng ta đi đến một mức nào đó. Cần có sự xác tín trực giác, và cho đến khi sự xác tín ấy lóe lên với tính chắc chắn, có lẽ tốt hơn là để kết luận ở trạng thái chưa giải quyết. Những nhà

on these matters to make their own choice. Nothing definitive can be stated here.

tư tưởng về các vấn đề này sẽ cần tự đưa ra lựa chọn của mình. Không thể phát biểu điều gì dứt khoát ở đây.

240. All three options have something reasonable about them—*unfortunately*.

240. Cả ba phương án đều có điều gì đó hợp lý—*thật không may*.

241. My preference would be the first column with Jupiter, temporarily representing the first super-principle.

241. Sở thích của tôi là cột thứ nhất với Sao Mộc tạm thời đại diện cho siêu-nguyên khí thứ nhất.

Mercury, the Earth and Mars are closely allied to these three, but a hidden mystery lies here.

Sao Thủy, Trái Đất và Sao Hỏa liên kết chặt chẽ với ba hành tinh này, nhưng ở đây có một huyền nhiệm ẩn giấu.

242. We have two sets of three planets, of which the ones immediately above must be in some way a lower correspondence to Saturn, Jupiter and Venus.

242. Chúng ta có hai bộ ba hành tinh, trong đó những hành tinh vừa nêu trên hẳn phải theo một cách nào đó là sự tương ứng thấp hơn với Sao Thổ, Sao Mộc và Sao Kim.

243. In the triangle Mercury, Earth and Mars, we have one sacred and two non-sacred planets.

243. Trong tam giác Sao Thủy, Trái Đất và Sao Hỏa, chúng ta có một hành tinh thiêng liêng và hai hành tinh không thiêng liêng.

244. If the planets Saturn, Jupiter and Venus rule for the moment the three "super-principles" then these three may perhaps be associated with lower principles—i.e., those to be found in relation to the lower vehicles and chakras.

244. Nếu các hành tinh Sao Thổ, Sao Mộc và Sao Kim hiện thời cai quản ba "siêu-nguyên khí" thì có lẽ ba hành tinh này có thể được liên kết với các nguyên khí thấp hơn—tức là những nguyên khí được tìm thấy liên quan đến các vận cụ thấp và các luân xa.

245. Conventional wisdom concerning these three planets lists Mercury as a mental planet, Mars as strongly emotional/ idealistic, and Earth as a physical planet.

245. Minh triết quy ước liên quan đến ba hành tinh này liệt kê Sao Thủy như một hành tinh trí tuệ, Sao Hỏa như một hành tinh cảm xúc/lý tưởng mạnh mẽ, và Trái Đất như một hành tinh hồng trần.

246. Of course, something other than the conventional approach may be involved in this listing.

246. Dĩ nhiên, có thể có điều gì đó khác với cách tiếp cận quy ước được bao hàm trong cách liệt kê này.

247. As regards the effect of these three on humanity, Mercury certainly influences the human mind, and in fact, rules the entire Fourth Creative Hierarchy. Mars strongly affects humanity's astral functioning and the condition of its solar plexus. Earth represents the "field of experience" and is associated with the physical nature.

247. Xét về ảnh hưởng của ba hành tinh này lên nhân loại, Sao Thủy chắc chắn ảnh hưởng đến trí tuệ con người, và thật ra cai quản toàn bộ Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư. Sao Hỏa ảnh hưởng mạnh đến hoạt động cảm dục của nhân loại và tình trạng của tùng thái dương của nó. Trái Đất đại diện cho "trường kinh nghiệm" và được liên kết với bản chất hồng trần.

248. Relations of Mercury:

248. Các mối liên hệ của Sao Thủy:

a. Mercury is related to Saturn because they both transmit the third ray—Mercury through its personality (and probably *major* monadic ray) and Saturn through its soul and certainly through its Monad.

a. Sao Thủy liên hệ với Sao Thổ vì cả hai đều truyền dẫn cung ba—Sao Thủy qua phàm ngã của nó (và có lẽ là cung chân thần *chính*) và Sao Thổ qua linh hồn của nó và chắc chắn qua Chân thần của nó.

b. Mercury and Saturn are both planets of mentality, and they rule, respectively, the higher and lower antahkarana.

b. Sao Thủy và Sao Thổ đều là những hành tinh của trí tuệ, và lần lượt cai quản antahkarana cao và thấp.

c. Mercury and Jupiter are the rulers of the Mutable Cross.

c. Sao Thủy và Sao Mộc là các chủ tinh của Thập Giá Biến đổi.

d. On a higher turn of the spiral, they can both relate to the abstract mind.

d. Trên một vòng xoắn cao hơn của chu kỳ, cả hai đều có thể liên hệ với trí trừu tượng.

e. Mercury and Venus are a natural pair, Mercury being the inspiration of the Buddha and Venus the inspiration of the Christ.

e. Sao Thủy và Sao Kim là một cặp tự nhiên, Sao Thủy là nguồn cảm hứng của Đức Phật và Sao Kim là nguồn cảm hứng của Đức Christ.

f. Mercury and Venus together represent the mental nature of the Divine Hermaphrodite.

f. Sao Thủy và Sao Kim cùng nhau đại diện cho bản chất trí tuệ của Đấng Lưỡng Tính thiêng liêng.

249. Relations of Earth:

249. Các mối liên hệ của Trái Đất:

a. The Earth is naturally related to Saturn, as Saturn represents the mental nature and

a. Trái Đất tự nhiên liên hệ với Sao Thổ, vì Sao Thổ đại diện cho bản chất trí tuệ và Trái

Earth, the physical, of a great Entity on the third ray. (EP II 99)

Đất đại diện cho bản chất hồng trần của một Thực Thể vĩ đại trên cung ba. (EP II 99)

b. Saturn and Earth together rule the throat center of the disciple and average man respectively.

b. Sao Thổ và Trái Đất cùng nhau lần lượt cai quản trung tâm cổ họng của đệ tử và của người trung bình.

c. Saturn and Earth are both related to materiality.

c. Sao Thổ và Trái Đất đều liên hệ với tính vật chất.

d. Earth and Venus are closely related, as Venus is the Earth's alter ego.

d. Trái Đất và Sao Kim liên hệ chặt chẽ với nhau, vì Sao Kim là đối phần của Trái Đất.

e. Earth and Jupiter are less related, even though Jupiter/Zeus presides as King of the Gods *on Earth.* Further Earth and Jupiter are co-rulers of Sagittarius (along with Mars in the hierarchical position).

e. Trái Đất và Sao Mộc ít liên hệ hơn, dù Sao Mộc/Zeus ngự trị như Vua của các Thượng đế *trên Trái Đất.* Hơn nữa, Trái Đất và Sao Mộc là các đồng chủ tinh của Nhân Mã (cùng với Sao Hỏa ở vị trí huyền giai).

f. In the same way that Saturn cannot easily be related to the buddhic or astral levels, neither can the Earth (yet), though its second ray soul may one day make such a relationship possible.

f. Cũng như Sao Thổ không thể dễ dàng được liên hệ với các cấp độ Bồ đề hay cảm dục, Trái Đất cũng vậy (chưa thể), dù linh hồn cung hai của nó một ngày nào đó có thể làm cho mối liên hệ ấy trở nên khả hữu.

250. Relations of Mars:

250. Các mối liên hệ của Sao Hỏa:

a. Mars is related to Saturn just as is the Earth, because Mars represents the astral nature of the great Entity upon the third ray for whom Saturn is as the mental body. (cf. EP II 99)

a. Sao Hỏa liên hệ với Sao Thổ cũng như Trái Đất, vì Sao Hỏa đại diện cho bản chất cảm dục của Thực Thể vĩ đại trên cung ba mà đối với Thực Thể ấy, Sao Thổ giống như thể trí. (xem EP II 99)

b. Mars is related to Jupiter as the solar plexus is to the heart. They share the rulership of Sagittarius (along with the Earth).

b. Sao Hỏa liên hệ với Sao Mộc như tùng thái dương liên hệ với tim. Chúng cùng chia sẻ quyền cai quản Nhân Mã (cùng với Trái Đất).

c. Mars has a great deal of sixth ray and Jupiter may have some as well, as the planet related to uplift and enthusiasm, as well as to faith and vision. If the sixth ray were

c. Sao Hỏa có rất nhiều cung sáu và Sao Mộc cũng có thể có một ít, như hành tinh liên hệ với sự nâng cao và nhiệt thành, cũng như với đức tin và tầm nhìn. Nếu cung sáu được đặt

located anywhere in Jupiter's system it would be as the personality.

ở đâu đó trong hệ của Sao Mộc thì đó sẽ là ở phàm ngã.

d. Mars and Venus are another natural pair, with Venus representing the Higher Self and Mars the personality (all aspects of the personality).

d. Sao Hỏa và Sao Kim là một cặp tự nhiên khác, với Sao Kim đại diện cho Bản Ngã Cao Siêu và Sao Hỏa đại diện cho phàm nhân (mọi phương diện của phàm nhân).

e. Just as male and female are related so are Mars and Venus.

e. Cũng như nam và nữ có liên hệ với nhau, Sao Hỏa và Sao Kim cũng vậy.

251. On the globe level, Mars, Earth and Mercury form a sequence, in which Mars rules the third globe, Earth and fourth and Mercury the fifth globe in the Earth chain. At least, at present, the globes are named in this manner.

251. Trên cấp độ bầu hành tinh, Sao Hỏa, Trái Đất và Sao Thủy tạo thành một chuỗi, trong đó Sao Hỏa cai quản bầu hành tinh thứ ba, Trái Đất bầu hành tinh thứ tư và Sao Thủy bầu hành tinh thứ năm trong Dãy Địa Cầu. Ít nhất, hiện nay các bầu hành tinh được gọi tên theo cách này.

252. Our problem would be to discover how Mercury, Mars and Earth would correspond to Saturn, Jupiter and Venus. Along with this, we would wish to locate the lesser principles to which Mercury, Mars and Earth relate.

252. Vấn đề của chúng ta là khám phá xem Sao Thủy, Sao Hỏa và Trái Đất sẽ tương ứng với Sao Thổ, Sao Mộc và Sao Kim như thế nào. Cùng với điều này, chúng ta sẽ muốn xác định các nguyên khí thấp hơn mà Sao Thủy, Sao Hỏa và Trái Đất liên hệ tới.

253. One method of relationship would have Earth representing the mental unit to the representation of the manasic permanent atom by Venus. Mars would represent the astral permanent atom (and the principle of kama), opposing Jupiter as the representative of buddhi. The Mercury would relate to the base of the spine center (not its only relation, to be sure) but one which would make sense in this configuration. Vulcan would have strong relation to the physical permanent atom.

253. Một phương pháp liên hệ sẽ là để Trái Đất đại diện cho đơn vị hạ trí đối với sự đại diện của nguyên tử trường tồn manas bởi Sao Kim. Sao Hỏa sẽ đại diện cho nguyên tử trường tồn cảm dục (và nguyên khí kama), đối ứng với Sao Mộc như đại diện của Bồ đề. Khi đó Sao Thủy sẽ liên hệ với đáy cột sống (dĩ nhiên không phải là mối liên hệ duy nhất của nó) nhưng là một mối liên hệ có ý nghĩa trong cấu hình này. Vulcan sẽ có liên hệ mạnh với nguyên tử trường tồn hồng trần.

254. Gemini has much to do with the rulership of the etheric body, and Mercury rules Gemini. Mercury is related to the "kundalini active" and to the 'Caduceus

254. Song Tử có rất nhiều liên hệ với quyền cai quản thể dĩ thái, và Sao Thủy cai quản Song Tử. Sao Thủy liên hệ với "kundalini hoạt động" và với "quyền năng Caduceus"

power' as the base of the spine. Further, the base of the spine is definitely related to the etheric body (as has been established by DK in a earlier section of this book).

255. It must be clear that a number of different planets can carry a significant role in relation to a number or the different chakras and permanent atoms.

a. Saturn can relate to the atmic permanent atom, the manasic permanent atom and the mental unit. It also has a natural rulership of the throat center.

b. Jupiter can be understood as relating to the buddhic permanent atom and to the heart center.

c. Venus can be understood as relating to the buddhic permanent atom (by reflection) and to the logoic solar plexus. The question we have been entertaining is whether Venus should also be related to the manasic permanent atom of the Solar Logos. Certainly, the energies which Venus sponsors do relate do the manasic permanent atom of our *Planetary* Logos. Within man its natural place is in relation to the ajna center.

d. Mercury can be understood as related to buddhi and, therefore, to the buddhic permanent atom. It is a versatile planet with additional relations to the abstract mind and hence to the manasic permanent atom. It also has a natural relation to the ajna center and base of the spine center in man.

e. Mars can be understood in relation to the entire atomic triangle in man, consisting of mental unit, astral permanent atom, and physical permanent atom. Mars is a natural

như đáy cột sống. Hơn nữa, đáy cột sống chắc chắn liên hệ với thể dĩ thái (như đã được Chân sư DK xác lập trong một phần trước của cuốn sách này).

255. Hẳn phải rõ rằng một số hành tinh khác nhau có thể giữ một vai trò quan trọng liên hệ với một số luân xa và nguyên tử trường tồn khác nhau.

a. Sao Thổ có thể liên hệ với nguyên tử trường tồn atma, nguyên tử trường tồn manas và đơn vị hạ trí. Nó cũng có quyền cai quản tự nhiên đối với trung tâm cổ họng.

b. Sao Mộc có thể được hiểu là liên hệ với nguyên tử trường tồn Bồ đề và với trung tâm tim.

c. Sao Kim có thể được hiểu là liên hệ với nguyên tử trường tồn Bồ đề (qua phản chiếu) và với tùng thái dương của Thượng đế. Câu hỏi mà chúng ta đang xem xét là liệu Sao Kim cũng nên được liên hệ với nguyên tử trường tồn manas của Thái dương Thượng đế hay không. Chắc chắn, các năng lượng mà Sao Kim bảo trợ quả thật liên hệ với nguyên tử trường tồn manas của Hành Tinh Thượng Đế *của* chúng ta. Trong con người, vị trí tự nhiên của nó là liên hệ với trung tâm ajna.

d. Sao Thủy có thể được hiểu là liên hệ với Bồ đề và do đó với nguyên tử trường tồn Bồ đề. Đó là một hành tinh đa năng với những mối liên hệ bổ sung tới trí trừu tượng và vì thế tới nguyên tử trường tồn manas. Nó cũng có một mối liên hệ tự nhiên với trung tâm ajna và đáy cột sống trong con người.

e. Sao Hỏa có thể được hiểu trong mối liên hệ với toàn bộ tam giác nguyên tử trong con người, gồm đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn cảm dục và nguyên tử trường tồn hồng

ruler of the solar plexus center in average man, and when considering the two points within the solar plexus center, Mars is reasonably associated with the *lower* of the two. Since Mars rules "kundalini latent", it, too, is reasonably associated with the base of the spine center.

trần. Sao Hỏa là chủ tinh tự nhiên của trung tâm tùng thái dương ở người trung bình, và khi xét hai điểm bên trong trung tâm tùng thái dương, Sao Hỏa được liên kết một cách hợp lý với điểm *thấp hơn* trong hai điểm ấy. Vì Sao Hỏa cai quản "kundalini tiềm ẩn", nó cũng được liên kết một cách hợp lý với đáy cột sống.

f. The Earth, as stated, may be hypothetically associated with the mental unit of the Solar Logos, and, to a degree with the mental unit in man. It has a natural connection with the vitality of the spleen; related to this idea is the fact that, heliocentrically, the Earth is found in the sign opposite the Sun. Earth is a fertile planet and thus naturally related to the sacral center which can as easily be considered ruled by the fertile third ray as by the seventh. Earth, we remember, has a third ray personality. In relation to the future, Earth will have a place as the base of the spine center of the Solar Logos or as one of the planets related.

f. Trái Đất, như đã nói, có thể được liên kết theo giả thuyết với đơn vị hạ trí của Thái dương Thượng đế, và ở một mức độ nào đó với đơn vị hạ trí trong con người. Nó có một mối liên hệ tự nhiên với sinh lực của lá lách; liên hệ với ý tưởng này là sự kiện rằng, theo nhật tâm, Trái Đất được tìm thấy trong dấu hiệu đối diện với Mặt Trời. Trái Đất là một hành tinh phì nhiêu và do đó tự nhiên liên hệ với trung tâm xương cùng, trung tâm này có thể được xem là do cung ba phì nhiêu cai quản cũng dễ dàng như do cung bảy. Chúng ta nhớ rằng Trái Đất có phàm ngã cung ba. Liên hệ với tương lai, Trái Đất sẽ có một vị trí như đáy cột sống của Thái dương Thượng đế hoặc như một trong những hành tinh liên hệ.

256. When we look at the three planets Mercury, Mars and the Earth, we see that they are *all* to be related to the base of the spine center.

256. Khi chúng ta nhìn vào ba hành tinh Sao Thủy, Sao Hỏa và Trái Đất, chúng ta thấy rằng *cả ba* đều phải được liên hệ với đáy cột sống.

257. A reasonable assignment of Mercury, Mars and the Earth to the atomic triangle, seems to be Earth as the mental unit, Mars as the astral permanent atom, and Mercury in relation to the base of the spine center. It would be hard to assign Mercury to the physical permanent atom.

257. Một cách gán hợp lý Sao Thủy, Sao Hỏa và Trái Đất cho tam giác nguyên tử dường như là: Trái Đất như đơn vị hạ trí, Sao Hỏa như nguyên tử trường tồn cảm dục, và Sao Thủy liên hệ với đáy cột sống. Sẽ khó mà gán Sao Thủy cho nguyên tử trường tồn hồng trần.

258. Another reasonable rearrangement would be: Mercury as the mental unit, Mars as the astral permanent atom, and the Earth as the physical permanent atom.

258. Một cách sắp xếp lại hợp lý khác sẽ là: Sao Thủy như đơn vị hạ trí, Sao Hỏa như nguyên tử trường tồn cảm dục, và Trái Đất như nguyên tử trường tồn hồng trần.

259. Mercury certainly has a relationship to the concrete mind of man and hence, its connection with the mental unit is not unreasonable. The only difficulty with this arrangement is that Mercury is a planet older and more occult than Venus, and so it would be hard to imagine Venus in the superior position of manasic permanent atom and Mercury in the inferior position of mental unit.

259. Sao Thủy chắc chắn có một mối liên hệ với trí cụ thể của con người và do đó, mối liên hệ của nó với đơn vị hạ trí không phải là vô lý. Khó khăn duy nhất với cách sắp xếp này là Sao Thủy là một hành tinh cổ xưa hơn và huyền bí hơn Sao Kim, nên sẽ khó hình dung Sao Kim ở vị trí cao hơn là nguyên tử trường tồn manas và Sao Thủy ở vị trí thấp hơn là đơn vị hạ trí.

260. If we wish to look at the lower quaternary of the Solar Logos as composed of lower manas, kama-manas, kama and the etheric-physical nature, then a natural assignment of the planets is as follows:

260. Nếu chúng ta muốn nhìn bộ tứ thấp của Thái dương Thượng đế như được cấu thành bởi hạ trí, trí-cảm, kama và bản chất dĩ thái-hồng trần, thì một cách gán tự nhiên cho các hành tinh là như sau:

a. Mercury, lower manas

a. Sao Thủy, hạ trí

b. Venus, kama-manas

b. Sao Kim, trí-cảm

c. Mars, kama and the lower part of kama-manas.

c. Sao Hỏa, kama và phần thấp của trí-cảm.

d. Earth, the etheric-physical nature. Earth is related to both the etheric and physical body.

d. Trái Đất, bản chất dĩ thái-hồng trần. Trái Đất liên hệ với cả thể dĩ thái lẫn thể xác.

261. So, we see that nothing is exactly straightforward. The relationships are intricate. By examining them closely, however, as we have here, we are preparing the mind for the receipt of the confirmatory intuition—*one fine day!*

261. Vì vậy, chúng ta thấy rằng không có gì hoàn toàn thẳng tắp. Các mối liên hệ rất phức tạp. Tuy nhiên, bằng cách khảo sát chúng kỹ lưỡng, như chúng ta đã làm ở đây, chúng ta đang chuẩn bị trí tuệ để tiếp nhận trực giác xác nhận—*vào một ngày đẹp trời nào đó!*

262. When comparing the three super-principles and the planets which today

262. Khi so sánh ba siêu-nguyên khí và các hành tinh ngày nay đại diện cho chúng, với

represent them, with the other three planets given as associated with the higher three, one proposed line-up, from top to bottom is:

a. Saturn

b. Jupiter

c. Venus

d. Earth

e. Mars

f. Mercury

263. Probably Pluto should be here, at the base of the spine center, and Mercury, ever wandering, ubiquitous, should be related, ultimately to the ajna center, a center which does not seem to have a relationship to the five permanent atoms (plus the mental unit).

264. Interestingly, the ajna center and the sacral center are not related to permanent atoms. Mobile Mercury is easily related to the ajna center (just as it is in man after the third initiation); it is also easily relation to the personality nature of man (ruled by the number *four,* the number of the soul ray of Mercury).

265. In relation to man, the alignment of Mercury, Venus, Mars and Earth relates to personality, mind, astral nature and etheric-physical nature.

266. Or alternatively, Mercury, Venus, Mars and Earth could relate to the mind, the

ba hành tinh khác được nêu là liên kết với ba nguyên khí cao hơn, một cách sắp hàng được đề nghị, từ trên xuống dưới là:

a. Sao Thổ

b. Sao Mộc

c. Sao Kim

d. Trái Đất

e. Sao Hỏa

f. Sao Thủy

263. Có lẽ Sao Diêm Vương nên ở đây, tại đáy cột sống, và Sao Thủy, luôn lang thang, hiện diện khắp nơi, rốt cuộc nên được liên hệ với trung tâm ajna, một trung tâm dường như không có mối liên hệ với năm nguyên tử trường tồn (cộng với đơn vị hạ trí).

264. Điều thú vị là trung tâm ajna và trung tâm xương cùng không liên hệ với các nguyên tử trường tồn. Sao Thủy linh động dễ dàng được liên hệ với trung tâm ajna (cũng như trong con người sau lần điểm đạo thứ ba); nó cũng dễ dàng liên hệ với bản chất phàm ngã của con người (được cai quản bởi con số *bốn,* con số của cung linh hồn của Sao Thủy).

265. Liên hệ với con người, sự chỉnh hợp của Sao Thủy, Sao Kim, Sao Hỏa và Trái Đất liên hệ với phàm ngã, trí tuệ, bản chất cảm dục và bản chất dĩ thái-hồng trần.

266. Hoặc theo cách khác, Sao Thủy, Sao Kim, Sao Hỏa và Trái Đất có thể liên hệ với trí

kama-manasic nature, the astral nature and the etheric-physical nature.

tuệ, bản chất trí-cảm, bản chất cảm dục và bản chất dĩ thái-hồng trần.

267. The sacral center is said to relate to the dense physical nature, and hence to the Moon veiling Uranus. Since Mars rules the physical body rather than the etheric body, it too accords with the sacral center.

267. Trung tâm xương cùng được nói là liên hệ với bản chất hồng trần đậm đặc, và do đó với Mặt Trăng che giấu Sao Thiên Vương. Vì Sao Hỏa cai quản thể xác hơn là thể dĩ thái, nó cũng phù hợp với trung tâm xương cùng.

The evolution of the inner round has a close connection with this problem.

Sự tiến hoá của cuộc tuần hoàn nội tại có một mối liên hệ chặt chẽ với vấn đề này.

268. There is not much to say about this here. The "inner round" is a specialized study, in relation to which a number of things have been hinted, but nothing conclusively given.

268. Không có nhiều điều để nói về việc này ở đây. "Cuộc tuần hoàn nội tại" là một nghiên cứu chuyên biệt, liên hệ với nó đã có một số điều được gợi ý, nhưng không có gì được đưa ra một cách kết luận.

269. Mercury (so close to the Sun) is a planet closely connected with the "inner round". We will take up the exploration of the inner round when more substantive references appear.

269. Sao Thủy (ở rất gần Mặt Trời) là một hành tinh liên hệ chặt chẽ với "cuộc tuần hoàn nội tại". Chúng ta sẽ tiếp tục việc khảo sát cuộc tuần hoàn nội tại khi xuất hiện thêm những dẫn chiếu có nội dung thực chất hơn.

Perhaps some light may be thrown upon the obscurity of the matter by the realisation that just as t**he Logos has (in the non-sacred planets) the correspondence to the permanent atoms in the human being**,

Có lẽ một ít ánh sáng có thể được rọi vào sự tối nghĩa của vấn đề này nhờ sự chứng nghiệm rằng cũng như **Thượng đế có (trong các hành tinh không thiêng liêng) sự tương ứng với các nguyên tử trường tồn trong con người**,

270. There are three non-sacred planets usually listed—Earth, Mars and Pluto. At the time TCF was written, Pluto had not been written and *Esoteric Astrology,* too, had not been written.

270. Thường có ba hành tinh không thiêng liêng được liệt kê—Trái Đất, Sao Hỏa và Sao Diêm Vương. Vào thời điểm TCF được viết, Sao Diêm Vương chưa được viết đến và *Chiêm Tinh Học Nội Môn,* cũng vậy, chưa được viết.

271. Since there are five permanent atoms in the human being, the Tibetan is suggesting non-sacred planets. As we are not sure of the names and nature of the non-sacred planets

271. Vì có năm nguyên tử trường tồn trong con người, Chân sư Tây Tạng đang gợi ý các hành tinh không thiêng liêng. Vì chúng ta không chắc về tên gọi và bản chất của các

veiled by the Sun and Moon, it would be difficult to assign them to the five logoic permanent atoms as we know them (not including the mental unit).

hành tinh không thiêng liêng bị Mặt Trời và Mặt Trăng che giấu, nên sẽ khó gán chúng cho năm nguyên tử trường tồn của Thượng đế như chúng ta biết (không kể đơn vị hạ trí).

272. Further, we are also given correspondences through which some sacred planets are associated as correspondences to the logoic permanent atoms—Saturn to the physical permanent atom, Venus to the emotional permanent atom, and Neptune and Uranus tenuously to the astral and manasic permanent atoms respectively.

272. Hơn nữa, chúng ta cũng được cho những sự tương ứng qua đó một số hành tinh thiêng liêng được liên kết như những tương ứng với các nguyên tử trường tồn của Thượng đế—Sao Thổ với nguyên tử trường tồn hồng trần, Sao Kim với nguyên tử trường tồn cảm xúc, và Sao Hải Vương cùng Sao Thiên Vương một cách mong manh với các nguyên tử trường tồn cảm dục và manas tương ứng.

273. It may be that DK is not talking about *all five* of the permanent atoms, but only those which relate to the development of the *human part* of the human being—i.e., his personality nature.

273. Có thể Chân sư DK không nói về *cả năm* nguyên tử trường tồn, mà chỉ nói về những nguyên tử liên hệ với sự phát triển của *phần người* trong con người—tức là bản chất phàm ngã của y.

274. If so, we would only be dealing with the Earth, Mars and Pluto schemes (even though Pluto had not yet been discovered at the time of the writing).

274. Nếu vậy, chúng ta sẽ chỉ xử lý các hệ hành tinh Trái Đất, Sao Hỏa và Sao Diêm Vương (dù Sao Diêm Vương vẫn chưa được khám phá vào thời điểm bản văn được viết).

275. Earth, Mars and Pluto are all related to the base of the spine center, and also the sacral center. Mars and Pluto are easily related to the solar plexus center.

275. Trái Đất, Sao Hỏa và Sao Diêm Vương đều liên hệ với đáy cột sống, và cả trung tâm xương cùng nữa. Sao Hỏa và Sao Diêm Vương dễ dàng liên hệ với trung tâm tùng thái dương.

2. Two of the other non-sacred planets—Mars and Pluto—function in connection with the sacral centre (Mars) and the solar plexus (Pluto). This latter planet becomes active in the life of the man who is "becoming alive in the higher sense, his lower nature passes into the smoke and darkness of Pluto, who governs the lesser burning ground, in order that the man may

2. Hai trong số các hành tinh không thiêng liêng khác—Sao Hỏa và Sao Diêm Vương—hoạt động liên hệ với trung tâm xương cùng (Sao Hỏa) và tùng thái dương (Sao Diêm Vương). Hành tinh sau này trở nên hoạt động trong đời sống của con người đang "trở nên sống động theo nghĩa cao hơn, bản chất thấp của y đi vào khói và bóng tối của Sao Diêm Vương, đấng cai quản vùng đất cháy

live in truth in the higher land of light." (EA 78)

nhỏ hơn, để con người có thể sống chân thật trong miền ánh sáng cao hơn." (EA 78)

276. The three lower permanent atoms in the atomic triangle are two permanent atoms and one "unit"—the mental unit.

276. Ba nguyên tử trường tồn thấp trong tam giác nguyên tử là hai nguyên tử trường tồn và một "đơn vị"—đơn vị hạ trí.

277. Interestingly, not only are all three planets reasonably related to the base of the spine center, they are also reasonably related to the concrete mind, with its center, presumably, as the mental unit. Earth plays the role of mental unit to Venus' manasic permanent atom; Mars rules the five senses and the concrete mind and would thus be associated with the mental unit; Pluto, is naturally a mental planet involved in the penetrative, investigative mind.

277. Điều đáng chú ý là không những cả ba hành tinh đều có liên hệ hợp lý với trung tâm đáy cột sống, mà chúng còn đều có liên hệ hợp lý với trí cụ thể, với trung tâm của nó, có lẽ, là đơn vị hạ trí. Trái Đất đóng vai trò đơn vị hạ trí đối với nguyên tử trường tồn manas của Sao Kim; Sao Hỏa cai quản năm giác quan và trí cụ thể nên vì thế sẽ được liên kết với đơn vị hạ trí; Sao Diêm Vương, một cách tự nhiên, là một hành tinh trí tuệ liên quan đến trí tuệ xuyên thấu, khảo sát.

278. How then to assign the three of these planetary schemes at least to the members of the atomic triangle?

278. Vậy thì làm thế nào để gán ba hệ hành tinh này ít nhất cho các thành viên của tam giác nguyên tử?

279. The non-scared planets are said to relate to the personality of man, and in this we may gather hints: the Moon relates to the dense physical body; the Earth to the etheric body; Mars, reasonably to the astral; Pluto to the mental and the Sun to the integrated personality.

279. Các hành tinh không thiêng liêng được nói là liên hệ với phàm ngã của con người, và từ đó chúng ta có thể thu thập những gợi ý: Mặt Trăng liên hệ với thể xác đậm đặc; Trái Đất với thể dĩ thái; Sao Hỏa, một cách hợp lý, với thể cảm dục; Sao Diêm Vương với thể trí và Mặt Trời với Phàm ngã tích hợp.

280. In some ways, Mars and Pluto could be interchangeable, as Pluto rules Hades, the "underworld" of lower astral plane, which is the domain of the solar plexus center. Mars is a mental planet also and we can reverse them, relating Mars to concrete mind, the five senses and orthodox science which utilizes the concrete mind.

280. Theo một số phương diện, Sao Hỏa và Sao Diêm Vương có thể hoán đổi cho nhau, vì Sao Diêm Vương cai quản Hades, "âm giới" của cõi cảm dục thấp, vốn là lãnh vực của trung tâm tùng thái dương. Sao Hỏa cũng là một hành tinh trí tuệ và chúng ta có thể đảo ngược chúng, liên hệ Sao Hỏa với trí cụ thể, năm giác quan và khoa học chính thống vốn sử dụng trí cụ thể.

281. With this in mind, we could assign Pluto to the mental unit, Mars to the astral

281. Với điều này trong tâm trí, chúng ta có thể gán Sao Diêm Vương cho đơn vị hạ trí,

permanent atom and the Earth to the physical permanent atom. IF we wish to reverse the positions of Mars and Pluto, this too is possible.

Sao Hỏa cho nguyên tử trường tồn cảm dục và Trái Đất cho nguyên tử trường tồn hồng trần. NẾU chúng ta muốn đảo vị trí của Sao Hỏa và Sao Diêm Vương, điều này cũng có thể.

282. We can see what we might call a 'justifiable fluidity of assignments'.

282. Chúng ta có thể thấy điều mà ta có thể gọi là một "tính linh động có thể biện minh được của các sự gán định".

so the middle evolution between these two (God and man) is the Heavenly Man, whose body is made up of human and deva monads, and Who has likewise His permanent atoms.

vì vậy, sự tiến hoá trung gian giữa hai Đấng này (Thượng đế và con người) là Đấng Thiên Nhân, mà thân thể của Ngài được cấu thành bởi các chân thần người và thiên thần, và Đấng ấy cũng có các nguyên tử trường tồn của Ngài.

283. The Heavenly Man is the middle evolution between the Solar Logos and man.

283. Đấng Thiên Nhân là sự tiến hoá trung gian giữa Thái dương Thượng đế và con người.

284. Human and deva Monads constitute the centers of the Heavenly Man. What constitutes the permanent atoms of the Heavenly Man?

284. Các chân thần người và thiên thần cấu thành các trung tâm của Đấng Thiên Nhân. Điều gì cấu thành các nguyên tử trường tồn của Đấng Thiên Nhân?

285. The Heavenly Man, we remember, works on the levels of the spiritual triad at the mastery, especially, of the fourth and fifth planes.

285. Chúng ta nhớ rằng Đấng Thiên Nhân hoạt động trên các cấp độ của Tam nguyên tinh thần trong địa vị chân sư, đặc biệt là của cõi thứ tư và thứ năm.

286. On TCF 533. we learn that the Solar Logos works through only one permanent atom and the Planetary Logos through two. This probably tells us something about where these permanent atoms are located.

286. Trong TCF 533. chúng ta biết rằng Thái dương Thượng đế chỉ hoạt động qua một nguyên tử trường tồn và Hành Tinh Thượng Đế qua hai. Điều này có lẽ cho chúng ta biết điều gì đó về nơi các nguyên tử trường tồn này tọa lạc.

287. It may be that *with regard to the cosmic physical plane,* the Solar Logos works only through one permanent atom and the Planetary Logos through two.

287. Có thể là *xét theo cõi hồng trần vũ trụ,* Thái dương Thượng đế chỉ hoạt động qua một nguyên tử trường tồn và Hành Tinh Thượng Đế qua hai.

288. The principles of the Planetary Logos seem strangely spread across the planes, and there is probably a much closer analogy to the manner in which the permanent atoms of the Solar Logos are apportioned to planes than the manner in which the permanent atoms of the Planetary Logos are apportioned.

288. Các nguyên khí của Hành Tinh Thượng Đế dường như được trải ra một cách kỳ lạ trên các cõi, và có lẽ có một sự tương đồng gần gũi hơn nhiều với cách các nguyên tử trường tồn của Thái dương Thượng đế được phân bổ cho các cõi hơn là cách các nguyên tử trường tồn của Hành Tinh Thượng Đế được phân bổ.

289. It can be inferred that the physical permanent atom of the Solar Logos is to be found on the systemic logoic plane. Are the two permanent atoms of the Planetary Logos (the two which, hypothetically, are to be found on the cosmic physical plane) to be found on the atmic and buddhic planes? This is not easy to solve.

289. Có thể suy ra rằng nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế được tìm thấy trên cõi logoi hệ thống. Hai nguyên tử trường tồn của Hành Tinh Thượng Đế (hai nguyên tử mà, theo giả thuyết, được tìm thấy trên cõi hồng trần vũ trụ) có được tìm thấy trên cõi atma và cõi Bồ đề không? Điều này không dễ giải quyết.

290. Or is the physical permanent atom of the Planetary Logos to be found on the atmic plane and the emotional permanent atom on the monadic level?

290. Hay nguyên tử trường tồn hồng trần của Hành Tinh Thượng Đế được tìm thấy trên cõi atma và nguyên tử trường tồn cảm xúc trên cấp độ chân thần?

Always the three higher principles can be distinguished in importance from the four lower.

Ba nguyên khí cao hơn luôn có thể được phân biệt về tầm quan trọng với bốn nguyên khí thấp hơn.

291. Saturn, Jupiter and Venus (at this time) correspond to *three* higher; DK, however, has given us only *three* lower planets (Mercury, Earth and Mars) and *four* lower principles.

291. Sao Thổ, Sao Mộc và Sao Kim (vào lúc này) tương ứng với *ba* nguyên khí cao hơn; tuy nhiên, Chân sư DK chỉ cho chúng ta *ba* hành tinh thấp hơn (Sao Thủy, Trái Đất và Sao Hỏa) và *bốn* nguyên khí thấp hơn.

292. We found that when we were attempting to assign Mercury, Earth and Mars to the four lower principles, that we were in need of Pluto.

292. Chúng ta nhận thấy rằng khi cố gắng gán Sao Thủy, Trái Đất và Sao Hỏa cho bốn nguyên khí thấp hơn, chúng ta cần đến Sao Diêm Vương.

293. There are so many different ways of numbering the principles that there is no one definitive assignment of planets to principles.

293. Có quá nhiều cách khác nhau để đánh số các nguyên khí đến nỗi không có một sự gán định dứt khoát duy nhất nào của các hành tinh cho các nguyên khí.

The key is hidden in the fact that between the number of a globe in a chain and its corresponding chain lies a method of communication.

Chìa khóa được ẩn giấu trong sự kiện rằng giữa số của một bầu hành tinh trong một Dãy và Dãy tương ứng của nó có một phương pháp giao tiếp.

294. This method of communication occurs through the principle of 'numerical resonance'.

294. Phương pháp giao tiếp này xảy ra thông qua nguyên lý "cộng hưởng số học".

295. We are dealing with wholes within wholes: a globe is a whole contained within a greater whole called a chain; a chain is a whole contained within a greater whole called a scheme.

295. Chúng ta đang bàn đến những toàn thể nằm trong những toàn thể: một bầu hành tinh là một toàn thể được chứa trong một toàn thể lớn hơn gọi là một Dãy; một Dãy là một toàn thể được chứa trong một toàn thể lớn hơn gọi là một hệ hành tinh.

296. Man is contained with the Heavenly Man, Who is contained within the Solar Logos.

296. Con người được chứa trong Đấng Thiên Nhân, Đấng được chứa trong Thái dương Thượng đế.

297. Aggregations of permanent atoms are contained within a permanent atom of a higher nature; aggregations of the permanent atoms of a higher nature are contained within a permanent atom of a still higher nature.

297. Những tập hợp các nguyên tử trường tồn được chứa trong một nguyên tử trường tồn có bản chất cao hơn; những tập hợp các nguyên tử trường tồn có bản chất cao hơn được chứa trong một nguyên tử trường tồn có bản chất còn cao hơn nữa.

298. For some Entities globes are as permanent atoms; for Entities greater still (like the Planetary Logos) chains are as permanent atoms.

298. Đối với một số Thực Thể, các bầu hành tinh giống như các nguyên tử trường tồn; đối với các Thực Thể còn lớn hơn nữa (như Hành Tinh Thượng Đế), các Dãy giống như các nguyên tử trường tồn.

299. For the Solar Logos, some planetary schemes are as permanent atoms.

299. Đối với Thái dương Thượng đế, một số hệ hành tinh giống như các nguyên tử trường tồn.

300. For the Solar Logos the non-sacred schemes are as the permanent atoms (even though some of the permanent atoms, when viewed in other contexts, are associated with sacred planets).

300. Đối với Thái dương Thượng đế, các hệ hành tinh không thiêng liêng giống như các nguyên tử trường tồn (dù rằng một số nguyên tử trường tồn, khi được nhìn trong

những bối cảnh khác, lại được liên kết với các hành tinh thiêng liêng).

301. Is it not possible that there may be sacred and non-sacred globes, the non-sacred globes associated with lower permanent atoms?

301. Chẳng phải có thể có các bầu hành tinh thiêng liêng và không thiêng liêng sao, trong đó các bầu hành tinh không thiêng liêng được liên kết với các nguyên tử trường tồn thấp hơn?

302. Also, may there not be sacred and non-sacred chains, the lower of the planetary chains to be associated with the lower permanent atoms?

302. Ngoài ra, chẳng phải cũng có thể có các Dãy thiêng liêng và không thiêng liêng sao, trong đó các Dãy hành tinh thấp hơn được liên kết với các nguyên tử trường tồn thấp hơn?

303. We recognize that there are times when a unit of life is considered to correspond to a chakra and others when it is considered to correspond to a permanent atom.

303. Chúng ta nhận ra rằng có những lúc một đơn vị sự sống được xem là tương ứng với một luân xa và những lúc khác lại được xem là tương ứng với một nguyên tử trường tồn.

304. A permanent atom generates a vehicle; a chakra animates a vehicles and sustains it with life energy.

304. Một nguyên tử trường tồn tạo ra một vận cụ; một luân xa làm sinh động một vận cụ và duy trì nó bằng năng lượng sự sống.

305. It is no easy matter to sort out when a unit of life is to be considered a *permanent atom* (and thus related to the matter aspect—though *attached* to the life aspect) and when a *chakra*, and thus related *direction* to the life aspect, for all chakras are vortices sustained by monadic fire.

305. Không dễ gì phân định khi nào một đơn vị sự sống phải được xem là một *nguyên tử trường tồn* (và do đó liên hệ với phương diện vật chất—dù *gắn với* phương diện sự sống) và khi nào là một *luân xa*, và do đó liên hệ *trực tiếp* với phương diện sự sống, vì mọi luân xa đều là những xoáy lực được duy trì bởi lửa chân thần.

306. Permanent atoms, however, are also related to principles.

306. Tuy nhiên, các nguyên tử trường tồn cũng liên hệ với các nguyên khí.

The same is true likewise of the correspondence between a chain of globes and a scheme of analogous number.

Điều tương tự cũng đúng đối với sự tương ứng giữa một Dãy các bầu hành tinh và một hệ hành tinh có số tương tự.

307. The methods of communication between wholes within whole (according to

the principle of numerical resonance) are clear.

307. Các phương pháp giao tiếp giữa những toàn thể nằm trong toàn thể (theo nguyên lý cộng hưởng số học) là rõ ràng.

308. The Earth globe (the fourth globe) has a special mode of connection with the Earth-chain (the fourth chain in the Earth-scheme) and the Earth-chain with the Earth-scheme (which is the fourth scheme in the solar system).

308. Bầu hành tinh Trái Đất (bầu thứ tư) có một phương thức liên kết đặc biệt với Dãy Địa Cầu (Dãy thứ tư trong hệ Địa Cầu) và Dãy Địa Cầu với hệ Địa Cầu (là hệ thứ tư trong hệ mặt trời).

309. The Mercury-globe (the fifth) of the Earth-chain, has special communication with the Mercury-chain of the Earth-scheme, and with the Mercury chain with the Mercury-scheme of the solar system, and of course, with the Mercury-scheme, etc.

309. Bầu hành tinh Sao Thủy (bầu thứ năm) của Dãy Địa Cầu có sự giao tiếp đặc biệt với Dãy Sao Thủy của hệ Địa Cầu, và Dãy Sao Thủy với hệ Sao Thủy của hệ mặt trời, và dĩ nhiên, với hệ Sao Thủy, v.v.

The connection between Venus and the Earth lies hid in number, and it took a moment of mysterious alignment between a globe, its corresponding chain and the scheme of allied number to effect the **momentous occurrence known as the coming of the Lords of Flame.**

Mối liên hệ giữa Sao Kim và Trái Đất được ẩn giấu trong con số, và cần đến một khoảnh khắc chỉnh hợp huyền nhiệm giữa một bầu hành tinh, Dãy tương ứng của nó và hệ hành tinh có số liên hệ để tạo nên **biến cố trọng đại được biết đến như sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Lửa.**

310. The coming of the Lord of the Flame (the Solar Angels, Prometheus) was, from the cosmological perspective, a *numerological event.*

310. Sự giáng lâm của Chúa Tể của Lửa (các Thái dương Thiên Thần, Prometheus), xét từ quan điểm vũ trụ luận, là một *biến cố số học huyền bí.*

311. The Earth-globe was the recipient. From one perspective, the Venus-globe of the Venus-chain aligned with that chain, and the Venus-chain with the Venus-scheme. The operative numbers are *two* and six. At least there are charts which show this connection.

311. Bầu hành tinh Trái Đất là bên tiếp nhận. Từ một góc nhìn, bầu hành tinh Sao Kim của Dãy Sao Kim đã chỉnh hợp với Dãy ấy, và Dãy Sao Kim với hệ Sao Kim. Các con số tác động là *hai* và sáu. Ít nhất cũng có những biểu đồ cho thấy mối liên hệ này.

312. However, the numbering is different below.

312. Tuy nhiên, cách đánh số ở dưới lại khác.

It occurred in the third rootrace in the fourth round.

Điều đó xảy ra trong giống dân gốc thứ ba của cuộc tuần hoàn thứ tư.

313. Within the Earth-chain and Earth-scheme.

313. Bên trong Dãy Địa Cầu và hệ Địa Cầu.

Here we have an analogy between the quaternary and the Triad, carrying the interpretation up to a Heavenly Man.

Ở đây chúng ta có một sự tương đồng giữa bộ tứ và Tam nguyên tinh thần, đưa sự diễn giải lên đến một Đấng Thiên Nhân.

314. The Earth-scheme represents the quaternary and the Venus-scheme the Triad.

314. Hệ Địa Cầu tượng trưng cho bộ tứ và hệ Sao Kim tượng trưng cho Tam nguyên tinh thần.

The chain was the fourth chain and the globe, the fourth.

Dãy là Dãy thứ tư và bầu hành tinh cũng là bầu thứ tư.

315. The recipient chain and globe are being described: the fourth chain of the Earth-scheme and the fourth globe within that fourth chain (the Earth-chain).

315. Dãy và bầu hành tinh tiếp nhận đang được mô tả: Dãy thứ tư của hệ Địa Cầu và bầu hành tinh thứ tư trong Dãy thứ tư ấy (Dãy Địa Cầu).

The fourth [Page 300] chain in the Venus scheme and the fourth globe in that chain were closely involved in the transaction.

Dãy thứ tư [Page 300] trong hệ Sao Kim và bầu hành tinh thứ tư trong Dãy ấy đã tham dự mật thiết vào giao dịch này.

316. This is a fascinating piece of information. In the images given in Chart VII, TCF 385, we are shown that the sixth globe of the second chain (the Venus-chain) of the Earth-scheme is aligned with the fourth globe of the fourth chain of the Earth-scheme. DK is telling us that the fourth chain of the Venus scheme (and its fourth globe) was closely involved.

316. Đây là một mẩu thông tin đầy hấp dẫn. Trong các hình ảnh được đưa ra ở Biểu đồ VII, TCF 385, chúng ta được cho thấy rằng bầu hành tinh thứ sáu của Dãy thứ hai (Dãy Sao Kim) của hệ Địa Cầu được chỉnh hợp với bầu hành tinh thứ tư của Dãy thứ tư của hệ Địa Cầu. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng Dãy thứ tư của hệ Sao Kim (và bầu hành tinh thứ tư của nó) đã tham dự mật thiết.

317. Elsewhere, we have also learned that the *sixth* chain of the Venus-scheme was involved.

317. Ở nơi khác, chúng ta cũng đã biết rằng Dãy thứ *sáu* của hệ Sao Kim đã tham dự.

“Venus may have had much to do with the impartation of the stimulation which

“Sao Kim có thể đã liên quan rất nhiều đến việc truyền đạt sự kích thích dẫn đến những

resulted in great events on Earth via the Venus chain of our scheme, but our scheme gave, in a mysterious manner, more than was received, though the [Page 378] gift was not of the same nature. The coming in of the Venusian influence to our chain, and to our planet, with the subsequent stimulation of certain groups in the fourth Creative Hierarchy, the human, caused a paralleling event of even greater magnitude in the Venus scheme. This affected the sixth Hierarchy, one of the deva Hierarchies, dwelling in the Venus scheme. **This stimulation emanated via our sixth chain (or the second according to the angle of vision) and affected a corresponding chain in the Venus scheme.** The magnitude of the difference may be seen in the fact that in our case one globe alone was affected, whereas the influence of our scheme on the Venusian was such that an entire chain was stimulated. This was brought about through the positive polarity of the Heavenly Man of the Earth scheme". (TCF 377-378)

biến cố lớn lao trên Trái Đất qua Dãy Sao Kim của hệ chúng ta, nhưng hệ chúng ta, theo một cách huyền nhiệm, đã cho nhiều hơn là nhận, dù món quà [Page 378] không cùng bản chất. Sự đi vào của ảnh hưởng Sao Kim đến Dãy chúng ta, và đến hành tinh chúng ta, cùng với sự kích thích tiếp theo đối với một số nhóm trong Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, tức giới nhân loại, đã gây ra một biến cố song hành còn lớn lao hơn trong hệ Sao Kim. Điều này ảnh hưởng đến Huyền Giai thứ sáu, một trong các Huyền Giai thiên thần, cư ngụ trong hệ Sao Kim. **Sự kích thích này phát xuất qua Dãy thứ sáu của chúng ta (hay Dãy thứ hai tùy theo góc độ tầm nhìn) và ảnh hưởng đến một Dãy tương ứng trong hệ Sao Kim.** Mức độ khác biệt có thể thấy ở chỗ trong trường hợp của chúng ta chỉ một bầu hành tinh bị ảnh hưởng, trong khi ảnh hưởng của hệ chúng ta lên hệ Sao Kim lại đến mức cả một Dãy được kích thích. Điều này được mang lại nhờ cực tính dương của Đấng Thiên Nhân của hệ Địa Cầu". (TCF 377-378)

318. VSK muses: "What did Venus get out of this? An 'earth' ground for her livewire sparkies? Earth to earth plug in?"

318. VSK suy ngẫm: "Sao Kim đã nhận được gì từ việc này? Một nền 'đất' cho những tia lửa sống động của nàng? Trái Đất nối phích cắm với Trái Đất chăng?"

h. The progress of development of the Heavenly Men is by no means uniform.

h. Sự tiến triển phát triển của các Đấng Thiên Nhân tuyệt nhiên không đồng đều.

319. We are not talking here about the *spiritual development* or *spiritual maturity* of the Heavenly Man or His *spiritual status* relative to other Heavenly Men. We are speaking about the *unfoldment* of a Planetary Logos. A more spiritually developed Heavenly Man can be unfolded to a lesser extent than a less spiritually developed Heavenly Man.

319. Ở đây chúng ta không nói về *sự phát triển tinh thần* hay *sự trưởng thành tinh thần* của Đấng Thiên Nhân hoặc *địa vị tinh thần* của Ngài so với các Đấng Thiên Nhân khác. Chúng ta đang nói về *sự khai mở* của một Hành Tinh Thượng Đế. Một Đấng Thiên Nhân phát triển tinh thần hơn có thể được khai mở ở mức độ ít hơn một Đấng Thiên Nhân kém phát triển tinh thần hơn.

One point has not been emphasised hitherto, and that is, that the problem before each of Them is dissimilar, and, therefore, **it is not possible for man correctly to gauge the work done by Them and Their relative point of attainment.**

320. We are speaking of matters beyond our ken. We know something of the rays of the various Heavenly Men and their possible 'positions' within the body of expression of the Solar Logos, but really, we know little if anything of their *problems.*

321. We have been told, we remember, that the Heavenly Man of the Earth-scheme is finishing His work in relation to the fourth sub-plane of the cosmic astral plane and is starting his work upon the fifth. The Heavenly Man of the Venus-scheme has dominated and controlled the fifth sub-plane of the cosmic astral plane and is "working on the sixth".

322. While we cannot gauge the work done by them or their relative point of attainment, we can collect what we have been told and make reasoned inference. Our intuitive apprehension of their work and attainment may also be stimulated.

It has been said that as Venus is in the fifth round, the Venusian Lord is further progressed than His brothers.

323. "Further progressed" is another way of saying "further unfolded", but as we will see below, the word "progressed" is a little ambiguous, whereas the term "unfolded" is not.

Có một điểm cho đến nay chưa được nhấn mạnh, đó là vấn đề trước mặt mỗi Đấng là khác nhau, và vì vậy, **con người không thể đánh giá đúng công việc do Các Ngài thực hiện và điểm thành tựu tương đối của Các Ngài.**

320. Chúng ta đang nói về những vấn đề vượt ngoài tầm hiểu biết của mình. Chúng ta biết đôi chút về các cung của những Đấng Thiên Nhân khác nhau và những "vị trí" khả dĩ của Các Ngài trong thể biểu hiện của Thái dương Thượng đế, nhưng thật ra, chúng ta biết rất ít, nếu có, về các *vấn đề* của Các Ngài.

321. Chúng ta đã được cho biết, như ta nhớ, rằng Đấng Thiên Nhân của hệ Địa Cầu đang hoàn tất công việc của Ngài liên hệ với cõi phụ thứ tư của cõi cảm dục vũ trụ và đang bắt đầu công việc của Ngài trên cõi phụ thứ năm. Đấng Thiên Nhân của hệ Sao Kim đã chi phối và kiểm soát cõi phụ thứ năm của cõi cảm dục vũ trụ và đang "hoạt động trên cõi thứ sáu".

322. Dù chúng ta không thể đánh giá công việc do Các Ngài thực hiện hay điểm thành tựu tương đối của Các Ngài, chúng ta vẫn có thể tập hợp những gì đã được cho biết và đưa ra suy luận hợp lý. Sự nắm bắt trực giác của chúng ta về công việc và thành tựu của Các Ngài cũng có thể được kích thích.

Người ta đã nói rằng vì Sao Kim đang ở cuộc tuần hoàn thứ năm, Chúa Tể Sao Kim tiến bộ hơn các huynh đệ của Ngài.

323. "Tiến bộ hơn" là một cách khác để nói "được khai mở hơn", nhưng như chúng ta sẽ thấy dưới đây, từ "tiến bộ" hơi mơ hồ, trong khi thuật ngữ "được khai mở" thì không.

This is not altogether so.

Điều này không hoàn toàn đúng.

324. Here DK is hinting at the fact that while Planetary Logos of Venus has unfolded His process to a great extent, that Logos is not as *spiritually developed* or *spiritually mature* as some other Planetary Logoi Who have *not* unfolded their process to the same extent.

324. Ở đây Chân sư DK đang gợi ý rằng trong khi Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim đã khai mở tiến trình của Ngài đến một mức độ lớn, Thượng đế ấy lại không *phát triển tinh thần* hay *trưởng thành tinh thần* bằng một số Hành Tinh Thượng Đế khác, những Đấng *không* khai mở tiến trình của Các Ngài đến cùng mức độ ấy.

325. The Planetary Logos of Venus is *developmentally mature* without being as *spiritually mature* as some of the other Planetary Logoi.

325. Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim *trưởng thành về mặt phát triển* mà không *trưởng thành về mặt tinh thần* bằng một số Hành Tinh Thượng Đế khác.

Just as in the development of humanity three main lines may be seen with four lesser lines merging into one of the three main lines,

Cũng như trong sự phát triển của nhân loại có thể thấy ba đường chính với bốn đường nhỏ hơn hợp vào một trong ba đường chính,

326. These are the ray lines, the prominence of which are correlated with the stage of unfoldment of man—the first three rays (of aspect) coming later in the developmental sequence.

326. Đây là các đường cung, mà mức độ nổi bật của chúng tương quan với giai đoạn khai mở của con người—ba cung đầu tiên (các cung trạng thái) đến sau hơn trong trình tự phát triển.

so in connection with the Heavenly Men, there are **three main lines of which the Venusian is not one**.

thì liên hệ với các Đấng Thiên Nhân cũng vậy, có **ba đường chính mà đường Sao Kim không phải là một trong số đó**.

327. This and the following statement are of *such* importance. When it is said that Venus corresponds to the heart center of the Solar Logos, these statements must be brought in as counterbalances.

327. Điều này và phát biểu tiếp theo có tầm quan trọng *đến thế*. Khi nói rằng Sao Kim tương ứng với trung tâm tim của Thái dương Thượng đế, những phát biểu này phải được đưa vào như những đối trọng.

328. The “three main lines” refer to Planetary Logoi who are expressing the three major rays—the first, second and third.

328. “Ba đường chính” ám chỉ các Hành Tinh Thượng Đế đang biểu lộ ba cung chính—cung một, cung hai và cung ba.

329. Now we see the possible contradiction: if Venus expresses one of the three super-principles, then why is it that it is not one of the "three main lines"?

329. Giờ đây chúng ta thấy mâu thuẫn khả dĩ: nếu Sao Kim biểu lộ một trong ba siêu nguyên khí, thì tại sao nó lại không phải là một trong "ba đường chính"?

330. The answer, of course, lies in the fact that Venus expresses one of the super-principles *at this time.* What this means is that the planet which ultimately will express that super-principle (perhaps Neptune, if the super-principle is buddhi) is not yet sufficiently unfolded to be as solar systemically expressive of the buddhic principle (as it will later).

330. Câu trả lời, dĩ nhiên, nằm trong sự kiện rằng Sao Kim biểu lộ một trong các siêu nguyên khí *vào lúc này.* Điều này có nghĩa là hành tinh mà rốt cuộc sẽ biểu lộ siêu nguyên khí ấy (có lẽ là Sao Hải Vương, nếu siêu nguyên khí là Bồ đề) vẫn chưa được khai mở đầy đủ để có thể biểu lộ nguyên khí Bồ đề một cách có tính hệ mặt trời như vậy (như nó sẽ làm về sau).

331. The resolution of Venus into Neptune (as a higher expression of the buddhic principle than Venus can be) is not difficult.

331. Sự phân giải Sao Kim vào Sao Hải Vương (như một biểu hiện cao hơn của nguyên khí Bồ đề so với điều Sao Kim có thể là) không khó.

332. The resolution of Venus (considered as the manasic permanent atom of the Solar Logos) into Saturn (considered as the third ray planet to preside over the manasic principle) is far more difficult.

332. Sự phân giải Sao Kim (được xem như nguyên tử trường tồn manas của Thái dương Thượng đế) vào Sao Thổ (được xem như hành tinh cung ba chủ trì nguyên khí manas) khó hơn nhiều.

The Lord of Venus holds place in the logoic quaternary, as does the Lord of Earth.

Chúa Tể của Sao Kim giữ vị trí trong bộ tứ logoi, cũng như Chúa Tể của Trái Đất vậy.

333. This is a golden statement, denoting Venus as a highly unfolded planet of medium spiritual maturity or stature.

333. Đây là một phát biểu vàng, cho thấy Sao Kim là một hành tinh được khai mở cao với mức trưởng thành hay tầm vóc tinh thần trung bình.

334. The quaternary, as stated previously in this Commentary, refers to the lower or more material nature of the being in question.

334. Bộ tứ, như đã nói trước đây trong phần Bình Giải này, ám chỉ bản chất thấp hơn hay vật chất hơn của hữu thể đang được xét.

335. Although the heart is one of the four lower *major* chakras, it is related far more to

335. Mặc dù tim là một trong bốn luân xa *chính* thấp hơn, nó liên hệ với biểu hiện linh hồn của bất kỳ thực thể nào nhiều hơn rất

the soul expression of any entity than to its personality expression.

336. If Venus is a member of the logoic quaternary, it must be found at the very highest point of that quaternary, which would correlate it to the solar plexus center.

337. One day, when other Planetary Logoi have 'moved on', it is very reasonable to think of Venus as the true correspondence to the heart center of the *then* expressing Solar Logos.

338. Could Venus correlate with both the solar plexus center of the Logos *and* with His manasic permanent atom (should He have one)? We remember that globes, chains and planetary schemes may correlate (from different perspectives) with both permanent atoms and chakras.

339. In this solar system, the logoic solar plexus center is what Venus will finally express (so I think), but may presently be working most through its fifth ray soul to express more along the manasic line than the heart-line. Later it will be replaced and will express more heartfully.

340. Venus, as a sacred planet, has transcended its personality expression which is probably along the soft line—ray two perhaps. However it has not yet fulfilled its monadic expression which is along the sixth and second ray lines. Rather, it is expressive of the manasic number *five* which may relate it to the logoic manasic permanent atom, and somewhat to the logoic Solar Angel. In other words, it would be that planet within the solar logoic

nhiều so với biểu hiện phàm ngã của thực thể ấy.

336. Nếu Sao Kim là một thành viên của bộ tứ logoi, thì nó phải được tìm thấy ở điểm cao nhất của bộ tứ ấy, điều này sẽ tương quan nó với trung tâm tùng thái dương.

337. Một ngày kia, khi các Hành Tinh Thượng Đế khác đã "tiến xa hơn", thật rất hợp lý để nghĩ về Sao Kim như sự tương ứng đích thực với trung tâm tim của Thái dương Thượng đế đang biểu lộ vào lúc *đó*.

338. Liệu Sao Kim có thể tương quan vừa với trung tâm tùng thái dương của Logos *vừa* với nguyên tử trường tồn manas của Ngài (nếu Ngài có một nguyên tử như thế) không? Chúng ta nhớ rằng các bầu hành tinh, các Dãy và các hệ hành tinh có thể tương quan (từ những góc nhìn khác nhau) với cả nguyên tử trường tồn lẫn luân xa.

339. Trong hệ mặt trời này, trung tâm tùng thái dương logoi là điều mà Sao Kim cuối cùng sẽ biểu lộ (tôi nghĩ vậy), nhưng hiện nay có thể đang hoạt động chủ yếu qua cung linh hồn thứ năm của nó để biểu lộ nhiều hơn theo đường manas hơn là đường tim. Về sau nó sẽ được thay thế và sẽ biểu lộ bằng tim nhiều hơn.

340. Sao Kim, như một hành tinh thiêng liêng, đã vượt qua biểu hiện phàm ngã của nó, có lẽ theo đường mềm—có lẽ là cung hai. Tuy nhiên nó vẫn chưa hoàn tất biểu hiện chân thần của nó, vốn theo các đường cung sáu và cung hai. Trái lại, nó biểu lộ con số manas *năm*, điều này có thể liên hệ nó với nguyên tử trường tồn manas logoi, và phần nào với Thái dương Thiên Thần logoi. Nói cách khác, đó sẽ là hành tinh trong biểu hiện

expression which would be most attuned to the logoic Solar Angel.

341. Even though Solar Angels express most through the number *five,* in our solar system (due to the Sirian inspiration), the number is very closely related to the number *two.*

342. The entire causal body is built upon the manasic permanent atom, and the Venusian line of inspiration is that which starts the building of the causal body and sees it through.

The main idea underlying the question we have been endeavoring to answer has to do with the relationship between the schemes, chains, rounds, and races, and it should be borne in mind that **these manifestations bear the same relationship to a Heavenly Man as incarnations do to a human being.**

343. With regard to a human being, but one term is used—"incarnations". With respect to a Heavenly Man, four terms are used: "schemes, chains, rounds and races." The term "schemes" may relate more to the incarnations of a Solar Logos. But chains, rounds and races are clearly meant to relate to the incarnations of a Heavenly Man.

344. Can there be more than one planetary scheme per Planetary Logos per solar system? This is a deep question and not easily answered.

345. The major Planetary Logoi developed from comets (says the *Secret Doctrine*) at the

logoi thái dương nào được chỉnh hợp nhiều nhất với Thái dương Thiên Thần logoi.

341. Dù các Thái dương Thiên Thần biểu lộ nhiều nhất qua con số *năm,* trong hệ mặt trời của chúng ta (do cảm hứng từ Sirius), con số này lại liên hệ rất chặt chẽ với con số *hai.*

342. Toàn bộ thể nguyên nhân được xây dựng trên nguyên tử trường tồn manas, và đường cảm hứng Sao Kim là điều khởi đầu việc xây dựng thể nguyên nhân và theo suốt tiến trình ấy.

Ý tưởng chính nằm bên dưới câu hỏi mà chúng ta đã cố gắng trả lời liên quan đến mối tương quan giữa các hệ hành tinh, các Dãy, các cuộc tuần hoàn và các nhân loại, và cần ghi nhớ rằng **những biểu hiện này mang cùng mối tương quan với một Đấng Thiên Nhân như các lần lâm phàm đối với một con người.**

343. Đối với một con người, chỉ một thuật ngữ được dùng—"các lần lâm phàm". Đối với một Đấng Thiên Nhân, bốn thuật ngữ được dùng: "các hệ hành tinh, các Dãy, các cuộc tuần hoàn và các nhân loại." Thuật ngữ "các hệ hành tinh" có thể liên hệ nhiều hơn đến các lần lâm phàm của một Thái dương Thượng đế. Nhưng các Dãy, các cuộc tuần hoàn và các nhân loại rõ ràng được dùng để liên hệ với các lần lâm phàm của một Đấng Thiên Nhân.

344. Có thể có hơn một hệ hành tinh cho mỗi Hành Tinh Thượng Đế trong mỗi hệ mặt trời không? Đây là một câu hỏi sâu xa và không dễ trả lời.

345. Các Hành Tinh Thượng Đế lớn phát triển từ các sao chổi (theo *Giáo Lý Bí Nhiệm*)

same time the Sun developed from a comet. We do not see the Sun changing its vehicle of expression during a solar system, and so, it is unlikely that a Planetary Logos or Heavenly Man would change His vehicle of expression during a solar system. The indicated thought is that a Planetary Logos or Heavenly Man will have but one planetary scheme through which to express per solar system.

cùng lúc Mặt Trời phát triển từ một sao chổi. Chúng ta không thấy Mặt Trời thay đổi vận cụ biểu hiện của nó trong một hệ mặt trời, và vì vậy, khó có khả năng một Hành Tinh Thượng Đế hay Đấng Thiên Nhân lại thay đổi vận cụ biểu hiện của Ngài trong một hệ mặt trời. Tư tưởng được chỉ ra là một Hành Tinh Thượng Đế hay Đấng Thiên Nhân sẽ chỉ có một hệ hành tinh để biểu lộ trong mỗi hệ mặt trời.

346. If chains, rounds and races are as incarnations to a Heavenly Man, then they must be incarnations of different scope and on different levels.

346. Nếu các Dãy, các cuộc tuần hoàn và các nhân loại đều giống như các lần lâm phàm đối với một Đấng Thiên Nhân, thì chúng hẳn phải là những lần lâm phàm có phạm vi khác nhau và trên những cấp độ khác nhau.

347. In other words: some of them are major incarnations, some minor and some relatively minute.

347. Nói cách khác: một số là những lần lâm phàm lớn, một số nhỏ và một số tương đối rất nhỏ.

348. Man, however, seems to have incarnations only of one kind, though the duration of life may be greater or lesser in different incarnations. (Sometimes astral and mental incarnations are discussed in relation to man, but the meaning of these terms is presently indefinite.)

348. Tuy nhiên, con người dường như chỉ có những lần lâm phàm thuộc một loại, dù thời lượng sống có thể lớn hơn hay nhỏ hơn trong những lần lâm phàm khác nhau. (Đôi khi người ta bàn đến các lần lâm phàm cảm dục và trí tuệ liên hệ với con người, nhưng ý nghĩa của các thuật ngữ này hiện nay chưa xác định.)

349. Nevertheless, though they all take place with similar vehicles of expression, some of those incarnations are considered major and some minor, depending upon the relationship of the incarnation to the task of soul expression.

349. Tuy vậy, dù tất cả đều diễn ra với những vận cụ biểu hiện tương tự, một số lần lâm phàm ấy được xem là lớn và một số là nhỏ, tùy theo mối liên hệ của lần lâm phàm với nhiệm vụ biểu hiện linh hồn.

This gives the opportunity here to bring out perhaps a little more clearly the place of cycles in the evolution of all these Entities from a man up to a cosmic Logos, via a Heavenly Man and a solar Logos. [18: S. D., I, 258].

Điều này cho ta cơ hội ở đây để có lẽ làm sáng tỏ hơn đôi chút vị trí của các chu kỳ trong sự tiến hoá của tất cả các Thực Thể này, từ con người lên đến một Thượng đế vũ trụ, qua một Đấng Thiên Nhân và một Thái dương Thượng đế. [18: S. D., I, 258].

350. We are given a series of four logoi: man as logos, the Planetary Logos, the Solar Logos and the Cosmic Logos.

350. Chúng ta được cho một chuỗi bốn logos: con người như logos, Hành Tinh Thượng Đế, Thái dương Thượng đế và Thượng đế Vũ Trụ.

351. A Planetary Logos, Solar Logos and even a Cosmic Logos are all incarnations within Beings still greater than they are.

351. Một Hành Tinh Thượng Đế, Thái dương Thượng đế và ngay cả một Thượng đế Vũ Trụ đều là những lần lâm phàm bên trong những Hữu Thể còn lớn hơn chính Các Ngài.

352. In what type of being is a man an incarnation?

352. Con người là một lần lâm phàm trong loại hữu thể nào?

353. If chains, rounds and races are all as incarnations in the life of a Heavenly Man, what are correspondences of these term in the life of a man? In an incarnation, man too, must have his chains, round and races. What are they?

353. Nếu các Dãy, các cuộc tuần hoàn và các nhân loại đều giống như các lần lâm phàm trong đời sống của một Đấng Thiên Nhân, thì những sự tương ứng của các thuật ngữ này trong đời sống của con người là gì? Trong một lần lâm phàm, con người cũng phải có các Dãy, các cuộc tuần hoàn và các nhân loại của mình. Chúng là gì?

354. Perhaps the major periods in a man's incarnated life (said to be seven periods—seven times ten), are as chains; the years during those periods may be as rounds; and the months of those years may be as races.

354. Có lẽ các giai đoạn lớn trong đời sống lâm phàm của một người (được nói là bảy giai đoạn—bảy lần mười) giống như các Dãy; các năm trong những giai đoạn ấy giống như các cuộc tuần hoàn; và các tháng của những năm ấy giống như các nhân loại.

355. One could continue the analogy which, of course, is only indicative and not exact. Still, when cycles occur within the Planetary Logos in which we "live and move and have our being", those cycles must be reflected within our incarnated life.

355. Người ta có thể tiếp tục phép tương đồng này, dĩ nhiên chỉ có tính gợi ý chứ không chính xác. Tuy nhiên, khi các chu kỳ xảy ra bên trong Hành Tinh Thượng Đế mà trong đó chúng ta "sống, chuyển động và hiện hữu", thì những chu kỳ ấy hẳn phải được phản ánh trong đời sống lâm phàm của chúng ta.

Just as it is pointed out in *the Secret Doctrine* that there are greater and lesser cycles in the evolution of a solar system, so it can be

Cũng như đã được chỉ ra trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* rằng có những chu kỳ lớn và nhỏ trong sự tiến hoá của một hệ mặt trời, thì điều đó cũng có thể được khẳng định tương

predicated equally of a Heavenly Man, of a human being, and of an atom.

356. Great areas of thought are being opened with this statement.

357. The Science of Cycles is of tremendous importance, but obscure to the human intellect. When a man has achieved a knowledge of the Science of Cycles, he functions upon the atmic plane and is a Master. Even a Master, however, would insist that His knowledge of the Science of Cycles is minimal.

358. A careful study of astrology can give us a good idea of greater and lesser cycles within a cycle of incarnation.

359. Planetary cycles are fairly easy to discern; ray cycles within the individual incarnation are far more difficult to discern, but nonetheless effective along with the ongoing astrological changes.

This brings us, therefore, to another statement:

i. The cycles in the evolutionary process of all these Entities may be divided mainly into three groups, though necessarily these groups can be extended into septenates and into an infinity of multiples of seven.

360. The statement in this section can easily be related to Chart XII, TCF 130. describing Parabrahm. In this Chart we see a Great Entity divided first into three main groups and then into many descending septenates.

tự đối với một Đấng Thiên Nhân, một con người, và một nguyên tử.

356. Những lĩnh vực tư tưởng rộng lớn đang được mở ra bởi phát biểu này.

357. Khoa Học về các Chu Kỳ có tầm quan trọng vô cùng lớn, nhưng lại mờ tối đối với trí tuệ con người. Khi một người đã đạt được tri thức về Khoa Học về các Chu Kỳ, y hoạt động trên cõi atma và là một Chân sư. Tuy nhiên, ngay cả một Chân sư cũng sẽ khẳng định rằng tri thức của Ngài về Khoa Học về các Chu Kỳ là tối thiểu.

358. Một sự nghiên cứu cẩn thận về chiêm tinh học có thể cho chúng ta một ý niệm tốt về các chu kỳ lớn và nhỏ bên trong một chu kỳ lâm phàm.

359. Các chu kỳ hành tinh khá dễ phân biện; các chu kỳ cung bên trong lần lâm phàm cá nhân thì khó phân biện hơn nhiều, nhưng dẫu vậy vẫn có hiệu lực cùng với những biến đổi chiêm tinh đang tiếp diễn.

Do đó, điều này đưa chúng ta đến một phát biểu khác:

i. Các chu kỳ trong tiến trình tiến hoá của tất cả các Thực Thể này có thể được chia chủ yếu thành ba nhóm, dù tất yếu các nhóm này có thể được mở rộng thành các bộ bảy và thành vô số bội số của bảy.

360. Phát biểu trong phần này có thể dễ dàng được liên hệ với Biểu đồ XII, TCF 130. mô tả Parabrahm. Trong Biểu đồ này chúng ta thấy một Thực Thể Vĩ Đại trước hết được chia thành ba nhóm chính rồi sau đó thành nhiều bộ bảy đi xuống.

361. Each of the three main groups, apparently, is divisible into septenates.

361. Mỗi một trong ba nhóm chính ấy, dường như, đều có thể chia thành các bộ bảy.

362. The term “infinity” is used here is a figurative rather than literal sense. It simply means “countless” or “incapable of being counted by the mind of man at this time”.

362. Thuật ngữ “vô số” được dùng ở đây theo nghĩa hình tượng hơn là nghĩa đen. Nó đơn giản có nghĩa là “không đếm xuể” hay “không thể được trí tuệ con người vào lúc này đếm được”.

Parabrahm TCF Chart 12

Parabrahm Biểu đồ 12 của TCF

CHART XII

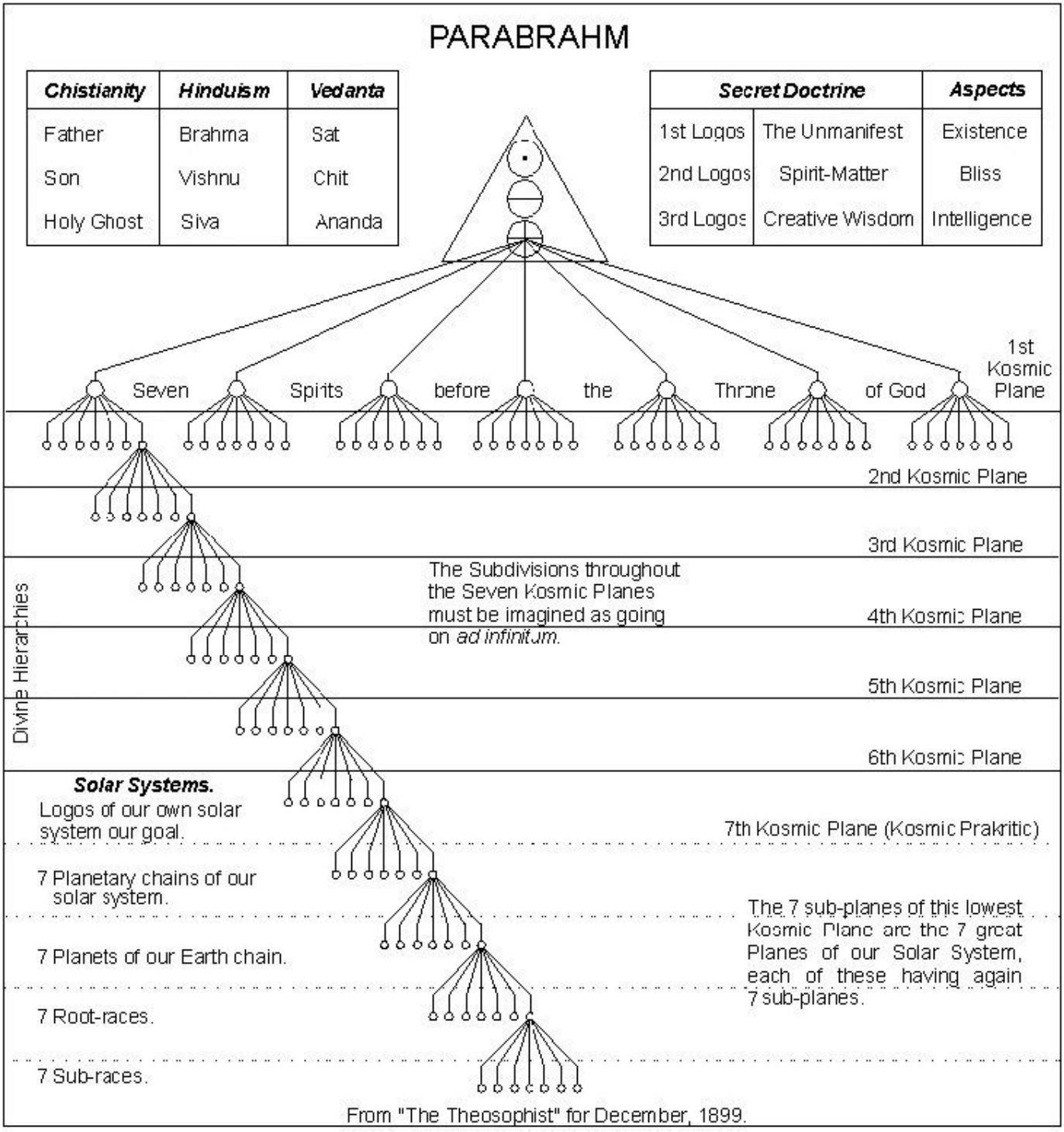

[Page 301]

In connection with a solar Logos the cycles might be called:

1. One hundred years of Brahma.

[Page 301]

Liên hệ với một Thái dương Thượng đế, các chu kỳ có thể được gọi là:

1. Một trăm năm của Brahma.

2. A year of Brahma.

3. A day of Brahma.

363. We are speaking of the three major cycles which can be divided into many septenates.

364. One hundred years of Brahma is an occult century consisting of 311,040,000,000,000. years.

365. A day of Brahma is called a manvantara and has duration of 4,320,000,000. Earth years. One day and one night of Brahma contain 8,640,000,000. years

366. A year of Brahma consists of 360. such days and nights, or 3,110,400,000,000. Earth years.

These periods have been computed by the Hindu students and are the **sumtotal of time as we understand it or the duration of a solar system.**

367. India is ruled by Capricorn and, thus, Saturn, and so it has a special ability to understand cycles of time.

368. Beyond time as it relates to the duration solar system, the Tibetan is suggesting we can have no understanding.

369. The figures hypothesized by modern astrophysics even for the duration of the entire cosmos, are much, much smaller than the figure here presented for the duration of a solar system. We have huge discrepancy on

2. Một năm của Brahma.

3. Một ngày của Brahma.

363. Chúng ta đang nói về ba chu kỳ chính, có thể được chia thành nhiều bộ bảy.

364. Một trăm năm của Brahma là một thế kỷ huyền bí gồm 311,040,000,000,000. năm.

365. Một ngày của Brahma được gọi là một manvantara và có thời lượng 4,320,000,000. năm Trái Đất. Một ngày và một đêm của Brahma chứa 8,640,000,000. năm

366. Một năm của Brahma gồm 360. ngày và đêm như thế, hay 3,110,400,000,000. năm Trái Đất.

Các chu kỳ này đã được các đạo sinh Ấn Độ tính toán và là **tổng số thời gian như chúng ta hiểu, hay thời lượng của một hệ mặt trời.**

367. Ấn Độ được cai quản bởi Ma Kết và do đó bởi Sao Thổ, nên nước này có một khả năng đặc biệt để thấu hiểu các chu kỳ thời gian.

368. Vượt ra ngoài thời gian trong mối liên hệ của nó với thời lượng của hệ mặt trời, Chân sư Tây Tạng gợi ý rằng chúng ta không thể có sự thấu hiểu nào.

369. Những con số do vật lý thiên văn hiện đại giả định, ngay cả đối với thời lượng của toàn thể vũ trụ, cũng nhỏ hơn rất rất nhiều so với con số được trình bày ở đây cho thời lượng của một hệ mặt trời. Chúng ta đang

our hands and it will one day have to be resolved.

In connection with a Heavenly Man we have the corresponding cycles to those of the Logos:

1. The period of a planetary scheme.

370. We have been told the following:

Certain planets afford only temporary [Page 299] homes to these principles. Others persist throughout the mahamanvantara. Of these Venus is one. (TCF 298-299)

371. If this is the case, then, the duration of those Planetary Logoi which persist throughout the mahamanvantara will be one occult century—just the duration of a Solar Logos.

372. When the time for obscuration comes, it will have to be relatively quick in terms of solar systemic time, because a planet like Venus must be absorbed into a synthesizing planet and yet at the same time, it must persist throughout the mahamanvantara. Naturally, the Tibetan has used only general language which is not meant to be scientifically precise.

373. Of course, not all Planetary Logoi last throughout the mahamanvantara; their duration, then, must be one of the secrets of initiation.

374. According to the calculations of the occult historian Phillip Lindsay, from the beginning of our solar system to the present day, 155,520,000,000,000. Earth-years have

đối diện với một sự chênh lệch rất lớn, và một ngày nào đó nó sẽ phải được giải quyết.

Liên quan đến một Đấng Thiên Nhân, chúng ta có các chu kỳ tương ứng với các chu kỳ của Thượng đế:

1. Chu kỳ của một hệ hành tinh.

370. Chúng ta đã được cho biết điều sau đây:

Một số hành tinh chỉ cung cấp những nơi cư ngụ tạm thời [Page 299] cho các nguyên khí này. Những hành tinh khác tồn tại suốt Đại giai kỳ sinh hóa. Trong số đó có Kim Tinh. (TCF 298-299)

371. Nếu đúng như vậy, thì thời lượng của những Đức Hành Tinh Thượng Đế tồn tại suốt Đại giai kỳ sinh hóa sẽ là một thế kỷ huyền bí—đúng bằng thời lượng của một Thái dương Thượng đế.

372. Khi thời điểm để đi vào sự che khuất đến, điều đó sẽ phải diễn ra tương đối nhanh xét theo thời gian của hệ mặt trời, bởi vì một hành tinh như Kim Tinh phải được hấp thu vào một hành tinh tổng hợp, nhưng đồng thời nó vẫn phải tồn tại suốt Đại giai kỳ sinh hóa. Đương nhiên, Chân sư Tây Tạng chỉ dùng ngôn ngữ tổng quát, không nhằm chính xác theo nghĩa khoa học.

373. Dĩ nhiên, không phải mọi Đức Hành Tinh Thượng Đế đều tồn tại suốt Đại giai kỳ sinh hóa; vì vậy thời lượng của Các Ngài hẳn phải là một trong những bí mật của điểm đạo.

374. Theo các tính toán của nhà sử học huyền bí Phillip Lindsay, từ lúc khởi đầu hệ mặt trời của chúng ta cho đến ngày nay, 155,520,000,000,000. năm Trái Đất đã trôi

elapsed. He calculates as well that the Earth has been in existence for 65,320,372,949,101. years.

qua. Ông cũng tính rằng Trái Đất đã tồn tại được 65,320,372,949,101. năm.

375. This would mean that Venus, as a planet that endures throughout the greater mahamanvantara, would have been in existence some *ninety* trillion years before the Earth. Whether or not this makes cosmological sense is yet to be determined.

375. Điều này có nghĩa là Kim Tinh, với tư cách một hành tinh tồn tại suốt Đại giai kỳ sinh hóa lớn hơn, đã hiện hữu trước Trái Đất khoảng *chín mươi* nghìn tỉ năm. Điều này có hợp lý về mặt vũ trụ học hay không vẫn còn phải được xác định.

376. A compilation on "manvantara" and "mahamanvantara" must be made, as the two terms are used in a number of ways which are not consistent, even though the Tibetan does say, "A manvantara, or Day of Brahma, is always of a certain length, and so is a mahamanvantara." (TCF 273) In practice, however, one has often to intuit the meaning of the Tibetan's use of the term.

376. Cần phải thực hiện một bản tổng hợp về "manvantara" và "Đại giai kỳ sinh hóa", vì hai thuật ngữ này được dùng theo nhiều cách không nhất quán, mặc dù Chân sư Tây Tạng có nói: "Một manvantara, hay một Ngày của Brahma, luôn luôn có một độ dài nhất định, và một Đại giai kỳ sinh hóa cũng vậy." (TCF 273) Tuy nhiên, trên thực tế, người ta thường phải trực giác ra ý nghĩa trong cách Chân sư Tây Tạng dùng thuật ngữ này.

2. The period of a planetary chain.

2. Chu kỳ của một Dãy hành tinh.

377. Normally, we could not know anything about such a duration, but some hints are given in various places of TCF and in the *Secret Doctrine*.

377. Thông thường, chúng ta không thể biết gì về một thời lượng như thế, nhưng một vài gợi ý được đưa ra ở nhiều chỗ trong TCF và trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*.

378. Using very rounded figures, if the duration of a round as it passes through a globe period is approximately 300,000,000. years, and if there are seven such periods in every round, plus equal intervals between globes, then we have some 4,200,000,000. year per round, which multiplied by seven for seven rounds, would be approximately 28,000,000,000. years. But between rounds there may also be a pralaya equal to the duration of the found itself, and so the seven rounds would elapse in some 56,000,000,000. Earth years.

378. Dùng những con số rất làm tròn, nếu thời lượng của một cuộc tuần hoàn khi nó đi qua một chu kỳ bầu hành tinh xấp xỉ 300,000,000. năm, và nếu có bảy chu kỳ như thế trong mỗi cuộc tuần hoàn, cộng với những khoảng cách bằng nhau giữa các bầu hành tinh, thì chúng ta có khoảng 4,200,000,000. năm cho mỗi cuộc tuần hoàn; nhân với bảy cho bảy cuộc tuần hoàn, sẽ xấp xỉ 28,000,000,000. năm. Nhưng giữa các cuộc tuần hoàn cũng có thể có một giai kỳ qui nguyên bằng với thời lượng của chính cuộc tuần hoàn, và như vậy bảy cuộc tuần

hoàn sẽ trôi qua trong khoảng 56,000,000,000. năm Trái Đất.

379. This is a figure (far from accurate, but maybe indicative) which would apply to the duration of a planetary chain.

379. Đây là một con số (không chính xác chút nào, nhưng có lẽ có tính chỉ dấu) có thể áp dụng cho thời lượng của một Dãy hành tinh.

380. If there are seven such chains in a planetary scheme, then multiplying 56,000,000,000. by seven, we get about 380,000,000,000. years for the duration of a planetary scheme.

380. Nếu có bảy Dãy như thế trong một hệ hành tinh, thì nhân 56,000,000,000. với bảy, chúng ta được khoảng 380,000,000,000. năm cho thời lượng của một hệ hành tinh.

381. We can see that this figure falls far short of an occult century or maha kalpa which is said to be the duration of some planetary schemes.

381. Chúng ta có thể thấy rằng con số này còn kém rất xa một thế kỷ huyền bí hay maha kalpa, vốn được nói là thời lượng của một số hệ hành tinh.

382. There are, however, so many possible variables, that such calculations must be considered of the crudest order, uninformed of the hidden facts involved in the planetary process.

382. Tuy nhiên, có quá nhiều biến số khả dĩ, nên những phép tính như thế phải được xem là thuộc loại thô sơ nhất, không được soi sáng bởi các sự kiện ẩn kín liên quan đến tiến trình hành tinh.

383. In the cycles below, we can assume that the period of pralaya or quiescence which follows manifestation is of equal duration to the manifestation.

383. Trong các chu kỳ dưới đây, chúng ta có thể giả định rằng chu kỳ giai kỳ qui nguyên hay tĩnh chỉ theo sau biểu hiện có thời lượng bằng với biểu hiện.

384. A planetary chain is said to endure for one mahamanvantara or one *year* of Brahma. Obviously, there are at least two uses to the term “mahamanvantara”, one of them equaling a year of Brahma, the other equaling one hundred years of Brahma.

384. Một Dãy hành tinh được nói là tồn tại trong một Đại giai kỳ sinh hóa hay một *năm* của Brahma. Rõ ràng, có ít nhất hai cách dùng thuật ngữ “Đại giai kỳ sinh hóa”, một cách bằng một năm của Brahma, cách kia bằng một trăm năm của Brahma.

385. Here are some quotations which will be useful, if for nothing else, to provoke perplexity:

385. Sau đây là một số trích dẫn sẽ hữu ích, nếu không vì điều gì khác, thì ít nhất cũng để khơi lên sự bối rối:

A chain,[37.] in its totality corresponds to the body egoic of a human being, to the causal

Một Dãy,[37.] trong toàn thể của nó, tương ứng với thể chân ngã của một con người, với

body with its seven great [Page 383] cycles mentioned elsewhere in these pages, and hinted at in certain occult books. (TCF 382-383)

In considering planetary pralaya we might briefly enumerate the following periods of quiescence:

386. It is a reasonable assumption that the periods of quiescence following a period of activity more or less equal the period of activity.

387. In the life of man, however, the conventional eight hours of sleep, do *not* equal the sixteen hours of waking that preceded it. How far can we carry this analogy?

Between Two Globes in a Chain. This covers the period of abstraction of the seeds of all life, and its transference from one sphere to another. The seed manu of a globe gathers all the life forces into Himself, as does the Logos at the close of a system, and as also transpires at the close of a chain, and holds them quiescent in His aura. **This covers a period of a manvantara, or of one day of Brahma.** (TCF 743)

Between Two Chains. This covers the period of a **mahamanvantara, or of one year of Brahma.** [3,110,400,000,000. Earth years] There are many ways of arriving at the greater cycles, but **there is no need to confuse with the intricacies of figures.**

388. This statement alone should probably dissuade us from going too far into calculation. The missing keys will be given

thể nguyên nhân cùng bảy chu kỳ lớn [Page 383] của nó được nhắc đến ở nơi khác trong những trang này, và được ám chỉ trong một số sách huyền bí. (TCF 382-383)

Khi xem xét giai kỳ qui nguyên hành tinh, chúng ta có thể ngắn gọn liệt kê các chu kỳ tĩnh chỉ sau đây:

386. Đó là một giả định hợp lý rằng các chu kỳ tĩnh chỉ theo sau một chu kỳ hoạt động ít nhiều bằng với chu kỳ hoạt động.

387. Tuy nhiên, trong đời sống con người, tám giờ ngủ theo quy ước *không* bằng mười sáu giờ thức trước đó. Chúng ta có thể mang phép loại suy này đi xa đến đâu?

Giữa Hai Bầu Hành Tinh trong một Dãy. Điều này bao gồm chu kỳ rút các hạt giống của mọi sự sống, và sự chuyển dịch chúng từ khối cầu này sang khối cầu khác. Manu hạt giống của một bầu hành tinh thu tập mọi mãnh lực sự sống vào trong Chính Ngài, cũng như Thượng đế làm vào lúc kết thúc một hệ, và cũng như điều xảy ra vào lúc kết thúc một Dãy, rồi giữ chúng trong trạng thái tĩnh chỉ trong hào quang của Ngài. **Điều này bao gồm một chu kỳ của một manvantara, hay một ngày của Brahma.** (TCF 743)

Giữa Hai Dãy. Điều này bao gồm chu kỳ của một **Đại giai kỳ sinh hóa, hay một năm của Brahma.** [3,110,400,000,000. năm Trái Đất] Có nhiều cách để đi đến các chu kỳ lớn hơn, nhưng **không cần phải gây rối trí bằng những phức tạp của các con số.**

388. Chỉ riêng phát biểu này thôi có lẽ cũng đủ khiến chúng ta không đi quá xa vào việc tính toán. Những chìa khóa còn thiếu sẽ

to us when we approach the point of trustworthiness, and when our intellect/ intuition suffices.

được trao cho chúng ta khi chúng ta tiến gần đến điểm đáng tin cậy, và khi trí tuệ/trực giác của chúng ta đủ sức.

The ten Prajapatis or Rishis, or [Page 744] the ten planetary Logoi, manifest through Their ten schemes in time and space, **the hour of Their appearing differing.** Each likewise manifests as does the Logos through a septenate and a triad, making again a ten of perfection.

Mười Prajapati hay Rishi, hay [Page 744] mười Đức Hành Tinh Thượng Đế, biểu hiện qua mười hệ của Các Ngài trong thời gian và không gian, **giờ xuất hiện của Các Ngài khác nhau.** Mỗi vị cũng biểu hiện như Thượng đế qua một bộ bảy và một bộ ba, lại tạo thành một số mười của sự toàn hảo.

389. Is the word "hour" used here is a figurative sense or literally in terms of an hour of Brahma? Probably, it is a figurative use, but, for those who know, the literal "hour" of the appearance of any one of the Planetary Logoi could be calculated.

389. Từ "giờ" ở đây được dùng theo nghĩa hình tượng hay theo nghĩa đen như một giờ của Brahma? Có lẽ đó là cách dùng hình tượng, nhưng đối với những ai biết, "giờ" theo nghĩa đen của sự xuất hiện của bất kỳ một Đức Hành Tinh Thượng Đế nào cũng có thể được tính ra.

Between Two Solar Systems. This covers the period of one hundred years of Brahma, and through the study of the planetary cycles comprehension of these greater cycles may come. **Complication comes to the student nevertheless in the fact that two of the schemes cover their cyclic periods in five rounds, while others have seven; one scheme has but three rounds, but a mystery is hidden here: on the inner round one planet has nine cycles to run before the purpose of its Lord is completed.**

Giữa Hai Hệ Mặt Trời. Điều này bao gồm chu kỳ một trăm năm của Brahma, và qua việc nghiên cứu các chu kỳ hành tinh, sự thấu hiểu các chu kỳ lớn hơn này có thể đến. **Tuy nhiên, sự phức tạp đến với đạo sinh ở chỗ hai trong các hệ hoàn tất các chu kỳ của chúng trong năm cuộc tuần hoàn, trong khi các hệ khác có bảy; một hệ chỉ có ba cuộc tuần hoàn, nhưng ở đây có một huyền nhiệm ẩn giấu: trên cuộc tuần hoàn bên trong, một hành tinh có chín chu kỳ phải trải qua trước khi mục đích của Chúa Tể của nó được hoàn tất.**

(TCF 743-744)

(TCF 743-744)

390. There is no way we (at present) will make perfect sense out of what is given, but we shall at least lay out some ways of calculating.

390. Hiện nay không có cách nào để chúng ta hiểu hoàn toàn những gì được đưa ra, nhưng ít nhất chúng ta cũng sẽ trình bày một vài cách tính.

391. If we think carefully, we shall see that there are seven globes in a chain (if there are

391. Nếu suy nghĩ cẩn thận, chúng ta sẽ thấy rằng có bảy bầu hành tinh trong một Dãy

not ten) and that each globe period is one manvantara, and interim period between globes is one manvantara.

(nếu không phải là mười), và mỗi chu kỳ bầu hành tinh là một manvantara, và chu kỳ trung gian giữa các bầu hành tinh là một manvantara.

392. This sums to fourteen manvantaras per chain per round.

392. Tổng cộng là mười bốn manvantara cho mỗi Dãy trong mỗi cuộc tuần hoàn.

393. If there are seven rounds, then there are 14x7. = 98. manvantaras per chain, or 98. days of Brahma per chain. (Probably additional spans are hear being ignored, like twilight periods, but the calculations are only meant to be indicative.)

393. Nếu có bảy cuộc tuần hoàn, thì có 14x7. = 98. manvantara cho mỗi Dãy, hay 98. ngày của Brahma cho mỗi Dãy. (Có lẽ những khoảng thời gian bổ sung đang bị bỏ qua ở đây, như các thời kỳ hoàng hôn, nhưng các phép tính chỉ nhằm có tính chỉ dấu.)

394. This is hardly the 360. days of one year of Brahma.

394. Điều này khó có thể là 360. ngày của một năm Brahma.

395. There follows another reference which does not, at first sight, correlate well with the references immediately preceding:

395. Tiếp theo là một dẫn chiếu khác mà thoạt nhìn không tương hợp tốt với các dẫn chiếu ngay trước đó:

396. A manvantara in the previous sections refers to globe period. In the reference following, *a manvantara refers to a complete round.* Thus, in the following reference, the period of a manvantara is seven times longer than in the foregoing. In fact, if the inter-chain periods are counted (as they must be) a day of Brahma in the following references, is fourteen times longer than in the foregoing references.

396. Một manvantara trong các phần trước ám chỉ chu kỳ bầu hành tinh. Trong dẫn chiếu sau đây, *một manvantara ám chỉ một cuộc tuần hoàn trọn vẹn.* Vì vậy, trong dẫn chiếu sau đây, chu kỳ của một manvantara dài gấp bảy lần trong các dẫn chiếu trước. Thực ra, nếu các chu kỳ giữa các Dãy được tính đến (và chúng phải được tính), thì một ngày của Brahma trong các dẫn chiếu sau đây dài gấp mười bốn lần trong các dẫn chiếu trước.

397. A year of Brahma in the foregoing refers to a chain period; the inter-chain period following a chain period also endures for a year. Again, in the following, a year of Brahma is fourteen times longer.

397. Một năm của Brahma trong phần trước ám chỉ một chu kỳ Dãy; chu kỳ giữa các Dãy theo sau một chu kỳ Dãy cũng kéo dài một năm. Một lần nữa, trong phần sau, một năm của Brahma dài gấp mười bốn lần.

398. We shall cross these bridges when we arrive at the references here inserted for clarification and contrast.

a. 100. years of Brahma An occult century. The period of a solar system.

b. One year of Brahma The period of seven chains, where the seven planetary schemes are concerned.

399. But are there, perhaps, *seven* periods of *seven* chains in the duration of a Planetary Logos?

400. It hardly squares with the statement that some Planetary Logoi last throughout the mahamanvantara, if the duration of a Planetary Logos is only one year of Brahma!

401. But if as well as seven rounds per chain, there are seven '*chain-rounds*' per scheme, then we have a duration of some seven years of Brahma for a planetary scheme (consisting of seven chains).

402. If there were ten chains per planetary scheme, and *ten* scheme rounds, then the duration of each planetary scheme would be ten years of Brahma.

403. We must remember that globes exist simultaneously with other globes; chain simultaneously with other chains; and schemes simultaneously with other schemes.

404. There must be a movement within the solar system (a kind of *solar* scheme round) which takes the focus of the Solar Logos from one planetary scheme to another.

398. Chúng ta sẽ qua những cây cầu này khi đến các dẫn chiếu được chèn vào đây để làm sáng tỏ và đối chiếu.

a. 100. năm của Brahma Một thế kỷ huyền bí. Chu kỳ của một hệ mặt trời.

b. Một năm của Brahma Chu kỳ của bảy Dãy, khi liên quan đến bảy hệ hành tinh.

399. Nhưng có lẽ nào lại có *bảy* chu kỳ của *bảy* Dãy trong thời lượng của một Đức Hành Tinh Thượng Đế chăng?

400. Điều này hầu như không phù hợp với phát biểu rằng một số Đức Hành Tinh Thượng Đế tồn tại suốt Đại giai kỳ sinh hóa, nếu thời lượng của một Đức Hành Tinh Thượng Đế chỉ là một năm của Brahma!

401. Nhưng nếu ngoài bảy cuộc tuần hoàn cho mỗi Dãy, còn có bảy '*chu kỳ-Dãy*' cho mỗi hệ, thì chúng ta có thời lượng khoảng bảy năm của Brahma cho một hệ hành tinh (gồm bảy Dãy).

402. Nếu có mười Dãy cho mỗi hệ hành tinh, và *mười* cuộc tuần hoàn hệ, thì thời lượng của mỗi hệ hành tinh sẽ là mười năm của Brahma.

403. Chúng ta phải nhớ rằng các bầu hành tinh tồn tại đồng thời với các bầu hành tinh khác; các Dãy đồng thời với các Dãy khác; và các hệ đồng thời với các hệ khác.

404. Phải có một chuyển động bên trong hệ mặt trời (một loại cuộc tuần hoàn hệ *mặt trời*) đưa tiêu điểm của Thái dương Thượng

đế từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác.

405. If there are ten planetary schemes, with each planetary scheme lasting ten years of Brahma, we have obviously achieved our necessary one hundred years of Brahma for the entire solar system.

405. Nếu có mười hệ hành tinh, mỗi hệ hành tinh kéo dài mười năm của Brahma, thì rõ ràng chúng ta đạt được một trăm năm Brahma cần thiết cho toàn bộ hệ mặt trời.

406. Of course, it cannot be that simple. The solar logoic focus does not wait for ten years of Brahma in connection with one planetary scheme to elapse before moving on to the next planetary scheme.

406. Dĩ nhiên, không thể đơn giản như thế. Tiêu điểm logoi mặt trời không chờ cho mười năm của Brahma liên quan đến một hệ hành tinh trôi qua rồi mới chuyển sang hệ hành tinh kế tiếp.

407. Probably as each period of seven chains is completed, the focus moves on.

407. Có lẽ khi mỗi chu kỳ bảy Dãy hoàn tất, tiêu điểm sẽ chuyển đi.

408. Even this is a huge simplification, because, we must remember that planetary schemes are like chakras and it is obvious that the focus of the indwelling life is not only on one chakra at a time. They are all active and functioning in triangles, even though there may be one particular triangle which is focal (of all the possible triangles) and one particular chakra within that focal triangle, which, itself, is focal.

408. Ngay cả điều này cũng là một sự đơn giản hóa rất lớn, bởi vì chúng ta phải nhớ rằng các hệ hành tinh giống như các luân xa, và hiển nhiên tiêu điểm của sự sống nội tại không chỉ đặt trên một luân xa tại một thời điểm. Tất cả chúng đều hoạt động và vận hành trong các tam giác, mặc dù có thể có một tam giác đặc biệt là tiêu điểm (trong tất cả các tam giác khả hữu) và một luân xa đặc biệt bên trong tam giác tiêu điểm ấy, bản thân nó lại là tiêu điểm.

409. In one section of the book we are told that the life of the Solar Logos circulates seven times around the solar system.

409. Trong một phần của quyển sách, chúng ta được cho biết rằng sự sống của Thái dương Thượng đế tuần hoàn bảy lần quanh hệ mặt trời.

410.

410.

The Sun is the physical body of the solar Logos, His body of manifestation, and **His life sweeps cycling through the seven schemes in the same sense as the life of a planetary Logos sweeps seven times around His scheme of seven chains.** Each

Mặt Trời là thể xác của Thái dương Thượng đế, thể biểu hiện của Ngài, và **sự sống của Ngài quét theo chu kỳ qua bảy hệ theo cùng ý nghĩa như sự sống của một Đức Hành Tinh Thượng Đế quét bảy lần quanh hệ của Ngài gồm bảy Dãy.** Mỗi Dãy giữ một vị trí

chain holds a position analogous to a globe in a planetary chain. Note the beauty of the correspondence, yet withal the lack of detailed analogy.[4.] (TCF 255)

tương tự như một bầu hành tinh trong một Dãy hành tinh. Hãy lưu ý vẻ đẹp của sự tương ứng này, nhưng đồng thời cũng là sự thiếu vắng loại suy chi tiết.4. (TCF 255)

411. There are ten schemes in a Solar Logos however (at least ten rather major ones) and if each scheme has the attention of the Solar Logos for a year of Brahma, and if the sweep of logoic attention goes seven times around through the ten schemes, then only seventy years of Brahma will have elapsed, and not an occult century.

411. Tuy nhiên, có mười hệ trong một Thái dương Thượng đế (ít nhất là mười hệ khá lớn), và nếu mỗi hệ nhận được sự chú ý của Thái dương Thượng đế trong một năm của Brahma, và nếu sự quét của sự chú ý logoi đi bảy lần qua mười hệ, thì chỉ có bảy mươi năm của Brahma trôi qua, chứ không phải một thế kỷ huyền bí.

412. This too is a problematic picture, as there must be inter-scheme periods of equal duration to the scheme period. In which case we would have 140. years of Brahma—too many.

412. Đây cũng là một bức tranh có vấn đề, vì phải có những chu kỳ giữa các hệ có thời lượng bằng với chu kỳ của hệ. Trong trường hợp đó, chúng ta sẽ có 140. năm của Brahma —quá nhiều.

413. But, if there are only seven schemes considered in the sweep, and if the attention of the Solar Logos moves on after every solar systemic "year", but pauses a year before reaching the next scheme which is to be attended to, then we would have ninety-eight years of Brahma (98) which is getting pretty close to the one hundred years necessitated by a solar system!

413. Nhưng nếu chỉ có bảy hệ được xét trong sự quét, và nếu sự chú ý của Thái dương Thượng đế chuyển đi sau mỗi "năm" của hệ mặt trời, nhưng dừng lại một năm trước khi đến hệ kế tiếp cần được chú ý, thì chúng ta sẽ có chín mươi tám năm của Brahma (98), khá gần với một trăm năm cần thiết cho một hệ mặt trời!

414. The view taken here is utterly simplistic and does not account for when a the planetary scheme may appear (or disappear) or how many chains a Planetary Logos may be expressing through at any one time, as sometimes there are ten, sometimes seven and sometimes only three.

414. Quan điểm được đưa ra ở đây hoàn toàn quá đơn giản và không tính đến việc khi nào hệ hành tinh có thể xuất hiện (hay biến mất), hoặc một Đức Hành Tinh Thượng Đế có thể đang biểu lộ qua bao nhiêu Dãy tại bất kỳ thời điểm nào, vì đôi khi là mười, đôi khi là bảy, và đôi khi chỉ là ba.

415. And, there is a further problem: some schemes undergo their development is less or more than seven rounds:

415. Và còn một vấn đề nữa: một số hệ trải qua sự phát triển của chúng trong ít hơn hoặc nhiều hơn bảy cuộc tuần hoàn:

Complication comes to the student nevertheless in the fact that two of the schemes cover their cyclic periods in five rounds, [probably Venus and Mercury] while others have seven [such as the Earth-scheme]; one scheme has but three rounds, but a mystery is hidden here: on the inner round one planet has nine cycles to run before the purpose of its Lord is completed. (TCF 744)

Tuy nhiên, sự phức tạp đến với đạo sinh ở chỗ hai trong các hệ hoàn tất các chu kỳ của chúng trong năm cuộc tuần hoàn, [có lẽ là Kim Tinh và Sao Thủy] trong khi các hệ khác có bảy [chẳng hạn như hệ Địa Cầu]; một hệ chỉ có ba cuộc tuần hoàn, nhưng ở đây có một huyền nhiệm ẩn giấu: trên cuộc tuần hoàn bên trong, một hành tinh có chín chu kỳ phải trải qua trước khi mục đích của Chúa Tể của nó được hoàn tất. (TCF 744)

416. Clearly, important keys are missing and without them there is no way to solve the intricacies of planetary cycles within the solar system.

416. Rõ ràng là những chìa khóa quan trọng đang thiếu, và không có chúng thì không thể nào giải được những phức tạp của các chu kỳ hành tinh trong hệ mặt trời.

417. The following reference is important as it relates to planetary schemes appearing at different times during the occult century:

417. Dẫn chiếu sau đây quan trọng vì nó liên hệ đến việc các hệ hành tinh xuất hiện vào những thời điểm khác nhau trong thế kỷ huyền bí:

The ten Prajapatis or Rishis, or [Page 744] the ten planetary Logoi, manifest through Their ten schemes in time and space, **the hour of Their appearing differing.** (TCF 743-744)

Mười Prajapati hay Rishi, hay [Page 744] mười Đức Hành Tinh Thượng Đế, biểu hiện qua mười hệ của Các Ngài trong thời gian và không gian, **giờ xuất hiện của Các Ngài khác nhau.** (TCF 743-744)

418. In addition to the sweep of the solar logoic attention around the seven (or ten) schemes (maybe the three additional schemes are *included* in the sweep of seven—just as the synthesizing petals open simultaneously with the opening of some of the lower petals), there are also solar systemic dynamics which will relate to which triangles are active in the solar system and which planets are particularly active in each triangle.

418. Ngoài sự quét của sự chú ý logoi mặt trời quanh bảy (hay mười) hệ (có lẽ ba hệ bổ sung được *bao gồm* trong sự quét của bảy—cũng như các cánh hoa tổng hợp mở ra đồng thời với sự mở ra của một số cánh hoa thấp hơn), còn có những động lực học của hệ mặt trời liên hệ đến việc những tam giác nào đang hoạt động trong hệ mặt trời và những hành tinh nào đặc biệt hoạt động trong mỗi tam giác.

419. Even if we have the good fortune to get some reasonable ideas concerning the *sequentiality* of solar systemic development, there is a whole science which deals with the

419. Ngay cả nếu chúng ta may mắn có được một số ý niệm hợp lý về *tính tuần tự* của sự phát triển hệ mặt trời, vẫn còn cả một khoa học bàn đến yếu tố *đồng thời* của sự phát

factor of *simultaneous* solar systemic development. If we knew the human chakra system very well and the time of its awakening over the, say, twenty-five million years of human evolution, then we could analogize to the solar system and understand something about the periods of activation for the various planetary schemes.

triển hệ mặt trời. Nếu chúng ta biết rất rõ hệ thống luân xa của con người và thời điểm thức tỉnh của nó trong, giả sử, hai mươi lăm triệu năm tiến hoá của nhân loại, thì chúng ta có thể loại suy sang hệ mặt trời và hiểu được phần nào về các chu kỳ hoạt hóa của những hệ hành tinh khác nhau.

420. If the life of the Solar Logos sweeps seven times around the solar system, and the life of the Planetary Logos sweeps seven times around His scheme of seven chains, then, in some way, the life of the human Monad/Ego must sweep seven times around the chakric system of the developing human unit. It is as if in each human being each chakra will receive seven stimulating impulses over the course of a human incarnation.

420. Nếu sự sống của Thái dương Thượng đế quét bảy lần quanh hệ mặt trời, và sự sống của Đức Hành Tinh Thượng Đế quét bảy lần quanh hệ của Ngài gồm bảy Dãy, thì bằng cách nào đó, sự sống của chân thần/chân ngã con người phải quét bảy lần quanh hệ thống luân xa của đơn vị nhân loại đang phát triển. Dường như trong mỗi con người, mỗi luân xa sẽ nhận được bảy xung lực kích thích trong suốt một lần lâm phàm của con người.

c. One week of Brahma The period of seven rounds in one scheme. It has a chain significance.

c. Một tuần của Brahma Chu kỳ của bảy cuộc tuần hoàn trong một hệ. Nó có ý nghĩa của Dãy.

421. If a round is a day, the seven rounds is obviously a week. The other way of measuring Brahmic days must be considered here, however. In that method, a globe period lasts a day of Brahma and so does an inter-globe period or pralaya. The duration of a single round (using the slower measure) would be fourteen times longer than the round which is considered to comprise just a *day* of Brahma. Using the single measure, a single round would last *two weeks.*

421. Nếu một cuộc tuần hoàn là một ngày, thì bảy cuộc tuần hoàn hiển nhiên là một tuần. Tuy nhiên, ở đây phải xét đến cách đo khác về các ngày Brahma. Theo phương pháp đó, một chu kỳ bầu hành tinh kéo dài một ngày của Brahma và một chu kỳ giữa các bầu hành tinh hay giai kỳ qui nguyên cũng vậy. Thời lượng của một cuộc tuần hoàn đơn lẻ (dùng cách đo chậm hơn) sẽ dài gấp mười bốn lần cuộc tuần hoàn được xem là chỉ gồm một *ngày* của Brahma. Dùng cách đo đơn, một cuộc tuần hoàn đơn lẻ sẽ kéo dài *hai tuần.*

d. One day of Brahma The occult period of a round.

d. Một ngày của Brahma Chu kỳ huyền bí của một cuộc tuần hoàn.

e. One hour of Brahma Concerns interchain affairs.

422. It seems pretty clear that the coming of the Lords of the Flame to Earth—which coming took place (in a focal way) as a transaction between two chains in the Earth-scheme—took place during a certain *hour* of Brahma.

f. One Brahmic minute Concerns the planetary centres, and therefore egoic groups.

423. When the word "planetary" is used here, it must refer to a globe. Egoic groups are significant centers on a globe.

g. One Brahmic moment Concerns an egoic group, and its relation to the whole. (TCF 792)

424. There is so much occultism buried in these references. We could spend many pages right here exploring the intricacies, but it seems best to wait until this page comes up in the natural course of study and see if we can add significantly to what is said.

3. The period of a planetary round.

425. As stated, much depends on how we conceive of the round. In the reference on TCF 792, a round is considered to be a manvantara. This type of manvantara must be greater than that manvantara which is measured by the duration of a period

e. Một giờ của Brahma Liên quan đến các vấn đề giữa các Dãy.

422. Có vẻ khá rõ rằng sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa đến Trái Đất—một sự giáng lâm đã diễn ra (theo cách tiêu điểm) như một giao dịch giữa hai Dãy trong hệ Địa Cầu—đã diễn ra trong một *giờ* nhất định của Brahma.

f. Một phút Brahma Liên quan đến các trung tâm hành tinh, và do đó đến các nhóm chân ngã.

423. Khi từ "hành tinh" được dùng ở đây, nó phải ám chỉ một bầu hành tinh. Các nhóm chân ngã là những trung tâm có ý nghĩa trên một bầu hành tinh.

g. Một khoảnh khắc Brahma Liên quan đến một nhóm chân ngã, và mối liên hệ của nó với toàn thể. (TCF 792)

424. Có quá nhiều huyền bí học được chôn giấu trong những dẫn chiếu này. Chúng ta có thể dành nhiều trang ngay tại đây để khảo sát những phức tạp ấy, nhưng có lẽ tốt hơn là chờ cho đến khi trang này xuất hiện trong tiến trình học tập tự nhiên và xem liệu chúng ta có thể bổ sung đáng kể cho những gì đã được nói hay không.

3. Chu kỳ của một cuộc tuần hoàn hành tinh.

425. Như đã nói, nhiều điều phụ thuộc vào cách chúng ta quan niệm về cuộc tuần hoàn. Trong dẫn chiếu ở TCF 792, một cuộc tuần hoàn được xem là một manvantara. Loại manvantara này phải lớn hơn manvantara được đo bằng thời lượng của một chu kỳ giữa các bầu hành tinh (và do đó, theo hàm

between globes (and thus, by implication, also the duration of globe period).

ý, cũng bằng thời lượng của chu kỳ bầu hành tinh).

426. It is as if there are fourteen of the *globe* and 'inter-globe' manvantaras in one of the *round* manvantaras.

426. Dường như có mười bốn manvantara *bầu hành tinh* và 'giữa các bầu hành tinh' trong một manvantara *cuộc tuần hoàn*.

427. For an exacting analysis of manvantaras in relation to the Earth-globe, see the words of the occult historian, Phillip Lindsay.

427. Để có một phân tích chính xác về các manvantara liên hệ với bầu Địa Cầu, xin xem lời của nhà sử học huyền bí Phillip Lindsay.

428. In the following statements, VSK is attempting to find out how old our Planetary Logos may be in terms of years, days and hours. The method is interesting but the initial premise may not be correct, for it would seem that our Planetary Logos does not last the entirety of one hundred years of Brahma.

428. Trong các phát biểu sau đây, VSK đang cố tìm xem Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có thể bao nhiêu tuổi tính theo năm, ngày và giờ. Phương pháp này thú vị nhưng tiền đề ban đầu có thể không đúng, vì dường như Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta không tồn tại trọn vẹn suốt một trăm năm của Brahma.

429. VSK: "So, for example, earth has 100. years of Brahma. Of these, are we about 57. years in, some 208. days and about 13. hours into the occult century. Let us calculate:

429. VSK: "Ví dụ, Địa Cầu có 100. năm của Brahma. Trong số đó, phải chăng chúng ta đang ở khoảng 57. năm, khoảng 208. ngày và khoảng 13. giờ trong thế kỷ huyền bí. Hãy tính:

1. dividing 100. years by 7. schemes x 4th scheme = 57.1. years

1. chia 100. năm cho 7. hệ x hệ thứ 4 = 57.1. năm

2. dividing 360/365? days by 7. chains x 4th chain = 208. days

2. chia 360/365? ngày cho 7. Dãy x Dãy thứ 4 = 208. ngày

3. dividing 24. hours by 7. rounds x 4th round = 13.7. hours"

3. chia 24. giờ cho 7. cuộc tuần hoàn x cuộc tuần hoàn thứ 4 = 13.7. giờ"

430. DK has told us that our Solar Logos is about half way through His development. Half of an occult century is fifty years of Brahma.

430. Chân sư DK đã cho chúng ta biết rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta đang ở khoảng giữa tiến trình phát triển của Ngài. Một nửa của một thế kỷ huyền bí là năm mươi năm của Brahma.

431. The figures suggested by VSK are not all that different.

431. Những con số do VSK gợi ý không khác biệt đến thế.

432. The complication would come were we to know which planetary schemes appear at the beginning and which later, and when. The schemes which had not appeared in manifestation would not be receiving the attention of the Solar Logos. One could presume, however, there would always be *seven* through which circulation could occur —at least until a period of absorption/ obscuration began—but this assumption would probably be incorrect. DK tells us…

432. Sự phức tạp sẽ xuất hiện nếu chúng ta biết hệ hành tinh nào xuất hiện lúc khởi đầu và hệ nào xuất hiện về sau, và vào lúc nào. Những hệ chưa xuất hiện trong biểu hiện sẽ không nhận được sự chú ý của Thái dương Thượng đế. Tuy nhiên, người ta có thể giả định rằng luôn luôn sẽ có *bảy* hệ để sự tuần hoàn có thể diễn ra—ít nhất cho đến khi một chu kỳ hấp thu/che khuất bắt đầu—nhưng giả định này có lẽ không đúng. Chân sư DK cho chúng ta biết…

433. It might also be possible that the attention of the Solar Logos could seem to leave the arena of outer progress if that attention was focussed on planetary schemes that had not yet materialized? This is not too far fetched as there would be a number of strictly etheric schemes to which the Solar Logos would have to attend when "making His rounds"!

433. Cũng có thể sự chú ý của Thái dương Thượng đế dường như rời khỏi đấu trường của tiến trình bên ngoài nếu sự chú ý ấy tập trung vào những hệ hành tinh chưa hiện hình chăng? Điều này không quá xa vời, vì sẽ có một số hệ hoàn toàn dĩ thái mà Thái dương Thượng đế phải chú ý đến khi "đi các vòng của Ngài"!

434. In all truth, our speculation merely serves to indicate intricacies we cannot manage.

434. Thật ra, sự suy đoán của chúng ta chỉ nhằm chỉ ra những phức tạp mà chúng ta không thể xử lý được.

Within these three divisions,

Trong ba phân chia này,

435. The period of a planetary scheme, the period of a planetary chain, the period of a planetary round are the three main divisions.

435. Chu kỳ của một hệ hành tinh, chu kỳ của một Dãy hành tinh, chu kỳ của một cuộc tuần hoàn hành tinh là ba phân chia chính.

which are the differentiations of the three great cycles of incarnation of a planetary Logos, are numerous lesser cycles or incarnations **but they all fall within one or other of the three main divisions.**

là những sự biến phân của ba chu kỳ lớn của sự lâm phàm của một Đức Hành Tinh Thượng Đế, có nhiều chu kỳ hay lần lâm phàm nhỏ hơn **nhưng tất cả chúng đều thuộc vào một trong ba phân chia chính ấy.**

436. The divisions immediately below seem to fall within the greater period of a round, which of course, falls within the period of manifestation of a chain, and it within the scheme.

436. Những phân chia ngay bên dưới dường như thuộc vào chu kỳ lớn hơn của một cuộc tuần hoàn, mà dĩ nhiên lại thuộc vào chu kỳ biểu hiện của một Dãy, và Dãy ấy lại thuộc vào hệ.

Such lesser cycles might be easily comprehended if it were pointed out that they mark such periods as:

Những chu kỳ nhỏ hơn như thế có thể dễ dàng được hiểu nếu chỉ ra rằng chúng đánh dấu những chu kỳ như:

a. The period of manifestation on a globe.

a. Chu kỳ biểu hiện trên một bầu hành tinh.

b. The period of a root-race.

b. Chu kỳ của một giống dân gốc.

437. Root races are hypothesized to have different durations. For instance, Phillip Lindsay, hypothesizes the durations of the various root races as follows:

437. Các giống dân gốc được giả thuyết là có những thời lượng khác nhau. Chẳng hạn, Phillip Lindsay giả thuyết thời lượng của các giống dân gốc khác nhau như sau:

a. Root race I: 74,429,108. or 69,120,000. years

a. Giống dân gốc I: 74,429,108. hoặc 69,120,000. năm

b. Root race II: 55,821,831. or 51,840,000. years

b. Giống dân gốc II: 55,821,831. hoặc 51,840,000. năm

c. Root race III: 37,214,554. or 34,560,000. years

c. Giống dân gốc III: 37,214,554. hoặc 34,560,000. năm

d. Root race IV: 18,607,277. or 17,280,000. years

d. Giống dân gốc IV: 18,607,277. hoặc 17,280,000. năm

e. Root race V: Undetermined.

e. Giống dân gốc V: Chưa xác định.

f. Root race VI: Will endure some 10,000,000. years

f. Giống dân gốc VI: Sẽ kéo dài khoảng 10,000,000. năm

c. The period of a sub-race.

c. Chu kỳ của một giống dân phụ.

438. Subraces are often given as enduring for equal divisions of a root race. If there are variations in the durations of root races,

438. Các giống dân phụ thường được cho là kéo dài theo những phân chia bằng nhau của một giống dân gốc. Nếu có những biến thiên

why should there not be variations in the durations of sub-races. Hypothetically, the same might be true for branch races.

trong thời lượng của các giống dân gốc, tại sao lại không có những biến thiên trong thời lượng của các giống dân phụ. Theo giả thuyết, điều tương tự cũng có thể đúng đối với các giống dân nhánh.

d. The period of a branch race.

d. Chu kỳ của một giống dân nhánh.

439. A globe period is apparently one seventh of a round (if that round is through seven rather than ten globes), but if an equal interval between globes is added, then a globe period is one fourteenth of a round.

439. Một chu kỳ bầu hành tinh hiển nhiên bằng một phần bảy của một cuộc tuần hoàn (nếu cuộc tuần hoàn đó đi qua bảy thay vì mười bầu hành tinh), nhưng nếu thêm vào một khoảng cách bằng nhau giữa các bầu hành tinh, thì một chu kỳ bầu hành tinh bằng một phần mười bốn của một cuộc tuần hoàn.

440. Just as root races are of different duration, it may make sense to think of globe periods as of different durations. However, we are not given the key to understand the differences in the duration of globe periods, if they exist.

440. Cũng như các giống dân gốc có thời lượng khác nhau, có lẽ hợp lý khi nghĩ rằng các chu kỳ bầu hành tinh cũng có những thời lượng khác nhau. Tuy nhiên, chúng ta không được trao chìa khóa để hiểu những khác biệt trong thời lượng của các chu kỳ bầu hành tinh, nếu những khác biệt ấy thực sự tồn tại.

441. Root-races, sub-races and branch races are hypothesized, by Phillip Lindsay, to overlap. There is, however, no discontinuity in the manifestation of the races of men that would give us a pralaya after every root race or sub-race or branch race.

441. Phillip Lindsay giả thuyết rằng các giống dân gốc, giống dân phụ và giống dân nhánh chồng lấn lên nhau. Tuy nhiên, không có sự gián đoạn nào trong sự biểu hiện của các nhân loại người khiến chúng ta có một giai kỳ qui nguyên sau mỗi giống dân gốc, giống dân phụ hay giống dân nhánh.

442. Pralayas do, however, seem to occur between globe periods, rounds, and chain-periods. We cannot say that pralayas occur after planetary schemes, because many of the planetary schemes have the same duration as a solar system, so a scheme pralaya would be the same as a solar systemic pralaya.

442. Tuy nhiên, các giai kỳ qui nguyên dường như xảy ra giữa các chu kỳ bầu hành tinh, các cuộc tuần hoàn và các chu kỳ dãy. Chúng ta không thể nói rằng các giai kỳ qui nguyên xảy ra sau các hệ hành tinh, bởi vì nhiều hệ hành tinh có cùng thời lượng với một hệ mặt trời, nên một giai kỳ qui nguyên của hệ hành tinh sẽ cũng là một giai kỳ qui nguyên của hệ mặt trời.

443. VSK questions: "So continuing, if a round were a day, would a globe be an hour, and have its divisions of minutes, a root-race being a minute? But that makes us very minute, and brings us down to the second too quickly…"

443. VSK đặt câu hỏi: "Cứ tiếp tục như vậy, nếu một cuộc tuần hoàn là một ngày, thì một bầu hành tinh có phải là một giờ, và có những phân chia thành phút của nó, một giống dân gốc là một phút chăng? Nhưng điều đó khiến chúng ta trở nên quá nhỏ bé, và đưa chúng ta xuống đến giây quá nhanh…"

444. We can see that we have entered a field of great intricacy. I would recommend a careful study of Phillip Lindsay's *Earth History* for an excellent presentation of the intricacies—as far as the mind of man may penetrate.

444. Chúng ta có thể thấy rằng mình đã bước vào một lĩnh vực vô cùng phức tạp. Tôi xin đề nghị nghiên cứu cẩn thận *Lịch Sử Địa Cầu* của Phillip Lindsay để có một trình bày xuất sắc về những sự phức tạp ấy—xa đến mức trí tuệ con người có thể thâm nhập.

In order to apprehend even cursorily the identity of manifestation of a planetary Logos in a root-race, for instance, it must be remembered that **the sumtotal of human and deva units upon a planet make the body vital of a planetary Logos,** (TCF 301)

Để nắm bắt dù chỉ lướt qua bản sắc của sự biểu hiện của một Hành Tinh Thượng Đế trong một giống dân gốc chẳng hạn, cần phải nhớ rằng **tổng thể cộng gộp của các đơn vị người và thiên thần trên một hành tinh tạo nên thể sinh lực của một Hành Tinh Thượng Đế,** (TCF 301)

445. The reference above goes far in *placing* those centers in which human and deva units (considered as Monads) find their place. They are only found in centers within the "vital body of a planetary Logos". Of course, the monadic level is upon the sub-atomic plane of the vital body of a planetary Logos (from one perspective).

445. Đoạn dẫn trên giúp rất nhiều trong việc *xác định vị trí* của những trung tâm trong đó các đơn vị người và thiên thần (được xét như các Chân thần) tìm thấy chỗ đứng của mình. Chúng chỉ được tìm thấy trong các trung tâm bên trong "thể sinh lực của một Hành Tinh Thượng Đế". Dĩ nhiên, cấp độ chân thần nằm trên cõi hạ nguyên tử của thể sinh lực của một Hành Tinh Thượng Đế (xét từ một góc nhìn).

446. Or perhaps if we consider that the higher mental plane (whereon are found the egoic bodies of human beings) should also be considered a kind of *ether* in relation to the Planetary Logos, then the monadic plane would be considered the *atomic* level of the etheric body of the Planetary Logos.

446. Hoặc có lẽ nếu chúng ta xét rằng cõi thượng trí (nơi tìm thấy các thể chân ngã của con người) cũng nên được xem là một loại *dĩ thái* trong tương quan với Hành Tinh Thượng Đế, thì cõi chân thần sẽ được xem là cấp độ *nguyên tử* của thể dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế.

447. Let us note the following references pertaining to human and deva units and their relation to the centers in Planetary Logoi and Solar Logoi.

447. Chúng ta hãy lưu ý những đoạn dẫn sau đây liên quan đến các đơn vị người và thiên thần cùng mối liên hệ của chúng với các trung tâm trong các Hành Tinh Thượng Đế và các Thái dương Thượng đế.

the sumtotal of humanity (the fourth Hierarchy) being found, with the deva evolution, as the centres of the solar Logos. (TCF 460)

tổng thể cộng gộp của nhân loại (Huyền Giai thứ tư), cùng với sự tiến hóa thiên thần, được tìm thấy như các trung tâm của Thái dương Thượng đế. (TCF 460)

448. Within the human being, the chakras are found on various of the four ethers. By analogy, this may be the case for the Planetary Logos with respect to the chakras formed by human and deva units.

448. Bên trong con người, các luân xa được tìm thấy trên nhiều cõi của bốn dĩ thái. Theo phép tương đồng, điều này có thể cũng đúng với Hành Tinh Thượng Đế đối với các luân xa được hình thành bởi các đơn vị người và thiên thần.

A very real distinction must be made by students between the centres and the remainder of the body, as they investigate the construction of the body of the solar Logos or of a planetary Logos. **The centres are allied or connected with consciousness, and are composed of self-conscious units—the human Monads.** The remainder of the body is composed of deva substance, yet the two together form a unity. (TCF 636-637)

Các đạo sinh phải tạo ra một sự phân biệt rất thực giữa các trung tâm và phần còn lại của thể, khi họ khảo cứu cấu tạo của thân thể của Thái dương Thượng đế hay của một Hành Tinh Thượng Đế. **Các trung tâm liên kết hay nối kết với tâm thức, và được cấu thành bởi các đơn vị tự ý thức—các Chân thần người.** Phần còn lại của thể được cấu thành bởi chất liệu thiên thần, tuy vậy cả hai cùng nhau tạo thành một hợp nhất. (TCF 636-637)

449. Here is another reference of great value. We have often been told that the centers of a Planetary Logos are composed of human and deva units—as indicated in the references immediately below.

449. Đây là một đoạn dẫn khác có giá trị lớn. Chúng ta thường được bảo rằng các trung tâm của một Hành Tinh Thượng Đế được cấu thành bởi các đơn vị người và thiên thần —như được chỉ ra trong các đoạn dẫn ngay bên dưới.

450. In the reference immediately above, the deva units are not mentioned as *self-conscious,* yet many of them are.

450. Trong đoạn dẫn ngay phía trên, các đơn vị thiên thần không được nhắc đến như là *tự ý thức,* tuy nhiên nhiều đơn vị trong số đó là như vậy.

The human and deva units on the upward arc, who are the cells in His body, go to the formation of the centres, and not to the remainder of the cellular vital substance of His vehicles.

451. I think we must differentiate between "deva *units*" (self-conscious) and "deva substance" (not self-conscious). The term "unit" often (but not always) means a self-aware, conscious entity.

Man has a body made up of matter which is applied to different uses, yet which forms a unit. In this unit there are certain areas of more vital importance than other areas *from the standpoint of energising force.* Such an area as the heart may, in this connection, be considered and compared (as regards force value) with such an area as the calf of the leg. The entity, man, utilises both, but the heart centre is of paramount importance. Thus is it also with a Heavenly Man. The two great Hierarchies—deva and human—are force centres in the body of a planetary Logos; (TCF 356)

452. The two great hierarchies themselves, and as a whole, are apparently force centers within the Planetary Logos.

453. We may find that human and deva units are not *mixed* in the various centers of a Planetary Logos. In fact, it may be the human Monads constitute the higher centers and the deva units the four lower. If so, this would fit well with the division of the seven rays into the three Rays of Attribute and the Four Rays of Aspect.

Các đơn vị người và thiên thần trên cung đi lên, là những tế bào trong thân thể của Ngài, góp phần vào sự hình thành các trung tâm, chứ không phải vào phần còn lại của chất liệu sinh lực tế bào trong các vận cụ của Ngài.

451. Tôi nghĩ chúng ta phải phân biệt giữa "các *đơn vị* thiên thần" (tự ý thức) và "chất liệu thiên thần" (không tự ý thức). Thuật ngữ "đơn vị" thường (nhưng không phải luôn luôn) có nghĩa là một thực thể hữu thức, tự nhận biết.

Con người có một thể được cấu thành bởi vật chất được dùng vào những công dụng khác nhau, tuy vậy vẫn tạo thành một đơn vị. Trong đơn vị này có những khu vực quan trọng về sinh lực hơn những khu vực khác *xét từ quan điểm của mãnh lực tiếp sinh lực.* Một khu vực như tim, trong mối liên hệ này, có thể được xem xét và so sánh (về giá trị mãnh lực) với một khu vực như bắp chân. Thực thể là con người sử dụng cả hai, nhưng trung tâm tim có tầm quan trọng tối thượng. Với một Đấng Thiên Nhân cũng vậy. Hai Huyền Giai lớn—thiên thần và người—là những trung tâm mãnh lực trong thân thể của một Hành Tinh Thượng Đế; (TCF 356)

452. Bản thân hai huyền giai lớn ấy, và xét như một toàn thể, hiển nhiên là những trung tâm mãnh lực bên trong Hành Tinh Thượng Đế.

453. Chúng ta có thể thấy rằng các đơn vị người và thiên thần không *pha trộn* trong các trung tâm khác nhau của một Hành Tinh Thượng Đế. Thật ra, có thể các Chân thần người cấu thành các trung tâm cao hơn và các đơn vị thiên thần cấu thành bốn trung tâm thấp. Nếu vậy, điều này sẽ rất phù hợp với sự phân chia bảy cung thành ba Các

Cung Thuộc Tính và Bốn Các Cung Trạng Thái.

454. On our planet, the deva units outnumber the human units (presently) by 140. billion to 60. billion.

454. Trên hành tinh của chúng ta, các đơn vị thiên thần hiện nay đông hơn các đơn vị người theo tỉ lệ 140. tỉ so với 60. tỉ.

455. Is DK suggesting the one of the two hierarchies is associated with centers of greater "force value" than the other. If such is the case, it would likely be the case that the human units are identified with centers of greater "force value".

455. Có phải Chân sư DK đang gợi ý rằng một trong hai huyền giai này được liên kết với các trung tâm có "giá trị mãnh lực" lớn hơn huyền giai kia không. Nếu đúng như vậy, thì rất có thể các đơn vị người được đồng hoá với các trung tâm có "giá trị mãnh lực" lớn hơn.

the other evolutions of an involutionary nature extant within the scheme, and the remainder of **the active substance of the globes**, and all contained therein, go to the content of the remainder of His body. (TCF 356)

các tiến hóa khác có bản chất giáng hạ tiến hoá hiện tồn trong hệ hành tinh, và phần còn lại của **chất liệu hoạt động của các bầu hành tinh**, cùng mọi thứ chứa trong đó, góp vào nội dung của phần còn lại trong thân thể của Ngài. (TCF 356)

456. We judge that human and deva units are at least *part* of the active substance of the globes.

456. Chúng ta phán đoán rằng các đơn vị người và thiên thần ít nhất là *một phần* của chất liệu hoạt động của các bầu hành tinh.

457. What are these "other evolutions of an involutionary nature extant within the scheme"? Are they not devically related, or would it be more proper to think of them as elemental lives.

457. Những "tiến hóa khác có bản chất giáng hạ tiến hoá hiện tồn trong hệ hành tinh" này là gì? Chúng không có liên hệ thiên thần sao, hay sẽ thích đáng hơn nếu nghĩ về chúng như các sự sống hành khí.

whilst the sumtotal of lesser lives upon a planet (from the **material bodies** of men or devas down to the other kingdoms of nature) **form His body corporeal,** and are divisible into two types of such lives: (TCF 301)

trong khi tổng thể của các sự sống nhỏ hơn trên một hành tinh (từ các **thể vật chất** của người hay thiên thần xuống đến các giới khác của tự nhiên) **tạo thành thể xác của Ngài,** và được chia thành hai loại sự sống như vậy: (TCF 301)

458. The division between the lesser and greater lives in a Planetary Logos is clear. As Monads, human and deva units on the upward arc form part of the Planetary Logos' etheric body—probably centers within the

458. Sự phân chia giữa các sự sống nhỏ hơn và lớn hơn trong một Hành Tinh Thượng Đế là rõ ràng. Với tư cách các Chân thần, các đơn vị người và thiên thần trên cung đi lên tạo thành một phần của thể dĩ thái của Hành

etheric body, as the formation of centers are caused by monadic power.

Tinh Thượng Đế—có lẽ là các trung tâm bên trong thể dĩ thái, vì sự hình thành các trung tâm được gây ra bởi quyền năng chân thần.

459. The lesser lives are found within the body corporeal of the Planetary Logos, and interestingly, these lesser lives are both on the involutionary arc *and* the evolutionary arc.

459. Các sự sống nhỏ hơn được tìm thấy trong thể xác của Hành Tinh Thượng Đế, và điều đáng chú ý là các sự sống nhỏ hơn này vừa ở trên cung giáng hạ tiến hoá *vừa* ở trên cung thăng thượng tiến hoá.

460. We are well familiar with the fact that human units have "material bodies"; this extract affirms the idea that devas, also, have *material* bodies.

460. Chúng ta rất quen thuộc với sự kiện rằng các đơn vị người có "thể vật chất"; đoạn trích này khẳng định ý tưởng rằng các thiên thần cũng có những thể *vật chất*.

a. Those on the evolutionary arc, such as in the animal kingdom.

a. Những sự sống trên cung thăng thượng tiến hoá, chẳng hạn như trong giới động vật.

461. The animal kingdom is an aspect of the body corporeal of the (or a) Planetary Logos.

461. Giới động vật là một phương diện của thể xác của (hay một) Hành Tinh Thượng Đế.

[Page 302]

[Page 302]

b. **Those on the involutionary arc**, such as the totality of all elemental material forms within His sphere of influence.

b. **Những sự sống trên cung giáng hạ tiến hoá**, chẳng hạn như toàn thể mọi hình tướng vật chất hành khí trong phạm vi ảnh hưởng của Ngài.

462. The elemental lives on the involutionary arc are an aspect of the body corporeal of a Planetary Logos.

462. Các sự sống hành khí trên cung giáng hạ tiến hoá là một phương diện của thể xác của một Hành Tinh Thượng Đế.

463. The main division within the vehicles of the Planetary Logos is between His etheric and material nature.

463. Sự phân chia chính trong các vận cụ của Hành Tinh Thượng Đế là giữa bản chất dĩ thái và bản chất vật chất của Ngài.

All the involutionary lives, as earlier pointed out, form the vehicles for the spirit of the planet, or the planetary entity, who is the sumtotal of the elemental essences in process of involution.

Tất cả các sự sống giáng hạ tiến hoá, như đã chỉ ra trước đây, tạo thành các vận cụ cho tinh linh linh địa cầu, hay thực thể hành tinh, là tổng thể của các tinh chất hành khí trong tiến trình giáng hạ tiến hoá.

464. Here we have an excellent definition of the "spirit of the planet" or the "planetary entity". It is the "sumtotal of the elemental essences in the processes of involution"

464. Ở đây chúng ta có một định nghĩa rất xuất sắc về "tinh linh linh địa cầu" hay "thực thể hành tinh". Đó là "tổng thể của các tinh chất hành khí trong các tiến trình giáng hạ tiến hoá"

465. Below are some further descriptions of this entity.

465. Dưới đây là một vài mô tả thêm về thực thể này.

The **planetary Entity** is on the involutionary arc and is a very low grade Entity. He is the sum total of all the elemental lives of the planet. (TCF 105)

Thực Thể Hành Tinh ở trên cung giáng hạ tiến hoá và là một Thực Thể có cấp độ rất thấp. Ngài là tổng thể của mọi sự sống hành khí của hành tinh. (TCF 105)

The spirit of the planet (or the **planetary entity**) likewise has his cycles, and in the absorption of [Page 108] planetary prana, and in its correct distribution, lies the secret of fertility and equable vegetation. (TCF 107-108)

Tinh linh linh địa cầu (hay **thực thể hành tinh**) cũng có các chu kỳ của y, và chính trong sự hấp thụ prana hành tinh [Page 108] và trong sự phân phối đúng đắn của nó mà có bí mật của sự phì nhiêu và thảm thực vật đồng đều. (TCF 107-108)

466. We seem to be told that the "planetary entity" is involved in the absorption of planetary prana and its correct distribution.

466. Chúng ta dường như được cho biết rằng "thực thể hành tinh" có liên quan đến sự hấp thụ prana hành tinh và sự phân phối đúng đắn của nó.

467. The "spirit of the planet" (an involutionary entity) is to be differentiated from the "Planetary Spirit" (another name of the Planetary Logos).

467. "Tinh linh linh địa cầu" (một thực thể giáng hạ tiến hoá) cần được phân biệt với "Tinh Thần Hành Tinh" (một tên gọi khác của Hành Tinh Thượng Đế).

It might here be noted that the **planetary Entity** is the sumtotal of all the elemental lives of the lesser Builders functioning as, or forming, the substance of any particular globe in physical objectivity. (TCF 845)

Ở đây cần lưu ý rằng **thực thể hành tinh** là tổng thể của mọi sự sống hành khí của các vị tiểu kiến tạo hoạt động như, hay tạo thành, chất liệu của bất kỳ bầu hành tinh nào trong tính khách quan hồng trần. (TCF 845)

*4. The builders of the etheric body of the **planetary Entity**.*

*4. Các đấng kiến tạo của thể dĩ thái của **thực thể hành tinh**.*

This great involutionary life must remain for many aeons a mystery. His etheric body

Sự sống giáng hạ tiến hoá vĩ đại này phải còn là một huyền nhiệm trong nhiều đại kiếp

is now in process of building, and only in another solar system will he assume definite physical form. Sufficient energy has not yet been generated to permit of his manifestation objectively. He remains as yet subjective. He has his solar correspondence. (TCF 933)

nữa. Thể dĩ thái của y hiện đang trong tiến trình được kiến tạo, và chỉ trong một hệ mặt trời khác y mới đảm nhận hình tướng hồng trần xác định. Chưa có đủ năng lượng được phát sinh để cho phép sự biểu hiện của y một cách khách quan. Hiện nay y vẫn còn chủ quan. Y có đối phần thái dương của mình. (TCF 933)

468. The place of the planetary entity in relation to a Heavenly Man is given below.

468. Vị trí của thực thể hành tinh trong tương quan với một Đấng Thiên Nhân được nêu dưới đây.

He holds a position (in relation to a Heavenly Man) analogous to that held by the different elementals that go to the make-up of man's three bodies, physical, astral and mental, and he is—like all manifesting beings—threefold in his nature, but involutionary.

Y giữ một vị trí (trong tương quan với một Đấng Thiên Nhân) tương tự với vị trí của các hành khí khác nhau góp phần vào sự cấu thành ba thể của con người—hồng trần, cảm dục và trí tuệ—và y cũng như mọi hữu thể đang biểu hiện, có bản chất tam phân, nhưng là tam phân giáng hạ tiến hoá.

469. Just as a human being has three (or four) elementals which go to the formation of his personality, so does a Heavenly Man have a threefold planetary entity

469. Cũng như một con người có ba (hay bốn) hành khí góp phần vào sự hình thành phàm ngã của y, thì một Đấng Thiên Nhân cũng có một thực thể hành tinh tam phân

Therefore, man and devas (differentiating the devas from the lesser Builders) form the SOUL of a Heavenly Man.

Do đó, con người và thiên thần (phân biệt thiên thần với các vị tiểu kiến tạo) tạo thành LINH HỒN của một Đấng Thiên Nhân.

470. This is an important distinction. The devas here referenced are on the “upward arc”; the lesser builders are not.

470. Đây là một sự phân biệt quan trọng. Các thiên thần được nhắc đến ở đây thuộc “cung đi lên”; các vị tiểu kiến tạo thì không.

471. The soul of the Heavenly Man is expressing through his etheric body; apparently His personality nature is expressing through his bodily, corporeal nature.

471. Linh hồn của Đấng Thiên Nhân đang biểu lộ qua thể dĩ thái của Ngài; hiển nhiên bản chất phàm ngã của Ngài đang biểu lộ qua bản chất thể xác, vật chất của Ngài.

Other lives form his BODY, and **it is with body and soul that we are concerned in these two divisions of our thesis on FIRE.**

Các sự sống khác tạo thành THÂN THỂ của Ngài, và **chính với thân thể và linh hồn mà**

chúng ta quan tâm trong hai phần phân chia này của luận đề chúng ta về LỬA.

472. We notice--not yet is our concern focussed on the Spirit aspect.

472. Chúng ta nhận thấy—mối quan tâm của chúng ta chưa tập trung vào phương diện Tinh thần.

473. The section of TCF coving the Fires of Matter concerned "body"; the section (this present section) covering the Fires of Mind, concerns "soul".

473. Phần của TCF bao quát các Lửa của Vật Chất liên quan đến "thể"; phần (phần hiện tại này) bao quát các Lửa của Trí Tuệ liên quan đến "linh hồn".

One group manifests the fire of matter,

Một nhóm biểu hiện lửa của vật chất,

474. These are the lives that go to the formation of the body of the Planetary Logos.

474. Đây là những sự sống góp phần vào sự hình thành thân thể của Hành Tinh Thượng Đế.

the other group the fire of mind,

nhóm kia biểu hiện lửa của trí tuệ,

475. These are the human and deva lives which go to the formation of the soul of the Planetary Logos

475. Đây là những sự sống người và thiên thần góp phần vào sự hình thành linh hồn của Hành Tinh Thượng Đế

for the **devas are the personification of the active universal mind**,

vì **các thiên thần là hiện thân của trí tuệ vũ trụ hoạt động**,

476. This seems to suggest an aspect of the mind that correlates with the third ray, for it is "active" and the third ray is the "Ray of *Activity*".

476. Điều này dường như gợi ý một phương diện của trí tuệ tương ứng với cung ba, vì nó là "hoạt động" và cung ba là "Cung của *Hoạt Động*".

even though man is considered manasic in a different sense. **Man bridges in essence; the devas bridge in matter.**

mặc dù con người được xem là manas theo một ý nghĩa khác. **Con người bắt cầu trong bản chất; thiên thần bắt cầu trong vật chất.**

477. It is being suggested that manas is a *bridging* power.

477. Ở đây đang gợi ý rằng manas là một quyền năng *bắt cầu*.

478. It is suggested that devas relate and harmonize diverse material expressions, but the bridging is not subjective.

478. Có ý rằng thiên thần liên kết và hài hòa những biểu hiện vật chất đa dạng, nhưng sự bắt cầu ấy không mang tính chủ quan.

479. For man, the bridging is subjective—a bridging in consciousness and a bridging is Spirit.

479. Đối với con người, sự bắt cầu là chủ quan—một sự bắt cầu trong tâm thức và một sự bắt cầu trong Tinh thần.

480. All bridging is a form of harmonization. The harmonization of the material sphere is the work of the devas; the harmonization of the soul life (or of the consciousness) is the work of man.

480. Mọi sự bắt cầu đều là một hình thức hài hòa hóa. Sự hài hòa hóa của lĩnh vực vật chất là công việc của thiên thần; sự hài hòa hóa của đời sống linh hồn (hay của tâm thức) là công việc của con người.

481. It does not seem necessary to harmonize Spirit with Spirit, but the Spirit in all things must be recognized, and identification of Spirit with Spirit achieved. This seems more the work of man than of the devas.

481. Dường như không cần phải hài hòa Tinh thần với Tinh thần, nhưng Tinh thần trong mọi sự vật phải được nhận biết, và sự đồng hoá Tinh thần với Tinh thần phải được đạt tới. Điều này dường như là công việc của con người hơn là của thiên thần.

In connection with Man the cycles are equally threefold:

Liên quan đến Con Người, các chu kỳ cũng tam phân như nhau:

482. We have been examining the threefold cycles of the Logos and Planetary Logos. Schemes, chains and rounds are the major cycles for the Planetary Logos. The solar system, systemic schemes (the analogue to chains) and systemic rounds would be the major cycles for the Solar Logos.

482. Chúng ta đã khảo sát các chu kỳ tam phân của Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế. Các hệ hành tinh, các dãy và các cuộc tuần hoàn là những chu kỳ chính đối với Hành Tinh Thượng Đế. Hệ mặt trời, các hệ hành tinh hệ thống (tương tự với các dãy) và các cuộc tuần hoàn hệ thống sẽ là những chu kỳ chính đối với Thái dương Thượng đế.

1. The Monadic cycle, which corresponds in man to the 100. years of Brahma, and to a planetary scheme.

1. Chu kỳ chân thần, tương ứng nơi con người với 100. năm của Brahma, và với một hệ hành tinh.

483. The equivalence is as follows: 100. years of Brahma for a Solar Logos is as the period of a planetary scheme for a Planetary Logos is ad the monadic cycle for man.

483. Sự tương đương như sau: 100. năm của Brahma đối với một Thái dương Thượng đế cũng như chu kỳ của một hệ hành tinh đối với một Hành Tinh Thượng Đế và như chu kỳ chân thần đối với con người.

484. This first division of time is a "life-time".

484. Sự phân chia thời gian thứ nhất này là một "đời sống".

2. The Egoic cycle.

2. Chu kỳ chân ngã.

485. This second division of time is, perhaps, as a *year*, when compared to a life-time.

485. Sự phân chia thời gian thứ hai này, có lẽ, giống như một *năm*, khi so với một đời sống.

3. The Personality cycle.

3. Chu kỳ phàm ngã.

486. This third division of time is, perhaps, as a day, when compared to a life-time or a year.

486. Sự phân chia thời gian thứ ba này, có lẽ, giống như một ngày, khi so với một đời sống hay một năm.

487. The major divisions for the Solar Logos are the "Occult Century", the "Year of Brahma" and the "Day of Brahma". There are also perhaps weeks and months of Brahma, uniting numbers of days into larger units.

487. Những phân chia chính đối với Thái dương Thượng đế là "Thế Kỷ Huyền Bí", "Năm của Brahma" và "Ngày của Brahma". Có lẽ cũng còn có những tuần và tháng của Brahma, kết hợp nhiều ngày thành những đơn vị lớn hơn.

488. The implication in relation to man, is that a number of personality cycles could be united into significant units.

488. Hàm ý đối với con người là một số chu kỳ phàm ngã có thể được kết hợp thành những đơn vị có ý nghĩa.

489. The same could be said of egoic cycles, analogized in the life of man to spans of *years* which carry a certain qualitative significance.

489. Điều tương tự cũng có thể được nói về các chu kỳ chân ngã, được loại suy trong đời sống con người như những khoảng *năm* mang một ý nghĩa phẩm tính nhất định.

490. It may be in relation to these cycles that we have to differentiate between the ray cycles and subray cycles of the Monad, soul and personality.

490. Có thể chính trong tương quan với các chu kỳ này mà chúng ta phải phân biệt giữa các chu kỳ cung và chu kỳ cung phụ của chân thần, linh hồn và phàm ngã.

In these thoughts on cycles we have opened up a vast range of thought, especially if we link the idea of egoic and personality cycles to the vaster periods in connection with a planetary Logos.

Trong những suy tưởng này về các chu kỳ, chúng ta đã mở ra một phạm vi tư tưởng rộng lớn, đặc biệt nếu chúng ta liên kết ý tưởng về các chu kỳ chân ngã và phàm ngã

với những thời kỳ bao la hơn liên quan đến một Hành Tinh Thượng Đế.

491. Looking at the three divisions in relation to the structure of the Planetary Logos, we can imagine that the duration of a planetary scheme correlates with the occult century for the Solar Logos. The duration of planetary chains correlate with Years of Brahma; the duration of globes within a chain correlate to Days of Brahma.

491. Xét ba phân chia này trong tương quan với cấu trúc của Hành Tinh Thượng Đế, chúng ta có thể hình dung rằng thời lượng của một hệ hành tinh tương ứng với thế kỷ huyền bí đối với Thái dương Thượng đế. Thời lượng của các dãy hành tinh tương ứng với các Năm của Brahma; thời lượng của các bầu hành tinh trong một dãy tương ứng với các Ngày của Brahma.

492. Laying out a tabulation, we would have the following suggestive categorizations:

492. Nếu lập thành một bảng, chúng ta sẽ có những phân loại gợi ý như sau:

Solar Logos	Planetary Logos	Man
Occult Century	Duration of a Planetary Scheme	The Monadic Cycle
Year of Brahma	Duration of a Planetary Chain	The Egoic Cycle
Day of Brahma	Duration of a Planetary Globe	The Personality Cycle

493. We have already seen however that there are a number of ways to view these relationships, and no fixed and certain method has been established.

493. Tuy nhiên, chúng ta đã thấy rằng có nhiều cách để nhìn các mối liên hệ này, và chưa có một phương pháp cố định và chắc chắn nào được xác lập.

The idea is capable of vast expansion, and is governed by certain fundamental ideas that must be carefully considered and contemplated.

Ý tưởng này có khả năng mở rộng rất lớn, và được chi phối bởi một số ý tưởng nền tảng cần phải được xem xét và chiêm ngưỡng cẩn thận.

494. All is numbered. The correlations between the numbers may not be entirely straightforward, but useful analogies are suggested.

494. Mọi sự đều được đánh số. Những tương quan giữa các con số có thể không hoàn toàn trực tiếp, nhưng những phép tương đồng hữu ích được gợi ra.

495. The threefold division is found in all three of these units.

[Page 303]

The cycles in a man's personality manifestation demonstrate in **groups of fours and sevens**, and follow the usual evolutionary sequence, as:

496. Is there significance to the fact that the fours precede the sevens and that the sevens do not precede the fours?

497. We have a possible suggestion of the division of time into the *month,* which can be considered, approximately, as *four* weeks with *seven* days in each week.

498. VSK suggests: "We see how Earth's numbers are also related to man's numbers (since man is the fourth kingdom) and the Earth is the planet numbered *fourth* from the Sun (if Vulcan is counted). Earth may also be considered the *fourth* in the septenate (consider the chain), and the seventh in the decad.

499. VSK states further: "Similarly the *four* relates Earth to both the fourfold base chakra and fourfold heart. Earth which is said to be associated with the solar systemic base of the spine center, is easily related to the number *seven,* since the base of the spine center is the *seventh* center and the number of the Earth is 777."

500. The number *four* is a number naturally associated with the personality since the personality is composed of *four* elementals.

495. Sự phân chia tam phân được tìm thấy trong cả ba đơn vị này.

[Page 303]

Các chu kỳ trong sự biểu hiện phàm ngã của một con người biểu lộ thành **những nhóm bốn và bảy**, và tuân theo trình tự tiến hoá thông thường, như sau:

496. Có ý nghĩa gì trong sự kiện rằng số bốn đi trước số bảy và số bảy không đi trước số bốn chăng?

497. Chúng ta có một gợi ý khả dĩ về sự phân chia thời gian thành *tháng,* có thể được xem, một cách gần đúng, như *bốn* tuần với *bảy* ngày trong mỗi tuần.

498. VSK gợi ý: "Chúng ta thấy các con số của Trái Đất cũng liên hệ với các con số của con người (vì con người là giới thứ tư) và Trái Đất là hành tinh được đánh số *thứ tư* tính từ Mặt Trời (nếu tính cả Vulcan). Trái Đất cũng có thể được xem là *thứ tư* trong bộ bảy (hãy xét dãy), và là thứ bảy trong bộ mười..

499. VSK còn nói thêm: "Tương tự, số *bốn* liên hệ Trái Đất với cả luân xa đáy tứ phân và tim tứ phân. Trái Đất, vốn được nói là liên kết với trung tâm đáy cột sống của hệ mặt trời, dễ dàng được liên hệ với số *bảy,* vì trung tâm đáy cột sống là trung tâm *thứ bảy* và số của Trái Đất là 777."

500. Số *bốn* là một con số tự nhiên gắn với phàm ngã vì phàm ngã được cấu thành bởi *bốn* hành khí.

501. The number *seven* is a number of material expression, and the personality holds the position of "body" (or material expression) in the trinity of Spirit, soul and body.

501. Số *bảy* là một con số của biểu hiện vật chất, và phàm ngã giữ vị trí của "thân thể" (hay biểu hiện vật chất) trong tam vị Tinh thần, linh hồn và thân thể.

502. Could the Tibetan be telling us that the personality develops in cycles of seven, which cycles are gathered into units of four? This would correlate the number *twenty-eight* with personality development.

502. Có phải Chân sư Tây Tạng đang nói với chúng ta rằng phàm ngã phát triển theo những chu kỳ bảy, và những chu kỳ ấy được gom lại thành những đơn vị bốn? Điều này sẽ liên hệ con số *hai mươi-tám* với sự phát triển phàm ngã.

503. Interestingly, *twenty-eight* is a Capricornian number (as we are told, intuition the *Secret Doctrine* that there are *twenty-eight* stars in the constellation Capricorn) and Capricorn is the sign associated with the Creative Hierarchy (Makara) one aspect of which is associated with the human personality (cf. EA 35).

503. Điều thú vị là, *hai mươi tám* là một con số Ma Kết (như chúng ta được nói, trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* rằng có *hai mươi tám* ngôi sao trong chòm sao Ma Kết) và Ma Kết là dấu hiệu gắn với Huyền Giai Sáng Tạo (Makara), một phương diện của nó được liên kết với phàm ngã con người (x. EA 35).

504. It would be interested to calculate at what point in his long series of lives, a man truly becomes a *personality*?

504. Sẽ là điều đáng quan tâm nếu tính xem tại điểm nào trong chuỗi dài các kiếp sống của mình, một con người thật sự trở thành một *phàm ngã*?

505. In EP II, 16, we are told the following of the stage of dominant personality:

505. Trong EP II, 16, chúng ta được cho biết điều sau đây về giai đoạn phàm ngã trội vượt:

"Integrate the three sheaths into a unity which for **three** and sometimes **seven lives** (occasionally **eleven lives**) will function as a dominant personality in some field of wide expression, using the energy of ambition to bring this about."

"Hãy tích hợp ba thể vỏ thành một hợp nhất mà trong **ba** và đôi khi **bảy kiếp sống** (thỉnh thoảng **mười một kiếp sống**) sẽ hoạt động như một phàm ngã trội vượt trong một lĩnh vực biểu hiện rộng lớn nào đó, sử dụng năng lượng của tham vọng để thực hiện điều này."

506. May it be that there are earlier stages of personality expression which cannot be considered "dominant", and in which the personality is yet to be reckoned with?

506. Có thể chăng có những giai đoạn sớm hơn của sự biểu hiện phàm ngã mà chưa thể được xem là "trội vượt", và trong đó phàm ngã vẫn chưa phải là điều cần được tính đến?

507. When considering these numbers, we note that *seven* is *four* more than *three,* and *eleven* is *four* more than seven.

507. Khi xem xét các con số này, chúng ta lưu ý rằng *bảy* thì *bốn*nhiều hơn *ba,* và *mười một* thì *bốn* nhiều hơn bảy.

508. If, however, the four and seven of personality cycles are *not* hierarchicalized, such that the sevens are subsets of the fours, then we would have the grouping of individual lives into groups of four *and* groups of seven.

508. Tuy nhiên, nếu bốn và bảy của các chu kỳ phàm ngã *không* được sắp xếp theo thứ bậc, sao cho các bộ bảy là các tập con của các bộ bốn, thì khi ấy chúng ta sẽ có sự nhóm các sự sống cá nhân thành các nhóm bốn *và* các nhóm bảy.

509. Obviously, much remains to be studied, inferred and intuited.

509. Hiển nhiên, vẫn còn nhiều điều cần được nghiên cứu, suy luận và trực giác nhận biết.

510. In what is immediately below, DK seems to be telling us that personality development takes place for a long time and involves many lives. Perhaps, He is not only considering the time when all constituents of the personality are reasonably integrated.

510. Trong điều ngay bên dưới, DK dường như đang nói với chúng ta rằng sự phát triển phàm ngã diễn ra trong một thời gian dài và bao gồm nhiều kiếp sống. Có lẽ, Ngài không chỉ xét đến thời điểm khi mọi thành phần của phàm ngã được tích hợp một cách tương đối hợp lý.

511. The quotation from EP II, 16, focuses on the stages of personality integration and one might think that the personality is a factor which can only be considered at much later stages of evolution in the long cycle of lives.

511. Trích dẫn từ EP II, 16, tập trung vào các giai đoạn tích hợp phàm ngã, và người ta có thể nghĩ rằng phàm ngã là một yếu tố chỉ có thể được xét đến ở những giai đoạn tiến hoá muộn hơn nhiều trong chu kỳ dài của các kiếp sống.

512. However, the following reference must also be considered in this respect:

512. Tuy nhiên, cũng phải xét đến dẫn chiếu sau đây trong phương diện này:

What the Personality spends many thousands of lives in establishing is not going to be lightly altered when the Ego—working in the lower consciousness—seeks to effect a change. (LOM 82)

Điều mà Phàm ngã phải trải qua nhiều ngàn kiếp sống để thiết lập sẽ không dễ dàng bị thay đổi khi Chân ngã—hoạt động trong tâm thức thấp—tìm cách tạo ra một sự thay đổi. (LOM 82)

513. From this reference, it definitely seems that the personality is *present* and active for many thousands of lives. One would also

513. Từ dẫn chiếu này, dứt khoát có vẻ như phàm ngã *hiện diện* và hoạt động trong nhiều ngàn kiếp sống. Người ta cũng phải

have to ask if this present personality has a personality ray, even at the very early stages of evolution and even if it does not emerge into noticeability?

hỏi liệu phàm ngã hiện diện này có một cung phàm ngã hay không, ngay cả ở những giai đoạn rất sớm của tiến hoá và ngay cả nếu nó chưa nổi lên đủ để được nhận thấy?

a. Differentiation, the involutionary process, or the one becoming the many, the homogeneous becoming the heterogeneous.

a. Biến phân, tiến trình giáng hạ tiến hoá, hay cái một trở thành cái nhiều, cái đồng nhất trở thành cái dị biệt.

514. This would involve the build-up of the individual vehicles of the personality.

514. Điều này sẽ bao hàm sự xây dựng các vận cụ cá nhân của phàm ngã.

b. Balance, or the process of karmic adjustment.

b. Cân bằng, hay tiến trình điều chỉnh nghiệp quả.

515. This would involve a period of repentance, or a turning from a strictly selfish path to one which is more social and considerate.

515. Điều này sẽ bao hàm một giai đoạn sám hối, hay quay khỏi một con đường hoàn toàn ích kỷ để hướng sang một con đường có tính xã hội và biết quan tâm hơn.

c. Synthesis, or spiritualisation, the many again becoming the One.

c. Tổng hợp, hay tinh thần hóa, cái nhiều lại trở thành Đấng Duy Nhất.

516. This would involve the strictly spiritual phase of personality development. Obviously, soul cycles of different kinds would lie behind the types of cycles of personality unfoldment.

516. Điều này sẽ bao hàm giai đoạn phát triển phàm ngã thuần túy tinh thần. Hiển nhiên, đằng sau các loại chu kỳ khai mở phàm ngã sẽ là các chu kỳ linh hồn thuộc những loại khác nhau.

d. Obscuration, or liberation, the end of the evolutionary process, or the freeing of Spirit from the limitations of matter.

d. Lu mờ, hay giải thoát, sự kết thúc của tiến trình tiến hoá, hay sự giải phóng tinh thần khỏi những giới hạn của vật chất.

517. The personality is involved in all these stages, for one has a personality even up to the fourth initiation which, for man, is liberation and obscuration—relatively.

517. Phàm ngã dự phần trong tất cả các giai đoạn này, vì người ta có phàm ngã ngay cả cho đến lần điểm đạo thứ tư, mà đối với con người, đó là giải thoát và lu mờ—một cách tương đối.

518. DK seems to be suggesting that the personality cycles in fours and sevens (whether the sevens are arranged in four

518. DK dường như đang gợi ý rằng các chu kỳ phàm ngã theo bộ bốn và bộ bảy (dù các bộ bảy được sắp thành bốn nhóm, hay dù các

groupings, or whether cycles of four and cycle of sevens follow each other) are operative throughout the entire build-up of the personality, its equilibrization, its elevation and final obscuration.

chu kỳ bốn và các chu kỳ bảy nối tiếp nhau) đều vận hành xuyên suốt toàn bộ quá trình xây dựng phàm ngã, sự cân bằng hóa, sự nâng cao và sự lu mờ sau cùng của nó.

519. It is clear that different types of egoic cycles accompany different groupings of personality cycles—especially since personality cycles seems to last for thousands of lives and egoic cycles would naturally change during those thousands of lives.

519. Rõ ràng là các loại chu kỳ chân ngã khác nhau đi kèm với các cách nhóm khác nhau của các chu kỳ phàm ngã—đặc biệt vì các chu kỳ phàm ngã dường như kéo dài hàng ngàn kiếp sống và các chu kỳ chân ngã tự nhiên sẽ thay đổi trong suốt những ngàn kiếp sống ấy.

By this we must understand that all incarnations on the physical plane are not of equal importance, but some are of more moment than others;

Bởi điều này chúng ta phải hiểu rằng không phải mọi lần lâm phàm trên cõi hồng trần đều có tầm quan trọng ngang nhau, mà một số có ý nghĩa trọng đại hơn những số khác;

520. We can give easy assent to this idea. One day we shall also have the perspective to judge which of our life cycles have been important or momentous and which of relative insignificance.

520. Chúng ta có thể dễ dàng tán đồng ý tưởng này. Một ngày nào đó chúng ta cũng sẽ có được viễn cảnh để phán đoán chu kỳ sống nào của mình là quan trọng hay trọng đại và chu kỳ nào tương đối không đáng kể.

some, from the point of view of the Ego, are practically negligible, others count;

một số, từ quan điểm của Chân ngã, thực tế là không đáng kể, những số khác thì đáng kể;

521. We see that the personality is not really in a position to judge. It the Ego and its perspective which are important in determining the momentous or non-momentous nature of personality life-cycles.

521. Chúng ta thấy rằng phàm ngã thật ra không ở vào vị thế để phán đoán. Chính Chân ngã và viễn cảnh của nó mới là điều quan trọng trong việc xác định tính chất trọng đại hay không trọng đại của các chu kỳ sống phàm ngã.

some are to the evolving human Spirit of importance analogous to the incarnation of a **planetary Logos** in a globe, or through a root-race, whilst others are as relatively unimportant to him as the manifestation of a branch-race is to a **Heavenly Man**.

một số có tầm quan trọng đối với Tinh thần nhân loại đang tiến hoá tương tự như sự lâm phàm của một **Hành Tinh Thượng Đế** trong một bầu hành tinh, hay qua một giống dân gốc, trong khi những số khác lại tương đối không quan trọng đối với y như sự biểu hiện của một giống dân nhánh đối với một **Đấng Thiên Nhân**.

522. DK is trying to give us analogy concerning man and the Planetary Logos.

522. DK đang cố gắng đưa ra cho chúng ta một phép tương đồng liên quan đến con người và Hành Tinh Thượng Đế.

523. If a Planetary Logos incarnates in a globe, during a given round, He accomplishes the expression of seven root races. Such an incarnation (through a globe) is, in way and loosely, seven times more powerful or comprehensive as His incarnation in on root race alone.

523. Nếu một Hành Tinh Thượng Đế lâm phàm trong một bầu hành tinh, trong một cuộc tuần hoàn nhất định, Ngài hoàn thành sự biểu lộ của bảy giống dân gốc. Một lần lâm phàm như thế (qua một bầu hành tinh), theo một cách nào đó và nói rộng ra, mạnh mẽ hay bao quát hơn gấp bảy lần so với sự lâm phàm của Ngài chỉ trong một giống dân gốc.

524. We judge, then, on the human scale, that, there are some personality incarnations where perhaps seven times more is accomplished than in others—or perhaps even forty-nine times more. The numbers should not be taken literally, and are merely suggested by DK's allusion to root races and branch races.

524. Vậy thì, trên thang đo nhân loại, chúng ta phán đoán rằng có những lần phàm ngã lâm phàm mà có lẽ thành tựu được nhiều hơn gấp bảy lần so với những lần khác—hoặc thậm chí nhiều hơn gấp bốn mươi chín lần. Không nên hiểu các con số này theo nghĩa đen, mà chúng chỉ được gợi ra bởi ám chỉ của DK đến các giống dân gốc và các giống dân nhánh.

525. We can wonder why, in mid-paragraph, DK switches from discussing a Planetary Logos to discussing a Heavenly Man? Are they considered here to be the same, as often then are?

525. Chúng ta có thể tự hỏi vì sao, giữa đoạn văn, DK chuyển từ việc bàn về một Hành Tinh Thượng Đế sang bàn về một Đấng Thiên Nhân? Ở đây các ngài có được xem là một, như thường vẫn vậy chăng?

526. Probably as the later stages of evolution are reached, the personality incarnations become of increasing moment, and sum or synthesize the results of many earlier incarnations.

526. Có lẽ khi các giai đoạn muộn hơn của tiến hoá được đạt đến, các lần phàm ngã lâm phàm trở nên ngày càng trọng yếu hơn, và tổng kết hay tổng hợp các kết quả của nhiều lần lâm phàm trước đó.

527. It may well be possible that the work of one personality incarnation may synthesize the results of seven lesser personality incarnations. From this perspective, a series of four momentous personality incarnations, could sum or synthesize the results of twenty-eight lesser personality incarnations.

527. Rất có thể công việc của một lần phàm ngã lâm phàm có thể tổng hợp các kết quả của bảy lần phàm ngã lâm phàm nhỏ hơn. Từ góc nhìn này, một chuỗi bốn lần phàm ngã lâm phàm trọng đại có thể tổng kết hay tổng hợp các kết quả của hai mươi tám lần phàm ngã lâm phàm nhỏ hơn.

528. There is a definite synthesizing effect as the later stages of personality development are reached.

528. Có một hiệu quả tổng hợp rõ rệt khi các giai đoạn muộn hơn của sự phát triển phàm ngã được đạt đến.

As yet, owing to the small point of development of the average man, the **astral incarnations or cycles** count for little, but they are by no means to be discounted, and are oft relatively of more importance than the physical.

Hiện nay, do điểm tiến hoá còn thấp của con người trung bình, các **lần lâm phàm hay các chu kỳ cảm dục** ít được tính đến, nhưng tuyệt nhiên không nên xem nhẹ chúng, và chúng thường tương đối quan trọng hơn cả hồng trần.

529. What do we man by "astral incarnations or cycles"?

529. Chúng ta muốn nói gì bởi "các lần lâm phàm hay các chu kỳ cảm dục"?

a. Do we mean the duration of life upon the astral plane following the death of the physical body?

a. Có phải chúng ta muốn nói đến thời gian sống trên cõi cảm dục sau cái chết của thể xác không?

b. Do we mean the amount of time spent upon the astral plane *during* a physical incarnation?

b. Có phải chúng ta muốn nói đến khoảng thời gian trải qua trên cõi cảm dục *trong* một lần lâm phàm hồng trần không?

c. Do we mean a type of incarnation or cycle in which the Ego moves towards objectivity but stops short of producing an expression upon the physical plane?

c. Có phải chúng ta muốn nói đến một loại lâm phàm hay chu kỳ trong đó Chân ngã tiến về phía khách quan tính nhưng dừng lại trước khi tạo ra một biểu hiện trên cõi hồng trần?

530. The suggestion is that if the average man were more highly developed, these astral incarnations or cycles would count for more.

530. Gợi ý ở đây là nếu con người trung bình phát triển cao hơn, thì các lần lâm phàm hay các chu kỳ cảm dục này sẽ được tính đến nhiều hơn.

531. There seems no easy way, at present, to determine which of the three options given above DK may mean by "astral incarnations of cycles".

531. Hiện nay dường như không có cách dễ dàng nào để xác định trong ba khả năng nêu trên, DK có thể muốn nói gì bởi "các lần lâm phàm hay các chu kỳ cảm dục".

532. The term "cycles" could easily relate to the astral, post-mortem state. But the term "incarnation" is not so easy to use in this manner.

532. Thuật ngữ "chu kỳ" có thể dễ dàng liên hệ với trạng thái cảm dục sau khi chết. Nhưng thuật ngữ "lâm phàm" thì không dễ dùng theo cách này.

In due course of time the astral cycles will be better comprehended and their relation to the physical.

Đến đúng thời điểm, các chu kỳ cảm dục sẽ được thấu hiểu rõ hơn và mối liên hệ của chúng với cõi hồng trần cũng vậy.

533. There may, indeed, be periods during the long development of the human being when the soul does not "put-down" a physical expression.

533. Quả thật có thể có những giai đoạn trong quá trình phát triển lâu dài của con người khi linh hồn không "đặt xuống" một biểu hiện hồng trần.

534. The whole presentation here is somewhat enigmatic.

534. Toàn bộ cách trình bày ở đây có phần bí ẩn.

535. We may also be inclined to wonder whether the personality cycles of four and seven are, all of them, *physical*? Some could be astral and some physical?

535. Chúng ta cũng có thể nghiêng về việc tự hỏi liệu các chu kỳ phàm ngã của bốn và bảy có phải tất cả đều là *hồng trần* hay không? Một số có thể là cảm dục và một số là hồng trần chăng?

536. DK is introducing a subject which will need much future elucidation, but which seems to hold many hints for the development of man.

536. DK đang giới thiệu một chủ đề sẽ cần được làm sáng tỏ nhiều trong tương lai, nhưng dường như chứa đựng nhiều gợi ý cho sự phát triển của con người.

When it is realised that the physical body is not a principle but that **the kama-manasic principle (or desire-mind principle) is one of the most vital to man then the period or cycle in which a man functions on the fifth subplane of the astral (the fundamentally kama-manasic plane) will assume its rightful place.**

Khi người ta chứng nghiệm rằng thể xác không phải là một nguyên khí mà rằng **nguyên khí trí-cảm (hay nguyên khí dục-trí) là một trong những nguyên khí thiết yếu nhất đối với con người thì giai đoạn hay chu kỳ trong đó một người hoạt động trên cõi phụ thứ năm của cõi cảm dục (cõi căn bản là trí-cảm) sẽ đảm nhận vị trí chính đáng của nó.**

537. The two lower sub-planes of the astral plane are not, we are told, areas of human functioning. They are, as it were, "off limits" as are the two lowest sub-planes of the etheric-physical plane (which are 'lower' than man's objective nature).

537. Chúng ta được cho biết rằng hai cõi phụ thấp nhất của cõi cảm dục không phải là những khu vực hoạt động của con người. Có thể nói, chúng "ngoài giới hạn", cũng như hai cõi phụ thấp nhất của cõi dĩ thái-hồng trần (vốn "thấp" hơn bản chất khách quan của con người).

538. One would wonder however, if in the very earliest days of human development they might not be, somehow, involved.

538. Tuy nhiên, người ta sẽ tự hỏi liệu trong những ngày đầu tiên nhất của sự phát triển nhân loại, bằng cách nào đó chúng có thể không dự phần hay sao.

539. To what degree, actually, can kama be mixed with manas for early man—a creature possessed of very small development?

539. Thực ra, ở con người sơ khai—một tạo vật có rất ít phát triển—kama có thể hòa trộn với manas đến mức nào?

540. In any case, modern average man is well acquainted with this fifth sub-plane of the astral, and it is very important to him.

540. Dù sao đi nữa, con người trung bình hiện đại rất quen thuộc với cõi phụ thứ năm này của cõi cảm dục, và nó rất quan trọng đối với y.

541. DK is speaking of a period or cycle in which man is functioning on the fifth sub-plane of the astral:

541. DK đang nói về một giai đoạn hay chu kỳ trong đó con người đang hoạt động trên cõi phụ thứ năm của cõi cảm dục:

a. Again, this could be during those lives when this sub-plane was focal (and so occur *during* physical incarnations). This would be another way of saying that what the man was doing astrally (during a given incarnation) was of greater importance than what he was doing physically during that same incarnation.

a. Một lần nữa, điều này có thể là trong những kiếp sống khi cõi phụ này là tiêu điểm (và như vậy xảy ra *trong* các lần lâm phàm hồng trần). Đây sẽ là một cách khác để nói rằng điều con người làm trên cõi cảm dục (trong một lần lâm phàm nhất định) quan trọng hơn điều y làm trên cõi hồng trần trong chính lần lâm phàm ấy.

b. Or, DK could be comparing the period following physical death to the importance of the preceding physical life, telling us that the subsequent astral experience was of greater moment that the physical experience.

b. Hoặc, DK có thể đang so sánh giai đoạn sau cái chết hồng trần với tầm quan trọng của đời sống hồng trần trước đó, nói với chúng ta rằng kinh nghiệm cảm dục tiếp theo có ý nghĩa trọng đại hơn kinh nghiệm hồng trần.

542. DK's use of the word "vital" in relation to the kama-manasic plane is most interesting, as there are long stages in human development when man is *animated* from the astral plane.

542. Việc DK dùng từ "thiết yếu" liên hệ với cõi trí-cảm là rất thú vị, vì có những giai đoạn dài trong sự phát triển nhân loại khi con người được *tiếp sinh lực* từ cõi cảm dục.

It is so again with the mental cycles and so with the causal.

Điều này cũng đúng như vậy với các chu kỳ trí tuệ và cũng vậy với các chu kỳ nguyên nhân.

543. This sentence inclines us to believe that DK not so much speaking of mental incarnations or causal incarnations, as of the period of time spent 'on' those planes either *during* or *after* a particular physical incarnation.

543. Câu này khiến chúng ta nghiêng về tin rằng DK không hẳn đang nói về các lần lâm phàm trí tuệ hay các lần lâm phàm nguyên nhân, mà là về khoảng thời gian trải qua "trên" các cõi ấy hoặc *trong* hoặc *sau* một lần lâm phàm hồng trần nhất định.

544. Following physical death, time is spent on the mental plane, and between incarnations, consciousness is focussed in the causal body. Such durations can be considered cycles.

544. Sau cái chết hồng trần, thời gian được trải qua trên cõi trí, và giữa các lần lâm phàm, tâm thức được tập trung trong thể nguyên nhân. Những khoảng thời gian như thế có thể được xem là các chu kỳ.

545. While such 'cycles' may all be part of the same incarnation, the time spent in the subjective worlds can be considered as independent cycles and, perhaps, almost as *incarnations* in their own right.

545. Dù các "chu kỳ" như thế đều có thể là những phần của cùng một lần lâm phàm, thời gian trải qua trong các thế giới chủ quan có thể được xem là những chu kỳ độc lập và, có lẽ, gần như là những *lần lâm phàm* theo đúng nghĩa riêng của chúng.

546. Strictly speaking, the causal cycles should not be considered part of the personality cycles.

546. Nói một cách nghiêm ngặt, các chu kỳ nguyên nhân không nên được xem là một phần của các chu kỳ phàm ngã.

The causal cycles or the egoic cycles, **which include all the groups of lesser** [Page 304] **cycles in the three worlds** correspond to a complete round in the cycles of a Heavenly Man. **There are seven such cycles,** but the number of lesser cycles (included within the seven) is one of the secrets of Initiation.

Các chu kỳ nguyên nhân hay các chu kỳ chân ngã, **bao gồm tất cả các nhóm chu kỳ** [Page 304]**nhỏ hơn trong ba cõi giới** tương ứng với một cuộc tuần hoàn trọn vẹn trong các chu kỳ của một Đấng Thiên Nhân. **Có bảy chu kỳ như thế,** nhưng số lượng các chu kỳ nhỏ hơn (được bao gồm trong bảy chu kỳ ấy) là một trong những bí mật của điểm đạo.

547. Here we have some very important information.

548. Usually, when considering the time-based analogies between the Solar Logos, Planetary Logos and human being, we are confronted with three periods, but really, there are four:

a. The duration of the entire life cycle of the Solar Logos, Planetary Logos or man.

b. The duration within such a life cycle that corresponds to a planetary scheme (for a Solar Logos), a chain (for a Planetary Logos) and an egoic cycle (for a man).

c. There is also the period which corresponds to a chain (for a Solar Logos), a globe (for a Planetary Logos) and a personality cycle (for a man).

d. But the factor of a *round* must be introduced. A round is a manner of dividing these various periods. A round has relevance to both a chain and to a globe.

e. For a man, the analogy to a round has both egoic and personality significance.

f. A chain round is equivalent to seven "globe periods". So, in a sense, a round presents us with a larger time-frame than a globe.

547. Ở đây chúng ta có một số thông tin rất quan trọng.

548. Thông thường, khi xét các phép tương đồng dựa trên thời gian giữa Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế và con người, chúng ta đối diện với ba giai đoạn, nhưng thật ra có bốn:

a. Thời lượng của toàn bộ chu kỳ sống của Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế hay con người.

b. Thời lượng bên trong một chu kỳ sống như thế tương ứng với một hệ hành tinh (đối với một Thái dương Thượng đế), một Dãy (đối với một Hành Tinh Thượng Đế) và một chu kỳ chân ngã (đối với con người).

c. Cũng có giai đoạn tương ứng với một Dãy (đối với một Thái dương Thượng đế), một bầu hành tinh (đối với một Hành Tinh Thượng Đế) và một chu kỳ phàm ngã (đối với con người).

d. Nhưng phải đưa vào yếu tố của một *cuộc tuần hoàn*. Một cuộc tuần hoàn là một cách phân chia các giai đoạn khác nhau này. Một cuộc tuần hoàn có liên hệ với cả một Dãy lẫn một bầu hành tinh.

e. Đối với con người, phép tương đồng với một cuộc tuần hoàn có cả ý nghĩa chân ngã lẫn phàm ngã.

f. Một cuộc tuần hoàn của Dãy tương đương với bảy "giai đoạn bầu hành tinh". Vì vậy, theo một nghĩa nào đó, một cuộc tuần hoàn cho chúng ta một khung thời gian lớn hơn một bầu hành tinh.

549. Let's see if we can decipher what DK seems to be saying above:

549. Hãy xem liệu chúng ta có thể giải mã điều DK dường như đang nói ở trên hay không:

a. He seems to be telling us that the causal or egoic cycles *include* the personality cycles of fours and sevens, for such cycles are the cycles which are both "lesser" and which relate to the "three worlds".

a. Ngài dường như đang nói với chúng ta rằng các chu kỳ nguyên nhân hay chân ngã *bao gồm* các chu kỳ phàm ngã của bốn và bảy, vì các chu kỳ như thế là những chu kỳ vừa "nhỏ hơn" vừa liên hệ đến "ba cõi giới".

b. A causal cycle corresponds to a "complete round in the cycles of a Heavenly Man". To what *kind* of round? A chain round? Or a scheme round?

b. Một chu kỳ nguyên nhân tương ứng với "một cuộc tuần hoàn trọn vẹn trong các chu kỳ của một Đấng Thiên Nhân". Đó là loại cuộc tuần hoàn nào? Một cuộc tuần hoàn của Dãy? Hay một cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh?

c. If there are seven such rounds, or seven such egoic cycles, then we are probably talking about *scheme* rounds, for given that there are minimally seven chains in a planetary scheme, and seven rounds for each chain, then, altogether there would be forty-nine such chain rounds in the duration of a planetary scheme. But DK tells us that there are *seven* complete rounds or cycles in the cycles of a Heavenly Man.

c. Nếu có bảy cuộc tuần hoàn như thế, hay bảy chu kỳ chân ngã như thế, thì có lẽ chúng ta đang nói về các cuộc tuần hoàn của *hệ hành tinh*, vì nếu có tối thiểu bảy Dãy trong một hệ hành tinh, và bảy cuộc tuần hoàn cho mỗi Dãy, thì tổng cộng sẽ có bốn mươi chín cuộc tuần hoàn của Dãy như thế trong thời lượng của một hệ hành tinh. Nhưng DK nói với chúng ta rằng có *bảy* cuộc tuần hoàn hay chu kỳ trọn vẹn trong các chu kỳ của một Đấng Thiên Nhân.

550. Major hints concerning timing for all three types of entity are now being given, but they are hard to decipher. Could we decipher them, we would know a great deal more about the intended development of our solar system, and where we now stand in that development; about the intended development of our Planetary Logos and where we now stand in that development; and about the intended development of the human being and were we stand in that process.

550. Những gợi ý lớn liên quan đến thời điểm cho cả ba loại thực thể hiện đang được đưa ra, nhưng rất khó giải mã. Nếu chúng ta có thể giải mã chúng, chúng ta sẽ biết nhiều hơn rất nhiều về sự phát triển được dự định của hệ mặt trời chúng ta, và hiện nay chúng ta đang đứng ở đâu trong sự phát triển ấy; về sự phát triển được dự định của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và hiện nay chúng ta đang đứng ở đâu trong sự phát triển ấy; và về sự phát triển được dự định của con người và hiện nay chúng ta đang đứng ở đâu trong tiến trình ấy.

551. From what we read of the Tibetan immediately below, we realize that He *does* express these numbers in terms of their priorities.

551. Từ điều chúng ta đọc được của Chân sư Tây Tạng ngay bên dưới, chúng ta nhận ra rằng Ngài *quả thật* biểu đạt các con số này theo thứ bậc ưu tiên của chúng.

552. If egoic cycles proceed in groups of sevens and of threes, then the sevens are the major cycles and the threes the lesser. Similarly, for the personality, the fours are greater and the sevens the lesser.

552. Nếu các chu kỳ chân ngã tiến hành theo các nhóm bảy và ba, thì các bộ bảy là các chu kỳ lớn và các bộ ba là các chu kỳ nhỏ hơn. Tương tự, đối với phàm ngã, các bộ bốn là lớn hơn và các bộ bảy là nhỏ hơn.

553. In man, the Planetary Logos and the Solar Logos, there are seven major egoic cycles and "a number of lesser cycles (included within the seven).

553. Trong con người, Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế, có bảy chu kỳ chân ngã lớn và "một số chu kỳ nhỏ hơn (được bao gồm trong bảy chu kỳ ấy).

554. We have been told that the number of these lesser cycles is one of the "mysteries of initiation", but, may it be that DK has just given us a big hint, by telling us that egoic cycles proceed in groups of sevens and of threes. Could there be *three* sub-cycles, therefore, within every one of the greater seven.

554. Chúng ta đã được cho biết rằng số lượng các chu kỳ nhỏ hơn này là một trong những "huyền nhiệm của điểm đạo", nhưng liệu có thể DK vừa mới cho chúng ta một gợi ý lớn, khi nói rằng các chu kỳ chân ngã tiến hành theo các nhóm bảy và ba. Vậy có thể có *ba* chu kỳ phụ bên trong mỗi một trong bảy chu kỳ lớn hơn chăng.

555. We already may infer that in every scheme round there are seven chain rounds.

555. Chúng ta đã có thể suy ra rằng trong mỗi cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh có bảy cuộc tuần hoàn của Dãy.

556. May it be that chain rounds are proceeding simultaneously on all seven chains? And that the completion of one round in all seven chains is, itself, considered a scheme round?

556. Liệu có phải các cuộc tuần hoàn của Dãy đang tiến hành đồng thời trên cả bảy Dãy? Và việc hoàn tất một cuộc tuần hoàn trên cả bảy Dãy, tự nó, được xem là một cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh chăng?

557. This is a very important possibility. The old Theosophical teaching made all chain development entirely sequential—as if there could be no development on chain two before chain one was completely developed or very nearly so.

557. Đây là một khả năng rất quan trọng. Giáo huấn Thông Thiên Học cũ đã xem toàn bộ sự phát triển của các Dãy là hoàn toàn tuần tự—như thể không thể có sự phát triển nào trên dãy hai trước khi dãy một được phát triển hoàn toàn hoặc gần như vậy.

558. But if chains are chakras in the Planetary Logos, this would not make entire sense. In our own chakra system, there is simultaneous development in all the chakras, even though the lower chakras tend to develop (for the most part) first—except perhaps, for the full development of the base of the spine center.

558. Nhưng nếu các Dãy là các luân xa trong Hành Tinh Thượng Đế, thì điều này sẽ không hoàn toàn hợp lý. Trong hệ thống luân xa của chính chúng ta, có sự phát triển đồng thời trong tất cả các luân xa, dù các luân xa thấp có khuynh hướng phát triển trước tiên (phần lớn là như vậy)—ngoại trừ có lẽ sự phát triển đầy đủ của trung tâm đáy cột sống.

559. The whole matter is exceedingly intricate, and it is lot easier to understand that we know very little than to posit what we do know (or, rather, can infer).

559. Toàn bộ vấn đề này cực kỳ phức tạp, và dễ hiểu hơn nhiều khi thừa nhận rằng chúng ta biết rất ít thay vì khẳng định điều chúng ta biết (hay đúng hơn, có thể suy ra).

560. There may also be 'overlap dynamics', because even if rounds are moving on all chains of a Planetary Logos simultaneously, they may not move at the same speed. Then we would have to ask: "when would a scheme round (as hypothesized above) be completed?". Perhaps the next scheme round would have begun (at least on some chains) before the previous scheme round was completed.

560. Cũng có thể có những "động lực chồng lấn", bởi vì ngay cả nếu các cuộc tuần hoàn đang vận động đồng thời trên mọi Dãy của một Hành Tinh Thượng Đế, chúng có thể không vận động với cùng một tốc độ. Khi ấy chúng ta sẽ phải hỏi: "khi nào thì một cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh (như giả thuyết nêu trên) được hoàn tất?". Có lẽ cuộc tuần hoàn kế tiếp của hệ hành tinh đã bắt đầu (ít nhất trên một số Dãy) trước khi cuộc tuần hoàn trước đó của hệ hành tinh được hoàn tất.

561. It should be noted that there are other ways to consider a scheme round:

561. Cần lưu ý rằng còn có những cách khác để xét một cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh:

a. The completion of a series of seven chain-rounds in relation to one chain

a. Sự hoàn tất một chuỗi bảy cuộc tuần hoàn của Dãy liên hệ với một Dãy

b. The completion of seven chain-rounds in relation to *all seven chains.* If the life of the Solar Logos sweeps seven times around His entire solar system, then the life of the Planetary Logos must also sweep seven times around a planetary scheme. The chain-rounds on any chain will not account for the fullness of this sweep.

b. Sự hoàn tất bảy cuộc tuần hoàn của Dãy liên hệ với *cả bảy Dãy.* Nếu sự sống của Thái dương Thượng đế quét bảy lần quanh toàn bộ hệ mặt trời của Ngài, thì sự sống của Hành Tinh Thượng Đế cũng phải quét bảy lần quanh một hệ hành tinh. Các cuộc tuần hoàn của Dãy trên bất kỳ Dãy nào sẽ không giải thích được sự trọn vẹn của sự quét này.

562. What is said of a Planetary Logos could be said of a Solar Logos, for the Solar Logos would have the higher analogy to scheme rounds (considering His planetary schemes as if they were chains).

562. Điều được nói về một Hành Tinh Thượng Đế cũng có thể được nói về một Thái dương Thượng đế, vì Thái dương Thượng đế sẽ có phép tương đồng cao hơn với các cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh (xét các hệ hành tinh của Ngài như thể chúng là các Dãy).

563. In any case, if we suppose, hypothetically, that there are three sub-cycles *within* any greater egoic cycle of seven, the three could be divided in this wise:. The first three scheme rounds could be considered initial and material, relating most to the third ray; the second three scheme rounds could be considered in relation to consciousness and the second ray; the final scheme round could be considered synthetic and related to the first ray.

563. Dù sao đi nữa, nếu chúng ta giả định, theo giả thuyết, rằng có ba chu kỳ phụ *bên trong* bất kỳ chu kỳ chân ngã lớn nào trong bảy chu kỳ, thì ba chu kỳ ấy có thể được phân chia như sau:. Ba cuộc tuần hoàn đầu tiên của hệ hành tinh có thể được xem là khởi đầu và vật chất, liên hệ nhiều nhất với cung ba; ba cuộc tuần hoàn thứ hai của hệ hành tinh có thể được xem là liên hệ với tâm thức và cung hai; cuộc tuần hoàn cuối cùng của hệ hành tinh có thể được xem là tổng hợp và liên hệ với cung một.

564. The major seven and the lesser sevens (making forty-nine) would proceed, but the lesser sevens would be divided into three great groupings of 3, 3. and 1.

564. Bảy chu kỳ lớn và các bộ bảy nhỏ hơn (thành bốn mươi chín) sẽ tiến hành, nhưng các bộ bảy nhỏ hơn sẽ được chia thành ba nhóm lớn là 3, 3. và 1.

565. Within each of the subsidiary or lesser seven (making forty-nine in all) the cycles of fours and sevens (correlated to the personality) would be occurring. The greater cycles would include the lesser.

565. Bên trong mỗi bộ bảy phụ hay nhỏ hơn (thành bốn mươi chín tất cả), các chu kỳ bốn và bảy (tương quan với phàm ngã) sẽ diễn ra. Các chu kỳ lớn hơn sẽ bao gồm các chu kỳ nhỏ hơn.

566. Carrying the analogy further, the monadic cycles would include the egoic and the egoic the personality cycles.

566. Tiếp tục phép tương đồng xa hơn, các chu kỳ chân thần sẽ bao gồm các chu kỳ chân ngã, và các chu kỳ chân ngã sẽ bao gồm các chu kỳ phàm ngã.

567. Looking at the Planetary Logos, each scheme round would be as a major egoic cycle. Each scheme round would have seven chain rounds (according to this hypothesis—one chain round occurring more or less simultaneously on each of the seven chains). BUT, the chain rounds can be divided into

567. Xét Hành Tinh Thượng Đế, mỗi cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh sẽ như một chu kỳ chân ngã lớn. Mỗi cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh sẽ có bảy cuộc tuần hoàn của Dãy (theo giả thuyết này—mỗi cuộc tuần hoàn của Dãy xảy ra ít nhiều đồng thời trên mỗi một trong bảy Dãy). NHƯNG, các cuộc tuần

seven world periods (one for each globe) and the seven world periods into seven root races. So we have a 7—sub 7—sub-sub 7. And within the root races, the personality cycles of fours and sevens would proceed.

hoàn của Dãy có thể được chia thành bảy giai đoạn thế giới (mỗi giai đoạn cho một bầu hành tinh) và bảy giai đoạn thế giới thành bảy giống dân gốc. Như vậy chúng ta có một 7—phụ 7—phụ-phụ 7. Và bên trong các giống dân gốc, các chu kỳ phàm ngã của bốn và bảy sẽ tiến hành.

568. Somehow, in all this, we have to group the lesser sevens in such a way that the *threes* (which are sub-cycles of the egoic cycles) emerge.

568. Bằng cách nào đó, trong tất cả điều này, chúng ta phải nhóm các bộ bảy nhỏ hơn theo cách sao cho các *bộ ba* (là các chu kỳ phụ của các chu kỳ chân ngã) xuất hiện.

569. Just as it is possible to divide any plane in the following manner:

569. Cũng như có thể phân chia bất kỳ cõi nào theo cách sau đây:

a. 3—3—1. (thus three divisions are created)

a. 3—3—1. (như vậy tạo ra ba phân khu)

b. 3—1—3. (thus three divisions are created)

b. 3—1—3. (như vậy tạo ra ba phân khu)

so we can find ways to group the sub-sevens and the sub-sub-sevens so that *threefoldness* emerges.

thì chúng ta cũng có thể tìm ra những cách nhóm các bộ bảy phụ và các bộ bảy phụ-phụ sao cho tính *tam phân* xuất hiện.

The egoic cycles proceed in groups of sevens and of threes, and **not in groups of fours and sevens as do the personality cycles,** and the same ratio must be predicated of the central cycles of a Heavenly Man and of a solar Logos.

Các chu kỳ chân ngã tiến hành theo các nhóm bảy và ba, và **không theo các nhóm bốn và bảy như các chu kỳ phàm ngã,** và cùng một tỉ lệ ấy phải được khẳng định cho các chu kỳ trung tâm của một Đấng Thiên Nhân và của một Thái dương Thượng đế.

570. VSK suggests: "These numbers, *three* and *seven*, are relevant to Saturn, but also of the soul as a *three* within the septenary; as opposed to the personality as the *four* of form within the septenary".

570. VSK gợi ý: "Các con số này, *ba* và *bảy*, có liên hệ với Sao Thổ, nhưng cũng liên hệ với linh hồn như một *bộ ba* bên trong bộ bảy; đối lập với phàm ngã như là *bốn* của hình tướng bên trong bộ bảy".

571. VSK says further: "Similarly, in relation to the centres, this is the throat (the *three*) and base (the *seven*)".

571. Bà còn nói thêm: "Tương tự, liên hệ với các trung tâm, đây là cổ họng (là *ba*) và đáy cột sống (là *bảy*)".

572. She continues: "This is another reinforcement of the definition of the threefold flame as simply the soul and the four wicks as the personality".

572. Bà tiếp tục: "Đây là một sự củng cố khác cho định nghĩa ngọn lửa tam phân đơn giản là linh hồn và bốn tim đèn là phàm ngã".

573. If we were to look at the development of the Planetary Logos and the Solar Logos in terms of egoic cycles of sevens and threes, and personality cycles of fours and sevens, we would have a way of dividing the planetary and solar systemic process into its most significant divisions. We would know much about the durations of schemes and chains, and perhaps also of globes.

573. Nếu chúng ta xem sự phát triển của Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế theo các chu kỳ chân ngã của bảy và ba, và các chu kỳ phàm ngã của bốn và bảy, thì chúng ta sẽ có một cách phân chia tiến trình hành tinh và thái dương hệ thành những phân khu có ý nghĩa nhất của nó. Chúng ta sẽ biết nhiều về thời lượng của các hệ hành tinh và các Dãy, và có lẽ cả các bầu hành tinh nữa.

574. What in man are the analogies to rootraces and branch races, for instance? Is a root race in a globe period when taken in relation to a Planetary Logos as one of the seven stages in the life of man (Shakespeare)? Is a globe period as one personality incarnation? Is a complete chain round as seven human incarnations? A large map based upon analogical considerations must be created.

574. Chẳng hạn, trong con người, những gì là các phép tương đồng với các giống dân gốc và các giống dân nhánh? Một giống dân gốc trong một giai đoạn bầu hành tinh, khi được xét trong liên hệ với một Hành Tinh Thượng Đế, có phải là một trong bảy giai đoạn trong đời sống con người (Shakespeare) không? Một giai đoạn bầu hành tinh có phải là một lần phàm ngã lâm phàm không? Một cuộc tuần hoàn trọn vẹn của Dãy có phải là bảy lần lâm phàm của con người không? Phải tạo ra một bản đồ lớn dựa trên các cân nhắc tương đồng.

575. It would require a volume to unfold such a discussion, even if we really knew what we were doing and were not reduced to reasoned speculation.

575. Sẽ cần đến cả một quyển sách để khai mở một cuộc thảo luận như thế, ngay cả nếu chúng ta thật sự biết mình đang làm gì và không bị giới hạn vào sự suy đoán có lý lẽ.

576. This is an example of how just a few words can unveil an entire and comprehensive unit of work to be unfolded in the future.

576. Đây là một ví dụ cho thấy chỉ vài lời cũng có thể vén mở cả một đơn vị công việc toàn diện và bao quát sẽ được khai mở trong tương lai.

577. It must *never* be said that the 'old' Teaching does not contain the *future.*

577. *Không bao giờ* được nói rằng Giáo huấn 'cũ' không chứa đựng *tương lai.*

The monadic cycles proceed in groups of ones and of threes as do the basic cycles of those great Entities of which man is the microcosmic reflection.

Các chu kỳ chân thần tiến hành theo các nhóm một và ba cũng như các chu kỳ căn bản của những Thực Thể vĩ đại mà con người là phản ánh tiểu thiên địa của các Ngài.

578. The planetary logoic Monad and the solar logoic Monad also develop (monadically) in major cycles of ones and minor cycles of threes.

578. Chân thần logoi hành tinh và chân thần logoi thái dương cũng phát triển (về mặt chân thần) trong các chu kỳ lớn của một và các chu kỳ nhỏ của ba.

579. Here is a tabulation which may contribute to clarification: I will not fill it out entirely, because I cannot, but will offer suggestions concerning how it might be filled out. Naturally, what I say is mostly, highly speculative.

579. Đây là một bảng liệt kê có thể góp phần làm sáng tỏ: tôi sẽ không điền đầy đủ toàn bộ, vì tôi không thể, nhưng sẽ đưa ra những gợi ý về cách nó có thể được điền vào. Dĩ nhiên, điều tôi nói phần lớn là có tính suy đoán rất cao.

580. When considering these divisions, one must also consider the map on TCF, 293.

580. Khi xem xét các phân chia này, người ta cũng phải xem xét sơ đồ ở TCF, 293.

TABULATION II
EVOLUTION IN THE UNIVERSE

Entity	*Vehicle*	*Centre*	*Space*	*Time*
The Unknown	7 constellations.	cosmic Logos	5 cosmic planes.	
A cosmic Logos	7 solar systems	solar Logos	4 cosmic planes.	
A solar Logos	7 planetary schemes	Heavenly Man	3 cosmic planes	Period of three solar systems.
A Heavenly Man	7 planetary chains	Chohans and groups	2 cosmic planes	Period of one solar system.
A Man	7 etheric centres	a Principle	1 cosmic plane	Period of one planetary scheme.

Entity

	Monadic major cycles	Monadic minor cycles	Egoic major cycles	Egoic minor cycles	Personality major cycles	Personality minor cycles
	In groups of ones	In groups of threes	In groups of sevens	In groups of threes	In groups of fours	In groups of sevens
Solar Logos	A total period of three solar systems or three occult centuries.	Each of the three monadic divisions is an occult century of one hundred years of Brahma.	Seven major *systemic rounds* involving the seven major planetary schemes are if they were, systemically, chains.	Dividing each of the seven major systemic rounds into a R3, R2. and R1. portion (e.g.)	Solar logoic focus through the chains found in planetary schemes	Solar logoic focus through chain-rounds as found occurring in planetary schemes.
Planetary Logos	The duration of one solar system, or one occult century. (We do not know if the Logoi of our present solar system incarnated in the previous major solar system. In some cases we may suspect so.)	A division of (approximately) one occult century into three parts, probably according to the format: 3—3—1.	Seven scheme rounds; it would be like dividing an (approximate) occult century into seven parts.	The division of seven scheme rounds into forty-nine subsidiary chain rounds, and these forty-nine divided into three major groupings—again representing the first, second and third rays. The division could be 21—21—7.	Planetary logoic focus through seven chains, and through forty-nine globe periods aggregated according to four factors: involution, balancing, synthesis and obscuration	Expression of the Planetary Logos through seven globe-periods, and through those septenates representing root races and branch races.
Man	One major monadic cycle; the duration of the going forth and return of	The division of the one major monadic cycle into three divisions,	The egoic cycle corresponds to progress through seven root races. The	Division of sub-races within each root race according to a	Personality Incarnations within each subrace and branch race.	Groups of seven personality incarnations within branch-

the Divine Pilgrim. The duration of one planetary scheme (which could be an entire Century of Brahma or a much shorter period, like seven years of Brahma or even a Year of Brahma (depending on how we measure solar-systemic 'years')	corresponding to monadic involution and differentiation; monadic cultivation of consciousness and self-consciousness by rising through form; monadic self-consciousness or individualization—the becoming of man. The time period may correspond to one chain round; the in-metallization, in-vegetalization and in-zoonation of the human Monad did not necessarily all occur on this globe of our chain, but on earlier globes.	period corresponds to one globe period—i.e., the progress of a single chain round through one globe.	threefold structure numbered perhaps as: 3—1—3. A sevenfold division within each subrace (i.e., branch races) would also be included here.	races, collected into groups of four with respect to the sub-races within which the branch races are found.

581. A careful reading of what is suggested will reveal just how much is missing.

581. Việc đọc cẩn thận những gì được gợi ý sẽ cho thấy rõ còn thiếu bao nhiêu điều.

582. There is an attempt to correlate:

582. Có một nỗ lực nhằm tương quan:

a. Greater and lesser time periods in relation to three types of Entities

a. Các giai đoạn thời gian lớn hơn và nhỏ hơn liên hệ với ba loại Thực Thể

b. Monadic, egoic and personal cycles and sub-cycles

583. We begin with the time frames suggested on the chart on TCF, 293, and reprinted above.

584. Focusing on man alone we have:

a. The duration of the life cycle of the Monad, corresponding to the number *one.*

b. The three major stages of 1) monadic immersion in form, 2) re-emergence via growing consciousness, and 3) liberation through individualization. The phase of liberation really begins at individualization and continues until man is again identified *as* Monad.

c. The seven egoic cycles (considering the Ego as essentially the spiritual triad, which is present before the Ego is created) concern participation in seven root races. Two and a half root races precede individualization (and can only be triadally impulsed), two and a half lead (for many) to Mastership, and two are lived *as* the Monad.

d. There are seven root races in all, but the threefold division of the seven major soul cycles (each correlated to a root race) are to be understood in relation to the threefold numbering: 2.5—2.5—2.

e. The personality cycles begin once individualization has occurred. Following individualization, there are four phases through which to pass: 1) involution; 2)

b. Các chu kỳ và chu kỳ phụ chân thần, chân ngã và cá nhân

583. Chúng ta bắt đầu với các khung thời gian được gợi ra trên biểu đồ ở TCF, 293, và được in lại ở trên.

584. Chỉ tập trung vào con người, chúng ta có:

a. Thời lượng của chu kỳ sống của chân thần, tương ứng với con số *một.*

b. Ba giai đoạn lớn của 1) sự chìm đắm của chân thần trong hình tướng, 2) sự tái xuất hiện qua tâm thức ngày càng tăng trưởng, và 3) sự giải thoát qua biệt ngã hóa. Giai đoạn giải thoát thật ra bắt đầu từ biệt ngã hóa và tiếp tục cho đến khi con người lại được đồng hoá *như* chân thần.

c. Bảy chu kỳ chân ngã (xét Chân ngã như về bản chất là Tam nguyên tinh thần, vốn hiện hữu trước khi Chân ngã được tạo ra) liên quan đến sự tham dự vào bảy giống dân gốc. Hai giống dân gốc rưỡi đi trước sự biệt ngã hóa (và chỉ có thể được thúc đẩy theo tam nguyên), hai giống dân gốc rưỡi dẫn đến Chân sư quả vị (đối với nhiều người), và hai giống dân gốc được sống *như* chân thần.

d. Tổng cộng có bảy giống dân gốc, nhưng sự phân chia tam phân của bảy chu kỳ linh hồn chính (mỗi chu kỳ tương ứng với một giống dân gốc) cần được hiểu trong liên hệ với cách đánh số tam phân: 2.5—2.5—2.

e. Các chu kỳ phàm ngã bắt đầu một khi sự biệt ngã hóa đã xảy ra. Sau sự biệt ngã hóa, có bốn giai đoạn phải đi qua: 1) giáng hạ tiến hoá; 2) quân bình; 3) tinh thần hóa; 4) che mờ.

balancing; 3) spiritualization; 4) obscuration.

f. Note, this is a way of looking at the major personal four in a larger context.

g. Within these major four, cycles of seven personality lives continue to repeat. If we seek to find the four in the life cycle of the race of man, we can think of it this way:

i. Differentiation/Involution: half the Lemurian root race and the Atlantean root race.

ii. Balance/Adjustment: the Aryan root race.

iii. Synthesis/Spiritualization: the sixth root race.

iv. Obscuration/Liberation; the seventh root race.

h. Naturally, there will be overlaps in the process.

i. There are many holes in this picture of the cycles of the development of man, but enough may have been hinted to allow a constructive piecing-together of the puzzle.

If the general concept here laid down is studied in relation to the schemes, and other forms of manifestation to each other and, **if the microcosm himself is studied as the clue to the whole, some idea will begin to permeate the mind as to the purpose underlying all these manifestations.**

f. Lưu ý, đây là một cách nhìn bộ bốn phàm ngã chính trong một bối cảnh lớn hơn.

g. Trong bộ bốn chính này, các chu kỳ của bảy kiếp sống phàm ngã tiếp tục lặp lại. Nếu chúng ta tìm cách nhận ra bộ bốn trong chu kỳ sống của nhân loại, chúng ta có thể nghĩ theo cách này:

i. Biến phân/Giáng hạ tiến hoá: nửa giống dân gốc Lemuria và giống dân gốc Atlantis.

ii. Quân bình/Điều chỉnh: giống dân gốc Arya.

iii. Tổng hợp/Tinh thần hóa: giống dân gốc thứ sáu.

iv. Che mờ/Giải thoát; giống dân gốc thứ bảy.

h. Một cách tự nhiên, sẽ có những chồng lấn trong tiến trình.

i. Có nhiều chỗ khuyết trong bức tranh này về các chu kỳ phát triển của con người, nhưng cũng đã gợi ra đủ để cho phép ghép nối một cách xây dựng bức tranh đố này.

Nếu khái niệm tổng quát được nêu ra ở đây được nghiên cứu trong liên hệ với các hệ hành tinh, và các hình thức biểu hiện khác trong tương quan với nhau và, **nếu chính tiểu thiên địa được nghiên cứu như đầu mối cho toàn thể, một ý niệm nào đó sẽ bắt đầu thấm nhuần thể trí về mục đích nằm bên dưới mọi biểu hiện này.**

585. At first it would seem that we were simply studying cycles and sub-cycles. In fact, a study of these time periods and the types of forms through which manifestation occurs during these time periods, may well reveal something of the *purpose* underlying the entire manifestation—whether of a Solar Logos, a Planetary Logos or a man.

585. Lúc đầu dường như chúng ta chỉ đơn giản nghiên cứu các chu kỳ và các chu kỳ phụ. Thực ra, việc nghiên cứu các thời kỳ này và các loại hình tướng mà qua đó sự biểu hiện xảy ra trong các thời kỳ ấy rất có thể sẽ tiết lộ đôi điều về *mục đích* nằm bên dưới toàn bộ sự biểu hiện—dù là của một Thái dương Thượng đế, một Hành Tinh Thượng Đế hay một con người.

586. The life cycles and developmental processes of other intermediate entities may also be somewhat clarified.

586. Các chu kỳ sống và các tiến trình phát triển của những thực thể trung gian khác cũng có thể được làm sáng tỏ phần nào.

587. Speculative thought and intuitive inference are required.

587. Cần đến tư duy suy đoán và suy luận trực giác.

It should be borne also in mind that just as the **average man in each incarnation** achieves three objects:

Cũng nên ghi nhớ rằng cũng như **con người trung bình trong mỗi lần lâm phàm** đạt được ba mục tiêu:

588. Analogizing continues.

588. Sự loại suy tiếp tục.

1. The development of consciousness or the awakening of the faculty of awareness,

1. Sự phát triển của tâm thức hay sự thức tỉnh năng lực nhận biết,

589. This first phase is personal and relates to the awakening of consciousness and faculty.

589. Giai đoạn thứ nhất này mang tính cá nhân và liên hệ đến sự thức tỉnh của tâm thức và năng lực.

2. The achievement of a certain proportion of permanent faculty, or the definite increase of the content of the causal body,

2. Sự đạt được một tỉ lệ nhất định của năng lực trường tồn, hay sự gia tăng rõ rệt nội dung của thể nguyên nhân,

590. This second phrase relates to the cultivation of the second aspect and to the 'storage of value'.

590. Cụm thứ hai này liên hệ đến việc vun bồi phương diện thứ hai và đến "sự tích trữ giá trị".

3. The making of karma, or the setting in motion (by action), of causes which necessitate certain unavoidable effects,

3. Việc tạo nghiệp quả, hay khởi động (bằng hành động) những nguyên nhân khiến các kết quả tất yếu nào đó không thể tránh khỏi,

591. This third phase relates mostly to the third aspect, to fire by friction and to all that holds a man prisoner in the three worlds.

591. Giai đoạn thứ ba này chủ yếu liên hệ đến phương diện thứ ba, đến Lửa ma sát và đến mọi điều giam hãm con người trong ba cõi thấp.

so a Heavenly Man at **one stage** of His evolution does the same.

thì một Đấng Thiên Nhân ở **một giai đoạn** trong tiến hoá của Ngài cũng làm như vậy.

592. What is the "one stage" of a Heavenly Man's evolution? Is it the phase which corresponds to the development of the average man?

592. "Một giai đoạn" trong tiến hoá của một Đấng Thiên Nhân là gì? Có phải đó là giai đoạn tương ứng với sự phát triển của con người trung bình không?

593. A Heavenly Man, like a human being, awakens to greater awareness, stores permanent faculty, and sets certain causes in motion which will have unavoidable effects.

593. Một Đấng Thiên Nhân, cũng như một con người, thức tỉnh đến sự nhận biết lớn lao hơn, tích trữ năng lực trường tồn, và khởi động những nguyên nhân nhất định sẽ có các kết quả không thể tránh khỏi.

594. This will also be the case for the Solar Logos.

594. Điều này cũng sẽ đúng đối với Thái dương Thượng đế.

As man progresses and as he enters upon the Probationary Path and the subsequent Path of Initiation, he succeeds in bringing about some further noticeable developments.

Khi con người tiến bộ và khi y bước vào Con Đường Dự Bị và tiếp đó là Con Đường Điểm Đạo, y thành công trong việc tạo ra một số phát triển thêm đáng chú ý.

595. We are speaking here of developments beyond the three just listed. The three effects above pertained to the "average man". Other developments will pertain to the man on the Probationary Path and the Path of Initiation.

595. Ở đây chúng ta đang nói đến những phát triển vượt quá ba điều vừa liệt kê. Ba kết quả trên thuộc về "con người trung bình". Những phát triển khác sẽ thuộc về con người trên Con Đường Dự Bị và Con Đường Điểm Đạo.

1. As before, his consciousness expands, but **he begins to work intelligently from above and does not work blindly on the lower planes.**

1. Như trước, tâm thức của y mở rộng, nhưng **y bắt đầu hoạt động một cách thông minh từ bên trên và không hoạt động mù quáng trên các cõi thấp.**

596. Man achieves some degree of '*super*-vision'.

596. Con người đạt được một mức độ nào đó của '*siêu*-thị'.

2. The building of the causal body is carried to full completion, and he begins next to shatter what he earlier wrought, and to destroy the so carefully constructed, finding it too to be a limitation.

597. The acquisition of faculty and its storage is no longer an unconscious or quasi-conscious process; it is accomplished with deliberation and carried to completion.

598. That which is built is also destroyed—deliberately.

3. He ceases to make karma in the three worlds, but begins to work it off, or, literally, to "wind up his affairs."

599. The causes of re-engagement with the lower worlds are negated; imprisoning karma is no longer produced; the advancing human being is no longer magnetized by the eighteen lower sub-planes.

So do the Heavenly Men, for They likewise have a cosmic path to tread, analogous to that trodden by man, as he nears the goal of his endeavor.

600. DK continues the analogy, telling us that Heavenly Men also acquire a kind of 'super-vision', also deliberately complete the causal body and then work at its destruction, and also no longer generate causes which will hold them in the eighteen lower *cosmic* sub-planes.

601. There is a mystery concerning the placement of the causal body of the Solar

[Page 305]

2. Việc xây dựng thể nguyên nhân được đưa đến chỗ hoàn tất trọn vẹn, và tiếp theo y bắt đầu phá vỡ điều mà trước đó y đã tạo dựng, và hủy diệt cái được kiến tạo cẩn thận đến thế, vì nhận ra rằng nó cũng là một giới hạn.

597. Việc thu nhận năng lực và tích trữ nó không còn là một tiến trình vô thức hay bán ý thức nữa; nó được thực hiện một cách có chủ ý và được đưa đến hoàn tất.

598. Điều được xây dựng cũng bị hủy diệt—một cách có chủ ý.

3. Y ngừng tạo nghiệp quả trong ba cõi giới, nhưng bắt đầu giải trừ nó, hay nói sát hơn, là "thu xếp xong các công việc của mình."

599. Những nguyên nhân của sự tái dấn thân với các cõi thấp bị vô hiệu hóa; nghiệp quả giam hãm không còn được tạo ra nữa; con người đang tiến lên không còn bị mười tám cõi phụ thấp hút về bằng từ tính nữa.

Các Đấng Thiên Nhân cũng vậy, vì Các Ngài cũng có một con đường vũ trụ phải bước đi, tương tự với con đường con người bước đi khi y tiến gần mục tiêu nỗ lực của mình.

600. Chân sư DK tiếp tục phép loại suy, cho chúng ta biết rằng các Đấng Thiên Nhân cũng đạt được một loại 'siêu-thị', cũng cố ý hoàn tất thể nguyên nhân rồi làm việc để hủy diệt nó, và cũng không còn tạo ra những nguyên nhân sẽ giữ Các Ngài trong mười tám cõi phụ *vũ trụ* thấp nữa.

601. Có một huyền nhiệm liên quan đến vị trí của thể nguyên nhân của Thái dương

Logos and the causal body of the Planetary Logoi.

602. For the Solar Logos, He would no longer generate causes which would hold Him to *twenty* lower cosmic sub-planes, as His causal body is located on the atomic sub-plane of the cosmic mental plane.

Again we can with exactitude carry the concept further still, and predicate action of a similar nature by the solar Logos.

603. What is helpful in facilitating this comparison between the Solar Logos, our Planetary Logos and man, is that the three types of entities are at approximately the same stage of evolution—*relatively* considered.

The consideration of this question is nearly concluded and it must be apparent that the relation between the aforementioned manifestations is of a psychic nature (using the word psychic in its true sense, as having reference to the psyche, or soul, or consciousness) and deals with the gradual expansion of Soul-Knowledge in a Heavenly Man.

604. DK is telling us that the true relations between the three types of entities are far more psychic or psychological than it is physical. The comparisons are between the types of consciousness and not so much the forms through which those consciousnesses function.

A word of warning should here be sounded. Though all these cosmic Beings find in man a reflection of Their Own Nature, **yet the analogy of resemblance must not be**

Thượng đế và thể nguyên nhân của các Hành Tinh Thượng Đế.

602. Đối với Thái dương Thượng đế, Ngài sẽ không còn tạo ra những nguyên nhân giữ Ngài vào *hai mươi* cõi phụ vũ trụ thấp, vì thể nguyên nhân của Ngài nằm trên cõi phụ nguyên tử của cõi trí vũ trụ.

Một lần nữa chúng ta có thể, với sự chính xác, đẩy khái niệm này đi xa hơn nữa, và quy định hành động có tính chất tương tự nơi Thái dương Thượng đế.

603. Điều hữu ích trong việc tạo thuận lợi cho sự so sánh giữa Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và con người là ba loại thực thể này ở vào gần như cùng một giai đoạn tiến hoá—khi được xét một cách *tương đối*.

Việc xem xét câu hỏi này gần như đã kết thúc và hẳn phải rõ rằng mối liên hệ giữa các biểu hiện vừa nêu mang bản chất thông linh (dùng từ thông linh theo nghĩa chân chính của nó, như có liên hệ đến psyche, hay linh hồn, hay tâm thức) và bàn đến sự mở rộng dần dần của Tri Thức-Linh Hồn trong một Đấng Thiên Nhân.

604. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng những tương quan chân thực giữa ba loại thực thể này mang tính thông linh hay tâm lý học nhiều hơn là hồng trần. Các so sánh là giữa các loại tâm thức chứ không quá nhiều giữa các hình tướng mà qua đó các tâm thức ấy hoạt động.

Ở đây cần xướng lên một lời cảnh báo. Dù tất cả các Đấng vũ trụ này đều tìm thấy nơi con người một sự phản chiếu của Chính Bản Chất của Các Ngài, **tuy nhiên phép loại suy**

pushed to extremity. Man reflects, but he reflects not perfectly; man is evolving, but he is not occupied with the same problems in exact detail as are the perfected Manasaputras.

về sự tương đồng không được đẩy đến cực đoan. Con người phản chiếu, nhưng không phản chiếu một cách hoàn hảo; con người đang tiến hoá, nhưng không bận tâm đến cùng những vấn đề trong chi tiết chính xác như các Manasaputras đã hoàn thiện.

605. Who are the "perfected Manasaputras"? The Planetary Logoi and even, from one perspective, the Solar Logos.

605. Những "Manasaputras đã hoàn thiện" là ai? Các Hành Tinh Thượng Đế và thậm chí, từ một góc độ, cả Thái dương Thượng đế.

606. We are warned against formalizing the comparison excessively. We shall stray into error if we try to make all aspects of man's type of manifestation correspond to the processes detected in the two superior types of Entities—Planetary Logoi and Solar Logoi.

606. Chúng ta được cảnh báo đừng hình thức hóa sự so sánh một cách quá mức. Chúng ta sẽ lạc vào sai lầm nếu cố làm cho mọi phương diện của loại biểu hiện nơi con người tương ứng với các tiến trình được nhận ra nơi hai loại Thực Thể cao hơn—các Hành Tinh Thượng Đế và các Thái dương Thượng đế.

Man aims at becoming a Divine Manasaputra, or perfected Son of Mind showing forth all the powers inherent in mind, and thus becoming like unto his monadic source, a Heavenly Man.

Con người nhắm đến việc trở thành một Manasaputra Thiêng liêng, hay Con của Trí Tuệ đã hoàn thiện, biểu lộ mọi quyền năng vốn có trong trí tuệ, và nhờ đó trở nên giống như nguồn chân thần của mình, một Đấng Thiên Nhân.

607. A Heavenly Man is a "Divine Manasaputra". A Solar Angel is a Manasaputra—who, one day, in aggregate, will be a *Divine* Manasaputra.

607. Một Đấng Thiên Nhân là một "Manasaputra Thiêng liêng". Một Thái dương Thiên Thần là một Manasaputra—mà một ngày kia, trong tổng thể, sẽ là một *Manasaputra Thiêng liêng.*

608. A Heavenly Man is the monadic source of man (though still more ultimately, the Solar Logos is the source). Man, we have been taught, finds his place (at least temporarily) within the etheric chakras of the Heavenly Man.

608. Một Đấng Thiên Nhân là nguồn chân thần của con người (dù rốt ráo hơn nữa, Thái dương Thượng đế mới là nguồn). Chúng ta đã được dạy rằng con người tìm thấy vị trí của mình (ít nhất là tạm thời) trong các luân xa dĩ thái của Đấng Thiên Nhân.

A Heavenly Man has developed Manas, and is occupied with the problem of becoming a

Một Đấng Thiên Nhân đã phát triển Manas, và đang bận tâm với vấn đề trở thành một

Son of Wisdom, not inherently but in full manifestation.

609. A Heavenly Man is now *inherently* a Son of Wisdom. A Solar Logos is a *full* Son of Wisdom (or "Dragon of Wisdom").

610. A Heavenly Man aims at becoming like unto the Solar Logos—a Son of Wisdom "in full manifestation".

A solar Logos is both a Divine Manasaputra and likewise a Dragon of Wisdom,

611. Here we have the direct statement that a Solar Logos is all that a Planetary Logos is—in fact a "Divine Manasaputra". A Planetary Logos is attempting to become a full "Dragon of Wisdom". A Solar Logos is already a "Dragon of Wisdom" (equivalently a "Son of Wisdom), and is attempting to become fully a "Lion of Cosmic Will". It would seem that Sirius (so closely associated with the Leo) is a full "Lion of Cosmic Will", whereas our own Solar Logos is not—*yet*.

and His problem concerns itself [Page 306] with the development of the principle of cosmic Will which will make Him what has been called a "Lion of Cosmic Will."

612. VSK suggests the following: "The 'Lion' is related to the Leo Creative Hierarchy of the Logoic Plane; the atomic plane, therefore, can be seen as related to the Lion and is logoic."

Con của Minh Triết, không phải theo bản chất cố hữu mà trong sự biểu hiện trọn vẹn.

609. Một Đấng Thiên Nhân hiện nay *về bản chất cố hữu* là một Con của Minh Triết. Một Thái dương Thượng đế là một *trọn vẹn* Con của Minh Triết (hay "Rồng của Minh Triết").

610. Một Đấng Thiên Nhân nhắm đến việc trở nên giống như Thái dương Thượng đế—một Con của Minh Triết "trong sự biểu hiện trọn vẹn".

Một Thái dương Thượng đế vừa là một Manasaputra Thiêng liêng, vừa đồng thời là một Rồng của Minh Triết,

611. Ở đây chúng ta có lời khẳng định trực tiếp rằng một Thái dương Thượng đế là tất cả những gì một Hành Tinh Thượng Đế là—thực sự là một "Manasaputra Thiêng liêng". Một Hành Tinh Thượng Đế đang cố trở thành một "Rồng của Minh Triết" trọn vẹn. Một Thái dương Thượng đế đã là một "Rồng của Minh Triết" (tương đương một "Con của Minh Triết"), và đang cố trở thành trọn vẹn một "Sư Tử của Ý Chí Vũ Trụ". Dường như Sirius (gắn bó mật thiết với Leo) là một "Sư Tử của Ý Chí Vũ Trụ" trọn vẹn, còn Thái dương Thượng đế của chúng ta thì chưa—*vẫn chưa*.

và vấn đề của Ngài liên quan đến [Page 306] sự phát triển nguyên khí của Ý Chí vũ trụ, điều sẽ làm cho Ngài trở thành cái đã được gọi là một "Sư Tử của Ý Chí Vũ Trụ".

612. VSK gợi ý như sau: " 'Sư Tử' có liên hệ với Huyền Giai Sáng Tạo Leo trên Cõi Logoic; vì vậy cõi nguyên tử có thể được xem là có liên hệ với Sư Tử và là logoic."

613. Adding to this, we find that the atomic plane is always associated with Vulcan which is closely related to Leo the Lion, for in this case, the Sun, which rules the atomic or logoic sub-plane, veils Vulcan.

613. Thêm vào đó, chúng ta thấy rằng cõi nguyên tử luôn gắn liền với Vulcan, vốn có liên hệ mật thiết với Leo Sư Tử, vì trong trường hợp này, Mặt Trời, chủ tinh của cõi phụ nguyên tử hay logoic, che giấu Vulcan.

Throughout all these graded manifestations the law holds good, and the lesser is included in the greater.

Xuyên suốt mọi biểu hiện có cấp bậc này, định luật vẫn đúng, và cái nhỏ hơn được bao hàm trong cái lớn hơn.

614. This is particularly important. All lesser cycles are part and parcel of the greater cycles. However, the intricate manner of their inclusion must be understood.

614. Điều này đặc biệt quan trọng. Mọi chu kỳ nhỏ hơn đều là bộ phận cấu thành của các chu kỳ lớn hơn. Tuy nhiên, cần phải hiểu cách thức phức tạp mà chúng được bao hàm.

615. Not only do greater time cycles include the lesser ones, but greater Entities include the lesser ones as aspects of themselves.

615. Không những các chu kỳ thời gian lớn hơn bao gồm các chu kỳ nhỏ hơn, mà các Thực Thể lớn hơn còn bao gồm các thực thể nhỏ hơn như những phương diện của chính mình.

Hence the need for the student to preserve with care a due **sense of proportion**, a **discrimination as to time in evolution**, and a **just appreciation of the place of each unit within its greater sphere.**

Do đó cần cho đạo sinh phải cẩn trọng giữ gìn một **Ý thức về tỉ lệ** thích đáng, một **sự phân biện về thời gian trong tiến hoá**, và một **sự đánh giá đúng đắn về vị trí của mỗi đơn vị trong khối cầu lớn hơn của nó.**

616. This requirement is simply stated, but it is a “tall order”.

616. Yêu cầu này được phát biểu đơn giản, nhưng là một đòi hỏi rất cao.

617. The three requirements:

617. Ba yêu cầu là:

a. A sense of proportion

a. Ý thức về tỉ lệ

b. An understanding of the time cycles unfolding in the evolutionary process of greater entities and the lesser entities contained within them. From this perspective, every lesser cycle pertaining to a lesser being is really part of a greater time

b. Sự thấu hiểu các chu kỳ thời gian đang khai mở trong tiến trình tiến hoá của các thực thể lớn hơn và các thực thể nhỏ hơn được chứa trong chúng. Từ góc độ này, mọi chu kỳ nhỏ hơn liên quan đến một hữu thể nhỏ hơn thực ra đều là một phần của chu kỳ

cycle pertaining to the greater being who contains the lesser being.

thời gian lớn hơn liên quan đến hữu thể lớn hơn đang chứa hữu thể nhỏ hơn ấy.

c. A sense of place

c. Ý thức về vị trí

618. Compared to the vision we now possess, the requirements would demand of us a relatively comprehensive vision.

618. So với tầm nhìn mà hiện nay chúng ta sở hữu, các yêu cầu này sẽ đòi hỏi nơi chúng ta một tầm nhìn tương đối bao quát.

Having sounded this note of warning we can now proceed with the concluding remarks anent this final question.

Sau khi đã xướng lên nốt cảnh báo này, giờ đây chúng ta có thể tiếp tục với những nhận xét kết luận liên quan đến câu hỏi cuối cùng này.

619. The note of warning is sounded to that aspect of us which is the concrete mind. It seeks exactitude of knowledge but often fails in wisdom and perspective. Until it possesses wisdom and perspective, exactitude of knowledge will also elude it.

619. Nốt cảnh báo này được xướng lên cho phương diện nơi chúng ta là trí cụ thể. Nó tìm kiếm sự chính xác của tri thức nhưng thường thất bại trong minh triết và viễn cảnh. Chừng nào nó chưa sở hữu minh triết và viễn cảnh, sự chính xác của tri thức cũng sẽ lẩn tránh nó.

It has been stated that a mystery lies hid in the 777. incarnations.

Đã có lời nói rằng một huyền nhiệm ẩn giấu trong 777. lần lâm phàm.

620. 777. is the number associated with Earth.

620. 777. là con số gắn liền với Trái Đất.

621. The 777. incarnations are to be divided into 700. + 70. + 7, with each of these numbers related to one of the tiers of petals of the egoic lotus, and presumably, to the relative amount of time it takes to unfold the petals of the lotus.

621. 777. lần lâm phàm phải được chia thành 700. + 70. + 7, với mỗi con số này liên hệ với một trong các tầng cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã, và có lẽ với khoảng thời gian tương đối cần thiết để khai mở các cánh hoa của hoa sen.

622. DK has already told us that the personality spends *thousands* of incarnations developing, so the number 777. cannot be taken literally as the number of incarnations spent in the development of the human being.

622. Chân sư DK đã nói với chúng ta rằng phàm ngã trải qua *hàng ngàn* lần lâm phàm để phát triển, vì thế con số 777. không thể được hiểu theo nghĩa đen như số lần lâm phàm dùng cho sự phát triển của con người.

This figure provides room for much speculation.[19: S. D., I, 191.] It should be pointed out that it does not hold the number of a stated cycle of incarnations through which a man must pass, but holds the key to the three major cycles previously mentioned.

Con số này mở ra nhiều chỗ cho suy đoán. [19: S. D., I, 191.] Cần chỉ ra rằng nó không nắm giữ con số của một chu kỳ lâm phàm xác định mà một người phải trải qua, nhưng nắm giữ chìa khóa của ba chu kỳ chính đã được nhắc đến trước đây.

623. As stated, it is a symbolic number.

623. Như đã nói, đây là một con số biểu tượng.

624. The number should be studied in relation to the three aspects of divinity.

624. Con số này nên được nghiên cứu trong liên hệ với ba phương diện của thiên tính.

Primarily this number applies to the planetary Logos of our scheme and not so much to other schemes. Each Heavenly Man has His number and the number of our Heavenly Man lies hid in the above three figures, just as 666. and 888. holds the mystery hid of two other Heavenly Men.

Trước hết con số này áp dụng cho Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh chúng ta chứ không nhiều cho các hệ hành tinh khác. Mỗi Đấng Thiên Nhân đều có con số của Ngài và con số của Đấng Thiên Nhân của chúng ta ẩn giấu trong ba con số trên, cũng như 666. và 888. giữ kín huyền nhiệm của hai Đấng Thiên Nhân khác.

625. It is clear that 666. represents Mars, the 'Opponent', the combined form nature in rebellion against the soul—the "Beast".

625. Rõ ràng 666. đại diện cho Sao Hỏa, "Đối Thủ", bản chất hình tướng kết hợp nổi loạn chống lại linh hồn—"Con Thú".

626. The number *eight* is consistently associated with Mercury; the Buddha, Who is symbolically Mercury, appears (so the legend goes) for *eight* minutes at the time of the Wesak Festival. 888. may be inferred to be the number of Mercury.

626. Con số *tám* luôn luôn gắn liền với Sao Thủy; Đức Phật, Đấng tượng trưng là Sao Thủy, xuất hiện (theo truyền thuyết) trong *tám* phút vào thời điểm Lễ Hội Wesak. 888. có thể được suy ra là con số của Sao Thủy.

627. Just as there is a natural triangle between the Mars the Earth and Mercury, so there is naturally a triangle between 666, 777, and 888.

627. Cũng như có một tam giác tự nhiên giữa Sao Hỏa, Trái Đất và Sao Thủy, thì cũng tự nhiên có một tam giác giữa 666, 777 và 888.

628. 666. represents particularly the threefold form, but especially the astral body.

628. 666. đại diện đặc biệt cho hình tướng tam phân, nhưng nhất là thể cảm dục.

629. 777. represents the etheric-physical body.

629. 777. đại diện cho thể dĩ thái-hồng trần.

630. 888. represents the mental body.

630. 888. đại diện cho thể trí.

631. We might conclude that 555. represents the Logos of the planet Venus.

631. Chúng ta có thể kết luận rằng 555. đại diện cho Thượng đế của hành tinh Sao Kim.

632. 666. equals 18, representing the three lower worlds of the 18. lower systemic subplanes over which Mars rules—for Mars rules all lunar vehicles and the personality as a whole.

632. 666. bằng 18, đại diện cho ba cõi thấp của 18. cõi phụ hệ thống thấp mà Sao Hỏa cai quản—vì Sao Hỏa cai quản mọi vận cụ thái âm và toàn bộ phàm ngã.

633. 777. equals 21, and shows the destiny of the Earth in relation to the higher mental plane, for the unfoldment of Earth requires a special activation of the higher mental plane (the 3. of which is added to 18. to make 21).

633. 777. bằng 21, và cho thấy định mệnh của Trái Đất trong liên hệ với Cõi thượng trí, vì sự khai mở của Trái Đất đòi hỏi một sự hoạt hóa đặc biệt của Cõi thượng trí (mà 3. của nó được cộng vào 18. để thành 21).

634. 888. equals 24. and suggests two numbers unusually important in our solar system because they embody both the numbers of our solar system and the future rays of man (the second ray soul and the fourth ray personality). Remember the relation of Mercury to the Fourth Creative Hierarchy.

634. 888. bằng 24. và gợi ra hai con số quan trọng khác thường trong hệ mặt trời của chúng ta vì chúng hiện thân cả các con số của hệ mặt trời lẫn các cung tương lai của con người (cung linh hồn hai và cung phàm ngã bốn). Hãy nhớ mối liên hệ của Sao Thủy với Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư.

635. 888. suggests a buddhic ascent which rises to the fourth systemic subplane of the buddhic plane.

635. 888. gợi ra một sự thăng lên Bồ đề vươn đến cõi phụ hệ thống thứ tư của cõi Bồ đề.

636. This method of relating the sum of the numbers to the systemic subplanes may not, however, be universally applicable—for instance, in the case of Venus—555.

636. Tuy nhiên, phương pháp liên hệ tổng các con số với các cõi phụ hệ thống này có thể không áp dụng phổ quát—chẳng hạn trong trường hợp của Sao Kim—555.

This number 777. is also the number of transmutation, which is the fundamental work of all the Heavenly Men.

Con số 777. này cũng là con số của sự chuyển hoá, vốn là công việc căn bản của mọi Đấng Thiên Nhân.

637. So, 777. has a relation to all Heavenly Men.

637. Vì vậy, 777. có liên hệ với mọi Đấng Thiên Nhân.

638. The seventh ray is the 'Ray of Alchemy', and the seventh Ray Lord is called the "Divine Alchemical Worker". (EP I 85)

638. Cung bảy là 'Cung của thuật luyện kim', và Đấng Chúa Tể Cung bảy được gọi là "Người Hoạt Động Thuật Luyện Kim Thiêng liêng". (EP I 85)

639. If 777. is the number of Earth, we can see how much work of transmutation is to be accomplished on our planet.

639. Nếu 777. là con số của Trái Đất, chúng ta có thể thấy có biết bao công việc chuyển hoá phải được hoàn thành trên hành tinh của chúng ta.

The basic work of man is accumulation and acquisition, or the acquiring of that which must later be transmuted.

Công việc căn bản của con người là tích lũy và thu nhận, hay thu nhận điều mà về sau phải được chuyển hoá.

640. The acquisitive third ray is involved in this accumulation.

640. Cung ba có tính thu nhận có liên quan đến sự tích lũy này.

641. We should remember our task on this planet: the gathering of that which is to be transmuted.

641. Chúng ta nên nhớ nhiệm vụ của mình trên hành tinh này: thu gom điều sẽ được chuyển hoá.

The **work of transmutation,** or the true cycle of 777. commences on the Probationary Path, **and is definitely the activity of a Heavenly Man being realised and responded to by the cells in His Body.**

Công việc chuyển hoá, hay chu kỳ chân thực của 777. bắt đầu trên Con Đường Dự Bị, **và rõ ràng là hoạt động của một Đấng Thiên Nhân đang được chứng nghiệm và được các tế bào trong Thể của Ngài đáp ứng.**

642. The true Probationary Path begins at the first initiation (or, more loosely, a little before). We gather then, that initiation is a Path of Transmutation. This Path is particularly related to the number 7, rather than 700. or 70.

642. Con Đường Dự Bị đích thực bắt đầu ở lần điểm đạo thứ nhất (hay, nói rộng hơn, sớm hơn một chút). Từ đó chúng ta hiểu rằng điểm đạo là một Con Đường Chuyển Hoá. Con đường này đặc biệt liên hệ với con số 7, hơn là 700. hay 70.

643. What actually is the cause of transmutation? It seems that the activity of the Heavenly Man must be registered,

643. Thực sự nguyên nhân của sự chuyển hoá là gì? Dường như hoạt động của Đấng Thiên Nhân phải được con người, là các tế

realized and responded to by human beings, the cells in the body of the Heavenly Man.

644. Thus, human transmutation is a *planetary* event.

Only when His Body has reached a certain vibratory movement can He truly influence the individual cells.

645. Interesting, the number 7. is associated with the planar structure of our cosmic physical plane. The planes are *vibratorily* separated from each other.

646. So the number 7. has an association with distinctive vibration. Transmutation, also, is a vibratory process.

647. Only when the Planetary Logos of our planetary scheme reaches the necessary point of development will man, as a kingdom, enter upon the possibility of transmutation.

648. It is clear that Mars is not yet involved in a transmutative process and that Mercury, by implication, has largely transcended it.

This work of transmuting cell activity was begun on this planet during the last root-race, and the divine alchemy proceeds.

649. It is interesting that transmutation began in the fourth root race, or Atlantean root race.

650. Four is a number of materiality just as is the number seven. Transmutation focusses especially on the improvement of material quality.

bào trong thân thể của Đấng Thiên Nhân, ghi nhận, chứng nghiệm và đáp ứng.

644. Vì vậy, sự chuyển hoá của con người là một biến cố *hành tinh*.

Chỉ khi Thể của Ngài đã đạt đến một chuyển động rung động nhất định thì Ngài mới thực sự có thể ảnh hưởng đến các tế bào cá biệt.

645. Thật thú vị, con số 7. gắn liền với cấu trúc cõi của cõi hồng trần vũ trụ của chúng ta. Các cõi được *về mặt rung động* tách biệt với nhau.

646. Vì vậy con số 7. có liên hệ với rung động đặc thù. Sự chuyển hoá cũng là một tiến trình rung động.

647. Chỉ khi Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh chúng ta đạt đến điểm phát triển cần thiết thì con người, như một giới, mới bước vào khả năng chuyển hoá.

648. Rõ ràng là Sao Hỏa chưa tham dự vào một tiến trình chuyển hoá và Sao Thủy, theo hàm ý, phần lớn đã vượt qua nó.

Công việc chuyển hoá hoạt động tế bào này đã được bắt đầu trên hành tinh này trong giống dân gốc vừa qua, và thuật luyện kim thiêng liêng vẫn tiếp diễn.

649. Thật thú vị khi sự chuyển hoá đã bắt đầu trong giống dân gốc thứ tư, hay giống dân gốc Atlantis.

650. Bốn là một con số của tính vật chất cũng như số bảy. Sự chuyển hoá đặc biệt tập trung vào việc cải thiện phẩm tính vật chất.

The progress made is as yet but small, but each transmuted [Page 307] conscious cell increases the speed and the accuracy of the work.

Tiến bộ đạt được cho đến nay vẫn còn nhỏ, nhưng mỗi tế bào hữu thức đã được chuyển hoá đều làm tăng tốc độ và độ chính xác của công việc. [Page 307]

651. A disciple is a cell in process of transmutation. A Master *is* a transmuted cell.

651. Một đệ tử là một tế bào đang trong tiến trình chuyển hoá. Một Chân sư *là* một tế bào đã được chuyển hoá.

652. The number *five* (which works so closely with the number *seven*), is characteristic of the Master, and is a number the potency of which is necessary if the transmutation process is to be carried forward.

652. Con số *năm* (vốn hoạt động rất mật thiết với con số *bảy*), là đặc trưng của Chân sư, và là một con số mà năng lực của nó là cần thiết nếu tiến trình chuyển hoá muốn được tiếp tục.

Time alone is needed for the completion of the work. In connection with this matter of transmutation comes the legend of the Philosopher's Stone, which is literally the application of the Rod of Initiation, in one sense.

Chỉ cần thời gian cho sự hoàn tất công việc. Liên hệ với vấn đề chuyển hoá này là truyền thuyết về Hòn Đá của Nhà Hiền Triết, vốn theo một nghĩa nào đó, đúng theo nghĩa đen, là sự áp dụng Thần Trượng Điểm đạo.

653. The number seven is also associated with patience (seventh ray) and the waiting necessary to produce a completed manifestation.

653. Con số bảy cũng gắn liền với sự kiên nhẫn (cung bảy) và sự chờ đợi cần thiết để tạo ra một biểu hiện hoàn chỉnh.

654. From the material perspective, the sign Virgo, which represents the "completion of the phase of material work" and the readiness for birth, is the seventh sign—numbering clockwise from Pisces.

654. Từ góc độ vật chất, dấu hiệu hoàng đạo Virgo, vốn đại diện cho "sự hoàn tất giai đoạn công việc vật chất" và sự sẵn sàng cho sinh ra, là dấu hiệu thứ bảy—đếm theo chiều kim đồng hồ từ Pisces.

655. Seven is the number of crystallization, and the seventh kingdom numbering from above is the *mineral* kingdom, to which the Philosopher's Stone is related.

655. Bảy là con số của sự kết tinh, và giới thứ bảy tính từ trên xuống là giới *kim thạch*, giới mà Hòn Đá của Nhà Hiền Triết có liên hệ.

656. It is fascinating to think of the meaning of the Philosopher's Stone as the application of the Rod of Initiation.

656. Thật hấp dẫn khi suy nghĩ về ý nghĩa của Hòn Đá của Nhà Hiền Triết như là sự áp dụng Thần Trượng Điểm đạo.

657. There is, indeed, a stone found in each such Rod. The application of this stone creates in man a crystalline state of perfection, also correlated with the number seven.

657. Quả thật, có một viên đá được tìm thấy trong mỗi Thần Trượng như thế. Sự áp dụng viên đá này tạo ra nơi con người một trạng thái kết tinh của sự hoàn hảo, cũng tương ứng với con số bảy.

658. Man is to become the "Diamond Soul", which emphasizes the perfection and expression of the "jewel in the lotus". This "jewel" is also, in another sense, the "Philosopher's Stone". The "jewel" is brought to perfection and full expression through the application of the "Rod of Initiation". Man becomes, thus, a perfected stone. There are many analogies here to the Masonic method of training, through which process man becomes a "stone" to be built into the Temple with "right exactitude".

658. Con người sẽ trở thành "Linh Hồn Kim Cương", điều nhấn mạnh sự hoàn hảo và biểu lộ của "ngọc trong hoa sen". "Ngọc" này cũng, theo một nghĩa khác, là "Hòn Đá của Nhà Hiền Triết". "Ngọc" được đưa đến hoàn hảo và biểu lộ trọn vẹn qua sự áp dụng "Thần Trượng Điểm đạo". Vì vậy con người trở thành một viên đá hoàn thiện. Ở đây có nhiều phép loại suy với phương pháp huấn luyện của Hội Tam Điểm, qua tiến trình đó con người trở thành một "viên đá" để được xây vào Đền Thờ với "độ chính xác đúng đắn".

S3S9. was a Review Fortnight

S3S10: TCF 308-318

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy**, for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Xin đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh**, để bảo đảm tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn được chia nhỏ ra, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

1. We begin Section Two proper now, following the nine Introductory Questions.

1. Giờ đây chúng ta bắt đầu đúng vào Phần Hai, tiếp theo chín Câu Hỏi Dẫn Nhập.

2. We have completed the first section of TCF, focusing particularly on the Fires of

2. Chúng ta đã hoàn tất phần thứ nhất của TCF, đặc biệt tập trung vào các Lửa của Vật

Matter. Our work is now with the largest section of the book focussing on the Fires of Mind—the middle fires, especially, *solar* fire.

[Page 308]

DIVISION A - MANAS OR MIND AND ITS NATURE

I. Three manifestations of manas.

II. Some definitions of manas:

1. Manas is the fifth principle.

3. In such an enumeration, we are numbering from 'below'; buddhi is the sixth and atma the seventh.

2. Manas is electricity.

4. This links manas to the Pleiades and also to the first ray energy of electric fire.

3. Manas is that which produces cohesion.

5. This links manas to the second ray energy which brings about coherence to attractive love.

4. Manas is the key opening the door into the fifth kingdom.

6. This is an important statement which shows the necessity of mind if there is to be penetration into the Kingdom of Souls i

5. Manas is the synthetic vibration of five rays.

chất. Công việc của chúng ta giờ đây là với phần lớn nhất của cuốn sách, tập trung vào các Lửa của Trí Tuệ—đặc biệt là các lửa trung gian, *Lửa Thái dương*.

[Page 308]

PHẦN ĐOẠN A - MANAS HAY TRÍ TUỆ VÀ BẢN CHẤT CỦA NÓ

I. Ba biểu hiện của manas.

II. Một số định nghĩa về manas:

1. Manas là nguyên khí thứ năm.

3. Trong cách liệt kê như vậy, chúng ta đang đếm từ "dưới lên"; Bồ đề là thứ sáu và atma là thứ bảy.

2. Manas là điện.

4. Điều này liên kết manas với Pleiades và cũng với năng lượng cung một của Lửa Điện.

3. Manas là cái tạo ra sự cố kết.

5. Điều này liên kết manas với năng lượng cung hai, năng lượng đem lại sự gắn kết cho tình thương hấp dẫn.

4. Manas là chiếc chìa khóa mở cánh cửa đi vào giới thứ năm.

6. Đây là một phát biểu quan trọng cho thấy sự cần thiết của trí tuệ nếu muốn có sự thâm nhập vào Thiên Giới của các linh hồn i

5. Manas là rung động tổng hợp của năm cung.

7. This relates manas to the third ray which is, for Brahma, the Ray of Synthesis.

8. The five rays here given are the four Rays of Attribute and the third ray (a Ray of Attribute which includes the four.

6. Manas is the intelligent will or ordered purpose of an existence.

9. This links manas to the first ray (the ray of purpose) as well as to the seventh ray (the ray of order).

We enter now upon a very important division of our subject, and take up for consideration **the Fire of Mind, cosmically, systemically, and humanly considered.**

10. We recall this threefold divisioning of the major layers of lives that concern us. A fourth division (the life of the atom of matter/substance) is also sometimes referenced, as is, occasionally, the life of a Cosmic Logos or the still greater One About Whom Naught May Be Said.

11. In this division the Solar Logos may be considered a "cosmic" Life, the Planetary Logos a "systemic" Life and man, of course, a human life. There are also justifications for considering a Planetary Logos a *cosmic* life.

12. In the descriptions so far offered in the TCF, we have not often considered analogies as they apply to constellational lives (who are the true Cosmic Logoi—in the ascending scale of lives, one step beyond the Solar Logos).

7. Điều này liên hệ manas với cung ba, vốn đối với Brahma là Cung của Tổng Hợp.

8. Năm cung được nêu ở đây là bốn Cung Thuộc Tính và cung ba (một Cung Thuộc Tính bao hàm bốn cung kia.

6. Manas là ý chí thông tuệ hay mục đích có trật tự của một hiện hữu.

9. Điều này liên kết manas với cung một (cung của mục đích) cũng như với cung bảy (cung của trật tự).

Giờ đây chúng ta bước vào một phân đoạn rất quan trọng của đề tài, và bắt đầu xem xét **Lửa của Trí Tuệ, được xét theo vũ trụ, theo hệ thống, và theo con người.**

10. Chúng ta nhớ lại sự phân chia tam phân này của các tầng lớp lớn của những sự sống liên quan đến chúng ta. Một phân chia thứ tư (sự sống của nguyên tử vật chất/chất liệu) đôi khi cũng được nhắc đến, cũng như thỉnh thoảng là sự sống của một Thượng đế Vũ Trụ hay Đấng Bất Khả Tư Nghị còn vĩ đại hơn nữa.

11. Trong sự phân chia này, Thái dương Thượng đế có thể được xem là một Sự sống "vũ trụ", Hành Tinh Thượng Đế là một Sự sống "hệ thống", và dĩ nhiên con người là một sự sống nhân loại. Cũng có những cơ sở để xem một Hành Tinh Thượng Đế là một sự sống *vũ trụ*.

12. Trong những mô tả được đưa ra cho đến nay trong TCF, chúng ta chưa thường xuyên xem xét các loại suy khi chúng áp dụng cho các sự sống chòm sao (là những Thượng đế Vũ Trụ đích thực—trong thang tăng dần của

các sự sống, cao hơn Thái dương Thượng đế một bậc).

We have dealt with the fire of matter, and studied for a while its purpose, origin and work.

Chúng ta đã bàn đến lửa của vật chất, và đã nghiên cứu một thời gian về mục đích, nguồn gốc và công việc của nó.

13. Can we describe for ourselves the purpose, origin and work of the fire of matter?

13. Chúng ta có thể tự mô tả cho mình mục đích, nguồn gốc và công việc của lửa của vật chất chăng?

14. This is an 'old' fire and is related to the "Primordial Ray", the third, and to the first in a series of three *major* solar systems.

14. Đây là một ngọn lửa "cổ xưa" và có liên hệ với "Cung Nguyên Sơ", cung ba, và với cung một trong một chuỗi ba hệ mặt trời *chính*.

We considered somewhat the factor of Consciousness, and saw that the great work of a solar Logos, with all included manifesting lives, was the **development of a conscious control**, and a **psychic awareness** within certain set limits.

Chúng ta đã phần nào xem xét yếu tố Tâm thức, và thấy rằng công việc lớn lao của một Thái dương Thượng đế, cùng với mọi sự sống biểu hiện bao hàm trong đó, là **sự phát triển của một sự kiểm soát có ý thức**, và một **nhận biết thông linh** trong những giới hạn nhất định.

15. We see that the Tibetan is definitely conducting a much-needed review.

15. Chúng ta thấy rằng Chân sư Tây Tạng rõ ràng đang tiến hành một sự ôn lại rất cần thiết.

16. In our particular solar system, the purpose of the Solar Logos centers on the development of consciousness.

16. Trong hệ mặt trời đặc thù của chúng ta, mục đích của Thái dương Thượng đế tập trung vào sự phát triển của tâm thức.

17. Like the human being and the Planetary Logos, the Solar Logos seeks the development of conscious control and the augmentation of psychic awareness. The word "psychic" relates mainly to the dimension of soul and to consciousness in general.

17. Giống như con người và Hành Tinh Thượng Đế, Thái dương Thượng đế tìm kiếm sự phát triển của sự kiểm soát có ý thức và sự gia tăng nhận biết thông linh. Từ "thông linh" chủ yếu liên hệ đến chiều kích của linh hồn và đến tâm thức nói chung.

18. The control relates to the cosmic physical plane and the awareness to the cosmic astral plane (the cosmic plane whereon He is

18. Sự kiểm soát liên hệ đến cõi hồng trần vũ trụ và sự nhận biết liên hệ đến cõi cảm dục vũ trụ (cõi vũ trụ nơi Ngài phân cực). Ngài

polarized). He is also seeking cosmic mental polarization which He has not yet achieved.

cũng đang tìm kiếm sự phân cực trí tuệ vũ trụ mà Ngài vẫn chưa đạt được.

We have been told that the solar Logos, on the cosmic planes, works at the problem of cosmic mind; that He functions in His physical solar system, **is polarised in His cosmic astral, or emotional body, and is developing cosmic mind.** (LOM 52-53)

Chúng ta đã được cho biết rằng Thái dương Thượng đế, trên các cõi vũ trụ, đang làm việc với vấn đề của trí tuệ vũ trụ; rằng Ngài hoạt động trong hệ mặt trời vật lý của Ngài, **phân cực trong thể cảm dục, hay cảm xúc, vũ trụ của Ngài, và đang phát triển trí tuệ vũ trụ.** (LOM 52-53)

Having laid down these preliminary foundation thoughts, we need now to block out, for the sake of clarity, the mass of material that is available on the subject of the manasic fire, which is **the animating principle of consciousness itself**. Let us first of all get one broad general outline and then proceed to fill in the details. [Page 309]

Sau khi đã đặt ra những tư tưởng nền tảng sơ bộ này, giờ đây chúng ta cần phác thảo, vì sự minh bạch, khối lượng tài liệu hiện có về đề tài lửa manas, vốn là **nguyên khí sinh động của chính tâm thức**. Trước hết, hãy nắm lấy một đại cương rộng lớn rồi sau đó tiến tới điền đầy các chi tiết. [Page 309]

19. DK follows a general didactic method, proceeding from the general to the particular.

19. Chân sư DK theo một phương pháp giảng dạy tổng quát, tiến từ cái chung đến cái riêng.

20. We are told that manasic fire "is the animating principle of consciousness itself". This statement, quietly mentioned, could escape notice, but it is profound. If consciousness is present, is manasic fire also present? Is there no consciousness unless it is animated by manasic fire? Or is it *human* consciousness which seems inescapably related to manasic fire? Are there types of consciousness in which the factor of manas is minimal?

20. Chúng ta được cho biết rằng lửa manas "là nguyên khí sinh động của chính tâm thức". Phát biểu này, được nhắc đến một cách lặng lẽ, có thể thoát khỏi sự chú ý, nhưng nó rất sâu sắc. Nếu tâm thức hiện diện, thì lửa manas cũng hiện diện chăng? Có phải không có tâm thức nào trừ phi nó được lửa manas làm sinh động? Hay đó là tâm thức *nhân loại* dường như gắn liền không thể tránh khỏi với lửa manas? Có những loại tâm thức trong đó yếu tố manas là tối thiểu chăng?

21. The word "animating" is important as it relates to "anima" or soul. Manasic fire provides *soul-animated consciousness.*

21. Từ "sinh động" là quan trọng vì nó liên hệ đến "anima" hay linh hồn. Lửa manas cung cấp *tâm thức được linh hồn làm sinh động.*

22. VSK queries: “And can we anticipate, what would details to such systems be?

22. VSK nêu câu hỏi: “Và liệu chúng ta có thể dự đoán, những chi tiết của các hệ thống như thế sẽ là gì chăng?

23. VSK continues: “This method of ‘pre-thinking’ what may be coming, before reading ahead, is one way for serious students of TCF to deepen their perception of how The Tibetan’s mind structures the study.”

23. VSK tiếp tục: “Phương pháp ‘suy nghĩ trước’ về điều có thể sắp đến, trước khi đọc tiếp, là một cách để các đạo sinh nghiêm túc của TCF đào sâu nhận thức của mình về cách Trí Tuệ của Chân sư Tây Tạng cấu trúc việc nghiên cứu.”

I. THREE MANIFESTATIONS OF MANAS [20]

I. BA BIỂU HIỆN CỦA MANAS 20

[20]: "Manas is the individuality or the spiritual Ego on the side of the higher Triad, and the **personality or the kamic ego** on the side of the lower quaternary.

20: "Manas là biệt ngã tính hay chân ngã tinh thần về phía Tam nguyên tinh thần cao hơn, và là **phàm ngã hay chân ngã cảm dục** về phía bộ tứ thấp.

24. We note immediately the divisibility of manas. There are many different aspects or expressions of manas, however whole it may be in essence.

24. Chúng ta lập tức lưu ý tính khả phân của manas. Có nhiều phương diện hay biểu hiện khác nhau của manas, dù trong bản chất nó có thể là một toàn thể.

25. Higher manas is the individuality, the soul consciousness, the “spiritual Ego” when viewed from the perspective of the spiritual triad.

25. Thượng manas là biệt ngã tính, tâm thức linh hồn, “chân ngã tinh thần” khi được nhìn từ quan điểm của Tam nguyên tinh thần.

26. There is also a quality of manas which pertains to the personality or lower quaternary. Interestingly the personality is called the “*kamic* ego” which means that it is much directed by *desire* or *kama.* This suggests that man’s sense of himself (i.e., ego) as a personality is much determined by his desires and resultant attachments and antipathies.

26. Cũng có một phẩm tính của manas thuộc về phàm ngã hay bộ tứ thấp. Điều đáng chú ý là phàm ngã được gọi là “chân ngã *cảm dục*”, điều đó có nghĩa là nó được định hướng rất nhiều bởi *dục vọng* hay *kama.* Điều này gợi ý rằng cảm nhận của con người về chính mình (tức là chân ngã) như một phàm ngã được quyết định rất nhiều bởi các dục vọng của y và những sự gắn chấp cùng ác cảm phát sinh từ đó.

27. According to HPB, manas tends *both* towards the spiritual triad (the “Higher Triad”) and towards the lower quaternary

27. Theo HPB, manas có xu hướng *cả hai* về phía Tam nguyên tinh thần (Tam nguyên

(the personality). It is divided in its orientation.

Manas is the pivot of the human structure, or the centre on which the spiritual and material parts of man are made to turn."

28. According to the quality of his manas, a man will turn either towards the spiritual or the material.

29. Although the fifth plane is not the central plane within the cosmic physical planes, for man it is the middle point. It is certainly the middle-point of the Brahmic planes.

30. It is the quality and orientation of our manas which will decide whether we will serve kama or desire (on the one hand) or love (on the other).

"Lower manas is only a ray of the higher manas let into the fleshly tabernacle for **illuminating its being and giving it thought, desire and memory.**"

31. From HPB we see that lower manas is derivative of higher manas.

32. The true estate of manas is outside the "fleshly tabernacle" (i.e., the personality, from one perspective and the dense physical nature, from another). The entire personality is considered, from one perspective, "body".

33. We are told that if the ray of higher manas were not admitted into the domain of the lunar vehicles, there would be no

"Cao hơn") và về phía bộ tứ thấp (phàm ngã). Nó bị phân chia trong định hướng của mình.

Manas là điểm tựa của cấu trúc con người, hay trung tâm mà trên đó các phần tinh thần và vật chất của con người được làm cho xoay chuyển."

28. Theo phẩm tính của manas của y, một người sẽ quay về phía tinh thần hoặc phía vật chất.

29. Mặc dù cõi thứ năm không phải là cõi trung tâm trong các cõi hồng trần vũ trụ, nhưng đối với con người nó là điểm ở giữa. Chắc chắn nó là điểm giữa của các cõi Brahma.

30. Chính phẩm tính và định hướng của manas chúng ta sẽ quyết định liệu chúng ta sẽ phụng sự kama hay dục vọng (một bên) hoặc tình thương (bên kia).

"Hạ manas chỉ là một tia của thượng manas được đưa vào lều xác thịt để **soi sáng hiện hữu của nó và ban cho nó tư tưởng, dục vọng và ký ức.**"

31. Từ HPB chúng ta thấy rằng hạ manas là cái phát sinh từ thượng manas.

32. Trạng thái đích thực của manas ở bên ngoài "lều xác thịt" (tức phàm ngã, theo một góc nhìn, và bản chất hồng trần đậm đặc, theo một góc nhìn khác). Toàn bộ phàm ngã, theo một góc nhìn, được xem là "thể".

33. Chúng ta được cho biết rằng nếu tia của thượng manas không được đưa vào lãnh vực của các vận cụ nguyệt tính, thì sẽ không có

thought, desire and memory. It is easy to see that there would be no thought and (consciousness) memory, but that there would be no desire is interesting (shall we say, 'no desire beyond instinctual desire'?).

tư tưởng, dục vọng và ký ức. Thật dễ thấy rằng sẽ không có tư tưởng và ký ức (có tâm thức), nhưng việc sẽ không có dục vọng thì thật đáng chú ý (chúng ta hãy chỉ nói rằng, 'không có dục vọng vượt quá dục vọng bản năng' chăng?).

34. The kind of desire meant is probably kama-manas, or desire-mind. For average man, his desires are tinged by mind and his thoughts by desire. The separation of mind from desire has not yet been effected.

34. Loại dục vọng được nói đến có lẽ là kama-manas, hay trí-cảm. Đối với con người trung bình, các dục vọng của y bị nhuốm màu bởi trí tuệ và các tư tưởng của y bị nhuốm màu bởi dục vọng. Sự tách biệt trí tuệ khỏi dục vọng vẫn chưa được thực hiện.

35. We are being told that manas, as far as man is concerned, is of *triadal* origin.

35. Chúng ta đang được cho biết rằng manas, xét theo phương diện con người, có nguồn gốc *tam nguyên tinh thần*.

36. The personality is not inherently intelligent (at least not consciously so). It is the ray of higher manas admitted into the personality that renders it intelligent.

36. Phàm ngã không vốn dĩ thông tuệ (ít nhất không phải một cách có tâm thức). Chính tia của thượng manas được đưa vào phàm ngã làm cho nó trở nên thông tuệ.

"It is because **manas is the turning point in the cycle** that **H. P. B. has considered it under the two aspects**—higher and lower—the higher the attainer and experiencer of spiritual heights and the lower, **the soul of the lower three**, the triangle that completes embodiment.

"Chính vì **manas là điểm xoay chuyển trong chu kỳ** mà **H. P. B. đã xem xét nó dưới hai phương diện**—cao và thấp—phương diện cao là kẻ đạt đến và trải nghiệm các đỉnh cao tinh thần, còn phương diện thấp là **linh hồn của ba thể thấp**, tam giác hoàn tất sự nhập thể.

37. Manas is the "turning point in the cycle" because through its aid there can be a reorientation from material desire.

37. Manas là "điểm xoay chuyển trong chu kỳ" bởi vì nhờ sự trợ giúp của nó mà có thể có một sự tái định hướng khỏi dục vọng vật chất.

38. Manas is called here "the attainer and experiencer of spiritual heights"; this means that the consciousness ego attains and experiences spiritual heights.

38. Manas ở đây được gọi là "kẻ đạt đến và trải nghiệm các đỉnh cao tinh thần"; điều này có nghĩa là chân ngã tâm thức đạt đến và trải nghiệm các đỉnh cao tinh thần.

39. Manas is the "soul of the lower three" in as much as the intelligent ego (the soul in incarnation) is the principle of identity within the personality.

39. Manas là "linh hồn của ba thể thấp" trong chừng mực chân ngã thông tuệ (linh hồn đang nhập thể) là nguyên khí của bản sắc bên trong phàm ngã.

40. We are learning of the different (and crucial) orientations of higher and lower manas and the reason why HPB always considered manas in two aspects.

40. Chúng ta đang học về những định hướng khác nhau (và có tính quyết định) của thượng và hạ manas và lý do vì sao HPB luôn xem xét manas dưới hai phương diện.

41. The program of initiation could be introduced in Atlantis because manas (the *fifth* principle) reached a sufficient point of development to assist in the orientation of man towards the *fifth* kingdom (of souls)

41. Chương trình điểm đạo có thể được đưa vào ở Atlantis vì manas (nguyên khí *thứ năm*) đã đạt đến một điểm phát triển đủ để hỗ trợ trong việc định hướng con người về phía giới *thứ năm* (của các linh hồn)

> Manas is therefore the battle-ground of forces contained in the microcosm... The stage of evolution which we have reached is the very starting point of the great struggle."—Some Thoughts on the Gita

> Vì vậy manas là chiến trường của các mãnh lực chứa đựng trong tiểu thiên địa... Giai đoạn tiến hoá mà chúng ta đã đạt tới chính là điểm khởi đầu của cuộc đấu tranh lớn."—Một số Tư Tưởng về Gita

42. If we think carefully we shall understand that there are two battlegrounds. For average, undeveloped man, the astral plane of kama may be considered the battle ground. There is a choice to be made between high and low desire. This battle is waged in the sign Libra.

42. Nếu suy nghĩ cẩn thận, chúng ta sẽ hiểu rằng có hai chiến trường. Đối với con người trung bình, chưa phát triển, cõi cảm dục của kama có thể được xem là chiến trường. Có một sự lựa chọn phải được thực hiện giữa dục vọng cao và thấp. Trận chiến này được tiến hành trong dấu hiệu Thiên Bình.

43. When manas is the battleground, it is so especially for advanced human beings and disciples, and the battle occurs in relation to Scorpio (in which sign, Mercury, the major planet of mind, is the hierarchical ruler).

43. Khi manas là chiến trường, điều đó đặc biệt đúng đối với những con người tiến bộ và các đệ tử, và trận chiến xảy ra trong liên hệ với Hổ Cáp (trong dấu hiệu này, Sao Thủy, hành tinh chính của trí tuệ, là chủ tinh huyền môn).

44. The plane of mind is divided between lower and higher manas. It is necessary for there to be some degree of mental focus for

44. Cõi trí được phân chia giữa hạ và thượng manas. Cần phải có một mức độ tập trung trí tuệ nào đó để cuộc đấu tranh lớn giữa hạ trí và thượng trí trở nên trọng đại.

the great struggle between lower and higher mind to become momentous.

45. In one way we can embody the struggle between the Black Lodge and the Great White Lodge as the struggle between lower and higher manas. The members of the Black Lodge are extremely intelligent, but they do not possess the 'mind of love' (the power of Venus). They are focussed in lower manas which is used as the instrument of selfish well.

45. Theo một cách, chúng ta có thể hiện thân cuộc đấu tranh giữa Hắc đoàn và Thánh đoàn như cuộc đấu tranh giữa hạ và thượng manas. Các thành viên của Hắc đoàn cực kỳ thông tuệ, nhưng họ không sở hữu 'trí tuệ của tình thương' (quyền năng của Sao Kim). Họ tập trung trong hạ manas, vốn được dùng như công cụ của ý chí ích kỷ.

46. The great battle fought out in Atlantis (largely on the plane of emotion) is today repeated on a higher turn of the spiral. The current battle involves for many more people, the planet of mind—Mercury.

46. Cuộc chiến lớn diễn ra ở Atlantis (phần lớn trên cõi cảm xúc) ngày nay đang được lặp lại trên một vòng xoắn cao hơn. Cuộc chiến hiện nay liên quan, đối với nhiều người hơn, đến hành tinh của trí tuệ—Sao Thủy.

47. In the next round (so we are told) the "Judgment Day" will focus precisely on the mental plane, and three-fifths will choose the way of higher manas, while two-fifths, remaining focussed in lower manas, will be transferred for further development to another planet.

47. Trong cuộc tuần hoàn kế tiếp (như chúng ta được cho biết), "Ngày Phán Xét" sẽ tập trung chính xác trên cõi trí, và ba phần năm sẽ chọn con đường của thượng manas, trong khi hai phần năm, vẫn còn tập trung trong hạ manas, sẽ được chuyển dịch sang một hành tinh khác để tiếp tục phát triển.

48. In practical terms, does desire influence mind or is it influenced by spiritual love? Mind, balanced in Libra, must eventually go in one direction or the other.

48. Xét theo phương diện thực tiễn, dục vọng ảnh hưởng đến trí tuệ hay nó bị tình thương tinh thần ảnh hưởng? Trí tuệ, được quân bình trong Thiên Bình, cuối cùng phải đi theo hướng này hay hướng kia.

1. The fire of mind, cosmically considered.

1. Lửa của trí tuệ, được xét theo vũ trụ.

2. The fire of mind viewed systemically.

2. Lửa của trí tuệ, được nhìn theo hệ thống.

3. The fire of mind in connection with a human being.

3. Lửa của trí tuệ trong liên hệ với một con người.

49. VSK suggests: "We must keep before us at all times that we are speaking about the

49. VSK gợi ý: "Chúng ta phải luôn ghi nhớ rằng chúng ta đang nói về lửa của trí tuệ,

fire of mind, which is the Second Fire—the Fire of Love. The realisation of the Fire of Mind being the Fire of Love can be pondered best in this light.

vốn là Ngọn Lửa thứ hai—Lửa của Bác ái. Sự chứng nghiệm rằng Lửa của Trí Tuệ là Lửa của Bác ái có thể được suy ngẫm tốt nhất dưới ánh sáng này.

50. When we consider the fire of mind "cosmically", we are considering that fire as it relates to the Solar Logos. It is not to be forgotten that the Solar Logos is a *cosmic* being. From a certain perspective, Planetary Logoi are also cosmic Beings. They are far closer in development to a Solar Logos than man is to them, and their causal bodies are found on the cosmic mental plane.

50. Khi chúng ta xem xét lửa của trí tuệ "theo vũ trụ", chúng ta đang xem xét ngọn lửa ấy trong mối liên hệ với Thái dương Thượng đế. Không nên quên rằng Thái dương Thượng đế là một hữu thể *vũ trụ*. Từ một góc nhìn nào đó, các Hành Tinh Thượng Đế cũng là những Hữu thể vũ trụ. Các Ngài gần với sự phát triển của một Thái dương Thượng đế hơn rất nhiều so với con người đối với Các Ngài, và các thể nguyên nhân của Các Ngài được tìm thấy trên cõi trí vũ trụ.

In other words, what we are endeavoring to do is to study **Mind in a solar Logos, a planetary Logos and in the Microcosm**. Each of these three main divisions may be dealt with under four lesser heads which may be expressed as follows:

Nói cách khác, điều chúng ta đang cố gắng thực hiện là nghiên cứu **Trí Tuệ trong một Thái dương Thượng đế, một Hành Tinh Thượng Đế và trong Tiểu thiên địa**. Mỗi một trong ba phân đoạn chính này có thể được bàn đến dưới bốn đề mục nhỏ hơn, có thể được diễn đạt như sau:

a. The **origin** of cosmic, systemic and microcosmic mind.

a. **Nguồn gốc** của trí tuệ vũ trụ, hệ thống và vi tiểu thiên địa.

b. The **place of mind in evolution** in all three cases.

b. **Vị trí của trí tuệ trong tiến hoá** trong cả ba trường hợp.

c. The **present stage of development** of mind in each of the three groups.

c. **Giai đoạn phát triển hiện tại** của trí tuệ trong mỗi một trong ba nhóm.

d. The **future** of mind, or of manasic unfoldment.

d. **Tương lai** của trí tuệ, hay của sự khai mở manas.

51. We will study three principle types of beings: the Solar Logos, a Planetary Logos and man, the human being.

51. Chúng ta sẽ nghiên cứu ba loại hữu thể nguyên khí: Thái dương Thượng đế, một Hành Tinh Thượng Đế và con người, tức nhân loại.

52. Under each of these categories there will be four modes of study. We will study mind in terms of:

a. Its origin

b. Its place in evolution

c. Its present stage of development

d. Its future

53. We gather that mind, in all three of these types of being, is evolving, becoming more intelligent and more sensitive.

When we have taken up these points, we should have a clearer idea as to the purpose and place of the fire of the intelligence, and should be able accurately to comprehend its correlating synthetic work.

54. We have been speaking of the "fire of mind". We note that, here, the Tibetan calls it the "fire of intelligence". We wish to see whether these are really synonymous phrases.

55. What is the work of the fire of intelligence or the fire of mind:

a. It is correlating work

b. It is synthetic work

56. We notice that the emphasis here is not on analysis and differentiation, as is the tendency of the lower mind.; The excellent functioning of these is presumed.

52. Dưới mỗi loại này sẽ có bốn phương thức nghiên cứu. Chúng ta sẽ nghiên cứu trí tuệ theo các phương diện:

a. Nguồn gốc của nó

b. Vị trí của nó trong tiến hoá

c. Giai đoạn phát triển hiện tại của nó

d. Tương lai của nó

53. Chúng ta hiểu rằng trí tuệ, trong cả ba loại hữu thể này, đang tiến hoá, trở nên thông tuệ hơn và nhạy cảm hơn.

Khi chúng ta đã xét đến những điểm này, chúng ta sẽ có một ý niệm rõ ràng hơn về mục đích và vị trí của lửa của trí năng, và sẽ có thể thấu hiểu một cách chính xác công việc tổng hợp có tính tương quan của nó.

54. Chúng ta đã nói về "lửa của trí tuệ". Chúng ta lưu ý rằng, ở đây, Chân sư Tây Tạng gọi nó là "lửa của trí năng". Chúng ta muốn xem liệu đây có thực sự là những cụm từ đồng nghĩa hay không.

55. Công việc của lửa của trí năng hay lửa của trí tuệ là gì:

a. Đó là công việc tương quan

b. Đó là công việc tổng hợp

56. Chúng ta nhận thấy rằng ở đây trọng tâm không đặt vào sự phân tích và biến phân, như là khuynh hướng của hạ trí.; Hoạt động xuất sắc của những điều này được giả định sẵn.

57. The type of mind here studied is the mind that *fuses.*

58. Thus, particularly, we are studying the *second* aspect of mind.

59. VSK queries: "How do we see the purpose and place of intelligent love, in its correlating synthetic work?"

60. May it be suggested that through a study of the functioning of the planet Venus, the answer to this question may be approached.

Before, however, following up these ideas it might prove of value to us if we sought to define this principle of manas and see what is already understood by it.

61. We proceed with definitions of manas in order to clear our way.

II. DEFINITIONS OF MANAS OR MIND

1. Manas, as we already know, is the fifth principle.

62. Interestingly, MANAS, numerologically, sums to 3. MANAS = 41511=12=3. We note the emphasis on the first aspect—three ones and a five; are found within this word. The word begins with a *four* relating it to man (the *fourth* kingdom) of which it is the most characteristic quality.

63. The first sum of the reduced number is 12, a number of synthesis representing the completed cycle. It also suggests the presence of the first and second rays (1. and

57. Loại trí tuệ được nghiên cứu ở đây là trí tuệ *dung hợp.*

58. Vì vậy, đặc biệt, chúng ta đang nghiên cứu phương diện *thứ hai* của trí tuệ.

59. VSK nêu câu hỏi: "Chúng ta thấy mục đích và vị trí của tình thương thông tuệ như thế nào, trong công việc tổng hợp có tính tương quan của nó?"

60. Có thể gợi ý rằng qua việc nghiên cứu hoạt động của hành tinh Sao Kim, câu trả lời cho câu hỏi này có thể được tiếp cận.

Tuy nhiên, trước khi theo đuổi những ý tưởng này, sẽ có ích cho chúng ta nếu tìm cách định nghĩa nguyên khí manas này và xem điều gì đã được thấu hiểu về nó.

61. Chúng ta tiếp tục với các định nghĩa về manas để dọn đường cho mình.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA VỀ MANAS HAY TRÍ TUỆ

1. Manas, như chúng ta đã biết, là nguyên khí thứ năm.

62. Điều thú vị là MANAS, về mặt số học, có tổng là 3. MANAS = 41511=12=3. Chúng ta lưu ý sự nhấn mạnh vào phương diện thứ nhất—ba số một và một số năm; được tìm thấy trong từ này. Từ này bắt đầu bằng một số *bốn* liên hệ nó với con người (giới *thứ tư*) mà nó là phẩm tính đặc trưng nhất.

63. Tổng đầu tiên của con số rút gọn là 12, một con số của tổng hợp biểu thị chu kỳ hoàn tất. Nó cũng gợi ý sự hiện diện của

2) in this factor which sums to the number of intelligence, 3.

cung một và cung hai (1. và 2) trong yếu tố này, yếu tố có tổng là con số của trí năng, 3.

64. The alpha number of MANAS is 13. + 1. + 14. + 1. + 19. = 48, which reduces to 12. and 3. The 4. and 8. are both numbers of manifestation, suggesting the cross (the 4) and the combination of the Cardinal Cross and Fixed Cross (the 8). The 8. within the 4. is the Christ Consciousness within humanity.

64. Con số alpha của MANAS là 13. + 1. + 14. + 1. + 19. = 48, được rút gọn thành 12. và 3. Số 4. và 8. đều là những con số của biểu hiện, gợi ý thập giá (số 4) và sự kết hợp của Thập Giá Chủ Yếu và Thập Giá Cố Định (số 8). Số 8. bên trong số 4. là Tâm thức Christ bên trong nhân loại.

65. A principle we recall is a direct expression of Spirit's inherent quality.

65. Một nguyên khí, như chúng ta nhớ, là một biểu hiện trực tiếp của phẩm tính cố hữu của tinh thần.

66. Manas as the fifth principle is, in a way, the *fifth* to develop, though it is the *third* to emerge (and the descending arc).

66. Manas như nguyên khí thứ năm, theo một cách nào đó, là cái *thứ năm* phát triển, dù nó là cái *thứ ba* xuất hiện (và cung giáng hạ tiến hoá).

Here enter in certain factors and analogies that it would be of profit to us to mention at this juncture.

Ở đây xuất hiện một số yếu tố và loại suy mà sẽ có ích cho chúng ta nếu đề cập đến vào lúc này.

This fifth principle embodies the basic vibration of the fifth plane, either cosmically or systemically considered.

Nguyên khí thứ năm này thể hiện rung động căn bản của cõi thứ năm, dù được xét theo vũ trụ hay theo hệ thống.

67. The fifth plane is the plane of mind—the mental plane, whether systemic or cosmic.

67. Cõi thứ năm là cõi trí—cõi trí, dù là hệ thống hay vũ trụ.

A certain **sound of the logoic Word**, when it [Page 310] reaches the mental plane, causes a vibration in the matter of that plane, arrests its tendency to dissipate, causes it to take spheroidal form, and builds it literally into a body which is held in coherent shape by a mighty deva Entity, the Raja Lord of the mental plane.

Một **âm điệu nào đó của Linh từ logoi**, khi nó [Page 310] chạm đến cõi trí, gây ra một rung động trong vật chất của cõi ấy, ngăn chặn khuynh hướng làm tiêu tan của nó, khiến nó mang hình cầu, và theo nghĩa đen kiến tạo nó thành một thể được giữ trong hình dạng cố kết bởi một Thực Thể thiên thần hùng mạnh, Chúa Tể Raja của cõi trí.

68. We are dealing here with the formation of the mental plane.

68. Ở đây chúng ta đang bàn đến sự hình thành của cõi trí.

69. The Logos involved in sounding this logoic Word may be considered the Solar Logos. There are many spherical mental planes depending upon the stature of the sounding Logos.

69. Logos liên quan trong việc xướng Linh từ logoi này có thể được xem là Thái dương Thượng đế. Có nhiều cõi trí hình cầu tùy theo tầm vóc của Logos xướng ra.

70. The possibility, however, be dismissed that the Logos sounding the Word is the Planetary Logos.

70. Tuy nhiên, không thể loại bỏ khả năng rằng Logos xướng Linh từ là Hành Tinh Thượng Đế.

71. Let us for clarity tabulate the effects of the sounding of this logoic Word:

71. Để rõ ràng, hãy lập bảng các hiệu quả của việc xướng Linh từ logoi này:

a. It reaches the mental plane

a. Nó chạm đến cõi trí

b. It causes a vibration in the matter of that plane

b. Nó gây ra một rung động trong vật chất của cõi ấy

c. It arrests the tendency of the matter of the mental plane to dissipate [thus it must have a cohesive effect]

c. Nó ngăn chặn khuynh hướng làm tiêu tan của vật chất cõi trí [như vậy nó hẳn phải có một hiệu quả cố kết]

d. It causes the matter of the mental plane to take spheroidal form [this suggests a cohesive Jupiterian energy— 'sphere-forming']

d. Nó khiến vật chất của cõi trí mang hình cầu [điều này gợi ý một năng lượng Sao Mộc có tính cố kết—'tạo hình cầu']

e. It builds the matter of the mental plane into a spheroidal body which is held in coherent shape by the Raja Deva Lord of the mental plane—Agni.

e. Nó kiến tạo vật chất của cõi trí thành một thể hình cầu được giữ trong hình dạng cố kết bởi Chúa Tể Raja Deva của cõi trí—Agni.

72. We see that mental matter, left to its own tendencies, is dissipative, and tends to lack coherence. In this respect is responds to the individualistic third ray.

72. Chúng ta thấy rằng vật chất trí tuệ, nếu bị bỏ mặc cho các khuynh hướng riêng của nó, thì có tính làm tiêu tan và có xu hướng thiếu sự cố kết. Về phương diện này, nó đáp ứng với cung ba mang tính cá thể hóa.

73. We see the mental plane is involved with concretizing spheroidal forms, condensing thoughtforms.

73. Chúng ta thấy cõi trí liên quan đến việc cụ thể hóa các hình tướng hình cầu, làm ngưng tụ các hình tư tưởng.

74. One of the functions of the Raja Deva Lords is here revealed; it holds a spherical plane in coherence.

74. Một trong những chức năng của các Chúa Tể Raja Deva được tiết lộ ở đây; nó giữ một cõi hình cầu trong sự cố kết.

75. A plane within the ring-pass-not of any entity is spherical within that entity. The plane, of course, extends well beyond the ring-pass-not of that entity, but the part of the plane that concerns the entity is spherical in nature.

75. Một cõi nằm trong vòng-giới-hạn của bất kỳ thực thể nào đều có tính hình cầu bên trong thực thể ấy. Dĩ nhiên, cõi đó mở rộng vượt xa vòng-giới-hạn của thực thể ấy, nhưng phần của cõi liên quan đến thực thể ấy thì có bản chất hình cầu.

76. One might wonder whether all that could possibly be related to the planar structure of cosmos is as one great universal sphere.

76. Người ta có thể tự hỏi liệu tất cả những gì có thể liên hệ đến cấu trúc cõi của vũ trụ có phải là một đại khối cầu phổ quát duy nhất hay không.

77. VSK suggests: "This is a manifesting tendency of the *fifth* ray, making things practical. It is a major ray of the Aquarian Era. Relation to White Magic and occultism etc.

77. VSK gợi ý: "Đây là một khuynh hướng biểu hiện của cung *năm*, làm cho sự vật trở nên thực tiễn. Đó là một cung chính của Kỷ Nguyên Bảo Bình. Liên hệ với Chánh Thuật và huyền bí học v.v.

78. VSK asks: "Is this is saying that 'our' mind is part of a spheroidal body? What are the images or other wordings that come to mind? Analogies?"

78. VSK hỏi: "Điều này có phải đang nói rằng trí tuệ 'của chúng ta' là một phần của một thể hình cầu không? Những hình ảnh hay cách diễn đạt nào khác xuất hiện trong trí? Những loại suy?"

Exactly the same procedure ensued on cosmic levels, when a still mightier sound was uttered by the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID, and the utterance of this caused a vibration on the fifth cosmic plane.

Chính cùng một tiến trình ấy đã tiếp diễn trên các cấp độ vũ trụ, khi một âm thanh còn hùng mạnh hơn nữa được xướng lên bởi Đấng Bất Khả Tư Nghị, và sự phát ngôn này đã gây ra một rung động trên cõi vũ trụ thứ năm.

79. We understand that there is such a thing as a solar logoic Solar Angel. The sounding forth of the cosmic logoic Word of the One

79. Chúng ta hiểu rằng có một thực tại như Thái dương Thiên Thần mang tính logoi thái dương. Việc xướng ra Linh từ logoi vũ trụ

About Whom Naught May Be Said (whichever of the 'Ones' that may be), may relate to the possibility of the activation of this solar logoic Solar Angel and the beginning of the incarnation of the Solar Logos through a cosmic personality (and also of six other major Solar Logoi through their cosmic personalities.

của Đấng Bất Khả Tư Nghị (dù đó có thể là "Đấng" nào đi nữa), có thể liên hệ đến khả năng hoạt hóa Thái dương Thiên Thần mang tính logoi thái dương này và sự khởi đầu của việc lâm phàm của Thái dương Thượng đế qua một phàm ngã vũ trụ (và cũng của sáu Thái dương Thượng đế lớn khác qua các phàm ngã vũ trụ của Các Ngài.

A solar Logos uses for His energy centres the planetary schemes, each of which embodies a peculiar type of energy, and each of which, therefore, **vibrates to the key of the logoic solar Angel, of which the human solar Angel is a dim reflection. (TCF 1161)**

Một Thái dương Thượng đế dùng các hệ hành tinh làm các trung tâm năng lượng của Ngài, mỗi hệ hành tinh thể hiện một loại năng lượng đặc thù, và vì thế, **rung động theo chủ âm của Thái dương Thiên Thần logoi, mà Thái dương Thiên Thần nhân loại chỉ là một phản ánh mờ nhạt. (TCF 1161)**

Certain great Entities became active, including such relatively unimportant Beings as **our solar Logos and His group.**

Một số Thực Thể vĩ đại đã trở nên hoạt động, kể cả những Hữu thể tương đối không quan trọng như **Thái dương Thượng đế của chúng ta và nhóm của Ngài.**

80. Perhaps the One About Whom Naught May Be Said here sounding is, indeed, the Super-Cosmic Logos and not just a Cosmic Logos. A Super-Cosmic Logos manifests through seven constellations, each of which is as a major chakra. A Cosmic Logos manifests through seven Solar Logoi, each of which is as a major chakra.

80. Có lẽ Đấng Bất Khả Tư Nghị đang xướng ở đây quả thật là Thượng đế Siêu-Vũ trụ chứ không chỉ là một Thượng đế Vũ trụ. Một Thượng đế Siêu-Vũ trụ biểu hiện qua bảy chòm sao, mỗi chòm như một luân xa chính. Một Thượng đế Vũ trụ biểu hiện qua bảy Thái dương Thượng đế, mỗi vị như một luân xa chính.

81. What is the "group" of our Solar Logos? We can think of it as the Seven Solar Systems of Which Ours is One, and what is being said here is that the sounding of the great cosmic logoic Word (really—it should be called a super-cosmic logoic Word if we accept the hypothesis that a Super-Cosmic Logos is the One sounding it) brings about the higher mental plane structure of our Solar Logos and the six other Solar Logoi Who

81. "Nhóm" của Thái dương Thượng đế của chúng ta là gì? Chúng ta có thể nghĩ về nó như Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó, và điều đang được nói ở đây là việc xướng lên Linh từ logoi vũ trụ vĩ đại (thật ra—nó nên được gọi là một Linh từ logoi siêu-vũ trụ nếu chúng ta chấp nhận giả thuyết rằng một Thượng đế Siêu-Vũ trụ là Đấng đang xướng nó) tạo ra cấu trúc cõi thượng trí của Thái dương Thượng đế của chúng ta và của sáu Thái dương Thượng đế

accompany Him as part of the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

82. What is clear is the One About Whom Naught May Be Said (as that term is used here) is *different from* the "group" of our solar Logos (and its informing Life. The solar logoic "group" is a lower aggregation included somehow within the being of a Super-Cosmic Logos—the One Who sounds the Word here discussed.

83. There is also the possibility, and it cannot be immediately dismissed, that the One Who sounds the Word is only the Cosmic Logos Who includes within His being the Seven Solar Systems of Which Ours is One.

84. The phrase "One About Whom Naught May Be Said" has (as we will discover from the contexts in which it is used) two or even three levels of meaning:

a. A Cosmic Logos

b. A Super-Cosmic Logos

c. Our Galactic Logos

85. To these levels we could add others, until finally we truly reach the ONE about WHOM absolutely nothing (true) may be said.

86. VSK calls to our attention: "Referencing chart Evolution of Matter, TCR 56, we note the 6th Tanmatra caused the outpicturing of the 'Agni-tattvic' plane".

khác đi cùng Ngài như một phần của Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó.

82. Điều rõ ràng là Đấng Bất Khả Tư Nghị (theo cách thuật ngữ ấy được dùng ở đây) thì *khác với* "nhóm" của Thái dương Thượng đế của chúng ta (và Sự sống thấm nhuần nhóm ấy). "Nhóm" logoi thái dương là một tập hợp thấp hơn, bằng cách nào đó được bao hàm trong bản thể của một Thượng đế Siêu-Vũ trụ—Đấng xướng Linh từ đang được bàn đến ở đây.

83. Cũng có khả năng, và không thể lập tức bác bỏ, rằng Đấng xướng Linh từ chỉ là Thượng đế Vũ trụ, Đấng bao gồm trong bản thể của Ngài Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó.

84. Cụm từ "Đấng Bất Khả Tư Nghị" có (như chúng ta sẽ khám phá từ các ngữ cảnh trong đó nó được dùng) hai hay thậm chí ba cấp độ ý nghĩa:

a. Một Thượng đế Vũ trụ

b. Một Thượng đế Siêu-Vũ trụ

c. Thượng đế Ngân Hà của chúng ta

85. Vào các cấp độ này, chúng ta có thể thêm những cấp độ khác nữa, cho đến khi cuối cùng chúng ta thật sự đạt đến ĐẤNG mà về ĐẤNG ấy tuyệt đối không thể nói điều gì (đúng thực).

86. VSK lưu ý chúng ta: "Tham chiếu biểu đồ Sự tiến hoá của Vật chất, TCR 56, chúng ta lưu ý rằng thứ 6 Tanmatra đã gây ra sự biểu hiện ra ngoài của cõi 'Agni-tattvic'".

87. It should be noted that this chart refers only to the cosmic physical plane.

87. Cần lưu ý rằng biểu đồ này chỉ đề cập đến cõi hồng trần vũ trụ mà thôi.

88. Could a correspondence to this outpicturing also refer to cosmic levels?

88. Liệu một tương ứng với sự biểu hiện ra ngoài này cũng có thể quy chiếu đến các cấp độ vũ trụ chăng?

This fifth principle is the distinctive coloring of **a particular group of solar Logoi on the causal level of the cosmic mental,** and is the animating factor of Their Existence, the reason of Their manifesting through various solar systems, and the great Will-to-be that brings Them forth into objectivity.

Nguyên khí thứ năm này là sắc thái đặc trưng của **một nhóm Thái dương Thượng đế đặc biệt trên cấp độ nguyên nhân của cõi trí vũ trụ,** và là yếu tố linh hoạt của Sự Tồn Tại của Các Ngài, là lý do khiến Các Ngài biểu hiện qua nhiều hệ mặt trời khác nhau, và là Ý Chí-hiện hữu vĩ đại đưa Các Ngài vào tính khách quan.

89. We are speaking of a "particular *group* of Solar Logoi on the cosmic mental" plane. Is the "group" of Solar Logoi to which *our* Solar Logos belongs?

89. Chúng ta đang nói về một "*nhóm* Thái dương Thượng đế đặc biệt trên cõi trí vũ trụ". Có phải đó là "nhóm" Thái dương Thượng đế mà *Thái dương Thượng đế* của chúng ta thuộc về không?

90. It is probable (because Sirius is so close to our Solar Logos—only 8. ly away) that our Solar Logos belongs to the same group of Solar Logoi as Sirius does. But is it a group in which the *fifth* principle and ray are prominent?

90. Có lẽ là đúng (vì Sirius ở rất gần Thái dương Thượng đế của chúng ta—chỉ cách 8. năm ánh sáng) rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta thuộc cùng một nhóm Thái dương Thượng đế như Sirius. Nhưng đó có phải là một nhóm trong đó nguyên khí và cung *thứ năm* nổi trội không?

91. Sirius is likely to be the leading star in this group, thus, this group has been called by thoughtful theorists the "Sirian System" (as opposed to the Logos of the star, Sirius, which is hypothetically simply a part of the "Sirian System").

91. Sirius có lẽ là ngôi sao dẫn đầu trong nhóm này; vì vậy, nhóm này đã được các nhà lý thuyết sâu sắc gọi là "Hệ Sirius" (đối lập với Thượng đế của ngôi sao Sirius, mà theo giả thuyết chỉ đơn giản là một phần của "Hệ Sirius").

92. We know that the star Sirius in informed by a Solar Logos closely identified with the principle of manas, in this case, *cosmic* manas.

92. Chúng ta biết rằng ngôi sao Sirius được thấm nhuần bởi một Thái dương Thượng đế được đồng nhất chặt chẽ với nguyên khí manas, trong trường hợp này là *manas* vũ trụ.

93. Perhaps the quality of the "Sirian System" (taking its coloration from its hypothetically leading star, Sirius) has much *fifth* principle and *fifth* ray in it?

93. Có lẽ phẩm tính của "Hệ Sirius" (mang sắc thái từ ngôi sao dẫn đầu theo giả thuyết của nó là Sirius) có rất nhiều nguyên khí *thứ năm* và cung *thứ năm* trong đó chăng?

94. If we hypothesize that the group of Solar Logoi to which our Solar Logos and the Solar Logos of the star, Sirius, belongs, is much qualified by the *fifth* principle and *fifth* ray, we would have to correlate this hypothesis with the thought that the Cosmic Logos of the Sirian System may well correlate with the cosmic solar plexus center of the One About Whom Naught May Be Said. We seem, here, to have a prescription for kama-manas.

94. Nếu chúng ta giả định rằng nhóm Thái dương Thượng đế mà Thái dương Thượng đế của chúng ta và Thái dương Thượng đế của ngôi sao Sirius cùng thuộc về, được định tính rất nhiều bởi nguyên khí *thứ năm* và cung *thứ năm*, thì chúng ta sẽ phải liên hệ giả thuyết này với ý tưởng rằng Thượng đế Vũ trụ của Hệ Sirius rất có thể tương ứng với trung tâm tùng thái dương vũ trụ của Đấng Bất Khả Tư Nghị. Ở đây, dường như chúng ta có một công thức cho trí-cảm.

95. This seems a difficult correlation until it is remembered that the solar plexus center (though it expresses the sixth ray as do all solar plexus centers) is nevertheless the *fifth* center numbering the chakras from above.

95. Điều này dường như là một tương quan khó khăn cho đến khi nhớ rằng trung tâm tùng thái dương (dù nó biểu lộ cung sáu như mọi trung tâm tùng thái dương đều làm) tuy vậy vẫn là trung tâm *thứ năm* nếu đánh số các luân xa từ trên xuống.

96. So, perhaps, these two hypotheses can be reconciled—namely, a cosmic solar plexus center which is associated with the fifth principle and fifth ray. Or perhaps, not.

96. Vì vậy, có lẽ hai giả thuyết này có thể được hòa giải—tức là, một trung tâm tùng thái dương vũ trụ gắn liền với nguyên khí thứ năm và cung năm. Hoặc có lẽ không.

97. It may be that the our solar system is not a member of that group of Solar Logoi Who are particularly qualified by the fifth ray. If not, we would wonder why DK is meaning that group here.

97. Có thể hệ mặt trời của chúng ta không phải là một thành viên của nhóm Thái dương Thượng đế đặc biệt được định tính bởi cung năm. Nếu không phải vậy, chúng ta sẽ tự hỏi vì sao Chân sư DK lại muốn nói đến nhóm ấy ở đây.

98. We are speaking of a group of Solar Logoi, the coloring of which is closely related to the fifth principle. Let us correlate what is said of this particular group of Solar Logoi on cosmic mental levels:

98. Chúng ta đang nói về một nhóm Thái dương Thượng đế mà sắc thái của nhóm ấy liên hệ chặt chẽ với nguyên khí thứ năm. Hãy liên hệ điều được nói về nhóm Thái dương Thượng đế đặc biệt này trên các cấp độ trí tuệ vũ trụ:

a. It has for its distinctive coloring the fifth principle

a. Nhóm ấy có nguyên khí thứ năm làm sắc thái đặc trưng

b. The fifth principle is the animating factor of Their Existence

b. Nguyên khí thứ năm là yếu tố linh hoạt của Sự Tồn Tại của Các Ngài

c. The fifth principle is the reason for the manifesting of the members of this group of Solar Logoi through various solar systems.

c. Nguyên khí thứ năm là lý do cho sự biểu hiện của các thành viên trong nhóm Thái dương Thượng đế này qua nhiều hệ mặt trời khác nhau.

d. The fifth principle is the great Will-to-be that brings the members of this group of Solar Logoi forth into objectivity.

d. Nguyên khí thứ năm là Ý Chí-hiện hữu vĩ đại đưa các thành viên của nhóm Thái dương Thượng đế này vào tính khách quan.

99. We could be saying that the Cosmic Logos that works through the Seven Solar Systems of Which Ours is One, is largely colored by the fifth principle.

99. Chúng ta có thể đang nói rằng Thượng đế Vũ trụ hoạt động qua Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó, phần lớn được nhuốm màu bởi nguyên khí thứ năm.

100. With this must be reconciled the idea that our particular Solar Logos is very astral-buddhic in nature and may not have much of the fifth ray, per se, and is only now working on cosmic mind.

100. Cùng với điều này phải được hòa giải ý tưởng rằng Thái dương Thượng đế đặc thù của chúng ta có bản chất rất cảm dục-Bồ đề và có thể không có nhiều cung năm, chính nó, và chỉ hiện nay mới đang hoạt động trên trí tuệ vũ trụ.

101. If this set up has merit, then each of seven constellational systems representing the seven chakras in the One About Whom Naught May Be Said, may be dedicated to the expression of a particular principle, and the principle and the chakra number may correlate.

101. Nếu cách sắp đặt này có giá trị, thì mỗi một trong bảy hệ chòm sao tượng trưng cho bảy luân xa trong Đấng Bất Khả Tư Nghị có thể được hiến dâng cho sự biểu lộ của một nguyên khí đặc biệt, và nguyên khí cùng số luân xa có thể tương ứng với nhau.

102. In other words, the group of seven solar systems which represents the sacral center of the One About Whom Naught May Be Said will be the group through which the *sixth principle* (numbering from above) will express—this principle will be cosmic kama

102. Nói cách khác, nhóm bảy hệ mặt trời tượng trưng cho trung tâm xương cùng của Đấng Bất Khả Tư Nghị sẽ là nhóm mà qua đó nguyên khí *thứ sáu* (đánh số từ trên xuống) sẽ biểu lộ—nguyên khí này sẽ là kama vũ trụ (dù chúng ta cũng có thể gọi nó là nguyên khí *thứ hai* nếu đánh số từ dưới lên).

(through we could also call it the *second principle* if we numbered from below).

103. VSK offers some fascinating thoughts on color:

a. "Likely colours for the *fifth* plane and principle and mind are the dual Indigo-Blue, and complements Yellow or Gold, and Orange, the colour of flame. We can consider it the colour out-pictured in the air, the blue of day and. The yellow gold is the fire of the exoteric sun and reflected moon as it divides the sky into north and south. Like abstract and concrete.

b. We can think of these two colours also as 'flames in the sky', the 'agnishvattas from heaven' who embody the colours of fire in the vast plane of mind, the sky.

c. The Fifth principle is that which the Second Ray uses and is most emphasized in the second solar system. Hence, the Blue of the Second Ray, tied to the Indigo-Blue of the abstract and concretizing mind.

Manas has been defined as mind, or that **faculty of logical deduction and reasoning, and of rational activity that distinguishes man from the animals.**

104. We have here a *preliminary* definition of manas.

105. Man has—

a. Logical faculty

b. Deductive faculty

103. VSK đưa ra một số suy tưởng hấp dẫn về màu sắc:

a. "Những màu có khả năng dành cho cõi, nguyên khí và trí tuệ *thứ năm* là cặp màu Chàm-Xanh lam, và các màu bổ sung là Vàng hay Kim sắc, và Cam, màu của ngọn lửa. Chúng ta có thể xem đó là màu được biểu hiện trong không khí, màu xanh của ban ngày và. Màu vàng kim là lửa của mặt trời ngoại môn và mặt trăng phản chiếu khi nó chia bầu trời thành bắc và nam. Giống như trừu tượng và cụ thể.

b. Chúng ta cũng có thể nghĩ về hai màu này như 'những ngọn lửa trên trời', các 'agnishvattas từ thiên giới' là những vị thể hiện các màu của lửa trong cõi trí bao la, tức bầu trời.

c. Nguyên khí Thứ Năm là điều mà Cung hai sử dụng và được nhấn mạnh nhất trong hệ mặt trời thứ hai. Vì thế, màu Xanh lam của Cung hai gắn với màu Chàm-Xanh lam của trí trừu tượng và trí cụ thể hóa.

Manas đã được định nghĩa là trí tuệ, hay là **năng lực suy luận logic và lý giải, và của hoạt động hợp lý, điều phân biệt con người với loài vật.**

104. Ở đây chúng ta có một định nghĩa *sơ bộ* về manas.

105. Con người có—

a. Năng lực logic

b. Năng lực suy diễn

c. Reasoning faculty

106. Animals do not (or if so, only in embryo).

107. These faculties structure the relations between 'presentations to consciousness'.

108. Animals do not consciously *know* how one set of circumstances leads to another. A rational human being using reasoned deduction and induction learns the causal relations between one set of circumstances and another. A human being learns 'what leads to what'.

Yet it is something much more than that **for it underlies all manifestation**, and the very shape of an amoeba, and the discriminative faculty of the lowest atom or cell, is actuated by mind of some kind or another.

109. We are given an extension of the meaning of manas. We are told that manas —

a. Underlies all manifestation

b. Is responsible for the kind of discriminative faculty to be found in the lowest atom or cell

110. So manifestation and discrimination are two factors to be associated with manas when it is understood more broadly.

It is only as the place of that discriminating cell or atom **within its greater sphere** is apprehended, and recognised, that any clear conception will be gained of what that

c. Năng lực lý giải

106. Loài vật thì không có (hoặc nếu có, chỉ ở dạng phôi thai).

107. Những năng lực này cấu trúc các mối liên hệ giữa những "trình hiện đối với tâm thức".

108. Loài vật không *biết* một cách có ý thức rằng một tập hợp hoàn cảnh dẫn đến một tập hợp khác như thế nào. Một con người hữu lý sử dụng suy diễn và quy nạp có lý lẽ sẽ học được các quan hệ nhân quả giữa tập hợp hoàn cảnh này với tập hợp hoàn cảnh khác. Con người học được "điều gì dẫn đến điều gì".

Tuy vậy, nó còn hơn thế rất nhiều vì nó **nằm bên dưới mọi biểu hiện**, và chính hình dạng của một amip, cùng với năng lực phân biện của nguyên tử hay tế bào thấp nhất, đều được thúc đẩy bởi một loại trí tuệ nào đó.

109. Chúng ta được trao cho một sự mở rộng ý nghĩa của manas. Chúng ta được bảo rằng manas—

a. Nằm bên dưới mọi biểu hiện

b. Chịu trách nhiệm cho loại năng lực phân biện được tìm thấy trong nguyên tử hay tế bào thấp nhất

110. Vì vậy, biểu hiện và sự phân biện là hai yếu tố cần được gắn với manas khi nó được hiểu theo nghĩa rộng hơn.

Chỉ khi vị trí của tế bào hay nguyên tử có tính phân biện ấy **trong khối cầu lớn hơn của nó** được lĩnh hội và được nhận biết, thì mới có thể đạt được một quan niệm rõ ràng

coherent rational inclusive mentality may be.

111. To what sort of entity does "that coherent rational inclusive mentality" belong? It seems to be the mentality expressed within and by the "greater sphere", rather than that pertaining to the "discriminating cell or atom", for the words "coherent", "rational" and "inclusive" are mentioned, which hardly seem relevant to the low level of manas expressed through a discriminating cell or atom.

112. VSK would have us note that "the use of the phrases like 'discriminative faculty', 'discriminating cell', 'coherent rational inclusive mentality', all are echoes of the *fifth* ray".

2. Manas is electricity. [21]

[21]: Electricity:

..."**We know of no phenomenon in nature—entirely unconnected with either magnetism or electricity**—since, where there are motion, heat, friction, light, there magnetism and its Alter Ego (according to our humble opinion)—**electricity will always appear, as either cause or effect—or rather both** if we but fathom the manifestation to its origin.

113. It is fascinating to consider that electricity is the "Alter Ego" of magnetism.

114. The term "alter ego" is used in esoteric astrology in relation to the pairs Earth and Venus; and Pluto and Mars. Venus is the alter ego of Earth and Mars is the alter ego of Pluto.

nào đó về điều mà **trí tuệ bao gồm hợp lý mạch lạc** ấy có thể là.

111. "Trí tuệ bao gồm hợp lý mạch lạc" ấy thuộc về loại thực thể nào? Dường như đó là trí tuệ được biểu lộ bên trong và bởi "khối cầu lớn hơn", hơn là trí tuệ thuộc về "tế bào hay nguyên tử có tính phân biện", vì các từ "mạch lạc", "hợp lý" và "bao gồm" được nêu ra, mà hầu như không có vẻ thích đáng đối với cấp độ thấp của manas được biểu lộ qua một tế bào hay nguyên tử có tính phân biện.

112. VSK muốn chúng ta lưu ý rằng "việc dùng những cụm từ như 'năng lực phân biện', 'tế bào có tính phân biện', 'trí tuệ bao gồm hợp lý mạch lạc', tất cả đều là những tiếng vọng của cung *thứ năm*".

2. Manas là điện.21

21: Điện:

..."**Chúng ta không biết một hiện tượng nào trong thiên nhiên—hoàn toàn không liên hệ với từ điện hay điện**—vì ở đâu có chuyển động, nhiệt, ma sát, ánh sáng, ở đó từ điện và Bản Ngã Cao Siêu của nó (theo ý kiến khiêm tốn của chúng tôi)—**điện sẽ luôn luôn xuất hiện, hoặc như nguyên nhân hoặc như kết quả—hay đúng hơn là cả hai** nếu chúng ta dò thấu biểu hiện đến tận nguồn gốc của nó.

113. Thật hấp dẫn khi suy xét rằng điện là "Bản Ngã Cao Siêu" của từ điện.

114. Thuật ngữ "alter ego" được dùng trong chiêm tinh học nội môn liên hệ với các cặp Trái Đất và Sao Kim; và Sao Diêm Vương và Sao Hỏa. Sao Kim là alter ego của Trái Đất và Sao Hỏa là alter ego của Sao Diêm Vương.

115. That one of the pair which is usually called the “alter ego” is generally *higher* in its development.

115. Một trong hai thành viên của cặp thường được gọi là “alter ego” nói chung *cao hơn* trong sự phát triển của nó.

116. Can electricity (the alter ego of magnetism) then be considered as a more developed phenomenon than magnetism? A strange question, really.

116. Vậy thì điện (alter ego của từ điện) có thể được xem là một hiện tượng phát triển hơn từ điện chăng? Quả là một câu hỏi lạ.

117. In this excerpt electricity is referred to as both cause and effect in relation to motion, heat, friction and light.

117. Trong đoạn trích này, điện được nói đến như vừa là nguyên nhân vừa là kết quả liên hệ với chuyển động, nhiệt, ma sát và ánh sáng.

118. When electricity flows, magnetism is generated. We also know that magnetism can induce the flow of electricity.

118. Khi điện lưu chuyển, từ điện được tạo ra. Chúng ta cũng biết rằng từ điện có thể cảm ứng dòng điện lưu chuyển.

119. With both electricity and magnetism we have the *fundamental relations* between things (a relation to be understood at a foundational level).

119. Với cả điện lẫn từ điện, chúng ta có những *quan hệ nền tảng* giữa các sự vật (một quan hệ cần được hiểu ở cấp độ cơ sở).

All the phenomena of earth currents, terrestrial magnetism and atmospheric electricity, are due to the fact that the earth is an electrified conductor, whose potential is ever changing owing to its rotation and its annual orbital motion, the successive cooling and heating of the air, the formation of clouds and rain, storms and winds, etc.

Mọi hiện tượng của các dòng điện địa cầu, từ điện địa cầu và điện khí quyển đều là do sự kiện rằng trái đất là một vật dẫn điện, mà điện thế của nó luôn thay đổi do sự tự quay và chuyển động quỹ đạo hằng năm của nó, do sự làm lạnh và làm nóng kế tiếp của không khí, do sự hình thành của mây và mưa, bão tố và gió, v.v.

120. The following phenomena are due to the fact that earth is an electrified conductor with an ever changing potential due to its:

120. Các hiện tượng sau đây là do sự kiện rằng trái đất là một vật dẫn điện với điện thế luôn thay đổi do:

a. rotation

a. sự tự quay

b. its annual orbital motion

b. chuyển động quỹ đạo hằng năm của nó

c. the successive cooling and heating of air

c. the successive cooling and heating of the air

d. the formation of clouds and rain, storms and winds

121. These phenomena are:

a. Earth currents

b. Terrestrial magnetism

c. Atmospheric electricity

This you may perhaps find in some text book. But then Science would be unwilling to admit that **all these changes are due to Akasic magnetism incessantly generating electric currents which tend to restore the disturbed equilibrium."**

122. We are considering a number of changes associated with Earth processes. A. P. Sinnett is saying that they are all generated by "Akasic magnetism incessantly generating electric currents which tend to restore the disturbed equilibrium".

123. We have, then, the idea of electrical current as a means of restoring disturbed equilibrium. There is definitely a relation between electricity, the third ray and the sign of equilibrium, Libra.

c. sự làm lạnh và làm nóng kế tiếp của không khí

d. sự hình thành của mây và mưa, bão tố và gió

121. Những hiện tượng này là:

a. Các dòng điện địa cầu

b. Từ điện địa cầu

c. Điện khí quyển

Có lẽ bạn có thể tìm thấy điều này trong một sách giáo khoa nào đó. Nhưng rồi Khoa học sẽ không sẵn lòng thừa nhận rằng **mọi biến đổi này đều là do từ điện Akasic không ngừng tạo ra các dòng điện có khuynh hướng phục hồi trạng thái quân bình bị xáo trộn."**

122. Chúng ta đang xét đến một số biến đổi gắn với các tiến trình của Trái Đất. A. P. Sinnett đang nói rằng tất cả chúng đều được tạo ra bởi "từ điện Akasic không ngừng tạo ra các dòng điện có khuynh hướng phục hồi trạng thái quân bình bị xáo trộn".

123. Như vậy, chúng ta có ý tưởng về dòng điện như một phương tiện để phục hồi trạng thái quân bình bị xáo trộn. Chắc chắn có một mối liên hệ giữa điện, cung ba và dấu hiệu của quân bình, Thiên Bình.

124. When we speak of “Akasic magnetism” are we talking of the Akasha to be associated with the second etheric sub-plane, or the sub-atomic sub-plane? Perhaps. It does not seem likely that we are speaking of the second or akashic sub-plane of the cosmic physical plane—i.e., the monadic plane.

124. Khi chúng ta nói về “từ điện Akasic”, liệu chúng ta có đang nói về Akasha gắn với cõi phụ dĩ thái thứ hai, hay cõi phụ hạ nguyên tử không? Có lẽ vậy. Dường như không có khả năng là chúng ta đang nói về cõi phụ thứ hai hay cõi phụ akashic của cõi hồng trần vũ trụ—tức cõi chân thần.

..."The sun is neither a Solid nor a Liquid, nor yet a gaseous glow; but a gigantic ball of electro-magnetic Forces, the store-house of universal Life and Motion, from which the latter pulsate in all directions, feeding the smallest atom as the greatest genius with the same material unto the end of the Maha Yug."—Mahatma Letters to A. P. Sinnett,

..."Mặt trời không phải là một khối rắn, cũng không phải là một chất lỏng, lại càng không phải là một khối sáng khí thể; mà là một quả cầu khổng lồ của các Mãnh Lực điện-từ, kho chứa của Sự sống và Chuyển động phổ quát, từ đó hai điều sau cùng đập nhịp theo mọi hướng, nuôi dưỡng nguyên tử nhỏ nhất cũng như thiên tài vĩ đại nhất bằng cùng một chất liệu cho đến tận cuối Đại Kỷ Nguyên."—Thư Mahatma gửi A. P. Sinnett,

125. VSK suggests: “Some one of the scientists among the group may wish to review the basic statements here in terms of veracity to current thinking”. Lyn? Jose?

125. VSK gợi ý: “Một ai đó trong số các nhà khoa học trong nhóm có thể muốn xem xét lại những phát biểu cơ bản ở đây xét theo mức độ chân xác đối với tư duy hiện tại”. Lyn? Jose?

126. This description of the sun, though more than a century old, seems to refer to it in terms of the fourth ether, with which most electrical phenomena with which we are familiar are to be associated.

126. Mô tả này về mặt trời, dù đã hơn một thế kỷ, dường như quy chiếu nó theo phương diện dĩ thái thứ tư, mà phần lớn các hiện tượng điện quen thuộc với chúng ta cần được gắn với đó.

127. In fact, we seem to be dealing with what, in TCF, is called “active fire” or “radiatory fire”.

127. Thật ra, dường như chúng ta đang bàn đến điều mà trong TCF được gọi là “lửa hoạt động” hay “lửa bức xạ”.

128. We note the manner in which the term “universal” is used, and realize that it relates to our solar system—our particular “universe”.

128. Chúng ta lưu ý cách thuật ngữ “phổ quát” được dùng, và nhận ra rằng nó liên hệ đến hệ mặt trời của chúng ta—“vũ trụ” đặc thù của chúng ta.

The fire of Mind is fundamentally electricity, shown in its higher workings,

Lửa của Trí Tuệ về căn bản là điện, được biểu lộ trong các hoạt động cao hơn của nó,

and not considered so much as [Page 311] force in matter.

129. Here is an important equivalence between Mind and electricity. We see that there are higher and lower forms of electricity. This is definitely to be borne in mind.

130. Mind is electricity in some of its higher workings; normal electricity is force in matter—but even so may not be entirely divorced from Mind.

131. Mind (we might way) works through the electro-magnetic aggregation of the contents of consciousness.

Electricity in the solar system shows itself in seven major forms, which might be expressed as follows:

132. Every one of the seven sub-planes of the cosmic physical plane is an electrical phenomenon. Let us ponder on this.

Electricity on the first plane, the logoic or divine, demonstrates as the Will-to-be, the **primary aspect of that force which eventually results in objectivity.** Cosmically considered, it is that initial impulse or vibration, which **emanates from the logoic causal body on the cosmic mental plane**, and makes contact with the first cosmic etheric, or the solar plane of adi.

133. We note how in the discussion of Manas we are immediately led into a discussion of electricity.

134. We are given a technical definition the first type of electricity as it appears on the

và không được xem quá nhiều như là [Page 311] mãnh lực trong vật chất.

129. Ở đây có một sự tương đương quan trọng giữa Trí Tuệ và điện. Chúng ta thấy rằng có những hình thức điện cao hơn và thấp hơn. Điều này nhất định phải được ghi nhớ.

130. Trí Tuệ là điện trong một số hoạt động cao hơn của nó; điện thông thường là mãnh lực trong vật chất—nhưng ngay cả như vậy, nó cũng có thể không hoàn toàn tách rời khỏi Trí Tuệ.

131. Trí Tuệ (chúng ta có thể nói) hoạt động qua sự tập hợp điện-từ của các nội dung của tâm thức.

Điện trong hệ mặt trời biểu lộ thành bảy hình thức chính, có thể được trình bày như sau:

132. Mỗi một trong bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ đều là một hiện tượng điện. Hãy suy ngẫm về điều này.

Điện trên cõi thứ nhất, cõi logoi hay thiêng liêng, biểu lộ như Ý Chí-hiện hữu, là **phương diện sơ khởi của mãnh lực rốt cuộc dẫn đến tính khách quan.** Xét về mặt vũ trụ, đó là xung lực hay rung động ban đầu, **phát ra từ thể nguyên nhân logoi trên cõi trí vũ trụ**, và tiếp xúc với dĩ thái vũ trụ thứ nhất, hay cõi mặt trời của adi.

133. Chúng ta lưu ý rằng trong cuộc bàn luận về Manas, chúng ta lập tức được dẫn vào một cuộc bàn luận về điện.

134. Chúng ta được trao cho một định nghĩa kỹ thuật về loại điện thứ nhất khi nó xuất

first sub-plane of the cosmic physical plane (our logoic plane).

135. The electricity of the first cosmic physical sub-plane demonstrates as the "Will-to-be which substands that force which eventually results in objectivity.

136. So there are three things here to be considered:

a. The Will-to-be

b. That force producing objectivity which the Will-to-be substands

c. Objectivity itself.

137. It would seem that the Will-to-be substands the fifth principle just as the first ray substands the fifth.

138. VSK asks: "How might this be related to Son of Necessity?"

139. The electricity of the first cosmic physical sub-plane is emanated from the cosmic mental plane, presumably from the solar logoic causal body.

140. We see the manner in which that which for us (focussed as we are on the cosmic physical plane) is Will and a demonstration of the first aspect, really has its origin on the level of cosmic mind. We have seen this before when seeking the practical origin of the fifth fire (of Spirit)—the fire above the two material fires and the two mental fires.

141. This first type of electricity must naturally be connected with the first

hiện trên cõi phụ thứ nhất của cõi hồng trần vũ trụ (cõi logoi của chúng ta).

135. Điện của cõi phụ hồng trần vũ trụ thứ nhất biểu lộ như "Ý Chí-hiện hữu nâng đỡ mãnh lực rốt cuộc dẫn đến tính khách quan".

136. Vì vậy, ở đây có ba điều cần được xem xét:

a. Ý Chí-hiện hữu

b. Mãnh lực tạo ra tính khách quan mà Ý Chí-hiện hữu nâng đỡ

c. Chính tính khách quan.

137. Dường như Ý Chí-hiện hữu nâng đỡ nguyên khí thứ năm cũng như cung một nâng đỡ nguyên khí thứ năm.

138. VSK hỏi: "Điều này có thể liên hệ thế nào với Con của Tất Yếu?"

139. Điện của cõi phụ hồng trần vũ trụ thứ nhất được phát ra từ cõi trí vũ trụ, có lẽ từ thể nguyên nhân logoi thái dương.

140. Chúng ta thấy cách mà điều đối với chúng ta (vốn tập trung như chúng ta đang ở trên cõi hồng trần vũ trụ) là Ý Chí và là một biểu lộ của phương diện thứ nhất, thật ra lại có nguồn gốc trên cấp độ trí tuệ vũ trụ. Chúng ta đã thấy điều này trước đây khi tìm kiếm nguồn gốc thực tiễn của ngọn lửa thứ năm (của tinh thần)—ngọn lửa ở trên hai ngọn lửa vật chất và hai ngọn lửa trí tuệ.

141. Loại điện thứ nhất này dĩ nhiên phải được nối kết với Huyền Giai Sáng Tạo thứ

Creative Hierarchy or Divine Flames who express through the “Sea of Fire”.

142. We could say that this first type of cosmic electricity *is* the Sea of Fire.

143. We will see that different types of motion and dynamics are associated with each of the types of electricity representative of the various sub-planes of the cosmic physical plane.

144. We will have to research the electrical condition of the particles or constituents of the “Sea of Fire”. Its electrical nature would seem very “positive”.

Electricity on the monadic plane demonstrates as the **first manifestation of form**, as **that which causes forms to cohere**.

145. Where is “Form” (in the Platonic sense) to be found. Some might look for it much lower than the monadic plane, but we are given to understand that the monadic plane is the origin of form. We might say that on the monadic plane the ‘noumenon of form’ originates.

146. Form, per se (and as it appears on the monadic plane) is that which causes *forms* (note the plural) to cohere. We might consider that the noumenon of magnetism (as relevant to the cosmic physical plane) appears on the second or monadic level.

Matter (electrified by "fire by friction") and the electric fire of spirit meet and blend, and form appears.

147. What is the usual relation of matter to “fire by friction”? Matter is “electrified” by

nhất hay các Ngọn Lửa Thiêng liêng biểu lộ qua “Biển Lửa”.

142. Chúng ta có thể nói rằng loại điện vũ trụ thứ nhất này *là* Biển Lửa.

143. Chúng ta sẽ thấy rằng những loại chuyển động và động lực khác nhau được gắn với mỗi loại điện đại diện cho các cõi phụ khác nhau của cõi hồng trần vũ trụ.

144. Chúng ta sẽ phải nghiên cứu trạng thái điện của các hạt hay các thành phần của “Biển Lửa”. Bản chất điện của nó dường như rất “dương”.

Điện trên cõi chân thần biểu lộ như **sự biểu hiện đầu tiên của hình tướng**, như **điều khiến các hình tướng kết dính với nhau**.

145. “Hình Tướng” (theo nghĩa Plato) được tìm thấy ở đâu? Một số người có thể tìm nó ở thấp hơn nhiều so với cõi chân thần, nhưng chúng ta được cho hiểu rằng cõi chân thần là nguồn gốc của hình tướng. Chúng ta có thể nói rằng trên cõi chân thần, ‘bản thể của hình tướng’ phát sinh.

146. Hình tướng, chính nó (và như nó xuất hiện trên cõi chân thần), là điều khiến các *hình tướng* (lưu ý số nhiều) kết dính với nhau. Chúng ta có thể xem rằng bản thể của từ điện (xét theo mức độ liên hệ với cõi hồng trần vũ trụ) xuất hiện trên cấp độ thứ hai hay cấp độ chân thần.

Vật chất (được điện hóa bởi "Lửa ma sát") và lửa điện của tinh thần gặp nhau và hòa trộn, và hình tướng xuất hiện.

147. Quan hệ thông thường của vật chất với “Lửa ma sát” là gì? Vật chất được “điện hóa”

"fire by friction"! Matter, per se, is *not* fire by friction.

148. Two types of electricity (the first and third types) produce, it seems, the second type which is responsible for the production of form.

149. When dealing with the first, second and third sub-planes of the cosmic physical plane, we are dealing with *archetypal* planes, planes which are causal to all developments in the four lower worlds.

Form is the result of the desire for existence, hence the **dynamic fire of Will** is transmuted into the **burning fire of Desire.**

150. The number *six* is implicated in the "desire for existence". This *six* is related to the *one* of the logoic plane.

151. The "dynamic fire of Will" is 'sub-standed' by the "desire for existence" (which we may consider as emanating from the cosmic astral plane, though its source is certainly much higher).

152. We learn that dynamism is transmuted into burning. This transmutation is occurring in the reverse direction, for the "dynamic fire of Will" pertains to the first or logoic plane, and the "burning fire of Desire" pertains to the second. We are dealing with a kind of '*downward* transmutation' or a 'manifestory transmutation'.

153. Without form there is no way for the desire for existence to be fulfilled.

bởi "Lửa ma sát"! Vật chất, chính nó, *không* phải là Lửa ma sát.

148. Hai loại điện (loại thứ nhất và loại thứ ba) dường như tạo ra loại thứ hai, loại chịu trách nhiệm cho việc tạo ra hình tướng.

149. Khi bàn đến cõi phụ thứ nhất, thứ hai và thứ ba của cõi hồng trần vũ trụ, chúng ta đang bàn đến các cõi *nguyên mẫu*, những cõi là nguyên nhân của mọi phát triển trong bốn cõi thấp.

Hình tướng là kết quả của dục vọng hiện hữu, do đó **lửa năng động của Ý Chí** được chuyển hoá thành **lửa bừng cháy của Dục vọng.**

150. Con số *sáu* được hàm ý trong "dục vọng hiện hữu". Số *sáu* này liên hệ với số *một* của cõi logoi.

151. "Lửa năng động của Ý Chí" được "nâng đỡ" bởi "dục vọng hiện hữu" (mà chúng ta có thể xem là phát ra từ cõi cảm dục vũ trụ, dù nguồn gốc của nó chắc chắn cao hơn nhiều).

152. Chúng ta học được rằng tính năng động được chuyển hoá thành sự bốc cháy. Sự chuyển hoá này đang diễn ra theo chiều ngược lại, vì "Lửa năng động của Ý Chí" thuộc về cõi thứ nhất hay cõi logoic, còn "Lửa bốc cháy của Dục vọng" thuộc về cõi thứ hai. Chúng ta đang đề cập đến một loại sự chuyển hoá '*đi xuống*'

153. Không có hình thức thì không có cách nào để dục vọng hiện hữu được thoả mãn.

154. The "burning fire of Desire" makes existence in form possible.

154. "Lửa bốc cháy của Dục vọng" khiến sự hiện hữu trong hình tướng trở nên khả hữu.

I would call attention to the choice of those two phrases, which might also be expressed under the terms:

Tôi muốn lưu ý đến việc chọn hai cụm từ này, cũng có thể diễn đạt dưới các thuật ngữ:

Dynamic electrical manifestation.

Biểu hiện điện mang tính động.

155. The first Creative Hierarchy is "dynamic" in expression, and (we may infer) very *positive*—electrically.

155. Huyền Giai Sáng Tạo thứ nhất "mang tính động" trong biểu lộ, và (chúng ta có thể suy) rất *dương* —về điện.

156. The second Creative Hierarchy is "burning" in expression. This "burning" relates to purification, which is that shamballic quality associated with the second ray, even as destruction is associated with the first ray and organization with the third.

156. Huyền Giai Sáng Tạo thứ hai "mang tính bốc cháy" trong biểu lộ. Sự "bốc cháy" này liên hệ với thanh luyện, vốn là phẩm tính shamballa gắn với cung hai, cũng như phá huỷ gắn với cung một và tổ chức gắn với cung ba.

Burning electrical manifestation.

Biểu hiện điện mang tính bốc cháy.

157. We must remember that we are speaking of electricity: the first type of "dynamic electrical manifestation"; the second type of "burning electrical manifestation".

157. Chúng ta phải nhớ rằng chúng ta đang nói về điện: loại thứ nhất là "biểu hiện điện mang tính động"; loại thứ hai là "biểu hiện điện mang tính bốc cháy".

158. We might ask how is dynamism related to the Will, and "burning" related to Desire and form?

158. Chúng ta có thể hỏi tính động liên hệ ra sao với Ý Chí, và "bốc cháy" liên hệ thế nào với Dục vọng và hình thức?

159. Dynamism is related to the "Divine Lives" or "Divine Flames"—the member of the first Creative Hierarchy. Desire/form is related to the "Divine Builders" who are the "Burning sons of desire".

159. Tính động liên hệ với "các Sự Sống Thiêng" hay "các Ngọn Lửa Thiêng"—thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ nhất. Dục vọng/hình thức liên hệ với "các Đấng Kiến Tạo Thiêng liêng" là "những Con cháy bỏng của dục vọng".

160. The property of "burning" is usually associated with the number *six* and Mars. It

160. Thuộc tính "bốc cháy" thường gắn với con số *sáu* và Hỏa Tinh. Thật khác thường

is unusual to see it associated with the number *two,* but then the second systemic plane is really the sixth, from another perspective.

khi thấy nó gắn với con số *hai*, nhưng rồi cõi hệ thống thứ hai thực ra là cõi thứ sáu nhìn từ một quan điểm khác.

161. The "Sea of Fire" describes the first systemic plane, but "burning" describes the second.

161. "Biển Lửa" mô tả cõi hệ thống thứ nhất, nhưng "bốc cháy" mô tả cõi thứ hai.

162. The property of "burning" in some way *preserves the coherence* of the seven archetypal "forms" found on this plane. That which would conduce to homogeneity is burned away and prevented from reducing the distinctive "forms" to oneness (as may be found in the "Sea of Fire").

162. Phẩm tính "bốc cháy" bằng một cách nào đó *duy trì tính cố kết* của bảy "hình tướng" nguyên mẫu được tìm thấy trên cõi này. Điều gì dẫn đến tính đồng nhất thì bị đốt cháy đi và bị ngăn không cho làm giảm các "hình tướng" đặc thù ấy thành một tính duy nhất (như có thể thấy trong "Biển Lửa").

163. This type of "burning" is magnetic. The "burning" burns away all but the intent to manifest in specific ways through specific forms. The "burning" preserves distinctive archetypal forms, promoting their purity and coherency by destroying that which would compromise their purity and coherency.

163. Loại "bốc cháy" này có tính từ tính. Sự "bốc cháy" thiêu rụi mọi thứ ngoại trừ ý định biểu lộ theo những cách đặc thù qua những hình tướng đặc thù. Sự "bốc cháy" bảo tồn các hình tướng nguyên mẫu đặc thù, thúc đẩy sự thuần khiết và tính cố kết của chúng bằng cách hủy diệt điều gì có thể làm tổn hại sự thuần khiết và tính cố kết ấy.

164. VSK says the following: "Notice that here follows a long section dealing exclusively with the manifestation on the second subplane, the monadic. The third plane, the atmic, is addressed much further down. This section of study, S3S10, covers only to the third subplane of the physical."

164. VSK nói như sau: "Hãy lưu ý rằng tiếp theo đây là một phần dài chỉ chuyên bàn về sự biểu lộ trên cõi phụ thứ hai, cõi chân thần. Cõi thứ ba, cõi atma, được đề cập ở phía dưới rất xa. Phần nghiên cứu này, S3S10, chỉ bao quát đến cõi phụ thứ ba của cõi hồng trần."

165. We shall advance in our understanding by gathering a number of related ideas.

165. Chúng ta sẽ tiến bộ trong sự thấu hiểu của mình bằng cách tập hợp một số ý tưởng có liên hệ với nhau.

Here on the second plane, the sea of electrical fire, which distinguished the first plane, is transformed into the **akasha, or burning etheric matter.**

Ở đây trên cõi thứ hai, biển lửa điện, vốn phân biệt cõi thứ nhất, được chuyển đổi thành **akasha, hay vật chất dĩ thái bốc cháy.**

166. At first we spoke of the "dynamic fire of Will" being *transmuted* into the "burning fire of Desire". Now we speak of the same process in terms of *transformation*. A first sight, the term "transformed" seems more appropriate.

166. Lúc đầu chúng ta nói về "Lửa năng động của Ý Chí" được *chuyển hoá* thành "Lửa bốc cháy của Dục vọng". Giờ đây chúng ta nói về cùng tiến trình ấy theo thuật ngữ *chuyển đổi*. Thoạt nhìn, từ "được chuyển đổi" có vẻ thích hợp hơn.

167. We have an important process: the "sea of fire" is transformed into "akasha".

167. Chúng ta có một tiến trình quan trọng: "biển lửa" được chuyển đổi thành "akasha".

168. Akasha is defined as "burning etheric matter". We note that the matter is *cosmic* etheric matter. Akasha relates most intimately to the second systemic plane as does "burning", and the second systemic plane is a cosmic ether. Hence, the phrase "burning etheric matter".

168. Akasha được định nghĩa là "vật chất dĩ thái bốc cháy". Chúng ta lưu ý rằng vật chất ấy là vật chất dĩ thái *vũ trụ*. Akasha liên hệ mật thiết nhất với cõi hệ thống thứ hai cũng như "bốc cháy", và cõi hệ thống thứ hai là một dĩ thái vũ trụ. Do đó có cụm từ "vật chất dĩ thái bốc cháy".

169. We might ask, "Does the matter of the 'Sea of Fire' burn". Apparently not in the same way.

169. Chúng ta có thể hỏi, "Vật chất của 'Biển Lửa' có cháy không?" Hiển nhiên là không theo cùng một cách.

170. The "burning" on this second plane seems a process of purification by means of which the matter related to the archetypal forms there found preserves its magnetic purity so that it can cohere in the appropriate types of archetypal forms.

170. Sự "bốc cháy" trên cõi thứ hai này dường như là một tiến trình thanh luyện, nhờ đó vật chất liên hệ với các hình tướng nguyên mẫu được tìm thấy ở đó bảo tồn sự thuần khiết từ tính của nó để có thể cố kết trong những loại hình tướng nguyên mẫu thích hợp.

171. We will have to remain alert for other possible meanings of "burning". Usually the process of burning reduces to essence. On the second plane there are seven distinct types and so, perhaps, seven types of essence (preserved in distinction, perhaps, by *burning*).

171. Chúng ta sẽ phải luôn tỉnh táo trước những ý nghĩa khả dĩ khác của "bốc cháy". Thông thường, tiến trình đốt cháy làm giảm xuống còn tinh chất. Trên cõi thứ hai có bảy loại riêng biệt và vì thế, có lẽ có bảy loại tinh chất (có lẽ được giữ riêng biệt nhờ *sự bốc cháy*).

It is the plane of the flaming Sun, just as the first plane is that of the fire mist [Page 312] or the nebulae. This idea will be easier

Đó là cõi của Mặt Trời rực cháy, cũng như cõi thứ nhất là cõi của sương lửa [Page 312] hay các tinh vân. Ý tưởng này sẽ dễ hiểu

to comprehend if it is borne in mind that we are dealing with the cosmic physical plane.

hơn nếu ghi nhớ rằng chúng ta đang đề cập đến cõi hồng trần vũ trụ.

172. We would not know what to think of such a statement in relation to the cosmic astral plane, for instance.

172. Chẳng hạn, chúng ta sẽ không biết phải nghĩ gì về một phát biểu như thế nếu liên hệ nó với cõi cảm dục vũ trụ.

173. We are given an important distinction. The "fire mist" does not suggest *form*; the "flaming Sun" *does* suggest *form*.

173. Chúng ta được trao cho một sự phân biệt quan trọng. "Sương lửa" không gợi ý *hình tướng*; còn "Mặt Trời rực cháy" *quả thực* gợi ý *hình tướng*.

174. The "Sea of Fire" is 'pre-formal'. On the monadic plane, we can imagine that seven Suns abide as seven, primary or archetypal forms.

174. "Biển Lửa" là trạng thái 'tiền hình tướng'. Trên cõi chân thần, chúng ta có thể hình dung bảy Mặt Trời tồn tại như bảy hình tướng sơ khởi hay nguyên mẫu.

175. VSK advises: "Reference Chart XII, page 1230. The lowest plane is the Kosmic Plane. It is, in this case numbered "7th Kosmic Plane". Remember the physical is both the number *one* and *seven*, but always at the base of our charts".

175. VSK khuyên: "Hãy tham chiếu Biểu đồ XII, trang 1230. Cõi thấp nhất là Cõi Vũ trụ. Trong trường hợp này, nó được đánh số là 'Cõi thứ bảy Vũ trụ'. Hãy nhớ rằng cõi hồng trần vừa là số *một* vừa là số *bảy*, nhưng luôn ở đáy các biểu đồ của chúng ta".

176. The Sun is naturally associated with the second ray, with akasha, with "burning", with the "burning sons of desire", and with the seven distinctive types of archetypal forms. On this we may ponder with profit.

176. Mặt Trời tự nhiên được liên kết với cung hai, với akasha, với "bốc cháy", với "các con bốc cháy của dục vọng", và với bảy loại hình tướng nguyên mẫu đặc thù. Đây là điều chúng ta có thể suy ngẫm một cách hữu ích.

177. The second systemic plane is certainly a *solar* plane, even though ruled by Virgo. Virgo then is related to "burning etheric matter" and to the "akasha". One would think these terms more characteristic of Leo.

177. Cõi hệ thống thứ hai chắc chắn là một cõi *thái dương* mặc dù được Virgo cai quản. Khi ấy Virgo liên hệ với "vật chất dĩ thái bốc cháy" và với "akasha". Người ta sẽ nghĩ rằng những thuật ngữ này đặc trưng cho Leo hơn.

178. Leo, while normally related to the Sun, animates that Creative Hierarchy which is associated not with the Sun but with the "fire mist".

178. Leo, tuy bình thường liên hệ với Mặt Trời, lại tiếp sinh lực cho Huyền Giai Sáng Tạo được liên kết không phải với Mặt Trời mà với "sương lửa".

179. Subjective nebulae can be considered to exist in the "fire mist" stage. Perhaps the

179. Các tinh vân chủ quan có thể được xem là tồn tại trong giai đoạn "sương lửa". Có lẽ

"seven Suns" in a pre-formal stage exist there.

"bảy Mặt Trời" trong một giai đoạn tiền hình tướng tồn tại ở đó.

180. The fact that this Sun is a "*flaming* Sun" should be remembered as it relates the Monad to the "Divine Flame".

180. Cần ghi nhớ rằng Mặt Trời này là một Mặt Trời "*rực cháy*", vì điều đó liên hệ Chân thần với "Ngọn Lửa Thiêng".

Certain things take place **on the second plane** which need realisation, even if already theoretically conceded:

Có những điều diễn ra **trên cõi thứ hai** cần được chứng nghiệm, dù về mặt lý thuyết đã được thừa nhận:

181. We have no choice but to work on a *theoretical* level, given the present limitations of our human minds.

181. Chúng ta không còn lựa chọn nào khác ngoài việc làm việc trên cấp độ *lý thuyết*, xét đến những giới hạn hiện nay của trí tuệ nhân loại chúng ta.

Heat or flaming radiation is first seen.

Nhiệt hay bức xạ rực cháy lần đầu tiên được thấy.

182. Again, "heat" is usually associated with the number *six,* but the second planet is the sixth plane from another perspective.

182. Một lần nữa, "nhiệt" thường được gắn với số *sáu,* nhưng cõi thứ hai là cõi thứ sáu từ một góc nhìn khác.

183. "Heat" is also considered "spiritual energy", which fits, since we are considering the monadic plane.

183. "Nhiệt" cũng được xem là "năng lượng tinh thần", điều này phù hợp vì chúng ta đang xét đến cõi chân thần.

184. "Flaming radiation" characterizes the Monad, and presumably, all the archetypal forms found on this second plane.

184. "Bức xạ rực cháy" đặc trưng cho Chân thần, và có lẽ cho mọi hình tướng nguyên mẫu được tìm thấy trên cõi thứ hai này.

185. The akasha sounds; it burns; it has heat; it flames forth in radiation.

185. Akasha phát ra âm thanh; nó bốc cháy; nó có nhiệt; nó bùng phát thành bức xạ.

Form is taken, and the **spheroidal shape** of all existence originates.

Hình tướng được tiếp nhận, và **hình dạng cầu thể** của mọi sự tồn tại phát sinh.

186. The spheroidicity of form relates directly to the influence of the planet Jupiter as it relates on this plane to Virgo (the "Mother").

186. Tính cầu thể của hình tướng liên hệ trực tiếp với ảnh hưởng của hành tinh Sao Mộc khi nó liên hệ trên cõi này với Virgo ("Người Mẹ").

The **first interplay** between the **polar opposites** is felt.

187. Apparently this is not the case within the "Sea of Fire".

188. Since the monadic plane (resonating to the number *two*) is the first planet of duality, it is natural that polarity would appear on this plane. (This still leaves unanswered the nature of the electrical manifestation on the first or logoic plane.)

189. The seven ray streams are divided into masculine and feminine qualities.

Differentiation is first seen, not only in the **recognised duality of all things**, but in differentiation in motion; **two vibrations are recognised**.

190. The appearance of "differentiation" accords well with the discriminative capacity of the sign Virgo, which rules this plane. Virgo, we know, is an analytical sign possessed with the power to divide.

191. We do not know what two types of motion appear here.

192. The two vibrations, however, can accord with the masculine and feminine qualities informing the hard line rays (masculine) and the soft-line rays (feminine).

193. There can be no differentiation into *seven* unless duality is operative.

194. The numbers *two* and *seven* both relate to this plane which is the *seventh* from one

Sự tương tác đầu tiên giữa **các cực đối nghịch** được cảm nhận.

187. Hiển nhiên điều này không xảy ra trong "Biển Lửa".

188. Vì cõi chân thần (cộng hưởng với số *hai*) là cõi đầu tiên của nhị nguyên tính, nên việc cực tính xuất hiện trên cõi này là điều tự nhiên. (Điều này vẫn chưa giải đáp bản chất của sự biểu lộ điện trên cõi thứ nhất hay cõi logoic.)

189. Bảy dòng cung được phân chia thành các phẩm tính nam và nữ.

Sự biến phân lần đầu tiên được thấy, không chỉ trong **nhị nguyên tính được nhận biết của mọi sự vật**, mà còn trong sự biến phân trong chuyển động; **hai rung động được nhận biết**.

190. Sự xuất hiện của "sự biến phân" rất phù hợp với năng lực phân biện của dấu hiệu Virgo, vốn cai quản cõi này. Như chúng ta biết, Virgo là một dấu hiệu có tính phân tích, sở hữu năng lực phân chia.

191. Chúng ta không biết hai loại chuyển động nào xuất hiện ở đây.

192. Tuy nhiên, hai rung động ấy có thể phù hợp với các phẩm tính nam và nữ thấm nhuần các cung đường cứng (nam tính) và các cung đường mềm (nữ tính).

193. Không thể có sự biến phân thành *bảy* nếu nhị nguyên tính không hoạt động.

194. Các số *hai* và *bảy* đều liên hệ với cõi này, vốn là cõi *thứ bảy* từ một quan điểm và là cõi

point of view and the *second* from another. It is also the *sixth* from still another.

thứ hai từ một quan điểm khác. Nó cũng là cõi *thứ sáu* từ một quan điểm khác nữa.

Certain vibratory factors begin to work such as **attraction, repulsion, discriminative rejection, coherent assimilation, and the allied manifestation of revolving forms, orbital paths** and the beginning of that **curious downward pull into matter** that results in evolution itself.

Một số yếu tố rung động bắt đầu hoạt động như **sự hấp dẫn, sự đẩy lùi, sự khước từ có phân biện, sự đồng hoá cố kết, và biểu lộ liên hệ của các hình tướng quay tròn, các quỹ đạo** cùng với sự khởi đầu của **lực kéo kỳ lạ đi xuống vào vật chất** vốn dẫn đến chính tiến hoá.

195. Let us tabulate these vibratory factors for clarity of assimilation:

195. Chúng ta hãy lập bảng các yếu tố rung động này để dễ đồng hoá hơn:

a. Attraction

a. Sự hấp dẫn

b. Repulsion

b. Sự đẩy lùi

c. Discriminative rejection

c. Sự khước từ có phân biện

d. Coherent assimilation

d. Sự đồng hoá cố kết

e. Revolving forms

e. Các hình tướng quay tròn

f. Orbital paths

f. Các quỹ đạo

g. The Downward pull into matter.

g. Lực kéo đi xuống vào vật chất.

196. We note that there are seven factors listed, which tempts one to correlate them with the seven rays.

196. Chúng ta lưu ý rằng có bảy yếu tố được liệt kê, điều này khiến người ta muốn liên hệ chúng với bảy cung.

197. We recall that on this second plane, the numbers *two* and *seven* are closely related.

197. Chúng ta nhớ rằng trên cõi thứ hai này, các số *hai* và *bảy* liên hệ chặt chẽ với nhau.

198. We note that all these factors are "*vibratory* factors" which suggests that they are correlated to the mathematics of frequency.

198. Chúng ta lưu ý rằng tất cả các yếu tố này đều là những yếu tố "*rung động*", điều này gợi ý rằng chúng tương quan với toán học của tần số.

199. Again, we have the implication that within the "Sea of Fire" in the "fire mist" stage, these vibratory factors are not operative.

199. Một lần nữa, chúng ta có hàm ý rằng trong "Biển Lửa" ở giai đoạn "sương lửa", các yếu tố rung động này không hoạt động.

The primary seven manifestations of logoic existence **find expression** and the three, with the four, commence their work.

Bảy biểu lộ sơ khởi của sự tồn tại logoic **tìm thấy sự biểu lộ** và bộ ba, cùng với bộ bốn, bắt đầu công việc của chúng.

200. Every type of monadic plane will have seven archetypal forms upon it.

200. Mỗi loại cõi chân thần sẽ có bảy hình tướng nguyên mẫu trên đó.

201. The word "primary" is important; it is a hint that we are dealing with the monadic level of expression, for the monadic ray is the "primary" ray. Interestingly, seven is a "prime" number—divisible only by itself. All the first four odd numbers are.

201. Từ "sơ khởi" rất quan trọng; đó là một gợi ý rằng chúng ta đang đề cập đến cấp độ biểu lộ chân thần, vì cung chân thần là cung "sơ khởi". Thú vị thay, bảy là một số "nguyên tố" — chỉ chia hết cho chính nó. Tất cả bốn số lẻ đầu tiên đều như vậy.

202. This gives credence to the idea that there are seven types of Monads, though only three of these types are *major* (and perhaps relate more to the "Sea of Fire" than to the "Akasha"). We cannot say that the "Sea of Fire" is entirely *formless,* otherwise the three Logoi could not be focused thereon.

202. Điều này củng cố ý tưởng rằng có bảy loại Chân thần, dù chỉ có ba trong số các loại này là *chính yếu* (và có lẽ liên hệ với "Biển Lửa" hơn là với "Akasha"). Chúng ta không thể nói rằng "Biển Lửa" hoàn toàn *vô tướng,* nếu không thì ba Thượng đế không thể được tập trung trên đó.

203. We are told of "the three with the four". Clearly in this context, the four are subsidiary to the three.

203. Chúng ta được nói đến "bộ ba cùng với bộ bốn". Rõ ràng trong ngữ cảnh này, bộ bốn là phụ thuộc vào bộ ba.

204. The division of seven into a three and a four gets its start on the monadic plane.

204. Sự phân chia bảy thành một bộ ba và một bộ bốn bắt đầu trên cõi chân thần.

The seven wheels, or etheric centres in the body etheric of **that great cosmic Entity**, of Whom our solar Logos is a reflection**, begin to vibrate** and His life activity can be seen.

Bảy bánh xe, hay các trung tâm dĩ thái trong thể dĩ thái của **Thực Thể vũ trụ vĩ đại ấy**, mà Thái dương Thượng đế của chúng ta là một phản ánh của Ngài**, bắt đầu rung động** và hoạt động sự sống của Ngài có thể được thấy.

205. This is an extremely occult statement.

205. Đây là một phát biểu cực kỳ huyền bí.

206. There are seven vortices of force (monadically comprised) on the second systemic or monadic plane.

206. Có bảy xoáy mãnh lực (được cấu thành một cách chân thần) trên cõi hệ thống thứ hai hay cõi chân thần.

207. Of what type of cosmic Entity is our Solar Logos a reflection? A Cosmic Logos? Or a Super-Cosmic Logos?

207. Thái dương Thượng đế của chúng ta là phản ánh của loại Thực Thể vũ trụ nào? Một Thượng đế Vũ trụ? Hay một Thượng đế Siêu-vũ-trụ?

208. If man is a truer reflection of the Solar Logos than the Planetary Logos, then perhaps the Solar Logos is a truer reflection of the Super-Cosmic Logos than the Cosmic Logos. Hypothetically, one level is skipped.

208. Nếu con người là phản ánh chân thực hơn của Thái dương Thượng đế so với Đức Hành Tinh Thượng Đế, thì có lẽ Thái dương Thượng đế là phản ánh chân thực hơn của Thượng đế Siêu-vũ-trụ so với Thượng đế Vũ trụ. Theo giả thuyết, một cấp độ bị bỏ qua.

209. We are being told that the monadic centers are really as etheric centers to some great Being.

209. Chúng ta đang được cho biết rằng các trung tâm chân thần thực sự giống như các trung tâm dĩ thái đối với một Hữu Thể Vĩ Đại nào đó.

210. Speculatively, it could be examined whether:

210. Theo suy đoán, có thể khảo sát xem liệu:

a. The foundational chakras of the Planetary Logos would be found upon the higher mental plane (in the egoic groups)

a. các luân xa nền tảng của Đức Hành Tinh Thượng Đế sẽ được tìm thấy trên Cõi thượng trí (trong các nhóm chân ngã)

b. The foundational chakras of the Solar Logos would be found upon the buddhic plane

b. các luân xa nền tảng của Thái dương Thượng đế sẽ được tìm thấy trên cõi Bồ đề

c. The foundational chakras of the Cosmic Logos would be found upon the atmic plane

c. các luân xa nền tảng của Thượng đế Vũ trụ sẽ được tìm thấy trên cõi atma

d. The foundational chakras of the One About Whom Naught May Be Said would be found upon the monadic plane

d. các luân xa nền tảng của Đấng Bất Khả Tư Nghị sẽ được tìm thấy trên cõi chân thần

211. VSK Advises: “Look again at the chart on TCF, 56, and trace the lines of energy that flow from the triangle above into each of the Cosmic Planes. How might that chart help bring the list above alive?”

211. VSK khuyên: “Hãy nhìn lại biểu đồ trong TCF, 56, và lần theo các đường năng lượng chảy từ tam giác phía trên vào từng Cõi Vũ trụ. Biểu đồ đó có thể giúp làm cho danh sách trên trở nên sống động như thế nào?”

212. VSK asks: “Is there a discrepancy between the type of emanating energy and what plane it manifests upon? For example, the *sixth* Tanmatra as influx to the *fifth* cosmic plane, and the *seventh* Tanmatra into the *sixth* or cosmic astral – with the lowest, Cosmic Physical Plane, a type of vestigial tail from the originating ganglion?

212. VSK hỏi: “Có sự sai biệt nào giữa loại năng lượng phát xạ và cõi mà nó biểu lộ trên đó không? Thí dụ, *Tanmatra* thứ *sáu* như một dòng tuôn vào cõi vũ trụ thứ *năm*, và *Tanmatra* thứ *bảy* vào cõi thứ *sáu* hay cõi cảm dục vũ trụ — với Cõi Hồng Trần Vũ Trụ thấp nhất như một loại đuôi thoái hóa từ hạch khởi nguyên?”

213. VSK muses: “That gives a whole new meaning to the tail wagging the dog! Siriusly!”

213. VSK ngẫm nghĩ: “Điều đó đem lại một ý nghĩa hoàn toàn mới cho cái đuôi vẫy con chó! Siriusly!”

214. VSK advises: “Note there are *seven* points in this list. Does each relate or have resonance to a subplane as well?”

214. VSK khuyên: “Lưu ý rằng có *bảy* điểm trong danh sách này. Mỗi điểm có liên hệ hay cộng hưởng với một cõi phụ nữa chăng?”

215. May it be suggested that while this chart of Tanmatras may have a higher correspondence related to the cosmic astral plane, it seems to depict occurrences on the cosmic physical plane? This could be debated, one supposes.

215. Có thể gợi ý rằng mặc dù biểu đồ này về các Tanmatras có thể có một tương ứng cao hơn liên hệ với cõi cảm dục vũ trụ, dường như nó mô tả các diễn biến trên cõi hồng trần vũ trụ? Điều này có thể được tranh luận, người ta cho là vậy.

We are at this juncture considering the manifestations of electricity on the different planes of the cosmic physical plane, or on our solar systemic planes.

Ở chặng này, chúng ta đang xem xét các biểu lộ của điện trên các cõi khác nhau của cõi hồng trần vũ trụ, hay trên các cõi của hệ mặt trời chúng ta.

216. When we get into intricate detail, it never hurts to be reminded of the major theme of our enquiry.

216. Khi đi vào chi tiết phức tạp, việc được nhắc nhớ về chủ đề lớn của cuộc khảo cứu của chúng ta luôn là điều hữu ích.

Hence, all that can be seen in manifestation is fundamentally **physical** electricity.

Do đó, mọi điều có thể được thấy trong biểu lộ về căn bản đều là điện **hồng trần**.

217. Physical electricity is electricity as it pertains to the cosmic physical plane—which is *physical.*

217. Điện hồng trần là điện khi nó liên hệ với cõi hồng trần vũ trụ — vốn là cõi *hồng trần.*

218. The term "manifestation" as used in a cosmic context, is usually related to the cosmic physical plane and not to the other cosmic planes.

218. Thuật ngữ "biểu lộ", khi được dùng trong ngữ cảnh vũ trụ, thường liên hệ với cõi hồng trần vũ trụ chứ không phải với các cõi vũ trụ khác.

We have seen that the **primary manifestation** is that which vitalised, tinctured, and pervaded the matter of space, thus embodying—in connection with logoic manifestation—that which is analogous to the vital heat, activity and radiation of a human being, [Page 313] manifesting on the solar physical plane.

Chúng ta đã thấy rằng **biểu lộ sơ khởi** là điều đã tiếp sinh lực, nhuốm màu và thấm khắp vật chất của không gian, nhờ đó hiện thân — liên hệ với sự biểu lộ logoic — điều tương tự với nhiệt sinh lực, hoạt động và bức xạ của một con người, [Page 313] biểu lộ trên cõi hồng trần thái dương.

219. This "primary manifestation" seems to be correlated with the First Outpouring which is Fohatic.

219. "Biểu lộ sơ khởi" này dường như tương quan với Lần tuôn đổ thứ nhất vốn là Fohatic.

220. Through it come vital head, activity and radiation.

220. Qua đó đến nhiệt sinh lực, hoạt động và bức xạ.

221. Vital heat, activity and radiation all seem justifiably related to fire by friction.

221. Nhiệt sinh lực, hoạt động và bức xạ dường như đều có thể được liên hệ một cách chính đáng với Lửa ma sát.

Certain electrical phenomena distinguish a human being, only (as they have not been expressed or considered in terms of electricity) the analogy has been lost sight of.

Một số hiện tượng điện phân biệt con người, chỉ vì chúng chưa được biểu lộ hay được xem xét theo thuật ngữ điện nên sự tương tự đã bị bỏ quên.

222. We are being told that electricity is far more pervasive than we imagine and that many phenomena regularly noticed in relation to a human being are really *electrical* phenomena.

222. Chúng ta đang được cho biết rằng điện lan tỏa rộng khắp hơn nhiều so với điều chúng ta tưởng tượng và rằng nhiều hiện tượng thường được ghi nhận nơi con người thực ra là những hiện tượng *điện.*

223. We have moved from a discussion of cosmic electricity as it is manifesting on the cosmic ethers, to electrical demonstration in relation to a human being.

223. Chúng ta đã chuyển từ việc bàn về điện vũ trụ như nó đang biểu lộ trên các dĩ thái vũ trụ sang sự biểu hiện điện liên hệ với một con người.

224. All of the following are electrical demonstrations in relation to a human being.

224. Tất cả những điều sau đây đều là những biểu hiện điện liên hệ với một con người.

These demonstrations might be considered as:

Những biểu hiện này có thể được xem là:

First, that coherent VITALITY which holds the entire body revolving around the central unit of force. It must here be remembered that the entire manifestation of a solar system consists of the etheric body, and the dense body of a Logos.

Thứ nhất, SINH LỰC cố kết vốn giữ toàn bộ thể quay quanh đơn vị mãnh lực trung tâm. Ở đây cần nhớ rằng toàn bộ sự biểu lộ của một hệ mặt trời gồm thể dĩ thái và thể đậm đặc của một Thượng đế.

225. "Coherent VITALITY" is an electrical demonstration. Based on what is described below, we could consider VITATLITY is as electricity in its *first* aspect.

225. "SINH LỰC cố kết" là một biểu hiện điện. Dựa trên điều được mô tả dưới đây, chúng ta có thể xem SINH LỰC là điện trong phương diện *thứ nhất* của nó.

226. We learn that vitality is cohesive and relates the point in revolution to its nucleus.

226. Chúng ta học được rằng sinh lực có tính kết dính và liên hệ điểm đang quay với hạt nhân của nó.

227. We have a confirmation that when the term "solar system" is used, it usually does not extend beyond the cosmic physical plane. In other words, it concerns only the physical body and etheric body of the Solar Logos.

227. Chúng ta có một sự xác nhận rằng khi thuật ngữ "hệ mặt trời" được dùng, nó thường không vượt ra ngoài cõi hồng trần vũ trụ. Nói cách khác, nó chỉ liên quan đến thể xác và thể dĩ thái của Thái dương Thượng đế.

228. It may be that "coherent VITALITY" can be related to the atomic sub-plane of the etheric plane, where man is concerned.

228. Có thể "SINH LỰC cố kết" có thể được liên hệ với cõi phụ nguyên tử của cõi dĩ thái, xét nơi con người.

229. It would seem that we have transferred our discussion from the cosmic ethers to systemic (or solar) ethers.

230. From the perspective here presented, vitality relates to the first ray.

231. The first aspect is the *life* aspect, and *vitality* is *life*.

Second, that radiatory MAGNETISM which distinguishes man, and makes him active in two ways:

232. Radiatory MAGNETISM is an electrical demonstration. We could consider it electricity in its *second* aspect.

233. From the perspective here presented, magnetism relates to the second ray.

In relation to the matter of which his vehicles are composed.

234. This type of magnetism may be thought of as relating to the sub-atomic systemic ether—man's second ether.

235. Again the sign Virgo (ruling matter, in general) is implicated, because Virgo is associated with the monadic plane, and thus with that sub-plane which on the etheric-physical plane corresponds to the monadic plane.

236. The matter is held in coherency by magnetism.

237. Just as ACTIVITY, described below, is related to the physical plane, so MAGNETISM may be related to the astral. Is VITALITY, then, related to the mental? The higher three

229. Có vẻ như chúng ta đã chuyển cuộc bàn luận của mình từ các dĩ thái vũ trụ sang các dĩ thái hệ thống (hay thái dương).

230. Từ góc nhìn được trình bày ở đây, sinh lực liên hệ với cung một.

231. Phương diện thứ nhất là phương diện *sự sống*, và *sinh lực* là *sự sống*.

Thứ hai, TỪ ĐIỆN bức xạ vốn phân biệt con người, và làm cho y hoạt động theo hai cách:

232. TỪ ĐIỆN bức xạ là một biểu hiện điện. Chúng ta có thể xem nó là điện trong phương diện *thứ hai* của nó.

233. Từ góc nhìn được trình bày ở đây, từ điện liên hệ với cung hai.

Trong liên hệ với vật chất mà các vận cụ của y được cấu thành từ đó.

234. Loại từ điện này có thể được xem là liên hệ với dĩ thái hệ thống hạ-nguyên tử — dĩ thái thứ hai của con người.

235. Một lần nữa dấu hiệu Virgo (cai quản vật chất nói chung) được hàm ý, vì Virgo liên hệ với cõi chân thần, và do đó với cõi phụ trên cõi hồng trần-dĩ thái tương ứng với cõi chân thần.

236. Vật chất được giữ trong tính cố kết nhờ từ điện.

237. Cũng như HOẠT ĐỘNG, được mô tả bên dưới, liên hệ với cõi hồng trần, thì TỪ ĐIỆN có thể liên hệ với cõi cảm dục. Vậy thì SINH LỰC có liên hệ với cõi trí chăng? Ba cõi hệ

systemic planes are inversely reflected in the lower three.

thống cao hơn được phản chiếu nghịch đảo trong ba cõi thấp hơn.

In relation to the units which form his group.

Trong liên hệ với các đơn vị tạo thành nhóm của y.

238. In the life of man, magnetism relates on a group level, holding in coherence the units with which a man may be associated.

238. Trong đời sống của con người, từ điện liên hệ ở cấp độ nhóm, giữ trong tính cố kết các đơn vị mà một người có thể liên kết với chúng.

Third, that ACTIVITY on the physical plane which results in due performance of the will and desire of the indwelling entity, and which in man is the correspondence of the Brahma aspect.

Thứ ba, là HOẠT ĐỘNG trên cõi hồng trần, đưa đến sự thực hiện đúng đắn ý chí và dục vọng của thực thể nội tại, và nơi con người, đó là sự tương ứng của phương diện Brahma.

239. "ACTIVITY" as here described in relation to man is an electrical demonstration. We could consider it electricity in its *third* aspect.

239. "HOẠT ĐỘNG" như được mô tả ở đây trong liên hệ với con người là một biểu hiện điện. Chúng ta có thể xem đó là điện trong phương diện *thứ ba* của nó.

240. ACTIVITY is related to "performance" or that demonstration *through form* of the will and desire of the indwelling entity.

240. HOẠT ĐỘNG liên hệ với "sự thực hiện" hay sự biểu hiện *qua hình tướng* của ý chí và dục vọng của thực thể nội tại.

241. Just as ACTIVITY pertains to Brahma, so MAGNETISM pertains for Vishnu and VITALITY to Shiva. In VITALITY is the idea of *life,* which pertains to the first aspect of divinity.

241. Cũng như HOẠT ĐỘNG thuộc về Brahma, thì TỪ TÍNH thuộc về Vishnu và SINH LỰC thuộc về Shiva. Trong SINH LỰC có ý niệm về *sự sống,* vốn thuộc về phương diện thứ nhất của thiên tính.

242. Another name for VITALITY is "fohatic impulse". Fohat and Brahma are closely related.

242. Một tên gọi khác của SINH LỰC là "xung lực fohat". Fohat và Brahma có liên hệ mật thiết với nhau.

These three electrical manifestations—vitality, magnetism, and fohatic impulse—are to be seen at work in a solar Logos, a Heavenly Man and a human being.

Ba biểu hiện điện này—sinh lực, từ tính và xung lực fohat—được thấy đang hoạt động trong một Thái dương Thượng đế, một Đấng Thiên Nhân và một con người.

243. We have been dealing with three kinds of electrical manifestation.

a. Vitality—'Shivic'

b. Magnetism—'of Vishnu'

c. Activity or fohatic impulse—"Brahmic"

244. All three types of electrical demonstration are to be found in relation to the three types of 'atoms' we are principally considering: the Solar Logos, the Planetary Logos and man.

They are the objective manifestations of the psychic nature, which (in a solar Logos, for instance) we speak of in terms of quality, and call **will, wisdom, activity**.

245. We are still very much considering the physical plane—whether the cosmic physical plane or the systemic physical plane.

246. The three electrical demonstrations—vitality, magnetism and activity—can be understood as related to the three highest ethers of either the cosmic physical plane or the systemic physical plane.

247. The true psychic nature pertains to the astral plane. Just as activity correlates to the etheric-physical plane, so magnetism correlates to the astral and vitality, apparently and interestingly, to the mental (for the mental body is very much responsible for the vitalization of the etheric body).

248. We have noticed in these studies that, depending upon the perspective, the first

243. Chúng ta đã bàn đến ba loại biểu hiện điện.

a. Sinh lực—'Shivic'

b. Từ tính—'của Vishnu'

c. Hoạt động hay xung lực fohat—"Brahmic"

244. Cả ba loại biểu hiện điện đều được tìm thấy trong liên hệ với ba loại 'nguyên tử' mà chúng ta chủ yếu đang xét đến: Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế và con người.

Chúng là những biểu hiện khách quan của bản chất thông linh, mà (chẳng hạn trong một Thái dương Thượng đế) chúng ta nói đến bằng các thuật ngữ phẩm tính, và gọi là **ý chí, minh triết, hoạt động**.

245. Chúng ta vẫn còn đang xét rất nhiều về cõi hồng trần—dù là cõi hồng trần vũ trụ hay cõi hồng trần của hệ thống.

246. Ba biểu hiện điện—sinh lực, từ tính và hoạt động—có thể được hiểu là liên hệ với ba dĩ thái cao nhất của cõi hồng trần vũ trụ hoặc của cõi hồng trần hệ thống.

247. Bản chất thông linh đích thực thuộc về cõi cảm dục. Cũng như hoạt động tương ứng với cõi dĩ thái-hồng trần, thì từ tính tương ứng với cõi cảm dục và sinh lực, dường như và một cách thú vị, tương ứng với cõi trí (vì thể trí chịu trách nhiệm rất lớn đối với việc tiếp sinh lực cho thể dĩ thái).

248. Trong các nghiên cứu này, chúng ta đã nhận thấy rằng, tùy theo góc nhìn, phương

and third aspects are interchangeable. In this case, "vitality" and "activity" could relate to some similar planes—interchangeably.

diện thứ nhất và thứ ba có thể hoán đổi cho nhau. Trong trường hợp này, "sinh lực" và "hoạt động" có thể liên hệ với một số cõi tương tự—có thể thay thế cho nhau.

249. The analogy is interesting. In the psychic demonstration of a Solar Logos, the three aspects are called will, wisdom and activity.

249. Sự tương đồng này thật thú vị. Trong biểu hiện thông linh của một Thái dương Thượng đế, ba phương diện được gọi là ý chí, minh triết và hoạt động.

250. Vitality is the outer expression of will; magnetism is the outer expression of wisdom; activity is the outer manifestation of fohatic impulse. Here, then, is a correspondence and not a reflection.

250. Sinh lực là biểu hiện bên ngoài của ý chí; từ tính là biểu hiện bên ngoài của minh triết; hoạt động là biểu hiện bên ngoài của xung lực fohat. Như vậy, ở đây là một sự tương ứng chứ không phải một sự phản chiếu.

251. The psychic nature is always discussed in terms of "quality". The physical nature is to be discussed in terms of appearance. The spiritual nature (above the psychic) is to be discussed in terms of "life".

251. Bản chất thông linh luôn luôn được bàn đến bằng thuật ngữ "phẩm tính". Bản chất hồng trần phải được bàn đến bằng thuật ngữ sắc tướng. Bản chất tinh thần (ở trên bản chất thông linh) phải được bàn đến bằng thuật ngữ "sự sống".

Therefore, it should be noted here that the first three planes of the cosmic physical plane—the logoic, monadic, and atmic planes—are of prime importance and are the basic planes from whence emanate the secondary four;

Do đó, cần lưu ý rằng ba cõi đầu tiên của cõi hồng trần vũ trụ—cõi logoic, cõi chân thần và cõi atma—có tầm quan trọng hàng đầu và là những cõi căn bản từ đó bốn cõi thứ yếu phát xạ ra;

252. The four always come out of the three. This is so in the case of planes and also in the case of rays.

252. Bốn luôn luôn phát sinh từ ba. Điều này đúng trong trường hợp các cõi và cũng đúng trong trường hợp các cung.

253. When dealing with will, wisdom and activity (or fohatic impulse), and vitality, magnetism and activity, we have been dealing with factors which relate to the higher trinity and not primarily to the lower quaternary (except through reflection or correspondence).

253. Khi bàn đến ý chí, minh triết và hoạt động (hay xung lực fohat), cùng sinh lực, từ tính và hoạt động, chúng ta đã bàn đến những yếu tố liên hệ với tam vị cao hơn chứ không chủ yếu với bộ bốn thấp hơn (ngoại trừ qua phản chiếu hay tương ứng).

in other words, **the first three cosmic ethers embody in a literal sense those three Entities whom we know as Mahadeva, Vishnu, and Brahma**.

254. These Entities may be considered Raja Deva Lords (from one perspective) since we have been talking about electricity in relation to the sub-planes of the cosmic physical plane.

255. Mahadeva and Shiva are equivalent terms

256. One sevenfold listing of such Entities might be the following

a. Mahadeva—Shiva

b. Vishnu

c. Brahma

d. Indra

e. Agni

f. Varuna

g. Kshiti

In a similar sense these Three find Their densest objectivity in the three physical ethers.

257. The higher three (expressive on the three cosmic ethers) find their densest manifestation on the three highest ethers of the systemic physical plane

nói cách khác, **ba dĩ thái vũ trụ đầu tiên hiện thân theo nghĩa đen ba Thực Thể mà chúng ta biết là Mahadeva, Vishnu và Brahma**.

254. Các Thực Thể này có thể được xem là các Chúa Tể Raja Deva (theo một góc nhìn), vì chúng ta đã nói về điện trong liên hệ với các cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ.

255. Mahadeva và Shiva là những thuật ngữ tương đương.

256. Một bảng liệt kê thất phân về các Thực Thể như thế có thể là như sau

a. Mahadeva—Shiva

b. Vishnu

c. Brahma

d. Indra

e. Agni

f. Varuna

g. Kshiti

Theo một ý nghĩa tương tự, Ba Đấng này tìm thấy tính khách quan đậm đặc nhất của Các Ngài trong ba dĩ thái hồng trần.

257. Ba Đấng cao hơn (biểu lộ trên ba dĩ thái vũ trụ) tìm thấy biểu hiện đậm đặc nhất của Các Ngài trên ba dĩ thái cao nhất của cõi hồng trần hệ thống

258. Mahadeva corresponds with the first systemic etheric sub-plane (the atomic sub-plane), and all first ray constellational and planetary sources.

258. Mahadeva tương ứng với cõi phụ dĩ thái thứ nhất của hệ thống (cõi phụ nguyên tử), và với mọi nguồn tinh tú và hành tinh cung một.

259. Vishnu corresponds with the second systemic etheric sub-plane (the sub-atomic sub-plane) and all second ray constellational and planetary sources

259. Vishnu tương ứng với cõi phụ dĩ thái thứ hai của hệ thống (cõi phụ hạ nguyên tử) và với mọi nguồn tinh tú và hành tinh cung hai

260. Brahma corresponds with the third systemic etheric sub-plane (the super-etheric sub-plane), and all third ray constellational and planetary sources

260. Brahma tương ứng với cõi phụ dĩ thái thứ ba của hệ thống (cõi phụ siêu dĩ thái), và với mọi nguồn tinh tú và hành tinh cung ba

The lower four manifest during evolution, but are eventually synthesised into the higher [Page 314] three.

Bốn thấp hơn biểu hiện trong tiến hoá, nhưng cuối cùng được tổng hợp vào ba cao hơn [Page 314].

261. The “lower four” consist of one ether and three more physical demonstrations—gaseous, liquid and dense.

261. “Bốn thấp hơn” gồm một dĩ thái và ba biểu hiện hồng trần hơn nữa—thể khí, thể lỏng và thể đậm đặc.

262. There will come a time when dense physicality will be absorbed into the ethers, and the lower ethers will be absorbed into the higher.

262. Sẽ đến lúc tính hồng trần đậm đặc được hấp thu vào các dĩ thái, và các dĩ thái thấp hơn được hấp thu vào các dĩ thái cao hơn.

263. If we learn exactly how this process of absorption works on *one* level, we can analogize to others.

263. Nếu chúng ta học chính xác cách tiến trình hấp thu này vận hành trên *một* cấp độ, chúng ta có thể suy theo tương đồng sang các cấp độ khác.

264. Learning how the systemic ethers are absorbed may tell us something about how the synthesizing planets absorb the lesser planets.

264. Việc học cách các dĩ thái hệ thống được hấp thu có thể cho chúng ta biết điều gì đó về cách các hành tinh tổng hợp hấp thu các hành tinh nhỏ hơn.

It should be also remembered that on all the seven subplanes of a solar plane a process, in connection with electrical phenomena in

Cũng nên ghi nhớ rằng trên cả bảy cõi phụ của một cõi thái dương, một tiến trình liên quan đến các hiện tượng điện trong vật chất

etheric matter, will parallel all the processes on the major planes.

dĩ thái sẽ song hành với mọi tiến trình trên các cõi chính.

265. This is succinctly stated.

265. Điều này được phát biểu rất súc tích.

266. The four highest ethers are directly reflected in the four solar ethers (systemic ethers).

266. Bốn dĩ thái cao nhất được phản chiếu trực tiếp trong bốn dĩ thái thái dương (các dĩ thái hệ thống).

267. The two kinds of electricity parallel each other. The electrical demonstrations in the cosmic ethers are directly reflected in the electrical demonstrations in the systemic ethers.

267. Hai loại điện song hành với nhau. Các biểu hiện điện trong các dĩ thái vũ trụ được phản chiếu trực tiếp trong các biểu hiện điện trong các dĩ thái hệ thống.

This is easily to be seen on the mental plane, for instance, in connection with **Theoretically, the absorption of all faculty by the causal body, and the discontinuance of all enforced objectivity in the three worlds at the close of the synthesising period is conceded.**

Điều này có thể dễ dàng thấy được, chẳng hạn trên cõi trí, liên hệ với **Về mặt lý thuyết, sự hấp thu mọi năng lực bởi thể nguyên nhân, và sự chấm dứt mọi tính khách quan bị cưỡng bách trong ba cõi thấp vào lúc kết thúc thời kỳ tổng hợp được thừa nhận.**

268. The causal body is to be found on the *second* 'ether' of the systemic mental plane. That ether, ruled by the *second* ray, demonstrates the qualities of absorption, magnetism, coherence and is Jupiterian in nature.

268. Thể nguyên nhân được tìm thấy trên 'dĩ thái' *thứ hai* của cõi trí hệ thống. Dĩ thái đó, do *cung hai* cai quản, biểu lộ các phẩm tính hấp thu, từ tính, kết dính và có bản chất của Sao Mộc.

269. This mental 'ether' (the second) is also akashic (from one perspective) and hence the origin of the "Word of the Soul".

269. 'Dĩ thái' trí tuệ này (thứ hai) cũng là akasha (theo một góc nhìn) và do đó là nguồn gốc của "Linh từ của Linh Hồn".

270. We can extrapolate to the kind of absorption which must occur on the monadic plane since it is the second cosmic ether.

270. Chúng ta có thể ngoại suy đến loại hấp thu phải xảy ra trên cõi chân thần vì đó là dĩ thái vũ trụ thứ hai.

271. "Enforced objectivity in the three worlds" is of two kinds; one pertains to particular, individual incarnations. The

271. "Tính khách quan bị cưỡng bách trong ba cõi thấp" có hai loại; một loại liên hệ với những lần nhập thể riêng biệt, cá nhân. Loại

other, and greater, pertains to the *entire* process of reincarnation.

kia, và lớn hơn, liên hệ với toàn bộ tiến trình tái sinh.

272. After every incarnational life cycle, there is an absorptive period, and for a time, a discontinuance of enforced objectivity.

272. Sau mỗi chu kỳ sống nhập thể, có một thời kỳ hấp thu, và trong một thời gian, có sự chấm dứt tính khách quan bị cưỡng bách.

273. After the entire cycle of incarnational life, there is a much more significant absorptive period and a permanent discontinuance of the enforced objectivity with respect to the eighteen sub-planes. "Objectivity", of course, is a very relative term. The entirety of the eighteen lower cosmic sub-planes are actually *objective* from the perspective of Beings Who have Their causal bodies on the cosmic mental plane.

273. Sau toàn bộ chu kỳ của đời sống nhập thể, có một thời kỳ hấp thu có ý nghĩa hơn nhiều và một sự chấm dứt vĩnh viễn tính khách quan bị cưỡng bách đối với mười tám cõi phụ. Dĩ nhiên, "tính khách quan" là một thuật ngữ rất tương đối. Toàn bộ mười tám cõi phụ vũ trụ thấp hơn thực ra là *khách quan* từ góc nhìn của các Đấng có thể nguyên nhân của Các Ngài trên cõi trí vũ trụ.

274. Between every incarnation there is a synthesizing period. As well, just before the destruction of the causal body, there is a far greater synthesizing period which relates to the unfoldment of the synthesizing petals of the egoic lotus and which gathers together and synthesizes all that has been garnered during the long evolutionary pilgrimage of the Monad into the lower three worlds.

274. Giữa mỗi lần nhập thể đều có một thời kỳ tổng hợp. Đồng thời, ngay trước khi thể nguyên nhân bị hủy diệt, có một thời kỳ tổng hợp lớn lao hơn nhiều, liên hệ với sự khai mở của các cánh hoa tổng hợp của Hoa Sen Chân Ngã và thu gom, tổng hợp tất cả những gì đã được tích lũy trong cuộc hành hương tiến hoá lâu dài của chân thần vào ba cõi thấp hơn.

275. Absorption always pertains to the second level of an etheric plane—whether viewing the case systemically or cosmically.

275. Sự hấp thu luôn luôn thuộc về cấp độ thứ hai của một cõi dĩ thái—dù xét trường hợp theo hệ thống hay theo vũ trụ.

On the other planes it is not so obvious.

Trên các cõi khác điều này không rõ ràng đến thế.

276. Yet it is *inferred* that such an absorption or synthesis does occur.

276. Tuy nhiên, người ta *suy ra* rằng một sự hấp thu hay tổng hợp như thế quả có xảy ra.

On the buddhic plane, **the Builders on the evolutionary arc, or a large part of the deva evolution, undergo a paralleling synthesis.**

Trên cõi Bồ đề, **các đấng kiến tạo trên cung tiến hoá, hay một phần lớn của tiến hoá thiên thần, trải qua một sự tổng hợp song hành.**

277. The buddhic plane is much related to devic life.

277. Cõi Bồ đề có liên hệ rất nhiều với sự sống thiên thần.

278. A large part of the deva evolution can be called "Builders on the evolutionary arc".

278. Một phần lớn của tiến hoá thiên thần có thể được gọi là "các đấng kiến tạo trên cung tiến hoá".

279. We are discussing 'absorptive synthesis' in relation to different planes and sub-planes.

279. Chúng ta đang bàn về 'sự tổng hợp hấp thu' trong liên hệ với các cõi và cõi phụ khác nhau.

280. If we follow the analogy, it can be presumed that this devic synthesis occurs in relation to the higher three sub-planes of the buddhic plane.

280. Nếu theo sự tương đồng, có thể giả định rằng sự tổng hợp thiên thần này xảy ra trong liên hệ với ba cõi phụ cao hơn của cõi Bồ đề.

281. Nothing is said of the highest two sub-planes of the buddhic plane. To the third sub-plane the quality of *idealism* is related.

281. Không có điều gì được nói về hai cõi phụ cao nhất của cõi Bồ đề. Với cõi phụ thứ ba, phẩm tính của *chủ nghĩa lý tưởng* được liên hệ.

282. Probably, we could analogize from the highest of the mental sub-planes ("response to group vibration" and "spiritual telepathy") to at least *infer* the quality which would be found on the highest of the two buddhic sub-planes. What do we think?

282. Có lẽ, chúng ta có thể suy theo tương đồng từ cõi phụ cao nhất của các cõi phụ trí tuệ ("đáp ứng với rung động nhóm" và "viễn cảm tinh thần") để ít nhất *suy ra* phẩm tính sẽ được tìm thấy trên cõi phụ cao nhất trong hai cõi phụ Bồ đề ấy. Chúng ta nghĩ sao?

283. In ascent, both man and deva are synthesized.

283. Trong sự thăng lên, cả con người lẫn thiên thần đều được tổng hợp.

On the physical plane a mysterious synthesis in connection with the "spirit of the Earth" is undergone, and the **first three ethers are related to him in a way as yet little understood.**

Trên cõi hồng trần, một sự tổng hợp huyền nhiệm liên hệ với "tinh linh linh địa cầu" được trải qua, và **ba dĩ thái đầu tiên liên hệ với y theo một cách mà cho đến nay vẫn ít được hiểu.**

284. The higher three are always the synthesizing three, just as the synthesizing planets are always considered a higher three in relation to the many Planetary Logoi.

285. Presumably this synthesis related to the "spirit of the Earth" is a relatively primitive synthesis related to monadic essence and elemental essence.

286. That the first *three* ethers of the etheric physical plane are related to the "spirit of the Earth" is reasonable considering how identified is this being with the *third* aspect.

287. In this section we have been dealing with three types of electrical demonstration in connection with two types of ethers. Most of the focus has been on the second or magnetic type of demonstration.

We might sum it up thus:

First, the balancing of electrical phenomena, or the **achievement of synthesis in connection with Man**, transpires on the three higher levels of the mental plane.

288. Balancing and synthesis are here equated.

289. The idea of *balance* relates to the Libra, through which the *third* ray comes. The *third* ray is related to the three higher levels of the mental plane, the abstract mental plane—though only the first sub-plane of the systemic mental plane is truly *abstract.*

290. The factor of synthesis always, we see, is related to the trinity, the three.

284. Ba cao hơn luôn luôn là ba tổng hợp, cũng như các hành tinh tổng hợp luôn luôn được xem là một bộ ba cao hơn trong liên hệ với nhiều Hành Tinh Thượng Đế.

285. Có lẽ sự tổng hợp liên hệ với "tinh linh linh địa cầu" này là một sự tổng hợp tương đối sơ khai, liên hệ với tinh chất chân thần và Tinh chất hành khí.

286. Việc ba dĩ thái *đầu tiên* của cõi hồng trần dĩ thái liên hệ với "tinh linh linh địa cầu" là điều hợp lý nếu xét mức độ thực thể này đồng hoá với phương diện *thứ ba* sâu sắc đến đâu.

287. Trong phần này, chúng ta đã bàn đến ba loại biểu hiện điện liên hệ với hai loại dĩ thái. Phần lớn trọng tâm đặt vào loại biểu hiện thứ hai hay loại từ tính.

Chúng ta có thể tóm lược như sau:

Thứ nhất, sự quân bình các hiện tượng điện, hay **sự đạt được tổng hợp trong liên hệ với Con Người**, diễn ra trên ba cấp độ cao hơn của cõi trí.

288. Ở đây, sự quân bình và sự tổng hợp được xem là tương đương.

289. Ý niệm về *sự quân bình* liên hệ với Thiên Bình, qua đó *cung ba* đi vào. *Cung ba* liên hệ với ba cấp độ cao hơn của cõi trí, cõi trí trừu tượng—dù chỉ cõi phụ thứ nhất của cõi trí hệ thống mới thực sự là *trừu tượng.*

290. Như chúng ta thấy, yếu tố tổng hợp luôn luôn liên hệ với tam vị, với số ba.

291. With respect to man the individual, the causal plane is the plane of synthesis. All that man has been in the lower three worlds is eventually synthesized on the causal planes, and especially on the third and second levels.

291. Đối với con người cá nhân, cõi nguyên nhân là cõi của sự tổng hợp. Tất cả những gì con người đã là trong ba cõi thấp hơn cuối cùng được tổng hợp trên các cõi nguyên nhân, và đặc biệt trên cấp độ thứ ba và thứ hai.

292. In relation to the any second sub-plane, we are dealing with equilibrised electricity, which it neither positive or negative.

292. Trong liên hệ với bất kỳ cõi phụ thứ hai nào, chúng ta đang bàn đến điện đã được quân bình hóa, vốn không dương cũng không âm.

293. The higher mental plane is the domain of the soul which is the equilibrizer and, therefore, related to Libra.

293. Cõi thượng trí là lãnh vực của linh hồn, vốn là yếu tố quân bình hóa và do đó liên hệ với Thiên Bình.

294. VSK queries: "Why the three higher levels of the mental and not the lower four?"

294. VSK nêu câu hỏi: "Tại sao là ba cấp độ cao hơn của cõi trí mà không phải bốn cấp độ thấp hơn?"

295. May it be said that we have constantly been speaking of synthesizing trinities in relation to the higher three sublevels of various planes. The number *three* is, in this context, *synthetic.*

295. Có thể nói rằng chúng ta đã liên tục nói về các tam vị tổng hợp trong liên hệ với ba cõi phụ cao hơn của nhiều cõi khác nhau. Trong ngữ cảnh này, số *ba* mang tính *tổng hợp.*

Second, a similar process in connection with a Heavenly Man transpires on the three higher subplanes of the monadic plane.

Thứ hai, một tiến trình tương tự trong liên hệ với một Đấng Thiên Nhân diễn ra trên ba cõi phụ cao hơn của cõi chân thần.

296. This is an important analogy. Man and the Heavenly Man, are in this instance, separated by three planes with regard to parallel processes. The three highest levels of the systemic mental plane are three systemic planes lower than the three highest levels of the systemic monadic plane.

296. Đây là một sự tương đồng quan trọng. Trong trường hợp này, con người và Đấng Thiên Nhân cách nhau ba cõi xét về các tiến trình song hành. Ba cấp độ cao nhất của cõi trí hệ thống thấp hơn ba cõi hệ thống so với ba cấp độ cao nhất của cõi chân thần hệ thống.

297. The three major types of Monads are related to the three higher sub-planes of the monadic plane.

297. Ba loại chân thần chính liên hệ với ba cõi phụ cao hơn của cõi chân thần.

Viewed in a larger sense it takes place on the three major planes—the atmic, buddhic. and manasic—just as in the three worlds of human evolution—the physical, astral, and mental—the synthesising process proceeds on the higher of the three involved.

Xét theo nghĩa rộng hơn, điều này diễn ra trên ba cõi chính—atma, Bồ đề và manas—cũng như trong ba cõi của tiến hoá nhân loại—hồng trần, cảm dục và trí tuệ—tiến trình tổng hợp diễn ra trên cõi cao hơn trong ba cõi liên hệ.

298. We remember the special connection of the Heavenly Man (whichever Heavenly Man it may be) to the triadal levels.

298. Chúng ta nhớ mối liên hệ đặc biệt của Đấng Thiên Nhân (bất kể là Đấng Thiên Nhân nào) với các cấp độ tam nguyên tinh thần.

299. There seem to be several analogies here. The atmic, buddhic and manasic sub-planes of the cosmic physical plane may be reflected in the higher three systemic sub-planes of the systemic mental plane.

299. Dường như ở đây có một số sự tương đồng. Các cõi phụ atma, Bồ đề và manas của cõi hồng trần vũ trụ có thể được phản chiếu trong ba cõi phụ hệ thống cao hơn của cõi trí hệ thống.

300. As well the higher three sub-planes of the monadic plane are reflected in the atmic, buddhic and manasic systemic planes:

300. Đồng thời, ba cõi phụ cao hơn của cõi chân thần được phản chiếu trong các cõi hệ thống atma, Bồ đề và manas:

a. The first sub-level of the systemic monadic plane (home of first ray Monads) is reflected in the systemic atmic plane

a. Cõi phụ thứ nhất của cõi chân thần hệ thống (nơi cư ngụ của các chân thần cung một) được phản chiếu trong cõi atma hệ thống

b. The second sub-level of the systemic monadic plane (home of second ray Monads) is reflected in the systemic buddhic plane

b. Cõi phụ thứ hai của cõi chân thần hệ thống (nơi cư ngụ của các chân thần cung hai) được phản chiếu trong cõi Bồ đề hệ thống

c. The third sub-level of the systemic monadic plane (home of third ray Monads) is reflected in the systemic mental plane.

c. Cõi phụ thứ ba của cõi chân thần hệ thống (nơi cư ngụ của các chân thần cung ba) được phản chiếu trong cõi trí hệ thống.

301. All this is another way of saying that first ray Monads have a special connection to the systemic atmic plane. This is confirmed in *The Rays and the Initiations* (cf. 310-311)

301. Tất cả điều này là một cách khác để nói rằng các chân thần cung một có một liên hệ đặc biệt với cõi atma hệ thống. Điều này được xác nhận trong *The Rays and the Initiations* (xem 310-311)

302. Second ray Monads are connected to the systemic buddhic plane.

303. Third ray Monads are connected to the systemic mental plane

304. VSK queries: "Why is this in connection with the Heavenly Man, specifically?"

305. May we suggest that the Heavenly Man always has an important resonance with the monadic plane just as the individual human being has with the mental plane?

Third, in connection with a solar Logos (within the system and not considering His cosmic synthesis) **the three higher subplanes of the logoic plane see His final absorption or abstraction**, and **the three planes of the three Logoi are similarly concerned.**

306. This is another important quotation.

307. The *first*, *second* and *fifth* planes are therefore involved in the absorption of these three entities.

308. The *cosmic* synthesis of a Solar Logos must necessarily involve the *cosmic* planes. The process of that greater synthesis has a dim reflection on the logoic level of the cosmic physical plane.

309. It is clear that in this section we are talking about 'less than cosmic syntheses'—i.e., only those which pertain to the cosmic physical plane.

302. Các chân thần cung hai được nối kết với cõi Bồ đề hệ thống.

303. Các chân thần cung ba được nối kết với cõi trí hệ thống

304. VSK nêu câu hỏi: "Tại sao điều này lại đặc biệt liên hệ với Đấng Thiên Nhân?"

305. Chúng ta có thể gợi ý rằng Đấng Thiên Nhân luôn có một cộng hưởng quan trọng với cõi chân thần, cũng như con người cá nhân có với cõi trí chăng?

Thứ ba, trong liên hệ với một Thái dương Thượng đế (bên trong hệ thống và không xét đến sự tổng hợp vũ trụ của Ngài) **ba cõi phụ cao hơn của cõi logoic chứng kiến sự hấp thu hay trừu xuất cuối cùng của Ngài**, và **ba cõi của ba Logoi cũng liên hệ tương tự.**

306. Đây là một trích dẫn quan trọng khác.

307. Do đó, các cõi *thứ nhất*, *thứ hai* và *thứ năm* tham dự vào sự hấp thu của ba thực thể này.

308. Sự tổng hợp *vũ trụ* của một Thái dương Thượng đế tất yếu phải liên hệ đến các cõi *vũ trụ*. Tiến trình của sự tổng hợp lớn lao hơn đó có một phản chiếu mờ nhạt trên cấp độ logoic của cõi hồng trần vũ trụ.

309. Rõ ràng trong phần này chúng ta đang nói về những 'sự tổng hợp nhỏ hơn mức vũ trụ'—tức chỉ những sự tổng hợp thuộc về cõi hồng trần vũ trụ.

310. The logoic plane pertains to the Solar Logos and to the three Logoi—the Brahma, Vishnu and Shiva of our solar system.

311. Absorption or abstraction mean an end (for these great Beings) of *physical* incarnation.

312. What are the "three planes of the three Logoi"? DK seems to be telling us of a process related to the logoic, monadic and atmic planes which may well be the center of focus for the three Logoi that surround our Solar Logos (cf. TCF 1238)

313. Perhaps, on each of these three cosmic physical sub-planes, an absorption goes on in relation to the three Logoi (expressing the three aspects of the Solar Logos).

314. This would mean that the absorption for the second Logos (within the threefold expression of the Solar Logos), would have some aspects parallel to the absorption process undergone by a Planetary Logos.

315. There are two ways to view this: either the three Logoi work on the higher levels of the logoic plane as does the Solar Logos, or the three Logoi have a special relation to the three higher sub-planes of the cosmic physical plane—atmic, buddhic, manasic. Both may be true.

It should here be carefully borne in mind that we are dealing with **electrical matter**, and are therefore concerned with **cosmic etheric substance**; **all matter in the system is necessarily etheric**.

310. Cõi logoic thuộc về Thái dương Thượng đế và về ba Logoi—Brahma, Vishnu và Shiva của hệ mặt trời chúng ta.

311. Sự hấp thu hay trừu xuất có nghĩa là sự chấm dứt (đối với các Đấng vĩ đại này) của sự lâm phàm *hồng trần*.

312. "Ba cõi của ba Logoi" là gì? Chân sư DK dường như đang cho chúng ta biết về một tiến trình liên hệ với các cõi logoic, chân thần và atma, có thể chính là trung tâm tập chú của ba Logoi bao quanh Thái dương Thượng đế của chúng ta (x. TCF 1238)

313. Có lẽ, trên mỗi cõi phụ hồng trần vũ trụ trong ba cõi này, một sự hấp thu diễn ra trong liên hệ với ba Logoi (biểu lộ ba phương diện của Thái dương Thượng đế).

314. Điều này có nghĩa là sự hấp thu đối với Logos thứ hai (trong biểu hiện tam phân của Thái dương Thượng đế) sẽ có một số phương diện song hành với tiến trình hấp thu mà một Hành Tinh Thượng Đế trải qua.

315. Có hai cách để nhìn điều này: hoặc ba Logoi hoạt động trên các cấp độ cao hơn của cõi logoic như Thái dương Thượng đế, hoặc ba Logoi có một liên hệ đặc biệt với ba cõi phụ cao hơn của cõi hồng trần vũ trụ—atma, Bồ đề, manas. Cả hai đều có thể đúng.

Ở đây cần ghi nhớ cẩn thận rằng chúng ta đang bàn đến **vật chất điện**, và do đó liên hệ đến **chất liệu dĩ thái vũ trụ**; **mọi vật chất trong hệ thống tất yếu đều là dĩ thái**.

316. We are reminded of our subject: "electrical matter" which is "cosmic etheric substance".

316. Chúng ta được nhắc lại về chủ đề của mình: "vật chất điện" tức là "chất liệu dĩ thái vũ trụ".

317. Our higher four planes are, therefore, all, necessarily, "electrical matter".

317. Do đó, bốn cõi cao hơn của chúng ta tất cả đều tất yếu là "vật chất điện".

318. DK says even more however—that *all* matter in the solar system is "necessarily etheric". Is this suggesting that even what we call "dense matter" (the matter of the three lowest systemic planes—cosmic gaseous, cosmic liquid and cosmic dense) is *etheric*—for, from the perspective of the Solar Logos, the twenty-one lowest sub-planes are material rather than etheric.

318. Tuy nhiên, Chân sư DK còn nói nhiều hơn thế—rằng *mọi* vật chất trong hệ mặt trời đều "tất yếu là dĩ thái". Điều này có hàm ý rằng ngay cả cái mà chúng ta gọi là "vật chất đậm đặc" (vật chất của ba cõi hệ thống thấp nhất—khí vũ trụ, lỏng vũ trụ và đậm đặc vũ trụ) cũng là *dĩ thái*—vì, từ góc nhìn của Thái dương Thượng đế, hai mươi mốt cõi phụ thấp nhất là vật chất chứ không phải dĩ thái.

319. We judge from this that all matter within the entire cosmic physical plane *is both electrical matter and etheric matter*—though, usually, only the matter of the highest four sub-planes of the cosmic physical plane is considered cosmically etheric.

319. Từ đó chúng ta phán đoán rằng mọi vật chất trong toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ *vừa là vật chất điện vừa là vật chất dĩ thái*—dù thông thường chỉ vật chất của bốn cõi phụ cao nhất của cõi hồng trần vũ trụ mới được xem là dĩ thái theo nghĩa vũ trụ.

320. Over and again our thoughts will revolved around what has been called the "mystery of electricity".

320. Hết lần này đến lần khác, tư tưởng của chúng ta sẽ xoay quanh điều đã được gọi là "huyền nhiệm của điện".

We are consequently dealing literally with **physical phenomena on all planes** of [Page 315] the system.

Do đó, chúng ta đang bàn theo nghĩa đen đến **các hiện tượng hồng trần trên mọi cõi** của [Page 315] hệ thống.

321. The terms "physical" and "etheric" are sometimes considered equivalent.

321. Các thuật ngữ "hồng trần" và "dĩ thái" đôi khi được xem là tương đương.

322. Physical phenomena are necessarily electrical phenomena and, even, so it is suggested, *etheric* phenomena.

322. Các hiện tượng hồng trần tất yếu là các hiện tượng điện và thậm chí, như được gợi ý, là các hiện tượng *dĩ thái*.

323. When dealing with the subject of electricity, we are dealing with physical

phenomena—i.e., the phenomena of the cosmic physical plane.

323. Khi bàn đến chủ đề điện, chúng ta đang bàn đến các hiện tượng hồng trần—tức các hiện tượng của cõi hồng trần vũ trụ.

324. The term electricity is especially connected with the third or material aspect of divinity.

324. Thuật ngữ điện đặc biệt gắn với phương diện thứ ba hay phương diện vật chất của thiên tính.

In time and space we are concerned with **units of different polarity** which—during the evolutionary process—**seek union, balance, equilibrium or synthesis, and eventually find it.**

Trong thời gian và không gian, chúng ta liên hệ với **các đơn vị có cực tính khác nhau**, những đơn vị—trong tiến trình tiến hoá—**tìm kiếm sự hợp nhất, quân bình, cân bằng hay tổng hợp, và cuối cùng tìm thấy điều đó.**

325. Electrical interplay depends upon the fact that there are units of different polarity. The whole story of electrical interplay depends upon the quest described immediately above.

325. Sự tương tác điện tùy thuộc vào sự kiện là có những đơn vị có cực tính khác nhau. Toàn bộ câu chuyện về sự tương tác điện tùy thuộc vào cuộc tìm kiếm vừa được mô tả ở trên.

326. That which we call electricity cannot exist outside of what is here called time and space. In time and space *polarity* exists.

326. Điều mà chúng ta gọi là điện không thể tồn tại bên ngoài cái ở đây được gọi là thời gian và không gian. Trong thời gian và không gian, *cực tính* tồn tại.

327. DK seems to be saying that units of different polarity seek the Libran state characterized by union, balance, equilibrium (all Libran words) and synthesis (which is also related to the trinitarian nature of Libra.

327. Chân sư DK dường như đang nói rằng các đơn vị có cực tính khác nhau tìm kiếm trạng thái Thiên Bình được đặc trưng bởi sự hợp nhất, quân bình, cân bằng (đều là những từ ngữ của Thiên Bình) và tổng hợp (điều này cũng liên hệ với bản chất tam vị của Thiên Bình).

328. Electricity (like time and space) is *dependent for its existence on bi-polarity*—the existence of units of different polarity. Without the cosmic process of Self-division, therefore, there would be no electricity.

328. Điện (giống như thời gian và không gian) *phụ thuộc cho sự tồn tại của nó vào lưỡng cực tính*—sự hiện hữu của các đơn vị có cực tính khác nhau. Do đó, nếu không có tiến trình vũ trụ của sự Tự-phân-chia, sẽ không có điện.

329. So ‘Self-division into a bi-polar state’ is the root cause of electricity.

329. Vậy ‘sự Tự-phân-chia thành một trạng thái lưỡng cực’ là nguyên nhân gốc rễ của điện.

This electrical interplay between two units causes that which we call light, and thereby objectivity.

Sự tương tác điện này giữa hai đơn vị gây ra điều mà chúng ta gọi là ánh sáng, và nhờ đó gây ra tính khách quan.

330. Notice the very close connection between light and objectivity.

330. Hãy lưu ý mối liên hệ rất chặt chẽ giữa ánh sáng và tính khách quan.

331. Objectivity (the universe) *is* light.

331. Tính khách quan (vũ trụ) *là* ánh sáng.

332. The relation between Father and Mother is electrical interplay.

332. Mối liên hệ giữa Cha và Mẹ là sự tương tác điện.

333. The Son arises through electrical interplay.

333. Người Con phát sinh qua sự tương tác điện.

334. Light=matter=objectivity.

334. Ánh sáng=vật chất=tính khách quan.

During evolution this demonstrates as heat and magnetic interaction and is the source of all vital growth;

Trong tiến hoá, điều này biểu hiện thành nhiệt và sự tương tác từ tính, và là nguồn gốc của mọi sự tăng trưởng thiết yếu;

335. Electrical interplay (during evolution) results in “heat and magnetic interaction”. We can judge that the emergence of the “Son of Light” (the universe) is equivalent to the emergence of “heat and magnetic interaction”.

335. Sự tương tác điện lực (trong tiến hoá) dẫn đến “nhiệt và sự tương tác từ tính”. Chúng ta có thể nhận định rằng sự xuất hiện của “Con của Ánh Sáng” (vũ trụ) tương đương với sự xuất hiện của “nhiệt và sự tương tác từ tính”.

336. Heat and magnetic interaction are the source of “all vital growth” but, *ultimately*, it is electrical interplay which is the source of all vital growth.

336. Nhiệt và sự tương tác từ tính là nguồn gốc của “mọi sự tăng trưởng thiết yếu” nhưng, *rốt cuộc*, chính sự tương tác điện lực mới là nguồn gốc của mọi sự tăng trưởng thiết yếu.

337. Without the interplay of the poles there would be no heat, no magnetic interaction, no vital growth.

337. Không có sự tương tác của các cực thì sẽ không có nhiệt, không có sự tương tác từ tính, không có sự tăng trưởng thiết yếu.

at the achievement of the desired goal, at union, or at-one-ment, two things occur:

338. We are speaking of the desired result of electrical interplay.

First, the approximation of the two poles, or their blending, causes a **blazing forth, or radiant light.**

339. This is the union of male and female, of Father and Mother, of the first aspect of divinity and the third.

340. We are not here speaking of the *initial* interplay which produced the Son. We are talking about the *final* stages of the interplay between the poles in which the poles *merge* and *blend.* During the universal process the poles interplay, but they do not become as one until the conclusion of the process.

Second, obscuration, or the **final disintegration of matter** owing to intense heat.

341. We can wonder whether it is matter, per se, that disintegrates, or whether it is the form into which matter was moulded that disintegrates.

342. From a certain perspective, matter is indestructible.

343. But disintegration is *not* destruction. Matter is integrated into *form,* and it is this integration which *dis*-integrates.

344. It is clear that when Father and Mother not only come together but actually merge

khi đạt được mục tiêu mong muốn, khi hợp nhất, hay nhất như, hai điều xảy ra:

338. Chúng ta đang nói về kết quả mong muốn của sự tương tác điện lực.

Thứ nhất, sự xích lại gần của hai cực, hay sự hòa trộn của chúng, gây ra một sự **bùng cháy rực lên, hay ánh sáng rạng ngời.**

339. Đây là sự hợp nhất của nam và nữ, của Cha và Mẹ, của phương diện thứ nhất của thiên tính và phương diện thứ ba.

340. Ở đây chúng ta không nói về sự tương tác *ban đầu* đã tạo ra Con. Chúng ta đang nói về các giai đoạn *sau cùng* của sự tương tác giữa các cực, trong đó các cực *nhập làm một* và *hòa trộn.* Trong tiến trình vũ trụ, các cực tương tác, nhưng chúng không trở nên như một cho đến khi tiến trình kết thúc.

Thứ hai, sự che mờ, hay sự **phân rã sau cùng của vật chất** do nhiệt độ mãnh liệt.

341. Chúng ta có thể tự hỏi liệu chính vật chất có bị phân rã hay không, hay là hình tướng mà vật chất đã được nắn đúc vào mới bị phân rã.

342. Từ một góc nhìn nào đó, vật chất là bất khả hủy diệt.

343. Nhưng phân rã *không* phải là hủy diệt. Vật chất được tích hợp vào *hình tướng,* và chính sự tích hợp này lại *phân*-rã.

344. Rõ ràng là khi Cha và Mẹ không chỉ đến với nhau mà thực sự nhập làm một và trở

and become one, intense heat and light are produced.

345. Consummation is demonstrated through a display of heat and light.

346. On a still deeper level, we *may* also be discussing that deeper process which returns matter as we know it (i.e., differentiated Mulaprakriti) to homogeneous Mulaprakriti—Mulaprakriti proper.

This can be seen in connection with man, a Heavenly Man and a solar Logos, and their bodies of objectivity.

347. Again the process applies in relation to the three types of entities we have been studying

In man this polarity is achieved, the **three different types of electrical phenomena** are demonstrated, and the light blazes forth, **irradiating the causal body**, and **lighting up the entire sutratma**, or thread (literally the Path) which connects the causal vehicle with the physical brain.

348. What is said here is really technical and important.

349. Is there a suggestion that the interplay between the energy of the first mental sub-plane and the third mental sub-plane causes the release of light and heat found in relation to the second mental sub-plane (i.e., the destruction of the causal body)?

350. The sutratma is the "life thread". One aspect of the sutratma functions in relation

thành một, nhiệt và ánh sáng mãnh liệt được tạo ra.

345. Sự viên mãn được biểu lộ qua sự hiển hiện của nhiệt và ánh sáng.

346. Ở một cấp độ còn sâu hơn, chúng ta *có thể* cũng đang bàn đến tiến trình sâu xa hơn ấy, tiến trình đưa vật chất như chúng ta biết nó (tức Mulaprakriti đã biến phân) trở về Mulaprakriti đồng nhất—Mulaprakriti đích thực.

Điều này có thể được thấy trong liên hệ với con người, một Đấng Thiên Nhân và một Thái dương Thượng đế, cùng các thể khách quan của các Ngài.

347. Một lần nữa, tiến trình này áp dụng trong liên hệ với ba loại thực thể mà chúng ta đã nghiên cứu

Trong con người, cực tính này được đạt đến, **ba loại hiện tượng điện lực khác nhau** được biểu lộ, và ánh sáng bùng cháy rực lên, **chiếu rọi thể nguyên nhân**, và **thắp sáng toàn bộ sutratma**, hay sợi dây (theo nghĩa đen là Con Đường) nối kết hiện thể nguyên nhân với bộ não hồng trần.

348. Điều được nói ở đây thực sự mang tính kỹ thuật và quan trọng.

349. Có phải ở đây có một gợi ý rằng sự tương tác giữa năng lượng của cõi phụ thứ nhất của cõi trí và cõi phụ thứ ba của cõi trí gây ra sự giải phóng ánh sáng và nhiệt được tìm thấy trong liên hệ với cõi phụ thứ hai của cõi trí (tức sự hủy diệt thể nguyên nhân) hay không?

350. Sutratma là "sinh mệnh tuyến". Một phương diện của sutratma hoạt động trong

to incarnating man. This aspect connects the causal body with the physical brain. It is an aspect utilized by the Solar Angel when individualization first takes place, for the initial work of the Solar Angel focuses first within the causal body and then within the physical brain of man.

liên hệ với con người đang lâm phàm. Phương diện này nối kết thể nguyên nhân với bộ não hồng trần. Đây là một phương diện được Thái dương Thiên Thần sử dụng khi biệt ngã hóa lần đầu diễn ra, vì công việc ban đầu của Thái dương Thiên Thần trước hết tập trung trong thể nguyên nhân rồi sau đó trong bộ não hồng trần của con người.

351. What are the three different types of electrical phenomena? We have been studying them under different names:

351. Ba loại hiện tượng điện lực khác nhau là gì? Chúng ta đã nghiên cứu chúng dưới những tên gọi khác nhau:

a. Vitality, magnetism and activity (or fohatic impulse)

a. Sinh lực, từ điện và hoạt động (hay xung lực fohat)

b. The electrical demonstration of the first ether, the electrical demonstration of third ether and the result of their interplay, the electrical demonstration related to the second ether.

b. Sự biểu lộ điện lực của dĩ thái thứ nhất, sự biểu lộ điện lực của dĩ thái thứ ba và kết quả của sự tương tác giữa chúng, tức sự biểu lộ điện lực liên hệ với dĩ thái thứ hai.

c. From another perspective, we have the electrical demonstration of the first aspect interplaying with the electrical demonstration of the third aspect, producing the electrical demonstration of the second aspect

c. Từ một góc nhìn khác, chúng ta có sự biểu lộ điện lực của phương diện thứ nhất tương tác với sự biểu lộ điện lực của phương diện thứ ba, tạo ra sự biểu lộ điện lực của phương diện thứ hai

352. When the causal body is irradiated, the sutratma also lights up. This sutratma will have to be used even after the destruction of the causal body, for the life aspect needs to be connected to the physical brain in the life of an Arhat who physically survives his fourth initiation (or in the life of a Master who became so in the same incarnation as He took the Arhat initiation). Even a Master creating a mayavirupa needs the sutratma to connect to the magically created physical brain.

352. Khi thể nguyên nhân được chiếu rọi, sutratma cũng sáng lên. Sutratma này sẽ phải được sử dụng ngay cả sau khi thể nguyên nhân bị hủy diệt, vì phương diện sự sống cần được nối kết với bộ não hồng trần trong đời sống của một Arhat còn sống sót về mặt thể xác sau lần điểm đạo thứ tư của y (hoặc trong đời sống của một Chân sư đã trở thành như vậy trong cùng kiếp lâm phàm mà Ngài nhận cuộc điểm đạo Arhat). Ngay cả một Chân sư tạo ra mayavirupa cũng cần sutratma để nối kết với bộ não hồng trần được tạo ra bằng huyền thuật.

353. What we have been understanding is that the creation of the causal body is the result of electrical interplay, and the destruction of the causal body (at a much later date) is also a demonstration of electrical interplay (in fact of the merging of the positive and negative poles).

353. Điều chúng ta đã hiểu là sự tạo thành thể nguyên nhân là kết quả của sự tương tác điện lực, và sự hủy diệt thể nguyên nhân (vào một thời điểm muộn hơn rất nhiều) cũng là một biểu hiện của sự tương tác điện lực (thực ra là của sự nhập làm một của các cực dương và âm).

354. We can infer that the atomic triangle (related, one would think, to the third sub-plane of the mental plane) and the manasic permanent atom related to the first sub-plane, are involved in intensive interplay at the time of the destruction of the causal body.

354. Chúng ta có thể suy ra rằng tam giác nguyên tử (có liên hệ, người ta sẽ nghĩ, với cõi phụ thứ ba của cõi trí) và nguyên tử trường tồn manas liên hệ với cõi phụ thứ nhất, đều tham gia vào sự tương tác mãnh liệt vào lúc thể nguyên nhân bị hủy diệt.

Then disintegration or destruction ensues; the causal body vanishes in a blaze of electrical fire, and **the real "man" or self is abstracted from the three world-bodies**.

Khi ấy sự phân rã hay hủy diệt tiếp diễn; thể nguyên nhân biến mất trong một chớp lửa điện rực cháy, và **"con người" hay bản ngã thực sự được rút ra khỏi các thể của ba cõi thấp**.

355. The fiery blaze which consumes the causal body is, in this reference, called "electrical fire". It is fire caused by the intimate interplay and merging of the poles.

355. Ngọn lửa rực cháy thiêu hủy thể nguyên nhân, trong trường hợp này, được gọi là "Lửa Điện". Đó là lửa do sự tương tác mật thiết và sự nhập làm một của các cực gây ra.

356. Such intense electrical interplay is the secret of abstraction.

356. Sự tương tác điện lực mãnh liệt như thế là bí mật của sự trừu xuất.

357. The real man is that which informs the causal body.

357. Con người thực sự là cái thấm nhuần thể nguyên nhân.

358. We can judge that all spiritual progress is the result of electrical interplay. All arrangement and re-arrangement in cosmos is an electrical process.

358. Chúng ta có thể nhận định rằng mọi tiến bộ tinh thần đều là kết quả của sự tương tác điện lực. Mọi sự sắp xếp và tái sắp xếp trong vũ trụ đều là một tiến trình điện lực.

359. We also can judge that the Rod of Initiation promotes this electrical interplay

359. Chúng ta cũng có thể nhận định rằng Thần Trượng Điểm đạo thúc đẩy sự tương tác điện lực này qua sự kích thích thích đáng

through the proper stimulation of polar factors within the candidate.

các yếu tố cực tính bên trong người dự tuyển.

360. The abstraction of the self from its sheaths arises through electrical interplay.

360. Sự trừu xuất bản ngã ra khỏi các lớp vỏ của nó phát sinh qua sự tương tác điện lực.

361. VSK states: "The Sutratma is the 'thread Path', connecting the causal vehicle to the physical brain. Hence the literalness of 'playing with fire' with certain practices."

361. VSK nói: "Sutratma là 'Con Đường sợi chỉ', nối kết hiện thể nguyên nhân với bộ não hồng trần. Do đó có tính nghĩa đen của việc 'đùa với lửa' trong một số thực hành nhất định."

So will it be seen in the body of a Heavenly Man, a planetary scheme, and so likewise in the body of the Logos, a solar system.

Điều đó cũng sẽ được thấy trong thân thể của một Đấng Thiên Nhân, một hệ hành tinh, và cũng tương tự như vậy trong thân thể của Thượng đế, một hệ mặt trời.

362. The analogy continues.

362. Phép loại suy tiếp tục.

The difficulty in apprehending these thoughts is great, for we are necessarily handicapped by lack of adequate terms,

Khó khăn trong việc lĩnh hội những tư tưởng này là rất lớn, vì tất yếu chúng ta bị hạn chế bởi sự thiếu vắng những thuật ngữ thích đáng,

363. Our science has not proceeded sufficiently far to give us the necessary terms. The processes to which such terms should apply have also not been clearly delineated.

363. Khoa học của chúng ta chưa tiến đủ xa để cung cấp cho chúng ta những thuật ngữ cần thiết. Các tiến trình mà những thuật ngữ ấy phải áp dụng vào cũng chưa được phân định rõ ràng.

but the main ideas only are those I seek to deal with,

nhưng tôi chỉ tìm cách bàn đến những ý tưởng chính yếu mà thôi,

364. A Treatise on Cosmic Fire is complex. In all this complexity we sometimes forget that DK is really presenting only the *main ideas* of the sciences He is elucidating.

364. Luận về Lửa Vũ Trụ rất phức tạp. Trong toàn bộ sự phức tạp này, đôi khi chúng ta quên rằng DK thực sự chỉ đang trình bày những *ý tưởng chính yếu* của các khoa học mà Ngài đang làm sáng tỏ.

and the one we are primarily concerned with in this division is the **electrical manifestation of magnetism,**

và điều mà trước hết chúng ta quan tâm trong phần này là **biểu hiện điện lực của từ điện,**

365. We are now in the second portion of the book—the portion that deals with the fire of mind (higher mind particularly) and with the mental expression of the second aspect of divinity.

365. Hiện nay chúng ta đang ở phần thứ hai của quyển sách—phần bàn về lửa của trí tuệ (đặc biệt là thượng trí) và về biểu hiện trí tuệ của phương diện thứ hai của thiên tính.

366. TCF deals almost exclusively with electrical phenomena.

366. TCF hầu như chỉ bàn riêng về các hiện tượng điện lực.

367. Magnetism is an electrical phenomenon—an electrical phenomenon pertaining very much to the second aspect.

367. Từ điện là một hiện tượng điện lực—một hiện tượng điện lực rất gắn với phương diện thứ hai.

just as earlier we dealt cursorily with the same electrical phenomena, manifesting as the **activity of matter**.

cũng như trước đây chúng ta đã chỉ bàn lướt qua cùng những hiện tượng điện lực ấy, biểu hiện thành **hoạt động của vật chất**.

368. Activity, we have seen, is also an electrical phenomenon—an electrical phenomenon pertaining very much to the third aspect.

368. Như chúng ta đã thấy, hoạt động cũng là một hiện tượng điện lực—một hiện tượng điện lực rất gắn với phương diện thứ ba.

369. The first part of the book dealt with the fires of matter. Another way of saying this is that it dealt with the electrical phenomena which demonstrated as the activity of matter.

369. Phần đầu của quyển sách bàn về các lửa của vật chất. Một cách nói khác là phần ấy bàn về các hiện tượng điện lực biểu lộ thành hoạt động của vật chất.

370. Now we are in a portion of the book which deals with the electrical phenomena which demonstrate as the fires of mind and the manifestation of magnetism.

370. Giờ đây chúng ta đang ở phần của quyển sách bàn về các hiện tượng điện lực biểu lộ thành các lửa của trí tuệ và sự biểu hiện của từ điện.

371. From this perspective, mind, as here defined, is magnetic. To entertain this thought helps an individual move from a focus strictly within the lower mind to one that re-polarizes within the higher mental plane.

371. Từ góc nhìn này, trí tuệ, như được định nghĩa ở đây, là từ tính. Chấp nhận tư tưởng này giúp một cá nhân chuyển từ sự tập trung hoàn toàn trong hạ trí sang sự tái phân cực trong Cõi thượng trí.

Therefore you have: [Page 316]

Do đó bạn có: [Page 316]

1. Activity....electrical manifestation of matter.

2. Magnetism...electrical manifestation of form.

3. Vitality....electrical manifestation of existence.

372. We have here a straightforward tabulation, but some illuminating points of view are being offered.

373. That "Activity" relates to the electrical manifestation of matter is straightforward.

374. "Magnetism", we realize (first appearing on the monadic plane) relates to the manifestation of form, and it is on this plane that form first manifests.

375. "Vitality", we learned, is related to the life aspect, and the term "existence" is, in this context, is another name for life.

376. In this section of the book we are dealing with mind, magnetism and form. These three ideas go together and are related to the "burning fire of Desire".

377. In the earlier portion we were dealing with matter and activity.

378. In the next portion we shall deal with vitality, life and existence. (related to the Will-to-be and the "dynamic fire of Will").

1. Hoạt động....biểu hiện điện lực của vật chất.

2. Từ điện...biểu hiện điện lực của hình tướng.

3. Sinh lực....biểu hiện điện lực của hiện hữu.

372. Ở đây chúng ta có một bảng liệt kê trực tiếp, nhưng một số quan điểm soi sáng đang được đưa ra.

373. Việc "Hoạt động" liên hệ với biểu hiện điện lực của vật chất là điều rõ ràng.

374. "Từ điện", như chúng ta nhận ra (xuất hiện đầu tiên trên cõi chân thần), liên hệ với sự biểu hiện của hình tướng, và chính trên cõi này hình tướng biểu hiện lần đầu.

375. "Sinh lực", như chúng ta đã học, liên hệ với phương diện sự sống, và thuật ngữ "hiện hữu", trong ngữ cảnh này, là một tên gọi khác của sự sống.

376. Trong phần này của quyển sách, chúng ta đang bàn đến trí tuệ, từ điện và hình tướng. Ba ý tưởng này đi cùng nhau và liên hệ với "ngọn lửa cháy bỏng của Dục vọng".

377. Trong phần trước, chúng ta đã bàn đến vật chất và hoạt động.

378. Trong phần kế tiếp, chúng ta sẽ bàn đến sinh lực, sự sống và hiện hữu. (liên hệ với Ý Chí-hiện hữu và "ngọn lửa năng động của Ý Chí").

This is literally (as pointed out by H. P. B.)22. [SDI 567. II 258] fire by friction, solar fire, and electric fire.

379. The electrical manifestation of matter is "fire by friction" or activity.

380. The electrical manifestation of form is "solar fire" or magnetism.

381. The electrical manifestation of existence is "electric fire" (not *electrical* fire) or vitality.

382. We are trying to put a number of ideas together so that they remain associated in the mind of the reader.

383. What the Tibetan says in one place must be brought into relation with what He says in another.

Fire by friction is electricity animating the atoms of matter, or the substance of the solar system, and resulting in:

384. Fire by friction *is* a type of electricity. Electricity is the animator and animates the atoms of matter.

385. We are to remember that the three fires are *electrical.*

386. The following are the results of the work of fire by friction:

The spheroidal form of all manifestation.

The innate heat of all spheres.

Điều này theo nghĩa đen là (như H. P. B. đã chỉ ra)22. [SDI 567. II 258] Lửa ma sát, Lửa Thái dương, và Lửa Điện.

379. Biểu hiện điện lực của vật chất là "Lửa ma sát" hay hoạt động.

380. Biểu hiện điện lực của hình tướng là "Lửa Thái dương" hay từ điện.

381. Biểu hiện điện lực của hiện hữu là "Lửa Điện" (không phải lửa *điện lực*) hay sinh lực.

382. Chúng ta đang cố gắng kết nối một số ý tưởng lại với nhau để chúng vẫn được liên kết trong trí tuệ của người đọc.

383. Điều Chân sư Tây Tạng nói ở chỗ này phải được đặt trong liên hệ với điều Ngài nói ở chỗ khác.

Lửa ma sát là điện lực tiếp sinh lực cho các nguyên tử của vật chất, hay chất liệu của hệ mặt trời, và dẫn đến:

384. Lửa ma sát *là* một loại điện lực. Điện lực là tác nhân tiếp sinh lực và tiếp sinh lực cho các nguyên tử của vật chất.

385. Chúng ta cần nhớ rằng ba lửa đều *mang tính điện lực.*

386. Sau đây là các kết quả của công việc của Lửa ma sát:

Hình dạng cầu của mọi biểu hiện.

Nhiệt nội tại của mọi khối cầu.

Sự biến phân của mọi nguyên tử với nhau.

Differentiation of all atoms one from another.

387. Much of what is described immediately above was described in relation to the monadic plane, whereon spheroidal forms were produced and whereon differentiation first occurred.

387. Phần lớn những gì được mô tả ngay trên đây đã được mô tả trong liên hệ với cõi chân thần, nơi các hình dạng cầu được tạo ra và nơi sự biến phân lần đầu xảy ra.

388. The following quotes were taken from text appearing earlier in this section and relate to the monadic plane. We see how close is the relation to what is described as the result of fire by friction.

388. Những trích dẫn sau đây được lấy từ đoạn văn xuất hiện trước đó trong phần này và liên hệ với cõi chân thần. Chúng ta thấy mối liên hệ gần gũi như thế nào với điều được mô tả là kết quả của Lửa ma sát.

Form is taken, and the **spheroidal shape** of all existence originates.

Hình tướng được tiếp nhận, và **hình dạng cầu** của mọi hiện hữu phát sinh.

Differentiation is first seen, not only in the **recognised duality of all things**, but in differentiation in motion; **two vibrations are recognised**. (TCF 313)

Sự biến phân lần đầu được thấy, không chỉ trong **nhị nguyên tính được nhận biết của mọi sự vật**, mà còn trong sự biến phân trong chuyển động; **hai rung động được nhận biết**. (TCF 313)

389. On the monadic plane, "heat or flaming radiation" also appeared, which correlates, as well, with the description of the result of fire by friction.

389. Trên cõi chân thần, "nhiệt hay bức xạ rực lửa" cũng xuất hiện, điều này cũng tương ứng với mô tả về kết quả của Lửa ma sát.

390. In a way, the energies and forces expressed throughout the cosmic physical plane are, cosmically considered, *all* fire by friction.

390. Theo một nghĩa nào đó, các năng lượng và mãnh lực được biểu lộ khắp cõi hồng trần vũ trụ, xét theo quan điểm vũ trụ, *đều* là Lửa ma sát.

391. It is safe to say that *all* three fires are, in some ways, active on all planes of the cosmic physical plane.

391. Có thể nói một cách an toàn rằng *cả* ba lửa, theo một số phương diện, đều hoạt động trên mọi cõi của cõi hồng trần vũ trụ.

Solar fire is electricity animating forms or congeries of atoms, and resulting in:

Lửa Thái dương là điện lực tiếp sinh lực cho các hình tướng hay các tập hợp nguyên tử, và dẫn đến:

392. We have just been told that fire by friction is “electricity animating the atoms of matter”.

392. Chúng ta vừa được nói rằng Lửa ma sát là “điện lực tiếp sinh lực cho các nguyên tử của vật chất”.

393. Now we are told that “solar fire is electricity animating forms or congeries of atoms”.

393. Giờ đây chúng ta được nói rằng “Lửa Thái dương là điện lực tiếp sinh lực cho các hình tướng hay các tập hợp nguyên tử”.

394. The three fires, we must constantly bear in mind, are *electrical.* That is one of the main points to grasp from studying the present section.

394. Chúng ta phải luôn ghi nhớ rằng ba lửa đều *mang tính điện lực.* Đó là một trong những điểm chính cần nắm bắt từ việc nghiên cứu phần hiện tại.

395. If the phenomenon of electricity is based on bi-polarity, then so is the phenomenon of fire.

395. Nếu hiện tượng điện lực dựa trên tính lưỡng cực, thì hiện tượng lửa cũng vậy.

396. Solar fire produces the following:

396. Lửa Thái dương tạo ra những điều sau đây:

Coherent groups.

Các nhóm kết hợp chặt chẽ.

The radiation from all groups, or the magnetic interaction of these groups.

Bức xạ từ mọi nhóm, hay sự tương tác từ tính của các nhóm này.

397. Radiation and magnetic interaction are considered equivalent.

397. Bức xạ và sự tương tác từ tính được xem là tương đương.

398. When magnetism exists, radiation occurs.

398. Khi từ điện hiện hữu, bức xạ xảy ra.

399. Where radiation exist, does magnetism occur?

399. Nơi nào có bức xạ, từ điện có xảy ra không?

The synthesis of form.

Sự tổng hợp của hình tướng.

400. We might call the production of the synthesis of form the production of the *wholeness* of form.

400. Chúng ta có thể gọi việc tạo ra sự tổng hợp của hình tướng là việc tạo ra *tính toàn vẹn* của hình tướng.

401. Solar fire is the electrical demonstration producing coherency.

401. Lửa Thái dương là biểu hiện điện lực tạo ra tính kết hợp.

402. The sequence produced could be considered as follows:

402. Trình tự được tạo ra có thể được xem như sau:

a. Coherency,

a. Tính kết hợp,

b. Unity,

b. Hợp nhất,

c. Synthesis.

c. Tổng hợp.

Electric fire is electricity demonstrating as vitality or the will-to-be of some Entity, and manifests as:

Lửa Điện là điện lực biểu lộ thành sinh lực hay ý chí-hiện hữu của một Thực Thể nào đó, và biểu hiện thành:

403. Fire by friction is "electricity animating the atoms of matter"; "solar fire is electricity animating forms or congeries of atoms"; "electric fire is electricity demonstrating as vitality or the will-to-be of some Entity".

403. Lửa ma sát là "điện lực tiếp sinh lực cho các nguyên tử của vật chất"; "Lửa Thái dương là điện lực tiếp sinh lực cho các hình tướng hay các tập hợp nguyên tử"; "Lửa Điện là điện lực biểu lộ thành sinh lực hay ý chí-hiện hữu của một Thực Thể nào đó".

404. It is important to associate the "will-to-be" with vitality. When the will-to-be ceases, vitality also ceases, and the animation of form ceases. We say that one has lost his "will-to-live". Then, what we call "death" ensues.

404. Điều quan trọng là phải liên kết "ý chí-hiện hữu" với sinh lực. Khi ý chí-hiện hữu chấm dứt, sinh lực cũng chấm dứt, và sự tiếp sinh lực cho hình tướng chấm dứt. Chúng ta nói rằng một người đã mất "ý chí-sống" của mình. Khi đó, điều chúng ta gọi là "cái chết" xảy ra.

Abstract Being.

Bản Thể trừu tượng.

Darkness.

Bóng tối.

Unity.

Hợp nhất.

405. Interestingly, synthesis was mentioned in connection with the second form of electricity, but it was the "synthesis of

405. Điều thú vị là tổng hợp đã được nhắc đến trong liên hệ với hình thức điện lực thứ hai, nhưng đó là "sự tổng hợp của hình

form”—not the synthesis of life of consciousness.

406. “Darkness” and “Abstract Being” are equivalent terms. To these, unity must be added in equivalence.

407. It would seem justified to say that “electric fire” results also in synthesis.

408. A useful table from the above paragraphs compliments of VSK:

[table 7]

Activity	Magnetism	Vitality
Fohatic Impulse	Wisdom	Will
Matter	Form	Existence
Fire by friction	**Solar fire**	**Electric fire**
Intelligent purpose	Archetypal Form	Initial activity
Atoms of matter or substance	Congeries of atoms	Will to be of some Entity
Spheroidal form	Coherent groups	Abstract being
Innate heat	Radiation and magnetic interaction	Darkness
Differentiation	Synthesis of form	Unity

409. Naturally, this table should be pondered carefully, because it brings many ideas together into a coherent whole.

tướng”—không phải sự tổng hợp của sự sống hay tâm thức.

406. “Bóng tối” và “Bản Thể trừu tượng” là những thuật ngữ tương đương. Vào đó, phải thêm hợp nhất như một tương đương nữa.

407. Có vẻ hợp lý khi nói rằng “Lửa Điện” cũng dẫn đến tổng hợp.

408. Một bảng hữu ích từ các đoạn trên, do VSK cung cấp:

409. Tự nhiên, bảng này nên được suy ngẫm cẩn thận, vì nó gom nhiều ý tưởng lại thành một toàn thể kết hợp chặt chẽ.

410. One of the most important learnings that arises in this section is that *fire is electricity and electricity is fire*.

410. Một trong những điều học hỏi quan trọng nhất nảy sinh trong phần này là *lửa là điện lực và điện lực là lửa*.

411. Specialized electricity is specialized fire.

411. Điện lực chuyên biệt là lửa chuyên biệt.

412. Fire is polarized just as is electricity.

412. Lửa được phân cực cũng như điện lực được phân cực.

We have seen that electrical manifestation on the first plane caused initial vibration, and on the second its activity resulted in the archetypal form of all manifestation from a God to man, and an atom.

Chúng ta đã thấy rằng biểu hiện điện lực trên cõi thứ nhất gây ra rung động ban đầu, và trên cõi thứ hai hoạt động của nó dẫn đến hình tướng nguyên mẫu của mọi biểu hiện từ một Thượng đế đến con người, và một nguyên tử.

413. Here we are summarizing the effects of electrical manifestation on the cosmic physical plane.

413. Ở đây chúng ta đang tóm lược các hiệu quả của biểu hiện điện lực trên cõi hồng trần vũ trụ.

414. Archetypes are to be found on the monadic plane—akashic plane. It is, in terms of the cosmic physical plane, the "archetypal plane".

414. Các nguyên mẫu được tìm thấy trên cõi chân thần—cõi akasha. Xét theo cõi hồng trần vũ trụ, đó là "cõi nguyên mẫu".

415. But the monadic plane is also the plane of "archetypal **form**".

415. Nhưng cõi chân thần cũng là cõi của "**hình tướng** nguyên mẫu".

On the third plane which, is primarily the plane of Brahma, this electrical force showed itself in intelligent purpose.

Trên cõi thứ ba, vốn chủ yếu là cõi của Brahma, mãnh lực điện này biểu lộ thành mục đích thông tuệ.

416. The atmic plane is primarily the plane of Brahma.

416. Cõi atma chủ yếu là cõi của Brahma.

417. The atmic plane is the plane whereon "intelligent purpose" is demonstrated.

417. Cõi atma là cõi nơi "mục đích thông tuệ" được biểu lộ.

418. Atma, then, is primarily, "intelligent purpose" (a blend of the first and third rays).

418. Như vậy, atma chủ yếu là "mục đích thông tuệ" (một sự hòa trộn của cung một và cung ba).

The will-to-be, and the form desired, are correlated by intelligent purpose underlying all.

419. This is a synthetic statement:

a. The first plane is animated by the will-to-be

b. On the second plane the "form desired" is produced

c. On the third plane, the will-to-be and the form desired are correlated by intelligent purpose.

420. It is clear that the third ray is a ray of correlation and coordination. Vitality and form are coordinated by intelligent purpose.

This intelligent purpose, or active will, utilising an instrument, brings us to **that most difficult of metaphysical problems, the distinction between will and desire.**

421. We note the equivalence of "intelligent purpose" and active will. Note that in each of these dual terms, one term relates to the first ray and one to the third.

422. A most difficult problem, indeed!

423. It is of value to realize that Desire as conceived on the cosmic astral plane is manifested as Will (as conceived on the cosmic physical plane).

424. Desire is relational; Will is centralized and self-contained.

Ý chí-hiện hữu, và hình tướng được mong muốn, được tương liên bởi mục đích thông tuệ nằm bên dưới tất cả.

419. Đây là một phát biểu tổng hợp:

a. Cõi thứ nhất được tiếp sinh lực bởi ý chí-hiện hữu

b. Trên cõi thứ hai, "hình tướng được mong muốn" được tạo ra

c. Trên cõi thứ ba, ý chí-hiện hữu và hình tướng được mong muốn được tương liên bởi mục đích thông tuệ.

420. Rõ ràng cung ba là cung của sự tương liên và phối hợp. Sinh lực và hình tướng được phối hợp bởi mục đích thông tuệ.

Mục đích thông tuệ này, hay ý chí hoạt động, sử dụng một công cụ, đưa chúng ta đến **vấn đề siêu hình khó khăn nhất ấy, sự phân biệt giữa ý chí và dục vọng.**

421. Chúng ta lưu ý sự tương đương giữa "mục đích thông tuệ" và ý chí hoạt động. Hãy lưu ý rằng trong mỗi cặp thuật ngữ kép này, một thuật ngữ liên hệ với cung một và một thuật ngữ liên hệ với cung ba.

422. Quả thật là một vấn đề cực kỳ khó khăn!

423. Sẽ có giá trị nếu nhận ra rằng Dục vọng như được quan niệm trên cõi cảm dục vũ trụ được biểu lộ thành Ý chí (như được quan niệm trên cõi hồng trần vũ trụ).

424. Dục vọng có tính tương quan; Ý chí thì tập trung và tự chứa đựng.

425. When that which is desired is centralized within the one who has desired, the one who has desired becomes the one who *wills.*

425. Khi điều được dục vọng tập trung vào bên trong kẻ đã dục vọng, kẻ đã dục vọng trở thành kẻ *ý chí.*

426. Will is the end of outreach (for the sake of acquisition) and the beginning of radiation for the sake of impact.

426. Ý chí là sự chấm dứt của việc vươn ra (vì mục đích thủ đắc) và là sự khởi đầu của bức xạ vì mục đích tạo tác động.

427. Will (at least temporarily) 'has what it needs'.

427. Ý chí (ít nhất là tạm thời) 'có điều nó cần'.

428. Yet it is almost inconceivable that that will can manifest without association with some measure of desire, and desire without some measure of will.

428. Tuy nhiên, gần như không thể hình dung rằng ý chí ấy có thể biểu lộ mà không gắn với một mức độ dục vọng nào đó, và dục vọng mà không gắn với một mức độ ý chí nào đó.

429. VSK suggests a similarly most difficult question is embedded in the relationship of the first ray and the sixth ray, especially in regard to their relationship to the colour red and blue.

429. VSK gợi ý rằng một câu hỏi khó khăn tương tự cũng hàm chứa trong mối liên hệ giữa cung một và cung sáu, đặc biệt liên quan đến mối liên hệ của chúng với màu đỏ và xanh lam.

430. VSK continues: "Red is the colour of the water of life's blood, that which is vitality and desire. These vitality and desire bodies are hot blooded and cold blooded, as a key factor in mammals. Blue and Red are both associated with both the first and the sixth ray. (i.e., the first or logoic plane is that of the Solar or "Blue" Logos. In the second solar system, the Second Ray is 'in the first place', so Blue is number *one*; Christ as King".

430. VSK tiếp tục: "Đỏ là màu của nước máu sự sống, tức cái vừa là sinh lực vừa là dục vọng. Những thể sinh lực và dục vọng này là máu nóng và máu lạnh, như một yếu tố then chốt nơi loài có vú. Xanh lam và Đỏ đều liên hệ với cả cung một lẫn cung sáu. (tức cõi thứ nhất hay cõi logoic là cõi của Thượng đế Thái dương hay 'Xanh lam'. Trong hệ mặt trời thứ hai, Cung hai 'ở vị trí thứ nhất', vì vậy Xanh lam là số *một*; Đức Christ như Vua".

431. VSK further states: "We can also consider the relationships of this first and sixth ray and the will and desire conundrum, to the third ray, the Sixth Cosmic Path, and the movement of the sacral to the throat".

431. VSK còn nói thêm: "Chúng ta cũng có thể xem xét các mối liên hệ của cung một và cung sáu này cùng câu đố về ý chí và dục vọng, với cung ba, Con Đường Vũ Trụ thứ Sáu, và sự chuyển dịch từ xương cùng lên trung tâm cổ họng".

It is not possible [Page 317] here to handle this delicate subject, save simply to point out that **in both will and desire, intelligence or manas is a fundamental factor, and must be recognised.**

Ở đây không thể [Page 317] xử lý chủ đề tinh tế này, ngoại trừ chỉ ra đơn giản rằng **trong cả ý chí lẫn dục vọng, trí tuệ hay manas là một yếu tố nền tảng, và phải được nhận biết.**

432. This is perhaps a surprising statement.

432. Đây có lẽ là một phát biểu đáng ngạc nhiên.

433. It is as if desire cannot be fulfilled without manas, and will cannot be directed without manas.

433. Dường như dục vọng không thể được hoàn thành nếu không có manas, và ý chí không thể được định hướng nếu không có manas.

This permeating principle of manas—colouring as it does both the will aspect and the desire aspect—is the cause of much confusion to students, and clarity of thought will eventuate only as it is realised:

Nguyên khí thấm nhuần này của manas—nhuốm màu cả phương diện ý chí lẫn phương diện dục vọng—là nguyên nhân của nhiều sự lẫn lộn đối với các đạo sinh, và sự sáng tỏ trong tư tưởng sẽ chỉ xuất hiện khi điều đó được chứng nghiệm:

434. We are learning something about the pervasive factor of manas.

434. Chúng ta đang học được điều gì đó về yếu tố thấm nhuần khắp nơi của manas.

435. If will is to be intelligent; if desire is to be intelligent; then manas is required.

435. Nếu ý chí phải là trí tuệ; nếu dục vọng phải là trí tuệ; thì manas là điều cần thiết.

First, that all manifestation **emanates, or is electrified, from** the cosmic mental plane.

Thứ nhất, rằng mọi biểu hiện **xuất lộ, hay được điện hóa, từ** cõi trí tuệ vũ trụ.

436. We have run into this idea before. DK does not follow the impulse which produced our solar system beyond the cosmic mental plane—at least, only rarely.

436. Chúng ta đã gặp ý tưởng này trước đây. DK không lần theo xung lực đã tạo ra hệ mặt trời của chúng ta vượt quá cõi trí tuệ vũ trụ—ít nhất, chỉ rất hiếm khi.

437. Even that which we call Will has, for purpose of His discussions with us, its origin on that plane.

437. Ngay cả điều mà chúng ta gọi là Ý Chí cũng có nguồn gốc trên cõi ấy, vì mục đích các cuộc luận bàn của Ngài với chúng ta.

438. All manifestation in the three lower worlds begins, for practical purposes, with the systemic mental plane. Analogously, the

438. Mọi biểu hiện trong ba cõi thấp, xét về mục đích thực tiễn, đều bắt đầu với cõi trí

lower eighteen cosmic sub-planes originate from the cosmic mental plane.

của hệ thống. Tương tự, mười tám cõi phụ vũ trụ thấp bắt nguồn từ cõi trí tuệ vũ trụ.

439. We are being given a relationship between emanation and electrification. The implication is that emanation may be an electrical process, arising from the interplay of electrical poles (i.e., arising from electrical interplay).

439. Chúng ta đang được trao cho một mối liên hệ giữa sự xuất lộ và sự điện hóa. Hàm ý là sự xuất lộ có thể là một tiến trình điện, phát sinh từ sự tương tác của các cực điện (tức là, phát sinh từ sự tương tác điện).

440. In this discussion we are relating the permeating principle of manas to the will and desire aspects.

440. Trong cuộc luận bàn này, chúng ta đang liên hệ nguyên khí thấm nhuần của manas với các phương diện ý chí và dục vọng.

Second, that the Universal Mind, or the divine thinker, is **the intelligent Principle** which makes Itself known as the Will-to-be, Desire or Love-of-Being, and that active intelligent purpose which animates the solar system.

Thứ hai, rằng Trí Tuệ Vũ Trụ, hay Đấng tư tưởng thiêng liêng, là **Nguyên khí trí tuệ** tự biểu lộ như Ý Chí-hiện hữu, Dục vọng hay Bác Ái-hiện hữu, và mục đích trí tuệ linh hoạt làm sinh động hệ mặt trời.

441. We are rising no higher than solar logoic manas. Everything which we call Will within our manifested solar system, is derivative of this "intelligent Principle".

441. Chúng ta không vươn cao hơn manas của Thái dương Thượng đế. Mọi điều mà chúng ta gọi là Ý Chí trong hệ mặt trời biểu hiện của chúng ta đều là phái sinh từ "Nguyên khí trí tuệ" này.

442. The Universal Mind relates to the mental processes of the Solar Logos and is the threefold Mind animating this Second Solar System.

442. Trí Tuệ Vũ Trụ liên hệ với các tiến trình trí tuệ của Thái dương Thượng đế và là Trí tam phân làm sinh động Hệ Mặt Trời thứ Hai này.

443. These three originate in the Universal Mind:

443. Ba điều này bắt nguồn trong Trí Tuệ Vũ Trụ:

a. The Will-to-be

a. Ý Chí-hiện hữu

b. The Desire-to-be or the "Love-of-Being"

b. Dục vọng-hiện hữu hay "Bác Ái-hiện hữu"

c. Active intelligent purpose (the third aspect) animating the solar system.

c. Mục đích trí tuệ linh hoạt (phương diện thứ ba) làm sinh động hệ mặt trời.

444. In this discussion we are continuing to relate the permeating principle of manas to the will and desire aspects.

444. Trong cuộc luận bàn này, chúng ta tiếp tục liên hệ nguyên khí thấm nhuần của manas với các phương diện ý chí và dục vọng.

Third, that Maha-deva, or the Divine Will, Vishnu, the Wisdom aspect, or the manifested "Son of Necessity," and Brahma or active purpose **are the sum-total of intelligent consciousness,** and are (to the manifesting cosmic Entity) what the mental body, the desire body, and the physical body are to man, the thinker in the three worlds, functioning in the causal body.

Thứ ba, rằng Maha-deva, hay Ý Chí thiêng liêng, Vishnu, phương diện Minh triết, hay "Con của Sự Cần Thiết" biểu hiện, và Brahma hay mục đích linh hoạt **là tổng thể của tâm thức trí tuệ,** và là (đối với Thực Thể vũ trụ đang biểu hiện) điều mà thể trí, thể dục vọng, và thể xác là đối với con người, thức giả trong ba cõi giới, đang hoạt động trong thể nguyên nhân.

445. DK is repeating the idea that the Universal Mind or the intelligent consciousness of the Solar Logos lies behind all that we call the mental body, the desire body and the physical body of our Solar Logos.

445. DK đang lặp lại ý tưởng rằng Trí Tuệ Vũ Trụ hay tâm thức trí tuệ của Thái dương Thượng đế nằm phía sau tất cả những gì chúng ta gọi là thể trí, thể dục vọng và thể xác của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

446. It makes sense that in this second solar system, we do not (in our discussion) rise above the cosmic mental plane, for this is the solar system of the Son, Whose major center (at this time) is the solar logoic causal body on the higher cosmic mental plane.

446. Điều hợp lý là trong hệ mặt trời thứ hai này, chúng ta không (trong cuộc luận bàn của mình) vượt lên trên cõi trí tuệ vũ trụ, vì đây là hệ mặt trời của Con, Đấng có trung tâm chính yếu (vào lúc này) là thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế trên cõi thượng trí vũ trụ.

447. We see that the three major aspects of divinity, cosmically considered, are focussed respectively in the mental, desire and etheric-physical bodies of the Solar Logos.

447. Chúng ta thấy rằng ba phương diện chính yếu của thiên tính, xét theo vũ trụ, lần lượt được tập trung trong các thể trí, dục vọng và dĩ thái-hồng trần của Thái dương Thượng đế.

448. VSK would have us note that the desire body of the cosmic Entity is as a manifested "Son of Necessity". Analogously then, so is our own astral body.

448. VSK muốn chúng ta lưu ý rằng thể dục vọng của Thực Thể vũ trụ là một "Con của Sự Cần Thiết" biểu hiện. Tương tự như vậy, thể cảm dục của chính chúng ta cũng thế.

449. VSK proposes what she calls an "advanced idea": "We understand the point

449. VSK đề xuất điều mà bà gọi là một "ý tưởng cao siêu": "Chúng ta hiểu điểm tiến

of evolution of the Solar Logos and His polarization on the cosmic astral plane. This emphasis may also assist in the problem of first and sixth ray energies being apparently confused in terms of will or desire. This is to say that the Solar Logos' Purpose is our desire. So the 'red', the life and blood of Him, associated with the number *one*, is the same as our desire, giving life and blood, the desire of the sixth. They are intimately related."

hoá của Thái dương Thượng đế và sự phân cực của Ngài trên cõi cảm dục vũ trụ. Sự nhấn mạnh này cũng có thể hỗ trợ trong vấn đề các năng lượng cung một và cung sáu dường như bị lẫn lộn xét theo ý chí hay dục vọng. Điều này có nghĩa là Mục Đích của Thái dương Thượng đế là dục vọng của chúng ta. Vì thế 'đỏ', sự sống và huyết mạch của Ngài, gắn với số *một*, cũng chính là dục vọng của chúng ta, ban sự sống và huyết mạch, dục vọng của số sáu. Chúng liên hệ mật thiết với nhau."

450. VSK proposes another "advanced idea": "We begin by referencing EA 34-35. Pisces is the Creative Hierarchy of the *third* subplane of the cosmic astral. It carries the *second* and *sixth* ray, the blue-indigo and red-rose. This is the *Third* Kumara, the 'Saviour King' on the plane that the causal body of the Solar Logos has focus upon (yes?). This *sixth* cosmic plane is the *seventh* cosmic plane's 'primary', or impulsing 'first aspect' (relatively speaking). So again, 'our will is God's desire'—Vishnu's desire. The Fish is the Saviour King. The causal body is on the 6.3. cosmic plane—Pisces."

450. VSK đề xuất một "ý tưởng cao siêu" khác: "Chúng ta bắt đầu bằng cách tham chiếu EA 34-35. Song Ngư là Huyền Giai Sáng Tạo của cõi phụ *thứ ba* của cõi cảm dục vũ trụ. Nó mang cung *hai* và cung *sáu*, lam-chàm và đỏ-hồng. Đây là Kumara *Thứ ba*, 'Đức Vua Cứu Thế' trên cõi mà thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế tập trung vào (đúng chứ?). Cõi vũ trụ *thứ sáu* này là 'sơ cấp', hay phương diện thứ nhất *thứ bảy* của cõi vũ trụ xung động (xét tương đối). Vì vậy một lần nữa, 'ý chí của chúng ta là dục vọng của Thượng đế'—dục vọng của Vishnu. Cá là Đức Vua Cứu Thế. Thể nguyên nhân ở trên cõi vũ trụ 6.3. —Song Ngư."

451. I would ask VSK why she states the focus of the causal body of the Solar Logos is upon the third sub-plane of the cosmic astral plane? Is that focus not upon the first sub-plane of the cosmic mental plane?

451. Tôi muốn hỏi VSK vì sao bà nói rằng tiêu điểm của thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế nằm trên cõi phụ thứ ba của cõi cảm dục vũ trụ? Tiêu điểm ấy chẳng phải nằm trên cõi phụ thứ nhất của cõi trí tuệ vũ trụ sao?

452. I would also ask why the *Third* Kumara is referenced. If the Kumara referenced is Sanat Kumara, He should be either the *First* Kumara or the *Fourth.*

452. Tôi cũng muốn hỏi vì sao Kumara *Thứ ba* lại được nhắc đến. Nếu Kumara được nhắc đến là Đức Sanat Kumara, thì Ngài phải là Kumara *Thứ nhất* hoặc *Thứ tư.*

453. I find the other ideas here proposed sound.

453. Tôi thấy các ý tưởng khác được đề xuất ở đây là xác đáng.

454. VSK also states: "Saturn and Mars are also highlighted here by resonance to *three* and *six*—according to ray and scheme number. Thus are associated green (Saturn, ray three) and red (Mars, ray six), the colours of the solar plexus, of vitality.

454. VSK cũng nói: "Sao Thổ và Sao Hỏa cũng được làm nổi bật ở đây do cộng hưởng với số *ba* và *sáu*—theo cung và số hệ hành tinh. Vì thế gắn liền với màu lục (Sao Thổ, cung ba) và màu đỏ (Sao Hỏa, cung sáu), là các màu của tùng thái dương, của sinh lực.

We must not forget that the **causal body contains the three permanent atoms** or the three spheres which embody the principle of intelligence, of desire, and of physical objectivity.

Chúng ta không được quên rằng **thể nguyên nhân chứa ba nguyên tử trường tồn** hay ba khối cầu hiện thân cho nguyên khí trí tuệ, dục vọng, và tính khách quan hồng trần.

455. This is true whether we are speaking of the causal body of a man, a Planetary Logos or a Solar Logos.

455. Điều này đúng dù chúng ta đang nói về thể nguyên nhân của một con người, một Hành Tinh Thượng Đế hay một Thái dương Thượng đế.

456. DK makes this point to show how the principle of Intelligence (embodied in the causal body) is really, for practical purpose, the origin of—

456. DK nêu điểm này để cho thấy nguyên khí Trí Tuệ (được hiện thân trong thể nguyên nhân) thực sự, vì mục đích thực tiễn, là nguồn gốc của—

a. The Will-to-be

a. Ý Chí-hiện hữu

b. The Love-of-being

b. Bác Ái-hiện hữu

c. Intelligent purpose.

c. Mục đích trí tuệ.

457. The first, second and third aspects, as they express in the lower worlds of manifestation are centralized (as are the members of the atomic triangle) within the causal body of the entity concerned. This is important to realize. The Center of Intelligence *contains* the three aspects of divinity, in their lower expression.

457. Các phương diện thứ nhất, thứ hai và thứ ba, khi biểu lộ trong các cõi thấp của biểu hiện, được tập trung (cũng như các thành viên của tam giác nguyên tử) bên trong thể nguyên nhân của thực thể liên hệ. Điều này quan trọng cần chứng nghiệm. Trung Tâm Trí Tuệ *chứa đựng* ba phương diện của thiên tính, trong biểu hiện thấp của chúng.

Always must the analogy be held between the threefold Logos and threefold man, and definiteness of thought and of concept

Luôn luôn phải giữ phép tương đồng giữa Thượng đế tam phân và con người tam phân, và sự xác định rõ ràng của tư tưởng và

results when the one likeness between these is pondered on.

khái niệm sẽ phát sinh khi sự tương tự duy nhất giữa hai bên này được suy ngẫm.

458. DK seems to be telling us that when we think of man we should think of the larger Beings Who encompass him.

458. DK dường như đang nói với chúng ta rằng khi nghĩ về con người, chúng ta nên nghĩ đến các Đấng lớn lao hơn bao hàm y.

Man is a unit, functioning as a unit in the causal body. He is a triplicity functioning under the will aspect, or mental body; under the desire or wisdom aspect, the astral body; and under the activity aspect, the physical body.

Con người là một đơn vị, hoạt động như một đơn vị trong thể nguyên nhân. Y là một bộ ba hoạt động dưới phương diện ý chí, hay thể trí; dưới phương diện dục vọng hay minh triết, thể cảm dục; và dưới phương diện hoạt động, thể xác.

459. The same point is being amplified.

459. Cùng một điểm đang được khai triển thêm.

460. Man's being within the causal body is as a "unit" or unity.

460. Sự hiện hữu của con người trong thể nguyên nhân là như một "đơn vị" hay sự hợp nhất.

461. But emanating from and embodied within the causal body is a functional triplicity related to each of the three major aspects of divinity.

461. Nhưng xuất lộ từ và hiện thân trong thể nguyên nhân là một bộ ba chức năng liên hệ với mỗi một trong ba phương diện chính yếu của thiên tính.

He electrifies or vitalises all three bodies or aspects, **unifying them into one**, and bringing about—by means of the Intelligence He is—coherency of action, simultaneity of purpose, and synthetic endeavour.

Y điện hóa hay tiếp sinh lực cả ba thể hay phương diện, **hợp nhất chúng thành một**, và mang lại—nhờ Trí Tuệ mà y là—sự nhất quán của hành động, tính đồng thời của mục đích, và nỗ lực tổng hợp.

462. Man has the function of *electrifying* the three bodies through which he manifests in the lower worlds.

462. Con người có chức năng *điện hóa* ba thể mà qua đó y biểu hiện trong các cõi thấp.

463. Electrification is vitalization. In this way, electrification is related to the *first* aspect of divinity as is vitality.

463. Sự điện hóa là sự tiếp sinh lực. Theo cách này, sự điện hóa liên hệ với phương diện *thứ nhất* của thiên tính cũng như sinh lực vậy.

464. Man like the Solar Logos is principally Intelligence. By means of this Intelligence of Mind underlying the three bodies of expression man—

464. Con người, cũng như Thái dương Thượng đế, chủ yếu là Trí Tuệ. Nhờ Trí Tuệ của Trí này làm nền cho ba thể biểu hiện, con người—

a. Unifies the three bodies into one

a. Hợp nhất ba thể thành một

b. Produces in the three bodies

b. Tạo ra trong ba thể

i. Coherency of action

i. Sự nhất quán của hành động

ii. Simultaneity of purpose

ii. Tính đồng thời của mục đích

iii. Synthetic endeavour

iii. Nỗ lực tổng hợp

465. All this is to say that the One Who is Intelligence underlies the three, which on a lower turn of the spiral, are Will, Love and Intelligence.

465. Tất cả điều này có nghĩa là Đấng là Trí Tuệ làm nền cho bộ ba mà, ở một vòng xoắn thấp hơn của đường xoắn ốc, là Ý Chí, Bác Ái và Trí Tuệ.

466. VSK queries: “And what do we know of the causal body of the Solar Logos? What are the permanent atoms within it? What are the best equivalents in relation man’s causal body and permanent atoms?

466. VSK nêu câu hỏi: “Và chúng ta biết gì về thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế? Các nguyên tử trường tồn bên trong nó là gì? Những tương đương tốt nhất liên hệ với thể nguyên nhân và các nguyên tử trường tồn của con người là gì?

467. Planetary Logoi can be as chakras to the Solar Logos of as permanent atoms. Permanent atoms embody principles and chakras are vortices the original cause of which is monadic impulse.

467. Các Hành Tinh Thượng Đế có thể là các luân xa đối với Thái dương Thượng đế hoặc là các nguyên tử trường tồn. Các nguyên tử trường tồn hiện thân các nguyên khí và các luân xa là các xoáy lực mà nguyên nhân nguyên thủy của chúng là xung lực chân thần.

468. In one way, permanent atoms are of a higher order than chakras, as there are many chakras and few permanent atoms.

468. Theo một cách nào đó, các nguyên tử trường tồn thuộc một trật tự cao hơn các luân xa, vì có nhiều luân xa và ít nguyên tử trường tồn.

469. To discover the three members of the solar logoic atomic triangle, would be to

469. Khám phá ra ba thành viên của tam giác nguyên tử của Thái dương Thượng đế sẽ

discover three planets which must be consumed in fire as the Solar Logos reaches His fourth initiation.

là khám phá ra ba hành tinh phải bị thiêu hủy trong lửa khi Thái dương Thượng đế đạt đến lần điểm đạo thứ tư của Ngài.

[Page 318]

[Page 318]

Finally, therefore, it is apparent that, no matter from what angle we study, the threefold Logos (or His reflection, the microcosm) **through the Manasic principle, intelligently reduces matter to form, and utilises that form for the fulfilment of the will, desire and purpose of the indwelling Existence**; this principle can be seen underlying all three aspects.

Sau cùng, do đó, hiển nhiên là, bất kể chúng ta nghiên cứu từ góc độ nào, Thượng đế tam phân (hay phản chiếu của Ngài, tiểu thiên địa) **thông qua nguyên khí Manas, một cách trí tuệ làm giảm vật chất thành hình tướng, và sử dụng hình tướng đó để hoàn thành ý chí, dục vọng và mục đích của Sự Tồn Tại ngự bên trong**; nguyên khí này có thể được thấy là làm nền cho cả ba phương diện.

470. Here is another useful summary.

470. Đây là một bản tóm lược hữu ích khác.

471. What does the manasic principle do (whether the manasic principle of the Solar Logos of or man)?

471. Nguyên khí manas làm gì (dù là nguyên khí manas của Thái dương Thượng đế hay của con người)?

a. It intelligently reduces matter to form

a. Nó một cách trí tuệ làm giảm vật chất thành hình tướng

b. It utilises that form for the fulfillment of the will, desire, and purpose of the indwelling Existence.

b. Nó sử dụng hình tướng đó để hoàn thành ý chí, dục vọng, và mục đích của Sự Tồn Tại ngự bên trong.

472. In other words, manas brings forward the fulfilled expression of will and desire.

472. Nói cách khác, manas đưa ra phía trước sự biểu lộ được hoàn thành của ý chí và dục vọng.

473. The manasic principle underlies all three aspects—in their lower expressions.

473. Nguyên khí manas làm nền cho cả ba phương diện—trong các biểu hiện thấp của chúng.

There is no need here to point out the different triplicities which can be built up on the basic idea of Spirit and Matter, linked by Intelligence. This has often been done.

Ở đây không cần chỉ ra các bộ ba khác nhau có thể được xây dựng trên ý tưởng căn bản về Tinh thần và Vật chất, được nối kết bởi Trí Tuệ. Điều này đã thường được thực hiện.

474. The key here is that Intelligence is the *link.* Intelligence then, is as the second aspect, because the second aspect is the link between the first and third aspects.

474. Chìa khóa ở đây là Trí Tuệ là *mối nối kết.* Vậy thì Trí Tuệ là như phương diện thứ hai, bởi vì phương diện thứ hai là mối nối kết giữa phương diện thứ nhất và thứ ba.

475. VSK states: "While there is no need for DK to take the time to point out the triplicities, a ready ability to be able to turn any scheme into a triplicity is invaluable in studying His works."

475. VSK nói: "Dù DK không cần dành thời gian chỉ ra các bộ ba, khả năng sẵn có để có thể chuyển bất kỳ hệ nào thành một bộ ba là vô giá trong việc nghiên cứu các tác phẩm của Ngài."

476. A master chart of the major triplicities should be created. One need only compile the many such charts which DK has offered.

476. Nên tạo ra một biểu đồ tổng quát về các bộ ba chính yếu. Chỉ cần tập hợp nhiều biểu đồ như thế mà DK đã đưa ra.

I but seek to emphasize that INTELLIGENCE is the main quality of the Logos; that it shows as will, as **desire or wisdom**, and as activity; and that the reason for this is due to the work earlier accomplished by the cosmic Entity,

Tôi chỉ tìm cách nhấn mạnh rằng TRÍ TUỆ là phẩm tính chính yếu của Thượng đế; rằng nó biểu lộ như ý chí, như **dục vọng hay minh triết**, và như hoạt động; và rằng lý do của điều này là do công việc đã được Thực Thể vũ trụ hoàn thành từ trước,

477. The Solar Logos has already mastered Intelligence to a degree through His experience in the past solar system.

477. Thái dương Thượng đế đã làm chủ Trí Tuệ đến một mức độ nào đó nhờ kinh nghiệm của Ngài trong hệ mặt trời trước.

478. This is, perhaps, the principle reason why Intelligence underlies what we usually call will, desire/wisdom and activity.

478. Đây có lẽ là lý do chính khiến Trí Tuệ làm nền cho điều mà chúng ta thường gọi là ý chí, dục vọng/minh triết và hoạt động.

479. The Primordial Ray (associated with Divine Intelligence) is presently the strongest ray, although the Divine Ray is in process of strengthening.

479. Cung Nguyên Sơ (gắn với Trí Tuệ thiêng liêng) hiện nay là cung mạnh nhất, mặc dù Cung Thiêng Liêng đang trong tiến trình tăng cường.

480. The causal focus of the Solar Logos on the cosmic mental plane is a combination of Primordial Intelligence and Divine Love. The third and second aspects are combined.

480. Tiêu điểm nguyên nhân của Thái dương Thượng đế trên cõi trí tuệ vũ trụ là sự kết hợp của Trí Tuệ Nguyên Sơ và Bác Ái thiêng liêng. Phương diện thứ ba và thứ hai được kết hợp.

481. Interestingly, although our Solar Logos has mastered Intelligence, He is still manifesting through an astral-buddhic system and is not yet polarized on the cosmic mental plane.

481. Điều thú vị là, mặc dù Thái dương Thượng đế của chúng ta đã làm chủ Trí Tuệ, Ngài vẫn đang biểu hiện qua một hệ cảm dục-bồ đề và chưa phân cực trên cõi trí tuệ vũ trụ.

482. As is true of the unit man, *intelligence* is not the same as *mental polarization* (which demands a mind infused by soul light). The analogy is clear in relation to the Solar Logos.

482. Cũng như nơi đơn vị con người, *trí tuệ* không đồng nhất với *sự phân cực trí tuệ* (điều đòi hỏi một trí tuệ được ánh sáng linh hồn thấm nhuần). Sự tương tự này rõ ràng trong mối liên hệ với Thái dương Thượng đế.

involving cycles which have passed into the dim mist of retrospect, even from the angle of vision of a solar Logos.

bao gồm những chu kỳ đã đi vào màn sương mờ của hồi cố, ngay cả từ góc nhìn của một Thái dương Thượng đế.

483. We are being given something of the perspective of the Solar Logos. Even for Him, the period during which He developed Intelligence seems distant; His focus is not there.

483. Chúng ta đang được trao cho phần nào viễn cảnh của Thái dương Thượng đế. Ngay cả đối với Ngài, thời kỳ trong đó Ngài phát triển Trí Tuệ dường như xa xăm; tiêu điểm của Ngài không ở đó.

484. It is interesting to note the equivalence of "desire or wisdom".

484. Thật thú vị khi lưu ý sự tương đương của "dục vọng hay minh triết".

485. VSK brings in another of her extensive correlations: "Again, note resonance to *third* subplane of the Solar Logos, the 6.3; the 7.3, our Atmic plane, is the culmination of the *five* worlds of human evolution. The activity aspect of intelligence is our goal, in terms of 'being human'. This is the effect side of the strength of the *third* aspect, *third* subplane, *third* Ray, *Third* Kumara, Pisces, being the 'first of the 'Liberated Lives', and the key of the cosmic astral, which is what most immediately impulses us. (i.e., the cosmic Entity's desire body or solar logoic causal body).

485. VSK đưa vào một tương quan rộng lớn khác của bà: "Một lần nữa, hãy lưu ý sự cộng hưởng với cõi phụ *thứ ba* của Thái dương Thượng đế, cõi 6.3; cõi 7.3, cõi atma của chúng ta, là sự viên mãn của *năm* thế giới của tiến hoá nhân loại. Phương diện hoạt động của trí tuệ là mục tiêu của chúng ta, xét theo nghĩa 'làm người'. Đây là mặt hiệu quả của sức mạnh của phương diện *thứ ba*, cõi phụ *thứ ba*, cung *ba*, Kumara *Thứ ba*, Song Ngư, là 'đầu tiên của các "Sự Sống Giải Thoát"', và là chìa khóa của cõi cảm dục vũ trụ, là điều xung động chúng ta trực tiếp nhất. (tức là, thể dục vọng của Thực Thể vũ trụ hay thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế).

486. VSK continues: "Pisces is a synthesizing sign. Five is the synthesis of man, as manas. Manas, in this second system (or 'world period' specifically, according to the EA 34-35. table) we have a Piscean system, with a cosmic astral causal focus), is using man. Christ uses Jesus. *Two* uses *six*. Jesus uses the Jewish Race. *Six* uses *three*."

486. VSK tiếp tục: "Song Ngư là một dấu hiệu tổng hợp. Năm là sự tổng hợp của con người, như manas. Manas, trong hệ thứ hai này (hay 'thời kỳ thế giới' này một cách chuyên biệt, theo bảng EA 34-35. chúng ta có một hệ Song Ngư, với một tiêu điểm nguyên nhân cảm dục vũ trụ), đang sử dụng con người. Đức Christ sử dụng Đức Jesus. *Hai* sử dụng *sáu*. Đức Jesus sử dụng Nhân loại Do Thái. *Sáu* sử dụng *ba*."

487. VSK is bringing many factors together and expanding the range of our consideration.

487. VSK đang gom nhiều yếu tố lại với nhau và mở rộng phạm vi xem xét của chúng ta.

488. Since we are speaking of the principle of Intelligence, the number *three* is frequently mentioned, and as a result we take note of the resonance between the cosmic planes considered from the point of view of their third sub-plane.

488. Vì chúng ta đang nói về nguyên khí Trí Tuệ, số *ba* được nhắc đến thường xuyên, và kết quả là chúng ta lưu ý sự cộng hưởng giữa các cõi vũ trụ khi được xét từ quan điểm cõi phụ thứ ba của chúng.

489. These thoughts may seem fetched from afar, but pondered upon they can induce unitive apprehension which is the gateway to pure reason.

489. Những tư tưởng này có thể dường như gượng ép từ xa, nhưng khi được suy ngẫm, chúng có thể gây ra sự lĩnh hội hợp nhất, là cánh cổng dẫn vào lý trí thuần túy.

This **developed manasic principle is the intelligent purpose that is bringing about at-one-ment on each plane of the solar system in connection with the subplanes.**

Nguyên khí manas **đã phát triển này là mục đích trí tuệ đang mang lại sự hợp nhất trên mỗi cõi của hệ mặt trời trong mối liên hệ với các cõi phụ.**

490. When DK mentions manas, the mention of purpose is never far away.

490. Khi DK nhắc đến manas, việc nhắc đến mục đích không bao giờ ở xa.

491. We are emphasizing the fundamental importance of Manas or Intelligence, underlying all we usually differentiate into the various aspects of divinity—especially the three.

491. Chúng ta đang nhấn mạnh tầm quan trọng căn bản của Manas hay Trí Tuệ, làm nền cho tất cả những gì chúng ta thường phân biệt thành các phương diện khác nhau của thiên tính—đặc biệt là ba phương diện.

492. Manas expresses through all three aspects. Here it is emphasized that it is both intelligent and purposeful (relating it to the third and first aspects respectively) and that it brings about at-one-ment, which shows that is a factor of cohesion, thus relating it as well to the second aspect.

492. Manas biểu lộ qua cả ba phương diện. Ở đây điều được nhấn mạnh là nó vừa trí tuệ vừa có mục đích (liên hệ nó lần lượt với phương diện thứ ba và thứ nhất) và rằng nó mang lại sự hợp nhất, điều này cho thấy nó là một yếu tố của sự cố kết, do đó cũng liên hệ nó với phương diện thứ hai.

493. Without the functioning of the manasic principle there would be no "at-one-ment on each plane of the solar system in connection with the sub-planes.

493. Nếu không có sự hoạt động của nguyên khí manas thì sẽ không có "sự hợp nhất trên mỗi cõi của hệ mặt trời trong mối liên hệ với các cõi phụ".

It will eventually **bring about the synthesis of all the planes,** and thus bring the cosmic physical plane, as a unified whole, **under the complete control of that cosmic Entity Who is seeking expression through that threefold manifestation we call a solar system**, or the body logoic.

Cuối cùng nó sẽ **mang lại sự tổng hợp của tất cả các cõi,** và như thế đưa cõi hồng trần vũ trụ, như một toàn thể hợp nhất, **dưới sự kiểm soát hoàn toàn của Thực Thể vũ trụ đang tìm cách biểu lộ qua biểu hiện tam phân mà chúng ta gọi là một hệ mặt trời**, hay thân thể của Thượng đế.

494. So we are to gather that *manas produces synthesis*—especially (in terms of this discussion) in relation to the cosmic physical plane.

494. Vì vậy chúng ta phải rút ra rằng *manas tạo ra sự tổng hợp*—đặc biệt (xét theo cuộc luận bàn này) trong mối liên hệ với cõi hồng trần vũ trụ.

495. When the cosmic physical plane is synthesized, and the sub-planes are at-oned, then the cosmic Entity (the Solar Logos) will have complete control on this lowest cosmic plane.

495. Khi cõi hồng trần vũ trụ được tổng hợp, và các cõi phụ được hợp nhất, thì Thực Thể vũ trụ (Thái dương Thượng đế) sẽ có sự kiểm soát hoàn toàn trên cõi vũ trụ thấp nhất này.

496. In other words, for the Solar Logos, there is no mastery of the cosmic physical plane without the assistance of Manas, considered as impulsive of all processes in on the lower eighteen cosmic sub-planes.

496. Nói cách khác, đối với Thái dương Thượng đế, không có sự làm chủ cõi hồng trần vũ trụ nếu không có sự trợ giúp của Manas, được xem như xung động cho mọi tiến trình trên mười tám cõi phụ vũ trụ thấp.

On this third plane that intelligent principle demonstrates as coherent activity, either systemic, planetary, or monadic, and also as the triple vibration of

Trên cõi thứ ba này, nguyên khí trí tuệ ấy biểu lộ như hoạt động nhất quán, dù là của hệ thống, hành tinh, hay chân thần, và cũng như rung động tam phân của tinh

spirit-matter-intelligence, sounding as the threefold Sacred Word, or electricity manifesting as sound.

497. We are speaking of electrical demonstration upon the atmic plane which is the third sub-plane of the cosmic physical plane.

498. Manas as the "intelligent principle" has a special resonance with this third plane of "intelligent purpose".

499. On the atmic plane the "intelligent principle" demonstrates in the following ways:

a. As coherent activity (with the emphasis upon the word *activity*) since we are dealing with the *third* plane and the *third* or activity aspect.

b. As the sounding of the AUM—which is a triple vibration derived from the union of "spirit-matter-intelligence".

c. It is the *threefold* Sacred Word that sounds on the atmic plane.

d. On that plane electricity manifests as sound. This is distinguished from the sounding related to the Akasha (or second plane) because of the factor of *manifestation,* which is not evident on the monadic plane.

500. VSK comments: "It's rather beautiful to think of it this way—this Piscean Christ as Cosmic Christ. So literal."

501. VSK suggests: "The Sacred Word, the AUM, can be conceived as 'beginning middle and end' (as reflected in the palate as well as

thần-vật chất-trí tuệ, vang lên như Linh từ Thiêng liêng tam phân, hay điện biểu hiện như âm thanh.

497. Chúng ta đang nói về sự biểu lộ điện trên cõi atma, là cõi phụ thứ ba của cõi hồng trần vũ trụ.

498. Manas như "nguyên khí trí tuệ" có một sự cộng hưởng đặc biệt với cõi thứ ba này của "mục đích trí tuệ".

499. Trên cõi atma, "nguyên khí trí tuệ" biểu lộ theo những cách sau:

a. Như hoạt động nhất quán (với sự nhấn mạnh vào từ *hoạt động*) vì chúng ta đang bàn về cõi *thứ ba* và phương diện *thứ ba* hay phương diện hoạt động.

b. Như sự xướng AUM—là một rung động tam phân phát sinh từ sự hợp nhất của "tinh thần-vật chất-trí tuệ".

c. Chính Linh từ Thiêng liêng *tam phân* vang lên trên cõi atma.

d. Trên cõi ấy điện biểu hiện như âm thanh. Điều này được phân biệt với sự vang lên liên hệ với Akasha (hay cõi thứ hai) vì yếu tố *biểu hiện,* vốn không hiển nhiên trên cõi chân thần.

500. VSK bình luận: "Thật khá đẹp khi nghĩ về nó theo cách này—Đức Christ Song Ngư này như Đức Christ Vũ Trụ. Thật sát nghĩa."

501. VSK gợi ý: "Linh từ Thiêng liêng, AUM, có thể được quan niệm như 'khởi đầu, giữa và kết thúc' (được phản chiếu trong vòm

obviously in the construction of the word). It's like a time ring-pass-not. In some way, by utterance, the AUM puts in vibration the 'past=present=future'. The AUM causes occult manifestation: 1,3,5,7. It is so clear how the rays of abstraction, then, are 2,4,6."

miệng cũng như hiển nhiên trong cấu trúc của từ). Nó giống như một vòng-giới-hạn của thời gian. Theo một cách nào đó, bằng sự phát âm, AUM đặt 'quá khứ=hiện tại=tương lai' vào rung động. AUM gây ra biểu hiện huyền bí: 1,3,5,7. Khi ấy thật rõ ràng rằng các cung của sự trừu xuất là 2,4,6."

S3S11: TCF 318-332

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of *TCF* are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ các sách AAB khác và từ các trang khác của *TCF* được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be read with the *TCF* book handy, for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Xin gợi ý rằng nên đọc phần Bình Luận này với quyển *TCF* ở bên cạnh, để giữ được tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

1. We recall our context, electricity demonstrating on the third plane of Brahma.

1. Chúng ta nhớ lại bối cảnh của mình, điện biểu lộ trên cõi thứ ba của Brahma.

On this third plane that intelligent principle demonstrates as coherent activity, either systemic, planetary, or monadic, and also as the triple vibration of spirit-matter-intelligence, sounding as the threefold Sacred Word, or electricity manifesting as sound.

Trên cõi thứ ba này, nguyên khí trí tuệ ấy biểu lộ như hoạt động nhất quán, dù là của hệ thống, hành tinh, hay chân thần, và cũng như rung động tam phân của tinh thần-vật chất-trí tuệ, vang lên như Linh từ Thiêng liêng tam phân, hay điện biểu hiện như âm thanh.

2. The atmic plane is involved in the manifestation of the Solar Logos, the Planetary Logos and the human being.

2. Cõi atma có liên quan trong sự biểu hiện của Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế và con người.

3. The AUM is the triple vibration of spirit-matter-intelligence. The AUM is the threefold sacred word.

3. AUM là rung động tam phân của tinh thần-vật chất-trí tuệ. AUM là linh từ thiêng liêng tam phân.

4. In the previous commentary we were discussing electrical demonstration on the three highest ethers of our solar system.

4. Trong phần bình luận trước, chúng ta đã bàn về sự biểu lộ điện trên ba cõi dĩ thái cao nhất của hệ mặt trời שלנו.

5. The quotation immediately above concerns that demonstration on the atmic plane.

5. Trích dẫn ngay bên trên liên quan đến sự biểu lộ ấy trên cõi atma.

6. When the term "electricity" is used, per se, it often refers to the third aspect of divinity. Naturally, this third aspect is related to the atmic plane, the third systemic plane.

6. Khi thuật ngữ "điện" được dùng, chính nó thường quy chiếu đến phương diện thứ ba của thiên tính. Một cách tự nhiên, phương diện thứ ba này liên hệ với cõi atma, cõi thứ ba của hệ thống.

7. The sacred threefold Word is, we are told in this context, "electricity manifesting as sound".

7. Trong bối cảnh này, chúng ta được bảo rằng Linh từ thiêng liêng tam phân là "điện biểu hiện như âm thanh".

8. Whatever may appear on the seven systemic planes is an electrical manifestation.

8. Bất cứ điều gì có thể xuất hiện trên bảy cõi của hệ thống đều là một biểu hiện điện.

9. Can this be said of manifestation on the higher cosmic planes? It would seem reasonable, but not enough is said of the constitution of such planes to make speculation justifiable.

9. Điều này có thể được nói về biểu hiện trên các cõi vũ trụ cao hơn không? Điều đó có vẻ hợp lý, nhưng chưa có đủ điều được nói về cấu tạo của các cõi ấy để khiến sự suy đoán trở nên chính đáng.

We have here an interesting sequence or inversion, according to the angle of vision, involving the planes as we know them:

Ở đây chúng ta có một chuỗi hay sự đảo ngược thú vị, tùy theo góc nhìn, liên quan đến các cõi như chúng ta biết chúng:

Electricity as vibratory impulse. This causes the aggregation of matter, and its activity within certain bounds, or its awakening to activity within the solar [Page 319] ring-pass-not. This is the first syllable of the Sacred Word.

Điện như xung lực rung động. Điều này gây ra sự kết tụ của vật chất, và hoạt động của nó trong những giới hạn nhất định, hay sự thức tỉnh của nó vào hoạt động bên trong vòng-giới-hạn của hệ mặt trời [Page 319]. Đây là âm tiết thứ nhất của Linh từ Thiêng liêng.

10. We are dealing with the descending sequence: Vibration, Light, Sound, Colour.

10. Chúng ta đang bàn đến chuỗi giáng hạ: Rung động, Ánh sáng, Âm thanh, Màu sắc.

a. Vibration pertains to the first plane or sub-plane.

b. Light pertains to the second plane or sub-plane.

c. Sound pertains to the third plane or sub-plane.

d. Colour pertains to the fourth plane or sub-plane.

11. VSK states and questions: “This starts the sequence of Vibration, Light, Sound, Colour. How do we notice the inversion? According to what angle of vision?”

12. May it be suggested that the angle of vision is that from the logoic plane ‘downwards’? We ascend through colour, sound, light and vibration. If we were to see as the Planetary Logos sees, we would invert out usual angle of vision.

13. VSK questions: “Is the first syllable the ‘A’? Can a syllable be a letter? How literal or symbolic is this, and all references to the Sacred Word?”

14. May it be suggested that there is probably more to a syllable than a letter, but that the syllables for which the letters stand is not revealed to us? Thus, we do not know if there is a syllable associated with every letter in the Sacred Word. It is possible, but in any case, such a syllable is not given.

a. Rung động thuộc về cõi hay cõi phụ thứ nhất.

b. Ánh sáng thuộc về cõi hay cõi phụ thứ hai.

c. Âm thanh thuộc về cõi hay cõi phụ thứ ba.

d. Màu sắc thuộc về cõi thứ tư hay cõi phụ thứ tư.

11. VSK phát biểu và đặt câu hỏi: “Điều này khởi đầu chuỗi Rung động, Ánh sáng, Âm thanh, Màu sắc. Chúng ta nhận ra sự đảo ngược theo cách nào? Theo góc độ tầm nhìn nào?”

12. Có thể gợi ý rằng góc độ tầm nhìn ấy là từ cõi logoic nhìn ‘xuống dưới’ chăng? Chúng ta đi lên qua màu sắc, âm thanh, ánh sáng và rung động. Nếu chúng ta nhìn như Đức Hành Tinh Thượng Đế nhìn, chúng ta sẽ đảo ngược góc độ tầm nhìn thông thường của mình.

13. VSK hỏi: “Âm tiết thứ nhất có phải là ‘A’ không? Một âm tiết có thể là một chữ cái không? Điều này, và mọi quy chiếu đến Linh từ Thiêng liêng, mang tính đen hay biểu tượng đến mức nào?”

14. Có thể gợi ý rằng một âm tiết hẳn có nhiều hơn một chữ cái, nhưng những âm tiết mà các chữ cái ấy đại diện thì không được tiết lộ cho chúng ta chăng? Vì vậy, chúng ta không biết liệu có một âm tiết gắn với mỗi chữ cái trong Linh từ Thiêng liêng hay không. Điều đó là có thể, nhưng trong mọi trường hợp, một âm tiết như thế không được ban cho.

15. When electricity appears as "vibratory impulse", what are the results?

a. It causes the aggregation of matter

b. It causes the activity of matter within certain bounds

c. It causes the awakening of matter to activity within the solar ring-pass-not.

16. Electricity as vibratory impulse is closely related to the first syllable of the Sacred Word.

Electricity as Light, causing **spheroidal objectivity**. This is the birth of the Son. It covers the enunciation of the second syllable of the Sacred Word.[23]

17. The enunciation (or could it be called a "sounding") of the second syllable of the Sacred Word is the cause of the "spheroidal objectivity" such is found on that Jupiterian plane, the monadic. Of course all the planets will find expression on *all* the planes, but there is one plane in relation to which their functioning is most characteristic. There are other planes in relation to which the functioning of a given plane is harmonious.

18. It is important to realize that this second electrical demonstration—a demonstration as *Light*—is associated with sphericity. Light, the second ray, sphericity, coherence and Jupiter are associated ideas and would repay contemplation.

19. The "Son" is a "Son of Light" and His shape is the sphere. Sphericity is correlated

15. Khi điện xuất hiện như "xung động rung động", các kết quả là gì?

a. Nó gây ra sự kết tụ của vật chất

b. Nó gây ra hoạt động của vật chất trong những giới hạn nhất định

c. Nó gây ra sự thức tỉnh của vật chất vào hoạt động bên trong vòng-giới-hạn mặt trời.

16. Điện như xung động rung động có liên hệ mật thiết với âm tiết thứ nhất của Linh từ Thiêng liêng.

Điện như Ánh sáng, gây ra **tính khách quan hình cầu**. Đây là sự sinh ra của Con. Nó bao hàm sự xướng lên âm tiết thứ hai của Linh từ Thiêng liêng.23

17. Sự xướng lên (hay có thể gọi là một "sự phát âm") của âm tiết thứ hai của Linh từ Thiêng liêng là nguyên nhân của "tính khách quan hình cầu" như được tìm thấy trên cõi Jupiter ấy, tức cõi chân thần. Dĩ nhiên mọi hành tinh sẽ tìm thấy sự biểu lộ trên *mọi* cõi, nhưng có một cõi mà liên hệ với nó, hoạt động của chúng mang tính đặc trưng nhất. Có những cõi khác mà liên hệ với chúng, hoạt động của một cõi nhất định là hài hòa.

18. Điều quan trọng là phải chứng nghiệm rằng sự biểu lộ điện thứ hai này—một biểu lộ như *Ánh sáng*—gắn liền với tính cầu thể. Ánh sáng, cung hai, tính cầu thể, sự cố kết và Sao Mộc là những ý niệm liên hệ với nhau và rất đáng để chiêm ngưỡng.

19. "Con" là một "Con của Ánh sáng" và hình dạng của Ngài là khối cầu. Tính cầu thể

with the Divine Son and, of course, with the second ray.

tương quan với Thiêng tử và dĩ nhiên với cung hai.

20. It is interesting that "spherical *objectivity*" relates to the second plane. From this perspective, only the logoic plane is truly to be considered subjective.

20. Điều thú vị là "tính *khách quan* hình cầu" liên hệ với cõi thứ hai. Từ góc nhìn này, chỉ cõi logoic mới thực sự được xem là chủ quan.

[23]: "Through perfectly concentrated meditation on the light in the head comes the vision of the Masters who have attained."

23: "Qua tham thiền hoàn toàn tập trung vào ánh sáng trong đầu, linh thị về các Chân sư đã đạt thành sẽ đến."

21. VSK tells us: "There has been some research into the Light in the Head, see Niklas Nihlen's website and compilations on www.makara.us Reference section."

21. VSK cho chúng ta biết: "Đã có một số nghiên cứu về Ánh sáng trong Đầu, xem trang web của Niklas Nihlen và các tuyển tập tại mục Tham khảo của www.makara.us."

22. Within the dynamics of the light in the head there must be a resonance which admits to the higher planes whereon these Masters are focussed.

22. Trong động lực của ánh sáng trong đầu hẳn phải có một sự cộng hưởng cho phép đi vào các cõi cao hơn, nơi các Chân sư này đang tập trung.

"The tradition is that there is a certain centre of force in the head, perhaps the 'pineal gland,' which some of our Western philosophers have supposed to be the dwelling of the soul,

"Truyền thống cho rằng có một trung tâm mãnh lực nào đó trong đầu, có lẽ là 'tuyến tùng', mà một số triết gia phương Tây của chúng ta đã cho là nơi cư ngụ của linh hồn,

23. Descartes supposed this.

23. Descartes đã cho là như vậy.

—a centre which is, as it were, the **doorway between the natural and the spiritual man.**

—một trung tâm mà, có thể nói, là **cánh cửa giữa con người tự nhiên và con người tinh thần.**

24. To think of the pineal body as a "doorway" is useful. It would seem that higher psychism depends upon the activation and utilization of the pineal gland. This may not be said of lower psychism which, to a great extent, utilizes the solar plexus.

24. Nghĩ về thể tùng quả như một "cánh cửa" là điều hữu ích. Có vẻ như thông linh cao cấp tùy thuộc vào sự hoạt hóa và sử dụng tuyến tùng. Điều này có thể không đúng với thông linh thấp, vốn phần lớn sử dụng tùng thái dương.

It is the seat of that better and wiser consciousness behind the outward looking consciousness in the forward part of the head;

Đó là chỗ ngự của tâm thức tốt đẹp và minh triết hơn ấy ở phía sau tâm thức hướng ra ngoài ở phần trước của đầu;

25. This is stated in an interesting manner. There is an “outward looking consciousness in the forward part of the head”. It must be associated with the ajna center and the pituitary gland. There is also a “better and wiser consciousness behind the outward looking consciousness”. This “better and wiser consciousness is associated with the highest head center, the pineal gland and the soul.

25. Điều này được phát biểu theo một cách thú vị. Có một “tâm thức hướng ra ngoài ở phần trước của đầu”. Nó hẳn phải gắn với trung tâm ajna và tuyến yên. Cũng có một “tâm thức tốt đẹp và minh triết hơn ở phía sau tâm thức hướng ra ngoài”. “Tâm thức tốt đẹp và minh triết hơn” này gắn với trung tâm đầu cao nhất, tuyến tùng và linh hồn.

26. The concept of a “better and wise consciousness” is simple and of value when thinking of the way we live and the behavior we exhibit. We can always ask, “Is this decision in accordance with my ‘better and wiser consciousness’?”

26. Khái niệm về một “tâm thức tốt đẹp và minh triết hơn” là đơn giản và có giá trị khi suy nghĩ về cách chúng ta sống và hành vi chúng ta biểu lộ. Chúng ta luôn có thể tự hỏi, “Quyết định này có phù hợp với ‘tâm thức tốt đẹp và minh triết hơn’ của tôi không?”

that better and wiser consciousness of "the back of the mind," which views spiritual things, and seeks to impress the spiritual view on the outward looking consciousness in the forward part of the head.

tâm thức tốt đẹp và minh triết hơn ấy của "phía sau trí tuệ", vốn nhìn các sự vật tinh thần, và tìm cách gây ấn tượng quan điểm tinh thần lên tâm thức hướng ra ngoài ở phần trước của đầu.

27. Somehow, this is very practical information. The phrase “the back of the mind” suggests the Observer as the soul consciousness.

27. Bằng cách nào đó, đây là thông tin rất thực tiễn. Cụm từ “phía sau trí tuệ” gợi ý Đấng Quan Sát như tâm thức linh hồn.

28. There is something occultly, anatomically accurate about the words “behind” and “back”. They refer to the location of structures within in the head.

28. Có điều gì đó vừa huyền bí vừa chính xác về mặt giải phẫu trong các từ “phía sau” và “đằng sau”. Chúng chỉ vị trí của các cấu trúc bên trong đầu.

29. There is a consciousness within us that *sees*; it “views spiritual things”. Do we have access to that consciousness? To the extent that we are successful in occult meditation,

29. Có một tâm thức bên trong chúng ta biết *nhìn thấy*; nó “nhìn các sự vật tinh thần”. Chúng ta có tiếp cận được tâm thức đó không? Trong chừng mực chúng ta thành

this consciousness in the “back of the mind” can impress that which it sees on the consciousness in the forward part of the head.

công trong tham thiền huyền bí, tâm thức ở “phía sau trí tuệ” này có thể gây ấn tượng điều nó thấy lên tâm thức ở phần trước của đầu.

30. The cultivation of the “Attitude of the Observer” will facilitate the emergence of this “better and wiser consciousness”.

30. Việc vun bồi “Thái độ của Đấng Quan Sát” sẽ tạo thuận lợi cho sự xuất hiện của “tâm thức tốt đẹp và minh triết hơn” này.

31. The dynamics of the souls communication with the personality are reflected in occult dynamics occurring within the head—i.e., within the physical and etheric brain.

31. Động lực của sự giao tiếp của linh hồn với phàm ngã được phản ánh trong các động lực huyền bí diễn ra bên trong đầu—tức là trong bộ não hồng trần và dĩ thái.

It is the spiritual man seeking to guide the natural man, seeking to bring the natural man to concern himself with the things of his immortality.

Đó là con người tinh thần đang tìm cách hướng dẫn con người tự nhiên, tìm cách đưa con người tự nhiên quan tâm đến những điều thuộc sự bất tử của y.

32. Another way of saying this is simply the influence of the soul upon the personality.

32. Một cách khác để nói điều này đơn giản là ảnh hưởng của linh hồn lên phàm ngã.

This is suggested in the words of the Upanishad already quoted. "There, where the dividing of the hair turns, extending upward to the crown of the head'; all of which may sound very fantastical, until one comes to understand it."

Điều này được gợi ý trong những lời của Upanishad đã được trích dẫn. "Ở đó, nơi đường rẽ của tóc quay lại, kéo dài lên phía đỉnh đầu"; tất cả điều này có thể nghe rất huyễn tưởng, cho đến khi người ta đi đến chỗ thấu hiểu nó."

33. We are locating the ‘seat’ of two fundamental aspects of human consciousness.

33. Chúng ta đang xác định ‘chỗ ngự’ của hai phương diện căn bản của tâm thức con người.

34. We see that literal, quite physical suggestions in the ancient books may have a deep spiritual/physiological meaning.

34. Chúng ta thấy rằng những gợi ý theo nghĩa đen, khá hồng trần trong các sách cổ có thể mang một ý nghĩa tinh thần/sinh lý học sâu xa.

"It is said that when this power is fully awakened, it brings a vision of the great Companions of the spiritual man, those who

"Người ta nói rằng khi quyền năng này được thức tỉnh hoàn toàn, nó mang lại linh ảnh về những Bạn Đồng Hành vĩ đại của con người

have already attained, crossing over to the further shore of the sea of death and rebirth.

35. This, then, would be the way to clearly *see* the members of the Spiritual Hierarchy of the planet.

Perhaps it is to this divine sight that the Master alluded, who is reported to have said: 'I counsel you to buy of me eye salve, that you may see.'"—*Yoga Sutras of Patanjali,* Book III, 32. (C. Johnston's Edition.)

36. The "eye salve" is that which allows the third eye to see. The Master holds the secret of this *anterior* and deeper sight.

37. We are dealing with a deeper kind of spiritual sight which emerges through the use of the third eye and the pineal gland.

Electricity as Sound. Here we have the completed threefold Sacred Word.

38. Electricity as Sound is focussed on the atmic plane whereon the threefold Sacred Word (AUM) is completed.

39. In one way the monadic plane is the plane which relates to the origin of sound—the Akasha.

40. In another respect, sound is related to the atmic level (Aether), whereon the sounding of the threefold Sacred Word is completed.

41. The atmic plane is animated by the third ray and the first ray, and the particular planet to be associated with it is Saturn.

tinh thần, những vị đã đạt thành, vượt sang bờ bên kia của biển chết và tái sinh.

35. Như vậy, đây hẳn sẽ là cách để *thấy* rõ ràng các thành viên của Thánh đoàn tinh thần của hành tinh.

Có lẽ chính đến linh thị thiêng liêng này mà Chân sư đã ám chỉ, Đấng được tường thuật là đã nói: 'Ta khuyên ngươi hãy mua nơi ta thuốc xức mắt, để ngươi có thể thấy.'"—*Yoga Sutras of Patanjali,* Quyển III, 32. (Bản của C. Johnston.)

36. "Thuốc xức mắt" là điều cho phép con mắt thứ ba nhìn thấy. Chân sư nắm giữ bí mật của loại thị giác *phía trước* và sâu hơn này.

37. Chúng ta đang đề cập đến một loại linh thị tinh thần sâu hơn, xuất hiện qua việc sử dụng con mắt thứ ba và tuyến tùng.

Điện như Âm thanh. Ở đây chúng ta có Linh từ Thiêng liêng tam phân đã hoàn tất.

38. Điện như Âm thanh được tập trung trên cõi atma, nơi Linh từ Thiêng liêng tam phân (AUM) được hoàn tất.

39. Theo một cách, cõi chân thần là cõi liên hệ với nguồn gốc của âm thanh—Akasha.

40. Theo một phương diện khác, âm thanh liên hệ với cấp độ atma (Aether), nơi việc xướng lên Linh từ Thiêng liêng tam phân được hoàn tất.

41. Cõi atma được làm sinh động bởi cung ba và Cung một, và hành tinh đặc biệt gắn với nó là Sao Thổ. Chúng ta có thể nhớ rằng Sao

Saturn, we may remember, is the ruler of the throat center for disciples and advanced human beings.

Thổ là chủ tinh của trung tâm cổ họng đối với các đệ tử và những con người tiến hóa cao.

On the fourth plane this electrical force shows itself as colour.

Trên cõi thứ tư, mãnh lực điện này biểu lộ như màu sắc.

42. As the buddhic plane is the plane of harmony, it is appropriate that electrical force demonstrates as colour on this plane.

42. Vì cõi Bồ đề là cõi của sự hài hòa, nên việc mãnh lực điện biểu lộ như màu sắc trên cõi này là thích hợp.

43. Since colour is a veil, the buddhic plane (when considered in relation to the three planes immediately higher) must also be considered a kind of veil. The number four often represents the vehicle with an enfolded three expressing through it.

43. Vì màu sắc là một bức màn che, cõi Bồ đề (khi được xét trong liên hệ với ba cõi ngay phía trên) cũng phải được xem như một loại màn che. Số bốn thường biểu thị vận cụ với một bộ ba được bao bọc đang biểu lộ qua nó.

44. In a way, love is the veil of will. Buddhi veils atma; the monadic plane veils the logoic.

44. Theo một nghĩa nào đó, bác ái là bức màn che của ý chí. Bồ đề che atma; cõi chân thần che cõi logoic.

In these four we have the fundamental concepts of all manifestation; **all four have an electrical dynamic origin**; all are basically a differentiation or effect of impulse, emanating from the cosmic mental plane and taking form (with intelligent purpose in view) on the cosmic physical.

Trong bốn điều này chúng ta có các khái niệm căn bản của mọi biểu hiện; **cả bốn đều có một nguồn gốc động lực điện**; tất cả về căn bản đều là một sự biến phân hay một hiệu quả của xung động, phát xạ từ cõi trí tuệ vũ trụ và nhận hình tướng (với mục đích thông tuệ được dự kiến) trên cõi hồng trần vũ trụ.

45. We remember that what we call cosmic manifestation begins on the cosmic mental plane.

45. Chúng ta nhớ rằng điều chúng ta gọi là biểu hiện vũ trụ bắt đầu trên cõi trí tuệ vũ trụ.

46. Vibration, Light, Sound and Color are “the fundamental concepts of all manifestation”. They are each and all an electrical demonstration.

46. Rung động, Ánh sáng, Âm thanh và Màu sắc là “các khái niệm căn bản của mọi biểu hiện”. Mỗi thứ và tất cả đều là một biểu lộ điện.

47. Vibration, Light, Sound and Color have “an electrical dynamic origin”.

47. Rung động, Ánh sáng, Âm thanh và Màu sắc có “một nguồn gốc động lực điện”.

48. All four arise from an electrical impulse, of which they are an effect or a differentiation.

48. Cả bốn phát sinh từ một xung động điện, mà chúng là một hiệu quả hay một sự biến phân của nó.

49. That which has an electrical dynamic origin arises due to the bi-polarity o the Self-divided Self. There is no vibration before Self-division.

49. Điều có nguồn gốc động lực điện phát sinh do tính lưỡng cực của Bản Ngã tự phân chia. Không có rung động trước sự tự phân chia.

50. Yet, from another perspective, the eternal perpetual motion of Universe, No-Universe, Universe, No-Universe, etc., is a VIBRATION—*the* Ultimate Vibration.

50. Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, chuyển động vĩnh cửu bất tận của Vũ trụ, Phi-Vũ trụ, Vũ trụ, Phi-Vũ trụ, v.v., là một RUNG ĐỘNG— Rung Động Tối Hậu.

Man repeats the process on his tiny scale, dealing only with three planes, and flashing into objectivity on the solar physical.

Con người lặp lại tiến trình ấy trên quy mô nhỏ bé của mình, chỉ đề cập đến ba cõi, và lóe vào tính khách quan trên cõi hồng trần mặt trời.

51. The "solar physical" and the 'systemic physical' are two names for the same thing.

51. "Cõi hồng trần mặt trời" và 'cõi hồng trần hệ thống' là hai tên gọi cho cùng một điều.

52. The phrase "*flashing* into objectivity" may conceal an important truth. The phrase seems to hint at the suddenness of objectification.

52. Cụm từ "*lóe* vào tính khách quan" có thể che giấu một chân lý quan trọng. Cụm từ này dường như gợi ý tính đột ngột của sự khách thể hóa.

53. What scientists have called the "Big Bang" is a flashing into objectivity.

53. Điều mà các nhà khoa học gọi là "Vụ Nổ Lớn" là một sự lóe vào tính khách quan.

It will be demonstrated later as science attains more and more of the truth that

Về sau điều đó sẽ được chứng minh khi khoa học đạt được ngày càng nhiều chân lý rằng

1. All physical phenomena as we understand the term have an electrical origin, and an initial vibration on the first sub-plane of the physical plane.

1. Mọi hiện tượng hồng trần như chúng ta hiểu thuật ngữ này đều có nguồn gốc điện, và một rung động khởi đầu trên cõi phụ thứ nhất của cõi hồng trần.

54. That "initial vibration" comes under the province of Vulcan, the generic ruler of the first sub-plane of any systemic plane.

54. "Rung động khởi đầu" ấy thuộc phạm vi của Vulcan, chủ tinh tổng quát của cõi phụ thứ nhất của bất kỳ cõi hệ thống nào.

55. We are being told that physical phenomena have an electrical origin and that origin can be traced to the first etheric sub-plane of the solar physical plane.

55. Chúng ta được cho biết rằng các hiện tượng hồng trần có nguồn gốc điện và nguồn gốc ấy có thể được truy nguyên đến cõi phụ dĩ thái thứ nhất của cõi hồng trần mặt trời.

56. There may be a way in which Vulcan is related to electrical impulse. We certainly know that the hammer and the anvil produce 'sparks'.

56. Có thể có một cách nào đó mà Vulcan liên hệ với xung động điện. Chúng ta chắc chắn biết rằng búa và đe tạo ra 'tia lửa'.

57. The sun, of course, is, for our solar system, the real origin of electrical impulse.

57. Dĩ nhiên, mặt trời là nguồn gốc thực sự của xung động điện đối với hệ mặt trời của chúng ta.

58. There is necessary a head center connection, because the head center is located within the first ether of the systemic physical plane.

58. Cần phải có một liên hệ với trung tâm đầu, bởi vì trung tâm đầu nằm trong dĩ thái thứ nhất của cõi hồng trần hệ thống.

[Page 320]

[Page 320]

2. That Light, physical plane light, has a close connection with, and uses, as a medium, the second ether.

2. Ánh sáng ấy, ánh sáng cõi hồng trần, có một liên hệ mật thiết với dĩ thái thứ hai và sử dụng nó như một môi trường.

59. Here is an important connection with the heart center, as the heart center is located within the second ether. Light and love are thus related. Generally they have a reciprocal relationship, and the increase of one signals the increase of the other.

59. Ở đây có một liên hệ quan trọng với trung tâm tim, vì trung tâm tim nằm trong dĩ thái thứ hai. Do đó ánh sáng và bác ái có liên hệ với nhau. Nói chung chúng có một mối quan hệ hỗ tương, và sự gia tăng của cái này báo hiệu sự gia tăng của cái kia.

60. We understand that the second ether is a *medium* from the propagation of light.

60. Chúng ta hiểu rằng dĩ thái thứ hai là một *môi trường* cho sự truyền lan của ánh sáng.

61. Although it is the fourth ether which is presently being studied and its phenomena discovered, even so common a demonstration as physical plane light involves the second systemic ether (which, with the first systemic ether) is considered *esoteric* or occult!

61. Mặc dù chính dĩ thái thứ tư hiện đang được nghiên cứu và các hiện tượng của nó đang được khám phá, nhưng ngay cả một biểu lộ thông thường như ánh sáng cõi hồng trần cũng bao hàm dĩ thái hệ thống thứ hai (mà cùng với dĩ thái hệ thống thứ nhất) được xem là *huyền bí* hay nội môn!

3. That sound functions through the third ether.

3. Âm thanh vận hành qua dĩ thái thứ ba.

62. The relationship between sound and the number *three* has already been discussed.

62. Mối liên hệ giữa âm thanh và số *ba* đã được bàn đến rồi.

63. Light and sound are constantly perceived by many forms of life. We are seeing that even normal physical phenomena have a close connection to etheric functioning.

63. Ánh sáng và âm thanh liên tục được nhiều hình tướng sự sống cảm nhận. Chúng ta đang thấy rằng ngay cả các hiện tượng hồng trần bình thường cũng có một liên hệ mật thiết với hoạt động dĩ thái.

64. Of the four—vibration, sound, light, colour—it is vibration that is really occult, thus usually unperceived, though the common denominator of the other three.

64. Trong bốn điều—rung động, âm thanh, ánh sáng, màu sắc—chính rung động mới thực sự là huyền bí, do đó thường không được cảm nhận, dù là mẫu số chung của ba điều kia.

4. That colour in a peculiar sense is allied to the fourth ether.

4. Màu sắc theo một ý nghĩa đặc biệt nào đó liên kết với dĩ thái thứ tư.

65. VSK asks: "Again, how do we see this inversion according to the angle of vision?"

65. VSK hỏi: "Một lần nữa, làm sao chúng ta thấy sự đảo ngược này theo góc độ tầm nhìn?"

66. May it be suggested that the "inversion" is a descent from the highest of four planes to the lowest.

66. Có thể gợi ý rằng "sự đảo ngược" là một sự đi xuống từ cõi cao nhất trong bốn cõi đến cõi thấp nhất chăng.

67. The colour or the buddhic plane veils the archetypal distinctions of the monadic plane.

67. Màu sắc hay cõi Bồ đề che phủ những phân biệt nguyên mẫu của cõi chân thần.

68. What is the "peculiar sense" in which colour is allied to the fourth ether?

68. "Ý nghĩa đặc biệt" mà theo đó màu sắc liên kết với dĩ thái thứ tư là gì?

69. Colour is visible on all the planes, but the buddhic plane is *particularly* the plane of color (though sound is also very important to the buddhic plane, as creations of the great composers suggest).

69. Màu sắc hiển lộ trên mọi cõi, nhưng cõi Bồ đề *đặc biệt* là cõi của màu sắc (dù âm thanh cũng rất quan trọng đối với cõi Bồ đề, như những sáng tạo của các nhà soạn nhạc lớn gợi ý).

70. We might say that the buddhic plane is that plane whereon the nature of the highest Trinity (the energies of the logoic, monadic and atmic planes), is revealed through colour and presented to the lower worlds in a harmonized manner—through colour.

70. Chúng ta có thể nói rằng cõi Bồ đề là cõi nơi bản chất của Tam Vị cao nhất (các năng lượng của các cõi logoic, chân thần và atma) được mặc khải qua màu sắc và được trình bày cho các cõi thấp hơn một cách hài hòa—qua màu sắc.

71. The word "allied" is useful. We could say that vibration is allied to the first ether; light allied to the second ether; sound allied to the third ether; and colour, as here stated, to the fourth.

71. Từ "liên kết" rất hữu ích. Chúng ta có thể nói rằng rung động liên kết với dĩ thái thứ nhất; ánh sáng liên kết với dĩ thái thứ hai; âm thanh liên kết với dĩ thái thứ ba; và màu sắc, như được nói ở đây, với dĩ thái thứ tư.

We must note here that in the development of the senses, hearing preceded sight, as sound precedes colour.

Chúng ta phải lưu ý ở đây rằng trong sự phát triển của các giác quan, thính giác đi trước thị giác, cũng như âm thanh đi trước màu sắc.

72. When comparing the order of development of the senses to the order of the four planes involved, we see there is not a one to one correspondence.

72. Khi so sánh trật tự phát triển của các giác quan với trật tự của bốn cõi liên quan, chúng ta thấy không có sự tương ứng một-một.

[table 8]

Order of Planes and Elements of Manifestation

Trật tự các Cõi và các Yếu tố của Biểu hiện

Vibration: first solar plane, associated with touch

Rung động: cõi mặt trời thứ nhất, gắn với xúc giác

Light: second solar plane, associated with sight

Ánh sáng: cõi mặt trời thứ hai, gắn với thị giác

Sound: third solar plane, associated with hearing

Âm thanh: cõi mặt trời thứ ba, gắn với thính giác

Colour: fourth solar plane

Màu sắc: cõi mặt trời thứ tư

73. The senses of taste and smell (in a higher sense) are subtle and are most associated with vibration (as the most subtle and occult of the four electrical demonstrations).

73. Các giác quan vị giác và khứu giác (theo một nghĩa cao hơn) là tinh tế và gắn nhiều nhất với rung động (như điều tinh tế và huyền bí nhất trong bốn biểu lộ điện).

An interesting analogy may here be noted between the fourth cosmic ether, and the fourth ether on the physical plane of the solar system.

Ở đây có thể lưu ý một sự tương đồng thú vị giữa dĩ thái vũ trụ thứ tư và dĩ thái thứ tư trên cõi hồng trần của hệ mặt trời.

74. Here is suggested an analogy between the fourth solar ether and the buddhic plane.

74. Ở đây có sự gợi ý về một sự tương đồng giữa dĩ thái mặt trời thứ tư và cõi Bồ đề.

Both are in process of becoming exoteric—one from the standpoint of man in the three worlds, and the other from the standpoint of a Heavenly Man.

Cả hai đều đang trong tiến trình trở nên ngoại môn—một từ quan điểm của con người trong ba cõi thấp, và cái kia từ quan điểm của một Đấng Thiên Nhân.

75. Man in the three worlds is rendering the fourth solar etheric exoteric. Many discoveries in the fields of energy and force during the past century are part of this process.

75. Con người trong ba cõi thấp đang làm cho dĩ thái mặt trời thứ tư trở nên ngoại môn. Nhiều khám phá trong các lĩnh vực năng lượng và mãnh lực trong thế kỷ qua là một phần của tiến trình này.

76. The buddhic plane is, however, still deeply esoteric to the average human being.

76. Tuy nhiên, cõi Bồ đề vẫn còn rất nội môn đối với con người trung bình.

77. If a Heavenly Man is viewing the buddhic plane as exoteric, it must mean that His focus is still more interior—atmic or monadic, for instance.

77. Nếu một Đấng Thiên Nhân đang nhìn cõi Bồ đề như ngoại môn, điều đó hẳn có nghĩa là tiêu điểm của Ngài còn ở bên trong hơn nữa—chẳng hạn ở cõi atma hay chân thần.

The fourth ether is even now being investigated by scientists, and **much that they predicate concerning ether, the atom, radium, and the ultimate "protyle" has to do with this fourth ether.**

78. We may say that much of the focus of the members of the fifth ray Ashram has been the fourth ether. The field of modern physics has focussed there.

79. We can presume from what is said that the discovery of radioactivity (as evidenced at first by radium) relates to a penetration into the fourth ether.

80. By the ultimate "protyle" is meant the hypothesized homogeneous essence of all physical matter. There are significant references to the "protyle" in the *Secret Doctrine.*

It will eventually be brought under scientific formula, and some of its properties, knowledge concerning its range of influence, and its utilisation will become known unto men.

81. VSK enquires: "What realms would we identify as *fourth* ether? What does modern science call this realm? Has it now become so normalized or accepted that we no longer consider it unusual and call it by another name?"

82. If the fourth etheric is only now beginning to be used by human beings, to what degree are we utilizing the properties of the third and second ethers? To a lesser degree it would seem, though light is to be associate with the second ether.

Dĩ thái thứ tư ngay lúc này đang được các nhà khoa học khảo cứu, và **phần lớn những gì họ khẳng định liên quan đến dĩ thái, nguyên tử, radium, và "protyle" tối hậu đều có liên quan đến dĩ thái thứ tư này.**

78. Chúng ta có thể nói rằng phần lớn tiêu điểm của các thành viên của ashram cung năm là dĩ thái thứ tư. Lĩnh vực vật lý học hiện đại đã tập trung ở đó.

79. Từ những gì được nói, chúng ta có thể giả định rằng việc khám phá tính phóng xạ (ban đầu được chứng minh qua radium) liên hệ với một sự thâm nhập vào dĩ thái thứ tư.

80. "Protyle" tối hậu được hiểu là tinh chất đồng nhất được giả thuyết là của mọi vật chất hồng trần. Có những quy chiếu quan trọng đến "protyle" trong *Giáo Lý Bí Nhiệm.*

Cuối cùng nó sẽ được đưa vào công thức khoa học, và một số đặc tính, tri thức liên quan đến phạm vi ảnh hưởng của nó, và việc sử dụng nó sẽ trở nên được con người biết đến.

81. VSK hỏi: "Chúng ta sẽ đồng hoá những cõi nào là dĩ thái *thứ tư*? Khoa học hiện đại gọi cõi này là gì? Giờ đây nó đã trở nên bình thường hóa hay được chấp nhận đến mức chúng ta không còn xem nó là bất thường và gọi nó bằng một tên khác chăng?"

82. Nếu dĩ thái thứ tư chỉ mới bắt đầu được con người sử dụng, thì chúng ta đang sử dụng các đặc tính của dĩ thái thứ ba và thứ hai đến mức nào? Có vẻ ở mức thấp hơn, dù ánh sáng được gắn với dĩ thái thứ hai.

83. Atomic energy has been developed to a great extent during the twentieth century—for purposes of both war and peace. It would seem that there has been a considerable unfoldment of the properties of this ether (the fourth) during the last one hundred or so years. We have to remember that *TCF* was written in the early 1920's concluding in 1925.

83. Năng lượng nguyên tử đã được phát triển đến mức lớn trong thế kỷ hai mươi—cho cả mục đích chiến tranh lẫn hòa bình. Có vẻ như đã có một sự khai mở đáng kể các đặc tính của dĩ thái này (dĩ thái thứ tư) trong khoảng một trăm năm trở lại đây. Chúng ta phải nhớ rằng *TCF* được viết vào đầu những năm 1920 và hoàn tất năm 1925.

84. DK hints that not *all* the properties of the fourth ether will become known to men and utilized by them.

84. Chân sư DK gợi ý rằng không phải *mọi* đặc tính của dĩ thái thứ tư đều sẽ được con người biết đến và sử dụng.

Paralleling this, the buddhic plane, the plane of the Christ principle, is gradually becoming known to <u>those advanced beings who are individually able to cognise their place in the body of a Logos of a planetary scheme.</u>

Song song với điều này, cõi Bồ đề, cõi của nguyên khí Christ, đang dần dần trở nên được biết đến đối với <u>những hữu thể tiến hóa cao có khả năng cá nhân nhận biết vị trí của mình trong thể của một Logos của một hệ hành tinh.</u>

85. The "advanced beings" here under discussion are high initiates and Masters of the Wisdom.

85. "Những hữu thể tiến hóa cao" đang được bàn đến ở đây là các điểm đạo đồ cao cấp và các Chân sư Minh triết.

86. The implication is that knowledge of the buddhic plane is closed to those who are not yet able to cognize their place in the body of a Logos of a planetary scheme.

86. Hàm ý ở đây là tri thức về cõi Bồ đề vẫn khép kín đối với những ai chưa có khả năng nhận biết vị trí của mình trong thể của một Logos của một hệ hành tinh.

87. Although the higher mental plane is the focus of the soul, which both embodies and somewhat veils the Christ principle, the buddhic plane is the *plane* of the Christ principle.

87. Mặc dù cõi thượng trí là tiêu điểm của linh hồn, vốn vừa thể hiện vừa phần nào che phủ nguyên khí Christ, cõi Bồ đề mới là *cõi* của nguyên khí Christ.

88. We might ask ourselves: "Do *we* actually have cognition of our place in the body of the Planetary Logos of the Earth?

88. Chúng ta có thể tự hỏi: "Liệu *chúng ta* thực sự có nhận thức về vị trí của mình trong thể của Đức Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất không?

The influence of the buddhic plane, and the electrical force that is its peculiar characteristic, are beginning to be felt, and its energy is also beginning to have a definite effect on the egoic bodies of men;

Ảnh hưởng của cõi Bồ đề, và mãnh lực điện là đặc tính riêng biệt của nó, đang bắt đầu được cảm nhận, và năng lượng của nó cũng đang bắt đầu có một tác động rõ rệt lên các thể chân ngã của con người;

89. When the buddhic plane begins to affect the egoic bodies of men it is a signal that the first initiation for humanity is approaching.

89. Khi cõi Bồ đề bắt đầu tác động đến các thể chân ngã của con người, đó là dấu hiệu cho thấy lần điểm đạo thứ nhất đối với nhân loại đang đến gần.

90. The influence of buddhi upon the egoic body will contribute to its re-polarization or re-focussing upon the second sub-plane of the higher mental plane.

90. Ảnh hưởng của Bồ đề lên thể chân ngã sẽ góp phần vào sự tái phân cực hay tái tập trung của nó trên cõi phụ thứ hai của cõi thượng trí.

91. We remember that as a human being becomes an *advanced* human being and as the first initiation approaches, the causal body is re-focussed upon the second sub-plane of the mental plane (a plane resonant to the buddhic plane).

91. Chúng ta nhớ rằng khi một con người trở thành một con người *tiến hóa cao* và khi lần điểm đạo thứ nhất đến gần, thể nguyên nhân được tái tập trung trên cõi phụ thứ hai của cõi trí (một cõi cộng hưởng với cõi Bồ đề).

92. We can infer from what is here said that when the causal body of man is solidly focussed on the third sub-plane, it is the abstract mind which has the greatest influence upon it, and not the buddhic plane.

92. Từ những gì được nói ở đây, chúng ta có thể suy ra rằng khi thể nguyên nhân của con người được tập trung vững chắc trên cõi phụ thứ ba, thì trí trừu tượng có ảnh hưởng lớn nhất lên nó, chứ không phải cõi Bồ đề.

93. We remember, however, how foundational is buddhic energy to the creation of the inmost tier of petals of the causal body, the synthesis petals.

93. Tuy nhiên, chúng ta nhớ rằng năng lượng Bồ đề có tính nền tảng như thế nào đối với việc tạo ra tầng cánh hoa sâu nhất của thể nguyên nhân, các cánh hoa tổng hợp.

the fourth ether of the physical systemic plane is likewise assuming its rightful place in the minds of men, and the electrical force of that subplane is already being adapted and utilised by man in the assistance of the mechanical arts, for methods of

dĩ thái thứ tư của cõi hồng trần hệ thống cũng đang đảm nhận vị trí đúng đắn của nó trong trí tuệ con người, và mãnh lực điện của cõi phụ đó đã đang được con người thích nghi và sử dụng để hỗ trợ các ngành cơ khí, các phương pháp vận chuyển, sự chiếu sáng rộng khắp, và việc chữa bệnh.

transportation, for widespread illumination, and in healing.

94. These two ethers (one solar and the other cosmic) are emerging into the awareness of humanity simultaneously.

95. The upper brackets of the human race are the only ones for whom the buddhic plane is meaningful. They are also the ones for whom the systemic etheric plane is becoming meaningful as a factor in consciousness.

96. The properties of the fourth solar ether, however, are widely recognized by many human beings, though not recognized for what they really are.

97. Let us tabulate some of the current uses of the electrical force of the fourth solar etheric sub-plane:

a. That electrical force is of assistance in the mechanical arts

b. That electrical force is of assistance in various methods of transportation

c. That electrical force contributes to the widespread illumination covering the globe. In producing such illumination, the second ether must also be involved.

d. That electrical force is of assistance in the healing arts; this will increasingly be the case.

98. We are discussing, really, the wide-spread uses of electricity and more recently of electronics.

94. Hai dĩ thái này (một mặt trời và một vũ trụ) đang đồng thời xuất hiện trong nhận thức của nhân loại.

95. Chỉ những tầng lớp cao hơn của nhân loại mới là những người mà đối với họ cõi Bồ đề có ý nghĩa. Họ cũng là những người mà đối với họ cõi dĩ thái hệ thống đang trở nên có ý nghĩa như một yếu tố trong tâm thức.

96. Tuy nhiên, các đặc tính của dĩ thái mặt trời thứ tư được nhiều người nhận biết rộng rãi, dù không được nhận biết đúng như bản chất thực sự của chúng.

97. Chúng ta hãy lập bảng một số cách sử dụng hiện nay của mãnh lực điện của cõi phụ dĩ thái mặt trời thứ tư:

a. Mãnh lực điện ấy hỗ trợ các ngành cơ khí

b. Mãnh lực điện ấy hỗ trợ các phương pháp vận chuyển khác nhau

c. Mãnh lực điện ấy góp phần vào sự chiếu sáng rộng khắp bao phủ địa cầu. Trong việc tạo ra sự chiếu sáng như vậy, dĩ thái thứ hai cũng phải được bao hàm.

d. Mãnh lực điện ấy hỗ trợ nghệ thuật chữa bệnh; điều này sẽ ngày càng đúng hơn.

98. Thực ra, chúng ta đang bàn đến những cách sử dụng rộng khắp của điện và gần đây hơn là điện tử học.

These four adaptations of electricity:

99. DK uses the common term—"electricity", but we are now familiar with the idea that there are many kinds of electrical force, of which our common electricity is only one of the lowest.

[Page 321]

1. For mechanical uses,

2. For transportation,

3. For illumination,

4. In healing,

are but the working out on the physical plane of paralleling utilisation of buddhic electrical force.

100. Let us accustom ourselves to the utilization of such terms as:

a. Buddhic electrical force or impulse

b. Atmic electrical force or impulse

c. Monadic electrical force or impulse

d. Logoic electrical force or impulse

101. Electrical force is also characteristic of the lowest three cosmic sub-planes though DK's focus is not there.

102. DK is suggesting that buddhic electrical force is directly connected to customary electrical force as it manifests through the

Bốn sự thích nghi này của điện:

99. Chân sư DK dùng thuật ngữ thông thường—"điện", nhưng giờ đây chúng ta đã quen với ý niệm rằng có nhiều loại mãnh lực điện, trong đó điện thông thường của chúng ta chỉ là một trong những loại thấp nhất.

[Page 321]

1. Cho các mục đích cơ khí,

2. Cho vận chuyển,

3. Cho chiếu sáng,

4. Trong chữa bệnh,

chỉ là sự triển khai trên cõi hồng trần của việc sử dụng song hành mãnh lực điện Bồ đề.

100. Chúng ta hãy làm quen với việc sử dụng những thuật ngữ như sau:

a. mãnh lực hay xung động điện Bồ đề

b. mãnh lực hay xung động điện atma

c. mãnh lực hay xung động điện chân thần

d. mãnh lực hay xung động điện logoic

101. Mãnh lực điện cũng là đặc trưng của ba cõi phụ vũ trụ thấp nhất, dù trọng tâm của Chân sư DK không đặt ở đó.

102. Chân sư DK gợi ý rằng mãnh lực điện Bồ đề có liên hệ trực tiếp với mãnh lực điện theo cách thông thường khi nó biểu hiện qua dĩ

fourth systemic ether. The means of that "working out" of buddhic electrical force on the fourth etheric level of the physical plane is not given. We are simply told that the activity on the fourth *solar* etheric is in some manner derived from the activity of the fourth *cosmic* ether.

thái hệ thống thứ tư. Phương tiện của sự "triển khai" ấy của mãnh lực điện Bồ đề trên cấp độ dĩ thái thứ tư của cõi hồng trần không được nêu ra. Chúng ta chỉ đơn giản được cho biết rằng hoạt động trên dĩ thái *thái dương* thứ tư theo một cách nào đó được phát sinh từ hoạt động của dĩ thái *vũ trụ* thứ tư.

103. VSK asks: "Is the *fourth* ether simply 'electricity' as we commonly think of it?

103. VSK hỏi: "Có phải dĩ thái *thứ tư* đơn giản là 'điện' như chúng ta thường nghĩ không?

104. There seems to be justification for this thought.

104. Dường như có cơ sở để nghĩ như vậy.

105. It is interesting that many scientists, when asked for a definitive definition of electricity, say "we do not know".

105. Điều thú vị là nhiều nhà khoa học, khi được yêu cầu đưa ra một định nghĩa dứt khoát về điện, lại nói rằng "chúng tôi không biết".

It might here be asked why colour primarily is spoken of as the buddhic manifestation of electricity. We are employing the word "colour" here in its original and basic sense as **"that which veils." Colour veils the sevenfold differentiation of logoic manifestation** and, from the angle of vision of man in the three worlds, **can be seen only in its full significance on the buddhic plane.** All fire and electrical display will be seen to embody the seven colours.

Ở đây có thể đặt câu hỏi vì sao màu sắc lại chủ yếu được nói đến như là biểu hiện Bồ đề của điện. Ở đây chúng ta dùng từ "màu sắc" theo nghĩa nguyên thủy và căn bản của nó là **"điều che phủ." Màu sắc che phủ sự biến phân thất phân của biểu hiện logoic** và, từ góc độ tầm nhìn của con người trong ba cõi thấp, **chỉ có thể được thấy trong toàn bộ thâm nghĩa của nó trên cõi Bồ đề.** Mọi lửa và biểu hiện điện sẽ được thấy là bao hàm bảy màu sắc.

106. VSK states: "We know colour is a range of vibrations, and the identification of colour into a septenate is an archetypal construct or rayological divisioning, and not merely a fact of optics or physiology (nor culture)."

106. VSK phát biểu: "Chúng ta biết màu sắc là một dải rung động, và việc nhận diện màu sắc thành một bộ bảy là một cấu trúc nguyên mẫu hay một sự phân chia theo cung học, chứ không chỉ đơn thuần là một sự kiện của quang học hay sinh lý học (cũng không phải của văn hóa)."

107. We gather that "fire" and "electrical display" are equivalent.

107. Chúng ta suy ra rằng "lửa" và "biểu hiện điện" là tương đương nhau.

108. Colour, we learn, is visible in relation to all the seven planes, because these planes are expressions of "fire and electrical display".

108. Chúng ta biết rằng màu sắc là khả kiến trong liên hệ với cả bảy cõi, bởi vì các cõi này là những biểu hiện của "lửa và biểu hiện điện".

109. While color *seems* to reveal quality, DK calls it a veil upon the sevenfold differentiation of logoic manifestation.

109. Dù màu sắc *dường như* bộc lộ phẩm tính, Chân sư DK gọi nó là một bức màn phủ lên sự biến phân thất phân của biểu hiện logoic.

110. Is it possible then, that the true essence of an energy or force does not reach us if mediated by that which we call colour?

110. Vậy thì có thể chăng bản chất chân thực của một năng lượng hay mãnh lực không đến được với chúng ta nếu được trung gian bởi điều mà chúng ta gọi là màu sắc?

111. Perhaps we could say that colour both veils and reveals.

111. Có lẽ chúng ta có thể nói rằng màu sắc vừa che phủ vừa bộc lộ.

112. Whatever we think we know of colour, its full significance will only begin to be revealed to us on the buddhic plane.

112. Dù chúng ta nghĩ mình biết gì về màu sắc đi nữa, toàn bộ thâm nghĩa của nó chỉ mới bắt đầu được bộc lộ cho chúng ta trên cõi Bồ đề mà thôi.

Again another correspondence between the fourth cosmic ether and the fourth physical ether lies in the fact that **they are both primarily concerned with the work of the great builders,** bearing in mind that **they build the real body of the Logos in etheric matter**;

Lại có một tương ứng nữa giữa dĩ thái vũ trụ thứ tư và dĩ thái hồng trần thứ tư ở chỗ **cả hai đều chủ yếu liên quan đến công việc của các đấng đại kiến tạo,** hãy ghi nhớ rằng **các Ngài xây dựng thể thực sự của Logos trong vật chất dĩ thái**;

113. The number *four* has a direct connection with the devic forces. The Master Serapis upon the fourth ray works intensively with the deva evolution.

113. Con số *bốn* có liên hệ trực tiếp với các mãnh lực thiên thần. Chân sư Serapis trên cung bốn làm việc một cách mãnh liệt với tiến hóa thiên thần.

114. The true "Greater Builders" of the cosmic physical plane, are found upon the monadic level, but the fourth systemic etheric and the fourth cosmic ether are both resonant with the monadic plane along the 2-4-6. line of energy.

114. Các "Đấng Đại Kiến Tạo" chân thực của cõi hồng trần vũ trụ được tìm thấy trên cấp độ chân thần, nhưng dĩ thái hệ thống thứ tư và dĩ thái vũ trụ thứ tư đều cộng hưởng với cõi chân thần theo đường năng lượng 2-4-6.

115. The real body of the Logos is *etheric*. We might, therefore, conclude that the three lower systemic planes are not part of the *real* logoic body, for from the logoic standpoint, they are *material* (an unprincipled) and not etheric.

115. Thể thực sự của Logos là *dĩ thái*. Vì vậy, chúng ta có thể kết luận rằng ba cõi hệ thống thấp không phải là một phần của thể logoic *thực sự*, vì từ quan điểm logoic, chúng là *vật chất* (không nguyên khí) chứ không phải dĩ thái.

116. The systemic ethers however (though not really a part of the solar logoic etheric body), have a resonance with the cosmic ethers which compose the true etheric body of the Solar Logos.

116. Tuy nhiên, các dĩ thái hệ thống (dù không thực sự là một phần của thể dĩ thái thái dương logoic) có một sự cộng hưởng với các dĩ thái vũ trụ cấu thành thể dĩ thái chân thực của Thái dương Thượng đế.

the dense physical vehicle is not so much the result of their work as it is the result of the meeting of the seven streams of force or electricity, which **causes that apparent congestion in matter that we call the dense physical planes** (the three lower subplanes).

vận cụ hồng trần đậm đặc không hẳn là kết quả công việc của các Ngài cho bằng nó là kết quả của sự gặp gỡ của bảy dòng mãnh lực hay điện, điều này **gây ra sự tắc nghẽn biểu kiến trong vật chất mà chúng ta gọi là các cõi hồng trần đậm đặc** (ba cõi phụ thấp hơn).

117. We learn that the dense physical plane is not very much the work of the greater builders (or "great builders" as here stated).

117. Chúng ta biết rằng cõi hồng trần đậm đặc không phải là công trình của các đấng đại kiến tạo (hay "great builders" như được nói ở đây) cho lắm.

118. We could pause for a serious question: "Is DK now speaking systemically or cosmically, i.e., is he speaking of the three lower sub-planes *systemically* or *cosmically*?

118. Chúng ta có thể dừng lại trước một câu hỏi nghiêm túc: "Hiện nay Chân sư DK đang nói theo nghĩa hệ thống hay vũ trụ, tức là Ngài đang nói về ba cõi phụ thấp hơn theo nghĩa *hệ thống* hay *vũ trụ*?

119. While I could be incorrect, I believe that, in this context, He is speaking *systemically.* He could say the same thing from a cosmic perspective, with interesting implications regarding an apparent "congestion" existing in our *systemic* mental, astral and physical-etheric planes.

119. Dù tôi có thể sai, tôi tin rằng trong ngữ cảnh này, Ngài đang nói theo nghĩa *hệ thống.* Ngài cũng có thể nói điều tương tự từ một viễn cảnh vũ trụ, với những hàm ý thú vị liên quan đến một sự "tắc nghẽn" biểu kiến hiện hữu trong các cõi *hệ thống* trí tuệ, cảm dục và dĩ thái-hồng trần của chúng ta.

120. We note that DK did not say "the dense physical plane" (singular) because of the

120. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK đã không nói "cõi hồng trần đậm đặc cõi" (số ít)

intraconvertability between the solid, liquid and gaseous states.

121. The formation of the dense physical planes (solid, liquid and gaseous) is interesting. It is caused by the "meeting of seven streams of force or electricity". These dense physical planes, further, are called a "congestion in matter". This gives us some idea of the divine energy flow to be expected on these planes when compared to such a flow on the 'uncongested' or 'decongested' planes. Relatively, there is little *freedom* on the dense physical planes.

122. In a way the "congestion" is not real but only "apparent". Further, the lower three planes are an 'apparency' or an 'appearance'.

123. A congestion occurs when a large volume of a liquid (or that which flows) attempts to pass through a 'space' too narrow or limited for the rate of flow to continue as it was. There is a backing up. We can see that the physical body presents much resistance to flow. In this type of instance, the resistance is *electrical.*

124. There are conceivably, however, methods of refining, purifying and rearranging the dense physical planes so that the rate of flow would be much augmented, and so the electrical demonstration of the dense physical planes would be more in accord with that of, for instance, the etheric plane. Great souls have accomplished this and it is the destiny of humanity and the other kingdoms of nature —eventually.

125. The seven streams of force or electricity cannot include streams of force from the

vì tính chuyển đổi nội tại giữa các trạng thái rắn, lỏng và khí.

121. Sự hình thành các cõi hồng trần đậm đặc (rắn, lỏng và khí) thật đáng chú ý. Nó được gây ra bởi "sự gặp gỡ của bảy dòng mãnh lực hay điện". Hơn nữa, các cõi hồng trần đậm đặc này được gọi là một "sự tắc nghẽn trong vật chất". Điều này cho chúng ta một ý niệm nào đó về dòng năng lượng thiêng liêng có thể được mong đợi trên các cõi này khi so sánh với một dòng chảy như thế trên các cõi 'không tắc nghẽn' hay 'được giải tắc'. Tương đối mà nói, có rất ít *tự do* trên các cõi hồng trần đậm đặc.

122. Theo một nghĩa nào đó, "sự tắc nghẽn" không phải là thực mà chỉ là "biểu kiến". Hơn nữa, ba cõi thấp là một 'sắc tướng' hay một 'vẻ ngoài'.

123. Sự tắc nghẽn xảy ra khi một thể tích lớn của một chất lỏng (hay điều gì đó đang chảy) cố đi qua một 'không gian' quá hẹp hay quá giới hạn để tốc độ dòng chảy tiếp tục như trước. Có sự dồn ứ lại. Chúng ta có thể thấy rằng thể xác gây ra rất nhiều sự kháng cự đối với dòng chảy. Trong loại trường hợp này, sự kháng cự ấy là *điện.*

124. Tuy nhiên, có thể hình dung được những phương pháp tinh luyện, thanh lọc và tái sắp xếp các cõi hồng trần đậm đặc để tốc độ dòng chảy được gia tăng rất nhiều, và như thế sự biểu lộ điện của các cõi hồng trần đậm đặc sẽ phù hợp hơn với, chẳng hạn, cõi dĩ thái. Các linh hồn vĩ đại đã hoàn thành điều này, và đó là định mệnh của nhân loại cùng các giới khác trong bản chất—rốt cuộc là như vậy.

125. Bảy dòng mãnh lực hay điện không thể bao gồm các dòng mãnh lực từ ba cõi phụ

lowest three sub-planes, because we are talking about the manner of *formation* of those very planes.

thấp nhất, bởi vì chúng ta đang nói về cách thức *hình thành* của chính những cõi ấy.

126. Perhaps, the seven streams of electricity can be considered representative of the seven cosmic sub-planes of the cosmic physical plane, including the systemic etheric plane as the seventh and lowest.

126. Có lẽ bảy dòng điện có thể được xem là đại diện cho bảy cõi phụ vũ trụ của cõi hồng trần vũ trụ, bao gồm cõi dĩ thái hệ thống như là cõi thứ bảy và thấp nhất.

127. If we were speaking *cosmically,* about an apparent congestion manifesting through the systemic mental, astral and etheric-physical sub-planes, then the seven streams of electricity would all be cosmic in nature and would be representative of the seven *cosmic* planes, taking the buddhic, atmic, monadic and logoic planes as four *cosmic* ethers, and, thus, a source of the lowest of the seven streams.

127. Nếu chúng ta đang nói theo nghĩa *vũ trụ,* về một sự tắc nghẽn biểu kiến biểu hiện qua các cõi phụ hệ thống trí tuệ, cảm dục và dĩ thái-hồng trần, thì bảy dòng điện ấy đều sẽ có bản chất vũ trụ và sẽ là đại diện cho bảy cõi *vũ trụ*, lấy các cõi Bồ đề, atma, chân thần và logoic làm bốn dĩ thái *vũ trụ*, và như vậy là một nguồn của dòng thấp nhất trong bảy dòng.

128. In any case, it is a fascinating statement and requires pondering. The *seven* have produced the *three*.

128. Dù sao đi nữa, đây là một phát biểu đầy hấp dẫn và đòi hỏi phải suy ngẫm. *Bảy* đã tạo ra *ba*.

This apparent congestion is, after all, but the **exceeding electronic activity or energy of the mass of negative atoms awaiting the stimulation** that will result from the presence of a certain number of positive atoms. This needs to be borne in mind.

Rốt cuộc, sự tắc nghẽn biểu kiến này chỉ là **hoạt động điện tử quá mức hay năng lượng của khối lượng các nguyên tử âm đang chờ sự kích thích** sẽ phát sinh từ sự hiện diện của một số nguyên tử dương nhất định. Điều này cần được ghi nhớ.

129. The congestion is not real by only "apparent". DK has now repeated this idea.

129. Sự tắc nghẽn không phải là thực mà chỉ "biểu kiến". Giờ đây Chân sư DK đã lặp lại ý này.

130. When we speak of "electronic activity", it would seem we are speaking of the activity of electrons.

130. Khi chúng ta nói về "hoạt động điện tử", dường như chúng ta đang nói về hoạt động của các electron.

131. The negative atoms may be thought of as those composing the three dense levels of

131. Các nguyên tử âm có thể được xem là những nguyên tử cấu thành ba cấp độ đậm

the systemic physical plane; these atoms are not etheric atoms.

132. These negative or dense atoms require stimulation from the etheric levels of the physical plane. The "positive atoms" can be considered etheric atoms.

133. The negative atoms could be considered as comprising what we usually think of as "dead matter". It is matter gathered from an earlier solar system, awaiting stimulation and redemption in the present system.

134. From the atomic perspective, we might consider such negative atoms as the 'atomic failures' of the first solar system.

135. The "exceeding electronic activity" could simply be the *bonding* which occurs between atoms of positive and negative valence. The atoms are so bound together through this activity that they would appear locked into a resistant congestion.

136. As we rise up the cosmic physical plane, the atoms involved become more numerous, less complex and freer. Compared to the atoms of the dense physical planes (systemically considered) they are undergoing de-aggregation.

137. What is not given is the manner in which etheric atoms (carrying, *occultly*, a positive charge) come to influence the mass of negative atoms towards a new types of vitalization—perhaps inclining them towards radioactivity. The manner in which the energy of the higher planes flows with decreasing resistance through the mass of negative atoms is not given.

đặc của cõi hồng trần hệ thống; các nguyên tử này không phải là nguyên tử dĩ thái.

132. Những nguyên tử âm hay đậm đặc này cần sự kích thích từ các cấp độ dĩ thái của cõi hồng trần. Các "nguyên tử dương" có thể được xem là các nguyên tử dĩ thái.

133. Các nguyên tử âm có thể được xem là cấu thành điều mà chúng ta thường nghĩ là "vật chất chết". Đó là vật chất được thu gom từ một hệ mặt trời trước, đang chờ được kích thích và cứu chuộc trong hệ hiện tại.

134. Từ góc độ nguyên tử, chúng ta có thể xem những nguyên tử âm như thế là các 'thất bại nguyên tử' của hệ mặt trời thứ nhất.

135. "Hoạt động điện tử quá mức" có thể đơn giản là sự *liên kết* xảy ra giữa các nguyên tử có hóa trị dương và âm. Các nguyên tử được liên kết với nhau chặt chẽ đến mức qua hoạt động này, chúng dường như bị khóa vào một sự tắc nghẽn đầy kháng cự.

136. Khi chúng ta đi lên cõi hồng trần vũ trụ, các nguyên tử liên quan trở nên nhiều hơn, ít phức tạp hơn và tự do hơn. So với các nguyên tử của các cõi hồng trần đậm đặc (xét theo nghĩa hệ thống), chúng đang trải qua sự giải kết tập.

137. Điều không được nêu ra là cách thức mà các nguyên tử dĩ thái (mang, *một cách huyền bí*, điện tích dương) đi đến chỗ ảnh hưởng lên khối lượng các nguyên tử âm hướng tới một loại tiếp sinh lực mới—có lẽ khiến chúng nghiêng về tính phóng xạ. Cách thức mà năng lượng của các cõi cao hơn chảy qua khối lượng các nguyên tử âm với sức kháng cự ngày càng giảm không được nêu ra.

138. VSK invites the scientists among us: "A modern scientific view, or rewording it in some other manner may assist in getting across some more meaning."

138. VSK mời gọi các nhà khoa học trong chúng ta: "Một quan điểm khoa học hiện đại, hay việc diễn đạt lại theo cách nào khác, có thể giúp chuyển tải thêm một số ý nghĩa."

139. From another point of view which deals only with the matter of the dense physical planes (solar logoically considered) we might consider the negative atoms to be negatively charged particles, or ions. The positive atoms could be considered positively charged particles or ions.:Probably, however, this is not correct, because probably in DK's view, the dense physical planes are composed entirely of a mass of negative atoms awaiting stimulation.

139. Từ một quan điểm khác chỉ bàn đến vật chất của các cõi hồng trần đậm đặc (xét theo nghĩa thái dương logoic), chúng ta có thể xem các nguyên tử âm là những hạt mang điện tích âm, hay các ion. Các nguyên tử dương có thể được xem là những hạt mang điện tích dương hay ion.:Có lẽ, tuy nhiên, điều này không đúng, bởi vì có lẽ theo quan điểm của Chân sư DK, các cõi hồng trần đậm đặc hoàn toàn được cấu thành bởi một khối các nguyên tử âm đang chờ được kích thích.

The work of evolution is based on two methods and demonstrates as:

Công việc của tiến hoá dựa trên hai phương pháp và biểu hiện như sau:

Involution, **wherein the negative electrons of matter preponderate.** The percentage of these feminine electrons is one of the secrets of initiation and is so vast during the involutionary stage that the rarity of the **positive** [Page 322] **atoms** is very noticeable; they are so rare as only to serve to keep the mass coherent.

Giáng hạ tiến hoá, **trong đó các electron âm của vật chất chiếm ưu thế.** Tỷ lệ của những electron nữ tính này là một trong những bí mật của điểm đạo và lớn đến mức trong giai đoạn giáng hạ tiến hoá, sự hiếm hoi của các **dương** [Page 322] **nguyên tử** trở nên rất rõ rệt; chúng hiếm đến mức chỉ đủ để giữ cho khối ấy kết dính.

140. Here we are speaking not of "negative atoms" but of "negative *electrons*", or feminine electrons.

140. Ở đây chúng ta đang nói không phải về "nguyên tử âm" mà về "electron âm", hay các electron nữ tính.

141. Could we be speaking of "charged particles", i.e., positive and negative ions? A feminine electron would be negatively charged particle. A 'masculine electron' would be positively charged particle. Again, this is probably not the case as it does not emphasize the division between the dense physical planes (solar logoically and not

141. Có thể chăng chúng ta đang nói về "các hạt mang điện", tức là các ion dương và âm? Một electron nữ tính sẽ là một hạt mang điện tích âm. Một 'electron nam tính' sẽ là một hạt mang điện tích dương. Tuy nhiên, một lần nữa, có lẽ không phải như vậy vì điều đó không nhấn mạnh sự phân chia giữa các cõi hồng trần đậm đặc (xét theo nghĩa thái dương logoic chứ không phải vũ trụ), và

cosmically considered) and this is what DK seems to be doing in this section.

142. Yet a charged particle is of much greater mass than an electron. Could the electrons themselves (which are found in orbits or electron shells) be considered either feminine or masculine, either negative or positive? Perhaps, however…

143. We should note that DK seems to be using the terms "electrons" and "atoms" interchangeably. He speaks of "feminine electrons" but compares them with "positive atoms", of which there is a paucity in the involutionary stage. We may remember that He often, as well, uses the terms "atoms" and "cells" interchangeably.

144. It is also possible that, for DK, the term "electron" does not mean what it does for modern science. "Feminine electrons" could simply be; what He has been calling a "negative atoms"—those which are essentially the matter of the former solar system.

145. Really, what we are reading is quite unusual and difficult to correlate with modern science. It is deceptively simple.

146. We have also to remember DK's analogical perspective. Nothing is simply one thing and one thing alone. Everything changes its identity when seen from a higher or lower perspective. What is an atom of one level of perception, can be as an electron at another.

147. In the involutionary process the negative electrons preponderate greatly and have to be balanced by a small number of

đó dường như là điều Chân sư DK đang làm trong phần này.

142. Tuy vậy, một hạt mang điện có khối lượng lớn hơn electron rất nhiều. Liệu chính các electron ấy (được tìm thấy trong các quỹ đạo hay lớp vỏ electron) có thể được xem là hoặc nữ tính hoặc nam tính, hoặc âm hoặc dương chăng? Tuy nhiên, có lẽ…

143. Chúng ta nên lưu ý rằng Chân sư DK dường như đang dùng các thuật ngữ "electron" và "nguyên tử" thay thế cho nhau. Ngài nói về "electron nữ tính" nhưng lại so sánh chúng với "nguyên tử dương", vốn rất khan hiếm trong giai đoạn giáng hạ tiến hoá. Chúng ta cũng có thể nhớ rằng Ngài thường dùng các thuật ngữ "nguyên tử" và "tế bào" thay thế cho nhau.

144. Cũng có thể đối với Chân sư DK, thuật ngữ "electron" không có nghĩa như trong khoa học hiện đại. "Electron nữ tính" có thể đơn giản là điều mà Ngài đã gọi là "nguyên tử âm"—những gì về bản chất là vật chất của hệ mặt trời trước.

145. Thực sự, điều chúng ta đang đọc là khá bất thường và khó tương quan với khoa học hiện đại. Nó đơn giản một cách đánh lừa.

146. Chúng ta cũng phải nhớ đến viễn cảnh tương đồng của Chân sư DK. Không có gì chỉ đơn giản là một thứ và chỉ một thứ mà thôi. Mọi thứ đều thay đổi bản sắc của nó khi được nhìn từ một viễn cảnh cao hơn hay thấp hơn. Điều là một nguyên tử ở một cấp độ tri giác có thể lại là một electron ở cấp độ khác.

147. Trong tiến trình giáng hạ tiến hoá, các electron âm chiếm ưu thế rất lớn và phải được cân bằng bởi một số nhỏ "nguyên tử

"positive atoms", otherwise the mass of atoms would not be kept coherent.

dương", nếu không khối nguyên tử sẽ không được giữ cho kết dính.

148. On the atomic level, it seems we have operative a kind of 'sub-microscopic polygamy'.

148. Ở cấp độ nguyên tử, dường như chúng ta có một loại 'đa phối ngẫu dưới vi mô' đang hoạt động.

149. VSK comments: "Interesting that the ratio is so heavy to the feminine. Whereas, for example, in the gonads the female produces very few eggs to the man's milliards of sperm."

149. VSK bình luận: "Thật thú vị khi tỷ lệ nghiêng quá nặng về phía nữ tính. Trong khi đó, chẳng hạn, ở tuyến sinh dục, con cái tạo ra rất ít trứng so với hàng tỷ tinh trùng của người nam."

150. VSK continues: "These ratios are much larger also than the ratios we have between devic and human lives."

150. VSK tiếp tục: "Những tỷ lệ này cũng lớn hơn rất nhiều so với các tỷ lệ giữa các sự sống thiên thần và sự sống con người."

151. VSK notes: "Note that it is only a rare positive atom that serves to keep the mass coherent."

151. VSK lưu ý: "Lưu ý rằng chỉ có một nguyên tử dương hiếm hoi mới giúp giữ cho khối ấy kết dính."

Evolution, wherein, due to the action of manas, these negative atoms become stimulated and either dissipate back into the central electrical reservoir, or merge in their opposite pole, and are consequently again lost.

Tiến hoá, trong đó, do tác động của manas, những nguyên tử âm này trở nên được kích thích và hoặc làm tiêu tan trở lại vào hồ chứa điện trung tâm, hoặc hòa nhập vào cực đối nghịch của chúng, và do đó lại bị mất đi.

152. VSK enquires: "Does manas only come into action during the phase of evolution?"

152. VSK hỏi: "Có phải manas chỉ đi vào hoạt động trong giai đoạn tiến hoá thôi sao?"

153. May it be said that manas is active throughout involution and evolution, but has a special stimulating, de-aggregating and etherealizing effect on the path of Evolution

153. Có thể nói rằng manas hoạt động xuyên suốt giáng hạ tiến hoá và tiến hoá, nhưng có một tác động kích thích, giải kết tập và dĩ thái hóa đặc biệt trên con đường Tiến hoá

154. VSK asks: "Why would negative atoms 'dissipate' or merge into the opposite pole, due to stimulation?"

154. VSK hỏi: "Vì sao các nguyên tử âm lại 'làm tiêu tan' hay hòa nhập vào cực đối nghịch do sự kích thích?"

155. May it be said, that from the redemptive angle, the negative atoms become more like positive atoms—more etheric in nature.

155. Có thể nói rằng, từ góc độ cứu chuộc, các nguyên tử âm trở nên giống các nguyên tử dương hơn—có bản chất dĩ thái hơn.

156. VSK comments: "Being 'lost' is of interest. At what point do 'atoms' attain their own identity and, therefore, cannot be 'lost'?"

156. VSK bình luận: "Việc bị 'mất đi' thật đáng chú ý. Ở điểm nào thì các 'nguyên tử' đạt được bản sắc riêng của chúng và do đó không thể bị 'mất đi'?"

157. There are two ways that an atom may be "lost", and these ways should be compared to the human level of functioning.

157. Có hai cách để một nguyên tử có thể bị "mất đi", và những cách này nên được so sánh với cấp độ hoạt động của con người.

a. Atoms may become stimulated and dissipated back into the central electrical reservoir

a. Các nguyên tử có thể trở nên được kích thích và làm tiêu tan trở lại vào hồ chứa điện trung tâm

b. Atoms may become stimulated and thus merge in their opposite pole.

b. Các nguyên tử có thể trở nên được kích thích và do đó hòa nhập vào cực đối nghịch của chúng.

158. I would think that the manasic stimulation (itself putably of a positive nature) may occultly alter the negative polarization of the "negative atoms" or "feminine electrons" (the two terms seem equivalent). Such an altered polarization may contribute to dissipation back into the reservoir. The atoms, in short, are becoming more like etheric atoms through a process of 'de-aggregation under stimulation'.

158. Tôi nghĩ rằng sự kích thích manas (bản thân nó được cho là có bản chất dương) có thể một cách huyền bí làm thay đổi sự phân cực âm của các "nguyên tử âm" hay "electron nữ tính" (hai thuật ngữ này dường như tương đương). Một sự phân cực đã thay đổi như thế có thể góp phần vào việc làm tiêu tan trở lại vào hồ chứa. Nói ngắn gọn, các nguyên tử đang trở nên giống các nguyên tử dĩ thái hơn thông qua một tiến trình 'giải kết tập dưới sự kích thích'.

159. Merging with an atom of opposite polarity would also cause a loss of distinctiveness. The Father and the Mother are, as it were, "lost" in the emerging Son. Does such a merging occur in relation to human units? And if it does occur, in what context does it occur? Within the Ashram?

159. Việc hòa nhập với một nguyên tử có cực tính đối nghịch cũng sẽ gây ra sự mất đi tính phân biệt. Người Cha và Người Mẹ, có thể nói như vậy, bị "mất đi" trong Người Con đang xuất hiện. Liệu sự hòa nhập như thế có xảy ra trong liên hệ với các đơn vị nhân loại không? Và nếu có, nó xảy ra trong ngữ cảnh nào? Trong ashram chăng?

160. The function of manas during involution is to produce a diversity of adaptable forms. During evolution, manas promotes the development of consciousness.

160. Chức năng của manas trong giáng hạ tiến hoá là tạo ra một sự đa dạng của các hình tướng có khả năng thích ứng. Trong tiến hoá, manas thúc đẩy sự phát triển của tâm thức.

161. Atoms, it would seem, have a limited duration in specificity. Their distinctiveness is easily lost in the general reservoir or atomic field, or in the merging process.

161. Dường như các nguyên tử có một thời hạn hữu hạn trong tính đặc thù. Tính phân biệt của chúng dễ dàng bị mất đi trong hồ chứa chung hay trường nguyên tử, hoặc trong tiến trình hòa nhập.

This results in:

Điều này dẫn đến:

Synthesis.

Tổng hợp.

Homogeneity.

Tính đồng nhất.

162. We seem to be speaking of the process of etherealization.

162. Dường như chúng ta đang nói về tiến trình dĩ thái hóa.

163. When faced with terms like “Synthesis” and “Homogeneity” we are reminded of the process of obscuration or absorption.

163. Khi đối diện với những thuật ngữ như “Tổng hợp” và “Tính đồng nhất”, chúng ta được nhắc nhớ đến tiến trình che mờ hay hấp thu.

164. The planets too, as they are absorbed in the obscuration process, become etherealized.

164. Các hành tinh cũng vậy, khi được hấp thu trong tiến trình che mờ, trở nên dĩ thái hóa.

The rarity instead of the density of matter.

Sự hiếm thay cho sự đậm đặc của vật chất.

165. As evolution proceeds, dense matter becomes less common.

165. Khi tiến hoá tiếp diễn, vật chất đậm đặc trở nên ít phổ biến hơn.

166. For instance, during the involutionary processes of a planetary globe, each successive globe (as the fourth globe is approached) has an increasing density of matter. Following the turn, as globes

166. Chẳng hạn, trong các tiến trình giáng hạ tiến hoá của một bầu hành tinh, mỗi bầu kế tiếp (khi bầu thứ tư được tiếp cận) có mật độ vật chất tăng dần. Sau bước ngoặt, khi các bầu kế tiếp sau bầu thứ tư được tiếp cận, mật độ vật chất giảm đi tương ứng.

successive to the fourth are approached, the density of matter lessens accordingly.

167. Even in relation to the fourth globe itself, there is an involutionary period when the preponderance of negative atoms (or negative or "feminine" electrons) is great, and a later period when this preponderance becomes greatly reduced.

168. On our present globe at this time, we are moving (however slowly) towards Synthesis and Homogeneity. Actually, we have turned towards obscuration, at least in relation to our globe. Other planetary schemes definitely possessed of physical globes are much father advanced in the obscuration process—Venus and Mercury.

The fourth cosmic ether, the buddhic, is the plane of air, and is also the plane of absorption for the three worlds.

169. Yes, we are speaking of absorption and of the merging (not only of the three densest systemic subplanes into the fourth ether, but) of the three lowest cosmic physical subplanes into the fourth cosmic ether, the buddhic plane.

170. This is another way of saying that mind becomes merged in transcendental mind; or that lower Saturn becomes merged in Jupiter.

171. DK is switching His perspective between the cosmic and systemic: the absorption of the three dense physical planes *systemically* considered, and the same type of absorption *cosmically* considered.

This rarefication of **dense matter** (as we know it) simply means that **at the close of**

167. Ngay cả trong liên hệ với chính bầu thứ tư, cũng có một giai đoạn giáng hạ tiến hoá khi sự áp đảo của các nguyên tử âm (hay các electron âm hoặc "nữ tính") là rất lớn, và một giai đoạn sau khi sự áp đảo này giảm đi rất nhiều.

168. Trên bầu hiện tại của chúng ta vào lúc này, chúng ta đang tiến tới (dù chậm chạp) Tổng hợp và Tính đồng nhất. Thực ra, chúng ta đã quay về phía sự che mờ, ít nhất là trong liên hệ với bầu của chúng ta. Những hệ hành tinh khác chắc chắn có các bầu hồng trần thì tiến xa hơn nhiều trong tiến trình che mờ—Sao Kim và Sao Thủy.

Dĩ thái vũ trụ thứ tư, cõi Bồ đề, là cõi của khí, và cũng là cõi hấp thu đối với ba cõi thấp.

169. Đúng vậy, chúng ta đang nói về sự hấp thu và về sự hòa nhập (không chỉ của ba cõi phụ hệ thống đậm đặc nhất vào dĩ thái thứ tư, mà còn) của ba cõi phụ hồng trần vũ trụ thấp nhất vào dĩ thái vũ trụ thứ tư, cõi Bồ đề.

170. Đây là một cách khác để nói rằng trí tuệ hòa nhập vào Trí Tuệ Siêu Việt; hay rằng Sao Thổ thấp hòa nhập vào Sao Mộc.

171. Chân sư DK đang chuyển đổi viễn cảnh của Ngài giữa vũ trụ và hệ thống: sự hấp thu của ba cõi hồng trần đậm đặc khi được xét theo nghĩa *hệ thống*, và cùng loại hấp thu ấy khi được xét theo nghĩa *vũ trụ*.

Sự làm loãng này của **vật chất đậm đặc** (như chúng ta biết) đơn giản có nghĩa là **vào lúc**

the evolutionary process it will have been transmuted and be practically, from our point of view, non-existent;

172. We are speaking of the "rarefaction of dense matter". Another way of describing this is the manasic stimulation of the negative atoms which, then, become dissipated back into the central electrical reservoir or merged in or with their opposite pole.

173. These thoughts are more in line with those of conventional occultism. The etherealization of matter will proceed with the evolution of our globe.

174. We see this going on in the human physical-etheric body when the stream of manas joins the united stream of prana-kundalini, and makes possible the beginning of the initiation process, which is really a process of transmutation and "rarefication".

175. The words "from our point of view" are interesting. DK may be speaking about the ability of man in the future to function in relation to the etheric plane in such a manner that the dense physical plane is barely noticed.

176. One should not overlook the many mutations of terms which have appeared in this section. DK is constantly hinting that that which modern science does not yet realize.

all that will be left will be the positive atoms, or certain vortices of force which—having absorbed the negative will demonstrate as **electrical phenomena of a form**

kết thúc tiến trình tiến hoá, nó sẽ được chuyển hoá và trên thực tế, từ quan điểm của chúng ta, sẽ không còn hiện hữu;

172. Chúng ta đang nói về "sự làm loãng của vật chất đậm đặc". Một cách khác để mô tả điều này là sự kích thích manas đối với các nguyên tử âm, rồi từ đó chúng bị làm tiêu tan trở lại vào hồ chứa điện trung tâm hoặc hòa nhập vào hay với cực đối nghịch của chúng.

173. Những tư tưởng này phù hợp hơn với những tư tưởng của huyền bí học thông thường. Sự dĩ thái hóa của vật chất sẽ tiếp diễn cùng với sự tiến hoá của bầu hành tinh chúng ta.

174. Chúng ta thấy điều này đang diễn ra trong thể dĩ thái-hồng trần của con người khi dòng manas hợp với dòng prana-kundalini đã hợp nhất, và làm cho sự khởi đầu của tiến trình điểm đạo trở nên khả hữu, vốn thực sự là một tiến trình chuyển hoá và "làm loãng".

175. Những từ "từ quan điểm của chúng ta" thật đáng chú ý. Chân sư DK có thể đang nói về khả năng của con người trong tương lai hoạt động trong liên hệ với cõi dĩ thái theo cách mà cõi hồng trần đậm đặc hầu như không được nhận thấy.

176. Không nên bỏ qua nhiều biến thể của các thuật ngữ đã xuất hiện trong phần này. Chân sư DK liên tục ám chỉ đến điều mà khoa học hiện đại chưa nhận ra.

tất cả những gì còn lại sẽ là các nguyên tử dương, hay một số xoáy lực nhất định mà—đã hấp thu cái âm sẽ biểu lộ như **những hiện tượng điện dưới một hình thức mà con**

inconceivable to man at his present stage of knowledge.

177. We are definitely speaking of the mysteries of electricity and there is nothing easy about what is being said.

178. Positive atoms (which are certain vortices of force—for that is what atoms are —will have absorbed the negative atoms.

179. A certain kind of electrical phenomenon will then be in demonstration, but we are not now capable of conceiving what it might be.

180. Let us review what we have been considering:

a. Negative atoms and positive atoms

b. Negative or feminine "electrons" and, therefore, probably (in contrast), positive or masculine electrons.

c. The possibility (increasingly remote) that we may be talking of charged particles or ions.

d. Involutionary and evolutionary stages of the great Evolutionary Process, and the changes of in the nature and preponderance of certain types of atoms and electrons during various phases of the process.

e. The production of dense matter (during involution) and the "rarefaction of dense matter" (during the later stages of the evolutionary process.

f. Processes accompanying absorption and obscuration.

người ở giai đoạn hiểu biết hiện nay không thể hình dung nổi.

177. Chúng ta chắc chắn đang nói về các huyền nhiệm của điện, và không có gì dễ dàng trong điều đang được nói ra.

178. Các nguyên tử dương (vốn là những xoáy lực nhất định—vì đó là bản chất của nguyên tử) sẽ hấp thu các nguyên tử âm.

179. Khi đó một loại hiện tượng điện nào đó sẽ được biểu lộ, nhưng hiện nay chúng ta chưa có khả năng hình dung nó có thể là gì.

180. Chúng ta hãy điểm lại điều mình đã xem xét:

a. Các nguyên tử âm và các nguyên tử dương

b. Các "electron" âm hay nữ tính và do đó, có lẽ (đối lập lại), các electron dương hay nam tính.

c. Khả năng (ngày càng xa vời) rằng chúng ta có thể đang nói về các hạt mang điện hay các ion.

d. Các giai đoạn giáng hạ tiến hoá và tiến hoá của Đại Tiến Trình Tiến Hoá, và những thay đổi trong bản chất cũng như sự áp đảo của một số loại nguyên tử và electron nhất định trong các giai đoạn khác nhau của tiến trình.

e. Sự tạo ra vật chất đậm đặc (trong giáng hạ tiến hoá) và "sự làm loãng vật chất đậm đặc" (trong các giai đoạn sau của tiến trình tiến hoá.

f. Các tiến trình đi kèm với sự hấp thu và che mờ.

181. VSK suggests that reviewing the chart on *TCF*, 56, may be helpful?

181. VSK gợi ý rằng việc xem lại biểu đồ trong *TCF*, 56, có thể hữu ích chăng?

182. VSK questions: "What could this electrical phenomena be?"

182. VSK đặt câu hỏi: "Hiện tượng điện này có thể là gì?"

183. VSK asks: "What becomes of the planes 'below' the *fourth* etheric at the close of evolution?

183. VSK hỏi: "Điều gì xảy ra với các cõi 'bên dưới' dĩ thái *thứ tư* vào lúc kết thúc tiến hoá?

184. May it be suggested that such planes are absorbed into the etheric planes through the process of transmuting dense physical atoms into etheric atoms.

184. Có thể gợi ý rằng những cõi như thế được hấp thu vào các cõi dĩ thái thông qua tiến trình chuyển hoá các nguyên tử hồng trần đậm đặc thành các nguyên tử dĩ thái.

185. In the following section we have a description of the activity of positive atoms as certain vortices of force.

185. Trong phần tiếp theo, chúng ta có một mô tả về hoạt động của các nguyên tử dương như những xoáy lực nhất định.

186. We remember that we are still in the midst of discussing various kinds of electrical phenomena.

186. Chúng ta nhớ rằng mình vẫn đang ở giữa cuộc thảo luận về nhiều loại hiện tượng điện khác nhau.

These vortices will be distinguished by:

Những xoáy này sẽ được phân biệt bởi:

1. Intense vibratory activity.

1. Hoạt động rung động mãnh liệt.

187. Will this be an *etheric* vibration? Surely as the absorption process continues, an intensification of vibration can be expected.

187. Đây có phải sẽ là một rung động *dĩ thái* không? Chắc chắn khi tiến trình hấp thu tiếp diễn, có thể chờ đợi một sự tăng cường rung động.

2. The predominance of one certain colour **according to the quality of the etheric display,** and its source.

2. Sự trội hơn của một màu sắc nhất định **tùy theo phẩm tính của biểu hiện dĩ thái,** và nguồn gốc của nó.

188. If we are speaking about the predominance of a certain colour according to the quality of the *etheric display*, we seem to be describing a point in the evolutionary

188. Nếu chúng ta đang nói về sự trội hơn của một màu sắc nhất định tùy theo phẩm tính của *biểu hiện dĩ thái*, thì dường như chúng ta đang mô tả một điểm trong tiến trình tiến hoá khi biểu hiện dĩ thái và rung

process when etheric display and etheric vibration are the main 'physical' vibrations.

189. We remember that in relation to the etheric planes, four colours are to be found: dark purple, violet, light violet, lavender/ heliotrope.

190. These are probably the colors to choose from in relation to the quality of etheric display.

These devas of the shadows are of a dark purple on the fourth etheric level, of a lighter purple, much the same colour as violet, on the third etheric level, a light violet on the second, whilst on the atomic subplane they are of a glorious translucent lavender. (*TCF* 912)

3. Repulsion to all bodies of similar vibratory rate and polarity. **Their attractive quality at the end of evolution will cease owing to the fact that naught remains to be attracted**.

191. We seem to be describing a time of de-aggregation and destruction of cohesion.

192. We see that one of the main theatres of attraction is that existing between the positive atoms (etheric) and the negative atoms of the dense physical planes.

193. We are speaking of two qualities as regards these positive force vortices:

a. Their repulsive quality

b. Their attractive quality.

động dĩ thái là những rung động 'hồng trần' chính.

189. Chúng ta nhớ rằng liên quan đến các cõi dĩ thái, có thể tìm thấy bốn màu: tím sẫm, tím, tím nhạt, oải hương/heliotrope.

190. Đây có lẽ là những màu cần chọn trong liên hệ với phẩm tính của biểu hiện dĩ thái.

Những thiên thần của bóng tối này có màu tím sẫm ở cấp độ dĩ thái thứ tư, màu tím nhạt hơn, gần như cùng màu với tím, ở cấp độ dĩ thái thứ ba, tím nhạt ở cấp độ thứ hai, trong khi ở cõi phụ nguyên tử chúng có màu oải hương trong suốt rực rỡ. (*TCF* 912)

3. Sự đẩy lùi đối với mọi thể có cùng nhịp độ rung động và cùng sự phân cực. **Phẩm tính hấp dẫn của chúng vào cuối tiến hoá sẽ chấm dứt do sự kiện là không còn gì để hấp dẫn nữa**.

191. Dường như chúng ta đang mô tả một thời kỳ tan rã kết tập và hủy diệt sự cố kết.

192. Chúng ta thấy rằng một trong những sân khấu chính của lực hấp dẫn là lực hiện hữu giữa các nguyên tử dương (dĩ thái) và các nguyên tử âm của các cõi hồng trần đậm đặc.

193. Chúng ta đang nói đến hai phẩm tính liên quan đến các xoáy mãnh lực dương này:

a. Phẩm tính đẩy lùi của chúng

b. Phẩm tính hấp dẫn của chúng.

194. We have been learning that negative atoms are absorbed within these positive force vortices by means of the power of attraction. It would seem that in the period under discussion, that absorption of the negative by the positive will have been completed.

194. Chúng ta đã học rằng các nguyên tử âm được hấp thụ vào trong các xoáy mãnh lực dương này nhờ quyền năng hấp dẫn. Có vẻ như trong thời kỳ đang được bàn đến, sự hấp thụ cái âm vào cái dương ấy sẽ đã hoàn tất.

195. We appear to be speaking of a time, not only *within* the evolutionary process, but at the *end* of the evolutionary process.

195. Dường như chúng ta đang nói về một thời điểm, không chỉ *trong* tiến trình tiến hoá, mà còn ở *cuối* tiến trình tiến hoá.

196. Again a reminder that atoms and vortices of force are identical. This we can see by a study of Babbitt's Atom.

196. Lại một lần nữa nhắc rằng các nguyên tử và các xoáy mãnh lực là đồng nhất. Điều này chúng ta có thể thấy qua việc nghiên cứu Nguyên Tử của Babbitt.

197. In attempting to understand this book, it is very necessary to learn which terms (though seemingly different) are equivalent.

197. Khi cố gắng thấu hiểu cuốn sách này, điều rất cần thiết là phải học xem những thuật ngữ nào (dù bề ngoài có vẻ khác nhau) lại tương đương nhau.

The vortices in each planetary scheme will be, during evolution, seven.

Các xoáy trong mỗi hệ hành tinh sẽ là bảy trong suốt tiến hoá.

198. We note how rapidly we switch between the human and planetary perspective. Before we were speaking of positive atomic vortices. Now we elevate the consideration to a number of different kinds of vortices (of varying scope) to be found within a planetary scheme.

198. Chúng ta lưu ý mình chuyển đổi nhanh thế nào giữa quan điểm nhân loại và quan điểm hành tinh. Trước đó chúng ta đang nói về các xoáy nguyên tử dương. Giờ đây chúng ta nâng sự xem xét lên một số loại xoáy khác nhau (với phạm vi khác nhau) được tìm thấy trong một hệ hành tinh.

199. The number seven is associated with the process of evolution.

199. Số bảy gắn liền với tiến trình tiến hoá.

200. If there are seven vortices within each planetary scheme, these vortices must be associated with the seven planetary chains, which, from the point of view we are considering, can probably also be seen as vortices of force.

200. Nếu có bảy xoáy trong mỗi hệ hành tinh, thì các xoáy này hẳn phải liên hệ với bảy dãy hành tinh, mà từ quan điểm chúng ta đang xét, có lẽ cũng có thể được xem là các xoáy mãnh lực.

201. One wonders whether there is any apparently tangible 'thing' which is not, really, a vortex of force.

201. Người ta tự hỏi liệu có bất kỳ 'vật' nào có vẻ hữu hình mà thực ra lại không phải là một xoáy mãnh lực hay không.

202. VSK suggests: "All schemes are septenates, but aren't some schemes complete in *five* rounds? Or fewer?"

202. VSK gợi ý: "Mọi hệ đều là các bộ bảy, nhưng chẳng phải một số hệ hoàn tất chỉ trong *năm* cuộc tuần hoàn sao? Hoặc ít hơn?"

203. DK has told us that the Venus process will be complete in five rounds and probably the same for the Mercury process.

203. Chân sư DK đã cho chúng ta biết rằng tiến trình của Sao Kim sẽ hoàn tất trong năm cuộc tuần hoàn và có lẽ tiến trình của Sao Thủy cũng vậy.

Later, during the period of obscuration, three of the vortices will approximate their masculine pole and eventually but one will be left.

Về sau, trong thời kỳ che khuất, ba trong các xoáy sẽ tiến gần cực nam tính của chúng và cuối cùng chỉ còn lại một.

204. We are simply talking about the process of absorption within a planetary scheme (probably an etheric phenomenon) but we are using other terms. We are speaking of vortices being absorbed in other vortices instead of chains being absorbed within other chains.

204. Chúng ta đơn giản đang nói về tiến trình hấp thụ trong một hệ hành tinh (có lẽ là một hiện tượng dĩ thái) nhưng lại dùng những thuật ngữ khác. Chúng ta đang nói về các xoáy được hấp thụ vào các xoáy khác thay vì các dãy được hấp thụ vào trong các dãy khác.

205. It would also be possible to consider planetary schemes as vortices, each of them destined for polar union.

205. Cũng có thể xem các hệ hành tinh như những xoáy, mỗi xoáy đều được định cho sự hợp nhất cực tính.

206. Within a planetary scheme there are apparently three feminine vortices, which three approximate their masculine pole (merging it would seem).

206. Trong một hệ hành tinh dường như có ba xoáy nữ tính, và cả ba xoáy này tiến gần cực nam tính của chúng (dường như là hòa nhập vào đó).

207. When DK says "but one will be left", He probably means, one vortex comprising all other vortices within a planetary scheme will remain. The word "eventually" gives the hint.

207. Khi Chân sư DK nói "nhưng chỉ còn lại một", có lẽ Ngài muốn nói rằng một xoáy bao gồm tất cả các xoáy khác trong một hệ hành tinh sẽ còn lại. Từ "cuối cùng" cho thấy gợi ý đó.

208. We are probably speaking of the absorption process as it relates to seven *major* vortices and not to all the possible vortices within a planetary scheme.

209. VSK suggests: "Much therefore must still be 'happening' during obscuration if the three approximate their pole and then only one is left after the obscuring period."

210. Having begun with the atom of matter, DK is now extending the analogy.

In man a similar procedure can be seen in connection with his [Page 323] seven centres during the process of initiation.

211. Initiation is a gradual, absorptive process.

First there are seven, then three absorb the lower four through electrical interaction.

212. We might consider that the 'Vortices of Aspect' absorb the 'Vortices of Attribute'.

213. The process of absorption or approximation is one of *electrical interplay.*

214. But is the process occurring with the planetary scheme really analogous to that which is occurring in relation to the absorption process in amongst the human chakras.

215. We re-read the following in relation to the absorption process within the planetary scheme:

Later, during the period of obscuration, three of the vortices will approximate their

208. Có lẽ chúng ta đang nói về tiến trình hấp thụ khi nó liên hệ đến bảy xoáy *chính* chứ không phải mọi xoáy có thể có trong một hệ hành tinh.

209. VSK gợi ý: "Vì vậy hẳn còn rất nhiều điều vẫn đang 'xảy ra' trong thời kỳ che khuất nếu ba xoáy tiến gần cực của chúng rồi sau đó chỉ còn một sau thời kỳ che khuất."

210. Bắt đầu với nguyên tử của vật chất, giờ đây Chân sư DK đang mở rộng phép loại suy.

Trong con người, một tiến trình tương tự có thể được thấy liên quan đến [Page 323] bảy trung tâm của y trong tiến trình điểm đạo.

211. Điểm đạo là một tiến trình hấp thụ dần dần.

Trước hết có bảy, rồi ba hấp thụ bốn thấp thông qua tương tác điện.

212. Chúng ta có thể xem rằng các 'Xoáy Trạng Thái' hấp thụ các 'Xoáy Thuộc Tính'.

213. Tiến trình hấp thụ hay tiến gần là một tiến trình của *sự tương tác điện.*

214. Nhưng liệu tiến trình đang xảy ra với hệ hành tinh có thật sự tương tự với tiến trình đang xảy ra liên quan đến sự hấp thụ giữa các luân xa của con người hay không.

215. Chúng ta đọc lại điều sau đây liên quan đến tiến trình hấp thụ trong hệ hành tinh:

masculine pole and eventually but one will be left.

Về sau, trong thời kỳ che khuất, ba trong các xoáy sẽ tiến gần cực nam tính của chúng và cuối cùng chỉ còn lại một.

216. Does this sound the same as:

216. Điều này có giống như:

First there are seven, then three absorb the lower four through electrical interaction.

Trước hết có bảy, rồi ba hấp thụ bốn thấp thông qua tương tác điện.

217. There are problems in trying to conceive them as truly parallel processes.

217. Có những khó khăn khi cố hình dung chúng như những tiến trình thật sự song song.

218. It could be if the one that was "left" was one of the lower four, three of which approximated their masculine pole. But there are problems with this schema.

218. Điều đó có thể đúng nếu cái "còn lại" là một trong bốn thấp, trong đó ba cái tiến gần cực nam tính của chúng. Nhưng có những vấn đề với sơ đồ này.

219. There are a number of different ways of conceiving the absorption process amongst the seven:

219. Có một số cách khác nhau để hình dung tiến trình hấp thụ giữa bảy trung tâm:

220. Let us number the chakras. in the following way:

220. Chúng ta hãy đánh số các luân xa theo cách sau:

a. Base of the spine center = 1

a. Trung tâm đáy cột sống = 1

b. Sacral center = 2

b. Trung tâm xương cùng = 2

c. Solar plexus center = 3

c. Trung tâm tùng thái dương = 3

d. Heart center = 4

d. Trung tâm tim = 4

e. Throat center = 5

e. Trung tâm cổ họng = 5

f. Ajna center = 6

f. Trung tâm ajna = 6

g. Head center = 7

g. Trung tâm đầu = 7

221. In relation to the following, variations are possible depending upon *what* is being

221. Liên quan đến điều sau đây, có thể có những biến thể tùy thuộc vào *điều gì* đang

absorbed: human chakras, planes, planets, solar systems—*and* we do not know the intricacies of these absorption patterns.

222. The stages offered below are hypothetical. It is hard to distinguish between the throat center and the heart center in terms of their *primacy*—for the heart is primary to the throat, yet the throat has sixteen petals and the heart center only twelve. And the question arises, if the heart is primary to the throat center, then why is it 'lower' on the ladder of ascending chakras than the throat center?

223. Notice that the spleen as a minor center is left out of the process (though it is often represented along with the major centers). It is probable that the minor centers have their own method of absorption, and that, chiefly, they are absorbed into the major chakra that rules the part of the etheric body where they are found.

Absorption Tabulation 1

	Hypothetical Chakric Absorption Process 1	Hypothetical Chakric Absorption Process 2
Stage 1	2 → 5. = 2/5	2 → 5. = 2/5
Stage 2	3 → 4. = 4/3	3 → 4. = 4/3
Stage 3	2/5 → 6	2/5 → 4/3. = 2/5/4/3
Stage 4	4/3 → 6	2/5/4/3 → 6
Stage 5	1 → 6	1 → 6
Stage 6	6 → 7	6 → 7

được hấp thụ: các luân xa của con người, các cõi, các hành tinh, các hệ mặt trời—*và* chúng ta không biết những phức tạp tinh vi của các mô hình hấp thụ này.

222. Những giai đoạn được nêu dưới đây chỉ là giả thuyết. Thật khó phân biệt giữa trung tâm cổ họng và trung tâm tim xét theo *tính ưu trội*—vì tim ưu trội hơn cổ họng, nhưng cổ họng có mười sáu cánh hoa còn trung tâm tim chỉ có mười hai. Và câu hỏi nảy sinh là, nếu tim ưu trội hơn trung tâm cổ họng, thì tại sao nó lại 'thấp hơn' trên chiếc thang các luân xa đi lên so với trung tâm cổ họng?

223. Lưu ý rằng lá lách như một trung tâm phụ bị bỏ ra ngoài tiến trình này (dù nó thường được trình bày cùng với các trung tâm chính). Có lẽ các trung tâm phụ có phương pháp hấp thụ riêng của chúng, và chủ yếu chúng được hấp thụ vào luân xa chính cai quản phần thể dĩ thái nơi chúng được tìm thấy.

Bảng Hấp Thụ 1

	Hypothetical Chakric Absorption Process 1	Hypothetical Chakric Absorption Process 2
Stage 1	2 → 5. = 2/5	2 → 5. = 2/5
Stage 2	3 → 4. = 4/3	3 → 4. = 4/3
Stage 3	2/5 → 6	2/5 → 4/3. = 2/5/4/3
Stage 4	4/3 → 6	2/5/4/3 → 6
Stage 5	1 → 6	1 → 6
Stage 6	6 → 7	6 → 7

224. Note in Process 1, we reserve the absorption of the base of the spine center until near the last, because the base of the spine center is focal during the *fifth* initiation.

224. Lưu ý trong Tiến trình 1, chúng ta để việc hấp thụ trung tâm đáy cột sống đến gần cuối, vì trung tâm đáy cột sống là tiêu điểm trong lần điểm đạo thứ *năm*.

225. The ajna center is also considered a kind of higher heart and higher throat.

225. Trung tâm ajna cũng được xem như một loại tim cao hơn và cổ họng cao hơn.

226. Further, the ajna center must remain until very near the end of the process, because it is from the ajna center that the final rising of kundalini is directed. The 'director', therefore, must not disappear before that which is directed.

226. Hơn nữa, trung tâm ajna phải còn lại cho đến rất gần cuối tiến trình, vì chính từ trung tâm ajna mà sự dâng lên cuối cùng của kundalini được điều khiển. Vì vậy, 'đấng điều khiển' không được biến mất trước cái được điều khiển.

227. In Process 2, instead of bringing the throat/sacral directly to the ajna center, we bring it to the heart/solar plexus first and then this combination centered in the heart center to the ajna center. Whether or not this is feasible can perhaps be clarified if one considers what we are told of the planets and their manner of absorption.

227. Trong Tiến trình 2, thay vì đưa cổ họng/xương cùng trực tiếp đến trung tâm ajna, chúng ta đưa nó đến tim/tùng thái dương trước rồi sau đó đưa tổ hợp này, được tập trung trong trung tâm tim, đến trung tâm ajna. Điều này có khả thi hay không có lẽ có thể được làm sáng tỏ nếu người ta xem xét điều chúng ta được cho biết về các hành tinh và cách thức hấp thụ của chúng.

228. Now we will look at absorptive process in relation to the planets, which is much more intricate, as there are more of them than seven.

228. Giờ đây chúng ta sẽ xem xét tiến trình hấp thụ liên hệ với các hành tinh, vốn phức tạp hơn nhiều, vì có nhiều hơn bảy hành tinh.

229. The difficulty we will face and which will not be immediately resolved is that the methods of absorption which have been described in relation to the planets may not, at first, seem to accord with the probable absorption patterns for the chakras. As all planets are chakras, this is problematic.

229. Khó khăn mà chúng ta sẽ đối diện và sẽ không được giải quyết ngay là các phương pháp hấp thụ đã được mô tả liên quan đến các hành tinh thoạt đầu có thể không phù hợp với các mô hình hấp thụ có thể có của các luân xa. Vì mọi hành tinh đều là các luân xa, điều này là một vấn đề.

230. What is proposed blow does not entertain two possibilities:

230. Điều được đề xuất dưới đây không xét đến hai khả năng:

a. That there are three planetary triangles in relation to every chakric position within the Solar Logos.

a. Rằng có ba tam giác hành tinh liên hệ với mỗi vị trí luân xa trong Thái dương Thượng đế.

b. That Earth is the base of the spine center for the Solar Logos. I believe it *will* be, but is not yet, as it is not yet function through its first ray Monad.

b. Rằng Trái Đất là trung tâm đáy cột sống của Thái dương Thượng đế. Tôi tin rằng nó *sẽ* là như vậy, nhưng chưa phải bây giờ, vì nó chưa vận hành qua chân thần cung một của nó.

231. The attempt is merely to lay out some possibilities over which the group mind may ponder in the attempt to produce greater clarity. It would be presumptuous to imagine that the correct pattern could here be ascertained.

231. Nỗ lực này chỉ đơn thuần là trình bày một số khả năng để tâm trí nhóm có thể suy ngẫm nhằm tạo ra sự sáng tỏ lớn hơn. Sẽ là quá tự phụ nếu tưởng rằng mô hình đúng có thể được xác định ở đây.

232. The planetary chakra assignments will be somewhat as follows (disregarding the various ways that different planets—sometimes quite a number of them—can all be assigned to the same chakra):

232. Việc quy gán luân xa hành tinh sẽ phần nào như sau (bỏ qua những cách khác nhau mà các hành tinh khác nhau—đôi khi khá nhiều hành tinh—đều có thể được quy vào cùng một luân xa):

a. Base of the spine center = Pluto

a. Trung tâm đáy cột sống = Sao Diêm Vương

b. Base of spine center, splenic center, solar logoic mental unit = Earth

b. Trung tâm đáy cột sống, trung tâm lá lách, đơn vị hạ trí thái dương logoic = Trái Đất

c. Sacral center = Mars

c. Trung tâm xương cùng = Sao Hỏa

d. Solar plexus center and solar logoic astral permanent atom = Venus

d. Trung tâm tùng thái dương và nguyên tử trường tồn cảm dục thái dương logoic = Sao Kim

e. Heart center = Jupiter

e. Trung tâm tim = Sao Mộc

f. Throat center and solar logoic physical permanent atom = Saturn

f. Trung tâm cổ họng và nguyên tử trường tồn hồng trần thái dương logoic = Sao Thổ

g. Ajna center = Mercury, and Neptune to a degree, as a synthesizing planet will be needed there.

h. Seven head centers = Vulcan

i. Crown center = Uranus; it may also serve in relation to the base of the spine center.

j. Heart within the Head = Neptune (and Vulcan by association with the "Heart of the Sun")

233. When considering these possible patterns of absorption, it may be profitable to consider the three synthesizing planets as *all* incorporated within the highest head center. This would mean that essentially, the highest head center would be tri-partite, with Saturn, Neptune and Uranus *all* having a part to play within it.

234. The order of absorption must be held loosely as much absorption is not strictly sequential but simultaneous. Of course, the sacral and solar plexus centers being their upward movement before the base of the spine center completes its upward movement.

Absorption Tabulation 2

g. Trung tâm ajna = Sao Thủy, và Sao Hải Vương ở một mức độ nào đó, vì ở đó sẽ cần một hành tinh tổng hợp.

h. Bảy trung tâm đầu = Vulcan

i. Trung tâm vương miện = Sao Thiên Vương; nó cũng có thể phụng sự liên hệ với trung tâm đáy cột sống.

j. Tim trong Đầu = Sao Hải Vương (và Vulcan do liên hệ với "Trái Tim của Mặt Trời")

233. Khi xem xét các mô hình hấp thụ khả dĩ này, có lẽ sẽ hữu ích nếu xem ba hành tinh tổng hợp như *đều* được bao gồm trong trung tâm đầu cao nhất. Điều này có nghĩa là về bản chất, trung tâm đầu cao nhất sẽ có tính tam phân, với Sao Thổ, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương *đều* có một vai trò trong đó.

234. Trật tự hấp thụ phải được giữ một cách linh hoạt vì nhiều sự hấp thụ không hoàn toàn tuần tự mà đồng thời. Dĩ nhiên, các trung tâm xương cùng và tùng thái dương bắt đầu chuyển động đi lên của chúng trước khi trung tâm đáy cột sống hoàn tất chuyển động đi lên của nó.

Bảng Hấp Thụ 2

→	Hypothetical Planetary Absorption Process 1	Hypothetical Planetary Absorption Process 2	Hypothetical Planetary Absorption Process 3	Hypothetical Planetary Absorption Process 4
	Following, to a degree, the Chakric Absorption Pattern 1. Above	Following what is given or may be inferred re Planetary Absorption	Following what is given re Planetary Absorption	Regarding Saturn as the Final Absorber of the Brahmic Seven and Necessitating a Planet other than

		(Ignoring many Chakra Dynamics)	(Ignoring many Chakra Dynamics)	Pluto for the Final Representative of the Base of in its Last Degree of Activation
Stage 1	Mars → Saturn	Mars → Earth	Mars → Earth	Pluto → Mars
Stage 2	Venus → Jupiter	Earth/Mars → Saturn	Mars/Earth → Saturn	Mars/Pluto → Earth
Stage 3	Saturn/ Mars → Neptune (as ajna)	Venus → Neptune	Venus → Neptune	Earth/Mars/ Pluto → Venus
Stage 4	Jupiter/ Venus → Neptune (as ajna)	Jupiter → Saturn	Jupiter → Neptune	Venus/Earth/Mars/ Pluto → Jupiter
Stage 5	Mercury → Neptune	Saturn → Neptune	Pluto → Mercury	Mercury → Vulcan or Vulcan → Mercury
Stage 6	Neptune/Mercury/ Jupiter/Venus/Saturn Mars (combining ajna and seven head centers) merge	Pluto → Mercury	Mercury → Uranus	Jupiter/Venus/Earth/ Mars/Pluto → Saturn
Stage 7	Pluto → Neptune/ Mercury/Jupiter/ Venus/Saturn Mars	Mercury/ Pluto → Vulcan	Vulcan → Saturn or Uranus	Mercury/ Vulcan → Saturn Note that all six subsidiary Brahmic planets are now resolved into Saturn (a process for which certain references call)
Stage 8	Neptune/Mercury/ Jupiter/Venus/Saturn Mars/Pluto → Uranus	Neptune/Saturn/ Venus → Uranus	Saturn → Neptune (third aspect into second)	Saturn/Mercury/ Vulcan/Jupiter/ Earth/Mars/ Pluto → Neptune or Uranus
Stage 9	Uranus → Sun	Vulcan/Mercury/ Pluto → Uranus	Neptune → Uranus (or Uranus → Neptune	Neptune → Uranus or Uranus → Neptune

	(see commentary below)	
Stage 10	Uranus → Sun or Neptune → Sun	Uranus/ Neptune → Sun or Neptune/ Uranus → Sun

235. These four processes (and perhaps there are more that are reasonable) are all to be pondered carefully. Perhaps the intuition will resolve the problems with each of them which pondering will reveal.

235. Cả bốn tiến trình này (và có lẽ còn những tiến trình hợp lý khác) đều cần được suy ngẫm cẩn thận. Có lẽ trực giác sẽ giải quyết những vấn đề của từng tiến trình mà sự suy ngẫm sẽ làm lộ ra.

236. When contemplating the possible absorption processes, the mind is overcome with reasonable possibility, every one of which seems to contradict an indication from the Teaching. Having laid out what I consider to be some possible modes of process (remember that much of the process is occurring simultaneously) I would simply recommend brooding over it all, accompanied by intelligent discussion.

236. Khi chiêm ngưỡng các tiến trình hấp thụ khả dĩ, trí tuệ bị choáng ngợp bởi những khả năng hợp lý, mỗi khả năng dường như đều mâu thuẫn với một chỉ dẫn nào đó từ Giáo Huấn. Sau khi trình bày điều tôi xem là một số phương thức tiến trình có thể có (hãy nhớ rằng phần lớn tiến trình đang xảy ra đồng thời), tôi chỉ đơn giản khuyên nên suy tư sâu về toàn bộ điều này, đi kèm với thảo luận thông minh.

237. Process 1. is unconventional, and follows a rational chakra absorption process, but ignores much of what is said about how planets are absorbed.

237. Tiến trình 1. là không theo quy ước, và tuân theo một tiến trình hấp thụ luân xa hợp lý, nhưng bỏ qua nhiều điều đã được nói về cách các hành tinh được hấp thụ.

238. One of the key issues could be named ‘The Problem of Multiple Absorption’: when DK tells us, for instance, that Venus is absorbed into Neptune, does He mean that…

238. Một trong những vấn đề then chốt có thể được gọi là ‘Vấn Đề Hấp Thụ Đa Trùng’: chẳng hạn, khi Chân sư DK cho chúng ta biết rằng Sao Kim được hấp thụ vào Sao Hải Vương, thì Ngài có ý rằng…

a. Venus is the only planet absorbed into Neptune?

a. Sao Kim là hành tinh duy nhất được hấp thụ vào Sao Hải Vương?

b. Or that Venus is absorbed into Neptune by itself?

b. Hay Sao Kim được hấp thụ vào Sao Hải Vương một mình?

c. Or that Venus, *in an already absorbed state,* may then be absorbed by Neptune. For instance, if Venus is absorbed by Jupiter and Jupiter is then absorbed by Neptune, it could be said that Venus is absorbed by Neptune.

c. Hay Sao Kim, *trong một trạng thái đã được hấp thụ rồi,* sau đó có thể được Sao Hải Vương hấp thụ. Chẳng hạn, nếu Sao Kim được Sao Mộc hấp thụ rồi Sao Mộc lại được Sao Hải Vương hấp thụ, thì có thể nói rằng Sao Kim được Sao Hải Vương hấp thụ.

d. This idea can be generalized to other planets. The matter is exceedingly intricate from the human perspective.

d. Ý tưởng này có thể được khái quát hóa cho các hành tinh khác. Vấn đề này cực kỳ phức tạp từ quan điểm con người.

239. We leave Uranus (representing the head center) as the Final Absorber. There is a reference, however, that suggests that Saturn may be the Final Absorber. Perhaps this has to be interpreted with respect to the cosmic physical plane only, as the absorption process may well continue on the cosmic astral plane and the cosmic mental plane.

239. Chúng ta để Sao Thiên Vương (đại diện cho trung tâm đầu) là Đấng Hấp Thụ Cuối Cùng. Tuy nhiên, có một dẫn chiếu gợi ý rằng Sao Thổ có thể là Đấng Hấp Thụ Cuối Cùng. Có lẽ điều này phải được diễn giải chỉ liên hệ với cõi hồng trần vũ trụ, vì tiến trình hấp thụ rất có thể còn tiếp tục trên cõi cảm dục vũ trụ và cõi trí vũ trụ.

“The Saturn scheme is esoterically regarded as having absorbed the `frictional fires' of solar space.” (*TCF* 1154.)

“Hệ Sao Thổ được xem một cách huyền bí là đã hấp thụ các ‘lửa ma sát’ của không gian thái dương.” (*TCF* 1154.)

"Saturn is the synthesising scheme for the four planets which embody manas pure and simple and is the major resolution for the minor four and eventually for all The Seven." (*TCF* 370.)

"Sao Thổ là hệ tổng hợp cho bốn hành tinh thể hiện manas thuần túy và đơn giản, và là sự phân giải chính cho bốn hành tinh nhỏ hơn và cuối cùng cho toàn bộ Bảy.” (*TCF* 370.)

240. So much here depends upon what is meant by “The Seven”. Probably, this does not refer to only the sacred planets, but especially to the *seven* which do not include Neptune and Uranus.

240. Rất nhiều điều ở đây tùy thuộc vào ý nghĩa của “Bảy”. Có lẽ điều này không chỉ nói đến các hành tinh thiêng liêng, mà đặc biệt là *bảy* hành tinh không bao gồm Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương.

241. It may also be possible that in a second ray solar system, Neptune would be the Final Absorber. At the head of the Kabbalistic Tree of Life, Neptune is often place in the role of Kether—“The Crown”. This hints at the primacy of Neptune, which is problematic,

241. Cũng có thể trong một hệ mặt trời cung hai, Sao Hải Vương sẽ là Đấng Hấp Thụ Cuối Cùng. Ở đỉnh của Cây Sự Sống Kabbalah, Sao Hải Vương thường được đặt vào vai trò Kether—“Vương Miện”. Điều này gợi ý tính ưu trội của Sao Hải Vương, điều này lại gây

because it is said not even to be a true member of our solar system.

vấn đề, vì người ta nói rằng nó thậm chí không phải là một thành viên thực sự của hệ mặt trời chúng ta.

242. Naturally, these absorption patterns can be extrapolated to relate to systems of Solar Logoi and systems of Cosmic Logoi.

242. Một cách tự nhiên, các mô hình hấp thụ này có thể được ngoại suy để liên hệ với các hệ của các Thái dương Thượng đế và các hệ của các Thượng đế Vũ Trụ.

243. On another note, we are clear, at least, that 'vorticular absorption' or chakric absorption is "electrical interaction". This we must remember.

243. Ở một phương diện khác, ít nhất chúng ta rõ rằng 'sự hấp thụ xoáy tính' hay sự hấp thụ luân xa là "tương tác điện". Điều này chúng ta phải ghi nhớ.

We are here viewing the subject wholly from the point of view of our present discussion.

Ở đây chúng ta đang nhìn chủ đề hoàn toàn từ quan điểm của cuộc thảo luận hiện tại.

244. This is clear. The process of absorption is being presented in terms more related to energy/force.

244. Điều này rõ ràng. Tiến trình hấp thụ đang được trình bày bằng những thuật ngữ liên hệ nhiều hơn đến năng lượng/mãnh lực.

Finally, only the head centre is left, for it is the positive pole to all the others.

Cuối cùng, chỉ còn lại trung tâm đầu, vì nó là cực dương đối với tất cả các trung tâm khác.

245. The major chakra of all remains—no matter what the system we may be considering.

245. Luân xa chính của tất cả vẫn còn lại—bất kể hệ nào mà chúng ta có thể đang xem xét.

246. As stated:

246. Như đã nói:

a. There is justification for considering the monadically ray one planet, Uranus as the major representative of the head center

a. Có cơ sở để xem hành tinh chân thần cung một, Sao Thiên Vương, là đại diện chính của trung tâm đầu

b. There is justification for considering the monadically ray two planet, Neptune, as the major representative of the head center (since we are in a ray two solar system.

b. Có cơ sở để xem hành tinh chân thần cung hai, Sao Hải Vương, là đại diện chính của trung tâm đầu (vì chúng ta đang ở trong một hệ mặt trời cung hai.

c. There is justification for considering that all the three synthesizing planets will be

c. Có cơ sở để xem rằng cả ba hành tinh tổng hợp sẽ liên hệ mật thiết với trung tâm đầu cao nhất.

intimately related to the highest head center.

247. Here is yet another proposed system of absorption described below

248. There are three synthesizing vortices in every such system of seven. Two of the synthesizing vortices (not the main synthesizing vortex) each absorb two of the lesser vortices. The four lesser vortices approximate, leaving two lesser vortices. Each of these two approximates with one of the synthesizing vortices. The two lesser synthesizing vortices that, between them, have absorbed the lower four vortices, now approximate, leaving one vortex to be absorbed by the major positive pole—the major synthesizing vortex. The schema below should help simplify:

Additional Absorption Pattern 1

[table 11]

→

Stage 1

Stage 2

Stage 3

Stage 4

Stage 5

Stage 6

Stage 7

247. Đây là một hệ hấp thụ được đề xuất khác nữa được mô tả dưới đây

248. Có ba xoáy tổng hợp trong mỗi hệ bảy như vậy. Hai trong các xoáy tổng hợp (không phải xoáy tổng hợp chính) mỗi xoáy hấp thụ hai xoáy nhỏ hơn. Bốn xoáy nhỏ hơn tiến gần, để lại hai xoáy nhỏ hơn. Mỗi xoáy trong hai xoáy này tiến gần với một trong các xoáy tổng hợp. Hai xoáy tổng hợp nhỏ hơn, giữa chúng đã hấp thụ bốn xoáy thấp hơn, giờ đây tiến gần nhau, để lại một xoáy sẽ được hấp thụ bởi cực dương chính—xoáy tổng hợp chính. Sơ đồ dưới đây sẽ giúp đơn giản hóa:

Mô Hình Hấp Thụ Bổ Sung 1

→

Giai đoạn 1

Giai đoạn 2

Giai đoạn 3

Giai đoạn 4

Giai đoạn 5

Giai đoạn 6

Giai đoạn 7

Stage 8

249. The seven vortices are the *sacred* seven. There are non-sacred vortices which must be absorbed before the sacred seven can engaged in the absorption process. In Absorption Table 2. I have suggested some possible patterns.

250. Here is another absorption pattern very much like the one just presented but with a few differences:

Additional Absorption Pattern 2

[table 12]

→

Stage 1

Stage 2

Stage 3

Stage 4

Stage 5

Stage 6

Stage 7

Stage 8

251. Here is yet another Absorption Pattern (let us call it "Additional Absorption Pattern 3) based upon Planes. It is the most straightforward of all and needs no diagram.

Giai đoạn 8

249. Bảy xoáy là bảy xoáy *thiêng liêng*. Có những xoáy không thiêng liêng phải được hấp thụ trước khi bảy xoáy thiêng liêng có thể tham gia vào tiến trình hấp thụ. Trong Bảng Hấp Thụ 2. tôi đã gợi ý một số mô hình có thể có.

250. Đây là một mô hình hấp thụ khác rất giống mô hình vừa trình bày nhưng có một vài khác biệt:

Mô Hình Hấp Thụ Bổ Sung 2

→

Giai đoạn 1

Giai đoạn 2

Giai đoạn 3

Giai đoạn 4

Giai đoạn 5

Giai đoạn 6

Giai đoạn 7

Giai đoạn 8

251. Đây là một Mô Hình Hấp Thụ khác nữa (chúng ta hãy gọi nó là "Mô Hình Hấp Thụ Bổ Sung 3") dựa trên các Cõi. Đây là mô hình trực tiếp nhất trong tất cả và không cần sơ đồ.

a. Plane 6. absorbs plane 7

b. Plane 5. absorbs plane 6

c. Plane 4. absorbs plane 5

d. Plane 3. absorbs plane 4

e. Plane 2. absorbs plane 3

f. Finally, plane 1. absorbs plane 2

g. Only the atomic plane thus remains

252. VSK queries: “The crown centre, or the dual head centre?”

253. May it be suggested that we seem to be speaking of the thousand petalled lotus which includes the major twelve head center petals and is thus a “dual head centre”. DK also discussed the “two many petalled lotuses” (*TCF* 170) and these are the ajna center and the dual head center.

254. All these absorption patterns have some merit and are based either on logic or on that which DK has given. NINE have been presented in all touching on…

a. Absorption patterns based entirely on known or inferred inter-chakric dynamics

b. Absorption patterns based on known or inferred interplanetary dynamics

c. Absorption patterns based on a combination of known or inferred inter-chakric and interplanetary dynamics

a. Cõi 6. hấp thụ cõi 7

b. Cõi 5. hấp thụ cõi 6

c. Cõi 4. hấp thụ cõi 5

d. Cõi 3. hấp thụ cõi 4

e. Cõi 2. hấp thụ cõi 3

f. Cuối cùng, cõi 1. hấp thụ cõi 2

g. Vì vậy chỉ còn lại cõi nguyên tử

252. VSK hỏi: “Trung tâm vương miện, hay trung tâm đầu kép?”

253. Có thể gợi ý rằng dường như chúng ta đang nói về hoa sen ngàn cánh bao gồm mười hai cánh hoa chính của trung tâm đầu và vì vậy là một “trung tâm đầu kép”. Chân sư DK cũng đã bàn về “hai hoa sen nhiều cánh” (*TCF* 170) và đó là trung tâm ajna và trung tâm đầu kép.

254. Tất cả các mô hình hấp thụ này đều có một số giá trị và dựa hoặc trên logic hoặc trên điều Chân sư DK đã đưa ra. Tổng cộng đã trình bày CHÍN mô hình, chạm đến…

a. Các mô hình hấp thụ hoàn toàn dựa trên động lực liên-luân xa đã biết hoặc được suy ra

b. Các mô hình hấp thụ dựa trên động lực liên-hành tinh đã biết hoặc được suy ra

c. Các mô hình hấp thụ dựa trên sự kết hợp của động lực liên-luân xa và liên-hành tinh đã biết hoặc được suy ra

d. An absorption pattern relating to the seven planes and their 'telescopic retraction', each into a higher.

d. Một mô hình hấp thụ liên hệ với bảy cõi và sự 'co rút kiểu viễn vọng' của chúng, mỗi cõi vào một cõi cao hơn.

255. After this somewhat lengthy but related digression, we remind ourselves of the originating subject.

255. Sau sự lạc đề hơi dài nhưng có liên hệ này, chúng ta nhắc mình về chủ đề khởi nguyên.

This question of the electrical polarity of the centres is one of real difficulty, and little can be communicated on the matter.

Vấn đề về cực tính điện của các trung tâm này thật sự rất khó, và rất ít điều có thể được truyền đạt về vấn đề ấy.

256. It must be obvious that we are dealing with a veiled subject. To say too much about it would be to reveal the electrical polarities not only of our atoms of matter/substance, but the polarities of the planets and the stars. Too much knowledge would be at our disposal (though in our present state of ignorance, we might not realize how this would be the case).

256. Hẳn phải rõ ràng rằng chúng ta đang xử lý một chủ đề được che giấu. Nói quá nhiều về nó sẽ là tiết lộ các cực tính điện không chỉ của các nguyên tử vật chất/chất liệu của chúng ta, mà còn các cực tính của các hành tinh và các ngôi sao. Quá nhiều tri thức sẽ nằm trong tầm tay chúng ta (dù trong tình trạng vô minh hiện nay, có thể chúng ta không nhận ra tại sao lại như vậy).

It may be **safely** pointed out, however, that the generative organs are the negative pole to the throat centre as is the solar plexus to the heart.

Tuy nhiên, có thể **an toàn** chỉ ra rằng các cơ quan sinh sản là cực âm đối với trung tâm cổ họng cũng như tùng thái dương là cực âm đối với tim.

257. This is a straightforward thought and upon it we based some of the suggested absorption patterns above. The positive pole absorbs the energy of the negative pole. Such a simple process will be useful to bear in mind as we attempt to decipher the kind of veiled material we have been studying.

257. Đây là một tư tưởng trực tiếp và trên đó chúng ta đã xây dựng một số mô hình hấp thụ được gợi ý ở trên. Cực dương hấp thụ năng lượng của cực âm. Một tiến trình đơn giản như thế sẽ hữu ích để ghi nhớ khi chúng ta cố giải mã loại tài liệu che giấu mà chúng ta đã nghiên cứu.

258. We note that DK mentions here the "generative organs" (an obviously physical reference) and not the sacral center.

258. Chúng ta lưu ý rằng ở đây Chân sư DK nhắc đến "các cơ quan sinh sản" (một quy chiếu rõ ràng về thể xác) chứ không phải trung tâm xương cùng.

The order of the development of the centres, the ray-type and colour, coupled to the fact

Trật tự phát triển của các trung tâm, loại cung và màu sắc, kết hợp với sự kiện rằng

that during certain stages of the evolutionary process different centres (such as the base of the spine) are positive to all the others, not even excluding the head centre, leads to the vast complexity of the subject.

trong những giai đoạn nhất định của tiến trình tiến hoá, các trung tâm khác nhau (như đáy cột sống) là cực dương đối với tất cả các trung tâm khác, thậm chí không loại trừ cả trung tâm đầu, dẫn đến tính phức tạp to lớn của chủ đề này.

259. DK is notifying us of the difficulty of the subject. Here are some points of difficulty which we should register:

259. Chân sư DK đang báo cho chúng ta về sự khó khăn của chủ đề này. Đây là một số điểm khó mà chúng ta nên ghi nhận:

a. The order of the development of the centres

a. Trật tự phát triển của các trung tâm

b. The ray type of the centers

b. Loại cung của các trung tâm

c. The colour of the centres

c. Màu sắc của các trung tâm

d. The change in the polarity of different centers (such as the base of the spine center) at certain points in the evolutionary process

d. Sự thay đổi cực tính của các trung tâm khác nhau (như trung tâm đáy cột sống) tại những điểm nhất định trong tiến trình tiến hoá

260. It is not just complexity that we are dealing with but “vast” complexity.

260. Điều chúng ta đang xử lý không chỉ là sự phức tạp mà là sự phức tạp “to lớn”.

261. We are dealing with the full development of a ‘solar system’—whether that solar system is within man, within the Planetary Logos or actually within the ring-pass-not of the Solar Logos. In the tiny atomic worlds ‘solar systems’ also develop.

261. Chúng ta đang xử lý sự phát triển trọn vẹn của một ‘hệ mặt trời’—dù hệ mặt trời đó ở trong con người, trong Hành Tinh Thượng Đế hay thực sự trong vòng-giới-hạn của Thái dương Thượng đế. Trong những thế giới nguyên tử tí hon, các ‘hệ mặt trời’ cũng phát triển.

262. Chakra systems *are* solar systems. Each chakra is as a sun.

262. Các hệ luân xa *là* các hệ mặt trời. Mỗi luân xa như một mặt trời.

263. VSK enquires: “Do the other synthesizing centres, i.e., heart and throat, become negative to the head at some stage, or are they always negative (in some relative sense)?”

263. VSK hỏi: “Các trung tâm tổng hợp khác, tức tim và cổ họng, có trở thành âm đối với đầu ở một giai đoạn nào đó không, hay chúng luôn luôn là âm (theo một nghĩa tương đối nào đó)?”

264. Probably they are not negative at all times. The heart we learned is positive to the throat and the throat to the sacral center. We could infer that these two centers, heart and throat, are always, in some relative sense, negative to the head center, but the head center only develops its full magnetic and radiatory power during the later stages of evolution—*after* the development of the throat and heart centers.

264. Có lẽ chúng không âm tính vào mọi lúc. Chúng ta đã học rằng tim dương tính đối với trung tâm cổ họng và cổ họng dương tính đối với trung tâm xương cùng. Chúng ta có thể suy ra rằng hai trung tâm này, tim và cổ họng, luôn luôn, theo một ý nghĩa tương đối nào đó, âm tính đối với trung tâm đầu, nhưng trung tâm đầu chỉ phát triển đầy đủ quyền năng từ tính và phóng xạ của nó trong các giai đoạn sau của tiến hoá—*sau* sự phát triển của các trung tâm cổ họng và tim.

265. With reference to absorption patterns, we can only imagine what it would be like to begin a speculation regarding the absorption patterns of the Seven Solar Systems of Which Ours is One or in relation to the constellational chakras of the One About Whom Naught May Be Said. The process, would however, be *purely* academic as most human beings are far from absorption/ obscuration and so is our planet, yet alone our solar system.

265. Liên quan đến các mô hình hấp thu, chúng ta chỉ có thể hình dung sẽ như thế nào nếu bắt đầu suy đoán về các mô hình hấp thu của Bảy hệ mặt trời mà hệ của chúng ta là một trong đó, hoặc liên hệ với các luân xa chòm sao của Đấng Bất Khả Tư Nghị. Tuy nhiên, tiến trình ấy sẽ *thuần túy* có tính học thuật vì đa số nhân loại còn rất xa sự hấp thu/sự che khuất, và hành tinh của chúng ta cũng vậy, huống chi là hệ mặt trời của chúng ta.

Likewise certain of the planetary schemes are positive and others negative; **three of the schemes are dual**, both negative and positive.

Tương tự, một số hệ hành tinh là dương tính và những hệ khác là âm tính; **ba hệ là kép**, vừa âm vừa dương.

266. A fascinating area of speculation has just been opened.

266. Một lĩnh vực suy đoán đầy hấp dẫn vừa được mở ra.

267. Are we to assume that we are dealing only with the *major* seven here, such that two would be positive, two negative and three dual.

267. Chúng ta có nên giả định rằng ở đây chúng ta chỉ đang đề cập đến bảy hệ *chính*, sao cho hai hệ sẽ dương tính, hai hệ âm tính và ba hệ kép.

268. Probably, we are talking of more than the sacred seven.

268. Có lẽ, chúng ta đang nói đến nhiều hơn là bảy hành tinh thiêng liêng.

269. Có thể chia các hành tinh thành ba loại: các hành tinh tổng hợp, các hành tinh

269. It is possible to divide the planets into three categories: synthesizing planets, sacred planets and non-sacred planets.

269. thiêng liêng và các hành tinh không thiêng liêng.

270. We have a facile method of dividing polarity according to these three categories —whether or not it is correct:

270. Chúng ta có một phương pháp dễ dãi để phân chia cực tính theo ba loại này—dù đúng hay không:

a. Synthesizing planets—positive

a. Các hành tinh tổng hợp—dương tính

b. Sacred planets (i.e., the ones which are not synthesizing planets)—dual

b. Các hành tinh thiêng liêng (tức là những hành tinh không phải là hành tinh tổng hợp) —kép

c. Non-sacred planets—negative

c. Các hành tinh không thiêng liêng—âm tính

271. Such a division cannot be entirely accurate, for there would be *four* sacred planets which were not synthesizing planets, and we are told there are only *three* dual planetary schemes.

271. Một sự phân chia như vậy không thể hoàn toàn chính xác, vì sẽ có *bốn* hành tinh thiêng liêng không phải là hành tinh tổng hợp, và chúng ta được cho biết chỉ có *ba* hệ hành tinh kép.

272. Qualitatively, when thinking of possible dual planetary schemes, Venus and Earth for different reasons seem good candidates.

272. Về mặt phẩm tính, khi nghĩ đến các hệ hành tinh kép khả dĩ, Sao Kim và Trái Đất vì những lý do khác nhau dường như là những ứng viên thích hợp.

273. If we were to confine ourselves only to the sacred planets (which includes the synthesizing planets), Venus and Mercury could be investigated for signs of being dual schemes. Perhaps Jupiter and Neptune could be seen as receptive or negative schemes, and Uranus as a positive scheme. This leaves Saturn and Vulcan unassigned.

273. Nếu chúng ta chỉ giới hạn vào các hành tinh thiêng liêng (bao gồm các hành tinh tổng hợp), thì Sao Kim và Sao Thủy có thể được khảo sát để tìm các dấu hiệu là những hệ kép. Có lẽ Sao Mộc và Sao Hải Vương có thể được xem là các hệ tiếp nhận hay âm tính, và Sao Thiên Vương là một hệ dương tính. Điều này để lại Sao Thổ và Vulcan chưa được phân định.

274. Well, we are simply dealing with the ABC's of a stupendous science concerning the polarities of chakras. The best we can presently do is to speculate.

274. Chúng ta chỉ đơn giản đang xử lý bảng chữ cái ABC của một khoa học kỳ vĩ liên quan đến các cực tính của các luân xa. Điều

tốt nhất hiện nay chúng ta có thể làm là suy đoán.

The same can be predicated anent a solar system, and, curiously enough, anent the planes themselves.

Điều tương tự có thể được khẳng định đối với một hệ mặt trời, và, kỳ lạ thay, đối với chính các cõi nữa.

275. We are being told that since solar systems are chakras, they can be arranged as positive, negative and dual (or neutral).

275. Chúng ta đang được cho biết rằng vì các hệ mặt trời là các luân xa, chúng có thể được sắp xếp thành dương tính, âm tính và kép (hay trung tính).

276. There does seem to be a hierarchy in the matter of positivity and negativity, just as there is for atoms.

276. Quả thực dường như có một thứ bậc trong vấn đề dương tính và âm tính, cũng như có đối với các nguyên tử.

277. The positive chakras are the head center, the heat center and the throat center. They are positive to the base of the spine center, the solar plexus center and the sacral center respectively.

277. Các luân xa dương tính là trung tâm đầu, trung tâm nhiệt và trung tâm cổ họng. Chúng dương tính đối với trung tâm đáy cột sống, trung tâm tùng thái dương và trung tâm xương cùng tương ứng.

278. Because the ajna center may yet be one of the final absorbers, it too can be considered positive, but, in a way it is dual.

278. Bởi vì trung tâm ajna có thể còn là một trong những trung tâm hấp thu cuối cùng, nên nó cũng có thể được xem là dương tính, nhưng theo một cách nào đó nó là kép.

279. In a planetary scheme we could apportion the chains accordingly.

279. Trong một hệ hành tinh, chúng ta có thể phân bổ các dãy cho phù hợp.

280. In a solar system, we could find those planets which rule the three (or possibly four) higher centers and consider them positive.

280. Trong một hệ mặt trời, chúng ta có thể tìm ra những hành tinh cai quản ba (hoặc có thể là bốn) trung tâm cao hơn và xem chúng là dương tính.

281. Of course, the ultimate rulers of those centers may not yet be in powerfully because of the slow rate of developmental unfoldment of the planets with higher spiritual status. It is also possible that every center really has a triangle of planets

281. Dĩ nhiên, các chủ tinh tối hậu của những trung tâm ấy có thể chưa biểu lộ mạnh mẽ, vì tốc độ khai mở phát triển chậm chạp của các hành tinh có địa vị tinh thần cao hơn. Cũng có thể mỗi trung tâm thực sự có một tam giác hành tinh liên kết với nó,

associated with it, giving us the full *twenty-one*, and the sum of all, equally *twenty-two.*

282. When considering the planes and their polarities, we find that there are many ways to divide them. We can be sure, however, that the highest three planes eventually absorb the lower four. Perhaps we can think of it this way:

a. Physical and astral merge.

b. The mental plane and the buddhic plane merge.

c. With this foundation, there are two ways to go;

i. That which results from the merging of the physical and astral plane merges with that which results from the merging of the mental and buddhic plane, and the result of this merging of four, reduced to one, merges with the atmic plane, which then merges with the monadic plane. That which remains merges with the logoic.

ii. Or, probably less likely: That which results from the merging of the physical and astral plane is absorbed by the atmic plane. That which results from the merging of the mental and buddhic planes merges with the monadic plane. The atmic and monadic planes then merge, later to merge with the logoic.

iii. The scenario in 'i.' may be better as it is more continuous and does not leap over planes. In these matter of absorption it is best to preserve continuity—YET (as an example of discontinuity) it must be remembered that (according to *TCF* 406) Venus merges into Neptune and not into

cho chúng ta trọn vẹn *hai mươi mốt*, và tổng của tất cả, cũng là *hai mươi hai.*

282. Khi xem xét các cõi và cực tính của chúng, chúng ta thấy có nhiều cách để phân chia chúng. Tuy nhiên, chúng ta có thể chắc chắn rằng ba cõi cao nhất cuối cùng hấp thu bốn cõi thấp hơn. Có lẽ chúng ta có thể nghĩ theo cách này:

a. Cõi hồng trần và cõi cảm dục hợp nhất.

b. Cõi trí và cõi Bồ đề hợp nhất.

c. Với nền tảng này, có hai cách để đi tiếp;

i. Cái phát sinh từ sự hợp nhất của cõi hồng trần và cõi cảm dục hợp nhất với cái phát sinh từ sự hợp nhất của cõi trí và cõi Bồ đề, và kết quả của sự hợp nhất của bốn cõi này, được giảm thành một, hợp nhất với cõi atma, rồi cõi này hợp nhất với cõi chân thần. Cái còn lại hợp nhất với cõi logoic.

ii. Hoặc, có lẽ ít khả năng hơn: Cái phát sinh từ sự hợp nhất của cõi hồng trần và cõi cảm dục được cõi atma hấp thu. Cái phát sinh từ sự hợp nhất của cõi trí và cõi Bồ đề hợp nhất với cõi chân thần. Sau đó cõi atma và cõi chân thần hợp nhất, rồi về sau hợp nhất với cõi logoic.

iii. Kịch bản trong 'i.' có thể tốt hơn vì nó liên tục hơn và không nhảy qua các cõi. Trong những vấn đề hấp thu này, tốt nhất là bảo toàn tính liên tục—TUY NHIÊN (như một ví dụ về tính gián đoạn) cần nhớ rằng (theo *TCF* 406) Sao Kim hợp nhất vào Sao Hải Vương chứ không vào Sao Thổ, và Sao Thủy

Saturn, and that Mercury merges into Uranus and not into Saturn. To preserve strict continuity, Saturn would receive both Venus and Mercury. It would not be, as it were, 'skipped' for Neptune and Uranus. (cf. *TCF* 406).

hợp nhất vào Sao Thiên Vương chứ không vào Sao Thổ. Để bảo toàn tính liên tục nghiêm ngặt, Sao Thổ sẽ tiếp nhận cả Sao Kim lẫn Sao Thủy. Nó sẽ không bị, có thể nói như vậy, 'bỏ qua' để đến Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương. (xem *TCF* 406).

283. Regarding the merging of planes, the most straightforward method was given above and is, in short: 7 → 6 → 5 → 4 → 3 → 2 → 1

283. Liên quan đến sự hợp nhất của các cõi, phương pháp trực tiếp nhất đã được nêu ở trên và, tóm lại, là: 7 → 6 → 5 → 4 → 3 → 2 → 1

284. So there are many ways to proceed, and thus far, no certainty about which way is the correct way. The whole subject is deeply veiled, but as we progress in synthetic understanding, an unveiling will occur.

284. Vì vậy có nhiều cách để tiến hành, và cho đến nay, chưa có sự chắc chắn nào về cách nào là đúng. Toàn bộ chủ đề này bị che phủ sâu kín, nhưng khi chúng ta tiến bộ trong sự thấu hiểu tổng hợp, một sự vén màn sẽ xảy ra.

For instance, in connection with the earth scheme we have a positive polarity of a temporary nature based on the type of incarnation our particular Heavenly Man is undergoing on our planet.

Chẳng hạn, liên quan đến hệ địa cầu, chúng ta có một cực tính dương có tính tạm thời dựa trên loại lâm phàm mà Đấng Thiên Nhân đặc thù của chúng ta đang trải qua trên hành tinh của chúng ta.

285. It becomes clear that planetary schemes switch polarity at different stages of their evolution and with respect to other planets.

285. Rõ ràng là các hệ hành tinh chuyển đổi cực tính ở những giai đoạn khác nhau của tiến hoá của chúng và trong tương quan với các hành tinh khác.

286. This adds one more level of complexity to the whole consideration. The same center or chakra can be either of a positive polarity or a negative at different times of the solar system's development. The same planet can also be positive to one planet and negative to another.

286. Điều này thêm một cấp độ phức tạp nữa vào toàn bộ sự xem xét. Cùng một trung tâm hay luân xa có thể mang cực tính dương hoặc âm vào những thời điểm khác nhau trong sự phát triển của hệ mặt trời. Cùng một hành tinh cũng có thể dương tính đối với hành tinh này và âm tính đối với hành tinh khác.

By this is meant that there are masculine and feminine incarnations undergone by Heavenly Men as by men, considering the entire subject from the angle of electrical

Điều này có nghĩa là có những lần lâm phàm nam tính và nữ tính mà các Đấng Thiên Nhân trải qua cũng như con người, xét toàn bộ chủ đề từ góc độ cực tính điện

polarity and not from sex as understood in connection with the physical body.

287. To undergo new incarnation, the planetary physical bodies (and some subtle bodies) do not have to disappear and disintegrate as is the case with a human being.

288. Electrical polarity is a much bigger subject than the subject of sex (when considered only in relation to a physical body).

289. VSK speculating and questioning: "What would this be? Base to Head, Sacral to Throat, Solar Plexus to Heart makes the three higher centres, by subplane. What is the other of the 'lower four'? Is the Spleen here to be considered? Or, would Heart go to Ajna, e.g.? What are our possibilities?"

290. May it be suggested that almost too many possibilities have been offered in various hypothetical absorption patterns above?

291. VSK further queries: "What are the Ray equivalences? The Scheme absorptions?"

292. There are many possible 'routes' for absorption. A number of them are feasible, which does not mean they are accurate. Probably, our best bet is to map out feasible 'routes' and withhold judgment until more is known—or *intuited.*

Venus is negatively polarised, and **hence it became possible for a mysterious absorption by the Earth of Venusian force.**

293. Considering the spiritual status of Venus in relation to the Earth, it may seem

chứ không phải từ giới tính như được hiểu liên hệ với thể xác.

287. Để trải qua lần lâm phàm mới, các thể xác hồng trần của hành tinh (và một số thể vi tế) không nhất thiết phải biến mất và tan rã như trường hợp của con người.

288. Cực tính điện là một chủ đề lớn hơn nhiều so với chủ đề giới tính (khi chỉ được xét trong liên hệ với một thể xác).

289. VSK suy đoán và đặt câu hỏi: "Điều này sẽ là gì? Đáy lên Đầu, Xương cùng lên Cổ họng, Tùng thái dương lên Tim tạo thành ba trung tâm cao hơn, theo cõi phụ. Cái nào là cái còn lại của 'bốn thấp'? Lá lách có được xét ở đây không? Hay, chẳng hạn, Tim sẽ đi đến Ajna? Những khả năng của chúng ta là gì?"

290. Có thể gợi ý rằng gần như đã có quá nhiều khả năng được đưa ra trong các mô hình hấp thu giả thuyết khác nhau ở trên chăng?

291. VSK hỏi thêm: "Các tương đương cung là gì? Các sự hấp thu của Hệ hành tinh?"

292. Có nhiều 'lộ trình' hấp thu khả dĩ. Một số trong đó là khả thi, điều này không có nghĩa là chúng chính xác. Có lẽ, cách tốt nhất của chúng ta là vạch ra các 'lộ trình' khả thi và đình chỉ phán đoán cho đến khi biết thêm—hoặc được *trực giác nhận biết.*

Sao Kim được phân cực âm tính, và **do đó đã trở nên có thể có một sự hấp thu huyền nhiệm của Trái Đất đối với lực Sao Kim.**

293. Xét địa vị tinh thần của Sao Kim trong tương quan với Trái Đất, có thể thấy lạ khi

strange to consider it negatively polarized. The matter is solved not by considering relative spiritual status, but the nature of the incarnation through which a particular Planetary Logos is passing.

xem nó là phân cực âm tính. Vấn đề được giải quyết không phải bằng cách xét địa vị tinh thần tương đối, mà bằng bản chất của lần lâm phàm mà một Đức Hành Tinh Thượng Đế đặc thù đang trải qua.

294. We are learning throughout this section that the positive absorbs the negative. The positive chakras (the ones with the greater number of petals) absorb the energy of the lesser chakras—whether dual/equilibrised or negative.

294. Chúng ta đang học xuyên suốt phần này rằng cái dương hấp thu cái âm. Các luân xa dương tính (những luân xa có số cánh hoa lớn hơn) hấp thu năng lượng của các luân xa nhỏ hơn—dù là kép/cân bằng hay âm tính.

295. So much of what we now call elevation and evolution on Earth resulted from this "mysterious absorption".

295. Rất nhiều điều mà hiện nay chúng ta gọi là sự nâng cao và tiến hoá trên Trái Đất đã phát sinh từ "sự hấp thu huyền nhiệm" này.

Again in this connection the question of sex may serve to elucidate. **The karmic tie between the two Heavenly Men—one in a positive incarnation and the other in a negative—caused the working out of an old debt and a planetary alliance.**

Một lần nữa, trong mối liên hệ này, vấn đề giới tính có thể giúp làm sáng tỏ. **Mối ràng buộc nghiệp quả giữa hai Đấng Thiên Nhân—một vị trong lần lâm phàm dương tính và vị kia trong lần lâm phàm âm tính—đã gây ra sự giải quyết một món nợ cũ và một liên minh hành tinh.**

296. This sounds like the need to harmonize a relationship. Perhaps human marriages eventuate for just the same reason. Old debts are worked out, and, once harmony is achieved, an alliance between souls eventuates.

296. Điều này nghe như nhu cầu phải điều hoà một mối quan hệ. Có lẽ hôn nhân của con người cũng xảy ra vì chính lý do ấy. Những món nợ cũ được giải quyết, và, một khi sự hài hoà đạt được, một liên minh giữa các linh hồn sẽ xảy ra.

297. In any case, it is evident that there is a definite karmic tie between the Planetary Logos of Venus and the Planetary Logos of Earth.

297. Dù sao đi nữa, rõ ràng là có một mối ràng buộc nghiệp quả xác định giữa Đức Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim và Đức Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất.

Light flashed forth [Page 324] in Lemurian days **in a number of great groups of the human family** when these two opposite poles made electrical connection.

Ánh sáng đã bừng phát [Page 324] trong những ngày Lemuria **trong một số nhóm lớn của gia đình nhân loại** khi hai cực đối nghịch này tạo nên sự nối kết điện.

298. A planetary event caused this flashing forth in relation to the human family. The mysterious absorption of Venusian force by our Earth caused great developments within "a number of great groups of the human family".

298. Một biến cố hành tinh đã gây ra sự bừng phát này liên hệ với gia đình nhân loại. Sự hấp thu huyền nhiệm của lực Sao Kim bởi Trái Đất của chúng ta đã gây nên những phát triển lớn lao trong "một số nhóm lớn của gia đình nhân loại".

299. Should we actually call these groups members of the human family when the true human being had not been born? Perhaps, we can use the term "human family" loosely when thinking in terms of the earliest 'human' root races. Or we should call the group the 'pre-human family'.

299. Chúng ta có nên thực sự gọi các nhóm này là những thành viên của gia đình nhân loại khi con người chân chính còn chưa ra đời không? Có lẽ, chúng ta có thể dùng thuật ngữ "gia đình nhân loại" theo nghĩa rộng khi suy nghĩ theo các giống dân gốc 'nhân loại' sớm nhất. Hoặc chúng ta nên gọi nhóm ấy là 'gia đình tiền-nhân loại'.

300. A study of *TCF* and the *Secret Doctrine* reveals that not *all* members of the 'human family' individualized through this flashing forth of light. The Solar Angels did not spiritually 'impregnate' *all* those who would become members of the fourth kingdom of nature. Some were not sufficiently advanced and others, coming from the Moon-chain were awaiting incarnation in inter-chain pralaya until a later time.

300. Một nghiên cứu về *TCF* và *Giáo Lý Bí Nhiệm* cho thấy rằng không phải *mọi* thành viên của 'gia đình nhân loại' đều biệt ngã hóa qua sự bừng phát ánh sáng này. Các Thái dương Thiên Thần đã không 'thụ tinh' về mặt tinh thần cho *tất cả* những kẻ sẽ trở thành thành viên của giới thứ tư của bản chất. Một số chưa đủ tiến bộ và những kẻ khác, đến từ Dãy Mặt Trăng, đang chờ lâm phàm trong giai kỳ qui nguyên liên-dãy cho đến một thời điểm muộn hơn.

301. We recall also that objectification occurs through a 'flashing' process.

301. Chúng ta cũng nhớ rằng sự khách quan hóa xảy ra qua một tiến trình 'bừng phát'.

302. We are speaking of the results of the electrical connection between the Planetary Logos of Venus and the Planetary Logos of Earth, with Earth as the positive pole receiving the influence of Venus (in this instance, the negative pole).

302. Chúng ta đang nói về các kết quả của sự nối kết điện giữa Đức Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim và Đức Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất, với Trái Đất là cực dương tiếp nhận ảnh hưởng của Sao Kim (trong trường hợp này là cực âm).

It needed the joint work of the two Heavenly Men, **working on buddhic levels** (the fourth cosmic ether) to bring about the blazing forth of the light of manas in the causal

Cần đến công việc phối hợp của hai Đấng Thiên Nhân, **hoạt động trên các cấp độ Bồ đề** (dĩ thái vũ trụ thứ tư) để mang lại sự bừng cháy của ánh sáng manas trong các nhóm

groups on the fifth cosmic gaseous plane, the mental plane of the solar system.

303. VSK remarks: "The effect of a connection on the buddhic causes effect of light on the mental".

304. In this instance, the term "Heavenly Men" is equivalent to "Planetary Logoi".

305. The Logos of Venus and the Logos of Earth were engaged in "joint work".

306. The connection between them was *etheric.* The buddhic plane is considered a type of etheric plane in relation to *both* of these Heavenly Men.

307. There seems to be a suggestion that the causal groups had been created and existed on the higher mental plane *before* the interplay between Venus and Earth originating on buddhic levels became effective to promote the "blazing forth o the light of manas".

308. IF, we are speaking of the process of individualization, then the causal groups seem to have been created *before* the blaze.

309. This does not really make sense, as there can have been no causal groups without the coming of the Solar Angels, which coming was coeval with the interchange between Venus and Earth.

310. We could, however, be speaking about a relatively lengthy process, the first part of which saw the creation of the causal groups and the second part of which saw the

nguyên nhân trên cõi khí vũ trụ thứ năm, tức cõi trí của hệ mặt trời.

303. VSK nhận xét: "Hiệu quả của một sự nối kết trên cõi Bồ đề gây ra hiệu quả ánh sáng trên cõi trí".

304. Trong trường hợp này, thuật ngữ "Đấng Thiên Nhân" tương đương với "Các Hành Tinh Thượng Đế".

305. Thượng đế của Sao Kim và Thượng đế của Trái Đất đã tham gia vào "công việc phối hợp".

306. Sự nối kết giữa các Ngài là *dĩ thái.* Cõi Bồ đề được xem là một loại cõi dĩ thái trong tương quan với *cả hai* Đấng Thiên Nhân này.

307. Dường như có một gợi ý rằng các nhóm nguyên nhân đã được tạo ra và tồn tại trên Cõi thượng trí *trước* khi sự tương tác giữa Sao Kim và Trái Đất phát sinh trên các cấp độ Bồ đề trở nên hữu hiệu để thúc đẩy "sự bừng cháy của ánh sáng manas".

308. NẾU chúng ta đang nói về tiến trình biệt ngã hóa, thì các nhóm nguyên nhân dường như đã được tạo ra *trước* ngọn lửa bùng lên.

309. Điều này thực ra không hợp lý, vì không thể có các nhóm nguyên nhân nếu không có sự đến của các Thái dương Thiên Thần, mà sự đến này đồng thời với sự trao đổi giữa Sao Kim và Trái Đất.

310. Tuy nhiên, chúng ta có thể đang nói về một tiến trình tương đối dài, phần đầu của nó chứng kiến việc tạo ra các nhóm nguyên nhân và phần thứ hai của nó chứng kiến sự

intensification of manas within those causal groups.

311. Both processes, then, would be considered related to the joint work of the two Heavenly Men and the coeval coming of the Lords of the Flame (which was the result of the interplay of these two Heavenly Men).

312. Venus has already achieved much of the buddhic consciousness, planetarily considered. This would have made possible, in relation to Earth, buddhic stimulation.

313. We see, importantly, that the light of manas is really derivative of buddhic energy. Along this line we see that the Solar Angels were working buddhically before there was a manasic effect.

It will be remembered that it was earlier pointed out that the majority of **men function consciously on the fifth subplane of the three planes in the three worlds.**

314. An important statement localizing the majority men in terms of their planar functioning.

315. This tells us that the majority of men are not yet personalities in the true sense of the word, as this requires the utilization of the number of *four*—the number of personality.

tăng cường manas trong các nhóm nguyên nhân ấy.

311. Khi đó, cả hai tiến trình đều sẽ được xem là có liên hệ với công việc phối hợp của hai Đấng Thiên Nhân và sự đến đồng thời của các Đấng Chúa Tể của Lửa (vốn là kết quả của sự tương tác giữa hai Đấng Thiên Nhân này).

312. Sao Kim đã đạt được phần lớn tâm thức Bồ đề, xét theo phương diện hành tinh. Điều này hẳn đã làm cho sự kích thích Bồ đề trở nên khả hữu trong tương quan với Trái Đất.

313. Điều quan trọng là chúng ta thấy rằng ánh sáng manas thực sự là cái phát sinh từ năng lượng Bồ đề. Theo đường hướng này, chúng ta thấy rằng các Thái dương Thiên Thần đã hoạt động theo Bồ đề trước khi có một hiệu quả manas.

Cần nhớ rằng trước đây đã chỉ ra rằng đa số **những người nam và nữ hoạt động một cách hữu thức trên cõi phụ thứ năm của ba cõi trong ba cõi thấp.**

314. Một phát biểu quan trọng định vị đa số những người nam và nữ theo phương diện hoạt động cõi giới của họ.

315. Điều này cho chúng ta biết rằng đa số những người nam và nữ chưa phải là các phàm ngã theo đúng nghĩa của từ này, vì điều này đòi hỏi việc sử dụng con số *bốn*—con số của phàm ngã.

In them the fifth principle is beginning to function, but not in sufficient force as yet to do more than **keep them in line** with the electrical force flowing from the fourth cosmic ether down to the next subplane of the cosmic physical.

Trong họ, nguyên khí thứ năm đang bắt đầu hoạt động, nhưng chưa đủ mạnh để làm hơn là **giữ họ thẳng hàng** với mãnh lực điện chảy từ dĩ thái vũ trụ thứ tư xuống cõi phụ kế tiếp của cõi hồng trần vũ trụ.

316. The fifth principle is dual, as we have seen, manifesting as lower and higher mind.

316. Như chúng ta đã thấy, nguyên khí thứ năm là kép, biểu lộ thành hạ trí và thượng trí.

317. The fifth principle is only beginning to function in the majority of men. This means that the third petal of the egoic lotus is awakening.

317. Nguyên khí thứ năm chỉ mới bắt đầu hoạt động trong đa số những người nam và nữ. Điều này có nghĩa là cánh hoa thứ ba của Hoa Sen Chân Ngã đang thức tỉnh.

318. Still fewer have the higher aspect of the fifth principle active; this would involve soul influence in relation to the personality.

318. Còn ít người hơn nữa có phương diện cao hơn của nguyên khí thứ năm hoạt động; điều này sẽ bao hàm ảnh hưởng của linh hồn trong tương quan với phàm ngã.

319. Buddhic force emanates from the fourth cosmic ether; it flows down to the next cosmic physical sub-plane—the systemic or solar mental plane.

319. Mãnh lực Bồ đề phát ra từ dĩ thái vũ trụ thứ tư; nó chảy xuống cõi phụ kế tiếp của cõi hồng trần vũ trụ—cõi trí của hệ thống hay hệ mặt trời.

320. The majority of human beings, though not truly in the stage of soul development, are at least able to grow normally, and remain aligned with planetary purpose as it is mediated from buddhi to manas.

320. Đa số con người, dù chưa thực sự ở trong giai đoạn phát triển linh hồn, ít nhất vẫn có thể tăng trưởng bình thường, và duy trì sự chỉnh hợp với thiên ý hành tinh khi thiên ý ấy được truyền đạt từ buddhi đến manas.

321. VSK asks: "Is the majority of men, therefore, not able to cause effect (of light) upon the astral?"

321. VSK hỏi: "Vậy thì đa số những người nam và nữ không thể gây ra hiệu quả (của ánh sáng) trên cõi cảm dục sao?"

It must ever be borne in mind that each plane and each subplane which is numerically allied, is embodying the same type of force, and is **consequently of the same polarity**.

Phải luôn ghi nhớ rằng mỗi cõi và mỗi cõi phụ có liên hệ số học với nhau đều hiện thân cùng một loại mãnh lực, và **do đó có cùng cực tính**.

322. Here is a clarifying principle. Planes which are numerically allied (as odd numbers are to other odd numbers, and even to even) are "of the same polarity".

322. Đây là một nguyên lý làm sáng tỏ. Các cõi có liên hệ số học với nhau (như các số lẻ với các số lẻ khác, và các số chẵn với các số chẵn) thì "có cùng cực tính".

323. We should see if using this schema can help us decipher polar alliances between chakras and planets.

323. Chúng ta nên xem liệu việc sử dụng sơ đồ này có thể giúp chúng ta giải mã các liên minh cực tính giữa các luân xa và các hành tinh hay không.

324. If planes 1-3-5-7. are numerically allied and of the same polarity, then would the planets hierarchically ruling these planes may be numerically allied and of the same polarity? And would the same apply to interpreting the numerical alliance between planets.

324. Nếu các cõi 1-3-5-7. có liên hệ số học với nhau và có cùng cực tính, thì liệu các hành tinh cai quản theo thứ bậc các cõi này cũng có thể có liên hệ số học với nhau và có cùng cực tính không? Và điều tương tự có áp dụng cho việc diễn giải liên minh số học giữa các hành tinh.

325. Perhaps there would be mixed results. Are Vulcan, Saturn, Venus and Uranus all of the same polarity? Are Jupiter, Mercury and Mars all of the same polarity?

325. Có lẽ sẽ có những kết quả pha trộn. Vulcan, Sao Thổ, Sao Kim và Sao Thiên Vương có phải đều cùng một cực tính không? Sao Mộc, Sao Thủy và Sao Hỏa có phải đều cùng một cực tính không?

Again, the astral plane and the buddhic plane are related, as we already know; the astral is negative in relation to the buddhic plane.

Một lần nữa, cõi cảm dục và cõi Bồ đề có liên hệ với nhau, như chúng ta đã biết; cõi cảm dục âm tính trong tương quan với cõi Bồ đề.

326. Here we have two planes related through numerical alliance, yet the lower of the two planes is negative to the higher—i.e., the astral to the buddhic.

326. Ở đây chúng ta có hai cõi liên hệ với nhau qua liên minh số học, nhưng cõi thấp hơn trong hai cõi lại âm tính đối với cõi cao hơn—tức là cõi cảm dục đối với cõi Bồ đề.

When the polarity of the different planes is known, when the polarity of the subplanes is comprehended, and **when the interaction between them and the corresponding cosmic planes is grasped, then will man be free**, but not before.

Khi cực tính của các cõi khác nhau được biết, khi cực tính của các cõi phụ được thấu hiểu, và **khi sự tương tác giữa chúng và các cõi vũ trụ tương ứng được nắm bắt, khi đó con người sẽ được tự do**, nhưng không trước đó.

327. What is the freedom here suggested? Is it freedom from the cosmic physical plane?

327. Sự tự do được gợi ý ở đây là gì? Có phải là tự do khỏi cõi hồng trần vũ trụ không?

328. Here is quite an extraordinary statement. It alerts us to the fact that, although we have been given a key which helps us understand which planes and sub-planes are positive and negative and, therefore, which are related to each other in terms of polarity, there is much which remains to be known.

328. Đây là một phát biểu thật phi thường. Nó cảnh báo chúng ta về sự kiện rằng, mặc dù chúng ta đã được trao một chìa khóa giúp hiểu cõi nào và cõi phụ nào là dương hay âm, và do đó cõi nào liên hệ với cõi nào theo phương diện cực tính, vẫn còn rất nhiều điều cần được biết.

329. Is DK speaking of an individual man or of man as humanity?

329. Chân sư DK đang nói về một con người cá biệt hay về con người như nhân loại?

330. We have three levels of planes and sub-planes interacting—cosmic, systemic, and systemic sub-planar.

330. Chúng ta có ba cấp độ cõi và cõi phụ đang tương tác—vũ trụ, hệ thống, và cõi phụ của hệ thống.

331. If we understand resonance, then many of these subtle occult truths related to planar interplay will stand revealed.

331. Nếu chúng ta hiểu sự cộng hưởng, thì nhiều chân lý huyền bí vi tế liên hệ với sự tương tác giữa các cõi này sẽ được mặc khải.

332. DK has given us the hint regarding the numerical alliances between planes and sub-planes, and thus hints regarding the polarity of planes and sub-planes. He has not revealed to us the method of their interplay, which, we can imagine is a profoundly difficult subject.

332. Chân sư DK đã cho chúng ta gợi ý liên quan đến các liên minh số học giữa các cõi và các cõi phụ, và do đó là những gợi ý liên quan đến cực tính của các cõi và các cõi phụ. Ngài chưa mặc khải cho chúng ta phương pháp tương tác của chúng, mà chúng ta có thể hình dung là một chủ đề vô cùng khó khăn.

333. VSK muses: "How can the astral and buddhic be negative and positive to each other? Is not the mental positive to the astral? Is the buddhic negative to the atmic? Is it all relative, e.g., everything below one plane being negative to the higher?"

333. VSK trầm ngâm: "Làm sao cõi cảm dục và cõi Bồ đề có thể âm và dương đối với nhau? Cõi trí chẳng phải dương tính đối với cõi cảm dục sao? Cõi Bồ đề có âm tính đối với cõi atma không? Có phải tất cả đều tương đối, chẳng hạn, mọi thứ ở dưới một cõi đều âm tính đối với cõi cao hơn?"

When the polarity of the ethers to each other and their relationship to the whole is

Khi cực tính của các dĩ thái đối với nhau và mối liên hệ của chúng với toàn thể được

comprehended, **human evolution will have run its course.**

334. We are speaking about the consummation of that which is now the fourth kingdom of nature.

335. We may have been given the hint concerning the "polarity of the ethers to each other" but their relationship to the whole is not even minutely grasped.

336. We see how much the fulfilling of the objectives of human evolution has to do with an understanding of and mastery of the ethers.

A Master has solved the problem of electrical phenomena in the three worlds, hence His freedom.

337. Those who solve the problem of electrical phenomena in relation to the worlds in which those phenomena apply are free of those worlds.

338. We must remember, regarding the scope of development of a Master—He is only truly free with respect to the development of the three lower worlds.

339. The seemingly miraculous things which a Master can perform are the result of His mastery of electrical phenomena in the three worlds.

Further, when the **relationship of the negative form to the positive Spirit is grasped,** and their joint connection with the cosmic Entities Who indwell the whole

thấu hiểu, **tiến hoá nhân loại sẽ hoàn tất tiến trình của nó.**

334. Chúng ta đang nói về sự hoàn mãn của điều hiện nay là giới thứ tư của bản chất.

335. Có thể chúng ta đã được cho gợi ý liên quan đến "cực tính của các dĩ thái đối với nhau" nhưng mối liên hệ của chúng với toàn thể thì thậm chí còn chưa được nắm bắt dù chỉ rất nhỏ.

336. Chúng ta thấy việc hoàn thành các mục tiêu của tiến hoá nhân loại liên hệ nhiều đến mức nào với sự thấu hiểu và làm chủ các dĩ thái.

Một Chân sư đã giải quyết vấn đề của các hiện tượng điện trong ba cõi thấp, do đó có được tự do của Ngài.

337. Những ai giải quyết được vấn đề của các hiện tượng điện trong tương quan với các thế giới mà những hiện tượng ấy áp dụng thì được tự do khỏi các thế giới ấy.

338. Chúng ta phải nhớ, liên quan đến phạm vi phát triển của một Chân sư—Ngài chỉ thực sự tự do đối với sự phát triển của ba cõi thấp.

339. Những điều dường như kỳ diệu mà một Chân sư có thể thực hiện là kết quả của sự làm chủ của Ngài đối với các hiện tượng điện trong ba cõi thấp.

Hơn nữa, khi **mối liên hệ của hình tướng âm tính với Tinh thần dương tính được nắm bắt,** và mối liên kết chung của chúng với các Thực Thể vũ trụ đang nội tại trong

system is somewhat apprehended, **group liberation will be achieved**.

340. We are receiving certain prophecies of a broad scope.

341. Positive Spirit and negative form have a relationship. Together they are related to "the cosmic Entities Who indwell the whole system". That is to say, these cosmic Entities affect both the Spirit and form aspect of various planetary groups, including man.

342. What is the scope of these cosmic Entities? Are they Planetary Logoi? Are they greater still? Because Planetary Logoi have their causal bodies on the higher part of the cosmic mental plane, we can consider them as cosmic entities.

343. So often when we speak of groups we are speaking in terms of Planetary Logoi or Heavenly Men. It is as we merge into the life of the Heavenly Man that we become increasingly *group* conscious.

344. It is possible, however, that the cosmic Entities referenced may be of much greater scope than Planetary Logoi. There are many types of groups to be liberated.

Perhaps in considering this abstruse matter it may [Page 325] help to clarify the point of view if it is recollected that man is essentially positive in his own nature but his vehicles are negative;

345. Again the word "abstruse" is used, and we can only agree. We are reaching far beyond our normal experience in the

toàn bộ hệ thống được phần nào lĩnh hội, **sự giải thoát nhóm sẽ đạt được**.

340. Chúng ta đang tiếp nhận một số lời tiên tri có phạm vi rộng lớn.

341. Tinh thần dương tính và hình tướng âm tính có một mối liên hệ. Cùng nhau, chúng liên hệ với "các Thực Thể vũ trụ đang nội tại trong toàn bộ hệ thống". Nghĩa là, các Thực Thể vũ trụ này tác động đến cả phương diện Tinh thần lẫn hình tướng của nhiều nhóm hành tinh khác nhau, kể cả con người.

342. Phạm vi của các Thực Thể vũ trụ này là gì? Các Ngài có phải là Các Hành Tinh Thượng Đế không? Hay còn vĩ đại hơn nữa? Bởi vì Các Hành Tinh Thượng Đế có các thể nguyên nhân của Các Ngài trên phần cao của cõi trí vũ trụ, chúng ta có thể xem Các Ngài là các thực thể vũ trụ.

343. Rất thường khi nói về các nhóm, chúng ta đang nói theo phương diện Các Hành Tinh Thượng Đế hay các Đấng Thiên Nhân. Chính khi chúng ta dung hợp vào sự sống của Đấng Thiên Nhân mà chúng ta ngày càng có tâm thức *nhóm*.

344. Tuy nhiên, có thể các Thực Thể vũ trụ được nhắc đến có phạm vi lớn hơn nhiều so với Các Hành Tinh Thượng Đế. Có nhiều loại nhóm cần được giải thoát.

Có lẽ khi xem xét vấn đề thâm áo này, điều đó có thể [Page 325] giúp làm sáng tỏ quan điểm nếu nhớ rằng con người về bản chất cốt yếu là dương tính nhưng các vận cụ của y thì âm tính;

345. Một lần nữa từ "thâm áo" được dùng, và chúng ta chỉ có thể đồng ý. Chúng ta đang vươn xa vượt quá kinh nghiệm bình thường

attempt to fathom certain processes of which we know, really, nothing.

của mình trong nỗ lực dò thấu một số tiến trình mà thực ra chúng ta không biết gì cả.

346. Man contains within himself both the positive and the negative. As a Monad he is positive to every one of his vehicles, even those which express his higher nature.

346. Con người chứa trong chính mình cả cái dương lẫn cái âm. Là một chân thần, y dương tính đối với mọi vận cụ của mình, ngay cả những vận cụ biểu lộ bản chất cao hơn của y.

hence he is the central unit of positive electricity that draws and holds to him atoms of an opposite polarity.

do đó y là đơn vị trung tâm của điện dương, đơn vị thu hút và giữ vào mình các nguyên tử có cực tính đối nghịch.

347. Is it being said that all atoms of whatever sheath are really "atoms of an opposite polarity" when compared to the "central unit of positive electricity".

347. Có phải ở đây đang nói rằng mọi nguyên tử của bất kỳ vỏ bọc nào thực sự đều là "các nguyên tử có cực tính đối nghịch" khi so với "đơn vị trung tâm của điện dương" không.

348. That "central unit" is necessarily the Spirit/Monad.

348. "Đơn vị trung tâm" ấy tất yếu là Tinh thần/chân thần.

When he has merged and blended the two poles, and produced light of a definite magnitude during any particular incarnation (which magnitude is settled by the Ego prior to incarnation) then obscuration takes place.

Khi y đã hợp nhất và hòa trộn hai cực, và tạo ra ánh sáng có một cường độ xác định trong bất kỳ lần lâm phàm đặc thù nào (mà cường độ ấy được chân ngã ấn định trước khi lâm phàm) thì sự che khuất xảy ra.

349. The purpose of every incarnation is the augmentation of light, or, in other words, an increase in consciousness.

349. Mục đích của mọi lần lâm phàm là sự gia tăng ánh sáng, hay nói cách khác, sự gia tăng tâm thức.

350. The two poles responsible for this augmentation are Spirit/matter.

350. Hai cực chịu trách nhiệm cho sự gia tăng này là tinh thần/vật chất.

351. It would seem that the Ego knows how much 'we', the personality (soul in incarnation), will achieve in any one incarnation.

351. Dường như chân ngã biết 'chúng ta', phàm ngã (linh hồn đang nhập thể), sẽ đạt được bao nhiêu trong bất kỳ một lần lâm phàm nào.

352. We have no idea what an exact science of light and consciousness is wielded by the Solar Angel as it supervises the development of His charge—the human being.

352. Chúng ta không hề biết khoa học chính xác về ánh sáng và tâm thức được Thái dương Thiên Thần vận dụng đến mức nào khi nó giám sát sự phát triển của đối tượng mà Ngài chăm nom—con người.

The electrical manifestation burns up and destroys the medium, and the light goes out;

Biểu hiện điện đốt cháy và hủy diệt môi giới, và ánh sáng tắt đi;

353. When our body dies, it represents the destruction of a medium for the expression of light. Death is brought about because an "electrical manifestation burns up and destroys the medium".

353. Khi thân thể của chúng ta chết, điều đó biểu thị sự hủy diệt một môi giới cho sự biểu lộ của ánh sáng. Cái chết được mang lại vì một "biểu hiện điện đốt cháy và hủy diệt môi giới".

354. Death, too, is an electrical event, an electrical demonstration.

354. Cái chết cũng là một biến cố điện, một sự biểu hiện điện.

355. All life processes in form result from aggregation and de-aggregation. If we think carefully, we shall see that aggregations and de-aggregations are electrically impulsed.

355. Mọi tiến trình sự sống trong hình tướng đều phát sinh từ sự kết tụ và tan rã kết tụ. Nếu suy nghĩ cẩn thận, chúng ta sẽ thấy rằng các sự kết tụ và tan rã kết tụ được thúc đẩy bằng điện.

what we call physical death ensues, **for the electrical current burns up that which had caused objectivity, and that which *shone.***

điều mà chúng ta gọi là cái chết hồng trần xảy ra, **vì dòng điện đốt cháy cái đã gây ra tính khách quan, và cái đã *chiếu sáng.***

356. This is such an interesting perspective on the cause of physical death as the human being experiences it, and probably as all atoms experience it!

356. Đây là một góc nhìn thật thú vị về nguyên nhân của cái chết hồng trần như con người trải nghiệm nó, và có lẽ như mọi nguyên tử đều trải nghiệm!

357. In physical death, the medium for the shining forth is burnt up, and the shining, or objectivity, ceases.

357. Trong cái chết hồng trần, môi giới cho sự chiếu sáng bị đốt cháy, và sự chiếu sáng, hay tính khách quan, chấm dứt.

358. There are many different kinds of death, and probably, the burning is found in relation to them all. (We remember at this point, the "burning desire" related to the second or monadic plane.)

358. Có nhiều loại chết khác nhau, và có lẽ sự cháy được tìm thấy trong mối liên hệ với tất cả chúng. (Ở đây chúng ta nhớ đến "khát vọng cháy bỏng" liên hệ với cõi thứ hai hay cõi chân thần.)

359. One thinks of the filament in a light bulb. Current passes through it, and there is objectivity or light. In a way, light *is* objectivity.

359. Người ta nghĩ đến dây tóc trong một bóng đèn. Dòng điện đi qua nó, và có tính khách quan hay ánh sáng. Theo một cách nào đó, ánh sáng *là* tính khách quan.

360. But then, at length, the filament (through degradation) can no longer support the current. The filament burns up and light ceases. The analogy is simple but useful.

360. Nhưng rồi, cuối cùng, dây tóc (do sự thoái hóa) không còn có thể nâng đỡ dòng điện nữa. Dây tóc cháy hết và ánh sáng chấm dứt. Phép loại suy này đơn giản nhưng hữu ích.

Let us carry this idea further and realise that these units called men (who are positive as regards their own vehicles) are but **the negative cells in the body of a Heavenly Man,**

Chúng ta hãy mang ý tưởng này đi xa hơn và nhận ra rằng những đơn vị được gọi là con người này (vốn là dương tính đối với các vận cụ riêng của họ) chỉ là **những tế bào âm tính trong thân thể của một Đấng Thiên Nhân,**

361. Would DK also call them 'negative atoms' or 'negative electrons'.

361. Liệu Chân sư DK cũng sẽ gọi họ là "những nguyên tử âm tính" hay "những điện tử âm tính" chăng.

362. From a close study of *TCF* one gathers that such terms as "cells", "atoms" and "electrons" can be used almost interchangeably.

362. Từ một sự nghiên cứu kỹ lưỡng về *TCF*, người ta thu nhận rằng những thuật ngữ như "tế bào", "nguyên tử" và "điện tử" có thể được dùng gần như thay thế cho nhau.

363. Our realization is that positivity and negativity are completely relative. When the point of view changes so does the estimation of polarity.

363. Sự chứng nghiệm của chúng ta là tính dương và tính âm hoàn toàn có tính tương đối. Khi quan điểm thay đổi thì sự đánh giá về cực tính cũng thay đổi.

364. It is important to note that not only are human beings "cells" in the body or chakras of a Heavenly Man, but "*negative* cells".

364. Điều quan trọng cần lưu ý là con người không chỉ là những "tế bào" trong thể hay các luân xa của một Đấng Thiên Nhân, mà còn là những "tế bào *âm tính*".

365. The Heavenly Man is positive and the human beings, being negative, are attracted to that Heavenly Man.

365. Đấng Thiên Nhân là dương tính và con người, vì là âm tính, bị hút về Đấng Thiên Nhân ấy.

366. The human being as a "central unit of positive electricity" is positive to the atomic constituents of *all* of his vehicles.

366. Con người như một "đơn vị trung tâm của điện dương" là dương tính đối với các thành phần nguyên tử của *mọi* vận cụ của y.

367. Human being/atoms of his vehicles = human beings as Monads/Heavenly Man

367. Con người/các nguyên tử của các vận cụ của y = con người như các chân thần/Đấng Thiên Nhân

and are held within His sphere of influence by the force of His electrical life.

và được giữ trong phạm vi ảnh hưởng của Ngài bởi mãnh lực của sự sống điện của Ngài.

368. The electrical life of the Planetary Logos holds us, a human beings, within His sphere of influences.

368. Sự sống điện của Đức Hành Tinh Thượng Đế giữ chúng ta, là những con người, trong phạm vi ảnh hưởng của Ngài.

369. The tiny atoms within the vehicles of man are likewise held within the sphere of influence of the man, attracted as they are to his positive center—the Monad—the "central unit of positive electricity".

369. Những nguyên tử nhỏ bé trong các vận cụ của con người cũng được giữ trong phạm vi ảnh hưởng của con người, vì chúng bị hút về trung tâm dương tính của y—chân thần—"đơn vị trung tâm của điện dương".

Bear in mind again that the Heavenly Men are thus positive as regards the lesser lives, but in Their turn are negative as regards the greater Life that contains Them.

Hãy lại ghi nhớ rằng các Đấng Thiên Nhân như vậy là dương tính đối với các sự sống nhỏ hơn, nhưng đến lượt Các Ngài lại là âm tính đối với Sự sống lớn hơn chứa đựng Các Ngài.

370. As the ladder ascends, the polarity shifts.

370. Khi chiếc thang đi lên, cực tính dịch chuyển.

371. To what sort of Being are the Heavenly Men merely as negative atoms. It would have to be a being far greater than the Solar Logos; far greater than a Constellational Logos; far greater even than the One About Whom Naught May Be Said.

371. Đối với loại Hữu thể nào mà các Đấng Thiên Nhân chỉ như những nguyên tử âm tính? Đó hẳn phải là một Hữu thể lớn lao hơn rất nhiều so với Thái dương Thượng đế; lớn lao hơn rất nhiều so với một Thượng đế Chòm Sao; thậm chí còn lớn lao hơn cả Đấng Bất Khả Tư Nghị.

Here again is demonstrated the truth of the teaching given by H. P. B.

Ở đây một lần nữa chân lý của giáo huấn do H. P. B. ban ra được chứng minh.

Electric Fire Positive Spirit.

Lửa Điện Dương tính Tinh thần.

Fire by Friction Negative Matter.

Lửa ma sát Âm tính Vật chất.

Solar Fire Light The two blended and thus

Lửa Thái dương Ánh sáng Hai cái hòa trộn và như thế

producing the objective blaze.

tạo ra ngọn lửa khách quan.

372. This is a fundamental tabulation and should be incorporated in consciousness.

372. Đây là một bảng tóm lược nền tảng và nên được hội nhập vào tâm thức.

373. We should try to understand: objectivity is a *blaze.* That which is *seen* is a *blaze.* The result of the blending of Spirit and Matter is a *blaze.*

373. Chúng ta nên cố gắng thấu hiểu: tính khách quan là một *ngọn lửa.* Điều được *thấy* là một *ngọn lửa.* Kết quả của sự hòa trộn giữa Tinh thần và Vật chất là một *ngọn lửa.*

We have thus considered the question of the **<u>electrical origin of all manifestation</u>** in connection with the four higher subplanes of the solar system

Như vậy chúng ta đã xem xét vấn đề về **<u>nguồn gốc điện của mọi biểu hiện</u>** liên hệ với bốn cõi phụ cao hơn của hệ mặt trời

374. Particularly so (in relation to the four) but we have also hinted at the thought that *all* planes upon the cosmic physical plane are really an electrical demonstration.

374. Đặc biệt là như vậy (liên hệ với bốn cõi), nhưng chúng ta cũng đã gợi ý tư tưởng rằng *mọi* cõi trên cõi hồng trần vũ trụ thực sự đều là một sự biểu lộ điện.

375. Once the One was Self-divided, electricity became inevitable.

375. Một khi Đấng Duy Nhất tự phân chia, điện trở thành điều tất yếu.

376. In a way, electricity is simply the means by which the Many re-become the One. It may also be the means by which duality becomes multiplicity.

376. Theo một cách nào đó, điện đơn giản là phương tiện nhờ đó Cái Nhiều lại trở thành Đấng Duy Nhất. Nó cũng có thể là phương tiện nhờ đó nhị nguyên tính trở thành đa thể.

—those four planes which are the four cosmic ethers, and therefore form the body of objectivity of a Heavenly Man in exactly the same sense as the four physical ethers of the solar system form the etheric body of a man.

—bốn cõi ấy là bốn dĩ thái vũ trụ, và do đó tạo thành thể khách quan của một Đấng Thiên Nhân theo đúng cùng ý nghĩa như bốn dĩ thái hồng trần của hệ mặt trời tạo thành thể dĩ thái của con người.

377. What we are coming to understand is that the etheric body is the true "body of objectivity".

377. Điều chúng ta đang đi đến chỗ thấu hiểu là thể dĩ thái mới là "thể khách quan" đích thực.

378. From this perspective, the three lowest sub-planes of the cosmic physical plane are really a kind of "congestion" in the same way that it was said (systemically) that the three lowest systemic sub-planes were a "congestion".

378. Từ góc nhìn này, ba cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần vũ trụ thực sự là một loại "sự tắc nghẽn", cũng giống như đã từng nói (trong hệ) rằng ba cõi phụ thấp nhất của hệ là một "sự tắc nghẽn".

379. Is it not fascinating that with respect to our Heavenly Man, we have not, most of us, even entered His true "body of objectivity"? We are focussed within the densest reflection of that objectivity, and have not yet achieved buddhic consciousness.

379. Chẳng phải thật hấp dẫn sao khi xét đối với Đấng Thiên Nhân của chúng ta, phần lớn chúng ta thậm chí còn chưa đi vào "thể khách quan" đích thực của Ngài? Chúng ta tập trung trong sự phản chiếu đậm đặc nhất của tính khách quan ấy, và vẫn chưa đạt được tâm thức Bồ đề.

I have here repeated the fact, as its importance has not yet been grasped by the average occult student; this fact—when [Page 326] conceded and realised—**serves in a wonderful way to clarify the whole subject of planetary evolution.**

Ở đây tôi đã lặp lại sự kiện này, vì tầm quan trọng của nó vẫn chưa được đạo sinh huyền bí học trung bình nắm bắt; sự kiện này—khi được [Page 326] thừa nhận và chứng nghiệm —**phục vụ một cách kỳ diệu để làm sáng tỏ toàn bộ chủ đề về tiến hoá hành tinh.**

380. The fact is the fact of the ubiquity of electrical demonstration, and the electrical origin of all that can be considered truly

380. Sự kiện ấy là sự kiện về tính phổ biến khắp nơi của sự biểu lộ điện, và nguồn gốc điện của mọi điều có thể được xem là chất

principled substance, and even of that which cannot.

381. Let us attempt to appreciate that DK states He is helping to clarify our minds within respect to the whole subject of planetary evolution. He is doing this because He is sharing with us an understanding of the "electrical origin of all manifestation"—with regard to the four cosmic ethers, at least.

We have now reached the three planes wherein man functions, or the gaseous, liquid, and dense subplanes of the cosmic physical.

382. This gives us some idea of the true province of man. We have far to go. Our major focus is within *that* which to a Planetary Logos is not even a principle, from the perspectives of the Solar Logos and Planetary Logos.

The whole subject of the akasha will be greatly clarified as exoteric science delves into the question of the ethers.

383. Akasha is usually identified as the second ether—whether systemic or cosmic.

384. Just as the entire cosmic physical plane is etheric (from one perspective) so is everything etheric really akashic. We will have to proceed carefully when dealing with these terms in order to see when they are being use specifically and when generally.

As knowledge of the four types of ethers is available, as the vibratory action of these

liệu nguyên khí đích thực, và ngay cả của điều không thể được xem như vậy.

381. Chúng ta hãy cố gắng nhận thức rằng Chân sư DK nói rằng Ngài đang giúp làm sáng tỏ trí tuệ của chúng ta đối với toàn bộ chủ đề về tiến hoá hành tinh. Ngài làm điều này vì Ngài đang chia sẻ với chúng ta một sự thấu hiểu về "nguồn gốc điện của mọi biểu hiện"—ít nhất là đối với bốn dĩ thái vũ trụ.

Giờ đây chúng ta đã đạt đến ba cõi nơi con người hoạt động, hay các cõi phụ khí, lỏng và đậm đặc của cõi hồng trần vũ trụ.

382. Điều này cho chúng ta một ý niệm nào đó về phạm vi đích thực của con người. Chúng ta còn phải đi rất xa. Trọng tâm chính của chúng ta nằm trong *điều* mà đối với một Đức Hành Tinh Thượng Đế thậm chí còn không phải là một nguyên khí, xét từ các góc nhìn của Thái dương Thượng đế và Đức Hành Tinh Thượng Đế.

Toàn bộ chủ đề về akasha sẽ được làm sáng tỏ rất nhiều khi khoa học ngoại môn đi sâu vào vấn đề các dĩ thái.

383. Akasha thường được đồng nhất với dĩ thái thứ hai—dù là của hệ hay của vũ trụ.

384. Cũng như toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ là dĩ thái (theo một góc nhìn), thì mọi thứ dĩ thái thực ra đều là akashic. Chúng ta sẽ phải tiến hành cẩn trọng khi bàn đến các thuật ngữ này để thấy khi nào chúng được dùng theo nghĩa chuyên biệt và khi nào theo nghĩa tổng quát.

Khi tri thức về bốn loại dĩ thái trở nên sẵn có, khi tác động rung động của các dĩ thái này

ethers is realised, and as the details concerning their composition, utilisation, light-bearing capacity,

385. Apparently every ether has a distinctive light-bearing capacity.

386. What must be know of the four types of ether?

a. The vibratory action of each ether

b. The nature of the composition of each ether

c. The nature of the manner in which each ether may be utilized

d. The light-bearing capacity of each ether

387. We are speaking of developments which lie far into the future.

and the various angles from which they may be studied become known then paralleling knowledge anent the corresponding four cosmic ethers will be forthcoming.

388. We are being told that our avenue to rightly understanding the four cosmic ethers is through an understanding of the systemic ethers.

389. We can wonder whether a theoretical knowledge of the cosmic ethers can assist with our understanding of the systemic ethers.

Much concerning them may be deduced from the already apprehended facts which relate to the four solar physical ethers.

được chứng nghiệm, và khi các chi tiết liên quan đến thành phần cấu tạo, sự sử dụng, khả năng mang ánh sáng của chúng,

385. Hiển nhiên mỗi dĩ thái đều có một khả năng mang ánh sáng đặc thù.

386. Điều gì phải được biết về bốn loại dĩ thái?

a. Tác động rung động của mỗi dĩ thái

b. Bản chất của thành phần cấu tạo của mỗi dĩ thái

c. Bản chất của cách thức mà mỗi dĩ thái có thể được sử dụng

d. Khả năng mang ánh sáng của mỗi dĩ thái

387. Chúng ta đang nói về những phát triển nằm rất xa trong tương lai.

và khi những góc độ khác nhau mà từ đó chúng có thể được nghiên cứu trở nên được biết đến, thì tri thức song hành liên quan đến bốn dĩ thái vũ trụ tương ứng cũng sẽ xuất hiện.

388. Chúng ta được cho biết rằng con đường để hiểu đúng bốn dĩ thái vũ trụ là thông qua sự thấu hiểu các dĩ thái của hệ.

389. Chúng ta có thể tự hỏi liệu một tri thức lý thuyết về các dĩ thái vũ trụ có thể hỗ trợ cho sự thấu hiểu của chúng ta về các dĩ thái của hệ hay không.

Nhiều điều liên quan đến chúng có thể được suy diễn từ những sự kiện đã được lĩnh hội

vốn liên hệ với bốn dĩ thái hồng trần thái dương.

390. That which is given on the systemic or solar ethers should be gathered, and analogy made to the cosmic ethers. This would be of great value in bringing us greater understanding of our life upon the seven sub-planes of the cosmic physical plane.

390. Điều được ban ra về các dĩ thái của hệ hay thái dương nên được thu thập, và áp dụng định luật tương đồng cho các dĩ thái vũ trụ. Điều này sẽ có giá trị lớn trong việc đem lại cho chúng ta sự thấu hiểu sâu hơn về đời sống của chúng ta trên bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ.

391. Probably, quite a deal about Shamballa could be inferred from such a study, for Shamballa manifests, it seems through both the cosmic and solar ethers, especially the former.

391. Có lẽ khá nhiều điều về Shamballa có thể được suy ra từ một nghiên cứu như thế, vì Shamballa biểu hiện, dường như, qua cả các dĩ thái vũ trụ lẫn thái dương, đặc biệt là các dĩ thái trước.

392. The planets most connected with shamballic functioning could be inferred by understanding the nature of the planets most influencing the four systemic ethers.

392. Những hành tinh liên hệ nhiều nhất với hoạt động shamballic có thể được suy ra bằng cách thấu hiểu bản chất của những hành tinh ảnh hưởng mạnh nhất đến bốn dĩ thái của hệ.

For instance, the fourth ether (which is even now being what we might call "**discovered**"), is at this stage characterised by certain things.

Chẳng hạn, dĩ thái thứ tư (ngay cả lúc này đang được điều mà chúng ta có thể gọi là "**khám phá**") ở giai đoạn này được đặc trưng bởi một số điều nhất định.

393. The "discovery" relates to all that the twentieth century has revealed concerning atomic energy.

393. Sự "khám phá" này liên hệ với tất cả những gì thế kỷ hai mươi đã tiết lộ về năng lượng nguyên tử.

394. Fortunately, DK will give us an example of what He means.

394. May mắn thay, Chân sư DK sẽ cho chúng ta một ví dụ về điều Ngài muốn nói.

I might enumerate a few of these facts with exceeding brevity, as follows:

Tôi có thể liệt kê một vài trong số những sự kiện này với sự ngắn gọn tối đa, như sau:

395. We are characterizing the nature of the fourth ether.

395. Chúng ta đang đặc trưng hóa bản chất của dĩ thái thứ tư.

a. It is the ether which the violet ray uses as a medium.

396. We are given four colors associated with the etheric sub-planes.

At the beginning of this period of recognition, men will principally contact the violet devas, for those of the higher ranks amongst them are definitely making the attempt to contact the human. These devas of the shadows are of a **dark purple on the fourth etheric level, of a lighter purple, much the same colour as violet, on the third etheric level, a light violet on the second, whilst on the atomic subplane they are of a glorious translucent lavender**. (*TCF* 912)

397. We notice that in this later reference, DK is somewhat more explicit than earlier, differentiating between "dark purple" and "lighter purple" or violet.

b. The fourth ether is that whereof the majority of the etheric bodies of men are made.

398. This suggests that the majority of human beings are controlled by the lower chakras, resident on the fourth ether. This excludes the throat, heart and head chakras which are found on the higher ethers.

c. The fourth ether is largely the **principal sphere of influence** of the "devas of the shadows," or those violet devas which are closely concerned with the physical evolution of man.

399. We might say that the devas of the shadows (as they presently can express with

a. Đây là dĩ thái mà cung tím sử dụng như một môi trường.

396. Chúng ta được cho bốn màu sắc liên kết với các cõi phụ dĩ thái.

Vào lúc bắt đầu thời kỳ nhận biết này, những người nam và nữ sẽ chủ yếu tiếp xúc với các thiên thần tím, vì những vị thuộc các cấp cao hơn trong số họ rõ ràng đang cố gắng tiếp xúc với con người. Những thiên thần của bóng tối này có **màu tím sẫm ở cấp độ dĩ thái thứ tư, màu tím nhạt hơn, gần như cùng màu với tím violet, ở cấp độ dĩ thái thứ ba, màu tím violet nhạt ở cấp độ thứ hai, trong khi ở cõi phụ nguyên tử họ có màu oải hương trong suốt huy hoàng**. (*TCF* 912)

397. Chúng ta nhận thấy rằng trong dẫn chiếu sau này, Chân sư DK có phần minh xác hơn trước, phân biệt giữa "tím sẫm" và "tím nhạt hơn" hay violet.

b. Dĩ thái thứ tư là dĩ thái mà phần lớn các thể dĩ thái của con người được tạo thành từ đó.

398. Điều này gợi ý rằng phần lớn nhân loại bị kiểm soát bởi các luân xa thấp, nằm trên dĩ thái thứ tư. Điều này loại trừ các luân xa cổ họng, tim và đầu vốn được tìm thấy trên các dĩ thái cao hơn.

c. Dĩ thái thứ tư phần lớn là **khối cầu ảnh hưởng chính yếu** của "các thiên thần của bóng tối", hay những thiên thần tím có liên hệ mật thiết với sự tiến hoá hồng trần của con người.

399. Chúng ta có thể nói rằng các thiên thần của bóng tối (theo như hiện nay họ có thể

respect to man) utilize the fourth ether principally—at this time.

biểu lộ đối với con người) chủ yếu sử dụng dĩ thái thứ tư—vào lúc này.

400. Yet all the four ethers are home to the "devas of the shadows".

400. Tuy nhiên cả bốn dĩ thái đều là nơi cư ngụ của "các thiên thần của bóng tối".

d. It is the etheric sphere within which, **at a little later date**, the human and the deva evolutions will touch.

d. Đây là khối cầu dĩ thái mà trong đó, **vào một thời điểm muộn hơn đôi chút**, hai dòng tiến hoá nhân loại và thiên thần sẽ chạm nhau.

401. DK is telling us that, as of 1922-1925, the human and deva evolutions had not really touched. Their real alliance, we may remember, occurs upon the buddhic plane.

401. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng, tính đến các năm 1922-1925, hai dòng tiến hoá nhân loại và thiên thần vẫn chưa thực sự chạm nhau. Chúng ta có thể nhớ rằng sự liên minh thực sự của họ xảy ra trên cõi Bồ đề.

402. We can see how far we are from the actual consciousness interplay of man and deva.

402. Chúng ta có thể thấy mình còn cách xa đến mức nào đối với sự tương tác tâm thức thực sự giữa con người và thiên thần.

e. From this fourth etheric sphere the dense physical bodies are created.

e. Từ khối cầu dĩ thái thứ tư này, các thể xác đậm đặc được tạo ra.

403. This fourth ether is the point of precipitation. The number *four* is so often associated with creativity and is related to the number *seven,* of manifestation.

403. Dĩ thái thứ tư này là điểm ngưng tụ. Con số *bốn* thường xuyên được liên kết với tính sáng tạo và có liên hệ với con số *bảy,* của biểu hiện.

f. It is the sphere of physical individualisation. Only when **the animal to be individualised was fully conscious on that subplane of the physical plane was it possible to co-ordinate the corresponding spheres on the astral and mental planes** and by means of this triple co-ordination to effect the necessary steps which **enabled the quaternary to succeed in its effort to approximate the Triad.**

f. Đây là khối cầu của sự biệt ngã hóa hồng trần. Chỉ khi **con vật sắp được biệt ngã hóa hoàn toàn có tâm thức trên cõi phụ ấy của cõi hồng trần thì mới có thể phối hợp các khối cầu tương ứng trên cõi cảm dục và cõi trí** và nhờ sự phối hợp tam phân này mà thực hiện các bước cần thiết, những bước **giúp cho bộ tứ thành công trong nỗ lực tiến gần Tam nguyên tinh thần.**

404. This is an amazing piece of occult information involving the resonance based on the number four.

404. Đây là một mẩu thông tin huyền bí học đáng kinh ngạc liên quan đến sự cộng hưởng dựa trên con số bốn.

405. It seems surprising, however, to speak of the "animal to be individualized" as *fully* conscious on the fourth ether—especially since we human beings are now trying to achieve some degree of consciousness in relation to that ether.

405. Tuy nhiên, có vẻ đáng ngạc nhiên khi nói về "con vật sắp được biệt ngã hóa" là *hoàn toàn* có tâm thức trên dĩ thái thứ tư—đặc biệt khi chúng ta, những con người, hiện nay đang cố đạt được một mức độ tâm thức nào đó liên hệ với dĩ thái ấy.

406. So we must question what it means for the animal to be "fully conscious" on that sub-plane.

406. Vì vậy chúng ta phải đặt câu hỏi điều đó có nghĩa gì khi con vật "hoàn toàn có tâm thức" trên cõi phụ ấy.

407. What we do see is that the event called individualization was an alignment—between the fourth ether, the four sub-plane of the astral plane, the fourth sub-plane of the mental plane and the triad (presumably with some buddhic involvement).

407. Điều chúng ta thực sự thấy là biến cố được gọi là biệt ngã hóa là một sự chỉnh hợp—giữa dĩ thái thứ tư, cõi phụ thứ tư của cõi cảm dục, cõi phụ thứ tư của cõi trí và Tam nguyên tinh thần (có lẽ với một mức độ dự phần nào đó của Bồ đề).

408. It is also reaffirmed that sub-planes are "spheres".

408. Đồng thời điều này cũng tái khẳng định rằng các cõi phụ là những "khối cầu".

409. Individualization, we see, is not simply some magical intervention by great Solar Beings, but results from an alignment achieved within the energy system of the pre-human animal.

409. Như chúng ta thấy, biệt ngã hóa không chỉ đơn giản là một sự can thiệp huyền thuật nào đó của các Đấng Thái Dương vĩ đại, mà là kết quả của một sự chỉnh hợp đạt được trong hệ thống năng lượng của con vật tiền nhân loại.

410. We can assume that the etheric brain is involved, just as is that level on the mental plane where on the mental unit (worked up from below) can be found.

410. Chúng ta có thể giả định rằng bộ não dĩ thái có liên hệ, cũng như cấp độ trên cõi trí nơi đơn vị hạ trí (được xây dựng từ bên dưới) có thể được tìm thấy.

411. We remember that DK said He would describe this ether with "exceeding brevity".

411. Chúng ta nhớ rằng Chân sư DK đã nói Ngài sẽ mô tả dĩ thái này với "sự ngắn gọn tối đa".

412. When the quaternary approximates the Triad, light breaks forth and individualization occurs.

412. Khi bộ tứ tiến gần Tam nguyên tinh thần, ánh sáng bừng phát và biệt ngã hóa xảy ra.

[Page 327]

[Page 327]

g. This fourth ether in this fourth round and on this fourth chain has to be completely mastered and controlled by the Human Hierarchy, the fourth creative. Every unit of the human family has to attain this mastery before the end of this round.

g. Dĩ thái thứ tư này trong cuộc tuần hoàn thứ tư và trên Dãy Thứ Tư này phải được Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, tức Huyền Giai Nhân loại, hoàn toàn làm chủ và kiểm soát. Mọi đơn vị của gia đình nhân loại đều phải đạt được sự làm chủ này trước khi cuộc tuần hoàn này chấm dứt.

413. Here we have an objective which applies to every unit of the human family.

413. Ở đây chúng ta có một mục tiêu áp dụng cho mọi đơn vị của gia đình nhân loại.

414. Can those who have not had the spark of mind implanted also be referenced? For they will not achieve until the *fifth* round? So then are such members of the human race included in the phrase "every unit of the human family"? The "end of this round" is the end of the *fourth* round.

414. Liệu những kẻ chưa được cấy tia lửa trí tuệ cũng được bao hàm ở đây chăng? Vì họ sẽ không đạt được cho đến cuộc tuần hoàn thứ *năm*? Vậy thì những thành viên như thế của nhân loại có được bao gồm trong cụm từ "mọi đơn vị của gia đình nhân loại" hay không? "Sự chấm dứt của cuộc tuần hoàn này" là sự chấm dứt của cuộc tuần hoàn thứ *tư*.

415. Again, we have to understand what "mastery" really means. Will it involve etheric vision?

415. Một lần nữa, chúng ta phải thấu hiểu "sự làm chủ" thực sự có nghĩa là gì. Liệu nó có bao hàm linh thị dĩ thái không?

h. It is the sphere wherein the initiations of the threshold are undergone, and the **fivefold initiations of the physical plane are entered upon.**

h. Đây là khối cầu trong đó các điểm đạo của ngưỡng cửa được trải qua, và **các điểm đạo ngũ phân của cõi hồng trần được bắt đầu.**

416. We have to understand the meaning of "initiations of the threshold". Usually these are the first and second initiations, planetarily considered.

416. Chúng ta phải thấu hiểu ý nghĩa của "các điểm đạo của ngưỡng cửa". Thông thường đây là lần điểm đạo thứ nhất và lần điểm đạo thứ hai, xét theo hành tinh.

417. If this is the case, may we expect that the third initiation involves the *third ether,* and in some manner the throat center?

417. Nếu đúng như vậy, liệu chúng ta có thể chờ đợi rằng lần điểm đạo thứ ba liên quan đến *dĩ thái thứ ba,* và theo một cách nào đó là trung tâm cổ họng chăng?

418. The phrase "initiations of the threshold" seems quite straightforward, but what may be the "fivefold initiations of the physical plane".

418. Cụm từ "các điểm đạo của ngưỡng cửa" có vẻ khá trực tiếp, nhưng "các điểm đạo ngũ phân của cõi hồng trần" có thể là gì?

419. We are not simply speaking of the five major initiations but of initiations which are "fivefold". On this, we must ponder.

419. Chúng ta không chỉ đơn thuần nói về năm lần điểm đạo chính mà về những điểm đạo "ngũ phân". Về điều này, chúng ta phải suy ngẫm.

420. In looking at the structure of the initiation process (as we can through studying *Initiation: Human and Solar,* do we discern that the process has five phases? If so, we would have one meaning for "the fivefold initiations".

420. Khi xem xét cấu trúc của tiến trình điểm đạo (như chúng ta có thể làm qua việc nghiên cứu *Điểm Đạo: Nhân Loại và Thái Dương,*), liệu chúng ta có nhận ra rằng tiến trình ấy có năm giai đoạn không? Nếu vậy, chúng ta sẽ có một ý nghĩa cho "các điểm đạo ngũ phân".

Much more might be further added to this list, but I have sought only to point out those which can be easily realised as having a correspondence on the buddhic plane, the fourth cosmic ether.

Nhiều điều hơn nữa có thể được thêm vào danh sách này, nhưng tôi chỉ tìm cách nêu ra những điều có thể dễ dàng được chứng nghiệm là có một sự tương ứng trên cõi Bồ đề, dĩ thái vũ trụ thứ tư.

421. DK is limiting the scope of His exposition.

421. Chân sư DK đang giới hạn phạm vi trình bày của Ngài.

422. He began this section by comparing the fourth systemic ether with the buddhic plane and has persisted.

422. Ngài đã bắt đầu phần này bằng cách so sánh dĩ thái thứ tư của hệ với cõi Bồ đề và đã kiên trì theo hướng ấy.

It should be borne in mind that our physical plane in its subplanes has its analogy likewise to the entire cosmic physical plane.

Cần ghi nhớ rằng cõi hồng trần của chúng ta trong các cõi phụ của nó cũng có sự tương đồng với toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ.

423. An extended analogy will be offered.

423. Một phép tương đồng mở rộng sẽ được đưa ra.

COSMIC PHYSICAL PLANE

CÕI HỒNG TRẦN VŨ TRỤ

1. Adi	First cosmic ether.	1. Atomic subplane	First ether.	1. Adi	Dĩ thái vũ trụ thứ nhất.	1. Cõi phụ nguyên tử	Dĩ thái thứ nhất.
2. Monadic	Second cosmic ether.	2. Sub-atomic	Second ether.	2. Chân thần	Dĩ thái vũ trụ thứ hai.	2. Cõi phụ hạ nguyên tử	Dĩ thái thứ hai.
3. Atmic	Third cosmic ether.	3. Super-etheric	Third ether.	3. Atma	Dĩ thái vũ trụ thứ ba.	3. Siêu dĩ thái	Dĩ thái thứ ba.
4. Buddhic	*Fourth cosmic ether.*	*4. Etheric*	*Fourth ether.*	*4. Bồ đề*	*Dĩ thái vũ trụ thứ tư.*	*4. Dĩ thái*	*Dĩ thái thứ tư.*
5. Mental	Cosmic gaseous.	5. Gaseous.		5. Trí tuệ	Khí vũ trụ.	5. Khí.	
6. Astral	Cosmic liquid.	6. Liquid.		6. Cảm dục	Lỏng vũ trụ.	6. Lỏng.	
7. Physical	Cosmic dense.	7. Dense physical.		7. Hồng trần	Đậm đặc vũ trụ.	7. Hồng trần đậm đặc.	

424. Probably the substance of this chart has been quite fully absorbed by serious students of *TCF*.

424. Có lẽ nội dung của biểu đồ này đã được các đạo sinh nghiêm túc của *TCF* hấp thụ khá đầy đủ.

425. It would repay contemplation to ponder the nature of our systemic mental plane as the cosmic gaseous and our systemic astral plane as the cosmic liquidic.

425. Sẽ rất đáng để chiêm ngưỡng về bản chất của cõi trí của hệ chúng ta như là khí vũ trụ và cõi cảm dục của hệ chúng ta như là lỏng vũ trụ.

426. An entire unit of work is being opened for us. We will be allowed to come to an understanding of systemic and cosmic ethers by comparing them.

426. Cả một đơn vị công việc đang được mở ra cho chúng ta. Chúng ta sẽ được phép đi đến một sự thấu hiểu về các dĩ thái của hệ và của vũ trụ bằng cách so sánh chúng.

The solar physical plane might also be expressed accurately as follows, working out the anaIogy to the major planes:

427. The solar physical plane is identical to the systemic physical plane. The words “solar” and “systemic” are anonymous.

SOLAR PHYSICAL PLANE

First subplane	atomic	first ether physical adi.
Second subplane	sub-atomic	second ether physical anupadaka.
Third subplane	super-etheric	third ether physical atmic.
Fourth subplane	etheric	fourth ether physical buddhic.
Fifth subplane	gaseous	physical mental.
Sixth subplane	liquid	physical astral.
Seventh subplane	dense	physical dense.

428. We are focussing on the solar physical plane. In order to understand its relations to the cosmic physical plane, the plane name of the sub-planes of the cosmic physical plane are superimposed upon the sub-planes of the solar physical plane.

a. In this manner the atomic sub-plane of the systemic physical plane becomes the physical ‘adic’.

Cõi hồng trần thái dương cũng có thể được diễn đạt một cách chính xác như sau, triển khai sự tương đồng với các cõi chính:

427. Cõi hồng trần thái dương đồng nhất với cõi hồng trần của hệ. Các từ “thái dương” và “của hệ” là đồng nghĩa.

CÕI HỒNG TRẦN THÁI DƯƠNG

Cõi phụ thứ nhất	nguyên tử	dĩ thái thứ nhất hồng trần adi.
Cõi phụ thứ hai	hạ nguyên tử	dĩ thái thứ hai hồng trần anupadaka.
Cõi phụ thứ ba	siêu dĩ thái	dĩ thái thứ ba hồng trần atma.
Cõi phụ thứ tư	dĩ thái	dĩ thái thứ tư hồng trần Bồ đề.
Cõi phụ thứ năm	khí	hồng trần trí tuệ.
Cõi phụ thứ sáu	lỏng	hồng trần cảm dục.
Cõi phụ thứ bảy	đậm đặc	hồng trần đậm đặc.

428. Chúng ta đang tập trung vào cõi hồng trần thái dương. Để hiểu các mối liên hệ của nó với cõi hồng trần vũ trụ, tên cõi của các cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ được chồng lên các cõi phụ của cõi hồng trần thái dương.

a. Theo cách này, cõi phụ nguyên tử của cõi hồng trần của hệ trở thành “adic” hồng trần.

b. The sub-atomic sub-plane of the systemic physical plane becomes the physical anupadakic, etc.

429. In this manner one can relate the qualities of the sub-planes of the cosmic physical plane to the sub-planes of the solar physical plane. A different and perhaps illuminating perspective is offered.

430. One of the great questions to be asked is: "What do you learn when you *compare* this with that?"

431. Now when we think of the physical ethers and sub-planes, we can also reference the qualities associated with adi, anupadaka, atmic, buddhic, mental, astral and dense and learn something additional regarding their constitution and functioning.

[Page 328] In both the cosmic and solar physical planes, the plane of buddhi is ever the **plane of at-one-ment, or the meeting ground of diversities, and of their blending —not into a fundamental unity—but into group unity.**

432. Here we have a very useful description of what buddhi does.

433. Here is a most important definition of buddhi, the "Plane of Harmony".

434. On the buddhic plane, diversities are reconcile and blended.

435. From a practical perspective, we can see how much the energy of buddhi is needed to resolve the difficulties plaguing the human family.

b. Cõi phụ hạ nguyên tử của cõi hồng trần của hệ trở thành anupadakic hồng trần, v.v.

429. Theo cách này người ta có thể liên hệ các phẩm tính của các cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ với các cõi phụ của cõi hồng trần thái dương. Một góc nhìn khác, và có lẽ soi sáng, được đưa ra.

430. Một trong những câu hỏi lớn cần được đặt ra là: "Các bạn học được điều gì khi các bạn *so sánh* cái này với cái kia?"

431. Giờ đây khi nghĩ đến các dĩ thái và các cõi phụ hồng trần, chúng ta cũng có thể quy chiếu đến các phẩm tính liên kết với adi, anupadaka, atma, Bồ đề, trí tuệ, cảm dục và đậm đặc, và học thêm điều gì đó liên quan đến cấu tạo và hoạt động của chúng.

[Page 328] Trong cả cõi hồng trần vũ trụ lẫn cõi hồng trần thái dương, cõi Bồ đề luôn luôn là **cõi của sự hợp nhất, hay nơi gặp gỡ của các dị biệt, và của sự hòa trộn chúng— không phải thành một hợp nhất căn bản— mà thành sự hợp nhất nhóm.**

432. Ở đây chúng ta có một mô tả rất hữu ích về điều mà Bồ đề thực hiện.

433. Đây là một định nghĩa hết sức quan trọng về Bồ đề, "Cõi của Hài Hòa".

434. Trên cõi Bồ đề, các dị biệt được hòa giải và hòa trộn.

435. Từ một góc nhìn thực tiễn, chúng ta có thể thấy năng lượng của Bồ đề cần thiết biết bao để giải quyết những khó khăn đang gây khổ cho gia đình nhân loại.

436. These diversities are not blended into a "fundamental unity" as is the case on the monadic plane (a plane of greater homogeneity), but, rather into a "*group* unity".

436. Những dị biệt này không được hòa trộn thành một "hợp nhất căn bản" như trường hợp trên cõi chân thần (một cõi có tính đồng nhất lớn hơn), mà đúng hơn thành một sự hợp nhất "*nhóm*".

437. The monadic plane is the plane of fundamental unity. Group unity (which is heterogeneous) is not as far advanced as fundamental unity (which is homogeneous). Buddhi is related to *group* consciousness; the fundamental unity is related to monadic consciousness which is, as far as the human being is concerned, 'God-consciousness'.

437. Cõi chân thần là cõi của sự hợp nhất căn bản. Sự hợp nhất nhóm (vốn dị thể) chưa tiến xa bằng sự hợp nhất căn bản (vốn đồng thể). Bồ đề liên hệ với tâm thức *nhóm*; sự hợp nhất căn bản liên hệ với tâm thức chân thần, vốn, xét theo con người, là "tâm thức Thượng đế".

438. The buddhic plane is preeminently the plane of *group* consciousness.

438. Cõi Bồ đề nổi bật hơn hết là cõi của tâm thức *nhóm*.

439. Let us tabulate the characteristics of the buddhic plane:

439. Chúng ta hãy lập bảng các đặc tính của cõi Bồ đề:

a. The plane of at-one-ment

a. Cõi của sự hợp nhất

b. The plane of the meeting ground of diversities

b. Cõi của nơi gặp gỡ của các dị biệt

c. The plane of the blending of diversities into a group unity

c. Cõi của sự hòa trộn các dị biệt thành một sự hợp nhất nhóm

d. It is not the plane of the blending of diversities into a fundamental unity

d. Không phải là cõi của sự hòa trộn các dị biệt thành một sự hợp nhất căn bản

This is owing to the fact that the buddhic plane is pre-eminently the plane most concerned with the evolution of the Heavenly Men.

Điều này là do cõi Bồ đề nổi bật hơn hết là cõi liên quan mật thiết nhất đến sự tiến hoá của các Đấng Thiên Nhân.

440. This is ever to be remembered.

440. Điều này luôn luôn phải được ghi nhớ.

441. Dĩ nhiên, chúng ta có thể đặt câu hỏi, *những* Đấng Thiên Nhân nào được nói đến ở

441. Of course, we may question, *which* of the Heavenly Men are here referenced? Globe Lords? Chain Lords? Planetary Logoi?

đây? Các Chúa Tể Bầu Hành Tinh? Các Chúa Tể Dãy? Các Hành Tinh Thượng Đế?

442. In a way, all of them are one Entity, expressed through various subsidiary aspects.

442. Theo một nghĩa nào đó, tất cả Các Ngài là một Thực Thể, được biểu lộ qua nhiều phương diện phụ thuộc khác nhau.

443. As a human being develops the capacity for group consciousness, he is simultaneously entering into the consciousness of the Heavenly Man.

443. Khi một con người phát triển năng lực tâm thức nhóm, y đồng thời đang đi vào tâm thức của Đấng Thiên Nhân.

What I have therefore predicated anent the fourth physical ether can likewise be extended to the fourth cosmic ether, and find its analogy on the buddhic plane.

Vì vậy, điều tôi đã khẳng định liên quan đến dĩ thái hồng trần thứ tư cũng có thể được mở rộng đến dĩ thái vũ trụ thứ tư, và tìm thấy sự tương đồng của nó trên cõi Bồ đề.

444. A close study of what was said about the qualities and characteristics of the fourth ether can be extrapolated to more fully understand the buddhic plane.

444. Việc nghiên cứu kỹ lưỡng những gì đã được nói về các phẩm tính và đặc điểm của dĩ thái thứ tư có thể được ngoại suy để thấu hiểu đầy đủ hơn cõi Bồ đề.

a. On the buddhic plane the presence of the colour violet (or deep purple) can also be expected. The violet devas functioning there would, of course, be of a higher order than those to be found expressing through the strictly systemic ethers. Could the violet devas with whom the Master Jesus works be found working in relation to the buddhic plane?

a. Trên cõi Bồ đề, sự hiện diện của màu tím (hay tím sẫm) cũng có thể được chờ đợi. Các thiên thần tím hoạt động ở đó dĩ nhiên sẽ thuộc một cấp bậc cao hơn những vị được tìm thấy đang biểu lộ qua các dĩ thái thuần túy của hệ. Liệu các thiên thần tím mà Đức Jesus làm việc cùng có thể được thấy đang hoạt động trong liên hệ với cõi Bồ đề chăng?

A special group of devas work under His command, and His connection with all true church leaders and executives is very close. He acts ceaselessly on the inner esoteric council of the churches, **and with Him the groups of violet angels cooperate**. (EXH 506)

Một nhóm thiên thần đặc biệt hoạt động dưới quyền chỉ huy của Ngài, và mối liên hệ của Ngài với tất cả các nhà lãnh đạo và điều hành chân chính của giáo hội là rất mật thiết. Ngài hành động không ngừng trong hội đồng huyền bí nội tại của các giáo hội, **và cùng với Ngài các nhóm thiên thần tím hợp tác**. (EXH 506)

b. If the majority of etheric bodies of human beings are to be found composed of etheric substance of the fourth ether, could we expect that the majority of the bodies of the Heavenly Men would be found to consist of buddhic substance, the substance of the fourth cosmic ether? This would probably apply most to those Heavenly Men who represent the lower quaternary of the Solar Logos. Four of the lower chakras are found in the fourth ether of man: the base of the spine center, the sacral center, the splenic center and the solar plexus center. The planets representing these chakras would probably have etheric bodies composed of buddhic substance. The planets representing the throat, heart and head centers would, by analogy, have etheric bodies composed of substance of the higher cosmic ethers—the planet representing the throat center having an etheric body composed of atmic substance; the planet representing the heart center having an etheric body composed of monadic substance, and the planet representing the head center having an etheric body composed of logoic substance. At least this is what the analogy suggests.

b. Nếu đa số các thể dĩ thái của con người được thấy là cấu tạo bằng chất liệu dĩ thái của dĩ thái thứ tư, thì liệu chúng ta có thể chờ đợi rằng đa số các thể của các Đấng Thiên Nhân sẽ được thấy là gồm chất liệu Bồ đề, chất liệu của dĩ thái vũ trụ thứ tư chăng? Điều này có lẽ áp dụng nhiều nhất cho những Đấng Thiên Nhân đại diện cho bộ bốn thấp của Thái dương Thượng đế. Bốn luân xa thấp được tìm thấy trong dĩ thái thứ tư của con người: trung tâm đáy cột sống, trung tâm xương cùng, trung tâm lá lách và trung tâm tùng thái dương. Các hành tinh đại diện cho các luân xa này có lẽ sẽ có thể dĩ thái được cấu tạo bằng chất liệu Bồ đề. Các hành tinh đại diện cho các trung tâm cổ họng, tim và đầu, theo tương đồng, sẽ có các thể dĩ thái được cấu tạo bằng chất liệu của các dĩ thái vũ trụ cao hơn—hành tinh đại diện cho trung tâm cổ họng có thể dĩ thái được cấu tạo bằng chất liệu atma; hành tinh đại diện cho trung tâm tim có thể dĩ thái được cấu tạo bằng chất liệu chân thần, và hành tinh đại diện cho trung tâm đầu có thể dĩ thái được cấu tạo bằng chất liệu logoi. Ít nhất, đó là điều mà sự tương đồng gợi ý.

It is possible to consider the systemic higher mental plane as a kind of ether with respect to the Planetary Logoi. This has yet to be confirmed, but appears an analogical necessity. Some of the lowest of the Planetary Logoi would then, it would appear, have etheric bodies composed of substance of the higher mental plane, which is vibratorily 'lower' than buddhic substance.

Có thể xem cõi thượng trí của hệ như một loại dĩ thái đối với các Hành Tinh Thượng Đế. Điều này vẫn chưa được xác nhận, nhưng dường như là một tất yếu theo tương đồng. Khi ấy, dường như một số Hành Tinh Thượng Đế thấp nhất sẽ có các thể dĩ thái được cấu tạo bằng chất liệu của cõi thượng trí, vốn có rung động "thấp" hơn chất liệu Bồ đề.

c. On the buddhic plane we could likewise expect to find the higher correspondences of the "devas of the shadows". We learn the colors o the devas of the shadows in the following:

"These devas of the shadows are of a dark purple on the fourth etheric level, of a lighter purple, much the same colour as violet, on the third etheric level, a light violet on the second, whilst on the atomic subplane they are of a glorious translucent lavender.: (*TCF* 912)

By analogy we would expect to find the colour "dark purple" in relation to the buddhic plane.

d. If the fourth ether is the sphere were the human and deva evolutions will touch (at a later date), then perhaps the buddhic plane is the plane whereon the Heavenly Men and a higher kind of deva evolution will touch (at a later date).

e. If from the fourth ether the dense physical bodies of man are created, then perhaps from the fourth cosmic ether, the buddhic plane, the dense physical bodies of the Planetary Logoi are created. (As always there is the need to consider the higher mental plane and its unique role in relation to the Heavenly Men—a role it does not have in relation to the Solar Logos).

f. The fourth systemic ether is considered the sphere of individualization. What is the correspondence to individualization for the Heavenly Men? They are already individualized (long ago, in the *human* sense), yet there may be a kind of *cosmic* individualization which pertains to the Heavenly Men and which admits them for

c. Trên cõi Bồ đề, tương tự như vậy, chúng ta cũng có thể chờ đợi tìm thấy các tương ứng cao hơn của "các thiên thần của bóng tối". Chúng ta biết các màu sắc của các thiên thần của bóng tối trong đoạn sau:

"Các thiên thần của bóng tối này có màu tím sẫm ở cấp dĩ thái thứ tư, màu tím nhạt hơn, gần như cùng màu với tím violet, ở cấp dĩ thái thứ ba, tím nhạt ở cấp thứ hai, còn ở cõi phụ nguyên tử thì chúng có màu oải hương trong suốt rực rỡ." (*TCF* 912)

Theo tương đồng, chúng ta sẽ chờ đợi tìm thấy màu "tím sẫm" trong liên hệ với cõi Bồ đề.

d. Nếu dĩ thái thứ tư là khối cầu nơi các tiến hoá nhân loại và thiên thần sẽ tiếp xúc nhau (vào một thời điểm sau này), thì có lẽ cõi Bồ đề là cõi nơi các Đấng Thiên Nhân và một loại tiến hoá thiên thần cao hơn sẽ tiếp xúc nhau (vào một thời điểm sau này).

e. Nếu từ dĩ thái thứ tư mà các thể xác đậm đặc của con người được tạo ra, thì có lẽ từ dĩ thái vũ trụ thứ tư, tức cõi Bồ đề, mà các thể xác đậm đặc của các Hành Tinh Thượng Đế được tạo ra. (Như mọi khi, cần phải xét đến cõi thượng trí và vai trò độc đáo của nó trong liên hệ với các Đấng Thiên Nhân—một vai trò mà nó không có trong liên hệ với Thái dương Thượng đế).

f. Dĩ thái thứ tư của hệ được xem là khối cầu của sự biệt ngã hóa. Tương ứng với sự biệt ngã hóa đối với các Đấng Thiên Nhân là gì? Các Ngài đã được biệt ngã hóa rồi (từ lâu, theo nghĩa *nhân loại*), tuy nhiên có thể có một loại biệt ngã hóa *vũ trụ* nào đó thuộc về các Đấng Thiên Nhân và lần đầu tiên đưa Các Ngài vào một loại tâm thức hệ, tương tự với

the first time into a type of systemic consciousness which is analogous to the individualized consciousness of the newly made human being.

tâm thức biệt ngã hóa của con người vừa mới được tạo thành.

g. If the fourth ether in this round and on this fourth chain is the ether that is to be completely mastered and controlled by the Fourth Creative Hierarchy, then, perhaps, the buddhic plane is the domain that is to be completely mastered and controlled by certain of the Heavenly Men who will be completing the higher correspondence to a chain round—namely a *scheme round*—of which, presumably there are seven, just as there are seven chain rounds.

g. Nếu dĩ thái thứ tư trong cuộc tuần hoàn này và trên dãy thứ tư này là dĩ thái sẽ được Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư hoàn toàn làm chủ và kiểm soát, thì có lẽ cõi Bồ đề là lãnh vực sẽ được một số Đấng Thiên Nhân hoàn toàn làm chủ và kiểm soát, những Đấng sẽ hoàn tất sự tương ứng cao hơn với một cuộc tuần hoàn của dãy—tức là một *cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh*—mà có lẽ có bảy, cũng như có bảy cuộc tuần hoàn của dãy.

h. If the fourth ether is for man the vibratory domain whereon the initiations of the threshold are undergone (these initiations being the first and second planetary initiations), then for Heavenly Men perhaps the buddhic plane is, at least, one of the domains in which corresponding initiations of the threshold are undergone, in the cosmic scheme of initiations.

h. Nếu dĩ thái thứ tư là đối với con người lãnh vực rung động nơi các điểm đạo của ngưỡng cửa được trải qua (các điểm đạo này là các lần điểm đạo hành tinh thứ nhất và thứ hai), thì đối với các Đấng Thiên Nhân, có lẽ cõi Bồ đề ít nhất là một trong những lãnh vực mà các điểm đạo tương ứng của ngưỡng cửa được trải qua, trong hệ điểm đạo vũ trụ.

Our Planetary Logos, for instance, has taken His first cosmic initiation, but is in process of preparing for His second (cf. *TCF* 384). Both of these are, by analogy, initiations "of the threshold", cosmically considered. Since our Planetary Logos is engaged with initiations of the threshold, then, by analogy, the buddhic plane would be one which would be focal in this process. It is also possible that the higher mental plane is the plane in relation to which He took His *first* cosmic initiation.

Chẳng hạn, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đã nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ nhất của Ngài, nhưng đang trong tiến trình chuẩn bị cho lần thứ hai của Ngài (x. *TCF* 384). Theo tương đồng, cả hai đều là những điểm đạo "của ngưỡng cửa", xét theo vũ trụ. Vì Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang dấn thân vào các điểm đạo của ngưỡng cửa, nên theo tương đồng, cõi Bồ đề sẽ là một cõi giữ vai trò tiêu điểm trong tiến trình này. Cũng có thể cõi thượng trí là cõi liên hệ với đó mà Ngài đã nhận lần điểm đạo vũ trụ *thứ nhất* của Ngài.

445. We see how the analogies work. What has been suggested here is only a slight

445. Chúng ta thấy các sự tương đồng vận hành như thế nào. Điều được gợi ý ở đây chỉ

indication which could be expanded considerably.

The place, for instance, of violet in the spectrum is of prime importance in connection with the greater cycles, and marks the end of a cycle and the beginning of a new one.

446. We are not only speaking of violet, but of the place of "violet in the spectrum". It is the *last* of the visible colours in the spectrum before red begins again (assuming that we progress in colour octaves).

447. We are now speaking not only of violet in relation to the solar etheric planets, but in relation to the buddhic plane considered as a cosmic ether.

448. We see that violet is not only involved with sub-planes of the systemic physical-etheric plane, but that it has a buddhic association.

449. Because the seventh ray will be prominent for the next 2500. years or so, violet will be an important color during the Aquarian Age.

450. There is also, however, a much greater Aquarian Age (beginning at approximately this point in history) which has a span of 25,000. years. Reasonably, violet will be an important color during this greater cycle, especially if a greater seventh ray cycle accompanying the greater Aquarian Age, just as a lesser seventh ray cycle accompanies the lesser zodiacal Age of Aquarius. This, however, has yet to be ascertained.

là một chỉ dẫn nhỏ, có thể được khai triển đáng kể.

Chẳng hạn, vị trí của màu tím trong quang phổ có tầm quan trọng hàng đầu liên quan đến các chu kỳ lớn hơn, và đánh dấu sự kết thúc của một chu kỳ và sự khởi đầu của một chu kỳ mới.

446. Chúng ta không chỉ nói về màu tím, mà còn về vị trí của "màu tím trong quang phổ". Đó là màu *cuối cùng* trong các màu khả kiến của quang phổ trước khi màu đỏ lại bắt đầu (giả sử rằng chúng ta tiến triển theo các quãng tám màu sắc).

447. Giờ đây chúng ta đang nói không chỉ về màu tím trong liên hệ với các hành tinh dĩ thái thái dương, mà còn trong liên hệ với cõi Bồ đề được xem như một dĩ thái vũ trụ.

448. Chúng ta thấy rằng màu tím không chỉ liên quan đến các cõi phụ của cõi hồng trần-dĩ thái của hệ, mà còn có một liên hệ với Bồ đề.

449. Bởi vì cung bảy sẽ nổi bật trong khoảng 2500. năm tới hoặc hơn, màu tím sẽ là một màu quan trọng trong Kỷ Nguyên Bảo Bình.

450. Tuy nhiên, cũng có một Kỷ Nguyên Bảo Bình lớn hơn nhiều (bắt đầu vào khoảng thời điểm này trong lịch sử) có chu kỳ 25,000. năm. Một cách hợp lý, màu tím sẽ là một màu quan trọng trong chu kỳ lớn hơn này, đặc biệt nếu có một chu kỳ cung bảy lớn hơn đi kèm với Kỷ Nguyên Bảo Bình lớn hơn, cũng như một chu kỳ cung bảy nhỏ hơn đi kèm với Kỷ Nguyên Bảo Bình hoàng đạo nhỏ hơn. Tuy nhiên, điều này vẫn còn phải được xác định.

451. The first ray and the seventh rays are involved with the inauguration of cycles (especially the first ray) and their termination (both the first and seventh rays).

451. Cung một và cung bảy liên quan đến việc khai mở các chu kỳ (đặc biệt là cung một) và sự chấm dứt của chúng (cả cung một lẫn cung bảy).

452. It would seem that since the seventh ray is the final ray of the seven, violet would be much seen at the end of a cycle.

452. Có vẻ như vì cung bảy là cung cuối cùng trong bảy cung, nên màu tím sẽ được thấy nhiều vào cuối một chu kỳ.

453. The head center, usually associated with the first ray, is also much associated with the color violet (and white).

453. Trung tâm đầu, thường được liên kết với cung một, cũng được liên kết nhiều với màu tím (và trắng).

The buddhic plane is peculiarly the plane of violet, even though all the colours find their place there;

Cõi Bồ đề đặc biệt là cõi của màu tím, mặc dù mọi màu sắc đều tìm thấy chỗ đứng của chúng ở đó;

454. The buddhic plane is the fourth plane, and the number four is particularly associated with *colour* and with a love of colour.

454. Cõi Bồ đề là cõi thứ tư, và số bốn đặc biệt liên hệ với *màu sắc* và với tình yêu đối với màu sắc.

455. DK has enquired whether the buddhic plane should be considered violet, blue or yellow. Here He gives us, apparently, its strongest emphasis, but the other two colors (through Jupiter and Mercury respectively) have their justifiable association with buddhi.

455. Chân sư DK đã hỏi liệu cõi Bồ đề nên được xem là tím, xanh lam hay vàng. Ở đây, dường như Ngài cho chúng ta thấy điểm nhấn mạnh nhất của nó, nhưng hai màu kia (qua Sao Mộc và Sao Thủy tương ứng) cũng có mối liên hệ chính đáng với Bồ đề.

456. The fourth and seventh rays (the two practically artistic rays) work together frequently, and are rays on which the deva evolution can readily approached.

456. Cung bốn và cung bảy (hai cung thực tiễn có tính nghệ thuật) thường xuyên cùng hoạt động, và là những cung mà tiến hoá thiên thần có thể được tiếp cận một cách dễ dàng.

the Lord of the Ray of Ceremonial Magic, Who embodies the violet ray or hierarchy, has a **special relationship** to the buddhic plane.

Đấng Chúa Tể của Cung Huyền Thuật Nghi Lễ, Đấng hiện thân cho cung tím hay huyền giai tím, có một **mối liên hệ đặc biệt** với cõi Bồ đề.

457. The four and the seven are ever related.

457. Số bốn và số bảy luôn luôn liên hệ với nhau.

458. We are told of the special relationship of the Lord of the Ray of Ceremonial Magic to the buddhic plane, but we must not forget that the physical-etheric plane is also a plane on which the violet ray is peculiarly expressed, as given in EA 35. (Aquarius: Planet—Moon; Color—Violet).

458. Chúng ta được cho biết về mối liên hệ đặc biệt của Đấng Chúa Tể của Cung Huyền Thuật Nghi Lễ với cõi Bồ đề, nhưng chúng ta không được quên rằng cõi hồng trần-dĩ thái cũng là một cõi mà cung tím được biểu lộ một cách đặc biệt, như được nêu trong EA 35. (Bảo Bình: Hành tinh—Mặt Trăng; Màu sắc—Tím).

459. Probably, the color which should be most naturally associated with any particular plane or sub-plane depends upon the type of entity we are examining. For man, the buddhic plane may be more yellow than violet; for the Planetary Logos more blue, and for the Solar Logos more violet. VSK insightfully explains some of these mysteries of colour below.

459. Có lẽ màu sắc nên được liên kết một cách tự nhiên nhất với bất kỳ cõi hay cõi phụ nào tùy thuộc vào loại thực thể mà chúng ta đang khảo sát. Đối với con người, cõi Bồ đề có thể vàng hơn tím; đối với Hành Tinh Thượng Đế thì xanh lam hơn, và đối với Thái dương Thượng đế thì tím hơn. VSK giải thích một cách sâu sắc một số huyền nhiệm màu sắc này dưới đây.

It must be borne in mind that **each planetary Logos works primarily on one of the seven planes;** from this we can infer that His influence finds its line of least resistance on some one plane, even though it be exerted on all planes.

Cần ghi nhớ rằng **mỗi Hành Tinh Thượng Đế hoạt động chủ yếu trên một trong bảy cõi;** từ đó chúng ta có thể suy ra rằng ảnh hưởng của Ngài tìm thấy con đường ít trở ngại nhất của nó trên một cõi nào đó, dù ảnh hưởng ấy được vận dụng trên mọi cõi.

460. This is a bit like saying that every planet works primarily through *one* chakra (for chakras, like planes, are spheres), but that their influence can be exerted through all.

460. Điều này hơi giống như nói rằng mỗi hành tinh hoạt động chủ yếu qua *một* luân xa (vì các luân xa, cũng như các cõi, đều là các khối cầu), nhưng ảnh hưởng của chúng có thể được vận dụng qua tất cả.

461. We could say, as well, that every ray works primarily on one of the seven planes which is its line of least resistance, but that its influence can be exerted on all planes.

461. Chúng ta cũng có thể nói rằng mỗi cung hoạt động chủ yếu trên một trong bảy cõi, là con đường ít trở ngại nhất của nó, nhưng ảnh hưởng của nó có thể được vận dụng trên mọi cõi.

462. Rays, planes, planets, chains, globes, chakras are all spheres in relation to which a

462. Các cung, các cõi, các hành tinh, các dãy, các bầu hành tinh, các luân xa đều là

parallelism exists. Much that could be said of any one of them could be said of all of them.

những khối cầu mà trong liên hệ với chúng có một sự song hành tồn tại. Nhiều điều có thể nói về bất kỳ một cái nào trong số đó cũng có thể nói về tất cả chúng.

463. VSK offers some important thoughts about color.

463. VSK đưa ra một số tư tưởng quan trọng về màu sắc.

a. The spectrum, in order of appearance from infrared, the longest of the frequencies, is (in terms of the seven colours) red, orange, yellow, green, blue, indigo, violet.

a. Quang phổ, theo thứ tự xuất hiện từ hồng ngoại, dài nhất trong các tần số, là (xét theo bảy màu) đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím.

b. Violet is the end of normal visibility, as man's eye does not detect ultraviolet (yet many fish do, e.g.). In this way it can be considered the *end* and a *beginning* (as red would also be in this context).

b. Màu tím là điểm cuối của khả kiến thông thường, vì mắt người không nhận ra tia cực tím (dù nhiều loài cá thì có, chẳng hạn). Theo cách này, nó có thể được xem là *điểm cuối* và là một *khởi đầu* (cũng như màu đỏ trong bối cảnh này).

c. VSK suggests that violet is the colour of the buddhic plane for the Solar Logos, as the buddhic is His lowest level of manifestation. For the Planetary or Heavenly Man, it is Blue (As his lowest level of manifestation is mental), and for man, Yellow. Vic could explain this in terms of the table on page *TCF* 331, coming up, and research on the colours from LOM.)

c. VSK gợi ý rằng màu tím là màu của cõi Bồ đề đối với Thái dương Thượng đế, vì Bồ đề là cấp biểu lộ thấp nhất của Ngài. Đối với Hành Tinh hay Đấng Thiên Nhân, đó là màu Lam (vì cấp biểu lộ thấp nhất của Ngài là cõi trí), và đối với con người, là màu Vàng. Vic có thể giải thích điều này theo bảng ở trang *TCF* 331, sắp tới, và nghiên cứu về các màu từ LOM.)

464. We see that although violet has the highest frequency of the visible colors, it is always associated with the lowest plane. There are some strange inversions with which we must reckon.

464. Chúng ta thấy rằng mặc dù màu tím có tần số cao nhất trong các màu khả kiến, nó luôn luôn được liên kết với cõi thấp nhất. Có một số đảo ngược kỳ lạ mà chúng ta phải tính đến.

465. I would like to state that point "c." demonstrates that VSK has cracked an important code in relation to the colors of the planes. The question must always be asked: "What is the color of a plane in relation to a specific being?"

465. Tôi muốn nói rằng điểm "c." chứng minh rằng VSK đã giải được một mật mã quan trọng liên quan đến màu sắc của các cõi. Câu hỏi luôn luôn phải được đặt ra là: "Màu của một cõi là gì trong liên hệ với một hữu thể cụ thể?"

Again, extend the second statement anent the etheric composition of the bodies of men to Those of the Heavenly Men, and it will be found that just as the majority of human etheric bodies are built of matter of the fourth ether, so it may also be said that **four of the Heavenly Men have Their etheric vehicles composed of this fourth cosmic ether** (buddhic matter).

Một lần nữa, hãy mở rộng phát biểu thứ hai liên quan đến thành phần dĩ thái của các thể người sang các thể của các Đấng Thiên Nhân, và sẽ thấy rằng cũng như đa số các thể dĩ thái của con người được kiến tạo bằng vật chất của dĩ thái thứ tư, thì cũng có thể nói rằng **bốn Đấng Thiên Nhân có các vận cụ dĩ thái của Các Ngài được cấu tạo bằng dĩ thái vũ trụ thứ tư này** (vật chất Bồ đề).

466. Which four? May we assume the members of the lower quaternary?

466. Bốn vị nào? Chúng ta có thể giả định đó là các thành viên của bộ bốn thấp chăng?

467. This was stated above. The division among the sacred Heavenly Men appears to be between three superior and four lesser.

467. Điều này đã được nêu ở trên. Sự phân chia giữa các Đấng Thiên Nhân thiêng liêng dường như là giữa ba vị cao hơn và bốn vị thấp hơn.

468. The Heavenly Men which may here be indicated are Vulcan Mercury, Venus, Jupiter.

468. Các Đấng Thiên Nhân có thể được chỉ ra ở đây là Vulcan, Sao Thủy, Sao Kim, Sao Mộc.

469. The other three Heavenly Men are the Logoi of synthesizing planets and may, we could imagine, have etheric bodies composed of matter of the higher cosmic ethers.

469. Ba Đấng Thiên Nhân còn lại là các Thượng đế của các hành tinh tổng hợp và, như chúng ta có thể hình dung, có thể có các thể dĩ thái được cấu tạo bằng vật chất của các dĩ thái vũ trụ cao hơn.

470. Four Heavenly Men (among the sacred Heavenly Men) is a *majority,* just as the majority of human etheric bodies are built of matter of the fourth ether.

470. Bốn Đấng Thiên Nhân (trong số các Đấng Thiên Nhân thiêng liêng) là một *đa số,* cũng như đa số các thể dĩ thái của con người được kiến tạo bằng vật chất của dĩ thái thứ tư.

471. Mercury, Venus and Jupiter are all planets with a relationship to buddhi. The Logos of Venus is working in relation to the buddhic sub-plane of the cosmic astral plane; Mercury is ruled by the fourth ray (the buddhic ray) and is, through its very name, "Buddha", related to the buddhic plane. Jupiter is as Planetary Logos much related to *intuition* which is the buddhic

471. Sao Thủy, Sao Kim và Sao Mộc đều là những hành tinh có liên hệ với Bồ đề. Thượng đế của Sao Kim đang hoạt động trong liên hệ với cõi phụ Bồ đề của cõi cảm dục vũ trụ; Sao Thủy được cai quản bởi cung bốn (cung Bồ đề) và, qua chính tên gọi của nó, "Buddha", liên hệ với cõi Bồ đề. Sao Mộc, với tư cách Hành Tinh Thượng Đế, liên hệ

faculty. Jupiter, however, is also monadically related.

472. Vulcan does not seem to have much buddhic connection, yet Vulcan is definitely associated with the "Heart of the Sun" which is definitely buddhically related. It is in Vulcan's deeper nature that His alliance with the fourth ray and with buddhi is demonstrated.

473. As for the lesser Heavenly Men (those of the planets Earth, Mars, Pluto, etc. —and there are many undiscovered and, thus, unnamed) would they have etheric bodies comprised of substance of the lowest cosmic ether (i.e., buddhic substance) or would substance of the cosmic gaseous plane (i.e., the systemic mental plane) be included as an etheric level?

474. It bears repeating that the higher mental plane is a vibratory domain that can be considered spiritual, etheric or material depending upon the entity being discussed. It is spiritual to the man; possibly etheric to our Planetary Logos; and definitely material (higher gaseous) to the Solar Logos.

Further, the two great evolutions (human and deva) **find their group unity on the buddhic plane**, and portions of both hierarchies blend and merge so as to form the body of the divine Hermaphrodite.[24,25.]

475. This is a long sought reference, lost some years ago and only now gratefully retrieved.

476. We remember that the buddhic plane is not the plane of "*fundamental* unity" but of a

nhiều với cõi*trực giác* là năng lực Bồ đề. Tuy nhiên, Sao Mộc cũng có liên hệ chân thần.

472. Vulcan dường như không có nhiều liên hệ với Bồ đề, tuy nhiên Vulcan chắc chắn được liên kết với "Trái Tim của Mặt Trời", vốn chắc chắn có liên hệ Bồ đề. Chính trong bản chất sâu xa hơn của Vulcan mà sự liên minh của Ngài với cung bốn và với Bồ đề được chứng minh.

473. Còn đối với các Đấng Thiên Nhân thấp hơn (những vị của các hành tinh Trái Đất, Sao Hỏa, Sao Diêm Vương, v.v.—và còn nhiều vị chưa được khám phá nên chưa được đặt tên) thì liệu các thể dĩ thái của Các Ngài sẽ gồm chất liệu của dĩ thái vũ trụ thấp nhất (tức chất liệu Bồ đề) hay chất liệu của cõi khí vũ trụ (tức cõi trí của hệ) cũng sẽ được bao gồm như một cấp dĩ thái?

474. Cần nhắc lại rằng cõi thượng trí là một lãnh vực rung động có thể được xem là tinh thần, dĩ thái hay vật chất tùy theo thực thể đang được bàn đến. Nó là tinh thần đối với con người; có thể là dĩ thái đối với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta; và chắc chắn là vật chất (khí cao hơn) đối với Thái dương Thượng đế.

Hơn nữa, hai tiến hoá lớn (nhân loại và thiên thần) **tìm thấy sự hợp nhất nhóm của chúng trên cõi Bồ đề**, và những phần của cả hai huyền giai hòa trộn và hợp nhất để tạo thành thể của Đấng Lưỡng Tính thiêng liêng.[24,25.]

475. Đây là một dẫn chiếu được tìm kiếm từ lâu, đã thất lạc vài năm trước và chỉ nay mới được phục hồi lại một cách đầy biết ơn.

476. Chúng ta nhớ rằng cõi Bồ đề không phải là cõi của sự hợp nhất "*căn bản*" mà là của

"*group* unity"—what we might call "unity in diversity".

477. We note that only "portions" of the two hierarchies blend and merge. The complete blending and merging can be expected on the monadic plane.

478. On the astral plane, men and devas may find themselves opposed, but on the buddhic plane, they achieve group unity.

479. Remember, what we just read about the "plane of **at-one-ment, or the meeting ground of diversities, and of their blending —not into a fundamental unity—but into group unity."**

480. A Planetary Logos is a Divine Hermaphrodite—some Heavenly Men more so than others.

481. Our Planetary Logos is a Divine Hermaphrodite and one would think the same to be the case of Venus. Many of the Planetary Logoi have prominent masculine and feminine aspects. Probably *all* Planetary Logoi have masculine and feminine aspects even though one or the other may not be prominent.

482. If ever the two planets Mercury and Venus were to merge we would truly have the Divine Hermaphrodite, because Mercury is Hermes and Venus as Aphrodite.

483. It is unlikely however that this will be the case as (in one absorption pattern, at least) Venus is to merge with Neptune and Mercury with Uranus (cf. *TCF* 406), so they

một sự hợp nhất "*nhóm*"—điều mà chúng ta có thể gọi là "hợp nhất trong dị biệt".

477. Chúng ta lưu ý rằng chỉ có "những phần" của hai huyền giai hòa trộn và hợp nhất. Sự hòa trộn và hợp nhất hoàn toàn có thể được chờ đợi trên cõi chân thần.

478. Trên cõi cảm dục, những người nam và nữ và các thiên thần có thể thấy mình đối nghịch nhau, nhưng trên cõi Bồ đề, họ đạt được sự hợp nhất nhóm.

479. Hãy nhớ điều chúng ta vừa đọc về "cõi của **sự hợp nhất, hay nơi gặp gỡ của các dị biệt, và của sự hòa trộn chúng—không phải thành một sự hợp nhất căn bản—mà thành sự hợp nhất nhóm."**

480. Một Hành Tinh Thượng Đế là một Đấng Lưỡng Tính thiêng liêng—một số Đấng Thiên Nhân còn như vậy nhiều hơn những vị khác.

481. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là một Đấng Lưỡng Tính thiêng liêng và người ta sẽ nghĩ rằng Sao Kim cũng vậy. Nhiều Hành Tinh Thượng Đế có các phương diện nam tính và nữ tính nổi bật. Có lẽ *mọi* Hành Tinh Thượng Đế đều có các phương diện nam tính và nữ tính dù một trong hai có thể không nổi bật.

482. Nếu hai hành tinh Sao Thủy và Sao Kim từng hợp nhất với nhau thì chúng ta thực sự sẽ có Đấng Lưỡng Tính thiêng liêng, bởi vì Sao Thủy là Hermes và Sao Kim là Aphrodite.

483. Tuy nhiên, điều này khó có thể xảy ra vì (ít nhất trong một mô hình hấp thu) Sao Kim sẽ hợp nhất với Sao Hải Vương và Sao Thủy với Sao Thiên Vương (x. *TCF* 406), nên có lẽ

will probably not merge with each other, otherwise their destined lines of absorption could not be followed. As I have shown, however, there are many choices of possible absorption patterns.

chúng sẽ không hợp nhất với nhau, nếu không thì các đường hấp thu đã định của chúng không thể được theo đuổi. Tuy nhiên, như tôi đã chỉ ra, có nhiều lựa chọn về các mô hình hấp thu khả dĩ.

24: The Pairs of Opposites:——From The Science of Social Organization, by Bhagavan Das.

24: Các Cặp Đối Cực:——Trích từ The Science of Social Organization, của Bhagavan Das.

484. From one perspective, humans and devas represent the great Pairs of Opposites.

484. Theo một góc nhìn, con người và thiên thần đại diện cho các Cặp Đối Cực lớn.

25: The Divine Hermaphrodite—this is the great Being, planetary or solar, who manifests in Himself the pair of opposites.

25: Đấng Lưỡng Tính thiêng liêng—đây là Hữu thể vĩ đại, hành tinh hay thái dương, biểu lộ trong Chính Ngài cặp đối cực.

485. We see that we can have *both* planetary and solar Divine Hermaphrodites. Perhaps our Solar Logos, so closely related to the heart center and the fourth ray, can be considered such a Being.

485. Chúng ta thấy rằng có thể có *cả* các Đấng Lưỡng Tính thiêng liêng hành tinh lẫn thái dương. Có lẽ Thái dương Thượng đế của chúng ta, vốn liên hệ rất mật thiết với trung tâm tim và cung bốn, có thể được xem là một Hữu thể như vậy.

486. In a way, it could be said that every Planetary Logos and every Solar Logos is really a Divine Hermaphrodite.

486. Theo một nghĩa nào đó, có thể nói rằng mọi Hành Tinh Thượng Đế và mọi Thái dương Thượng đế thực sự đều là một Đấng Lưỡng Tính thiêng liêng.

Earlier, at certain fixed points, they may temporarily approximate each [Page 329] other. **On the buddhic plane definite and permanent alliance may be seen.**

Trước đó, tại những điểm cố định nhất định, họ có thể tạm thời xích lại gần nhau [Page 329]. **Trên cõi Bồ đề có thể thấy một sự liên minh xác định và thường trực.**

487. What might those certain fixed points be? Perhaps the astral plane is one, and there, the human and deva evolutions will show distinct differences and less cooperation.

487. Những điểm cố định nhất định ấy có thể là gì? Có lẽ cõi cảm dục là một trong số đó, và ở đó, các tiến hoá nhân loại và thiên thần sẽ cho thấy những khác biệt rõ rệt và ít hợp tác hơn.

488. The buddhic plane, however, is the plane of alliance, of the reconciliation of opposites, of creating unity from diversity,

488. Tuy nhiên, cõi Bồ đề là cõi của sự liên minh, của sự hòa giải các đối cực, của việc tạo ra hợp nhất từ dị biệt, và vì thế thật hợp

and so it is reasonable that a “permanent alliance” between man and deva may there be seen.

lý khi một “sự liên minh thường trực” giữa con người và thiên thần có thể được thấy ở đó.

489. The Master Serapis who is doing so much work with the deva kingdom (we are told) and who is preparing the way for the New Renaissance, in which human beings and devas will so closely cooperate, is on the fourth ray and may be supposed to be working much in relation to the buddhic plane.

489. Chân sư Serapis, Đấng đang thực hiện rất nhiều công việc với giới thiên thần (như chúng ta được biết) và đang chuẩn bị con đường cho Thời Phục Hưng Mới, trong đó con người và thiên thần sẽ hợp tác rất mật thiết, thuộc cung bốn và có thể được giả định là đang làm việc nhiều trong liên hệ với cõi Bồ đề.

490. The “permanent alliance” is all for the fulfillment of planetary logoic Purpose and perhaps, on a higher turn of the spiral, for solar logoic Purpose. The alliance does not exist for personal reasons (i.e., because devas and human beings would find it enjoyable to work together), but for planetary (or solar) reasons, as revealed within the spiritual triad (a domain which includes the buddhic plane).

490. “Sự liên minh thường trực” ấy hoàn toàn nhằm hoàn thành Thiên Ý logoi hành tinh và có lẽ, ở một vòng xoắn cao hơn, là Thiên Ý logoi thái dương. Sự liên minh không tồn tại vì những lý do cá nhân (tức là vì thiên thần và con người sẽ thấy thích thú khi làm việc cùng nhau), mà vì những lý do hành tinh (hay thái dương), như được mặc khải trong tam nguyên tinh thần (một lãnh vực bao gồm cõi Bồ đề).

On this plane also the "devas of the shadows" who are concerned in the building of the planetary scheme, pursue their work, and thus **parallel the work done** in the three worlds by the lesser builders who work with the etheric body of man.

Trên cõi này cũng vậy, các "thiên thần của bóng tối" liên quan đến việc kiến tạo hệ hành tinh theo đuổi công việc của họ, và do đó **song hành với công việc được thực hiện** trong ba cõi giới bởi các vị tiểu kiến tạo làm việc với thể dĩ thái của con người.

491. We see that the term “devas of the shadows” is not at all confined to the systemic ethers but can apply as well to the cosmic ethers.

491. Chúng ta thấy rằng thuật ngữ “các thiên thần của bóng tối” hoàn toàn không bị giới hạn trong các dĩ thái của hệ mà cũng có thể áp dụng cho các dĩ thái vũ trụ.

492. The “devas of the shadows” who work upon the buddhic plane can be numbered among the greater builders if the “devas of the shadows” who work with the etheric body of man within the three worlds are considered “lesser builders”, as seems to be indicated here.

492. Các “thiên thần của bóng tối” làm việc trên cõi Bồ đề có thể được xếp vào hàng các đấng đại kiến tạo nếu các “thiên thần của bóng tối” làm việc với thể dĩ thái của con người trong ba cõi giới được xem là “vị tiểu kiến tạo”, như dường như được chỉ ra ở đây.

493. The buddhic “devas of the shadows” parallel the work done by the lesser “devas of the shadows”. The work done within the solar ethers pertains to man; the work done within the cosmic ethers pertains to the Heavenly Man or even to the Solar Logos.

493. Các “thiên thần của bóng tối” Bồ đề song hành với công việc được thực hiện bởi các “thiên thần của bóng tối” thấp hơn. Công việc được thực hiện trong các dĩ thái thái dương liên quan đến con người; công việc được thực hiện trong các dĩ thái vũ trụ liên quan đến Đấng Thiên Nhân hay thậm chí đến Thái dương Thượng đế.

494. These higher “devas of the shadows” are involved with the building of the planetary scheme—not the building of the tangible outer form of man as is the case with the lesser builders in the category of “devas of the shadows”.

494. Các “thiên thần của bóng tối” cao hơn này liên quan đến việc kiến tạo hệ hành tinh —không phải việc kiến tạo hình tướng bên ngoài hữu hình của con người như trường hợp của các vị tiểu kiến tạo trong loại “các thiên thần của bóng tối”.

495. Always the principle of parallelism is to be sought.

495. Luôn luôn phải tìm kiếm nguyên lý song hành.

496. The concept of analogy and that of parallelism convey similar ideas.

496. Khái niệm tương đồng và khái niệm song hành chuyển tải những ý tưởng tương tự.

So can the analogies be worked out, for ever this Law of Resemblance holds good;

Như thế các sự tương đồng có thể được triển khai, vì Định luật Tương Tự này luôn luôn đúng;

497. Another good name for the Law of Analogy—the Law of Resemblance.

497. Một tên gọi hay khác cho định luật tương đồng—Định luật Tương Tự.

yet ever must it be remembered that the analogy is of a psychic nature, and demonstrates in work, activity, and quality, and not in literal identity of form.

tuy nhiên luôn luôn phải nhớ rằng sự tương đồng có bản chất thông linh, và được chứng minh trong công việc, hoạt động và phẩm tính, chứ không phải trong sự đồng nhất từng chữ của hình tướng.

498. An important proviso is given in relation to the Law of Resemblance or Law of Analogy. The analogy is “of a psychic nature” demonstrating in work, activity, and quality and not in literal identicality of form.

498. Một điều kiện quan trọng được nêu ra liên quan đến Định luật Tương Tự hay định luật tương đồng. Sự tương đồng “có bản chất thông linh”, được chứng minh trong công việc, hoạt động và phẩm tính chứ không

phải trong sự đồng nhất nguyên văn của hình tướng.

499. It would seem that this point has been made at numerous times; it must be difficult to absorb it.

499. Có vẻ như điểm này đã được nêu ra nhiều lần; hẳn là khó hấp thu nó.

500. When using the Law of Analogy, it is primarily the broad resemblances we must seek.

500. Khi sử dụng định luật tương đồng, điều chúng ta phải tìm kiếm trước hết là những nét giống nhau rộng lớn.

501. An overly literal, formalistic approach will mislead. We are looking for 'psychic analogies' or psychological analogies. We are looking for similarities in function and relationship. Forms may differ, but general functions show sufficient similarity (within context) to be noteworthy and illuminative.

501. Một cách tiếp cận quá sát chữ, quá hình thức sẽ gây lạc hướng. Chúng ta đang tìm kiếm những 'tương đồng thông linh' hay những tương đồng tâm lý học. Chúng ta đang tìm kiếm những điểm tương tự trong chức năng và tương quan. Các hình tướng có thể khác nhau, nhưng các chức năng tổng quát cho thấy đủ sự tương tự (trong bối cảnh) để đáng được lưu ý và soi sáng.

As time elapses the work of the Heavenly Men in the cosmic etheric spheres will be better comprehended, and **assisted intelligently by those lesser intelligences who**—by the study of the physical ethers—will eventually hold the key of the greater manifestation.

Khi thời gian trôi qua, công việc của các Đấng Thiên Nhân trong các khối cầu dĩ thái vũ trụ sẽ được thấu hiểu tốt hơn, và **được trợ giúp một cách thông minh bởi những trí tuệ thấp hơn ấy, những vị**—qua việc nghiên cứu các dĩ thái hồng trần—cuối cùng sẽ nắm giữ chìa khóa của biểu lộ lớn hơn.

502. We human beings are those "lesser intelligences".

502. Chúng ta, những con người, chính là những "trí tuệ thấp hơn" ấy.

503. The idea there is that, as we learn more about the physical ethers, we will be in a better position to understand and cooperate with the work of the Heavenly Men.

503. Ý tưởng ở đây là, khi chúng ta học hỏi nhiều hơn về các dĩ thái hồng trần, chúng ta sẽ ở vào vị thế tốt hơn để thấu hiểu và hợp tác với công việc của các Đấng Thiên Nhân.

504. It is not only "as above, so below", but, to some degree, "as below, so above". The idea is that we should study ourselves very well if we want to comprehend the larger sphere.

504. Không chỉ là "trên sao, dưới vậy", mà ở một mức độ nào đó còn là "dưới sao, trên vậy". Ý tưởng là chúng ta nên nghiên cứu chính mình thật kỹ nếu muốn thấu hiểu khối cầu lớn hơn.

505. The keenly observant fifth ray type is in an excellent position to extrapolate from what he has observed to that which he cannot possibly observe. Thus the concrete mind is transformed into the abstract mind with the help of analogical thinking.

505. Người cung năm có óc quan sát sắc bén ở vào một vị thế tuyệt hảo để ngoại suy từ điều y đã quan sát được đến điều mà y không thể nào quan sát được. Nhờ vậy trí cụ thể được chuyển đổi thành trí trừu tượng với sự trợ giúp của tư duy tương đồng.

Science is the handmaiden of wisdom,

Khoa học là nữ tỳ của minh triết,

506. The "handmaiden of wisdom" is the *servant* of wisdom.

506. "Nữ tỳ của minh triết" là *người phụng sự* của minh triết.

507. DK is telling us that if we wish to be wise we must also be scientific in our approach. This means that we must use the mind carefully.

507. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng nếu muốn minh triết, chúng ta cũng phải có tính khoa học trong cách tiếp cận. Điều này có nghĩa là chúng ta phải sử dụng trí tuệ một cách cẩn trọng.

508. Unless we have sufficient knowledge it is difficult to develop wisdom. Wisdom demands mental capacity, but it much more than such capacity. It also demands the use of the heart.

508. Trừ phi chúng ta có đủ tri thức, thật khó phát triển minh triết. Minh triết đòi hỏi năng lực trí tuệ, nhưng còn hơn nhiều so với năng lực ấy. Nó cũng đòi hỏi việc sử dụng trái tim.

and opens the door to those infinite reaches and to those cosmic expanses, where stand Those vaster Intelligences, Who manipulate the matter of the higher planes, and bend it to the desired form, causing the vibrations thus set up to be felt at the furthest bounds of the solar ring-pass-not.

và mở cánh cửa đến những tầm mức vô hạn ấy và những không gian vũ trụ ấy, nơi đứng Những Trí Tuệ bao la hơn ấy, Đấng vận dụng vật chất của các cõi cao hơn, và uốn nó theo hình tướng mong muốn, khiến những rung động được thiết lập như thế được cảm nhận ở những ranh giới xa nhất của vòng-giới-hạn thái dương.

509. We are talking of cosmic beings —"Those vaster Intelligences"—probably Beings which are extra-systemic.

509. Chúng ta đang nói về các Hữu thể vũ trụ—"Những Trí Tuệ bao la hơn ấy"—có lẽ là những Hữu thể ngoài hệ.

510. What are the "higher planes"? Only the matter of the cosmic physical plane? Or matter of still higher cosmic planes?

510. Các "cõi cao" là gì? Chỉ là vật chất của cõi hồng trần vũ trụ chăng? Hay là vật chất của những cõi vũ trụ còn cao hơn nữa?

511. We may be speaking of such Entities as the Solar Logoi, the Cosmic Logoi and even of the One About Whom Naught May Be Said.

511. Có thể chúng ta đang nói đến những Thực Thể như các Thái dương Thượng đế, các Thượng đế Vũ trụ, và ngay cả Đấng Bất Khả Tư Nghị.

512. Manipulation goes on on all levels—planes and sub-planes. There is nothing wrong with the word "manipulation"; it suggests intelligence in action.

512. Sự vận dụng diễn ra trên mọi cấp độ—các cõi và các cõi phụ. Không có gì sai với từ "sự vận dụng"; nó gợi ý trí tuệ trong hành động.

513. It is clear that Intelligences greater than our Solar Logos are responsible for much that the Solar Logos experiences, even at the "furthest bounds of the solar ring-pass-not".

513. Rõ ràng là những Trí Tuệ vĩ đại hơn Thái dương Thượng đế của chúng ta chịu trách nhiệm cho nhiều điều mà Thái dương Thượng đế trải nghiệm, ngay cả tại "ranh giới xa nhất của vòng-giới-hạn thái dương".

514. VSK states: Science as the *fifth* ray expression, is the handmaiden of Wisdom, or the *second* ray. Again we see the TWO using the FIVE.

514. VSK nói: Khoa học, như biểu hiện của cung *năm*, là nữ tỳ của Minh triết, hay của cung *hai*. Một lần nữa chúng ta thấy HAI sử dụng NĂM.

Automatically then all lesser lives and all the denser materials are swept and carried into the needed channels and forms.

Khi ấy, mọi sự sống nhỏ hơn và mọi chất liệu đậm đặc hơn đều được cuốn đi và mang vào những kênh dẫn và hình tướng cần thiết.

515. We have no will, no say, in the arrangements and rearrangements caused by the influences of these "vaster Intelligences". We are merely extensions of Them, and as They *will*, so it happens to 'us'—though, really, we are not different than they are—essentially.

515. Chúng ta không có ý chí, không có tiếng nói nào, trong những sắp xếp và tái sắp xếp do ảnh hưởng của các "Trí Tuệ bao la hơn" này gây ra. Chúng ta chỉ đơn thuần là những sự mở rộng của Các Ngài, và Các Ngài *muốn* thế nào thì điều đó xảy ra với 'chúng ta' như thế ấy—dù thật ra, về bản chất, chúng ta không khác các Ngài.

516. The channels and forms that are "needed" are those decreed by the Divine Plan (at ever higher levels of expression).

516. Những kênh dẫn và hình tướng "cần thiết" là những gì được Thiên Cơ ấn định (ở những cấp độ biểu hiện ngày càng cao hơn).

517. Under these manipulations by greater Lives, our local cosmos will be ordered as it should be, according to Divine Purpose and Plan.

517. Dưới những sự vận dụng của các Sự sống lớn lao hơn này, vũ trụ cục bộ của chúng ta sẽ được sắp đặt đúng như nó phải thế, theo Thiên Ý và Thiên Cơ.

Vibration, or initial activity, light, or activity taking form and animating form, sound the basis of differentiation and the source of the evolutionary process, and colour the sevenfold differentiation—thus is the work carried on.

Rung động, hay hoạt động khởi nguyên; ánh sáng, hay hoạt động mang hình tướng và làm sinh động hình tướng; âm thanh, nền tảng của sự biến phân và nguồn gốc của tiến trình tiến hoá; và màu sắc, sự biến phân thất phân—công việc được tiến hành như thế.

518. Here a deeper understanding is offered concerning vibration, light, sound and colour.

518. Ở đây một sự thấu hiểu sâu hơn được đưa ra về rung động, ánh sáng, âm thanh và màu sắc.

519. Let us tabulate these definitions:

519. Chúng ta hãy lập bảng các định nghĩa này:

a. Vibration—initial activity

a. Rung động—hoạt động khởi nguyên

b. Light—activity taking form and animating form.

b. Ánh sáng—hoạt động mang hình tướng và làm sinh động hình tướng.

c. Sound—the basis of differentiation and the source of the evolutionary process

c. Âm thanh—nền tảng của sự biến phân và nguồn gốc của tiến trình tiến hoá

d. Colour—the sevenfold differentiation.

d. Màu sắc—sự biến phân thất phân.

520. Each one of these descriptions is a potent seed thought

520. Mỗi mô tả này là một Tư tưởng hạt giống đầy mãnh lực

521. Had we thought of the inseparability of *light* and *form*? Light and the objectivity of form are inseparable.

521. Liệu chúng ta đã từng nghĩ đến tính bất khả phân ly của *ánh sáng* và *hình tướng* chưa? Ánh sáng và tính khách quan của hình tướng là bất khả phân ly.

522. Sound differentiates, and arranges the rearrangements necessitated by the unfoldment of Spirit in matter/form. Sound attracts toward the fulfillment of the design set forth in the Archetype.

522. Âm thanh tạo ra sự biến phân, và sắp xếp những tái sắp xếp cần thiết do sự khai mở của tinh thần trong vật chất/hình tướng. Âm thanh thu hút hướng về sự hoàn thành mô hình được nêu ra trong nguyên mẫu.

523. Light may be associated with the monadic plane, but it is impossible to think that sound is not.

523. Ánh sáng có thể được liên kết với cõi chân thần, nhưng không thể nghĩ rằng âm thanh lại không như vậy.

524. Colour is the most physical and tangible of the three.

524. Màu sắc là điều hồng trần và hữu hình nhất trong ba yếu tố ấy.

525. We are well, aware, however, that sometimes sound precedes light. “In the beginning was the Word”, precedes the fiat, “Let there by Light”.

525. Tuy nhiên, chúng ta biết rõ rằng đôi khi âm thanh đi trước ánh sáng. “Ban đầu là Linh từ” đi trước lời phán, “Hãy có Ánh sáng”.

We have been dealing with these four in connection with a solar Logos, and equally with the work of a Heavenly Man and of Man, of the human monad.

Chúng ta đã bàn đến bốn yếu tố này trong liên hệ với một Thái dương Thượng đế, và cũng tương tự với công việc của một Đấng Thiên Nhân và của Con Người, của chân thần nhân loại.

526. These four factors associated with vibration are the basis of all manifestation. They are, in a way, the four principal etheric qualities.

526. Bốn yếu tố này gắn liền với rung động là nền tảng của mọi biểu hiện. Theo một nghĩa nào đó, chúng là bốn phẩm tính dĩ thái chính yếu.

Students should also bear in mind another point that is often forgotten, which is that every plane can be studied and divided in two ways:

Các đạo sinh cũng nên ghi nhớ một điểm khác thường bị quên lãng, đó là mỗi cõi có thể được nghiên cứu và phân chia theo hai cách:

527. Perhaps, there are even more than two ways to divide a plane.

527. Có lẽ thậm chí còn có nhiều hơn hai cách để phân chia một cõi.

a. 1-6

a. 1-6

c. 2-5

c. 2-5

d. 3-4

d. 3-4

e. 4-3

e. 4-3

g. 1-2-2-2

g. 1-2-2-2

h. 5-2

h. 5-2

i. 6-1

i. 6-1

First. The seven subplanes can be divided into the [Page 330] higher three planes or the abstract planes, and the lower four or the concrete planes.

528. This method of division correlates with the division of the rays into the three Rays of Aspect and the four Rays of Attribute.

This division is the best and most purely metaphysical, for it embodies the entire idea of the Self, the Not-Self, and the Intelligence, with their synthesis, which produces the objective universe, whether solar system, planetary scheme, or human incarnation.

529. In this division, we do not easily have the *three* factors mentioned (Self, not-Self and Intelligence), for it is a division into *two* and not into *three.*

530. Yet the three can be found, for always between the triad and the quaternary is an objective effulgence—an objective sphere is light.

531. The formula is again repeated: Self, not-Self and Intelligence, when synthesized, produce the objective universe.

532. Notice here the flexible definition of "universe": it can mean a solar system, a planetary scheme or a human incarnation.

533. VSK queries: "Does "their synthesis" refer to the buddhic plane, and the plane of colour, or visible light?"

Thứ nhất. Bảy cõi phụ có thể được chia thành [Page 330] ba cõi cao hơn hay các cõi trừu tượng, và bốn cõi thấp hơn hay các cõi cụ thể.

528. Phương pháp phân chia này tương ứng với sự phân chia các cung thành ba Các Cung Trạng Thái và bốn Các Cung Thuộc Tính.

Sự phân chia này là tốt nhất và thuần siêu hình nhất, vì nó bao hàm toàn bộ ý niệm về Chân ngã, không-phải-Chân ngã, và Trí Tuệ, cùng với sự tổng hợp của chúng, vốn tạo ra vũ trụ khách quan, dù là hệ mặt trời, hệ hành tinh hay một lần lâm phàm của con người.

529. Trong sự phân chia này, chúng ta không dễ dàng có được *ba* yếu tố được nhắc đến (Chân ngã, không-phải-Chân ngã và Trí Tuệ), vì đây là sự phân chia thành *hai* chứ không phải thành *ba.*

530. Tuy vậy, vẫn có thể tìm thấy ba yếu tố ấy, vì luôn luôn giữa bộ ba và bộ bốn có một sự rực sáng khách quan—một khối cầu ánh sáng khách quan.

531. Công thức lại được lặp lại: Chân ngã, không-phải-Chân ngã và Trí Tuệ, khi được tổng hợp, tạo ra vũ trụ khách quan.

532. Hãy lưu ý ở đây định nghĩa linh hoạt của "vũ trụ": nó có thể có nghĩa là một hệ mặt trời, một hệ hành tinh hay một lần lâm phàm của con người.

533. VSK hỏi: "Liệu 'sự tổng hợp của chúng' có chỉ cõi Bồ đề, và cõi của màu sắc, hay ánh sáng khả kiến không?"

534. May it be said, that it could, if the division instead of 3-4. were.

In connection with the Logos it is fully discussed and illuminatingly considered in the first volume of the *Secret Doctrine*, where the work of the Father and the Mother in producing the Son through conscious intelligent co-operation is **handled by H. P. B. in a masterly manner**.

535. One wonders at the use of the term "masterly". DK took the fifth initiation in the year 1875, we are told, and Helena Roerich told us that HPB in her next incarnation made her way to the "Central Stronghold"—to become, we presume, a Master.

536. Is DK telling us that HPB wrote the first volume of the *Secret Doctrine* in a way very similar to how a Master would write it?

537. One should re-read the *Secret Doctrine* with this specifically in mind.

In connection with man the point can be grasped more easily if the causal body on the abstract levels of the mental plane is considered in connection with the lower four or concrete levels from whence manifestation emanates.

538. To absorb the intended teaching, it is necessary to think not so much of the relation of the Monad (in man) to his quaternary, but of the relation between the causal body on the abstract levels of the mental plane in relation to the four concrete levels of the mental plane. Again we will have the higher three and the lower four.

534. Có thể nói rằng là có, nếu sự phân chia thay vì là 3-4. lại là.

Trong liên hệ với Thượng đế, điều này được bàn luận đầy đủ và xem xét một cách soi sáng trong quyển thứ nhất của *Giáo Lý Bí Nhiệm*, nơi công việc của Cha và Mẹ trong việc sinh ra Người Con qua sự hợp tác hữu thức và thông tuệ được **H. P. B. xử lý một cách bậc thầy**.

535. Người ta tự hỏi về việc dùng từ "bậc thầy". Chúng ta được cho biết rằng Chân sư DK đã nhận lần điểm đạo thứ năm vào năm 1875, và Helena Roerich cho chúng ta biết rằng HPB trong lần lâm phàm kế tiếp đã tiến đến "Thành Trì Trung Ương"—để trở thành, như chúng ta giả định, một Chân sư.

536. Có phải Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng HPB đã viết quyển thứ nhất của *Giáo Lý Bí Nhiệm* theo một cách rất giống như cách một Chân sư sẽ viết nó chăng?

537. Người ta nên đọc lại *Giáo Lý Bí Nhiệm* với điều này đặc biệt trong tâm trí.

Trong liên hệ với con người, điểm này có thể được nắm bắt dễ dàng hơn nếu thể nguyên nhân trên các cấp độ trừu tượng của cõi trí được xét trong liên hệ với bốn cấp độ thấp hơn hay cụ thể, từ đó biểu hiện phát xuất.

538. Để hấp thụ giáo huấn được dự định, cần phải suy nghĩ không nhiều về mối liên hệ của chân thần (trong con người) với bộ bốn của y, mà nhiều hơn về mối liên hệ giữa thể nguyên nhân trên các cấp độ trừu tượng của cõi trí với bốn cấp độ cụ thể của cõi trí. Một lần nữa chúng ta sẽ có ba cõi cao hơn và bốn cõi thấp hơn.

539. The manasic permanent atom represents the Father; the lower four concrete levels of the mental plane, the Mother; the Son is represented by that demonstration of vibration, light, sound and color which we call the causal body, focussed on the second and third sub-planes of the mental plane. Whether the human causal body ever rises to the first sub-plane (as does the causal body of the Solar Logos) is a point much debated.

539. Nguyên tử trường tồn manas đại diện cho Cha; bốn cấp độ cụ thể thấp hơn của cõi trí, đại diện cho Mẹ; Người Con được biểu hiện bởi sự biểu lộ của rung động, ánh sáng, âm thanh và màu sắc mà chúng ta gọi là thể nguyên nhân, được tập trung trên cõi phụ thứ hai và thứ ba của cõi trí. Liệu thể nguyên nhân của con người có bao giờ vươn lên cõi phụ thứ nhất hay không (như thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế) là một điểm còn được tranh luận nhiều.

540. VSK asks: "How does this help to grasp the point? Why would it not be helpful to consider it in terms of the higher three planes? Does manifestation emanate from the lower four, or is it an effect of the higher three?"

540. VSK hỏi: "Điều này giúp nắm bắt điểm ấy như thế nào? Tại sao sẽ không hữu ích nếu xét nó theo ba cõi cao hơn? Biểu hiện phát xuất từ bốn cõi thấp hơn, hay là một hiệu quả của ba cõi cao hơn?"

541. DK seems to be telling us that manifestation emanates from the lower four levels of the mental plane. Perhaps there is a specific relationship between these lower four sub-planes and the four etheric sub-planes of the systemic etheric-physical plane.

541. Chân sư DK dường như đang nói với chúng ta rằng biểu hiện phát xuất từ bốn cấp độ thấp hơn của cõi trí. Có lẽ có một mối liên hệ đặc thù giữa bốn cõi phụ thấp hơn này và bốn cõi phụ dĩ thái của cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống.

542. In any case, we are presently discussing the metaphysical division of three and four.

542. Dù sao đi nữa, hiện nay chúng ta đang bàn đến sự phân chia siêu hình của ba và bốn.

Second. Dividing the seven subplanes into the same higher three but making the f**ourth plane the plane of meeting or of at-one-ment,** and regarding the lower three as the planes of endeavour. This division primarily concerns man.

Thứ hai. Chia bảy cõi phụ thành cùng ba cõi cao hơn ấy nhưng lấy cõi th**ứ tư làm cõi gặp gỡ hay hợp nhất,** và xem ba cõi thấp hơn là các cõi nỗ lực. Sự phân chia này chủ yếu liên quan đến con người.

543. This type of division results in a model of.

543. Kiểu phân chia này dẫn đến một mô hình của.

544. This method of division places emphasis upon the buddhic plane which is

544. Phương pháp phân chia này đặt trọng tâm vào cõi Bồ đề, vốn là khu vực biểu hiện

the major, intended area of expression for the human Monads (i.e., the members of the Fourth Creative Hierarchy, focussed, as the charts {cf. EA 35} indicate, on the buddhic plane).

chính yếu, được dự định cho các chân thần nhân loại (tức các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, được tập trung, như các biểu đồ {cf. EA 35} cho thấy, trên cõi Bồ đề).

545. We might say that that the higher Creative Hierarchies and the lower Creative Hierarchies (which comprising the vehicles of man) meet upon the buddhic plane, where their interplay is harmonized.

545. Chúng ta có thể nói rằng các Huyền Giai Sáng Tạo cao hơn và các Huyền Giai Sáng Tạo thấp hơn (tạo thành các vận cụ của con người) gặp nhau trên cõi Bồ đề, nơi sự tương tác của chúng được điều hoà.

Both these divisions will be seen later as existing on every plane in the system and as having their origin in **electrical force which shows itself differently on each plane**

Về sau, cả hai sự phân chia này sẽ được thấy là tồn tại trên mọi cõi trong hệ thống và có nguồn gốc trong **mãnh lực điện biểu lộ khác nhau trên mỗi cõi**

546. DK is telling us that the divisions 3-4. and 3-1-3. can evolution found in relation to every systemic plane, and probably in relation to every *cosmic* plane.

546. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng các sự phân chia 3-4. và 3-1-3. có thể được tìm thấy trong liên hệ với mọi cõi hệ thống, và có lẽ trong liên hệ với mọi cõi *vũ trụ*.

547. We are reminded that electrical force demonstrates on each plane of every seven-planed system.

547. Chúng ta được nhắc rằng mãnh lực điện biểu lộ trên mỗi cõi của mọi hệ thống bảy cõi.

548. It is not that we have to *choose* regarding which method of dividing a plane is correct; *both* these methods of division are operative simultaneously, with others as well. All depends upon the perspective.

548. Không phải là chúng ta phải *chọn* xem phương pháp phân chia một cõi nào là đúng; *cả hai* phương pháp phân chia này đều cùng lúc vận hành, cùng với những phương pháp khác nữa. Tất cả tùy thuộc vào góc nhìn.

549. Methods of division and implications:

549. Các phương pháp phân chia và hàm ý:

a. 1-6—the logoic plane, or cosmic atomic ether, is differentiated from the six sub-planes derived from it.

a. 1-6—cõi logoic, hay dĩ thái nguyên tử vũ trụ, được phân biệt với sáu cõi phụ phát sinh từ nó.

—the domains of the Solar Logos, Planetary Logos and man are differentiated

—các phạm vi của Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế và con người được phân biệt

c. 2-5—the two higher aspects taken as a unit are differentiated from the Brahmic planes.

c. 2-5—hai phương diện cao hơn được lấy như một đơn vị được phân biệt với các cõi Brahma.

d. 3-4—a division suggesting the three Rays of Aspect and the four Rays of Attribute

d. 3-4—một sự phân chia gợi ý ba Các Cung Trạng Thái và bốn Các Cung Thuộc Tính

e. 4-3—a division in which the four ethers and differentiated from the dense sub-planes.

e. 4-3—một sự phân chia trong đó bốn cõi dĩ thái được phân biệt với các cõi phụ đậm đặc.

—a division emphasizing the manner in which the Solar Logoi and Planetary Logoi can meet the human evolution on the buddhic plane.

—một sự phân chia nhấn mạnh cách thức mà các Thái dương Thượng đế và các Hành Tinh Thượng Đế có thể gặp gỡ tiến hoá nhân loại trên cõi Bồ đề.

g. 1-2-2-2—a division indicating the domain of will, of spirit, of soul and the irrational sphere

g. 1-2-2-2—một sự phân chia chỉ ra phạm vi của ý chí, của tinh thần, của linh hồn và của khối cầu phi lý trí

h. 5-2—a division separating the five rational and super-rational sub-planes from the lower irrational sub-planes.

h. 5-2—một sự phân chia tách năm cõi phụ lý trí và siêu lý trí khỏi các cõi phụ phi lý trí thấp hơn.

i. 6-1—a division which considers the physical nature as the rind of true inner existence

i. 6-1—một sự phân chia xem bản chất hồng trần như lớp vỏ của sự tồn tại chân thực bên trong

j. Not all of these divisions should be given in whole numbers as some fractions are involved.

j. Không phải tất cả các sự phân chia này đều nên được đưa ra bằng số nguyên vì có liên quan đến một số phân số.

550. Each method of division places the emphasis on different dynamics and emphasizes different relationships between the planes.

550. Mỗi phương pháp phân chia đặt trọng tâm vào những động lực khác nhau và nhấn mạnh những mối liên hệ khác nhau giữa các cõi.

but acts on all under three laws: Attraction or Repulsion, Economy, and Synthesis.

nhưng tác động lên tất cả dưới ba định luật: Hấp Dẫn hay Đẩy Lùi, Tiết Kiệm, và Tổng Hợp.

551. When electrical force acts, it acts under three laws—the three cosmic laws.

551. Khi mãnh lực điện tác động, nó tác động dưới ba định luật—ba định luật vũ trụ.

552. We note that the Law of Attraction and Repulsion is listed *first* in this context, even though is the *second* cosmic law. This is probably because the Law of Attraction and Repulsion has so much to do with the manner in which electricity functions—electricity being principally a bi-polar phenomenon.

552. Chúng ta lưu ý rằng Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi được liệt kê *đầu tiên* trong ngữ cảnh này, dù nó là định luật vũ trụ *thứ hai*. Điều này có lẽ là vì Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi liên quan rất nhiều đến cách điện năng vận hành—điện năng chủ yếu là một hiện tượng lưỡng cực.

553. We also must remember that the electrical force most prominent in our second ray solar system, must be the electrical force associated with the second cosmic law—of Attraction and Repulsion.

553. Chúng ta cũng phải nhớ rằng mãnh lực điện nổi bật nhất trong hệ mặt trời cung hai của chúng ta hẳn phải là mãnh lực điện gắn liền với định luật vũ trụ thứ hai—Hấp Dẫn và Đẩy Lùi.

The lower three planes or subplanes act under the Law of Economy primarily; **the plane of meeting or of union acts under a phase of the Law of Attraction.** Paralleling them, of course, during evolution are their opposites, showing as Dispersion, Repulsion, and Differentiation.

Ba cõi hay cõi phụ thấp hơn tác động chủ yếu dưới Định luật Tiết Kiệm; **cõi gặp gỡ hay hợp nhất tác động dưới một pha của Định luật Hấp Dẫn.** Song song với chúng, dĩ nhiên, trong tiến hoá là các đối cực của chúng, biểu lộ thành Sự Phân Tán, Đẩy Lùi, và Biến Phân.

554. DK is speaking of the relations of the three cosmic laws to the division of the planes.

554. Chân sư DK đang nói về các mối liên hệ của ba định luật vũ trụ với sự phân chia các cõi.

555. The Law of Economy is a third ray law and fittingly relates to the functioning of the lower (and most material) three planes in any system of seven planes or sub-planes.

555. Định luật Tiết Kiệm là một định luật cung ba và thích hợp liên hệ với sự vận hành của ba cõi thấp hơn (và vật chất nhất) trong bất kỳ hệ thống nào gồm bảy cõi hay cõi phụ.

556. Upon the buddhic plane, the Law of Attraction operates, but only once the phases of "Dispersion Repulsion and Differentiation" have been passed through on the three lower planes.

556. Trên cõi Bồ đề, Định luật Hấp Dẫn vận hành, nhưng chỉ sau khi các pha của "Phân Tán, Đẩy Lùi và Biến Phân" đã được trải qua trên ba cõi thấp hơn.

The question of the **electrical manifestation of the akasha** on the seven planes has therefore to be studied in its three main divisions,

Vì vậy, vấn đề về **biểu hiện điện của akasha** trên bảy cõi phải được nghiên cứu trong ba phân bộ chính của nó,

557. We see that the term "akasha" is *not localized*, pertaining only to the *second* sub-plane of any system of seven, though there may be a special emphasis there.

557. Chúng ta thấy rằng thuật ngữ "akasha" *không bị định vị* chỉ liên quan đến cõi phụ *thứ hai* của bất kỳ hệ thống bảy cõi nào, dù có thể có một sự nhấn mạnh đặc biệt ở đó.

558. In fact the second sub-plane of *all* the seven systemic planes could be considered akashic.

558. Thật ra, cõi phụ thứ hai của *mọi* cõi hệ thống trong bảy cõi đều có thể được xem là có tính akasha.

559. Further, there is a strange equivalence between the terms "akasha" and "ether". As most if not all planes of the cosmic physical plane can be considered "etheric", then most if not all can be considered "akashic". When the terms are use loosely or as if seen from a very high perspective, these equivalences appear.

559. Hơn nữa, có một sự tương đương kỳ lạ giữa các thuật ngữ "akasha" và "dĩ thái". Vì hầu hết nếu không phải tất cả các cõi của cõi hồng trần vũ trụ đều có thể được xem là "dĩ thái", thì hầu hết nếu không phải tất cả cũng có thể được xem là "akashic". Khi các thuật ngữ này được dùng một cách lỏng hoặc như thể được nhìn từ một góc nhìn rất cao, những sự tương đương này xuất hiện.

560. "Akasha" as here defined, seems to cover the entire cosmic physical plane.

560. "Akasha", như được định nghĩa ở đây, dường như bao trùm toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ.

561. We are being told that the akasha has three main divisions. We have been studying one of these divisions (), but there are others (), for instance.

561. Chúng ta đang được cho biết rằng akasha có ba phân bộ chính. Chúng ta đã nghiên cứu một trong các phân bộ này (), nhưng còn có những phân bộ khác (), chẳng hạn.

562. We could think that electricity functions on the five lower sub-planes which are derivative of the second plane, the akasha, and indeed the akasha (considered as the energy-force of the second plane impulses the electrical demonstrations of the five planes below it).

562. Chúng ta có thể nghĩ rằng điện năng vận hành trên năm cõi phụ thấp hơn vốn là những dẫn xuất của cõi thứ hai, tức akasha, và quả thật akasha (được xem như năng lượng-mãnh lực của cõi thứ hai) thúc đẩy các biểu hiện điện của năm cõi bên dưới nó).

563. Akasha, specifically defined as the second vibratory domain on the cosmic physical plane, hovers over the five planes related to Fohat.

563. Akasha, được định nghĩa một cách đặc thù là phạm vi rung động thứ hai trên cõi hồng trần vũ trụ, lơ lửng trên năm cõi liên hệ với Fohat.

564. However, in this excerpt, DK speaks of the manifestation of the akasha "on the seven planes", and so this type of manifestation cannot be confined to the *lower* five. Naturally the monadic plane is included and so is the logoic, or their lower correspondences.

564. Tuy nhiên, trong đoạn trích này, Chân sư DK nói về biểu hiện của akasha "trên bảy cõi", và vì thế loại biểu hiện này không thể bị giới hạn trong năm cõi *thấp hơn*. Đương nhiên cõi chân thần được bao gồm và cõi logoic cũng vậy, hoặc các tương ứng thấp hơn của chúng.

then plane by plane or the sevenfold consideration,

rồi xét từng cõi một hay theo sự xem xét thất phân,

565. Is akasha, then, simply another name for "ether"? And "ether" for substance/matter?

565. Vậy thì akasha đơn giản chỉ là một tên gọi khác của "dĩ thái" sao? Và "dĩ thái" là của chất liệu/vật chất sao?

566. We are to consider the akasha plane by plane, so all the seven sub-planes of the cosmic physical plane are related to akasha. If we wish to be specific about the location of akasha on all these seven, we *could* still place emphasis upon the second sub-plane.

566. Chúng ta phải xem xét akasha từng cõi một, vì thế cả bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ đều liên hệ với akasha. Nếu chúng ta muốn xác định cụ thể vị trí của akasha trên cả bảy cõi này, chúng ta *vẫn có thể* nhấn mạnh cõi phụ thứ hai.

567. We have the problem that the term "akasha" could mean:

567. Chúng ta có vấn đề rằng thuật ngữ "akasha" có thể có nghĩa là:

a. The substance of that vibratory domain called the monadic plane

a. Chất liệu của phạm vi rung động được gọi là cõi chân thần

b. The substance of those vibratory domains which constitute the second sub-plane of each of the seven planes of the cosmic physical plane

b. Chất liệu của những phạm vi rung động cấu thành cõi phụ thứ hai của mỗi một trong bảy cõi của cõi hồng trần vũ trụ

c. All substance/matter of the cosmic physical plane. This last definition is the loosest, but seems, sometimes, to be suggested.

c. Toàn bộ chất liệu/vật chất của cõi hồng trần vũ trụ. Định nghĩa cuối cùng này là lỏng nhất, nhưng đôi khi dường như được gợi ý như vậy.

and finally as the forty-nine [Page 331] fires.

và cuối cùng là bốn mươi chín [Page 331] ngọn lửa.

568. But if the akasha is to be considered as forty-nine fires, then it is expressing through *every* plane and sub-plane in any system of seven/sub-forty-nine.

568. Nhưng nếu akasha được xem là bốn mươi chín ngọn lửa, thì nó đang biểu hiện qua *mọi* cõi và cõi phụ trong bất kỳ hệ thống nào gồm bảy/dưới-bốn-mươi-chín.

569. We will have to be alert to the possibility that the terms "ether", "substance", "matter-force" and akasha can be considered interchangeable.

569. Chúng ta sẽ phải cảnh giác với khả năng rằng các thuật ngữ "dĩ thái", "chất liệu", "vật chất-mãnh lực" và akasha có thể được xem là có thể thay thế cho nhau.

Throughout it must be recollected that the subject is still further complicated by **the factor of time which brings these forty-nine fires at different stages under different spheres of influence and under the three laws of the cosmos.**

Xuyên suốt, phải ghi nhớ rằng chủ đề này còn phức tạp hơn nữa bởi **yếu tố thời gian, yếu tố đưa bốn mươi chín ngọn lửa này ở những giai đoạn khác nhau vào dưới những khối cầu ảnh hưởng khác nhau và dưới ba định luật của vũ trụ.**

570. The forty-nine fires are not always subject to the *same* zodiacal, planetary or ray influences, or to same one of the three laws of cosmos. There is a constant shifting and cyclic sequencing.

570. Bốn mươi chín ngọn lửa không phải lúc nào cũng chịu cùng những ảnh hưởng hoàng đạo, hành tinh hay cung, hoặc cùng một trong ba định luật của vũ trụ. Có một sự chuyển dịch liên tục và một sự tuần tự theo chu kỳ.

571. Any one plane, at a given stage of the evolutionary process, may be affected by influences very different from those that affected it at an earlier stage or those that will affect it at a later.

571. Bất kỳ cõi nào, ở một giai đoạn nhất định của tiến trình tiến hoá, có thể bị tác động bởi những ảnh hưởng rất khác với những ảnh hưởng đã tác động lên nó ở giai đoạn trước đó hoặc sẽ tác động lên nó ở giai đoạn sau.

Thus the same fire at different periods will show itself forth as constructive light, or

Vì vậy cùng một ngọn lửa, ở những thời kỳ khác nhau, sẽ biểu lộ như ánh sáng kiến tạo,

again bring about combustion and eventual obscuration as the result of burning out.

572. Here, DK is speaking of the causal body, which, at one phase of evolution, is principally a demonstration of light, but at a later phase (influenced by other rays and astrological influences) becomes a display of fiery combustion.

573. The second aspect of divinity contributes to the light demonstration, but the second aspect of the will contributes to the conflagration.

574. The principle to grasp is of constant, cyclic, intelligent *mutation.*

575. We are beginning to get an impression of the dancing interplay of a wide variety of energies with a wide variety of substances.

<u>In connection with the manifestation of electricity on the mental, astral and physical planes.</u> We will not enlarge upon the subject, as it will later be discussed as fully as may be possible.

576. DK is dealing more with the *principled* planes of the Solar Logos and Planetary Logos than with those which are non-principled.

hoặc lại gây ra sự cháy và cuối cùng là sự che khuất như kết quả của sự cháy cạn.

572. Ở đây, Chân sư DK đang nói về thể nguyên nhân, vốn ở một giai đoạn tiến hoá chủ yếu là một biểu hiện của ánh sáng, nhưng ở một giai đoạn sau (chịu ảnh hưởng của các cung khác và các ảnh hưởng chiêm tinh) lại trở thành một sự phô bày của sự cháy rực lửa.

573. Phương diện thứ hai của thiên tính góp phần vào biểu hiện ánh sáng, nhưng phương diện thứ hai của ý chí góp phần vào sự bùng cháy.

574. Nguyên lý cần nắm bắt là sự *biến đổi* có tính chu kỳ, thông tuệ và không ngừng.

575. Chúng ta đang bắt đầu có được một ấn tượng về sự tương tác nhảy múa của một loạt rất đa dạng các năng lượng với một loạt rất đa dạng các chất liệu.

<u>Trong liên hệ với biểu hiện của điện năng trên các cõi trí, cảm dục và hồng trần.</u> Chúng ta sẽ không khai triển thêm về chủ đề này, vì về sau nó sẽ được bàn luận đầy đủ nhất có thể.

576. Chân sư DK đang bàn nhiều hơn về những cõi *nguyên khí* của Thái dương Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế hơn là những cõi không-nguyên-khí.

577. The purpose of *TCF* is to see how substance contributes to the expansion of consciousness. The purpose is not to give detailed information on the workings of dense matter (solar-logoically considered), per se, though much has already been given in the first part of the book.

577. Mục đích của *TCF* là xem chất liệu góp phần như thế nào vào sự mở rộng của tâm thức. Mục đích không phải là cung cấp thông tin chi tiết về sự vận hành của vật chất đậm đặc (xét theo quan điểm thái dương-thượng-đế), chính nó, dù rất nhiều điều đã được trình bày trong phần đầu của quyển sách.

Suffice it to say that the law holds good and that what is laid down as fact anent a Heavenly Man on His Own planes is equally true of man on the four lower planes.

Chỉ cần nói rằng định luật này vẫn đúng và rằng điều được nêu ra như sự kiện liên quan đến một Đấng Thiên Nhân trên các cõi riêng của Ngài cũng đúng tương tự đối với con người trên bốn cõi thấp hơn.

578. Law of Analogy is reasserted by the Tibetan. It must become integral to out thinking.

578. Định luật tương đồng được Chân sư Tây Tạng tái khẳng định. Nó phải trở thành phần không thể tách rời trong tư duy của chúng ta.

Thus:

Vì vậy:

A SOLAR LOGOS

MỘT THÁI DƯƠNG THƯỢNG ĐẾ

1. Electrical vibration the plane logoic or adi.

1. Rung động điện cõi logoic hay adi.

2. Electrical light the plane monadic or anupadaka.

2. Ánh sáng điện cõi chân thần hay anupadaka.

3. Electrical sound the plane of atma.

3. Âm thanh điện cõi atma.

4. Electrical colour the plane of buddhi.

4. Màu sắc điện cõi Bồ đề.

A HEAVENLY MAN

MỘT ĐẤNG THIÊN NHÂN

1. Electrical vibration the plane monadic.

1. Rung động điện cõi chân thần.

2. Electrical light the plane of atma.

2. Ánh sáng điện cõi atma.

3. Electrical sound the plane of buddhi.

4. Electrical colour the mental plane.

MAN

1. Electrical vibration buddhic plane.

2. Electrical light the mental plane.

3. Electrical sound the astral plane.

4. Electrical colour the physical plane.

579. By now we are accustomed to the sequence: vibration, light, sound color.

580. We see the relativity of these demonstrations with respect to the planes.

581. Only from the solar logoic point of view is the logoic plane the plane of electrical vibration. For the Heavenly Man it is the monadic plane and for man the buddhic plane. And so forth.

582. The planes are therefore be organized as follows:

a. The planes of vibration: logoic, monadic, buddhic

b. The planes of light: monadic, atmic and mental

c. The planes of sound: atmic, buddhic, astral

d. The planes of colour: buddhic, mental, and physical

3. Âm thanh điện cõi Bồ đề.

4. Màu sắc điện cõi trí.

CON NGƯỜI

1. Rung động điện cõi Bồ đề.

2. Ánh sáng điện cõi trí.

3. Âm thanh điện cõi cảm dục.

4. Màu sắc điện cõi hồng trần.

579. Đến nay chúng ta đã quen với chuỗi: rung động, ánh sáng, âm thanh, màu sắc.

580. Chúng ta thấy tính tương đối của những biểu hiện này đối với các cõi.

581. Chỉ từ quan điểm của Thái dương Thượng đế thì cõi logoic mới là cõi của rung động điện. Đối với Đấng Thiên Nhân, đó là cõi chân thần, và đối với con người, đó là cõi Bồ đề. Và cứ thế tiếp tục.

582. Vì vậy các cõi sẽ được tổ chức như sau:

a. Các cõi của rung động: logoic, chân thần, Bồ đề

b. Các cõi của ánh sáng: chân thần, atma và trí

c. Các cõi của âm thanh: atma, Bồ đề, cảm dục

d. Các cõi của màu sắc: Bồ đề, trí, và hồng trần

583. Some may notice that there is a good chance that this chart is incomplete. There is a planar-gap between what is given of the Heavenly Man and that which is given for man.

583. Một số người có thể nhận thấy rằng có nhiều khả năng biểu đồ này chưa hoàn chỉnh. Có một khoảng trống về cõi giữa điều được nêu cho Đấng Thiên Nhân và điều được nêu cho con người.

584. Is there an entity for whom electrical vibration begins on the *atmic* level, electrical light on the *buddhic*, electrical sound on the *mental*, and electrical color on the *astral*?

584. Có chăng một thực thể mà đối với nó rung động điện bắt đầu ở cấp độ *atma*, ánh sáng điện ở cấp độ *Bồ đề*, âm thanh điện ở cấp độ *trí*, và màu sắc điện ở cấp độ *cảm dục*?

585. We have often spoken of subsidiary types of Heavenly Men. Perhaps such an arrangement would apply to Chain Lords or Globe Lords—with some modification.

585. Chúng ta thường nói đến những loại phụ thuộc của các Đấng Thiên Nhân. Có lẽ một sự sắp xếp như vậy sẽ áp dụng cho các Chúa Tể của Dãy hay các Chúa Tể của bầu hành tinh—với một vài điều chỉnh.

586. It may even be possible for there to be a planar-overlap, such that vibration does not begin on a systemic atomic sub-plane but more in the middle of a cosmic sub-plane. This would introduce quite a complication, and we are not really ready to understand it.

586. Thậm chí còn có thể có một sự chồng lấn cõi giới, đến mức rung động không bắt đầu trên một cõi phụ nguyên tử của hệ thống mà đúng hơn ở khoảng giữa của một cõi phụ vũ trụ. Điều này sẽ đưa vào một sự phức tạp đáng kể, và chúng ta thực sự chưa sẵn sàng để thấu hiểu điều đó.

We need to remember here that we were earlier dealing with the Logos, and with the Heavenly Men as **incorporate parts of His body of manifestation.**

Ở đây chúng ta cần nhớ rằng trước đó chúng ta đã bàn đến Thượng đế, và đến các Đấng Thiên Nhân như là **những phần hợp thể trong thể biểu hiện của Ngài.**

587. All wholes within greater wholes can be conceived as an "incorporate parts", or 'embodied aspects' of the greater whole.

587. Mọi toàn thể nằm trong những toàn thể lớn hơn đều có thể được quan niệm như là những "phần hợp thể", hay "những phương diện nhập thể" của toàn thể lớn hơn.

588. For any part there is no true independence from the incorporating whole.

588. Đối với bất kỳ phần nào, không có sự độc lập đích thực nào khỏi toàn thể bao hàm nó.

589. In this instance we are emphasizing the inseparability of the Planetary Logoi from

589. Trong trường hợp này, chúng ta đang nhấn mạnh tính bất khả phân ly của các Hành Tinh Thượng Đế khỏi Toàn Thể chứa

the Whole which contains them as "incorporate parts"—i.e., the Solar Logos.

Các Ngài như những "phần hợp thể" — tức là, Thái dương Thượng đế.

In the tabulation above given we are dealing with each separately,

Trong bảng liệt kê đã nêu ở trên, chúng ta đang xem xét từng vị một cách riêng biệt,

590. All of the beings listed in the tabulation are intimately related to each other. They cannot really be treated as separate entities.

590. Tất cả các hữu thể được liệt kê trong bảng đều liên hệ mật thiết với nhau. Thực ra không thể xem các vị ấy như những thực thể tách biệt.

591. As the greater descends into the lesser, there is no point at which the greater is no more present. The greater is present throughout all lessers. This we can understand if we understand the Law of Emanation.

591. Khi cái lớn hơn giáng xuống cái nhỏ hơn, không có điểm nào mà cái lớn hơn không còn hiện diện nữa. Cái lớn hơn hiện diện xuyên suốt mọi cái nhỏ hơn. Điều này chúng ta có thể hiểu nếu hiểu Định luật Xuất lộ/phát xạ.

[Page 332] and it should be observed that the manifestation of the groups of causal bodies on the mental plane is the **colour manifestation** of a Heavenly Man and **His lowest point of objectivity**.

[Page 332] và cần lưu ý rằng sự biểu hiện của các nhóm thể nguyên nhân trên cõi trí là sự **biểu hiện màu sắc** của một Đấng Thiên Nhân và là **điểm khách quan thấp nhất của Ngài**.

592. We remember that objectivity is not really *material* in nature, but rather, essentially, etheric.

592. Chúng ta nhớ rằng tính khách quan thực ra không có bản chất *vật chất*, mà đúng hơn, về căn bản, là dĩ thái.

593. For the Heavenly Man then, it seems confirmed that the causal body can be considered an etheric demonstration—His lowest.

593. Vậy thì đối với Đấng Thiên Nhân, dường như đã được xác nhận rằng thể nguyên nhân có thể được xem như một biểu hiện dĩ thái — thấp nhất của Ngài.

594. If the causal bodies of the mental plane are the colour manifestation of the Heavenly Man, we can see how accurate is this assignment! The causal bodies are indeed known for their gorgeous colour demonstration.

594. Nếu các thể nguyên nhân của cõi trí là biểu hiện màu sắc của Đấng Thiên Nhân, chúng ta có thể thấy sự quy định này chính xác đến mức nào! Quả thật các thể nguyên nhân được biết đến vì sự biểu hiện màu sắc huy hoàng của chúng.

595. That which is etheric is objective, but, as well, that which is *gaseous* is also considered objective.

595. Điều gì là dĩ thái thì là khách quan, nhưng đồng thời, điều gì là *thể khí* cũng được xem là khách quan.

596. The mental plane is, generically, a gaseous plane (considered within the context of the Solar Logos). The question we have been asking is: "Is the higher mental plane to be considered gaseous in relation to a Heavenly Man or quasi-etheric". There seems good evidence for considering it etheric or at least quasi-etheric. For the Heavenly Man the *lower* mental plane is definitely gaseous.

596. Cõi trí, nói chung, là một cõi thể khí (được xét trong bối cảnh của Thái dương Thượng đế). Câu hỏi chúng ta đã nêu là: "Cõi thượng trí có nên được xem là thể khí trong tương quan với một Đấng Thiên Nhân hay là bán-dĩ thái?" Có vẻ có nhiều bằng chứng tốt để xem nó là dĩ thái hay ít nhất là bán-dĩ thái. Đối với Đấng Thiên Nhân, cõi trí *hạ* chắc chắn là thể khí.

597. The principle of planar-overlap has always to be considered. Not much is said about it, but there are hints.

597. Nguyên lý chồng lấn cõi giới luôn luôn phải được xét đến. Không nói nhiều về điều này, nhưng có những ám chỉ.

In man his lowest point of objectivity is the fifth subplane of the physical plane,

Ở con người, điểm khách quan thấp nhất của y là cõi phụ thứ năm của cõi hồng trần,

598. For man, as well, the gaseous level of the dense physical plane is also considered objective—in fact his lowest point of objectivity.

598. Đối với con người cũng vậy, cấp độ thể khí của cõi hồng trần đậm đặc cũng được xem là khách quan — thực ra là điểm khách quan thấp nhất của y.

599. Although *apparently* very objective, the mineral/dense level of man's manifestation is not to be considered a point of objectivity and neither is the liquid level of expression.

599. Mặc dù *hiển nhiên* rất khách quan, cấp độ khoáng vật/đậm đặc trong biểu hiện của con người không được xem là một điểm khách quan, và cấp độ lưu chất biểu hiện cũng vậy.

600. The fifth sub-plane of the physical plane is a gaseous sub-plane and not an etheric sub-plane. The numbering of man's ethers begins with the systemic atomic physical sub-plane, whereas the numbering of the ethers of the Planetary Logos begins with the sub-atomic sub-plane of the cosmic physical plane. We, see, then that whereas for both, the gaseous plane (one cosmic and one systemic) is considered the "lowest

600. Cõi phụ thứ năm của cõi hồng trần là một cõi phụ thể khí chứ không phải một cõi phụ dĩ thái. Việc đánh số các dĩ thái của con người bắt đầu từ cõi phụ hồng trần nguyên tử của hệ thống, trong khi việc đánh số các dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế bắt đầu từ cõi phụ hạ-nguyên tử của cõi hồng trần vũ trụ. Như vậy, chúng ta thấy rằng tuy đối với cả hai, cõi thể khí (một vũ trụ và một hệ thống) được xem là "điểm khách quan thấp

point of objectivity", it is possible due to the way the numbering began to count the causal realm as a kind of ether in relation to the Planetary Logos, but it is not possible to count the gaseous sub-plane of the systemic etheric-physical plane as etheric.

nhất", nhưng do cách việc đánh số bắt đầu, có thể tính cõi nguyên nhân như một loại dĩ thái trong tương quan với Hành Tinh Thượng Đế, còn không thể tính cõi phụ thể khí của cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống là dĩ thái.

as the liquid and the dense subplanes are not counted as principles any more than the cosmic liquid and dense (the astral and the systemic physical planes) count with a Heavenly Man.

vì các cõi phụ lưu chất và đậm đặc không còn được tính là các nguyên khí, cũng như lưu chất và đậm đặc vũ trụ (cõi cảm dục và cõi hồng trần hệ thống) không được tính đối với một Đấng Thiên Nhân.

601. Is there a level of principled expression for man that is connected with the gaseous level of the systemic physical plane? Sometimes the dense physical is considered a principle but most often not. Usually the lowest principle for man is the etheric body. The gaseous sub-plane of the dense physical, however, has a strong influence upon the etheric body. Thus, the effectiveness of breathing exercises.

601. Có chăng một cấp độ biểu hiện nguyên khí nơi con người có liên hệ với cấp độ thể khí của cõi hồng trần hệ thống? Đôi khi hồng trần đậm đặc được xem là một nguyên khí nhưng thường thì không. Thông thường nguyên khí thấp nhất của con người là thể dĩ thái. Tuy nhiên, cõi phụ thể khí của hồng trần đậm đặc có ảnh hưởng mạnh lên thể dĩ thái. Do đó mới có hiệu quả của các bài tập hô hấp.

602. There is an analogy: the liquid and dense sub-planes—the lowest two—are not principles and are not areas of focus for the human being: likewise, the two lowest levels of the astral plane are not areas calling for the attention of the human being.

602. Có một sự tương đồng: hai cõi phụ thấp nhất — lưu chất và đậm đặc — không phải là các nguyên khí và không phải là những khu vực tập trung của con người; cũng vậy, hai cấp thấp nhất của cõi cảm dục không phải là những khu vực đòi hỏi sự chú ý của con người.

603. Similarly, the systemic physical and astral planes are areas of vibration to which the Heavenly Man gives no attention. For Him, these vibratory levels are not principles and belong entirely to the past.

603. Tương tự, cõi hồng trần hệ thống và cõi cảm dục là những khu vực rung động mà Đấng Thiên Nhân không chú ý đến. Đối với Ngài, các cấp rung động này không phải là các nguyên khí và hoàn toàn thuộc về quá khứ.

604. We can assume that the gaseous level is positioned midway between the past and the present. As we ascend the planes, the future (as it will be) is indicated.

604. Chúng ta có thể giả định rằng cấp độ thể khí nằm ở khoảng giữa giữa quá khứ và hiện tại. Khi chúng ta đi lên các cõi, tương lai (như nó sẽ là) được chỉ ra.

605. What DK says here about which sub-planes are counted as principles and which are not seems to be at variance with what is said elsewhere.

605. Điều Chân sư DK nói ở đây về những cõi phụ nào được tính là nguyên khí và những cõi nào không được tính dường như khác với điều được nói ở nơi khác.

a. Usually, for the Planetary Logos, the lower systemic mental plane is not counted as a principle

a. Thông thường, đối với Hành Tinh Thượng Đế, cõi hạ trí hệ thống không được tính là một nguyên khí

b. Usually, for the Solar Logos, both the lower and higher systemic mental planes are not counted as a principle.

b. Thông thường, đối với Thái dương Thượng đế, cả cõi hạ trí lẫn cõi thượng trí hệ thống đều không được tính là một nguyên khí.

606. The mental plane (or gaseous plane) is in something of a "no man's land" with respect to its principled or unprincipled nature. The two lower sub-planes are *definitely* unprincipled. We cannot always say this of either the lower or higher mental planes.

606. Cõi trí (hay cõi thể khí) ở vào một dạng "vùng đất vô chủ" nào đó xét về bản chất có nguyên khí hay không có nguyên khí của nó. Hai cõi phụ thấp nhất *chắc chắn* là không có nguyên khí. Chúng ta không phải lúc nào cũng có thể nói như vậy về cõi hạ trí hay cõi thượng trí.

607. Perhaps we can think of the mental plane (in its two aspects, and in relation to Planetary Logoi and the Solar Logos) as a plane *transitional* between principled and unprincipled. For man, the systemic gaseous plane is also similarly transitional.

607. Có lẽ chúng ta có thể nghĩ về cõi trí (trong hai phương diện của nó, và trong tương quan với các Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế) như một cõi *chuyển tiếp* giữa có nguyên khí và không có nguyên khí. Đối với con người, cõi thể khí hệ thống cũng chuyển tiếp theo cách tương tự.

We have seen that manas or mind is the fifth principle, or the basic vibration of the cosmic mental plane, the fifth plane; it was therefore **impulse originating from the causal levels of the cosmic mental plane, which drove our solar Logos into manifestation,**

Chúng ta đã thấy rằng manas hay trí tuệ là nguyên khí thứ năm, hay rung động căn bản của cõi trí vũ trụ, cõi thứ năm; vì vậy đó là **xung lực phát sinh từ các cấp nguyên nhân của cõi trí vũ trụ đã thúc đẩy Thái dương Thượng đế của chúng ta đi vào biểu hiện,**

608. The analogy holds good: all manifestation (whether cosmic or systemic or in relation to man) begins on the higher levels of *a* mental plane.

608. Sự tương đồng vẫn đúng: mọi biểu hiện (dù là vũ trụ hay hệ thống hay trong tương quan với con người) đều bắt đầu trên các cấp cao của *một* cõi trí.

609. When we speak of the "fifth principle" we are speaking of an aspect of Deity which originates on the cosmic mental plane.

609. Khi chúng ta nói về "nguyên khí thứ năm", chúng ta đang nói về một phương diện của Thượng đế phát sinh trên cõi trí vũ trụ.

610. When speaking of driving our "Solar Logos into manifestation" we seem to be dealing with an Aretian impulse; Aries governs the first impulse towards manifestation whether for a man, a Planetary Logos or a Solar Logos. "I come forth and from the plane of mind, I rule"!

610. Khi nói về việc thúc đẩy "Thái dương Thượng đế của chúng ta đi vào biểu hiện", dường như chúng ta đang bàn đến một xung lực Aretian; Bạch Dương chi phối xung lực đầu tiên hướng tới biểu hiện, dù là đối với con người, một Hành Tinh Thượng Đế hay một Thái dương Thượng đế. "Tôi xuất hiện và từ cõi trí Tôi cai quản."!

611. The Lord of the Constellation Aries (cf. EA 304) is surely a Being greater than our Solar Logos, and could impel Him forward into incarnation.

611. Chúa Tể của Chòm sao Bạch Dương (x. EA 304) hẳn là một Hữu thể lớn hơn Thái dương Thượng đế của chúng ta, và có thể thúc đẩy Ngài tiến vào lâm phàm.

in the same way that the force which brings man into incarnation emanates from his causal body on the mental plane of the solar system.

theo cùng cách mà mãnh lực đưa con người vào lâm phàm phát ra từ thể nguyên nhân của y trên cõi trí của hệ mặt trời.

612. The causal body of the Solar Logos is located on the first sub-plane of the cosmic mental plane (we are told), and that of our Planetary Logos, on the third sub-plane of the cosmic mental plane (again we are told—how else would we 'know'?).

612. Thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế nằm trên cõi phụ thứ nhất của cõi trí vũ trụ (như chúng ta được cho biết), và của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta nằm trên cõi phụ thứ ba của cõi trí vũ trụ (một lần nữa như chúng ta được cho biết — nếu không thì làm sao chúng ta "biết" được?).

613. Manifestation begins from the level of soul; the will-to-manifest (itself a reflection of the still higher "Will-to-Be") originates there.

613. Biểu hiện bắt đầu từ cấp độ linh hồn; ý chí-biểu hiện (bản thân nó là một phản ánh của "Ý Chí-Hiện Hữu" còn cao hơn nữa) phát sinh từ đó.

We have seen also that manas is that discriminative faculty which animates all substance, and which is also the electrical fire of the system showing forth as

Chúng ta cũng đã thấy rằng manas là năng lực phân biện mà làm sinh động mọi chất liệu, và cũng là lửa điện của hệ thống biểu lộ

attraction and repulsion, with all that is involved in those two words.

614. We are rounding out what has been said of manas:

a. It is a discriminative faculty. This relates to the third ray: "The Discriminating Essential Life" (EP I 68)

b. It animates all substance, which is another way of saying that it *ensouls* all substance. This relates manas to solar fire and to the second ray.

c. Manas is also "the electrical fire of the system". Does DK mean "electric fire"? In any case, this "electrical fire" shows forth in a second ray manner as "attraction and repulsion"—aspects of the great Law of Attraction.

d. At the very least manas (*cosmically* considered) is the source of what we call the Primordial Ray (Intelligence) and the Divine Ray (Love-Wisdom).

e. There is also reason to believe that manas (as we can experience it) is the source *for us* of "electric fire", for the manas of which we are speaking emanates from the cosmic mental plane.

In the widest sense of the idea the Laws of Economy and of Synthesis are only divisions of that same cosmic law of which Attraction and Repulsion are also manifestations.

615. That cosmic law is the Law of Karma (and intermediate law positioned 'above' the laws we usually consider cosmic).

thành hút và đẩy, cùng với tất cả những gì hàm chứa trong hai từ ấy.

614. Chúng ta đang hoàn chỉnh những gì đã được nói về manas:

a. Nó là một năng lực phân biện. Điều này liên hệ với cung ba: "Sự Sống Cốt Yếu Phân Biện" (EP I 68)

b. Nó làm sinh động mọi chất liệu, đó là một cách khác để nói rằng nó *phú linh* mọi chất liệu. Điều này liên hệ manas với Lửa Thái dương và với cung hai.

c. Manas cũng là "lửa điện của hệ thống". Chân sư DK có muốn nói "Lửa Điện" không? Dù sao đi nữa, "lửa điện" này biểu lộ theo cách của cung hai như "hút và đẩy" — các phương diện của Định luật Hút lớn lao.

d. Ít nhất thì manas (được xét *về mặt vũ trụ*) là nguồn gốc của điều chúng ta gọi là Cung Nguyên Sơ (Trí Tuệ) và Cung Thiêng Liêng (Bác Ái – Minh Triết).

e. Cũng có lý do để tin rằng manas (như chúng ta có thể kinh nghiệm nó) là nguồn gốc *đối với chúng ta* của "Lửa Điện", vì manas mà chúng ta đang nói đến phát ra từ cõi trí vũ trụ.

Theo nghĩa rộng nhất của ý tưởng này, Định luật Tiết Kiệm và Định luật Tổng Hợp chỉ là những phân bộ của cùng một định luật vũ trụ mà Hút và Đẩy cũng là những biểu hiện của nó.

615. Định luật vũ trụ đó là Định luật Karma (một định luật trung gian được đặt "trên"

các định luật mà chúng ta thường xem là vũ trụ).

616. This "widest sense" demands that we consider the functioning of a Cosmic Logos —perhaps of the Sirian system.

616. "Nghĩa rộng nhất" này đòi hỏi chúng ta phải xét đến hoạt động của một Thượng đế Vũ Trụ — có lẽ là của hệ thống Sirius.

This cosmic law, demonstrating thus in a threefold manner, might (for lack of a better term) be called **the Law of Being,** and is of a nature so incomprehensible to the finite mind of man that he can only sense it partially through the aforesaid three branches.

Định luật vũ trụ này, biểu lộ như thế theo cách tam phân, có thể (vì thiếu một thuật ngữ tốt hơn) được gọi là **Định luật Bản Thể,** và có một bản chất khó hiểu đến mức đối với trí tuệ hữu hạn của con người, y chỉ có thể cảm nhận nó phần nào qua ba nhánh vừa nói trên.

617. Here we are told that our customary cosmic laws are aspects of the "Law of Being". Elsewhere we are told that the three cosmic laws are expressions or divisions of the Law of Karma.

617. Ở đây chúng ta được cho biết rằng các định luật vũ trụ quen thuộc của chúng ta là những phương diện của "Định luật Bản Thể". Ở nơi khác chúng ta được cho biết rằng ba định luật vũ trụ là những biểu hiện hay phân bộ của Định luật Karma.

618. I don't think this is a contradiction as the Law of Karma (as an intermediary cosmic law) may be simply an expression of a much higher Law—the Law of Being.

618. Tôi không nghĩ đây là một mâu thuẫn, vì Định luật Karma (như một định luật vũ trụ trung gian) có thể đơn giản chỉ là một biểu hiện của một Định luật cao hơn nhiều — Định luật Bản Thể.

619. DK is telling us that if we are to sense this Law of Being, we must do it through an understanding of the three cosmic laws with which we are familiar: the Law of Economy; the Law of Attraction; and the Law of Synthesis.

619. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng nếu chúng ta muốn cảm nhận Định luật Bản Thể này, chúng ta phải làm điều đó qua sự thấu hiểu ba định luật vũ trụ mà chúng ta quen thuộc: Định luật Tiết Kiệm; Định luật Hút; và Định luật Tổng Hợp.

620. Thus, we approach the One through the Three.

620. Như vậy, chúng ta tiếp cận Đấng Duy Nhất qua Bộ Ba.

TCF 332-340: S3S12

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được để ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối

references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

trang và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được để ở cỡ chữ 14. Phần bình luận ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Xin đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

3. MANAS IS THAT WHICH PRODUCES COHESION

3. MANAS LÀ ĐIỀU TẠO RA SỰ CỐ KẾT

1. VSK suggests: "Let's review the concept – manas produces cohesion. We usually think of the manasic and fifth ray as dividing and discriminating, and the second ray as producing cohesion. Let's attempt to recall from our previous instructions how manas (identified in one aspect with cosmic solar fire) produces cohesion."

1. VSK gợi ý: "Hãy ôn lại khái niệm này — manas tạo ra sự cố kết. Chúng ta thường nghĩ manas và cung năm là phân chia và phân biện, còn cung hai là tạo ra sự cố kết. Hãy cố nhớ lại từ những chỉ dẫn trước đây của chúng ta xem manas (được đồng nhất trong một phương diện với lửa thái dương vũ trụ) tạo ra sự cố kết như thế nào."

We come now to our third definition: **The manasic principle is above all else that cohesive something** which enables an Entity (whether Logos, Heavenly Man, or man) to work:

Giờ đây chúng ta đến với định nghĩa thứ ba của mình: **Nguyên khí manas trên hết mọi thứ là cái gì đó có tính cố kết** giúp cho một Thực Thể (dù là Thượng đế, Đấng Thiên Nhân, hay con người) hoạt động:

1. We note that manas is here being considered only in relation to self-conscious units, and not to the tiny, unconscious atom of matter/substance.

1. Chúng ta lưu ý rằng ở đây manas chỉ được xét trong tương quan với các đơn vị ngã thức, chứ không phải với nguyên tử nhỏ bé, vô thức của vật chất/chất liệu.

2. Here the second aspect of manas is being emphasized.

2. Ở đây phương diện thứ hai của manas đang được nhấn mạnh.

3. In this regard we must remember that manas, as we experience and express it, originates on the higher part of the cosmic mental plane. From this point of view manas is *cosmic solar fire.*

3. Về phương diện này, chúng ta phải nhớ rằng manas, như chúng ta kinh nghiệm và biểu lộ nó, phát sinh trên phần cao của cõi trí vũ trụ. Từ quan điểm này, manas là *lửa thái dương vũ trụ.*

[Page 333]

a [Work] Through form, and thus exist.

1. Thus, manas is the cohesive something that enables 'man' to exist through form.

2. Manas contributes to the integrity of form. Without manas, form would not be created and the Entities referenced would not express through form.

b. [Work] By means of progressive development or cyclic evolution.

1. Manas is the cohesive something that enables 'man' to evolve through cyclic development.

2. Manas provides the intelligence that promotes progressive development. The planning factor within manas enables the process of "cyclic evolution".

3. The soul/Solar Angel, for instance, has an intelligent plan for the development of its supervisee, the human personality.

c. [Work] **On certain planes**, that are, for the entity concerned, the battleground of life, and the field of experience.

1. Manas is the cohesive something that enables 'man' to consciously experience certain planes.

2. Without manas there would be no way for the evolving entity to come to terms with

[Page 333]

a [Hoạt động] Qua hình tướng, và như thế hiện hữu.

1. Như vậy, manas là cái gì đó có tính cố kết giúp "con người" hiện hữu qua hình tướng.

2. Manas góp phần vào tính toàn vẹn của hình tướng. Không có manas, hình tướng sẽ không được tạo ra và các Thực Thể được nhắc đến sẽ không biểu lộ qua hình tướng.

b. [Hoạt động] Bằng phương tiện phát triển tiến bộ hay tiến hoá theo chu kỳ.

1. Manas là cái gì đó có tính cố kết giúp "con người" tiến hoá qua sự phát triển theo chu kỳ.

2. Manas cung cấp trí tuệ thúc đẩy sự phát triển tiến bộ. Yếu tố hoạch định bên trong manas làm cho tiến trình "tiến hoá theo chu kỳ" trở nên khả hữu.

3. Chẳng hạn, linh hồn/Thái dương Thiên Thần có một kế hoạch thông tuệ cho sự phát triển của đối tượng được nó giám sát, tức phàm ngã con người.

c. [Hoạt động] **Trên những cõi nhất định**, là những cõi, đối với thực thể liên hệ, vừa là chiến trường của sự sống vừa là lĩnh vực kinh nghiệm.

1. Manas là cái gì đó có tính cố kết giúp "con người" kinh nghiệm một cách có ý thức những cõi nhất định.

the conditions on the planes through which it must evolve.

2. Không có manas, sẽ không có cách nào để thực thể đang tiến hoá thích ứng với các điều kiện trên những cõi mà nó phải tiến hoá qua.

3. There is the suggestion that every true field of experience is really an necessarily a "battleground". If man does not fight for what he seeks to possess, he will not earn the right to possess. The 'fight' of course, takes place in man ways, not all of them violent, but all of them necessarily persistent.

3. Có một gợi ý rằng mọi lĩnh vực kinh nghiệm chân chính thực sự tất yếu là một "chiến trường". Nếu con người không đấu tranh cho điều y tìm cách sở hữu, y sẽ không giành được quyền sở hữu. Dĩ nhiên, "cuộc đấu tranh" diễn ra theo nhiều cách nơi con người, không phải tất cả đều bạo lực, nhưng tất cả đều nhất thiết đòi hỏi sự bền bỉ.

d. [Work] **By the method of manifestation,** which is a gradual growth from a dim and distant dawn through an ever increasing splendour of light to a blaze of effulgent glory;

d. [Hoạt động] **Bằng phương pháp biểu hiện,** là một sự tăng trưởng dần dần từ một bình minh mờ xa qua một huy hoàng ánh sáng ngày càng tăng đến một ngọn lửa vinh quang rực rỡ;

1. Manas allows such Entities to work "by the method of manifestation".

1. Manas cho phép các Thực Thể như thế hoạt động "bằng phương pháp biểu hiện".

2. Note the glorious (and progressive) language through which manifestation is portrayed.

2. Hãy lưu ý ngôn ngữ huy hoàng (và tiến triển) qua đó biểu hiện được mô tả.

3. Certainly, manifestation is not a fait accompli as 'Creationism' envisions. Its exercise is characterized by intelligent gradualism.

3. Chắc chắn, biểu hiện không phải là một việc đã hoàn tất như thuyết Sáng tạo hình dung. Sự vận hành của nó được đặc trưng bởi tính tiệm tiến thông tuệ.

then through a steadily dimming twilight to final obscuration. Dawn, day, midday, twilight, night—thus is the order for the Logos, for a planetary Logos, and for man.

rồi qua một hoàng hôn mờ dần đều đặn đến sự che khuất cuối cùng. Bình minh, ban ngày, giữa trưa, hoàng hôn, đêm tối — đó là trật tự đối với Thượng đế, đối với một Hành Tinh Thượng Đế, và đối với con người.

1. VSK suggests: "We note that this function of manasic cohesion is what creates the spheroidal forms which revolve and thus creates the phases of 'a day'."

1. VSK gợi ý: "Chúng ta lưu ý rằng chức năng cố kết manas này là điều tạo ra các hình tướng hình cầu quay tròn và như thế tạo ra các pha của 'một ngày'."

2. We have five divisions of the day (though changes throughout the night are not noted).

3. Within manas the factor of timing is intrinsic. Saturn is the Lord of Time and also a primary 'Lord of Intelligence'—thus related to manas.

4. The cohesive aspect of manas keeps the spheres in right alliance, thus producing the appearance of waxing and waning cycles. If lesser spheres were not magnetically related to a spherical source of light (producing, as a result, rotation and revolution), there would be no waxing and waning cycles. When dealing with "revolution" around a centralized source, rather than "rotation", we are dealing with the second aspect of manas—that aspect of manas related to the love-wisdom and the second ray.

2. Chúng ta có năm phân đoạn của một ngày (dù những thay đổi suốt đêm không được ghi nhận).

3. Trong manas, yếu tố thời gian là nội tại. Sao Thổ là Chúa Tể của Thời Gian và cũng là một "Chúa Tể của Trí Tuệ" chủ yếu — do đó liên hệ với manas.

4. Phương diện cố kết của manas giữ các khối cầu trong sự liên kết đúng đắn, nhờ đó tạo ra vẻ ngoài của các chu kỳ tăng trưởng và suy giảm. Nếu các khối cầu nhỏ hơn không có liên hệ từ tính với một nguồn sáng hình cầu (kết quả là tạo ra sự tự quay và quay quanh), thì sẽ không có các chu kỳ tăng trưởng và suy giảm. Khi bàn đến "quay quanh" một nguồn tập trung, thay vì "tự quay", chúng ta đang bàn đến phương diện thứ hai của manas — phương diện của manas liên hệ với bác ái – minh triết và cung hai.

If the above four **points** are carefully studied, it will be found that they are fairly comprehensive, and embody the four points that are as yet the only ones available for man in this fourth round.

Nếu bốn **điểm** trên đây được nghiên cứu cẩn thận, người ta sẽ thấy rằng chúng khá toàn diện, và bao hàm bốn điểm mà cho đến nay là những điểm duy nhất sẵn có cho con người trong cuộc tuần hoàn thứ tư này.

1. These four may be remembered in this way:

a Manas allows existence through form.

b Manas allows cyclic, progressive development.

c Manas allows conscious functioning on the planes of experience.

d Manas allows manifestation.

1. Có thể ghi nhớ bốn điểm này theo cách sau:

a Manas cho phép hiện hữu qua hình tướng.

b Manas cho phép sự phát triển tiến bộ theo chu kỳ.

c Manas cho phép hoạt động có ý thức trên các cõi kinh nghiệm.

d Manas cho phép biểu hiện.

1. Are these four distinct to us?

1. Bốn điểm này có phân biệt rõ đối với chúng ta không?

2. Without manas there would be no adjustment of the inner Entity to his outer circumstances, nor would there be a vehicle and a location through which to function, nor intelligent unfoldment through time.

2. Không có manas, sẽ không có sự điều chỉnh của Thực Thể bên trong đối với các hoàn cảnh bên ngoài của y, cũng sẽ không có một vận cụ và một vị trí để hoạt động, cũng không có sự khai mở thông tuệ qua thời gian.

3. We note how availability of "points" (or aspects) is controlled through occult numerology. That is *available* which correlates with the number of the cycle through which an entity is passing. During the fifth round we may reasonably suppose the five points will be available to man.

3. Chúng ta lưu ý cách tính sẵn có của các "điểm" (hay các phương diện) được kiểm soát qua số học huyền bí. Điều *sẵn có* là điều tương ứng với con số của chu kỳ mà một thực thể đang đi qua. Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, chúng ta có thể hợp lý giả định rằng năm điểm sẽ sẵn có cho con người.

Man regards himself as a **synthesised aggregate** of physical body, emotional nature, and mentality, yet knows himself as more than these three, and **recognises himself as the utiliser of form, of emotion, and of mentality**, holding them all together coherently so that he is a unit.

Con người xem mình như một **tổng thể tổng hợp** của thể xác, bản chất cảm xúc, và trí tuệ, tuy nhiên biết mình là hơn ba điều này, và **nhận ra mình là người sử dụng hình tướng, cảm xúc, và trí tuệ**, giữ tất cả chúng lại với nhau một cách cố kết để y là một đơn vị.

1. Man is Manas, the Thinker. Man, in essence, is the Observer. There is much to relate manas (as Thinker) to the Observer.

1. Con người là Manas, là Nhà Tư Tưởng. Về bản chất, con người là Người Quan Sát. Có nhiều điều để liên hệ manas (như Nhà Tư Tưởng) với Người Quan Sát.

2. He recognizes the synthesized aggregate, yet also has *found himself* as the "utiliser" of the synthesized aggregate.

2. Y nhận ra tổng thể tổng hợp ấy, nhưng cũng đã *tìm thấy chính mình* như là "người sử dụng" của tổng thể tổng hợp đó.

3. Manas, manifested through the Solar Angel and the causal body, exerts a cohesive influence holding together the synthesized aggregate and eventually controlling it.

3. Manas, biểu lộ qua Thái dương Thiên Thần và thể nguyên nhân, tác động một ảnh hưởng cố kết giữ tổng thể tổng hợp lại với nhau và cuối cùng kiểm soát nó.

A planetary Logos similarly does the same, with the difference that manas is not the

Một Hành Tinh Thượng Đế cũng làm điều tương tự, với sự khác biệt là manas không

medium whereby he is a coherent whole. Owing to his more advanced stage of development**, wisdom is for Him the dominant factor**. *A solar logos achieves through Will what a planetary Logos does through **wisdom or buddhi**, and man (on his tiny scale) through manas.*

phải là môi giới nhờ đó Ngài là một toàn thể cố kết. Do giai đoạn phát triển cao hơn của Ngài**, minh triết là yếu tố chi phối đối với Ngài**. *Một Thái dương Thượng đế đạt được qua Ý Chí điều mà một Hành Tinh Thượng Đế đạt được qua **minh triết hay Bồ đề**, và con người (trên quy mô nhỏ bé của mình) qua manas.*

1. For man, manas is "the medium whereby he is a coherent whole". Intelligence, as it were, holds him together as a synthesized aggregate.

1. Đối với con người, manas là "môi giới nhờ đó y là một toàn thể cố kết". Có thể nói, trí tuệ giữ y lại với nhau như một tổng thể tổng hợp.

2. Thus, for man, manas is the "dominant factor".

2. Như vậy, đối với con người, manas là "yếu tố chi phối".

3. For a Planetary Logos, "wisdom" is the dominant factor; a Planetary Logos is a "Dragon of Wisdom" and manas is secondary—more instrumental.

3. Đối với một Hành Tinh Thượng Đế, "minh triết" là yếu tố chi phối; một Hành Tinh Thượng Đế là một "Rồng Minh Triết" và manas là thứ yếu — mang tính công cụ hơn.

4. For a Solar Logos, Will is the means whereby He is a coherent whole.

4. Đối với một Thái dương Thượng đế, Ý Chí là phương tiện nhờ đó Ngài là một toàn thể cố kết.

5. Have we thought about what it means to produce coherence through these three means: Intelligence/Manas, Wisdom and Will?

5. Chúng ta đã suy nghĩ về ý nghĩa của việc tạo ra sự cố kết qua ba phương tiện này chưa: Trí Tuệ/Manas, Minh Triết và Ý Chí?

6. Wisdom has much more experience than manas, per se. Manas knows what seems intelligent, but wisdom knows the eternal principles and how developing conditions fit within the objectives of the Plan. Will, per se, is, relatively, more potent than wisdom, related to Purpose, and assumes a certain factor of irresistibility.

6. Minh triết có nhiều kinh nghiệm hơn manas, chính nó. Manas biết điều gì có vẻ thông tuệ, nhưng minh triết biết các nguyên khí vĩnh cửu và biết các điều kiện đang phát triển phù hợp như thế nào trong các mục tiêu của Thiên Cơ. Còn Ý Chí, chính nó, tương đối mạnh hơn minh triết, liên hệ với Thiên Ý, và giả định một yếu tố nào đó của tính không thể cưỡng lại.

7. VSK queries: "Isn't this contradictory to the opening statement that it is manas that

7. VSK hỏi: "Điều này chẳng phải mâu thuẫn với phát biểu mở đầu rằng chính manas cho

allows all three types of 'men' to work? But here it is saying that **the Planetary Logos uses Wisdom, not Manas**; the Solar Logos uses Will, not manas. How do we resolve this to the first statement?"

phép cả ba loại 'người' hoạt động sao? Nhưng ở đây lại nói rằng **Hành Tinh Thượng Đế dùng Minh Triết, không phải Manas**; Thái dương Thượng đế dùng Ý Chí, không phải manas. Chúng ta giải quyết điều này với phát biểu đầu tiên như thế nào?"

8. May it be suggested that each successive quality *includes* the foregoing quality? Wisdom presumes manas, and Will presumes wisdom.

8. Có thể gợi ý rằng mỗi phẩm tính kế tiếp đều *bao gồm* phẩm tính đi trước không? Minh triết giả định manas, và Ý Chí giả định minh triết.

9. Manas, therefore, is required *in all three types* of demonstration—that of man, as Planetary Logos or the Solar Logos. However, we are interested in the *additional factor.* To do what a Planetary Logos must do (given His vast scope of expression), wisdom must be added to manas (which is not yet the case for man, with his much smaller scope of expression).

9. Vì vậy, manas là cần thiết *trong cả ba loại* biểu hiện — của con người, của Hành Tinh Thượng Đế hay của Thái dương Thượng đế. Tuy nhiên, chúng ta quan tâm đến *yếu tố bổ sung.* Để làm điều mà một Hành Tinh Thượng Đế phải làm (xét theo phạm vi biểu hiện rộng lớn của Ngài), minh triết phải được thêm vào manas (điều này chưa phải trường hợp của con người, với phạm vi biểu hiện nhỏ hơn nhiều của y).

10. To do what a Solar Logos must do (given His scope of expression vaster far than that of a Planetary Logos), Will must be added to wisdom (which is certainly not the case for man, and is not even the case for a Planetary Logos, with His much smaller scope of expression). A Planetary Logos, of course, uses will, but not in the same way and same power that a Solar Logos does.

10. Để làm điều mà một Thái dương Thượng đế phải làm (xét theo phạm vi biểu hiện rộng lớn hơn rất nhiều so với một Hành Tinh Thượng Đế), Ý Chí phải được thêm vào minh triết (điều này chắc chắn không phải trường hợp của con người, và thậm chí cũng không phải trường hợp của một Hành Tinh Thượng Đế, với phạm vi biểu hiện nhỏ hơn nhiều của Ngài). Dĩ nhiên, một Hành Tinh Thượng Đế có dùng ý chí, nhưng không theo cùng cách và cùng quyền năng như một Thái dương Thượng đế.

11. VSK states and enquires: "**Wisdom and Buddhi** are equated as the medium for the Planetary Logos. Is not wisdom more of the second plane, and buddhi the fourth?"

11. VSK nêu và hỏi: "**Minh Triết và Bồ đề** được đồng nhất như môi giới đối với Hành Tinh Thượng Đế. Chẳng phải minh triết thuộc nhiều hơn về cõi thứ hai, còn Bồ đề thuộc cõi thứ tư sao?"

12. May it be stated that there is a close connection between wisdom and buddhi.

12. Có thể nói rằng có một liên hệ mật thiết giữa minh triết và Bồ đề. Khi chúng ta nói về

When we speak of "Love-Wisdom", we are speaking of buddhi and not only of that which transpires on the monadic plane.

"Bác Ái – Minh Triết", chúng ta đang nói về Bồ đề chứ không chỉ về điều diễn ra trên cõi chân thần.

13. Mercury is "Budh" or "Buddha" (EA 659). Mercury ("Buddha") is "mind-wisdom". "Mercury is the synthesis of manas-buddhi, **mind-wisdom** which expresses itself through the human soul;" (EA 284)

13. Sao Thủy là "Budh" hay "Buddha" (EA 659). Sao Thủy ("Buddha") là "trí tuệ-minh triết". "Sao Thủy là sự tổng hợp của manas-buddhi, **trí tuệ-minh triết** biểu lộ chính nó qua linh hồn con người;" (EA 284)

14. We might say that wisdom is in evidence through the quality of buddhi, but even more on the monadic plane.

14. Chúng ta có thể nói rằng minh triết được biểu lộ qua phẩm tính của buddhi, nhưng còn nhiều hơn nữa trên cõi chân thần.

15. Jupiter, planet of wisdom, is related to both planes—buddhic and monadic.

15. Sao Mộc, hành tinh của minh triết, có liên hệ với cả hai cõi—cõi Bồ đề và cõi chân thần.

16. Buddhi is the sixth principle and the monadic plane is the sixth plane (numbering from below).

16. Buddhi là nguyên khí thứ sáu và cõi chân thần là cõi thứ sáu (đếm từ dưới lên).

17. It requires wisdom to create "group unity"; it requires even a purer kind of wisdom to restore that "fundamental unity" characteristic of the monadic plane.

17. Cần có minh triết để tạo ra "sự hợp nhất nhóm"; cần một loại minh triết còn thuần khiết hơn nữa để phục hồi "sự hợp nhất căn bản" vốn là đặc trưng của cõi chân thần.

18. Words like "buddhi" and "wisdom" are difficult to categorize in terms of only one systemic or cosmic locale. They have a far more universal application.

18. Những từ như "buddhi" và "minh triết" rất khó được phân loại chỉ theo một vị trí hệ thống hay vũ trụ duy nhất. Chúng có một sự ứng dụng phổ quát hơn nhiều.

Yet, as both planetary Logos and man are but parts of their greater whole, **the electric fire of will permeates them also, merging with the solar fire of buddhi, and fanning the fires of matter.**

Tuy nhiên, vì cả Hành Tinh Thượng Đế lẫn con người đều chỉ là những phần của toàn thể lớn lao hơn của mình, **Lửa Điện của ý chí cũng thấm nhuần họ, hòa nhập với Lửa Thái dương của buddhi, và quạt bùng các lửa của vật chất.**

1. Here is a most important statement. We cannot separate lesser entities from their incorporation in greater Entities.

1. Đây là một phát biểu hết sức quan trọng. Chúng ta không thể tách rời các thực thể nhỏ

hơn khỏi sự bao hàm của chúng trong các Thực Thể lớn hơn.

2. That which a greater Entity expresses through its own nature makes its way also into and through the lesser entities which are incorporate parts of its nature.

2. Điều mà một Thực Thể lớn hơn biểu lộ qua chính bản chất của nó cũng đi vào và đi qua các thực thể nhỏ hơn là những phần được bao hàm trong bản chất ấy.

3. So, in short, electric fire permeates solar fire and fire by friction, just as solar fire permeates fire by friction.

3. Vì vậy, nói ngắn gọn, Lửa Điện thấm nhuần Lửa Thái dương và Lửa ma sát, cũng như Lửa Thái dương thấm nhuần Lửa ma sát.

4. These thoughts can be applied to the problem of three distinct types of Heavenly Men—Planetary Logoi, Chain-Lords and Globe-Lords. They are distinct, but all three must, nevertheless, be considered the *same* entity.

4. Những tư tưởng này có thể được áp dụng vào vấn đề ba loại Đấng Thiên Nhân riêng biệt—các Hành Tinh Thượng Đế, các Chúa Tể Dãy và các Chúa Tể Bầu Hành Tinh. Chúng là riêng biệt, nhưng cả ba, tuy vậy, vẫn phải được xem là cùng một thực thể *như nhau*.

In all these **distinctions and differentiations** it must be remembered that they **do not exist from the logoic standpoint,** but are only to be predicated in relation [Page 334] to the lesser bodies which are included in the solar ring-pass-not.

Trong tất cả những **phân biệt và biến phân** này, cần phải nhớ rằng chúng **không tồn tại từ quan điểm logoic,** mà chỉ có thể được khẳng định trong tương quan [Page 334] với các thể nhỏ hơn được bao hàm trong vòng-giới-hạn mặt trời.

1. Here a valuable principle emerges. When we see from a lofty point of vantage, differences and distinctions disappear, because we are viewing the many parts from the angle of vision of the Whole which includes them.

1. Ở đây xuất hiện một nguyên lý quý giá. Khi chúng ta nhìn từ một điểm quan sát cao, những khác biệt và phân biệt biến mất, bởi vì chúng ta đang nhìn nhiều phần từ góc độ tầm nhìn của Toàn Thể bao hàm chúng.

2. When viewing from lesser perspectives, the illusion of distinction and differentiation is not easily avoided.

2. Khi nhìn từ những phối cảnh thấp hơn, ảo tưởng về sự phân biệt và biến phân không dễ tránh khỏi.

3. From the logoic standpoint, all that is otherwise interpreted as distinction and differentiation is seen as part of Himself, incorporate to the whole.

3. Từ quan điểm logoic, tất cả những gì vốn được diễn giải khác đi như là sự phân biệt và biến phân đều được thấy là một phần của chính Ngài, được bao hàm trong toàn thể.

4. We must, therefore, learn to see from the largest possible point of view.

4. Do đó, chúng ta phải học cách nhìn từ quan điểm rộng lớn nhất có thể.

5. If a human being sees from the soul perspective, how will he understand the personality and its apparent distinct parts?

5. Nếu một con người nhìn từ phối cảnh của linh hồn, y sẽ thấu hiểu phàm ngã và những phần riêng biệt bề ngoài của nó như thế nào?

A man is a coherent unit in objective manifestation for very brief periods on the physical plane simply because as yet he works only through manas and not through wisdom.

Con người là một đơn vị cố kết trong biểu hiện khách quan trong những thời kỳ rất ngắn trên cõi hồng trần chỉ vì hiện nay y mới chỉ hoạt động qua manas chứ chưa qua minh triết.

1. That which is produced by manas is of shorter duration than that which is produced by wisdom, and of far, far shorter duration than that which is produced by Will.

1. Điều được tạo ra bởi manas có thời lượng ngắn hơn điều được tạo ra bởi minh triết, và ngắn hơn rất, rất nhiều so với điều được tạo ra bởi Ý chí.

2. It is as if manas organizes sufficiently well, but not *enduringly* well.

2. Dường như manas tổ chức đủ tốt, nhưng không đủ tốt một cách *bền lâu*.

3. As we enter the fifth kingdom of nature and become incorporated into the stream of wisdom, we have greater control over the duration of our manifestation—as is the case with the Masters of the Wisdom.

3. Khi chúng ta bước vào giới thứ năm trong bản chất và được bao hàm vào dòng minh triết, chúng ta có sự kiểm soát lớn hơn đối với thời lượng biểu hiện của mình—như trường hợp của các Chân sư Minh triết.

4. Man, we seem to be told, is *intelligent* but not yet *wise.*

4. Dường như chúng ta được bảo rằng con người thì *thông minh* nhưng chưa *minh triết.*

5. VSK queries: “In this context, is wisdom here referring to the buddhic, or monadic assignation of ‘wisdom’. Using the table on TCF 331, how do we resolve these references to the planes?

5. VSK nêu câu hỏi: “Trong ngữ cảnh này, minh triết ở đây đang chỉ sự quy thuộc ‘minh triết’ vào Bồ đề hay chân thần? Dùng bảng ở TCF 331, chúng ta giải quyết những quy chiếu này đến các cõi như thế nào?

6. If wisdom referred to the monadic level, in this context, a more proper term would be *will.* I believe wisdom refers to the buddhic hierarchical consciousness characteristic of the members of the Hierarchy. The consciousness of most Masters is not fully monadic.

6. Nếu minh triết chỉ cấp độ chân thần, thì trong ngữ cảnh này, thuật ngữ thích hợp hơn sẽ là *ý chí.* Tôi tin rằng minh triết chỉ tâm thức Bồ đề của Thánh đoàn, vốn là đặc trưng của các thành viên trong Thánh đoàn. Tâm thức của đa số các Chân sư chưa hoàn toàn là chân thần.

His cycles are consequently soon run, and gone like a flash in the night.

Do đó, các chu kỳ của y sớm kết thúc, và qua đi như một tia chớp trong đêm.

1. Especially as this is seen from a soul perspective. Soul perspective is an outlook gradually merging with the perspective of a Planetary Logos.

1. Đặc biệt là khi điều này được nhìn từ phối cảnh của linh hồn. Phối cảnh của linh hồn là một cái nhìn đang dần hòa nhập với phối cảnh của một Hành Tinh Thượng Đế.

2. We can we that the Tibetan works with a very different perspective of time than will the average disciple.

2. Chúng ta có thể thấy rằng Chân sư Tây Tạng làm việc với một phối cảnh về thời gian rất khác với phối cảnh của đệ tử trung bình.

A planetary Logos, Who is perfected manas and works through wisdom, has longer cycles, and **from the angle of vision of man endures for aeons**;

Một Hành Tinh Thượng Đế, Đấng là manas đã được hoàn thiện và hoạt động qua minh triết, có những chu kỳ dài hơn, và **từ góc độ tầm nhìn của con người thì tồn tại qua các đại kiếp**;

1. We might wonder about the duration of that seemingly elastic term “aeon”. Can it, conveniently, mean a chain-round?

1. Chúng ta có thể tự hỏi về thời lượng của thuật ngữ có vẻ co giãn ấy là “đại kiếp”. Liệu nó có thể, một cách thuận tiện, mang nghĩa là một vòng tuần hoàn của dãy không?

2. From the angle of the vision of the Planetary Logos, His endurance does not *seem* to be aeons.

2. Từ góc độ tầm nhìn của Hành Tinh Thượng Đế, sự tồn tại bền lâu của Ngài không *có vẻ* là các đại kiếp.

3. Each entity assesses time according to the scope of its own nature.

3. Mỗi thực thể đánh giá thời gian theo tầm mức của chính bản chất mình.

4. Although a Planetary Logos is a "Dragon of Wisdom", He is not a *perfected* "Dragon of Wisdom". Rather, He is "perfected manas".

4. Mặc dù một Hành Tinh Thượng Đế là một "Rồng Minh triết", Ngài không phải là một "Rồng Minh triết" đã *được hoàn thiện*. Đúng hơn, Ngài là "manas đã được hoàn thiện".

5. A Solar Logos, Who is a Lion of Cosmic Will, is perfected wisdom, but not yet perfected Will.

5. Một Thái dương Thượng đế, Đấng là một Sư Tử của Ý chí Vũ trụ, là minh triết đã được hoàn thiện, nhưng chưa phải là Ý chí đã được hoàn thiện.

His life is the basis of the comparative permanence of the egoic cycles of man.

Sự sống của Ngài là nền tảng cho tính thường tồn tương đối của các chu kỳ chân ngã của con người.

1. VSK states and enquires: "This lends a sense of scale to the egoic cycles of man. Is man (collective or individual) of the same egoic ray for aeons?"

1. VSK phát biểu và hỏi: "Điều này đem lại một cảm nhận về tầm mức cho các chu kỳ chân ngã của con người. Con người (tập thể hay cá nhân) có cùng một cung chân ngã trong các đại kiếp không?"

2. Much would depend upon the meaning of "aeon". If an aeon is a shorter term than a round, it might be measured in terms of a root race. We are told that advanced man may change his egoic ray with every change of root race.

2. Phần lớn sẽ tùy thuộc vào ý nghĩa của từ "đại kiếp". Nếu một đại kiếp là một khoảng ngắn hơn một cuộc tuần hoàn, thì nó có thể được đo theo một giống dân gốc. Chúng ta được bảo rằng con người tiến hóa cao có thể thay đổi cung chân ngã của mình theo mỗi lần thay đổi giống dân gốc.

3. Man at an earlier stage of development may change his egoic ray with every round. Man as we know him was not present in the third round, so this piece of information has more to do with those whose development must continue into the fifth round.

3. Con người ở giai đoạn phát triển sớm hơn có thể thay đổi cung chân ngã của mình theo mỗi cuộc tuần hoàn. Con người như chúng ta biết đã không hiện diện trong cuộc tuần hoàn thứ ba, nên mẩu thông tin này liên quan nhiều hơn đến những ai mà sự phát triển phải tiếp tục sang cuộc tuần hoàn thứ năm.

The cycle of objectivity of a solar Logos persists for the greater mahamanvantara or solar cycle because it is based on will as well as on wisdom and manas.

Chu kỳ khách quan của một Thái dương Thượng đế kéo dài suốt Đại giai kỳ sinh hóa lớn hơn hay chu kỳ mặt trời bởi vì nó dựa trên ý chí cũng như trên minh triết và manas.

1. Here we have a confirmation that the greatest of the three Entities described utilizes not only will, but wisdom and manas as well.

2. We recall that objectivity does not means materiality, but is more etheric in nature. The buddhic plane is the lowest point of true objectivity for the Solar Logos.

Therefore, it will be apparent that:

a Manas or intelligence is the basis of the separative manifestation of man.

1. VSK states: "Yet we have just learned that manas creates cohesion for all three?"

2. When considering man as a separate unit, we find that manas, per se (without the additional influence of wisdom and Will) is responsible for the manifestation of man.

3. We must remember that manas has been related to the third, second and first aspects and will assume different characteristics depending on the aspect to which it is related.

a Manas as separation

b Manas as cohesion

c Manas as Will

b. *Wisdom or buddhi* is the basis of the **group manifestation of a Heavenly Man.**

1. Ở đây chúng ta có một sự xác nhận rằng Thực Thể lớn nhất trong ba Thực Thể được mô tả không chỉ sử dụng ý chí mà cả minh triết và manas nữa.

2. Chúng ta nhớ rằng tính khách quan không có nghĩa là tính vật chất, mà có bản chất dĩ thái hơn. Cõi Bồ đề là điểm thấp nhất của tính khách quan đích thực đối với Thái dương Thượng đế.

Do đó, sẽ rõ ràng rằng:

Manas hay trí tuệ là nền tảng của biểu hiện phân ly của con người.

1. VSK nói: "Thế nhưng chúng ta vừa mới học rằng manas tạo ra sự cố kết cho cả ba?"

2. Khi xét con người như một đơn vị riêng biệt, chúng ta thấy rằng chính manas (không có ảnh hưởng bổ sung của minh triết và Ý chí) chịu trách nhiệm cho biểu hiện của con người.

3. Chúng ta phải nhớ rằng manas đã được liên hệ với phương diện thứ ba, thứ hai và thứ nhất, và sẽ mang những đặc tính khác nhau tùy theo phương diện mà nó liên hệ.

a Manas như sự phân ly

b Manas như sự cố kết

c Manas như Ý chí

b. *Minh triết hay buddhi* là nền tảng của **biểu hiện nhóm của một Đấng Thiên Nhân.**

1. It must be borne in mind that a Heavenly Man is, indeed, a *group* manifestation. A Heavenly Man is both a One and a many.

1. Cần ghi nhớ rằng một Đấng Thiên Nhân quả thực là một biểu hiện *nhóm*. Một Đấng Thiên Nhân vừa là Một vừa là nhiều.

2. A Heavenly Man is a group-consciousness being.

2. Một Đấng Thiên Nhân là một hữu thể có tâm thức nhóm.

3. We recall that groups of Solar Angels become a Heavenly Man.

3. Chúng ta nhớ rằng các nhóm Thái dương Thiên Thần trở thành một Đấng Thiên Nhân.

4. The whole idea of how groups become Heavenly Men is mysterious but necessary to understand if we are to appreciate the hierarchical nature of cosmos.

4. Toàn bộ ý niệm về cách các nhóm trở thành các Đấng Thiên Nhân là huyền nhiệm nhưng cần phải hiểu nếu chúng ta muốn trân trọng bản chất thứ bậc của vũ trụ.

5. In one way we can see the hierarchical necessity for the group nature of greater Beings. In another way, such great Beings must have pre-existed such emanations as human beings and Solar Angels. Emanation theory demands that the few become the many; the few must pre-exist the many. Yet, in another way (later) the man re-become the few.

5. Theo một cách, chúng ta có thể thấy tính tất yếu theo thứ bậc đối với bản chất nhóm của các Hữu thể lớn hơn. Theo một cách khác, những Hữu thể vĩ đại như thế hẳn phải hiện hữu trước những xuất lộ như con người và các Thái dương Thiên Thần. Lý thuyết xuất lộ đòi hỏi rằng số ít trở thành số nhiều; số ít phải hiện hữu trước số nhiều. Tuy nhiên, theo một cách khác nữa (về sau) con người lại trở thành số ít.

The Pitris who formed the egoic body of a human being do not—alone and isolated—form planetary Logoi.

Các thái âm tổ phụ đã tạo nên thể chân ngã của một con người không—một mình và cô lập—tạo thành các Hành Tinh Thượng Đế.

The forty-nine groups of solar fires concerned in the great work are those spoken of, and they become the forty-nine planetary Logoi in connexion with seven solar systems. (TCF 879)

Bốn mươi chín nhóm lửa thái dương liên quan trong công việc lớn lao là những nhóm đã được nói đến, và chúng trở thành bốn mươi chín Hành Tinh Thượng Đế liên hệ với bảy hệ mặt trời. (TCF 879)

c. *Will* is the basis of the One Life which synthesises all groups.

c. *Ý chí* là nền tảng của Sự Sống Duy Nhất, Đấng tổng hợp mọi nhóm.

1. Will is that aspect of divinity which promotes synthesis.

1. Ý chí là phương diện của thiên tính thúc đẩy sự tổng hợp.

2. When comparing these three types of 'atoms', man is the many; the Planetary Logoi are the few; the Solar Logos is the One (though naturally such a relationship is relative, for a Cosmic Logos is even more of a One than the Solar Logos, numbers of which would, in relation to a Cosmic Logos, become the few).

2. Khi so sánh ba loại 'nguyên tử' này, con người là số nhiều; các Hành Tinh Thượng Đế là số ít; Thái dương Thượng đế là Đấng Duy Nhất (dĩ nhiên mối tương quan như thế là tương đối, vì một Vũ Trụ Thượng đế còn là Đấng Duy Nhất hơn cả Thái dương Thượng đế, mà nhiều Thái dương Thượng đế, trong tương quan với một Vũ Trụ Thượng đế, sẽ trở thành số ít).

3. Of course, the principle of synthesis also applies in relation to both man and the Planetary Logos, for man synthesizes all the tiny lives contained within his ring-pass-not, and the same is true of the Planetary Logos.

3. Dĩ nhiên, nguyên lý tổng hợp cũng áp dụng trong tương quan với cả con người lẫn Hành Tinh Thượng Đế, vì con người tổng hợp tất cả những sự sống nhỏ bé chứa trong vòng-giới-hạn của mình, và điều đó cũng đúng với Hành Tinh Thượng Đế.

4. The Solar Logos, Himself, is synthesized by greater Logoi and They by greater Logoi still.

4. Chính Thái dương Thượng đế cũng được tổng hợp bởi các Thượng đế lớn hơn và Các Ngài lại được tổng hợp bởi những Thượng đế còn lớn hơn nữa.

Therefore again, in studying this Fire of Mind, we must remember that it is that which man is developing and with which he is learning to work, but that it is also that which a Heavenly Man has developed in an earlier system;

Vì vậy một lần nữa, khi nghiên cứu Lửa của Trí Tuệ này, chúng ta phải nhớ rằng đó là điều con người đang phát triển và đang học cách làm việc với nó, nhưng đó cũng là điều mà một Đấng Thiên Nhân đã phát triển trong một hệ thống trước kia;

1. Our subject, we are reminded, is the Fire of Mind, especially, in this section, of the *higher* mind.

1. Chúng ta được nhắc rằng chủ đề của chúng ta là Lửa của Trí Tuệ, đặc biệt, trong phần này, là của *thượng* trí.

2. Man is developing the Fire of Mind; a Planetary Logos has developed it and perfected it in an earlier system.

2. Con người đang phát triển Lửa của Trí Tuệ; một Hành Tinh Thượng Đế đã phát triển nó và hoàn thiện nó trong một hệ thống trước kia.

3. We are told that a Planetary Logos was as a Master is now, many mahamanvantaras ago. We see the term "earlier system" is purposefully vague and general.

3. Chúng ta được bảo rằng một Hành Tinh Thượng Đế đã từng như một Chân sư hiện nay, từ nhiều Đại giai kỳ sinh hóa trước. Chúng ta thấy thuật ngữ "hệ thống trước kia" được dùng một cách cố ý mơ hồ và tổng quát.

4. It is unlikely that a Heavenly Man developed the Fire of Mind only in the most recent previous system.

4. Khó có khả năng một Đấng Thiên Nhân chỉ phát triển Lửa của Trí Tuệ trong hệ thống gần nhất trước đây.

Man is repeating His endeavor up to the fifth Initiation which will bring him to a stage of consciousness achieved by a Heavenly Man in a much earlier mahamanvantara. (TCF 272)

Con người đang lặp lại nỗ lực của Ngài cho đến lần điểm đạo thứ năm, điều sẽ đưa y đến một giai đoạn tâm thức mà một Đấng Thiên Nhân đã đạt được trong một Đại giai kỳ sinh hóa sớm hơn rất nhiều. (TCF 272)

it is to Him as automatic in its action as is the subconscious activity of a man's physical organs.

đối với Ngài, trong hoạt động của nó, điều ấy tự động như hoạt động tiềm thức của các cơ quan thể xác của một con người vậy.

1. This is a good reference. Manas, to a Planetary Logos, is an automaticism. The Planetary Logos does not have to *think* about the application of manas. This is even more the case for the Solar Logos.

1. Đây là một quy chiếu tốt. Manas, đối với một Hành Tinh Thượng Đế, là một tính tự động. Hành Tinh Thượng Đế không cần phải *suy nghĩ* về việc áp dụng manas. Điều này còn đúng hơn nữa đối với Thái dương Thượng đế.

2. For some higher types of human beings, this is also becoming the case—though certainly not on the scale for which it is possible in the case of a Planetary Logos.

2. Đối với một số loại người cao cấp hơn, điều này cũng đang trở thành như vậy—dù chắc chắn không ở quy mô có thể có trong trường hợp của một Hành Tinh Thượng Đế.

4. MANAS IS THE KEY TO THE FIFTH KINGDOM IN NATURE

4. MANAS LÀ CHÌA KHÓA ĐỂ ĐI VÀO GIỚI THỨ NĂM TRONG BẢN CHẤT

We might also define manas as the **key to the door through which entrance is made into the fifth kingdom of nature**, the spiritual kingdom.

Chúng ta cũng có thể định nghĩa manas là **chìa khóa của cánh cửa mà qua đó sự đi vào giới thứ năm trong bản chất được thực hiện**, giới tinh thần.

1. The fifth kingdom in nature is the kingdom of souls, the spiritual kingdom. We see that what we call the Fire of Mind is indispensable for entry.

2. This should be remembered by those who try to enter only by means of desire and aspiration.

Each of the five kingdoms is entered by some one key, and in connection the first two kingdoms—the mineral and vegetable—**the key or method whereby the life escapes into the higher kingdom is so inexplicable to man as his present stage [Page 335] of intelligent apprehension that we will not pause to consider it.**

1. VSK remarks: "Certainly the mind wants to explain the inexplicable? What could it be?"

2. May it be suggested that the transition from mineral life to vegetable life involves a new relationship to prana, and that the transition from vegetable to animal suggests new forms of mobility (no longer rooted and 'planted') as well as the growth of animating intelligence.

3. Each transition from kingdom to kingdom is made by means of a certain faculty, quality, or key.

4. We are told that we cannot fathom the means by which mineral life becomes vegetable life, and vegetable life, animal life. With regard to the latter transition, science seems to have identified life forms which have a relation to both. DK, however, is

1. Giới thứ năm trong bản chất là giới của các linh hồn, giới tinh thần. Chúng ta thấy rằng điều chúng ta gọi là Lửa của Trí Tuệ là không thể thiếu để đi vào đó.

2. Điều này nên được ghi nhớ bởi những ai cố gắng đi vào chỉ bằng dục vọng và khát vọng.

Mỗi một trong năm giới được đi vào bằng một chìa khóa nào đó, và liên quan đến hai giới đầu tiên—giới kim thạch và giới thực vật —**chìa khóa hay phương pháp nhờ đó sự sống thoát vào giới cao hơn thì khó giải thích đối với con người ở giai đoạn hiện nay [Page 335] của sự lĩnh hội trí tuệ đến nỗi chúng ta sẽ không dừng lại để xem xét nó.**

1. VSK nhận xét: "Chắc chắn trí tuệ muốn giải thích điều không thể giải thích? Nó có thể là gì?"

2. Có thể gợi ý rằng sự chuyển tiếp từ sự sống khoáng vật sang sự sống thực vật bao hàm một tương quan mới với prana, và rằng sự chuyển tiếp từ thực vật sang động vật gợi ra những hình thức tính động mới (không còn bám rễ và 'được trồng') cũng như sự tăng trưởng của trí tuệ sinh động hóa.

3. Mỗi sự chuyển tiếp từ giới này sang giới khác được thực hiện bằng một năng lực, phẩm tính hay chìa khóa nhất định.

4. Chúng ta được bảo rằng chúng ta không thể dò thấu phương tiện nhờ đó sự sống khoáng vật trở thành sự sống thực vật, và sự sống thực vật trở thành sự sống động vật. Đối với sự chuyển tiếp sau, khoa học dường như đã nhận diện những hình thái sự sống có liên hệ với cả hai. Tuy nhiên, DK đang nói

mentioning the impossibility of discussing the technical means of this transition.

đến sự bất khả của việc bàn luận các phương tiện kỹ thuật của sự chuyển tiếp này.

5. The point is that every entrance into a higher kingdom is a kind of escape or liberation. We are at that point in the development of the human kingdom with an 'escape' on a large scale is in process of preparation.

5. Điểm chính là mọi sự đi vào một giới cao hơn đều là một loại thoát ra hay giải thoát. Chúng ta đang ở đúng điểm đó trong sự phát triển của giới nhân loại, nơi một sự 'thoát ra' trên quy mô lớn đang trong tiến trình chuẩn bị.

In relation to the animal kingdom it might be said that **the key whereby entrance is effected into the human kingdom is that of *instinct*.**

Liên quan đến giới động vật, có thể nói rằng **chìa khóa nhờ đó sự đi vào giới nhân loại được thực hiện là *bản năng*.**

1. In other words, *instinct* helps to affect the transition from animal consciousness to human consciousness.

1. Nói cách khác, *bản năng* giúp tạo ra sự chuyển tiếp từ tâm thức động vật sang tâm thức con người.

2. Instinct is a result of the conscious intelligence of the greater Life which embodies the animal kingdom, and the various higher forms of lives which embody the various aspects of that kingdom.

2. Bản năng là kết quả của trí tuệ hữu thức của Sự Sống lớn hơn đang thể hiện giới động vật, và của những hình thái sự sống cao hơn khác nhau đang thể hiện các phương diện khác nhau của giới ấy.

3. Instinct is based upon group learning.

3. Bản năng dựa trên sự học hỏi của nhóm.

4. When reliable instinct (as manifested in the higher members of the animal kingdom) acquires a *center of reference,* individualization is in process. We remember that not all individualization requires the intervention of Solar Angels.

4. Khi bản năng đáng tin cậy (như được biểu lộ nơi các thành viên cao hơn của giới động vật) đạt được một *trung tâm quy chiếu,* thì sự biệt ngã hóa đang diễn ra. Chúng ta nhớ rằng không phải mọi sự biệt ngã hóa đều đòi hỏi sự can thiệp của các Thái dương Thiên Thần.

This instinct, towards the final stages of the animal's evolution, and as it becomes more and more detached from the group soul,[26.] becomes transmuted into mentality, or into that embryo mind which is latent in animal-man, and which simply needed the stimulating vibration which emanated from the Earth's Primary [i.e., Venus] to be fanned into something definitely human.

Bản năng này, vào những giai đoạn cuối của sự tiến hoá của con vật, và khi nó ngày càng tách rời khỏi hồn nhóm,26. được chuyển hoá thành trí tuệ, hay thành cái mầm trí tuệ tiềm ẩn trong người thú, và chỉ đơn giản cần đến rung động kích thích phát ra từ Đấng Sơ Cấp của Trái Đất [tức Sao Kim] để được quạt bùng thành một cái gì đó rõ rệt là con người.

1. An important process is described. As the animal becomes more detached from the group soul, instinct is transmuted into mentality. Transmutation means “elevated”.

1. Một tiến trình quan trọng được mô tả. Khi con vật ngày càng tách rời khỏi hồn nhóm, bản năng được chuyển hoá thành trí tuệ. Chuyển hoá có nghĩa là “được nâng lên”.

2. So an animal man has mentality of a kind, an “embryo mind”. This type of mind cannot yet be called “definitely human”. The influence of Venus, “Earth’s Primary” or “Alter Ego” is required to fan or transform this embryo mind into something that is definitely human.

2. Vì vậy người thú có một loại trí tuệ, một “mầm trí tuệ”. Loại trí tuệ này chưa thể được gọi là “rõ rệt là con người”. Ảnh hưởng của Sao Kim, “Đấng Sơ Cấp của Trái Đất” hay “Đối phần”, là cần thiết để quạt bùng hay chuyển đổi mầm trí tuệ này thành một cái gì đó rõ rệt là con người.

3. Instinct is transmuted into mentality as an awareness of a center of reference arises within what might be called the ‘sphere of many responses’. There slowly emerges the *observer* of that which has been intelligently done under the sway of instinct. Then conscious intelligence can be added to the power of instinct, and animal man (now able to pre-arrange his actions according to conscious memory and anticipation) enters the fourth kingdom of nature.

3. Bản năng được chuyển hoá thành trí tuệ khi một nhận biết về một trung tâm quy chiếu phát sinh bên trong cái có thể được gọi là ‘khối cầu của nhiều đáp ứng’. Từ từ xuất hiện *người quan sát* đối với điều đã được thực hiện một cách thông minh dưới sự chi phối của bản năng. Khi đó trí tuệ hữu thức có thể được thêm vào quyền năng của bản năng, và người thú (nay có thể sắp xếp trước các hành động của mình theo ký ức và dự liệu hữu thức) bước vào giới thứ tư trong bản chất.

[26.]: "A Group-soul is a collection of permanent Triads in a triple envelope of monadic essence.

26: "Một Hồn nhóm là một tập hợp các Tam nguyên tinh thần trường tồn trong một bao bọc tam phân của tinh chất chân thần.

1. By “monadic essence” do we mean matter of the first sub-plane of a particular higher plane?

1. Bởi “tinh chất chân thần”, chúng ta có muốn nói đến vật chất của cõi phụ thứ nhất của một cõi cao hơn nhất định không?

2. The “Triads” are permanent in that they are permanent representatives of the spiritual triad on its own levels, just as the spiritual triads are permanent representatives of the Monad throughout its long pilgrimage.

2. Các “Tam nguyên tinh thần” là trường tồn ở chỗ chúng là những đại diện trường tồn của Tam Nguyên Tinh Thần trên các cấp độ riêng của nó, cũng như các Tam Nguyên Tinh Thần là những đại diện trường tồn của Chân thần trong suốt cuộc hành hương dài lâu của nó.

The permanent Triads are a reflection upon the lower planes of the spiritual Triads on the higher.

Các Tam nguyên tinh thần trường tồn là một sự phản chiếu trên các cõi thấp của các Tam Nguyên Tinh Thần ở các cõi cao.

1. This is an important occult statement. The “permanent Triads” would, it seems relate to the lower permanent atoms. Indeed, the atomic triangle (consisting of physical permanent atom, astral permanent atom and the mental unit) is a reflection of the three higher permanent atoms.

1. Đây là một phát biểu huyền bí học quan trọng. Các “Tam nguyên tinh thần trường tồn”, dường như, sẽ liên hệ với các nguyên tử trường tồn thấp. Quả thực, tam giác nguyên tử (gồm nguyên tử trường tồn hồng trần, nguyên tử trường tồn cảm dục và đơn vị hạ trí) là một sự phản chiếu của ba nguyên tử trường tồn cao hơn.

2. So let us keep these two terms clearly in mind—“permanent Triads” and “spiritual Triads”.

2. Vì vậy, chúng ta hãy giữ rõ trong tâm trí hai thuật ngữ này—“Tam nguyên tinh thần trường tồn” và “Tam Nguyên Tinh Thần”.

This description is true of all group-souls functioning on the physical plane, but gives no idea of the extreme complexity of the subject."—From A Study in Consciousness, by Annie Besant.

Mô tả này đúng với mọi hồn nhóm hoạt động trên cõi hồng trần, nhưng không cho thấy ý niệm nào về tính cực kỳ phức tạp của chủ đề này."—Trích từ A Study in Consciousness, của Annie Besant.

1. Yes, a subject which is extremely complex. This is why it is so difficult to penetrate it.

1. Đúng vậy, một chủ đề cực kỳ phức tạp. Đó là lý do vì sao rất khó thâm nhập vào nó.

2. Annie Besant’s clear fifth ray mind is very useful in offering a description which can be accurately followed.

2. Thể trí cung năm sáng rõ của Annie Besant rất hữu ích trong việc đưa ra một mô tả có thể được theo dõi một cách chính xác.

We must always bear in mind that the method of individualisation on this globe was not the one followed on others, and that many of the present advanced units of

Chúng ta phải luôn ghi nhớ rằng phương pháp biệt ngã hóa trên bầu hành tinh này không phải là phương pháp được theo trên những bầu hành tinh khác, và rằng nhiều

humanity **individualised normally, and through the driving force of evolution itself.**

1. On this, our globe, we experienced an abnormal method of individualization. It was not the "driving force of evolution itself" which was responsible for individualization, but rather a kind of divine intervention appropriate to the evolutionary stage achieved by the Planetary Logos of our planet—i.e., the period of the awakening of the planetary heart.

2. We remember that the "Will to Evolve" is associated with the third ray and thus with the solar system and chain through which the third ray was powerfully expressive.

They found (to express it as far as possible in terms of fire), their opposite electrical pole through the activity of animal instinct, and by the blending of the two a human being was produced,—the union of the three fires in the causal vehicle.

1. Upward struggling instinct "found" the "opposite electrical pole" (the Spirit), and the two blended.

2. How this finding occurred, we have no idea. The technicalities must be extraordinary.

3. We do see this, however—that instinct is capable of seeking out and 'finding' the Spirit aspect, to which, numerologically, it is naturally resonant.

4. A human being, defined here, is "the union of the three fires in the causal body".

đơn vị tiến hóa cao hiện nay của nhân loại **đã biệt ngã hóa một cách bình thường, và nhờ chính động lực thúc đẩy của tiến hoá.**

1. Trên bầu hành tinh này của chúng ta, chúng ta đã trải qua một phương pháp biệt ngã hóa bất thường. Không phải "chính động lực thúc đẩy của tiến hoá" chịu trách nhiệm cho sự biệt ngã hóa, mà đúng hơn là một loại can thiệp thiêng liêng thích hợp với giai đoạn tiến hoá mà Hành Tinh Thượng Đế của hành tinh chúng ta đã đạt được—tức thời kỳ thức tỉnh của tim hành tinh.

2. Chúng ta nhớ rằng "Ý Chí Tiến Hóa" được liên kết với cung ba và do đó với hệ mặt trời và dãy mà qua đó cung ba được biểu lộ mạnh mẽ.

Chúng đã tìm thấy (để diễn đạt điều đó càng nhiều càng tốt theo ngôn ngữ của lửa), cực điện đối nghịch của mình qua hoạt động của bản năng động vật, và bằng sự hòa trộn của hai điều ấy, một con người đã được tạo ra,—sự hợp nhất của ba lửa trong vận cụ nguyên nhân.

1. Bản năng đang vươn lên đã "tìm thấy" "cực điện đối nghịch" (Tinh thần), và hai bên đã hòa trộn.

2. Chúng ta không hề biết việc tìm thấy này đã xảy ra như thế nào. Các chi tiết kỹ thuật hẳn phải phi thường.

3. Tuy nhiên, chúng ta quả có thấy điều này—rằng bản năng có khả năng tìm kiếm và 'tìm thấy' phương diện tinh thần, mà về mặt số học, nó vốn cộng hưởng một cách tự nhiên.

4. Một con người, được định nghĩa ở đây, là "sự hợp nhất của ba lửa trong thể nguyên nhân".

5. Within the causal body, the jewel in the lotus is the representative of the first fire.

5. Bên trong thể nguyên nhân, ngọc trong hoa sen là đại diện của ngọn lửa thứ nhất.

Man passes into the fifth kingdom through the transmutation of the discriminative faculty of mind, which—as in the animal's individualisation—brings about at **a certain stage a spiritual individualisation** which is the correspondence on higher levels to what transpired in Lemurian days.

Con người đi vào giới thứ năm qua sự chuyển hoá năng lực phân biện của trí tuệ, điều này—như trong sự biệt ngã hóa của động vật—mang lại ở **một giai đoạn nhất định một sự biệt ngã hóa tinh thần**, vốn là sự tương ứng trên các cấp độ cao hơn với điều đã xảy ra trong những ngày Lemuria.

1. We are speaking of two types of individualization—individualization, proper, and a "spiritual individualisation" which is its higher correspondence.

1. Chúng ta đang nói về hai loại biệt ngã hóa —sự biệt ngã hóa đúng nghĩa, và một "sự biệt ngã hóa tinh thần" là sự tương ứng cao hơn của nó.

2. Man, as a member of the fourth kingdom, possesses the discriminative mind. It is his "stock in trade"—perhaps his foremost characteristic.

2. Con người, với tư cách là một thành viên của giới thứ tư, sở hữu trí tuệ phân biện. Đó là "vốn liếng hành nghề" của y—có lẽ là đặc điểm nổi bật nhất của y.

3. That discriminative mind is to be transmuted into wise-mind and intuitive mind under the guidance of Venus, a major planet of transmutation.

3. Trí tuệ phân biện ấy sẽ được chuyển hoá thành trí tuệ-minh triết và trí tuệ trực giác dưới sự hướng dẫn của Sao Kim, một hành tinh lớn của sự chuyển hoá.

4. "Spiritual individualization" can be related to the first initiation—the "Birth of the Christ in the Heart".

4. "Sự biệt ngã hóa tinh thần" có thể được liên hệ với lần điểm đạo thứ nhất—"Sự Giáng Sinh của Đức Christ trong Tim".

Therefore, we have:

Do đó, chúng ta có:

Instinct...The key from the animal into the human kingdom or from the third into the fourth kingdom.

Bản năng...Chìa khóa từ giới động vật vào giới nhân loại hay từ giới thứ ba vào giới thứ tư.

Manas.....The key from the human into the spiritual kingdom, or from the fourth kingdom into the fifth kingdom.

1. Instinct and manas are, therefore, two "keys", faculties or qualities involved in transition from one kingdom to the succeeding.

2. Instinct is intelligent but it is not *observant.* Manas, as it appears within the human being, presumes a center of intelligent observation which, at first, we name the lower ego.

[Page 336] Higher we need not go, for **the transmutation of manas proceeds**, and much as yet remains to be done.

1. We can expect that this transmutation will proceed as the soul becomes more influential, and as Venus (within the context of Aquarius—both in the first and third decanate) becomes a more prominent influence.

5. MANAS IS THE SYNTHESIS OF FIVE RAYS

1. When we see a statement of this nature, we think naturally of the five Rays of Brahma, representing the third aspect of divinity. There are, as we know, *seven* rays, and of *all* these, manas is *not* the synthesis—only of five.

One other definition might be given even though its abstruseness may prove but a bewilderment to the student.

Manas.....Chìa khóa từ giới nhân loại vào giới tinh thần, hay từ giới thứ tư vào giới thứ năm.

1. Vì vậy, bản năng và manas là hai "chìa khóa", hai năng lực hay phẩm tính liên quan đến sự chuyển tiếp từ giới này sang giới kế tiếp.

2. Bản năng thì thông minh nhưng không *quan sát.* Manas, khi xuất hiện trong con người, giả định có một trung tâm quan sát thông minh mà lúc đầu chúng ta gọi là phàm ngã hạ đẳng.

[Page 336] Chúng ta không cần đi cao hơn, vì **sự chuyển hoá của manas đang tiến hành**, và vẫn còn rất nhiều điều phải làm.

1. Chúng ta có thể mong đợi rằng sự chuyển hoá này sẽ tiếp tục khi linh hồn trở nên có ảnh hưởng hơn, và khi Sao Kim (trong bối cảnh Bảo Bình—ở cả thập độ thứ nhất lẫn thứ ba) trở thành một ảnh hưởng nổi bật hơn.

5. MANAS LÀ SỰ TỔNG HỢP CỦA NĂM CUNG

1. Khi chúng ta thấy một phát biểu thuộc loại này, tự nhiên chúng ta nghĩ đến năm Cung của Brahma, tượng trưng cho phương diện thứ ba của thiên tính. Như chúng ta biết, có *bảy* cung, và trong *tất cả* những cung này, manas *không* phải là sự tổng hợp—mà chỉ của năm cung.

Có thể đưa ra thêm một định nghĩa khác, dù tính thâm áo của nó có thể chỉ gây bối rối cho đạo sinh.

1. The word “abstruse” suggests both abstraction and subtlety. Abstruse matters are difficult to comprehend, because they are often many times removed from common knowledge and because, not only are they abstracted, but they are extremely subtle, such that the concrete mind does not grasp them easily.

1. Từ “thâm áo” gợi lên cả tính trừu tượng lẫn tính vi tế. Những vấn đề thâm áo thì khó lĩnh hội, vì chúng thường cách xa tri thức thông thường nhiều tầng bậc, và vì chúng không chỉ được trừu xuất mà còn cực kỳ vi tế, đến mức trí cụ thể không dễ nắm bắt.

Manas is the united faculty of four of the Heavenly Men, synthesised through a fifth Heavenly Man on the third plane of the system.

Manas là năng lực hợp nhất của bốn Đấng Thiên Nhân, được tổng hợp qua một Đấng Thiên Nhân thứ năm trên cõi thứ ba của hệ thống.

1. These four Heavenly Men or Divine Manasaputras represent the Rays of Attribute.

1. Bốn Đấng Thiên Nhân hay các Manasaputra thiêng liêng này tượng trưng cho Các Cung Thuộc Tính.

2. The fifth Heavenly Man on the third plane of the system must be Saturn, the foremost Lord of Manas, and a planet intimately related to Brahma.

2. Đấng Thiên Nhân thứ năm trên cõi thứ ba của hệ thống hẳn phải là Sao Thổ, Đấng Chúa Tể hàng đầu của Manas, và là một hành tinh có liên hệ mật thiết với Brahma.

3. Manas is really the united faculty of *five rays.*

3. Thật ra, manas là năng lực hợp nhất của *năm cung.*

4. Should Uranus, expressing (from one perspective) the seventh ray, and Neptune, expressing (from one perspective) the sixth, be included among the manasic Heavenly Men? Because they are synthesizing planets, superior in spiritual maturity (though not in the degree of unfoldment) to the synthesizer of the four, it is difficult to think of them as manasic, even though they express (through their souls) two of the manasic rays.

4. Có nên kể Sao Thiên Vương, biểu lộ (từ một góc nhìn) cung bảy, và Sao Hải Vương, biểu lộ (từ một góc nhìn) cung sáu, vào số các Đấng Thiên Nhân manas hay không? Vì các Ngài là những hành tinh tổng hợp, vượt trội về mức trưởng thành tinh thần (dù không vượt trội về mức độ khai mở) so với Đấng tổng hợp của bốn vị, nên khó có thể xem các Ngài là manas, dù các Ngài biểu lộ (qua linh hồn của mình) hai trong các cung manas.

5. While sixth ray Mars (from one level a very manasic planet) can take the place of Neptune, it is more difficult to find a seventh

5. Trong khi Sao Hỏa cung sáu (xét từ một cấp độ là một hành tinh rất manas) có thể thay chỗ Sao Hải Vương, thì khó hơn nhiều để tìm một hành tinh cung bảy thay chỗ Sao

ray planet to take the place of Uranus, though, no doubt, one exists.

Thiên Vương, dù chắc chắn là có một hành tinh như vậy.

These five Heavenly Men were the logoic embodiment in an earlier system and achieved the fullness of manasic life.

Năm Đấng Thiên Nhân này là hiện thân logoic trong một hệ thống trước đây và đã đạt đến sự viên mãn của sự sống manas.

1. Numerologically, the number of the first solar system was *five,* just as our system is symbolized by *seven* and the next system will be symbolized by *nine.*

1. Về mặt số học huyền bí, con số của hệ mặt trời thứ nhất là *năm,* cũng như hệ thống của chúng ta được biểu trưng bằng *bảy* và hệ thống kế tiếp sẽ được biểu trưng bằng *chín.*

2. Can it be that in the previous solar system there were only *five* principal planets?

2. Có thể nào trong hệ mặt trời trước chỉ có *năm* hành tinh chính hay không?

3. If Uranus and Neptune were included, then Saturn could be considered Their elder brother (not in terms of his spiritual *value* or *inner status*) but in terms of His degree of unfoldment.

3. Nếu Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương được kể vào, thì Sao Thổ có thể được xem là Huynh Trưởng của Các Ngài (không xét về *giá trị* tinh thần hay *địa vị nội tại* của Ngài) mà xét về mức độ khai mở của Ngài.

4. We certainly expect that Venus and Mercury were present in that earlier system, just as Sirius was even more important then than now.

4. Chúng ta chắc chắn mong đợi rằng Sao Kim và Sao Thủy đã hiện diện trong hệ thống trước đó, cũng như Sirius khi ấy còn quan trọng hơn bây giờ.

5. The presence or non-presence of current Planetary Logoi in the previous solar system is not necessarily an easy subject. As a contradiction to the possibility, we could turn to TCF 293. to learn that the duration of a Heavenly Man is the “period of one solar system”. Yet other references seem to indicate Their presence in the earlier system.

5. Sự hiện diện hay không hiện diện của các Đức Hành Tinh Thượng Đế hiện nay trong hệ mặt trời trước không nhất thiết là một chủ đề dễ dàng. Để phản bác khả năng ấy, chúng ta có thể quay sang TCF 293. để biết rằng thời lượng của một Đấng Thiên Nhân là “chu kỳ của một hệ mặt trời”. Tuy nhiên, những dẫn chiếu khác dường như lại cho thấy sự hiện diện của Các Ngài trong hệ thống trước đó.

6. One wonders about the importance of presently non-sacred planets in an earlier solar system. If they are non-sacred now, what could they have been in that earlier system—a Chain Lord, perhaps, or a planet

6. Người ta tự hỏi về tầm quan trọng của các hành tinh hiện nay không thiêng liêng trong một hệ mặt trời trước. Nếu hiện nay chúng không thiêng liêng, thì trong hệ thống trước đó chúng có thể là gì—một Chúa Tể của Dãy chăng, hay một hành tinh có địa vị thấp hơn

of status lesser than those in the present non-sacred group?

Their synthetic life is that which is primarily understood when we speak of Brahma, that cosmic Entity Who is the **sum-total of logoic active intelligence.**

1. Is Brahma, the Logos of Saturn, or, with respect to our solar system, a greater and more inclusive Being?

2. I believe our systemic Brahma includes Saturn but transcends it (cf. TCF 1238, for the Entities surrounding the Solar Logos).

3. If this Brahma is a "cosmic Entity", then the Solar Logos must certainly be considered so, because this Brahma represents that part of the Solar Logos which is "logoic active intelligence".

For lack of better terms we call Them the Lords of the four minor Rays, Who find Their synthesis through the third Ray of Activity.

1. Now, the Tibetan puts the matter in terms of the rays.

2. If the manasic rays and the Planetary Logoi who expressed them were prominent in the last solar system, to what extent did the second ray and the first ray express during that system?

3. Were they present but occultly ineffective?

những hành tinh trong nhóm không thiêng liêng hiện nay?

Sự sống tổng hợp của các Ngài là điều chủ yếu được hiểu đến khi chúng ta nói về Brahma, Thực Thể vũ trụ ấy, Đấng là **tổng thể của trí tuệ hoạt động logoic.**

1. Brahma có phải là Logos của Sao Thổ không, hay xét đối với hệ mặt trời của chúng ta, là một Hữu thể vĩ đại hơn và bao gồm hơn?

2. Tôi tin rằng Brahma của hệ thống chúng ta bao gồm Sao Thổ nhưng vượt lên trên nó (x. TCF 1238, về các Thực Thể bao quanh Thái dương Thượng đế).

3. Nếu Brahma này là một "Thực Thể vũ trụ", thì Thái dương Thượng đế chắc chắn cũng phải được xem như vậy, bởi vì Brahma này tượng trưng cho phần ấy của Thái dương Thượng đế vốn là "trí tuệ hoạt động logoic".

Vì thiếu những thuật ngữ tốt hơn, chúng ta gọi Các Ngài là các Chúa Tể của bốn Cung phụ, những Đấng tìm thấy sự tổng hợp của mình qua cung ba của Hoạt Động.

1. Giờ đây, Chân sư Tây Tạng trình bày vấn đề theo ngôn ngữ của các cung.

2. Nếu các cung manas và các Đức Hành Tinh Thượng Đế biểu lộ chúng là nổi bật trong hệ mặt trời trước, thì cung hai và cung một đã biểu lộ đến mức nào trong hệ thống ấy?

3. Các cung ấy có hiện diện nhưng không hữu hiệu một cách huyền bí chăng?

4. Perhaps it can be said that in our present solar system, the first ray (in its true nature) is occultly ineffective.

4. Có lẽ có thể nói rằng trong hệ mặt trời hiện nay của chúng ta, cung một (trong bản chất đích thực của nó) là không hữu hiệu một cách huyền bí.

5. We remember that esoterically, Uranus and Neptune are the Lords of the first and second rays respectively. (cf. EP I 420)

5. Chúng ta nhớ rằng, một cách huyền bí, Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương lần lượt là các Chúa Tể của cung một và cung hai. (x. EP I 420)

They have been called in an endeavour to express the principles which They embody:

Các Ngài đã được gọi tên trong nỗ lực diễn đạt các nguyên khí mà Các Ngài hiện thân:

1. The Ray Lords have been named with a specific objective in mind—namely that the name given should express the principles that these Ray Lords embody.

1. Các Chúa Tể Cung đã được đặt tên với một mục tiêu cụ thể—nghĩa là tên được ban ra phải diễn đạt các nguyên khí mà các Chúa Tể Cung này hiện thân.

2. We notice below that DK begins His numbering from above. This cannot be a random choice. Is He indicating something about their order of manifestation?

2. Chúng ta lưu ý bên dưới rằng Chân sư DK bắt đầu đánh số từ trên xuống. Điều này không thể là một lựa chọn ngẫu nhiên. Phải chăng Ngài đang chỉ ra điều gì đó về trật tự biểu hiện của các Ngài?

1. The Lord of Ceremonial Magic.

1. Chúa Tể của Huyền thuật Nghi lễ.

2. The Lord of Abstract Idealism, or Devotion.

2. Chúa Tể của Chủ nghĩa Duy tâm Trừu tượng, hay Sùng tín.

3. The Lord of Concrete Science.

3. Chúa Tể của Khoa học Cụ thể.

4. The Lord of Harmony and Art.

4. Chúa Tể của Hài hòa và Nghệ thuật.

1. VSK asks: “Can we identify these four as the lower quaternary, and thus place Earth among them, or not?”

1. VSK hỏi: “Chúng ta có thể đồng hoá bốn vị này với bộ tứ hạ đẳng, và do đó đặt Trái Đất vào giữa họ, hay không?”

2. Earth holds place within the lower quaternary of the Solar Logos as does Venus.

2. Trái Đất giữ vị trí trong bộ tứ hạ đẳng của Thái dương Thượng đế cũng như Sao Kim vậy.

3. But if the Logos of the Earth is placed in relation to these four, it would be in a subsidiary capacity, for the Planetary Logos of Earth is not one of the major Ray Lords.

3. Nhưng nếu Logos của Trái Đất được đặt trong tương quan với bốn vị này, thì đó sẽ là trong một năng lực phụ thuộc, vì Đức Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất không phải là một trong các Chúa Tể Cung chính yếu.

4. It is possible, in relation to the Science of Triangles, that every ray is really represented principally by three Planetary Logoi.

4. Có thể, liên hệ với Khoa Học về Các Tam Giác, rằng mỗi cung thật ra chủ yếu được tượng trưng bởi ba Đức Hành Tinh Thượng Đế.

5. Whenever there are *seven*, we look for a *twenty-one* and their synthesis, a *twenty-two*.

5. Bất cứ khi nào có *bảy*, chúng ta tìm kiếm một *hai mươi mốt* và sự tổng hợp của chúng, một *hai mươi hai*.

6. One still wonders about whether Uranus and Neptune should be involved in a lower quaternary; they are such essentially advanced Heavenly Men.

6. Người ta vẫn còn tự hỏi liệu Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương có nên được đưa vào một bộ tứ hạ đẳng hay không; các Ngài là những Đấng Thiên Nhân tiến hoá cao đến thế về bản chất.

7. Mars can easily be substituted for Neptune and even Jupiter (a strongly seventh ray planet) for Uranus.

7. Sao Hỏa có thể dễ dàng thay cho Sao Hải Vương và ngay cả Sao Mộc (một hành tinh cung bảy rất mạnh) cũng có thể thay cho Sao Thiên Vương.

These four function through the fourth cosmic ether, and have vehicles of buddhic matter.

Bốn vị này hoạt động qua dĩ thái vũ trụ thứ tư, và có các vận cụ bằng chất liệu Bồ đề.

1. The fourth cosmic ether is the buddhic plane. Earlier we discussed which Planetary Logoi might have etheric vehicles principally composed of buddhic matter. We included Venus and Mercury in the enumeration; Vulcan might also be included.

1. Dĩ thái vũ trụ thứ tư là cõi Bồ đề. Trước đây chúng ta đã bàn đến những Đức Hành Tinh Thượng Đế nào có thể có các vận cụ dĩ thái chủ yếu cấu thành bằng chất liệu Bồ đề. Chúng ta đã kể cả Sao Kim và Sao Thủy; Vulcan cũng có thể được kể vào.

2. We did not know whether to include the non-sacred planets, though their inclusion is a possibility. For such planets, the higher

2. Chúng ta không biết có nên kể các hành tinh không thiêng liêng vào hay không, dù việc ấy là một khả năng. Đối với những hành

mental plane might number as the lowest ether.

tinh như thế, cõi thượng trí có thể được tính là dĩ thái thấp nhất.

3. For planets like Venus and Mercury, the buddhic plane might be, in fact, the third ether, representing an ascent from the relative physicality of the focus of the non-sacred Planetary Logoi.

3. Đối với những hành tinh như Sao Kim và Sao Thủy, cõi Bồ đề thật ra có thể là dĩ thái thứ ba, tượng trưng cho một sự thăng lên khỏi tính hồng trần tương đối của tiêu điểm nơi các Đức Hành Tinh Thượng Đế không thiêng liêng.

4. Whichever may be the Ray Lords associated with the Rays of Attribute, and expressing through certain planets, the planets through which these four rays express have "vehicles of buddhic matter".

4. Dù các Chúa Tể Cung nào có thể liên kết với Các Cung Thuộc Tính và biểu lộ qua những hành tinh nào đi nữa, thì các hành tinh qua đó bốn cung này biểu lộ đều có "các vận cụ bằng chất liệu Bồ đề".

5. Part of the confusion in this area of thought stems from the fact that Uranus and Neptune are assigned Rays of Attribute, but essentially and *esoterically* they are expressive of the two major Rays of Aspect (the first and the second rays, respectively).

5. Một phần của sự lẫn lộn trong lĩnh vực tư tưởng này phát sinh từ sự kiện rằng Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương được gán cho Các Cung Thuộc Tính, nhưng về bản chất và *một cách huyền bí* các Ngài lại biểu lộ hai Cung Trạng Thái chính yếu (lần lượt là cung một và cung hai).

6. So while Uranus and Neptune seem to belong among the four, from the point of view of the rays they express, they definitely seem to belong among the higher three, because they are synthesizing planets. Uranus is the Father of Saturn. This tells something about His priority. Neptune, however, is the Brother of Jupiter, who, himself is as Son of Saturn.

6. Vì vậy, trong khi Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương dường như thuộc vào nhóm bốn vị, xét từ quan điểm các cung mà các Ngài biểu lộ, các Ngài rõ ràng dường như thuộc vào nhóm ba vị cao hơn, bởi vì các Ngài là những hành tinh tổng hợp. Sao Thiên Vương là Cha của Sao Thổ. Điều này nói lên điều gì đó về tính ưu tiên của Ngài. Tuy nhiên, Sao Hải Vương là Huynh Đệ của Sao Mộc, mà chính Sao Mộc lại là Con của Sao Thổ.

7. Sometimes, in these old theogonies, the relative spiritual stature of planetary Deities can be understood.

7. Đôi khi, trong những thần hệ cổ xưa này, có thể hiểu được tầm vóc tinh thần tương đối của các Thượng đế hành tinh.

They merge into the greater life of the Lord of the third Ray of Aspect on atmic levels, and these four (with the one synthetic Ray), are the totality of manasic energy.

Các Ngài hòa nhập vào sự sống lớn hơn của Chúa Tể của cung ba Trạng Thái trên các cấp atma, và bốn vị này (cùng với một Cung tổng hợp) là toàn thể năng lượng manas.

1. This merging occurs during a period of absorption.

1. Sự hòa nhập này xảy ra trong một thời kỳ hấp thu.

2. Because of this merging, Uranus and Neptune cannot be included among the four, even though their soul rays are among the manasic rays (seven and six, respectively).

2. Vì sự hòa nhập này, Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương không thể được kể vào nhóm bốn vị, dù các cung linh hồn của các Ngài thuộc trong các cung manas (lần lượt là bảy và sáu).

3. Uranus and Neptune are synthesizing planets and, themselves are *absorbers.*

3. Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương là những hành tinh tổng hợp và chính các Ngài là những Đấng *hấp thu.*

4. So we see how many things have to be considered before handily assigning Heavenly Men to certain positions within the constitution of the Solar Logos.

4. Vì vậy, chúng ta thấy có biết bao điều phải được cân nhắc trước khi dễ dàng gán các Đấng Thiên Nhân vào những vị trí nhất định trong cơ cấu của Thái dương Thượng đế.

They are the life of the five lower planes.

Các Ngài là sự sống của năm cõi thấp.

1. The Five Kumaras here noted are the “life of the lower planes”.

1. Năm Đấng Kumara được ghi nhận ở đây là “sự sống của các cõi thấp”.

2. We note that such Kumaras are Planetary Logoi.

2. Chúng ta lưu ý rằng những Đấng Kumara như vậy là các Đức Hành Tinh Thượng Đế.

3. Each plane is principally animated by a Kumara.

3. Mỗi cõi chủ yếu được một Đấng Kumara làm sinh động.

They are the five Kumaras, and two remain, making the seven Kumaras or Builders of the universe;

Các Ngài là năm Đấng Kumara, và còn lại hai vị nữa, tạo thành bảy Đấng Kumara hay các Đấng Kiến Tạo của vũ trụ;

1. The “universe” in this case is our solar system. The term “universe” represents a systemic or cosmic whole, and is not always meant as the ‘Great Entirety’.

1. “Vũ trụ” trong trường hợp này là hệ mặt trời của chúng ta. Thuật ngữ “vũ trụ” tượng trưng cho một toàn thể có tính hệ thống hay vũ trụ, và không phải lúc nào cũng có nghĩa là ‘Toàn Thể Vĩ Đại’.

these five have been called the five Mind-born Sons of Brahma. [27. S.D., I, 119, 493; II, 111, 112.]

1. VSK asks an interesting but abstruse question: "Looking at the chart on page 34. of *Esoteric Astrology*, we see these Five Kumaras as the *third*, *fourth*, *fifth*, *sixth*, and *seventh* Rays, expressing respectively via Pisces, Aries, Taurus, Gemini, and Cancer. Are these Kumaras, located as they are on the cosmic astral plane, the Mind-born Sons of Brahma?

2. There is a serious question whether it is the Divine Kumaras which are listed in this Table of Creative Hierarchies. Such groupings are lives emanating from the second tier of petals of the solar logoic egoic lotus.

3. From all that can be presently determined, the Planetary Logoi (i.e., the Kumaras here in question) are Beings greater than those of the five Creative Hierarchies of the cosmic astral plane.

4. If an entity is "Mind-born", it is emanated from a superior and inclusive source.

5. From the manner in which the Sun (Martanda) and His seven Brothers are described in the *Secret Doctrine*, it would seem that the Solar Logos and the Planetary Logoi were emanated from the same superior Source. This stands to reason in relation to the physical description of the nascent Sun and nascent planets, but does not stand to reason from other perspectives (such as the perspective in which the planets

năm vị này đã được gọi là năm Người Con do Trí sinh của Brahma. [27. S.D., I, 119, 493; II, 111, 112.]

1. VSK nêu một câu hỏi thú vị nhưng thâm áo: "Nhìn vào biểu đồ ở trang 34. của *Chiêm Tinh Học Nội Môn*, chúng ta thấy Năm Đấng Kumara này là các Cung *ba*, *bốn*, *năm*, *sáu*, và *bảy*, lần lượt biểu lộ qua Song Ngư, Bạch Dương, Kim Ngưu, Song Tử và Cự Giải. Phải chăng các Đấng Kumara này, được đặt như vậy trên cõi cảm dục vũ trụ, là những Người Con do Trí sinh của Brahma?

2. Có một vấn đề nghiêm trọng là liệu chính các Đấng Kumara thiêng liêng có được liệt kê trong Bảng các Huyền Giai Sáng Tạo này hay không. Những nhóm như thế là các sự sống phát xạ từ tầng cánh hoa thứ hai của hoa sen chân ngã logoic thái dương.

3. Từ tất cả những gì hiện nay có thể xác định được, các Đức Hành Tinh Thượng Đế (tức các Đấng Kumara đang được nói đến ở đây) là những Hữu thể lớn lao hơn các hữu thể của năm Huyền Giai Sáng Tạo trên cõi cảm dục vũ trụ.

4. Nếu một thực thể là "do Trí sinh", thì nó được phát xạ từ một nguồn cao hơn và bao gồm hơn.

5. Từ cách Mặt Trời (Martanda) và bảy Huynh Đệ của Ngài được mô tả trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, dường như Thái dương Thượng đế và các Đức Hành Tinh Thượng Đế đã được phát xạ từ cùng một Nguồn cao hơn ấy. Điều này hợp lý khi xét theo mô tả hồng trần về Mặt Trời đang hình thành và các hành tinh đang hình thành, nhưng lại không hợp lý từ những góc nhìn khác (chẳng hạn góc nhìn trong đó các hành tinh là các luân xa của

are as chakras for the Solar Logos, and, some of them, even as permanent atoms).

Manas, therefore, is the psychic effect of Their united group work, and shows forth in different ways according to the units involved, the forms [Page 337] animated, and the planes concerned.

1. Here we have an unusual definition. Manas is a "psychic effect" of the "united group work" of the Five Mind-born Sons of Brahma.

2. The word "psychic" in this context refers to the energy of the higher mental plane.

3. Manas demonstrates in different ways. Much depends upon

a Which of the Kumaras, Logoi or Mind-born Sons are involved.

b Which types of forms are animated by these manasic Sources.

c Which planes are concerned as recipients of Their influence.

They demonstrate predominantly on the five lower subplanes of each plane, and **this factor should be remembered in connection with the major initiations of manas.**

1. We gather that the Five Systemic Kumaras demonstrate on all the sub-planes of the cosmic physical plane, with special focus upon the five lower sub-planes of the each systemic plane.

Thái dương Thượng đế, và một số trong đó thậm chí còn là các nguyên tử trường tồn).

Vì vậy, manas là hiệu quả thông linh của công việc nhóm hợp nhất của Các Ngài, và biểu lộ theo những cách khác nhau tùy theo các đơn vị liên quan, các hình tướng được làm sinh động, và các cõi được xét đến.[Page 337]

1. Ở đây chúng ta có một định nghĩa khác thường. Manas là một "hiệu quả thông linh" của "công việc nhóm hợp nhất" của Năm Người Con do Trí sinh của Brahma.

2. Từ "thông linh" trong ngữ cảnh này chỉ năng lượng của cõi thượng trí.

3. Manas biểu lộ theo những cách khác nhau. Nhiều điều tùy thuộc vào

a Đấng Kumara, Logos hay Người Con do Trí sinh nào có liên quan.

b Những loại hình tướng nào được các Nguồn manas này làm sinh động.

c Những cõi nào được xét đến như những nơi tiếp nhận ảnh hưởng của Các Ngài.

Các Ngài biểu lộ chủ yếu trên năm cõi phụ thấp của mỗi cõi, và **nên ghi nhớ yếu tố này liên hệ với các điểm đạo lớn của manas.**

1. Chúng ta suy ra rằng Năm Đấng Kumara Hệ thống biểu lộ trên mọi cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ, với sự tập trung đặc biệt vào năm cõi phụ thấp của mỗi cõi hệ thống.

2. As well, their influence is probably most prominent on the five lowest sub-planes of the cosmic physical plane.

2. Ngoài ra, ảnh hưởng của các Ngài có lẽ cũng nổi bật nhất trên năm cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần vũ trụ.

3. The major initiations of manas are the five initiations with which we are normally familiar.

3. Các điểm đạo lớn của manas là năm lần điểm đạo mà bình thường chúng ta quen thuộc.

4. The five lower sub-planes of the cosmic physical plane are the systemic physical, astral, mental, buddhic and atmic planes. These systemic planes can easily be arranged in relation to the five major initiations (beginning with the Birth in Bethlehem).

4. Năm cõi phụ thấp của cõi hồng trần vũ trụ là các cõi hệ thống: hồng trần, cảm dục, trí tuệ, Bồ đề và atma. Những cõi hệ thống này có thể dễ dàng được sắp xếp tương ứng với năm lần điểm đạo lớn (bắt đầu bằng Sự Giáng Sinh tại Bethlehem).

5. If we subdivide the matter further, we shall see that the Five Systemic Kumaras relate most to the five systemic sub-planes of every systemic plane.

5. Nếu chúng ta phân chia vấn đề thêm nữa, chúng ta sẽ thấy rằng Năm Đấng Kumara Hệ thống liên hệ nhiều nhất với năm cõi phụ hệ thống của mọi cõi hệ thống.

6. A Master would be particularly related to the third sub-plane of the atmic plane. Perhaps an Arhat would be coming in contact with the fourth sub-plane of the atmic. A Master would also be related to the third sub-plane of the buddhic plane, and an Arhat definitely to the fourth sub-plane of the buddhic.

6. Một Chân sư sẽ đặc biệt liên hệ với cõi phụ thứ ba của cõi atma. Có lẽ một A La Hán sẽ tiếp xúc với cõi phụ thứ tư của cõi atma. Một Chân sư cũng sẽ liên hệ với cõi phụ thứ ba của cõi Bồ đề, và một A La Hán chắc chắn liên hệ với cõi phụ thứ tư của cõi Bồ đề.

7. The five lowest sub-planes of the mental, astral and physical systemic planes would relate to initiations lower than that of Arhat. We remember, however, that the lowest two sub-planes of the systemic astral and physical planes are, for man, occultly ‘off limits’.

7. Năm cõi phụ thấp nhất của các cõi hệ thống trí tuệ, cảm dục và hồng trần sẽ liên hệ với những điểm đạo thấp hơn điểm đạo của A La Hán. Tuy nhiên, chúng ta nhớ rằng hai cõi phụ thấp nhất của các cõi hệ thống cảm dục và hồng trần, đối với con người, một cách huyền bí là ‘ngoài giới hạn’.

8. The matter is really quite intricate. It is not so simple as saying that a Master will influence all third sub-planes of the five systemic planes; that an Arhat will influence

8. Vấn đề này thật sự khá phức tạp. Không đơn giản đến mức nói rằng một Chân sư sẽ ảnh hưởng đến mọi cõi phụ thứ ba của năm cõi hệ thống; rằng một A La Hán sẽ ảnh hưởng đến mọi cõi phụ thứ tư; một điểm đạo

all fourth sub-planes; a third degree initiate all fifth sub-planes, etc.

đồ cấp ba ảnh hưởng đến mọi cõi phụ thứ năm, v.v.

9. We are dealing with subject of inter-planar resonances.

9. Chúng ta đang đề cập đến chủ đề các cộng hưởng liên-cõi.

10. VSK asks: "Do we see a relationship between this and the senses, pages 188-189?"

10. VSK hỏi: "Chúng ta có thấy một mối liên hệ giữa điều này và các giác quan, trang 188-189 không?"

11. After the foregoing, I think we would definitely have to say, "yes". To study these pages in relation to the subject of the influence of the Five Divine Kumaras would be profitable—*and* time-consuming.

11. Sau những điều vừa trình bày, tôi nghĩ chắc chắn chúng ta phải nói "có". Nghiên cứu những trang này trong liên hệ với chủ đề ảnh hưởng của Năm Đấng Kumara Thiêng liêng sẽ có ích—*và* tốn thời gian.

12. If we link the Heavenly Men with the five initiations, we would find Saturn in relation to the fifth initiation; Mercury in relation to the fourth; Venus in relation to the fifth; both Mars and Neptune in relation to the sixth; and Uranus (and perhaps another seventh ray planet) in relation to the first.

12. Nếu chúng ta liên kết các Đấng Thiên Nhân với năm lần điểm đạo, chúng ta sẽ thấy Sao Thổ liên hệ với lần điểm đạo thứ năm; Sao Thủy liên hệ với lần điểm đạo thứ tư; Sao Kim liên hệ với lần điểm đạo thứ năm; cả Sao Hỏa lẫn Sao Hải Vương liên hệ với lần điểm đạo thứ sáu; và Sao Thiên Vương (và có lẽ một hành tinh cung bảy khác) liên hệ với lần điểm đạo thứ nhất.

Nevertheless—as They are the sumtotal of the third or Brahma aspect—Their main sphere of influence is on the lowest or third division of the manifested universe or on the mental, astral, and physical planes.

Tuy nhiên—vì Các Ngài là tổng thể của phương diện thứ ba hay phương diện Brahma—nên khối cầu ảnh hưởng chính của Các Ngài là trên phân khu thấp nhất hay phân khu thứ ba của vũ trụ biểu hiện, tức trên các cõi trí tuệ, cảm dục và hồng trần.

1. The number associated with the Mind-born Sons is *five*—for there are five of them.

1. Con số gắn với các Người Con do Trí sinh là *năm*—vì có năm vị.

2. However, from a larger perspective, they are, in our solar system, the sumtotal of the third or Brahma aspect and therefore, would resonate with the number *three.*

2. Tuy nhiên, từ một góc nhìn rộng hơn, trong hệ mặt trời của chúng ta, các vị ấy là tổng thể của phương diện thứ ba hay phương diện Brahma và do đó sẽ cộng hưởng với con số *ba.*

3. The three lower worlds of normal human evolution would be the vibrational sphere where their energy would be most keenly felt.

3. Ba cõi thấp của sự tiến hoá nhân loại thông thường sẽ là khối cầu rung động nơi năng lượng của các vị ấy được cảm nhận rõ rệt nhất.

4. This being the case, it would seem necessary to include some of the lesser Planetary Logoi along with the four of Attribute, because these lesser Logoi definitely relate to the three lower worlds, and are more Brahmic in their nature than related to Vishnu.

4. Nếu đúng như vậy, dường như cần phải kể thêm một số Đức Hành Tinh Thượng Đế thứ yếu cùng với bốn vị của Thuộc Tính, bởi vì những Logos thứ yếu này chắc chắn liên hệ với ba cõi thấp, và trong bản chất của mình mang tính Brahma hơn là liên hệ với Vishnu.

I would here suggest a third division of the major planes of the system which will hold much of interest for the real student of occultism.

Ở đây tôi muốn gợi ý một sự phân chia thứ ba của các cõi chính trong hệ thống, điều sẽ chứa đựng nhiều điều đáng quan tâm đối với nhà huyền bí học chân chính.

1. So, this is a test! Is any of us a “real student of occultism”?

1. Vậy thì, đây là một phép thử! Có ai trong chúng ta là một “nhà huyền bí học chân chính” không?

1st Logos Mahadeva Will Aspect First plane.

1st Logos Mahadeva Phương diện Ý Chí Cõi thứ nhất.

2nd Logos Vishnu Wisdom Second, Third, Fourth.

2nd Logos Vishnu Minh triết Cõi thứ hai, thứ ba, thứ tư.

3rd Logos Brahma Intelligence Fifth, Sixth, Seventh.

3rd Logos Brahma Trí tuệ Cõi thứ năm, thứ sáu, thứ bảy.

1. This method of division has been previously mentioned. It involves primarily three types of entity—the Solar Logos, the Planetary Logos and Man.

1. Phương pháp phân chia này đã được nhắc đến trước đây. Nó chủ yếu liên quan đến ba loại thực thể—Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế và Con Người.

2. The Solar Logos is represented on the first plane, with some overlapping into the second. The Planetary Logos is represented on the next three planes with some overlapping into the fifth. Man is

2. Thái dương Thượng đế được tượng trưng trên cõi thứ nhất, với một phần chồng lấn sang cõi thứ hai. Hành Tinh Thượng Đế được tượng trưng trên ba cõi kế tiếp với một phần chồng lấn sang cõi thứ năm. Con người được

represented on the fifth sixth and seventh planes.

tượng trưng trên các cõi thứ năm, thứ sáu và thứ bảy.

In these five definitions of manas we have suggested scope for thought and much has been hinted at **for those who have ears to hear.**

Trong năm định nghĩa này về manas, chúng ta đã gợi ra một phạm vi để suy tư và đã ám chỉ nhiều điều **cho những ai có tai để nghe.**

1. Perhaps the development of the siddhi found upon the seventh sub-plane of the buddhic plane is required.

1. Có lẽ cần đến sự phát triển của siddhi được tìm thấy trên cõi phụ thứ bảy của cõi Bồ đề.

2. DK is hinting at the necessity for esoteric hearing. "Those who have eyes to see" have esoteric sight.

2. Chân sư DK đang ám chỉ đến sự cần thiết của thông nhĩ huyền bí. "Những ai có mắt để thấy" thì có linh thị huyền bí.

3. The allusion to hearing also relates to the Brahmic or third aspect.

3. Sự ám chỉ đến việc nghe cũng liên hệ với phương diện Brahma hay phương diện thứ ba.

Many more explanatory words might be spoken but we aim to start students thinking for themselves, and seek to see them defining these ideas in their own words.

Có thể nói thêm nhiều lời giải thích nữa nhưng chúng tôi nhắm đến việc khởi động cho đạo sinh tự suy nghĩ, và mong thấy họ định nghĩa những ý tưởng này bằng chính lời lẽ của mình.

1. Well, here is what the Masters expect of us. Perhaps they could explain much, but how would we profit from those explanations?

1. Đây là điều các Chân sư mong đợi nơi chúng ta. Có lẽ các Ngài có thể giải thích nhiều điều, nhưng chúng ta sẽ được lợi gì từ những lời giải thích ấy?

2. Instead, we are to start thinking for ourselves, no matter how halting such thought may be—at first.

2. Thay vào đó, chúng ta phải bắt đầu tự suy nghĩ, cho dù lúc đầu tư tưởng ấy có ngập ngừng đến đâu.

3. The effort to rephrase in our own words what the Tibetan has said, is, therefore, of real value. In our studies we are attempting to do this.

3. Vì vậy, nỗ lực diễn đạt lại bằng chính lời của mình điều Chân sư Tây Tạng đã nói có giá trị thực sự. Trong việc học của mình, chúng ta đang cố gắng làm điều này.

4. VSK includes the five definitions of Manas: The five definitions of Manas being:

4. VSK nêu ra năm định nghĩa của Manas: Năm định nghĩa của Manas là:

I. Three manifestations of Manas [p. 308]

II. Definitions of Manas or Mind [p. 309]

III. Manas is that which produces cohesion [p. 332]

IV. Manas is the key to the fifth kingdom in nature [p. 334]

V. Manas is the synthesis of five rays [p. 336]

I. Ba biểu hiện của Manas [tr. 308]

II. Các định nghĩa của Manas hay Trí Tuệ [tr. 309]

III. Manas là điều tạo ra sự cố kết [tr. 332]

IV. Manas là chìa khóa dẫn vào giới thứ năm trong thiên nhiên [tr. 334]

V. Manas là sự tổng hợp của năm cung [tr. 336]

6. MANAS IS THE INTELLIGENT WILL OR PURPOSE OF AN EXISTENCE

Manas might finally be defined as the intelligent will and ordered purpose of every self-conscious entity. I would urge the student to bear in mind certain basic facts which will serve to keep his mind clear, and which will enable him to comprehend something of the place which this fire of mind holds in the cosmos and the solar system, and (needless to say), in his life also, —the reflection of the other two.

1. Manas is here given a definition emphasizing the first, third and seventh rays: *will* is of the first ray; *intelligent* will brings in the third; *ordered* purpose brings in both the seventh and the first rays.

2. The life of man (we are being told) is a reflection of the cosmic system and the solar system.

3. From a certain perspective, we are being shown that Manas (as a Source focussed on the higher levels of the cosmic mental plane) utilizes *all* the seven rays as they express on

6. MANAS LÀ Ý CHÍ THÔNG MINH HAY THIÊN Ý CỦA MỘT HIỆN HỮU

Rốt cuộc, manas có thể được định nghĩa là ý chí trí tuệ và mục đích có trật tự của mọi thực thể tự ý thức. Tôi muốn khuyên đạo sinh hãy ghi nhớ một số sự kiện căn bản sẽ giúp giữ cho thể trí của y được sáng suốt, và sẽ giúp y hiểu phần nào vị trí mà lửa của trí tuệ này giữ trong vũ trụ và trong hệ mặt trời, và (khỏi cần nói), cả trong đời sống của y nữa,—sự phản chiếu của hai điều kia.

1. Ở đây manas được đưa ra một định nghĩa nhấn mạnh cung một, cung ba và cung bảy: *ý chí* thuộc cung một; *ý chí trí tuệ* đưa vào cung ba; *mục đích có trật tự* đưa vào cả cung bảy lẫn cung một.

2. Đời sống của con người (như chúng ta đang được cho biết) là một sự phản chiếu của hệ thống vũ trụ và hệ mặt trời.

3. Từ một góc nhìn nào đó, chúng ta đang được chỉ cho thấy rằng Manas (với tư cách một Nguồn được tập trung trên các cấp độ cao của cõi trí vũ trụ) sử dụng *mọi* bảy cung

the lower cosmic planes, and, especially for our purpose, on the cosmic physical plane.

khi chúng biểu lộ trên các cõi vũ trụ thấp hơn, và đặc biệt đối với mục đích của chúng ta, trên cõi hồng trần vũ trụ.

He should ever remember that manas is *a principle of the Logos,* and necessarily therefore is felt in all those [Page 338] evolutions which are a part of His nature **but is allied especially to the throat and head centres;**

Y nên luôn luôn nhớ rằng manas là *một nguyên khí của Thượng đế,* và do đó tất yếu được cảm nhận trong tất cả những [Page 338] tiến hoá là một phần của bản chất của Ngài **nhưng đặc biệt liên kết với các trung tâm cổ họng và đầu;**

1. All logoic principles are felt throughout the entirety of the solar logoic nature.

1. Mọi nguyên khí của Thượng đế đều được cảm nhận xuyên suốt toàn thể bản chất logoi của Thái dương Thượng đế.

2. Manas is Intelligence and is, therefore, particularly allied to the throat center, which can be counted either as the third or the fifth center—both of these numbers being manasic.

2. Manas là Trí Tuệ và vì thế đặc biệt liên kết với trung tâm cổ họng, trung tâm này có thể được tính là trung tâm thứ ba hoặc thứ năm —cả hai con số này đều thuộc về manas.

3. Manas is also Will and is therefore allied with the highest directing center—the head center. It is apparent, also, that the "head" is directly related to the process of *thinking,* which is manasic.

3. Manas cũng là Ý chí và vì thế liên kết với trung tâm chỉ đạo cao nhất—trung tâm đầu. Đồng thời cũng hiển nhiên rằng "đầu" liên hệ trực tiếp với tiến trình *suy nghĩ,* vốn là manasic.

4. We are going now to be given a further description of manas.

4. Giờ đây chúng ta sẽ được trao cho một mô tả thêm nữa về manas.

it is the **active intelligent factor** which enables a solar Logos, a planetary Logos or Heavenly Man, and a human being to:

nó là **nhân tố trí tuệ năng động** giúp cho một Thái dương Thượng đế, một Hành Tinh Thượng Đế hay Đấng Thiên Nhân, và một con người có thể:

1. There follows quite a list of processes for which manas is responsible:

1. Sau đây là một danh sách khá dài các tiến trình mà manas chịu trách nhiệm:

a. Use intelligently a form or vehicle.

a. Sử dụng một hình tướng hay vận cụ một cách trí tuệ.

1. Simply to possess a vehicle is one thing. To utilize it in an intelligent manner takes many life-cycles of manasic application.

1. Chỉ đơn giản sở hữu một vận cụ là một chuyện. Sử dụng nó một cách trí tuệ đòi hỏi nhiều chu kỳ sống của sự vận dụng manas.

b. Build faculty into the causal body.

b. Xây dựng năng lực vào thể nguyên nhân.

1. The Solar Angel, so strongly manasic in nature, is the author of this process. It uses manas in relation to the Law of Attraction.

1. Thái dương Thiên Thần, vốn có bản chất manasic rất mạnh, là tác giả của tiến trình này. Ngài sử dụng manas trong liên hệ với Định luật Hấp Dẫn.

2. We, the human being, may provide the faculty through the exercise of virtue, but by what mathematical alchemical process is the faculty built into the causal body? One day we will know—perhaps when we are Solar Angels.

2. Chúng ta, con người, có thể cung cấp năng lực ấy qua việc thực hành đức hạnh, nhưng bằng tiến trình luyện kim toán học nào mà năng lực ấy được xây dựng vào thể nguyên nhân? Một ngày nào đó chúng ta sẽ biết—có lẽ khi chúng ta là các Thái dương Thiên Thần.

c. Reap the benefit of experience.

c. Gặt hái lợi ích của kinh nghiệm.

1. Here, we the Observer, learn from experience. We notice patterns of causality and thus adjust our behavior.

1. Ở đây, chúng ta, Người Quan Sát, học hỏi từ kinh nghiệm. Chúng ta nhận thấy các mô hình nhân quả và nhờ đó điều chỉnh hành vi của mình.

d. Expand the consciousness.

d. Mở rộng tâm thức.

1. We learn the methods of such expansion, and attempt intelligently to apply them.

1. Chúng ta học các phương pháp của sự mở rộng như thế, và cố gắng áp dụng chúng một cách trí tuệ.

e. Make progress towards a specified goal.

e. Tiến bộ hướng tới một mục tiêu đã xác định.

1. Through manas we discriminate that which is of greatest value, and towards this objective we proceed intelligently.

1. Qua manas, chúng ta phân biện điều gì có giá trị lớn nhất, và tiến bước một cách trí tuệ về phía mục tiêu ấy.

f. Discriminate between the two poles.

f. Phân biện giữa hai cực.

1. We learn the fundamental nature of the pairs of opposites. Manas has the power to differentiate, and the fundamental discrimination is between the positive and negative poles.

1. Chúng ta học bản chất căn bản của các cặp đối đãi. Manas có năng lực biến phân, và sự phân biện căn bản là giữa cực dương và cực âm.

g. Choose the direction in which his activity shall trend.

g. Chọn phương hướng mà hoạt động của y sẽ nghiêng theo.

1. The factor of *choice* is correlated to Libra and Saturn—both strongly related to the third or manasic ray. Direction, per se, is related to the first ray.

1. Yếu tố của *sự chọn lựa* có tương quan với Thiên Bình và Sao Thổ—cả hai đều liên hệ mạnh mẽ với cung ba hay cung manasic. Chính phương hướng, tự nó, liên hệ với cung một.

h. Perfect the form as well as use it.

h. Hoàn thiện hình tướng cũng như sử dụng nó.

1. Perfecting the form requires the ability to notice where improvement is needed, and an understanding the methods whereby that improvement can be pursued. The manasic factor of comparison is necessary in this task.

1. Việc hoàn thiện hình tướng đòi hỏi khả năng nhận ra nơi nào cần cải thiện, và sự thấu hiểu các phương pháp nhờ đó sự cải thiện ấy có thể được theo đuổi. Nhân tố manasic của sự so sánh là cần thiết trong công việc này.

i. Obtain control of active substance, and turn its forces into desired channels.

i. Giành được sự kiểm soát đối với chất liệu năng động, và chuyển các mãnh lực của nó vào những kênh mong muốn.

1. This is the manasic power to manipulate. Through intelligence one learns to control and then direct. This is all part of the management of forces.

1. Đây là quyền năng manasic để thao tác. Qua trí tuệ, người ta học cách kiểm soát rồi sau đó định hướng. Tất cả điều này đều là một phần của việc quản lý các mãnh lực.

j. Co-ordinate the different grades of matter, and synthesise the utilised forms till each and all show a unanimous line of action and express simultaneously the will of the Indweller.

j. Phối hợp các cấp độ khác nhau của vật chất, và tổng hợp các hình tướng được sử dụng cho đến khi mỗi hình tướng và tất cả các hình tướng đều biểu lộ một đường lối hành động nhất trí và đồng thời biểu hiện ý chí của Đấng Nội Tại.

1. It is quite clear that we are speaking of an *integrative process,* and that manas is indispensable in this process. Manas organizes, correlates, utilizes and coordinates. The result is an integrated vehicle through which the Indweller can express his Will.

1. Rõ ràng là chúng ta đang nói về một *tiến trình tích hợp,* và manas là không thể thiếu trong tiến trình này. Manas tổ chức, tương liên, sử dụng và phối hợp. Kết quả là một vận cụ tích hợp qua đó Đấng Nội Tại có thể biểu hiện Ý chí của y.

All these ends are the result of the manasic development and perhaps the student might apprehend the underlying idea more clearly if it is realised that

Tất cả những mục đích này là kết quả của sự phát triển manasic và có lẽ đạo sinh có thể nắm bắt ý tưởng nền tảng rõ ràng hơn nếu chứng nghiệm rằng

1. We realize that manas is a huge factor in our developmental process. The last solar system was manasic in nature, and the developments in that system are our foundation.

1. Chúng ta nhận ra rằng manas là một yếu tố to lớn trong tiến trình phát triển của chúng ta. Hệ mặt trời trước đây có bản chất manasic, và những phát triển trong hệ ấy là nền tảng của chúng ta.

2. We are learning that manas is a ubiquitous factor in human, planetary logoic and solar logoic development..

2. Chúng ta đang học rằng manas là một yếu tố hiện diện khắp nơi trong sự phát triển của con người, của Hành Tinh Thượng Đế và của Thái dương Thượng đế..

a. **The Spirit employs *manas* in all that concerns matter**, the electrical substance, or the active akasha.

a. **Tinh thần sử dụng *manas* trong mọi điều liên quan đến vật chất**, tức chất liệu điện, hay akasha năng động.

1. We are dealing here with the fohatic application of manas.

1. Ở đây chúng ta đang đề cập đến sự vận dụng manas theo phương diện fohat.

2. All planes are composed of “electrical substance”. If electrical substance is “active akasha”, then *all* planes are composed of active akasha.

2. Mọi cõi đều được cấu thành bằng “chất liệu điện”. Nếu chất liệu điện là “akasha năng động”, thì *mọi* cõi đều được cấu thành bằng akasha năng động.

3. Sound has created these planes and akasha is the medium for sound.

3. Âm thanh đã tạo ra các cõi này và akasha là môi trường cho âm thanh.

4. We notice that That which employs manas (or buddhi or atma) is the Spirit—That which *wields* principle and faculty.

5. Manas is especially related to matter, as buddhi is to psyche, as atma is to essence.

b. **The Spirit employs *buddhi* in all that relates to the psyche**, that relates to the soul of the world, to the soul of an individual, or to the soul of every form.

1. The concept of buddhi is inseparable from the soul of the world.

2. Buddhi unifies diversities into "group unity" and so does soul.

3. Buddhi is the pervasively "psychic" factor.

c. **The Spirit employs will or *atma* in all that relates to the essence of all**, to itself, **considering the essence and the Self as pure Spirit as distinguished from spirit-matter.**

1. We are discussing "pure Spirit" (in and of itself) as distinguished form "spirit-matter".

2. We are being told that atma relates to the Atman, which is the essence and the reality of the Self—"pure Spirit".

3. Will or atma, however, are not the Spirit, for the Spirit is That which wields them.

4. Chúng ta nhận thấy rằng Cái sử dụng manas (hay buddhi hoặc atma) là Tinh thần —Cái *vận dụng* nguyên khí và năng lực.

5. Manas đặc biệt liên hệ với vật chất, cũng như buddhi liên hệ với psyche, cũng như atma liên hệ với tinh chất.

b. **Tinh thần sử dụng *buddhi* trong mọi điều liên hệ đến psyche**, tức liên hệ đến linh hồn của thế giới, đến linh hồn của một cá nhân, hay đến linh hồn của mọi hình tướng.

1. Khái niệm buddhi không thể tách rời khỏi linh hồn của thế giới.

2. Buddhi hợp nhất các dị biệt thành "sự hợp nhất nhóm" và linh hồn cũng vậy.

3. Buddhi là yếu tố "thông linh" lan tỏa khắp nơi.

c. **Tinh thần sử dụng ý chí hay *atma* trong mọi điều liên hệ đến tinh chất của mọi sự**, đến chính nó, **xét tinh chất và Bản Ngã như Tinh thần thuần túy, phân biệt với tinh thần-vật chất.**

1. Chúng ta đang bàn đến "Tinh thần thuần túy" (tự thân nó và trong chính nó) như được phân biệt với "tinh thần-vật chất".

2. Chúng ta đang được cho biết rằng atma liên hệ với Atman, vốn là tinh chất và thực tại của Bản Ngã—"Tinh thần thuần túy".

3. Tuy nhiên, ý chí hay atma không phải là Tinh thần, vì Tinh thần là Cái vận dụng chúng.

4. So the Spirit wields manas, buddhi and atma/will.

5. We will now review the three qualities, faculties or principles which the Spirit wields.

In the first case, the distinctive quality of manas is discrimination which enables the Spirit to differentiate between:

1. It has dawned upon us that the Tibetan is offering us *many* ways to consider the nature of manas.

2. Here we are offered the "distinctive quality of manas"—*discrimination.*

3. It helps to have this "mental peg" amidst the abundance of definitions and descriptions.

4. Discrimination, astrologically, is related to Mercury and Saturn, two very manasic planets, much associated (from one perspective) with the third and fifth rays.

5. The discriminations below are truly fundamental.

[Page 339]

1. The Self and the Not-Self.

2. Spirit and Matter.

1. The first two are the primary discriminations. The first is even more fundamental, as it suggests a cognizance of the existence of BE-NESS.

4. Vì vậy Tinh thần vận dụng manas, buddhi và atma/ý chí.

5. Giờ đây chúng ta sẽ điểm lại ba phẩm tính, năng lực hay nguyên khí mà Tinh thần vận dụng.

Trong trường hợp thứ nhất, phẩm tính đặc trưng của manas là sự phân biện giúp Tinh thần phân biệt giữa:

1. Giờ đây chúng ta đã nhận ra rằng Chân sư Tây Tạng đang trao cho chúng ta *nhiều* cách để xem xét bản chất của manas.

2. Ở đây chúng ta được trao cho "phẩm tính đặc trưng của manas"—*sự phân biện.*

3. Thật hữu ích khi có được "móc treo trí tuệ" này giữa sự phong phú của các định nghĩa và mô tả.

4. Về mặt chiêm tinh, sự phân biện liên hệ với Sao Thủy và Sao Thổ, hai hành tinh rất manasic, gắn bó nhiều (từ một góc nhìn) với cung ba và cung năm.

5. Những sự phân biện dưới đây thực sự là căn bản.

[Page 339]

1. Bản Ngã và Phi-Ngã.

2. Tinh thần và Vật chất.

1. Hai điều đầu tiên là những sự phân biện sơ khởi. Điều thứ nhất còn căn bản hơn nữa, vì nó gợi ý một sự nhận biết về sự hiện hữu của BE-NESS.

3. The planes and the subplanes.

1. Each has its distinct vibratory level and quality.

4. The different grades of atomic matter in the system.

1. There are seven grades.

5. Vibrations, engendered by will, working through love-wisdom, and energising substance.

1. We live in a sea of vibrations. Can we discriminate the three major types?

6. All that concerns forms of every kind and in every type of essential existence.

1. We can see that our manasic ability is in its infancy.

In the second case, the buddhic principle has for its distinctive quality love, and demonstrates as wisdom working through love and producing:

1. Buddhi has a "distinctive quality" and a mode of demonstration. Buddhi is essential love, but demonstrates as wisdom.

2. We can see that if wisdom is to be expressed or demonstrated, knowledge is not sufficient, though it is necessary.

3. With regard to manas we dealt with essential discriminations. With regard to

3. Các cõi và các cõi phụ.

1. Mỗi cõi có cấp độ rung động và phẩm tính riêng biệt của nó.

4. Các cấp độ khác nhau của vật chất nguyên tử trong hệ thống.

1. Có bảy cấp độ.

5. Những rung động, được phát sinh bởi ý chí, hoạt động qua Bác Ái – Minh Triết, và tiếp sinh lực cho chất liệu.

1. Chúng ta sống trong một biển rung động. Chúng ta có thể phân biện ba loại chính hay không?

6. Mọi điều liên quan đến các hình tướng thuộc mọi loại và trong mọi kiểu hiện hữu tinh chất.

1. Chúng ta có thể thấy rằng khả năng manasic của mình vẫn còn ở thời kỳ ấu trĩ.

Trong trường hợp thứ hai, nguyên khí buddhic có phẩm tính đặc trưng là bác ái, và biểu lộ như minh triết hoạt động qua bác ái và tạo ra:

1. Buddhi có một "phẩm tính đặc trưng" và một phương thức biểu lộ. Buddhi là bác ái cốt yếu, nhưng biểu lộ như minh triết.

2. Chúng ta có thể thấy rằng nếu minh triết phải được biểu hiện hay biểu lộ, thì tri thức là chưa đủ, dù nó là cần thiết.

3. Đối với manas, chúng ta đã bàn đến những sự phân biện cốt yếu. Đối với buddhi, giờ đây

buddhi we now look at the results of wisdom working through love.

chúng ta nhìn vào các kết quả của minh triết hoạt động qua bác ái.

1. Unity between all Selves.

1. Sự hợp nhất giữa mọi Bản Ngã.

1. All souls are at-one with the Oversoul.

1. Mọi linh hồn đều là một với đại hồn.

2. Group coherence.

2. Sự gắn kết nhóm.

1. In relation to humanity—humanity is One Family. The members of the Fourth Creative Hierarchy are all aspects of one whole and cannot be separated from that whole (except under the rarest either unfortunate or highly progressive circumstances).

1. Trong liên hệ với nhân loại—nhân loại là Một Gia Đình. Các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư đều là những phương diện của một toàn thể và không thể bị tách khỏi toàn thể ấy (trừ trong những hoàn cảnh cực kỳ hiếm hoi hoặc bất hạnh hoặc có tính tiến hoá rất cao).

3. Qualities that are distinctively along the line of what we call love.

3. Những phẩm tính đặc biệt nằm trên đường lối của điều mà chúng ta gọi là bác ái.

1. How would we list them?: kindness, sympathy, empathy, patience, humility, tolerance, inclusiveness, etc.

1. Chúng ta sẽ liệt kê chúng như thế nào?: lòng tử tế, sự cảm thông, sự đồng cảm, kiên nhẫn, khiêm nhường, khoan dung, tính bao gồm, v.v.

4. Effective work in connection with evolution, or the fundamentals of hierarchical work.

4. Công việc hữu hiệu liên quan đến tiến hoá, hay những nền tảng của công việc phân cấp.

1. Although the “Will to Evolve” relates to the third ray, there can be no effective work in promoting the evolutionary process unless the love and wisdom motivating the process are understood.

1. Mặc dù “Ý Chí Tiến Hoá” liên hệ với cung ba, nhưng không thể có công việc hữu hiệu trong việc thúc đẩy tiến trình tiến hoá trừ phi bác ái và minh triết thúc đẩy tiến trình ấy được thấu hiểu.

2. Further, love-wisdom underlies the fundamentals of hierarchical work.

2. Hơn nữa, Bác Ái – Minh Triết làm nền tảng cho những căn bản của công việc phân cấp.

In the third case the Spirit employs the will aspect or atma (in man), which has, for its distinctive feature, that coherent force which keeps the purpose of the entity ever

Trong trường hợp thứ ba, Tinh thần sử dụng phương diện ý chí hay atma (trong con người), vốn có, như đặc điểm đặc trưng của nó, mãnh lực cố kết giữ cho mục đích

in view, working it out through love in substantial form.

của thực thể luôn luôn ở trong tầm nhìn, thực hiện mục đích ấy qua bác ái trong hình tướng chất liệu.

1. It is not easy to get a grasp on atma. Here we find an understandable and useful definition, "that coherent force which keeps the purpose of the entity every in view".

1. Không dễ để nắm bắt atma. Ở đây chúng ta tìm thấy một định nghĩa dễ hiểu và hữu ích, "mãnh lực cố kết giữ cho mục đích của thực thể luôn luôn ở trong tầm nhìn".

2. Atma/will is therefore a "coherent force" which holds the entity in question to purpose, and which works out that purpose using love within the field of substantial form.

2. Vì vậy, atma/ý chí là một "mãnh lực cố kết" giữ thực thể đang được nói đến gắn với mục đích, và thực hiện mục đích ấy bằng cách sử dụng bác ái trong trường của hình tướng chất liệu.

3. Atma is 'purpose-focussed'. Atma does not allow one to ignore purpose or to scatter one's attention so that purpose is no longer seen. Atma holds the field of consciousness coherent so that purpose ever has a central place.

3. Atma được 'tập trung vào mục đích'. Atma không cho phép người ta phớt lờ mục đích hay phân tán sự chú ý của mình đến mức mục đích không còn được thấy nữa. Atma giữ cho trường tâm thức được cố kết để mục đích luôn luôn có một vị trí trung tâm.

I have pointed out these distinctions as it serves to bring **the scope, and equally the limitations, of the active mental principle** somewhat more clearly before the student.

Tôi đã chỉ ra những phân biệt này vì điều đó giúp đưa **phạm vi, và đồng thời cả những giới hạn, của nguyên khí trí tuệ năng động** hiện ra somewhat rõ ràng hơn trước đạo sinh.

1. We are learning what can be apprehended by the human mind as presently constituted, and what cannot.

1. Chúng ta đang học điều gì có thể được trí tuệ con người, như hiện nay được cấu tạo, nắm bắt, và điều gì thì không thể.

2. These matters, rarely thought through by the average student of occultism, are here receiving detailed attention.

2. Những vấn đề này, hiếm khi được đạo sinh huyền bí học trung bình suy xét thấu đáo, ở đây đang nhận được sự chú ý chi tiết.

In the *Hall of Ignorance* the accumulative side of manas and its ability to store and acquire knowledge and information is being developed.

Trong *Phòng Vô Minh* phương diện tích lũy của manas và khả năng lưu giữ và thu nhận tri thức cùng thông tin của nó đang được phát triển.

1. If we notice the way in which the third ray soul destroys the causal body, it is through

1. Nếu chúng ta lưu ý cách mà linh hồn cung ba phá hủy thể nguyên nhân, thì đó là qua

the manasic faculty. Accumulation is definitely related to the third ray, and is accentuated when the third works in cooperation with the second.

năng lực manasic. Sự tích lũy chắc chắn liên hệ với cung ba, và được nhấn mạnh khi cung ba hoạt động trong sự hợp tác với cung hai.

2. This is a phase of "gathering" and is related to the claws of the third ray crab (Cancer).

2. Đây là một giai đoạn của "thu gom" và liên hệ với các càng của con cua cung ba (Cự Giải).

A man, for instance, acquires facts, and application, and sets up vibrations which have to be **worked out intelligently**. The acquisitive side of this principle is showing forth.

Chẳng hạn, một người thu nhận các sự kiện, và sự áp dụng, và thiết lập những rung động phải được **xử lý một cách trí tuệ**. Phương diện thu góp của nguyên khí này đang biểu lộ.

1. This phase might be called the "love of that which is desired", or, even, the "love of money".

1. Giai đoạn này có thể được gọi là "tình yêu đối với điều được ham muốn", hay thậm chí là "tình yêu tiền bạc".

2. All that is accumulated has, eventually, to be worked out intelligently.

2. Mọi điều được tích lũy, rốt cuộc, đều phải được xử lý một cách trí tuệ.

In the *Hall of Learning* the discriminative side is being developed, and the man learns not only to choose but to discard, and he begins to merge the two poles intelligently.

Trong *Phòng Hiểu Biết* phương diện phân biện đang được phát triển, và con người học không chỉ chọn lựa mà còn loại bỏ, và y bắt đầu dung hợp hai cực một cách trí tuệ.

1. The first phase in the Hall of Ignorance, is characterized by accumulation without discrimination.

1. Giai đoạn đầu trong Phòng Vô Minh được đặc trưng bởi sự tích lũy mà không có phân biện.

2. In the Hall of Learning the mental principle is much more developed.

2. Trong Phòng Hiểu Biết, nguyên khí trí tuệ đã phát triển hơn nhiều.

3. The activities are: discrimination, choice, discarding, merging of the two poles.

3. Các hoạt động là: phân biện, chọn lựa, loại bỏ, dung hợp hai cực.

4. The power of selectivity is also related to the third ray, and in the Hall of Learning, the third ray is still very active.

4. Năng lực chọn lọc cũng liên hệ với cung ba, và trong Phòng Hiểu Biết, cung ba vẫn còn rất năng động.

5. What are the two poles to be merged? At first, the poles of soul and personality, and only later Spirit and Matter or Monad and lower quaternary.

5. Hai cực cần được dung hợp là gì? Lúc đầu là hai cực của linh hồn và phàm ngã, và chỉ về sau mới là Tinh thần và Vật chất hay chân thần và bộ tứ thấp.

6. The intelligent merging of the two poles requires some orientation towards the second aspect (soul) usually found during the period in which the fifth petal of the egoic lotus is unfolding.

6. Sự dung hợp hai cực một cách trí tuệ đòi hỏi một mức định hướng nào đó về phía phương diện thứ hai (linh hồn), thường được tìm thấy trong giai đoạn mà cánh hoa thứ năm của Hoa Sen Chân Ngã đang khai mở.

In the [Page 340] *Hall of Wisdom* he discards also, and perfectly blends the two poles, thereby producing that objective something we call light. The illuminating side of manas is shown.

Trong [Page 340] *Phòng Minh triết* y cũng loại bỏ, và hòa trộn hoàn hảo hai cực, nhờ đó tạo ra cái gì đó khách quan mà chúng ta gọi là ánh sáng. Phương diện soi sáng của manas được biểu lộ.

1. In the Hall of Wisdom, the second and first rays are of paramount influence. Wisdom confers a sense of values so that one knows what it is that must be discarded (an action of the first ray).

1. Trong Phòng Minh triết, cung hai và cung một có ảnh hưởng tối thượng. Minh triết ban cho một ý thức về các giá trị để người ta biết điều gì phải bị loại bỏ (một hành động của cung một).

2. The two poles now are Spirit and matter/form. The light produced shines through the causal body eventually producing a liberating display.

2. Hai cực lúc này là Tinh thần và vật chất/hình tướng. Ánh sáng được tạo ra chiếu xuyên qua thể nguyên nhân và cuối cùng tạo nên một sự hiển lộ giải thoát.

3. In the Hall of Learning the two poles are *slowly merging*. In the Hall of Wisdom the two poles are *perfectly blended*. The first phase of this is total soul infusion. The second phase has to do with the expression of the Monad through the soul-infused personality.

3. Trong Phòng Hiểu Biết, hai cực đang *chậm rãi dung hợp.* Trong Phòng Minh triết, hai cực được *hòa trộn hoàn hảo*. Giai đoạn thứ nhất của điều này là sự thấm nhuần hoàn toàn của linh hồn. Giai đoạn thứ hai liên quan đến sự biểu hiện của chân thần qua phàm ngã được linh hồn thấm nhuần.

4. Manas definitely has a discriminative side —its "distinctive quality". As wisdom is pursued and understood the "illuminating side of manas is shown".

4. Manas chắc chắn có một phương diện phân biện—"phẩm tính đặc trưng" của nó. Khi minh triết được theo đuổi và được thấu hiểu thì "phương diện soi sáng của manas được biểu lộ".

5. Discrimination, however, must precede illumination.

5. Tuy nhiên, sự phân biện phải đi trước sự soi sáng.

He becomes an **intelligent creator**, and by the time he has taken the four major initiations he has:

Y trở thành một **đấng sáng tạo trí tuệ**, và vào lúc y đã trải qua bốn lần điểm đạo lớn, y đã:

1. In the Hall of Wisdom, man becomes an "intelligent creator".

1. Trong Phòng Minh triết, con người trở thành một "đấng sáng tạo trí tuệ".

2. The one who has taken the four major initiations is an Arhat.

2. Người đã trải qua bốn lần điểm đạo lớn là một Arhat.

1. Developed perfectly the Brahma aspect, which—as pointed out—functions primarily in the three worlds. It is the active intelligent aspect.

1. Phát triển hoàn hảo phương diện Brahma, phương diện này—như đã chỉ ra—hoạt động chủ yếu trong ba cõi thấp. Đó là phương diện trí tuệ năng động.

1. The Arhat is highly accomplished in Brahmic attainments. The Arhat is actively intelligent—among other things.

1. Arhat rất thành tựu trong các thành tựu Brahmic. Arhat là trí tuệ năng động—trong số những điều khác.

2. Achieved the point of development at which a Heavenly Man, the Divine Manasaputra, commenced this circle of manifestation we call a solar system.

2. Đạt đến điểm phát triển mà tại đó một Đấng Thiên Nhân, Manasaputra Thiêng Liêng, đã khởi đầu chu kỳ biểu hiện này mà chúng ta gọi là một hệ mặt trời.

1. There is an attainment of an Arhat which is analogous to the attainment of a Heavenly Man as He was about to being the manifestation of a solar system.

1. Có một thành tựu của Arhat tương tự với thành tựu của một Đấng Thiên Nhân khi Ngài sắp bắt đầu sự biểu hiện của một hệ mặt trời.

2. This is telling us something about the level of creativity of the Arhat. The buddhic plane is a plane of creativity, especially when allied to the manasic level. The Arhat is focussed in buddhi-manas and increasingly in buddhi.

2. Điều này cho chúng ta biết điều gì đó về cấp độ sáng tạo của Arhat. Cõi buddhic là một cõi sáng tạo, đặc biệt khi liên kết với cấp độ manasic. Arhat được tập trung trong buddhi-manas và ngày càng nhiều trong buddhi.

3. Notice here that we are speaking of a solar system and not of a planetary scheme. The terms "Heavenly Man" and "Divine

3. Hãy lưu ý ở đây rằng chúng ta đang nói về một hệ mặt trời chứ không phải một hệ hành tinh. Các thuật ngữ "Đấng Thiên

Manasaputra" are here, it could seem, being used to refer to a Solar Logos. Or a Heavenly Man might simply be a Planetary Logos.

Nhân" và "Manasaputra Thiêng Liêng" ở đây, dường như, đang được dùng để chỉ một Thái dương Thượng đế. Hoặc một Đấng Thiên Nhân có thể đơn giản là một Hành Tinh Thượng Đế.

4. It should not be thought that an Arhat has achieved the same state of consciousness as has a Heavenly Man or Solar Logos at the beginning of the solar system. There is a parallel, but the different between the scope of the Arhat and that of the greater Men must never be forgotten.

4. Không nên nghĩ rằng một Arhat đã đạt được cùng trạng thái tâm thức như một Đấng Thiên Nhân hay Thái dương Thượng đế vào lúc khởi đầu hệ mặt trời. Có một sự song hành, nhưng sự khác biệt giữa phạm vi của Arhat và phạm vi của các Đấng vĩ đại hơn ấy không bao giờ được quên.

3. Transmuted manas into wisdom or love.

3. Chuyển hoá manas thành minh triết hay bác ái.

1. In a human being (and an Arhat is still a human being as is a Master) manas is not perfected. But within its own scope, it can be transmuted into that degree of wisdom or love available to human being.

1. Trong một con người (và một Arhat vẫn là một con người cũng như một Chân sư) manas chưa hoàn hảo. Nhưng trong phạm vi riêng của nó, nó có thể được chuyển hoá thành mức độ minh triết hay bác ái sẵn có đối với con người.

4. Synthesised the Rays of Activity or Intelligence and is beginning to merge this synthesis into the higher one of love-wisdom.

4. Tổng hợp Các Cung Hoạt Động hay Trí Tuệ và đang bắt đầu dung nhập sự tổng hợp này vào sự tổng hợp cao hơn của Bác Ái – Minh Triết.

1. The fourth initiation is taken on the fourth ray which has a strong resonance with the ray of Love-Wisdom.

1. Lần điểm đạo thứ tư được tiếp nhận trên cung bốn, cung này có sự cộng hưởng mạnh với cung Bác Ái – Minh Triết.

2. Before an initiate becomes an Arhat the synthesis petals of the egoic lotus must open. It is, therefore, natural for DK to speak in terms of synthesis when discussing an Arhat.

2. Trước khi một điểm đạo đồ trở thành một Arhat, các cánh hoa tổng hợp của Hoa Sen Chân Ngã phải khai mở. Vì vậy, việc Chân sư DK nói theo thuật ngữ tổng hợp khi bàn về một Arhat là điều tự nhiên.

To sum it all up in words of fire: *The **fire of matter has blazed out perfectly,** and the vibratory activity of the man has been **keyed up to synchronise with that of a Heavenly***

Tóm lại tất cả bằng những lời lửa: *Lửa của vật chất **đã bùng cháy hoàn hảo,** và hoạt động rung động của con người đã được **nâng lên để đồng bộ với hoạt động của một Đấng Thiên***

Man, *thus enabling a man to function consciously, or be vitally active on the buddhic plane.*

1. We are being given the attainment of an Arhat expressed in terms of fire.

2. We note that the destruction of the causal body is considered a perfect blazing out of the fires of matter.

3. The Heavenly Men, we remember, the majority of them, work on the buddhic plane and are associated with the development of group consciousness.

4. The Arhat (accommodating himself to the buddhic plane) is coming into true relationship, therefore, with the Heavenly Man in which he is incorporated, though that buddhic relationship is rudimentary compared to what it will later be.

5. We are speaking of a 'buddhic synchronisation".

6. The Arhat is becoming a buddhically focussed being. He is learning to be vitally active on the buddhic plane.

7. To become an Arhat, there is necessitated a great "keying up".

8. VSK notes: "Thus the activity of manas is required before buddhic functioning."

The fire of mind has blended with the fire of matter and has stimulated it to such an extent that **it has brought about the liberation of the entity, man, from the three worlds,** and has occultly "obscured"

Nhân, *nhờ đó giúp con người hoạt động một cách hữu thức, hay năng động một cách thiết yếu trên cõi buddhic.*

1. Chúng ta đang được trình bày về sự thành tựu của một Arhat được diễn tả theo thuật ngữ của lửa.

2. Chúng ta lưu ý rằng sự hủy diệt thể nguyên nhân được xem là một sự bùng cháy hoàn toàn của các lửa của vật chất.

3. Chúng ta nhớ rằng các Đấng Thiên Nhân, đa số Các Ngài, hoạt động trên cõi Bồ đề và gắn liền với sự phát triển của tâm thức nhóm.

4. Do đó, Arhat (thích ứng chính mình với cõi Bồ đề) đang đi vào mối liên hệ chân chính với Đấng Thiên Nhân mà y được bao hàm trong đó, dù mối liên hệ Bồ đề ấy còn sơ khai so với điều về sau nó sẽ là.

5. Chúng ta đang nói về một "sự đồng bộ hóa Bồ đề".

6. Arhat đang trở thành một hữu thể được tập trung một cách Bồ đề. Y đang học cách hoạt động đầy sinh lực trên cõi Bồ đề.

7. Để trở thành một Arhat, cần phải có một sự "nâng cao tần số" lớn lao.

8. VSK lưu ý: "Như vậy hoạt động của manas là cần thiết trước khi có sự vận hành Bồ đề."

Lửa của trí tuệ đã hòa trộn với lửa của vật chất và đã kích thích nó đến mức độ mà **nó đã mang lại sự giải thoát cho thực thể, con người, khỏi ba cõi giới,** và một cách huyền bí đã "làm lu mờ" biểu hiện của y trên ba cõi

his manifestation on the three planes **in exactly the same way as the manifestation of a Logos "goes out" (occultly) when the fires are sufficiently fierce.**

1. The liberation of the Arhat does not involve the Spirit so much as it involves the merging of the fires of mind and matter.

2. The fiery display on one level is accompanied by obscuration on another.

3. One day the outward expression of a Solar Logos will also occur. This will accompany that cosmic initiation which will make of Him as Cosmic Arhat.

4. If this is the case, then the fifth cosmic initiation (which our Solar Logos *may* be in line to take) will be accomplished despite an obscured solar system.

As regards the fire of Spirit, or pure electric fire, **this is finally synthesised with the other two and brings about the escape of the life on to another plane cosmically considered.**

1. We have been discussing largely the fire of mind in relation to the fire of matter. The fire of Spirit is not the main focus for the majority of advanced humanity beings at this time.

2. The "fire of Spirit" is, let us note, "pure electric fire".

3. What is the "life" that escapes? Can we call it the Monad? Or is it the *essence* of the Monad?

theo đúng cùng một cách như biểu hiện của một Thượng đế "tắt đi" (một cách huyền bí) khi các lửa đủ mãnh liệt.

1. Sự giải thoát của Arhat không liên quan đến tinh thần nhiều bằng việc nó liên quan đến sự hòa nhập của các lửa của trí tuệ và vật chất.

2. Sự phô diễn rực lửa trên một cấp độ đi kèm với sự lu mờ trên một cấp độ khác.

3. Một ngày kia, sự biểu hiện ra bên ngoài của một Thái dương Thượng đế cũng sẽ xảy ra. Điều này sẽ đi kèm với cuộc điểm đạo vũ trụ khiến Ngài trở thành một Cosmic Arhat.

4. Nếu đúng là như vậy, thì lần điểm đạo vũ trụ thứ năm (mà Thái dương Thượng đế của chúng ta *có thể* đang trên đường tiếp nhận) sẽ được hoàn tất mặc cho một hệ mặt trời bị làm lu mờ.

Về lửa của Tinh thần, hay Lửa Điện thuần túy, **điều này rốt cuộc được tổng hợp với hai lửa kia và mang lại sự thoát ra của sự sống sang một cõi khác xét theo nghĩa vũ trụ.**

1. Chúng ta phần lớn đã bàn đến lửa của trí tuệ trong mối liên hệ với lửa của vật chất. Lửa của Tinh thần không phải là trọng tâm chính đối với đa số những hữu thể nhân loại tiến hóa cao vào lúc này.

2. Chúng ta hãy lưu ý rằng "lửa của Tinh thần" là "Lửa Điện thuần túy".

3. "Sự sống" thoát ra là gì? Chúng ta có thể gọi nó là chân thần chăng? Hay đó là *tinh túy* của chân thần?

4. We are speaking of that process which eventually liberates a member of the Fourth Creative Hierarchy onto the cosmic astral plane.

4. Chúng ta đang nói về tiến trình rốt cuộc giải thoát một thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư lên cõi cảm dục vũ trụ.

5. Here is an important tabulation which will assist us in correlating and understanding that which we have studied.

5. Đây là một bảng liệt kê quan trọng sẽ giúp chúng ta liên hệ và thấu hiểu điều mà chúng ta đã nghiên cứu.

A MAN

CON NGƯỜI

a. The blending of the fire of matter and of the fire of mind liberates from the three worlds.

a. Sự hòa trộn của lửa vật chất và lửa trí tuệ giải thoát khỏi ba cõi giới.

1. The initial phases of this liberation begin with the third degree, become effective at the fourth, and complete at the fifth.

1. Các giai đoạn ban đầu của sự giải thoát này bắt đầu từ cấp độ thứ ba, trở nên hữu hiệu ở cấp độ thứ tư, và hoàn tất ở cấp độ thứ năm.

b. The blending of electric fire with the two other fires brings about liberation from the five lower planes, and enables a man to function consciously on the cosmic physical plane.

b. Sự hòa trộn của Lửa Điện với hai lửa kia mang lại sự giải thoát khỏi năm cõi thấp, và giúp con người có thể hoạt động một cách hữu thức trên cõi hồng trần vũ trụ.

1. A man becomes a consciousness Monad, apparently able to function on (all?) levels of the cosmic physical plane?

1. Con người trở thành một chân thần tâm thức, dường như có thể hoạt động trên (mọi?) cấp độ của cõi hồng trần vũ trụ?

2. The Monad hovers above the five lower planes. To merge with the Monad is the destiny of the Divine Pilgrim, man.

2. Chân thần lơ lửng phía trên năm cõi thấp. Hòa nhập với chân thần là định mệnh của Người Lữ Hành thiêng liêng, con người.

A HEAVENLY MAN

ĐẤNG THIÊN NHÂN

a. The blending of the fire of matter and of mind liberates from the three planes of His manifestation.

a. Sự hòa trộn của lửa vật chất và lửa trí tuệ giải thoát Ngài khỏi ba cõi biểu hiện của Ngài.

1. Does this suggest that the Heavenly Man has become a Cosmic Arhat?

2. What are the three planes of His manifestation? Shall we consider them (holding the analogy to man's process) to be the eighteen lower *cosmic* sub-planes?

3. Or, more modestly, shall we consider the "three planes of His manifestation" to be the planes of the spiritual triad? This seems more probable.

b. The blending of the electric fire in His case brings about escape from the planetary ring-pass-not and enables Him to function consciously on the cosmic astral plane.

1. The planetary ring-pass-not and the solar systemic ring-pass-not do not reach as 'far' as the cosmic astral plane.

2. We have to ask again, "Of which Heavenly Man are we speaking?"

3. Our Planetary Logos is *already* functioning on the cosmic astral plane (its fourth level, reaching towards the fifth) and yet is no Cosmic Arhat—far from it—unless we consider His attainment in terms of the fourth chain.

4. This has to be examined. It would seem that for the Planetary Logos, escape from the cosmic physical plane occurred long ago at a period long before the possibility of becoming a Cosmic Arhat. He still has far to go before such a possibility becomes likely.

1. Điều này có gợi ý rằng Đấng Thiên Nhân đã trở thành một Cosmic Arhat không?

2. Ba cõi biểu hiện của Ngài là gì? Chúng ta có nên xem chúng (giữ theo phép tương đồng với tiến trình của con người) là mười tám cõi phụ *vũ trụ* thấp chăng?

3. Hay, khiêm tốn hơn, chúng ta có nên xem "ba cõi biểu hiện của Ngài" là các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần chăng? Điều này dường như có xác suất cao hơn.

b. Trong trường hợp của Ngài, sự hòa trộn của Lửa Điện mang lại sự thoát ra khỏi vòng-giới-hạn hành tinh và giúp Ngài hoạt động một cách hữu thức trên cõi cảm dục vũ trụ.

1. Vòng-giới-hạn hành tinh và vòng-giới-hạn của hệ mặt trời không vươn xa đến cõi cảm dục vũ trụ.

2. Chúng ta lại phải hỏi, "Chúng ta đang nói về Đấng Thiên Nhân nào?"

3. Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta *đã* hoạt động trên cõi cảm dục vũ trụ (cấp độ thứ tư của cõi ấy, vươn tới cấp độ thứ năm) và tuy vậy vẫn chưa phải là một Cosmic Arhat—còn xa mới là như thế—trừ phi chúng ta xét sự thành tựu của Ngài theo dãy thứ tư.

4. Điều này cần được khảo sát. Có vẻ như đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế, sự thoát ra khỏi cõi hồng trần vũ trụ đã xảy ra từ lâu, vào một thời kỳ rất lâu trước khả năng trở thành một Cosmic Arhat. Ngài vẫn còn phải đi rất xa trước khi khả năng ấy trở nên có thể xảy ra.

5. As there are three types of Heavenly Men, when scale problems seem to arise, we have to question which of the three may DK be discussing?

5. Vì có ba loại Đấng Thiên Nhân, khi các vấn đề về quy mô dường như phát sinh, chúng ta phải tự hỏi Chân sư DK có thể đang bàn đến vị nào trong ba vị ấy?

A SOLAR LOGOS

MỘT THÁI DƯƠNG THƯỢNG ĐẾ

a. The blending of the fire of matter and of mind liberates Him from the solar ring-pass-not, and gives Him the freedom of the cosmic physical, astral and the lower subplanes of the cosmic mental planes.

a. Sự hòa trộn của lửa vật chất và lửa trí tuệ giải thoát Ngài khỏi vòng-giới-hạn mặt trời, và ban cho Ngài sự tự do của cõi hồng trần vũ trụ, cõi cảm dục vũ trụ và các cõi phụ thấp của cõi trí vũ trụ.

1. The development of the Solar Logos seems far in advance of our Planetary Logos.

1. Sự phát triển của Thái dương Thượng đế dường như vượt xa Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

2. The series of initiations facing a Solar Logos (though likewise called "cosmic initiations") must be very different from the series facing a Planetary Logos.

2. Chuỗi điểm đạo đối diện với một Thái dương Thượng đế (dù cũng được gọi là "các cuộc điểm đạo vũ trụ") hẳn phải rất khác với chuỗi đối diện với một Đức Hành Tinh Thượng Đế.

b. The blending of electric fire with the other two enables Him to function consciously in His causal body thus paralleling the work of Man in the three worlds.

b. Sự hòa trộn của Lửa Điện với hai lửa kia giúp Ngài hoạt động một cách hữu thức trong thể nguyên nhân của Ngài, do đó song hành với công việc của Con Người trong ba cõi giới.

1. The blending of electric fire with the other two liberates man into the domain of the Monad; this same blending liberates a Planetary Logos onto the cosmic astral plane; the same blending liberates our Solar Logos into His causal body on the higher cosmic mental plane.

1. Sự hòa trộn của Lửa Điện với hai lửa kia giải thoát con người vào lãnh vực của chân thần; cùng sự hòa trộn ấy giải thoát một Đức Hành Tinh Thượng Đế lên cõi cảm dục vũ trụ; cũng cùng sự hòa trộn ấy giải thoát Thái dương Thượng đế của chúng ta vào thể nguyên nhân của Ngài trên cõi thượng trí vũ trụ.

2. Man is liberated from five planar worlds; the Heavenly Man is liberated from seven planar worlds; the Solar Logos is liberated from eighteen planar worlds. There seems to

2. Con người được giải thoát khỏi năm cõi; Đấng Thiên Nhân được giải thoát khỏi bảy cõi; Thái dương Thượng đế được giải thoát khỏi mười tám cõi. Dường như có một sự

be too huge a discrepancy between the liberation which electric fire causes in a Planetary Logos with the liberation caused in a Solar Logos.

chênh lệch quá lớn giữa sự giải thoát mà Lửa Điện gây ra nơi một Đức Hành Tinh Thượng Đế với sự giải thoát được gây ra nơi một Thái dương Thượng đế.

3. For a Solar Logos, the blending of electric fire with the other two, brings him to cosmic causal functioning. What brings a man into causal functioning is the blending of the fire of mind (solar fire) with the fires of matter.

3. Đối với một Thái dương Thượng đế, sự hòa trộn của Lửa Điện với hai lửa kia đưa Ngài đến sự hoạt động nguyên nhân vũ trụ. Điều đưa con người đến hoạt động nguyên nhân là sự hòa trộn của lửa trí tuệ (Lửa Thái dương) với các lửa của vật chất.

4. We do not know what it would take to bring a Heavenly Man into a state of cosmic causal functioning. It is hard to think of Him as so far behind the Grand Heavenly Man, in this regard, as their causal bodies are *both* on the cosmic higher mental plane.

4. Chúng ta không biết cần điều gì để đưa một Đấng Thiên Nhân vào trạng thái hoạt động nguyên nhân vũ trụ. Thật khó nghĩ rằng Ngài lại tụt xa phía sau Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại về phương diện này đến thế, vì thể nguyên nhân của Các Ngài *đều* ở trên cõi thượng trí vũ trụ.

5. VSK asks: "Again do we note more similarity of man and the solar logos, than of man and the Heavenly Man?"

5. VSK hỏi: "Một lần nữa, chúng ta có nhận thấy sự tương đồng giữa con người và Thái dương Thượng đế nhiều hơn là giữa con người và Đấng Thiên Nhân chăng?"

6. VSK states: "Man and Solar Logos are concentrating on the mental and physical cosmic planes, whereas the Heavenly man is focused on the cosmic astral."

6. VSK phát biểu: "Con người và Thái dương Thượng đế đang tập trung vào các cõi trí và hồng trần vũ trụ, trong khi Đấng Thiên Nhân được tập trung trên cõi cảm dục vũ trụ."

7. It should be remembered in this context that our Planetary Logos is a cosmic initiate of the first degree working towards His cosmic second. Our Solar Logos, on the other hand, is (within His own stream of initiations) a cosmic initiate of the second degree, working towards His cosmic third.

7. Cần ghi nhớ trong bối cảnh này rằng Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là một điểm đạo đồ vũ trụ cấp độ thứ nhất đang tiến tới cấp độ vũ trụ thứ hai của Ngài. Mặt khác, Thái dương Thượng đế của chúng ta là (ở trong dòng điểm đạo riêng của Ngài) một điểm đạo đồ vũ trụ cấp độ thứ hai, đang tiến tới cấp độ vũ trụ thứ ba của Ngài.